ABHIDHAMMA PIṬAKA

VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

TẬP III: Chương VI-VII-VIII

CHƯƠNG VI: RŪPARAMAṬṬHA SAṄGAHA VIBHĀGO

TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC SIÊU LÝ

CHƯƠNG VII: SAMUCCAYA SAṄGAHA VIBHĀGO

TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TẬP YẾU

CHƯƠNG VIII: PACCAYASAṄGAHAVIBHĀGO PAṬICCASAMUPPĀDADĪPANĪ

TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI

(Khóa Trình Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị)

Tác Giả: VISUDDHI GUTTAJAYO / SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA

(Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ)

Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO

P.L. 2566 D.L. 2022

ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

TẬP III: Chương VI-VII-VIII

CHƯƠNG VI: RŪPARAMAṬṬHA SAṄGAHA VIBHĀGO
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC SIÊU LÝ
CHƯƠNG VII: SAMUCCAYA SAṄGAHA VIBHĀGO
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TẬP YẾU
CHƯƠNG VIII: PACCAYASAṄGAHAVIBHĀGO PAṬICCASAMUPPĀDADĪPANĪ
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
(Khóa Trình Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị)

Tác Giả: VISUDDHI GUTTAJAYO / SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA
(Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ)
Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO

P.L. 2566 D.L. 2022

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
By VISUDDHI GUTTAJAYO / SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

Volume III – Chapter VI-VII-VIII:
RŪPAPARAMAṬṬHA SAṄGAHA VIBHĀGO-
SAMUCCAYA SAṄGAHA VIBHĀGO
PACCAYASAṄGAHAVIBHĀGO
PAṬICCASAMUPPĀDADĪPANĪ

Edited into Vietnamese and first edition
By Bhikkhu PASĀDO
Copyright © 2022 by **Bhikkhu PASĀDO**
All rights reserved.
ISBN 979-888680349-5
July 2022

Published by Library of **CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA**
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Printed by Gorham Printing
3718 Mahoney Drive,
Centralia, WA 98531 – USA.

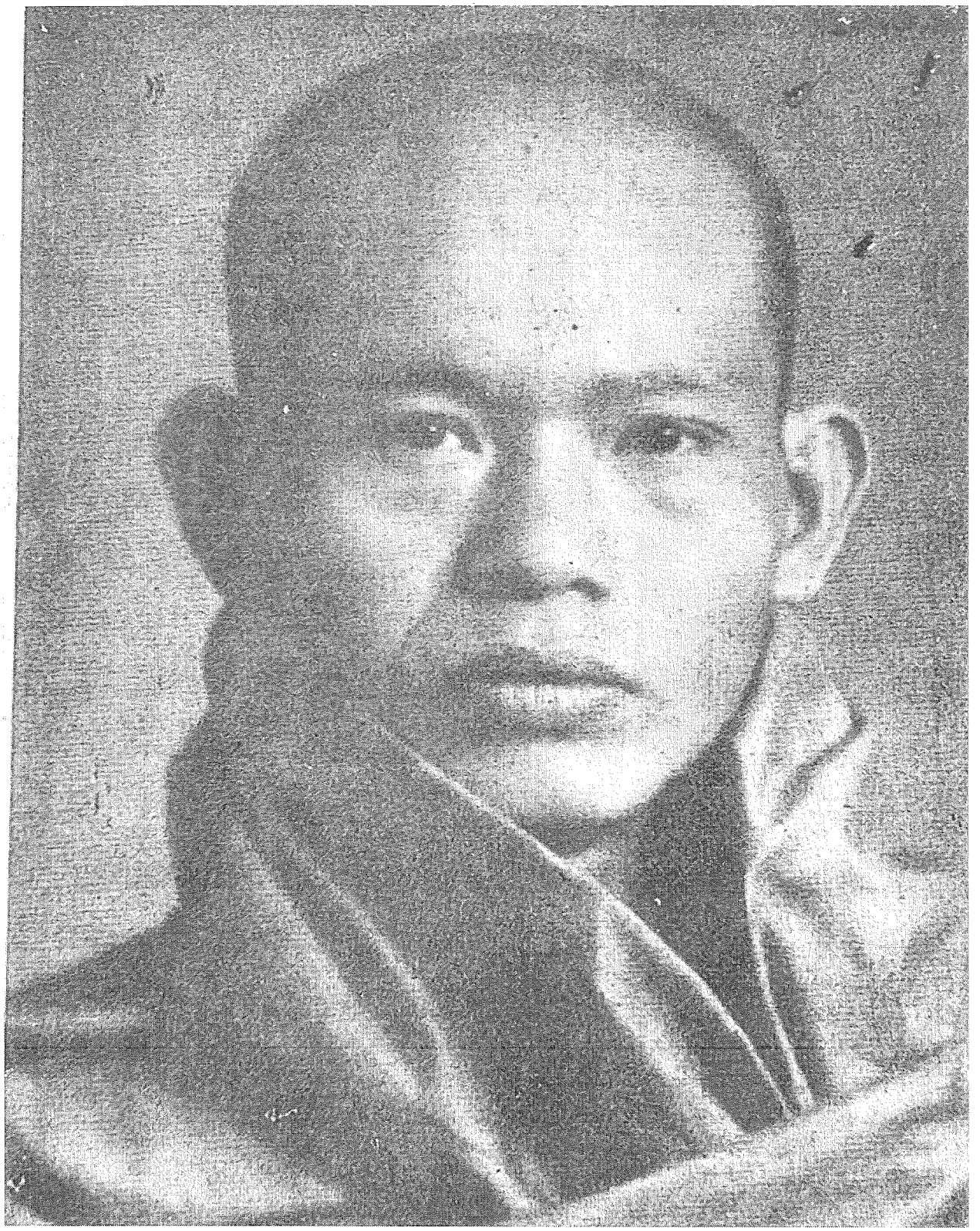

Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

(1912 – 1966)

SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

(1912-1966)

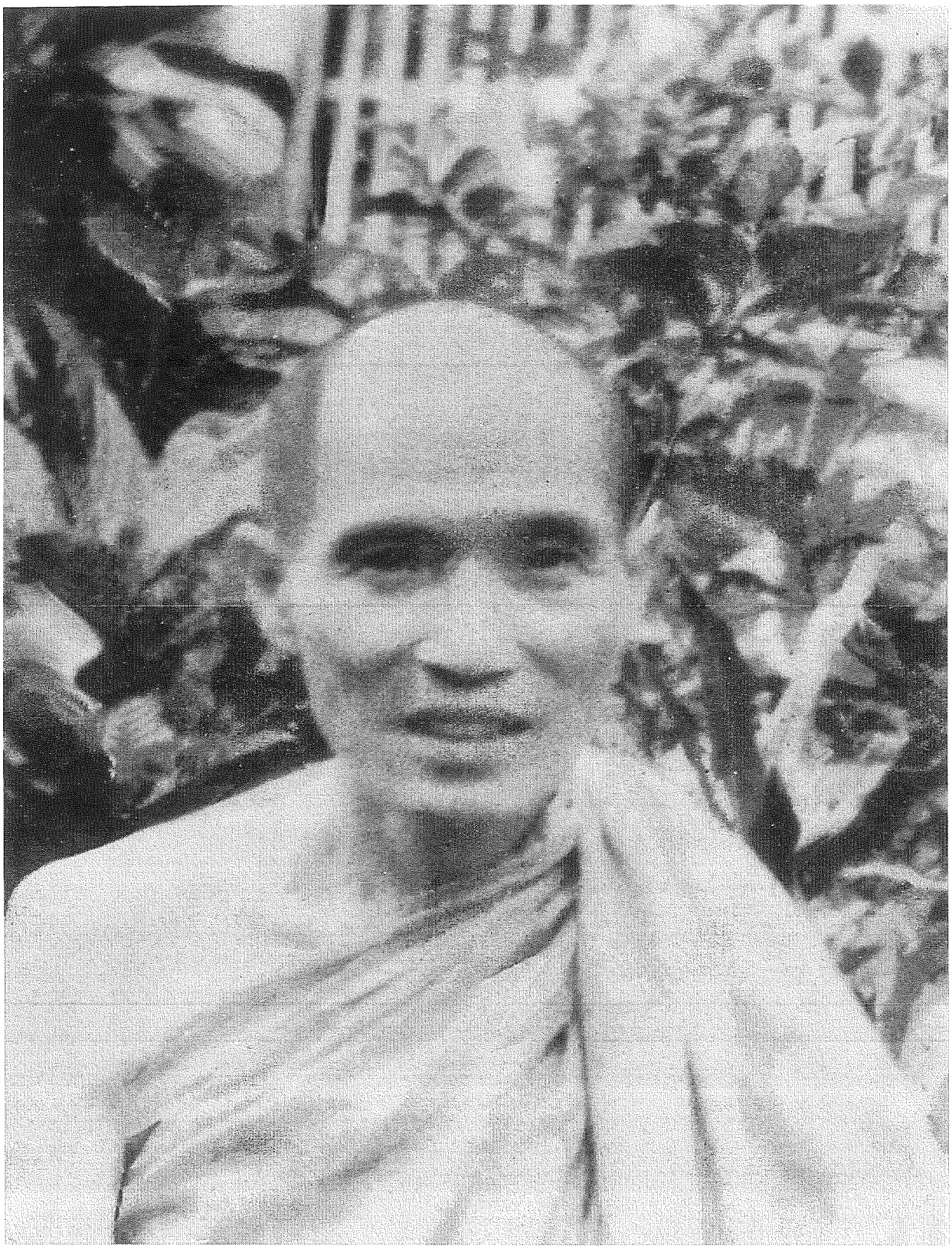

SANTAKICCO MAHĀ THERA
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự
(1913 – 1984)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU (Xuất Bản Lần Thứ Tám).....7
LỜI KHAI ĐOAN.....8
ĐIỀU LỆ TUẦN HÀNH TRONG VIỆC GIẢNG DẠY VÀ HỌC HỎI.....15
PHI LỘ (Đại Trưởng Lão Tịnh Sự).....19
VÔ TỶ PHÁP TẠNG THI TẬP.....20
RŪPAPARAMMAṬṬHA – SẮC PHÁP SIÊU LÝ 22
PHẦN THỨ NHẤT: PHẦN TỔNG LƯỢC SẮC PHÁP (RŪPASAMUDDESANAYA).....23
PHẦN THỨ HAI: PHẦN PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (RŪPAVIBHĀGANAYA).....49
PHẦN GIẢI THÍCH 50
- Phân Chia 28 Sắc Pháp Theo Việc Chia Ra Làm Thành 11 Đôi 51
- Tuần Tự Giải Thích Trong 11 Đôi Sắc Pháp 53

PHẦN THỨ BA: PHẦN XUẤT SINH XỨ SẮC PHÁP
(RŪPASAMUṬṬHĀNANAYA) 58
PHẦN GIẢI THÍCH 59
PHẦN THỨ TƯ: PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP (RŪPAKALĀPANAYA).....72
PHẦN GIẢI THÍCH 73
CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC (Kammajakalāpa 9).....74
BÁT TỔNG HỢP SẮC TÂM (Cittajakalāpa 8) 76
TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT (Utujakalāpa 4) 78
NHỊ TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC (Āhārajakalāpa 2) 79
PHẦN THỨ NĂM: PHẦN CHUYỂN KHỞI SẮC PHÁP
(RŪPAPAVATTIKKAMANAYA).....80
PHẦN GIẢI THÍCH 82
VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỔNG HỢP SẮC PHÁP SIÊU LÝ
(TẬP IV - CHƯƠNG THỨ SÁU) 95
NIBBĀNAPARAMATTHA - NÍP BÀN SIÊU LÝ 134
PHẦN GIẢI THÍCH 134
VẤN VÀ ĐÁP VỀ NÍP BÀN SIÊU LÝ 144
ĐẶC TÍNH CỦA BẬC HIỀN TRÍ (PAṆḌITA) 147
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP (TẬP III - CHƯƠNG THỨ VII)
SAMUCCAYASAṄGAHA – TỔNG HỢP TẬP YẾU 148
PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN 150
TỔNG HỢP BẤT THIỆN (AKUSALASAṄGAHA).....152
LỜI GIẢI THÍCH Ở TRONG TỔNG HỢP BẤT THIỆN.....157
TỔNG HỢP HỖN HỢP (MISSAKASAṄGAHA) 170
LỜI GIẢI THÍCH TRONG TỔNG HỢP HỖN HỢP.....177
TỔNG HỢP ĐẲNG GIÁC PHẦN (BODHIPAKKHIYASAṄGAHA).....186
LỜI GIẢI THÍCH Ở TRONG ĐẲNG GIÁC PHẦN.....193
TỔNG HỢP TẬN THỊ (SABBASAṄGAHA) 203
LỜI GIẢI THÍCH Ở TRONG TỔNG HỢP TẬN THỊ.....209
VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP TẬP YẾU

(CHƯƠNG THỨ VII – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP).....217
I. VẤN VÀ ĐÁP TRONG LỜI NÓI ĐẦU (ĀRAMBHAPADA).....217
II. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP BẤT THIỆN.....218
III. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP HỖN HỢP.....231
IV. VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỔNG HỢP ĐẲNG GIÁC PHẦN.....242
V. VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỔNG HỢP TẬN THỊ 253
LỜI MỞ ĐẦU.....266
PARAMATTHAJOTIKA – SIÊU LÝ QUANG MINH.....271
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI.....271
PHẦN I: PAṬICCASAMUPPĀDA (LIÊN QUAN TƯƠNG SINH).....271
Chương Thứ VIII – Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ.....273
LỜI THỆ NGUYỆN GIÁO THỌ SƯ ANURUDDHĀCARIYA.....273
Giải Thích Trong Kệ Ngôn Thệ Nguyện (Paṭiññā).....279
- Lợi Ích Được Đón Nhận Từ Việc Liễu Tri Danh Sắc Thể Theo Nhân Quả
Qua Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh Và Phát Thú.....283
I. AVIJJĀPACCAYĀ SAṄKHĀRA SAMBHAVANTI.....284
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Vô Minh Làm Duyên Hành (Avijjāpaccayā Saṅkhārā).....310
II. SAṄKHĀRAPACCAYĀ VIÑÑĀṆAṂ SAMBHAVANTI.....311
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Hành Làm Duyên Thức (Saṅkhārāpaccayā Viññāṇaṃ).....317
III. VIÑÑĀṆAPACCAYĀ NĀMARŪPAṂ SAMBHAVATI.....318
Giải Thích Trong Câu Chú Giải Danh Sắc.....319
IV. NĀMARŪPAPACCAYĀ SAḶĀYATANAṂ SAMBHAVATI.....323
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ (Nāmarūpapaccayā Saḷāyatanaṃ).....324
V. SAḶĀYATANAPACCAYĀ PHASSO SAMBHAVATI.....328
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Lục Xứ Làm Duyên Xúc (Saḷāyatanapaccayā Phasso).....331
VI. PHASSAPACCAYĀ VEDANĀ SAMBHAVATI.....333
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Xúc Làm Duyên Thọ (Phassapaccayā Vedanā).....336
VII. VEDANĀPACCAYĀ TAṆHĀ SAMBHAVATI.....337
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Thọ Làm Duyên Ái Dục (Vedanāpaccayā Taṇhā).....342
VIII. TAṆHĀPACCAYĀ UPĀDĀNAṂ SAMBHAVATI.....343

- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Ái Dục Làm Duyên Chấp Thủ (Taṇhāpaccayā Upādānaṃ).....370
IX. UPĀDĀNAPACCAYĀ BHAVO SAMBHAVATI.....371
- Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Chấp Thủ Làm Duyên Hữu (Upādānapaccayā Bhavo).....379
X. BHAVAPACCAYĀ JĀTI SAMBHAVATI.....381
Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu Hữu Làm Duyên Sinh.....383
Phương Thức Của Việc Thuyết Giảng.....400
- Giải Thích Trong Việc Phân Tích Chi Phần Từ
12 Liên Quan Tương Sinh Thể Theo Cả Tam Thời Kỳ.....403
Nhị Thập Hành Tướng (Vīsatākārā 20).....405
Tam Liên Kết (Sandhi 3).....406
Tứ Tóm Lược (Saṅkhepa 4).....407
- Việc Trình Bày Pháp Liên Quan Tương Sinh Thể Theo
Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhammabhājanīyanaya).....425
I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA).....425
II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA).....427
III. CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATAPADA).....428
MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC VỀ 24 DUYÊN.....430
Kệ Ngôn Tổng Hợp Trình Bày Đến Sáu Nhóm Duyên Hệ.....431
Kệ Ngôn Sau Cùng Trong Phương Pháp Phát Thú.....437
- Giải Thích Trong Phần Pāḷi Trình Bày Việc Phân Tích
Thể Theo Tuần Tự Về Danh Sắc Và Chế Định.....447
- VẤN HỎI TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM
VẤN HỎI TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH.....458
VẤN HỎI TRONG PHÁT THÚ (PAṬṬHĀNA).....469
VẤN HỎI TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI).....471
LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ).....472
CHƯƠNG THỨ TÁM-TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH(PAṬICCASAMUPPĀDA).....474
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP TỪ NƠI KINH TẠNG.....478
24 DUYÊN (24 PACCAYA).....488
24 HOẶC 47 DUYÊN CÙNG VỚI CHI PHÁP.....489
24 DUYÊN (THEO GIẢN LƯỢC) HOẶC 47 DUYÊN (MỘT CÁCH MÃN TÚC).....499
PHƯƠNG THỨC VIỆC THUYẾT GIẢNG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH.....509
NHỮNG LỢI ÍCH ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TỪ VIỆC THUYẾT GIẢNG.....510
VẤN VÀ ĐÁP TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM.....525

I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA).....650
II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA).....652
III. CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATAPADA).....653
VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHÁT THÚ (PAṬṬHĀNA).....656
VẤN VÀ ĐÁP TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI).....664
LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ).....672
PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP.....679
LỜI PHỤC NGUYỆN BIÊN TẬP VIÊN.....691
SÁCH DẪN.....694
PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG KINH SÁCH.....717
KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH 725

LỜI MỞ ĐẦU

(Xuất Bản Lần Thứ Tám)

Giáo khoa thư Siêu Lý Quang Minh **(Paramaṭṭhajotika)** với Chương thứ 1, thứ 2 và thứ 6 gồm **Tâm (Citta), Tâm Sở (Cetasika), Sắc Pháp (Rūpa)** và **Níp Bàn (Nibbāna)** là giáo khoa thư tiên khởi mà bậc học giả Vô Tỷ Pháp sẽ được nghiên cứu học hỏi. Chương trình đào tạo trong hạng bậc này đã được coi như làm thành nền tảng Giáo Pháp rất trọng yếu. Với người có sự mong mỏi để sẽ thấu hiểu được ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp thì càng cần phải có sự thấu hiểu cùng với sự ghi nhớ thật vi diệu, tương đương với Trí Tuệ của bậc học giả đã có được thực hiện vậy; vì rằng nền tảng Giáo Pháp mà sẽ nghiên cứu ở trong các hạng bậc cao hơn tiếp nối theo đấy, thì đa phần cũng sẽ phải nói đến các vấn đề của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn này vậy.

Còn về một khía cạnh khác nữa, là một khi bậc học giả đã có được nghiên cứu học hỏi một cách tốt đẹp rồi, thì cũng nên vận dụng nền tảng Giáo Pháp dắt dẫn vào việc trau giồi tu tập Pháp Hành, ngõ hầu rèn luyện thúc liễm tâm thức của mình để không phải bị rơi vào phía đạo lộ thấp hèn ty liệt; vì nhỡ như bậc học giả không có khả năng thúc liễm tâm thức của mình để cho phải bị rơi về phía con đường ty liệt, ấy là tham lam, sân hận, lầm lạc thì hạng người ấy chẳng khác nào với cái vá mà chẳng biết được hương vị của canh vậy. Mong rằng quyển giáo khoa thư này sẽ chỉ dẫn đạo lộ cho bậc học giả được kiến tập xuyên suốt sự an vui sự tiến hóa trong Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Xin **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** với Trưởng Lão cùng với tập thể ở trong việc xuất bản quyển giáo khoa thư này. Xin cho Trưởng Lão có được sự an vui, sự tiến hóa, tư duy nghĩ tưởng đến bất luận điều thích hợp nào với Giáo Pháp thì xin cho điều ấy được thành tựu viên mãn vẹn toàn; và cuối cùng xin cho Trưởng Lão được thành đạt đến Đạo Quả Níp Bàn ở trong thời vị lai cận đại này.

Đại Trưởng Lão **Dhammakāmo Mahā Thera**
Vụ Phó Vụ Chuyên Tu Pháp Hành
Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp

LỜI KHAI ĐOAN

(Đại Trưởng Lão Saddhammajotika Dhammācariya)

Jānitabbaṃ pajānāti Desitabbaṃ pi āsayaṃ
Desako yena ñāṇena Desetu tassa tejasā

Bậc Chánh Đẳng Giác, là bậc đã lập ý khải thuyết Chánh Pháp, là bậc đã lập ý toàn tri đến **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma),** Đức Phật đã ứng đương khải thuyết với nhiều phương cách, cho đến liễu tri thấu suốt cả tâm tính tập khí của nhiều Chúng **Hữu Tình Khả Thuần Phục (Veneyyasatta);** xin cho bất luận mãnh lực nào của cả ba mãnh lực **Toàn Giác Trí (Sabbaññutañāṇa)** ấy, hỗ trợ ban phát cho Đệ Tử Đức Phật phát sinh Trí Tuệ thậm thâm ngõ hầu có khả năng sẽ soạn tác bộ Kinh điển này cho được thành tựu một cách viên mãn.

Toàn Giác Trí của Bậc Chánh Đẳng Giác có ba thể loại mãnh lực, ấy là:

1. Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhamma): Toàn tri Giáo Pháp khả khải thuyết phổ truyền phổ cập, tức là năm trường hợp **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyya dhamma).** [Đức Phật lập ý dạy bảo cho người hữu duyên được nghe, được hiểu biết những Pháp cao siêu, và sớm nhận thức chân như thực tính các Pháp đáng hiểu biết, đáng nhận thấy.]

2. Phương Quảng Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhammapakāra): Toàn tri trong việc thuyết giảng Giáo Pháp thành nhiều từng phần từng đoạn **(Tuần Tự Giáo Pháp),** tức là có khả năng thuyết giảng một cách tuyệt hảo, phương quảng, ngay ở trong cùng một đề tài. [Đức Phật lập ý giảng dạy bảo Giáo Pháp hữu lý đến với người hữu duyên được nghe, ngõ hầu có thể liễu tri đặng tầm cầu Pháp Chân Đế.]

3. Khả Tử Giáo Đạo Giả (Veneyyajjhāsaya): Toàn tri tâm tính tập khí của Chúng **Hữu Tình Khả Thuần Phục (Veneyyasatta)** phổ cập rằng Giáo Pháp nào sẽ thích hợp và làm thành hữu ích đối với nhóm người nào, thì cũng sẽ nêu lên những điều Pháp ấy ra giảng giải để cho thích hợp đối với tâm tính tập khí của nhóm người ấy. [Đức Phật lập ý giảng dạy đặc biệt phi thường đến với người hữu duyên, một khi đã thực hành theo Pháp Học - Pháp Hành thì hằng luôn đặng kết quả lợi ích.]

Do bởi Toàn Giác Trí có cả ba mãnh lực như đã được đề cập đến ở tại đây, và cũng chính vì lý do này mà một khi Đức Phật đang khi thuyết giảng thì tất cả hàng Phật Tử có được chú ý lắng nghe Chánh Giáo Pháp khải truyền của Đức Phật ở ngay trong sát na ấy, thì ai ai cũng đều được chứng đắc Đạo Quả, ước tính thành số lượng mười triệu, và kể ra Toàn Giác Trí đây quả là hữu ích một cách thù thắng đối với tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này.

Người soạn tác kinh điển, hoặc người hướng dẫn giảng giải về **Pháp Học (Pariyatti dhamma)** gồm Luật Tạng, Kinh Tạng, Vô Tỷ Pháp Tạng, và **Pháp Hành (Paṭipatti dhamma)** là **An Chỉ (Samatha) - Minh Sát Tuệ (Vipassanā),** hoặc người đã là bậc **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)** có nhiệm vụ thuyết giảng Giáo Pháp đối với tất cả những Hội

Chúng để dẫn đến khởi sinh đức tin và đồng thời tịch diệt các **Pháp Triền Cái (Nīvaraṇa)**; hết cả thấy toàn là những công việc có liên quan đến việc kiến tạo **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)**, và luôn cả làm thành sự việc trọng yếu ở trong việc sẽ bảo toàn Phật Giáo cho được tồn tại và tăng trưởng tiến hóa. Vì thế, cả ba nhóm người này thiết yếu sẽ cần phải có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí này vừa theo thích hợp để sẽ có được.

1. Cả ba nhóm người đã vừa đề cập đến rồi đây, sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí đấy, tức là những nhóm người ấy thiết yếu sẽ cần phải được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ nhất vậy.

2. Chương trình đào tạo các học khóa đã được nghiên cứu học hỏi một cách hoàn mãn rồi đấy, sẽ phải là việc nghiên cứu học hỏi đã được lắng nghe lời giải thích tỷ giáo, so sánh ẩn dụ, và suy xét từng các ý nghĩa từ ở nơi vị Giáo Thọ có nền tảng luận chứng và trí đức tốt đẹp mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ hai vậy.

3. Khi đã được nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn, luôn cả đã được lắng nghe các lời giải thích tốt đẹp rồi đây, sẽ cần phải liễu tri đến các hành động và việc nói năng của tất cả mỗi con người hiện hành theo **Thực Tính (Sabhāva)** vì rằng các hành động và việc nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo đấy; rằng khi tính theo Cảnh, Lộ Trình, Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết thì có sự khác biệt với nhau. Cho dù quả thật có sự khác biệt nhau đi nữa, tuy nhiên các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện ở phần cực vi tế lại na ná tương tự với các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo ở bên phía thiện hảo; vì thế, cả ba nhóm người này sẽ cần phải thấu hiểu tường tận đến sự khác biệt với nhau:

• Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tham Lam (Lobha)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tín Niệm (Saddhā), Vô Sân (Adosa), Hoan Hỷ (Muditā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

• Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Sân Hận (Dosa)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tàm Quý (Hiri – Ottappa), Bi Mẫn (Karuṇā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

• Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tà Kiến (Diṭṭhi), Hoài Nghi (Vicikicchā), Tật Đố (Issā)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Chánh Ngữ (Sammāvācā), Chánh Nghiệp (Sammākammanta), Chánh Mạng (Sammāājīva), Trí Tuệ (Paññā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

• Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Si Mê (Moha), Ngã Mạn (Māna), Hôn Trầm Thùy Miên (Thīna Middha)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Vô Tham (Alobha), Vô Sân (Adosa), Trung Gian (Tatramajjhattatā), Bi Mẫn (Karuṇā), Trí Tuệ (Paññā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế; như vậy v.v. mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ ba vậy.

Nếu như không có được hiện hành theo như điều đã vừa đề cập ở tại đây, thì người ấy sẽ không có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực, mà có thể chỉ có Trí Tuệ ở thể loại thông thường. Vì lý do này, đa phần các việc nghĩ suy, việc thuyết giảng, và việc soạn tác các kinh điển, sẽ thiên hướng đi theo đường lối **Tư Kiến (Attanomati),** sẽ xa rời những lời Phật Ngôn, Chú Giải và Phụ Chú Giải. Một khi đã là như vậy, thì người đã được thụ lãnh việc đào tạo (Học Giả), hoặc người đã được đọc (Độc Giả), hoặc đã được lắng nghe các loại kinh điển từ các vị này rồi (Thính Giả); mà nếu nhỡ như phát sinh đức tin trong các lời nói ấy, thì cũng giống như người phải bệnh sốt lại đón nhận thuốc lầm, và quả thật là vô cùng đáng tiếc; vì rằng người đã được thụ lãnh việc đào tạo, hoặc đã được đọc, hoặc đã được lắng nghe từ các loại kinh điển này, sẽ chẳng thể nào có được sự liễu tri đến những lời Phật Ngôn và Chú Giải một cách rõ ràng.

Và nếu như cả ba nhóm người này **[Soạn Tác Giả (Ganthakāra), Giảng Thuyết Giả (Ganthavācaka)** và **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)]** có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí vừa theo thích hợp như vậy rồi; thế là kinh điển của các vị ấy soạn tác, hoặc Pháp Học hoặc Pháp Hành mà các vị ấy hướng dẫn giảng giải, hoặc Giáo Pháp mà các vị ấy đang thuyết giảng, nhất định hẳn là vô cùng hữu ích đến với người đã được đọc, đã được học, và đã được lắng nghe, thì cũng giống như bệnh nhân mà đã được dùng đúng bài thuốc hay vậy.

Với mãnh lực Thiện Tâm, Bần Đạo đã truy niệm nghĩ tưởng đến Ân Đức của Toàn Giác Trí, do vậy, nguyện cho cả ba trường hợp mãnh lực này hiện hữu ở trong nội tâm bản tánh của Bần Đạo vừa theo thích hợp, và xin được hiện khởi lên ngay ở trong sát na đang soạn tác kinh điển, để cho quyển kinh sách này được thành tựu một cách viên mãn, và sẽ được làm thành lợi ích đến với người nghiên cứu học hỏi quyển kinh sách này.

Lại nữa, trong **Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)** phối hợp với cả ba Tạng là **Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Tạng Kinh (Suttantapiṭaka)** và **Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapiṭaka)**; trong những cả ba Tạng này mà nếu nhỡ như chỉ có việc dịch thuật **Pāḷi** ngữ, và lời giải thích đặc biệt chỉ có mỗi một Tạng Kinh ở trong các quốc độ ấy, thế thì cũng sẽ có việc giảng dạy việc học hỏi duy nhất chỉ mỗi một Tạng Kinh ấy thôi; và sẽ không có được việc giảng dạy việc học hỏi ở trong cả hai Tạng còn lại, ấy là Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp. Một khi đã là như vậy thì sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử; bởi vì tất cả những hàng Phật Tử ấy, chỉ có mỗi một bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh, và sẽ thiếu mất đi việc rèn luyện kỷ cương về Thân về Lời, luôn cả mất đi đức tin và sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo; và rặt chỉ có **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna), Tà Kiến (Diṭṭhi),** khinh miệt bỉ báng đến Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp mà chính đấy cũng là những Phật Ngôn. Và đấy cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Nếu ngặt như lời dịch thuật và lời giải thích mà duy nhất chỉ có hai Tạng Kinh và Tạng Luật này thôi, và chẳng có lời dịch thuật và lời giải thích ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp như vậy rồi ở trong các quốc độ ấy; thế thì cũng chỉ có việc giảng dạy và việc nghiên cứu học hỏi đặc biệt chuyên ở trong Tạng Kinh và Tạng Luật này thôi, và như thế, việc nghiên cứu học hỏi

trong Tạng Vô Tỷ Pháp chẳng thể nào có cơ hội khởi sinh lên được. Một khi đã là như vậy, thì cũng sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử, bởi vì tất cả những hàng Phật Tử ấy sẽ cùng rủ nhau chỉ lo bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh và trong việc rèn luyện kỷ cương về Thân về Lời, nhằm chỉ để tôn thêm sự xinh đẹp dáng vẻ diện mạo ở bên ngoài; còn về phía nội tâm bản tánh là phần ở bên trong thì lại thiếu mất đi đức tin, sự tín ngưỡng chẳng có được vững chắc ở trong tôn giáo của mình; vả lại chỉ có tà kiến thấy sai chấp lầm, chỉ có ngã mạn chấp thủ tôi ta, và khinh miệt bỉ báng trong Tạng Vô Tỷ Pháp này. Và đấy cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Vì thế, ở quốc độ nào nếu có được lời dịch thuật và lời giải thích ở trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn đầy đủ, thì tất cả các hàng Phật Tử ở trong quốc độ ấy, cũng sẽ có được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn đầy đủ. Một khi đã là như vậy, thì tâm trí của những hàng Phật Tử này sẽ được phối hợp với đức tin, sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo của mình một cách vững chắc bất thối chuyển, chẳng có tâm trí nghiêng ngã trong các đạo giáo khác; và luôn cả các đạo giáo ấy cũng không thể nào len lỏi xen lẫn vào, hoặc phá hại đức tin, sự tín ngưỡng của tất cả các hàng Phật Tử ấy được. **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi), Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi), Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** cả ba Tà Kiến này cũng không thể nào khởi sinh lên được, mà có thể thì chỉ có **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi),** đấy chỉ là loại Tà Kiến thông thường.

Ayāthāvamāna sự kiêu mạn bất hợp, và **Yāthāvamāna sự kiêu mạn thích hợp một cách thô thiển** cũng không có thể khởi sinh lên được; và nếu có, chỉ có thể là **Yāthāvamāna sự kiêu mạn thích hợp thuộc loại vi tế.** Vả lại, cả **Tư Tiền (Pubbacetanā), Tư Hiện (Muñcacetanā),** và **Tư Hậu (Aparacetanā)** liên quan với việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập của tất cả các hàng Phật Tử ấy, cũng sẽ là loại **Tư Tâm Sở (Cetanā)** tịnh hảo, thanh tịnh và chân chánh; tránh xa khỏi Bất Thiện Pháp sẽ len lỏi xâm nhập vào trong cả ba Tư Tâm Sở ấy vừa theo thích hợp. Và đấy cũng chính là ân đức ích trí phát sinh từ ở nơi việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Một khi kết luận lại, với việc nghiên cứu học hỏi ở trong cả ba Tạng này, thì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã được xếp vào việc học hỏi mang lại rất nhiều lợi ích. Tất cả sự việc này, là cũng vì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã góp phần hỗ trợ, giúp đỡ sách tấn cho việc học hỏi trong cả hai Tạng còn lại, loại trừ đi tri kiến sai lầm và đã làm cho phát sinh lên chánh tri kiến; rằng tri kiến của mình đã được thụ lãnh từ việc nghiên cứu học hỏi Tạng Kinh ấy, thì chẳng thể nào chỉ bằng ấy đủ làm cho phát sinh lợi ích đặc biệt trong việc tự lập thân tác thành cơ nghiệp trong kiếp hiện sinh này, mà đó chỉ làm cho có tri kiến trong việc cư xử đối đãi với nhau ở cả hai phía tốt và xấu, để rồi sẽ xa lánh đi khỏi sự xấu ác, và sẽ sinh sống theo đường lối tốt đẹp tuần tự kể từ bậc thấp cho đến bậc cao, ngõ hầu cho được thành tựu lợi ích về bản thân và lợi ích cho quý Ngài, luôn cả trong kiếp sống này và kiếp sống vị lai.

Và tri kiến phát sinh từ việc học hỏi Tạng Luật, cũng chẳng phải chỉ nhằm để cho việc rèn luyện kỷ cương về Thân về Lời một cách viên mãn trong việc giao tiếp ở những nơi trọng

yếu, hầu để tôn thêm sự xinh đẹp dáng vẻ diện mạo ở bên ngoài, mà lập ý chỉ nhằm cho Thân và Lời ấy được thanh tịnh; và ngõ hầu cho bản thân chẳng phải bị thụ lãnh sự ưu não khốn khổ, hoặc tha nhân phải thụ lãnh sự khốn khổ bởi do dựa vào Thân và Lời của ta.

Điều này một khi sẽ nêu lên tỷ dụ để so sánh, thì **Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như rễ cái, Tạng Luật được ví như thân cây, và Tạng Kinh được ví như cành nhánh của thân cây**. Hoặc một trường hợp khác, nếu sẽ tỷ dụ để sánh với cơ thể, thì **Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như trái tim, Tạng Luật được ví như sinh mạng, và Tạng Kinh được ví như các chi phần của thân thể.**

Chính vì thế, Bần Đạo đã lập khởi việc giảng dạy vào mỗi ngày về Tạng Vô Tỷ Pháp đến với tất cả các vị học giả kể từ Phật Lịch 2492 (Dương Lịch 1950) tại Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp **Chung Cáo Thị Tu Viện (Rakkhaṅghositārāma)** tỉnh lỵ **Dhonburi** trở đi cho đến Phật Lịch 2509 đây, thì Bần Đạo đã vừa giảng dạy các kinh điển và luôn cả với việc soạn tác các kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp. Ngay hiện giờ, kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp đã được liệt kê cho việc biên soạn và sẽ đặng làm thành tựu một cách mau chóng cho chương trình đào tạo các học khóa đây, thì đã có được 25 quyển kinh rồi.

Theo chỗ Bần Đạo đã vừa đề cập đến ở tại đây, chẳng phải là việc nói dưới hình thức để mà khoe khoang khoác lác. Bần Đạo chỉ có lập ý để cho tất cả các hàng Phật Tử đã có sùng tín ở trong Phật Giáo được thấu hiểu đến mục đích của Bần Đạo một cách chân thực rằng Bần Đạo đã phải thụ lãnh sự vất vả cả về thể xác lẫn tinh thần chẳng phải là không ít. Vả lại khi việc soạn tác kinh điển đã được xong xuôi rồi, kế đến sẽ là việc sắp xếp in ấn cho thành quyển kinh sách để lên **Bảo Tháp Pháp Bảo (Dhammacetiya – Kho tàng kinh các)** thì việc sắp xếp in ấn cho được thành tựu cũng quả là khó khăn. Vì lẽ tất cả các hàng Phật Tử vẫn chưa có được ưa thích nghiên cứu học hỏi ở trong trình độ Giáo Pháp này, và cũng có một vài người có sự hiểu biết sai lầm rằng quyển Kinh Pháp ấy là kinh sách để cho người ưa thích in ấn và phân phát trong các tang lễ ma chay, chẳng cần thiết để sẽ bỏ vốn đầu tư cho việc tạo dựng hoặc cho việc mua bán. Vì lý do này, việc in ấn và xuất bản giáo khoa thư Vô Tỷ Pháp cho được thành tựu viên mãn thể theo chương trình đào tạo các học khóa đấy, cũng quả là công việc vô cùng khó khổ.

Lại nữa, trong việc soạn tác các kinh điển ấy, cũng chẳng phải là công việc được thực hiện một cách dễ dàng, vì lẽ Bần Đạo chẳng phải là người Thái. Việc viết ra Thái Ngữ ắt hẳn không thể nào tự bản thân Bần Đạo làm được. Do bởi lý do ấy, mới cần phải có người phụ viết, mà người phụ viết này quả là vô cùng trọng yếu và tìm kiếm rất là khó khăn. Vì lẽ người sẽ phụ giúp ấy, chẳng phải chỉ có đơn thuần với việc viết ra y theo lời dạy bảo của Bần Đạo không thôi, mà người phụ viết kinh điển thiết yếu sẽ phải là:

1. Người có tri kiến túc dụng ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp,

2. Người ấy phải có đủ niềm tin chân thực, phải thực kham nhẫn và phải thực siêng năng,

3. Người ấy phải có kiến thức ở trong lãnh vực Thái ngữ vừa đủ thích hợp,

4. Người ấy phải có đủ cơ hội để sẽ làm được công việc.

Người đã hội đủ các đặc tính như vừa đề cập ở tại đây mới sẽ thành người phụ viết kinh điển được. Nếu chẳng là như thế, thì công việc bất thành. Sự kiện này, Bần Đạo đã từng chỉ dẫn cho rất nhiều người phụ viết rồi, có cả hàng cư sĩ tại gia và luôn cả bậc xuất gia, có cả hàng nam giới và luôn cả các vị nữ nhân. Thoạt lúc ban đầu đã có được chỉ dẫn cho hàng xuất gia, ấy là các vị Tăng Sinh Vô Tỷ Pháp để cho làm người phụ viết; thế nhưng kết quả đón nhận lại chẳng thành công. Bởi vì có một vài vị chẳng hội đủ khả năng, có một vài vị thì hội đủ khả năng nhưng lại thiếu sự kham nhẫn và chăm chỉ siêng năng, một vài vị lại có những công việc lo lắng riêng tư; chính vì thế, mới làm cho công việc không được trôi chảy suôn sẻ, và như thế sự giúp đỡ có thể chỉ là chút ít và nho nhỏ mà thôi. Đến giai đoạn nối tiếp, thì đã có chỉ dẫn cho nam học viên để làm người phụ viết, và kết quả thành tựu cũng tương tự chỉ là phần nhỏ nhoi, cũng không có khả năng làm cho công việc được tiếp diễn phát triển. Với lý do này, Bần Đạo mới tuyển chọn rất nhiều bậc học giả hội đủ kiến thức và khả năng để sẽ hỗ trợ ở trong công việc phụ giúp cho việc viết kinh điển này của Bần Đạo mãi cho đến Phật Lịch 2503 thì đã mang lại kết quả viên mãn một cách tốt đẹp. Đó là 25 quyển kinh điển liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp, và 5 quyển giáo khoa thư liên quan với việc diễn thuyết và thuyết giảng Giáo Pháp đây, phần lớn cũng do nhờ vào các bậc học giả có đức tin, là người lèo lái dẫn tới sự thành tựu cho Bần Đạo. Sự kiện này trình bày cho thấy rằng trong khoảng thời gian đang tiến hành công việc đấy, Bần Đạo đã phải đón nhận rất nhiều sự vất vả khó nhọc cả về thể xác lẫn tinh thần.

Cho dù chỉ có một mình Bần Đạo phải vất vả khó nhọc như thế nào đi nữa, tuy nhiên đã làm cho biết bao nhiêu người khác với số lượng đông đảo được đón nhận sự lợi ích và sự hạnh phúc ở trong kiếp hiện tại này và kiếp vị lai thì Bần Đạo cũng hoan hỷ đồng ý đón nhận với mọi trường hợp vất vả ấy; và chẳng nghĩ tưởng đến điều nào khác, chỉ ngoài ra sẽ còn nỗ lực khuyến khích cho tất cả các bậc học giả có đức tin, có sự sùng tín trong Tạng Vô Tỷ Pháp đến để phụ giúp với nhau cho việc sáng tạo ra các kinh điển ngõ hầu thành tựu viên mãn; để cho làm thành giáo khoa thư ở trong các chương trình đào tạo các học khóa của Phật Giáo; và cho làm thành lợi ích đến với tất cả các bậc học giả Tạng Vô Tỷ Pháp ở thế hệ nối tiếp; và chính vì sự nghiệp kiến tạo Thập Pháp Toàn Thiện (Thập Ba La Mật) vừa theo điều kiện thích hợp sẽ được thành tựu với mọi trường hợp.

Quyển kinh sách này là giáo trình đào tạo đặc biệt dành cho các Học Viên thuộc Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam. Và việc sắp đặt phần Vấn Đáp để ở trong quyển kinh sách này, là cũng vì lợi ích đến với các vị Giáo Thọ thực hiện việc giảng dạy, luôn cả đến với các Học Viên đang khảo cứu học hỏi sẽ được học hỏi nghiên cứu các phần Vấn Đáp này. Vì lẽ khi đến thời kỳ thi cử thì sẽ sắp xếp chọn lấy những câu hỏi đã được đặt để ở trong quyển kinh sách này, đem ra làm bài thi viết với cả 10 điều; cùng với lời giải đáp cũng được viết ra một cách rõ ràng. Còn 5 câu hỏi khảo hạch ấy, là cũng được sắp xếp chọn lấy từ những lời giải thích đã thiết lập ở phần trên, đem ra làm bài thi khảo hạch. Tất cả sự việc này cũng nhằm đem lại lợi ích đến với tất cả các vị Học Viên ấy vậy.

Về việc giảng dạy và việc khảo thí ở trong Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp Chung Cáo Thị Tu Viện tại tỉnh lỵ **Dhonburi**, gồm có 9 Lớp dành cho Học Viên và 6 Lớp dành cho bậc Giáo Thọ.

Có 9 Lớp Dành Cho Học Viên, đó là:

1. Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Cūḷābhidhammika), kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 6.

2. Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 3 – 7.

3. Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ (Dhammasaṅgiṇīsarūpatthanissaya).**

4. Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Majjhimābhidhammika), kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 5.

5. Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ pháp, Chương thứ 8 – 9.

6. Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Nguyên Chất Ngữ (Dhātukathāsarūpatthanissaya).**

7. Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Mahābhidhammika), kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm I (Yamakasarūpatthanissaya).**

8. Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm II – III (Yamakasarūpatthanissaya).**

9. Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thú (Mahāpaṭṭhānasarūpanissaya).**

Có 6 Lớp Dành Cho Giáo Thọ, đó là:

1. Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Abhidhammakathika), kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 3 cùng với cả lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

2. Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5 – 6 – 7 cùng với lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

3. Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 8 – 9 cùng với lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

4. Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Abhidhammācariya), kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ và Nguyên Chất Ngữ.**

5. Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối Phẩm 1 – 2 – 3.**

6. Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thú,** và Văn Phạm **Pāḷi** Ngữ trong phần dịch thuật Chú Giải Kinh Pháp Cú.

Việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, là chẳng phải chỉ có duy nhất mỗi một bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, mà lần lượt vẫn còn có nhiều bộ Kinh điển khác nữa với

nội dung vô cùng vi tế; được tính kể từ Bộ **Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅgiṇīpakaṇa)** trở đi cho đến Bộ **Kinh Song Đối (Yamakapakaraṇa)** và Bộ **Kinh Đại Phát Thú (Mahā paṭṭhānapakaraṇa)**. Đối với Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đó chỉ là Bộ Kinh làm thành nền tảng của 7 Bộ Kinh Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, nếu như chỉ chuyên học hỏi ở mỗi một Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này không thôi, thế rồi việc liễu tri nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp và sự thấu hiểu ở trong Thực Tính Pháp cho được thậm thâm uyên bác, ắt hẳn không thể nào hiện hành như ý được. Một trường hợp khác nữa, đang khi học hỏi ở Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đấy, bậc học giả cũng nên học hỏi luôn ở trong phần Chú Giải, Phụ Chú Giải cùng với cả phần Vấn – Đáp. Vả lại, nếu như bậc học giả đã có sự hiểu biết ở trong hết cả 9 Chương Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này một cách tốt đẹp rồi, thì người ấy ắt hẳn có khả năng để nghiên cứu trong Tạng Vô Tỷ Pháp ở trình độ cao hơn, như có **Mẫu Đề Tam Pháp Tụ (Dhammasaṅginīmātikā)** v.v. cho đến bộ Kinh Đại Phát Thú quả là thuận lợi vô cùng. Một khi đã có sự hiểu biết trong các Bộ Kinh ở trình độ bậc cao, thế rồi ắt hẳn sẽ có được sự liễu tri đến **Nghĩa Vị (Attharasa)**, và **Pháp Vị (Dhammarasa)** trong Phật Giáo, luôn cả còn có được **Sở Năng (Indriya)** bền vững kiên cường ở trong Phật Giáo, chẳng có run sợ nao núng trong kiếp hiện tại này và cả ở kiếp vị lai, cho suốt trọn đến chứng đạt được **Giải Thoát Vị (Vimuttirasa)**, thành tựu viên mãn **Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhiñāṇa)**, **Tuệ Độc Giác (Paccekabodhiñāṇa)**, và **Tuệ Thinh Văn Giác (Sāvakabodhiñāṇa)** y theo sở nguyện của mình.

Giáo khoa thư giảng giải ở Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam đã được sắp xếp xuất bản lần thứ 4 này đấy, là cũng nhờ vào năng lực tịnh tài từ ở tất cả các Học Viên, có cả hàng Tại Gia và Xuất Gia, đã hỗ trợ giúp đỡ với nhau trong việc kiến tạo lên các giáo khoa thư cho được làm thành số lượng phong phú.

Vì thế, Bần Đạo xin được **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** trong Tư Tâm Sở Thiện của tất cả các Học Viên, và luôn cả với việc đóng góp tịnh tài để kiến tạo lên các giáo khoa thư này của các quý vị. Xin cho mãnh lực Tư Tâm Sở Thiện của các quý vị đây, hãy ban phát hồng phúc đến cho tất cả từng mỗi quý vị được thành tựu viên mãn ở trong Giáo Pháp thanh tịnh của Bậc Chánh Đẳng Giác.

ĐIỀU LỆ TUÂN HÀNH TRONG VIỆC GIẢNG DẠY VÀ VIỆC HỌC HỎI

Tất cả các vị Giáo Thọ Tạng Vô Tỷ Pháp và các bậc học giả nên thấu hiểu điều lệ tuân hành của việc giảng dạy và việc học hỏi, như vầy:

+ Bậc Giáo Thọ giảng dạy cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Phải cho tất cả các học viên thực hiện việc đọc các bài học đấy cho được ghi nhớ trước đi.

2. Bài học nào có phần đoạn văn **Pāḷi** và lời dịch thuật, thì cũng cần nên giải thích một cách tóm tắt các lời dịch thuật ấy từ ở đoạn văn **Pāḷi** ngữ này cho các học viên được thấu hiểu,

và phải cho các học viên đọc tới đọc lui một cách chuẩn xác cho đến nhuần miệng những phần **Pāḷi** ngữ từ các lời dịch thuật ấy.

3. Khi các học viên đã thực hiện việc đọc các bài học ấy một cách thật chuẩn xác rồi, thì cũng cần nên giải thích nội dung các bài học ấy cho các học viên được thấu hiểu rõ ràng.

4. Khi các học viên đã được lắng nghe lời giải thích rồi, thì cũng cần nên cho các học viên ấy đọc lại các lời đã được giải thích.

5. Nên tạo cơ hội cho đến với các học viên có được cơ hội vấn hỏi những ý nghĩa mà vẫn chưa được thấu hiểu.

6. Phải nêu lên các điều ẩn dụ trong những ý nghĩa mà các học viên đã vừa vấn hỏi.

7. Tiếp nối từ đây, bấy giờ cũng cần nên đặt vấn đề vặn hỏi những ý nghĩa đang được giảng dạy, nhằm để cho tất cả các học viên sẽ giải đáp các vấn đề ấy. Khi các học viên vẫn chưa giải đáp trúng vấn đề đã được nêu lên, thì cũng cần phải hướng dẫn, chỉ bảo và giải thích các vấn đề ấy cho đến các học viên.

8. Về việc hướng dẫn chỉ bảo, thì cũng cần phải chỉ bảo đặc biệt chỉ ở trong các chuẩn mực đã được xác lập, không nên giải thích cho ra ngoài phạm vi của các nền tảng Giáo Pháp.

9. Phải nghiêm khắc dự phòng trong việc nêu ra câu hỏi chi tiết của các học viên, để ngăn ngừa không cho các học viên lấy các luận điểm ở ngoài đề tài đem ra để vấn hỏi.

10. Khi việc giảng dạy đã trải qua đủ một tuần, thì cũng cần phải đặt vấn đề đến với tất cả các học viên khoảng độ 10 điều ở trong bài học mà đã được giảng dạy suốt trọn một tuần lễ đấy; và cũng trong ngày đặt vấn đề đây, thì cũng cần ngưng việc giảng dạy khoảng độ 1 ngày.

+ Tất cả các Học Viên cũng cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Tất cả các học viên nên học thuộc lòng phần **Pāḷi** ngữ trong lời dịch thuật và các nền tảng Giáo Pháp trọng yếu.

2. Tất cả các bài học phải đọc cho thật chuẩn xác cho đến nhuần miệng trước mặt vị Giáo Thọ.

3. Các lời giải thích mà đã được lắng nghe từ ở vị Giáo Thọ đã có giải thích, thì cũng nên ghi nhớ và đọc đi đọc lại các lời giải thích ấy một cách thật chuẩn xác.

4. Những vấn đề nào mà vẫn chưa được thấu hiểu một cách rõ ràng tường tận, thì cũng cần phải đem ra hỏi han mãi cho đến khi được đón nhận sự hiểu biết ở trong những ý nghĩa mà vẫn chưa được hiểu biết.

5. Phải cố gắng ghi chép lấy những cốt lõi Giáo Pháp trọng yếu, để sẽ đem ra mà suy xét kỹ lưỡng trong các nền tảng của Giáo Pháp.

6. Không nên đem các vấn đề chẳng có liên quan với môn học mà mình đang nghiên cứu học hỏi ra để vấn hỏi.

7. Tất cả các học viên chẳng nên chỉ ngồi lắng nghe và chỉ ghi chép không thôi, mà phải nên dùng miệng để nói trong sát na đang nghiên cứu học hỏi.

8. Khi đến thời lúc đặt vấn đề trong sát na mà tất cả các học viên đang nghiên cứu học hỏi ấy, thì trước hết tất cả các học viên nên cố gắng suy nghĩ kỹ lưỡng cho được thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên, rồi mới hằng trả lời.

9. Khi đã suy nghĩ kỹ lưỡng cho đến thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên, rồi thì tất cả các học viên nên trả lời các vấn đề ấy, chẳng sợ sẽ phải trả lời trúng hoặc sai.

10. Khi đã bắt tay vào việc học rồi, thì tất cả phải nên học hỏi cho liên tục một cách tiệm tiến, nhằm để huấn tập hết cả Ngũ Quyền Lực ấy là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ cho khởi sinh lên già dặn và vững chắc.

Cuối cùng thì, Bần Đạo sẽ đem các kệ ngôn của tất cả các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** đã có nói đến, để trình bày ở tại đây nhằm đem lại lợi ích đến với tất cả các vị Giáo Thọ và các Học Viên, nhằm để có được cơ hội thực hành theo những ý nghĩa ở trong các kệ ngôn này.

Vinā hatthena lekhanaṃ Mukhena paṭhanaṃ vinā
Vinā cittena jānanaṃ Na atthaṃ ñāyate kadā

Bỏ qua việc học, bỏ qua việc đọc, và bỏ qua cả sự thấu hiểu; nhận thức được cả ba điều này rồi, thì đến khi nào người ấy sẽ có được sự hiểu biết nội dung bài học ? Chắc chắn là sẽ không thể nào thấu hiểu đến nội dung của bài học được.

Potthakesu ca yaṃ sippaṃ Parahatthesu yaṃ dhanaṃ
Yathā kicce samuppanne Na taṃ sippaṃ na taṃ dhanaṃ

Các học thuật thì hiện hữu ở trong kinh điển, tài sản thì hiện hữu ở trong nắm tay của tha nhân; một khi hữu sự thiết yếu khởi sinh thì các học thuật ấy cũng chẳng phải là kiến thức của mình, và các tài sản ấy cũng chẳng phải là tài sản của mình.

Rūpayobbanasampannā Visālakulasambhavā
Vijjāhīnā na sobhante Niggandhā iva kiṃsukā

Người nào, cho dù có được sắc thân da dẻ hồng hào xinh đẹp đi nữa, và cho dù đã được sinh trong một gia tộc có tài sản của cải đi nữa; thế nhưng lại thiếu đi tri kiến hiểu biết, thì cũng chẳng phải là hạng mỹ nhân ở trong hội chúng, và như thế được ví như một đóa hoa bạch kim xinh đẹp nhưng lại chẳng có hương thơm.

Paṇḍito sutasampanno Yattha atthīti ce suto
Mahussāhena taṃ ṭhānaṃ Gantabbaṃ va sutesinā

Ở nơi nào mà có Bậc Hiền Trí hội đủ tri kiến với cả ba Tạng, và một khi người mà có sự ưa thích tầm cầu về những tri kiến ấy đã được biết tin rồi, thì càng phải cố gắng để đến cho được trú xứ ấy.

Ganthe visāradaṃ chekaṃ Sotā seviya dullabhaṃ
Ganthavācakamāceraṃ Cakke vaḍḍhissate kamaṃ

Với bậc học giả đã hữu phúc duyên thì thường sẽ có được nương nhờ vào vị Giáo Thọ hội túc năng chuyên môn thông thạo ở trong cả ba Tạng chẳng chút khó khăn nào cả, và rồi

nhất định sẽ tuần tự tăng tiến trên con đường **Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā), Pháp Hành Truyền Bá (Paṭipattisāsanā)** và **Pháp Thành Viên Mãn (Pativedhasāsanā).**

Nipuṇe sutameseyya **Vicinitvā suttathiko**
Bhattaṃ hukkhaliyaṃ pakkaṃ **Bhājanepi tathā bhave**

Bậc đã có nguyện vọng sẽ cho mình có được tri kiến của một Bậc Hiền Trí, thì hãy nên thẩm sát một cách thận trọng, tinh tế, và hãy nên tìm kiếm và tích lũy tri kiến hiểu biết ở trong trú xứ của vị Giáo Thọ có Trí Tuệ sắc sảo tinh tường, điềm đạm và thận trọng với đủ khả năng sẽ truyền đạt lại tri kiến hiểu biết cho một cách hoàn hảo, cũng giống như cơm ở trong nồi đã được nấu chín đúng độ, thì cho dù múc bỏ vào đĩa cũng vẫn là cơm đã được nấu chín tới như nhau (còn nếu ở trong nồi đã không được nấu chín đúng độ, thì cho dù có xới bỏ vào đĩa cũng vẫn chưa chín tới vậy, và có thể là cơm sượng, hoặc gạo vẫn còn sống.)

Yo sisso sippalobhena **Bahuṃ gaṇhāti taṃ sippaṃ**
Mūgova supinaṃ passaṃ **Kathetumpi na ussahe**

Bậc học giả nào đã thực hiện việc học hỏi với lắm nhiều môn học thuật do bởi tham vọng có được nhiều kiến thức, bậc học giả đó sẽ không có khả năng để sẽ nói lại các môn học thuật ấy được, cũng ví như một người câm đã nằm mộng mị chiêm bao, thế nhưng không có khả năng để sẽ kể lại cho người khác nghe được.

Mātukhīraṃ supāyaṃso **Thanamūlaṃ nachindeyya**
Satthusippaṃ uggaṇhanto **Satthudosaṃ titikkheyya**

Trẻ thơ đang bú sữa người Mẹ, cũng không nên làm hủy hoại nấm vú phải bị đứt lìa như thế nào, thì bậc học giả đã được thụ lãnh việc giáo dục huấn tập của bậc Thầy Giáo Thọ, cũng nên kham nhẫn đối với những ngôn từ bảo ban của vị Thầy Giáo Thọ, và cũng không nên oán giận thù hằn như thế đó.

----------00000 ----------

PHI LỘ

(của Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Chỉ về Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rốt ráo rất thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn **(Nibbāna)** không Luân Hồi Sinh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Học Hành đầy đủ, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín.

Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lối kinh nghiệm uyển chuyển rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiến thức cùng nhau tiến hóa.

Santakicco Mahā Thera

(Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

----------00000----------

Tạng Diệu Pháp Phật Đà tự thuyết,
Tại Cung Trời Đao Lợi thuở xưa,
Kỷ Mão theo Âm Lịch mới vừa,
Trước Dương Lịch sáu trăm sáu chục,
Nói ba tháng chín mươi ngày đủ,
Hàng Chư Thiên đắc Đạo khắp cùng.
Cả tám trăm triệu chẳng thông dung,
Phân ra sắp đặng thành bảy Bộ.
Pháp tính cộng thành ra môn số,
Đặng bốn muôn lại với hai ngàn.
Kể nêu ra từ Bộ rõ ràng,
Cho dễ nhớ kiếm tìm nghiên cứu.
Pháp Tụ Luận bắt đầu gom tựu,
Thuyết trong vòng thập nhị nhựt rồi,
Đặng Pháp môn ngàn với ba trăm,
Đắc Đạo Quả bảy mươi số triệu,
Phân Tích Luận thứ hai khác kiểu,
Nói như là đồng trước thì giờ,
Tính Pháp môn nhiều cũng hơn sơ,
Sáu ngàn với năm trăm đầy đủ,
Thiên Đắc Quả bảy kinh số cụ,
Bộ thứ ba **Chất Ngữ** sáu ngày
Pháp bảy thiên trọn chẵn đủ đầy.
Sáu chục triệu Chư Thiên chứng Quả.
Nhân Chế Định thứ tư Luận tỏa,
Nói sáu ngày Pháp cả năm ngàn,
Với sáu trăm giúp đặng hoàn toàn.
Bậc chứng Quả sáu mươi triệu chẵn.
Ngữ Tông Luận mười hai ngày đặng,
Pháp bảy ngàn lại với một trăm.
Thất kinh đắc Đạo Quả cao thâm.
Bộ thứ sáu gọi là **Song Luận**
Thuyết mười tám ngày rồi cũng xứng.
Đặng năm ngàn một bách Pháp môn,
Đủ đầy cộng bảy chục triệu người,
Đắc Đạo Quả Chư Thiên cả thảy.
Đại Thú Luận chót sau thứ bảy,
Hăm ba ngày Phật thuyết mới rồi.

Đặng chín ngàn tứ bách Pháp môn,
Bốn trăm triệu Chư Thiên thành tựu.

----------00000----------

Người nào tự kiếm sự an vui,
Ép uổng tha nhân phải ngậm ngùi,
Dùng cách lấn quyền cho thỏa dạ,
Sau này chuyển kiếp chẳng còn vui !
Nếu ai tự kiếm sự an vui,
Chẳng để tha nhân phải ngậm ngùi,
Không chút làm cho người phải khổ,
Sau này chuyển kiếp vẫn còn vui.

Santakicco Mahā Thera
(Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
TẬP III - CHƯƠNG THỨ VI

RŪPAPARAMMAṬṬHA – SẮC PHÁP SIÊU LÝ

Ettāvatā vibhattā hi sappabhedappavattikā. Cittacetasikā dhammā rūpaṃ dāni pavuccati. Samuddesā vibhāgā ca samuṭṭhānā kalāpato pavattikkamato cāti pañcadhā tattha saṅgaho.

Từ trước cho đến tại đây, đã có phân tích về các Pháp Tâm và Tâm Sở theo những phân loại và các diễn tiến sinh khởi. Bây giờ, xin đề cập đến Sắc Pháp. Phần Tổng Hợp về các Sắc Pháp gồm có năm Phần là: Tổng Lược, Phân Tích, Xuất Sinh Xứ, Tổng Hợp Sắc Pháp, và Phương Thức Chuyển Khởi.

[**Chú thích**: Từ trước cho đến tại đây là ý nói về năm Chương đầu (I – V) của Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã có đề cập đến các **Tâm (89** hoặc **121 Citta**) và các **Tâm Sở (52 Cetasikā).** Theo những phân loại là ý chỉ cho Chương thứ I, II và III đã phân tích các loại Tâm và Tâm Sở một cách đầy đủ chi tiết và rõ ràng. Các diễn tiến sinh khởi là ý chỉ cho Chương thứ IV đã đề cập đến 7 loại Lộ Trình Tâm trong khi đang hiện sinh, và vào thời tái sinh; và Chương thứ V đã đề cập đến 31 Cõi Giới, phương thức phân loại các Nghiệp Lực cùng với các diễn tiến của tâm thức trong lúc cận tử lâm chung, và tái sinh. Chương thứ VI chủ yếu đề cập đến hai Phần, là **Sắc Siêu Lý (Rūpaparamattha)** và **Níp Bàn Siêu Lý (Nibbānaparamattha)**]

Việc trình bày **Tổng Hợp (Saṅgaha)** Sắc Pháp trong Chương thứ VI nói về Sắc Siêu Lý đây, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã có trình bày làm thành 5 Phần, là:

1. Phần Tổng Lược Sắc Pháp (Rūpasamuddesanaya): Việc trình bày Sắc Pháp một cách tóm tắt (**Saṅkhepa – Tóm Lược).**

2. Phần Phân Tích Sắc Pháp (Rūpavibhāganaya): Việc phân tích Sắc Pháp một cách đầy đủ chi tiết.

3. Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhānanaya): Việc trình bày xuất sinh xứ của Sắc Pháp.

4. Phần Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpanaya): Việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi theo từng khối nhóm.

5. Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp (Rūpapavattikamanaya): Việc trình bày sự sinh khởi cùng với sự diệt mất của Sắc Pháp theo phương thức trình tự.

[**Chú thích**: Hai mươi tám loại Sắc Pháp đã được liệt kê. Sắc là chi, khởi sinh lên do bởi nguyên nhân nào, sinh khởi và diệt mất ra sao, cũng đã được giải thích rõ ràng với đầy đủ chi tiết. **Sắc Pháp (Rūpa)** là Pháp Siêu Lý thứ ba đã được đề cập đến trong Tạng Vô Tỷ Pháp; và cũng là một trong hai thành phần hình thành cái được gọi là Chúng Hữu Tình với thành phần thứ nhất, đó là **Danh Pháp (Nāma).** Cũng như ở phần tâm linh là **Danh Pháp (Nāma),** phần cơ thể vật chất là **Sắc Pháp (Rūpa)** cũng đã được phân tích một cách rất tỷ mỷ. Tuy

nhiên không có một định nghĩa nào hợp lý để cho từ ngữ Sắc Pháp mang đầy đủ ý nghĩa ở trong các Kinh điển, cũng như ở trong các phần Chú Giải và Phụ Chú Giải.

Từ ngữ **Rūpa** xuất nguyên từ ngữ căn **Rup** là "tan vỡ, phân tán, hoặc hoại diệt". Theo **Bộ Phụ Chú Giải Phân Tích (Vibhāviniṭīkā), Rūpa** là Pháp có đặc tính biến đổi thay hình đổi dạng, hoặc có một hình thể khác do tác động bởi những điều kiện vật lý nghịch chiều như nóng, lạnh v.v. **(Sītoṇhādi virodhippaccayehi vikāraṃ āpajjati).** Theo quan điểm Phật Giáo, Sắc Pháp không những luôn luôn biến đổi mà cũng có tính chất hoại diệt **(Khaya, vaya).** Sắc Pháp chỉ tồn tại duy nhất ở trong khoảnh khắc 17 sát na Tâm. Sắc Pháp biến đổi rất mau lẹ, đến đỗi các nhà Chú Giải Sư đã nói rằng "không thể gỏ được hai lần đúng ngay vào một nơi !". Sắc Pháp cũng còn được giải thích là Pháp tự biểu hiện (do từ ngữ căn **rup – pakāsane).** Các nhà học giả có những gợi ý khác nhau về ý nghĩa của Sắc Pháp. Danh từ này thường được phiên dịch là "hình tướng, thân thể, phần vật chất, cơ thể vật chất v.v" Tùy theo trường hợp, và tùy theo ở những đoạn văn, tuy nhiên cũng không có một ý nghĩa đặc biệt chuẩn xác cho tất cả mọi trường hợp. Theo quan điểm về Triết Học, "phần vật chất hoặc Sắc Pháp" mang ý nghĩa gần gũi nhất với từ ngữ **Rūpa,** mặc dầu các nhà khoa học cũng cảm thấy khó mà tìm ra một định nghĩa thật chuẩn xác cho từ ngữ này.

Cũng nên ghi nhận rằng lý thuyết về nguyên tử rất thịnh hành ở ngay đất nước Ấn Độ vào thời kỳ của Đức Phật. Từ ngữ **Paramāṇu (Cực Vi Trần)** là một từ ngữ có thể tương đương với từ ngữ "Nguyên Tử"của thời hiện đại này. Theo sự tin tưởng ở thời bấy giờ, một **Rathareṇu (Bụi Trần)** gồm có 36 **Tajjārī,** một **Tajjārī** bằng 36 **Aṇū,** một **Aṇu** (một phần tử cực nhỏ, cực vi tế) bằng 36 **Paramāṇu.** Một hạt bụi nhỏ xíu vởn vơ ở trong làn ánh sáng, được gọi là một **Rathareṇu (Bụi Trần).** Như vậy, một **Paramāṇu** bằng 1/ 46,656 của một **Rathareṇu**, và như thế, **Paramāṇu** này được xem như không thể còn phân chia được nữa.

Với Tuệ Nhãn siêu phàm của Đức Phật đã phân tích cái gọi là **Paramāṇu** ấy, và lập ý khải thuyết rằng bao gồm các **Pháp Siêu Lý (Paramattha)** những đơn vị cùng tột, không còn có thể phân chia thêm nữa. Những Pháp Siêu Lý ấy, là **Địa Giới (Paṭhavīdhātu), Thủy Giới (Āpodhātu), Hỏa Giới (Tejodhātu)** và **Phong Giới (Vāyodhātu);** và không nên hiểu rằng các Giới này là đất, nước, lửa và gió thông thường].

PHẦN THỨ NHẤT:
PHẦN TỔNG LƯỢC SẮC PHÁP (RŪPASAMUDDESANAYA)
(Việc Trình Bày Sắc Pháp Một Cách Tóm Tắt)

Cattāri mahābhūtāni catunnaṃ ca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ ti dvidhampetaṃ rūpaṃ ekādasavidhena saṅgahaṃ gacchati. Kathaṃ ?

Paṭhavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu bhūtarūpaṃ nāma. Cakkhu, sotaṃ, ghānaṃ, jivhā, kāyo pasādarūpaṃ nāma. Rūpaṃ, saddo, gandho, raso, āpodhātuvajjitaṃ bhūtattayasaṅkhātaṃ phoṭṭhabbaṃ ca gocararūpaṃ nāma. Itthattaṃ, purisattaṃ bhāvarūpaṃ nāma. Hadayavatthu hadayarūpaṃ nāma. Jīvitindriyaṃ jīvitarūpaṃ nāma. Kabalīkāro āhāro āhārarūpaṃ nāma. Iti ca aṭṭhā

rasavidhampetaṃ sabhāvarūpaṃ salakkhaṇa rūpaṃ nipphannarūpaṃ rūpa rūpaṃ, sammasana rūpaṃ ti ca saṅgahaṃ gacchati. Ākāsadhātu paricchedarūpaṃ nāma. Kāyaviññatti vacīviññatti viññattirūpaṃ nāma. Rūpassa lahutā mudutā kammaññatā viññattidvayaṃ vikārarūpaṃ nāma. Rūpassa upacayo santati jaratā aniccatā lakkhaṇarūpaṃ nāma. Jātirūpameva panettha upacayasantatināmena pavuccātī ti ekādasa vidhampetaṃ rūpaṃ aṭṭhavīsatividhaṃ hoti sarūpavasena.

Sắc Pháp có hai thành phần chủ yếu, là **Tứ Đại Hiển (Mahābhūtā);** và 24 Sắc Pháp do Tứ Đại Hiển tạo thành, gọi là **Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa).** Hai thành phần này gồm có 28 Sắc Pháp, và chia ra 11 thể loại. Như thế nào ?

Địa Giới, Thủy Giới, Hỏa Giới, Phong Giới; gọi tên là Sắc Đại Hiển. Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân; gọi tên Sắc Thanh Triệt. Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc (ở trong ba Giới câu hành, trừ Thủy Giới ra); gọi tên Sắc Thông Hành Cảnh. Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính; gọi tên Sắc Bản Tính. Ý Vật (trái tim); gọi tên Sắc Tâm Cơ. Mạng Quyền gọi tên Sắc Mạng Quyền Lực. Đoàn Thực gọi tên Sắc Vật Thực. Như thế, 18 loại Sắc Pháp đã được phân loại theo Hữu Thực Tính cố hữu của Sắc Pháp, theo Hữu Thực Tướng đặc trưng của Sắc Pháp, đã được sở tạo do bởi nhân duyên, hằng luôn chịu sự biến đổi hoại diệt, và có khả năng thích nghi cho việc tư duy quán tưởng.

Không Giới Tố Chất gọi tên Sắc Hạn Giới. Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri gọi tên Sắc Biểu Tri. Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, Thích Sự, hai Sắc Biểu Tri gọi tên Sắc Biến Thể. Tích Trữ (Sinh), Thừa Kế (Tiến), Lão Mại (Dị), Vô Thường (Diệt) gọi tên Sắc Thực Tướng. Tại đây, đặc tính của Tích Trữ (Sinh) và Thừa Kế (Tiến) cũng được gọi Sinh Khởi Sắc, với ý nghĩa là hiện tượng khởi sinh của Sắc Pháp. Như vậy, 11 thể loại của Sắc Pháp đã được xem như là 28 Sắc Pháp, tùy theo từng đặc tính cá biệt cố hữu của Sắc Pháp.

Kathaṃ ? Bhūtappasādavisayā bhāvo hadayamiccapi jīvitāhārarūpehi aṭṭhārasa vidhaṃ tathā. Paricchedo ca viññatti vikāro lakkhaṇanti ca anipphannā dasa cāti aṭṭhavīsadhaṃ bhave. Ayaṃettha rūpasamuddeso.

Như thế nào (là 28) ? Như vậy, tóm lại có tất cả là 28 Sắc Pháp, gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Ngũ Sắc Thanh Triệt, Tứ Sắc Thông Hành, Nhị Sắc Bản Tính, Nhất Sắc Tâm Cơ, Nhất Sắc Mạng Quyền Lực và Nhất Sắc Vật Thực; cộng lại có 18 Sắc Thành Sở Tác. Lại thêm, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, ấy là Nhất Sắc Hạn Giới, Nhị Sắc Biểu Tri, Tam Sắc Biến Thể, và Tứ Sắc Thực Tướng. Trên đây là Phần liệt kê Tổng Lược tất cả các Sắc Pháp.

----------00000----------

CHÌA KHÓA

Sắc Pháp (**Rūpa**) có 28, là:

+ Sắc Thành Sở Tác có 18
+ Sắc Phi Thành Sở Tác có 10

} gom thành 28

18 Sắc Thành Sở Tác, là:

- Sắc Đại Hiển 4
- Sắc Thanh Triệt 5
- Sắc Thông Hành 7 hoặc 4
- Sắc Bản Tính 2
- Sắc Tâm Cơ 1
- Sắc Mạng Quyền Lực 1
- Sắc Vật Thực 1

} gom thành 18

10 Sắc Phi Thành Sở Tác, là:

- Sắc Hạn Giới 1
- Sắc Biểu Tri 2
- Sắc Biến Thể 5 hoặc 3
- Sắc Thực Tướng 4

} gom thành 10

1. Tứ Sắc Đại Hiển là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
2. Ngũ Sắc Thanh Triệt là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
3. Thất Sắc Thông Hành là: Sắc Cảnh, Thinh Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.
4. Nhị Sắc Bản Tính là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
5. Nhất Sắc Tâm Cơ là: Ý Vật.
6. Nhất Sắc Mạng Quyền Lực là: Mạng Quyền.
7. Nhất Sắc Vật Thực là: Đoàn Thực.
8. Nhất Sắc Hạn Giới là: Không Giới Tố Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới).
9. Nhị Sắc Biểu Tri là: Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri.
10. Ngũ Sắc Biến Thể là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri.
11. Tứ Sắc Thực Tướng là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

Như kệ ngôn Tổng Hợp ở trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã có trình bày:

Bhūtappasādavisayā **Bhāvo hadayamiccapi**
Jīvitāhārarūpehi **Aṭṭhārasa vidhaṃ tathā**
Paricchedo ca viññatti **Vikāro lakkhaṇanti ca**
Anipphannā dasa cāti **Aṭṭhavīsadhaṃ bhave**

28 Sắc Pháp ấy, khi liệt kê theo Phần Phân Loại có được 2 Đại Phân Loại và 11 Tiểu Phân Loại.

+ **2 Đại Phân Loại, là**:

1. 18 Sắc Thành Sở Tác,
2. 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

+ **11 Tiểu Phân Loại, là:**

1.	Sắc Đại Hiển	4	gom 18 Sắc này gọi tên là Sắc Thành Sở Tác
2.	Sắc Thanh Triệt	5	
3.	Sắc Thông Hành	7 hoặc 4	
4.	Sắc Bản Tính	2	
5.	Sắc Tâm Cơ	1	
6.	Sắc Mạng Quyền Lực	1	
7.	Sắc Vật Thực	1	
8.	Sắc Hạn Giới	1	gom 10 Sắc này gọi tên là Sắc Phi Thành Sở Tác
9.	Sắc Biểu Tri	2	
10.	Sắc Biến Thể	5 hoặc 3	
11.	Sắc Thực Tướng	4	

Trong số lượng 28 Sắc ấy, tính kể từ Sắc Đại Hiển cho đến Sắc Vật Thực, và khi gom 18 Sắc này lại, một cách xác thực chính là Chân Sắc Siêu Lý. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, được tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, một cách xác thực đấy chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý, mà là loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, gọi là Ngụy Sắc Chân Lý .

Vì thế, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới đặt tên cho 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, bao gồm với 5 tên gọi, ấy là:

1. Sắc Hữu Thực Tính (Sabhāvarūpa): là từng mỗi Sắc có thực tính của mình.

2. Sắc Hữu Thực Tướng (Salakkhaṇarūpa): là từng mỗi Sắc có thực tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.

3. Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa): là Sắc sinh khởi từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

4. Sắc Sắc (Rūparūpa): là Sắc có việc biến đổi hoại diệt.

5. Sắc Tư Duy (Sammasanarūpa): là Sắc để cho bậc Hành Giả thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Còn đối với 10 Sắc mà chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý ấy, thì có tên gọi đối nghịch lại như vầy:

1. Sắc Phi Thực Tính (Asabhāvarūpa): là từng mỗi Sắc chẳng có thực tính của mình.

2. Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkhaṇarūpa): là Sắc chẳng có thực tướng về Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

3. Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa): là Sắc chẳng phải sinh khởi từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

4. Sắc Phi Sắc (Arūparūpa): là Sắc chẳng có việc biến đổi hoại diệt.

5. Sắc Phi Tư Duy (Asammasanarūpa): là Sắc làm cho bậc Hành Giả không thể thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã được.

Sắc Pháp có số lượng là 28, và được phân chia ra thành 2 thể loại, ấy là:

1. Sắc Đại Hiển (Mahābhūtarūpa) **2. Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa)**

1. Sắc Đại Hiển lập ý đến Sắc làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Upādinnānupādinnasantānesu salakkhaṇato sasambhārato ca mahantāni hutvā bhavanti pātubhavantīti = Mahābhūtāni** - Những thể loại Sắc nào làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng bởi theo thực tính của mình, và bởi theo hình trạng của mình, ở trong bản tính của vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng; vì thế, những thể loại Sắc ấy gọi tên là **Sắc Đại Hiển.**

2. Sắc Y Sinh lập ý đến Sắc nương nhờ vào Sắc Đại Hiển mà sinh khởi, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Mahābhūtānaṃ upādāya pavattaṃ rūpanti = Upādāyarūpaṃ** - Sắc được sinh khởi bởi do nương vào Sắc Đại Hiển, vì thế Sắc ấy mới gọi tên là **Sắc Y Sinh.**

+ Sắc Đại Hiển có 4, là: 1. Địa, 2. Thủy, 3. Hỏa, 4. Phong.

+ Sắc Y Sinh có 24, là: 1. Nhãn, 2. Nhĩ, 3. Tỷ, 4. Thiệt, 5. Thân, 6. Sắc, 7. Thinh, 8. Khí, 9. Vị, 10. Nữ Giới Tính, 11. Nam Giới Tính, 12. Ý Vật, 13. Mạng Quyền, 14. Vật Thực, 15. Hạn Giới, 16. Thân Biểu Tri, 17. Ngữ Biểu Tri, 18. Khinh Khoái, 19. Nhu Nhuyến, 20. Thích Sự, 21. Tích Trữ, 22. Thừa Kế, 23. Lão Mại, 24. Vô Thường.

Kết hợp 4 Sắc Đại Hiển và 24 Sắc Y Sinh thành 28 Sắc Pháp.

[**Chú thích**: + **Tứ Sắc Đại Hiển (Mahābhūtārūpā)** theo ý nghĩa của từng từ ngữ, là các Pháp trở nên to lớn, hình thành to lớn. Tứ Sắc Đại Hiển là những thành phần căn bản của Sắc Pháp, luôn luôn dính liền với nhau, và không thể tách rời xa nhau. Mọi vật thể, cho dù cực vi tế cho đến cực cự đại đi nữa, từ cực vi trần cho đến núi cao, cũng đều phải do bởi bốn **Giới (Dhātu)** có đặc tính cá biệt ấy hợp thành.

+ 24 **Sắc Y Sinh (Upādāyarūpā)** này có đặc tính chuyển hóa, hoặc có đặc tính phụ thuộc của Sắc Pháp tùy theo Tứ Sắc Đại Hiển. Như mặt đất là thành phần chánh yếu, y sinh hoặc chuyển hóa giống như cây cối từ đó được mọc lên.]

CHI PHÁP 28 SẮC PHÁP

1. Địa (Pathavī): là Sắc cứng và mềm.

2. Thủy (Āpo): là Sắc chảy lan ra và quến tụ lại.

3. Hỏa (Tejo): là Sắc lạnh và nóng.

4. Phong (Vāyo): là Sắc căng phồng và chuyển động.

5. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Sắc.

6. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Thinh.

7. Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Khí.

8. Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Vị.

9. Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Xúc.

10. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): là các sắc màu.

11. Cảnh Thinh (Saddārammaṇa): là các âm thanh.

12. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): là các khí hơi.

13. Cảnh Vị (Rasārammaṇa): là các mùi vị.

14. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.

15. Nữ Giới Tính (Itthībhāva): là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.

16. Nam Giới Tính (Purisabhāva): là Sắc làm tác nhân hình thành nam giới.

17. Tâm Cơ (Hadaya): là Sắc sinh trú ở trong trái tim, và làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở.

18. Mạng Quyền (Jīvita): là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp Lực.

19. Vật Thực (Āhāra): là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.

20. Hạn Giới (Pariccheda): là Không Giới Sắc xen vào giữa khối Tổng Hợp Sắc này với khối Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).

21. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): là các hoạt động của xác thân.

22. Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti): là các hoạt động của lời nói.

23. Khinh Khoái (Lahutā): là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.

24. Nhu Nhuyến (Mudutā): là sự mềm mỏng của Sắc Thành Sở Tác.

25. Thích Sự (Kammaññatā): là sự thích dụng đối với sự việc của Sắc Thành Sở Tác.

26. Tích Trữ (Upacaya): là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.

27. Thừa Kế (Santati): là sự sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác cho đến tử vong.

28. Lão Mại (Jaratā): là sự lão mại già nua của Sắc Thành Sở Tác.

29. Vô Thường (Aniccatā): là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

Ghi chú: Đối với Cảnh Xúc, chính là Địa, Hỏa, Phong ở phần Sắc Đại Hiển ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng 28.

SINH TRÚ 28 SẮC PHÁP TRONG CƠ THỂ LOÀI HỮU TÌNH

Ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình thường có thể thẩm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiển sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.

4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
7. Cảnh Sắc sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
8. Cảnh Thinh sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
9. Cảnh Khí sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
10. Cảnh Vị sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
11. Cảnh Xúc sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
15. Mạng Quyền
16. Đoàn Thực } sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
17. Sắc Không Giới
18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
19. Ngữ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.
20. Tam Sắc Biến Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

GIẢI THÍCH THỰC TÍNH – THỰC TƯỚNG CỦA 28 SẮC PHÁP
TỨ SẮC ĐẠI HIỂN (MAHĀBHŪTARŪPA 4)

1. Địa (Paṭhavī): là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi với nhau là **Địa Giới (Paṭhavī dhātu)**, có **Đặc Tính Cương Kiện (Kakkhaḷalakkhaṇā)** nghĩa là khi đem so sánh Địa Giới với ba Sắc Đại Hiển còn lại thì Địa Giới có đặc tính cứng rắn. Nếu như bất luận vật thể nào có nhiều Địa Giới làm trưởng trội, đặc tính cứng rắn này cũng được hiện bày một cách mạnh mẽ, như là sắt, đá, cây cối, v.v. Và nếu như bất luận vật thể nào chỉ có Địa Giới với số lượng ít oi, đặc tính cứng rắn ấy cũng không có hiện bày mạnh mẽ được. Và khi tiếp xúc đụng chạm thì có cảm giác với một trạng thái mềm mại, có nghĩa là sự cứng rắn ấy chỉ có chút ít và khi ngồi lên mới có được một cảm giác mềm mại được. Do vậy, Pháp chủng có đặc tính cứng hoặc mềm trong khi đã tiếp xúc đụng chạm, đều đã được liệt kê thành Địa Giới hết cả thảy; vì lẽ loại trừ Địa Giới này ra, tất cả các Sắc Pháp khác không có khả năng làm cho có được cảm giác cứng hoặc mềm, hiện bày lên đối với việc tiếp xúc đụng chạm ấy được.

Lại nữa, Địa Giới này là chỗ nương nhờ, chỗ nương trú của tất cả các Sắc Pháp khác, cũng tương tự như mặt nền đất với các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng vậy. Có nghĩa là loại trừ Địa Giới này ra, thì sắc thân hình dạng, da dẻ phu sắc, suốt cho đến mọi sự cảm giác khác, tức là những thể loại Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Hỏa Xúc, Cảnh Phong Xúc này đây, cũng không thể nào hiện bày lên được. Như có câu Chú Giải đã nói rằng: **Sahajātarūpāni pathanti patiṭṭhahanti etthāti = Paṭhavī** - Tất cả các Sắc Pháp

cùng câu sinh với nhau thường an trú trong Pháp chủng ấy, bởi do thế, Pháp chủng làm chỗ nương nhờ, làm chỗ nương trú tất cả những Sắc cùng câu sinh ấy, mới gọi tên là **Địa Giới.**

[**Chú thích**: Từ ngữ **Dhātu** có nghĩa **Giới** hoặc nguyên tố là từ ngữ tương đương gần nhất với **Dhātu**. Từ ngữ **Paṭhavī** còn được viết là **Paṭhavī** xuất nguyên với ngữ căn **Puth** nghĩa là duỗi ra, dãn ra, trương ra, hoặc nới rộng ra. Kết hợp hai từ ngữ này lại thành **Paṭhavī dhātu** có nghĩa **Địa Giới**; được gọi như vậy, vì cũng như mặt đất, Địa Giới này có chức năng nâng đỡ, làm nền tảng cho ba Giới khác đồng sinh khởi. Thực tính cố hữu của Địa Giới là cứng và mềm. Theo các nhà Chú Giải nói rằng "không có Địa Giới này, thì một vật thể không có thể choán được một chỗ nào ở trong không gian". Đặc tính cứng hoặc mềm, thuần túy tương đối, là hai điều kiện của Giới cá biệt này. Có thể nói rằng Giới này ở trong đất, nước, lửa và trong gió. Ví như nước ở phần dưới nâng đỡ nước ở phần trên. Chính Giới có đặc tính duỗi ra này, kết hợp với Giới có đặc tính chuyển động **(Vāyo)** đã tạo nên áp lực đẩy lên, đã nâng đỡ phần nước ở trên. Nóng hay lạnh là đặc tính thuộc **Hỏa Giới (Tejodhātu).** Còn chảy lỏng và quến tụ là đặc tính thuộc **Thủy Giới (Āpodhātu)**].

2. Thủy (Āpo): là một thể loại Giới, gọi với nhau là **Thủy Giới (Āpodhātu)** có **đặc tính rò rỉ chảy lan ra** hoặc **quến tụ lại (Paggharaṇalakkhaṇā** hoặc **Ābandhanalakkhaṇā**). Thủy Giới này, nếu như hiện hữu với số lượng nhiều ở trong bất luận vật thể nào đi nữa, thì thường làm cho chảy lỏng và rò rỉ lan ra. Nếu như có số lượng ít oi thì sẽ làm cho các vật thể ấy quến tụ lại thành đống, thành khối cục; cũng ví như nhựa mủ có khả năng kết nối các vật thể dính vào nhau thành đống, thành khối cục như thế nào; thì Thủy Giới cũng tương tự như một nhựa mủ có khả năng kết nối Địa Giới cho quến tụ vào nhau tạo thành xác thân hình dạng như thế ấy.

Trong một vật thể mà Thủy Giới khởi sinh đã có số lượng nhiều hơn Địa Giới, thì chính với mãnh lực Thủy Giới ấy đã làm cho Địa Giới có số lượng ít oi, mới làm thành tác nhân cho vật thể ấy mềm nhũn đi, và có khả năng chảy lan ra như thể là nước vậy. Khi ta nhìn thấy được nước ấy đang chảy lan ra, là cũng do có nhiều Thủy Giới, và ít Địa Giới. Một khi Địa Giới đã ít đi, thì chính Địa Giới ấy là người mềm nhũn do bởi Thủy Giới là người làm cho mềm nhũn vậy, và chẳng phải Thủy Giới mềm nhũn như là ta đã có sự hiểu biết với nhau đâu. Vì lẽ Thủy Giới là một Giới chẳng phải được nhìn thấy bằng mắt, hoặc được tiếp xúc bằng thân, mà chỉ có được biết bằng Tâm mà thôi. Và ở trong một vật thể có số lượng Thủy Giới ít hơn Địa Giới, v.v. thì mãnh lực Thủy Giới cũng làm cho Địa Giới ấy quến tụ vào nhau thành đống, thành khối cục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āpeti sahajātarūpesu byāpetvā tiṭṭhatīti = Āpo** - Pháp chủng nào thường trải rộng ra và thấm sâu khắp cả ở trong Sắc cùng câu sinh với mình, và rồi ẩn trú ở trong những Sắc ấy, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thủy.** Một trường hợp khác nữa: **Appayāti sahajātarūpāni suṭṭhu brūheti vaḍḍhatīti = Āpo** - Pháp chủng nào làm cho tất cả các Sắc cùng câu sinh với mình được tăng trưởng lên một cách tốt đẹp, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thủy.** Một trường hợp khác nữa: **Sahajātarūpāni avippakiṇṇāni katvā pāti rakkhatīti = Āpo** - Pháp chủng nào thường bảo hộ Sắc cùng câu sinh một cách vững chắc, không làm cho bị bể vỡ tan tác ra, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thủy.**

Thủy Giới có hai thể loại, đó là:

1. Thủy Giới thông thường có **Đặc Tính Thúc Phược Vật (Ābandhanalakkhaṇa)** nghĩa là có đặc tính quến tụ lại, tuy nhiên một khi đã bị **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo),** và thế rồi **Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)** lại hiện bày, nghĩa là phải bị rò rỉ chảy lan ra. Tức là Thủy Giới hiện hữu ở trong sắt, vàng, sáp ong, v.v. có nghĩa là những thể loại sắt, hoặc vàng, hoặc sáp ong đây, một khi lấy đem đi nấu chảy hoặc đốt cháy đi thì những vật thể này sẽ trở thành vật nhão lỏng ra và có khả năng rò rỉ chảy lan ra; tuy nhiên việc rò rỉ chảy lan ra của các vật thể này chẳng phải Thủy Giới là vật chảy lan ra, mà đích thị chính là Địa Giới câu sinh với Thủy Giới ấy là vật rò rỉ chảy lan ra. Và cũng chính ngay trong cùng một vật thể ấy, nếu trái lại lấy đem nhúng bỏ vào trong nước lạnh thì những vật thể ấy sẽ tự cứng trở lại thành một thỏi sắt, thành một thỏi vàng như lúc ban đầu. Trong sự việc tự cứng rắn trở lại của những vật thể này, chính là việc tự cứng rắn lại của Địa Giới, và chẳng phải là việc tự cứng rắn lại của Thủy Giới.

2. Thủy Giới thông thường có **Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)** là đặc tính rò rỉ chảy lan ra. Tuy nhiên một khi bị **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** và thế rồi **Đặc Tính Thúc Phược Vật (Ābandhanalakkhaṇa)** lại hiện bày, nghĩa là quến tụ lại. Tức là Thủy Giới hiện hữu ở trong nước, có nghĩa là lẽ thường nước là một vật thể lỏng; tuy nhiên nếu lấy nước ấy đem bỏ vào chỗ nơi giá lạnh có nhiệt độ đến 0 độ C thì nước ấy sẽ trở thành một khối băng đá. Và một khi lấy khối băng đá ra khỏi chỗ nơi giá lạnh ấy rồi, thì khối băng đá bị khí hậu ở bên ngoài có **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo),** thế là khối băng đá ấy cũng từ từ tan chảy ra, làm thành vật thể lỏng như lúc ban đầu.

[**Chú thích**: Theo ý nghĩa của từng từ ngữ, là Giới có đặc tính chảy lỏng. Từ ngữ **Āpo** xuất nguyên từ ngữ căn **Ap - đến,** hoặc **Ā** + căn **Pāy** là lớn lên, trưởng thành. Theo quan điểm Phật Giáo, chính Giới này làm kết nối dính liền các phần tử Sắc Pháp khác lại với nhau, và như thế, bảo hộ không cho phải bị phân tán rời rạc ra. Chảy lỏng và rò rỉ lan ra là đặc tính của Giới này. Và cũng nên hiểu rằng lạnh chẳng phải là đặc tính của Thủy Giới. **Āpo** là Giới có đặc tính kết nối dính liền. Chẳng giống như Địa Giới, ta không thể cảm nhận Thủy Giới bằng các giác quan; và đây là thành phần làm dính liền các phần tử rời rạc của vật thể, và phải được khởi sinh từ ý niệm hình thể. Khi một vật ở thể đặc chảy ra thì thành phần Thủy Giới ở trong chất lỏng ấy trở nên trội hơn. Khi một vật ở thể đặc bị phân tán thành bụi trần, và ở trong từng mỗi hạt bụi tí ti ấy cũng có chứa đựng thành phần Thủy Giới. Thành phần có đặc tính duỗi ra (của Địa) liên quan rất mật thiết với thành phần có đặc tính làm kết nối dính liền (của Thủy), và khi mất đi Giới này thì vật thể ấy cũng tiêu tan].

3. Hỏa (Tejo): là một thể loại Giới, gọi với nhau là **Hỏa Giới (Tejodhātu)** có đặc tính là nóng và lạnh. Đặc tính nóng gọi là **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)** và đặc tính lạnh gọi là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo).** Tuy nhiên cả hai Hỏa Giới này có trạng thái thực tính là bốc hơi **(Uṇhattalakkhaṇa – Đặc Tính Ôn Độ),** có nghĩa là Viêm Nhiệt Hỏa thì có đặc tính là "bốc hơi nóng", và Hàn Lãnh Hỏa thì có đặc tính là "bốc hơi lạnh". Và cả hai thể loại Hỏa Giới này, có chức năng làm cho các vật thể chín rộ chín rục, và làm cho ôn nhu tỉ mẩn, sác bén thuần thục. Như sẽ trông thấy được rằng đa số các vật thể, như là vật thực v.v. đã làm cho

chín rục là do bởi độ nóng, tuy nhiên cũng vẫn có một vài vật thực đã làm cho chín rục là do bởi độ lạnh tương tự như nhau. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Tejeti paripācetīti = Tejo** - Pháp chủng nào làm cho chín rục, thì Pháp chủng ấy gọi tên là **Hỏa.**

Hỏa Giới có năm thể loại, là:

1. Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmātejo): là Hỏa Giới hằng hiện hữu ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình (bốc hỏa, bốc khí nóng).

2. Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng cao độ.

3. Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng mãnh liệt cao độ; và có khả năng thiêu đốt cơ thể cho phải bị dị ứng đi.

4. Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo): là Hỏa Giới làm cho cơ thể suy sụp, tiều tụy và lão mại đi.

5. Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo): là Hỏa Giới làm nhiệm vụ tiêu hóa vật thực.

Trong cả năm thể loại Hỏa Giới này, thì Hỏa Giới hằng hiện hữu ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình, đó chính là **Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmātejo)** với **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo).** Còn đối với **Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo), Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo),** và **Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo),** cả ba thể loại này thì không có hằng thường hiện hữu. Chỉ hiện khởi lên là cũng do Khí Đẳng Nhiệt Khí có trạng thái bị dị ứng, chẳng hạn như người lên cơn sốt thân viêm nhiệt, cũng có nghĩa là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã biến đổi thành trạng thái Hỏa Khốc Nhiệt Khí. Hoặc nếu như bị sốt cao độ, thân viêm nhiệt nặng dẫn đến mê sảng, cũng có nghĩa là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã biến đổi dị thường từ Hỏa Khốc Nhiệt Khí chuyển thành Hỏa Hóa Nhiệt Khí. Và ở trong người có bệnh tật thường luôn hành hạ, hoặc người đã vào đến giai đoạn cuối cuộc đời rồi, thì đích thị chính là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã chuyển đổi trạng thái thành Lão Suy Nhiệt Khí, và đã làm cho hiện khởi lên trạng thái suy sụp, tiều tụy của xác thân, chẳng hạn như tóc bạc, răng gẫy, mắt mờ, thịt da khô héo v.v.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Tejo** được xuất nguyên từ ngữ căn **Tij** làm cho sắc bén, cho chín muồi. Sự linh hoạt và thuần thục của sự vật là đều do ở Hỏa Giới. Cả hai, nóng và lạnh là đặc tính của Hỏa Giới, vì có năng lực làm cho các vật chất trở nên chín muồi. Nói cách khác, Hỏa Giới tạo sinh lực cho vật chất, và vật chất được bảo tồn hoặc bị hư hoại cũng đều do Giới này. Không giống như ba Giới khác ở trong Tứ Sắc Đại Hiển, Hỏa Giới có năng lực làm cho vật chất tự mình hồi sinh].

4. Phong (Vāyo): một thể loại Giới gọi với nhau là **Phong Giới (Vāyodhātu)** có đặc tính căng phồng ra hoặc chuyển động (**Vitthambhanalakkhaṇa** hoặc **Samīraṇalakkhaṇa**).

+ Phong Giới có đặc tính căng phồng gọi là **Khuếch Đại Phong (Vitthambhana vāyo).** Khuếch Đại Phong làm cho Sắc Pháp câu sinh với mình bền chắc vững vàng, không cho rệu rã lung lay chuyển động. Ở trong xác thân của con người ta, nếu như Khuếch Đại Phong này hiện bày lên thì người ấy có cảm giác như là căng cứng, mệt mỏi, đau nhức, ở khắp cả cơ thể; hoặc một khi ta gồng các khủy cánh tay, chân, và một khi ta dướn con mắt lên nhìn chằm chằm mà không nháy mắt; với thời gian ấy Khuếch Đại Phong cũng có hiện bày thể theo sự tự cố gắng nỗ lực của mình. Về phía ở bên trong, thì các vật thể được an trú một cách

vững chắc, hoặc làm cho tự căng phồng lên là cũng do bởi mãnh lực Khuếch Đại Phong ấy vậy; cũng ví như quả bóng nén ép đầy hơi vào ở bên trong đó, thì quả bóng ấy căng cứng lên, là cũng do bởi Khuếch Đại Phong. Hoặc dụng cụ lọc nước dùng để lọc nước, một khi dụng cụ lọc nước ấy được bỏ vào ở trong nước thì nước tràn vào ở trong đó. Khi rút lên và lấy tay bịt lỗ dụng cụ lọc nước ấy lại, thì Phong Giới ở phía bên ngoài cũng sẽ hứng đỡ nước ở trong dụng cụ lọc nước ấy không cho chảy ra ngoài. Cũng tương tự với trái đất mà tất cả Chúng Hữu Tình đang nương trú đây, nền lục địa được đặt ở trên nước, và nước đặt ở trên gió được gọi là **Hạ Tầng Hư Không (Heṭṭhimaajjaṭākāsa).** Hạ Tầng Hư Không này hứng đỡ nước, làm cho nước và nền lục địa được bền chắc vững vàng, và có được như vậy là cũng do bởi mãnh lực của Khuếch Đại Phong. Như có câu Chú Giải nói rằng: **Vāyati sahajāta dhamme apatamāne katvā sahatīti = Vāyo** – Giới nào thường dắt dẫn cho Sắc Pháp câu sinh với mình được bền chắc vững vàng và bất chuyển, bởi thế mới gọi tên Giới ấy là **Phong.**

+ Phong Giới có đặc tính chuyển động gọi là **Chuyển Động Phong (Samīraṇavāyo).** Chuyển Động Phong này làm cho Sắc Pháp câu sinh với mình chuyển động theo; chẳng hạn như tất cả Chúng Hữu Tình chuyển đổi các tư thế oai nghi, hoặc việc nháy mắt, đảo mắt, vẫy tay, ngọ nguậy bàn chân, việc bài tiết các vật uế tạp ra khỏi cơ thể, các việc sản sinh con cái, v.v. Tất cả thấy các thể loại này có được hiện hành là cũng do bởi mãnh lực Chuyển Động Phong. Còn Chuyển Động Phong hiện hữu ở bên ngoài loài Hữu Tình, đã làm cho các sự vật chuyển động di dịch rời khỏi chỗ ban đầu. Như có câu Chú Giải nói rằng: **Vāyati desantatuppatti hetubhāvena bhūtasaṅghātaṃ pāpetīti = Vāyo** – Giới nào thường làm tác nhân cho nhóm Sắc Đại Hiển câu sinh với mình khởi sinh lên sự di dịch rời khỏi chỗ thứ nhất đi đến chỗ khác, bởi do thế mới gọi tên Giới ấy là **Phong.**

Phong Giới có sáu thể loại, là:

1. Hướng Thượng Phong (Uddhaṅgamāvāyo): là Phong Giới thổi hướng lên trên.

2. Hạ Lạc Phong (Adhogamavāyo): là Phong Giới thổi xuống phía dưới.

3. Nội Tạng Phong (Kucchiṭṭhavāyo): là Phong Giới hiện hữu trong lỗ hốc thuộc về bụng dưới.

4. Tràng Y Phong (Koṭṭhāsayavāyo): là Phong Giới hiện hữu trong ruột già.

5. Chuyển Động Phong (Aṅgamaṅgānusārivāyo): là Phong Giới hiện hữu khắp cả cơ thể.

6. Sổ Tức Phong (Assāsapassāsavāyo): là Phong Giới hơi thở vào ra.

Sáu thể loại Phong Giới đã vừa đề cập ở tại đây, sinh trú bên trong cơ thể của loài Hữu Tình, cũng còn được gọi là **Nội Thân Phong (Ajjhaattavāyo).** Còn gió thổi ở phía bên ngoài, gọi là **Ngoại Thân Phong (Bahiddhavāyo).**

Những cả bốn thể loại Giới gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong đây, gọi là Sắc Đại Hiển, vì làm thành Sắc to lớn, làm trưởng trội đối với tất cả các Sắc Pháp khác, và hiện bày rõ ràng. Chẳng hạn như các vật thể cho dù to hoặc nhỏ đi nữa, hiện bày được các hình dạng tướng trạng là cũng chính do bởi Sắc Đại Hiển ấy vậy. Và sắc màu da dẻ của các vật thể ấy hiện bày lên nhiều ít, hiện bày mạnh yếu, là cũng chính do bởi mãnh lực Sắc Đại Hiển kết hợp vào với

nhau nhiều hoặc ít. Chính vì thế, cả Tứ Sắc Đại Hiển này, rằng khi nói theo hình thù tướng trạng thì rất to lớn, rằng khi nói theo thực tính thì hiện bày rõ ràng hơn các Sắc Pháp khác.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Mahantāni hutvā bhūtāni pātubhūtānīti = Mahābhūtāni** - Những thể loại Sắc Pháp nào, rằng khi tính theo tướng trạng và thực tính, là to lớn và hiện bày rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Sắc Pháp ấy là Đại Hiển.

[**Chú thích**: Tứ Đại Hiển – Tứ Giới gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong – luôn luôn dính liền với nhau, không thể tách rời ra được. Tuy nhiên ở trong cùng một thể loại vật chất, thì Giới này có thể trưởng trội hơn các Giới khác; thí dụ như ở trong đất thì Địa Giới lớn trội hơn, ở trong nước thì Thủy Giới, ở trong lửa thì Hỏa Giới, và ở trong gió thì Phong Giới lớn trội hơn. Cả bốn Giới còn được gọi là Đại Hiển, bởi vì luôn luôn hiện hữu ở trong tất cả mọi hình thể vật chất, từ cực vi trần nhỏ tí ti cho đến cả thiên thể cực cự đại]

NGŨ SẮC THANH TRIỆT (PASĀDARŪPA 5)

1. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Cakkhuviññāṇa dhiṭṭhitaṃ hutvā samavisamaṃ cakkhati ācikkhantaṃ viya hotīti = Cakkhu** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú Tâm Nhãn Thức và có thực tính na ná y như là báo cho Tâm Nhãn Thức hiểu biết ở trong Cảnh rằng là Cảnh này thì tốt, Cảnh ấy thì không tốt, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Nhãn,** tức là Nhãn Thanh Triệt.

Tất cả những con mắt không được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt. Chỗ được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt đây, là một thể loại Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt như pha lê, làm thành vật dụng tiếp thâu Cảnh Sắc, ẩn trú ở khoảng giữa tâm điểm tròng mắt đen, có bảy tầng lớp màng con mắt y như núm bông gòn tẩm ướt sũng dầu hết cả bảy lớp, to ước độ bằng đầu của con chí, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Nhãn Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn) chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Nhãn Môn.

2. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Sotaviññāṇadhiṭṭhi taṃ hutvā saddaṃ suṇātīti = Sotaṃ** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú Tâm Nhĩ Thức, và thường được lắng nghe âm thanh, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Nhĩ,** tức là Nhĩ Thanh Triệt. Một phần khác nữa: **Saddaṃ suṇanti etenāti = Sotaṃ (vā) Sadde suyyanti etenāti = Sotaṃ** - Tất cả những Tâm, Tâm Sở thường được lắng nghe âm thanh do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, chính vì thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của những thể loại Tâm, Tâm Sở ấy, gọi tên là **Nhĩ,** tức là Nhĩ Thanh Triệt (hoặc) Tất cả loài Hữu Tình được nghe thấy âm thanh do bởi Sắc Pháp ấy, chính vì thế mới gọi tên Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của Chúng Hữu Tình ấy là **Nhĩ,** tức là Nhĩ Thanh Triệt.

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** là việc trình bày theo phần gián tiếp. Còn ở trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, là việc trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhayanaya)** là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Nhĩ Thanh Triệt là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các âm thanh; đã ẩn trú trong khoang tai, có hình dạng giống như vòng đai, và nơi ấy mọc lông sợi đen mịn. Nhĩ Thanh Triệt tỏa rộng ra khắp mọi khu vực, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Nhĩ Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Nhĩ Môn.

3. Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Ghāyatīti = Ghānaṃ** - Sắc Pháp nào thường thường hít ngửi khí hơi, Sắc Pháp ấy được gọi tên là **Tỷ,** tức là Tỷ Thanh Triệt. Việc trình bày phần Chú Giải này, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** là việc trình bày theo phần gián tiếp; bởi vì Tỷ Thanh Triệt không có khả năng ngửi khí hơi được, mà trái lại Tâm Tỷ Thức sinh khởi do bởi nương vào Tỷ Thanh Triệt mới là người ngửi và biết được khí hơi. Tuy nhiên chỗ trình bày câu Chú Giải như vậy, là việc trình bày có ý nghĩa là việc ngửi khí hơi của Tâm Tỷ Thức ấy đang an trú trong Tỷ Thanh Triệt, thế rồi rút lấy Tỷ Thanh Triệt này lên trình bày, y như thể Tỷ Thanh Triệt này là người ngửi khí hơi ấy vậy. Và nếu sẽ đem tỷ đối với lời nói rằng "Căn nhà ấy rất bề bộn" thì nói với thể loại này, là lập ý nhắm vào con người ở trong căn nhà ấy, bởi vì căn nhà không thể bề bộn được, mà trái lại chỉ có con người ở trong căn nhà ấy mới bề bộn. Một phần khác nữa đã có trình bày rằng: **Ghāyanti etenāti = Ghānaṃ (vā) Ghāyīyanti etenāti = Ghānaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường hít ngửi khí hơi với Sắc Pháp nào, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc hít ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tình mới được gọi tên là **Tỷ** (hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình cần phải ngửi khí hơi với Sắc Pháp ấy, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc cần phải ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tính mới được gọi tên là **Tỷ.**

Cả hai phần Chú Giải này, là việc trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhayanaya),** là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Tỷ Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các khí hơi; đã ẩn trú ở trong khoang mũi, có hình dạng giống như móng dê, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Tỷ Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Tỷ Môn.

4. Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Jīvitaṃ avhāyatīti = Jivhā** - Sắc Pháp nào có thực tính na ná như kêu gọi mùi vị, và làm thành tác nhân cho kéo dài tuổi thọ, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Thiệt.**

Từ ngữ **Jivhā** này được chiết tự ra thành hai từ ngữ, là **Jīvita + Avhā.** Từ ngữ **Jīvita** dịch là **Tuổi Thọ,** tuy nhiên trong chỗ này được dịch là **Rasa (Mùi Vị),** bởi vì tuổi thọ sẽ được an trụ là cũng phải nương vào các mùi vị, nghĩa là việc thọ thực với những thực phẩm có vị chua, ngọt, v.v. thì tuổi thọ sẽ được an trụ lâu dài; chính vì thế, mới rút lấy từ ngữ **Jīvita** làm thành tên gọi của tuổi thọ và là hệ quả của **Rasa (Mùi Vị)** trong khi ấy được đặt để làm

Tác Nhân. **Rasa (Mùi Vị)** là gọi các mùi vị, còn **Jīvita** chỉ là việc gọi theo **Phần Quả Báo Cận Lân (Phalūpacaranaya)** tức là gọi theo Phần gián tiếp.

Từ ngữ **Avhā** dịch "gọi, loan báo"; khi đã được kết hợp với từ ngữ **Jīvita** cũng chính là lập ý nhắm đến việc gọi các mùi vị ấy vậy, vì lẽ thông thường Thiệt Thanh Triệt đây, hằng có thiên hướng ở trong các mùi vị là chỗ xứng ý toại nguyện của Tâm Thiệt Thức thường lui tới. Khi đã kết hợp từ ngữ **Jīvita** với từ ngữ **Avhā** vào với nhau và thành **Jivhā**, có nghĩa là từ ngữ **Jīvita** ấy, đổi **Ī** thành **I**, còn cả hai từ ngữ **Vi** với **Ta** này thì loại trừ ra; đối với từ ngữ **Avhā** thì loại trừ **A** ra, và chỉ còn lại **Vhā**; chính vì thế, khi kết hợp vào mới thành **Jivhā**.

Thiệt Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các mùi vị; đã ẩn trú trong khoảng giữa bề mặt cái lưỡi, có hình dạng giống như đầu đóa hoa sen và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Thiệt Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Thiệt Môn.

5. Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kucchitānaṃ kesādīnaṃ pāpadhammānañca āyoti = Kāyo** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ tựu hội của các thành phần khác, có tóc, v.v. là chỗ đáng ghét bỏ; và làm thành chỗ tựu hội của Bất Thiện Pháp, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi là Thân, tức là tất cả các thân thể.

Về việc gọi tên Thân Thanh Triệt là Thân, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp; là việc gọi theo **Phần Bộ Phận Đơn Nhất (Ekadesayūpacāranaya);** là việc rút lấy từ ngữ Thân làm thành tên gọi của tất cả các thân thể, và đem đặt để thành một bộ phận duy nhất ở trong Thân Thanh Triệt. Hoặc một phần khác nữa, gọi tên Thân Thanh Triệt là Thân, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** có nghĩa là rút lấy từ ngữ **Kāya** làm thành tên gọi của thân thể, đem đặt để thành một bộ phận duy nhất và nương sinh trong Thân Thanh Triệt.

Thân Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các sự vật tiếp xúc đụng chạm, như có lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng. Thân Thanh Triệt này ẩn trú ở trong khắp cả cơ thể, chỉ ngoại trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, bề mặt lớp da chết khô, và chỗ tựu hội các vật thực mới trong ruột già, là thuộc lãnh địa **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo);** vả lại có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Thân Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Thân Môn.

Cả năm thể loại Sắc Pháp gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân đây, gọi tên là Sắc Thanh Triệt, vì có thực tính trong suốt, và có khả năng tiếp thâu các Cảnh của mình. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Pasīdatīti = Pasādo** - Sắc Pháp nào có sự trong suốt, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là **Thanh Triệt.**

[**Chú thích**: **Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)** mang ý nghĩa là phần nhậy cảm của ngũ giác quan, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Phần nhậy cảm này có khuynh hướng làm tỏ sáng các thành phần Sắc Pháp khác ở trong giác quan. Ví dụ như theo thông thường khi gọi là **con**

mắt (Cakkhu) là sự tập hợp bao gồm rất nhiều **Yếu Tố (Sasambhāra)** khác nhau của Sắc Pháp, gồm có Tứ Đại Hiển, Tứ Sắc Y Sinh với Cảnh Sắc, Khí, Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Mạng Quyền Lực và Nhãn Thanh Triệt, làm thành một **Khối Tổng Hợp Sắc (Kalāpa)**, gọi tên là **Khối Tổng Hợp Thân Thập (Kāyadassakakalāpa).** Phần nhậy cảm ấy (**Cakkhupasāda – Thân Thanh Triệt**) nằm ngay giữa tròng mắt đen và làm cho nhìn thấy được các sự vật; và làm cho nương sinh, nương trú **Tâm Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇa)** và trở thành phương tiện cho tiến trình tâm thức **Lộ Trình Nhãn Môn (Cakkhudvāravithī).** Tư Tâm Sở muốn thấy có khuynh hướng làm phát triển Nhãn Quan. Phần nhậy cảm **(Pasādarūpa – Sắc Thanh Triệt)** các giác quan khác cũng được hiện hành tương tự theo cùng một phương thức với Nhãn Thanh Triệt.]

THẤT SẮC HÀNH TRẠNG (VISAYARŪPA) HOẶC SẮC THÔNG HÀNH (GOCARARŪPA)

1. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rūpayati hadayaṅgatabhāvaṃ pakāsetīti = Rūpaṃ** - Sắc Pháp nào thường hay biểu thị sự hiểu biết của tâm thức cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc, hoặc **Rūpayati dabbaṃ pakāsetīti = Rūpaṃ** - Sắc Pháp nào thường hay biểu thị thực thể vật chất, hình dáng tướng trạng cho hiện bày, bởi thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên **Cảnh Sắc.**

Giải thích rằng một người đang có những sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. và một khi tha nhân đã trông thấy được cử chỉ điệu bộ và diện mạo của người ấy, thì cũng có sự thấu hiểu được rằng người ấy đang có sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. Trong sự việc mà tha nhân có được sự thấu hiểu như thế, là cũng do bởi chính Cảnh Sắc ấy làm thành người biểu thị sự hiểu biết của người ấy cho hiện bày ra ngoài. Hoặc một phần khác, các thực thể vật chất, hoặc hình dáng tướng trạng của các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà đã được hiện bày cho được hiểu biết đấy, cũng chính là do nương vào Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho hiện bày ấy vậy. Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày cho tha nhân nhìn thấy và thấu hiểu được đó, cũng chính là các sắc màu vậy.

2. Cảnh Thinh (Saddārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Saddīyati uccārīyatīti = Saddo** - Sắc Pháp nào phát âm ra, bởi thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thinh, tức là âm thanh của tất cả Chúng Hữu Tình phát ra; hoặc **Sappati sotaviññeyyabhāvaṃ gacchatīti = Saddo** - Sắc Pháp nào thường đạt đến thực tính làm cho Tâm Nhĩ Thức thấu hiểu được, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thinh.

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất lập ý chỉ lấy âm thanh của tất cả các vật thể hữu sinh mạng đang vận dụng để truyền phát ra, chẳng hạn như âm thanh người đang nói, và âm thanh của các loài Hữu Tình kêu hoặc rống lên. Còn trong câu Chú Giải ở điều sau, lập ý đến âm thanh của tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, bởi vì những âm thanh này đặng làm thành Cảnh của Tâm Nhĩ Thức, cũng chính là các thinh âm vậy.

3. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Gandhayati attano vatthuṃ sūcetīti = Gandho** - Sắc Pháp nào thường biểu hiện chỗ nương trú của mình, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là **Khí.**

Giải thích rằng các khí hơi gọi tên là Cảnh Khí, vì lẽ làm thành Sắc Pháp biểu hiện cho đặng thấu hiểu đến thực thể vật chất mà mình đang nương trú, chẳng hạn như bông hoa có hương thơm, hoặc các hương phẩm, v.v. Cho dù các vật thể này sẽ hiện hữu ở chỗ nào đi nữa, một khi Cảnh Khí đã có được cơ hội lan tỏa ra rồi, thì thường làm cho tất cả mọi người tức thì biết được rằng đây là hương thơm của đóa hoa, đây là hương thơm của hương phẩm; và cũng biết được rằng đóa hoa, hoặc hương phẩm đang hiện hữu ở nơi nào; y như là Cảnh Khí này một khi đã tiếp xúc với Phong Giới rồi, thì sẽ loan tin cho tất cả mọi người biết được rằng đóa hoa ở chỗ ấy, hương phẩm ở nơi này. Vì lý do như vậy mà một số Phụ Chú Giải Sư mới giải đáp từ ngữ **Sūceti** là **Idamettha atthīti pesuññaṃ karontaṃ viya hoti** - Cảnh Khí này có thực tính na ná như báo hiệu cho biết rằng các thực thể vật chất ấy đang ở chỗ này vậy (tương tự như lạy ông tôi ở bụi này).

4. Cảnh Vị (Rasārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rasīyati assādīyatīti = Raso** - Sắc Pháp nào làm cho Tâm Thiệt Thức hoan hỷ duyệt ý, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy làm thành chỗ hoan hỷ duyệt ý của Tâm Thiệt Thức ấy là Vị.

Giải thích rằng Cảnh Vị tức là các mùi vị ấy cho dù sẽ là tốt hoặc không tốt đi nữa, cũng thường làm thành chỗ hoan hỷ duyệt ý đối với Tâm Thiệt Thức hết cả thảy. Từ ngữ nói rằng "duyệt ý" trong chỗ này chính là lập ý đến việc thấu hiểu mùi vị ấy, và chẳng phải nhắm đến con người; bởi vì lẽ thường con người thường chỉ có duyệt ý ở trong mùi vị tốt thôi, còn đối với mùi vị không tốt thì ắt hẳn là bất duyệt ý. Đối với Tâm Thiệt Thức ấy, thì cho dù mùi vị tốt hoặc không tốt đi nữa, thì cũng đều duyệt ý để nếm hết cả thảy các mùi vị ấy.

5. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Phusatab banti = Phoṭṭhabbaṃ** - Sắc Pháp nào mà Thân Thanh Triệt phải bị xúc chạm, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là **Xúc.** Cảnh Xúc có ba thể loại, ấy là:

1. Cảnh Địa Xúc (Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa): tức là mềm, cứng.

2. Cảnh Hỏa Xúc (Tejophoṭṭhabbārammaṇa): tức là lạnh, nóng.

3. Cảnh Phong Xúc (Vāyophoṭṭhabbārammaṇa): tức là lỏng, căng.

Bởi do thế, cả ba Cảnh Xúc này cũng chính là ba Sắc Đại Hiển, loại trừ Thủy Đại Hiển ra. Đối với Thủy Đại Hiển ấy, thì Thân Thanh Triệt không thể xúc chạm được, và chính vì thế, mới không vào trong Cảnh Xúc được.

Ở trong thể loại nước thông thường hoặc nước đá, thì có rất nhiều Thủy Giới; tuy nhiên trong thời gian mà chúng ta lấy tay nhúng vào ở trong nước và có được cảm giác rằng lạnh, nóng, mềm, cứng, thì đó cũng chỉ là Địa Giới, Hỏa Giới hiện hữu ở trong nước ấy mà thôi. Còn riêng đối với Thủy Giới có ở trong nước ấy, thì chẳng phải là Sắc Pháp mà đã được xúc chạm; chính vì thế, mới không thể nào được biết do bởi cái Tâm Thân Thức, mà chỉ có thể

biết được qua việc tư duy nghĩ suy mà thôi. Chẳng hạn như trong thời gian mà chúng ta đã được trông thấy thực thể vật chất có hình dáng là góc cạnh, hoặc tròn, hoặc dài đó; thì quả thật là chúng ta chẳng phải đã được trông thấy là góc cạnh, hoặc tròn, hoặc dài của các vật thể ấy đâu, mà trái lại chúng ta chỉ có thể được trông thấy các sắc màu đang hiện hữu ở trong các vật thể ấy mà thôi. Và một khi chúng ta sẽ nhận thức được rằng vật thể ấy là sắc màu có góc cạnh, vật thể này là có sắc màu tròn, cũng chính là do bởi việc tư duy nghĩ suy mà thôi. Bởi vì những thể loại của góc cạnh hoặc tròn đây, chẳng phải là Cảnh Sắc, mà đó chính là Cảnh Pháp, và chính vì thế mới không thể trông thấy bằng mắt được, mà chỉ phải bằng Tâm mới có thể biết được. Như đã có nêu lên thí dụ điển hình để trình bày ở tại đây đặng làm cho nhận thức được rằng Thủy Giới hiện hữu ở trong nước, thì cũng tương tự như nhau, là không thể xúc chạm được, bởi vì chẳng phải là Cảnh Xúc, mà đó chỉ là Cảnh Pháp, và chỉ sẽ được biết là do bởi nương vào việc tư duy nghĩ suy mà thôi.

Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị và cả ba Cảnh Xúc, một khi kết hợp 7 Sắc Pháp này lại thì được gọi tên là **Sắc Hành Trạng (Visāyarūpa)** vì lẽ những thể loại Sắc này làm thành Cảnh của Tâm, Tâm Sở nương sinh theo Lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân một cách trực tiếp. Và chỗ gọi là **Sắc Thông Hành (Gocararūpa)** cũng vì làm chỗ thông hành của Tâm, Tâm Sở nương sinh ở trong cả Lục Môn. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Gāvo caranti = Gacaro, Gocarasadisāti = Gocarā** - Tất cả những con bò thường hay du ngoạn trong chỗ ấy, bởi do thế, chỗ ấy mới gọi tên **Ngưu Hành Đạo,** tức là lãnh địa mà tất cả các con bò thường hay lui tới. Những thể loại Sắc nào làm thành chỗ du hành **Tâm Lục Môn (Chadvārikacitta)** tương tự như chỗ du ngoạn của tất cả các con bò, bởi do thế, những thể loại Sắc ấy được gọi tên là **Thông Hành Đạo.**

Thể theo câu Chú Giải đã trình bày tại đây, là việc trình bày theo **Phần Tương Đồng (Sadisūpacāranaya)**, có nghĩa là việc trình bày bởi theo việc tỷ giảo so sánh. Một phần khác nữa, trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhyanaya)**, như vầy: **Gāvo caranti etthāti = Gocaraṃ** - Tất cả các Quyền Lực có **Nhãn Quyền Lực (Cakkhundrīya)** v.v. thường hay du hành trong Cảnh có Cảnh Sắc v.v. bởi do thế, Cảnh có Cảnh Sắc v.v. mới gọi tên **Thông Hành.** Ở trong chỗ này, từ ngữ **Go – Bò** được dịch **Indrīya – Quyền Lực.** Từ ngữ **Gocara – Thông Hành** với **Ārammaṇa – Cảnh** có cùng một ý nghĩa tương tự như nhau.

[**Chú thích**: Những hiện tượng các Sắc Pháp làm thành đối tượng cho các giác quan, và tác động như hỗ trợ làm cho khởi sinh sự thấu hiểu của giác quan tương ứng. Từ ngữ **Sắc (Rūpa)** trong Cảnh Sắc, bao hàm cả hai ý nghĩa, sắc màu và hình tướng. Từ ngữ **Xúc (Phoṭṭhabba)** trong Sắc Pháp, với Thủy Giới có đặc tính cực vi tế nên Ngũ Quan không thể nào cảm nhận được. Chỉ còn lại ba Giới kia của Sắc Đại Hiển, tức là Địa Giới, Hỏa Giới và Phong Giới, được xem như là Cảnh Xúc, tức là giác quan có thể cảm nhận được. Thí dụ như ở trong thể loại nước thông thường hoặc nước đá; thì đặc tính lạnh là Hỏa Giới, đặc tính mềm lỏng là Địa Giới, và có sức nặng đè xuống hoặc áp lực, là Phong Giới. Và quả thật, không thể xúc chạm được đặc tính dính liền của Thủy Giới vậy.]

NHỊ SẮC BẢN TÍNH (BHĀVARŪPA 2)

1. **Nữ Giới Tính (Itthībhāva):** có câu Chú Giải trình bày rằng: **Itthiyā bhāvo = Itthibhāvo** - Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nữ giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Nữ Giới Tính.**

2. **Nam Giới Tính (Purisabhāva):** có câu Chú Giải trình bày rằng: **Pumassa bhāvo = Pumbhāvo** - Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nam giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Nam Giới Tính (Pumbhāva** hoặc **Purisabhāva).**

Xác thân tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện hữu trong thế gian này, sẽ biết được rằng nữ giới hoặc nam giới ấy, là cũng do nương vào bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết, ấy là:

1/. Tính Biệt (Liṅga): sắc tướng hình thể, có tay, chân, mặt, mắt, giới tính, v.v.

2/. Trẫm Triệu (Nimitta): biểu tượng dấu hiệu, như có râu ria, không có râu, v.v.

3/. Tính Hạnh (Kutta): tính tình và hạnh kiểm, chẳng hạn như việc nô đùa chơi giỡn, các hành động tạo tác, v.v.

4/. Hành Trạng (Ākappa): cử chỉ oai nghi, như việc đi, đứng, nằm, ngồi, việc ăn, việc nói v.v.

Cả bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết đến giới tính đây thường luôn được hiện bày vận hành thể theo cả hai Sắc Giới Tính. Nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nữ Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nữ giới. Và nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nam Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nam giới.

[**Chú thích**: **Nữ Giới Tính (Itthabhāva)** và **Nam Giới Tính (Purisabhāva)** còn được gọi là **Nữ Căn (Itthindriya – Nữ Quyền Lực)** và **Nam Căn (Purisindriya – Nam Quyền Lực);** biểu thị trạng thái phân biệt về hai Giới Tính. (Xin xem thêm về phần Quyền Lực Duyên, bộ Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thú, Tập IV, trang 101)]

NHẤT SẮC TÂM CƠ (HADAYARŪPA 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Hadanti sattā taṃ taṃ atthaṃ vā anatthaṃ vā pūrenti etenāti = Hadayaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do nương vào Sắc Pháp ấy, mà thường tạo tác cho khởi sinh lên điều lợi ích và không lợi ích, chính vì thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình tạo tác điều lợi ích và không lợi ích, mới được gọi tên là Sắc Tâm Cơ.

Mỗi ngày tất cả Chúng Hữu Tình đã và đang tạo tác với nhau biết bao nhiêu việc; nếu như tác hành những Thiện Sự tác thành hữu ích thì gọi là **Thiện Nghiệp Lực (Kusala kamma)**; và nếu như tạo tác bao điều Bất Thiện Sự tác thành vô ích thì gọi là **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma).** Cho dù Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực sẽ phải sinh khởi đi nữa, thì thiết yếu cũng cần phải nương sinh vào Sắc Tâm Cơ. Đối với trong Cõi Ngũ Uẩn, nếu nhỡ như chẳng có Sắc Tâm Cơ, thì ắt hẳn Chúng Hữu Tình không thể nào

tạo tác được bất luận một công việc nào, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi, hiểu biết các sự kiện, v.v. cũng không thể nào thực hiện được, mà trái lại chỉ như một hình tượng, con rối thôi. Bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho thành tựu ở trong mọi công việc, như đã vừa đề cập đến, mới được gọi là Sắc Tâm Cơ.

Sắc Tâm Cơ này có hai thể loại, là:

1. Sắc Tâm Tạng (Maṅsahadayarūpa): tức là Sắc trái tim có trạng thái na ná như đóa hoa sen.

2. Sắc Ý Vật (Hadayavatthurūpa): tức là một thể loại Sắc Nghiệp Lực sinh trú trong Sắc Tâm Tạng.

Từ ngữ Sắc Tâm Cơ trong chỗ này, là lập ý lấy Sắc Ý Vật, hay còn gọi là Sắc Ý Vật. Cư xứ Sắc Tâm Cơ là ẩn trú ở trong khoang lỗ hổng có trạng thái giống như cái hố, to ước chừng bằng hạt **Hoa Nguyệt Quế (Punnāga)** ở bên trong trái tim. Bên trong khoang này có máu nuôi dưỡng độ chừng một bao tay, là chỗ nương sinh của **Ý Giới (Manodhātu)** và **Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu).**

[**Chú thích**: Sắc Tâm Cơ, hoặc là "cứ điểm của Tâm Thức". Ở trong **Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgani)** đã không có đề cập đến Sắc Pháp này. Trong Bộ Chú Giải **Atthasālinī** thì từ ngữ **Hadayavatthu** đã được giải thích là **Cittassa vatthu** - cứ điểm của Tâm Thức (căn cứ từ nơi đó mà Tâm sinh khởi). Như vậy, chúng ta thấy rõ Đức Phật đã không chỉ rõ một cứ điểm nào cho Tâm Thức, hoặc là trái tim hay là đầu não; như Ngài đã có chỉ rõ khi đề cập đến các giác quan khác. Vào thời kỳ của Đức Phật, phần đông người ta đã tin rằng trái tim là Sắc Tâm Cơ, và luận thuyết này hiển nhiên đã được Bộ Kinh **Upanishad** hỗ trợ. Lúc bấy giờ, cũng nên hiểu biết rằng, Đức Phật đã không hề xác nhận, hoặc phủ nhận luận thuyết rất phổ thông vào thời cổ xưa ấy, đã cho rằng Sắc Tâm Cơ là trái tim. Ở trong bộ **Kinh Phát Thú (Paṭṭhāna)** là Bộ Kinh đề cập đến Duyên Hệ Tương Quan, Đức Phật đã lập ý khải thuyết đến cứ điểm của Tâm Thức bằng những danh từ gián tiếp là **Yaṃ rūpaṃ nissāya** - Y cứ trên Sắc Pháp này, và không quả quyết xác nhận **Sắc Pháp (Rūpa)** ấy là trái tim, hoặc là đầu não. Tuy nhiên, theo quan niệm của các Chú Giải Sư, có các Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** và Ngài **Anuruddha** thì quả quyết cứ điểm của Tâm Thức (Sắc Tâm Cơ) vẫn là trái tim.]

NHẤT SẮC MẠNG QUYỀN LỰC (JĪVITARŪPA 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Jīvanti sahajātadhammā etenāti = Jīvitaṃ** - Tất cả các Sắc Pháp câu sinh vẫn còn được sinh tồn với việc nương vào Sắc Pháp ấy, bởi do thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả các Sắc Pháp câu sinh vẫn còn được sinh tồn, mới gọi tên là Sắc Mạng Quyền Lực.

Từ ngữ tất cả các Sắc Pháp câu sinh trong chỗ này, tức là Sắc Nghiệp Lực và tất cả các Sắc Nghiệp Lực sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ đây, cũng bởi do có Sắc Mạng Quyền Lực làm vị bảo hộ. Và Sắc Nghiệp Lực này cho dù thực sự sẽ là Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực đi nữa, thế nhưng Nghiệp Lực này lại chẳng phải là vị bảo hộ, vì lẽ Nghiệp Lực làm thành **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)** cho tất cả những Sắc Pháp này đã trôi qua quá khứ

rồi, mới không có mãnh lực ở trong việc bảo hộ cho Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi mình được; và chính vì thế mới cần phải có một thể loại Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ, ấy chính là Sắc Mạng Quyền Lực vậy.

Còn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thì chẳng cần phải có Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ đặng cho có được việc sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ cho đến hết tuổi thọ của mình; cũng bởi vì đích thị chính những thể loại Sắc Pháp đấy đã có xuất sinh xứ làm vị bảo hộ cho mình rồi.

[**Chú thích**: Sự sống hiện hữu trong hai thành phần, Danh Pháp và Sắc Pháp. Đời sống thuần túy tâm linh – Danh Mạng Quyền Lực – vốn dĩ là một trong 52 Tâm Sở. Đời sống thuần túy vật chất – Sắc Mạng Quyền Lực – vốn dĩ là một trong 28 Sắc Pháp. Kết hợp cả hai này lại, là những yếu tố chánh yếu của cái gọi là loài Hữu Tình. Danh Mạng Quyền Lực là 1 trong 7 Tâm Sở Biến Hành, và Sắc Mạng Quyền Lực thì được kết hợp với hầu hết tất cả những Sắc Pháp, ngoại trừ xác tử thi. Đồng thời, một khi Tâm Tái Sinh sinh khởi, thì Sắc Mạng Quyền cũng khởi sinh cùng một lúc với Khối Sắc Nghiệp Lực Tổng Hợp Thân Thập; và Sắc Mạng Quyền Lực được xem như có **Quyền Lực (Indrīya)** vì có ảnh hưởng mạnh mẽ và tạo sức sống đến những phần tử Sắc Pháp khác đồng câu sinh.]

NHẤT SẮC VẬT THỰC (ĀHĀRARŪPA 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kabaḷaṃ karīyatīti = Kabaḷīkāro** - Thực phẩm nào người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, hoặc thực hiện cho làm thành thức ăn, bởi do thế mới gọi tên thực phẩm ấy là **Đoàn Thực. Āhārīyatīti = Āhāro** - Người ta đã ăn và nuốt với thực phẩm nào, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là **Vật Thực. Kabaḷīkāro ca so āhāro cāti = Kabaḷīkārāhāro** - Thực phẩm nào người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, đã ăn và nuốt đi, bởi thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là **Đoàn Thực.**

Từ ngữ **Kabaḷīkārāhāra** đây, là tên gọi tất cả các vật thực, thế nhưng trong chỗ này đang trình bày đến Sắc Vật Thực, chính vì thế Đoàn Thực mới thành **Chất Bổ Phẩm (Ojā)** hiện hữu ở trong các vật thực.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Chất Bổ Phẩm (Ojā): Attano udayānantaraṃ rūpaṃ janetīti = Ojā** - Pháp chủng nào vẫn làm cho các Sắc Pháp câu sinh với mình nối tiếp sinh khởi không gián đoạn, bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là **Chất Bổ Phẩm.**

Sắc Bổ Phẩm này một khi đã thấm nhập vào trong cơ thể Chúng Hữu Tình rồi, thì thường làm cho Sắc Vật Thực tức thì sinh khởi; có nghĩa là Sắc Bổ Phẩm này đã làm cho cơ thể Chúng Hữu Tình có được năng lực và tăng trưởng lên cho đến mức cùng cực, thì chẳng còn phát triển to thêm được nữa. Thế rồi, Chất Bổ Phẩm này cũng còn làm nhiệm vụ dắt dẫn Sắc Vật Thực đặng làm cho cơ thể được sung mãn và cho được sinh tồn.

[**Chú thích**: Những vật thực thô sơ được đem vào để ăn bằng cách làm thành từng miếng ăn nhỏ. Tại đây, từ ngữ **Vật Thực (Āhāra)** bao hàm ý nghĩa là **Chất Bổ Phẩm (Ojā),** là chất dinh dưỡng để dưỡng nuôi cơ thể vật chất. Ở trong câu Phật Ngôn **Sabbe sattā**

āhāraṭṭhitikā - Nhất thiết chúng sinh duy thực tồn, tất cả Chúng Hữu Tình đều được sinh tồn do nhờ vào cả hai thể loại vật thực, Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực. Từ ngữ **Vật Thực (Āhāra)** mang ý nghĩa là một **trợ duyên (Paccaya)**, hay là một điều kiện.]

NHẤT SẮC HẠN GIỚI (PARICCHEDARŪPA 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Na kassatīti akāso, akāsoyeva ākāso** - Chỗ nào bất khả giới hạn được, chính vì thế chỗ ấy mới gọi tên là **Hư Không.** Chính ngay chỗ nào bất khả giới hạn được, thì gọi tên là **Hư Không. Hư Không (Ākāsa)** có bốn thể loại, là:

1. Cõi Hư Không Giới (Ajaṭākāsa): tức là cõi trống không ở cả hai phía của hư không. Ở mặt phía dưới thì được tính kể từ dưới nền lục địa và mặt nước hứng đón nền lục địa ấy; ở mặt phía trên thì được tính kể từ Cõi Vô Sắc Giới trở lên.

2. Hạn Chế Không Giới (Paricchinnākāsa): tức là khoảng trống không đã có ấn định giới hạn, chẳng hạn như khoang cửa cái, khoang cửa sổ, khoang tai, khoang mũi, khoang miệng, v.v.

3. Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh (Kasiṇugghāṭimākāsa): tức là Hư Không đã xả bỏ lìa khỏi cả 9 đề mục Hoàn Tịnh.

4. Hạn Giới Hư Không (Paricchedākāsa): tức là khoảng trống xen kẽ ở giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc nối tiếp, và đó chính là Sắc Hạn Giới vậy.

Ở trong những thể loại Cõi Hư Không Giới, Hạn Chế Không Giới, Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh này, thì ắt hẳn thường luôn có Hạn Giới Hư Không, nghĩa là hằng luôn có Sắc Hạn Giới. Lại nữa, trong tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhỡ như chẳng có khoảng trống, tức là Hạn Chế Không Giới thì những vật thể ấy sẽ không tài nào để làm cho biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng được đâu. Chúng ta chỉ sẽ được biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng, là cũng chỉ do bởi Hạn Chế Không Giới đấy như thế nào; thì tất cả các Sắc Pháp hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhỡ như chẳng có Sắc Hạn Giới thì cũng không có được số lượng Khối Tổng Hợp Sắc Pháp, cũng không có chỗ cuối cùng của Sắc Pháp, và cũng không có hạn định ranh giới của Sắc Pháp. Những thể loại Sắc Pháp ấy sẽ dính liền với nhau thành hàng dãy dài không dứt. Một khi đã là như vậy, thì **Sinh Diệt Trí (Udayabbañāṇa)** và **Hoại Diệt Trí (Bhaṅgañāṇa)** liên quan với Sắc Pháp cũng không thể sinh khởi lên được, vì lẽ không có khả năng để quán sát sự sinh diệt của Sắc Pháp ấy được.

[**Chú thích**: Thể theo các Chú Giải Sư ở Đảo Quốc Tích Lan, thì danh từ **Ākāsa** được xuất nguyên từ ngữ căn **Ā + Kas**, cày bừa; vì lẽ không thể cày như trên nền đất, nên gọi không gian là **Ākāsa**. Nó còn mang một ý nghĩa khác nữa, là sự nhận thấy, sự nhận ra. Thể theo **Chú Giải Sư Ledi Sayadaw** thì danh từ này có nghĩa là "chói sáng, xuất hiện". Tuy nhiên **Ākāsa** vốn tự nó là Hư Không, là một nguyên tố, cũng còn được gọi là Không Giới, trong ý nghĩa là một **Nijjīva** không có thực thể, chẳng phải như một Giới "sống" như là Tứ Sắc Đại Hiển. Khi được kể là 1 trong 28 Sắc Pháp, **Ākāsa** không mang ý nghĩa là lớp không gian rộng lớn ở bên ngoài vũ trụ, mà chính là lớp không gian ở bên trong của Sắc Pháp, phân chia giới hạn những **Khối Tổng Hợp Sắc Pháp (Kalāpa)** với nhau. Vì lẽ ấy, Tạng Vô Tỷ Pháp

đã xem **Paricchedarūpa** là **Sắc Hạn Giới.** Cho dù **Ākāsa (Hư Không)** chẳng phải là một đối tượng có thực thể, tuy nhiên vì nó được kết hợp với tất cả những Sắc Pháp được khởi sinh do bởi tác nhân, cùng như thế Sắc Hạn Giới đã được tạo nên do bởi bốn tác nhân, ấy là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực; cùng với thực tướng sinh diệt và hoại diệt.]

NHỊ SẮC BIỂU TRI (VIÑÑATTIRŪPA 2)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Adhippāyaṃ viññāpetīti = Viññatti** - Sắc Pháp nào đã làm cho người khác biết đến ý định và sở nguyện của mình, bởi do thế Sắc Pháp ấy mới gọi tên là Biểu Tri. **Viññatti** hoặc **Viññāyatīti = Viññatti** - Sắc Pháp nên được biết bởi do tự chính mình, chính vì thế mới gọi tên là Biểu Tri. Hoặc **Viññāpenti janā viññāyanti vā janehi aññamaññassa cittāni etāyāti = Viññatti** - Tất cả mỗi con người, do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, đã làm cho hiểu biết tâm ý lẫn nhau; hoặc tất cả mỗi con người, do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, đã hiểu biết được tâm ý lẫn nhau; bởi thế Sắc Pháp ấy mới gọi tên Biểu Tri.

Bất luận người nào ngay đang khi biểu lộ cử chỉ oai nghi qua việc ngoắt tay hoặc nói năng, và đã làm cho tha nhân thấu hiểu được ý định và sở nguyện của người ấy; là cũng do bởi việc ngoắt tay hoặc việc nói năng đã có khởi sinh lên cử chỉ biểu hiện đặc biệt. Cử chỉ biểu hiện đặc biệt này gọi là Sắc Biểu Tri. Và nếu nhỡ như chẳng có Sắc Biểu Tri này rồi, thế thì việc chuyển động Chúng Hữu Tình cũng chẳng có sai khác chi với việc chuyển động lá cây; và âm thanh giọng nói Chúng Hữu Tình cũng chẳng có sai khác chi với sấm chớp trời mưa. Một khi đã là như vậy, thì tất cả mỗi con người sẽ không thể nào thấu hiểu được ý định và sở nguyện lẫn nhau; và cũng bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt phát sinh lên ở trong việc chuyển động về Thân, và việc nói năng về Lời của Chúng Hữu Tình, mới được gọi tên là Sắc Biểu Tri.

1. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): có câu Chú Giải nói rằng: **Kāyena viññatti = Kāyaviññatti** - Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là **Thân Biểu Tri.**

2. Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti): có câu Chú Giải nói rằng: **Vaciyā viññatti = Vacīviññatti** - Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc nói năng; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc nói năng về Lời, mới được gọi tên là **Ngữ Biểu Tri.** Sắc Biểu Tri có hai thể loại, là:

1. Trí Năng Biểu Tri (Bodhanaviññatti): tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời đã làm cho tha nhân thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

2. Chuyển Hình Biểu Tri (Pavattanaviññatti): tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời chỉ hiện hành theo lệ thông thường, và chẳng có lập ý để làm cho tha nhân thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

Bởi do thế ở trong cả hai Sắc Biểu Tri ấy mới được chia ra làm thành 4 thể loại, ấy là:

1. Trí Năng Thân Biểu Tri (Bodhanakāyaviññatti),

2. Chuyển Hình Thân Biểu Tri (Pavattanakāyaviññatti),

3. Trí Năng Ngữ Biểu Tri (Bodhanavacīviññatti),

4. Chuyển Hình Ngữ Biểu Tri (Pavattanavacīññatti).

[**Chú thích**: Từ ngữ **Viññatti (Biểu Tri)** mang ý nghĩa những biểu hiện truyền cảm qua việc sử dụng phương tiện mà người ta có thể truyền cảm tư tưởng với nhau; người này có thể hiểu biết ý định và sở nguyện của người kia. Có hai hình thức truyền thông, là **Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti),** biểu lộ bằng Thân, tức truyền cảm bằng hành động; và **Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti),** biểu lộ bằng Lời. **Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti)** phát nguyên do từ Tâm tạo nên Phong Giới, dắt dẫn đến hành động bằng Thân. **Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti)** phát nguyên do từ Tâm tạo ra Địa Giới. Thời gian tồn tại một Sắc Biểu Tri chỉ một sát na Tâm].

TAM SẮC BIẾN THỂ (VIKĀRARŪPA 3)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Viseso ākāro = Vikāro** - Trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là Biến Thể. Chú Giải này đã trình bày cho thấy rằng Sắc Biến Thể chẳng có trạng thái đặc biệt, mà đó chính là trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác khởi sinh, tức là:

1. Sắc Khinh Khoái (Rūpalahutā): có câu Chú Giải nói rằng: **Lahuno bhāvo = Lahutā** - Trạng thái nhẹ nhàng, gọi tên **Khinh Khoái. Rūpassa lahutā = Rūpalahūtā** - Trạng thái nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên **Sắc Khinh Khoái.**

2. Sắc Nhu Nhuyến (Rūpamudutā): có câu Chú Giải nói rằng: **Muduno bhāvo = Mudutā** - Trạng thái mềm mỏng, gọi tên **Nhu Nhuyến. Rūpassa mudutā = Rūpamudutā** - Trạng thái mềm mỏng của Sắc Thành Sở Tác, gọi tên **Sắc Nhu Nhuyến.**

3. Sắc Thích Sự (Rūpakammaññatā): có câu Chú Giải nói rằng: **Kammani sādhu = Kammaññatā** - Sự thích dụng trong các công việc, gọi tên là **Thích Sự. Kammaññassa bhāvo = Kammaññatā** - Thực tính thích dụng trong các công việc, gọi tên là **Thích Sự. Rūpassa kammaññatā = Rūpakammaññatā** - Thực tính thích dụng trong các công việc của Sắc Thành Sở Tác, gọi tên là **Sắc Thích Sự.**

Hai Sắc Biểu Tri đã vừa trình bày cũng được liệt kê vào trong Sắc Biến Thể như nhau, bởi do thế Sắc Biến Thể mới có được 5; và cả 5 Sắc Biến Thể này là những thể loại Sắc Pháp đặc biệt chỉ khởi sinh trong vật thể hữu sinh mạng thôi. Đối với cả 3 Sắc Biến Thể gồm Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, Thích Sự đây, một khi đã sinh khởi thì thường cùng đồng sinh khởi; và một khi đã sinh khởi rồi thì thường biểu thị cho hiểu biết được rằng các cử chỉ oai nghi với việc chuyển động các oai nghi lớn nhỏ, hoặc việc nói năng, thường được hiện hành với trạng thái trắc thủy hành châu một cách nhẹ nhàng êm ái và thích hợp, chẳng có điều chi trắc trệu trở ngại khó khăn cả.

[**Chú thích**: **Sắc Biến Thể (Vikārarūpa)** tính cách biến đổi của Sắc Pháp. Sắc Khinh Khoái chỉ cho sức khỏe của cơ thể vật chất, và được ví như một thanh sắt được nung đỏ suốt ngày. Sắc Nhu Nhuyến được ví như một tấm da được đập nhồi thật nhu nhuyến. Sắc Thích Sự thì đối nghịch với đặc tính cứng rắn của thân thể, và được ví như thỏi vàng được khéo giũa, khéo mài].

TỨ SẮC THỰC TƯỚNG (LAKKHAṆARŪPA 4)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ** - Tất cả các Pháp mà Bậc Hiền Trí đã phân tích thẩm xét được rằng những thể loại Pháp ấy là **Hữu Vi (Saṅkhata)** do việc nương vào Sắc Pháp này, bởi do thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc phân tích thẩm xét ấy, mới gọi tên là **Thực Tướng.**

Có hai thể loại Pháp, là **1/. Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma), 2/. Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma).**

+ **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** có nghĩa tất cả các Pháp đã bị tạo tác sắp bày do bởi 4 **Tác Duyên (Paccaya)** là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực; tức là Tâm, Tâm Sở và Níp Bàn.

+ **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)** có nghĩa tất cả các Pháp chẳng có bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên, tức là Níp Bàn và Chế Định.

Và ở trong tất cả các Pháp đã bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên ấy, thì thường có việc sinh khởi là **Sản Sinh (Jāti),** việc an trụ là **Lão Mại (Jaratā),** và việc diệt mất là **Vô Thường (Aniccatā),** là biểu tượng đặc trưng của tất cả các Pháp ấy. Còn tất cả các Pháp chẳng có bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên thì thường không có cả 3 biểu tượng đặc trưng như đã vừa đề cập đến; và đích thị chính cả 3 biểu tượng này làm thành tác nhân cho hiểu được rằng những thể loại Pháp này là Pháp Hữu Vi, những thể loại Pháp này là Pháp Vô Vi; bởi do thế, mới gọi là Thực Tướng.

Thực Tướng Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở thì có 3 thể loại như đã vừa đề cập đến. Còn Thực Tướng Sắc Pháp thì có 4 thể loại, là **Sản Sinh (Jāti)** chia ra làm 2, tức là **Tích Trữ (Upacaya), Thừa Kế (Santati);** đối với **Lão Mại (Jaratā)** và **Vô Thường (Aniccatā)** thì cũng tương tự như nhau. Như sẽ được giải thích tiếp theo đây:

1. Sắc Tích Trữ (Upacayarūpa): có câu Chú Giải nói rằng: **Ādito uparito ca cayoti = Upacayo** - Việc sinh khởi lần đầu tiên và việc sinh khởi những lần sau sau cho đến tròn túc số Sắc Pháp cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là **Tích Trữ.**

Ở trong sát na Tái Sinh của Chúng Hữu Tình, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên ấy, thì được gọi tên Tích Trữ. Và chỗ nối tiếp từ ở sát na Tái Sinh trở đi, thì việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực vẫn cứ tiếp tái sinh khởi liên tục chưa tròn đủ túc số của **Chúng Hữu Tình Thai Sinh (Gabbhaseyyasatta)** mãi cho đến tận tuần lễ thứ 11, thì Sắc Nghiệp Lực mới sinh khởi đà tròn đủ; chính vì thế việc sinh khởi Sắc Nghiệp Lực trong giai đoạn sau, chỗ nối tiếp từ ở sát na Tái Sinh trở đi cho mãi đến tròn đủ túc số ấy, mới được gọi tên Tích Trữ.

Còn các nhóm Chúng Hữu Tình thuộc Sản Địa **Thấp Sinh (Saṃsedaja)** và Sản Địa **Hóa Sinh (Opapātika)** ấy, thì Sắc Nghiệp Lực ngay trong sát na Tái Sinh đã sinh trọn đủ túc số rồi, bởi do thế chỉ có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ngay trong sát na Tái Sinh thì mới được gọi là Tích Trữ; còn Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở những lần sau sau, nối tiếp từ ở sát na Tái Sinh trở đi ấy, thì không được gọi là Tích Trữ.

2. Sắc Thừa Kế (Santatīrūpa): có câu Chú Giải nói rằng: **Saṃ punappunaṃ tati = Santati** - Sự sinh khởi một cách thường luôn của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Thừa Kế. Hoặc **Sambandhā tati = Santati** - Sự sinh khởi một cách liên tục nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Thừa Kế.

Một khi Sắc Nghiệp Lực đà sinh khởi tròn đủ rồi, tiếp nối thì Sắc Nghiệp Lục sinh khởi nối tiếp nhau liên tục cho đến suốt trọn kiếp sống, được gọi là Sắc Thừa Kế. Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực cũng tương tự như nhau, là một khi đã sinh khởi lần đầu tiên, hoặc một khi đã sinh khởi ở giai đoạn sau mãi cho đến các bộ phận của loài Hữu Tình ấy đà trọn đủ vẹn toàn, thì được gọi tên **Sắc Tích Trữ (Upacayarūpa).** Tiếp nối từ nơi ấy, tính kể từ các bộ phận đã được đầy đủ trở đi, thì những thể loại Sắc Pháp này sinh khởi nối tiếp nhau một cách liên tục mãi cho đến suốt trọn kiếp sống, được gọi là **Sắc Thừa Kế (Santatīrūpa).**

Ở trong Bộ Chú Giải **Atthasālinī** và Chú Giải Thanh Tịnh Đạo đã nêu lên ví dụ để so sánh với cả hai Sắc Tích Trữ và Sắc Thừa Kế này, là cũng ví như một giếng nước đã được đào lên ở sát cạnh con sông. Khi vừa mới đào xong, thì nước bắt đầu chảy vào đến bên trong giếng nước lần đầu tiên đây, thì cũng giống như Sắc Tích Trữ sinh khởi trong sát na ban đầu. Tiếp đến thì nước ấy cũng vẫn tiếp tục thường luôn chảy vào bên trong giếng nước mãi cho đến đầy cả giếng. Sự việc này cũng tương tự như Sắc Tích Trữ sinh khởi trong sát na ban đầu, thế rồi tiếp nối từ ở sát na Tái Sinh, một khi nước đã đầy giếng thì cũng sẽ phải chảy tràn ra khỏi giếng và chảy theo nền mặt đất, thì cũng được ví tương tự với Sắc Thừa Kế.

3. Sắc Lão Mại (Jaratārūpa): có câu Chú Giải nói rằng: **Jarānaṃ bhāvo = Jaratā** - Đặc tính từ nơi sự già nua của Sắc Thành Sở Tác, được gọi là **Lão Mại.**

Một khi tất cả **Tứ Sắc Thành Sở Tác (Catujanipphannarūpa)** sinh khởi, thì tuổi thọ của những cả Tứ Sắc Thành Sở Tác ấy có được tuổi thọ là 51 sát na tiểu. Trong số lượng 51 sát na này, thì có 1 sát na Sinh, và đó chính là sát na thứ nhất. Có 1 sát na Diệt, và đó chính là sát na thứ 51. Còn sát na thứ 2 cho đến sát na thứ 50, là sát na Trụ. Trong số lượng 49 sát na làm thành sát na Trụ của Tứ Sắc Thành Sở Tác ấy, thì được gọi là Sắc Lão Mại, bởi vì ở trong khoảng giữa này có thực tính làm thành sự lão mại khởi sinh ở trong đó vậy.

4. Sắc Vô Thường (Aniccatārūpa): có câu Chú Giải nói rằng: **Aniccānaṃ bhāvo = Aniccatā** - Đặc tính từ ở nơi sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác, được gọi là **Vô Thường.**

Sắc Pháp có tên gọi Sắc Vô Thường đây, lập ý lấy sát na Diệt của Sắc Pháp, và đó chính là sát na thứ 51. Cả hai Sắc Lão Mại và Sắc Vô Thường đây, hiện hữu ở trong Sắc Thành Sở Tác sinh khởi được tính kể từ sát na Tái sinh trở đi mãi cho đến lúc loài Hữu Tình ấy mạng vong.

Bốn Sắc Thực Tướng đã vừa được trình bày ở tại đây, là trình bày theo **Phần Siêu Lý (Paramaṭṭhanaya),** và gọi là **Sinh, Lão, Tử Siêu Lý (Paramaṭṭhajāti, jarā, maraṇa).** Sinh, Lão, Tử trình bày để trong Kinh Tạng được gọi là **Sinh, Lão, Tử Tục Đế (Sammuti jāti, jarā, maraṇa)** có nghĩa là vào sát na tất cả Chúng Hữu Tình thọ sinh trong thai bào người Mẹ thì gọi là Sinh, sát na mạng vong gọi là Tử, và trong khoảng giữa Sinh với Tử thì gọi là Lão. Lão Mại có hai thể loại, là:

1. Ẩn Tàng Lão (Paṭicchannajarā): có nghĩa là sự lão mại đã không có hiện bày.

2. Hiển Hiện Lão (Pākaṭajarā): có nghĩa là sự lão mại đã có hiện bày.

Tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã được sinh ra khỏi thai bào người Mẹ rồi cho đến phát triển to lớn lên thành thanh niên, thanh nữ, và vẫn chưa có hiện bày trạng thái tóc bạc, răng rụng v.v. thì ở trong khoảng thời gian này sự lão mại cũng vẫn còn đang hiện hữu, tuy nhiên đó là sự lão mại ở thể loại **Ẩn Tàng Lão (Paṭicchannajarā)** có nghĩa là sự già nua đã không có hiện bày. Khi người ấy vượt qua khỏi chạn tuổi thanh niên, thanh nữ; vào đến chạng tuổi mà có trạng thái tóc bạc, răng rụng v.v. đã hiện bày lên, thì sự lão mại trong giai đoạn này gọi là **Hiển Hiện Lão (Pākaṭajarā):** có nghĩa là sự già nua đã có hiện bày.

Ngay cả trong tất cả Sắc Pháp là Sắc Phi Thành Sở Tác, tức là Sắc Phi Sinh Mạng ấy, như là núi đồi, cây cối, đất, nước; và các thực thể vật chất khác hiện hữu trong thế gian này, cũng thường luôn có sự lão mại xâm nhập vào thống quản hết cả thảy. Và sự lão mại của tất cả những thể loại **Sắc Phi Quyền Phược (Anindriyabaddharūpa)** này cũng có 2 thể loại, ấy là Ẩn Tàng Lão và Hiển Hiện Lão.

Ở trong cả hai thể loại này, cũng có một số Sắc Pháp chỉ có duy nhất một thể loại Ẩn Tàng Lão, và không có Hiển Hiện Lão, chẳng hạn như đất, nước, núi đồi, mặt trời, mặt trăng, vàng, kim cương, ngọc thạch, v.v. Sự lão mại hiện hữu ở trong những thể loại Sắc Pháp này gọi là **Bất Kiến Lão (Avīcijarā)** là khó nhận thấy được sự già nua, bởi vì không có cơ hội để sẽ được nhìn thấy sự lão mại của thể loại Sắc Pháp này. Còn cây cối, và các thực thể vật chất khác ngoài ra đất, nước, núi đồi, mặt trời, mặt trăng, vàng, kim cương, ngọc thạch v.v. thì có cả Ẩn Tàng Lão và Hiển Hiện Lão; bởi do thế, sự lão mại hiện hữu trong thể loại Sắc Pháp này, gọi là **Hữu Kiến Lão (Savīcijarā)** là dễ nhận thấy được sự già nua, bởi vì có được cơ hội để được nhìn thấy.

[**Chú thích**: **Sắc Thực Tướng (Lakkhaṇarūpa)** được gọi như vậy, là vì Sắc Pháp có nhiều đặc tướng riêng biệt trong những giai đoạn khác nhau, gồm **Sinh (Uppāda), Trụ (Ṭhiti)** và **Diệt (Bhaṅga). Tích Trữ (Upacaya)** có nghĩa là sự tích lũy tiên khởi, hay sự phát sinh sơ khởi, ở tại đây gọi là sự sinh khởi. Trong từ ngữ **Upacaya** với **Upa** được dùng trong ý nghĩa "đầu tiên, tiên khởi". Sự sinh khởi lần đầu tiên của Sắc Pháp Siêu Lý ở trong nhóm Chúng Hữu Tình Thai Sinh thì thông thường có ba Tổng Hợp Sắc Pháp, là Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập ngay lúc được thọ sinh vào thai bào người Mẹ. Sự sinh khởi nối tiếp liên tục của ba Tổng Hợp Sắc Pháp này, từ khi vừa thác sinh cho đến mạng chung của kiếp sống, được xem là giai đoạn **Thừa Kế (Santati).** Cả hai, Tích Trữ và Thừa Kế được xem là **Sinh (Jāti).** Hai Sắc Pháp này có sự khác biệt, với Sắc Tích Trữ là giai đoạn tiên khởi của tiến trình Sắc Pháp, còn Sắc Thừa Kế là sự lặp đi lặp lại liên tục cũng trong cùng tiến trình Sắc Pháp ấy. Như thế, Sắc Pháp chỉ còn 27 thay vì là 28. Thông thường thì thời gian tồn tại một Sắc Pháp được xem là 17 sát na Tâm. Sát na Tâm đầu tiên là Sắc Tích Trữ, sát na Tâm cuối cùng là Sắc Vô Thường, và 15 sát na ở khoảng giữa là Sắc Lão Mại. **Sắc Vô Thường (Aniccatā)** thể hiện giai đoạn Sắc Pháp phải bị tiêu hoại. Một cách chính xác, mỗi Sắc Pháp Siêu Lý chỉ có ba Sắc Thực Tướng, ấy là Sinh, Hoại và Diệt. Thực tướng Vô Thường đồng nghĩa với **Tử Vong (Maraṇa).** Trong suốt khoảng cách giữa Sinh và Tử, là một tiến trình trưởng thành, Trụ hay Hoại Diệt. Ngoài trừ 5 Sắc Pháp, tức là 2 Sắc

Biểu Tri, Sinh, Lão và Vô Thường, tất cả 23 Sắc Pháp còn lại tồn tại 17 sát na Tâm.] (Xin xem Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương thứ IV).

Tóm lại, ở đoạn cuối phần **Pāḷi** Phần thứ nhất đã có trình bày một đoạn văn tóm tắt liệt kê tất cả các Sắc Pháp, đã kể rõ ra 18 Sắc Thành Sở Tác, và 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, kết hợp lại có tất cả 28 Sắc Pháp. Đoạn văn trình bày rằng:

Kathaṃ ? Bhūtappasādavisayā bhāvo hadayamiccapi jīvitāhārarūpehi aṭṭhārasa vidhaṃ tathā. Paricchedo ca viññatti vikāro lakkhaṇanti ca anipphannā dasa cāti aṭṭha vīsadhaṃ bhave. Ayaṃettha rūpasamuddeso.

Như thế nào (là 28) ?

Như vậy, tóm lại có tất cả 28 Sắc Pháp, gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Ngũ Sắc Thanh Triệt, Tứ Sắc Thông Hành, Nhị Sắc Giới Tính, Nhất Sắc Tâm Cơ, Nhất Sắc Mạng Quyền Lực, và Nhất Sắc Vật Thực; cộng lại có 18 Sắc Thành Sở Tác. Lại thêm, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, ấy là Nhất Sắc Hạn Giới, Nhị Sắc Biểu Tri, Tam Sắc Biến Thể, và Tứ Sắc Thực Tướng.

Kết Thúc Phần Tổng Lược Sắc Pháp

----------00000----------

PHẦN THỨ HAI:
PHẦN PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (RŪPAVIBHĀGANAYA)
(Việc Phân Tích Sắc Pháp Một Cách Đầy Đủ Chi Tiết)

Sabbañ ca panetaṃ rūpaṃ ahetukaṃ, sappaccayaṃ, sāsavaṃ, saṅkhataṃ, lokiyaṃ, kāmāvacaraṃ, anārammaṇaṃ, appahātabbamevāti ekavidhaṃ pi ajjhattika bāhirādivasena bahudhā bhedaṃ gacchati.

Bây giờ, tất cả các Sắc Pháp được phân chia ra các thể loại sai khác nhau như sau: Hữu Nhân, Hữu Duyên, Hữu Lậu, Hữu Vi, Hiệp Thế, Dục Giới, Bất Tri Cảnh, Phi Phóng Khí. Như vậy Sắc Pháp chỉ có một. Nếu phân chia ra thành Nội Bộ, Ngoại Bộ, v.v. thì Sắc Pháp được phân chia thành nhiều thể loại.

Kāthaṃ ? Pasādasaṅkhātaṃ pañcavidhampi ajjhattikarūpaṃ nāma; itaraṃ bāhirarūpaṃ. Pasādahadayasaṅkhātaṃ chabbidhampi vatthu rūpaṃ nāma; itaraṃ avatthurūpaṃ. Pasādaviññattisaṅkhātaṃ sattavidhampi dvāra rūpaṃ nāma; itaraṃ advārarūpaṃ. Pasādabhāvajīvitasaṅkhātaṃ atthavidham pi indrīya rūpaṃ nāma; itaraṃ anindriyarūpaṃ. Pasādavisayasaṅkhātaṃ dvādasavidhampi oḷārika rūpaṃ, santike rūpaṃ, sappaṭigharūpaṃ ca; itaraṃ sukhumarūpaṃ, dūrerūpaṃ, appaṭigha rūpaṃ ca kammajaṃ upādinnarūpaṃ; itaraṃ anupādinnarūpaṃ. Rūpāyatanaṃ sanidassanarūpaṃ; itaraṃ anidassa rūpaṃ. Cakkhādidvayaṃ asampattavasena, ghānādittayaṃ sampattavasenāti pañcavidhampi gocaraggāhikarūpaṃ; itaraṃ agocaraggāhikarūpaṃ. Vaṇṇo, gandho, raso, ojā, bhūtacatukkaṃ ceti aṭṭhavidhampi avinibbhogarūpaṃ; itaraṃ vinibbhogarūpaṃ.

Iccevamaṭṭhavīsati vidhampi ca vicakkhaṇā. Ajjhattikābhidhedena vibhajanti yathārahaṃ. Ayamettha rūpavibhāgo.

Bằng cách nào ? Năm thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên **Sắc Nội Bộ**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Ngoại Bộ**. Sáu thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt và Sắc Tâm Cơ gọi tên **Sắc Hữu Vật**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Phi Hữu Vật**. Bảy thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt và hai Sắc Biểu Tri gọi tên **Sắc Hữu Môn**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Vô Môn**. Tám thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính và Sắc Mạng Quyền Lực gọi tên **Sắc Hữu Quyền Lực**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Phi Hữu Quyền Lực.** Mười hai thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt, và bảy Sắc Thông Hành gọi tên **Sắc Thô Thiển, Sắc Cận Lân**, và **Sắc Hữu Đối Chiếu**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Vi Tế, Sắc Dao Viễn, và Sắc Bất Đối Chiếu.** Các Sắc Pháp bởi do Nghiệp Lực mà sinh gọi tên **Sắc Hữu Chấp Thủ**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Phi Chấp Thủ**. Sắc Xứ gọi tên **Sắc Hữu Kiến**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Phi Hữu Kiến.** Cả hai Nhãn Căn và Nhĩ Căn tiếp thâu giữ lấy Cảnh không xúc chạm đối tượng; cả ba Tỷ Căn, Thiệt Căn và Thân Căn phải xúc chạm đối tượng. Ngũ Thanh Triệt gọi tên **Sắc Thủ Cảnh**; các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Bất Thủ Cảnh**. Tám thể loại gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Sắc, Khí, Vị và Bổ Phẩm (Vật Thực Nội) gọi tên **Sắc Bất Giản Biệt (Sắc Bất Ly);** các Sắc Pháp khác gọi **Sắc Khả Giản Biệt (Sắc Hữu Ly).**

Như vậy, tùy theo sự phân chia Sắc Pháp thể theo các thể loại Sắc Nội Bộ và Sắc Ngoại Bộ, v.v. mà Bậc Hiền Trí đã phân tích ra làm 28 thể loại Sắc Pháp. Trên đây, là việc phân loại tất cả các Sắc Pháp.

----------00000----------

PHẦN GIẢI THÍCH

Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thể theo Thực Tính, là:

1. Gọi tên **Vô Nhân (Ahetuka),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Hữu Nhân (Sahetuka)** vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ưng.

2. Gọi tên **Hữu Duyên (Sappaccaya),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Vô Duyên (Appaccaya)** vì có 4 Trợ Duyên.

3. Gọi tên **Hữu Lậu (Sāsava),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Vô Lậu (Anā sava)** vì làm thành Cảnh của Lậu Hoặc.

4. Gọi tên **Hữu Vi (Saṅkhata),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Vô Vi (Asaṅ khata)** vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.

5. Gọi tên **Hiệp Thế (Lokiya),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Siêu Thế (Lokuttara)** vì làm thành Pháp liệt kê vào trong **Pháp Hành Thế Tục (Saṅkhāraloka).**

6. Gọi tên **Dục Giới (Kāmāvacara),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Hữu Sắc Giới (Rūpāvacara)** và **Vô Sắc Giới (Arūpāvacara)** vì làm thành Cảnh của **Ái Dục (Kāma taṇhā).**

7. Gọi tên **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa),** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi **Hữu Tri Cảnh (Sārammaṇa)** vì không có khả năng tri giác được đối tượng.

8. Gọi tên **Phi Phóng Khí (Appahātabba),** và không có Sắc pháp nào có tên gọi **Khả Phóng Khí (Pahātabba)** vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

[**Chú thích**: Tên gọi là **Vô Nhân (Ahetuka)** vì Sắc Pháp không có phối hợp với các Nhân Tương Ưng có **Tham (Lobha), Sân (Dosa)** v.v. Tên gọi **Hữu Duyên (Sappacaya)** vì Sắc Pháp chỉ có hiện hữu tương quan với bốn Duyên trợ tác là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi **Hữu Lậu (Sāsava)** vì Sắc Pháp là đối tượng của **Dục Lậu.** Tên gọi **Hữu Vi (Saṅkhata)** vì Sắc Pháp được cấu tạo, sắp bày do bởi bốn Trợ Duyên là Nghiệp Lực, Tâm Thúc, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi **Hiệp Thế (Lokiya)** vì Sắc Pháp thuộc về thế gian, vì liên kết với thế gian Ngũ Thủ Uẩn. Tên gọi **Dục Giới (Kāmāvacara)** vì thuộc về Cõi Dục Giới, vả lại nằm trong phạm vi của Ngũ Trần. Tên gọi **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa)** vì bởi chính tự Sắc Pháp bất khả tri giác đối tượng; và chính Tâm Thức tri giác đối tượng xuyên qua giác quan. Tên gọi **Phi Phóng Khí (Appahātabba)** vì không có sự tuần tự loại trừ các Sắc Pháp như việc diệt trừ phiền não; tuy nhiên không bao hàm ý nghĩa là "không thể bị hủy diệt" vì Sắc Pháp vẫn phải bị định luật Vô Thường chi phối].

28 Sắc Pháp này, một khi đã phân tích bởi theo danh xưng có được 8 tên gọi, có Vô Nhân, Hữu Duyên, v.v. thì thường chỉ có duy nhất mỗi một thể loại, và chẳng có thể loại đối nghịch lại; có nghĩa chỗ vừa có tên gọi là Vô Nhân thì đích thị cũng vừa là tên gọi Hữu Duyên, Hữu Lậu, Hữu Vi, Hiệp Thế, Dục Giới, Bất Tri Cảnh, và Phi Phóng Khí vậy. Tuy nhiên nếu phân chia thể theo **Nội Bộ (Ajjhattika)**, bởi theo **Hữu Vật (Vatthu),** v.v. thì thường có thể loại đối nghịch lại với nhau, chẳng hạn như một khi đã phân chia 28 Sắc Pháp bởi theo sự làm thành Nội Bộ, thì thường cũng có **Sắc Ngoại Bộ (Bāhira).** Và một khi phân chia bởi theo sự làm thành Hữu Vật, thì Sắc Pháp làm thành Phi Hữu Vật thường cũng có được từng đôi với nhau, và đã có với nhau thành 11 đôi, như tiếp theo đây:

PHÂN CHIA 28 SẮC PHÁP THEO VIỆC CHIA RA THÀNH 11 ĐÔI

1. Sắc Nội Bộ (Ajjhattikarūpa): có 5 Sắc thuộc bên trong nội bộ, là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

Sắc Ngoại Bộ (Bāhirarūpa): có 23 Sắc thuộc bên ngoại bộ, là 23 Sắc Pháp còn lại.

2. Sắc Hữu Vật (Vatthurūpa): có 6 Sắc làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, là Ngũ Sắc Thanh Triệt, và 1 Sắc Tâm Cơ.

Sắc Phi Hữu Vật (Avatthurūpa): có 22 Sắc không làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, là 22 Sắc Pháp còn lại.

3. Sắc Hữu Môn (Dvārarūpa): có 7 Sắc làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri.

Sắc Vô Môn (Advārarūpa): có 21 Sắc không làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, là 21 Sắc Pháp còn lại.

4. Sắc Hữu Quyền Lực (Indriyarūpa): có 8 Sắc làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ trong việc nhìn thấy v.v. là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Mạng Quyền Lực.

Sắc Phi Hữu Quyền Lực (Anindriyarūpa): có 20 Sắc không làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ trong việc nhìn thấy v.v. là 20 Sắc Pháp còn lại.

5. Sắc Thô Thiển (Oḷārikarūpa): có 12 Sắc thô thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày rõ ràng, là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

Sắc Vi Tế (Sukhumarūpa): có 16 Sắc vi tế, lập ý đến Sắc Pháp không có hiện bày rõ ràng, là 16 Sắc Pháp còn lại.

6. Sắc Cận Lân (Santikerūpa): có 12 Sắc cận lân, sát cận; lập ý đến Sắc Pháp được nhận thấy dễ dàng, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

Sắc Dao Viễn (Dūrerūpa): có 16 Sắc xa cách, lập ý đến Sắc Pháp khó được nhận thấy biết, là 16 Sắc Pháp còn lại.

7. Sắc Hữu Đối Chiếu (Sappaṭigharūpa): có 12 Sắc có được tiếp xúc, đối chiếu lẫn nhau, là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

Sắc Phi Hữu Đối Chiếu (Appaṭigharūpa): có 18 Sắc Pháp không có tiếp xúc, bất đối chiếu lẫn nhau, là 18 Sắc Pháp còn lại.

8. Sắc Hữu Chấp Thủ (Upādinnarūpa): có 18 Sắc nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, là 18 Sắc Nghiệp Lực.

Sắc Phi Chấp Thủ (Anupādinnarūpa): có 40 Sắc không có nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, là 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, và 12 Sắc Vật Thực.

9. Sắc Hữu Kiến (Sanidassanarūpa): có 1 Sắc được nhận thấy bằng mắt, là Cảnh Sắc. **Sắc Phi Hữu Kiến (Anidassanarūpa):** có 27 Sắc không thể nhận thấy bằng mắt được, là 27 Sắc Pháp còn lại.

10. Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa): có 5 Sắc tiếp thâu được Ngũ Cảnh, là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggāhakarūpa): có 23 Sắc không thể tiếp thâu Ngũ Cảnh được, là 23 Sắc Pháp còn lại.

11. Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarūpa): có 8 Sắc bất giản biệt, không thể tách ly với nhau được, là Tứ Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Khí Cảnh, Vị Cảnh, và Sắc Vật Thực.

Sắc Khả Giản Biệt (Vinibbhogarūpa): có 20 Sắc giản biệt, có thể tách ly với nhau được, là 20 Sắc Pháp còn lại.

[**Chú thích**: **Sắc Nội Bộ (Ajjhattikarūpa)** là Sắc Pháp ở bên trong thuộc về cá nhân. Năm giác quan có sự trong suốt, rất nhậy cảm và cần thiết cho Chúng Hữu Tình. Nếu không có các bộ phận này thì Chúng Hữu Tình trở thành vô tri giác như một khúc gỗ. **Sắc Hữu Vật (Vatthurūpa)** có tác dụng như cứ điểm của Tâm Thức. **Sắc Hữu Quyền Lực (Indriyarūpa)** có khả năng chi phối các Sắc Pháp khác; ví như gọi tên Sắc Nhãn Thanh Triệt là Sắc Hữu Quyền Lực, vì Sắc Pháp này có khả năng chi phối 9 Sắc còn lại ở trong Tổng Hợp Nhãn Thập. Hai Sắc Bản Tính có khả năng chi phối đặc tính Nam Giới, Nữ Giới. Và cũng ví như một vị thuyền trưởng trên một chiếc tàu, Sắc Mạng Quyền Lực có khả năng bảo hộ các Sắc Pháp.

Sắc Thô Thiển (Oḷārikarūpa) vì sự quan trọng Sắc Pháp ở cả hai phương diện, chủ quan và khách quan. Được xem là **Cận Lân (Santike)** vì tính cách thọ cảm của Sắc Pháp. Đặc tính Thô Thiển và Cận Lân ở cả hai, giác quan nhậy cảm và đối tượng của giác quan, xúc chạm với nhau. Vì lẽ ấy còn được gọi là **Đối Chiếu (Sappaṭigha)** tiếp xúc đụng chạm với nhau. **Sắc Hữu Chấp Thủ (Upādinnarūpa)** bởi do Tham Ái và Tà Kiến bám chặt vào 18 Sắc Pháp sinh khởi lần đầu tiên do từ nơi Nghiệp Lực. **Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhaka rūpa)** được gọi như vậy là vì nó bám giữ lấy Ngũ Trần làm đối cảnh. Ngũ Quan có tác dụng làm thành Căn Môn cho Tâm Thức sinh khởi, thế nhưng Nhãn, Nhĩ v.v.vốn dĩ là Sắc Pháp lại bất tri giác đối tượng. Và chính Ngũ Quan Thức có Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v. tri giác đối tượng. Thể theo Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp thì sắc màu và âm thanh được xem là các đối tượng không đến gần nơi mắt và tai như những sự xúc chạm bằng thân, v.v. Cả hai, Nhãn và Nhĩ tiếp thâu đối tượng từ đàng xa, không phải trực tiếp xúc chạm đến. Trong các trường hợp khác, thì phải trực tiếp xúc chạm đến Căn Môn của giác quan. Ví như muốn biết được mùi vị thì đối tượng phải trực tiếp xúc chạm vào lưỡi. Hai đối tượng kia, Khí và Xúc, cũng nên hiểu biết được như thế. Vì lẽ ấy, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã chú giải phân biệt **Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa),** tức bám giữ lấy đối tượng; và **Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocarag gāhakarūpa)** tức không bám giữ lấy đối tượng].

TUẦN TỰ GIẢI THÍCH TRONG 11 ĐÔI SẮC PHÁP
ĐÔI THỨ NHẤT: SẮC NỘI BỘ VỚI SẮC NGOẠI BỘ

Sắc Nội Bộ với Sắc Ngoại Bộ. Từ ngữ Sắc Nội Bộ đây, không có nghĩa là Sắc Pháp sinh trú ở bên trong nội tạng thân thể, mà lập ý đến sự lợi ích, bởi vì cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này có nhiều năng lực hữu ích đối với tất cả Chúng Hữu Tình. Thân thể của tất cà Chúng Hữu Tình, nếu như không có cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này rồi, thế là cũng không có khả năng để sẽ làm được bất luận điều chi, và cũng chẳng khác nào với một khúc gỗ hoặc búp bê; bởi do thế, những cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được kể là Sắc Pháp có nhiều năng lực hữu ích, và mới được đặt tên là **Sắc Nội Bộ;** cũng tỷ như những người có nhiều năng lực hữu ích, và đã giúp đỡ ở trong hết mọi công việc lớn nhỏ, thì chúng ta sẽ gọi những hạng người ấy là người thuộc ở trong nội bộ. Còn những 23 Sắc còn lại thì gọi tên là **Sắc Ngoại Bộ.** Sắc Ngoại Bộ ấy, thì ở trong thân thể vật chất chẳng có quan trọng bằng với Sắc Thanh Triệt, bởi do thế mới đặt tên gọi là **Sắc Ngoại Bộ,** và cũng tỷ như người ở ngoại bộ thì không thể nào giúp đỡ trong những công việc nhiều bằng với người ở trong nội bộ.

ĐÔI THỨ HAI: SẮC HỮU VẬT VỚI SẮC PHI HỮU VẬT

Lẽ thường thì Tâm và Tâm Sở của tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Cõi Ngũ Uẩn ấy, nếu sẽ sinh khởi lên được thì cũng cần phải có chỗ nương sinh; và nhỡ chẳng là như thế, thì Tâm Tâm Sở ấy cũng không có khả năng để sinh khởi lên được. Và chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở, ấy chính là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Tâm Cơ; bởi do thế, cả những 6 Sắc

Pháp này mới được gọi là **Sắc Hữu Vật.** Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ để so sánh, thì cũng ví như con người thông thường sẽ phải du hành xa bằng đường hàng không, thì cần phải nương vào máy bay làm phương tiện vận tải mới sẽ đưa đi được. Điều này như thế nào thì Sắc Hữu Vật cũng hiện hành cũng trong cùng một phương thức tương tự như thế ấy. Còn những 22 Sắc Pháp còn lại ấy, chẳng phải là chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở, bởi do thế, mới đặt tên là **Sắc Phi Hữu Vật.**

ĐÔI THỨ BA: SẮC HỮU MÔN VỚI SẮC VÔ MÔN

Việc sinh khởi của các Tâm Lộ Trình, hoặc việc sinh khởi của Thân Hành Nghiệp Lực, hoặc Ngữ Hành Nghiệp Lực đây, thì cũng cần phải nương vào 7 Sắc Hữu Môn làm thành tác nhân. Sẽ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, thì cần phải có Ngũ Sắc Thanh Triệt làm thành tác nhân đặng cho sinh khởi lên được; bởi do thế, Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là **Khởi Sinh Môn (Uppattidvāra)** có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Lộ Trình Ngũ Môn. Còn việc sinh khởi của các Thân hành động tạo tác, cho dù sẽ là **Thiện Hạnh (Sucarita)** hoặc **Ác Hạnh (Ducarita)** đi nữa, mà một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri đi rồi, thì đa phần những Thân hành động tạo tác ấy sẽ không có thể khởi sinh lên được. Còn các việc chuyện trò nói năng, cả về Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh, để sẽ khởi sinh lên được thì cũng cần phải nương vào Ngữ Biểu Tri; mà một khi đã loại trừ Ngữ Biểu Tri đi rồi, thì các việc nói năng ấy cũng không có thể khởi sinh lên được. Bởi do thế, cả hai Sắc Biểu Tri này mới được gọi tên là **Nghiệp Môn (Kammadvāra)** có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực. Còn 21 Sắc Pháp còn lại, thì chẳng phải là Sắc Pháp làm cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực; bởi do thế, mới gọi tên là **Sắc Vô Môn.**

ĐÔI THỨ TƯ: SẮC HỮU QUYỀN LỰC VỚI SẮC PHI QUYỀN LỰC

Việc trông thấy sẽ khởi sinh lên được, thì ắt cần phải nương vào Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ. Nếu như trường hợp thiếu mất Nhãn Thanh Triệt đi rồi, thì việc trông thấy cũng không thể nào khởi sinh lên được. Một trường hợp khác nữa là việc trông thấy đây, sẽ trông thấy được rõ ràng hoặc không được rõ ràng, sẽ trông thấy được xa hoặc không được xa ấy, là cũng phải tùy thuộc vào Nhãn Thanh Triệt này. Nếu như Nhãn Thanh Triệt này có nhiều năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được rõ ràng và được nhìn thấy xa, các vật thể lớn hoặc nhỏ cũng vẫn có khả năng nhìn thấy được rõ ràng; bởi do thế, Nhãn Thanh Triệt này mới làm thành chủ vị trưởng trội trong việc nhìn thấy hết tất cả, mới được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền Lực.**

Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt cũng được hiện hành trong cùng một phương thức này. **Sắc Nữ Giới Tính (Itthībhāvarūpa)** làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong xác thân của Nữ Giới. **Sắc Nam Giới Tính (Purisabhāva rūpa)** làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong xác thân của Nam Giới; bởi vì sắc thân và

các bộ phận của tất cả Chúng Hữu Tình ấy, thường sinh khởi nương theo cả hai Sắc Bản Tính này. Nếu như loài Hữu Tình nào ở trong sát na mới vừa tái sinh ấy và có Sắc Nữ Giới Tính cùng câu sinh, thì xác thân và các bộ phận sinh khởi ở trong những giai đoạn sau sau của loài Hữu Tình này, cũng sẽ hiện hành nương theo Sắc Nữ Giới Tính. Nếu như loài Hữu Tình nào ở trong sát na vừa mới tái sinh ấy và có Sắc Nam Giới Tính đang cùng câu sinh, thì sắc thân và các bộ phận sinh khởi ở trong những giai đoạn sau sau của Hữu Tình ấy, cũng sẽ hiện hành nương theo Sắc Nam Giới Tính, và cũng bởi do thế, cả hai Sắc Bản Tính này mới được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền Lực.** Sắc Hữu Quyền Lực làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc gìn giữ Sắc Nghiệp câu sinh với mình cho được an trụ mãi suốt trọn đến 51 sát tiểu. Tuy nhiên việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực ấy, chẳng phải là do bởi nương sinh Sắc Mạng Quyền Lực làm thành người cho sinh khởi; mà thực ra sự sinh khởi là do bởi nương vào Nghiệp Quá Khứ; và tiếp nối khi Sắc Nghiệp Lực đã hiện khởi sinh lên, thế rồi Sắc Mạng Quyền Lực cũng liền sinh khởi mới làm nhiệm vụ Sắc bảo hộ thay thế cho Nghiệp Quá Khứ ấy; và bởi do thế, Sắc Mạng Quyền Lực này mới làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong việc gìn giữ Sắc Nghiệp, và đã được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền Lực.** Còn 20 Sắc Pháp còn lại, đã không làm chủ vị trưởng trội và cũng không làm vị bảo hộ trong bất luận công việc nào cả, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Quyền Lực.**

ĐÔI THỨ NĂM: SẮC THÔ THIỂN VỚI SẮC VI TẾ

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, thì gọi tên **Sắc Thô Thiển.** Tuy nhiên từ ngữ nói rằng Sắc Thô Thiển ở trong chỗ này chẳng phải lấy ý nghĩa thô thiển của Sắc Pháp, mà lập ý đến sự hiện bày rõ ràng. Có nghĩa là những thể loại Sắc Pháp này một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng đã hiện bày một cách rất rõ ràng, bởi do vậy mới gọi tên **Sắc Thô Thiển.** Còn 16 Sắc Pháp còn lại, một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì chẳng có hiện bày được rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Vi Tế.**

ĐÔI THỨ SÁU: SẮC CẬN LÂN VỚI SẮC DAO VIỄN

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng được hiểu biết một cách dễ dàng, bởi do thế, mới gọi tên **Sắc Cận Lân.** Còn 16 Sắc Pháp còn lại, một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì lại hiểu biết rất khó khăn, bởi do thế, mới gọi tên là **Sắc Dao Viễn.**

ĐÔI THỨ BẢY: SẮC HỮU ĐỐI CHIẾU VỚI SẮC PHI ĐỐI CHIẾU

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, làm thành những Sắc Pháp đối chiếu xúc chạm lẫn nhau thể theo thực tính; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí đã có được

thực tính đối chiếu với nhau; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; bởi do thế những thể loại Sắc Pháp này mới gọi tên **Sắc Hữu Đối Chiếu.** Còn 16 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp chẳng có được thực tính đối chiếu lẫn nhau, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Đối Chiếu.**

ĐÔI THỨ TÁM: SẮC HỮU CHẤP THỦ VỚI SẮC PHI CHẤP THỦ

18 Sắc Nghiệp Lực gọi tên là Sắc Hữu Chấp Thủ cũng bởi vì làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, mà có Ái Dục và Tà Kiến thấm nhập vào tác hành cho làm thành Cảnh; bởi do thế những 18 Sắc Nghiệp Lực này mới gọi tên **Sắc Hữu Chấp Thủ.** Còn những 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết và 12 Sắc Vật Thực này, thì chẳng phải làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực; mà đích thị làm thành quả bảo nương sinh từ nơi Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Chấp Thủ.**

ĐÔI THỨ CHÍN: SẮC HỮU KIẾN VỚI SẮC PHI HỮU KIẾN

Cảnh Sắc là một thể loại duy nhất gồm các sắc màu, là Sắc Pháp bằng với con mắt mà đã được trông thấy; bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Hữu Kiến.** Còn 27 Sắc Pháp còn lại, thì chẳng phải là những Sắc Pháp bằng với con mắt mà đã được trông thấy; bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Hữu Kiến.**

ĐÔI THỨ MƯỜI: SẮC THỦ CẢNH VỚI SẮC BẤT THỦ CẢNH

Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh,** vì đó chính là Sắc Pháp tiếp thâu được Ngũ Cảnh; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt thì tiếp thâu được Cảnh Sắc, và đã làm cho khởi sinh hiểu biết được việc nhận thấy; Nhĩ Thanh Triệt thì tiếp thâu được Cảnh Thinh, và đã làm cho khởi sinh việc được lắng nghe; Tỷ Thanh Triệt thì tiếp thâu được Cảnh Khí, và đã làm cho khởi sinh việc nhận biết được khí hơi; Thiệt Thanh Triệt thì tiếp thâu được Cảnh Vị, và đã làm cho khởi sinh việc nhận biết được mùi vị; Thân Thanh Triệt thì tiếp thâu được Cảnh Xúc, và đã làm cho khởi sinh nhận biết được việc tiếp xúc.

Trong tất cả những 5 Sắc Thủ Cảnh ấy đã chia ra làm 2 thể loại, là:

1. Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác (Asampattagocaraggāhakarūpa): có nghĩa là tiếp thâu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến, là Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt.

2. Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác (Sasampattagocaraggāhakarūpa): có nghĩa là tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến, là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

[**Chú thích:** Bộ Kinh Vô Tỷ Pháp Toàn Tập, với Phẩm thứ 2, điều thứ 31 có nội dung chính yếu liên quan với sự kiện này như sau: Thể theo Bậc Đại Chú Giải Sư thời xa xưa đã

giải thích rằng cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này là **Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagāha)** có nghĩa là tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Tuy nhiên quan điểm của **Chú Giải Sư Buddhaghosācāriya** đã trình bày rằng cả hai Nhãn với Nhĩ đây, tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến cũng được [**Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagāha)**] và tiếp thâu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến cũng được [**Phi Thủ Xúc Giác (Asampattagāha)**], chẳng hạn như mặt trời và mặt trăng là Cảnh Sắc có ánh sáng chiếu sáng. Cảnh xúc chạm đến là ánh sáng chiếu sáng của mặt trời hoặc mặt trăng, thế nhưng Sắc Pháp mặt trời hoặc mặt trăng thì lại hiện bày ở trên bầu trời là Cảnh không thể nào xúc chạm được; và Nhãn thì không thể tiếp thâu được Cảnh này. Còn Tỷ, Thiệt, Thân ấy đặc biệt chỉ tiếp thâu với những Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến].

Giải thích rằng: Nhãn Thanh Triệt một cách đặc biệt là thường chỉ tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như Cảnh Sắc ấy mà đã xúc chạm đến rồi, thế thì Nhãn Thanh Triệt không thể nào tiếp thâu giữ lấy Cảnh Sắc ấy được; có nghĩa là không thể nào trông thấy được đâu, chẳng hạn như khi chúng ta đưa bàn tay lên ở ngay trước mặt chúng ta trong khoảng tầm mắt vừa thích hợp, thì con mắt của chúng ta sẽ trông thấy được bàn tay ấy; tuy nhiên nếu như chúng ta lấy bàn tay ấy đưa vào xúc chạm đến con mắt rồi, thế là chúng ta không thể nào trông thấy được bàn tay. Nhĩ Thanh Triệt cũng tương tự như nhau, là thường chỉ tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như âm thanh ấy mà vào xúc chạm đến ở trong khoang lỗ tai của Nhĩ Thanh Triệt, và thế rồi Nhĩ Thanh Triệt cũng không thể nào tiếp thâu giữ lấy âm thanh ấy được, tức là không tài nào lắng nghe được âm thanh. Chỗ mà có thể lắng nghe được đấy, chẳng phải là âm thanh phải vào xúc chạm đến Nhĩ Thanh Triệt, mà âm thanh ấy chỉ phải ở trong khoảng cách vừa thích hợp đối với việc được lắng nghe ấy mà thôi. Bởi do thế, cả hai Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt này mới gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác.**

Còn cả ba Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt và Thân Thanh Triệt đây, thì cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Nếu như Cảnh ấy mà vẫn không có được vào xúc chạm đến, thì cũng không có tài nào để tiếp thâu giữ lấy Cảnh ấy được; chẳng hạn như Tỷ Thanh Triệt thì cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh Khí mà đã vào xúc chạm thì mới nhận biết được khí hơi ấy. Nếu như Cảnh Khí hoặc mùi hơi ấy vẫn không có được vào xúc chạm đến Tỷ Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để nhận biết mùi khí hơi ấy được. Thiệt Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ nhận biết được mùi vị. Nếu như Cảnh Vị hoặc mùi vị ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến, thì Thiệt Thanh Triệt cũng không có khả năng để sẽ nhận biết được mùi vị ấy. Thân Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thâu giữ lấy cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ cảm giác được lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Nếu như Cảnh Xúc ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến Thân Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để có được cảm giác lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Cả ba Sắc Thanh Triệt này mới được gọi là **Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác.** Còn 23 Sắc Pháp còn lại, gọi là **Sắc Bất Thủ Cảnh,** vì lẽ không có khả năng để tiếp thâu giữ lấy Cảnh được.

ĐÔI THỨ MƯỜI MỘT: SẮC BẤT GIẢN BIỆT VỚI SẮC KHẢ GIẢN BIỆT

Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Giản Biệt,** bởi vì những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải là thường luôn câu sinh vào nhau; và ngay cả trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, thì cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại thì hết cả thảy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu thì cũng phải hằng thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này thì không nhất thiết phải câu sinh với nhau, và chỉ có thể câu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình thôi. Bởi do thế, những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Khả Giản Biệt;** và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn câu sinh vào nhau với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Kết Thúc Phần Phân Tích Sắc Pháp

----------00000----------

PHẦN THỨ BA:
PHẦN XUẤT SINH XỨ SẮC PHÁP
(RŪPASAMUṬṬHĀNANAYA)
(Trình Bày Pháp Làm Thành Tác Nhân Cho Sắc Pháp Khởi Sinh, Và Việc Sinh Khởi Của Sắc Pháp Do Bởi Nương Vào Những Tác Nhân Ấy)

Kammaṃ, cittaṃ, utu, āhāro ceti cattāri rūpasamuṭṭhānāni nāma. Tatthā kāmāvacaraṃ rūpāvacaraṃ ceti pañcavīsatividhampi kusalākusalakammam abhisaṅkhataṃ ajjhattikasantāne kammasamuṭṭhānarūpaṃ paṭisandhim upādāya khaṇe samuṭṭhāpeti. Arūpavipākadvipañcaviññāṇavajjitaṃ pañca sattatividhampi cittaṃ cittasamuṭṭhānarūpaṃ paṭhamabhavangaṃ upādāya jāyantameva samuṭṭhāpe ti. Tattha appanājavanaṃ iriyāpathampi sannāmeti. Votthapana kāmāvacara javanābhiññā pana viññattiimpi samuṭṭhāpenti. Somanassajavanāni panettha terasa hasanampi janenti. Sītuṇhotu samaññātā tejo dhātu ṭhitippattāva utusamuṭṭhāna rūpaṃ ajjhattañ ca bahiddhā ca yathārahaṃ samuṭṭhāpeti. Ojā sankhāto āhāro āhārasamuṭṭhānārūpaṃ ajjho haraṇakāle ṭhānappatto va samuṭṭhāpeti. Tattha hadaya indriyarūpāni kammajañeva. Viññatti dvayaṃ cittajameva. Saddo cittotujo. Lahutādittayaṃ utucittāhārehi sambhoti. Avinibbhogarūpāni ceva ākāsadhātu ca catūhi sambhūtāni. Lakkhaṇarūpāni na kucoti jāyanti. Aṭṭhārasa paṇṇarasa terasa dvādasāti ca kammacittotukāhārajāni honti yathākkamaṃ. Jāyamānādi rūpānaṃ sabhāvattā hi kevalaṃ lakkhaṇāni na jāyanti kehicīti pakāsitaṃ. Ayamettha rūpasamuṭṭhānanayo.

Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực là tên gọi của Tứ Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp. Tại đây, hai mươi lăm Tâm Dục Giới và Sắc Giới, đã chi phối từ ở nơi Thiện và Bất Thiện Nghiệp Lực (thuộc quá khứ) tác thành các Sắc Pháp do Nghiệp Lực mà nương sinh liên tục trong từng mỗi sát na ở trong tự bản thân, và đã được tính kể từ Tâm Tái Sinh khởi sinh. Bảy mươi lăm Tâm trừ Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới và Ngũ Song Thức, tác thành các Sắc Pháp do Tâm mà nương sinh, tính kể từ Tâm Hữu Phần đầu tiên sinh khởi. Tại đây, các Tâm Nhập Định Đổng Lực điều hòa oai nghi của thân thể, thế nhưng các Tâm Thẩm Tấn, Đổng Lực Dục Giới và Thắng Trí tạo tác các Sắc Biểu Tri. Mười ba Tâm Đổng Lực câu hành Hỷ Thọ cũng tác hành sự mĩm cười. Hỏa Giới gồm cả lạnh và nóng, một khi đã đến trú vị và tùy theo trường hợp, đã bắt đầu tác thành các Sắc Pháp Nội Bộ và Ngoại Bộ nương sinh vào Quý Tiết. Vật Thực được gọi tên là Bổ Phẩm khi được tiêu hóa và đạt đến trú vị, đã tác thành các Sắc Pháp nương sinh từ ở Vật Thực. Tại đây, Ý Vật và 8 Sắc Mạng Quyền Lực nương sinh vào Nghiệp Lực. Hai Biểu Tri do Tâm mà khởi sinh. Âm thanh do Tâm và Quý Tiết mà khởi sinh. Ba Sắc Biến Thể Khinh Khoái v.v. khởi sinh do bởi Quý Tiết, Tâm và Vật Thực. Sắc Bất Giản Biệt và Sắc Hạn Giới do bởi Tứ Nhân mà khởi sinh. Các Sắc Thực Tướng tự khởi sinh, và không do bởi một tác nhân nào. Mười tám, mười lăm, mười ba, và mười hai tuần tự khởi sinh tùy thuộc vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực. Các Sắc Thực Tướng khởi sinh, thì không do bởi tác nhân nào tạo ra, vì với đặc tính cố hữu dính liền theo các Sắc Pháp ấy mà hiện bày. Trên đây, là việc trình bày Phần Xuất Sinh Xứ tất cả các Sắc Pháp.

----------00000----------

PHẦN GIẢI THÍCH

Có 4 thể loại Pháp làm thành tác nhân cho Sắc Pháp khởi sinh, đó là:
1/. Nghiệp Lực, 2/. Tâm Thức, 3/. Quý Tiết, và 4/. Vật Thực.

1. Nghiệp Lực (Kamma): lập ý đến các hành động đã có tạo tác hữu quan với Thân, Lời và Ý ở phần Thiện cũng có, ở phần Bất Thiện cũng có, và trong đời quá khứ hoặc ngay trong đời này; tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Kết hợp 25 Nghiệp Lực này lại, đã làm cho Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Tái Sinh trở đi.

2. Tâm Thức (Citta): tức là 75 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ngay trong kiếp sống hiện tại, đã làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na Sinh của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Hữu Phần thứ nhất ngay chỗ nối tiếp của Tâm Tái Sinh trở đi.

3. Quý Tiết (Utu): tức là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** sự lạnh, **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)** sự nóng hiện hữu ở nội bộ và ngoại bộ của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh. Đối với ở bên trong Chúng Hữu Tình đã làm cho khởi sinh lên trong từng mỗi

sát na của Tâm Thức, và được tính kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh trở đi. Còn về phần lạnh và nóng hiện hữu ở bên ngoài của Chúng Hữu Tình ấy, thì vào bất cứ thời gian nào mà đã hiện khởi lên một cách đầy đủ, thì chính vào ngay thời gian ấy đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh lên một cách liên tục và không gián đoạn.

4. Vật Thực (Āhāra): tức là Bổ Phẩm có ở trong các vật thực, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Chất Bổ phẩm của Vật Thực thấm nhập lan tỏa ra ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình ấy một cách trọn vẹn.

[**Chú thích: Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhāna)** là tác nhân của sự khởi sinh các Sắc Pháp. Theo quan điểm Phật Giáo thì không tìm kiếm nguyên nhân đầu tiên đã sinh khởi ra các Sắc Pháp, cũng không cố gắng giải quyết vấn đề nguồn gốc cùng tột của những hiện tượng vật chất, hoặc Sắc Pháp; và mặc nhiên đã thừa nhận rằng đây là một sự kiện cố hữu sẵn có, Sắc Pháp này vốn dĩ đã hiện hữu. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp có trình bày đến bốn nguyên nhân đã làm khởi sinh các Sắc Pháp, ấy là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.]

GIẢI THÍCH CẢ TỨ XUẤT SINH XỨ ĐÃ LÀM CHO SẮC PHÁP KHỞI SINH

1. Nghiệp Xuất Sinh Xứ (Kammasamuṭṭhāna): Hết cả thảy Nghiệp Lực có số lượng 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vầy. Tuy nhiên trong phần Nghiệp Lực Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ **Tu Tập Ly Ái Sắc (Rūpavirāgabhāvanā)** là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được. Còn trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đấy, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã) trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt **Hữu Sinh Chủng (Bhavajāti)** và Sắc Nghiệp Lực lại chính là hiện thân của **Sinh Chủng Tử;** bởi thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lên.

[**Chú thích: Nghiệp Xuất Sinh Xứ** bởi do Nghiệp Lực mà Sắc Pháp khởi sinh. Một cách xác thực, Nghiệp Lực hàm ý đến các Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong quá khứ, và chỉ có những thể loại Tâm Dục Giới với Tâm Sắc Giới thì mới có thiên hướng tạo tác ra Sắc Pháp. Đó là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, và 5 Tâm Thiện **Thiền Hữu Sắc Giới (Rūpajhāna).** Một thể loại Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện đã tạo tác ra Nghiệp Lực khởi sinh vào lúc lâm chung của một Hữu Tình, đã tạo duyên cho Tâm Tái Sinh sinh khởi trong kiếp sống thứ hai kế đó. Cùng lúc với sự sinh khởi của Tâm Tái Sinh này, thì các Sắc Pháp do bởi Nghiệp Lực quá khứ đã hội đủ điều kiện cũng cùng khởi sinh vào lúc ấy

trong từng mỗi sát na, cũng ví như ngọn lửa của cây đèn đã được thắp mồi lên, cho đến sát na Tâm thứ 17 - khi loài Hữu Tình cận tử lâm chung. Khi đã được thọ sinh do bởi Nghiệp Quả quá khứ, thì ba thể loại **Tổng Hợp Thập Sắc Pháp (Dasakakalāpa)** đầu tiên đã được khởi sinh, ấy là Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập].

2. Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasamuṭṭhāna): Hết cả thảy Tâm Thức thì có số lượng là 89; tuy nhiên ở trong phần Tâm Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh.

Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy thì có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của **Sinh Chủng Tử Ly Ái Sắc Tu Tập;** bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Còn Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái sinh và Tử mà thôi. Có nghĩa là có cả thảy 19 cái Tâm làm chức năng Tái sinh, đó là những 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Sinh còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử của Bậc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử Bậc Vô Sinh đã hoàn toàn tiệt diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bậc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Lại nữa, 75 cái Tâm làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được đấy, là cũng chính ngay ở từng mỗi sát na Sinh của mình. Còn sát na Trụ và sát na Diệt của từng mỗi cái Tâm ấy, thì không có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được; là cũng vì thông thường tất cả Danh Pháp chỉ có năng lực duy nhất là ngay ở sát na Sinh. Một khi đến sát na Trụ và sát na Diệt thì năng lực đã yếu đi; bởi do thế, những 75 cái Tâm này mới làm cho Sắc Tâm chỉ khởi sinh lên được là ở ngay sát na Sinh của mình thôi.

[**Chú thích**: Tâm Thức – tuy vô hình, vô sắc, nhưng lại là một yếu tố hỗn hợp có nhiều năng lực ở trong cái gọi là Hữu Tình – là có khả năng tạo tác các Sắc Pháp. Nói cách khác, Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện tạo nên Sắc Pháp ở cả hai hoan hỷ duyệt ý hoặc là bất duyệt ý. Điều này hiển hiện rõ rệt qua những biến đổi sắc tướng của một Hữu Tình do sự thay đổi tư tưởng của Hữu Tình ấy. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, ngay trong sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi đầu tiên, kể từ sau Tâm Tái Sinh vừa diệt mất, thì tức thời Sắc Tâm khởi sinh do Tâm tạo. Tâm Tái Sinh không tạo ra Sắc Pháp do Tâm tạo, vì chính Nghiệp Lực đã làm chức năng

ấy, và vì lẽ đấy là yếu tố mới mẻ trong kiếp sống mới. Không có Sắc Pháp do Tâm tạo khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của từng mỗi sát na, bởi vì có năng lực yếu kém. Ngũ Song Thức thì không có đủ khả năng tạo ra các Sắc Pháp. Bốn **Tâm Quả Dị Thục Thiền Vô Sắc Giới (Arūpavipākajhāna)** cũng không tạo ra các Sắc Pháp, vì đã trau giồi Tu Tập Ly Ái Sắc với một trạng thái tâm thức buông bỏ và không còn luyến ái vào Sắc Pháp. Những Chi Thiền rất cần thiết để tạo ra các Sắc Pháp từ ở nơi Tâm, vì thế với người đã chứng đắc Thiền Định thì có thể tạo tác ra Sắc Pháp với năng lực mạnh mẽ giúp cho sự sống không còn có nhu cầu về vật thực. Tâm linh mạnh thì không thể thiếu sức sống. Người đã chứng đạt trạng thái an vui Níp Bàn thì có thể sống một thời gian mà không cần đến vật thực. Đức Phật đã trải nghiệm trạng thái ấy suốt trọn 49 ngày, trong 7 tuần lễ sau khi Ngài đã thành đạt Quả vị Chánh Đẳng Giác].

3. Quý Tiết Xuất Sinh Xứ (Utusamuṭṭhāna): lời giải thích trong phần Quý Tiết Xuất Sinh Xứ này, đã có trình bày rõ ràng trong đoạn trên, mới không cần phải trình bày lại nữa.

[**Chú thích**: Như đã có được đề cập ở phần trên, ngay sát na Tâm Tái Sinh thì do bởi Nghiệp Lực đã tạo tác ra ba Tổng Hợp Thập Sắc Pháp gồm Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập. Hỏa Giới ở bên trong nội bộ của cả ba Tổng Hợp ấy, phối hợp với Hỏa Giới ở bên ngoài, đã tạo ra các Sắc Pháp do Quý Tiết mà khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của Tâm Tái Sinh. Vào giai đoạn tiên khởi của sự tái sinh, thì Hỏa Giới do Nghiệp Lực tạo đã thay thế Hỏa Giới do Tâm tạo. Rõ ràng từ ngữ **Quý Tiết (Utu)**, đã được bao hàm ý nghĩa của cả hai lạnh và nóng. Một cách xác thực, chính Hỏa Giới nội bộ và ngoại bộ, cũng là một tác nhân đã tạo ra các Sắc Pháp].

4. Vật Thực Xuất Sinh Xứ (Āhārasamuṭṭhāna): Chất Bổ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đấy, chẳng phải là chất Bổ Phẩm đặc biệt chỉ có ở trong các vật thực không thôi, mà ngay cả ở một vài loại thuốc, chẳng hạn như thuốc bổ cũng có Bổ Phẩm tương tự như nhau; bởi do thế khi sử dụng tiêm chích, hoặc ăn uống, hoặc bôi thoa, thì cũng tương tự như vậy, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với người ấy. Và chất Bổ Phẩm này hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài của Chúng Hữu Tình, được gọi là **Nội Bộ Bổ Phẩm (Ajjhatta Ojā)** và **Ngoại Bộ Bổ Phẩm (Bahiddha Ojā).** Đối với Bổ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn trên, đó là Nội Bộ Bổ Phẩm. Còn Ngoại Bộ Bổ Phẩm đấy, đích thị chính là **Nghiệp Lực Bổ Phẩm (KammajaOjā)** và **Quý Tiết Bổ Phẩm (UtuOjā)** sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bổ Phẩm này, thì Nội Bộ Bổ Phẩm làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upatham bhakasatti).** Còn Ngoại Bộ Bổ Phẩm thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là **Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti).** Trong cả hai Ngoại Bộ Bổ Phẩm, là Nghiệp Lực Bổ Phẩm và Quý Tiết Bổ Phẩm thì Nghiệp Lực Bổ Phẩm rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn Quý Tiết Bổ Phẩm.

Ở trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo đã có trình bày rằng trong Cõi Nhân Thế người nào đã có được thọ dụng vật thực no đủ ở lần thứ nhất thì sẽ gìn giữ thân thể của người ấy cho vẫn được sinh tồn nội trong bảy ngày, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Đối với trong Cõi Thiên Giới, thì tiên thực của Chúng Thiên mà đã có được thọ dụng lần thứ nhất đấy,

thì cũng tương tự như nhau, là sẽ gìn giữ thân thể cho được tồn tại suốt trọn một tháng trời, hoặc là hai tháng trời, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Sự việc có được như vậy, là cũng vì Bổ Phẩm hiện hữu trong vật thực mà đã ăn vào, thì đã hòa nhập với Nghiệp Lực Bổ Phẩm đang hiện hữu ở trong thân thể, thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh suốt trọn bảy ngày là ở trong Cõi Nhân Thế, và khởi sinh suốt trọn một tháng trời, hoặc hai tháng trời là ở trong Cõi Thiên Giới. Còn về phần thai nhi ở trong thai bào ước độ 2 hoặc 3 tuần lễ của người Mẹ, một khi người Mẹ đã thọ dụng vật thực vào ở trong nội tạng, thì chất Bổ Phẩm lan tỏa ra và thấm nhập vào đến cơ thể của thai nhi khi vẫn đang còn là **Phôi Điểm (Abbuda)** hoặc **Phôi Thai (Pesi**, thời kỳ sau 3 tháng); thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đối với thai nhi ấy.

Ở trong Bộ Chú Giải Ngũ Thập Căn Gốc **(Mūlapaṇṇāsa Atthakathā)** đã có trình bày rằng thông thường thì các vật thực ấy một khi đã bỏ vào trong miệng của người thọ thực rồi, thì cũng đã làm cho **Tổng Hợp Bát Thuần Vật Thực (Āhārajasuddhaṭṭhakakalāpa)** khởi sinh lên được. Điều này trình bày cho được thấy rằng Sắc Vật Thực sinh trú ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, là thường luôn sinh khởi suốt trọn thời gian nối tiếp với nhau không gián đoạn, mãi cho đến chấm dứt sinh mạng.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Āhāra** có nghĩa là chất phẩm dinh dưỡng ở bên trong các miếng ăn vật thực, và **Ojā** là chất Bổ Phẩm hiện hữu ở bên trong nhóm các Sắc Pháp do bởi Nghiệp Lực, Tâm Thức và Quý Tiết tạo. Chất Bổ Phẩm nội bộ do chất phẩm dinh dưỡng ngoại bộ giúp đỡ bảo hộ và tạo tác Sắc Pháp vào giai đoạn trú vị được tồn tại trong 49 sát na Tiểu. Sắc Pháp khởi sinh khi Chất Bổ Phẩm nội bộ đã được tiêu hóa và lan tỏa ra khắp cả châu thân. Riêng rẽ một mình, Chất Bổ Phẩm không thể tạo tác Sắc Pháp nếu không có chất phẩm dinh dưỡng từ ở bên ngoài. Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật) và 8 Sắc Hữu Quyền Lực hoàn toàn do Nghiệp Lực tạo. Như vậy, Sắc Mạng Quyền Lực hoặc sức sống ở trong các Chúng Hữu Tình như Nhân Loại và Bàng Sinh, phải được phân biệt với những thực thể vật chất phi sinh mạng như cây cối, núi đồi, v.v. vì lẽ những vật thể không phải do Nghiệp Lực tạo].

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG SẮC PHÁP KHỞI SINH TỪ TỨ XUẤT SINH XỨ

1. Aṭṭhārasa paṇṇarasa Terasa dvādasāti ca
Kammacittotukāhāra Jāni honti yathākkamaṃ.
2. Jāyamānādi rūpānaṃ Sabhāvattā hi kevalaṃ
Lakkhaṇāni na jāyanti Kehicīti pakāsitaṃ.

1. Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có số lượng tuần tự như vầy: Sắc Nghiệp có 18, Sắc Tâm có 15, Sắc Quý Tiết có 13, và Sắc Vật Thực có 12.

2. Còn cả Tứ Sắc Thực Tướng ấy, thì Đức Phật lập ý khải thuyết rằng không có được khởi sinh bởi do nương vào bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, vì cả Tứ Sắc Thực Tướng này chỉ là thực tính của Tổng Hợp Sắc Pháp đang bắt đầu khởi sinh mà thôi, do đó đặc biệt không

có Xuất Sinh Xứ. (Các Sắc Thực Tướng khởi sinh, thì không do bởi tác nhân nào tạo ra, vì với đặc tính cố hữu dính liền theo các Sắc Pháp ấy mà hiện bày.)

Sắc Nghiệp Lực là Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực, và có được số lượng 18, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 18.

PHÂN TÍCH 18 SẮC NGHIỆP LỰC THEO PHẦN NHẤT ĐỊNH (EKANTA) VÀ THEO PHẦN BẤT ĐỊNH (ANEKANTA)

Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực này lại, là những Sắc Pháp nhất định chỉ nương sinh từ Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới này lại, là những Sắc Pháp chỉ nương sinh từ Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ một cách bất định.

Có nghĩa là cả 9 Sắc Pháp gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sự làm thành Nữ Giới, sự làm thành Nam Giới, trái tim, và sinh mạng này lại, là đặc biệt chỉ có nương sinh ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình thôi; vì lẽ những thể loại Sắc Pháp này chỉ có nương sinh duy nhất từ nơi Bất Thiện Nghiệp Lực, và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế thôi. Còn 9 Sắc Pháp còn lại, thì nương sinh ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình cũng được, hoặc nương sinh ở trong tất cả các vật thể phi sinh mạng cũng được; bởi vì cũng có những Sắc Pháp nương sinh từ các Xuất Sinh Xứ khác nữa.

Sắc Tâm là Sắc Pháp nương sinh từ Tâm Thức, và có được số lượng 15, đó là: 2 Sắc Biểu Tri, 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 15.

PHÂN TÍCH 15 SẮC TÂM THEO PHẦN NHẤT ĐỊNH (EKANTA) VÀ THEO PHẦN BẤT ĐỊNH (ANEKANTA)

2 Sắc Biểu Tri nhất định nương sinh từ Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ. Còn 13 Sắc Pháp còn lại, gồm có Cảnh Thinh v.v. thì nương sinh từ Tâm Xuất Sinh Xứ một cách bất định. Có nghĩa là việc hoạt động sắc thân hoặc việc nói năng; với cả hai thể loại này thường chỉ sinh trú ở trong vật thể hữu sinh mạng ngần ấy thôi, vì đó là Sắc Pháp chỉ có nương sinh thuần nhất vào Tâm và Tâm Sở. Còn 13 Sắc Pháp còn lại, không chỉ nương sinh duy nhất từ Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ, mà cũng còn nương sinh từ Quý Tiết, hoặc nương sinh từ Vật Thực cũng có; chẳng hạn như âm thanh, nếu âm thanh là của người nói năng hoặc là âm thanh của tất cả Chúng Hữu Tình kêu rống lên, thì có tới hai thể loại Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Xuất Sinh Xứ và Quý Tiết Xuất Sinh Xứ. Nếu âm thanh là sấm chớp trời gầm, gió thổi, nước chảy, lá cây lay động, tiếng máy xe, tàu thuyền, chuông, v.v. những thể loại này thường thì chỉ có nương sinh từ Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

Sự nhẹ nhàng của thân thể, sự mềm mại của thân thể, và sự thích dụng đối với công việc của sắc thân ở trong các hành động, và việc nói năng; với cả ba Sắc Pháp này thì nương

sinh từ Tâm cũng có, từ Quý Tiết cũng có, và từ Vật Thực cũng có; cũng tương tự như vậy, chẳng hạn một khi Tâm Thức được an vui thì sắc thân cũng có cảm giác nhẹ nhàng thoải mái, tháo vát nhanh nhẹn, và chẳng có trục trặc trắc trở ở trong các công việc. Ba Sắc Biến Thể này, một khi khởi sinh thì thường câu sinh với nhau, và chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng thôi. Còn 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 9 Sắc Pháp này, là những Sắc Pháp nương sinh từ Tâm làm Xuất Sinh Xứ một cách bất định, và cũng tương tự với 9 Sắc Nghiệp Lực ở phần bất định vậy.

Sắc Quý Tiết là Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết, và có được số lượng 13, đó là: 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 13. Ở trong số lượng 13 Sắc Quý Tiết đây, thì không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất từ Quý Tiết; bởi do thế mới không có Sắc Quý Tiết ở phần nhất định, và cả 13 Sắc Pháp này đều là Sắc Quý Tiết theo phần bất định hết cả thảy.

Sắc Vật Thực là Sắc Pháp nương sinh từ Vật Thực, và có được số lượng 12, đó là: 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 12. Trong số lượng 12 Sắc Vật Thực này, thì cũng không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất vào Vật Thực; bởi do thế mới không có Sắc Vật Thực ở phần nhất định, và cả 12 Sắc Pháp này cũng đều là Sắc Vật Thực theo phần bất định hết cả thảy.

Còn cả Tứ Sắc Thực Tướng, thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ. Và một khi 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh do nương vào bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ nào rồi, thì trong chính tự bản thân của Sắc Thành Sở Tác ấy thường luôn có cả Tứ Sắc Thực Tướng này hiện bày dính liền với nhau. Có nghĩa là việc khởi sinh, việc an trụ, việc diệt mất của những thể loại Sắc Pháp ấy cũng tương tự như từng mỗi con người khi đã được sinh ra thì thường luôn có 4 trường hợp trạng thái dính liền theo từng mỗi cá nhân, đó là:

1/. Sự Sinh Ra, 2/. Sự Lớn Lên, 3/. Sự Già Đi, 4/. Sự Tử Vong. Vả lại những sự việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong đây, thì chẳng phải khởi sinh lên một cách riêng biệt được, mà chính là cần phải nương vào thân thể của con người hoặc của loài Hữu Tình mới được khởi sinh, và như thế sẽ gọi là **Sự Sinh Ra.** Khi thân thể con người hoặc của Hữu Tình ấy dần dần to lớn lên cho đến hết mức, thì cũng được gọi là **Sự Lớn Lên.** Khi thân thể con người hoặc của Hữu Tình ấy bắt đầu già yếu xuống, thì cũng được gọi là **Sự Già Đi.** Và khi con người hoặc Hữu Tình ấy mệnh chung, thì cũng được gọi là **Sự Tử Vong.** Giả như không có thân thể con người hoặc của Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi, thì cả bốn biểu tượng đặc trưng này cũng sẽ không hiện khởi lên được. Và điều này như thế nào, thì thân thể con người hoặc của Hữu Tình cũng được so sánh tương tự với Sắc Thành Sở Tác nương sinh từ ở bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ; với việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong của con người hoặc Hữu Tình ấy cũng được ví tương tự với cả Tứ Sắc Thực Tướng dường thế ấy. Bởi do vậy, những cả Tứ Sắc Thực Tướng này mới không có khởi sinh qua việc nương nhờ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đã được gọi là **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhānika rūpa).**

PHÂN TÍCH 28 SẮC PHÁP THEO SỐ LƯỢNG XUẤT SINH XỨ

1. Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ (Ekasamuṭṭhānikarūpa): Có 11 Sắc Pháp nương sinh duy nhất chỉ một Xuất Sinh Xứ, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ (Dvisamuṭṭhānikarūpa): Có 1 Sắc Pháp nương sinh vào cả hai Xuất Sinh Xứ, đó là: Cảnh Thinh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Tam Xuất Sinh Xứ (Tisamuṭṭhānikarūpa): Có 3 Sắc Pháp nương sinh vào cả ba Xuất Sinh Xứ, đó là: 3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ (Catusamuṭṭhānikarūpa): Có 9 Sắc Pháp nương sinh vào cả bốn Xuất Sinh Xứ, đó là: 4 Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

5. Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhānikarūpa): Có 4 Sắc Pháp không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào, đó là 4 Sắc Thực Tướng.

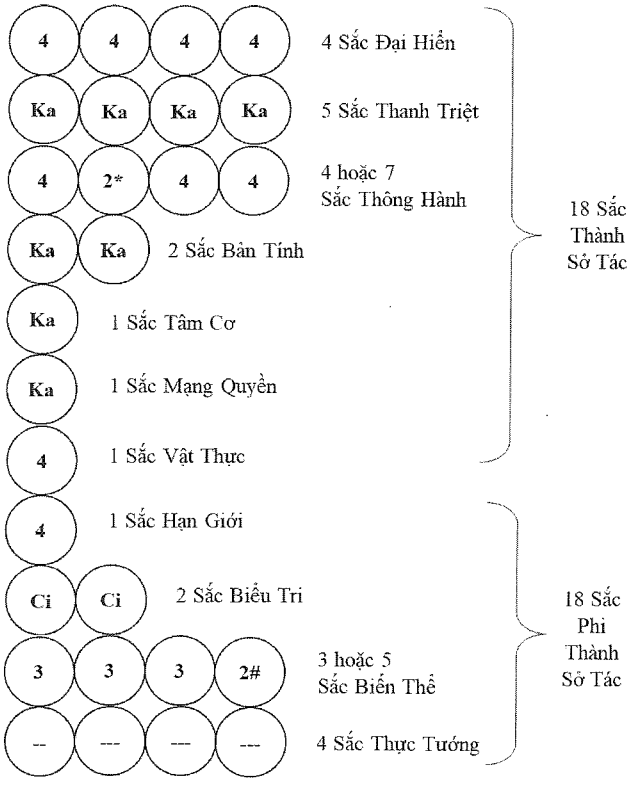

[**Chú thích**: **Ka**: Nghiệp Lực Xuất Sinh Xứ / **Ci**: Tâm Thức Xuất Sinh Xứ
4: Sắc Pháp được khởi sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ, tức là sinh từ Nghiệp Lực cũng được, Tâm Thức cũng được, Quý Tiết cũng được, Vật Thực cũng được.
3: Sắc Pháp được khởi sinh từ ba Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

2*: Cảnh Thinh được khởi sinh từ hai Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức và Quý Tiết.
2#: 2 Sắc Biểu Tri được khởi sinh từ Tâm Xuất Sinh Xứ.]

SỰ HIỆN HÀNH CẢ TỨ SẮC PHÁP HIỆN HỮU TRONG THÂN THỂ

Trong thân thể tất cả Nhân Loại và Chúng Hữu Tình Bàng Sinh với hình thù tướng dạng và các bộ phận có được hiện khởi lên, thường là phải nương vào Sắc Nghiệp Lực làm thành nền tảng tiên khởi, để rồi các Sắc Pháp khác mới giúp đỡ và cải thiện cho các hình thù tướng dạng cùng với các bộ phận cho được hiện khởi lên một cách rõ nét. Nếu như không có Sắc Nghiệp Lực làm nền tảng để hứng đón thì các thân thể của Chúng Hữu Tình ấy cũng chẳng khác chi với cây cối, hoặc khúc gỗ vậy. Sắc Pháp làm thành người giúp đỡ và cải thiện hình thù tướng dạng cùng với các bộ phận cho được hiện khởi lên một cách rõ ràng ấy, tức là 4 thể loại Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực. Sắc Quý Tiết có 4 thể loại, đó là:

1. Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực (Kammapaccayautujarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittapaccayautarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayautarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Āhārapaccayautarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

Với lý do này, trong thân thể tất cả Nhân Loại và Chúng Hữu Tình Bàng Sinh mới có Sắc Quý Tiết phủ trùm khắp tất cả; và chính vì thế, một khi Hữu Tình ấy chết đi, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn đang tiếp tục hiện bày. Về phần Sắc Nghiệp Lực và Sắc Vật Thực, thì chỉ có hiện bày ở trong khoảng thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn sinh mạng, và một khi Hữu Tình ấy chết đi thì cả 2 Sắc Pháp này cũng diệt mất hết tất cả. Đối với Sắc Tâm, đặc biệt tự bản thân không thể hiện khởi lên được, mà cần phải nương vào Sắc Nghiệp Lực, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực; với cả ba Sắc Pháp này làm thành chỗ nương trú mới khởi sinh lên được. Có nghĩa Sắc Tâm này thiết yếu cần phải nương vào thân thể của Hữu Tình thì sẽ mới khởi sinh, và nhỡ như không có thân thể, thế rồi Sắc Tâm ấy cũng không khởi sinh lên được.

Sắc Tâm có 7 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông lập ý đến Sắc Tâm hiện hành một cách thông thường, chẳng hạn như việc hít thở vô ra.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười,tức là việc cười giòn, cười mỉm.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc, là việc khóc lóc rên la.

4. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi, là việc co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn, v.v.

5. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng, là việc nói năng trò chuyện, tụng đọc kinh sách, ca hát.

6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi, là việc đi, đứng, ngồi, nằm.

7. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ, là việc đi, đứng, ngồi, nằm được một cách bình thường.

Trong số lượng 7 thể loại Sắc Tâm như đã vừa đề cập tại đây, rằng khi tính theo Chi Pháp thì đó chính là 15 Sắc Tâm. Tuy nhiên trong 15 Sắc Tâm này, thì chỉ có 10 Sắc Pháp là hiện bày mà quan sát được, đó là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, 3 Cảnh Xúc, 5 Sắc Biến Thể; còn những 5 Sắc Pháp còn lại thì không có hiện bày, đó là Thủy Giới, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới.

PHÂN TÍCH 75 TÂM THEO 7 THỂ LOẠI SẮC TÂM

1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, là hết tất cả 75 Tâm.

2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc cười vui được đấy, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiếu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.

4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đấy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, và 2 Tâm Thắng Trí.

5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.

6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.

7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đổng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể loại thông thường, và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thế mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

PHÂN TÍCH 7 THỂ LOẠI SẮC TÂM THEO SỰ PHÂN LOẠI CỦA TÂM

1. Sắc Tâm nương sinh do từ 4 cái Tâm căn Tham câu hành Hỷ phối hợp với 22 cái Tâm Sở có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

2. Sắc Tâm nương sinh do từ 4 cái Tâm căn Tham câu hành Xả phối hợp với 21 cái Tâm Sở có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

3. Sắc Tâm nương sinh do từ 2 cái Tâm căn Sân câu hành Ưu phối hợp với 22 cái Tâm Sở có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc rên la.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

4. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm căn Si câu hành Xả phối hợp với 16 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

5. Sắc Tâm nương sinh do từ 10 Tâm Ngũ Song Thức phối hợp với 7 cái Tâm Sở, thì không có thể loại nào cả.

6. Sắc Tâm nương sinh do từ 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, và kết hợp cả 6 cái Tâm này phối hợp với 11 cái Tâm Sở có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

7. Sắc Tâm nương sinh do từ 1 Tâm Khai Ý Môn phối hợp với 11 cái Tâm Sở có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

8. Sắc Tâm nương sinh do từ 1 Tâm Tiếu Sinh phối hợp với 12 cái Tâm Sở có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

9. Sắc Tâm nương sinh do từ 4 cái Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ, 4 cái Tâm Đại Duy Tác câu hành Hỷ phối hợp với 38 cái Tâm Sở có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

10. Sắc Tâm nương sinh do từ 4 cái Tâm Đại Thiện câu hành Xả, 4 cái Tâm Đại Duy Tác câu hành Xả phối hợp với 37 cái Tâm Sở có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

11. Sắc Tâm nương sinh do từ 8 cái Tâm Đại Quả phối hợp với 33 cái Tâm Sở có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

12. Sắc Tâm nương sinh do từ 26 cái Tâm Đổng Lực Kiên Cố (trừ 2 Tâm Thắng Trí), đó là 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế phối hợp với 38 cái Tâm Sở có được 2 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm làm cho cả Oai Nghi (việc đứng, việc ngồi, việc nằm) nương sinh từ 1 cái Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới và 2 Tâm Thắng Trí kiên trụ được một thời gian lâu dài.

13. Sắc Tâm nương sinh do từ 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới phối hợp với 35 cái Tâm Sở có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

14. Sắc Tâm nương sinh do từ 4 cái Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới phối hợp với 30 cái Tâm Sở, thì không có thể loại nào cả.

15. Sắc Tâm nương sinh do từ 2 cái Tâm Thắng Trí phối hợp với 30 cái Tâm Sở có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

PHÂN TÍCH 13 TÂM ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI HỶ THỌ ĐÃ LÀM CHO VIỆC VUI CƯỜI KHỞI SINH THEO BA HẠNG NGƯỜI

1. Hạng Phàm Phu cười vui với 8 cái Tâm, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

2. Ba Bậc Quả Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm, đó là 2 Tâm Tham Bất Tương Kiến Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm, đó là 1 Tâm Tiếu Sinh, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

Kết Thúc Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp

----------00000----------

BẢN ĐỒ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM THEO 7 THỂ LOẠI SẮC TÂM

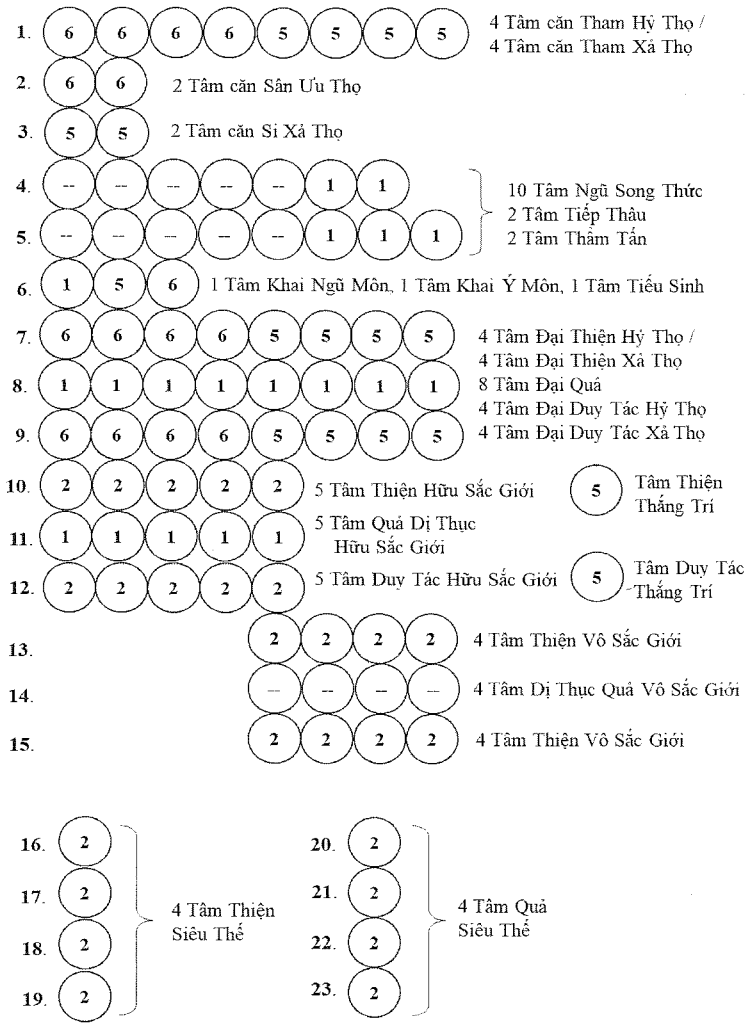

PHẦN THỨ TƯ:
PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP
(RŪPAKALĀPANAYA)
(Việc Trình Bày Sắc Pháp Khởi Sinh Thành Từng Nhóm)

Ekuppādā ekanirodhā ekanissayā sahavuttino ekavīsati rūpakalāpā nāma.

Tattha jīvitaṃ avinibbhogarūpañca cakkhunā saha cakkhusadakam ti pavuccati. Tathā sotādīhi saddhiṃ sotadasakaṃ, ghāṇadasakaṃ, jivhādasakaṃ, kāyadasakaṃ, itthibhāvadasakaṃ, pumbhāvadasakaṃ, vatthudasakaṃ ceti yathākkamaṃ yojetab baṃ. Avinibbhogarūpameva jīvitena saha jīvitanavakanti pavuccati. Ime nava kammasamuṭṭhānakalāpā.

Avinibbhogarūpaṃ pana suddhaṭṭhakaṃ. Tadeva kāyaviññattiyā saha kaya viññattinavakaṃ vacīviññatti saddehi ca vacīviññattidasakaṃ. Lahutādīhi saddhim lahutādekādasakaṃ. Kāyaviññattilahutādidvādasakaṃ, vacīviññatti sadda lahutādite rasakam ceti cha cittasamuṭṭhānakalāpā.

Suddhaṭṭhakaṃ, saddanavakaṃ, lahutādi ekādasakaṃ, saddalahutādi dvādasa kam ceti cattāro utusamuṭṭhānakalāpā. Suddhaṭṭhakaṃ, lahutādekādasakam ceti dve āhārasamuṭṭhānakalāpā. Tattha suddhaṭṭhakaṃ, saddanavakam ceti dve utu samuṭṭhānakalāpā bahiddhāpi labbhanti. Avasesā pana saabbe pi ajjhattikameva.

Kammacittotuhārasamuṭṭhānā yathākkamaṃ. Nava cha caturo dveti kalāpā ekavīsati. Kalāpanaṃ paricchedalakkhaṇattā vicakkhaṇā. Na kalāpaṅgaṃ iccāhu ākāsaṃ lakkhaṇāni ca.

Ayamettha kalāpa yojanā,

Có tất cả 21 Tổng Hợp Sắc Pháp, xét vì các Sắc Pháp này đồng khởi sinh (hoặc cùng có chung một khởi điểm), đồng diệt mất (hoặc cùng có chung một điểm chấm dứt), đồng y chỉ (hoặc cùng có chung một nền tảng), và đồng cùng tồn tại với nhau.

Tại đây, Sắc Mạng Quyền Lực và 8 Sắc Bất Giản Biệt cùng với Nhãn, được gọi tên Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp. Cùng thế ấy, với Nhĩ v.v. được gọi tên Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Nữ Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Nam Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, được kết hợp tùy theo trường hợp. Tám Sắc Bất Giản Biệt cùng với Mạng Quyền được gọi tên Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Như vậy, có chín Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Nghiệp Lực.

Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Tám Sắc Pháp này kết hợp với Thân Biểu Tri thành Tổng Hợp Thân Biểu Cửu Pháp. Cùng với Khẩu Biểu Tri và Thinh kết hợp thành Tổng Hợp Ngữ Biểu Thinh Thập Pháp. Cùng với Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, v.v. kết hợp thành Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp. Cùng với Thân Biểu Tri và Khinh Khoái, v.v. kết hợp thành Tổng Hợp Thân Biểu Khinh Khoái Thập Nhị Pháp. Cùng với Ngữ Biểu Tri, Thinh, Khinh Khoái v.v. kết hợp thành Tổng Hợp Ngữ Biểu Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp. Như vậy, có sáu Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do Tâm Thức.

Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Thinh là Cửu Pháp. Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, v.v. là Thập Nhất Pháp. Thinh, Khinh Khoái, v.v., là Thập Nhị Pháp. Như vậy, có bốn Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Quý Tiết. Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Khinh Khoái, Nhu Nhuyến v.v. là Thập Nhất Pháp. Như vậy, có hai Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Vật Thực. Tại đây, Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Thinh là Cửu Pháp. Có hai Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do từ Quý Tiết đã được tìm thấy ở Ngoại Bộ. Những Tổng Hợp Sắc Pháp còn lại chỉ được tìm thấy ở trong Nội Bộ. Có hai mươi mốt thể loại Tổng Hợp Sắc Pháp; với chín, sáu, bốn và hai, tùy theo trường hợp nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, từ nơi Tâm Thức, từ nơi Quý Tiết, và từ nơi Vật Thực. Bởi do Hư Không chỉ định Sắc Hạn Giới và các Sắc Thực Tướng chỉ nêu rõ đặc tính cố nhiên của các Sắc Pháp, vì vậy Bậc Hiền Trí dạy rằng cả hai Sắc Pháp này không nằm trong Tổng Hợp Sắc Pháp.

Tại đây là sự hình thành các Tổng Hợp Sắc Pháp.

----------00000----------

PHẦN GIẢI THÍCH

Từ ngữ nói rằng **Kalāpa** dịch nghĩa là "nhóm, bộ phận, khối, quần thể"; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành khối; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là **Đồng Hành (Sahavutti).** Đó là:

1. Đồng Khởi Sinh (Ekuppāda): đồng câu sinh.

2. Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha): đồng diệt mất.

3. Đồng Y Chỉ (Ekanissaya): đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiển.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực
2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm Thức
3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết.
4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực.

} kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp

Như có câu kệ trình bày rằng:

Kammacittotuhāra Samuṭṭhānā yathākkamaṃ
Navaṭṭha caturo dveti Kalāpā hi dvevīsati

Những Tổng Hợp Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ đây; rằng khi tính theo số lượng chính xác rồi, và thể theo tuần tự thì có được như vầy: 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, 8 Tổng Hợp Sắc Tâm, 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực; kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp.

Trong số lượng những 23 Tổng Hợp Sắc Pháp này, rằng khi tính đếm số lượng về Sắc Pháp thì chỉ có được 23 Sắc Pháp, có nghĩa ở trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, đã loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, và còn lại là 23.

Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp. Như đã có trình bày câu kệ nói rằng:

Kalāpanaṃ pariccheda Lakkhaṇattā vicakkhaṇā
Na kalāpaṅgaṃ iccāhu Ākāsaṃ lakkhaṇāni ca

Tất cả các Bậc Hiền Trí đã không trình bày đến một Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, là thuộc Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp; cũng bởi vì những cả 5 Sắc Pháp này chỉ là phần cách ly của Tổng Hợp Sắc Pháp, vả lại cũng chỉ là biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp thôi.

CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC (KAMMAJAKALĀPA 9), Đó Là:

1. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp (Cakkhudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nhãn Thanh Triệt.

2. Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp (Sotadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhĩ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp (Ghānadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Tỷ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Tỷ Thanh Triệt.

4. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp (Jivhādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thiệt Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Thiệt Thanh Triệt.

5. Tổng Hợp Thân Thập Pháp (Kāyadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Thân Thanh Triệt.

6. Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp (Itthībhāvadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nữ Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nữ Giới Tính.

7. Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp (Purisabhāvadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nam Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nam Giới Tính.

8. Tổng Hợp Vật Thập Pháp (Vatthudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Tâm Cơ làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Tâm Cơ.

9. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp (Jīvitanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp với Sắc Mạng Quyền Lực làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Mạng Quyền.

Giải thích: Cả 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này, tức là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, và đó cũng chính là 17 Sắc Nghiệp Lực (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này mới đặc biệt chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi. Trong từng mỗi một con người, thì chỉ khởi sinh nhiều nhất có 8 Tổng Hợp Sắc Pháp, là cũng bởi vì cả hai Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp và Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp đây, sẽ không thể nào cùng câu sinh được cả hai với nhau trong từng mỗi con người. Nếu đã là Nữ Giới, thì phải loại trừ Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp ra; và nếu đã là Nam Giới, thì cũng phải loại trừ Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp ra, và cũng chính vì thế, mới chỉ còn lại 8 Tổng Hợp Sắc Pháp thôi. Tại đây lập ý chỉ lấy đích thực Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, chứ không có lập ý lấy Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực; tức là Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ; nghĩa là trong 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này cũng đã có cả Quý Tiết ở trong đấy, và đó chính là Hỏa Giới vậy. Thể loại Quý Tiết này khởi sinh bởi do nương vào Nghiệp Lực; và cũng vì thế, gọi là Sắc Nghiệp Lực. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết hiện hữu ở trong các Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đây, thì chẳng phải đích thực là Sắc Nghiệp Lực, mới gọi là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực. Chính vì thế, các bộ phận hiện bày ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, như có tóc, lông, móng, răng, sừng, ngà, tay, chân, v.v. đều toàn là những Sắc Quý Tiết hết cả; tức là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực cũng có, Sắc Quý Tiết Duyên Tâm cũng có, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng có, và cũng có cả Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực. Tuy nhiên chỉ có Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực là làm chủ vị trưởng trội, và ba thể loại Sắc Quý Tiết còn lại thì chỉ là phần phối hợp. Sẽ được rõ biết là vào trong thời gian mà tất cả Chúng Hữu Tình mạng vong, vì theo lẽ thường nhiên một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thế rồi cả ba Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm và Sắc Vật Thực này cũng thường tiệt diệt hết chẳng còn dư sót, và chỉ còn lại Sắc Quý Tiết mà thôi. Sắc Quý Tiết còn lại ở tại đây, đích thị chính là 4 thể loại Sắc Quý Tiết mà đã vừa đề cập đến; và cũng vì thế mới nói được rằng "trong từng mỗi con người thì chỉ có nhiều nhất 8 Tổng Hợp Sắc Pháp là như vậy".

PHÂN TÍCH CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC THEO BA PHẦN THÂN THỂ

Trong thân thể của con người ta, đã được chia ra làm thành ba phần, đó là:

1. Thượng Thân (Uparimakāya): Phần trên thân thể, tính kể từ cổ trở lên đến đầu.

2. Trung Thân (Majjhimakāya): Phần giữa thân thể, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn.

3. Hạ Thân (Heṭṭhimakāya): Phần dưới thân thể, tính kể từ rốn trở xuống đến bàn chân.

+ Trong phần trên thân thể có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Thinh Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần giữa thân thể có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần dưới thân thể có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

BÁT TỔNG HỢP SẮC TÂM (CITTAJAKALĀPA 8), Đó Là:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.

3. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kāyaviññattinavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thân Biểu Tri.

4. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (Vacīviññattisaddadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngữ Biểu Tri và 1 Thinh.

5. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến thể.

6. Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutādidvādasaka kalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

7. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Kāyaviññattilahutā didvādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, và 3 Sắc Biến Thể.

8. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp (Vacīviññatti saddalahutāditerasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngữ Biểu Tri, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

+ Từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 4, gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa).** Và từ điều thứ 5 cho đến điều thứ 8, gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlīkalāpa).**

Giải thích: Tám Tổng Hợp Sắc Tâm đã trình bày ở tại đây, là đã trình bày theo Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo. Đối với trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, thì chỉ có trình bày 6 Tổng Hợp thôi, tức là đã loại trừ Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp và Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp ra; vả lại cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm này đích thị chính là 14 Sắc Tâm (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế, những Tổng Hợp Sắc Tâm này thường đặc biệt chỉ có nương sinh trong vật thể hữu sinh mạng thôi.

Trong cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm đó:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): chỉ khởi sinh trong những lúc chẳng có quan hệ với việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời; hoặc có bất luận một âm thanh tiếng động nào đang phát âm ra, và trong sát na mà tâm trí mệt mỏi, hoặc bất ổn định. Tức là trạng thái của việc hít thở vô ra, thì có biểu hiện trạng thái phồng lên và xẹp xuống của cái bụng. Trong lúc buồn lòng, hoặc nóng giận; thì có biểu hiện trạng thái mặt đỏ tía, hoặc mặt tái xanh. Trong lúc ghét ghê, hoặc sợ hãi; thì có biểu hiện trạng thái sởn tóc gáy, sởn hết gai ốc, hoặc nổi da gà v.v.

Tổng Hợp Bát Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp,và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là trạng thái của việc hít thở vô ra. Trong lúc tâm trí duyệt ý, thì có biểu hiện trạng thái diện mạo vui vẻ, hớn hở hân hoan. Trong lúc Pháp Hỷ khởi sinh, thì cũng có biểu hiện trạng thái sởn tóc gáy, sởn hết gai ốc, hoặc nổi da gà v.v.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): khởi sinh trong lúc có âm thanh hiện bày mà chẳng có quan hệ với việc nói năng nào cả; và khởi sinh trong những lúc tâm trí mệt mỏi, thối lui sụt giảm, hoặc bất kiên định. Tức là âm thanh phát sinh từ gió của hơi thở vô ra, tiếng ho, hắt hơi, ợ hơi, ngáp ngủ, hoặc tiếng mớ sảng mà chẳng hay biết.

Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là cùng một thể loại âm thanh với Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp, tuy nhiên âm thanh ấy trong sáng hơn, và tiếng mớ cũng biết rõ sự tình.

3. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kāyaviññattinavakakalāpa): khởi sinh trong những lúc hoạt động về thân thể không được bình thường, có nghĩa là trong những lúc tâm trí mệt mỏi, bất kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, co duỗi, co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn v.v.

Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, v.v. được an lạc, nhanh nhẹn, và thoải mái.

4. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (Vacīviññattisaddadasakakalāpa): khởi sinh trong những lúc nói năng, đọc sách, ca hát, tụng kinh, v.v. không được bình thường, có nghĩa là trong lúc có cảm giác bất an nặng nề, hoặc trong lúc tâm trí thối lui sụt giảm, không sẵn lòng để nói năng, hoặc không hoan hỷ để đọc v.v.

Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Thập Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp, và khởi sinh trong những lúc bình thường, hoặc những lúc tâm trí được an lạc, thì những sự việc nói năng, việc tụng đọc đấy cũng được hiện hành một cách an lạc thoải mái.

PHÂN TÍCH BÁT TỔNG HỢP SẮC TÂM THEO BA PHẦN THÂN THỂ

Trong phần trên thân thể có được cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh.

Trong phần giữa và phần dưới thân thể có được 4 Tổng Hợp Sắc Tâm, đó là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp.

TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT (UTUJAKALĀPA 4), Đó Là:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.

3. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến Thể.

4. Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutādidvādasaka kalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

+ Điều thứ 1 và thứ 2, gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa).** Và điều thứ 3 và thứ 4, gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlīkalāpa).**

Giải thích: Cả 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đây, đích thị chính là 12 Sắc Quý Tiết (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới) đó vậy. Và ở trong cả Tứ Sắc Quý Tiết này, thì thường chỉ khởi sinh ở nội phần thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Còn ngoại phần Chúng Hữu Tình, tức là ở trong những vật thể phi sinh mạng, và chỉ có được khởi sinh hai Tổng Hợp, ấy là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp mà thôi.

TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT KHỞI SINH TRONG NỘI BỘ HỮU TÌNH

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): đó chính là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì Tổng Hợp Sắc Quý Tiết này:

1/. Là Tổng Hợp làm thành nền tảng hứng đón những Tổng Hợp Sắc Pháp khác nữa. Nếu như không có Sắc Quý Tiết này rồi, thì các Tổng Hợp Sắc Pháp khác, như có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực v.v. cũng không có khả năng hiện khởi lên được.

2/. Và Tổng Hợp Bát Thuần Pháp này khởi sinh ở bên trong thân thể Chúng Hữu Tình ấy trong những lúc không được bình thường, chẳng hạn như mệt mỏi, hoặc bất an.

Tổng Hợp Bát Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp, tức là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong những lúc quân bình an lạc.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): khởi sinh trong những lúc có âm thanh được phát ra ở một vài phần của thân thể, chẳng hạn như bị sôi bụng, tiếng ngáy; hoặc âm thanh phát sinh từ nơi vỗ tay, búng tay, và âm thanh phát sinh do đánh vào bất luận

ở phần nào của thân thể; tuy nhiên những thể loại âm thanh ấy không được phát ra cho thật rõ ràng. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp, đó chính là các âm thanh đã có được đề cập ở trong Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp vậy, tuy nhiên các âm thanh ấy phát ra trong sáng rõ ràng.

NHỊ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT KHỞI SINH NGOẠI BỘ HỮU TÌNH

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): tức là các thực thể vật chất hiện hữu ở trong thế gian này và núi đồi, cây cối, sông nước, lửa, gió, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng, bóng tối, v.v.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): tức là những thể loại như tiếng gió thổi, âm thanh sấm chớp trời gầm, tiếng nước chảy, tiếng máy xe, tàu thuyền, chuông, v.v.

PHÂN TÍCH TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT THEO BA PHẦN THÂN THỂ

Cả Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh trong ba phần thân thể. Đối với Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, hoặc Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp thì hằng thường luôn khởi sinh. Còn cả hai Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp, hoặc Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp đây, thì thi thoảng đôi khi khởi sinh, và chẳng phải hằng thường luôn.

NHỊ TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC (ĀHĀRAJAKALĀPA 2), Đó Là:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt; và được gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa).**

2. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến Thể; và được gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlīkalāpa).**

Giải thích: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, đó chính là 11 Sắc Vật Thực (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Và cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực này thường chỉ đặc biệt khởi sinh ở nội bộ của Chúng Hữu Tình thôi.

Vả lại sự hiện hành cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực có được như vầy:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): nương sinh vào các vật thực, hoặc các loại thuốc sẽ là tốt hoặc không tốt đi nữa, nhưng một khi dùng vào rồi đã không làm cho thân thể có được cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phấn chấn, và nhanh nhẹn. Hoặc một khi đã dùng vào rồi, đã làm cho thân thể có cảm giác bất an, bực bội, và khó chịu, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Vật Thực nương sinh từ nơi thuốc hoặc những thể loại vật thực này vẫn chưa có được phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

2. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa): nương sinh khi đã dùng các vật thực, hoặc các loại thuốc, và đã làm cho thân thể có cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phấn chấn và an lạc, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Sắc Vật Thực nương sinh từ nơi các thể loại thuốc hoặc vật thực đây đã phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này không có khởi sinh ở ngoại bộ Hữu Tình được, vì lẽ Tổng Hợp Sắc Vật Thực chỉ sẽ khởi sinh lên được, thiết yếu cần phải nương vào **Nghiệp Lực Bổ Phẩm (Kammaojā)** hiện hữu ở bên trong thân thể của Hữu Tình làm thành người hiệp trợ đối với **Bổ Phẩm Ngoại Phần (Bahiddhaojā).** Có nghĩa là một thể loại Bổ Phẩm khác nữa hiện hữu ở trong các thể loại vật thực ấy; bởi do thế, Tổng Hợp Sắc Vật Thực hiện hữu ở trong các thể loại vật thực một khi vẫn chưa có được thọ thực vào, thì chẳng phải là Tổng Hợp Sắc Vật Thực, mà đó chính là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cả thảy.

Các cây cối phát triển tươi tốt to lớn lên, đâm cành phát tán, trổ sinh hoa quả là do bởi nương vào đất, nước, và phân bón. Những thể loại này được hiểu biết với nhau rằng đất, nước và phân bón ấy đã làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh đối với cây cối rất nhiều. Quả thực là những thể loại đất, nước và phân bón đấy, đã không làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với cây cối bất luận một trường hợp nào cả, mà trái lại chỉ làm cho Tổng Hợp Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên thôi, vì lẽ cây cối chẳng thể nào thọ dụng loại thực phẩm của loài Hữu Tình được. Đất và nước, hoặc phân bón tưới cho cây cối đó thường thấm đi vào trong thân cây theo con đường rễ cái và rễ con của cây và hiện hành theo lẽ thường nhiên. Nếu sẽ nói với nhau là cây cối đã thọ dụng vật thực, đã uống nước ăn phân bón, đó là cách gọi theo từ ngữ dân gian, và chẳng phải theo thực tính Siêu Lý; cũng tương tự cùng một phương thức mà chúng ta bảo với nhau rằng "chiếc xe này thì uống xăng nhiều, chiếc xe đó thì uống xăng ít", mà sự thực là chẳng có chiếc xe nào uống xăng vào được cả; và đó chỉ là dùng để gọi bảo với nhau theo **Ngôn Từ Giả Định (Vohārasammuti)** thôi.

PHÂN TÍCH NHỊ TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC THEO BA PHẦN THÂN THỂ

Trong cả ba phần thân thể thì cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực thường luôn khởi sinh lên được.

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Sắc Pháp

----------00000----------

PHẦN THỨ NĂM:
PHẦN CHUYỂN KHỞI SẮC PHÁP
(RŪPAPAVATTIKKAMANAYA)
(Trình Bày Sự Khởi Sinh Cùng Với Sự Tiệt Diệt Sắc Pháp Theo Tuần Tự)

Sabbāni panetāni rūpāni kāmaloke yathārahaṃ anūnāni pavattiyaṃ upalabbhanti. Paṭisandhiyaṃ pana saṃsedajānañceva opapātikānañca cakkhu sota ghāṇa jivhā kāya bhāva vatthu dasaka saṅkhātāni satta dasakāni pātubhavanti,

ukaṭṭhavasena. Omakavasena pana cakkhu sota ghāṇa bhāva dasakāni kadāci pi na labbhanti. Tasmā tesaṃ vasena kalāpāhāni veditabbā.

Gabbhaseyyaka sattānaṃ pana kāyabhāvavatthu dasakasaṅkhātāni tīṇi dasakāni pātubhavanti. Tatthāpi bhāvadasakaṃ kadāci na labbhati. Tato paraṃ pavattikāle kamena cakkhudasakādīni ca pātubhavanti.

Iccevaṃ paṭisandhiṃ upādāya kammasamuṭṭhānā dutiyacittaṃ upādāya cittasamuṭṭhānā ṭhitikālaṃ upādāya utusamuṭṭhānā ojāpharaṇaṃ upādāya āhārasamuṭṭhānā cāti catusamuṭṭhānarūpa kalāpa santati kāmaloke dīpajālā viya nadīsoto viya ca yāvatāyukaṃ abbhocchinnaṃ pavattati.

Maraṇakāle pana cuticittopari sattarasama cittassa ṭhiti kālaṃ upādāya kammajarūpāni na uppajjanti. Puretaraṃ uppannāni ca kammajarūpāni cuticittasamakālaṃ eva pavattitvā nirujjhanti. Tato paraṃ cittajāhārajarūpañ ca vocchijjhati. Tato paraṃ utusamuṭṭhānarūpaparamparā yāva matakaḷebara saṅkhāta pavattanti. Iccevaṃ matasattānaṃ punadeva bhavantare paṭisandhiṃ upādāya tathā rūpaṃ pavattati.

Rūpaloke pana ghāṇa jivhā kāya bhāva dasakāni ca āhārajakalāpāni ca na labbhanti. Tasmā tesaṃ paṭisandhikāle cakkhu sota vatthuvasena tīṇi dasakāni jīvitanavakāni cāti cattāro kammasamuṭṭhānakalāpā, pavattiyaṃ cittotu samuṭṭhānā ca labbhanti. Asaññsattānaṃ pana cakkhu sota vatthu saddāni pi na labbhanti. Tathā sabbāni pi cittajarūpāni. Tasmā tesaṃ paṭisandhikāle jīvitanavakaṃ eva. Pavattiyañ ca saddavajjitaṃ utusamuṭṭhāna rūpaṃ atiricchati. Iccevaṃ kāmarūpāsaññī saṅkhātesu tīsu ṭhānesu paṭisandhi pavatti vasena duvidhā rūpappavatti veditabbā.

Aṭṭhavisati kāmesu honti tevīsa rūpisu sattaraseva saññīnaṃ arūpe natthi kiñci pi. Saddo vikāro jaratā maraṇaña copapattiyaṃ na labbhanti pavatte tu na kiñci pi na labbhati. Ayamettha rūpa pavattikkamo.

Tất cả các Sắc Pháp ấy, không thiếu Sắc nào và tùy theo trường hợp, đã chuyển khởi hiện hữu đầy đủ trong Cõi Dục Giới. Tuy nhiên trong lúc thọ sinh, đối với Chúng Hữu Tình thuộc Hóa Sinh và Thấp Sinh, thì tối đa sẽ hiện khởi chỉ có được bảy Tổng Hợp Thập Sắc Pháp là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tính, và Vật. Còn tối thiểu thì có đôi khi không hiện khởi lên được đối với các Tổng Hợp Thập Sắc Pháp Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Tính. Do vậy, cần phải hiểu Chúng Hữu Tình đấy như là không có các Tổng Hợp Thập Sắc Pháp ấy vậy.

Đối với Chúng Hữu Tình Thai Sinh (vào lúc thọ sinh) thì ba Tổng Hợp Thập Sắc Pháp là Thân, Tính và Tâm Cơ có được khởi sinh; tuy nhiên cũng đôi khi Tính Thập Pháp đã không có hiện khởi. Từ lúc đã thọ sinh trở đi xuyên suốt trọn kiếp sống, tuần tự những Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp v.v. đã được khởi sinh. Như vậy, các Sắc Pháp đã được tạo nên theo bốn phương cách: do Nghiệp Lực mà khởi sinh từ lúc thọ sinh, do Tâm Thức mà khởi sinh từ sát na thứ hai, do Quý Tiết mà khởi sinh vào thời trú vị, do Vật Thực mà khởi sinh từ lúc Bổ Phẩm đã được tiêu hóa; liên tục chuyển khởi không gián đoạn ở trong Cõi Dục Giới cho đến lúc mệnh chung, như một ngọn lửa của cây đèn đã được thắp lên, hoặc một dòng sông đang trôi chảy. Thế nhưng ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát

na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp Lực mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Các Sắc Pháp do Nghiệp Lực đã khởi sinh trước đó chỉ tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy. Nối tiếp theo, các Sắc Pháp do Tâm và Vật Thực tạo cũng chấm dứt. Sau đó, thì sự chuyển khởi tiếp tục của các Sắc Pháp do Quý Tiết sinh, vẫn còn kéo dài tùy theo sự tồn tại của thi thể cho đến khi hoàn toàn tan rã. Như vậy, đối với người đã chết, thì các Sắc Pháp lại khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Sinh.

Ở trong Cõi Sắc Giới thì các Tổng Hợp Thập Sắc Pháp về Tỷ, Thiệt, Thân, và Tính do Vật Thực sinh, đã không khởi sinh lên được. Do vậy, đối với Chúng Hữu Tình này trong lúc tái sinh, thì chỉ hiện khởi lên có bốn Tổng Hợp Thập Pháp bởi do Nghiệp sinh, ấy là Nhãn, Nhĩ, và Tâm Cơ cùng với Mạng Cửu Pháp; và trong thời chuyển khởi, các Sắc Pháp do Tâm Thức và Quý Tiết sinh, thì tiếp tục được hiện khởi. Thế nhưng, đối với Chúng Hữu Tình Vô Tưởng, thì Nhãn, Nhĩ, Tâm Cơ và Thinh không hiện khởi lên. Tương tự, tất cả các Sắc Pháp do Tâm Thức sinh, cũng không hiện khởi. Do vậy, đối với Chúng Hữu Tình này trong lúc tái sinh, thì chỉ có Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp khởi sinh; và trong thời chuyển khởi, loại trừ Thinh, tất cả các Sắc Pháp do Quý Tiết sinh, thì có được khởi sinh.

Như vậy, ở trong ba Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Tưởng, thì tiến trình Sắc Pháp cần phải được hiểu theo hai phương cách, thời tái sinh và thời chuyển khởi. Trong Cõi Dục Giới thì có hai mươi tám Sắc Pháp, ở Cõi Sắc Giới thì có hai mươi ba. Trong Cõi Vô Tưởng thì chỉ có mười bảy, và ở Cõi Vô Sắc Giới thì không có Sắc Pháp nào khởi sinh. Vào lúc tái sinh, thì Thinh, Sắc Biến Thể, Lão Mại và Vô Thường không có hiện khởi. Trong thời chuyển khởi bình nhật, thì chẳng có Sắc Pháp chi là không có.

Tại đây, là phương cách chuyển khởi của tất cả các Sắc Pháp.

----------00000----------

PHẦN GIẢI THÍCH

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY CÁC SẮC PHÁP CÓ ĐƯỢC KHỞI SINH VÀ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI SINH TRONG 31 CÕI GIỚI

Aṭṭhavisati kāmesu Honti tevīsa rūpisu
Sattaraseva saññīnaṃ Arūpe natthi kiñci pi

Trong 11 Cõi Dục Giới thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh. Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng) có 23 Sắc Pháp (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân, 2 Sắc Bản Tính) thường được khởi sinh. Trong 1 Cõi Hữu Tình Vô Tưởng có 17 Sắc Pháp (loại trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Săc Thinh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được khởi sinh. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được cả.

Giải thích: Kệ ngôn đã trình bày tại đây, đấy là cơ sở trình bày đến số lượng Sắc Pháp có được khởi sinh và không được khởi sinh ở trong 31 Cõi Giới. Và người sinh trú ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy, thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh lên một cách trọn đủ ở trong thời

chuyển khởi bình nhật, không tăng cũng không giảm hơn nữa. Tuy nhiên một khi tính theo Người, nếu là nữ giới thì cần phải loại trừ Sắc Nam Giới Tính ra; và nếu là nam giới thì cũng cần phải loại trừ Sắc Nữ Giới Tính ra. Và nếu như người ấy lại bị khiếm khuyết bất luận một trong các bộ phận chẳng hạn như mắt, tai, mũi, giới tính; hoặc đến 2 – 3 thể loại, thế rồi cũng cần phải loại trừ các Sắc Pháp ấy ra, vừa theo thích hợp của từng mỗi thể loại. Rằng khi tính theo phần tập hợp lại, thì ở trong 11 Cõi Dục Giới có cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh lên, như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **Aṭṭhavīsatī kāmesu.**

Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng) là chỗ sinh trú của tất cả Chư Phạm Thiên, thì Tỷ, Thiệt, Thân và cả 2 Sắc Bản Tính thường không khởi sinh lên được; vì lẽ cả 5 Sắc Pháp này là các Sắc Pháp chỉ thuần nhất hỗ trợ ở trong Cảnh Dục Trần. Còn Chư Phạm Thiên ấy, là các bậc đã được thọ sinh từ nơi mãnh lực Thiền Định Sắc Giới, và đã đoạn tiệt mọi tham muốn dục trần; bởi do thế, cả 5 Sắc Pháp này mới không có được khởi sinh lên đối với nhóm Chư Phạm Thiên.

Đối với Nhãn và Nhĩ có được khởi sinh lên với Chư Phạm Thiên, là cũng vì cả 2 Sắc Pháp này chẳng có bất luận điều chi tác hại cả, vả lại thường có nhiều ân đức hữu ích nữa. Có nghĩa là Nhãn thì có ân đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được trông thấy đến các Bậc có Ân Đức Chí Thượng là Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. được gọi là **Ân Đức Kiến Thị Tối Thượng** (**Dassanānuttariyaguṇa** – là được trông thấy sự việc vi diệu thù thắng), và Nhĩ thì có ân đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được lắng nghe Giáo Pháp Thù Thắng, được gọi là **Ân Đức Thính Văn Tối Thượng** (**Savanānuttariyaguṇa** – là được lắng nghe sự việc vi diệu thù thắng). Bởi do thế, cả 2 Sắc Pháp là Nhãn và Nhĩ đây, mới được khởi sinh lên đối với Chư Phạm Thiên. Và hết cả thảy Sắc Pháp mà khởi sinh với nhóm Chư Phạm Thiên ấy, thì có được số lượng là 23 Sắc Pháp với nhau, và chẳng có khiếm khuyết bất luận một Sắc Pháp nào đối với Chư Phạm Thiên ấy cả. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **Honti tevīsa rūpisu.**

Trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thường chỉ có được 17 Sắc Pháp khởi sinh lên thôi, tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng. Là như vậy, cũng vì tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng đây, là hạng Phạm Thiên không có Danh Pháp, tức là Tâm và Tâm Sở không có khởi sinh. Vì lý do này, Sắc Pháp làm thành chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở mới không cần phải khởi sinh lên đối với Chư Phạm Thiên này. Còn 2 Sắc Bản Tính, thì cho dù thực sự sẽ không là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm và Tâm Sở, tức là chẳng phải là Sắc Tâm đi nữa; tuy nhiên đối với tất cả Chư Phạm Thiên ấy đã đoạn tiệt Tham Ái, và chính cả 2 Sắc Bản Tính này đa phần lại là Sắc Pháp đã làm cho khởi sinh Tham Ái; chính vì vậy mới chẳng thiết yếu đối với tất cả Chư Phạm Thiên ấy. Bởi do thế, tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng mới chỉ có được 17 Sắc Pháp khởi sinh ngần ấy thôi. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **Satta rasevasaññnaṃ.**

Trong 4 Cõi Vô Sắc Giới là chỗ sinh trú của tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới mà đã được sinh khởi từ nơi mãnh lực tiến tu Thiền Định có liên quan với đề mục **Tu Tập Ly Ái Sắc (Rūpavirāgabhāvanā),** tức là sự đoạn lưu khỏi việc hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới mới không có Sắc Pháp khởi sinh, và

cũng tương tự như nhau, là suốt trọn ở trong Cõi Giới mình đang sinh sống, thì cũng không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **Arūpe natthi kiñcipi**.

PHÂN TÍCH 28 SẮC PHÁP KHỞI SINH TRONG 11 CÕI DỤC GIỚI THỂ THEO CẢ TỨ XUẤT SINH XỨ

Khi phân tích tất cả 28 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Dục Giới thể theo Xuất Sinh Xứ, thì có đủ cả Tứ Xuất Sinh Xứ và luôn cả số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ cũng được khởi sinh trọn đủ hết cả. Tức là 18 Sắc Nghiệp Lực, 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực; và kết hợp lại thành 58 Sắc Pháp. Vả lại trong số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ của những cả Tứ Xuất Sinh Xứ đây, thì trong từng mỗi Xuất Sinh Xứ cũng thường có đủ cả Tứ Sắc Thực Tướng cùng hiện hữu với nhau; có nghĩa là 18 Sắc Nghiệp Lực cũng có cả Tứ Sắc Thực Tướng, tức là Sắc Nghiệp Tích Trữ, Sắc Nghiệp Thừa Kế, Sắc Nghiệp Lão Mại, và Sắc Nghiệp Vô Thường, và kết hợp lại thành 4. Trong Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực cũng hiện hành trong cùng một phương thức này; bởi do thế, khi kết hợp cả Tứ Sắc Thực Tướng hiện hữu ở trong cả bốn thể loại Sắc Pháp như đã vừa đề cập mới thành là 16; và khi tính gộp lại nhau với số lượng của 58 Sắc Pháp, thì mới thành số lượng 74 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Dục Giới. Trong những số lượng 74 Sắc Pháp này, nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 28 Sắc Pháp mà thôi.

PHÂN TÍCH 23 SẮC PHÁP KHỞI SINH TRONG 15 CÕI HỮU SẮC (LOẠI TRỪ CÕI HỮU TÌNH VÔ TƯỞNG) THỂ THEO CẢ TỨ XUẤT SINH XỨ

Khi phân tích 23 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có 3 Xuất Sinh Xứ (loại trừ Vật Thực Xuất Sinh Xứ), là vì tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới thì chẳng có thọ dụng vật thực như thể loại của nhóm Nhân Loại và Chư Thiên. Tất cả Chư Phạm Thiên ấy thường luôn no đủ với Pháp Hỷ, và cũng bởi do thế, Pháp Hỷ mới tương đương như là vật thực của Chư Phạm Thiên. Vì lý do này, trong số lượng 23 Sắc Pháp ấy mới không có tính Sắc Vật Thực vào là vậy.

Trong số lượng cả 3 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, Sắc Nghiệp Lực thường chỉ có được 13 Sắc Pháp khởi sinh (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân, Tính). Sắc Tâm có được cả 15 Sắc Pháp khởi sinh. Sắc Quý Tiết có được cả 13 Sắc Pháp khởi sinh; và kết hợp lại thành 41 Sắc Pháp. Vả lại một khi đã kết hợp với 12 Sắc Thực Tướng rồi thì mới thành số lượng 53 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 23 Sắc Pháp thôi.

PHÂN TÍCH 17 SẮC PHÁP KHỞI SINH TRONG CÕI HỮU TÌNH VÔ TƯỞNG THỂ THEO CẢ TỨ XUẤT SINH XỨ

Khi phân tích 17 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có được 2 Xuất Sinh Xứ, đó là Nghiệp Lực Xuất Sinh Xứ và Quý Tiết Xuất Sinh Xứ; cũng vì nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng là hạng Phạm Thiên không có Tâm và Tâm Sở; bởi do thế, Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ mới không có khởi sinh. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ ấy, đã là lẽ thường nhiên không có đối với Chư Phạm Thiên rồi. Trong số lượng cả 2 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, thì Sắc Nghiệp Lực thường có được 10 Sắc Pháp khởi sinh, tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, và 1 Sắc Mạng Quyền Lực. Sắc Quý Tiết thường có được 12 Sắc Pháp (loại trừ Thinh) khởi sinh; và kết hợp lại thành 22. Vả lại một khi đã kết hợp với 8 Sắc Thực Tướng mới thành số lượng 30 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng; và nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 17 Sắc Pháp.

Ghi chú: Chỗ tính kết hợp Tứ Sắc Thực Tướng vào với các Sắc Pháp nương sinh từ nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ ấy, thì tính theo phần kết hợp ấy chẳng hạn như vầy: 18 Sắc Nghiệp Lực kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thành 22 Sắc Pháp; 15 Sắc Tâm kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thành 19 Sắc Pháp. Tuy nhiên, nếu sẽ tính Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú riêng từng mỗi một Sắc Thành Sở Tác, thì ở trong 18 Sắc Nghiệp Lực ấy chỉ có 17 Sắc Thành Sở Tác (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới); và trong từng mỗi Sắc Pháp của 17 Sắc Thành Sở Tác ấy lại có Tứ Sắc Thực Tướng cùng câu sinh với nhau; chính vì thế mới kết hợp lại thành 68 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 18 Sắc Nghiệp Lực vào mới có được 86 Sắc Nghiệp Lực.

Trong 15 Sắc Tâm thì có 9 Sắc Thành Sở Tác, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Thinh. Trong từng mỗi một Sắc Pháp của 9 Sắc Thành Sở Tác thì có Tứ Sắc Thực Tướng; và kết hợp lại thành 36 Sắc Thực Tướng. Và khi cùng kết hợp với 15 Sắc Tâm vào mới có được 51 Sắc Tâm. Trong 13 Sắc Quý Tiết thì tương tự cũng có 9 Sắc Thành Sở Tác, chính vì thế mới có 36 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 13 Sắc Quý Tiết vào mới có được 49 Sắc Quý Tiết. Trong 12 Sắc Vật Thực, thì có 8 Sắc Thành Sở Tác, chính là 8 Sắc Bất Giản Biệt; bởi do đó mới có 32 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 12 Sắc Vật Thực vào mới có được 44 Sắc Vật Thực là như vậy.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY SẮC PHÁP KHÔNG CÓ ĐƯỢC KHỞI SINH TRONG THỜI TÁI SINH NHƯNG LẠI ĐƯỢC KHỞI SINH TRONG THỜI CHUYỂN KHỞI

Saddo vikāro jaratā **Maraṇaña copapattiyaṃ**
Na labbhanti pavatte tu **Na kiñci pi na labbhati**

Kết hợp cả 8 Sắc Pháp đây: 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mại, và 1 Sắc Vô Thường thì không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh, tức là sát na Sinh của Tâm Tái Sinh. Còn trong Thời Chuyển Khởi thì bất luận là Sắc Pháp nào cho dù sẽ không có được khởi sinh, hoặc không có hiện hữu đi nữa, thì cũng thường được khởi sinh lên hết tất cả.

Giải thích: Ngay sát na Sinh của Tâm Tái Sinh thì được gọi là Thời Tái Sinh. Kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh trở đi cho đến sát na Trụ của Tâm Tử thì được gọi là Thời Chuyển Khởi; và đây là sự hiện hành thể theo phần Thực Tính.

Cả 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh đấy, có nghĩa là ngay trong sát na Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình thì âm thanh tiếng động cũng vẫn chưa có; việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời cũng vẫn chưa có; Sắc nhẹ, Sắc mềm, và Sắc thích dụng đối với công việc, Sắc đang lão mại, Sắc đang diệt mất thì cũng vẫn là chưa có. Điều này được ví như một nồi gạo mới bắt đầu đặt ở trên bếp lò, thì sẽ không làm sao để cho gạo tức thời phải sôi lên được như thế nào, thì sát na Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, và như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

Câu kệ tổng hợp này, là đặc biệt chỉ trình bày riêng phần 8 Sắc Pháp có Thinh, v.v. không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh; bởi do thế, mới cần phải hiểu biết rằng 20 Sắc Pháp còn lại thì thường có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh. Trong số lượng của những 20 Sắc Pháp này, thì Sắc Nghiệp Lực cũng có trong số lượng này, luôn cả Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực cũng có trong số lượng này. Tuy nhiên cả ba nhóm là Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực đây, thì thường không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Sinh, và chỉ có được khởi sinh trong Thời Chuyển Khởi thôi; bởi do thế, cả 20 Sắc Pháp mà có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh, là chỉ có duy nhất một nhóm Sắc Nghiệp Lực, và đó chính là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Tích Trữ, và 1 Sắc Thừa Kế; kết hợp lại thành 20.

Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp có trình bày số lượng 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh trong Thời Tái sinh; tuy nhiên nếu trình bày thể theo phần Chú Giải và Phụ Chú Giải thì Sắc Pháp không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh sẽ phải là 9 Sắc Pháp, tức là thêm 1 Sắc Thừa Kế nữa; bởi do thế trong số lượng 28 Sắc Pháp, thì Sắc Pháp không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh mới là 9, và 19 Sắc Pháp còn lại thì có được khởi sinh. Còn trong Thời Chuyển Khởi thì cả 28 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực thường có được khởi sinh lên hết cả thảy. 19 Sắc Nghiệp Lực có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh, nếu sắp xếp theo phần Tổng Hợp, thì cũng chính là 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đó vậy. Và ở trong cả thảy 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đấy mà không có được khởi sinh đối với tất cả Chúng Hữu Tình trong Thời Tái sinh, là cũng phải tùy thuộc theo trường hợp thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới của Chúng Hữu Tình.

SẢN ĐỊA HOẶC SẢN SINH XỨ (YONI)

Có 3 hoặc 4 Sản Địa của tất cả Chúng Hữu Tình, đó là:

1. Thấp Sinh Sản Địa (Saṃsedaja) lập ý đến sinh trong chỗ có mủ nhựa dính.

2. Hóa Sinh Sản Địa (Opapātika) lập ý đến phát sinh to lớn liền tức thì, y như thể rớt từ trên cao xuống.

3. Thai Sinh Sản Địa (Gambhaseyyaka) lập ý đến sản sinh ở trong thai bào của người Mẹ. Thai Sinh Sản Địa chia ra làm 2 thể loại, đó là:

- **Noãn Sinh Sản Địa (Aṇḍaja)** lập ý đến sinh ở trong quả trứng.
- **Bao Y Sinh Sản Địa (Jalābuja)** lập ý đến sinh ở trong cái nhau.

Vì thế, khi kết hợp lại mới có được Tứ Sản Địa, là: **1/. Thấp Sinh Sản Địa, 2/. Hóa Sinh Sản Địa, 3/. Noãn Sinh Sản Địa, 4/. Bao Y Sinh Sản Địa.**

[**Chú thích**: Theo quan điểm Phật Giáo thì có được 4 loại sản sinh, đó là Thấp Sinh, Noãn Sinh, Hóa Sinh và Thai Sinh. Một vài hình thức Hữu Tình thấp kém được sinh ra và sinh sống ở trong những nơi ẩm thấp, được gọi là Thấp Sinh. Đôi khi Chúng Hữu Tình Thấp Sinh Sản Địa khiếm khuyết một vài giác quan và không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Tất cả đều có Tâm Thức vì được sinh ra với Tổng Hợp Vật Thập Pháp, tức là Sắc Tâm Cơ. Chúng Hữu Tình Hóa Sinh Sản Địa thông thường là vô hình đối với Nhãn Mục của Nhân Loại. Bởi do Nghiệp Lực quá khứ tạo duyên, Chúng Hữu Tình ấy khởi sinh mà chẳng phải trải qua giai đoạn thọ thai và sản sinh. Chúng Ngạ Quỷ, Chư Thiên và Chư Phạm Thiên thì thuộc về hạng này. Một vài hạng Chúng Hữu Tình Hóa Sinh ở trong Cảnh Dục Giới thì không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Tuy nhiên Chúng Hữu Tình Hóa Sinh ở trong Cõi Sắc Giới chẳng những không có các giác quan về mũi, lưỡi và thân, cho dù có đủ các bộ phận ấy; vì lẽ Chư Phạm Thiên chẳng bao giờ thiết yếu để sử dụng đến. Chúng Hữu Tình Noãn Sinh Sản Địa thì cũng tương tự với hạng Thai Sinh Sản Địa. Thông thường vào lúc đi thọ sinh đều có được 3 Tổng Hợp Thập Pháp, đó là: Tổng Hợp Thân, Tính và Vật Thập Pháp; và cũng có đôi khi một vài Hữu Tình không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Vì lẽ ấy, nhận thấy rằng chí đến ở trong quả trứng cũng có Tâm Thức.]

GIẢI THÍCH TRONG CẢ TỨ SẢN ĐỊA

1. Thấp Sinh Sản Địa (Saṃsedaja): Tất cả Chúng Hữu Tình tái sinh với Thấp Sinh Sản Địa đây, thì không cần phải nương vào người Cha, người Mẹ mới có ra; chỉ nương sinh từ nơi cây cối, trái quả, tán cây, máu huyết, nước bẩn thỉu (nước đọng ao tù) v.v. chẳng hạn như thiếu nữ **Ciñcamānavikā** sản sinh từ nơi trái me, thiếu nữ **Veḷuvadī** sản sinh từ nơi cây tre, thiếu nữ **Padumavadī** sản sinh từ nơi hoa sen và nàng **Padumavadī** này có tới 499 nam nhi được sản sinh từ nơi máu huyết. Các nhóm sâu bọ sinh từ trái quả, hoặc ở chỗ bẩn thỉu chẳng hạn như vậy. Tuy nhiên Chúng Hữu Tình thuộc Thấp Sinh Sản Địa đây, không thể phát sinh to lớn lên liền tức thì, mà phải từ từ lớn dần lên, cũng na ná với nhóm Thai Sinh Sản Địa.

2. Hóa Sinh Sản Địa (Opapātika): Loài Hữu Tình tái sinh với Hóa Sinh Sản Địa đây, thì chẳng cần phải nương vào cái chi cả, chỉ duy nhất nương vào Nghiệp Lực Quá Khứ; và một khi đã được sinh ra thì phát khởi to lớn lên liền tức thì, chẳng hạn như nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, Nhân Loại ở trong thời kỳ **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyī Kappa).**

3. Noãn Sinh Sản Địa (Aṇḍaja): Tất cả Chúng Hữu Tình tái sinh với Noãn Sinh Sản Địa đây, thì cần phải nương sinh từ nơi cái bụng người Mẹ, tuy nhiên tiên khởi tái sinh thì phải ở trong quả trứng trước. Khi người Mẹ đã sản sinh ra quả trứng rồi, thì từ nơi quả trứng ấy, loài Hữu Tình mới sẽ được sản sinh ra một lần nữa. Việc sản sinh nhóm Hữu Tình này cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên, tức là nhóm gà, vịt, chim, quạ, thằn lằn, tắc kè, rắn, v.v. Nhân Loại cũng có ở trong nhóm Noãn Sinh Sản Địa, chẳng hạn như hai vị Tỳ Khưu gọi với

nhau là Trưởng Lão **Dvebātikathera** là con trai Nữ Điểu Nhân, tiên khởi là đã được sản sinh ra hình thành quả trứng trước, rồi từ quả trứng mới được sản sinh ra một lần nữa; và tích truyện này đã được trình bày để trong bộ Kinh Pháp Cú.

4. Bao Y Sinh Sản Địa (Jalābuja): Tất cả Chúng Hữu Tình tái sinh với Bao Y Sinh Sản Địa đây, thì tương tự như nhau, là cũng cần phải nương sinh từ nơi bụng người Mẹ, tuy nhiên không cần phải có quả trứng bao bọc như là nhóm Noãn Sinh Sản Địa; và việc sản sinh của nhóm Hữu Tình này cũng được sinh ra, rồi cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên; tức là nhóm Nhân Loại, và nhóm Hữu Tình Bàng Sinh ngoài ra của nhóm Noãn Sinh Sản Địa.

PHÂN TÍCH CÕI GIỚI THEO TỨ SẢN ĐỊA

Niraye kummavajjesu Devesu ca na yoniyo
Tisso purimikā honti Catasso pi gatittaye
(Trích trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ)

Trong Cõi Địa Ngục, hoặc ở trong 6 tầng Thiên Giới (1) loại trừ nhóm **Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭhadevātā)** (2) hoặc ở trong nhóm **Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ (Nijjhā mataṇhikapetesu ca)** thì những cả 3 Sản Địa là: Thấp Sinh Sản Địa, Noãn Sinh Sản Địa và Bao Y Sinh Sản Địa đây, thường không được khởi sinh. Trong cả 3 **Sinh Thú (Gati)** là: Nhân Loại, Hữu Tình Bàng Sinh, Ngạ Quỷ, thì cả Tứ Sản Địa thường có được khởi sinh.

[**Chú thích**: **(1):** 6 tầng Thiên Giới là: 1 Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương, 1 Cõi Đao Lợi Thiên Giới, 1 Cõi Dạ Ma Thiên Giới, 1 Cõi Đâu Suất Đà Thiên Giới, 1 Cõi Hóa Lạc Thiên Giới, và 1 Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới.

(2): Địa Cư Thiên là một nhóm Chư Thiên ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, nương trú theo những trú địa như là núi đồi, sông nước, nhà cửa, bảo tháp, giảng đường, v.v. (Xin xem phần chi tiết ở trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Tổng Hợp Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5, quyển I, Địa Giới Tứ Phần, đã được soạn tác do bởi Ngài **Saddhammajotika Dhammā cariya**)]

Câu kệ ngôn này đã không có trình bày đến Sản Địa khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Là như vậy, cũng vì các nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới đây được sinh khởi với mãnh lực Tâm Thiện Sắc Giới đã chứng đắc Thiền Định; bởi do thế mới không có nhiều thể loại Sản Địa, mà duy nhất chỉ có một thể loại Hóa Sinh Sản Địa thôi; khác biệt với nhóm Người ở Cõi Dục Giới thì đã có được rất nhiều thể loại Sản Địa.

Khi tóm tắt nội dung lại, thì có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sinh Sản Địa, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới.

Đối với Nhân Loại, Địa Cư Thiên, Hữu Tình Bàng Sinh, **Atula**, Ngạ Quỷ (loại trừ Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ) thì có đủ cả Tứ Sản Địa (Xin xem bản chính phương "Phân Tích Cõi Giới Theo Tứ Sản Địa").

PHÂN TÍCH TỨ SẢN ĐỊA THEO CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC

I. Cả 2 nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa đây, thì ngay trong sát na Tái Sinh thường có được tối đa 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực hiện hữu trong việc sản sinh, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, và Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Tại đây, là tính theo **Phần Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhanaya).**

Khi tính theo **Phần Hạ Phẩm (Omakanaya),** thì có phần khiếm khuyết các Tổng Hợp Sắc Pháp như sau:

1. Nhóm Thấp Sinh Sản Địa thì khiếm khuyết có đến 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.

2. Nhóm Khổ Thú Hóa Sinh Sản Địa thì khiếm khuyết có đến 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.

3. Nhóm Thiện Thú Hóa Sinh Sản Địa ở Cõi Nhân Loại, thì khiếm khuyết 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, đó là Tổng Hợp Tính Thập Pháp (điều này lập ý chỉ lấy riêng phần Nhân Loại ở trong thời kỳ Kiến Lập Kiếp Sơ thôi, nối tiếp theo đó thì không có)

4. Còn nhóm Hóa Sinh Sản Địa ở tất cả các Cõi Thiên Giới, ngay ở trong sát na Tái sinh thì Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực thường khởi sinh mà chẳng khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực nào.

II. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa ở tất cả Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), thì ngay ở trong sát na Tái sinh có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp, thường được khởi sinh.

III. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa ở Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng thì ngay ở trong sát na Tái sinh thường chỉ có duy nhất một Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

IV. Nhóm Thai Sinh Sản Địa thì ngay ở trong sát na Tái Sinh (rằng khi tính theo Phần Thượng Phẩm) thường có được tối đa 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Rằng khi theo Phần Hạ Phẩm, một cách tối thiểu thì thường có được 2 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp; còn Tổng Hợp Tính Thập Pháp thì có thể khiếm khuyết cũng được (Xin xem bản chính phương "Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực").

PHÂN TÍCH TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC KHỞI SINH RIÊNG BIỆT THEO SẢN ĐỊA TRONG THỜI CHUYỂN KHỞI

+ Nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa sinh trú trong Cõi Dục Giới thì có được 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh trong Thời Chuyển Khởi, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh trong Thời Tái Sinh và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi có được 8 Tổng Hợp.

+ Nhóm Hóa Sinh Sản Địa sinh trú trong Cõi Hữu Sắc Giới thì trong Thời Chuyển Khởi đặc biệt Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực không có khởi sinh thêm nữa, mà chỉ tồn tại có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (1). Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng thì chỉ có 1 Tổng Hợp (2).

+ Nhóm Thai Sinh Sản Địa trong Thời Chuyển Khởi thì có được 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Trong số lượng 5 Tổng Hợp này có thể có 3 Tổng Hợp khiếm khuyết cũng được, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp và Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp.

Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh trong Thời Tái Sinh và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi thì có được 8, và khiếm khuyết thì có được 4. (Xin xem bản đồ chính phương "Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực").

[**Ghi chú: (1), (2)**: 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực của nhóm Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, và Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp. Và 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, đó là Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp đã khởi sinh lần đầu tiên ngay trong Thời Tái Sinh, thì cho dù trong Thời Chuyển Khởi cũng vẫn liên tục khởi sinh thêm lên nữa, tuy nhiên đặc biệt là trong suốt Thời Chuyển Khởi thì không có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực nào khác khởi sinh lên được].

TRÌNH BÀY VIỆC KHỞI SINH CẢ NĂM TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC CÓ SẮC THỰC TƯỚNG v.v. CỦA NHÓM THAI SINH SẢN ĐỊA

Tato paraṃ pavattimhi **Vaḍḍhamānassa jantuno**
Cakkhudasakādayo ca **Cattāro honti sambhavā**

(Siêu Lý Phân Tích – Paramatthavinicchaya, điều 71, kệ ngôn thứ 809)

Nối tiếp Thời Tái Sinh thì trong Thời Chuyển Khởi, cả 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực có Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp v.v. thường khởi sinh lên đối với Hữu Tình một cách tuần tự và từ từ phát triển lên tùy theo trường hợp để sẽ được hiện hành, và không hạn chế rằng cái chi là sinh trước và cái chi là sinh sau. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiện Thập Pháp, cả 4 Tổng Hợp này khởi sinh ở trong tuần lễ thứ 11, tức là vào khoảng 70 đến 77 ngày. Tuy nhiên việc khởi sinh của cả 4 Tổng Hợp này là bất hạn định, rằng Tổng Hợp nào sinh trước và Tổng Hợp nào sinh sau; vì lẽ Đức Phật đã lập ý khải thuyết tuần tự của cả Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực ấy, chẳng phải lập ý khải thuyết theo **Phần Phát Sinh (Upapattikamanaya),** là việc trình bày theo **Phần Thuyết Giáo (Desanākamanaya)** tương tự với việc trình bày về Ngũ Uẩn và Tứ **Đế (Sacca)** như Bộ

Chú Giải Ngữ Tông (**Kathāvatthu Atthakathā**) đã có trình bày rằng: **Sesāni cattāri sattasattati rattimhi jāyanti** - 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực còn lại gồm Thân, Tính, Vật và Mạng Quyền thì thường khởi sinh ở trong thời 77 ngày, tức là 11 tuần lễ.

Còn Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp thì khởi sinh trong tuần lễ đầu tiên sau khi Tâm Tái Sinh trở đi, tức là ở trong khoảng thời gian 7 ngày. Đối với Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp mà khởi sinh trong Thời Chuyển Khởi của nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa trong Cõi Dục Giới đấy thì thường khởi sinh kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh trở đi.

TRÌNH BÀY KỆ NGÔN ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ TIẾN HÓA CỦA SẮC PHÁP KỂ TỪ TÁI SINH CHO ĐẾN CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC BỘ PHẬN

Pathamaṃ kalalaṃ hoti Kalalā hoti abbudaṃ
Abbudā jāyate pesi Pesi nibbattatī ghano
Ghanā pasākhā jāyanti Kesā lomā nakhāpi ca

(Phẩm Lục Kệ - Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh – Phần Tương Ưng Dạ Xoa, Bài Kinh Thiên Chủ Đế Thích – điều 208) – (**Saṃpayuttanikāya – Sagāthāvagga - Yakkhasaṃpayutta – Indrasutta**, # 208)

Trình tự quá trình hình thành nhóm Thai Sinh Hữu Tình ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là **Thai Nội Ngũ Vị** (năm thời kỳ ở trong thai bào), như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Sinh, thì **Sắc Chủng Tử (Kalalarūpa)** khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là Yết La Lam Vị, Tạp Uế, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi Sắc Chủng Tử, thì **Sắc Phôi Điểm (Abbuda rūpa)** khởi sinh, và có trạng thái tương tự như tròng trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là An Bộ Đàm Vị, Bào, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi Sắc Phôi Điểm, thì **Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)** khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là Bế Thi Vị, Huyết Nhục, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi Sắc Phôi Thai, thì **Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)** khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà. (Còn gọi là Kiện Nam Vị, Nhục Đoàn, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khối thì nối tiếp theo đó, là **Ngũ Chi (Pañcasākhā)** khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi **(Tato paraṃ)** ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v. cũng đã hiện bày. (Còn gọi là Bát La Xa Khư Vị, Hình Vị Ngũ Chi, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

TRÌNH BÀY VIỆC KHỞI SINH CỦA SẮC TÂM, SẮC QUÝ TIẾT, SẮC VẬT THỰC

Trong từng mỗi kiếp sống, cái Tâm Thức đầu tiên sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình, đó chính là Tâm Tái Sinh. Khi Tâm Tái Sinh diệt đi, thì cái Tâm thứ 2 sinh nối tiếp từ nơi Tâm Tái Sinh, đó chính là Tâm Hữu Phần thứ nhất. **Sắc Tâm** khởi phát sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất này, và thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na Sinh của Tâm Thức. Còn sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm ấy, thì Sắc Tâm không có sinh, vì theo lẽ thường nhiên thì Tâm và Tâm Sở thường chỉ có năng lực vào ngay sát na Sinh thôi. **Sắc Quý Tiết** khởi phát sinh trú kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh, và thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, vì lẽ Sắc Quý Tiết khởi sinh là bởi do nương vào Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ, chẳng phải từ nơi Tâm và Tâm Sở làm Xuất Sinh Xứ; chính vì thế mới khởi sinh lên được trong từng mỗi sát na của Tâm. **Sắc Vật Thực** đối với nhóm Người Thấp Sinh và Hóa Sinh đấy, thì ngay khi Tái Sinh đã vừa khởi sinh, liền tức thì nối tiếp từ nơi ấy đã có thọ dụng vật thực; chính vì thế mà Sắc Vật Thực của cả 2 nhóm Người này mới khởi phát sinh trú vào Lộ Trình Ý Môn và sinh khởi kể từ sau Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần, vả lại thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, vì lẽ Sắc Vật Thực khởi sinh là bởi do nương vào Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, chẳng phải từ nơi Tâm và Tâm Sở làm Xuất Sinh Xứ; chính vì thế mới khởi sinh lên được trong từng mỗi sát na của Tâm, cũng tương tự với Sắc Quý Tiết. Còn Sắc Vật Thực khởi sinh ở trong nhóm Người Thai Sinh, thì thường khởi sinh một khi các vật thực mà người Mẹ thọ thực vào, lan tỏa và thấm nhập vào thân thể của Hữu Tình đang sinh trú ở trong thai bào người Mẹ, vào giai đoạn vật thực khởi lập lan tỏa và thấm nhập vào dưỡng nuôi thân thể của Hữu Tình đã vừa tái sinh. Ở trong tuần lễ đầu tiên khi vẫn còn là **Chủng Tử Hữu Tình (Kalalasattāha)** thì vật thực vẫn chưa có lan tỏa ra được, nối tiếp khi đến tuần lễ thứ 2 hoặc tuần lễ thứ 3 là giai đoạn **Phôi Điểm Hữu Tình (Abbudasattāha)** và **Phôi Thai Hữu Tình (Pesisattāha)** thì vật thực mới sẽ bắt đầu lan tỏa và thấm nhập vào đến thân thể của Hữu Tình ấy được. Và một khi Sắc Vật Thực đã khởi sinh lên rồi, thì thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức. Như Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý khải thuyết để ở trong Phẩm Lục Kệ - Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh – Phần Tương Ưng Dạ Xoa, Bài Kinh Thiên Chủ Đế Thích – điều 208) – (**Saṃpayuttanikāya – Sagāthāvagga - Yakkhasaṃ payutta – Indrasutta**, # 208) nói rằng:

Yañcassa bhuñjatī mātā **Annaṃ pānañca bhojanaṃ**
Tena so tattha yāpeti **Matukucchigato naroti**

Người Mẹ của trẻ thơ thọ dụng bất luận vật thực nào, sẽ là cơm gạo hoặc thức uống đi nữa; thì trẻ thơ sinh trú ở trong bụng người Mẹ, có vật bao phủ trùm lấy cũng được nương vào vật thực này mà bảo hộ sinh mệnh cho được sống còn ở trong bào thai người Mẹ.

(Xin xem bản chính phương trình bày việc sinh khởi lúc ban đầu, việc sinh khởi lần cuối cùng, và việc diệt mất của Tứ Sắc Pháp.)

TRÌNH BÀY SỰ SINH TRÚ CẢ TỨ SẮC PHÁP TRONG CÕI DỤC GIỚI VÍ TỰA VỚI NGỌN LỬA HOẶC DÒNG SÔNG

Iccevaṃ paṭisandhiṃ upādāya kammasamuṭṭhānā dutiyacittaṃ upādāya cittasamuṭṭhānā ṭhitikālaṃ upādāya utusamuṭṭhānā ojāpharaṇaṃ upādāya āhārasamuṭṭhānā cāti catusamuṭṭhānarūpa kalāpa santati kāmaloke dīpajālā viya nadīsoto viya ca yāvatāyukaṃ abbhocchinnaṃ pavattati.

Trong đoạn văn như đã vừa đề cập đến, thì Sắc Nghiệp Lực thường khởi phát sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Sinh. Sắc Tâm sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất. Sắc Quý Tiết sinh trú kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh. Sắc Vật Thực sinh trú kể từ sát na Bổ Phẩm lan tỏa thấm nhập khắp cả. Kết hợp lại sự nối tiếp của Tổng Hợp Sắc Pháp khởi sinh từ nơi Tứ Xuất Sinh Xứ trong Cõi Dục Giới, thì thường được khởi sinh không gián đoạn suốt trọn kiếp sống, giống như một ngọn lửa và một dòng sông như vậy.

TRÌNH BÀY SỰ DIỆT MẤT CẢ TỨ SẮC PHÁP

1. Maraṇakāle pana cuticittopari sattarasama cittassa ṭhiti kālaṃ upādāya kammajarūpāni na uppajjanti. Puretaraṃ uppannāni ca kammaja rūpāni cuticitta samakālaṃ eva pavattitvā nirujjhanti.

2. Tato paraṃ cittajāhārajarūpañ ca vocchijjhati.

3.Tato paraṃ utusamuṭṭhānarūpaparamparā yāva matakaḷebara saṅkhāta pavattanti.

1. Còn ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Và Sắc Nghiệp Lực khởi sinh vào sát na Trụ của cái Tâm thứ 17 đây, thường được tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy.

2. Nối tiếp theo sau từ nơi Sắc Nghiệp Lực đã diệt mất, thì Sắc Tâm và Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

3. Sau khi cả ba Sắc Pháp, là Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, và Sắc Vật Thực đã diệt đi rồi, thì việc sinh khởi nối tiếp nhau từ nơi Sắc Quý Tiết cũng khởi sinh cho đến tử vong, và thành một tử thi.

Giải thích:

+ Trong phần **Pāḷi** điều thứ 1, kể từ **Maraṇakāle pana** v.v. cho đến **nirujjhanti** được giải thích rằng Sắc Nghiệp Lực khi bắt đầu khởi sinh kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Sinh, rồi thì cũng sinh nối tiếp với nhau liên tục không gián đoạn trong từng mỗi sát na của Tâm suốt trọn thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn có sinh mạng, và suốt cho đến Hữu Tình ấy tử vong. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp Lực đây mới đồng diệt với Tâm Tử. Trong sự việc Sắc Nghiệp Lực sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 đấy, cũng vì lẽ thường nhiên của từng mỗi một Sắc Pháp thì có tuổi thọ bằng với 17 sát na Tâm rồi cũng diệt mất, và Tâm Tử với Sắc Nghiệp Lực sẽ phải đồng cùng diệt với nhau,

mới sẽ gọi là Hữu Tình ấy mệnh chung. Không có sự việc Tâm Tử khởi sinh rồi diệt trước Sắc Nghiệp Lực được. Nếu Sắc Nghiệp Lực vẫn chưa có diệt mất, thì Tâm Tử thường cũng không khởi sinh. Sự việc này hiện hành theo thực tính, và không có bất luận một sự vật nào chỉ huy cai quản cả. Với lý do này, việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Nghiệp Lực mới cần phải sinh vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trong phần **Pāḷi** điều thứ 2, chỗ nói rằng **Tato paraṃ** cho đến **vocchijjati** đấy, được giải thích rằng ngoại trừ Tâm Tử của Bậc Vô Sinh, thì Tâm Tử của tất cả hạng Phàm Phu và các Bậc Hữu Học thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bậc Vô Sinh thì Sắc Tâm sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Điều này trình bày cho được thấy rằng cho dù Tâm Tử đã diệt đi rồi, tức là người ấy đã chết đi nữa, thế nhưng Sắc Tâm cũng vẫn còn tồn tại và tiếp nối thêm được một chút ít nữa; có nghĩa là đối với hạng Phàm Phu hoặc Bậc Hữu Học một khi đã mạng vong rồi, thì Sắc Tâm cũng vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Còn Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn, thì Sắc Tâm vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 15 cái Tâm rồi mới diệt mất hẳn. **Rằng khi đã nói đến như vậy, chỉ là việc nói theo thực tính hiện hành của Lộ Trình Danh Pháp và Lộ Trình Sắc Pháp thôi. Còn nếu theo thành ngữ dân gian, thì sẽ nói được rằng khi đã chết đi rồi thì Sắc Tâm cũng đồng diệt với nhau. Tất cả sự việc này, là cũng bởi thời gian bằng với 15 cái hoặc 16 cái Tâm đây, thì cũng vẫn chưa bằng với 1/100 của một giây vậy**.

Đối với Sắc Vật Thực đã có được nói đến rằng "khởi sinh trong từng mỗi sát na của Tâm" đấy; là khi đến sát na Diệt của Tâm Tử thì Sắc Vật Thực cũng vẫn còn được khởi sinh lần cuối cùng. Và khi Tâm Tử đã diệt đi rồi, lập ý đến người ấy đã tử vong thuộc về Người Dục Giới, thì Sắc Vật Thực khởi sinh lần cuối cùng, và vẫn còn được tồn tại tương đương với cái 17 Tâm nữa, tuy nhiên không được tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu mà thôi. Còn tất cả Chư Phạm Thiên thì không có Sắc Vật Thực sinh trú, bởi do thế mới không cần phải đề cập đến.

Trong phần **Pāḷi** điều thứ 3, chỗ nói rằng **Tato paraṃ** v.v. cho đến **kaḷevarasaṅkhātā pavattanti** đã hàm ý nghĩa nói rằng việc khởi sinh nối tiếp với nhau của Sắc Quý Tiết đấy, là việc khởi sinh suốt cho đến tử vong và thành một tử thi. Giải thích rằng Sắc Quý Tiết này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, vả lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn tiệt diệt. Việc đề cập đến như vậy, là lập ý lấy Sắc Quý Tiết của nhóm Hữu Tình Thấp Sinh Sản Địa và Thai Sinh Sản Địa. Còn đối với Sắc Quý Tiết của nhóm Hóa Sinh Sản Địa, tức là Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Chư Thiên, Phạm Thiên; với những hạng này một khi đã mệnh chung rồi thì Sắc Quý Tiết

thường là cùng đồng diệt chung với nhau; vì lẽ nhóm Hóa Sinh Sản Địa đây, một khi đã tử vong thì chẳng còn dư sót ở phần tử thi, và cũng giống như ngọn lửa diệt tắt vậy.

(Xin xem bản chính phương trình bày việc sinh khởi lần đầu tiên, việc sinh khởi lần cuối cùng, và việc diệt mất của Tứ Sắc Pháp.)

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY ĐẾN SỰ LUÂN CHUYỂN QUANH QUẨN TRONG VÒNG LUÂN HỒI CỦA SẮC PHÁP

Iccevaṃ matasattānaṃ Punadeva bhavantare
Paṭisandhimupādāya Tathā rūpaṃ pavattati

Trong đặc tính bẩm sinh của tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi ở trong thế gian này, thì cả Tứ Sắc Pháp lại thường khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống mới kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Sinh. Như đã được giảng giải rồi vậy.

Kết Thúc Phần Chuyển Khởi Sắc Pháp

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỔNG HỢP SẮC PHÁP SIÊU LÝ (TẬP IV - CHƯƠNG THỨ SÁU)

1. Hỏi: Việc trình bày Sắc Siêu Lý đây, đã được chia ra làm mấy phần ? Là những chi ? Và luôn cả cho trình bày ý nghĩa của từng mỗi phần ấy.

1. Đáp: Việc trình bày **Tổng Hợp (Saṅgaha)** Sắc Pháp trong Chương thứ VI nói về Sắc Siêu Lý đây, Giáo Thọ Sư **Anuruddhācariya** đã có trình bày làm thành 5 Phần, là:

1. Phần Tổng Lược Sắc Pháp (Rūpasamuddesanaya): Việc trình bày Sắc Pháp một cách tóm tắt **(Saṅkhepa – Tóm Lược).**

2. Phần Phân Tích Sắc Pháp (Rūpavibhāganaya): Việc phân tích Sắc Pháp một cách đầy đủ chi tiết.

3. Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhānanaya): Việc trình bày xuất sinh xứ của Sắc Pháp.

4. Phần Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpanaya): Việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi theo từng khối nhóm.

5. Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp (Rūpapavattikamanaya): Việc trình bày sự sinh khởi cùng với sự diệt mất của Sắc Pháp theo phương thức trình tự.

2. Hỏi: Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày tên gọi của những thể loại Sắc Pháp ấy theo tuần tự riêng từng mỗi Sắc Pháp.

2. Đáp: Sắc Pháp **(Rūpa)** có 28, là:

1. Tứ Sắc Đại Hiển là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.

2. Ngũ Sắc Thanh Triệt là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

3. Thất Sắc Thông Hành là: Sắc Cảnh, Thinh Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.

4. Nhị Sắc Bản Tính là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.

5. Nhất Sắc Tâm Cơ là: Ý Vật.

6. Nhất Sắc Mạng Quyền Lực là: Mạng Quyền.

7. Nhất Sắc Vật Thực là: Đoàn Thực.

8. Nhất Sắc Hạn Giới là: Không Giới Tố Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới).

9. Nhị Sắc Biểu Tri là: Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri.

10. Ngũ Sắc Biến Thể là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyến, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri.

11. Tứ Sắc Thực Tướng là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

3. Hỏi: 28 Sắc Pháp ấy, khi sắp theo Đại Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ? Khi sắp theo Tiểu Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ?

3. Đáp: 28 Sắc Pháp ấy, khi liệt kê theo Phần Phân Loại có được 2 Đại Phân Loại, và 11 Tiểu Phân Loại.

+ **2 Đại Phân Loại là:** 18 Sắc Thành Sở Tác và 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

+ **11 Tiểu Phân Loại là:**

4 Sắc Đại Hiển, 5 Sắc Thanh Triệt, 7 hoặc 4 Sắc Thông Hành, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Vật Thực. Gom 18 Sắc Pháp này gọi tên là **Sắc Thành Sở Tác.**

1 Sắc Hạn Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 5 hoặc 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng. Gom 10 Sắc này gọi tên là **Sắc Phi Thành Sở Tác.**

4. Hỏi: Cho trình bày 28 Sắc Pháp theo Phần Chân Sắc Siêu Lý và Ngụy Sắc Siêu Lý. Và cho trình bày nội dung của tên gọi các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Sắc Thực Tính, Sắc Phi Thực Tính, Sắc Thực Tướng, Sắc Phi Thực Tướng, Sắc Thành Sở Tác, Sắc Phi Thành Sở Tác, Sắc Sắc, Sắc Phi Sắc, Sắc Tư Duy, Sắc Phi Tư Duy.

4. Đáp: Trong số lượng 28 Sắc Pháp, tính kể từ Sắc Đại Hiển cho đến Sắc Vật Thực, và khi gom 18 Sắc này lại thì một cách xác thực chính là **Chân Sắc Siêu Lý.** Còn 10 Sắc Pháp còn lại, tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, thì một cách xác thực đấy chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý, mà là loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, gọi là **Ngụy Sắc Chân Lý.**

1. Sắc Thực Tính (Sabhāvarūpa): là từng mỗi Sắc có thực tính của mình.

2. Sắc Thực Tướng (Salakkhaṇarūpa): là từng mỗi Sắc có thực tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.

3. Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa): là Sắc sinh khởi từ nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.

4. Sắc Sắc (Rūparūpa): là Sắc có việc biến đổi hoại diệt.

5. Sắc Tư Duy (Sammasanarūpa): là Sắc để cho bậc Hành Giả thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Còn đối với 10 Sắc mà chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý ấy, thì có tên gọi đối nghịch lại như vầy:

a. Sắc Phi Thực Tính (Asabhāvarūpa): là từng mỗi Sắc chẳng có thực tính của mình.

b. Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkhaṇarūpa): là từng mỗi Sắc chẳng có thực tướng về Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

c. Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa): là Sắc chẳng phải sinh khởi từ nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.

d. Sắc Phi Sắc (Arūparūpa): là Sắc chẳng có việc biến đổi hoại diệt.

e. Sắc Phi Tư Duy (Asammasanarūpa): là Sắc làm cho Bậc Hành Giả không thể thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã được.

5. Hỏi: Cho giải thích nội dung của những từ ngữ Sắc Đại Hiển và Sắc Y Sinh. Và cho trình bày Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Xúc, Nữ Giới Tính, Mạng Quyền, Thân Biểu Tri, Khinh Khoái, Tích Trữ, Vô Thường.

5. Đáp: 1. Sắc Đại Hiển lập ý đến Sắc làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Upādinnānupādinnasantānesu salakkhaṇato sasambhārato ca mahantāni hutvā bhavanti pātubhavantīti = Mahābhūtāni** - Những thể loại Sắc nào làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng bởi theo thực tính của mình, và bởi theo hình trạng của mình, ở trong bản tính của vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng; vì thế, những thể loại Sắc ấy gọi tên là **Sắc Đại Hiển.**

2. Sắc Y Sinh lập ý đến Sắc nương nhờ vào Sắc Đại Hiển mà sinh khởi, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Mahābhūtānaṃ upādāya pavattaṃ rūpanti = Upādāyarūpaṃ** - Sắc được sinh khởi bởi do nương vào Sắc Đại Hiển, vì thế Sắc ấy mới gọi tên là **Sắc Y Sinh.**

Sắc Đại Hiển có 4 là: 1. Địa, 2. Thủy, 3. Hỏa, 4. Phong.

Sắc Y Sinh có 24 là: 1. Nhãn, 2. Nhĩ, 3. Tỷ, 4. Thiệt, 5. Thân, 6. Sắc, 7. Thinh, 8. Khí, 9. Vị, 10. Nữ Giới Tính, 11. Nam Giới Tính, 12. Tâm Cơ, 13. Mạng Quyền, 14. Vật Thực, 15. Hạn Giới, 16. Thân Biểu Tri, 17. Ngữ Biểu Tri, 18. Khinh Khoái, 19. Nhu Nhuyến, 20. Thích Sự, 21. Tích Trữ, 22. Thừa Kế, 23. Lão Mại, 24. Vô Thường.

Kết hợp 4 Sắc Đại Hiển và 24 Sắc Y Sinh thành 28 Sắc Pháp. Trình bày tuần tự Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây:

1. Địa (Pathavī): là Sắc cứng và mềm.

2. Thủy (Āpo): là Sắc chảy lan ra hoặc quến tụ lại.

3. Hỏa (Tejo): là Sắc lạnh và nóng.

4. Phong (Vāyo): là Sắc căng phồng và chuyển động.

5. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thâu được Cảnh Sắc.

6. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): là các sắc màu.

7. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.

8. Nữ Giới Tính (Itthībhāva):tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.

9. Mạng Quyền (Jīvita): là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp Lực.

10. Vật Thực (Āhāra): là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.

11. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): là các hoạt động của xác thân.

12. Khinh Khoái (Lahutā): là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.

13. Tích Trữ (Upacaya): là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.

14. Vô Thường (Aniccatā): là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

+ **Ghi chú:** Đối với Cảnh Xúc, chính là Địa, Hỏa, Phong ở phần Sắc Đại Hiển ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng là 28.

6. Hỏi: Cho trình bày sinh trú của 28 Sắc Pháp ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình.

6. Đáp: Ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình thì thường có thể thẩm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiển sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.
4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
7. Cảnh Sắc
8. Cảnh Thinh
9. Cảnh Khí
10. Cảnh Vị
11. Cảnh Xúc

} sinh trú ở trong khắp cả cơ thể

12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
15. Mạng Quyền
16. Đoàn Thực
17. Sắc Không Giới

} sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
19. Ngữ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.
20. Tam Sắc Biến Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

7. Hỏi: Cho trình bày Thực Tính – Thực Tướng các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, và Thủy Giới, Hỏa Giới, Phong Giới chia ra làm mấy thể loại ? Là những chi ?

7. Đáp: 1. Địa (Paṭhavī): là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi với nhau là Địa Giới **(Paṭhavīdhātu),** có **Đặc Tính Cương Kiện (Kakkhaḷalakkhaṇā)** nghĩa là khi đem so sánh Địa Giới với ba Sắc Đại Hiển còn lại thì Địa Giới có đặc tính cứng rắn. Nếu như bất luận vật thể nào có nhiều Địa Giới làm trưởng trội, thì đặc tính cứng rắn này cũng được hiện bày một cách mạnh mẽ, như là sắt, đá, cây cối v.v. Và nếu như bất luận vật thể nào chỉ có Địa Giới với số lượng ít oi, thì đặc tính cứng rắn ấy cũng không có hiện bày mạnh mẽ được. Và khi tiếp xúc đụng chạm thì có cảm giác với một trạng thái mềm mại, có nghĩa là sự cứng rắn ấy chỉ có chút ít và khi ngồi lên mới có được một cảm giác mềm mại được. Do vậy, Pháp chủng mà có đặc tính cứng hoặc mềm trong khi đã tiếp xúc đụng chạm, đều đã được liệt kê thành Địa Giới hết cả thảy; vì lẽ loại trừ Địa Giới này ra, thì tất cả các Sắc Pháp khác không có khả năng làm cho có được cảm giác cứng hoặc mềm, hiện bày lên đối với việc tiếp xúc đụng chạm ấy được. Lại nữa, Địa Giới này là chỗ nương nhờ, chỗ nương trú của tất cả các Sắc Pháp khác, cũng tương tự như mặt nền đất với các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng vậy. Có nghĩa là loại trừ Địa Giới này ra, thì sắc thân hình dạng, da dẻ phu sắc, suốt cho đến mọi sự cảm giác khác, tức là những thể loại Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Hỏa Xúc, Cảnh Phong Xúc này đây, cũng không thể nào hiện bày lên được. Như có câu Chú Giải đã nói rằng: **Sahajātarūpāni pathanti patiṭṭhahanti etthāti = Paṭhavī** - Tất cả các Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau thường an trú ở trong Pháp chủng ấy, bởi do thế, Pháp chủng làm chỗ nương nhờ, làm chỗ nương trú của tất cả những Sắc cùng câu sinh ấy, mới gọi tên là **Địa Giới.**

2. Thủy (Āpo): là một thể loại **Giới,** gọi với nhau là **Thủy Giới (Āpodhātu)** có **đặc tính rò rỉ chảy lan ra** hoặc **quến tụ lại (Paggharaṇalakkhaṇā** hoặc **Ābandhanalakkhaṇā).** Thủy Giới này, nếu như hiện hữu với số lượng nhiều ở trong bất luận vật thể nào đi nữa, thì thường làm cho chảy lỏng và rò rỉ lan ra. Nếu như có số lượng ít oi thì sẽ làm cho các vật thể ấy quến tụ lại thành đống, thành khối cục; cũng ví như nhựa mủ có khả năng kết nối các vật thể dính vào nhau thành đống, thành khối cục như thế nào;. thì Thủy Giới cũng tương tự như một nhựa mủ có khả năng kết nối Địa Giới cho quến tụ vào nhau tạo thành xác thân hình dạng như thế ấy.

Trong một vật thể mà Thủy Giới khởi sinh đã có số lượng nhiều hơn Địa Giới, thì chính với mãnh lực của Thủy Giới ấy đã làm cho Địa Giới có số lượng ít oi, mới làm thành tác nhân cho vật thể ấy mềm nhũn đi, và có khả năng chảy lan ra như thế là nước vậy. Khi ta nhìn thấy được nước ấy đang chảy lan ra, là cũng do có nhiều Thủy Giới, và ít Địa Giới. Một khi Địa Giới đã ít đi, thì chính Địa Giới ấy là người mềm nhũn do bởi Thủy Giới là người làm cho mềm nhũn vậy, và chẳng phải Thủy Giới mềm nhũn như là ta đã có sự hiểu biết với nhau đâu. Vì lẽ Thủy Giới là một Giới chẳng phải được nhìn thấy bằng mắt, hoặc được tiếp xúc bằng thân, mà chỉ có được biết bằng Tâm thôi. Và ở trong một vật thể có số lượng Thủy Giới ít hơn Địa Giới v.v. thì mãnh lực Thủy Giới cũng làm cho Địa Giới ấy quến tụ vào nhau thành đống, thành khối cục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āpeti sahajātarūpesu byāpetvā**

tiṭṭhatīti = Āpo - Pháp chủng nào thường trải rộng ra và thấm sâu khắp cả ở trong Sắc cùng câu sinh với mình, và rồi ẩn trú ở trong những Sắc ấy, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Giới. Một trường hợp khác nữa: **Appayāti sahajātarūpāni suṭṭhu brūheti vaḍḍhatīti = Āpo** - Pháp chủng nào làm cho tất cả các Sắc cùng câu sinh với mình được tăng trưởng lên một cách tốt đẹp, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thủy Giới.** Một trường hợp khác nữa: **Sahajātarūpāni avippakiṇṇāni katvā pāti rakkhatīti = Āpo** - Pháp chủng nào thường bảo hộ Sắc cùng câu sinh một cách vững chắc, không làm cho bị bể vỡ tan tác ra, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thủy Giới.**

Thủy Giới có hai thể loại, đó là:

a/. Thủy Giới thông thường có **Đặc Tính Thúc Phược Vật (Ābandhanalakkhaṇa)** nghĩa là có đặc tính quến tụ lại, tuy nhiên một khi đã bị **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)**, và thế rồi **Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)** lại hiện bày, nghĩa là phải bị rò rỉ chảy lan ra. Tức là Thủy Giới hiện hữu ở trong sắt, vàng, sáp ong, v.v., có nghĩa là những thể loại sắt, hoặc vàng, hoặc sáp ong đây, một khi lấy đem đi nấu chảy hoặc đốt cháy đi, thì những vật thể này sẽ trở thành vật chảy nhão lỏng ra và có khả năng rò rỉ chảy lan ra; tuy nhiên việc rò rỉ chảy lan ra của các vật thể này chẳng phải Thủy Giới là vật chảy lan ra, mà đích thị chính là Địa Giới cùng câu sinh với Thủy Giới ấy là vật rò rỉ chảy lan ra. Và cũng chính ngay trong cùng một vật thể ấy, nếu trái lại lấy đem nhúng bỏ vào trong nước lạnh thì những vật thể ấy sẽ tự cứng trở lại thành một thỏi sắt, thành một thỏi vàng như lúc ban đầu. Trong sự việc tự cứng rắn trở lại của những vật thể này, chính là việc tự cứng rắn lại của Địa Giới, và chẳng phải là việc tự cứng rắn lại của Thủy Giới.

b/. Thủy Giới thông thường có **Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)** là đặc tính rò rỉ chảy lan ra. Tuy nhiên một khi bị **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** và thế rồi **Đặc Tính Thúc Phược Vật (Ābandhanalakkhaṇa)** lại hiện bày, nghĩa là quến tụ lại. Tức là Thủy Giới hiện hữu ở trong nước, có nghĩa là lẽ thường nước là một vật thể lỏng; tuy nhiên nếu lấy nước ấy đem bỏ vào chỗ nơi giá lạnh có nhiệt độ đến 0 độ C thì nước ấy sẽ trở thành một khối băng đá. Và một khi lấy khối băng đá ra khỏi chỗ nơi giá lạnh ấy rồi, thì khối băng đá bị khí hậu ở bên ngoài có **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo),** thế là khối băng đá ấy cũng từ từ tan chảy ra, làm thành vật thể lỏng như lúc ban đầu.

3. Hỏa (Tejo): là một thể loại Giới, gọi với nhau là **Hỏa Giới (Tejodhātu)** có đặc tính là nóng và lạnh. Đặc tính nóng gọi là **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)** và đặc tính lạnh gọi là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo).** Tuy nhiên cả hai Hỏa Giới này có trạng thái thực tính là bốc hơi **(Uṇhattalakkhaṇa – Đặc Tính Ôn Độ),** có nghĩa là Viêm Nhiệt Hỏa thì có đặc tính là "bốc hơi nóng", và Hàn Lãnh Hỏa thì có đặc tính là "bốc hơi lạnh". Và cả hai thể loại Hỏa Giới này, có chức năng làm cho các vật thể chín rộ chín rục, và làm cho ôn nhu tỉ mẩn, sác bén thuần thục. Như sẽ trông thấy được rằng đa số các vật thể, như là vật thực v.v. đã làm cho chín rục là do bởi độ nóng, tuy nhiên cũng vẫn có một vài vật thực đã làm cho chín rục là do bởi độ lạnh tương tự như nhau. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Tejeti paripācetīti = Tejo** - Pháp chủng nào làm cho chín rục, thì Pháp chủng ấy gọi tên là **Hỏa Giới.**

Hỏa Giới có năm thể loại, là:

1. Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmātejo): là Hỏa Giới hằng hiện hữu ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình (bốc hỏa, bốc khí nóng).

2. Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng cao độ.

3. Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng mãnh liệt cao độ; và có khả năng thiêu đốt cơ thể cho phải bị dị ứng đi.

4. Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo): là Hỏa Giới làm cho cơ thể suy sụp, tiều tụy và lão mại đi.

5. Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo): là Hỏa Giới làm nhiệm vụ tiêu hóa vật thực.

Trong cả năm thể loại Hỏa Giới này, thì Hỏa Giới hằng hiện hữu ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình, đó chính là **Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmātejo)** với **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo).** Còn đối với **Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo), Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo),** và **Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo),** cả ba thể loại này thì không có hằng thường hiện hữu. Chỉ hiện khởi lên là cũng do Khí Đẳng Nhiệt Khí có trạng thái bị dị ứng, chẳng hạn như người lên cơn sốt thân viêm nhiệt, cũng có nghĩa là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã biến đổi thành trạng thái Hỏa Khốc Nhiệt Khí. Hoặc nếu như bị sốt cao độ, thân viêm nhiệt nặng dẫn đến mê sảng, cũng có nghĩa là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã biến đổi dị thường từ Hỏa Khốc Nhiệt Khí chuyển thành Hỏa Hóa Nhiệt Khí. Và ở trong người có bệnh tật thường luôn hành hạ, hoặc người đã vào đến giai đoạn cuối cuộc đời rồi, thì đích thị chính là Khí Đẳng Nhiệt Khí đã chuyển đổi trạng thái thành Lão Suy Nhiệt Khí, và đã làm cho hiện khởi lên trạng thái suy sụp, tiều tụy của xác thân, chẳng hạn như tóc bạc, răng gẫy, mắt mờ, thịt da khô héo, v.v.

4. Phong (Vāyo): là một thể loại Giới, gọi với nhau là **Phong Giới (Vāyodhātu)** có đặc tính căng phồng ra hoặc chuyển động **(Vitthambhanalakkhaṇa** hoặc **Samīraṇalakkhaṇa).**

a/. Phong Giới có đặc tính căng phồng gọi là **Khuếch Đại Phong (Vitthambhana vāyo).** Khuếch Đại Phong làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình bền chắc vững vàng, không cho rệu rã lung lay chuyển động. Ở trong xác thân của con người ta, nếu như Khuếch Đại Phong này hiện bày lên thì người ấy có cảm giác như là căng cứng, mệt mỏi, đau nhức, ở khắp cả cơ thể; hoặc một khi ta gồng các khủy cánh tay, chân, và một khi ta dướn con mắt lên nhìn chằm chằm mà không nháy mắt; với thời gian ấy Khuếch Đại Phong cũng có hiện bày thể theo sự tự cố gắng nỗ lực của mình. Về phía ở bên trong, thì các vật thể được an trú một cách vững chắc, hoặc làm cho tự căng phồng lên là cũng do bởi mãnh lực của Khuếch Đại Phong ấy vậy; cũng ví như quả bóng nén ép đầy hơi vào ở bên trong đó, thì quả bóng ấy căng cứng lên, là cũng do bởi Khuếch Đại Phong. Hoặc dụng cụ lọc nước dùng để lọc nước, một khi dụng cụ lọc nước ấy được bỏ vào ở trong nước thì nước tràn vào ở trong đó. Khi rút lên và lấy tay bịt lỗ dụng cụ lọc nước ấy lại, thì Phong Giới ở phía bên ngoài cũng sẽ hứng đỡ nước ở trong dụng cụ lọc nước ấy không cho chảy ra ngoài. Cũng tương tự với trái đất mà tất cả Chúng Hữu Tình đang nương trú đây, nền lục địa được đặt ở trên nước, và nước đặt ở trên gió được gọi là **Hạ Tầng Hư Không (Heṭṭhimaajjaṭākāsa).** Hạ Tầng Hư Không này hứng đỡ nước, làm cho nước và nền lục địa được bền chắc vững vàng, và có được như vậy là cũng

do bởi mãnh lực của Khuếch Đại Phong. Như có câu Chú Giải nói rằng: **Vāyati sahajāta dhamme apatamāne katvā sahatīti = Vāyo** – Giới nào thường dắt dẫn cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình được bền chắc vững vàng và bất chuyển, bởi do thế mới gọi tên Giới ấy là **Phong Giới.**

b/. Phong Giới có đặc tính chuyển động gọi là **Chuyển Động Phong (Samīraṇavāyo).** Chuyển Động Phong này làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình chuyển động theo; chẳng hạn như tất cả Chúng Hữu Tình chuyển đổi các tư thế oai nghi, hoặc việc nháy mắt, đảo mắt, vẫy tay, ngọ nguậy bàn chân, việc bài tiết các vật uế tạp ra khỏi cơ thể, các việc sản sinh con cái, v.v. Tất cả thấy các thể loại này có được hiện hành là cũng do bởi mãnh lực Chuyển Động Phong. Còn Chuyển Động Phong hiện hữu ở bên ngoài loài Hữu Tình, đã làm cho các sự vật chuyển động di dịch rời khỏi chỗ ban đầu. Như có câu Chú Giải nói rằng: **Vāyati desantatuppatti hetubhāvena bhūtasaṅghātaṃ pāpetīti = Vāyo** – Giới nào thường làm tác nhân cho nhóm Sắc Đại Hiển cùng câu sinh với mình khởi sinh lên sự di dịch rời khỏi chỗ thứ nhất đi đến chỗ khác, bởi do thế mới gọi tên Giới ấy là **Phong Giới.**

Phong Giới có sáu thể loại, là:

1. Hướng Thượng Phong (Uddhaṅgamāvāyo): là Phong Giới thổi hướng lên trên.

2. Hạ Lạc Phong (Adhogamavāyo): là Phong Giới thổi xuống phía dưới.

3. Nội Tạng Phong (Kucchiṭṭhavāyo): là Phong Giới hiện hữu ở trong lỗ hốc thuộc về bụng dưới.

4. Tràng Y Phong (Koṭṭhāsayavāyo): là Phong Giới hiện hữu ở trong ruột già.

5. Chuyển Động Phong (Aṅgamaṅgānusārivāyo): là Phong Giới hiện hữu khắp cả cơ thể.

6. Sổ Tức Phong (Assāsapassāsavāyo): là Phong Giới hơi thở vào ra.

Sáu thể loại Phong Giới đã vừa đề cập ở tại đây, sinh trú ở bên trong cơ thể của loài Hữu Tình, cũng còn được gọi là **Nội Thân Phong (Ajjhaattavāyo).** Còn gió thổi ở phía bên ngoài, gọi là **Ngoại Thân Phong (Bahiddhavāyo).**

Những cả bốn thể loại Giới gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong đây, gọi là Sắc Đại Hiển, vì làm thành Sắc to lớn, làm trưởng trội đối với tất cả các Sắc Pháp khác, và hiện bày rõ ràng. Chẳng hạn như các vật thể cho dù to hoặc nhỏ đi nữa, hiện bày được các hình dạng tướng trạng là cũng chính do bởi Sắc Đại Hiển ấy vậy. Và sắc màu da dẻ của các vật thể ấy hiện bày lên nhiều ít, hiện bày mạnh yếu, là cũng chính do bởi mãnh lực Sắc Đại Hiển kết hợp vào với nhau nhiều hoặc ít. Chính vì thế, cả Tứ Sắc Đại Hiển này, rằng khi nói theo hình thù tướng trạng thì rất to lớn, rằng khi nói theo thực tính thì hiện bày rõ ràng hơn các Sắc Pháp khác.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Mahantāni hutvā bhūtāni pātubhūtānīti = Mahā bhūtāni** - Những thể loại Sắc Pháp nào, rằng khi tính theo tướng trạng và thực tính, là to lớn và hiện bày rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Sắc Pháp ấy là **Đại Hiển.**

8. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải và lời giải thích của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, và Thân Thanh Triệt.

8. Đáp: 1. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Cakkhu viññāṇadhiṭṭhitaṃ hutvā samavisamaṃ cakkhati ācikkhantaṃ viya hotīti = Cakkhu** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú Tâm Nhãn Thức và có thực tính na ná y như là báo cho Tâm Nhãn Thức hiểu biết ở trong Cảnh rằng là Cảnh này thì tốt, Cảnh ấy thì không tốt, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhãn, tức là Nhãn Thanh Triệt.

Tất cả những con mắt không được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt. Chỗ được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt đây, là một thể loại Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt như pha lê, làm thành vật dụng tiếp thâu Cảnh Sắc, ẩn trú ở khoảng giữa tâm điểm tròng mắt đen, có bảy tầng lớp màng con mắt y như núm bông gòn tẩm ướt sũng dầu hết cả bảy lớp, to ước độ bằng đầu của con chí, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Nhãn Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn) chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Nhãn Môn.

2. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Sotaviññāṇadhiṭṭhitaṃ hutvā saddaṃ suṇātīti = Sotaṃ** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú Tâm Nhĩ Thức, và thường được lắng nghe âm thanh, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.

Một phần khác nữa: **Saddaṃ suṇanti etenāti = Sotaṃ (vā) Sadde suyyanti etenāti = Sotaṃ** - Tất cả những Tâm, Tâm Sở thường được lắng nghe âm thanh do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, chính vì thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy những thể loại Tâm, Tâm Sở ấy, gọi tên là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt (hoặc) Tất cả loài Hữu Tình được nghe thấy âm thanh do bởi Sắc Pháp ấy, chính vì thế mới gọi tên Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy Chúng Hữu Tình ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** là việc trình bày theo phần gián tiếp. Còn ở trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, là việc trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhayanaya)** là việc trình bày theo phần trực tiếp. Nhĩ Thanh Triệt là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các âm thanh; đã ẩn trú ở trong khoang tai, có hình dạng giống như vòng đai, và nơi ấy mọc lông sợi đen mịn. Nhĩ Thanh Triệt tỏa rộng ra khắp mọi khu vực, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Nhĩ Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Nhĩ Môn.

3. Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Ghāyatīti = Ghānaṃ** - Sắc Pháp nào thường hít ngửi khí hơi, Sắc Pháp ấy được gọi tên là Tỷ, tức là Tỷ Thanh Triệt. Việc trình bày phần Chú Giải này, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** là việc trình bày theo phần gián tiếp; bởi vì Tỷ Thanh Triệt không có khả năng ngửi khí hơi được, mà trái lại Tâm Tỷ Thức sinh khởi do bởi nương vào Tỷ Thanh Triệt mới là người ngửi và biết được khí hơi. Tuy nhiên chỗ trình bày câu Chú Giải như vậy, là việc trình bày có ý nghĩa là việc ngửi khí hơi của Tâm Tỷ Thức ấy đang an trú ở trong Tỷ Thanh Triệt, thế rồi rút lấy Tỷ Thanh Triệt này lên trình bày, y như thể Tỷ Thanh Triệt này là người ngửi khí hơi ấy vậy. Và nếu sẽ đem tỷ đối với lời nói rằng "Căn nhà ấy rất bề bộn" thì

nói với thể loại này, là lập ý nhắm vào con người ở trong căn nhà ấy, bởi vì căn nhà không thể bề bộn được, mà trái lại chỉ có con người ở trong căn nhà ấy mới bề bộn.

Một phần khác nữa đã có trình bày rằng: **Ghāyanti etenāti = Ghānaṃ (vā) Ghāyīyan ti etenāti = Ghānaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường hít ngửi khí hơi với Sắc Pháp nào, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc hít ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tình mới được gọi tên là Tỷ (hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình cần phải ngửi khí hơi với Sắc Pháp ấy, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc cần phải ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tính mới được gọi tên là Tỷ. Cả hai phần Chú Giải này, là việc trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhaya naya),** là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Tỷ Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các khí hơi; đã ẩn trú ở trong khoang mũi, có hình dạng giống như móng dê, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Tỷ Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Tỷ Môn.

4. Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda): có câu Chú Giải nói rằng: **Jīvitaṃ avhāyatīti = Jivhā** - Sắc Pháp nào có thực tính na ná như kêu gọi mùi vị, và làm thành tác nhân cho kéo dài tuổi thọ, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là **Thiệt.**

Từ ngữ **Jivhā** này được chiết tự ra thành hai từ ngữ, là **Jīvita** + **Avhā**. Từ ngữ **Jīvita** dịch là "Tuổi Thọ", tuy nhiên trong chỗ này được dịch là **Rasa (Mùi Vị),** bởi vì tuổi thọ sẽ được an trụ là cũng phải nương vào các mùi vị, nghĩa là việc thọ thực với những thực phẩm có vị chua, ngọt, v.v. thì tuổi thọ sẽ được an trụ lâu dài; chính vì thế, mới rút lấy từ ngữ **Jīvita** làm thành tên gọi của tuổi thọ và là Quả của **Rasa (Mùi Vị)** trong khi ấy được đặt để làm Tác Nhân. **Rasa (Mùi Vị)** là gọi các mùi vị, còn **Jīvita** chỉ là việc gọi theo **Phần Quả Báo Cận Lân (Phalūpacaranaya)** tức là gọi theo Phần gián tiếp.

Từ ngữ **Avhā** dịch là "gọi, loan báo"; khi đã được kết hợp với từ ngữ **Jīvita** thì cũng chính là lập ý nhắm đến việc gọi các mùi vị ấy vậy, vì lẽ thông thường Thiệt Thanh Triệt đây, hằng có thiên hướng ở trong các mùi vị là chỗ xứng ý toại nguyện của Tâm Thiệt Thức thường lui tới. Khi đã kết hợp từ ngữ **Jīvita** với từ ngữ **Avhā** vào với nhau và thành **Jivhā**, có nghĩa là từ ngữ **Jīvita** ấy, đổi **Ī** thành **I**, còn cả hai từ ngữ **Vi** với **Ta** này thì loại trừ ra; đối với từ ngữ **Avhā** thì loại trừ **A** ra, và chỉ còn lại **Vhā**; chính vì thế, khi kết hợp vào mới thành **Jivhā**.

Thiệt Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các mùi vị; đã ẩn trú ở trong khoảng giữa bề mặt cái lưỡi, có hình dạng giống như đầu đóa hoa sen, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Thiệt Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Thiệt Môn.

5. Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kucchitānaṃ kesādīnaṃ pāpadhammānañca āyoti = Kāyo** - Sắc Pháp nào làm thành chỗ tựu hội của các thành phần khác, có tóc, v.v. là chỗ đáng ghét bỏ; và làm thành chỗ tựu hội Bất Thiện Pháp, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi là Thân, tức là tất cả các thân thể.

Về việc gọi tên Thân Thanh Triệt là Thân, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp; là việc gọi theo **Phần Bộ Phận Đơn Nhất (Ekadesayūpacāranaya);** là việc rút lấy từ ngữ Thân làm thành tên gọi của tất cả các thân thể, và đem đặt để thành một bộ phận duy nhất ở trong Thân Thanh Triệt. Hoặc một phần khác nữa, gọi tên Thân Thanh Triệt là Thân, là việc trình bày theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānayūpacāranaya)** có nghĩa là rút lấy từ ngữ **Kāya** làm thành tên gọi của thân thể, đem đặt để thành một bộ phận duy nhất và nương sinh ở trong Thân Thanh Triệt.

Thân Thanh Triệt này, là một thể loại Pháp chủng sinh từ nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thâu các sự vật tiếp xúc đụng chạm, như có lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng. Thân Thanh Triệt này ẩn trú ở trong khắp cả cơ thể, chỉ ngoại trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, bề mặt lớp da chết khô, và chỗ tựu hội các vật thực mới ở trong ruột già, là thuộc lãnh địa **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo);** vả lại có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú Tâm Thân Thức,

2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh Tâm Lộ Trình Thân Môn.

Cả năm thể loại Sắc Pháp gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân đây, gọi tên là Sắc Thanh Triệt, vì có thực tính trong suốt, và có khả năng tiếp thâu các Cảnh của mình. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Pasīdatīti = Pasādo** - Sắc Pháp nào có sự trong suốt, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là **Thanh Triệt.**

9. Hỏi: Vì lý do nào các sắc màu mới có tên gọi là Cảnh Sắc; và các khí hơi mới có tên gọi là Cảnh Khí ?

9. Đáp: 1. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rūpayati hadayaṅgatabhāvaṃ pakāsetīti = Rūpaṃ** - Sắc Pháp nào thường hay biểu thị sự hiểu biết của tâm thức cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc, hoặc **Rūpayati dabbaṃ pakāsetīti = Rūpaṃ** - Sắc Pháp nào thường hay biểu thị thực thể vật chất, hình dáng tướng trạng cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi là **Cảnh Sắc.**

Giải thích rằng: một người đang có những sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. và một khi tha nhân đã trông thấy được cử chỉ điệu bộ và diện mạo của người ấy, thì cũng có sự thấu hiểu được rằng người ấy đang có sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. Trong sự việc mà tha nhân có được sự thấu hiểu như thế, là cũng do bởi chính Cảnh Sắc ấy làm thành người biểu thị sự hiểu biết của người ấy cho hiện bày ra ngoài. Hoặc một phần khác, các thực thể vật chất, hoặc hình dáng tướng trạng của các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà đã được hiện bày cho được hiểu biết đấy, cũng chính là do nương vào Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho hiện bày ấy vậy. Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày cho tha nhân nhìn thấy và thấu hiểu được đó, cũng chính là các sắc màu vậy.

2. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Gandhayati attano vatthuṃ sūcetīti = Gandho** - Sắc Pháp nào thường biểu hiện chỗ nương trú của mình, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là **Khí.**

Giải thích rằng: các khí hơi gọi tên là Cảnh Khí, vì lẽ làm thành Sắc Pháp biểu hiện cho đặng thấu hiểu đến thực thể vật chất mà mình đang nương trú, chẳng hạn như bông hoa có hương thơm, hoặc các hương phẩm, v.v. Cho dù các vật thể này sẽ hiện hữu ở chỗ nào đi nữa, một khi Cảnh Khí đã có được cơ hội lan tỏa ra rồi, thì thường làm cho tất cả mọi người tức thì biết được rằng đây là hương thơm của đóa hoa, đây là hương thơm của hương phẩm; và cũng biết được rằng đóa hoa, hoặc hương phẩm đang hiện hữu ở nơi nào; y như là Cảnh Khí này một khi đã tiếp xúc với Phong Giới rồi, thì sẽ loan tin cho tất cả mọi người biết được rằng đóa hoa ở chỗ ấy, hương phẩm ở nơi này. Vì lý do như vậy mà một số Ngài Phụ Chú Giải Sư mới giải đáp từ ngữ **Sūceti** là **Idamettha atthīti pesuññaṃ karontaṃ viya hoti** - Cảnh Khí này có thực tính na ná như báo hiệu cho biết rằng các thực thể vật chất ấy đang ở chỗ này vậy. (tương tự như lạy ông tôi ở bụi này)

10. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải và lời giải thích ở trong cả 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 1 Sắc Vật Thực, và 1 Sắc Hạn Giới.

10. Đáp: 1. Nữ Giới Tính (Itthībhāva): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Itthiyā bhāvo = Itthibhāvo** - Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nữ giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nữ Giới Tính.

2. Nam Giới Tính (Purisabhāva): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Pumassa bhāvo = Pumbhāvo** - Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nam giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nam Giới Tính **(Pumbhāva** hoặc **Purisabhāva).**

Xác thân của tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện hữu ở trong thế gian này, sẽ biết được rằng nữ giới hoặc nam giới ấy, là cũng do nương vào bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết, ấy là:

1. Tính Biệt (Liṅga): sắc tướng hình thể, có tay, chân, mặt, mắt, giới tính, v.v.

2. Trẫm Triệu (Nimitta): biểu tượng dấu hiệu, như có râu ria, không có râu, v.v.

3. Tính Hạnh (Kutta): tính tình và hạnh kiểm, chẳng hạn như việc nô đùa chơi giỡn, các hành động tạo tác, v.v.

4. Hành Trạng (Ākappa): cử chỉ oai nghi, như việc đi, đứng, nằm, ngồi, việc ăn, việc nói, v.v.

Cả bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết đến giới tính đây, thì thường luôn được hiện bày vận hành thể theo cả hai Sắc Giới Tính. Nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nữ Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nữ giới. Và nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nam Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nam giới.

3. Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Hadanti sattā taṃ taṃ atthaṃ vā anatthaṃ vā pūrenti etenāti = Hadayaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do nương vào Sắc Pháp ấy, mà thường tạo tác cho khởi sinh lên điều lợi ích và không lợi ích, chính vì thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình tạo tác điều lợi ích và không lợi ích, mới được gọi tên là Sắc Tâm Cơ.

Mỗi ngày tất cả Chúng Hữu Tình đã và đang tạo tác với nhau biết bao nhiêu việc; nếu như tác hành những Thiện Sự tác thành hữu ích thì gọi là **Thiện Nghiệp Lực (Kusala kamma)**; và nếu như tạo tác bao điều Bất Thiện Sự tác thành vô ích thì gọi là **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma).** Cho dù Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực sẽ phải sinh khởi đi nữa, thì thiết yếu cũng cần phải nương sinh vào Sắc Tâm Cơ. Đối với trong Cõi Ngũ Uẩn, nếu nhỡ như chẳng có Sắc Tâm Cơ, thì ắt hẳn Chúng Hữu Tình không thể nào tạo tác được bất luận một công việc nào, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi, hiểu biết các sự kiện, v.v. cũng không thể nào thực hiện được, mà trái lại chỉ như một hình tượng, con rối mà thôi. Bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho thành tựu ở trong mọi công việc, như đã vừa đề cập đến, mới được gọi là Sắc Tâm Cơ.

Sắc Tâm Cơ này có hai thể loại, là:

1. Sắc Tâm Tạng (Maṁsahadayarūpa): tức là Sắc trái tim có trạng thái na ná như đóa hoa sen.

2. Sắc Tâm Cơ (Hadayavatthurūpa): tức là một thể loại Sắc Nghiệp Lực sinh trú ở trong Sắc Tâm Tạng.

Từ ngữ Sắc Tâm Cơ ở trong chỗ này, là lập ý lấy Sắc Ý Vật, hay còn gọi là Sắc Ý Vật. Cư xứ của Sắc Tâm Cơ là ẩn trú ở trong khoang lỗ hổng có trạng thái giống như cái hố, to ước chừng bằng hạt **hoa Nguyệt Quế (Punnāga)** ở bên trong trái tim. Bên trong khoang này có máu nuôi dưỡng độ chừng một bao tay, là chỗ nương sinh của **Ý Giới (Manodhātu)** và **Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu).**

4. Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Jīvanti sahajātadhammā etenāti = Jīvitaṃ** - Tất cả các Sắc Pháp câu sinh vẫn còn được sinh tồn với việc nương vào Sắc Pháp ấy, bởi do thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả các Sắc Pháp câu sinh vẫn còn được sinh tồn, mới gọi tên là Sắc Mạng Quyền Lực.

Từ ngữ tất cả các Sắc Pháp câu sinh ở trong chỗ này, tức là Sắc Nghiệp Lực và tất cả các Sắc Nghiệp Lực sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ đây, cũng bởi do có Sắc Mạng Quyền Lực làm vị bảo hộ. Và Sắc Nghiệp Lực này cho dù thực sự sẽ là Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực đi nữa, thế nhưng Nghiệp Lực này lại chẳng phải là vị bảo hộ, vì lẽ Nghiệp Lực làm thành **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)** cho tất cả những Sắc Pháp này đã trôi qua quá khứ rồi, mới không có mãnh lực ở trong việc bảo hộ cho Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi mình được; và chính vì thế mới cần phải có một thể loại Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ, ấy chính là Sắc Mạng Quyền Lực vậy. Còn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thì chẳng cần phải có Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ đặng cho có được việc sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ cho đến hết tuổi thọ của mình; cũng bởi vì đích thị chính những thể loại Sắc Pháp đấy đã có xuất sinh xứ làm vị bảo hộ cho mình rồi.

5. Sắc Vật Thực (Āhārarūpa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kabaḷaṃ karīyatīti = Kabaḷīkāro** - Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, hoặc thực hiện cho làm thành thức ăn, bởi do thế mới gọi tên thực phẩm ấy là **Đoàn Thực.**

Āhārīyatīti = Āhāro - Người ta đã ăn và nuốt với thực phẩm nào, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là **Vật Thực. Kabaḷīkāro ca so āhāro cāti = Kabaḷīkārāhāro** -

Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, đã ăn và nuốt đi, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là **Đoàn Vật Thực.**

Từ ngữ **Kabaḷīkārāhāra** đây, là tên gọi tất cả các vật thực, thế nhưng ở trong chỗ này đang trình bày đến Sắc Vật Thực, chính vì thế Đoàn Vật Thực mới thành **Chất Bổ Phẩm (Ojā)** hiện hữu trong các vật thực.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Chất Bổ Phẩm (Ojā): Attano udayānantaraṃ rūpaṃ janetīti = Ojā** - Pháp chủng nào vẫn làm cho các Sắc Pháp câu sinh với mình nối tiếp sinh khởi không gián đoạn, bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là **Chất Bổ Phẩm.**

Sắc Bổ Phẩm này một khi đã thấm nhập vào trong cơ thể của Chúng Hữu Tình rồi, thì thường làm cho Sắc Vật Thực tức thì sinh khởi; có nghĩa là Sắc Bổ Phẩm này đã làm cho cơ thể Chúng Hữu Tình có được năng lực và tăng trưởng lên cho đến mức cùng cực, thì chẳng còn phát triển to thêm được nữa. Thế rồi, Chất Bổ Phẩm này cũng còn làm nhiệm vụ dắt dẫn Sắc Vật Thực đặng làm cho cơ thể được sung mãn và cho được sinh tồn.

6. Sắc Hạn Giới (Paricchedarūpa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Na kassatīti akāso, akāsoyeva ākāso** - Chỗ nào bất khả giới hạn được, chính vì thế chỗ ấy mới gọi tên là **Hư Không.** Chính ngay chỗ nào bất khả giới hạn được, thì gọi tên là **Hư Không.**

Hư Không (Ākāsa) có bốn thể loại là:

1. Cõi Hư Không Giới (Ajaṭākāsa): tức là cõi trống không ở cả hai phía của hư không. Ở mặt phía dưới thì được tính kể từ dưới nền lục địa và mặt nước hứng đón nền lục địa ấy; ở mặt phía trên thì được tính kể từ Cõi Vô Sắc Giới trở lên.

2. Hạn Chế Không Giới (Paricchinnākāsa): tức là khoảng trống không đã có ấn định giới hạn, chẳng hạn như khoang cửa cái, khoang cửa sổ, khoang tai, khoang mũi, khoang miệng, v.v.

3. Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh (Kasiṇugghāṭimākāsa): tức là Hư Không đã xả bỏ lìa khỏi cả 9 đề mục Hoàn Tịnh.

4. Hạn Giới Hư Không (Paricchedākāsa): tức là khoảng trống xen kẽ ở giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc nối tiếp, và đó chính là Sắc Hạn Giới vậy.

Ở trong những thể loại Cõi Hư Không Giới, Hạn Chế Không Giới, Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh này, thì ắt hẳn thường luôn có Hạn Giới Hư Không, nghĩa là hằng luôn có Sắc Hạn Giới. Lại nữa, trong tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhỡ như chẳng có khoảng trống, tức là Hạn Chế Không Giới thì những vật thể ấy sẽ không tài nào để làm cho biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng được đâu. Chúng ta chỉ sẽ được biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng, là cũng chỉ do bởi Hạn Chế Không Giới đấy như thế nào; thì tất cả các Sắc Pháp hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhỡ như chẳng có Sắc Hạn Giới thì cũng không có được số lượng Khối Tổng Hợp Sắc Pháp, cũng không có chỗ cuối cùng của Sắc Pháp, và cũng không có hạn định ranh giới của Sắc Pháp. Những thể loại Sắc Pháp ấy sẽ dính liền với nhau thành hàng dãy dài không dứt. Một khi đã là như vậy, thì **Sinh Diệt Trí (Udayabbañāṇa)** và **Hoại Diệt Trí (Bhaṅgañāṇa)** liên quan với Sắc Pháp cũng không thể sinh khởi lên được, vì lẽ không có khả năng để quán sát sự sinh diệt của Sắc Pháp ấy được.

11. Hỏi: Hai Sắc Biểu Tri được chia ra làm bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả cho trình bày nội dung. Và cho dịch nghĩa các Câu Chú Giải như tiếp theo đây:

+ Kāyena viññatti = Kāyaviññatti

+ Viseso ākāro = Vikāro

+ Lahuto bhāvo = Lahutā

+ Rūpassa lahutā = Rūpalahutā

+ Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ

11. Đáp: Hai Sắc Biểu Tri được chia ra làm 2 thể loại, và trong từng mỗi thể loại của Sắc Biểu Tri lại được chia ra làm 2 thể loại nữa. Đó là:

1. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): có câu Chú Giải nói rằng: **Kāyena viññatti = Kāyaviññatti** - Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là **Thân Biểu Tri.**

2. Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti): có câu Chú Giải nói rằng: **Vaciyā viññatti = Vacī viññatti** - Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc nói năng; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc nói năng về Lời, mới được gọi tên là **Ngữ Biểu Tri.**

Sắc Biểu Tri có hai thể loại, là:

1. Trí Năng Biểu Tri (Bodhanaviññatti): tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời đã làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

2. Chuyển Hình Biểu Tri (Pavattanaviññatti): tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời chỉ hiện hành theo lệ thông thường, và chẳng có lập ý để làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

Chính vì thế trong cả hai Sắc Biểu Tri ấy mới được chia ra thành 4 thể loại, ấy là:

1. Trí Năng Thân Biểu Tri (Bodhanakāyaviññatti),

2. Chuyển Hình Thân Biểu Tri (Pavattanakāyaviññatti),

3. Trí Năng Ngữ Biểu Tri (Bodhanavacīviññatti),

4. Chuyển Hình Ngữ Biểu Tri (Pavattanavaciññatti).

Dịch nghĩa các Câu Chú Giải như tiếp theo đây:

+ Kāyena viññatti = Kāyaviññatti: Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là **Thân Biểu Tri.**

+ Viseso ākāro = Vikāro: Trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là **Biến Thể.**

+ Lahuto bhāvo = Lahutā: Trạng thái nhẹ nhàng, gọi tên là **Khinh Khoái.**

+ Rūpassa lahutā = Rūpalahutā: Trạng thái nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là **Sắc Khinh Khoái.**

+ Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ: Tất cả các Pháp mà bậc Hiền Trí đã phân tích thẩm xét được rằng những thể loại Pháp ấy là **Hữu**

Vi (Saṅkhata) do việc nương vào Sắc Pháp này, bởi do thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc phân tích thẩm xét ấy, mới gọi tên là **Thực Tướng.**

12. Hỏi: Khi gọi tên theo Thực Tính của 28 Sắc Pháp ấy, thì có được bao nhiêu tên gọi ? Là những chi ? Và luôn cả cho trình bày nội dung của từng mỗi tên gọi ấy.

12. Đáp: Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thể theo Thực Tính, đó là:

1. Gọi tên là **Vô Nhân (Ahetuka)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Nhân (Sahetuka)** vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ưng.

2. Gọi tên là **Hữu Duyên (Sappaccaya)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Duyên (Appaccaya)** vì có 4 Trợ Duyên.

3. Gọi tên là **Hữu Lậu (Sāsava)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Lậu (Anāsava)** vì làm thành Cảnh của Lậu Hoặc.

4. Gọi tên là **Hữu Vi (Saṅkhata)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Vi (Asaṅkhata)** vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.

5. Gọi tên là **Hiệp Thế (Lokiya)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Siêu Thế (Lokuttara)** vì làm thành Pháp liệt kê vào ở trong **Pháp Hành Thế Tục (Saṅkhāraloka).**

6. Gọi tên là **Dục Giới (Kāmāvacara)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Sắc Giới (Rūpāvacara)** và **Vô Sắc Giới (Arūpāvacara)** vì làm thành Cảnh của **Ái Dục (Kāmataṇhā).**

7. Gọi tên là **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa)** và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Tri Cảnh (Sārammaṇa)** vì không có khả năng tri giác được đối tượng.

8. Gọi tên là **Phi Phóng Khí (Appahātabba)** và không có Sắc pháp nào có tên gọi là **Khả Phóng Khí (Pahātabba)** vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

13. Hỏi: Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền, Sắc Thô Thiển khởi sinh ở trong đầu của Ngài thì có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Sắc Pháp.

13. Đáp: + Sắc Nội Bộ (Ajjhattikarūpa) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng 5 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt.

+ Sắc Hữu Vật (Vatthurūpa) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng 5 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt.

+ Sắc Hữu Môn (Dvārarūpa) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng 7 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri.

+ Sắc Hữu Quyền Lực (Indriyarūpa) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng 7 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, Sắc Nữ Giới Tính hoặc Sắc Nam Giới Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền Lực.

+ Sắc Thô Thiển (Oḷārikarūpa) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng 12 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

14. Hỏi: Cho phân chia 28 Sắc Pháp ấy, thể theo Sắc Thô Thiển với Sắc Vi Tế, Sắc Hữu Chấp Thủ với Sắc Phi Chấp Thủ, Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt.

14. Đáp: + **Sắc Thô Thiển với Sắc Vi Tế**: Trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, làm thành Sắc Thô Thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày rõ ràng. Có nghĩa là những thể loại Sắc Pháp này một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng đã hiện bày một cách rất rõ ràng, bởi do vậy mới gọi tên là Sắc Thô Thiển; có số lượng 12 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể. Làm thành Sắc Vi Tế, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày không có rõ ràng. Có nghĩa là một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì chẳng có hiện bày được rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên là Sắc Vi Tế; có số lượng 16 Sắc Pháp, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

+ **Sắc Hữu Chấp Thủ với Sắc Phi Chấp Thủ**: 18 Sắc Nghiệp Lực gọi tên Sắc Hữu Chấp Thủ cũng bởi vì làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, mà có Ái Dục và Tà Kiến thấm nhập vào tác hành cho làm thành Cảnh; bởi do thế những 18 Sắc Nghiệp này mới gọi tên là Sắc Hữu Chấp Thủ.

Còn những 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết và 12 Sắc Vật Thực này, thì chẳng phải làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực; mà đích thị làm thành quả bảo nương sinh từ ở nơi Tâm, Quý Tiết và Vật Thực, bởi do thế mới gọi tên là Sắc Phi Chấp Thủ.

+ **Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt**: Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là Sắc Bất Giản Biệt, bởi vì những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải là thường luôn cùng câu sinh vào nhau; và ngay cả ở trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, thì cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại thì hết cả thảy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu thì cũng phải hằng thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này thì không nhất thiết phải cùng câu sinh với nhau, và chỉ có thể câu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình mà thôi. Bởi do thế, những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên Sắc Khả Giản Biệt; và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn cùng câu sinh vào nhau với cà 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

15. Hỏi: Cho phân chia 7 Sắc Hữu Môn thể theo Khởi Sinh Môn với Nghiệp Môn, luôn cả với lời giải thích.

15. Đáp: Trong số lượng 7 Sắc Hữu Môn ấy, thì 5 Sắc Thanh Triệt làm thành **Khởi Sinh Môn;** và 2 Sắc Biểu Tri làm thành **Nghiệp Môn.**

Giải thích rằng: Việc sinh khởi các Tâm Lộ Trình, hoặc việc sinh khởi Thân Hành Nghiệp Lực, hoặc Ngữ Hành Nghiệp Lực đây, thì cũng cần phải nương vào 7 Sắc Hữu Môn làm thành tác nhân. Sẽ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, thì cần phải có Ngũ Sắc Thanh Triệt làm thành tác nhân đặng cho sinh khởi lên được; bởi do thế, Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là **Khởi Sinh Môn (Uppattidvāra)** có nghĩa là Sắc Pháp

làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi Lộ Trình Ngũ Môn. Còn việc sinh khởi các Thân hành động tạo tác, cho dù sẽ là **Thiện Hạnh (Sucarita)** hoặc **Ác Hạnh (Ducarita)** đi nữa, mà một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri đi rồi, thì đa phần những Thân hành động tạo tác ấy sẽ không có thể khởi sinh lên được. Còn các việc chuyện trò nói năng, cả về Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh, để sẽ khởi sinh lên được cũng cần phải nương vào Ngữ Biểu Tri; mà một khi đã loại trừ Ngữ Biểu Tri đi rồi, thì các việc nói năng ấy cũng không có thể khởi sinh lên được. Bởi thế, cả hai Sắc Biểu Tri này mới được gọi tên **Nghiệp Môn (Kammadvāra)** có nghĩa Sắc Pháp thành tác nhân cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực.

16. Hỏi: Sắc Thủ Cảnh có ý nghĩa là chi ? Cho nêu lên dẫn chứng trình bày một cách tóm tắt, và cho phân tích những thể loại Sắc Thủ Cảnh đấy theo Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác cùng với Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác.

16. Đáp: Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên Sắc Thủ Cảnh, vì đó chính là Sắc Pháp tiếp thâu được Ngũ Cảnh; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệp thì tiếp thâu được Cảnh Sắc, và đã làm cho khởi sinh hiểu biết được việc nhận thấy.

Trong tất cả những 5 Sắc Thủ Cảnh ấy đã chia ra làm 2 thể loại, là:

1. Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác (Asampattagocaraggāhakarūpa): có nghĩa tiếp thâu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến, tức là Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt.

2. Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác (Sasampattagocaraggāhakarūpa): có nghĩa tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến, tức là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

[**Chú thích**: Bộ Kinh Vô Tỷ Pháp Toàn Tập, với Phẩm thứ 2, điều thứ 31 có nội dung chính yếu liên quan với sự kiện này như sau: Thể theo bậc Đại Chú Giải Sư thời xa xưa đã giải thích rằng cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này là **Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagāha)** có nghĩa tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Tuy nhiên quan điểm của **Chú Giải Sư Buddhaghosācāriya** đã trình bày rằng cả hai Nhãn với Nhĩ đây, tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến cũng được **[Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagāha)]** và tiếp thâu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến cũng được **[Phi Thủ Xúc Giác (Asampattagāha)],** chẳng hạn như mặt trời và mặt trăng là Cảnh Sắc có ánh sáng chiếu sáng. Cảnh mà xúc chạm đến là ánh sáng chiếu sáng của mặt trời hoặc mặt trăng, thế nhưng Sắc Pháp mặt trời hoặc mặt trăng thì lại hiện bày ở trên bầu trời là Cảnh không thể nào xúc chạm được; và Nhãn thì không thể tiếp thâu được Cảnh này. Còn Tỷ, Thiệt, Thân ấy đặc biệt chỉ tiếp thâu với những Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến.]

Giải thích rằng: Nhãn Thanh Triệt một cách đặc biệt là thường chỉ tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như Cảnh Sắc ấy mà đã xúc chạm đến rồi, thế thì Nhãn Thanh Triệt không thể nào tiếp thâu giữ lấy Cảnh Sắc ấy được; có nghĩa là không thể nào trông thấy được đâu, chẳng hạn như khi chúng ta đưa bàn tay lên ở ngay trước mặt chúng ta trong khoảng tầm mắt vừa thích hợp, thì con mắt của chúng ta sẽ trông thấy được bàn tay ấy; tuy nhiên nếu như chúng ta lấy bàn tay ấy đưa vào xúc chạm đến con mắt rồi, thế là chúng ta không thể nào trông thấy được bàn tay.

Nhĩ Thanh Triệt cũng tương tự như nhau, là thường chỉ tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như âm thanh ấy mà vào xúc chạm đến ở trong khoang lỗ tai của Nhĩ Thanh Triệt, và thế rồi Nhĩ Thanh Triệt cũng không thể nào tiếp thâu giữ lấy âm thanh ấy được, tức là không tài nào lắng nghe được âm thanh. Chỗ mà có thể lắng nghe được đấy, chẳng phải là âm thanh phải vào xúc chạm đến Nhĩ Thanh Triệt, mà âm thanh ấy chỉ phải ở trong khoảng cách vừa thích hợp đối với việc được lắng nghe ấy mà thôi. Bởi do thế, cả hai Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt này mới gọi tên là Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác.

Còn cả ba Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt và Thân Thanh Triệt đây, cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Nếu như Cảnh ấy vẫn không có được vào xúc chạm đến, thì cũng không có tài nào để tiếp thâu giữ lấy Cảnh ấy được; chẳng hạn như Tỷ Thanh Triệt cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh Khí mà đã vào xúc chạm thì mới nhận biết được khí hơi ấy. Nếu như Cảnh Khí hoặc mùi hơi ấy vẫn không có được vào xúc chạm đến Tỷ Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để nhận biết mùi khí hơi ấy được. Thiệt Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thâu giữ lấy Cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ nhận biết được mùi vị. Nếu như Cảnh Vị hoặc mùi vị ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến, thì Thiệt Thanh Triệt cũng không có khả năng để sẽ nhận biết được mùi vị ấy. Thân Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thâu giữ lấy cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ cảm giác được lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Nếu như Cảnh Xúc ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến Thân Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để có được cảm giác lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Cả ba Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác.

17. Hỏi: Khi kết hợp Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, được gọi tên Sắc Hữu Đối Chiếu có ý nghĩa là chi ? Cho lời giải thích. Và Sắc Hữu Quyền có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho lời giải thích nêu lên thí dụ dẫn chứng cho được nhận thấy độ chừng một Sắc Pháp.

17. Đáp: + Sắc Hữu Đối Chiếu: Khi kết hợp 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, làm thành những Sắc Pháp đối chiếu xúc chạm lẫn nhau thể theo thực tính; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc đã có thực tính đối chiếu với nhau; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh đã có thực tính đối chiếu với nhau; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khi đã có thực tính đối chiếu với nhau; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị đã có thực tính đối chiếu với nhau; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc đã có thực tính đối chiếu với nhau; bởi do thế những thể loại Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Hữu Đối Chiếu.**

+ **Sắc Hữu Quyền Lực** có nghĩa là Sắc Pháp làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc trông thấy v.v. có 8, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền Lực.

Giải thích: Nêu lên một thí dụ dẫn chứng như sau: chẳng hạn việc trông thấy sẽ khởi sinh lên được, thì ắt cần phải nương vào Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ. Nếu như trường hợp đã thiếu mất Nhãn Thanh Triệt đi thì việc trông thấy cũng không thể nào khởi sinh lên được. Một trường hợp khác nữa là việc trông thấy đây, sẽ trông thấy được rõ ràng hoặc không được rõ ràng, sẽ trông thấy được xa hoặc không được xa, cũng phải tùy

thuộc vào Nhãn Thanh Triệt. Nếu như Nhãn Thanh Triệt này có nhiều năng lực tốt đẹp thì việc trông thấy cũng được rõ ràng và được nhìn thấy xa, các vật thể lớn hoặc nhỏ cũng vẫn có khả năng nhìn thấy được rõ ràng; bởi do thế, Nhãn Thanh Triệt này mới làm thành chủ vị trưởng trội trong việc nhìn thấy hết tất cả, mới được gọi tên **Sắc Hữu Quyền Lực.**

18. Hỏi: Cho lời giải thích trong Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng.

18. Đáp: Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Giản Biệt,** bởi vì những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải thường luôn cùng câu sinh vào nhau; và ngay cả ở trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại hết cả thảy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu cũng phải thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này không nhất thiết phải cùng câu sinh với nhau, và chỉ có thể câu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình mà thôi. Bởi do thế, những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Khả Giản Biệt;** và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn cùng câu sinh vào nhau với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

19. Hỏi: Cho trình bày các Sắc Pháp tiếp theo đây:

1. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Quyền Lực nhưng không làm được Sắc Vi Tế.
2. Sắc Pháp làm được Sắc Vi Tế nhưng không làm được Sắc Hữu Quyền Lực.
3. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Quyền Lực và Sắc Vi Tế.
4. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Quyền Lực và Sắc Vi Tế.
5. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Chấp Thủ nhưng không làm được Sắc Khả Giản Biệt.
6. Sắc Pháp làm được Sắc Khả Giản Biệt nhưng không làm được Sắc Hữu Chấp Thủ.
7. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt.
8. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt.

19. Đáp: 1. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Quyền Lực nhưng không làm được Sắc Vi Tế, đó là 5 Sắc Thanh Triệt.

2. Sắc Pháp làm được Sắc Vi Tế nhưng không làm được Sắc Hữu Quyền Lực, đó là: 1 Thủy Giới, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Vật Thực, 1 Sắc Hạn Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng.

3. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Quyền Lực và Sắc Vi Tế, đó là: 2 Sắc Bản Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền Lực.

4. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Quyền Lực và Sắc Vi Tế, đó là: 1 Địa Giới, 1 Hỏa Giới, 1 Phong Giới, 1 Cảnh Sắc, 1 Cảnh Thinh, 1 Cảnh Khí, và 1 Cảnh Vị.

5. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Chấp Thủ nhưng không làm được Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt sinh từ Nghiệp Lực.

6. Sắc Pháp làm được Sắc Khả Giản Biệt nhưng không làm được Sắc Hữu Chấp Thủ, đó là: 1 Sắc Thinh, 2 Sắc Biểu Tri, 3 Sắc Biến Thể, 4 Sắc Thực Tướng, và 1 Sắc Hạn Giới, sinh từ Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

7. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 1 Sắc Hạn Giới, sinh từ Nghiệp Lực.

8. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt sinh từ Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

20. Hỏi: Cho trình bày số lượng của Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, và Nghiệp Lực với Tâm Thức không có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là thể loại Nghiệp Lực nào và thể loại Tâm Thức nào ? Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi thể loại.

20. Đáp: 1/. Nghiệp Lực làm cho Sắc Pháp được khởi sinh lên, tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới; kết hợp lại thành 25.

2/. Tâm Thức làm cho Sắc Pháp được khởi sinh lên, tức là 75 Tâm Thức (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ở ngay trong kiếp sống hiện tại, tính kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất nối tiếp từ nơi Tâm Tái Sinh.

3/. Quý Tiết làm cho Sắc Pháp được khởi sinh lên, tức là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** sự lạnh và **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)** sự nóng hiện hữu ở nội bộ và ngoại bộ của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên.

4/. Vật Thực làm cho Sắc Pháp được khởi sinh lên, tức là Bổ Phẩm hiện hữu trong các vật thực.

+ Hết cả thảy Nghiệp Lực có số lượng 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vầy. Tuy nhiên ở trong phần **Nghiệp Xuất Sinh Xứ** thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này đã không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ **Tu Tập Ly Ái Sắc (Rūpavirāgabhāvanā)** là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lên được. Còn trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đấy, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã) ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt **Hữu Sinh Chủng (Bhavajāti)** và Sắc Nghiệp Lực lại chính

là hiện thân của Sinh Chủng Tử; bởi do thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lên được.

+ Hết cả thảy Tâm Thức có số lượng 89; tuy nhiên ở trong phần **Tâm Xuất Sinh Xứ** chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử Bậc Vô Sinh. Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của **Sinh Chủng Tử Ly Ái Sắc Tu Tập;** bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Còn Tâm Tái Sinh của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử Bậc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái Sinh và Tử thôi. Có nghĩa là có cả thảy 19 cái Tâm làm chức năng Tái Sinh, đó là những 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Sinh còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử Bậc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử Bậc Vô Sinh đã hoàn toàn tiệt diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bậc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

21. Hỏi: Cũng có Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã diệt, vả lại cũng có Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này là thể loại Sắc Pháp nào vậy ? Và tại làm sao Đức Phật lại không gọi là Sắc Tâm Sở ? Cho lời giải thích.

21. Đáp: Cũng có Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã diệt, vả lại cũng có Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này, thì Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã diệt, đó là Sắc Nghiệp, bởi vì sinh từ Tâm Sở Tư hình thành Nghiệp Lực hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Còn Sắc Pháp sinh từ Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên, đó là Sắc Tâm, vì lẽ Tâm thường luôn phối hợp với Tâm Sở; chính vì thế, một khi Tâm Thức đã làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên, thì Tâm Sở cũng cùng làm chức năng này. Tự một mình cái Tâm thì không thể nào làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Trong sự việc cả 2 nhóm Sắc Pháp này đã không được gọi là Sắc Tâm Sở đấy, đối với Sắc Nghiệp Lực thì cho dù thực sự sinh từ Tư tâm Sở Bất Thiện và Tư Tâm Sở Thiện đi nữa, tuy nhiên những thể loại Tư Tâm Sở này Đức Phật đã lập ý gọi là Nghiệp Lực. Như lập ý khải thuyết rằng **Cetanāhaṃ bhikkhave vedāmi** - Này Chư Tỳ Khưu, Như Lai tuyên bố rằng chính thực Tư Tâm Sở hình thành ra Nghiệp Lực. Với lý do này, Sắc Pháp sinh từ 12 Tư Tâm

Sở Bất Thiện, 13 Tư Tâm Sở Thiện Hiện Thế, mới không được gọi là Sắc Tâm Sở, mà chỉ gọi theo lời của Bậc Chánh Đẳng Giác đã khải thuyết là Sắc Nghiệp Lực. Còn Sắc Tâm sinh từ Tâm Tâm Sở ở trong hiện tại, mà không được gọi là Sắc Tâm Sở đấy, là cũng vì gọi theo Pháp làm chủ vị trưởng trội; tức là sát na Tâm, Tâm Sở đang tiếp thâu lấy Cảnh, thì chính là Tâm làm chủ vị, và chẳng phải là Tâm Sở làm chủ vị; với lý do này mới không gọi là Sắc Tâm Sở được, và chỉ được gọi là Sắc Tâm thôi.

22. Hỏi: Bổ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực được khởi sinh đấy, có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và thể loại Bổ Phẩm nào đã trực tiếp làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh, và thể loại nào chỉ là giúp đỡ bảo hộ ?

22. Đáp: Chất Bổ Phẩm hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài Chúng Hữu Tình, được gọi là **Nội Bộ Bổ Phẩm (Ajjhatta Ojā)** và **Ngoại Bộ Bổ Phẩm (Bahiddha Ojā).** Đối với Bổ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn trên, đó là Nội Bộ Bổ Phẩm. Còn Ngoại Bộ Bổ Phẩm đấy, đích thị chính là **Nghiệp Lực Bổ Phẩm (Kammaja Ojā)** và **Quý Tiết Bổ Phẩm (Utu Ojā)** sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bổ Phẩm này, thì Nội Bộ Bổ Phẩm làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti).** Còn Ngoại Bộ Bổ Phẩm thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là **Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti).** Trong cả hai Ngoại Bộ Bổ Phẩm, là Nghiệp Lực Bổ Phẩm và Quý Tiết Bổ Phẩm, thì Nghiệp Lực Bổ Phẩm rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn Quý Tiết Bổ Phẩm.

23. Hỏi: Cho dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Aṭṭhārasa paṇṇarasa Terasa dvādasāti ca
Kammacittotukāhāra Jāni honti yathākkamaṃ

và cho phân tích 18 Sắc Nghiệp Lực ấy bởi theo Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền, Sắc Thô Thiển.

23. Đáp: Dịch nghĩa kệ ngôn rằng: "Sắc Pháp nương sinh từ Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có số lượng tuần tự như vầy: Sắc Nghiệp Lực có 18, Sắc Tâm Thức có 15, Sắc Quý Tiết có 13, và Sắc Vật Thực có 12." Và phân tích 18 Sắc Nghiệp Lực, ấy là: **5 Sắc Thanh Triệt** là Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền Lực, và là Sắc Thô Thiển. **2 Sắc Bản Tính** và **1 Sắc Mạng Quyền** là Sắc Hữu Quyền Lực. **1 Sắc Tâm Cơ** là Sắc Hữu Vật. **6 Sắc Biến Thể** (loại trừ Cảnh Thinh) là Sắc Thô Thiển.

24. Hỏi: Cho phân tích các Sắc Pháp như tiếp theo đây thể theo Tứ Xuất Sinh Xứ: 16 Sắc Thô Thiển, 11 Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ, 1 Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ, 3 Sắc Tam Xuất Sinh Xứ, 9 Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ.

24. Đáp: 1. 16 Sắc Vi Tế ấy là 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ. 3 Sắc Biến Thể có Tâm Thức, Quý Tiết, và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Thủy Giới, 1 Sắc Vật Thực, 1

Sắc Hạn Giới có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Tứ Sắc Thực Tướng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả, đó là **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ.**

2. Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ: có 11 Sắc Pháp đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ: có 1 Sắc Pháp đó là: Cảnh Thinh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Tam Xuất Sinh Xứ: có 3 Sắc Pháp đó là: 3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

5. Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ: có 9 Sắc Pháp đó là: 4 Sắc Đại Hiển, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

25. Hỏi: Cả Tứ Sắc Thực Tướng mà Ngài đã nói rằng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả; khi đã là như vậy, thì sẽ nói được hoặc không nói được rằng cả Tứ Sắc Thực Tướng ấy, khởi sinh do bởi Đức Phật là bậc đã kiến tạo ra ? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng vậy.

25. Đáp: Cả Tứ Sắc Thực Tướng thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ. Và một khi 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh do nương vào bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ nào rồi, thì trong chính tự bản thân của Sắc Thành Sở Tác ấy thường luôn có cả Tứ Sắc Thực Tướng này hiện bày dính liền với nhau. Có nghĩa việc khởi sinh, việc an trụ, việc diệt mất những thể loại Sắc Pháp ấy cũng tương tự như từng mỗi con người khi đã được sinh ra thường luôn có 4 trường hợp trạng thái dính liền theo từng mỗi cá nhân, đó là: **1/. Sự Sinh Ra, 2/. Sự Lớn Lên, 3/. Sự Già Đi, 4/. Sự Tử Vong.** Vả lại những sự việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong đây, chẳng phải khởi sinh lên một cách riêng biệt được, mà chính là cần phải nương vào thân thể con người hoặc của loài Hữu Tình mới được khởi sinh, và như thế sẽ gọi là Sự Sinh Ra. Khi thân thể con người hoặc Hữu Tình ấy dần dần to lớn lên cho đến hết mức, thì cũng được gọi là Sự Lớn Lên. Khi thân thể con người hoặc của Hữu Tình ấy bắt đầu già yếu xuống, thì cũng được gọi là Sự Già Đi. Và khi con người hoặc Hữu Tình ấy mệnh chung, thì cũng được gọi là Sự Tử Vong. Giả như không có thân thể con người hoặc của Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi, thì cả bốn biểu tượng đặc trưng này cũng sẽ không hiện khởi lên được. Và điều này như thế nào, thì thân thể con người hoặc của Hữu Tình cũng được so sánh tương tự với Sắc Thành Sở Tác nương sinh từ ở bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ; với việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong của con người hoặc Hữu Tình ấy cũng được ví tương tự với cả Tứ Sắc Thực Tướng dường thế ấy. Bởi do vậy, cả Tứ Sắc Thực Tướng này mới không có khởi sinh qua việc nương nhờ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đã được gọi là **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhānikarūpa).** Vả lại cũng không có được khởi sinh do bởi Đức Phật là bậc đã kiến tạo ra.

26. Hỏi: Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể của Ngài, là những chi ? Cho trình bày nội dung của các Sắc Quý Tiết ây.

26. Đáp: Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể Tôi, đó là:

1. Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực (Kammapaccayautujarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Quý Tiết Duyên Tâm Thức (Cittapaccayautujarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayautujarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Āhārapaccayautujarūpa): Sắc Pháp nương sinh từ Quý Tiết có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

27. Hỏi: Cho trình bày Tâm làm cho Sắc Tâm được khởi sinh như tiếp theo đây:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm liên quan với việc cười vui.
3. Sắc Tâm liên quan với việc khóc lóc.
4. Sắc Tâm liên quan với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
5. Sắc Tâm liên quan với việc nói năng.
6. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.
7. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

27. Đáp: 1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, tức là hết tất cả 75 Tâm.

2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc cười vui được đấy, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiếu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.

4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đấy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, và 2 Tâm Thắng Trí.

5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.

6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.

7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đổng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền

Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể loại thông thường và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thế mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

28. Hỏi: Cho trình bày Sắc Tâm sinh từ Tâm như tiếp theo đây: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới (loại trừ Thắng Trí), 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả.

28. Đáp: 1. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 cái Tâm căn Tham câu hành Hỷ, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

2. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 cái Tâm căn Tham câu hành Xả, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

3. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm căn Sân, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

4. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm căn Si, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

5. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 1 cái Tâm Khai Ý Môn, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm liên quan với việc chuyển động về Thân.
3. Sắc Tâm liên quan với việc nói năng về Lời.
4. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

6. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 1 cái Tâm Tiểu Sinh, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

7. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 cái Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

8. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 cái Tâm Đại Thiện câu hành Xả, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

9. Có 2 thể loại Sắc Tâm sinh từ 5 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.

10. Có 1 thể loại Sắc Tâm sinh từ 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, đó là: 1. Sắc Tâm Phổ Thông.

11. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 cái Tâm Thắng Trí, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

12. Có 2 thể loại Sắc tâm sinh từ 4 cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Tiểu Sinh, 2 Tâm Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.

29. Hỏi: Cho phân tích 13 cái Tâm câu hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người.

29. Đáp: 13 cái Tâm câu hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người, đó là:

1. Phàm Phu cười vui với 8 cái Tâm là: 4 Tâm căn Tham và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

2. 3 Bậc Thánh Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm là: 2 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm là: 1 Tâm Tiếu Sinh và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

30. Hỏi: Từ ngữ **Kalāpa** có ý nghĩa là chi ? Và Tổng Hợp Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

30. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Kalāpa** dịch nghĩa là "nhóm, bộ phận, khối, quần thể"; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành khối; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là **Đồng Hành (Sahavutti).** Đó là:

1. Đồng Khởi Sinh (Ekuppāda): đồng câu sinh.

2. Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha): đồng diệt mất.

3. Đồng Y Chỉ (Ekanissaya): đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiển.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực
2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm Thức
3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết.
4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực

} kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp

Như có câu kệ trình bày rằng:

Kammacittotuhāra Samuṭṭhānā yathākkamaṃ
Navaṭṭha caturo dveti Kalāpā hi dvevīsati

Những Tổng Hợp Sắc Pháp có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ đây; rằng khi tính theo số lượng chính xác rồi, và thể theo tuần tự có được như vầy: 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, 8 Tổng Hợp Sắc Tâm Thức, 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực; kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp.

31. Hỏi: Tại sao **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày nói rằng Sắc Pháp đồng hiện hữu trong cùng một Tổng Hợp sẽ cần phải câu sinh với cả 3 Chi Pháp được gọi là **Đồng Hành (Sahavutti)** sẽ không có được nhiều hơn 3 hoặc sẽ là ít hơn 3 ? Cho lời giải thích.

31. Đáp: Sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày nói rằng Sắc Pháp đồng hiện hữu ở trong cùng một Tổng Hợp thì sẽ cần phải câu sinh với cả 3 Chi Pháp được gọi là **Đồng Hành (Sahavutti),** sẽ không có được nhiều hơn hoặc sẽ ít hơn 3, có nghĩa là cả 3 trạng thái được gọi là Đồng Hành của Tổng Hợp Sắc Pháp đây cũng tương tự với cả 4 trạng thái của Tâm Sở, chỉ khác biệt là không có **Chi Đồng Cảnh (Ekālambana),** có nghĩa không

có cùng chung một Cảnh thôi, còn ngoài ra thì đều giống nhau hết tất cả. Tức là **Đồng Khởi Sinh (Ekuppāda), Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha), Đồng Trú Căn (Ekavatthuka)** hoặc **Đồng Y Chỉ (Ekanissaya)** đồng nương trú một chỗ.

Bởi do thế, nếu Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp sẽ có nhiều hơn 3, cũng có nghĩa là sẽ cần phải có Chi Đồng Cảnh này vào. Tuy nhiên Chi Đồng Cảnh này lại không thể làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp được, vì lẽ Sắc Pháp chẳng phải do bởi nương vào Cảnh mà khởi sinh, thực sự là chỉ do nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, và Vật Thực. Và quả thật bản thân Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực đây chính là Cảnh, nhưng chỉ là Cảnh của Tâm và Tâm Sở; chính vì thế, Đồng Cảnh mới không phải là Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp; và cũng vì lý do này, Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp mới không thể nào có nhiều hơn 3 được. Vả lại nữa, Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không thể nào có ít hơn 3 được, vì lẽ thông thường Sắc Pháp sinh trú ở trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình thì có số lượng nhiều vô số kể, và thường luôn sinh diệt không gián đoạn, ví tựa như một dòng sông. Trong số lượng những thể loại Sắc Pháp này, thì Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau cũng có, Sắc Pháp đồng cùng diệt cũng có, Sắc Pháp chẳng có đồng câu sinh cũng chẳng có đồng cùng diệt cũng có, và chẳng có đồng cùng nương trú vào Sắc Đại Hiển cũng có. Chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt của từng mỗi con người, nếu tính đếm một cách phổ thông thì thường luôn phải có số lượng hơn hàng trăm nghìn, hàng triệu hơn. Trong số lượng hơn hàng trăm nghìn, hàng triệu hơn Nhãn Thanh Triệt đây, thì cũng có Nhãn Thanh Triệt cùng câu sinh và đồng cùng diệt với nhau cũng có; tuy nhiên chẳng phải đồng cùng nương trú vào Sắc Đại Hiển làm thành chỗ nương sinh. Đã là như vậy thì sẽ không gọi là đồng cùng một Tổng Hợp Sắc Pháp được; vả lại Sắc Đại Hiển sinh trú ở trong cùng một Tổng Hợp với nhau thì cũng có nhiều thể loại, đó là Sắc Đại Hiển Nghiệp, Sắc Đại Hiển Tâm, Sắc Đại Hiển Quý Tiết, và Sắc Đại Hiển Vật Thực. Ở trong cả bốn thể loại Sắc Đại Hiển này, thì cùng câu sinh với nhau cũng có rồi đó, đồng cùng diệt với nhau cũng có rồi đó, thế nhưng lại khác biệt ở chỗ nương sinh; vì lẽ chẳng hạn như Sắc Đại Hiển Nghiệp thì cần phải cùng chung với Sắc Đại Hiển Nghiệp nương đỗ vào nhau, Sắc Đại Hiển Tâm thì cần phải cùng chung với Sắc Đại Hiển Tâm nương đỗ vào nhau, v.v. thì sẽ thành chung một Tổng Hợp với nhau mới được. Ngay cả đã là Sắc Đại Hiển với nhau rồi đấy, thế nhưng lại khác biệt Xuất Sinh Xứ thì cũng không thể cùng chung một Tổng Hợp với nhau được nữa kìa; chẳng hạn như Địa là Địa Nghiệp, Thủy là Thủy Tâm, Hỏa là Hỏa Quý Tiết, Phong là Phong Vật Thực; đã là như vậy rồi, thì cả Tứ Sắc Đại Hiển này cũng không thể nào ở chung một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được, huống hồ là khác biệt Xuất Sinh Xứ với nhau. Chí đến cùng một Xuất Sinh Xứ và đồng cùng diệt với nhau, thế nhưng chỗ nương trú lại khác biệt nhau thì cũng không thể nào thành chung một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được cả. Chẳng hạn như có 2 nhóm Sắc Đại Hiển sinh từ nơi Nghiệp Lực, và cả 2 nhóm này cùng câu sinh và đồng cùng diệt với nhau, thế nhưng chỗ nương trú của cả 2 nhóm Sắc Đại Hiển này lại khác biệt nhau, có nghĩa là chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 1 phải là Thủy, Hỏa, Phong cùng nương trú ở trong nhóm thứ 1 với nhau. Thủy, Hỏa, Phong ở trong nhóm thứ 2 thì sẽ không thể nào làm thành chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 1 được. Trong cùng một phương cách,

Thủy, Hỏa, Phong ở trong nhóm thứ 2 cũng không thể nào làm thành chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 2 được; bởi do thế, cả 2 nhóm Sắc Đại Hiển này, mới không thể nào thành một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được. Cũng ví như có 2 người đồng sinh và đồng tử trong cùng một ngày với nhau, nhưng lại khác Mẹ; thế rồi sẽ không thể gọi 2 người này là anh em ruột thịt được như thế nào, thì Sắc Pháp cùng chung một Tổng Hợp Sắc Pháp cũng như thế ấy. Với nguyên nhân như đã được giải thích ở tại đây, mới trình bày cho thấy rằng Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp chỗ gọi là Đồng Hành sẽ không thể nào ít hơn 3 được.

32. Hỏi: Các Sắc Pháp khác làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp được, thế nhưng tại làm sao 1 Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng lại không được làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp ? Cho lời giải thích và dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

32. Đáp: Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp. Như đã có trình bày câu kệ nói rằng:

Kalāpanaṃ pariccheda Lakkhaṇattā vicakkhaṇā
Na kalāpaṅgaṃ iccāhu Ākāsaṃ lakkhaṇāni ca

Các bậc Hiền Trí đã không trình bày đến một Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, là thuộc Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp; cũng bởi vì cả 5 Sắc Pháp này chỉ là phần cách ly của Tổng Hợp Sắc Pháp, vả lại cũng chỉ là biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp thôi.

33. Hỏi: Cho trình bày 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực cùng với ý nghĩa nội dung và Chi Pháp.

33. Đáp: Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực cùng với ý nghĩa nội dung và Chi Pháp, có như vầy:

1. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp (Cakkhudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nhãn Thanh Triệt.

2. Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp (Sotadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhĩ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp (Ghānadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Tỷ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Tỷ Thanh Triệt.

4. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp (Jivhādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thiệt Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Thiệt Thanh Triệt.

5. Tổng Hợp Thân Thập Pháp (Kāyadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Thân Thanh Triệt.

6. Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp (Itthībhāvadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nữ Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nữ Giới Tính.

7. Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp (Purisabhāvadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nam Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Nam Giới Tính.

8. Tổng Hợp Vật Thập Pháp (Vatthudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Tâm Cơ làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, và 1 Sắc Tâm Cơ.

9. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp (Jīvitanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp với Sắc Mạng Quyền Lực làm chủ vị trưởng trội; là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Mạng Quyền Lực.

34. Hỏi: Trong từng mỗi một con người tối đa có được bao nhiêu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh ? Và cả 2 Tổng Hợp Nữ Giới Tính với Tổng Hợp Nam Giới Tính đây có cùng khởi sinh ở trong mỗi con người được hay không ? Cho lời giải thích và hãy phân tích cả 3 phần thân thể thể theo Tổng Hợp Sắc Nghiệp.

34. Đáp: Trong từng mỗi một con người, thì chỉ khởi sinh nhiều nhất có 8 Tổng Hợp Sắc Pháp, là cũng bởi vì cả hai Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp và Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp đây, sẽ không thể nào cùng câu sinh được cả hai với nhau trong từng mỗi con người. Nếu đã là Nữ Giới, thì phải loại trừ Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp ra; và nếu đã là Nam Giới, thì cũng phải loại trừ Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp ra, và cũng chính vì thế, mới chỉ còn lại 8 Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi; do vậy mới nói rằng "trong từng mỗi con người thì chỉ có nhiều nhất 8 Tổng Hợp Sắc Pháp là như vậy".

Phân tích cả 3 phần thân thể thể theo Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực:

1. Thượng Thân (Uparimakāya): Phần trên thân thể, tính kể từ cổ trở lên đến đầu; có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1.Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2. Tổng Hợp Thinh Thập Pháp, 3. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4.Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6.Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

2. Trung Thân (Majjhimakāya): Phần giữa thân thể, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn; có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1.Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3. Tổng Hợp Vật Thập Pháp, 4. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

3. Hạ Thân (Heṭṭhimakāya): Phần dưới thân thể, tính kể từ rốn trở xuống đến bàn chân có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh, đó là: 1. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

35. Hỏi: Cho trình bày theo tuần tự tên gọi của Bát Tổng Hợp Sắc Tâm và cho lời giải thích ở trong Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp và Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp.

35. Đáp: Bát Tổng Hợp Sắc Tâm, đó là:

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.

2. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.

3. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kāyaviññattinavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thân Biểu Tri.

4. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (Vacīviññattisaddadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngữ Biểu Tri và 1 Thinh.

5. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến thể.

6. Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutādidvādasaka kalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

7. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Kāyaviññattilahutā didvādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, và 3 Sắc Biến Thể.

8. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp (Vacīviññatti saddalahutāditerasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp; là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngữ Biểu Tri, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa): khởi sinh trong lúc có âm thanh hiện bày mà chẳng có quan hệ với việc nói năng nào cả; và khởi sinh trong những lúc tâm trí mệt mỏi, thối lui sụt giảm, hoặc bất kiên định. Tức là âm thanh phát sinh từ gió của hơi thở vô ra, tiếng ho, hắt hơi, ợ hơi, ngáp ngủ, hoặc tiếng mớ sảng mà chẳng hay biết. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là cùng một thể loại âm thanh với Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp, tuy nhiên âm thanh ấy trong sáng hơn, và tiếng mớ cũng biết rõ sự tình.

36. Hỏi: Kể từ cổ xuống đến rốn thì có được bao nhiêu Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh ? Là những chi ? Và cả Bát Tổng Hợp Sắc Tâm ấy là thuộc nhóm Sắc nào, có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

36. Đáp: Kể từ cổ xuống đến rốn có được 4 Tông Hợp Sắc Tâm khởi sinh, là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/.Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp. Trong cả Bát Tổng Hợp Sắc Tâm ấy, tức là Sắc Tâm, có số lượng 14, là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thể.

37. Hỏi: 13 Sắc Quý Tiết khi sắp bày thành Tổng Hợp Sắc Pháp thì có được số lượng bao nhiêu Tổng Hợp, là những chi ? Và hãy phân tích những thể loại Tổng Hợp Quý Tiết ấy thể theo việc sinh khởi nội phần và ngoại phần.

37. Đáp: 13 Sắc Quý Tiết khi sắp bày thành Tổng Hợp Sắc Pháp có được 4 Tổng Hợp, đó là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp. Trong cả Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đây, một khi khởi sinh thể theo nội bộ có được cả 4 Tổng Hợp. Còn thể theo ngoại bộ, là ở trong vật thể phi sinh mạng thì khởi sinh chỉ có được 2 Tổng Hợp, đó là: Tổng Hợp Bát Thuần Pháp và Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp thôi.

38. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt nhau giữa âm thanh ca hát và âm thanh nhạc cụ, và giữa Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp.

38. Đáp: Sự khác biệt nhau giữa âm thanh ca hát và âm thanh nhạc cụ, đó là: âm thanh ca hát là do nương theo Tâm khởi sinh, và âm thanh nhạc cụ là do nương theo Quý Tiết khởi sinh. Âm thanh ca hát thì có được 2 Tổng Hợp Sắc Tâm, ấy là: 1/. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp. Âm thanh nhạc cụ thì có được 1 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, ấy là Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp. Âm thanh ca hát thì nương sinh từ nơi vật thể hữu sinh mạng cũng được, tức là âm thanh của con người đang ca hát; nương sinh từ nơi vật thể phi sinh mạng cũng được, tức là âm thanh ca hát phát sinh từ nơi đĩa hát hoặc máy phát thanh radio. Còn âm thanh nhạc cụ thì duy nhất chỉ có nương sinh từ nơi vật thể phi sinh mạng.

Sự khác biệt nhau giữa Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp, đó là:

1. Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp thì duy nhất chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp thì khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng cũng được, và phi sinh mạng cũng được.

2. Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp không thể hiện bày một cách riêng biệt được, mà thường luôn cần phải nương vào Sắc Quý Tiết mới được hiện bày. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần pháp thì hiện bày một cách riêng biệt được, chẳng hạn như thân thể con người, loài hữu tình, cây cối, núi đồi, các lãnh địa, v.v.

39. Hỏi: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực ấy có được khởi sinh ở ngoại bộ Hữu Tình hay không ? Cho lời giải thích thể theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng.

39. Đáp: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, thì không có khởi sinh ở ngoại bộ Hữu Tình được, vì lẽ Tổng Hợp Sắc Vật Thực chỉ sẽ khởi sinh lên được, thiết yếu cần phải nương vào **Nghiệp Lực Bổ Phẩm (KammaOjā)** hiện hữu ở bên trong thân thể Hữu Tình làm thành người hiệp trợ đối với **Bổ Phẩm Ngoại Bộ (BahiddhaOjā).** Có nghĩa một thể loại Bổ Phẩm khác nữa hiện hữu ở trong các thể loại vật thực ấy; bởi do thế, Tổng Hợp Sắc Vật Thực hiện

hữu trong các thể loại vật thực một khi vẫn chưa có được thọ thực vào, thì chẳng phải là Tổng Hợp Sắc Vật Thực, mà đó chính là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cả thảy.

Các cây cối phát triển tươi tốt to lớn lên, đâm cành phát tán, trổ sinh hoa quả là do bởi nương vào đất, nước, và phân bón. Những thể loại này được hiểu biết với nhau rằng đất, nước và phân bón ấy đã làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh đối với cây cối rất nhiều. Quả thực là những thể loại đất, nước và phân bón đấy, đã không làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với cây cối bất luận một trường hợp nào cả, mà trái lại chỉ làm cho Tổng Hợp Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên thôi, vì lẽ cây cối chẳng thể nào thọ dụng loại thực phẩm của loài Hữu Tình được. Đất và nước, hoặc phân bón tưới cho cây cối đó, thường thấm đi vào trong thân cây theo con đường rễ cái và rễ con của cây và hiện hành theo lẽ thường nhiên. Nếu sẽ nói với nhau là cây cối đã thọ dụng vật thực, đã uống nước ăn phân bón, đó là cách gọi theo từ ngữ dân gian, và chẳng phải theo thực tính Siêu Lý; cũng tương tự cùng một phương thức mà chúng ta bảo với nhau rằng "chiếc xe này uống xăng nhiều, chiếc xe đó uống xăng ít", mà sự thực là chẳng có chiếc xe nào uống xăng vào được cả; và đó chỉ là dùng để gọi bảo với nhau theo **Ngôn Từ Giả Định (Vohārasammuti)** thôi.

40. Hỏi: Cho dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Aṭṭhavisati kāmesu Honti tevīsa rūpisu
Sattaraseva saññīnaṃ Arūpe natthi kiñci pi

40. Đáp: Dịch nghĩa: Trong 11 Cõi Dục Giới thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh. Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng) thì 23 Sắc Pháp (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân, 2 Sắc Bản Tính) thường được khởi sinh. Trong 1 Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thì 17 Sắc Pháp (loại trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Săc Thinh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được khởi sinh. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được cả.

41. Hỏi: Ngài nói rằng chỉ có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Khi là như vậy thì ở trong cái đầu của vị Phạm Thiên Sắc Giới cũng chỉ có Nhãn với Nhĩ thôi, và hoặc là không có Tỷ, Thiệt chẳng hạn như vậy. Vả lại sự việc vị Phạm Thiên Sắc Giới chỉ có Nhãn và Nhĩ khởi sinh lên được, là do bởi nguyên nhân nào ? Cho lời giải thích.

41. Đáp: Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng) là chỗ sinh trú của tất cả Chư Phạm Thiên, thì Tỷ, Thiệt, Thân và cả 2 Sắc Bản Tính thường không khởi sinh lên được; vì lẽ cả 5 Sắc Pháp này là các Sắc Pháp chỉ thuần nhất hỗ trợ trong Cảnh Dục Trần. Còn Chư Phạm Thiên ấy, là các Bậc đã được thọ sinh từ mãnh lực Thiền Định Sắc Giới, và đã đoạn tiệt mọi tham muốn Dục Trần; bởi do thế, cả 5 Sắc Pháp này mới không có được khởi sinh lên đối với nhóm Chư Phạm Thiên. Đối với Nhãn và Nhĩ có được khởi sinh lên với Chư Phạm Thiên, là cũng vì cả 2 Sắc Pháp này chẳng có bất luận điều chi tác hại cả, vả lại thường có nhiều Ân Đức hữu ích nữa. Có nghĩa là Nhãn có Ân Đức hữu ích trong sự

việc sẽ được trông thấy đến các Bậc có Ân Đức Chí Thượng như Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. được gọi là **Ân Đức Kiến Thị Tối Thượng (Dassanānuttariyaguṇa** – là được trông thấy sự việc vi diệu thù thắng), và Nhĩ thì có Ân Đức hữu ích trong sự việc sẽ được lắng nghe Giáo Pháp Thù Thắng, được gọi là **Ân Đức Thính Văn Tối Thượng (Savanānuttariyaguṇa** – là được lắng nghe sự việc vi diệu thù thắng). Vì lý do này, cả 2 Sắc Pháp là Nhãn và Nhĩ đây mới được khởi sinh lên đối với các Chư Phạm Thiên.

42. Hỏi: Sắc Pháp sinh trú trong Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng có được bao nhiêu thể loại, và Sắc Pháp sinh trú trong thân thể Nhân Loại có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực khi tính một cách tròn đủ thì có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và cho trình bày một cách tròn đủ Sắc Pháp sinh trú ở trong Cõi Dục Giới.

42. Đáp: Sắc Pháp sinh trú trong Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng có 2 thể loại, là Sắc Nghiệp Lực và Sắc Quý Tiết. Sắc Pháp sinh trú trong thân thể từng mỗi Nhân Loại có đủ cả 4 thể loại, là Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực.

Khi tính một cách tròn đủ thì Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực có số lượng 86, là: 18 Sắc Nghiệp Lực có 17 Sắc Thành Sở Tác. Trong từng mỗi Sắc Pháp của 17 Sắc Thành Sở Tác đây có được phối hợp với 4 Sắc Thực Tướng. Bởi do thế, Sắc Thực Tướng mới có 68, và 68 Sắc Thực Tướng kết hợp với 18 Sắc Nghiệp Lực mới làm thành Sắc Nghiệp Lực tròn đủ 86.

Sắc Pháp sinh trú một cách tròn đủ ở trong Cõi Dục Giới có số lượng 230, tức là 86 Sắc Nghiệp Lực, 51 Sắc Tâm Thức, 49 Sắc Quý Tiết và 44 Sắc Vật Thực.

43. Hỏi: Cho dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Saddo vikāro jaratā Maraṇaña copapattiyaṃ
Na labbhanti pavatte tu Na kiñci pi na labbhati

43. Đáp: Dịch nghĩa: Kết hợp cả 8 Sắc Pháp đây: 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mại, và 1 Sắc Vô Thường, thì không có được khởi sinh trong Thời Tái Sinh, là sát na Sinh của Tâm Tái Sinh. Còn trong Thời Chuyển Khởi, thì bất luận Sắc Pháp nào cho dù sẽ không được khởi sinh, hoặc không có hiện hữu đi nữa cũng thường được khởi sinh lên hết cả.

44. Hỏi: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Sinh, gồm thể loại Sắc Pháp nào, có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và cho phân tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh ở trong sát na Tái Sinh của Thấp Sinh Sản Địa, Thai Sinh Sản Địa, và Hóa Sinh Sản Địa trong Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng)

44. Đáp: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Sinh, là Sắc Nghiệp Lực, có số lượng 18, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt, 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền Lực, 1 Sắc Hạn Giới, tùy thuộc theo tình cảnh thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới. Và có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khởi sinh trong sát na Tái Sinh của Thấp Sinh Sản Địa, đó là: 1. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2. Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, 3. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7. Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Trong sát na Tái Sinh của Thai Sinh Sản Địa có được 3

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, đó là: 1. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3. Tổng Hợp Vật Thập Pháp.

45. Hỏi: Khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực gồm có Người thuộc Thấp Sinh Sản Địa và Thai Sinh Sản Địa, có nghĩa là thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực nào ? Và cho trình bày thời gian mà Tổng Hợp Nhãn, Nhĩ, Tỷ Thiệt, và Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp khởi sinh đối với thân thể của Ngài.

45. Đáp: Khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đối với Người thuộc Thấp Sinh Sản Địa và Thai Sinh Sản Địa, đó chính là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp. Trình bày về thời gian cả bốn Tổng Hợp Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt đây khởi sinh ở trong thân thể của Tôi (thuộc Thai Sinh) là ở trong tuần lễ thứ 11, tức là khoảng giữa 70 đến 77 ngày. Tuy nhiên việc khởi sinh của cả 4 Tổng Hợp này là bất hạn định, rằng Tổng Hợp nào sinh trước và Tổng Hợp nào sinh sau; vì lẽ Đức Phật đã lập ý khải thuyết tuần tự của cả Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực ấy, chẳng phải lập ý khải thuyết theo **Phần Phát Sinh (Upapattikamanaya)**, là việc trình bày theo **Phần Thuyết Giáo (Desanākamanaya)** tương tự với việc trình bày về Ngũ Uẩn và Tứ **Đế (Sacca)** như Bộ **Chú Giải Ngữ Tông (Kathāvatthu Atthakathā)** đã có trình bày rằng: **Sesāni cattāri sattasattati rattimhi jāyanti** - 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực còn lại gồm Thân, Tính, Vật và Mạng Quyền thường khởi sinh ở trong thời 77 ngày, tức là 11 tuần lễ. Còn Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp thì khởi sinh ở trong tuần lễ đầu tiên sau khi Tâm Tái Sinh trở đi, tức là ở trong khoảng thời gian 7 ngày.

46. Hỏi: Có được bao nhiêu nhóm Hữu Tình sinh khởi to lớn lên tức thì, là những chi ? Và cho trình bày sự phát triển một cách tuần tự từ nơi thân thể của Ngài, tính kể từ sát na Tái Sinh trở đi cho đến có được tròn đủ các bộ phận.

46. Đáp: Có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sinh Sản Địa sinh khởi to lớn lên tức thì, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới. Trình tự quá trình hình thành thân thể của Tôi (nhóm Thai Sinh Hữu Tình) ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là **Thai Nội Ngũ Vị** (năm thời kỳ ở trong thai bào), như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Sinh, thì **Sắc Chủng Tử (Kalalarūpa)** khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là Yết La Lam Vị, Tạp Uế, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi Sắc Chủng Tử, thì **Sắc Phôi Điểm (Abbuda rūpa)** khởi sinh, và có trạng thái tương tự như tròng trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là An Bộ Đàm Vị, Bào, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi Sắc Phôi Điểm, thì **Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)** khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là Bế Thi Vị, Huyết Nhục, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi Sắc Phôi Thai, thì **Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)** khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà. (Còn gọi là Kiện Nam Vị, Nhục Đoàn, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khối thì nối tiếp theo đó, là **Ngũ Chi (Pañcasākhā)** khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi **(Tato paraṃ)** ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v. cũng đã hiện bày. (Còn gọi là Bát La Xa Khư Vị, Hình Vị Ngũ Chi, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

47. Hỏi: Cho trình bày việc sinh khởi lần đầu tiên và lần cuối cùng của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực.

47. Đáp: Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Sinh, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Sắc Tâm khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bậc Vô Sinh khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử trở đi. Sắc Quý Tiết này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, vả lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn tiệt diệt. Sắc Vật Thực khởi sinh kể từ Bổ Phẩm lan tỏa thấm nhập khắp cả (trong tuần lễ thứ 2 - 3) và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Diệt của Tâm Tử.

48. Hỏi: Cả 4 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực sẽ sinh trú và sẽ diệt mất ở trong thân thể của Ngài vào thời gian nào ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần. Và tất cả các Ngài Chú Giải và Phụ Chú Giải đã nói rằng ở trong Cõi Nhân Loại khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 7 ngày, và ở trong Cõi Thiên Giới khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 1 hoặc 2 tháng; thế nhưng **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng phải thọ thực chi mà cũng vẫn có thể được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng ! Vậy muốn biết được rằng hạng Nhân Loại nào chẳng nương nhờ vào cái chi mà vẫn được sinh tồn ?

48. Đáp: Sắc Nghiệp Lực diệt mất vào sát na Diệt của Tâm Tử. Sắc Tâm Thức của hạng Phàm Phu hoặc 3 Bậc Thánh Hữu Học một khi đã mệnh chung thì Sắc Tâm Thức chỉ sẽ tồn tại bằng với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Sắc Quý Tiết thì sẽ diệt mất khi thế gian bị hoại diệt. Sắc Vật Thực một khi đã tử vong rồi thì vẫn còn tồn tại chỉ bằng với 17 cái Tâm nhưng

không tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu thì mới sẽ diệt mất. Theo **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng cần thọ dụng vật thực mà cũng vẫn được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng, đó chính là thai nhi ở trong thai bào người Mẹ do bởi nương vào vật thực của người Mẹ đã thọ thực vào.

49. Hỏi: Cho lời giải thích phần **Pāḷi** ở cả 2 điều như tiếp theo đây:

1. Maraṇakāle pana cuticittopari sattarasama cittassa ṭhiti kālaṃ upādāya kammajarūpāni na uppajjanti. Puretaraṃ uppannāni ca kammaja rūpāni cuticitta samakālaṃ eva pavattitvā nirujjhanti.

2. Tato paraṃ cittajāhārajarūpañ ca vocchijjhati.

49. Đáp: Dịch nghĩa phần **Pāḷi** ở cả 2 điều thứ 1 và thứ 2:

1. Còn ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp Lực mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Và Sắc Nghiệp Lực khởi sinh vào sát na Trụ của cái Tâm thứ 17 đây, thường được tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy.

2. Nối tiếp theo sau từ Sắc Nghiệp Lực đã diệt mất, thì Sắc Tâm Thức và Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

Giải thích: **1.** Trong phần **Pāḷi** điều thứ 1, kể từ **Maraṇakāle pana** v.v. cho đến **nirujjhanti** được giải thích rằng Sắc Nghiệp Lực khi bắt đầu khởi sinh kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Sinh, rồi thì cũng sinh nối tiếp với nhau liên tục không gián đoạn trong từng mỗi sát na Tâm suốt trọn thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn có sinh mạng, và suốt cho đến Hữu Tình ấy tử vong. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp Lực đây mới đồng diệt với Tâm Tử. Trong sự việc Sắc Nghiệp Lực sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 đấy, cũng vì lẽ thường nhiên của từng mỗi một Sắc Pháp có tuổi thọ bằng với 17 sát na Tâm rồi cũng diệt mất, và Tâm Tử với Sắc Nghiệp Lực sẽ phải đồng cùng diệt với nhau, mới sẽ gọi là Hữu Tình ấy mệnh chung. Không có sự việc Tâm Tử khởi sinh rồi diệt trước Sắc Nghiệp Lực được. Nếu Sắc Nghiệp Lực vẫn chưa có diệt mất, thì Tâm Tử thường cũng không khởi sinh. Sự việc này hiện hành theo thực tính, và không có bất luận một sự vật nào chỉ huy cai quản cả. Với lý do này, việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Nghiệp Lực mới cần phải sinh vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

2. Trong phần **Pāḷi** điều thứ 2, chỗ nói rằng **Tato paraṃ** cho đến **vocchijjati** đấy, được giải thích rằng ngoại trừ Tâm Tử Bậc Vô Sinh, thì Tâm Tử của tất cả hạng Phàm Phu và các Bậc Hữu Học thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bậc Vô Sinh thì Sắc Tâm sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Điều này trình bày cho được thấy rằng cho dù Tâm Tử đã diệt đi rồi, tức là

người ấy đã chết đi nữa, thế nhưng Sắc Tâm cũng vẫn còn tồn tại và tiếp nối thêm được một chút ít nữa; có nghĩa là đối với hạng Phàm Phu hoặc Bậc Hữu Học một khi đã mạng vong rồi, thì Sắc Tâm cũng vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Còn Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn, thì Sắc Tâm vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 15 cái Tâm rồi mới diệt mất hẳn. **Rằng khi đã nói đến như vậy, chỉ là việc nói theo thực tính hiện hành của Lộ Trình Danh Pháp và Lộ Trình Sắc Pháp thôi. Còn nếu theo thành ngữ dân gian, thì sẽ nói được rằng khi đã chết đi rồi thì Sắc Tâm cũng đồng diệt với nhau. Tất cả sự việc này, là cũng bởi thời gian bằng với 15 cái hoặc 16 cái Tâm đây, thì cũng vẫn chưa bằng với 1/100 của một giây vậy.** Đối với Sắc Vật Thực đã có được nói đến rằng "khởi sinh trong từng mỗi sát na Tâm" đấy; là khi đến sát na Diệt của Tâm Tử thì Sắc Vật Thực cũng vẫn còn được khởi sinh lần cuối cùng. Và khi Tâm Tử đã diệt đi rồi, lập ý đến người ấy đã tử vong thuộc về Người Dục Giới, thì Sắc Vật Thực khởi sinh lần cuối cùng, và vẫn còn được tồn tại tương đương với cái 17 Tâm nữa, tuy nhiên không được tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu mà thôi. Còn tất cả Chư Phạm Thiên thì không có Sắc Vật Thực sinh trú, bởi do thế mới không cần phải đề cập đến.

50. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây, và ở trong tất cả 31 Cõi Giới sẽ hiện hành theo kệ ngôn này có được hay không ? Cho lời giải thích.

Iccevaṃ matasattānaṃ Punadeva bhavantare

Paṭisandhimupādāya Tathā rūpaṃ pavattati

50. Đáp: Dịch nghĩa: Trong đặc tính bẩm sinh của tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi ở trong thế gian này, thì cả Tứ Sắc Pháp lại thường khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống mới kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Sinh. Như đã được giảng giải rồi vậy. Và ở trong tất cả 31 Cõi Giới thì sẽ không có hiện hành theo kệ ngôn này được, vì lẽ ở trong tất cả 31 Cõi Giới ấy có một vài Cõi Giới không có tròn đủ cả Tứ Sắc Pháp khởi sinh. Nếu Hữu Tình thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới thì Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thường được khởi sinh một cách tròn đủ. Nếu như thọ sinh ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng) thì Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh. Nếu như thọ sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thì Sắc Nghiệp Lực và Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh. Và cả Tứ Sắc Pháp ấy không có khởi sinh nếu như đã thọ sinh ở trong Tứ Cõi Vô Sắc Giới. Vì thế, ở trong 31 Cõi Giới mới hiện hành thể theo kệ ngôn này, là cũng tùy theo trường hợp tương ứng đối với Cõi Giới thôi.

Kết Thúc Phần Vấn - Đáp Ở Trong Sắc Pháp Siêu Lý

----------00000----------

NIBBĀNAPARAMATTHA - NÍP BÀN SIÊU LÝ

Nibbānaṃ pana lokuttarasaṅkhātaṃ catumaggañāṇena sacchikātabbaṃ maggaphalānaṃ ālambanabhūtaṃ vānasaṅkātāya taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati.

Tadetaṃ sabhāvato ekavidhampi saupādisesanibbānadhātu anipādisesa nibbānadhātu cāti duvidhaṃ hoti kāraṇapariyāyena. Tathā suññataṃ animittaṃ appaṇihitaṃ cāti tividhaṃ hoti ākārabhedena.

Padamuccutamaccataṃ asaṅkhātamanuttaraṃ nibbānaṃ iti bhāsanti vānamuttā mahesayo. Iti cittaṃ cetasikaṃ rūpaṃ nibbānaṃ iccapi paramatthaṃ pakāsenti catudhā va tathāgatā. Iti Abhidhammatthasaṅgahe rūpasaṅgahavibhāgo nāma Chaṭṭho Paricchedo.

Níp Bàn được gọi là Siêu Thế, và phải được chứng tri bằng với Trí Tuệ của Tứ Đạo; trở thành một đối tượng của Đạo và Quả, vả lại đã được gọi là Níp Bàn vì đó là một sự giải thoát khỏi rừng Ái Dục.

Níp Bàn theo tự tánh thì chỉ có một thể loại. Theo phương thức tự chứng tri thực tính khi còn sinh mạng và không còn sinh mạng, thì có được hai thể loại: Hữu Dư Y Níp Bàn Giới và Vô Dư Y Níp Bàn Giới. Theo hành tướng thì có được Không Hư, Vô Tướng, Vô Nguyện.

Với các Bậc Đại Ẩn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Như vậy, các Đức Như Lai đã nêu rõ Tứ Pháp Siêu Lý, đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn. Ở trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đây là Chương Thứ Sáu với tên gọi là Tổng Hợp Phân Tích Sắc Pháp Siêu Lý.

----------00000----------

PHẦN GIẢI THÍCH

Padamuccutamaccataṃ Asaṅkhātamanuttaraṃ
Nibbānaṃ iti bhāsanti Vānamuttā mahesayo

Với các Bậc Đại Ẩn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác - các Ngài hằng luôn tầm cầu Ân Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thúc phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là **Níp Bàn (Nibbāna).**

Giải thích ở trong kệ ngôn này nói rằng Giáo Thọ Sư **Anuruddhācariya** đã miêu tả Ân Đức của Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ? Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ân Đức của Níp Bàn ở trong kệ ngôn này, đó là: **Padaṃ, Accutaṃ, Accantaṃ, Asaṅkhataṃ,** và **Anuttaraṃ**. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính

của Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ các Bậc Chánh Đẳng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên là **Níp Bàn.**

+ Từ ngữ **Padaṃ** dịch nghĩa **"một phần"** có nghĩa "một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, bất hữu quan với Pháp Hữu Vi" tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ **Accutaṃ** dịch nghĩa **"Pháp Bất Tử"** có nghĩa "bất sinh, bất tử" vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ **Accantaṃ** dịch nghĩa "Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai" tức là Níp Bàn. Có nghĩa Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là **Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha),** và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là **Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha).** Cho dù quả thật đã không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở ngay Thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở Thời Quá Khứ và luôn cả Thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở Thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng "Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hệt như nhau." Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong Thời Hiện Tại. Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại đây, đó chính là Vị Lai Uẩn của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là Quá Khứ Uẩn của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm **Hiện Tại Uẩn (Paccuppannakhandha).** Vả lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là **Ngoại Thời (Kālavimutta),** và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là **Ngoại Uẩn (Khandha vimutta).**

+ Từ ngữ **Asaṅkhataṃ** dịch nghĩa "Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên" tức là Níp Bàn. Có nghĩa Níp Bàn đây, chẳng phải là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên là cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Vả lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo. Khi nói theo thực tính phổ thông, thì từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, thì đặc biệt chỉ trình bày về **Pháp Siêu Lý (Paramaṭṭhadhamma)** là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn thôi.

+ Từ ngữ **Anuttaraṃ** dịch nghĩa **"Pháp Tối Thượng"** tức là Níp Bàn. Có nghĩa các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được. Rằng khi nói theo phần kết hợp lại, thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập để ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

TRÌNH BÀY CÂU CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH TRONG TỪ NGỮ NÍP BÀN

Từ ngữ **Nibbāna** khi chiết tự ra có được 2 từ ngữ, là **Ni + Vāna. Ni** dịch là "giải thoát, vượt thoát khỏi". **Vāna** dịch nghĩa "Pháp làm thành vật kết nối thúc phược" lập ý đến **Ái Dục (Taṇhā).** Khi kết hợp 2 từ ngữ vào nhau thành **Nivāna**, dịch nghĩa "Pháp vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược" lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ – Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Vāna** (sự ham muốn) tức là Ái Dục.

Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ - Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tiệt diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Níp Bàn.**

Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ - Khổ Luân Hồi và tất cả mọi sự thống khổ khác thường không có ở trong Níp Bàn (hoặc) Tất cả các Bậc Thánh Nhân khi chứng đạt đến Pháp Uẩn Níp Bàn, là bất sinh bất tử; bởi do thế Pháp chủng hủy diệt sự Sinh Tử cho tiệt diệt, được gọi tên **Níp Bàn.**

Lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong thế gian này, thì sự Sinh và sự Tử trong từng mỗi con người đã trải qua quả là nhiều vô số lượng không thể nào tính đếm được rằng đã từng sinh và đã từng tử bao nhiêu lần rồi, và tiếp nối về sau thì sự Sinh và sự Tử cũng liên tục nối tiếp để sẽ còn đi mãi, bất hạn định được rằng sẽ chấm dứt vào lúc nào. Khi đã là như vậy cũng do bởi nương vào Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyến muội tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tìnhở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên là **Vāna** (rừng rậm, sự ham muốn).

Còn đối với Níp Bàn là Pháp chủng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên **Ly Ái Dục (Nivāna).** Từ ngữ **Vāna** là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ **Ni** phối hợp ở phía trước lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với Bậc có được danh xưng là **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava).** Khi chiết tự từ ngữ **Khīṇāsava** có được 2 từ ngữ, là **Khīṇa + Āsava, Khīṇa:** chấm dứt, diệt tận; **Āsava:** Pháp Lậu Hoặc (thấm rỉ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lậu Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ **Khīṇa** bổ túc ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bậc Vô Sinh có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. như vầy.

TRÌNH BÀY PHÂN LOẠI NÍP BÀN

Phân Loại Níp Bàn:
- Có 1: **Trạng Thái An Tịnh (Santilakkhaṇa)**
- Có 2:
  - **Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)**
  - **Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)**
- Có 3:
  - **Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)**
  - **Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)**
  - **Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)**

NÍP BÀN CÓ 1

Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là **Trạng Thái An Tịnh (Santilakkhaṇa),** là lập ý đến tĩnh trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn. Chỗ nói rằng khi theo bản lai tự tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, chẳng giống như có cùng một thực thể vật chất nhưng lại có rất nhiều chủ nhân; bởi do thế sẽ không thể nào cùng sử dụng chung với nhau được, mà sẽ phải thay phiên nhau để từng mỗi người có được sử dụng. Còn Níp Bàn đây thì chẳng phải như vậy. Tất cả các Bậc Vô Sinh một khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thường cùng nhau đều chứng đạt đến trạng thái an tĩnh hết cả thảy; trình bày cho thấy rằng Níp Bàn với thực tính **Tịnh Lạc (Santisukha)** quả là đếm không kể xiết, và tùy thuộc theo số lượng các Bậc Vô Sinh viên tịch Níp Bàn.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Nirvāna (S)** hoặc **Nibbāna (P)** bao gồm **Ni + Vāna**, chuyển thành **Nibbāna.** Từ ngữ **Ni** hàm xúc ý "Không", **Vāna** có nghĩa là "Dệt Lưới" hoặc "Ái Dục". Chính Ái Dục này tác hành như sợi dây thúc phược kết nối dính liền một loạt biết bao kiếp sống của một Hữu Tình ở trong vòng Luân Hồi Sinh Tử. Ngày nào còn bị thúc phược ở trong mạng lưới Ái Dục hoặc luyến ái, thì Hữu Tình còn tích trữ Nghiệp Lực mới, và những năng lực này phải cụ thể hóa dưới một hình thức nào ở trong vòng quanh với biết bao kiếp Sinh Tử - Tử Sinh vô cùng tận. Một khi tất cả mọi hình thức Ái Dục đều đã bị tận diệt, thế là Nghiệp Lực chấm dứt, và nói theo ngôn ngữ chế định thông thường thì Hữu Tình ấy chứng ngộ Níp Bàn, và đã vượt thoát ra khỏi vòng quanh của bao kiếp Sinh và Tử. Theo quan niệm Phật Giáo, Giải Thoát là vượt thoát ra khỏi vòng quanh Sinh và Tử mãi mãi trở đi trở lại, luân chuyển hồi quy, và chính đó không phải chỉ là việc thoát ra khỏi **"Tội Khổ và Địa Ngục."**

Từ ngữ **Nibbāna (Níp Bàn)** xuất nguyên từ **Ni (không)** + ngữ căn **Vu (dệt)**, có nghĩa là "Không có Ái Dục, hoặc không có luyến ái; hoặc tách rời, lìa bỏ Ái Dục." Một cách chính xác, Níp Bàn là Pháp đã được chứng ngộ do bởi tận diệt mọi hình thức Ái Dục. Một trường hợp khác nữa, từ ngữ **Nibbāna** được xuất nguyên từ **Ni (không)** + ngữ căn **Vā (thổi);** ở trong trường hợp này, thì Níp Bàn có nghĩa là "thổi tắt, dập tắt, hoặc tận diệt những ngọn lửa Tham, Sân, Si." Nên hiểu được rằng Níp Bàn không phải chỉ suông là tận diệt Tham Dục **(Khaya mattaṃ eva na nibbānanti vattabbaṃ)**. Tận diệt Tham Dục chỉ là phương tiện để chứng ngộ Níp Bàn, tự nó không phải là cứu cánh. Níp Bàn là nguyên lý cùng tột (**Vatthudhamma**

– **Tông Chỉ Pháp)** thuộc về **Siêu Thế (Lokuttara)** tức là vượt ra khỏi thế gian Danh Sắc hoặc Ngũ Uẩn. Níp Bàn được chứng ngộ nhờ vào trực giác **(Hiện Kiến – Paccakha)** hoặc **Thông Đạt Trí (Pativedhañāṇa)** và **Tỷ Lượng (Anumāna)** hoặc **Tùy Giác Trí (Anubodha ñāṇa).** Để diễn đạt cả hai ý niệm này, Níp Bàn được xem là cần phải chứng ngộ bằng với Trí Tuệ của Tứ Thánh Đạo và trở thành đối tượng của các tầng Đạo Quả. Về tự tánh **Thực Tính (Sabhavāto),** Níp Bàn là **An Tịnh (Santi),** và như vậy chỉ có **duy nhất một (Kevala).** Tùy theo sự chứng nghiệm - trước và sau khi viên tịch, thì Níp Bàn có hai thể loại. Trong chính văn **Pāḷi** có sử dụng từ ngữ **Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)** được các Bộ Chú Giải **Pāḷi** ở Đảo Quốc Tích Lan giải thích là nguyên nhân có được gọi như vậy vì có Hữu Dư Y và Vô Dư Y.]

NÍP BÀN CÓ 2

Rằng khi **Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)** Níp Bàn có được 2 thể loại, là:

1. Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)

2. Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)

1. Hữu Dư Y Níp Bàn có nghĩa Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót Phiền Não; tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

(1) Kammakilesehi upādīyatīti = Upādi (vā) Ārammaṇakaraṇavasena taṇhā diṭṭhihi upādīyatīti = Upādi - Những thể loại Nghiệp Lực và Phiền Não đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực rằng là của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực đây, được gọi tên **Upādi (cung cấp cho sự sống).** Một trường hợp khác nữa, những thể loại Ái Dục và Tà Kiến đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực, được gọi tên **Upādi.**

(2) Sissati avasissatīti = Seso, Upādi ca seso cāti = Upādiseso - Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực, gọi tên **Sesa** vì lẽ vẫn đang còn dư sót Phiền Não. Ngũ Uẩn là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực đây, vừa gọi tên **Upādi** vừa gọi tên **Sesa;** vì lẽ bị Nghiệp Lực và Phiền Não bám chặt lấy rằng là của Ta, hoặc bị Ái Dục và Tà Kiến bám chặt lấy thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh, và là Pháp vẫn đang còn dư sót của Phiền Não; bởi do thế Ngũ Uẩn là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực đây, gọi tên **Upādisesa (Dư Y:** còn dư sót chút ít sự cung cấp cho đời sống, còn phụ thuộc đến sự sống). Có nghĩa là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực luân chuyển quanh quẩn ở trong vòng Luân Hồi thường sinh khởi hữu quan với Phiền Não, chỉ đến khi Đạo Vô Sinh thì mới đoạn tận hết tất cả Phiền Não chẳng còn dư sót; tuy nhiên Quả Dị Thục và Sắc Pháp đã là thành quả của những thể loại Phiền Não ấy cũng vẫn đang còn dư sót; bởi do thế đích thị chính những Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực này mới được gọi tên **Dư Y (Upādisesa).** Rằng khi tính theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện,** thì đó chính là thân thể Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

(3) Saha upādisesena yā vattatīti = Saupādisesā - Níp Bàn nào thường câu sinh với Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót tất cả các Phiền Não, bởi do thế Níp Bàn ấy

được gọi tên **Hữu Dư Y (Saupādisesa)** tức là Níp Bàn của tất cả các Bậc Vô Sinh đã được chứng tri đến. Trong điều nói rằng "Níp Bàn câu sinh với Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực" ấy, thì chẳng giống với Tâm câu sinh với Tâm Sở; tức là lập ý lấy Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót ấy làm thành tác nhân cho được chứng tri đến Níp Bàn.

2. Vô Dư Y Níp Bàn có nghĩa Níp Bàn không có còn dư sót Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực, tức là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Natthi upādiseso yassāti = Anupādiseso** - Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực không có còn dư sót đối với Níp Bàn nào, bởi do thế Níp Bàn ấy được gọi tên **Vô Dư Y (Anupādisesa).** Trong sự việc nói rằng "Rằng khi tính theo phân định từ nơi Tác Nhân thì Níp Bàn có được hai thể loại ấy" có nghĩa là Quả Dị Thục với Sắc Nghiệp Lực đang vẫn còn dư sót và không còn dư sót; cả hai thể loại này làm thành Tác Nhân cho được chứng tri thực tính của Níp Bàn. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý khải thuyết rằng Níp Bàn có hai là thể theo Tác Nhân như đã vừa đề cập; tuy nhiên cũng là việc trình bày theo **phần gián tiếp thứ lớp (Parināyanaya),** chẳng phải theo phần thẳng thắn trực tiếp một lần một. Lại nữa, Hữu Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là **Kim Thế Níp Bàn (Diṭṭhadham manibbāna)** vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn. Vô Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là **Lai Sinh Níp Bàn (Samparāyikanibbāna)** vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì mới chứng tri được Níp Bàn. Việc trình bày cả hai thể loại Níp Bàn một khi được gọi là Hữu Dư Y Níp Bàn và Vô Dư Y Níp Bàn đây, là việc trình bày theo Phần Tạng Vô Tỷ Pháp. Còn việc trình bày theo Phần Kinh Tạng thì đã có trình bày để ở trong phần Vấn Đáp thuộc Giáo Khoa Thư Lớp Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Saupādisesa (Hữu Dư Y),** bao gồm **Sa** "với", **Upādi** "Uẩn" (Danh và Sắc, Thân và Tâm). **Sesa** "còn dư sót lại", **Upādi**: **Upa** + **Ā** + với ngữ căn **Da** "lấy", có nghĩa "Ái Dục và Tà Kiến thúc phược lấy Ngũ Uẩn." **Upādi** cũng có nghĩa **Tham Dục (Matta)** hoặc **Phiền Não (Kilesa).** Theo Chánh Tạng **Pāḷi** và các Bộ Chú Giải, thì Níp Bàn mà các Bậc Thất Lai, Nhất Lai và Bất Lai chứng tri thuộc thể loại Hữu Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài vẫn còn hữu sinh mạng và còn dư sót Phiền Não. Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh cũng vẫn là Hữu Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài vẫn còn hiện hữu xác thân. Chỉ sau khi các Bậc Vô Sinh viên tịch thì mới được gọi là Vô Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài đã tiệt diệt Ngũ Uẩn và đã tận diệt mọi hình thức ô nhiễm Phiền Não].

NÍP BÀN CÓ 3

1. Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)

2. Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)

3. Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa sự hiện hữu Níp Bàn ấy tiệt diệt trống không Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi Không Hư Níp Bàn.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Suññata (Không Hư)** được gọi như vậy "vì không còn Tham Ái, Sân Hận và Si Mê; hoặc không còn tất cả Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các

sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi". Từ ngữ **Suññata (Không Hư)** không có nghĩa rằng Níp Bàn là "Hư Vô" không có chi cả].

2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa sự hiện hữu Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điềm tướng trẫm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả. Lẽ thường Sắc Uẩn thường có Tổng Hợp Sắc Pháp đang cùng câu sinh với nhau, và do đó hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc mới hiện khởi lên được. Còn Tứ Danh Uẩn cho dù quả thật không có hiện khởi hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc như là Sắc Uẩn đi nữa, tuy nhiên sự sinh khởi nối tiếp nhau của cả Tứ Danh Uẩn đây, thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí **(Paracittavijānanaabhiññālābhīpuggala)** thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điềm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu Níp Bàn thì không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới được gọi Vô Tướng Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Animitta (Vô Tướng)** có nghĩa "không còn các thực tính của Tham, Sân, Si v.v. hoặc không còn các biểu tượng của tất cả các Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi"].

3. Vô Nguyện Níp Bàn có nghĩa sự hiện hữu Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn ấy. Giải thích rằng tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc là Danh Pháp đi nữa, cũng cần phải có **Thực Tính Sở Nguyện (Sabhāvapaṇihita),** tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này. Cho dù ngay cả những Tâm Siêu Thế và Tâm Sở đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa; tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi **Pháp Thành Sở Nguyện (Paṇihitadhamma),** là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Về phần Níp Bàn, thì chẳng có sinh trú ở trong nội bộ Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại bộ, bởi do thế mới được gọi **Vô Nguyện Níp Bàn.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Appaṇihita (Vô Nguyện)** có nghĩa "Không có sự khát khao ham muốn, tham vọng v.v. hoặc do bởi không còn bám níu thúc phược vào những cảm thọ của Ái Dục"].

SỰ SỞ NGUYỆN NÍP BÀN ĐƯỢC SẮP THÀNH LY HỮU ÁI (VIBHĀVATAṆHĀ)

Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế, thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm mà chẳng quan hệ chi với thế gian này, vả lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thể loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !)

Bởi do thế, sự sở nguyện Níp Bàn hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

Kết Thúc Phần Níp Bàn Siêu Lý

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP VỀ NÍP BÀN SIÊU LÝ
(TẬP III - CHƯƠNG THỨ SÁU – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP)

1. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn, được gọi tên là Nìp Bàn ? Là thuộc nhóm Pháp nào ? Chứng đạt giác ngộ bằng với Trí Tuệ nào ? Làm thành Cảnh trực tiếp của nhóm Pháp nào ? Cho lời giải thích dẫn chứng nền tảng và phối hợp luôn cả lời dịch nghĩa.

1. Đáp: Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn được gọi tên Níp Bàn, vì lẽ đã vượt thoát khỏi Ái Dục; là Pháp Siêu Thế; chứng đạt giác ngộ chứng ngộ bằng với Trí Tuệ hiện hữu ở trong cả 4 Tâm Đạo; làm thành Cảnh trực tiếp của 8 Tâm Siêu Thế 36 Tâm Sở. Như **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày để ở trong Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp nói rằng: **Nibbānaṃ pana lokuttarasaṅkhātaṃ catumaggañāṇena sacchikā tabbaṃ maggaphalānaṃ ālambanabhūtaṃ vānasaṅkātāya taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati** – Níp Bàn được gọi là Siêu Thế, và phải được chứng tri bằng với Trí Tuệ của Tứ Đạo; trở thành một đối tượng của Đạo và Quả, vả lại đã được gọi Níp Bàn vì đó là một sự giải thoát khỏi rừng Ái Dục.

2. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây, luôn cả với lời giải thích theo từng mỗi phần.

Padamuccutamaccataṃ Asaṅkhātamanuttaraṃ
Nibbānaṃ iti bhāsanti Vānamuttā mahesayo

2. Đáp: Với các bậc Đại Ẩn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác - các Ngài hằng luôn tầm cầu Ân Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thúc phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là **Níp Bàn (Nibbāna).** Giải thích trong kệ ngôn này nói rằng **Giáo Thọ Sư Anuruddhā cariya** đã miêu tả Ân Đức Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ?

Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ân Đức Níp Bàn trong kệ ngôn này, đó là: **Padaṃ, Accutaṃ, Accantaṃ, Asaṅkhataṃ,** và **Anuttaraṃ**. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ của các Bậc Chánh Đẳng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên Níp Bàn.

+ Từ ngữ **Padaṃ** dịch nghĩa "một phần" có nghĩa là "một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, bất hữu quan với Pháp Hữu Vi" tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ **Accutaṃ** dịch nghĩa "Pháp Bất Tử" có nghĩa là "bất sinh, bất tử" vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ **Accantaṃ** dịch nghĩa "Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai" tức là Níp Bàn. Có nghĩa Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là **Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha),** và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là **Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha).** Cho dù quả thật đã không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ngay Thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở Thời Quá Khứ và luôn cả Thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở Thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng "Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hệt như nhau." Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong Thời Hiện Tại. Ngũ Uẩn ở Thời Hiện Tại đây, đó chính là Vị Lai Uẩn của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là Quá Khứ Uẩn của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm **Hiện Tại Uẩn (Paccuppannakhandha).** Vả lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là **Ngoại Thời (Kālavimutta),** và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là Ngoại Uẩn **(Khandhavimutta).**

+ Từ ngữ **Asaṅkhataṃ** dịch nghĩa "Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên" tức là Níp Bàn. Có nghĩa Níp Bàn đây, chẳng phải là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Vả lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo. Khi nói theo thực tính phổ thông, từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, đặc biệt chỉ trình bày về **Pháp Siêu Lý (Paramaṭṭhadhamma)** là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn thôi.

+ Từ ngữ **Anuttaraṃ** dịch nghĩa "Pháp Tối Thượng" tức là Níp Bàn. Có nghĩa các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được. Rằng khi nói theo phần kết hợp lại thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập để ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

3. Hỏi: Khi chiết tự từ ngữ **Nibbāna** thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Và cho trình bày ý nghĩa của từng mỗi từ ngữ ấy, và hãy dịch nghĩa câu Chú Giải như tiếp theo đây: **Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ; Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ.**

3. Đáp: Từ ngữ **Nibbāna** khi chiết tự ra có được 2 từ ngữ, là **Ni + Vāna. Ni** dịch là "giải thoát, vượt thoát khỏi". **Vāna** dịch nghĩa "Pháp làm thành vật kết nối thúc phược" lập ý đến **Ái Dục (Taṇhā).** Khi kết hợp 2 từ ngữ vào nhau thành **Nivāna**, dịch nghĩa "Pháp vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược" lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ** – Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Vāna** (sự ham muốn) tức là Ái Dục.

Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ - Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tiệt diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên Níp Bàn.

4. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào **Ái Dục (Taṇhā)** được gọi tên Rừng Rậm (sự ham muốn) **(Vāna)** ? Và ở trong việc định đặt tên gọi Níp Bàn là rút đưa Ái Dục lên làm thành chủ vị trưởng trội, xem thấy bất khả thích với tên gọi Pháp Chí Thiện, thế nhưng danh xưng Níp Bàn lại là tên gọi của Pháp Chí Thiện; thì muốn biết do bởi nguyên nhân nào mà có sự hiện hành như thế ấy ?

4. Đáp: Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyến muội tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tình ở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên **Vāna** (rừng rậm, sự ham muốn). Còn đối với Níp Bàn là Pháp chủng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên **Ly Ái Dục (Nivāna).** Từ ngữ **Vāna** là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ **Ni** phối hợp ở phía trước lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với Bậc có được danh xưng **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava).** Khi chiết tự từ ngữ **Khīṇāsava** có được 2 từ ngữ, là **Khīṇa + Āsava, Khīṇa:** chấm dứt, diệt tận; **Āsava:** Pháp Lậu Hoặc (thấm rỉ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lậu Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ **Khīṇa** bổ túc ở phía trước lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bậc Vô Sinh có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. như vầy.

5. Hỏi: Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa của từng trạng thái thực tính ấy với.

5. Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là **Trạng Thái An Tịnh (Santilakkhaṇa),** lập ý đến tĩnh trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn.

6. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hữu Dư Y Níp Bàn với Vô Dư Y Níp Bàn, và hãy phân tích cả hai thể loại này bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện.**

6. Đáp: Hữu Dư Y Níp Bàn có nghĩa Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót của Phiền Não; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng. Vô Dư Y Níp Bàn có nghĩa Níp Bàn không còn có dư sót Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi.

7. Hỏi: Từ ngữ **Upādi** có ở trong câu **Saupādisesanibbāna** ấy, có được Chi Pháp là chi ? Sắp thành Uẩn thì có được bao nhiêu ?

7. Đáp: Từ ngữ **Upādi** có ở trong câu **Saupādisesanibbāna** ấy, có Chi Pháp là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực; sắp thành Uẩn thì có được Ngũ Uẩn.

8. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa trong cả hai Níp Bàn là Kim Thế Níp Bàn và Lai Sinh Níp Bàn.

8. Đáp: Hữu Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là **Kim Thế Níp Bàn (Diṭṭha dhammanibbāna)** vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn. Vô Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi **Lai Sinh Níp Bàn (Samparāyikanibbāna)** vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn mới chứng tri được Níp Bàn.

9. Hỏi: Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu Níp Bàn thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tóm tắt ý nghĩa của Níp Bàn ấy.

9. Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu Níp Bàn có được ba thể loại, đó là:

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu Níp Bàn ấy tiệt diệt trống không Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi Không Hư Níp Bàn.

2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điềm tướng trẫm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.

3. Vô Nguyện Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn.

10. Hỏi: Tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng "Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn". Một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng "Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn". Và một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng "Người có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Ý nghĩ suy, thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn. Những lời nói này thì có nhân quả như thế nào ? Cho lời giải thích cả ba lời nói này riêng từng mỗi phần.

10. Đáp: Sự việc tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng "Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn", là vì người ấy vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh, thì thường thể hiện là vẫn còn có Phiền Não, và vẫn còn mong cầu đến Ngũ Uẩn; thế nhưng thực tính Níp Bàn ấy đã tiệt diệt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót cả, vì vậy mới gọi là **Không Hư Níp Bàn.** Với lý do này, người mà vẫn còn có sự

duyệt ý ở trong việc thọ sinh mới không đáng sở cầu Níp Bàn. Một vài bậc Hiền Trí nói rằng "Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn", vì lẽ thân thể hiện khởi cũng tức là Ngũ Uẩn hiện khởi làm thành điềm tướng biểu tượng, hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc; thế nhưng thực tính Níp Bàn ấy không có bất luận một điềm tướng biểu tượng nào cả, vì vậy mới gọi là **Vô Tướng Níp Bàn.** Với lý do này, người mà vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể Ta và của tha nhân mới không đáng sở cầu Níp Bàn. Còn một vài bậc Hiền Trí nói rằng "Người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy, thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn", là vì Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy là Pháp Hữu Vi. Lẽ thường tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc Danh Pháp đi nữa, cũng cần phải có **Thực Tính Sở Nguyện (Sabhāvapaṇihita),** tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này; thế nhưng thực tính Níp Bàn ấy không có Cảnh ở chỗ đáng sở nguyện với mãnh lực Tham và không có Ái Dục, vì vậy mới gọi là **Vô Nguyện Níp Bàn.** Với lý do này, người nào vẫn còn có sự duyệt ý như đã vừa đề cập đến, mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

11. Hỏi: Lẽ thường Tâm Tâm Sở không có hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc tương tự với thân thể Hữu Tình; như thế những thể loại Tâm Tâm Sở này sẽ gọi là Vô Tướng Níp Bàn có được hay không ? Cho lời giải thích.

11. Đáp: Cho dù quả thật Tâm và Tâm Sở là Tứ Danh Uẩn sẽ không có hiện khởi thành hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc tương tự với Sắc Uẩn đi nữa; thế nhưng việc sinh liên tục nối tiếp với nhau của Tứ Danh Uẩn đây, tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và **Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí (Paracittavijānanaabhiññālābhīpuggala)** thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điềm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu Níp Bàn không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới không được gọi là Vô Tướng Níp Bàn.

12. Hỏi: Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Giới, chẳng phải là Cảnh của Ái Dục, bất phối hợp với Ái Dục, vả lại bậc đã là chủ nhân của cái Tâm ấy cũng không có Phiền Não, thế tại làm sao Tâm Quả Vô Sinh mới không được gọi là Vô Nguyện Níp Bàn ? Cho lời giải thích.

12. Đáp: Cho dù ngay cả Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi **Pháp Thành Sở Nguyện (Paṇihitadhamma),** là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Còn Níp Bàn ấy thì chẳng có sinh trú ở trong nội bộ Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại bộ, bởi do thế sẽ không thể nào gọi Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp là Vô Nguyện Níp Bàn được.

13. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp ở trong các từ ngữ như tiếp theo đây: **1. Suññata 2. Nimitta 3. Paṇihita**.

13. Đáp: Trình bày Chi Pháp các từ ngữ sau đây:

1. Suññata Chi Pháp là Níp Bàn.

2. Nimitta Chi Pháp là Ngũ Uẩn.

3. Paṇihita Chi Pháp là Ngũ Uẩn.

14. Hỏi: Trong sát na đang **Nhập Thiền Quả (Phalasampatti)** thì có được sự liễu tri y như thể là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi hay không ? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho đúng theo nền tảng.

14. Đáp: Theo lẽ thường nhiên ở trong sát na đang Nhập Thiền Quả ấy, thì bất luận một cái Tâm Quả nào thường sinh khởi nối tiếp với nhau và Cảnh của những thể loại Tâm Quả ấy là Níp Bàn. Thực tính Níp Bàn là Không Hư, có nghĩa là tiệt diệt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn; là Vô Tướng không có điềm tướng biểu tượng; và là Vô Nguyện không có Cảnh đáng sở nguyện với Tham và không có Ái Dục. Nói một cách cho dễ hiểu, tức là thực tính Níp Bàn không có chi cả, chỉ ngoài ra thực tính của sự diệt tắt tất cả Ngũ Uẩn. Một khi đã là như vậy, trong sát na đang Nhập Thiền Quả thì sẽ không có sự liễu tri y như thể là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi.

15. Hỏi: Sự sở nguyện Níp Bàn được sắp thành Ly Hữu Ái là thể loại nào ? Cho lời giải thích.

15. Đáp: Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế, thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm chẳng quan hệ chi với thế gian này, vả lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thể loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !) Bởi do thế, sự sở nguyện Níp Bàn hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

16. Hỏi: Hãy trình bày theo tuần tự thực tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý.

16. Đáp: Tuần tự trình bày về Thực Tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý:

Phân Loại Của Níp Bàn
- Có 1: **Trạng thái an tĩnh (Santilakkhaṇa)**
- Có 2:
  - **Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)**
  - **Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)**
- Có 3:
  - **Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)**
  - **Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)**
  - **Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)**

Kết Thúc Phần Vấn Đáp Trong Níp Bàn Siêu Lý

KẾT THÚC CHƯƠNG VI – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC SIÊU LÝ – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

----------00000----------

ĐẶC TÍNH BẬC HIỀN TRÍ (PAṆḌITA)

Nayaṃ nayati medhāvī adhurāyaṃ na yuñjati
Sunayo seyyaso hoti sammā vutto na kuppati
Vinayaṃ so pajānāti sādhu tena samāgamoti

Dịch nghĩa:

1. Bậc Hiền Trí thường không hướng dẫn trong sự việc không đáng hướng dẫn.
2. Không phối hợp trong sự việc chẳng phải là bổn phận nhiệm vụ của mình.
3. Việc hướng dẫn trong Chánh Đạo là Thiện Sự của Bậc Hiền Trí.
4. Bằng lời Thiện Ngôn, Bậc Hiền Trí nói với tha nhân không sinh oán giận.
5. Bằng phương thức thiện xảo, Bậc Hiền Trí tinh tường hướng dẫn đi trong Chánh Đạo.

Nói tóm lại, việc kết giao với các Bậc Hiền Trí ấy mới quả là đạo lộ duy nhất tiến ích thanh lương. (Trích lược trong Túc Sinh Truyện **Hiền Trí Akitti (Akittijataka)** thuộc Mười Ba Kệ Ngôn, điều kiết tường # 40)

"**Sakka**, Thiên Chủ ngự trên trần,
Ban tặng cho Ta một đặc ân:
Ước chẳng nghe, nhìn người độn trí,
Kẻ kia chẳng sống với Ta cùng !
Chẳng ham trò chuyện người vô trí,
Chẳng kết bạn cùng kẻ độn căn !
Thiên Chủ **Sakka**: "Kẻ ấy làm gì, **Kassapa**,
Cho Ngài, xin hãy nói ngay ra !
Tại sao bầu bạn người vô trí,
Ngài chẳng ưa, này, hãy bảo Ta"
Bồ Tát **Akitti**: "Hành động người ngu thật bạo tàn,
Buộc ràng gánh nặng chẳng ai mang,
Thực hành Ác Nghiệp: đích mong muốn,
Nổi giận khi nghe nói thật chân,
Nó chẳng biết gì là Chánh Hạnh,
Nên Ta không muốn kẻ ngu gần !"
Thiên Chủ **Sakka**: "**Kassapa**, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,

Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn."
Bồ Tát **Akitti**: "**Sakka**, Thiên Chủ của quần sinh,
Ban tặng cho Ta một phước lành,
Ta ước nghe nhìn người có trí,
Ước mong vị ấy ở cùng mình,
Ta mong đàm luận cùng người Trí,
Được kết giao cùng bậc Trí Minh."
Thiên Chủ **Sakka**: "Bậc trí làm gì, **Kassapa**,
Cho Ngài, xin hãy nói ngay ra,
Sao Ngài ao ước nơi Ngài ở,
Người trí cùng chung sống một nhà ?"
Bồ Tát **Akitti**: "Hành động tốt lành, bậc Trí Nhân,
Chẳng ràng buộc gánh khổ vào thân,
Chuyên tâm, bậc Trí làm ân phước,
Chẳng giận khi nghe nói thật chân.
Thông hiểu Chánh Hạnh, và do vậy,
Lành thay bậc Trí sống chung cùng."
----------00000----------

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
TẬP III - CHƯƠNG THỨ VII

SAMUCCAYASAṄGAHA – TỔNG HỢP TẬP YẾU

Dvāsattatividhā vuttā vatthudhammā salakkhaṇā. Tesaṃ dāni yathāyogaṃ pavakkhāmi samuccayaṃ.

Akusalasaṅgaho, missakasaṅgaho, bodhipakkhiyasaṅgaho, sabbasaṅgaho cāti samuccayasaṅgaho catubbidho veditabbo. Kathaṃ ?

Akusalasaṅgahe tāva cattāro āsavā: kāmāsavo, bhavāsavo, diṭṭhāsavo, avijjāsavo.

Cattaro oghā: kāmogho, bhavogho, diṭṭhogho, avijjogho.

Cattāro yoga: kāmayogo, bhavoyogo, diṭṭhiyogo, avijjāyogo.

Cattāro ganthā: abhijjhā kāyagantho, vyāpādo kāyagantho, sīlabbataparāmāso kāyagantho, idaṃsaccabhiniveso kāyagantho.

Cattāro upādānā: kāmupādanaṃ, diṭṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, atta vādupādānaṃ.

Cha nīvaraṇāni: kāmacchadanīvaraṇaṃ, vyāpādanīvaraṇaṃ, thīnamiddha nīvaraṇaṃ, uddhaccakukkuccannīvaraṇaṃ, vicikicchānīvaraṇaṃ, avijjānīvaraṇaṃ.

Sattānusayā: kāmarāgānusayo, bhavarāgānusayo, paṭighānusayo, mānānusayo, diṭṭhānusayo, vicikicchānusayo, avijjānusayo.

Dasa saṃyojanāni: kāmarāgasaṃyojanaṃ, rūparāgasaṃyojanaṃ, arūparāga saṃyojanaṃ, paṭighasaṃyojanaṃ, mānasaṃyojanaṃ, diṭṭhisaṃyojanaṃ, sīlabbata parāmāsasaṃyojanaṃ, vicikicchāsaṃyojanaṃ, uddhacca saṃyojanaṃ, avijjāsaṃyoja naṃ, suttante.

Aparāni dasa saṃyojanāni: kāmarāgasaṃyojanaṃ, bhavarāga saṃyojanaṃ, paṭighasaṃyojanaṃ, mānasaṃyojanaṃ, diṭṭhisaṃyojanaṃ, sīlabbataparāmāsa saṃyojanaṃ, vicikicchāsaṃyojanaṃ, issāsaṃyojanaṃ, macchariya saṃyojanaṃ, avijjāsaṃyojanaṃ, abhidhamme.

Dasa kilesā: lobho, doso, moho, māno, diṭṭhi, vicikicchā, thīnaṃ, uddhaccaṃ, ahirikaṃ, anottappaṃ.

Āsavādīsu panettha kāmabhavanāmena tabbatthukā taṇhā adhippetā. Sīlabbataparāmāso idaṃsaccābhiniveso attavādupādānaṃ ca tathā pavattaṃ diṭṭhigata meva pavuccati.

Āsavoghā ca yogā ca tayo ganthā ca vatthuto. Upādānā duve vuttā aṭṭha nīvaraṇā siyuṃ.

Chaḷevānusayā honti nava saṃyojanā matā. Kilesā dasa vutto yaṃ navadhā pāpasaṅgaho.

Bảy mươi hai Pháp đã được trình bày với những bản tánh thực thể của chúng. Nay Tôi sẽ nói đến Tập Yếu tùy thuộc sự tương quan các Pháp ấy. Tổng hợp Tập Yếu cần phải được hiểu là có bốn phân loại: Tổng Hợp Bất Thiện, Tổng Hợp Hỗn Hợp, Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bồ Đề Phần), Tổng Hợp Tận Thị. Như thế nào ?

Để khởi đầu, về Tổng Hợp Bất Thiện gồm có:

Tứ Lậu Hoặc: Dục Lậu Hoặc, Hữu Lậu Hoặc, Kiến Lậu Hoặc, Vô Minh Lậu Hoặc.

Tứ Bộc Lưu: Dục Bộc Lưu, Hữu Bộc Lưu, Kiến Bộc Lưu, Vô Minh Bộc Lưu.

Tứ Ách Phược: Dục Ách Phược, Hữu Ách Phược, Kiến Ách Phược, Vô Minh Ách Phược.

Tứ Hệ Phược: Tham Thân Hệ Phược, Sân Thân Hệ Phược, Giới Cấm Thủ Thân Hệ Phược, Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược.

Tứ Chấp Thủ: Dục Chấp Thủ, Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Thủ, Ngã Luận Thủ.

Lục Triền Cái: Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Hôn Thùy Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái, Hoài Nghi Triền Cái, Vô Minh Triền Cái.

Thất Tùy Miên: Dục Ái Tùy Miên, Hữu Ái Tùy Miên, Khuể Phẫn Tùy Miên, Ngã Mạn Tùy Miên, Tà Kiến Tùy Miên, Hoài Nghi Tùy Miên, Vô Minh Tùy Miên.

Theo Kinh Tạng có **Thập Kiết Sử** như sau: Dục Ái Kiết Sử, Sắc Ái Kiết Sử, Vô Sắc Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử, Ngã Mạn Kiết Sử, Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, Hoài Nghi Kiết Sử, Trạo Cử Kiết Cử, Vô Minh Kiết Sử.

Theo Vô Tỷ Pháp Tạng có **Thập Kiết Sử** như sau: Dục Ái Kiết Sử, Hữu Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử, Ngã Mạn Kiết Sử, Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, Hoài Nghi Kiết Sử, Tật Đố Kiết Sử, Lận Sắc Kiết Sử, Vô Minh Kiết Sử.

Thập Phiền Não: Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý.

Nơi đây, đối với các phân loại Ác Pháp như Lậu Hoặc, Hữu Ái, v.v. hàm xúc lòng Tham Ái y cứ trên các Pháp ấy. Cùng thế ấy, Giới Cấm Thủ, Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược, và Ngã Luận Thủ đã hàm ý liên hệ với Tà Kiến. Theo căn bản chỉ có Tam Lậu Hoặc, Tam Bộc Lưu, Tam Ách Phược, và Tam Hệ Phược. Chấp Thủ chỉ có hai, và Triền Cái có tám. Tùy Miên có sáu, và phải được hiểu Kiết Sử chỉ có chín. Phiền Não có mười. Như vậy, Tổng Hợp các Ác Pháp có được chín phân loại.

PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN

Dvāsattatividhā vuttā **Vatthudhammā salakkhaṇā**
Tesaṃ dāni yathāyogaṃ **Pavakkhāmi samuccayaṃ**

Pháp Thực Tính là bảy mươi hai Pháp bản tánh thực thể mà Bần Đạo đã trình bày, bây giờ sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu, là Tổng Hợp tập hợp tất cả 72 Pháp Thực Tính ấy thể theo sự tương quan của chúng.

LỜI GIẢI THÍCH

Từ ngữ **Pháp Thực Tính (Vatthudhamma – Tông Chỉ Pháp)** có nghĩa Bản Thể Pháp có đặc tính Chi Pháp Siêu Lý, và khả năng hiện bày đặc biệt chỉ đối với Trí Tuệ; chính vì thế tất cả các thực thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà nếu tính theo trạng thái của bản thể thực tính thường có được 72 Pháp, như sẽ đề cập đến là:

1. Tất cả các Tâm, tính là 1, vì một khi tính theo trạng thái thực tính thường chỉ có duy nhất một trạng thái là "có sự hiểu biết Cảnh", và được gọi là **Ārammaṇavijānanalakkhaṇa**; với lý do này, tất cả các Tâm mới chỉ tính là 1.

2. Tâm Sở một khi tính đầy đủ chi tiết có được 3,426 cái, tuy nhiên nếu tính theo trạng thái thực tính của từng mỗi cái Tâm Sở thì chỉ có 52 cái.

3. Trong số lượng tất cả các Sắc Pháp một khi đặc biệt chỉ tính lấy riêng phần Sắc Thành Sở Tác, thì Sắc Thành Sở Tác đây có được nhiều phân loại với nhau, tức là có Sắc Nghiệp Thành Sở Tác, hoặc Sắc Tâm Thành Sở Tác, hoặc Sắc Quý Tiết Thành Sở Tác, hoặc Sắc Vật Thực Thành Sở Tác; tuy nhiên một khi tính theo trạng thái thực tính thì chỉ có 18 Sắc Pháp, bởi do thế mới chỉ tính lấy 18 Sắc Thành Sở Tác.

4. Níp Bàn tính là 1.

Còn 10 Sắc Phi Thành Sở Tác thì không có bản tánh thực thể riêng biệt, chỉ là việc hạn định giữa các Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau, và chính là biểu hiện đặc tính của Sắc Thành Sở Tác; bởi do thế đặc biệt mới không tính lấy cả 10 Sắc Phi Thành Sở Tác này để cho vào trong Pháp Thực Tính được, và do vậy Pháp Thực Tính mới chỉ có 72 Pháp thôi.

[Chú thích: Pháp Hữu Vật (Vatthudhamma – Bản Tính Thực Thể Pháp, Tông Chỉ Pháp) với bốn thực tại cùng tột, hoặc Chân Đế, đề cập ở trong cả sáu Chương trước, và

đã được phân loại ra thành 72 Pháp Hữu Vật, 72 Thực Tính Pháp, tức là hiện tượng tồn tại với những bản chất thuần nhiên cố hữu dính liền. (1 + 52 + 18 + 1 = 72)

+ **Tính là 1:** Tất cả 89 thể loại Tâm được tính là 1, vì tất cả đều có chung một thực tính là "hay biết".

+ **Tính là 52:** Tất cả các Tâm Sở được thẩm sát riêng biệt, vì từng mỗi Tâm Sở có những thực tính riêng biệt.

+ **Tính là 18:** Tất cả các Sắc Thành Sở Tác được thẩm sát riêng biệt, vì có những thực tính riêng biệt.

+ **Tính là 1:** Níp Bàn được tính là 1, vì Níp Bàn có tĩnh trạng thực tính.

Tất cả 72 Pháp này, đều là những thực thể chủ quan và khách quan, và đã được trình bày ở trong những sáu Chương trước. Trong Chương thứ 7 này trình bày cả Tứ Pháp Siêu Lý được kết tập chung vào nhau].

Lại nữa, việc trình bày phân loại đầy đủ chi tiết cả 72 Pháp Thực Tính ấy, thì **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã có trình bày theo riêng từng mỗi phần rồi, và được tính kể từ Chương thứ 1 v.v. cho đến Chương thứ 6; bởi do thế trong Chương thứ 7 này, Ngài sẽ trình bày việc tập hợp lại hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý gồm có các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, để sẽ sắp vào chung một nhóm với nhau làm thành một phần Tập Yếu nữa, và được gọi tên **Tổng Hợp Tập Yếu (Samuccayasaṅgaha).**

Từ ngữ **Samuccaya** khi chiết tự có được như vầy: **Saṃ + Uccaya = Samuccaya. Saṃ** dịch nghĩa "Vào với nhau" hoặc "Pháp có Thực Tính được vào với nhau". **Uccaya** dịch nghĩa "kết tập, tập hợp". Khi kết hợp cả 2 từ ngữ này vào với nhau thì dịch nghĩa "Việc kết tập vào với nhau" hoặc "Việc tập hợp Pháp có Thực Tính được vào với nhau", chẳng hạn như trình bày Pháp gọi tên **Lậu Hoặc (Āsava)** thành một nhóm v.v. cho đến Pháp được gọi **Đế (Sacca)** thành một nhóm cuối cùng. Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Saha uccīyante etthāti = Samuccayo (vā) Sampiṇḍetvā uccīyante etenāti = Samuccayo** - Chương có tên gọi Tập Yếu, vì là Chương sẽ trình bày tập hợp tất cả Tứ Pháp Siêu Lý vào chung với nhau (hoặc) Chương có tên gọi Tập Yếu vì làm thành nguyên nhân cho việc trình bày tập hợp Pháp Siêu Lý được vào chung với nhau, cho ở chung mỗi nhóm với nhau.

Trong Chương thứ 7 này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày việc tập hợp các Pháp Thực Tính được vào chung với nhau thành từng mỗi nhóm mà được gọi là Chương Tổng Hợp Tập Yếu có được 4 khối nhóm, đó là:

1. Tổng Hợp Bất Thiện (Akusalasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Bất Thiện.

2. Tổng Hợp Hỗn Hợp (Missakasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau là: Thiện, Bất Thiện và Vô Ký.

3. Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiyasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Tuệ Đạo.

4. Tổng Hợp Tận Thị (Sabbasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê tất cả Pháp Thực Tính với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn làm thành một nhóm vào chung với nhau.

----------00000----------

Tiếp theo đây sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu với cả 4 nhóm theo tuần tự như sau:

TỔNG HỢP BẤT THIỆN (AKUSALASAṄGAHA)
Việc Trình Bày Liệt Kê Thành Duy Nhất Một Nhóm Pháp Bên Phía Bất Thiện

Trong Tổng Hợp Bất Thiện đây, hiện hữu với cả 9 nhóm Pháp, đó là: **1. Lậu Hoặc (Āsava), 2. Bộc Lưu (Ogha), 3. Ách Phược (Yoga), 4. Hệ Phược (Gantha), 5. Chấp Thủ (Upādāna), 6. Triền Cái (Nīvaraṇa), 7. Tùy Miên (Anusaya), 8. Kiết Sử (Samyojana), 9. Phiền Não (Kilesa).**

1. LẬU HOẶC (ĀSAVA)

Có Tứ Lậu Hoặc, đó là:

1. Dục Lậu Hoặc (Kāmāsava): Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Hữu Lậu Hoặc (Bhavāsava): Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Kiến Lậu Hoặc (Diṭṭhāsava): Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

4. Vô Minh Lậu Hoặc (Avijjāsava): Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

2. BỘC LƯU (OGHA)

Có Tứ Bộc Lưu, đó là:

1. Dục Bộc Lưu (Kāmogha): Pháp chủng thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Hữu Bộc Lưu (Bhavogha): Pháp chủng thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Kiến Bộc Lưu (Diṭṭhogha): Pháp chủng thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

4. Vô Minh Bộc Lưu (Avijjogha): Pháp chủng thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

3. ÁCH PHƯỢC (YOGA)

Có Tứ Ách Phược, đó là:

1. Dục Ách Phược (Kāmayoga): Pháp chủng thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính khắt trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Hữu Ách Phược (Bhavayoga): Pháp chủng thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính khắt trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Kiến Ách Phược (Diṭṭhiyoga): Pháp chủng thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính khắt trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

4. Vô Minh Ách Phược (Avijjāyoga): Pháp chủng thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính khắt trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

4. HỆ PHƯỢC (GANTHA)

Có Tứ Hệ Phược, đó là:

1. Tham Thân Hệ Phược (Abhijjhākāyagantha): Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân theo trạng thái thắt chặt trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Sân Thân Hệ Phược (Byāpādakāyagantha): Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

3. Giới Cấm Thủ Thân Hệ Phược (Sīlabbataparāmāsakāyagantha): Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân theo trạng thái chấp thủ trong việc thực hành sai trật. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

4. Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược (Idaṃsaccabhinivesakāyagantha): Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân theo trạng thái bám chặt lấy trong ngã kiến chấp cho là đúng thật, và tri kiến của người là sai trật. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

5. CHẤP THỦ (UPĀDĀNA)

Có Tứ Chấp Thủ, đó là:

1. Dục Chấp Thủ (Kāmupādāna): Pháp chủng thành Pháp bám chặt lấy trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Kiến Chấp Thủ (Diṭṭhupādāna): Pháp chủng thành Pháp bám chặt lấy trong sự thấy sai chấp lầm, ngoài ra phần Giới Cấm Thủ và Ngã Luận Thủ. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Giới Cấm Thủ (Sīlabbatupādāna): Pháp chủng thành Pháp bám chặt lấy trong việc thực hành sai trật. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

4. Ngã Luận Thủ (Attavādupādāna): Pháp chủng thành Pháp bám chặt lấy trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn cho rằng là Ta của Ta. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

6. TRIỀN CÁI (NĪVARAṆA)

Có Lục Triền Cái, đó là:

1. Tham Dục Triền Cái (Kāmacchandanīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự duyệt ý trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Sân Độc Triền Cái (Byāpādanīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự oan trái oán hận. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

3. Hôn Thùy Triền Cái (Thīnamiddhanīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự co rút lui sụt với Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Hôn Trầm và Thụy Miên trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn.

4. Trạo Hối Triền Cái (Uddhaccakukkuccanīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự buông lung nhiễu cập tâm tính. Chi Pháp là Tâm Sở Trạo Cử trong 12 Tâm Bất Thiện và Tâm Sở Hối Hận trong 2 Tâm căn Sân.

5. Hoài Nghi Triền Cái (Vicikicchānīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự thắc mắc nghi lự trong sự việc khả tín. Chi Pháp là Tâm Sở Hoài Nghi trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

6. Vô Minh Triền Cái (Avijjānīvaraṇa): Pháp chủng thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự si mê lầm lạc bởi bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

7. TÙY MIÊN (ANUSAYA)

Có Thất Tùy Miên, đó là:

1. Dục Ái Tùy Miên (Kāmarāgānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự ưa thích mê say trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Hữu Ái Tùy Miên (Bhavarāgānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự ưa thích mê say trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

3. Khuể Phẫn Tùy Miên (Paṭighānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự oan trái oán hận. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

4. Ngã Mạn Tùy Miên (Mānānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp là Tâm Sở Ngã Mạn trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

5. Tà Kiến Tùy Miên (Diṭṭhānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

6. Hoài Nghi Tùy Miên (Vicikicchānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự thắc mắc nghi lự trong sự việc khả tín. Chi Pháp là Tâm Sở Hoài Nghi trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

7. Vô Minh Tùy Miên (Avijjānusaya): Pháp chủng ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính, là sự si mê lầm lạc bởi bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 2 Tâm căn Si.

8. KIẾT SỬ (SAṂYOJANA)

Có Thập Kiết Sử (thể theo Kinh Tạng), đó là:

1. Dục Ái Kiết Sử (Kāmarāgasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái dính khắt trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Sắc Ái Kiết Sử (Rūparāgasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái dính khắt trong Cõi Hữu Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Vô Sắc Ái Kiết Sử (Arūparāgasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái dính khắt trong Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

4. Khuể Phẫn Kiết Sử (Paṭighasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

5. Ngã Mạn Kiết Sử (Mānasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp là Tâm Sở Ngã Mạn trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

6. Tà Kiến Kiết Sử (Diṭṭhisaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái có sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

7. Giới Cấm Thủ Kiết Sử (Sīlabbataparāmāsasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái thực hành sai trật. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

8. Hoài Nghi Kiết Sử (Vicikicchāsaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái thắc mắc nghi lự. Chi Pháp là Tâm Sở Hoài Nghi trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

9. Trạo Cử Kiết Sử (Uddhaccasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái buông lung nhiễu cập tâm tính. Chi Pháp là Tâm Sở Trạo Cử trong 12 Tâm Bất Thiện.

10. Vô Minh Kiết Sử (Avijjāsaṃyojana): Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình theo trạng thái si mê lầm lạc, bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

Có Thập Kiết Sử (thể theo Tạng Vô Tỷ Pháp), đó là:

1. Dục Ái Kiết Sử (Kāmarāgasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái dính khắt trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Hữu Ái Kiết Sử (Bhavarāgasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái dính khắt trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

3. Khuể Phẫn Kiết Sử (Paṭighasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

4. Ngã Mạn Kiết Sử (Mānasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp là Tâm Sở Ngã Mạn trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

5. Tà Kiến Kiết Sử (Diṭṭhisaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái có sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

6. Giới Cấm Thủ Kiết Sử (Sīlabbataparāmāsasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái thực hành sai trật. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

7. Hoài Nghi Kiết Sử (Vicikicchāsaṃyojana): Pháp chủng trói buôc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắc mắc nghi lự. Chi Pháp là Tâm Sở Hoài Nghi trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

8. Tật Đố Kiết Sử (Issāsaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái đố kỵ ganh tỵ Thiện công đức của tha nhân. Chi Pháp là Tâm Sở Tật Đố trong 2 Tâm căn Sân

9. Lận Sắc Kiết Sử (Macchariyasaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái bỏn sẻn keo kiệt trong tài sản hoặc Thiện công đức của mình. Chi Pháp là Tâm Sở Lận Sắc trong 2 Tâm căn Sân.

10. Vô Minh Kiết Sử (Avijjāsaṃyojana): Pháp chủng trói buộc Hữu Tình theo trạng thái si mê lầm lạc, bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

9. PHIỀN NÃO (KILESA)

Có Thập Phiền Não, đó là:

1. Tham Ái (Lobha): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự hoan hỷ duyệt ý trong các Cảnh Hiệp Thế. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Sân Hận (Dosa): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự oán hận bất duyệt ý. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

3. Si Mê (Moha): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự si mê lầm lạc. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

4. Ngã Mạn (Māna): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp là Tâm Sở Ngã Mạn trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng Kiến.

5. Tà Kiến (Diṭṭhi): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

6. Hoài Nghi (Vicikicchā): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự thắc mắc nghi lự trong sự việc khả tín. Chi Pháp là Tâm Sở Hoài Nghi trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

7. Hôn Trầm (Thīna): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự ủ rũ buồn rầu. Chi Pháp là Tâm Sở Hôn Trầm trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn.

8. Trạo Cử (Uddhacca): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự buông lung nhiễu cập tâm tính. Chi Pháp là Tâm Sở Trạo Cử trong 12 Tâm Bất Thiện.

9. Vô Tàm (Ahirīka): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự không hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Tàm trong 12 Tâm Bất Thiện.

10. Vô Quý (Anottappa): Pháp chủng thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự không ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Quý trong 12 Tâm Bất Thiện.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY CHI PHÁP CẢ CHÍN NHÓM TỔNG HỢP BẤT THIỆN

1. Āsavoghā ca yogā ca — Tayo ganthā ca vatthuto
Upādānā duve vuttā — Aṭṭha nīvaraṇā siyuṃ
2. Chaḷevānusayā honti — Nava saṃyojanā matā
Kilesā dasa vutto yaṃ — Navadhā pāpasaṅgaho

1. Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phược và Hệ Phược, với từng mỗi thể loại này khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được ba. Chấp Thủ có hai Chi Pháp Siêu Lý. Triền Cái có tám Chi Pháp Siêu Lý.

2. Tùy Miên có sáu Chi Pháp Siêu Lý, Kiết Sử chỉ có chín Chi Pháp Siêu Lý. Phiền Não có mười Chi Pháp Siêu Lý.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Bất Thiện bởi theo chín nhóm có được như vầy.

LỜI GIẢI THÍCH TRONG TỔNG HỢP BẤT THIỆN

Câu Chú Giải từ ngữ Tổng Hợp Bất Thiện: **Ekantākusalajātikānaṃ oghacatukkādīnaṃ saṅgahoti = Akusalasaṅgaho** - Liệt kê các nhóm có Thực Tính Pháp đều toàn là Bất Thiện Chủng như là Bộc Lưu v.v. sắp thành một Tổng Hợp, bởi do thế mới gọi tên Tổng Hợp Bất Thiện.

1. LẬU HOẶC (ĀSAVA)

Từ ngữ **Lậu Hoặc (Āsava)** đây, có nghĩa các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, tức là loại rượu men rượu nấu. Tuy nhiên ở trong chỗ này, từ ngữ Lậu Hoặc tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê có thực tính tương tự với rượu men rượu nấu. Vì lẽ thường nhiên rượu men là các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, và có khả năng làm cho con người một khi đã uống vào rồi, thì có trạng thái chếnh choáng ngà ngà say, mất đi tỉnh giác, và tạo tác trong các sự

việc không đáng phải tạo tác, như đã được trông thấy hằng mỗi ngày qua những việc kình cãi, cãi vã lẫn nhau; hoặc việc tranh giành cướp đoạt tài sản với nhau, hoặc tạo tác nghiệp sát mạng, v.v. thì đa phần những câu chuyện này là cũng do bởi nương sinh từ nơi rượu men đã làm thành tác nhân cho đến cả 90%, và hậu quả là con người đã bị sa đọa vào trong mãnh lực rượu men ấy, để rồi sẽ phải bị đón nhận quả báo trổ sinh tức thì, đó là sự thống khổ về Thân, về Tâm ngay trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai. Điều này như thế nào, thì Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê cũng có thực tính tương tự với rượu men ấy, là vì cả ba Pháp này dính khắt chồng chất trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài, và không thể nào tính đếm được số lượng của bao kiếp sống.

Với lý do này, một khi những thể loại Pháp này hiện khởi đối với người nào rồi, thì sẽ làm cho tâm thức của người ấy bị thất niệm, mất tỉnh giác, và sa đọa vào trong mãnh lực Tham Ái, hoặc Tà Kiến, hoặc Si Mê, để rồi sẽ tạo tác biết bao điều Ác Hạnh, như về Thân Ác Hạnh v.v. là cũng chính do bởi sự đắm say với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê ấy vậy; để rồi quả báo sẽ phải đón nhận từ nơi sự đắm say với mãnh lực cả ba thể loại Pháp này, cũng sẽ là sự thống khổ về Thân, về Tâm trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai; và cũng tương tự với người đã say rượu men như thế ấy. Bởi do thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết lấy cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê, rằng là Lậu Hoặc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āsavanti ciraṃ parivasantīti = Āsavā, Āsavā viyāti = Āsavā** - Sự vật nào bị ngâm chìm rất lâu dài, thì sự vật ấy được gọi tên Lậu Hoặc (tức là rượu men), Những thể loại Pháp chủng nào có thực tính tương tự với rượu men, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên Lậu Hoặc (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ nói rằng Lậu Hoặc đây, khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, đó là **Ā + Sava = Āsava**; **Ā** dịch nghĩa "Vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định", **Sava** dịch nghĩa "tăng tiến, chảy tràn". Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, được dịch nghĩa "Pháp làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định phải tăng tiến thêm lên mãi vô cùng tận." Có nghĩa sự hiện hữu từ nơi Danh – Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình, trong từng mỗi con người là sinh rồi tử, tử rồi lại sinh; sự hiện hữu như vậy mãi cho đến tận kiếp sống hiện tại này, với thời gian dài quả là đếm vô hạn lượng. Thế rồi tiếp đến vị lai, cũng sẽ phải mãi tử sinh như vậy nữa, và cũng không thể nào hạn lượng được tương tự như nhau. Trình bày cho thấy được rằng vòng luân hồi khổ của tất cả Chúng Hữu Tình đây, tăng tiến lên rất nhiều đến độ vô cùng tận. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āyataṃ saṃsāraduk khaṃ savanti pasavanti vaḍḍhantīti = Āsavā** - Pháp chủng nào làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định ấy, phải tăng tiến thêm lên mãi; bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên Lậu Hoặc. (Tức là Tham Ái, Tà Kiến, Ngã Mạn). Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Ā** dịch nghĩa "có phạm vi hạn định đến **Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi)** là Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ; hoặc có phạm vi đến **Chuyển Tộc (Gotrabhū).** Từ ngữ **Sava** dịch nghĩa "được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra". Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì dịch nghĩa "được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh."

Theo lẽ thường thì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này, có được sinh khởi là bởi do nương trú vào Pháp Hiệp Thế và Pháp Chế Định; chính vì thế, một khi trình bày nói rằng "được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc" thì chẳng hàm ý nội dung đặc biệt nào cả. Có nghĩa Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, hoặc **Tuệ Chuyển Tộc (Gotrabhū ñāṇa)** hoặc **Tuệ Dũ Tịnh (Vodanāñāṇa),** với những thể loại này vẫn đang còn là Pháp Hiệp Thế; chính vì thế mới được làm thành Cảnh của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê. Với lý do này mới nói rằng cả ba Pháp Lậu Hoặc Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê này được sinh khởi, hoặc được tiết lậu cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Chuyển Tộc.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Bhavato ābhavaggā dhammato āgotrabhumhā savantārammaṇakaraṇavase na pavattantīti = Āsavā** - Rằng tính theo Cõi Giới thì Pháp chủng nào được tiết lậu chảy đến, hoặc được sinh khởi đến Cõi Cùng Tột Hữu; và khi tính theo Pháp thì đến Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh; bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Lậu Hoặc**.

Có điều đáng thắc mắc là cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, được gọi tên Lậu Hoặc, là vì làm thành vật dính khắt chồng chất trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc cho đến Tuệ Chuyển Tộc, theo như đã có được trình bày rồi đấy; khi là như vậy, còn các Tâm Sở Bất Thiện khác chẳng hạn như Vô Tàm, Vô Quý, Ngã Mạn v.v. cũng đã có được sinh trú trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian lâu dài, và cũng có khả năng được sinh khởi bởi do nương vào Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh tương tự như nhau; thế nhưng vì nguyên nhân nào mà tại làm sao Đức Phật lại không liệt kê những thể loại Tâm Sở này cho sắp thành những Lậu Hoặc ? Điều thắc mắc như vậy cũng sẽ phải được giải đáp là "bởi vì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, có thực tính làm thành Lậu Hoặc hiện bày một cách rõ ràng hơn hẳn các Tâm Sở Bất Thiện khác," chẳng hạn như Ngã Mạn là việc kiêu mạn chấp Ta, thì cho dù phải nương vào Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh rồi mới được sinh khởi đi nữa, tuy nhiên sự quảng khoát và sự hiện bày một cách rõ ràng thì quả thật không sánh bằng với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Cũng tỷ dụ như từ ngữ nói rằng **Suriya (Mặt trời)** mà dịch nghĩa là "Ánh sáng" đã làm cho tất cả Nhân Loại có sự chói lòa, tức là cũng ngang bằng với mặt trời vậy. Tuy nhiên ánh sáng của các vật thể khác, chẳng hạn như ánh sáng của mặt trăng, hoặc ánh sáng của ngọn lửa cũng có khả năng khởi sinh lên sự chói lòa tương tự như nhau đến cho tất cả Nhân Loại; thế nhưng cũng không gọi là **Suriya (Mặt trời)** được. Tất cả sự việc này, là cũng bởi vì ánh sáng làm cho tất cả Nhân Loại có được sự chói lòa, đã hiện bày rất rõ ràng đến cùng tột, vả lại cùng khắp trong cả thế gian, thì đó chính là ánh sáng của mặt trời ấy vậy.

Với lý do này, từ ngữ nói rằng **Suriya** mới chỉ hàm ý duy nhất ở đây là mặt trời, và chẳng phải ở mặt trăng hoặc ở ngọn lửa được. Điều này như thế nào, thì các Tâm Sở Bất Thiện khác, cho dù quả thật sẽ làm thành vật dính khắt chồng chất trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh đi nữa; thế nhưng những sự việc

làm thành vật dính khắt chồng chất, hoặc sự tiết lậu chảy ra, có được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc đây, thì thường cũng chỉ hiện bày duy nhất trong Pháp hình thành Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê thôi; bởi do thế Đức Phật mới không lập ý khải thuyết đến các Tâm Sở Bất Thiện khác cho sắp thành Lậu Hoặc được.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Āsava** được xuất nguyên từ **Ā** + ngữ căn **Su** trôi chảy, chảy tràn ra. Được gọi như vậy, vì **Āsava (Lậu Hoặc)** trôi chảy cho đến tận đỉnh cao của những kiếp sinh tồn (Cùng Tột Hữu) và hiện hữu chí đến sát na Chuyển Tộc (là sát na Tâm tức khắc khởi sinh trước sát na Tâm Đạo của vị Nhập Lưu Thất Lai). Trong vô lượng tiền kiếp, những Lậu Hoặc này hiện hữu ngủ ngầm ở bên trong tất cả Chúng Hữu Tình khi vẫn còn là Phàm Nhân; và có thể được xem như là chất độc cực kỳ nguy hiểm làm say đắm tất cả Chúng Hữu Tình, và cũng có thể khởi sinh lên trong tất cả các Cõi Giới. Ô nhiễm, hư hỏng, đồi bại, nhơ bẩn, chất độc, bợn nhơ, v.v. là các cụm từ được xem như gần với ý nghĩa Lậu Hoặc.

Từ ngữ **Āsava** thường được dịch nghĩa **Lậu Hoặc.** Hoặc là mê tối, lầm lạc, như là mê hoặc. **Lậu** có nghĩa là tiết lậu, rò rỉ chảy ra ngoài, và gây bợn nhơ. Ở đây hàm ý bợn nhơ tinh thần, Phiền Não Tham, Sân, Si, v.v. Tất cả Chúng Hữu Tình trong Tam Giới, thông qua sáu Luyến Căn như Nhãn, Nhĩ, v.v. suốt đêm ngày tiết lậu, rò rỉ chảy ra biết bao phiền não không ngừng, nên được gọi là **Lậu.** Còn hàm ý đến Phiền Não đang hiện hành khiến cho cái Tâm Thức liên tục bị trôi chảy phân tán không dứt, nên cũng được gọi là **Lậu.** Phiền Não ví tựa như đồ dùng bị thủng, như nhà ở bị thấm dột. Cũng còn có nghĩa **Lậu Thất** (sót quên) hàm ý Phiền Não đã làm cho quên mất đi Chánh Đạo, và đã làm cho tất cả Chúng Hữu Tình chìm đắm trong vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Trong cả Tứ Lậu Hoặc, **Dục Lậu Hoặc** có nghĩa luyến ái theo dục lạc Ngũ Trần; **Hữu Lậu Hoặc** là luyến ái theo các Cõi Hữu Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới; **Kiến Lậu Hoặc** có nghĩa 62 Tà Kiến sai trật lầm lạc; và Vô Minh Lậu Hoặc là trạng thái si mê hữu quan đến Tứ Thánh Đế, đến kiếp sống quá khứ, kiếp sống vị lai, và đến cả hai kiếp sống quá khứ và vị lai, luôn cả đến Liên Quan Tương Sinh].

2. BỘC LƯU (OGHA)

Từ ngữ **Ogha (Bộc Lưu)** trong chỗ này có nghĩa "Pháp chủng ví tựa như dòng thác nước". Tức là cả ba Tâm Sở Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành Pháp chủng được ví tựa như dòng thác nước. Vì nguyên nhân nào ? Vì theo lẽ thường nhiên, dòng thác nước ấy, một khi bất luận một vật thể nào hoặc Hữu Tình nào đã bị rớt xuống ở trong dòng thác nước, thì dòng nước ấy thường làm nhận chìm vật thể, hoặc hành hạ thương tổn đến Hữu Tình, và rồi làm cho tất cả các vật thể hoặc Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống, không có cơ hội để trồi lên được. Thực tính cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này cũng tương tự như nhau, tức là làm nhận chìm tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, và không có được cơ hội để trồi lên thoát khỏi Vòng Luân Hồi, đặng chứng đắc Níp Bàn Giải Thoát. Với lý do này, cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê được gọi tên **Ogha (Bộc Lưu).** Các Tâm Sở Bất Thiện khác thì

không được gọi tên Bộc Lưu, vả lại cũng được hiện hành theo cùng một phương thức với Lậu Hoặc.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Avattharitvā hanantīti = Oghā (vā) Avahananti osīdāpentīti = Oghā; Oghā viyāti = Oghā** - Pháp chủng nào thường làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là dòng thác nước) (hoặc) Pháp chủng nào làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là dòng thác nước). Những thể loại Pháp chủng nào làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, tương tự như dòng thác nước; bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

[**Chú thích:** Từ ngữ **Ogha (Bộc Lưu)** xuất nguyên từ **Ava + Han** gây tổn thương, hoặc sát hại. Tất cả Chúng Hữu Tình bị chìm đắm trong luồng trôi chảy của dòng thác nước vĩ đại, bị quay cuồng giữa những dòng thác nước xoáy mãnh liệt, bị lôi cuốn thẳng ra biển cả rồi bị nhận chìm xuống tận đáy như thế nào, thì các dòng thác nước **Ogha (Bộc Lưu)** của kiếp sống cũng lôi cuốn tất cả Chúng Hữu Tình rồi đẩy đưa, nhận chìm ở trong những hoàn cảnh khốn cùng như thế ấy. Cũng còn hàm ý đến Phiền Não của Tam Giới có thể làm trôi dạt đi Thiện Phẩm, nên được gọi tên là **Bộc Lưu**].

3. ÁCH PHƯỢC (YOGA)

Từ ngữ **Yoga (Ách Phược)** dịch nghĩa "trói buộc ví như keo dán kết dính hai vật thể cho dính khắt vào nhau, và không cho sút sổ ra" như thế nào thì Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê cũng như thế ấy. Tức là trói buộc tất cả Chúng Hữu Tình cho dính khắt trong Vòng Luân Hồi Khổ, và không cho vuột thoát ra được. Khi đem so sánh, thì keo dán được ví với Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê; hai vật thể thì một vật thể được ví với tất cả Chúng Hữu Tình, và còn một vật thể kia thì được ví với những kiếp sống, tức là Vòng Luân Hồi Khổ ấy vậy.

Hoặc một ví dụ khác nữa, được ví như đặt cái ách vào cổ con bò. Khi con bò ấy sẽ bước đi trong đường lộ chi, thì thường cũng phải kéo lôi cái ách dính theo cùng như thế nào, tất cả Chúng Hữu Tình quanh quẩn ở trong Vòng Luân Hồi Khổ và không cho vuột thoát ra được, vì đã bị trói buộc dính khắt với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê cũng như thế ấy. Khi đem so sánh, thì con bò được ví với tất cả Chúng Hữu Tình; cái ách được ví với Tam Giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới; còn sợi dây trói chặt con bò dính khắt vào cái ách được ví như Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê.

Thể theo điều tỷ dụ như đã vừa đề cập tại đây, ắt hẳn trình bày cho thấy rằng tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển sinh tử ở trong Vòng Luân Hồi Khổ không thể vuột thoát khỏi ra được, là cũng chính do bởi mãnh lực Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê làm thành người trói buộc Hữu Tình cho dính khắt vào. Bởi do thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành **Ách Phược (Yoga);** còn các Tâm Sở Bất Thiện khác

không được gọi tên là Ách Phược, vì cũng có cùng một phương thức nghĩa lý với Lậu Hoặc như đã có đề cập đến rồi vậy.

Có câu Chú Giải của từ ngữ Ách Phược như vầy: **Vaṭṭasmiṃ satte yojentīti = Yogā** - Những thể loại Pháp chủng nào trói buộc Hữu Tình cho dính khắt ở trong Vòng Luân Hồi Khổ, ấy là các kiếp sống; bởi do thế những Pháp chủng ấy được gọi tên **Ách Phược** (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

[**Chú thích:** Từ ngữ **Yoga (Ách Phược)** xuất nguyên từ ngữ căn **Yuj** trói buộc (như buộc chặt cái ách vào cổ con bò). Những Ách Phược là những sợi dây trói buộc cột chặt Chúng Hữu Tình vào vòng quanh quẩn bao kiếp sinh tồn sinh tử - tử sinh vô cùng tận của Vòng Luân Hồi Khổ].

4. HỆ PHƯỢC (GANTHA)

Từ ngữ **Gantha (Hệ Phược)** lập ý đến vật trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắt chặt vào nhau, y như móc xích sắt. Lẽ thường móc xích sắt là một xâu chuỗi thắt chặt dính liền với nhau thành một duỗi dây dài như thế nào, thì cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này thường luôn thắt chặt Hữu Tình ở trong khoảng thời gian tử vong với tái sinh, và tái sinh với tử vong cho móc dính liền nhau, không có thời gian cho vuột thoát đi được; ví tựa như chuỗi móc xích thắt chặt dính liền như thế ấy. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý khải thuyết cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành **Hệ Phược (Gantha).** Thế nhưng, ở trong Hệ Phược này, lại có kết hợp với từ ngữ **Kāya (Thân),** là cũng để cho được biết đến Pháp bị thắt chặt móc dính do bởi Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê, đó chính là **Danh Thân (Nāmakāya) – Sắc Thân (Rūpakāya),** và đó cũng chính là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā (vā) Kāyena kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā** - Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính vào Danh Thân, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Thân Hệ Phược**" (hoặc) Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính Danh Thân – Sắc Thân trong khoảng thời gian giữa kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai; bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Thân Hệ Phược.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Gantha (Hệ Phược)** hàm ý thắt chặt Tâm với Thân, hoặc thắt chặt Danh Thân – Sắc Thân ở trong kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai cho móc dính với nhau].

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THAM ÁC VÀ SÂN ĐỘC THUỘC Ý ÁC HẠNH VỚI THAM ÁC VÀ SÂN ĐỘC THUỘC HỆ PHƯỢC

1. Tham Ác (Abhijjhā) thuộc **Ý Ác Hạnh (Manoduccarita),** đó là Tham thuộc thể loại thô thiển, có thực tính dục tầm cầu của cải tài sản của tha nhân cho đặng làm của mình một cách bất hợp pháp, Phi Chánh Pháp.

2. Còn **Tham Thân Hệ Phược (Abhijjhākāyagantha)** là có cả Tham thuộc loại thô thiển và luôn cả loại vi tế - thắt chặt dính liền với dục tầm cầu, sự duyệt ý ở trong của cải tài sản của tha nhân, hoặc của chính mình một cách hợp pháp cũng có, bất hợp pháp cũng có; đều sắp thành Tham Thân Hệ Phược hết cả thảy.

3. **Sân Độc (Byāpāda)** thuộc Ý Ác Hạnh, tức là Sân thuộc thể loại thô thiển liên quan với sự suy nghĩ đắn đo mưu hại tha nhân cho họ có những điều thống khổ nguy hại, hoặc chú tâm nguyền rủa người mà ta không ưa thích cho đến chết đi.

4. Còn **Sân Thân Hệ Phược (Byāpādakāyagantha)** tức là Sân thuộc loại thô thiển cũng có, hoặc loại vi tế cũng có; có nghĩa là không ưa thích, bất duyệt ý, oán hận, sợ hãi, khổ tâm buồn lòng, chí đến thực hiện việc sát mạng, thô ác ngữ. Với những thể loại này đều sắp thành Sân Thân Hệ Phược hết cả thảy.

5. CHẤP THỦ (UPĀDĀNA)

Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, là **Upa + Ādāna. Upa** lập ý đến "nắm bắt", **Ādāna** lập ý đến "túm chặt". Khi kết hợp hai từ ngữ này vào nhau thì lập ý đến "việc chấp thủ ở trong Cảnh". Pháp chấp thủ chặt ở trong Cảnh mà gọi là Chấp Thủ đây, được ví như một con rắn chụp bắt và cắn chặt con ếch, không chịu buông nhả ra như thế nào, thì cả hai Pháp Tham Ái và Tà Kiến có thực tính chấp thủ chặt ở trong Cảnh của mình, không chịu buông nhả cũng như thế ấy.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Upādīyantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp chủng nào thường chấp thủ chặt ở trong Cảnh, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Chấp Thủ.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** xuất nguyên từ **Upa + Ā** và ngữ căn **Dā** cho. Chấp Thủ là ái luyến ở mức độ cao, vì lẽ ấy ở trong Bộ Kinh **Liên Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppāda)** đã có trình bày "Ái làm duyên Chấp Thủ." Ái Dục **(Taṇhā)** được ví như tên trộm rình mò ở trong đêm tối để thâu đạo. Chấp Thủ **(Upādāna)** được ví như hành động thâu đạo].

6. TRIỀN CÁI (NĪVARAṆA)

Từ ngữ **Nīvaraṇa (Triền Cái)** đây, lập ý đến Pháp làm thành vật che án hoặc chắn ngang, cản trở Thiện Sự; tức là không cho khởi sinh các Thiện Nghiệp Lực, cùng với một vài thể loại Thiện Sự khác, chẳng hạn như làm cho hoại diệt đi Thiền Định mà đã được sinh khởi.

Theo lẽ thường, tất cả Nhân Loại thường thì đa phần bất duyệt ý trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực từ bất luận một trong các Pháp Triền Cái có Tham Ái, Sân Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên, Trạo Cử, Hối Hận, Hoài Nghi, Si Mê; hoặc do bởi 2, hoặc 3, hoặc 4 các Pháp ấy vậy; hoặc đôi khi đang thực hiện Thiện Sự thì lại khởi sinh lên sự nản lòng thối chí, bất duyệt ý, để rồi đã làm cho đức tin, và trí tuệ sáng suốt phải bị thối giảm sa sút đi. Điều này là cũng do bởi mãnh lực từ Hôn Thùy

Triền Cái khởi sinh và đã che chắn Thiện Sự, là Đức Tin v.v. đi rồi. Và nếu nhỡ như các Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái ở thể loại thô thiển khởi sinh đến với bậc Phúc Lộc Thiền Giả thì cũng làm cho Thiền Định đã từng có được, phải bị hoại diệt đi để rồi không còn có khả năng để nhập định được.

Sẽ nêu lên một thí dụ điển hình để trình bày cho được thấy một cách dễ dàng, chẳng hạn như một người không có sự sùng tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, tuy nhiên tình cờ lại được lắng nghe người ta trình bày đến những câu chuyện về Nghiệp Báo có chức năng sắp bày tất cả Chúng Hữu Tình đón nhận sự an vui, sự khổ đau; hoặc một khi tử vong rồi thì cũng làm cho một số được đi thọ sinh thành Chư Thiên, một số về Nhân Loại, một số về Hữu Tình Bàng Sinh, một số về Ngạ Quỷ, và đọa Địa Ngục. Có việc nêu lên vấn đề Nhân Quả, điều ám chỉ, lối ẩn dụ, luôn cả việc tỷ giảo với nền tảng của những Phật Ngôn và Chú Giải; mà nếu giả như người đang lắng nghe ấy đã không có bị Triền Cái bao phủ trùm lấy, thì thường thiết yếu sẽ phải khởi sinh lên sự sùng tín, và nỗ lực mải miết chăm chú lắng nghe; vả lại ghi nhớ thâu nhặt lấy ý nghĩa của từng nội dung, tập trung tâm trí không cho tản mạn lan man; thế rồi cũng sẽ liễu tri được ý nghĩa của những nội dung ấy là Thiện Nghiệp Lực, tức là Tín, Tấn, Niệm, Định Tuệ đã được khởi sinh. Thế nhưng với người bất tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đang khi lắng nghe về các câu chuyện đấy thì thường khởi sinh sự nghi lự, thắc mắc, không tin rằng sẽ hiện hành thể theo như thế ấy được. Vì lẽ người ấy bất liễu tri ở trong sự việc hiện hữu sinh tồn của tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện hành duyên theo mãnh lực của Nghiệp Báo. Một khi đã bất liễu tri rồi, thì thường khởi sinh lên việc chán ngán, không muốn lắng nghe, tâm trí thường chao đảo tìm kiếm đối tượng khác, để thay vào đó sẽ phát sinh lên sự mãn nguyện duyệt ý. Khi đã không tìm ra được, chỉ vì ở tại nơi đấy thuần nhất trình bày Giáo Pháp thôi; thế rồi đã phát sinh lên sự bất duyệt ý, và nghĩ rằng Ta đã đi đến không đúng địa điểm rồi. Chỉ trong một khoảnh khắc sát na ấy, tâm trí người ấy đã nghĩ tưởng đến hàng trăm thứ chuyện ngổn ngang sai khác, đã không còn tập trung để lắng nghe đến câu chuyện đang được khéo trình bày mãi cho đến chấm dứt việc thuyết giảng. Sự việc như thế, là bởi do người ấy đã không có khởi sinh lên Thiện Nghiệp Lực, và chỉ có duy nhất một phía Triền Cái khởi sinh ngần ấy mà thôi. Tức là ngay ở trong lúc ban đầu thì Hoài Nghi Triền Cái khởi sinh, tiếp đến là Vô Minh Triền Cái khởi sinh, và tuần tự nối tiếp theo là Hôn Thùy Triền Cái, Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái khởi sinh.

Dẫn chứng thí dụ điển hình để trình bày ở tại đây, là để cho thấy rằng Thiện Nghiệp Lực đáng lý sẽ phải khởi sinh thì lại không có cơ hội để sinh khởi, đích thị chính do bởi Tham Ái v.v. làm thành vật chắn ngang, cản trở Thiện Nghiệp Lực; bởi do thế những thể loại Tham Ái v.v. đây mới được gọi tên **Triền Cái.**

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Jhānādikaṃ nivāārerentīti = Nīvaraṇāni** - Những thể loại Pháp chủng nào che án cản trở Thiện Sự, như là Thiền Định v.v. không cho khởi sinh lên, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Triền Cái.**

[**Chú thích**: Từ ngữ **Nīvaraṇa (Triền Cái)** xuất nguyên từ **Ni** + ngữ căn **Var** gây chướng ngại, cản ngăn. Được gọi như vậy, vì Pháp Triền Cái đã chặn ngang đạo lộ hướng đến trạng thái an lạc của Nhân, Thiên và Níp Bàn. Theo bản Chú Giải, thì từ ngữ Triền Cái này

hàm ý cản ngăn đạo lộ hướng đến các tầng Thiền Định v.v. của các tư tưởng Thiện Ý, ngăn chặn các tầng Thiền phát triển, hoặc cản ngăn đạo lộ phát triển Tuệ Quán. Thông thường có năm Pháp Triền Cái; với một đôi gồm Hôn Trầm và Thụy Miên, Trạo Cử và Hối Hận – thì được kể chung vì do bởi **Sự Vụ (Kicca), Tác Nhân (Hetu),** và những yếu tố đối nghịch của các Pháp tương tự. Sự Vụ của Hôn Trầm và Thụy Miên là lui sụt, chểnh mảng tinh thần, trì độn. Sự Vụ của Trạo Cử và Hối Hận là băn khoăn áy náy, bất an. Tác Nhân của Hôn Trầm và Thụy Miên là trạng thái lười biếng; của Trạo Cử và Hối Hận là bất mãn, buồn phiền, chẳng hạn như vì cái chết của một người thân ở trong gia tộc, v.v. Nghị Lực đối nghịch với Hôn Trầm và Thụy Miên. Tĩnh trạng đối nghịch với Trạo Cử và Hối Hận.

Tham Dục được ví như nước pha lẫn với các sắc màu sai khác. Sân Độc ví như nước đã đun sôi. Hôn Trầm và Thụy Miên ví như nước đầy rong rêu. Trạo Cử và Hối Hận ví như nước bị gió làm chao động. Hoài Nghi ví như nước đục, đầy bùn nhơ. Thì cũng ví như khi Ta nhìn xuống mặt nước đục đầy bùn nhơ thì không thể nào nhìn thấy cái bóng của chính mình; cùng thế ấy, do bởi những chướng ngại tinh thần, được gọi là Pháp Triền Cái, đã cản ngăn Ta không thể trông thấy điều chi dẫn đến trạng thái an lành, và hạnh phúc cho chính mình và cho đến tha nhân. Một khi đã chứng đắc được các tầng Thiền Định, thì tạm thời đã đè nén được các Pháp Triền Cái. Khi đã chứng đắc các tầng Thánh Đạo – Thánh Quả thì các Pháp Triền Cái này hoàn toàn bị tiệt diệt. Hoài Nghi, hoặc do dự không quả quyết, bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Thất Lai. Tham Dục, Sân Độc và Hối Hận bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Bất Lai. Cuối cùng, Trạo Cử và Hôn Thùy bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh].

7. TÙY MIÊN (ANUSAYA)

Tùy Miên đây, là một thể loại Phiền Não ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, vả lại là thể loại Pháp bí ẩn, không có khả năng để được trông thấy, và chỉ ngoại trừ riêng với Bậc Chánh Đẳng Giác thôi. Theo thông thường thì Tùy Miên Phiền Não đây có thực tính tĩnh lặng, chẳng có hiện bày ra ngoài ở bất cứ một Lộ Môn nào cả; tiếp đến một khi có những Cảnh – tốt hoặc xấu – đi đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Tùy Miên Phiền Não đang tĩnh lặng đây, liền chuyển đổi thực tính thành **Khởi Lập Phiền Não (Pariyuṭṭhānakilesa)** và xuất sinh khởi lên ở Lộ Ý Môn. Nếu như Khởi Lập Phiền Não này có năng lực cực kỳ mãnh liệt, thì chuyển đổi thực tính thành **Việt Cấp Phiền Não (Vītikkamakilesa)** xuất sinh khởi ra ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn. Khởi Lập Phiền Não khởi sinh ở Lộ Ý Môn, hoặc Việt Cấp Phiền Não khởi sinh ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn; với cả hai thể loại Phiền Não này thì không được gọi là Tùy Miên Phiền Não; tuy nhiên Khởi Lập Phiền Não này lại xuất sinh từ ở nơi Tùy Miên Phiền Não, và Việt Cập Phiền Não thì được xuất sinh từ ở nơi Khởi Lập Phiền Não. Với lý do này, từ ngữ Tùy Miên mới làm thành một thể loại Phiền Não tĩnh lặng ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Santāne anu anu sentīti = Anusayā** - Những thể loại Pháp chủng nào thường ngủ ngầm trong sự nối tiếp từ ở nơi Danh Pháp – Sắc Pháp, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.

Hoặc một phần khác nữa: **Anurūpaṃ kāraṇaṃ labhitvā senti uppajjantīti = Anusayā** - Những thể loại Pháp chủng nào một khi đã hội túc nhân khả ái thì thường được khởi sinh, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.

Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Não, Khởi Lập Phiền Não và Việt Cấp Phiền Não này đây, thì cũng được so sánh giống với cây que diêm lửa. Tùy Miên Phiền Não được ví như ngọn lửa ở ngay đầu cây que diêm. Các Cảnh đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, Lộ Thiệt Môn, Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn thì được ví như lấy cây que diêm đánh vào bên cạnh hộp diêm. Khi hiện khởi lên ngọn lửa thì ví ngọn lửa này giống tựa như Khởi Lập Phiền Não; và khi lấy ngọn lửa đã hiện khởi lên đây, đem châm vào bất luận một vật thể nào, thì lửa bốc cháy dính vào các vật thể ấy được sánh tựa như Việt Cấp Phiền Não vậy.

VIỆC PHÓNG KHÍ CẢ BA PHIỀN NÃO THEO GIỚI – ĐỊNH – TUỆ

1. **Giới Thiện** có được khả năng phóng khí **Việt Cấp Phiền Não.**
2. **Định Thiện** có được khả năng phóng khí **Khởi Lập Phiền Não.**
3. **Tuệ Thiện** có được khả năng phóng khí **Tùy Miên Phiền Não.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Anusaya (Tùy Miên)** xuất nguyên từ **Anu** + **Si** ngủ ngầm. Tùy Miên là Pháp chưa hoàn toàn tiệt diệt, vẫn còn ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, và cho đến khi hội túc nhân khả ái thì sẽ xuất sinh hiện khởi lên. Tất cả những khát vọng đều được gọi là Tùy Miên, các khuynh hướng ngủ ngầm của Uẩn Giới Tính; thế nhưng chỉ có bảy Pháp Tùy Miên là cực kỳ mãnh liệt. Một khi vẫn còn là Phàm Nhân, vẫn chưa chứng đắc các tầng Thánh Đạo – Thánh Quả, thì cho dù đã có được đắc chứng ở các Cõi Giới Hữu Thiền tột đỉnh đi nữa, và khi tái sinh trở lại Cõi Nhân Loại thì vẫn còn có thể bị các khuynh hướng nguy hại này xuất sinh hiện khởi lên một cách dễ dàng ở trong Uẩn Giới Tính, vì lẽ chúng vẫn đang còn ngủ ngầm và vẫn chưa hẳn tiệt diệt].

8. KIẾT SỬ (SAṂYOJANA)

Từ ngữ **Saṃyojana (Kiết Sử)** lập ý đến Pháp chủng trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ được; tương tự như một sợi thằng thúc trói buộc chặt Hữu Tình, hoặc vật thể không cho sút sổ ra được.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Saṃyojenti bandhantīti = Saṃyojanāni** - Những thể loại Pháp chủng nào thường trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên Kiết Sử.

Theo lẽ thường ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Phàm Nhân thì thường có một thể loại Pháp chủng được ví như một thằng thúc to lớn dài bằng 20 sải tay (40m) dùng để thực

hiện việc thúc phược buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho vuột thoát khỏi Khổ Uẩn; và những thằng thúc dài 20 sải tay này đích thị chính là Kiết Sử ấy vậy. Và ở trong tất cả những sợi dây thằng thúc là cả 10 Kiết Sử này, nếu nhỡ như bất luận một thằng thúc nào có trạng thái khởi lên căng cứng thì sợi dây thằng thúc ấy sẽ dắt dẫn Chúng Hữu Tình bởi do nương theo Nghiệp Lực mà cho đi tái sinh ở trong Cõi Giới hữu quan với thằng thúc ấy.

VIỆC PHÂN LOẠI THẬP KIẾT SỬ VỚI HẠ PHẦN (ORAMBHĀGIYA) VÀ THƯỢNG PHẦN (UDDHAMBHĀGIYA) (THEO PHẦN KINH TẠNG)

1. Hạ Phần Kiết Sử (Orambhāgiyasaṃyojana): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, là Cõi Dục Giới, đó là: a. Dục Ái Kiết Sử, b. Khuể Phẫn Kiết Sử, c. Tà Kiến Kiết Sử, d. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e. Hoài Nghi Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử (Uddhambhāgiyasaṃyojana): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, là Cõi Hữu Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới, đó là: a. Sắc Ái Kiết Sử, b. Vô Sắc Ái Kiết Sử, c. Ngã Mạn Kiết Sử, d. Trạo Cử Kiết Sử, e. Vô Minh Kiết Sử.

Thông thường tất cả Chúng Phàm Nhân không có chứng đắc Thiền Định thì sợi dây Dục Ái Kiết Sử thường luôn căng cứng. Và nếu như người ấy tạo tác nhiều Ác Hạnh, thì cả ba sợi dây gồm Khuể Phẫn Kiết Sử loại thô thiển, Tà Kiến Kiết Sử và Hoài Nghi Kiết Sử đây có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ. Còn Giới Cấm Thủ Kiết Sử thì không có hiện bày đối với khắp cả mọi người, thế nhưng nếu đã có hiện bày đối với người nào rồi, thì cũng tương tự như nhau, là có khả năng dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ vậy. Nếu như người ấy đa phần tạo tác Thiện Hạnh thì cả hai sợi dây Khuể Phẫn Kiết Sử loại phổ thông, và **Ngã Kiến Kiết Sử (Attadiṭṭhisaṃyojana)** này có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy cho đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Đối với cả 3 sợi dây Kiết Sử gồm Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, và Hoài Nghi Kiết Sử đây thì không có được cơ hội căng cứng.

Còn Phàm Nhân đã chứng đắc Thiền Định thì cả ba sợi dây Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử và Giới Cấm Thủ Kiết Sử không có được cơ hội căng cứng, duy chỉ có Trạo Cử Kiết Sử có được cơ hội căng cứng lên thôi; bởi do thế một khi bậc Phúc Lộc Thiền Giả mệnh chung lìa khỏi Cõi Dục Giới rồi, thì tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã chứng đắc, mới đi thọ sinh ở Cõi Hữu Sắc Giới hoặc Cõi Vô Sắc Giới. Tuy nhiên Phàm Nhân đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên đây, thì vẫn chưa trừ tiệt gốc rễ Dục Ái Kiết Sử, chỉ là phóng khí một cách đè nén với mãnh lực của Thiền Định ngần ấy thôi; bởi do thế nếu như vị Phạm Thiên nào khi đến thời hoại Thiền Định và mệnh chung, thì vị Phạm Thiên ấy sẽ không thể tái sinh trở lại thành Phạm Thiên được nữa, mà phải đi tái sinh trong Cõi Dục Giới và sẽ làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Sự việc như vậy, là cũng do bởi mãnh lực từ nơi Dục Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính chính tự bản thân mình.

Bậc đã thành tựu viên mãn Đạo Quả Thất Lai hoặc Nhất Lai, với cả ba Kiết Sử gồm Tà Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ đây, thì đã được sát trừ một cách tiệt diệt; bởi do thế mới vượt thoát ra khỏi **Hạ Phần Luân Hồi (Heṭṭhimasaṃsāra),** tức là cả Tứ Khổ Thú. Tuy

nhiên vẫn chưa vượt thoát ra khỏi **Trung Phần Luân Hồi (Majjhimasaṃsāra)** tức là Cõi Nhân Loại với Cõi Thiên Giới; và **Thượng Phần Luân Hồi (Uparimasaṃsāra)** tức là Cõi Hữu Sắc Giới với Cõi Vô Sắc Giới; vì lẽ cả bảy Kiết Sử còn lại đấy, thì vẫn còn hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính. Và cho đến khi đã thành tựu viên mãn Bậc Bất Lai rồi, thì cả hai Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử và Khuể Phẫn Kiết Sử này lại một lần nữa được sát trừ một cách tiệt diệt và chẳng còn dư sót; bởi do thế Bậc Bất Lai này mới vượt thoát ra khỏi Trung Phần Luân Hồi; vì lẽ cả năm Hạ Phần Kiết Sử này đã không còn hiện hữu. Thế nhưng vẫn chưa vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, bởi vì Thượng Phần Kiết Sử vẫn còn đang hiện hữu vậy. Tiếp đến khi đã thành tựu viên mãn Bậc Vô Sinh rồi, mới vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, và khi đến thọ mạng diệt thì cũng thành đạt Vô Dư Y Níp Bàn. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi sát trừ tiệt diệt một cách hoàn mãn cả mười sợi dây Kiết Sử.

Lại nữa, việc phân chia Thập Kiết Sử ra thành Hạ Phần và Thượng Phần Kiết Sử đấy, ở trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày nói rằng "Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi ba Đạo thấp được gọi tên Hạ Phần Kiết Sử, còn Kiết Sử bị sát trừ do bởi Đạo Vô Sinh được gọi tên Thượng Phần Kiết Sử."

VIỆC PHÂN LOẠI THẬP KIẾT SỬ VỚI HẠ PHẦN (ORAMBHĀGIYA) VÀ THƯỢNG PHẦN (UDDHAMBHĀGIYA) (THEO PHẦN VÔ TỶ PHÁP TẠNG)

1. Hạ Phần Kiết Sử: Có 7 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, đó là: a. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuể Phẫn Kiết Sử, c. Tà Kiến Kiết Sử, d. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e. Hoài Nghi Kiết Sử, f. Tật Đố Kiết Sử, g. Lận Sắc Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử: Có 3 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, đó là: a. Hữu Ái Kiết Sử, b. Ngã Mạn Kiết Sử, c. Vô Minh Kiết Sử.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Saṃyojana (Kiết Sử)** xuất nguyên từ **Saṃ** + ngữ căn **Yuj:** cái ách, trói buộc, thắng thúc. Pháp chủng cột trói chúng sinh vào những kiếp sinh tồn của Vòng Luân Hồi Khổ. Lần lượt với bốn tầng Thánh Đạo – Quả sẽ sát trừ tiệt diệt các Kiết Sử này].

9. PHIỀN NÃO (KILESA)

Từ ngữ **Kilesa (Phiền Não)** lập ý đến Pháp chủng làm thành vật buồn phiền ưu não, hoặc bồn chồn lo lắng; chính vì thế Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp mà cùng câu sinh với những thể loại Phiền Não ấy, mới có sự buồn phiền ưu não và bồn chồn lo lắng; cũng bởi vì theo lẽ thường nhiên thì Tâm Thức và cử chỉ điệu bộ của tất cả con người, nếu như chẳng có câu sinh hữu quan với Tham, Sân, v.v. thì con người ấy sẽ cảm thấy tinh thần được an lạc, sắc thân cùng diện mạo thì thanh thản trong sáng, chẳng có bất luận một trạng thái khốn khổ nào cả, và làm thành chỗ vui lòng vui mắt đối với người có được cơ hội hội kiến. Thế nhưng, nếu như tâm trí của người nào đó lại khởi sinh do bởi có Tham, Sân, v.v. đã thấm nhập vào và cột trói ràng buộc, thế thì tâm trí của người ấy sẽ có sự buồn phiền ưu não và bồn chồn lo lắng, sắc thân diện mạo hiện khởi lên nỗi ưu lự bất an, tùy thuộc vào mãnh lực của những Phiền Não

ấy, và thường làm cho người có được hội kiến phải diện vô nhân sắc, hoảng hốt bất an. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý khải ngôn những thể loại Tham, Sân, v.v. này gọi là Phiền Não. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kilesanti upatāpentīti = Kilesā (vā) Kilis sati etehīti = Kilesā** - Pháp chủng nào thường làm cho bồn chồn lo lắng, chính vì thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Phiền Não** (hoặc) Pháp Tương Ưng là Tâm, Tâm Sở thường buồn phiền ưu não với Pháp chủng nào, chính vì thế Pháp chủng làm thành tác nhân từ nơi buồn phiền ưu não của Pháp Tương Ưng ấy, mới được gọi tên Phiền Não (tức là Thập Phiền Não).

1,500 PHIỀN NÃO (TÍNH THEO ĐẦY ĐỦ TOÀN BỘ)

Có 150 Cảnh làm thành tác nhân cho Thập Phiền Não sinh khởi, đó là:

Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepaññāsa): là 53 Danh Pháp, 18 Sắc Thành Sở Tác, 4 Sắc Thực Tướng; kết hợp lại thành 75 Pháp.

Trong **Nội Giới Tính (Ajjhattasandāna):** là bên trong bản thân mình, có 75 Pháp.

Trong **Ngoại Giới Tính (Bahiddhasandāna):** là vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện hữu bên ngoài bản thân mình, có 75 Pháp.

Kết hợp lại thành 150 Cảnh x 10 Phiền Não = 1,500 Phiền Não.

		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Lobha (Taṇhā): Tham (Ái)	**9**	+	+	+	+	+	+	+	+	+
2. Ditthi: Tà Kiến	**8**	+	+	+	+	+		+	+	+
3. Avijjā (Moha): Vô Minh (Si)	**7**	+	+	+			+	+	+	+
4. Patigha (Dosa): Phẫn (Sân)	**5**				+		+	+	+	+
5. Vicikicchā (Kankhā): Nghi	**4**						+	+	+	+
6. Māna: Ngã Mạn	**3**							+	+	+
7. Uddhacca: Trạo Cữ	**3**						+		+	+
8. Thīna: Thụy Miên	**2**						+			+
9. Kukhucca: Hối Quá	**1**						+			
10. Middha: Hôn Trầm	**1**						+			
11. Ahirika: Vô Tàm	**1**									+
12. Anottappa: Vô Quý	**1**									+
13. Issā: Tật Đố	**1**								+	
14. Macchariya: Lận Sắc	**1**								+	

(1) Āsava (Lậu Hoặc); (2) Ogha (Bộc Lưu); (3) Yogā (Ách Phược); (4) Ganthā (Hệ Phược); (5) Upādāna (Chấp Thủ); (6) Nīvaraṇa (Triền Cái); (7) Anusaya (Tùy Miên); (8) Samyojana (Kiết Sử); (9) Kilesā (Phiền Não)

[Chú thích: Trong phần phân loại Bất Thiện Pháp (Tổng Hợp Bất Thiện), từ ngữ **Kāma (Dục)** đôi khi được áp dụng cho Cõi Dục Giới, và từ ngữ **Bhava (Hữu)** dành cho Cõi Hữu Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Từ ngữ **Lobha (Tham)** hàm ý cho cả hai, là **Kāmataṇhā (Dục Ái,** hàm ý luyến ái duyên theo các Cảnh ở Cõi Dục Giới) và **Bhavataṇhā (Hữu Ái,** hàm

ý luyến ái duyên theo các Cảnh ở Cõi Hữu Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới). Ba từ ngữ **Sīlabbataparāmāsa (Giới Cấm Thủ, Giới Chấp Tiện Thị,** chấp cứng giữ chặt những giới luật, và lễ nghi sai lầm), **Idaṃsaccābhinivesa (Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược,** hàm ý bám chặt lấy ở trong ngã kiến chấp cho là đúng thật, và tri kiến của người là sai trật) và **Attavādūpādāna (Ngã Luận Thủ)** đã hàm ý liên hệ với **Tà Kiến (Diṭṭhi).** Cả hai từ ngữ **Kāmāsava (Dục Lậu Hoặc)** và **Bhavāsava (Hữu Lậu Hoặc)** đều hàm ý **Tham (Lobha).** Một cách chính xác chỉ có ba Lậu Hoặc, ba Bộc Lưu, ba Ách Phược, và ba Hệ Phược. Khi cả hai đôi Pháp chủng, **Hôn Thùy (Thīna - Middha)** và **Trạo Hối (Uddhacca – Kukkucca)** được xem là bốn Tâm Sở thì **Pháp Triền Cái (Nīvaraṇa)** có được tám Pháp. Khi Dục Ái và Hữu Ái được nhập chung với Ái Dục thì **Pháp Tùy Miên (Anusaya)** được biết đến có sáu Pháp. **Thập Kiết Sử (Saṃyojana)** theo Kinh Tạng, còn có bảy Pháp khi Dục Ái, Sắc Ái và Vô Sắc Ái được bao gồm trong **Lobha**, và **Diṭṭhi** cùng với **Sīlabbataparāmāsa** được bao gồm trong **Diṭṭhi.** Thập Kiết Sử theo Vô Tỷ Pháp Tạng, còn có tám Pháp khi Dục Ái và Hữu Ái được bao gồm trong **Lobha**, và **Diṭṭhi** cùng với **Sīlabbataparāmāsa** được bao gồm trong **Diṭṭhi. Kilesa** chính xác là có mười Pháp. Như vậy, bậc Học Giả sẽ nhận thấy được rằng 14 Tâm Sở Bất Thiện, tùy theo số lượng nhiều hoặc ít khác nhau, đã hiện hữu trong chín thể loại thuộc phần Tổng Hợp Bất Thiện này vậy; và quả thật **Lobha** hiện hữu ở khắp tất cả].

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Bất Thiện

----------00000----------

TỔNG HỢP HỖN HỢP (MISSAKASAṄGAHA)
Việc Trình Bày Liệt Kê Thành Một Nhóm Với Cả Ba Thể Loại Pháp Trộn Lẫn Vào Nhau Gồm Thiện, Bất Thiện Và Vô Ký

Missaka saṅgahe cha hetu: lobho, doso, moho, alobho, adoso, amoho. Sattajhānanaṅgāni: vitakko, vicāro, pīti, ekaggatā, somanassaṃ, domanassaṃ, upekkhā. Dvādasamaggaṅgāni: sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi, micchā diṭṭhi, micchāsaṅkappo, micchāvayāmo, micchāsamādhi. Bāvīsatindriyāni: cakkhudri yaṃ, sotindriyaṃ, ghāṇindriyaṃ, jīvhindriyaṃ, kāyindriyaṃ, iṭṭhindriyaṃ, purisindri yaṃ, jīvitindriyaṃ, manindriyaṃ, sukhindriyaṃ, dukkhindriyaṃ, somanassindriyaṃ, domanassindriyaṃ, upekkhindriyaṃ, saddhindriyaṃ, viriyindriyaṃ, satindriyaṃ, samādhindriyaṃ, paññindriyaṃ, anaññātassāmītindriyaṃ, aññindriyaṃ, aññātāvindri yaṃ. Navabalāni: saddhābalaṃ, viriyabalaṃ, satibalaṃ, samādhibalaṃ, paññābalaṃ, hiribalaṃ, ottappabalaṃ, ahirikabalaṃ, anottappabalaṃ. Cattāro adhipati: chandā dhipati, viriyādhipati, cittādhipati, vimaṃsādhipati. Cattāro āhārā: kabalikāro āhāro, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyo, viññāṇaṃ catutthaṃ. Indriyesu panettha sotāpattimaggañāṇaṃ anaññātassāmītindriyaṃ, arahattaphala ñāṇaṃ aññatāvindri yaṃ, majjhe cha ñāṇāni aññindriyānīti pavuccanti. Jīvitindriyañca

rūpārūpavasena duvidhaṃ hoti. Pañcaviññāṇesu jhānaṅgāni, aviriyesu balāni, ahetukesu maggaṅgāni na labbhanti. Tathā vicikicchācitte ekaggatā maggindriyabala bhāvaṃ na gacchati. Dvihetuka tihetukajavansveva yathāsambhavaṃ adhipati ekova labbhati.

Cha hetu pañca jhānaṅgā maggaṅgā nava vatthuto. Soḷasindriyadhammā ca baladhammā naveritā. Cattārodhipati vuttā tathāhārāti sattadhā. Kusalādisamākiṇṇo vutto missakasaṅgaho.

Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp có được bảy phân loại Pháp:

Có **Lục Nhân:** Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Có **Thất Chi Thiền:** Tầm, Tứ, Hỷ Lạc, Nhất Thống, Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả Thọ.

Có **Thập Nhị Chi Đạo:** Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Tinh Tấn, Tà Định.

Có **Nhị Thập Nhị Quyền Lực:** Nhãn Quyền Lực, Nhĩ Quyền Lực, Tỷ Quyền Lực, Thiệt Quyền Lực, Thân Quyền Lực, Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực, Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Lạc Quyền Lực, Khổ Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, Ưu Quyền Lực, Xả Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, Vị Tri Đương Tri Quyền Lực, Dĩ Tri Quyền Lực, Cụ Tri Quyền Lực.

Có **Cửu Lực:** Tín Năng Lực, Tấn Năng Lực, Niệm Năng Lực, Định Năng Lực, Tuệ Năng Lực, Tàm Năng Lực, Quý Năng Lực, Vô Tàm Năng Lực, Vô Quý Năng Lực.

Có **Tứ Trưởng:** Dục Trưởng, Cần Trưởng, Tâm Trưởng, Thẩm Trưởng.

Có **Tứ Thực:** Đoàn Thực, Xúc Thực là thứ hai, Ý Tư Thực là thứ ba, Thức Thực là thứ tư.

Nay trong các Quyền Lực, thì Vị Tri Đương Tri Quyền Lực là Thất Lai Đạo Tuệ; và Cụ Tri Quyền Lực là Vô Sinh Quả Tuệ. Trong giai đoạn ở khoảng giữa, thì Dĩ Tri Quyền Lực là Lục Trí. Mạng Quyền Lực gồm cả hai là Sắc Mạng Quyền Lực và Danh Mạng Quyền Lực. Các Chi Thiền Na không thể tìm được ở trong Ngũ Thức. Các Năng Lực không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. Các Chi Đồ Đạo không tìm thấy được trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ưng Hoài Nghi thì Nhất Thống không thể trở thành Chi Đồ Đạo, Quyền Lực hoặc Năng Lực. Trong Tứ Trưởng chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân. Trên thực tế, chỉ có Lục Nhân, Ngũ Chi Thiền Na, Cửu Chi Đồ Đạo, Thập Lục Quyền Lực, và Cửu Năng Lực, đã có được trình bày. Cũng vậy, Tứ Trưởng và Tứ Thực cũng đã được đề cập đến. Như vậy, Tổng Hợp Hỗn Hợp đã được liệt kê theo bảy phân loại gồm có Thiện và Bất Thiện.

----------00000----------

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1. Nhân, 2. Chi Thiền Na, 3. Chi Đồ Đạo, 4. Quyền Lực, 5. Năng Lực, 6. Trưởng, 7. Vật Thực. Và rằng khi phân loại có được 64 thể loại, như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. NHÂN (HETU)

Có Lục Nhân, đó là:

1. Nhân Tham (Lobhahetu): Sự ham muốn làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham.

2. Nhân Sân (Dosahetu): Sự oán hận làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Sân trong 2 Tâm căn Sân.

3. Nhân Si (Mohahetu): Sự si mê lầm lạc làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.

4. Nhân Vô Tham (Alobhahetu): Sự không dính mắc trong Cảnh Dục Trần làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Tham trong 59 Tâm hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo.

5. Nhân Vô Sân (Adosahetu): Sự bất oán hận làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Sân trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo.

6. Nhân Vô Si (Amohahetu): Sự không si mê lầm lạc làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên trong Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 47 hoặc 79 Tâm Tịnh Hảo Tương Ưng Trí.

2. CHI THIỀN NA (JHĀNAṄGA)

Có Thất Chi Thiền Na, đó là:

1. Tầm (Vitakka): Pháp chủng đem Tâm đến Cảnh và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Tầm trong 44 Tâm Dục Giới, 11 Tâm Sơ Thiền.

2. Tứ (Vicāra): Pháp chủng cọ xát ma phủ với Cảnh và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Tứ trong 44 Tâm Dục Giới, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền.

3. Hỷ Lạc (Pīti): Pháp chủng có sự vui mừng phấn khởi trong Cảnh và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Hỷ trong 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, và Tâm Tam Thiền.

4. Nhất Thống (Ekaggatā): Pháp chủng kiên trụ trong một Cảnh duy nhất và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 111 Tâm (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

5. Hỷ Thọ (Somanassa): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh làm cho Tâm an lạc, và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 62 Tâm câu hành Hỷ.

6. Ưu Thọ (Domanassa): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh làm cho Tâm ưu khổ, và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 2 Tâm căn Sân.

7. Xả Thọ (Upekkhā): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh với Tâm quân bình, và làm thành Pháp thẩm thị lấy Cảnh. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 47 Tâm câu hành Xả (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

3. CHI ĐỒ ĐẠO (MAGGAṄGA)

Có Thập Nhị Chi Đồ Đạo đó là:

1. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi): Sự trông thấy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 47 hoặc 79 Tâm Tương Ưng Trí.

2. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa): Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Tầm trong 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 11 Tâm Sơ Thiền.

3. Chánh Ngữ (Sammāvācā): Việc nói lời chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Ngữ trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.

4. Chánh Nghiệp (Sammākammanta): Việc hành động chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Nghiệp trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.

5. Chánh Mạng (Sammāājīva): Việc nuôi mạng chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Mạng trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.

6. Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyāma): Sự nỗ lực chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

7. Chánh Niệm (Sammāsati): Sự truy niệm chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

8. Chánh Định (Sammāsamādhi): Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

9. Tà Kiến (Micchādiṭṭhi): Sự thấy sai chấp lầm làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp là Tâm Sở Tà Kiến trong 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

10. Tà Tư Duy (Micchāsaṅkappa): Sự nghĩ suy bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp là Tâm Sở Tầm trong 12 Tâm Bất Thiện.

11. Tà Tinh Tấn (Micchāvāyāma): Sự nỗ lực bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 12 Bất Thiện.

12. Tà Định (Micchāsamādhi): Sự kiên trụ bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 11 Tâm Bất Thiện (loại trừ 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi).

4. QUYỀN LỰC (INDRĪYA)

Có Nhị Thập Nhị Quyền Lực, đó là:

1. Nhãn Quyền Lực (Cakkhundrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc nhìn thấy. Chi Pháp là Nhãn Thanh Triệt.

2. Nhĩ Quyền Lực (Sotindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc lắng nghe. Chi Pháp là Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tỷ Quyền Lực (Ghānindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong ngửi khí hơi. Chi Pháp là Tỷ Thanh Triệt.

4. Thiệt Quyền Lực (Jīvitindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc nếm mùi vị. Chi Pháp là Thiệt Thanh Triệt.

5. Thân Quyền Lực (Kāyindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc xúc chạm. Chi Pháp là Thân Thanh Triệt.

6. Nữ Quyền Lực (Itthindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong sự làm thành nữ nhân. Chi Pháp là Sắc Nữ Giới Tính.

7. Nam Quyền Lực (Purisindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong sự làm thành nam nhân. Chi Pháp là Sắc Nam Giới Tính.

8. Mạng Quyền Lực (Jīvitindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc bảo hộ Danh Pháp và Sắc Pháp. Chi Pháp là Sắc Mạng Quyền Lực và Tâm Sở Mạng Quyền.

9. Ý Quyền Lực (Manindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc tiếp thâu Cảnh. Chi Pháp là tất cả các Tâm.

10. Lạc Quyền Lực (Sukhindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc thụ hưởng sự an lạc Thân. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc.

11. Khổ Quyền Lực (Dukkhindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc thụ hưởng sự khốn khổ Thân. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong Tâm Thân Thức câu hành Khổ.

12. Hỷ Quyền Lực (Somanassindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc thụ hưởng sự an lạc Tâm. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 62 Tâm câu hành Hỷ.

13. Ưu Quyền Lực (Domanassindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc thụ hưởng sự khốn khổ Tâm. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 2 Tâm căn Sân.

14. Xả Quyền Lực (Upekkhindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc thụ hưởng Cảnh quân bình. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 55 Tâm câu hành Xả.

15. Tín Quyền Lực (Saddhindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong sự sùng tín sự vật khả tín. Chi Pháp là Tâm Sở Tín trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

16. Tấn Quyền Lực (Vīriyindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 105 Tâm Tương Ưng Cần **(Vīriyasampa yuttacitta).**

17. Niệm Quyền Lực (Satindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc chánh niệm. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

18. Định Quyền Lực (Samādhindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc kiên trụ trong một Cảnh duy nhất. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 72 Tâm (loại trừ 16 Tâm Vô Cần **(Avīriyacitta)**, 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi).

19. Tuệ Quyền Lực (Paññindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 47 hoặc 79 Tâm Tương Ưng Trí.

20. Vị Tri Đương Tri Quyền Lực (Anaññātaññassāmitindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc liễu tri tỏ tường Tứ Thánh Đế mà bản thân không từng liễu tri. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 1 Tâm Đạo Thất Lai.

21. Dĩ Tri Quyền Lực (Aññindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc liễu tri tỏ tường Tứ Thánh Đế mà bản thân đã từng liễu tri. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 3 Tâm Đạo bậc thấp và 3 Tâm Quả bậc thấp.

22. Cụ Tri Quyền Lực (Aññātāvindrīya): Pháp chủng làm thành người chủ quản trong việc liễu tri tỏ tường tột cùng Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 1 Tâm Quả Vô Sinh.

5. NĂNG LỰC (BALA)

Có Cửu Năng Lực, đó là:

1. Tín Lực (Saddhābala): Pháp chủng bất kinh động trong sự sùng tín đối với sự vật khả tín. Chi Pháp là Tâm Sở Tín trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

2. Tấn Lực (Vīriyabala): Pháp chủng bất kinh động trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 105 Tâm Tương Ưng Cần.

3. Niệm Lực (Satibala): Pháp chủng bất kinh động trong việc chánh niệm. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

4. Định Lực (Samādhibala): Pháp chủng bất kinh động trong việc kiên trụ trong một Cảnh duy nhất. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 104 Tâm (loại trừ 16 Tâm Vô Cần, và 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi).

5. Tuệ Lực (Paññābala): Pháp chủng bất kinh động trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 79 Tâm Tương Ưng Trí.

6. Tàm Lực (Hirībala): Pháp chủng bất kinh động trong sự hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Tàm trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

7. Quý Lực (Ottappabala): Pháp chủng bất kinh động trong sự giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Quý trong 91 Tâm Tịnh Hảo.

8. Vô Tàm Lực (Ahirībala): Pháp chủng bất kinh động trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Tàm trong 12 Tâm Bất Thiện.

9. Vô Quý Lực (Anottappabala): Pháp chủng bất kinh động trong sự không có giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp là Tâm Sở Vô Quý trong 12 Tâm Bất Thiện.

6. TRƯỞNG (ADHIPATĪ)

Có Tứ Trưởng, đó là:

1. Dục Trưởng (Chandhādhipati): Pháp chủng làm thành trưởng trội trong sự duyệt ý. Chi Pháp là Tâm Sở Dục trong 18 Tâm Đổng Lực Nhị Nhân, và 34 hoặc 66 Tâm Đổng Lực Tam Nhân.

2. Cần Trưởng (Vīriyādhipati): Pháp chủng làm thành trưởng trội trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 18 Tâm Đổng Lực Nhị Nhân, và 34 hoặc 66 Tâm Đổng Lực Tam Nhân.

3. Tâm Trưởng (Cittādhipati): Pháp chủng làm thành trưởng trội trong việc tiếp thâu Cảnh. Chi Pháp là 52 hoặc 84 Tâm Đổng Lực Nhị Nhân và Tâm Đổng Lực Tam Nhân.

4. Thẩm Trưởng (Vimaṃsādhipati): Pháp chủng làm thành trưởng trội trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 34 hoặc 66 Tâm Đổng Lực Tam Nhân.

7. VẬT THỰC (ĀHĀRA)

Có Tứ Thực, đó là:

1. Đoàn Thực (Kabaḷīkārāhāra): Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi. Chi Pháp là Bổ Phẩm hiện hữu trong các vật thực.

2. Xúc Thực (Phassāhāra): Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Thọ sinh khởi. Chi Pháp là Tâm Sở Xúc trong tất cả các Tâm.

3. Ý Tư Thực (Manosañacetanāhāra): Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thục có Tâm Tái Sinh v.v. sinh khởi. Chi Pháp là Tâm Sở Tư trong tất cả Tâm.

4. Thức Thực (Viññāṇāhāra): Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi. Chi Pháp là tất cả Tâm.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY TÂM KHÔNG CÓ CHI THIỀN NA, CHI ĐỒ ĐẠO, QUYỀN LỰC VÀ NĂNG LỰC

Pañcaviññāṇesu jhānaṅgāni, ahetukesu maggaṅgani na labbhanti tatthā avīriyesuekaggatā indriyabalabhāvaṃ na gacchati, vicikicchācitte pana maggabhāvaṃ pi - Các Chi Thiền Na không thể tìm được trong Ngũ Thức. Các Năng Lực không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. Các Chi Đồ Đạo không tìm thấy được trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ưng Hoài Nghi thì Nhất Thống không thể trở thành Chi Đồ Đạo, Quyền Lực hoặc Năng Lực.

Giải thích: Ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức thường không có được Chi Thiền Na. Ở trong 18 Tâm Vô Nhân thường không có được Chi Đồ Đạo Tâm Sở Nhất Thống. Ở trong 16 Tâm Vô Cần thường không đạt đến Định Quyền Lực và Định Năng Lực. Cũng vậy, Tâm Sở Nhất Thống ở trong Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi thường không đạt đến Tà Định, Định Quyền Lực và Định Năng Lực.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY CHI PHÁP TRONG CẢ 7 NHÓM TỔNG HỢP HỖN HỢP

1. Chahetū pañcajhānaṅgā Maggaṅgā nava vatthuto
Soḷasindriyadhammā ca Baladhammā naveritā
2. Cattārodhipati vuttā Tathāhārāti sattadhā
Kusalādisamākiṇṇo Vutto missakasaṅgaho

Dịch nghĩa: Trên thực tế, chỉ có Lục Nhân, Ngũ Chi Thiền Na, Cửu Chi Đồ Đạo, Thập Lục Quyền Lực,và Cửu Năng Lực đã có được trình bày. Cũng vậy, Tứ Trưởng và Tứ Thực cũng đã được đề cập đến. Như vậy, Tổng Hợp Hỗn Hợp đã được liệt kê theo bảy phân loại gồm có Thiện và Bất Thiện.

1. + **Nhân:** Rằng khi tính Chi Pháp Siêu Lý có được 6.
   + **Chi Thiền Na:** Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 5.
   + **Chi Đồ Đạo:** Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 9.
   + **Quyền Lực:** Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 16.
   + **Năng Lực:** Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 9.
2. + **Trưởng:** Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 4.
   + **Vật Thực:** Rằng khi tính theo Siêu Lý có được 4 tương tự như nhau.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Hỗn Hợp với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau gồm Thiện, Bất Thiện và Vô Ký có được 7 nhóm như vầy.

LỜI GIẢI THÍCH TRONG TỔNG HỢP HỖN HỢP

Câu Chú Giải từ ngữ **Missakasaṅgaha** (Tổng Hợp Hỗn Hợp), đó là: **Kusalākusalā byākatamissakānaṃ hetuchakkādīnaṃ saṅgahoti = Missakasaṅgaho** - Liệt kê các nhóm với những Pháp Thực Tính gồm có Lục Nhân v.v. thể theo Thiện, Bất Thiện và Vô Ký trộn lẫn vào nhau, bởi do thế mới được gọi tên là Tổng Hợp Hỗn Hợp.

1. NHÂN (HETU)

Câu Chú Giải từ ngữ **Hetu (Nhân)** là:

Hinoti vattati phalaṃ Etehi iti hetuvo
Laddhahetūhi te thīrā Ruḷhamūlāva pādapā

Quả báo thường sinh khởi bởi do những thể loại Pháp này, bởi do thế những thể loại Pháp này mới được gọi tên là Tác Nhân. Có nghĩa tất cả các Pháp được đón nhận sự bảo trợ

từ nơi Tác Nhân thường có thực tính kiên định trong Cảnh như thế nào, y như cây cối có rễ cây tươi tốt vươn trải ra như thế ấy.

Ghi chú: Lời giải thích về việc Tác Nhân đây, đã có trình bày trong Tổng Hợp Nhân rồi, bởi do thế mới không cần phải giải thích thêm lần nữa trong chỗ này.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Heu (Nhân)** thường được dịch nghĩa "điều kiện tạo tác, tác nhân". Trong các bài Kinh thường được gặp những câu như **Ko hetu ko paccayo – Do Nhân nào, do Duyên nào.** Trong Tạng Vô Tỷ Pháp thì hai từ ngữ **Hetu** và **Paccaya** được phân biệt một cách rõ ràng và ở mỗi từ ngữ có một ý nghĩa riêng biệt. **Hetu** là nguyên nhân, hoặc căn cội, nguồn gốc từ đó phát xuất ra, hàm ý về Lục Nhân Tương Ưng gồm có Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, và đã được giải thích ở phần trên. **Paccaya** là điều kiện hỗ trợ, là **Pháp phụ trợ (Upakārakadhamma)**, hoặc duyên hệ. **Hetu** như rễ cây, và **Paccaya** như nước, phân bón, v.v. (Xin xem Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ I, II, III)].

2. CHI THIỀN NA (JHĀNAṄGA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Jhānaṅga** (Chi Thiền Na) là:

Ālambamupanijjhenti Iti jhānāni vuccare
Jhāpenti vā paccanīke Itīpi jhānasaññitā

Những thể loại Pháp nào thường đi vào thẩm thị Cảnh có đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** v.v. bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na. Hoặc "Những thể loại Pháp nào thường thiêu đốt Pháp đối nghịch nhau, bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na." Là 7 Chi Thiền Na. Chỗ gọi là Thiền Na đấy, có nghĩa Pháp chủng có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định. Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiền Na hết cả thảy. Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiền Na đây, được dịch nghĩa "thiêu đốt". Từ ngữ "thiêu đốt" ở trong chỗ này lập ý đến "làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thối giảm xuống", hoặc "làm cho không khởi sinh lên được". Tức là 6 Chi Thiền Na (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu trong Tâm Đáo Đại. Còn Chi Thiền Na hiện hữu trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

PHÁP LÀM THÀNH ĐỐI NGHỊCH VỚI CHI THIỀN NA

1. **Hôn Thùy** là Pháp đối nghịch với **Tầm (Vitakka)**
2. **Hoài Nghi** là Pháp đối nghịch với **Tứ (Vicāra)**
3. **Sân Độc** là Pháp đối nghịch với **Hỷ Lạc (Pīti)**
4. **Tham Dục** là Pháp đối nghịch với **Nhất Thống (Ekaggatā)**
5. **Trạo Cử, Hối Hận và Ưu Thọ** là Pháp đối nghịch với **Hỷ Thọ (Somanassa)** và **Xả Thọ (Upekkhā)**

6. Hỷ Lạc và Hỷ Thọ là Pháp đối nghịch với **Ưu Thọ (Domanassa)**

[Chú thích: Từ ngữ **Jhāna (Thiền Na)** được giải thích là Pháp thiêu đốt tính cách chướng ngại các Pháp Triền Cái, hoặc thẩm thị vào Cảnh đề mục. Cả hai ý nghĩa đều có thể áp dụng cho thực tính Thiền Na, được chứng đắc do Tâm đã kiên định. Cả 6 Chi Thiền Na đều được dùng trong cả hai ý nghĩa này. Cũng với những Chi Thiền Na này, một khi hiện hữu trong các thể loại Tâm Thiện hoặc Bất Thiện, và có Ưu Thọ hiện khởi trong Tâm Bất Thiện, được gọi **Chi Thiền Na (Jhānaṅga)** trong ý nghĩa thứ hai. Chỉ có Ưu Thọ là Bất Thiện, tất cả còn lại đều là Thiện].

3. CHI ĐỒ ĐẠO (MAGGAṄGA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** là:

Sagatyā ca duggatyā ca Nibbānanassa ca pāpaṇā
Tesañca pathabhūtattā Maggaṅgānīti vuccare
Maggassa vā aṅgānīti Maggaṅgānīti sammatā

Cửu Chi Pháp mà Ngài đã nói rằng là Chi Đồ Đạo, bởi vì làm thành tác nhân cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, Níp Bàn; và làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú và Níp Bàn. Một phần khác nữa: "Cửu Chi Pháp mà Ngài gọi là Chi Đồ Đạo, bởi vì làm thành từng mỗi Chi Phần của Đồ Đạo. Thông thường tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử ở trong 31 Cõi Giới, hoặc Bậc đã được chứng đạt đến Níp Bàn, thường phải nương vào tác nhân làm thành đạo lộ nâng đỡ sách tấn cho được chứng đạt đến. Như thế, Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn; đó chính là 12 Chi Đồ Đạo, gồm có Chánh Kiến v.v. ấy vậy.

Trong số lượng 12 Chi Đồ Đạo đây, có 8 Chi Đồ Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến **Cõi Thiện Thú và Níp Bàn,** đó là: **1. Chánh Kiến, 2. Chánh Tư Duy, 3. Chánh Ngữ, 4. Chánh Nghiệp, 5. Chánh Mạng, 6. Chánh Tinh Tấn, 7. Chánh Niệm, 8/. Chánh Định.** Có 4 Chi Đồ Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến **Cõi Khổ Thú,** đó là: **1. Tà Kiến, 2. Tà Tư Duy 3. Tà Tinh Tấn, 4. Tà Định.**

Ở trong Kinh Tạng, Đức Phật lập ý khải thuyết đạo lộ ngoài ra 12 Chi Đồ Đạo như đã vừa đề cập đến đấy, thì vẫn còn hiện hữu thêm nữa, đó là: **Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, và Tà Niệm.** Thế nhưng khi sắp bày thể theo Chi Pháp Siêu Lý thì chẳng có chi đặc biệt; và đó chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Ngữ Ác Hạnh và Thân Ác Hạnh; việc nuôi mạng trong đạo lộ bất chánh và việc nghĩ suy đến các điều Bất Thiện.

[Chú thích: Từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** theo bản Chú Giải được dùng trong ý nghĩa phổ thông; tức là Pháp hướng đến trạng thái các Cõi Thiện Thú an lạc, Cõi Khổ Thú bất an, và Níp Bàn **(Sugatidugatīnaṃ nibbānassa ca abhimukhaṃ pāpanato maggā).** Ở trong 12 Chi Đồ Đạo, bốn Chi Đồ Đạo cuối cùng hướng đến trạng thái bất an của Khổ Thú. Tất cả các Chi Đồ Đạo còn lại thì đến trạng thái an lạc của Thiện Thú, và Níp Bàn. Một cách chính xác, thì 12 Chi Đồ Đạo kể trên, chính là 9 Tâm Sở hiện hữu trong các thể loại Tâm khác nhau. Ở trong 4 Chi Đồ Đạo Bất Thiện, Tà Kiến chính là Tâm Sở Tà Kiến; Tà Tư Duy chính

là Tâm Sở Tầm; Tà Tinh Tấn chính là Tâm Sở Cần; và Tà Định chính là Tâm Sở Nhất Thống hiện hữu trong các thể loại Tâm Bất Thiện.

Ngược trở lại, thì Chánh Kiến chính là Tâm Sở Trí Tuệ. Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định cũng chính là các Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Nhất Thống hiện hữu trong các thể loại Tâm Thiện và Vô Ký. Chánh Niệm chính là Tâm Sở Niệm. Còn Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng chính là ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, và hiện hữu trong các thể loại Tâm Siêu Thế và riêng rẽ trong các thể loại Tâm Thiện Hiệp Thế. Bát Chánh Đạo bao hàm ý nghĩa của tám Tâm Sở đặc biệt này].

4. QUYỀN LỰC (INDRIYA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Indrīya (Quyền Lực)** là: **Indanti paramaissariyaṃ karontīti = Indriyāni** - Những thể loại Pháp nào làm thành người chủ quản, nghĩa là thường tác hành cho bản thân được hoàn toàn độc lập; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới gọi tên **Quyền Lực.**

Từ ngữ **Indrīya (Quyền Lực)** dịch nghĩa "làm thành người chủ quản" có nghĩa là có khả năng làm cho Pháp Thực Tính câu sinh với mình, phải hiện hành theo mãnh lực của mình. Chẳng hạn Nhãn Quyền Lực làm thành người chủ quản trong việc trông thấy, tức là việc trông thấy sẽ được hiện khởi lên cũng phải nương vào Nhãn Thanh Triệt. Nếu không có Nhãn Thanh Triệt, thế rồi việc trông thấy cũng không thể sinh khởi lên được. Và việc trông thấy xa hoặc gần, trông thấy được rõ ràng hoặc không rõ ràng, đó cũng chính là do bởi nương từ nơi Nhãn Thanh Triệt ấy vậy. Nếu như Nhãn Thanh Triệt có năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được thấy xa và rõ; và nếu như Nhãn thanh Triệt có năng lực yếu kém, thì việc trông thấy cũng chẳng thấy được xa và cũng không rõ ràng. Với những thể loại này, là cũng chính do bởi Nhãn Thanh Triệt đã tạo tác cho hiện hành theo mãnh lực của bản thân mình trong việc chủ quản ấy vậy. Ở trong các Quyền Lực khác cũng tương tự như nhau, tức là từng mỗi Quyền Lực cũng có chức năng chủ quản, nghĩa là tạo tác cho Pháp Thực Tính liên quan với bản thân được hiện hành theo mãnh lực của mình.

VIỆC PHÂN TÍCH NHỊ THẬP NHỊ QUYỀN LỰC THEO CÕI GIỚI

1. Nhãn Quyền Lực, Nhĩ Quyền Lực, Tỷ Quyền Lực, Thiệt Quyền Lực, Thân Quyền Lực, Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực, Lạc Quyền Lực, Khổ Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, kết hợp cả 10 Quyền Lực này lại đều là Pháp Dục Giới hết cả thảy; bởi do thế gọi là **Dục Quyền Lực (Kāmaindriya).**

2. Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Xả Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, kết hợp cả 8 Quyền Lực này lại được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là Dục Giới Quyền Lực, Sắc Giới Quyền Lực, Vô Sắc Giới Quyền Lực, và Siêu Thế Quyền Lực **(Kāma, Rūpa, Arūpa, Lokuttaraindrīya).**

3. Hỷ Quyền Lực được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là Dục Giới Quyền Lực, Sắc Giới Quyền Lực, và Siêu Thế Quyền Lực.

4. Vị Tri Đương Tri Quyền Lực, Dĩ Tri Quyền Lực, Cụ Tri Quyền Lực, kết hợp cả 3 Quyền Lực này lại đều được làm thành Pháp Siêu Thế hết cả thảy; bởi do thế gọi là Siêu Thế Quyền Lực.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Indrīya (Quyền Lực)** được gọi như vậy vì lẽ những thể loại Pháp này có năng lực kiểm soát trong lãnh vực riêng biệt của mình. Ngũ Quyền Lực đầu tiên chính là Ngũ Thanh Triệt, đã có được trình bày ở phần trên. Quyền Lực thứ sáu và thứ bảy được gọi chung là **Giới Tính Quyền Lực (Bhāvindriya)** gồm có Nam Giới Tính và Nữ Giới Tính. Mạng Quyền Lực gồm cả hai là Danh Mạng Quyền Lực và Sắc Mạng Quyền Lực. Quyền Lực thứ 10 cho đến 14 chính là Ngũ Thọ. Quyền Lực thứ 15 cho đến 19 được xem cả hai, là **Quyền Lực (Indrīya)** và **Năng Lực (Bala)**, bởi vì cả hai thể loại này chi phối những Tâm câu sinh và khắc phục những năng lực đối nghịch. Ba Quyền Lực cuối cùng quả thật vô cùng quan trọng và thuộc về Pháp Siêu Thế. Từ ngữ **Anaññātaṃ** có nghĩa là Níp Bàn chưa từng được liễu tri đến. Đến khi thành đạt tầng Thánh đầu tiên - **Thất Lai Đạo (Sotāpatti Magga)** mới liễu tri được Tứ Thánh Đế lần đầu tiên. Do đó, Tuệ Giác của Thất Lai Đạo được gọi là **Vị Tri Đương Tri Quyền Lực.** Sáu thể loại Tuệ Giác ở giai đoạn giữa, tính từ Quả Thất Lai cho đến Quả Vô Sinh được gọi **Aññā** (xuất nguyên từ **Ā:** tuyệt hảo, ngữ căn: liễu tri), Tuệ Giác tối thượng. Vì lẽ Trí Tuệ hiện hữu trong bảy thể loại Tâm Siêu Thế này đã kiểm soát được hết tất cả 37 Đẳng Giác Phần, nên được gọi là Quyền Lực; hoặc năng lực kiểm soát. Một Bậc Vô Sinh được gọi **Aññātāvī** vì lẽ Ngài đã chứng ngộ trọn vẹn Tứ Thánh Đế. Yếu tố cuối cùng là Tuệ Giác tối thượng của Bậc Vô Sinh hiện hữu trong tầng Thánh Quả Vô Sinh].

5. NĂNG LỰC (BALA)

Từ ngữ **Bala** (Năng Lực) có nghĩa "bất kinh động". Như có **Pāḷi** trình bày rằng: **Akampanaṭṭhena balaṃ** - Gọi là Năng Lực với ý nghĩa bất kinh động, Hoặc: **Balīyanti uppanne paṭipakkhadhamme sahanti maddantīti = Balāni** - Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi do thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên **Năng Lực.**

Lời giải thích: Thông thường tất cả các vị tướng quân thường bất kinh động trong chức nghiệp của mình như thế nào, thì Cửu Chi Pháp có Tín v.v. cũng thường bất kinh động trong chức năng của mình, như là sự sùng tín, sự nỗ lực tinh cần v.v. như thế ấy, nên mới được gọi tên **Năng Lực.**

Sự bất kinh động có hai thể loại, đó là:

1/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là sự làm thành người chủ quản sống ở trong quyền lực chỉ huy của mình, và một khi có được tiếp xúc với quân thù rồi thì bất kinh động, vả lại có khả năng diệt trừ bọn quân thù ấy được.

Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Năng Lực bên phía Thiện cũng bất kinh động trong chức năng của mình, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện ở phần đối nghịch với mình, cho tiệt diệt đi. Như trường hợp về Tín Năng Lực có sự sùng tín một cách kiên định bất kinh động, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho khởi sinh lên sự bất khả tín, cho phải bị tiệt diệt đi chẳng hạn như vậy.

2/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là chỉ đơn nhất làm thành người chủ quản ở trong quyền lực chỉ huy của mình thôi, thế nhưng một khi có được tiếp xúc với quân thù thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ bọn quân thù ấy cho phải bị thất bại thảm hại đi được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Năng Lực bên phía Bất Thiện quả thật có sự bất kinh động ở trong chức năng của mình, tức là chỉ có đơn nhất kiên trụ ở trong Pháp cùng câu sinh với mình thôi; thế nhưng một khi Pháp Thiện ở phần đối nghịch với mình đang sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ đi được; phải bị thối giảm và hiện hành đi theo phần Thiện Pháp. Như trường hợp về Vô Tàm Năng Lực quả thật có sự bất kinh động trong việc không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh; thế nhưng một khi Tàm Năng Lực sinh khởi lên rồi, Vô Tàm Lực cũng phải bị thất bại, và không còn có khả năng để kiên trụ được nữa, chẳng hạn như vậy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày rằng:

Asaddhiye kosajje ca	**Muṭṭhassacce ca uddhacce**
Avijjāya ahirike	**Nottappe ca na kampare.**
Tasmā saddhādayo satta	**Kusalādī balāni ca**
Yuttesveva akampena	**Upaññāpi taṃnāmikā.**

Thất Chi Pháp có Tín v.v. ở phần những thể loại Thiện và Vô Ký đây, gọi tên là Năng Lực vì lẽ theo tuần tự bất kinh động trong Pháp Bất Thiện; có nghĩa là Tín thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự bất tín. Cần thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự lười biếng. Niệm thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi việc thất niệm. Định thường bất kinh động trong sự phóng dật. Tuệ thường bất kinh động trong việc bất liễu tri Chân Lý. Tàm thường bất kinh động trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Quý thường bất kinh động trong sự không có giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Ngay cả Pháp Bất Thiện có những thể loại Cần, Vô Tàm, Vô Quý đây, cũng được gọi tên là Năng Lực, vì lẽ chỉ bất kinh động đơn nhất ở trong Pháp Tương Ưng với mình thôi.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Bala (Năng Lực)** được gọi tên như vậy bởi vì không thể bị những năng lực đối nghịch làm chao động, và bởi vì các thể loại Pháp này hỗ trợ tăng cường cho những thể loại Pháp đồng cùng câu sinh. Bảy Năng Lực đầu tiên là Pháp Thiện, và hai Năng Lực cuối cùng là Pháp Bất Thiện. Bảy Năng Lực đầu tiên, theo tuần tự, đối nghịch với những trạng thái bất tín, lười biếng, phóng dật, vô minh, không có hổ thẹn Ác Hạnh, và không có giật mình ghê sợ quả báo của Ác Hạnh. Hai Năng Lực Bất Thiện cuối cùng chỉ nằm ở trong 12 Tâm Bất Thiện và củng cố kiên trụ cho những thể loại đồng câu sinh với mình.]

6. TRƯỞNG (ADHIPATĪ)

Câu Chú Giải từ ngữ **Adhipatī (Trưởng)** là: **Adhināṇaṃ pati = Adhipati** - Pháp làm thành thủ trưởng Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thế Pháp ấy mới được gọi tên là Trưởng. Hoặc một phần khác nữa: **Adhiko pati = Adhipati** - Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thế mới được gọi tên là Trưởng.

Lời giải thích: Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản đây, hiện hữu hai thể loại, đó là:

1. Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo **sự làm thành Quyền.**

2. Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo **sự làm thành Trưởng.**

1. Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành **Quyền Lực đây**, một khi sinh khởi lên thì thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền Lực với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau; bởi vì những thể loại Pháp làm thành Quyền Lực đây chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất trong chức năng của mình thôi. Có nghĩa Nhãn Quyền Lực chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong việc trông thấy. Ý Quyền Lực cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất trong việc tiếp thâu Cảnh. Tín Quyền Lực cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong sự sùng tín, v.v. Chẳng hạn như khi cái Tâm Đại Thiện thứ nhất sinh khởi lên thì ở trong cái Tâm Đại Thiện đồng câu sinh với Tâm Sở đây, có được 8 Pháp làm thành Quyền Lực cùng câu sinh với nhau, đó là: Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Cần Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, và Tuệ Quyền Lực.

Ở trong những cả Bát Quyền Lực cùng câu sinh với cái Tâm Đại Thiện thứ nhất này, thì Tâm Sở Mạng Quyền làm thành Trưởng chủ quản trong chức năng bảo hộ Tâm – Tâm Sở cùng câu sinh với mình. Cái Tâm Đại Thiện thứ nhất làm thành Trưởng chủ quản trong việc tiếp thâu Cảnh. Hỷ Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc thụ hưởng Cảnh an lạc về Tâm. Tín Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản trong việc sùng tín. Cần Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản trong việc tinh cần. Niệm Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản trong việc đạt được ghi nhớ. Định Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản trong việc kiên trụ với Cảnh. Tuệ Quyền Lực làm thành Trưởng chủ quản trong việc liễu tri được Chân Lý. Từng mỗi phần làm theo mỗi chức năng riêng biệt, và không có việc cấm chỉ làm thành Trưởng lẫn nhau. Do vậy mới gọi là "làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo **sự làm thành Quyền Lực.**"

2. Còn sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo **sự làm thành Trưởng** đấy, một khi sinh khởi trong từng mỗi giai đoạn thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp thôi. Chẳng hạn như trong sát na Dục làm thành Trưởng, tức là có sự duyệt ý một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Cần, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Dục trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Cần làm thành Trưởng, tức là có sự tinh cần một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Cần đi trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Tâm làm thành Trưởng, tức là có sự chú tâm một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Tâm đi trong các

Cảnh ấy. Và nếu ở giai đoạn nào Tuệ làm thành Trưởng, tức là có sự liễu tri được Chân Lý hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần và Tâm cũng phải thuận tùng theo Tuệ đi trong các Cảnh ấy, tương tự như nhau.

Tóm lại, rằng sự làm thành Trưởng **bởi theo sự làm thành Quyền Lực** thì trong từng mỗi một giai đoạn, thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền Lực với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau. Còn sự làm thành Trưởng **bởi theo sự làm thành Trưởng** thì trong từng mỗi giai đoạn thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp thôi, và không thể có nhiều Trưởng cùng sinh khởi lên với nhau được. Lại nữa, Pháp được làm thành Trưởng đấy, chỉ phải trong Tâm Đồng Lực Nhị Nhân hoặc Đồng Lực Tam Nhân thôi; bởi do thế **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp rằng: **Dvihetukatihetujavanesveva yathāsambhavaṃ adhipatiekova labbhati** - Trong Tứ Trưởng thì chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân. Duy nhất chỉ được một Trưởng trong số lượng Tứ Trưởng, và tùy theo trường hợp chỉ sẽ được hiện hành trong các Tâm Đồng Lực Nhị Nhân và Tâm Đồng Lực Tam Nhân thôi.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Adhipati (Trưởng)** bao hàm ý nghĩa "có quyền thế cao trội, hay có quyền lãnh đạo". Sự khác biệt giữa **Adhipati (Trưởng)** với **Indrīya (Quyền Lực)** nên được hiểu biết một cách rõ ràng. **Adhipati** với quyền thế cao trội, có thể ví như một vị Vua, nhà lãnh đạo quốc gia, có toàn quyền cai trị một Vương Quốc, là Chúa Tể tất cả các vị Bộ Trưởng. **Indrīya** được ví như vị Bộ Trưởng của nhà vua, chỉ kiểm soát riêng biệt Bộ của mình mà không thể lấn quyền qua một Bộ khác được. Như Nhãn Quyền Lực chẳng hạn, chỉ có thể kiểm soát riêng biệt về những Sắc Pháp cùng tồn tại ở trong con mắt, và không thể kiểm soát được những khả năng của lỗ tai. Trong trường hợp của **Adhipati** thì có quyền thế cao trội hơn, chi phối toàn thể những yếu tố cùng tồn tại với mình, và không có sự đối kháng nào cả. Tuy nhiên, không có hai **Adhipati** có thể tác hành trong cùng một lúc được. Trái lại, **Indrīya** thì ở trong các bộ phận khác nhau như con mắt, lỗ tai, lỗ mũi v.v. có thể cùng tồn tại trong cùng một lúc].

7. VẬT THỰC (ĀHĀRA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Āhāra (Vật Thực)** là: **Āhārantīti = Āhāra** - Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn các Pháp làm thành quả báo của mình; bởi do thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Vật Thực.

Lời giải thích: Từ ngữ **Āhāra (Vật Thực)** dịch nghĩa "dắt dẫn đến" có nghĩa "làm cho quả bảo sinh khởi, vả lại giúp đỡ ủng hộ cho được tồn tại, và được tăng trưởng lên". Tương tự như nói với nhau rằng "công việc này được thiết lập lên, và được phát triển lên là cũng do bởi người quản lý làm thành nhà hướng dẫn dìu dắt và nếu thiếu mất người quản lý này đi rồi, thì các công việc ấy sẽ không có thể tồn tại và phát triển lên được". Điều này như thế nào thì sự sinh hoạt tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, tức là một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi với mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp

Lực Hiệp Thế, thì Hữu Tình ấy sẽ có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên, là cũng do bởi nương vào Bổ Phẩm ở trong các vật thực sai khác làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình ấy. Và khi Sắc Vật Thực đã sinh khởi rồi, thì cũng làm cho Hữu Tình ấy có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên; bởi do thế chất **Bổ Phẩm này mới được gọi tên là Đoàn Thực.**

Xúc (Phassa) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn Thọ. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này có sự nhận thức an lạc (Hỷ Thọ), bất an (Ưu Thọ) hoặc thản nhiên (Xả Thọ), đã là thực tính của những cảm thọ đây sẽ hiện khởi lên được thì trước tiên cũng phải do nương vào việc tiếp xúc giữa Cảnh, Môn và Tâm. Việc tiếp xúc giữa cả ba thực tính này gọi là Xúc. Nếu không có Xúc là việc tiếp xúc này đây, thì các sự nhận thức ấy cũng sẽ không thể hiện khởi lên được. Và một khi đã thiếu mất sự nhận thức ấy đi rồi, thì tương tự như nhau, Tham là sự duyệt ý và dính mắc trong các Cảnh, là chỗ làm thành tác nhân cho việc tiến hóa của Thế Giới Hữu Tình này cũng không thể có được; bởi do thế **Xúc đây mới được gọi tên là Xúc Thực. Tư Tâm Sở (Cetanā)** được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Quả Dị Thục, gồm có Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Nhãn Thức v.v. sinh khởi lên được. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình, chỉ ngoại trừ Bậc Vô Sinh, khi mệnh chung rồi thường có việc việc tái sinh tiếp nối trở lại ngay tức thì, và tiếp theo đó là có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm hiện khởi lên. Những thể loại này đều là Thức Quả Dị Thục hết tất cả, và Pháp làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi của những thể loại Thức Quả Dị Thục này, cũng chính là Tư Tâm Sở có việc sắp bày tạo tác các sự việc ấy hữu quan với Thân Hành cũng có, hoặc Ngữ Hành cũng có, hoặc Ý Hành cũng có. Nếu nhỡ như không có Tư Tâm Sở làm thành người sắp bày tạo tác, thế rồi tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mệnh chung cũng sẽ không có việc tái sinh, việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. Có hai thể loại Tư Tâm Sở làm thành người dắt dẫn cho tất cả Chúng Hữu Tình sinh khởi, và có được những thể loại từ nơi việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v., đó là: Tư Tâm Sở hiện hữu trong các Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thục sinh khởi một cách trực tiếp. Còn Tư Tâm Sở hiện hữu trong các Tâm khác, phần ngoài ra Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì làm thành người dắt dẫn Uẩn Tương Ưng với nhau cho sinh khởi chỉ ngần ấy thôi. Với lý do này, **Tâm Sở Tư được gọi tên là Ý Tư Thực.** Tất cả Tâm gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi. Lẽ thường Tâm và Tâm Sở cho dù quả thật là câu sinh với nhau đi nữa, tuy nhiên Tâm thường làm thành nhân vật chánh yếu dắt dẫn Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực. Đối với Tâm Tái Sinh thì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi. Còn Tâm Chuyển Khởi thì chỉ làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở thôi. Bởi do thế, Sắc Nghiệp Lực sinh trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla - Thời Bình Nhật),** hoặc Sắc Nghiệp Lực của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng thì thường chẳng có nương sinh do từ nơi Tâm ngay trong kiếp sống này, mà thường là nương sinh từ nơi Nghiệp Quá Khứ được gọi là **Nghiệp Thức (Kammaviññāṇa)** làm thành người dắt dẫn cho sinh khởi. Với lý do này, **tất cả các Tâm mới được gọi tên là Thức Thực.** Như có kệ ngôn trình bày rằng:

Ojaṭṭhamakarūpaṃ ye **Vedanaṃ paṭisandhikaṃ**
Nāmarūpaṃ āharanti **Tasmāhārāti vuccare**

Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn theo riêng từng mỗi Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần, của Thọ, của Thức Tái Sinh, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Vật Thực.

KẾT LUẬN

1. Đoàn Thực thì dắt dẫn Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần cho sinh khởi trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình.

2. Xúc Thực thì dắt dẫn Thọ là việc thụ hưởng Cảnh an lạc cũng có, khổ đau cũng có, thản nhiên cũng có.

3. Ý Tư Thực thì dắt dẫn Thức Tái Sinh là việc sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Hữu Tình Địa Ngục và Thức Chuyển Khởi là việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v.

4. Thức Thực thì dắt dẫn Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Āhāra (Vật Thực)** được dùng trong ý nghĩa là Chất Bổ Phẩm, chất dinh dưỡng, thức ăn. Đoàn Thực bao hàm miếng ăn, vật thực dùng để ăn, cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm cho cơ thể vật chất. Xúc Thực là thức ăn của các xúc giác, cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm cho Ngũ Thọ. Ý Tư Thực là thức ăn tinh thần, là các Tâm Sở Tư ở trong 29 thể loại Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế. Những thức ăn tinh thần này cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm, hoặc tạo nên hiện tượng tái sinh trong Tam Giới. Thức Thực có nghĩa là vật thực cho Thức Tái Sinh, cấp dưỡng những Tâm Sở và các Sắc Nghiệp Danh Sắc đồng câu sinh cùng một lúc. Có 19 thể loại Thức Tái Sinh. Trong trường hợp Cõi Nhất Uẩn của Chúng Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng thì chỉ cấp dưỡng đơn thuần Sắc Pháp. Trong Cõi Tứ Danh Uẩn thì chỉ cấp dưỡng đơn thuần Danh Pháp. Trong kiếp sống Chúng Hữu Tình Ngũ Uẩn thì có được cấp dưỡng cả hai Danh và Sắc Vật Thực].

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Hỗn Hợp

----------00000----------

TỔNG HỢP ĐẲNG GIÁC PHẦN (BODHIPAKKHIYASAṄGAHA)

Việc Trình Bày Liệt Kê Thành Duy Nhất Một Nhóm Pháp Bên Phía Tuệ Đạo

Bodhipakkhiyasaṅgahe cattāro satipaṭṭhānā: kāyānupassanā - satipaṭṭhānaṃ, vedanāpassanā - satipaṭṭhānaṃ, cittānupassanā - satipaṭṭhānaṃ.

Cattāro sammappadhānā: uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo, anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo, anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo, uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo.

Cattāro iddhipādā: chandiddhipādo, viriyiddhipādo, cittiddhipādo, vimaṃsiddhi pādo.

Pañcindriyāni: saddhindriyaṃ, viriyindriyaṃ, satindriyaṃ, samādhindriyaṃ, paññindriyaṃ.

Pañcabalāni: saddhābalaṃ, viriyabalaṃ, satibalaṃ, samādhibalaṃ, paññābālaṃ.

Sattabojjhaṅgā: satisambojjhaṅgo, dhammavicayasambojjhaṅgo, viriya sambojjhaṅgo, pītisambojjhaṅgo, passaddhisambojjhaṅgo, samādhi sambojjhaṅgo, upekkhāsambojjhaṅgo.

Aṭṭhamaggaṅgāni: sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammā kammanto, sammājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi.

Ettha pana cattāro satipaṭṭhānāti sammāsati ekāva pavuccati. Tathā cattāro sammappadhānāti ca sammāvāyāmo.

Chando cittaṃ upekkhā ca saddhā passaddhi pītiyo. Sammādiṭṭhi ca saṅkappo vāyāmo viratittayaṃ.

Sammāsati samādhīti cuddasete sabhāvato. Sattatiṃsappabhedena sattadhā tattha saṅgaho.

Saṅkappa passaddhi ca pītupekkhā chando ca cittaṃ viratittayañ ca. Navekaṭhānā viriyaṃ nava aṭṭha sati samādhi catu pañca paññā.

Saddhā duṭhānuttamasattatiṃsaddhammānameso pavaro vibhāgo.

Sabbe lokuttare honti na vā saṃkappapītiyo. Lokiye pi yathāyogaṃ chabbi suddhippavattiyaṃ.

Trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần, có:

Tứ Niệm Xứ là: Thân Tùy Quán Niệm Xứ, Thọ Tùy Quán Niệm Xứ, Tâm Tùy Quán Niệm Xứ, Pháp Tùy Quán Niệm Xứ.

Tứ Chánh Cần là: Tinh cần đoạn trừ các Ác Pháp đã sinh, Tinh cần ngăn ngừa không cho các Ác Pháp sẽ khởi sinh, Tinh cần làm cho các Thiện Pháp sẽ sinh khởi, Tinh cần bảo trì tăng trưởng các Thiện Pháp đã sinh,

Tứ Thần Túc là: Dục Thần Túc, Cần Thần Túc, Tâm Thần Túc, Thẩm Thần Túc.

Ngũ Quyền Lực là: Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực.

Ngũ Lực là: Tín Lực, Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực, Tuệ Lực.

Thất Giác Chi là: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Lạc Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi.

Bát Chi Đạo là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Ở nơi đây, Tứ Niệm Xứ được xem là một Chánh Niệm. Cũng vậy, Tứ Chánh Cần được xem là một Chánh Tinh Tấn.

Như vậy, Tổng Hợp này khi phân loại thì có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định.

Sự phân loại 37 Pháp Tối Thượng này được trình bày như sau: có chín Pháp gồm Tư Duy, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và ba Ngăn Trừ Phần được nói đến chỉ có một lần. Tinh Tấn đến chín lần, Niệm tám lần, Định bốn lần, Tuệ năm lần, và Tín hai lần. Tất cả những Pháp này đôi khi, ngoại trừ Tư Duy và Hỷ Lạc, sinh khởi trong các Tâm Siêu Thế. Các Pháp này cũng sinh khởi trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn **Thanh Tịnh (Visuddhi).**

----------00000----------

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1. Niệm Xứ, 2. Chánh Cần, 3. Thần Túc, 4. Quyền Lực, 5. Năng Lực, 6. Đẳng Giác Phần, 7. Chi Đồ Đạo. Và rằng khi phân loại có được 37 thể loại, như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. NIỆM XỨ (SATIPAṬṬHĀNA)

Có Tứ Niệm Xứ, đó là:

1. Thân Tùy Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanāsatipaṭṭhāna): Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với thân thể, tức là Sắc Uẩn có hơi thở vô ra, tiểu oai nghi, đại oai nghi v.v. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. Thọ Tùy Quán Niệm Xứ (Vedanānupassanāsatipaṭṭhāna): Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với Thọ, là Hỷ, Khổ, Xả. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

3. Tâm Tùy Quán Niệm Xứ (Cittānupassanāsatipaṭṭhāna): Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với Tâm, có Tâm Tham, Tâm Vô Tham, Tâm Sân, Tâm Vô Sân, Tâm Si, Tâm Vô Si v.v. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

4. Pháp Tùy Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanāsatipaṭṭhāna): Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với Pháp Thực Tính đang hiện hữu thể theo trạng thái Phi Thực Ngã; vả lại có Thực Tính của Tham, Sân, Si v.v. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. CHÁNH CẦN (SAMMAPPADHĀNA)

Có Tứ Chánh Cần, đó là:

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi **(Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo)**: Sự nỗ lực tinh cần để xa lìa Ác Pháp đã sinh khởi lên rồi. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 12 Tâm Bất Thiện.

2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được **(Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo)**: Sự nỗ lực tinh cần để ngăn ngừa Ác Pháp vẫn chưa có sinh khởi, không cho được khởi sinh. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 12 Tâm Bất Thiện.

3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên **(Anuppannānaṃ kusalā naṃ uppādāya vāyāmo)**: Sự nỗ lực tinh cần để Thiện Pháp vẫn chưa được sinh, làm cho sinh khởi lên. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện.

4. Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã được sinh khởi lên rồi **(Uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo)**: Sự nỗ lực tinh cần để Thiện Pháp đã có được sinh khởi, làm cho tăng trưởng lên cùng tột. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện.

3. THẦN TÚC (IDDHIPĀDA)

Có Tứ Thần Túc, đó là:

1. Dục Thần Túc (Chandiddhipāda): Sự hoan hỷ duyệt ý một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp là Tâm Sở Dục trong 21 Tâm Thiện.

2. Cần Thần Túc (Vīriyiddhipāda): Sự nỗ lực tinh cần một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện.

3. Tâm Thần Túc (Cittiddhipāda): Sự chú tâm một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp là 21 Tâm Thiện.

4. Thẩm Thần Túc (Vimaṃsiddhipāda): Trí Tuệ một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 17 Tâm Thiện Tương Ưng Trí.

4. QUYỀN LỰC (INDRĪYA)

Có Ngũ Quyền Lực, đó là:

1. Tín Quyền Lực (Saddhindrīya): Tín làm thành người chủ quản trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Tín trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. Tấn Quyền Lực (Vīriyindrīya): Tinh Tấn làm thành người chủ quản trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

3. Niệm Quyền Lực (Satindrīya): Niệm làm thành người chủ quản trong việc chánh niệm đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

4. Định Quyền Lực (Samādhindrīya): Định làm thành người chủ quản trong việc kiên trụ trong Cảnh thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

5. Tuệ Quyền Lực (Paññindrīya): Trí Tuệ làm thành người chủ quản trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

5. NĂNG LỰC (BALA)

Có Ngũ Năng Lực, đó là:

1. Tín Năng Lực (Saddhābala): Tín làm thành người bất kinh động trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Tín trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. Tấn Năng Lực (Vīriyabala): Tinh Tấn làm thành người bất kinh động trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

3. Niệm Năng Lực (Satibala): Niệm làm thành người bất kinh động trong việc chánh niệm đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

4. Định Năng Lực (Samādhibala): Định làm thành người bất kinh động trong việc kiên trụ trong Cảnh thích hợp. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

5. Tuệ Năng Lực (Paññābala): Trí Tuệ làm thành người bất kinh động trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

6. GIÁC CHI (BOJJHAṄGA)

Có Thất Giác Chi, đó là:

1. Niệm Đẳng Giác Chi (Satisambojjhaṅga): Sự truy niệm làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. Trạch Pháp Đẳng Giác Chi (Dhammavicayasambojjhaṅga): Sự thẩm sát tuyển trạch Pháp trong cả hai phía Nội – Ngoại, làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

3. Tinh Tấn Đẳng Giác Chi (Vīriyasambojjhaṅga): Sự nỗ lực tinh cần làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

4. Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pītisambojjhaṅga): Sự thỏa lòng duyệt ý làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Hỷ Lạc trong 4 Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ, 4 Tâm Đại Duy Tác câu hành Hỷ, 30 Tâm Đổng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ (**Sappītika appanājavana**); hoặc 3 Tâm Thiện Sắc Giới, 3 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.

5. Khinh An Đẳng Giác Chi (Passaddhisambojjhaṅga): Sự an lạc Thân, an lạc Tâm làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Thân An, Tâm Sở Tâm An trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

6. Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga): Sự kiên trụ trong Cảnh làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

7. Xả Đẳng Giác Chi (Upekkhāsambojjhaṅga): Việc làm cho các Pháp Tương Ưng có sự quân bình trong chức năng của mình, làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp là Tâm Sở Trung Gian trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

7. CHI ĐỒ ĐẠO (MAGGAṄGA)

Có Bát Chi Đồ Đạo, đó là:

1. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi): Sự trông thấy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

2. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa): Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Tầm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 10 Tâm Đổng Lực Sơ Thiền, hoặc 1 Tâm Thiện Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.

3. Chánh Ngữ (Sammāvācā): Việc nói lời chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Ngữ trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.

4. Chánh Nghiệp (Sammākammanta): Việc hành động chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Nghiệp trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.

5. Chánh Mạng (Sammāājīva): Việc nuôi mạng chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Chánh Mạng trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.

6. Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyāma): Sự nỗ lực chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

7. Chánh Niệm (Sammāsati): Sự truy niệm chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố.

8. Chánh Định (Sammāsamādhi): Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY CHI PHÁP CẢ BẢY NHÓM ĐẲNG GIÁC PHẦN

Chando cittaṃ upekkhā ca — Saddhā passaddhi pītiyo
Sammādiṭṭhi ca saṅkappo — Vāyāmo viratittayaṃ.
Sammāsati samādhīti — Cuddasete sabhāvato.
Sattatiṃsappabhedena — Sattadhā tattha saṅgaho.

Như vậy, Tổng Hợp này khi phân loại có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định.

Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì những thể loại Pháp Đẳng Giác Phần này có được 14 Pháp như vầy: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An (Thân An và Tâm An cả hai này kết hợp lại thành 1), Hỷ Lạc, Trí Tuệ, Tầm, Cần, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Niệm, Nhất Thống. Rằng khi tính theo phân loại có 37 thể loại. Việc liệt kê thành từng mỗi nhóm ở trong những 37 thể loại Pháp Đẳng Giác Phần này, có được 7 nhóm như vầy.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH 14 CHI PHÁP THEO VỊ TRÍ PHÁP ĐẲNG GIÁC PHẦN

Saṅkappa passaddhi ca pītupekkhā — Chando ca cittaṃ viratittayañ ca.
Navekaṭhānā viriyaṃ nava aṭṭha — Sati samādhi catu pañca paññā.
Saddhā duṭhānuttamasattatiṃsad- — Dhammānameso pavaro vibhāgo.

Sự phân loại 37 Pháp Tối Thượng này được trình bày như sau: có chín Pháp gồm Tư Duy, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và ba Ngăn Trừ Phần được nói đến chỉ có một lần. Tinh Tấn đến chín lần, Niệm tám lần, Định bốn lần, Tuệ năm lần, và Tín hai lần.

+ Tầm, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, với từng mỗi thể loại của cả 9 Chi Pháp này có mỗi một vị trí là: 1. Tâm Sở Tầm làm thành Chánh Tư Duy Đạo, 2. Tâm Sở Khinh An làm thành Khinh An Đẳng Giác Phần, 3. Tâm Sở Hỷ Lạc làm thành Hỷ Lạc Đẳng Giác Phần, 4. Tâm Sở Trung Gian làm thành Xả Đẳng Giác Chi, 5. Tâm Sở Dục làm thành Dục Thần Túc, 6. Tâm làm thành Tâm Thần Túc, 7. Tâm Sở Chánh Ngữ làm thành Chánh Ngữ Đạo, 8. Tâm Sở Chánh Nghiệp làm thành Chánh Nghiệp Đạo, 9. Tâm Sở Chánh Mạng làm thành Chánh Mạng Đạo.

+ Một Tâm Sở Cần có được 9 vị trí, đó là: 1. Làm thành 4 Chánh Cần, 2. Làm thành 1 Cần Thần Túc, 3. Làm thành 1 Tấn Quyền Lực, 4. Làm thành 1 Tấn Năng Lực, 5. Làm thành 1 Tinh Tấn Đẳng Giác Chi, 6. Làm thành 1 Chánh Tinh Tấn Đạo.

+ Một Tâm Sở Niệm có được 8 vị trí, đó là: 1. Làm thành 4 Niệm Xứ, 2. Làm thành 1 Niệm Quyền Lực, 3. Làm thành 1 Niệm Năng Lực, 4. Làm thành 1 Niệm Đẳng Giác Chi, 5. Làm thành 1 Chánh Niệm Đạo.

+ Một Tâm Sở Nhất Thống có được 4 vị trí, đó là: 1. Làm thành 1 Định Quyền Lực, 2. Làm thành 1 Định Năng Lực, 3. Làm thành 1 Định Đẳng Giác Chi, 4. Làm thành 1 Chánh Định Đạo.

+ Một Tâm Sở Trí Tuệ có được 5 vị trí, đó là: 1. Làm thành 1 Thẩm Thần Túc, 2. Làm thành 1 Tuệ Quyền Lực, 3. Làm thành 1 Tuệ Lực, 4. Làm thành 1 Trạch Pháp Đẳng Giác Chi, 5. Làm thành 1 Chánh Kiến Đạo.

+ Một Tâm Sở Tín có được 2 vị trí, đó là: 1. Làm thành 1 Tín Quyền Lực, 2. Làm thành 1 Tín Năng Lực.

Việc phân tích 37 thể loại Pháp Đẳng Giác Phần Tối Thượng một cách đúng đắn có được như vầy.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY SINH TRÚ CỦA 37 PHÁP ĐẲNG GIÁC PHẦN

Sabbe lokuttare honti **Na vā saṃkappapītiyo.**
Lokiye pi yathāyogaṃ **Chabbisuddhippavattiyaṃ.**

Tất cả những Pháp này đôi khi, ngoại trừ Tư Duy và Hỷ Lạc, sinh khởi trong các Tâm Siêu Thế. Các Pháp này cũng sinh khởi trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn **Thanh Tịnh (Visuddhi).**

Tất cả những 37 Pháp Đẳng Giác Phần thường được sinh khởi trong Tâm Siêu Thế. Cả hai Chánh Tư Duy Đạo và Hỷ Lạc Đẳng Giác Phần đây, thường không có sinh khởi trong một vài cái Tâm Siêu Thế; tức là Chánh Tư Duy thường không có sinh khởi trong **Tâm Nhị Thiền Siêu Thế (Lokuttaradutiyajhānacitta)** (vì không còn Chi Tầm). Hỷ Lạc Đẳng Giác Phần thường không có sinh khởi trong **Tâm Tứ Thiền và Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế (Lokut taracatutthajhāna - pañcamajhāna)** (vì không còn Chi Hỷ). Những cả 37 Pháp Đẳng Giác Phần này một khi thành tựu viên mãn đủ cả Lục Thanh Tịnh [loại trừ **Tri Kiến Thanh Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)**] cũng sẽ phải được phối hợp ngay trong Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác cho đặng thường sinh khởi (vì lẽ việc tu tập Pháp Hành cho được thành tựu viên mãn cả Lục Thanh Tịnh có **Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi)** v.v. cho đến **Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi)** cũng sẽ phải tu tập Pháp Hành ngay trong tất cả các Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác này vậy.)

LỜI GIẢI THÍCH ĐẲNG GIÁC PHẦN

Câu Chú Giải từ ngữ **Bodhipakkhiyasaṅgaha (Tổng Hợp Đẳng Giác Phần),** là: **Cattāri saccāni bujjhatīti = Bodhi** - Pháp chủng nào liễu tri cả Tứ Thánh Đế, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Giác Ngộ.** Tức là Trí Tuệ hiện hữu trong 4 Tâm Đạo.

Như Đức Phật lập ý khải thuyết trong Bộ Kinh **Pāḷi Đại Xiển Minh (Mahāniddesa)** rằng: **Bodhi vuccati catūsu maggesu ñāṇaṃ ñāṇa** - Trí Tuệ trong Tứ Đạo, gọi là **Giác Ngộ.**

Bodhiyā pakkhe bhavāti = Bodhipakkhiyā - Pháp khởi sinh trong một phía của Tứ Tuệ Đạo được gọi tên là **Đẳng Giác.** Là 37 Pháp Đẳng Giác Phần.

Bodhi pakkhiyānaṃ saṅgahoti = Bodhipakkhiyasaṅgaho - Việc trình bày tập hợp tất cả lại làm thành một phía Tứ Tuệ Đạo, bởi do thế mới được gọi là **Tổng Hợp Đẳng Giác Phần.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Bodhipakkhiya (Đẳng Giác Phần)** cũng còn được gọi là 37 Phẩm Trợ Đạo. **Bodhi** là **Giác Ngộ,** hoặc Bậc có nguyện vọng thành đạt Giác Ngộ (Giác Hữu Tình). **Pakkhiya** theo ý nghĩa trực tiếp là "đứng về phía của"].

1. NIỆM XỨ (SATIPAṬṬHĀNA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ)** là: **Sampayutta dhammesu pamukhā padhānā hutvā kāyādīsu ārammaṇesu tiṭṭhatīti = Paṭṭhānaṃ** - Pháp chủng nào làm chủ vị, tức là làm thành chính yếu trong tất cả các Pháp Tương Ưng, và rồi an trụ ở tất cả các Cảnh, có Thân v.v. bởi do thế Pháp chủng ấy mới có tên gọi **Xứ.**

Sati eva paṭṭhānanti = Satipaṭṭhānaṃ - Đích thị chính là Niệm làm thành chính yếu trong Pháp Tương Ưng, và rồi kiên trụ ở trong Cảnh, có Thân v.v. bởi do thế mới gọi tên là **Niệm Xứ.**

NGUYÊN NHÂN CHỈ CÓ MỘT PHÁP NIỆM MÀ LÀM ĐƯỢC CẢ TỨ NIỆM XỨ

+ Chỉ có mỗi một Pháp Niệm mà làm thành cả Tứ Niệm Xứ, bởi vì:
- Thiết lập cho việc hạn định về Cảnh, có 4.
- Thực tướng của trẫm triệu hiện khởi lên, cũng có 4.
- Và việc đoạn tận các Pháp Điên Đảo, cũng có 4.
- Với nguyên nhân này mà chỉ có một Pháp Niệm mới làm được cả Tứ Niệm Xứ.

CẢNH LÀM THÀNH TRÚ XỨ CHO VIỆC HẠN ĐỊNH CỦA NIỆM

+ Có bốn Cảnh làm thành trú xứ cho việc hạn định của Niệm, đó là:

1. Sắc Uẩn (Rūpakhandha): làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là **Thân Tùy Quán Niệm Xứ.**

2. Thọ Uẩn (Vedanākhandha): làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là **Thọ Tùy Quán Niệm Xứ.**

3. Thức Uẩn (Viññāṇakhandha): làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là **Tâm Tùy Quán Niệm Xứ.**

4. Tưởng Uẩn (Saññākhandha) và **Hành Uẩn (Sankhārakhandha):** làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là **Pháp Tùy Quán Niệm Xứ.**

TỨ THỰC TƯỚNG LÀM THÀNH TRẪM TRIỆU HIỆN KHỞI LÊN VÀ VIỆC ĐOẠN TẬN TỨ PHÁP ĐIÊN ĐẢO (VIPALLĀSADHAMMĀ)

1. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thân (Kāya),** làm thành tác nhân cho **Bất Tịnh Thực Tướng (Asubhalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Tịnh Điên Đảo (Subhavipallāsa)** cho diệt mất đi.

2. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thọ (Vedanā),** làm thành tác nhân cho **Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Lạc Điên Đảo (Sukhavipallāsa)** cho diệt mất đi.

3. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Tâm (Citta),** làm thành tác nhân cho **Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Thường Điên Đảo (Niccavipallāsa)** cho diệt mất đi.

4. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thực Tính Pháp (Sabhāvadhamma)** tức là Tưởng và Hành, làm thành tác nhân cho **Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Ngã Điên Đảo (Atta vipallāsa)** cho diệt mất đi.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ)** khi chiết tự gồm có hai từ ngữ **Sati + Paṭṭhāna. Sati** là **Niệm,** ghi nhớ, hay biết, hoặc chú tâm ghi nhận. **Paṭṭhāna** là củng cố, thiết lập, áp đặt lên, nền tảng, hoặc Xứ. Các Pháp Niệm Xứ này được áp dụng để trau giồi và phát triển ở cả hai lãnh vực, An Chỉ và Minh Sát Tuệ. Từng mỗi Niệm Xứ được chủ hướng vào một mục tiêu riêng biệt. Quán niệm về bốn Xứ này, có một đạo lộ hướng dẫn đến sự phát triển trạng thái **Bất Tịnh (Asubha), Khổ Đau (Dukkha), Vô Thường (Anicca)** và **Vô Ngã (Anatta);** và có một đạo lộ khác thì nhằm đoạn tận trạng thái **Tịnh (Subha), Lạc (Sukha), Thường (Nicca)** và **Ngã (Atta).** Một cách vắn tắt, đề mục thẩm sát chú niệm có thể được chia ra làm hai thành phần; đó là Niệm về **Nāma (Danh),** và Niệm về **Rūpa (Sắc). Thân Tùy Quán Niệm Xứ,** hoặc còn gọi là **Niệm Thân,** liên hệ đến thành phần **Rūpa (Sắc);** chẳng hạn như hơi thở được xem là một **Rūpa. Thọ Tùy Quán Niệm Xứ** và **Tâm Tùy Quán Niệm Xứ** (còn được gọi là **Niệm Thọ** và **Niệm Tâm**) đã đề cập đến những thể loại cảm thọ và những tâm thức sai khác nhau. **Pháp Tùy Quán Niệm Xứ** (còn được gọi là **Niệm Pháp**) đã đề cập đến cả hai, Danh và Sắc. Trong bài **Kinh Niệm Xứ,** là bài Kinh thứ 10 ở trong Trung Bộ Kinh đã có trình bày đầy đủ với nội dung chi tiết về Tứ Niệm Xứ này].

2. CHÁNH CẦN (SAMMAPPADHĀNA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Sammappadhāna (Chánh Cần)** là: **Sammā padahanti etenāti = Sammappadhāna** - Tất cả các Pháp Tương Ưng có sự nỗ lực tinh cần một cách chân chánh, cùng với việc nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế Pháp chủng làm thành tác nhân của sự nỗ lực tinh cần đấy, mới được gọi tên **Chánh Cần.** Là Tâm Sở Cần.

Tinh Tấn được làm thành Chánh Cần phải là thể loại Tinh Tấn một cách mãnh liệt. Tinh Tấn thông thường thì không thể nào làm được, và Tinh Tấn làm thành Chánh Cần đây, phải là Tinh Tấn hiện hữu duy nhất chỉ ở trong Tâm Đồng Lực Thiện thôi. Còn Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác và Tâm Quả thì không thể nào làm thành Chánh Cần được. Vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh thường đã vượt thoát khỏi chức năng tạo tác hữu quan với việc đoạn tận Bất Thiện và tác hành cho Thiện sinh khởi đi rồi. Bởi do thế, Tinh Tấn hiện hữu trong Tâm Đồng Lực Duy Tác mới không được gọi là Chánh Cần. Đối với Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Quả cũng tương tự như nhau, tức là bất hữu quan với cả bốn chức năng ấy, vì lẽ tự bản thân mình đã là Dị Thục Quả rồi.

NGUYÊN NHÂN CHỈ CÓ MỘT PHÁP TINH TẤN MÀ LÀM ĐƯỢC CẢ TỨ CHÁNH CẦN

+ Chỉ có mỗi một Pháp Tinh Tấn làm thành cả Tứ Chánh Cần vì lẽ **Sự Vụ (Kicca)** của Tinh Tấn ở tại nơi đây hiện hữu bốn thể loại, đó là:

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi.
2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên.
3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên.
4. Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi.

1.Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi (Uppannānaṃ pāpakā naṃ pahānāya vāyāmo): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi, ở chỗ được gọi **Uppannapāpaka** có nghĩa Bất Thiện hữu quan với **Ác Hạnh (Duccarita)** và **Ác Mạng (Dūrājīva)** mà bản thân đã có tạo tác ngay trong kiếp sống này. Một trường hợp khác nữa, cho dù quả thật thể loại Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa có từng tạo tác đi nữa, tuy nhiên vẫn có thực tính tương tự với Ác Hạnh – Ác Mạng mà bản thân đã có từng tạo tác đi rồi, thì thể loại Bất Thiện Ác Hạnh – Ác Mạng ấy cũng vẫn được gọi tên **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** tương tự như nhau, thế nhưng chẳng phải là trực tiếp. Chẳng hạn như nam nhân **K** đã từng có sát hại đến gà, bởi do thế **Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)** đây, là thể loại **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** một cách trực tiếp đối với nam nhân **K** này. Còn về việc **Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇāti pāta)** hữu quan với việc sát mạng ở các loài Hữu Tình khác, ngoài ra việc sát mạng gà, cũng vẫn được gọi là **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** tương tự như nhau; thế nhưng hiện hành một cách gián tiếp, vì lẽ lập ý chỉ lấy tên gọi của hành động tạo tác thôi. Bởi vì việc sát mạng gà, hoặc sát mạng đến các Hữu Tình khác, tất cả cũng đều gọi tên **Sát Mạng (Pāṇā tipāta)** hết cả thảy. Những Ác Hạnh khác cũng hiện hành tương tự y theo phương thức này.

Theo lẽ thường nhiên, một khi Bất Thiện Nghiệp Lực đã có từng sinh khởi lên rồi, thì cũng phải diệt tắt, và sẽ chẳng thể nào tồn tại được lâu dài. Khi đã là như vậy, thì việc đoạn tận Bất Thiện đã có từng sinh khởi lên, sẽ chẳng phải là việc đoạn tận một cách trực tiếp được, mà đó chỉ là việc đoạn tận gián tiếp thôi. Sẽ nói rằng một khi thẩm sát liễu tri được đúng sai

rồi, thì cũng có sự chủ tâm rằng Ta đây sẽ không tạo Ác Hạnh, như việc sát tử Hữu Tình v.v. và hơn nữa trong sự diễn tiến của câu chuyện này thì cũng không đáng phải nỗ lực để giữ lấy nghĩ suy ấy cho khởi sinh ưu não buồn lòng, vì lẽ chẳng có lợi ích chi cả. Có nghĩa sẽ không thể nào làm cho Thiện Pháp bị thối giảm đi được, mà trái lại bởi do nương vào việc nghĩ suy này, chỉ sẽ làm cho phát sinh tội lỗi, tức là sẽ làm cho tâm thức thêm buồn rầu nóng nẩy khởi sinh lên. Một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo như vậy rồi, thì cũng buông bỏ việc nghĩ suy ấy đi, rồi nỗ lực tinh cần làm cho tâm trí khởi sinh Thiện Pháp nối tiếp theo. Cả hai thể loại này được gọi tên là **Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo**. Còn việc đoạn tận Bất Thiện đã từng sinh của Tinh Tấn trong phần Đạo Thiện **(Maggakusala)** thì đã rõ ràng rồi.

2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được (Anuppannā naṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi - ở chỗ được gọi **Anuppannānaṃ** có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với việc Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa từng có tạo tác chỉ trong kiếp sống này. Vì lẽ thường nhiên tất cả con người sinh tử luân hồi trong Vòng Luân Hồi Khổ đây, sẽ không thể nào đã không từng tạo tác Bất Thiện Pháp với Ác Hạnh và Ác Mạng ấy được, ắt hẳn đã từng có tạo tác hết cả thảy; bởi do thế mới lập ý lấy Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng sinh khởi đấy chỉ là ở trong kiếp sống này thôi. **Ác Pháp chưa từng sinh (Anuppannapāpaka)** đây, có hai thể loại, là:

+ Người nào vẫn chưa từng có thâu đạo, bởi do thế Bất Thiện mà chưa từng sinh đây, đó chính là Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy.

+ Người nào đã từng có thâu đạo về ngân tiền, nhưng vẫn chưa từng thâu đạo về kim tiền; bởi do thế Bất Thiện chưa từng sinh hữu quan với việc thâu đạo kim tiền thì được liệt kê thành Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy. Tại đây lập ý chỉ lấy sự khác biệt với nhau giữa Cảnh cũ và Cảnh mới; tức là vật chất của cải mà người ấy vẫn chưa từng thâu đạo với vật chất đã từng có thâu đạo, đích thị là chẳng giống với nhau; chính vì thế, mới được liệt kê thành thể loại Bất Thiện chưa từng sinh.

Lại nữa, Ngài Chú Giải Sư nói rằng bất luận một người nào đã từng có sát mạng Hữu Tình rồi; thế nhưng khi hãy còn ít tuổi thì vẫn chưa từng có sát mạng Hữu Tình, và tiếp đến đã có sát mạng Hữu Tình nhưng lại không nghĩ tưởng đến, lại còn quên hết tất cả đi. Khi đã là như vậy, thì cũng vẫn được liệt kê thể loại **Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)** này là thể loại Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy; tuy nhiên chỉ hiện hành một cách gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp. Sự cố gắng để cho các Thiện Pháp mới được sinh khởi, tức là cẩn phòng lưu tâm thường luôn ở trong Thiện Pháp với việc thực hiện xả thí, trì giới, tiến tu Chỉ Quán, việc phụng dưỡng Mẹ Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ; việc nghiên cứu học hỏi, việc giảng dạy Pháp Học, việc nguyện thọ trì **Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà)**, việc trùng tu các tự viện v.v. Việc thực hiện như đã vừa đề cập đến đây, cũng được gọi là **Aunppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo.**

3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên (Anuppannānaṃ kusalā naṃ uppādāya vāyāmo): Tại nơi đây, Thiện Pháp mới - tức là Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi, ở chỗ được gọi **Anuppannakusala** lập ý đến Thiện Hiệp Thế gồm có Chỉ Quán,

v.v. tùy theo thích hợp mà vẫn chưa từng có sinh khởi trong kiếp sống này; và **Đạo Thiện (Maggakusala)** vẫn chưa từng có sinh khởi trong kiếp sống này và những kiếp sống trước.

Người nào vẫn chưa từng thực hiện Xả Thí Thiện, bởi do thế Xả Thí Thiện ấy là **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala).** Đối với người ấy, hoặc với người đã từng có thực hiện Xả Thí Thiện rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thọ trì Ngũ Giới; từng thọ trì Ngũ Giới rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thọ trì Bát Giới; từng thọ trì Ngũ Giới và Bát Giới rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thực hiện Chỉ Quán; bởi do thế những thể loại Ngũ Giới, Bát Giới, Chỉ Quán đây cũng thuộc thể loại **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)** đối với người ấy, tương tự như nhau. Hoặc chỉ nội ở trong việc Xả Thí Thiện ấy không thôi, với người nào chỉ duy nhất đã từng múc vật thực bỏ vào bát cúng dường vị Tỳ Khưu, thế nhưng không từng cúng dường y áo; hoặc đã từng xuất gia thành vị Tỳ Khưu, thế nhưng vẫn chưa từng cúng dường **Thí Tăng Y (Kaṭhina);** hoặc đã từng cúng dường Thí Tăng Y rồi, thế nhưng vẫn chưa từng kiến tạo Pháp Bảo v.v. Tương tự như nhau, những thể loại này cũng được gọi là **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala),** và việc đã vừa đề cập đến tại đây cũng sắp thành thể loại Thiện Hiệp Thế.

Đối với **Đạo Thiện (Maggakusala)** vẫn chưa từng có sinh khởi đấy, tức là với người nào đã từng tiến tu Minh Sát Tuệ rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thành tựu Quả vị Thất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Thất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Nhất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Nhất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Bất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Bất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Vô Sinh; thế thì những Đạo Thiện như đã vừa đề cập đến tại đây cũng được gọi là Đạo Thiện vẫn chưa từng sinh khởi vậy. Khi người nào đã thẩm thị thấy rằng bất luận một Thiện Pháp nào ở trong tất cả những Thiện Pháp như đã vừa đề cập, mà vẫn chưa từng sinh khởi đối với mình, thì liền nỗ lực tinh cần thực hiện cho được sinh khởi. Đích thị chính việc nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp mà vẫn chưa từng có sinh khởi, cho có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì đã được gọi tên là **Anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo.**

4. Tinh cần để bảo trì tăng trưởng Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi (Uppannā naṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo): Tại nơi đây, Thiện Pháp đã từng có sinh khởi cho được tăng trưởng thêm lên, ở chỗ được gọi **Uppannakusala (Thiện đã từng sinh)** chỉ lập ý riêng về Thiện Hiệp Thế gồm có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà đã từng có được sinh khởi lên đối với bản thân mình ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước thôi. Chỗ sẽ phải nỗ lực tinh cần làm cho tăng trưởng lên cùng tột đấy, tức là làm cho sinh khởi lên hoài hoài.

Tuy nhiên đối với Đạo Thiện đấy, thì chẳng có hữu quan, vì lẽ Đạo Thiện đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì thường được sinh khởi duy nhất chỉ có một lần rồi liền diệt tắt đi, không có được sinh khởi lên hoài hoài; và duy chỉ có nỗ lực tinh cần làm cho tầng Đạo Thiện ở các bậc trên vẫn chưa được sinh khởi, làm cho sinh khởi lên thôi. Bởi do thế ý nghĩa của từ ngữ **Uppannakusala (Thiện đã từng sinh)** ở tại đây, mới chỉ dành riêng ở phần Thiện Hiệp Thế đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình ngay ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước. Và sự nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp đã có được sinh

khởi lên rồi, cho được thường luôn sinh khởi, thì mới được gọi tên **Uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo.**

3. THẦN TÚC (IDDHIPĀDA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Iddhipāda (Như Ý Túc)** là: **Ijjhanaṃ = Iddhi** - Sự thành tựu một cách viên mãn thì được gọi tên **Túc Mãn.** Tức là Thiền Định, Thắng Trí, Đạo, Quả. **Pajjati etenāti = Pādo** - Bất luận một người nào thường thành đạt đến bởi do nương vào Pháp ấy, bởi do thế Pháp chủng làm thành tác nhân cho sự thành đạt đến của người ấy được gọi tên **Phương Tiện (Nền Tảng).** Tức là Chi Pháp của Tứ Thần Túc.

Iddhiyā pādo = Iddhipādo - Pháp chủng làm thành tác nhân cho đạt đến sự thành tựu viên mãn, là Thiền Định, Thắng Trí, Đạo, Quả, thì được gọi tên **Thần Túc.**

Theo lẽ thường nhiên tất cả các Bậc Vô Sinh là Bậc đã đạt đến sự thành tựu một cách viên mãn; bởi do thế **Dục (Chanda), Cần (Vīriya), Tâm Duy Tác (Kiriyācitta)** và **Trí Tuệ (Paññā)** của Bậc Vô Sinh mới không được gọi là Thần Túc. Còn đối với Tâm Quả **(Phala citta)** đã là quả báo của Tâm Đạo rồi; bởi do thế Tâm Quả hoặc Dục, Cần, Trí Tuệ hiện hữu ở trong Tâm Quả cũng không được gọi là Thần Túc. Như thế, Pháp mà được gọi tên là Thần Túc mới chính là 21 Tâm Thiện; và Dục, Cần, Trí Tuệ chỉ hiện hữu ở các Tâm Thiện này thôi, cũng tương tự với Pháp làm thành **Chánh Cần (Sammappadhāna)** vậy. Lại nữa, Dục, Cần, Trí Tuệ và Tâm Thiện sinh khởi một cách thông thường thì không thể làm thành Pháp Thần Túc được; cần phải có năng lực một cách dũng mãnh mới sẽ được làm thành Pháp Thần Túc. **Bởi vì Chi Pháp của cả Tứ Thần Túc đây, đích thị cũng chính là cả Tứ Trưởng vậy; chỉ khác biệt là Pháp làm thành Trưởng thì có được cả Thiện, Bất Thiện, và Vô Ký; thế nhưng Pháp làm thành Thần Túc thì đơn nhất chỉ có Thiện ngần ấy thôi.**

[**Chú thích**: Từ ngữ **Iddhipāda (Thần Túc)** hàm ý đến những phương tiện nhằm làm thành tựu mục tiêu, hoặc cứu cánh. Một cách chính xác, tất cả bốn Pháp Thần Túc này đều thuộc về Tâm Siêu Thế. Dục Thần Túc là Tâm Sở Dục với "ý muốn làm" Dục Tầm Cầu. Cần Thần Túc là Tâm Sở Cần hàm xúc với Tứ Chánh Cần. Tâm Thần Túc là tất cả các Tâm Siêu Thế. Thẩm Thần Túc là Tâm Sở Trí Tuệ trong các Tâm Siêu Thế. Chỉ khi nào cả Tứ Pháp này hiện hữu ở trong Tâm Siêu Thế thì mới được gọi là **Iddhipāda (Thần Túc)**].

Về phần **4/. Quyền Lực (Indrīya)** và **5/. Năng Lực (Bala)** thì các câu Chú Giải và lời giải thích trong các từ ngữ **Indrīya (Quyền Lực)** và **Bala (Năng Lực)** đã có trình bày trong Tổng Hợp Hỗn Hợp rồi, bởi do thế tại nơi đây mới không cần phải trình bày lại thêm lần nữa.

6. GIÁC CHI (BOJJHAṄGA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Bojjhaṅga (Giác Chi)** là: **Bujjhanti etāyāti = Bodhi** - Tất cả các bậc Ẩn Sĩ thường được liễu tri Tứ Thánh Đế là do bởi nhóm Pháp này, bởi do thế nhóm Pháp làm thành tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế đây, mới được gọi tên **Giác Ngộ.** Tức là Chi Pháp của Thất Giác Chi kết hợp với nhau, có Niệm, Trí Tuệ v.v.

Bodhiyā aṅgo = Bojjhaṅgo - Pháp làm thành công cụ kết hợp của một nhóm Pháp tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế, mới được gọi tên **Giác Chi.** Tức là Chi Pháp của riêng từng mỗi Giác Chi.

LỜI GIẢI THÍCH TRONG THẤT GIÁC CHI

1. Niệm Đẳng Giác Chi (Satisambojjhaṅga): Niệm có sự tiến hóa, nghĩa là có được sự nối tiếp nhau an trụ trong Cảnh của cả Tứ Niệm Xứ bởi do **Sự Tu Tập (Bhāvanākicca),** thế rồi diệt trừ sự **Phóng Dật (Pamāda),** và làm cho **Đẳng Giác Trí (Sambodhiñāṇa)** là cả Tứ Đạo được sinh khởi, được gọi tên **Niệm Đẳng Giác Chi.**

2. Trạch Pháp Đẳng Giác Chi (Dhammavicayasambojjhaṅga): Trí Tuệ có sự tiến hóa, nghĩa là liễu tri trong Danh Sắc, và sự sinh diệt của Danh Sắc bởi do **Sự Tu Tập (Bhāvanākicca),** thế rồi diệt trừ **Si Mê (Moha),** và hiện khởi sự làm thành **Đẳng Giác Trí (Sambodhiñāṇa)** là cả Tứ Đạo, được gọi tên **Trạch Pháp Đẳng Giác Chi.**

3. Tinh Tấn Đẳng Giác Chi (Vīriyasambojjhaṅga): Tinh Tấn có sự tiến hóa, nghĩa là sự nỗ lực tinh cần một cách dũng mãnh trong việc đoạn lưu Bất Thiện, việc cản phòng không cho Bất Thiện sinh khởi, việc làm cho Thiện mới được sinh khởi, và việc làm cho Thiện cũ được tăng trưởng bởi do Sự Tu Tập; thế rồi diệt trừ **Sự Trì Độn (Kosajja)** là sự lười biếng, và làm cho Đẳng Giác Trí là cả Tứ Đạo được sinh khởi, được gọi tên **Tinh Tấn Đẳng Giác Chi.**

4. Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pītisambojjhaṅga): Hỷ Lạc có sự tiến hóa, nghĩa là có sự hân hoan phấn khởi trong Cảnh của **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā),** thế rồi diệt trừ **Bất Mãn Ý (Arati)** là sự bất hoan hỷ duyệt ý, và làm cho Đẳng Giác Trí là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên **Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi.**

5. Khinh An Đẳng Giác Chi (Passaddhisambojjhaṅga): Cả hai Tâm Sở Thân An và Tâm An có sự tiến hóa, nghĩa là có sự an lạc cả Thân và Tâm, thế rồi diệt trừ **sự cương kiện, sự khổ sở ưu não;** và làm cho Đẳng Giác Trí là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên **Khinh An Đẳng Giác Chi.**

6. Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga): Tâm Sở Nhất Thống có sự tiến hóa, nghĩa là kiên trụ trong Cảnh của **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā),** thế rồi diệt trừ **sự buông lung phóng dật;** và làm cho Đẳng Giác Trí là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên **Định Đẳng Giác Chi.**

7. Xả Đẳng Giác Chi (Upekkhāsambojjhaṅga): Tâm Sở Trung Gian có sự tiến hóa, nghĩa là làm cho **Tín (Saddhā)** với **Tuệ (Paññā), Tấn (Vīriya)** với **Định (Samādhi)** có sự quân bình, không có việc cương nhu bất đồng; thế rồi diệt trừ **Tham Dục (Kāmachanda), Hoài Nghi (Vicikicchā), Trạo Cử (Uddhacca), Hối Hận (Kukkucca), Hôn Thùy (Thīna middha);** và làm cho Đẳng Giác Trí là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên **Xả Đẳng Giác Chi.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Sambojjhaṅga (Đẳng Giác Chi)** khi chiết tự ra có được ba từ ngữ **Sam + Bodhi + Aṅga. Sam:** nâng cao, tốt đẹp, **Bodhi:** giác ngộ, hoặc bậc có nguyện

vọng phấn đấu để thành đạt sự giác ngộ (Giác Hữu Tình), **Aṅga:** chi phần. Nơi đây, **Dhammavicaya (Trạch Pháp)** có nghĩa thẩm thị theo chân thực tính của Danh và Sắc, do bởi tiến tu **Tuệ Minh Sát. Passadhi (Khinh An)** có nghĩa cả hai Thân An và Tâm An Tâm Sở với trạng thái an lạc. **Upekkhā (Xả)** có nghĩa trạng thái quân bình với mọi Pháp. Cả ba Trạch Pháp, Tinh Tấn, và Hỷ Lạc đối trị với Hôn Thùy. Cả ba Khinh An, Định và Xả đối trị với Phóng Dật].

7. CHI ĐỒ ĐẠO (MAGGAṄGA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** là: **Kilese mārentā nibbānaṃ gacchanti etānāti = Maggo** - Tất cả các bậc Ẩn Sĩ sát trừ Phiền Não, và thường chứng đạt đến Níp Bàn do bởi Pháp ấy; bởi do thế Pháp chủng làm thành tác nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn của các bậc Ẩn Sĩ ấy, được gọi tên **Đồ Đạo.** Tức là bát Chi Đồ Đạo kết hợp vào nhau, có Chánh Kiến v.v.

Maggassa aṅgo = Maggaṅgo - Pháp làm thành công cụ kết hợp nhóm Pháp tác nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn, được gọi tên Chi Đồ Đạo. Tức là Bát Chi Đồ Đạo theo riêng từng mỗi chi phần.

LỜI GIẢI THÍCH TRONG BÁT CHI ĐỒ ĐẠO

1. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi): Sự liễu minh trong cả Tứ Thánh Đế bởi theo **Tứ Sự Vụ (Kicca),** là:

+ Liễu minh trong Khổ Đế bởi do **Đạt Tri Sự Vụ (Pariññākicca).**

+ Liễu minh trong Tập Đế bởi do **Diệt Trừ Sự Vụ (Pahānakicca).**

+ Liễu minh trong Diệt Đế bởi do **Đắc Chứng Sự Vụ (Sacchikaraṇakicca).**

+ Liễu minh trong Đạo Đế bởi do **Tu Tập Sự Vụ (Bhāvanākicca).**

Những thể loại này được gọi tên là **Chánh Kiến.**

2. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa): Sự nghĩ suy chân chánh hữu quan:

+ Ly Tham Dục Tư Duy (Nikkhamasaṅkappa): sự nghĩ suy xa lìa khỏi Cảnh Dục Trần.

+ Ly Cừu Hận Tư Duy (Abyāpādasaṅkappa): sự nghĩ suy kết hợp với Từ Ái.

+ Ly Oán Độc Tư Duy (Avihiṃsāsaṅkappa): sự nghĩ suy kết hợp với Bi Mẫn.

Những thể loại này được gọi tên là **Chánh Tư Duy.**

3. Chánh Ngữ (Sammāvācā): Việc xa lánh cả Tứ Ngữ Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là **Chánh Ngữ.**

4. Chánh Nghiệp (Sammākammanta): Việc xa lánh cả Tam Thân Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là **Chánh Nghiệp.**

5. Chánh Mạng (Sammāājīvā): Việc xa lánh Tứ Ngữ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là **Chánh Mạng.**

6. Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyāma): Sự nỗ lực tinh cần tiến hành theo cả Tứ Chánh Cần, được gọi tên là **Chánh Tinh Tấn.**

7. Chánh Niệm (Sammāsati): Sự truy niệm tiến hành theo cả Tứ Niệm Xứ, được gọi tên là **Chánh Niệm.**

8. Chánh Định (Sammāsamādhi): Sự kiên trụ trong **Cảnh Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)**, được gọi tên là **Chánh Định.**

VIỆC PHÂN TÍCH BÁT CHI ĐỒ ĐẠO THỂ THEO GIỚI UẨN (SĪLAKHANDHA), ĐỊNH UẨN (SAMĀDHIKHANDHA) VÀ TUỆ UẨN (PAÑÑĀKHANDHA)

1. Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và **Chánh Mạng:** Cả ba Chi Đồ Đạo này được liệt vào **Giới Uẩn.**

2. Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và **Chánh Định:** Cả ba Chi Đồ Đạo này được liệt vào **Định Uẩn.**

3. Chánh Kiến và **Chánh Tư Duy:** Cả hai Chi Đồ Đạo này được liệt vào **Tuệ Uẩn.**

[**Chú thích**: Thể theo các bản Chú Giải thì từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** bao hàm hai ý nghĩa, là: **1/. Dục Tầm Cầu Níp Bàn,** và **2/. Sát Trừ Phiền Não (Nibbānatthikehi maggīyatīti và kilese mārento gacchatīti maggo).** Theo lẽ thường nhiên với những ý nghĩa đặc biệt này đã miêu tả sự khác biệt giữa Bát Chánh Đạo với những Đạo Lộ thông thường. Một cách chính xác, Bát Chi Đồ Đạo bao gồm tám Tâm Sở phối hợp với các Tâm Siêu Thế và lấy Níp Bàn làm đối tượng. Với Chi Đồ Đạo thứ nhất là Chánh Kiến với ý nghĩa sự liễu tri chân chánh. Chánh Kiến được giải thích là liễu tri Tứ Thánh Đế.

Nói một cách khác, là sự liễu tri chính bản thân mình đúng theo chân thực tính; hoặc liễu tri các sự vật đúng theo chân như thực tính; hoặc liễu tri Thực Tướng của tất cả các Pháp. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là Tâm Sở Trí Tuệ có thiên hướng sát trừ **Vô Minh (Avijjā), Si Mê (Moha).** Chánh Kiến đứng ở vị trí đầu tiên trong Bát Chi Đồ Đạo, vì lẽ tất cả mọi sở hành thiết yếu phải được Trí Tuệ dẫn dắt. Chánh Kiến dẫn đến Chánh Tư Duy, nghĩ suy chân chánh. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là Tâm Sở Tầm hướng Tâm về Níp Bàn, loại trừ những tư tưởng **Tham Dục (Kāma chanda), Cừu Hận (Vyāpādā)** và **Oán Độc (Himsā);** bằng cách vun bồi các Thiện Pháp **Ly Dục (Nekkhamma), Ly Cừu Hận (Abyāpāda)** và **Ly Oán Độc (Avihiṃsā).** Với cả hai Chi Đồ Đạo đầu tiên đã hợp thành nhóm **Tuệ Đạo.**

Chánh Tư Duy dẫn đến Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; với cả ba Chi Đồ Đạo này đã hợp thành nhóm **Giới Đạo.** Chánh Ngữ có nghĩa là tiết chế, xa lìa, kiêng cử về Tứ Ngữ Ác Hạnh. Chánh Nghiệp có nghĩa là tiết chế, xa lìa, kiêng cử về Tam Thân Ác Hạnh. Chánh Mạng gồm có hai ý nghĩa, là: **1/. Đời sống chân chánh của Chư Tỳ Khưu (Xuất Gia) tiết chế, xa lìa 21 Pháp Tà Mạng (Anesanā); 2/. Đời sống chân chánh của các vị Cận Sự Nam – Nữ (Tại Gia) tiết chế, xa lìa 5 Pháp Tà Mạng (Vaṇijjā).** Cả ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần được bao gồm ở trong ba Chi Đồ Đạo này.

Chánh Tinh Tấn là tiến hành trau giồi Tứ Chánh Cần. Chánh Niệm là tiến hành trau giồi Tứ Niệm Xứ. Chánh Định là kiên tâm định thức trong Cảnh Minh Sát Nghiệp Xứ. Cả ba Chi Đạo này hợp thành nhóm **Định Đạo.**

Và Bát Chi Đồ Đạo này bao gồm cả Tam Vô Lậu Học: **Giới, Định và Tuệ.**

Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ); (b) Sammappadhāna (Chánh Cần); (c) Iddhipāda (Thần Túc); (d) Indrīya (Quyền Lực); (e) Bala (Năng Lực); (f) Bojjhaṅga (Giác Chi); (g) Maggaṅga (Chi Đồ Đạo).

			(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)
1	**Viriya**: Tinh-Tấn (Cần)	9		+4	+	+	+	+	+
2	**Sati:** Niệm	8	+4			+	+	+	+
3	**Paññā**: Trí Tuệ	5			+	+	+	+	+
4	**Samādhi**: Định	4				+	+	+	+
5	**Saddhā**: Tín	2				+	+		
6	**Sankappa**: Tư Duy	1							+
7	**Passaddhi**: Khinh An	1						+	
8	**Pīti**: Hỷ Lạc	1						+	
9	**Upekkhā**: Xả	1						+	
10	**Chanda**: Dục	1							
11	**Citta**: Tâm	1							
12	**Sammāvācā**: Chánh Ngữ	1							+
13	**Sammākammanto**: Chánh Nghiệp	1							+
14	**Sammā ājīvo**: Chánh Mạng	1							+

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Đẳng Giác Phần

----------00000----------

TỔNG HỢP TẬN THỊ (SABBASAṄGAHA)

Việc Trình Bày Liệt Kê Tất Cả Pháp Thực Tính Với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp Và Níp Bàn Làm Thành Một Nhóm Vào Chung Với Nhau

Sabbasaṅgahe: Pañcakkhandho, rūpakkhandho, vedanākkhandho, saññāk khandho, saṅkhārakkhandho, viññāṇakkhandho.

Pañcupādānakkhandhā: rūpupadānākkhandho, vedanūpādānakkhandho, saññū pādānakkhandho, saṅkhārūpādānakkhandho, viññāṇupādānakkhandho.

Dvādasāyatanāni: cakkhāyatanaṃ, sotāyatanaṃ, ghāṇāyatanaṃ, jivhāyatanaṃ, kāyayatanaṃ, manāyatanaṃ, rūpāyatanaṃ, saddāyatanaṃ, gandhāyatanaṃ, rasāya tanaṃ, phoṭṭhabbāyatanaṃ, dhammāyatanaṃ.

Aṭṭhārasadhātuyo: cakkhudhātu, sotadhātu, ghāṇadhātu, jivhādhātu, kāyadhātu, rūpadhātu, saddadhātu, gandhadhātu, rasadhātu, phoṭṭhabbadhātu,

cakkhuviññāṇa dhātu, sotaviññāṇadhātu, ghānaviññāṇadhātu, jivhāviññāṇa dhātu, kāyaviññāṇadhātu, manodhātu, dhammadhātu, manoviññāṇadhātu.

Cattāri ariyasaccāni: dukkhaṃ ariyasaccaṃ, dukhasamudayo ariyasaccaṃ, dukkhanirodho ariyasaccaṃ, dukkhanirodhagāminīpaṭipadā ariyasaccaṃ.

Etthe pana cetasikā sukhumarūpa nibbānavasena ekūnasattati dhammā dhammāyatanadhammadhātūti saṅkhaṃ gacchanti. Manāyatanameva satta viññāṇadhātu vasena bhijjati.

Rūpañca vedanā saññā sesā cetasikā tathā viññāṇaṃ iti pañcete pañcakkhan dhāti bhāsitā.

Pañcupādānakkhandhāti tathā tebhūmakā matā bhedābhāvena nibbānaṃ khandhasaṅgaha nissaṭaṃ.

Dvārālambanabhedena bhavantāyantanāni ca dvārālambanataduppanna pariyāyena dhātuyo.

Dukkhaṃ tebhūmakaṃ vaṭṭaṃ taṇhāsamudayo bhave nirodho nāma nibbānaṃ maggo lokuttaro mato.

Maggayuttā phalā ceva catusaccavinissaṭā. Iti pañcappabhedena pavutto sabbasaṅgaho. Iti Abhidhammatthasaṅgahe samuccayasaṅgahavibhāgo nāma sattama paricchedo.

Trong Tổng Hợp Tận Thị, có **Ngũ Uẩn:** Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn. Có **Ngũ Thủ Uẩn:** Sắc Thủ Uẩn, Thọ Thủ Uẩn, Tưởng Thủ Uẩn, Hành Thủ Uẩn, Thức Thủ Uẩn. Có **Thập Nhị Xứ:** Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ, Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ, Pháp Xứ. Có **Thập Bát Giới:** Nhãn Giới, Nhĩ Giới, Tỷ Giới, Thiệt Giới, Thân Giới, Sắc Giới, Thinh Giới, Khí Giới, Vị Giới, Xúc Giới, Nhãn Thức Giới, Nhĩ Thức Giới, Tỷ Thức Giới, Thiệt Thức Giới, Thân Thức Giới, Ý Giới, Pháp Giới, Ý Thức Giới. Có **Tứ Thánh Đế:** Khổ Thánh Đế, Khổ Tập Thánh Đế, Khổ Diệt Thánh Đế, Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.

Tại đây sáu mươi chín Pháp gồm 52 Tâm Sở, 16 **Sắc Vi Tế (Sukhumarūpa),** và Níp Bàn, được xem hợp thành Pháp Xứ và Pháp Giới. Chỉ có Ý Xứ được chia thành Thất Thức Giới. Sắc, Thọ, Tưởng và các Tâm Sở còn lại cùng các Thức được gọi là Ngũ Uẩn. Cùng thế ấy, các Pháp hữu quan với Tam Cõi Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) được xem là Ngũ Thủ Uẩn. Vì Níp Bàn thì bất phân biệt (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai), nên không nằm ở trong phạm vi của Ngũ Uẩn. Do sự khác biệt giữa các Căn Môn và Đối Tượng nên có Thập Nhị Xứ. Tùy hợp nơi Căn Môn, Đối Tượng và Thức hữu quan, nên mới có các Giới khởi sinh. Sự hiện hữu trong cả Tam Cõi Giới là thống khổ. Ái Dục là nguyên nhân khởi sinh Khổ Đau. Khổ Diệt gọi tên là Níp Bàn. Đạo Lộ là con đường Siêu Thế. Các Tâm Sở tương ưng với Đạo và Quả thì không nằm ở trong Tứ Đế.

Như vậy, Tổng Hợp Tận Thị được giải thích theo năm phân loại. Đây là Chương thứ bảy của Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã đề cập đến Tổng Hợp Tập Yếu được phân loại thể theo năm khối nhóm.

----------00000----------

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Tận Thị có được năm nhóm Pháp, đó là: 1/. Uẩn, 2/. Thủ Uẩn, 3/. Xứ, 4/. Giới, 5/. Đế. Và rằng khi phân loại có được 39 thể loại (Thủ Uẩn thì không cần phải tính riêng biệt), như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. UẨN (KHANDHA)

Có Ngũ Uẩn, đó là:

1. Sắc Uẩn (Rūpakhandha): Một khối Sắc. Chi Pháp là 28 Sắc Pháp.

2. Thọ Uẩn (Vedanākhandha): Một khối Thọ. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 89 hoặc 121 Tâm.

3. Tưởng Uẩn (Saññākhandha): Một khối Tưởng. Chi Pháp là Tâm Sở Tưởng trong 89 hoặc 121 Tâm.

4. Hành Uẩn (Saṅkhārakhandha): Một khối Hành. Chi Pháp là 50 Tâm Sở (loại trừ Thọ và Tưởng) trong 89 hoặc 121 Tâm tùy theo thích hợp.

5. Thức Uẩn (Viññāṇakhandha): Một khối Tâm. Chi Pháp là 89 hoặc 121 Tâm.

2. THỦ UẨN (UPĀDĀNAKKHANDHA)

Có Ngũ Thủ Uẩn, đó là:

1. Sắc Thủ Uẩn (Rūpupādānakkhandha): Một khối Sắc làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Chi Pháp là 28 Sắc.

2. Thọ Thủ Uẩn (Vedanupādānakkhandha): Một khối Thọ làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Chi Pháp là Tâm Sở Thọ trong 81 Tâm Hiệp Thế.

3. Tưởng Thủ Uẩn (Saññupādānakkhandha): Một khối Tưởng làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Chi Pháp là Tâm Sở Tưởng trong 81 Tâm Hiệp Thế.

4. Hành Thủ Uẩn (Sankhārupādānakkhandha): Một khối Hành làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Chi Pháp là 50 Tâm Sở (loại trừ Thọ và Tưởng) trong 81 Tâm Hiệp Thế.

5. Thức Thủ Uẩn (Viññāṇupādānakkhandha): Một khối Tâm làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Chi Pháp là 81 Tâm Hiệp Thế.

3. XỨ (ĀYATANA)

Có Thập Nhị Xứ, đó là:

1. Nhãn Xứ (Cakkhāyatana): Nhãn được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là Nhãn Thanh Triệt.

2. Nhĩ Xứ (Sotāyatana): Nhĩ được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tỷ Xứ (Ghānāyatana): Tỷ được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là Tỷ Thanh Triệt.

4. Thiệt Xứ (Jivhāyatana): Thiệt được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là Thiệt Thanh Triệt.

5. Thân Xứ (Kāyāyatana): Thân được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là Thân Thanh Triệt.

6. Sắc Xứ (Rūpāyatana): Cảnh Sắc được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là các sắc màu.

7. Thinh Xứ (Saddāyatana): Cảnh Thinh được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là các âm thanh.

8. Khí Xứ (Gandhāyatana): Cảnh Khí được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là các khí hơi.

9. Vị Xứ (Rasāyatana): Cảnh Vị được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là các mùi vị.

10. Xúc Xứ (Phoṭṭhabbāyatana): Cảnh Xúc được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là các sự xúc chạm.

11. Ý Xứ (Manāyatana): Tâm được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là tất cả các Tâm.

12. Pháp Xứ (Dhammāyatana): Các Pháp Thực Tính được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp là 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn.

4. GIỚI (DHĀTU)

Có Thập Bát Giới, đó là:

1. Nhãn Giới (Cakkhudhātu): Nhãn được gọi tên là Giới vì có Tịnh Sắc Căn để cho Cảnh Sắc đi đến tiếp xúc. Chi Pháp là Nhãn Thanh Triệt.

2. Nhĩ Giới (Sotadhātu): Nhĩ được gọi tên là Giới vì có Tịnh Sắc Căn để cho Cảnh Thinh đi đến tiếp xúc. Chi Pháp là Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tỷ Giới (Ghānadhātu): Tỷ được gọi tên là Giới vì có Tịnh Sắc Căn để cho Cảnh Khí đi đến tiếp xúc. Chi Pháp là Tỷ Thanh Triệt.

4. Thiệt Giới (Jivhādhātu): Thiệt được gọi tên là Giới vì có Tịnh Sắc Căn để cho Cảnh Vị đi đến tiếp xúc. Chi Pháp là Thiệt Thanh Triệt.

5. Thân Giới (Kāyadhātu): Thân được gọi tên là Giới vì có Tịnh Sắc Căn để cho Cảnh Xúc đi đến tiếp xúc. Chi Pháp là Thân Thanh Triệt.

6. Sắc Giới (Rūpadhātu): Cảnh Sắc được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt. Chi Pháp là các sắc màu.

7. Thinh Giới (Saddādhātu): Cảnh Thinh được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Nhĩ Thanh Triệt. Chi Pháp là các âm thanh.

8. Khí Giới (Gandhadhātu): Cảnh Khí được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Tỷ Thanh Triệt. Chi Pháp là các khí hơi.

9. Vị Giới (Rasadhātu): Cảnh Vị được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Thiệt Thanh Triệt. Chi Pháp là các mùi vị.

10. Xúc Giới (Phoṭṭhabbadhātu): Cảnh Xúc được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Thân Thanh Triệt. Chi Pháp là các sự xúc chạm.

11. Nhãn Thức Giới (Cakkhuviññāṇadhātu): Nhãn Thức được gọi tên là Giới vì có việc trông thấy. Chi Pháp là 2 Tâm Nhãn Thức.

12. Nhĩ Thức Giới (Sotaviññāṇadhātu): Nhĩ Thức được gọi tên là Giới vì có việc được lắng nghe. Chi Pháp là 2 Tâm Nhĩ Thức.

13. Tỷ Thức Giới (Ghānaviññāṇadhātu): Tỷ Thức được gọi tên là Giới vì có việc ngửi khí hơi. Chi Pháp là 2 Tâm Tỷ Thức.

14. Thiệt Thức Giới (Jivhāviññāṇadhātu): Thiệt Thức được gọi tên là Giới vì có việc nếm mùi vị. Chi Pháp là 2 Tâm Thiệt Thức.

15. Thân Thức Giới (Kāyaviññāṇadhātu): Thân Thức được gọi tên là Giới vì có việc xúc chạm. Chi Pháp là 2 Tâm Thân Thức.

16. Ý Giới (Mānodhātu): Ba cái Tâm được gọi tên là Ý Giới vì có việc hiểu biết Cảnh Ngũ thể loại thông thường. Chi Pháp là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Tiếp Thâu.

17. Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu): 76 Tâm được gọi tên là Ý Thức Giới vì có việc hiểu biết Cảnh thể loại đặc biệt. Chi Pháp là 76 Tâm (trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới).

18. Pháp Giới (Dhammadhātu): 69 Pháp Thực Tính được gọi tên là Pháp Giới vì có trạng thái thực tính của bản thân mình. Chi Pháp là 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn.

5. THÁNH ĐẾ (ARIYASACCA)

Có Tứ Thánh Đế, đó là:

1. Khổ Đế (Dukkhasacca): Pháp làm thành sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các Bậc Vô Sinh. Chi Pháp là 81 Tâm Hiệp Thế, 51 Tâm Sở (loại trừ Tham), 28 Sắc Pháp.

2. Tập Đế (Samudayasacca): Pháp làm thành tác nhân cho sinh khởi sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các Bậc Vô Sinh. Chi Pháp là Tâm Sở Tham.

3. Diệt Đế (Nirodhasacca): Pháp làm thành công cụ diệt tắt sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các Bậc Vô Sinh. Chi Pháp là Níp Bàn.

4. Đạo Đế (Maggasacca): Pháp làm thành tác nhân cho đi đến sự diệt tắt Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các Bậc Vô Sinh. Chi Pháp là 8 cái Tâm Sở Chi Đồ Đạo có Tâm Sở Trí Tuệ, v.v. ở trong 4 Tâm Đạo.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY ĐẾM CHI PHÁP TRONG NGŨ UẨN, THỦ UẨN LUÔN CẢ TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN NÍP BÀN LÀ NGOẠI UẨN (KHANDHAVIMUTTA)

1. Rūpañca vedanā saññā
Viññāṇaṃ iti pañcete
Sesā cetasikā tathā
Pañcakkhandhāti bhāsitā.

2. Pañcupādānakkhandhāti
Bhedābhāvena nibbānaṃ
Tathā tebhūmakā matā
Khandhasaṅgaha nissaṭaṃ.

1. Tất cả các bậc Học Giả nên trình bày cả 5 thể loại Pháp này đây: Sắc, Thọ, Tưởng, 50 Tâm Sở còn lại, và Thức gọi là Ngũ Uẩn.

2. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức sinh khởi trong cả Tam Cõi Giới gọi là Ngũ Thủ Uẩn.

Còn Níp Bàn vượt ra ngoài cả Ngũ Uẩn bởi vì Níp Bàn thì bất phân biệt (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai), nên không nằm trong phạm vi của Ngũ Uẩn.

VIỆC TÍNH ĐẾM CHI PHÁP TRONG THẤT THỨC GIỚI, PHÁP XỨ - PHÁP GIỚI

Etthe pana cetasikā sukhumarūpa nibbānavasena ekūnasattati dhammā dhammāyatanadhammadhātūti saṅkhaṃ gacchanti. Manāyatanameva satta viññāṇadhātu vasena bhijjati - Tại đây 69 Pháp gồm 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế **(Sukhuma rūpa)**, và Níp Bàn được xem hợp thành Pháp Xứ và Pháp Giới. Chỉ có Ý Xứ được chia thành Thất Thức Giới. Tại đây, với 69 Pháp gồm 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn nên được gọi là Pháp Xứ và Pháp Giới. Duy chỉ một nhóm Ý Xứ thì được chia ra thành Thất Thức Giới.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH TỪ PHÂN LOẠI 12 XỨ VÀ 18 GIỚI

Dvārālambanabhedena Bhavantāyantanāni ca
Dvārālambanataduppanna Pariyāyena dhātuyo

Do sự khác biệt giữa các Căn Môn và Đối Tượng nên có Thập Nhị Xứ. Tùy hợp nơi Căn Môn, Đối Tượng và Thức hữu quan, nên mới có các Giới khởi sinh. Xứ có số lượng 12, bởi vì có sự phân loại khác biệt với nhau từ ở Lục Môn và Lục Cảnh. Giới có số lượng 18, bởi theo phương cách từ ở Lục Môn, Lục Cảnh, và Lục Thức sinh khởi trong các Môn và các Cảnh ấy.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY VIỆC TÍNH ĐẾM CHI PHÁP TỨ THÁNH ĐẾ

Dukkhaṃ tebhūmakaṃ vaṭṭaṃ Taṇhāsamudayo bhave
Nirodho nāma nibbānaṃ Maggo lokuttaro mato

Sự hiện hữu ở trong cả Tam Cõi Giới là thống khổ. Ái Dục là nguyên nhân khởi sinh Khổ Đau. Khổ Diệt gọi tên là Níp Bàn. Đạo Lộ là con đường Siêu Thế.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết Pháp luân chuyển trong cả Tam Cõi Giới được gọi tên Khổ Đế. Ái Dục được gọi tên Tập Đế. Níp Bàn được gọi tên Diệt Đế. Bát Chi Đạo sinh khởi trong Tâm Đạo Siêu Thế được gọi tên Đạo Đế.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY PHÁP THÀNH NGOẠI ĐẾ (SACCAVIMUTTA)

Maggayuttā phalā ceva Catusaccavinissaṭā
Iti pañcappabhedena Pavutto sabbasaṅgaho

Các Tâm Sở tương ưng với Đạo và Quả thì không nằm trong Tứ Đế. Như vậy, Tổng Hợp Tận Thị được giải thích theo năm phân loại. 29 Tâm khởi sinh Đạo **(Maggacittuppāda)** (loại trừ Bát Chi Đồ Đạo) phối hợp với Tâm Đạo, hoặc 37 Tâm khởi sinh Quả **(Phalacittup pāda)** vượt ra ngoài cả Tứ Đế thì được gọi tên là **Ngoại Đế (Saccavimutta). Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày Tổng Hợp Tận Thị qua việc chia ra thành năm phân loại, và đã được đề cập đến ở tại đây.

LỜI GIẢI THÍCH TRONG TỔNG HỢP TẬN THỊ

Câu Chú Giải từ ngữ **Sabbasaṅgaha (Tổng Hợp Tận Thị)** là: **Sabbesuṃ para maṭṭhadhammānaṃ saṅgahoti = Sabbasaṅgaho** - Một nhóm trình bày liệt kê hết tất cả các Pháp Thực Tính, bởi do thế mới được gọi tên là **Tổng Hợp Tận Thị.** Có nghĩa – rằng trong Tổng Hợp Tận Thị này - **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày việc phân tích hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý một cách không dư sót.

1. UẨN (KHANDHA)

Từ ngữ **Khandha (Uẩn)** có nghĩa là một khối, một số lượng; ăn khớp với từ ngữ **Pāḷi** đã nói rằng: **Rasaṭṭhena (Rāsi + Aṭṭhena) Khandho** - Gọi tên là Uẩn vì có nội dung "thành một khối, một số lượng."

Tức là: 1/. Pháp làm thành **Hiện Tại (Paccuppanna), Quá Khứ (Atīta), Vị Lai (Anāgata)** kết hợp với nhau thành một khối. 2/. Pháp ở phần **Nội Bộ (Ajjhatta)** và **Ngoại Bộ (Bahiddha)** kết hợp với nhau thành một khối. 3/. Pháp ở phần **Thô Thiển (Oḷārika)** và **Vi Tế (Sukhuma)** kết hợp với nhau thành một khối. 4/. Pháp ở phần **Ty Liệt (Hīna)** và **Tinh Lương (Paṇīta)** kết hợp với nhau thành một khối. 5/. Pháp ở phần **Dao Viễn (Dūra)** và **Cận Lân (Santika)** kết hợp với nhau thành một khối.

Bởi do thế, ở trong cả Ngũ Uẩn, thì:

1. Sắc Pháp hiện đang sinh khởi, Sắc Pháp đã diệt mất đi rồi, Sắc Pháp sẽ sinh khởi nối tiếp ở thời vị lai; kết hợp cả ba phân loại này vào nhau được gọi tên là **Sắc Uẩn.**

+ Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành trong cùng một phương thức này.

2. Sắc Pháp sinh trú bên trong nội thân của Ta và Sắc Pháp sinh trú bên ngoại thân của Ta; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau được gọi tên là **Sắc Uẩn.**

+ Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành trong cùng một phương thức này.

3. Sắc Pháp hiện bày thô thiển và Sắc Pháp hiện bày vi tế; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau được gọi tên là **Sắc Uẩn.**

+ Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành trong cùng một phương thức này.

4. Sắc Pháp ty liệt và Sắc Pháp tinh lương; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau được gọi tên là **Sắc Uẩn.**

+ Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành trong cùng một phương thức này.

5. Sắc Pháp dao viễn Trí Tuệ, nghĩa là khó được liễu tri; và Sắc Pháp cận lân Trí Tuệ, nghĩa là được liễu tri dễ dàng; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau được gọi tên là **Sắc Uẩn.**

+ Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

Trình bày nội dung ý nghĩa của Uẩn: Uẩn có nghĩa một khối, một số lượng; là chẳng phải lập ý lấy một khối lượng lớn kết hợp vào nhau, mà đích thị chính là lập ý chỉ lấy năm phân loại khác biệt với nhau như đã vừa đề cập đến ở tại đây rồi vậy. Với lý do này, chỉ với mỗi một Tâm Sở Thọ và duy nhất mỗi một Tâm Sở Tưởng mới được làm thành Thọ Uẩn và Tưởng Uẩn.

Còn về Níp Bàn là Ngoại Uẩn cũng bởi vì bất phân loại với nhau, tức là:

1. Níp Bàn bất phân biệt **Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai**; và đơn nhất chỉ có **Ngoại Thời**; bởi do thế mới không làm thành Uẩn.

2. Níp Bàn chẳng phải là Nội Bộ, và đơn nhất chỉ là Ngoại Bộ; bởi do thế mới không làm thành Uẩn.

3/. Níp Bàn chẳng phải **Thô Thiển**, và đơn nhất chỉ **Vi Tế**; bởi do thế mới không làm thành Uẩn.

4. Níp Bàn chẳng phải **Ty Liệt**, và đơn nhất chỉ **Tinh Lương**; bởi do thế mới không làm thành Uẩn.

5. Níp Bàn chẳng phải **Cận Lân**, và đơn nhất chỉ **Dao Viễn**; bởi do thế mới không làm thành Uẩn.

Chỗ nói rằng Níp Bàn là Ngoại Thời, Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, Dao Viễn; với những thể loại này thì chẳng gọi Níp Bàn là có năm phân loại như vậy; bởi vì Níp Bàn đích thị vừa là Ngoại Thời, lại vừa là Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, và Dao Viễn.

Câu Chú Giải từ ngữ **Khandha (Uẩn)** là: **Anekadukkhehi khajjantīti = Khandhā** - Tất cả các Pháp bị biết bao thống khổ nhai ăn; bởi do thế gọi tên là **Uẩn.** Lập ý đến Ngũ Uẩn, và chính đây là sinh trú của Sinh, Lão, Bệnh, Tử v.v. Nếu không có Ngũ Uẩn này rồi, thì những thể loại thống khổ như vậy cũng không sinh khởi lên được.

Hoặc một phần khác nữa: **Suññākāraṃ dhārentīti = Khandhā** - Những thể loại Pháp nào biểu hiện đặc tính rằng chẳng có bản ngã; bởi do thế những thể loại ấy được gọi tên là **Uẩn.**

Theo lẽ thường nhiên tất cả Chúng Hữu Tình trong thế gian này, đa phần thì có sự hiểu biết rằng mọi sự sinh hoạt hiện khởi lên đối với bản thân mình, chẳng hạn như việc hành động, việc nói năng, việc nghĩ suy, sự an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, và các việc biến đổi của sắc thân v.v. Với những thể loại này hầu hết đều là Tự Ngã, là Của Tự Ngã; chẳng hạn sẽ dùng ngôn từ nói với nhau rằng "Tôi làm, tôi nói, tôi nghĩ suy, tôi an vui, tôi bất an, tôi duyệt ý, tôi buồn lòng, tôi trẻ, tôi già, tôi đẹp, tôi xấu v.v." Và nếu như các trạng thái như đã vừa đề cập tại đây, lại hiện khởi đối với người khác thì cũng sẽ dùng lời nói rằng "người ấy, người này làm, nói, nghĩ suy, an vui, bất an v.v." Tóm lại tất cả mọi sự việc trong thế gian này, có Tôi Ta, có Người đều toàn là **Ngã Kiến Chấp (Attadiṭṭhi)** hết cả thảy. Thế nhưng Chân Lý ấy, sự hiện hành những thể loại này thì chẳng phải là Tôi Ta, chẳng phải là Của Người, mà quả thật đó chính là thực tính của Ngũ Uẩn. Sẽ nói rằng:

1/. Việc biến đổi của sắc thân, như có việc lớn lên, phát triển lên, già xuống, tóc bạc, răng gẩy v.v. hoặc việc hoạt động về Thân và việc nói năng; với những thể loại này gọi là **Sắc**

Uẩn. 2/. Sự cảm thấy an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, bình thản; với những thể loại này gọi là **Thọ Uẩn.** 3/. Sự tưởng nhớ hoặc nhận ra được các sự việc; với những thể loại này gọi là **Tưởng Uẩn.** 4/. Sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự sùng tín, sự tinh cần, sự liễu tri được Chân Lý v.v. hình thành việc kiến tạo, tô điểm, sắp bày ở bên trong tâm tính; với những thể loại này gọi là **Hành Uẩn.** 5/. Sự nhận thức trong các Cảnh; với những thể loại này gọi là **Thức Uẩn.**

Với lý do này, người phối hợp với tất cả **Tuệ Văn (Sutamayapaññā), Tuệ Tư (Cintā mayapaññā)**, và **Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā)** mới sẽ liễu tri được hết tất cả các sự vật hiện hữu trong thế gian này, ngoài ra Ngũ Uẩn này rồi, chẳng có cái chi khác nữa, và hết tất cả đều là thực tính Vô Ngã. Còn việc liễu tri đến thực tính Vô Ngã của những thể loại Danh Sắc đây, chỉ sẽ được liễu tri tường tận là cũng phải tùy thuộc vào tuần tự năng lực của các Tuệ Giác này vậy.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Khandha (Uẩn)** có nghĩa "nhóm, khối, hoặc số lượng." Đức Phật phân tích Chúng Hữu Tình thành năm khối nhóm, hoặc Ngũ Uẩn. Tất cả những Sắc Pháp Quá Khứ, Hiện Tại, và Vị Lai đều được gọi chung với nhau là **Sắc Uẩn (Rūpakkhandha).** Bốn Uẩn còn lại – Thọ, Tưởng, Hành, Thức – cũng được hiểu biết theo cùng một phương thức này. Từ ngữ **Hành (Saṅkhāra)** được dùng với ý nghĩa đặc biệt. Trong 52 Tâm Sở, Tâm Sở Thọ là một, và Tâm Sở Tưởng là một khác nữa. Và 50 Tâm Sở còn lại được gọi chung là Hành Uẩn. Các danh từ miêu tả như "những sự kết hợp tinh thần, các khuynh hướng, những trạng thái tinh thần" v.v. cũng không thể diễn đạt chính xác ý nghĩa từ ngữ này].

2. THỦ UẨN (UPĀDĀNANAKKHANDHA)

Câu Chú Giải từ ngữ nói rằng **Upādānanakkhandha (Thủ Uẩn)** là: **Upādānānaṃ gocarā khandhā = Upādānakkhandhā** - Uẩn làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ, bởi do thế mới gọi tên **Thủ Uẩn.**

Trong sự việc Đức Phật đã lập ý khải thuyết Thủ Uẩn được tách ra từ nơi Ngũ Uẩn, là cũng để cho làm thành lợi ích ở trong việc tiến tu Minh Sát Tuệ. Bởi vì người tiến tu Minh Sát Tuệ sẽ cần phải hạn định Ngũ Uẩn chỉ ở phần Hiệp Thế đặng làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Đề cập đến là Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, và Ngã Luận Thủ; với những thể loại này sinh khởi cũng chỉ do bởi nương vào Sắc Pháp, và Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Hiệp Thế làm thành tác nhân thôi. Còn đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Siêu Thế thì chẳng phải làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ; lập ý đến cả Tứ Chấp Thủ này thường chẳng có nương vào Pháp Siêu Thế mà sinh khởi; với lý do này mới phải lập ý trình bày riêng biệt phần Thủ Uẩn thêm một lần nữa vậy.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Upādānakkhandha (Thủ Uẩn)** được gọi như vậy vì kết hợp thành những đối tượng của sự bám níu, hoặc chấp thủ; và chỉ hiện hữu duy nhất trong những Tâm Hiệp Thế. Tám Tâm Siêu Thế cùng với các Tâm Sở phối hợp, và mười Sắc Pháp không do Nghiệp Lực tạo thì không được xem là Thủ Uẩn; vì không thể trở thành những đối tượng của Sự Chấp Thủ].

3. XỨ (ĀYATANA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Āyatana (Xứ)** là: **Āyatanti attano phaluppattiyā ussāhantā viya hontīti = Āyatanāni** - Những thể loại Pháp nào có thực tính na ná với sự nỗ lực tinh cần, nhằm để quả báo của mình cho được sinh khởi; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới gọi tên là Xứ. Có nghĩa là:

1/. Cả hai Nhãn Xứ với Sắc Xứ làm thành tác nhân cho việc được trông thấy sinh khởi; bởi do thế việc trông thấy đây mới làm thành quả báo của cả hai Xứ đấy. Ở trong những Xứ khác thì cũng hiện hành tương tự như nhau, là:

2/. Nhĩ Xứ với Thinh Xứ thành Nhân, và việc được lắng nghe thành Quả.

3/. Tỷ Xứ với Khí Xứ thành Nhân, và việc ngửi được khí hơi thành Quả.

4/. Thiệt Xứ với Vị Xứ thành Nhân, và việc biết được mùi vị thành Quả.

5/. Thân Xứ với Xúc Xứ thành Nhân, và việc biết sự xúc chạm thành Quả.

6/. Ý Xứ với Pháp Xứ thành Nhân, và việc nhận thức các sự kiện thành Quả.

Nhân với Quả mà đã vừa đề cập tại đây thì thường hiện hành theo thực tính Vô Ngã hết cả thảy các Xứ. Những thể loại ấy thì chẳng cần phải có bất luận một sự nỗ lực nào cả; tuy nhiên cảnh trạng hiện hành của những thể loại Xứ ấy thì lại trông na ná giống như là có việc tích cực phấn đấu để cho các quả báo của mình được sinh khởi; bởi do thế mới trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ussāhantā viya honti** - Có thực tính na ná giống với sự nỗ lực tinh cần để cho quả báo của mình sinh khởi.

Hoặc một phần khác nữa: **Āyasaṅkhāte citta cetasikadhamme etāni tanonti vitthā rentīti = Āyatanāni** - Những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở ở chỗ gọi là Xứ cho phát triển quảng khoát lên; bởi do thế những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây mới gọi tên là Xứ.

Trong những cả Thập Nhị Xứ đây, khi phân tách ra thành Nội Bộ và Ngoại Bộ, thì có 6 Xứ ở Nội Bộ – chỗ gọi **Ajjhattikāyatana (Nội Thân Xứ)** – đó là Nhãn Xứ v.v. cho đến Ý Xứ. Và có 6 Xứ ở Ngoại Bộ – chỗ gọi **Bāhirāyatana (Ngoại Xứ)** – đó là Sắc Xứ v.v. cho đến Pháp Xứ. Những thể loại Xứ Nội Bộ và Ngoại Bộ đây, một khi đã tiếp xúc với nhau rồi, thì các Lộ Trình Tâm như có Lộ Trình Nhãn Môn v.v. thường sinh khởi. Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên rồi, thì chẳng phải chỉ có duy nhất mỗi một Lộ Trình Tâm, mà thường sinh khởi rất nhiều Lộ Trình Tâm cho đến nỗi đếm không kể xiết được. Và trong mỗi một Lộ Trình Tâm ấy thì có rất nhiều chủng loại Tâm sinh khởi với nhau; tức là Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, Quả Dị Thục và Duy Tác cũng có. Chính vì việc sinh khởi của rất nhiều Lộ Trình Tâm, rất nhiều chủng loại Lộ Trình Tâm như vậy, mới được gọi là Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoát lên. Và trong sự việc Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoát lên được như thế này, cũng đích thị chính do bởi nương vào các Xứ ở cả Nội Bộ và Ngoại Bộ ấy vậy.

Lại nữa, Bất Thiện Pháp thì có Tham, Sân v.v. và Thiện Pháp thì có Tín, Niệm, Tuệ, v.v. ở những thể loại này ngay trong sát na sinh khởi đầu tiên thì có năng lực hãy còn yếu kém. Khi những chủng loại Lộ Trình Tâm Thiện và Bất Thiện đây cứ mãi luân chuyển sinh

khởi xoay tròn, thế rồi năng lực từ ở những chủng loại Thiện và Bất Thiện đây cũng từ từ mạnh dần lên, mãi cho đến làm thành tựu những Thiện Hạnh và Ác Hạnh. Tại đây cũng được gọi là Tâm và Tâm Sở có sự phát triển quảng khoát lên; và do nương vào Xứ Nội Bộ và Ngoại Bộ làm thành tác nhân cho sinh khởi tương tự như nhau. Với lý do này mới đề cập để ở trong câu Chú Giải nói rằng "Những thể loại Xứ Nội Bộ và Ngoại Bộ đây, thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở cho phát triển quảng khoát lên."

NĂM Ý NGHĨA CỦA TỪ NGỮ XỨ (ĀYATANA)

Từ ngữ **Āyatana (Xứ)** đây, có năm ý nghĩa biểu thị, đó là:

1. Xuất Sinh Sản Xứ (Sañjātidesaṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Bộ đây gọi là Xứ bởi vì thường luôn làm thành chỗ nương sinh tất cả Lộ Trình Tâm; tức là cho dù sẽ sinh trong chủng tộc nào, kiếp sống nào đi nữa, thì chẳng thể sinh ở nơi nào khác mà tất cả đều phải nương sinh vào những thể loại Xứ này hết cả thảy.

2. Trú Sở Xứ (Nivāsaṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Bộ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ nương trú của Lộ Trình Tâm. Việc trình bày như vậy là việc trình bày theo **Phần Cận Lân (Upacāranaya)** tức là trình bày một cách gián tiếp. Bởi vì những Lộ Trình Tâm ấy chẳng phải hiện hữu trong lỗ tai, lỗ mũi v.v. và cho đến khi hội đủ nhân duyên kết tụ vào nhau thì những thể loại Lộ Trình Tâm ấy mới sinh khởi; cũng giống như cây đàn với âm thanh cây đàn, thường thì không nói được rằng âm thanh ấy ở trong thân cây đàn hoặc ở dây đàn. Tuy nhiên nếu đã gẩy đàn lên rồi thì âm thanh ấy sẽ hiện khởi lên y như là âm thanh ấy là ở trong dây đàn vậy. Điều này như thế nào, thì Lộ Trình Tâm và những Lục Nội Thân Xứ đây, nếu nhỡ như không có hội đủ nhân duyên thì sẽ không nói được rằng Lộ Trình Tâm đây ở trong những Lục Nội Thân Xứ này. Và nếu giả như đã hội đủ nhân duyên rồi, thì sẽ hiện khởi lên tức thời, y như là Lộ Trình Tâm trong những thể loại Xứ này, như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

3. Sản Xuất Xứ (Ākaraṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Bộ đây gọi là Xứ bởi vì sinh trú khắp cả Hữu Tình, chẳng phân biệt là hạng thấp hoặc bậc cao, nhỏ hoặc lớn; bất kể sẽ là Nhân Loại, Chư Thiên, hoặc Hữu Tình Bàng Sinh, tất cả cũng đều phải có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đồng với nhau hết cả thảy.

4. Hội Hợp Xứ (Samosaraṇaṭṭha): có nghĩa Sắc Xứ v.v. cho đến Pháp Xứ thuộc Xứ Ngoại Bộ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ tựu hội của tất cả Lộ Trình Tâm; tức là những Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên ấy thì thường luôn sẽ cần phải có việc tiếp thâu Cảnh. Việc tiếp thâu Cảnh của những thể loại Lộ Trình Tâm này na ná với việc vào tựu hội ở trong Cảnh, có Cảnh Sắc v.v. mà bản thân đang tiếp thâu.

5. Nhân Do Xứ (Kāraṇaṭṭha): có nghĩa những thể loại Lục Xứ Nội Bộ và Lục Xứ Ngoại Bộ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành tác nhân cho Lộ Trình Tâm sinh khởi; tức là theo lẽ thường nhiên Lộ Trình Tâm sẽ sinh khởi lên được đó, là cần phải có tất cả những thể loại Xứ Nội Bộ và Ngoại Bộ; nếu như không có những thể loại Xứ này rồi, thì Lộ Trình Tâm không thể nào sinh khởi lên được.

[**Chú thích**: Từ ngữ **Āyatana (Xứ)** được dùng trong ý nghĩa là "nền tảng, phạm vi, căn cứ, trú xứ". Đây là sáu cửa ra vào, Lục Nhập, Lục Xứ, Lục Môn, làm thành nền tảng cho các giác quan. Từ ngữ **Cakkhāyatana (Nhãn Xứ)** là Tịnh Sắc Căn, là phần nhạy của con mắt. Chính Sắc Pháp này cảm nhận sắc tướng của Trần Cảnh. Và những phần nhạy của bốn giác quan kia – Thinh, Khí, Vị, Xúc – cũng nên được hiểu cùng một phương thức này. Từ ngữ **Manāyatana (Ý Xứ)** tại đây miêu tả không có một bộ phận riêng biệt làm nền tảng cho Tâm Thức như là các Xứ khác. Ý Xứ chỉ cho **Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta),** có nghĩa "sự hiểu biết của Tâm Thức" cùng với sát na Tâm Hữu Phần Dứt Dòng. (Xin xem lại Chương thứ I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp)]

4. GIỚI (DHĀTU)

Câu Chú Giải từ ngữ **Dhātu (Giới)** là: **Nissattanijjīvaṭṭhena = Dhātu** - Nhãn Thanh Triệt v.v. gọi tên là Giới; bởi vì có nội dung chẳng phải Hữu Tình, chẳng phải Sinh Mạng; và đích thị chính là thực tính.

Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong thế gian này thì thường luôn có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi khí hơi, việc biết mùi vị, việc tiếp xúc xúc chạm, việc nghĩ suy với nhau hết cả thảy. Những sự việc này có được cũng bởi vì việc tựu hội vào nhau giữa Môn, Cảnh, Thức; và đó chính là Thập Bát Giới vậy. Ngoài ra việc tựu hội giữa những thể loại 18 Thập Bát Giới này đi rồi, thì sự hiểu biết với nhau rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc nghĩ suy, hoặc việc bước đi, việc đi đến, việc ăn, việc nằm, việc nói năng của Chúng Nhân Loại, hoặc Hữu Tình Bàng Sinh đây, ắt hẳn là không có. Bởi do thế thực tính sinh hoạt của cả những Thập Bát Giới này, thì mới nói với nhau là **Phi Sinh Mạng (Nissatta),** có nghĩa "chẳng phải là Hữu Tình, là con người."

Sự hiểu biết rằng người này người nọ tử vong nhưng Tâm Thức thì bất tử. Khi con người hoặc Hữu Tình đã tử vong rồi, thì Tâm Thức vuột thoát ra khỏi thân xác cũ, và nối tiếp đi ở trong thân xác mới. Sự hiểu biết như vầy thường được liệt vào Ngã Luận Thủ, tức là chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình thì Hữu Sinh Mạng, Hữu Ngã; mà thể theo Chân Như Thực Tính thì Sinh Mạng, Bản Ngã ở chỗ bất tử đấy, là chẳng có việc chuyển di từ kiếp sống cũ đi thọ sinh ở trong kiếp sống mới. Việc sinh, việc sống và việc tử, với những thể loại này đều hiện hành theo thực tính của Giới hết cả thảy; tức là một khi đã tử vong rồi, thì Thức Giới, Pháp Giới và Nhãn Giới, v.v. thuộc Sắc Nghiệp Lực đã diệt mất. Đến khi thọ sinh, thì đích thị chính là Ý Thức Giới, Pháp Giới, và Nhãn Giới v.v. thuộc Sắc Nghiệp Lực đã sinh khởi. Như thế, thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này mới nói rằng **Phi Sinh Mạng (Nijjīva)** tức là "chẳng phải Sinh Mệnh, Bản Ngã."

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Dhātu (Giới)** là: **Attano sabhāvaṃ dhāretīti = Dhātu** - Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Giới.** Có nghĩa theo lẽ thường nhiên cả Thập Bát Giới thì thường hiện hành theo thực tính của mình, chẳng khởi lên với một ai, và cũng chẳng ở trong mãnh lực của người nào cả thảy. Thực tính của mình là cái chi thì cũng hằng luôn bảo hộ thực tính của mình đã thiết lập ở thể

loại ấy, và bất biến chuyển; chẳng hạn như Nhãn Giới có thực tính Tịnh Sắc Căn thích hợp cho các sắc màu đi đến hiện bày, bởi do thế Nhãn Giới cho dù sẽ sinh trú với một ai đi nữa, thì thường cũng chỉ có đơn nhất thực tính Tịnh Sắc Căn để tiếp thâu các sắc màu thôi. Tịnh Sắc Căn của Nhãn Giới không có khả năng để tiếp thâu được các âm thanh, hoặc các khí hơi, v.v. và cũng chẳng có một ai có khả năng dùng mãnh lực trong suốt của Nhãn Giới này để tiếp thâu các sự vật khác, ở phần ngoài ra các sắc màu được cả. Sắc Giới chỉ có thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày trong Lộ Nhãn Môn; bởi do thế Sắc Giới này mới lập ý thiết lập thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày chỉ riêng trong Lộ Nhãn Môn, và không có khả năng để biểu thị màu sắc cho hiện bày trong Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn v.v. được. Nhãn Thức Giới lập ý thiết lập thực tính trông thấy; bởi do thế cho dù Nhãn Thức Giới sẽ sinh khởi với bất luận ai, ở chỗ nào đi nữa, thì thường duy nhất chỉ có việc trông thấy; và sẽ chỉ huy cho việc không trông thấy, hoặc chỉ huy cho chuyển đổi việc trông thấy thành việc được lắng nghe âm thanh cũng không thể có được, chẳng hạn như vầy. Bởi do thế thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này đây mới được nói rằng "Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, và không có việc biến chuyển."

[**Chú thích:** Từ ngữ **Dhātu (Giới)** có nghĩa là Pháp chủng mang theo đặc tính của chính bản thân. Từ ngữ **Dhammadhātu (Pháp Giới)** đồng nghĩa với **Dhammāyatana (Pháp Xứ),** nhưng lại khác biệt với **Dhammārammaṇa (Cảnh Pháp)** vì không bao gồm **Tâm (Citta), Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)** và **Chế Định (Paññatti).** Từ ngữ **Manoviññāṇa dhātu (Ý Thức Giới)** bao hàm ý nghĩa về những Tâm Thức. Trong 89 cái Tâm, có 76 thể loại Tâm được xem là Ý Thức, ngoại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, và 3 Ý Giới].

5. THÁNH ĐẾ (ARIYASACCA)

Câu Chú Giải từ ngữ **Ariyasacca (Thánh Đế)** là: **Ariyānaṃ saccānaṃ = Ariya saccāni** - Pháp làm thành Chân Lý của tất cả các Bậc Vô Sinh, được gọi tên là Thánh Đế.

Có nghĩa bốn Chân Lý mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết rồi đấy, thì cho dù tất cả Chư Thinh Văn Phàm Phu sẽ được nghe thấy hoặc được lắng nghe đi nữa, tuy nhiên thực tính của Chân Lý mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết rằng "Những thể loại Pháp này là đau khổ, thể loại Pháp này là nguyên nhân cho sinh đau khổ, thể loại Pháp này là công cụ diệt tắt đau khổ, và những thể loại Pháp này là đạo lộ cho đi đến sự diệt tắt đau khổ"; các Chư Thinh Văn Phàm Phu ấy thường thì cũng được nghe thấy như vậy, tuy nhiên chẳng thể nào lãnh hội được sâu sắc và vững chắc như là tất cả các Bậc Vô Sinh. Bởi do thế, Pháp làm thành Chân Lý thể theo Đức Phật đã lập ý khải thuyết mới được gọi tên Thánh Đế.

Một phần khác nữa: **Ariyāni tathāni saccāni = Ariyasaccāni** - Cả Tứ Pháp Đế đã thành Chân Lý bất biến chuyển, được gọi tên là Thánh Đế.

Có nghĩa Pháp được gọi tên **Khổ Đế (Dukkhasacca)** thì thường làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải đón nhận sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên **Tập Đế (Samudayasacca)** thì thường làm thành nguyên nhân cho sinh khởi biết bao sự thống khổ đến với tất cả Chúng Hữu Tình thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được định đặt

tên gọi **Diệt Đế (Nirodhasacca)** thì thường thành công cụ làm cho diệt tắt biết bao sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên **Đạo Đế (Maggasacca)** thì thường thành các Chi Phần tu tập cho đi đến sự diệt tắt thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Lại nữa, thể theo các vị tiền bối cổ xưa đã định đặt tên gọi tất cả các sự vật Hữu Sinh Mạng và Phi Sinh Mạng hiện hữu trong thế gian, chẳng hạn như là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, cây cối, núi đồi, xanh, đỏ, v.v. với những sự vật này cũng vẫn là sự thật tương tự như nhau. Tuy nhiên ở thể loại sự thật này thì chỉ là sự thật theo thành ngữ của dân gian; và chẳng phải là sự thật thể theo chân thực tính; vì lẽ những cách thức gọi là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì cũng chỉ là 2 chủng loại Danh và Sắc kết hợp vào nhau thôi. Và chỗ gọi những cây cối, các núi đồi v.v. này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì đơn nhất cũng chỉ có một thể loại Sắc Pháp ngần ấy thôi. Tóm lại, ngoài cả hai Danh Sắc này ra thì chẳng còn có cái chi khác nữa. Bởi do thế thành ngữ dân gian dùng để réo gọi với nhau với những cách thức này, thì cho dù sẽ là sự thật đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn là sự thật thuộc thế tục, vả lại chỉ được gọi **Tục Đế (Sammutisacca),** và chẳng thể nào được gọi tên **Thánh Đế (Ariyasacca)**, vì lẽ có việc biến dịch đổi thay.

VIỆC PHÂN TÍCH TỨ THÁNH ĐẾ THEO NHÂN – QUẢ, HIỆP THẾ - SIÊU THẾ

1. Phân Tích Theo Nhân – Quả (Hetu – Phala):

+ Khổ Đế là Quả, Tập Đế là Nhân.

+ Diệt Đế là Quả, Đạo Đế là Nhân.

2. Phân Tích Theo Hiệp Thế - Siêu Thế (Lokiya – Lokuttara):

+ Khổ Đế và Tập Đế, cả hai này là **Pháp Hiệp Thế (Lokiyadhamma)** và **Hiệp Thế Đế (Lokiyasacca).**

+ Diệt Đế và Đạo Đế, cả hai này là **Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** và **Siêu Thế Đế (Lokuttarasacca).**

3. Phân Tích Theo Vòng Luân Hồi (Vaṭṭa):

+ Cả hai Danh Sắc sinh trú trong Vòng Luân Hồi này đều là đau khổ cả; bởi do thế Khổ Đế đây mới là Đế có sự sinh hoạt trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Chuyển Khởi Đế (Pavattisacca),** và là một **Đế Bất Thiện.**

+ Tập Đế là Đế làm thành tác nhân cho Khổ Đế sinh khởi, hiện hành trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Đế Tác Nhân Chuyển Khởi (Pavattihetusacca),** và là một **Đế Bất Thiện** tương tự như nhau.

+ Diệt Đế là Đế thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Quy Toàn Đế (Nivattisacca),** và là một **Đế Thiện.**

+ Đạo Đế là Đế làm thành tác nhân cho đi đến sự thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên là **Đế Tác Nhân Quy Toàn (Nivattihetusacca),** và là một Đế Thiện tương tự như nhau.

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Tận Thị

Kết Thúc Chương Thứ VII – Tổng Hợp Nội Vô Tỷ Pháp

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP TẬP YẾU
(CHƯƠNG THỨ VII – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP)

I. VẤN VÀ ĐÁP TRONG LỜI NÓI ĐẦU (ĀRAMBHAPADA)

1. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trình bày đến phần Liên Kết và Thệ Nguyện, có **Dvāsatta vidhā vuttā v.v.** và cho tính đếm số lượng 72 Pháp Thực Tính cho được nhận thấy mà không cần nêu lên lãnh vực nhân quả.

1. Đáp: Kệ ngôn mở đầu trình bày phần Liên Kết và Thệ Nguyện có nội dung như sau:

Dvāsattatividhā vuttā Vatthudhammā salakkhaṇā
Tesaṃ dāni yathāyogaṃ Pavakkhāmi samuccayaṃ

Dịch nghĩa: Pháp Thực Tính là 72 Pháp bản tánh thực thể mà Bần Đạo đã trình bày, bây giờ sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu, tức là Tổng Hợp tập hợp tất cả 72 Pháp Thực Tính ấy thể theo sự tương quan của chúng.

Tính đếm số lượng 72 Pháp Thực Tính đấy thì có như vầy: tất cả các Tâm tính là 1, 52 Tâm Sở, 18 Sắc Thành Sở Tác, 1 Níp Bàn; kết hợp lại có 72.

2. Hỏi: Ý nghĩa Tổng Hợp Tập Yếu là chi ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày với. Và **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày việc phân tích 72 Pháp Thực Tính ra thành bao nhiêu nhóm ? Là những chi ? Cho nói ý nghĩa nội dung của từng mỗi nhóm với.

2. Đáp: Việc trình bày phân loại đầy đủ chi tiết cả 72 Pháp Thực Tính ấy, thì **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã có trình bày theo riêng từng mỗi phần rồi, và được tính kể từ Chương thứ 1 v.v. cho đến Chương thứ 6; bởi do thế trong Chương thứ 7 này, Ngài sẽ trình bày việc tập hợp lại hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý gồm có các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, để sẽ sắp vào chung một nhóm với nhau làm thành một phần Tập Yếu nữa, và được gọi tên **Tổng Hợp Tập Yếu (Samuccayasaṅgaha).**

Từ ngữ **Samuccaya** khi chiết tự có được như vầy: **Saṃ + Uccaya = Samuccaya. Saṃ** dịch nghĩa "Vào với nhau" hoặc "Pháp có Thực Tính được vào với nhau". **Uccaya** dịch nghĩa "kết tập, tập hợp". Khi kết hợp cả 2 từ ngữ này vào với nhau thì dịch nghĩa "Việc kết tập vào với nhau" hoặc "Việc tập hợp Pháp có Thực Tính được vào với nhau", chẳng hạn như trình bày Pháp gọi tên **Lậu Hoặc (Āsava)** thành một nhóm v.v. cho đến Pháp được gọi là **Đế (Sacca)** thành một nhóm cuối cùng.

Có câu Chú Giải trình bày rằng: **Saha uccīyante etthāti = Samuccayo (vā) Sampiṇḍetvā uccīyante etenāti = Samuccayo** - Chương có tên gọi **Tập Yếu** vì là Chương sẽ trình bày tập hợp tất cả Tứ Pháp Siêu Lý vào chung với nhau (hoặc) Chương có tên gọi **Tập Yếu** vì làm thành nguyên nhân cho việc trình bày tập hợp Pháp Siêu Lý được vào chung với nhau, cho ở chung mỗi nhóm với nhau.

Trong Chương thứ 7 này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày việc tập hợp các Pháp Thực Tính được vào chung với nhau thành từng mỗi nhóm mà được gọi là **Chương Tổng Hợp Tập Yếu** có được 4 khối nhóm, đó là:

1. Tổng Hợp Bất Thiện (Akusalasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở bên phía Bất Thiện.

2. Tổng Hợp Hỗn Hợp (Missakasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau là: Thiện, Bất Thiện và Vô Ký.

3. Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiyasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở bên phía Tuệ Đạo.

4. Tổng Hợp Tận Thị (Sabbasaṅgaha): Việc trình bày liệt kê tất cả Pháp Thực Tính với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn làm thành một nhóm vào chung với nhau.

II. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP BẤT THIỆN

3. Hỏi: Chín nhóm Pháp ở trong Tổng Hợp Bất Thiện đấy, là những chi ? Và trong từng mỗi nhóm thì có được bao nhiêu thể loại Pháp ? Cho nói ý nghĩa nội dung với luôn cả Chi Pháp.

3. Đáp: Trong Tổng Hợp Bất Thiện đây, hiện hữu với cả 9 nhóm Pháp, đó là: **1. Lậu Hoặc (Āsava), 2. Bộc Lưu (Ogha), 3. Ách Phược (Yoga), 4. Hệ Phược (Gantha), 5. Chấp Thủ (Upādāna), 6. Triền Cái (Nīvaraṇa), 7. Tùy Miên (Anusaya), 8. Kiết Sử (Samyo jana), 9. Phiền Não (Kilesa).**

Và trong từng mỗi nhóm có số lượng Pháp hiện hữu như tiếp theo đây: 1/. Lậu Hoặc có 4, 2/. Bộc Lưu có 4, 3/. Ách Phược có 4, 4/. Hệ Phược có 4, 5/. Chấp Thủ có 4, 6/. Triền Cái có 6, 7/. Tùy Miên có 7, 8/. Kiết Sử có 10, 9/. Phiền Não có 10.

4. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong cả 9 nhóm Tổng Hợp Bất Thiện đấy, và khi sẽ trình bày câu Chú Giải từ ngữ Tổng Hợp Bất Thiện **(Akusala saṅgaha)** thì sẽ trình bày như thế nào ?

4. Đáp: Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong 9 nhóm Tổng Hợp Bất Thiện đấy, thì được dịch nghĩa như vầy:

1. Āsavoghā ca yogā ca — Tayo ganthā ca vatthuto
Upādānā duve vuttā — Aṭṭha nīvaraṇā siyuṃ
2. Chaḷevānusayā honti — Nava saṃyojanā matā
Kilesā dasa vutto yaṃ — Navadhā pāpasaṅgaho

1. Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phược và Hệ Phược, với từng mỗi thể loại này khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý có được 3. Chấp Thủ có 2 Chi Pháp Siêu Lý. Triền Cái có 8 Chi Pháp Siêu Lý.

2. Tùy Miên có 6 Chi Pháp Siêu Lý, Kiết Sử chỉ có 9 Chi Pháp Siêu Lý. Phiền Não có 10 Chi Pháp Siêu Lý.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Bất Thiện bởi theo 9 nhóm có được như vầy. Câu Chú Giải từ ngữ **Tổng Hợp Bất Thiện: Ekantākusalajātikā naṃ oghacatukkādīnaṃ saṅgahoti = Akusalasaṅgaho** - Liệt kê các nhóm có Thực Tính Pháp đều toàn là Bất Thiện Chủng như là Bộc Lưu v.v. sắp thành một Tổng Hợp, bởi do thế mới gọi tên **Tổng Hợp Bất Thiện.**

5. Hỏi: Ngài đã từng được nghe nói rằng tất cả các Bậc Vô Sinh đã không còn có Lậu Hoặc rồi, mới được gọi tên **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava)** dịch nghĩa là Bậc đã tiệt diệt khỏi Lậu Hoặc, bởi do thế xin Ngài giảng giải chủ đề Lậu Hoặc cho được lắng nghe thật vi tế đúng theo nền tảng Giáo Pháp.

5. Đáp: Từ ngữ **Lậu Hoặc (Āsava)** đây, có nghĩa các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, tức là loại rượu men rượu nấu. Tuy nhiên ở trong chỗ này, từ ngữ Lậu Hoặc tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê có thực tính tương tự với rượu men rượu nấu. Vì lẽ thường nhiên rượu men là các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, và có khả năng làm cho con người một khi đã uống vào rồi, thì có trạng thái chếnh choáng ngà ngà say, mất đi tỉnh giác, và tạo tác ở trong các sự việc không đáng phải tạo tác, như đã được trông thấy hằng mỗi ngày qua những việc kình cãi, cãi vã lẫn nhau; hoặc việc tranh giành cướp đoạt tài sản với nhau, hoặc tạo tác nghiệp sát mạng v.v. đa phần những câu chuyện này là cũng do bởi nương sinh từ nơi rượu men đã làm thành tác nhân cho đến cả 90%, và hậu quả là con người đã bị sa đọa vào trong mãnh lực của rượu men ấy, để rồi sẽ phải bị đón nhận quả báo trổ sinh tức thì, đó là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở ngay trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai. Điều này như thế nào, thì Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê cũng có thực tính tương tự với rượu men ấy, là vì cả ba Pháp này dính khắt chồng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài, và không thể nào tính đếm được số lượng của bao kiếp sống.

Với lý do này, một khi những thể loại Pháp này hiện khởi đối với người nào rồi, sẽ làm cho tâm thức của người ấy bị thất niệm, mất tỉnh giác, và sa đọa vào trong mãnh lực của Tham Ái, hoặc Tà Kiến, hoặc Si Mê, để rồi sẽ tạo tác biết bao điều Ác Hạnh, như về Thân Ác Hạnh v.v. là cũng chính do bởi sự đắm say với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê ấy vậy; để rồi quả báo sẽ phải đón nhận từ nơi sự đắm say với mãnh lực của cả ba thể loại Pháp này, cũng sẽ là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai; và cũng tương tự với người đã say rượu men như thế ấy. Bởi do thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết lấy cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê, rằng là Lậu Hoặc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āsavanti ciraṃ parivasantīti = Āsavā, Āsavā viyāti = Āsavā** - Sự vật nào bị ngâm chìm rất lâu dài thì sự vật ấy được gọi tên Lậu Hoặc (tức là rượu men rượu nấu), Những thể loại Pháp chủng nào có thực tính tương tự với rượu men rượu nấu, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Lậu Hoặc (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê). Một trường hợp khác nữa, từ ngữ nói rằng Lậu Hoặc đây, khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là **Ā + Sava = Āsava; Ā** dịch nghĩa "Vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định", **Sava** dịch nghĩa "tăng tiến, chảy tràn". Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì được dịch nghĩa "Pháp làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định phải tăng tiến thêm lên mãi vô cùng tận." Có nghĩa sự hiện hữu từ ở

Danh – Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình, trong từng mỗi con người là sinh rồi tử, tử rồi lại sinh; sự hiện hữu như vậy mãi cho đến tận kiếp sống hiện tại này, với thời gian dài quả là đếm vô hạn lượng. Thế rồi tiếp đến vị lai, thì cũng sẽ phải mãi tử sinh như vậy nữa, và cũng không thể nào hạn lượng được tương tự như nhau. Trình bày cho thấy được rằng vòng luân hồi khổ của tất cả Chúng Hữu Tình đây, tăng tiến lên rất nhiều đến độ vô cùng tận.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Āyataṃ saṃsāra dukkhaṃ savanti pasavanti vaḍḍhantīti = Āsavā** - Pháp chủng nào làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định ấy, phải tăng tiến thêm lên mãi; bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên **Lậu Hoặc.** (Tức là Tham Ái, Tà Kiến, Ngã Mạn).

Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Ā** dịch nghĩa "có phạm vi hạn định đến **Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi)** là Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ; hoặc có phạm vi đến **Chuyển Tộc (Gotrabhū).** Từ ngữ **Sava** dịch nghĩa "được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra." Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì dịch nghĩa "được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh." Theo lẽ thường, thì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này, có được sinh khởi là bởi do nương trú vào Pháp Hiệp Thế và Pháp Chế Định; chính vì thế, một khi trình bày nói rằng "được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc" thì chẳng hàm ý nội dung đặc biệt nào cả . Có nghĩa là Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, hoặc **Tuệ Chuyển Tộc (Gotrabhūñāṇa),** hoặc **Tuệ Dũ Tịnh (Vodanāñāṇa),** với những thể loại này thì vẫn đang còn là Pháp Hiệp Thế; chính vì thế mới được làm thành Cảnh của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê. Với lý do này mới nói rằng cả ba Pháp Lậu Hoặc Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê này được sinh khởi, hoặc được tiết lậu cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Chuyển Tộc.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Bhavato ābhavaggā dhammato āgotrabhumhā savantāram maṇakaraṇavasena pavattantīti = Āsavā** - Rằng tính theo Cõi Giới thì Pháp chủng nào được tiết lậu chảy đến, hoặc được sinh khởi đến Cõi Cùng Tột Hữu; và khi tính theo Pháp thì đến Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh; bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Lậu Hoặc.**

Có điều đáng thắc mắc là cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, được gọi tên Lậu Hoặc, là vì làm thành vật dính khắt chồng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc cho đến Tuệ Chuyển Tộc, theo như đã có được trình bày rồi đấy; khi là như vậy, còn các Tâm Sở Bất Thiện khác chẳng hạn như Vô Tàm, Vô Quý, Ngã Mạn, v.v. cũng đã có được sinh trú ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian lâu dài, và cũng có khả năng được sinh khởi bởi do nương vào Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh tương tự như nhau; thế nhưng vì nguyên nhân nào mà tại làm sao Đức Phật lại không liệt kê những thể loại Tâm Sở này cho sắp thành những Lậu Hoặc ? Điều thắc mắc như vậy cũng sẽ phải được giải đáp là "bởi vì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, có thực tính làm thành Lậu Hoặc hiện bày một cách rõ ràng hơn hẳn các Tâm Sở Bất Thiện khác," chẳng hạn như Ngã Mạn là việc kiêu mạn chấp Ta, thì cho dù phải nương vào Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh rồi mới được sinh khởi đi nữa,

tuy nhiên sự quảng khoát và sự hiện bày một cách rõ ràng thì quả thật không sánh bằng với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Cũng tỷ dụ như từ ngữ nói rằng **Suriya (Mặt trời)** mà dịch nghĩa là "Ánh sáng" đã làm cho tất cả Nhân Loại có sự chói lòa, tức là cũng ngang bằng với mặt trời vậy. Tuy nhiên ánh sáng của các vật thể khác, chẳng hạn như ánh sáng của mặt trăng, hoặc ánh sáng của ngọn lửa thì cũng có khả năng khởi sinh lên sự chói lòa tương tự như nhau đến cho tất cả Nhân Loại; thế nhưng cũng không gọi là **Suriya (Mặt trời)** được. Tất cả sự việc này, là cũng bởi vì ánh sáng làm cho tất cả Nhân Loại có được sự chói lòa, đã hiện bày rất rõ ràng đến cùng tột, vả lại cùng khắp ở trong cả thế gian, thì đó chính là ánh sáng của mặt trời ấy vậy. Với lý do này, từ ngữ nói rằng **Suriya** mới chỉ hàm ý duy nhất ở đây là mặt trời, và chẳng phải ở mặt trăng hoặc ở ngọn lửa được. Điều này như thế nào, thì các Tâm Sở Bất Thiện khác, cho dù quả thật sẽ làm thành vật dính khắt chồng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh đi nữa; thế nhưng những sự việc làm thành vật dính khắt chồng chất, hoặc sự tiết lậu chảy ra, có được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc đây, thì thường cũng chỉ hiện bày duy nhất ở trong Pháp hình thành Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê thôi; bởi do thế Đức Phật mới không lập ý khải thuyết đến các Tâm Sở Bất Thiện khác cho sắp thành Lậu Hoặc được.

6. Hỏi: Cho giải thích đến các chủ đề Bộc Lưu và Ách Phược, luôn cả nêu lên câu Chú Giải cho trình bày với.

6. Đáp: + Từ ngữ **Ogha (Bộc Lưu)** ở trong chỗ này có nghĩa "Pháp chủng ví tựa như dòng thác nước". Tức là cả ba Tâm Sở Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành Pháp chủng được ví tựa như dòng thác nước. Vì nguyên nhân nào ? Vì theo lẽ thường nhiên, dòng thác nước ấy, một khi bất luận một vật thể nào hoặc Hữu Tình nào đã bị rớt xuống trong dòng thác nước, thì dòng nước ấy thường làm nhận chìm vật thể, hoặc hành hạ thương tổn đến Hữu Tình, và rồi làm cho tất cả các vật thể hoặc Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống, không có cơ hội để trồi lên được. Thực tính của cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này cũng tương tự như nhau, tức là làm nhận chìm tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống ở trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, và không có được cơ hội để trồi lên thoát khỏi Vòng Luân Hồi, đặng chứng đắc Níp Bàn Giải Thoát. Có bốn thể loại Pháp chủng có thực tính như dòng thác nước, đó là:

1. Tham (Lobha) có thực tính hân hoan duyệt ý trong Cảnh Dục Trần; được gọi tên **Dục Bộc Lưu (Kāmogha).**

2. Tham (Lobha) có thực tính hân hoan duyệt ý trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới; được tên gọi **Hữu Bộc Lưu (Bhavogha).**

3. Tà Kiến (Diṭṭhi) có thực tính thấy sai chấp lầm trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn, cho rằng Hữu Bản Ngã, là Ta, là Người, là Nữ Nhân, là Nam Nhân, v.v.; được gọi tên **Kiến Bộc Lưu (Diṭṭhogha).**

4. Si Mê (Moha) có thực tính si mê bất liễu tri nương theo Chân Lý của Danh Sắc, Ngũ Uẩn, chẳng phải là Hữu Bản Ngã, chẳng phải là Ta, chẳng phải là Người, chẳng phải là Nữ Nhân, chẳng phải là Nam Nhân, v.v.; được gọi tên **Vô Minh Bộc Lưu (Avijjogha).**

Bởi do thế tất cả Chúng Phàm Phu khi vẫn còn tiến hành sinh hoạt và hiện hữu trong thế gian, một khi vẫn còn có những thể loại của sự hân hoan duyệt ý trong Dục Trần, và có sự thấy sai chấp lầm, cùng với những si mê ngay trong kiếp sống này thì cho dù sẽ được sinh làm Người, làm Trời, và được an trú trong vị trí ở tầng thượng cấp nào đi nữa, cũng vẫn còn phải bị chìm đắm trong Vòng Luân Hồi ấy vậy, và cũng vẫn còn phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa. Còn với bậc đã chứng đắc được Thiền Định, thì cho dù quả thật sẽ không còn có sự hân hoan duyệt ý trong Dục Trần đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn còn có sự hân hoan duyệt ý trong sự an lạc hữu quan với Thiền Định; và khi đã thọ sinh làm Phạm Thiên rồi thì cũng vẫn còn hiện hữu với cả sự thấy sai chấp lầm, cùng với những si mê; vì thế tất cả những bậc Phúc Lộc Thiền Giả cho dù bản ngã sẽ đạt được làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa, tuy nhiên vẫn phải gọi người ấy đích thị đã bị chìm đắm trong đại dương Luân Hồi, và chẳng có cơ hội nào để sẽ vượt thoát ra khỏi cho đi đến được Níp Bàn, luôn cả vẫn còn có thời gian sẽ phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa; tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Giả sử rằng người ấy khiếm khuyết **Ngũ Điều An Hạnh (Sampatti),** đó là:

1. Pubbe ca katpuññatā: là người đã từng có được tích lũy Phước Báu để dành trong đời trước.

2. Paṭirūpadesavāsa: được ở trong quốc độ có Chánh Giáo Pháp và **bậc Hiền Triết (Sappurisa).**

3. Sappurisūpanissaya: được kết giao cận y với bậc Hiền Triết.

4. Saddhammavasena: được lắng nghe Chánh Giáo Pháp.

5. Attasammāpaṇidhi: an trú Thân, Lời, Ý trong sự vật tịnh hảo.

Tất cả sự việc này cũng vì Chư Chúng Phạm Thiên một khi tử vong lìa khỏi Cõi Phạm Thiên Giới và đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên rồi; thì thường sẽ có sự thấy sai chấp lầm nhiều hơn cả ở hạng Người thông thường, và rất khó để sẽ cải thiện cho diệt hết cả được. Bởi do thế các sự thấy sai chấp lầm như có **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** v.v. lần lượt trong từng mỗi ngày đã hiện bày ở cùng khắp cả mọi nơi trong thế gian này, thì phần lớn cũng do từ ở nơi những hạng Người này là người hướng dẫn dạy bảo. Vì lý do ấy, Nhân Loại, Chư Thiên mà đã khiếm khuyết Ngũ Điều An Hạnh như đã vừa đề cập ở tại đây, một khi tử vong thì cũng sẽ phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Kiến Bộc Lưu và Vô Minh Bộc Lưu vẫn còn hiện hữu ở trong tâm tánh của mình. Còn Bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai và bậc Nhất Lai, thì cho dù quả thật đã sát trừ tiệt diệt sự thấy sai chấp lầm đi rồi, tuy nhiên vẫn còn có sự si mê, sự hân hoan duyệt ý ở trong Cảnh Dục Trần; với lý do này, cũng vẫn còn phải bị chìm đắm trong đại dương **Thiện Thú Dục Giới (Kāmasugatibhūmi),** tuy nhiên không còn phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa. Đối với Bậc Bất Lai thì vẫn còn có sự lo lắng, sự duyệt ý trong sự an lạc hữu quan với Thiền Định và ở Cõi Phạm

Thiên, đích thị chính do bởi mãnh lực của hai Bộc Lưu này, mới làm cho Bậc Bất Lai phải chìm đắm tiếp nối trong Cõi Phạm Thiên Giới, tương tự như một người bị té chìm trong mé bờ có mực nước sâu chỉ bằng ngang hông.

Với lý do này, cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê được gọi tên là **Ogha (Bộc Lưu).** Các Tâm Sở Bất Thiện khác thì không được gọi tên là Bộc Lưu, vả lại cũng được hiện hành theo cùng một phương thức với Lậu Hoặc.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Avattharitvā hanantīti = Oghā (vā) Avaha nanti osīdāpentīti = Oghā; Oghā viyāti = Oghā** - Pháp chủng nào thường làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là dòng thác nước) (hoặc) Pháp chủng nào làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là dòng thác nước). Những thể loại Pháp chủng nào làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm nghỉm xuống trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, tương tự như dòng thác nước; bởi thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Bộc Lưu** (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

+ Từ ngữ **Yoga (Ách Phược)** dịch nghĩa "trói buộc ví như keo dán kết dính hai vật thể cho dính khắt vào nhau, và không cho sút sổ ra" như thế nào thì Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê cũng như thế ấy. Tức là trói buộc tất cả Chúng Hữu Tình cho dính khắt trong Vòng Luân Hồi Khổ, và không có cơ hội để sẽ vuột thoát ra được, chính là cũng do bởi mãnh lực của cả Tứ Ách Phược này, đó là:

1. Tham có thực tính hân hoan duyệt ý trong Cảnh Dục Trần, gọi là **Dục Ách Phược.**

2. Tham có thực tính hân hoan duyệt ý trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới, được gọi là **Hữu Ách Phược.**

3. Tà Kiến có thực tính thấy sai chấp lầm trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn, cho rằng Hữu Bản Ngã, là Ta, là Người, là Nữ Nhân, là Nam Nhân, v.v.; được gọi là **Kiến Ách Phược.**

4. Si Mê có thực tính si mê bất liễu tri nương theo Chân Lý của Danh Sắc, Ngũ Uẩn, chẳng phải là Hữu Bản Ngã, chẳng phải là Ta, chẳng phải là Người, chẳng phải là Nữ Nhân, chẳng phải là Nam Nhân v.v.; được gọi là **Vô Minh Ách Phược.**

Khi sẽ đem so sánh thì keo dán được ví với Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê; hai vật thể thì một vật thể được ví với tất cả Chúng Hữu Tình, và còn một vật thể kia được ví với những kiếp sống, tức là Vòng Luân Hồi Khổ ấy vậy. Hoặc một ví dụ khác nữa, được ví như đặt cái ách vào cổ con bò. Khi con bò ấy sẽ bước đi trong đường lộ chi, thì thường cũng phải kéo lôi cái ách dính theo cùng như thế nào, tất cả Chúng Hữu Tình quanh quẩn ở trong Vòng Luân Hồi Khổ và không cho vuột thoát ra được, vì đã bị trói buộc dính khắt với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê cũng như thế ấy. Khi đem so sánh, thì con bò được ví với tất cả Chúng Hữu Tình; cái ách được ví với Tam Giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới; còn sợi dây trói chặt con bò dính khắt vào cái ách được ví như Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê.

Thể theo điều tỷ dụ như đã vừa đề cập tại đây, ắt hẳn trình bày cho thấy rằng tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển sinh tử trong Vòng Luân Hồi Khổ không thể vuột thoát khỏi ra được, là cũng chính do bởi mãnh lực của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê làm thành người trói

buộc Hữu Tình cho dính khắt vào. Bởi do thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành **Ách Phược (Yoga);** còn các Tâm Sở Bất Thiện khác không được gọi tên là Ách Phược, vì cũng có cùng một phương thức nghĩa lý với Lậu Hoặc như đã có đề cập đến rồi vậy.

Có câu Chú Giải từ ngữ Ách Phược như vầy: **Vaṭṭasmiṃ satte yojentīti = Yogā** - Những thể loại Pháp chủng nào trói buộc Hữu Tình cho dính khắt trong Vòng Luân Hồi Khổ, ấy là các kiếp sống; bởi do thế những Pháp chủng ấy được gọi tên **Ách Phược** (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê)

7. Hỏi: Cho dịch nghĩa và giải thích trong câu Chú Giải như tiếp theo đây: **Kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā (vā) Kāyena kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā**, và cho trình bày sự khác biệt giữa Tham Ác **(Abhijjhā)**, Sân Độc **(Byāpāda)** thuộc Ý Ác Hạnh với Tham Ác, Sân Độc thuộc Hệ Phược.

7. Đáp: Lời dịch nghĩa câu Chú Giải ấy có như vầy: **Kāyaṃ ganthentīti = Kāya ganthā (vā) Kāyena kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā** - Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính vào Danh Thân, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Thân Hệ Phược** (hoặc) Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính Danh Thân – Sắc Thân trong khoảng thời gian giữa kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai; bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Thân Hệ Phược.**

Giải thích từ ngữ **Gantha (Hệ Phược)** lập ý đến vật trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắt chặt vào nhau, y như móc xích sắt. Lẽ thường móc xích sắt là một xâu chuỗi thắt chặt dính liền với nhau thành một duỗi dây dài như thế nào, thì cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này thường luôn thắt chặt Hữu Tình ở trong khoảng thời gian tử vong với tái sinh, và tái sinh với tử vong cho móc dính liền nhau, không có thời gian cho vuột thoát đi được; ví tựa như chuỗi móc xích thắt chặt dính liền như thế ấy. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý khải thuyết cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành **Hệ Phược (Gantha).** Thế nhưng, trong Hệ Phược này, lại có kết hợp với từ ngữ **Kāya (Thân),** là cũng để cho được biết đến Pháp bị thắt chặt móc dính do bởi Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê, đó chính là **Danh Thân (Nāma kāya) – Sắc Thân (Rūpakāya),** và đó cũng chính là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

+ Sự khác biệt giữa Tham Ác và Sân Độc thuộc Ý Ác Hạnh với Tham Ác và Sân Độc thuộc Hệ Phược:

1. Tham Ác (Abhijjhā) thuộc **Ý Ác Hạnh (Manoduccarita),** đó là Tham thuộc thể loại thô thiển, có thực tính dục tầm cầu của cải tài sản của tha nhân cho đặng làm của mình một cách bất hợp pháp, Phi Chánh Pháp.

2. Còn **Tham Thân Hệ Phược (Abhijjhākāyagantha)** là có cả Tham thuộc loại thô thiển và luôn cả loại vi tế - thắt chặt dính liền với dục tầm cầu, sự duyệt ý ở trong của cải tài sản của tha nhân, hoặc của chính mình một cách hợp pháp cũng có, bất hợp pháp cũng có; đều sắp thành Tham Thân Hệ Phược hết cả thảy.

3. Sân Độc (Byāpāda) thuộc Ý Ác Hạnh, tức là Sân thuộc thể loại thô thiển liên quan với sự suy nghĩ đắn đo mưu hại tha nhân cho họ có những điều thống khổ nguy hại, hoặc chú tâm nguyền rủa người mà ta không ưa thích cho đến chết đi.

4. Còn **Sân Thân Hệ Phược (Byāpādakāyagantha)** tức là Sân thuộc loại thô thiển cũng có, hoặc loại vi tế cũng có; có nghĩa là không ưa thích, bất duyệt ý, oán hận, sợ hãi, khổ tâm buồn lòng, chí đến thực hiện việc sát mạng, thô ác ngữ. Với những thể loại này đều sắp thành Sân Thân Hệ Phược hết cả thảy.

8. Hỏi: Khi chiết tự từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Có ý nghĩa là chi ? và cho trình bày câu Chú Giải với.

8. Đáp: Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, là **Upa + Ādāna. Upa** lập ý đến "nắm bắt", **Ādāna** lập ý đến "túm chặt". Khi kết hợp hai từ ngữ này vào nhau lập ý đến "việc chấp thủ ở trong Cảnh". Pháp chấp thủ chặt trong Cảnh mà gọi là Chấp Thủ đây, được ví như một con rắn chụp bắt và cắn chặt con ếch, không chịu buông nhả ra như thế nào, thì cả hai Pháp Tham Ái và Tà Kiến có thực tính chấp thủ chặt trong Cảnh của mình, không chịu buông nhả cũng như thế ấy.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Upādīyantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp chủng nào thường chấp thủ chặt trong Cảnh, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Chấp Thủ.**

9. Hỏi: Theo lẽ thường tất cả con người chúng ta đa phần thường không từng có sự duyệt ý trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, là do bởi chi làm thành vật cản trở ? và Pháp làm thành vật cản trở ở trong việc thực hiện Thiện Sự ấy thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nêu lên thí dụ để trình bày với.

9. Đáp: Theo lẽ thường, tất cả Nhân Loại thường đa phần bất duyệt ý trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực từ bất luận một trong các Pháp Triền Cái có Tham Ái, Sân Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên, Trạo Cử, Hối Hận, Hoài Nghi, Si Mê; hoặc do bởi 2, hoặc 3, hoặc 4 các Pháp ấy vậy; hoặc đôi khi đang thực hiện Thiện Sự lại khởi sinh lên sự nản lòng thối chí, bất duyệt ý, để rồi đã làm cho đức tin, và trí tuệ sáng suốt phải bị thối giảm sa sút đi. Điều này là cũng do bởi mãnh lực từ nơi Hôn Thùy Triền Cái khởi sinh và đã che chắn cản trở Thiện Sự, là Đức Tin v.v. đi rồi. Và nếu nhỡ như các Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái ở thể loại thô thiển khởi sinh đến với bậc Phúc Lộc Thiền Giả thì cũng làm cho Thiền Định đã từng có được, phải bị hoại diệt đi để rồi không còn có khả năng để cho nhập định được.

Sẽ nêu lên một thí dụ điển hình để trình bày cho được thấy một cách dễ dàng, chẳng hạn như một người không có sự sùng tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, tuy nhiên tình cờ lại được lắng nghe người ta trình bày đến những câu chuyện về Nghiệp Báo có chức năng sắp bày tất cả Chúng Hữu Tình đón nhận sự an vui, sự khổ đau; hoặc một khi tử vong rồi thì cũng làm cho một số được đi thọ sinh thành Chư Thiên, một số về Nhân Loại, một số về Hữu Tình Bàng Sinh, một số về Ngạ Quỷ, và đọa Địa Ngục. Có việc nêu lên vấn đề Nhân Quả,

điều ám chỉ, lối ẩn dụ, luôn cả việc tỷ giảo với nền tảng của những Phật Ngôn và Chú Giải; mà nếu giả như người đang lắng nghe ấy đã không có bị Triền Cái bao phủ trùm lấy, thì thường thiết yếu sẽ phải khởi sinh lên sự sùng tín, và nỗ lực mải miết chăm chú lắng nghe; vả lại ghi nhớ thâu nhặt lấy ý nghĩa của từng nội dung, tập trung tâm trí không cho tản mạn lan man; thế rồi cũng sẽ liễu tri được ý nghĩa của những nội dung ấy là Thiện Nghiệp Lực, tức là Tín, Tấn, Niệm, Định Tuệ đã được khởi sinh. Thế nhưng với người bất tín trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đang khi lắng nghe về các câu chuyện đấy thường khởi sinh sự nghi lự, thắc mắc, không tin rằng sẽ hiện hành thể theo như thế ấy được. Vì lẽ người ấy bất liễu tri ở trong sự việc hiện hữu sinh tồn của tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện hành duyên theo mãnh lực của Nghiệp Báo. Một khi đã bất liễu tri rồi, thường khởi sinh lên việc chán ngán, không muốn lắng nghe, tâm trí thường chao đảo tìm kiếm đối tượng khác, để thay vào đó sẽ phát sinh lên sự mãn nguyện duyệt ý. Khi đã không tìm ra được, chỉ vì ở tại nơi đấy thuần nhất trình bày Giáo Pháp thôi; thế rồi đã phát sinh lên sự bất duyệt ý, và nghĩ rằng Ta đã đi đến không đúng địa điểm rồi. Chỉ trong một khoảnh khắc sát na ấy, tâm trí của người ấy đã nghĩ tưởng đến hàng trăm thứ chuyện ngổn ngang sai khác, đã không còn tập trung để lắng nghe đến câu chuyện đang được khéo trình bày mãi cho đến chấm dứt việc thuyết giảng. Sự việc như thế, là bởi do người ấy đã không có khởi sinh lên Thiện Nghiệp Lực, và chỉ có duy nhất một phía Triền Cái khởi sinh ngần ấy thôi. Tức là ngay trong lúc ban đầu thì Hoài Nghi Triền Cái khởi sinh, tiếp đến là Vô Minh Triền Cái khởi sinh, và tuần tự nối tiếp theo là Hôn Thùy Triền Cái, Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái khởi sinh.

Có sáu thể loại Pháp làm thành vật cản trở trong việc sẽ thực hiện Thiện Sự, đó là: 1/. Tham Dục Triền Cái, 2/. Sân Độc Triền Cái, 3/. Hôn Thùy Triền Cái, 4/. Trạo Hối Triền Cái, 5/. Hoài Nghi Triền Cái, 6/. Vô Minh Triền Cái.

10. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Phiền Não mà không được gọi tên là Tùy Miên? Là những chi ? Và Phiền Não được gọi là Tùy Miên là thể loại Phiền Não nào ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày với.

10. Đáp: Có hai thể loại Phiền Não không được gọi tên là Tùy Miên, đó là: **1/. Khởi Lập Phiền Não (Pariyuṭṭhānakilesa), 2/. Việt Cấp Phiền Não (Vītikkamakilesa).**

Tùy Miên đây, là một thể loại Phiền Não ngủ ngầm trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, vả lại là thể loại Pháp bí ẩn, không có khả năng để được trông thấy, và chỉ ngoại trừ riêng với Bậc Chánh Đẳng Giác thôi. Theo thông thường thì Tùy Miên Phiền Não đây có thực tính tĩnh lặng, chẳng có hiện bày ra ngoài ở bất cứ một Lộ Môn nào cả; tiếp đến một khi có những Cảnh – tốt hoặc xấu – đi đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Tùy Miên Phiền Não đang tĩnh lặng đây, liền chuyển đổi thực tính thành **Khởi Lập Phiền Não (Pariyuṭṭhānakilesa)** và xuất sinh khởi lên ở Lộ Ý Môn. Nếu như Khởi Lập Phiền Não này có năng lực cực kỳ mãnh liệt, thì chuyển đổi thực tính thành **Việt Cấp Phiền Não (Vītikkamakilesa)** xuất sinh khởi ra ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn. Khởi Lập Phiền Não khởi sinh ở Lộ Ý Môn, hoặc Việt Cấp Phiền Não khởi sinh ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn; với cả hai thể loại Phiền Não này thì không được gọi là Tùy

Miên Phiền Não; tuy nhiên Khởi Lập Phiền Não này lại xuất sinh từ nơi Tùy Miên Phiền Não, và Việt Cập Phiền Não thì được xuất sinh từ nơi Khởi Lập Phiền Não. Với lý do này, từ ngữ Tùy Miên mới làm thành một thể loại Phiền Não tĩnh lặng ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Santāne anu anu sentīti = Anusayā** - Những thể loại Pháp chủng nào thường ngủ ngầm trong sự nối tiếp từ nơi Danh Pháp – Sắc Pháp, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Tùy Miên.**

Hoặc một phần khác nữa: **Anurūpaṃ kāraṇaṃ labhitvā senti uppajjantīti = Anusayā** - Những thể loại Pháp chủng nào một khi đã hội túc nhân khả ái thì thường được khởi sinh, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên **Tùy Miên.**

11. Hỏi: Nếu sẽ nêu lên điều thí dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Não, v.v. và cho trình bày Thiện Sự mà có khả năng phóng khí những cả ba Phiền Não ấy theo riêng từng phần, rằng Thiện Sự nào phóng khi Phiền Não nào ?

11. Đáp: Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Não, Khởi Lập Phiền Não và Việt Cấp Phiền Não này đây, thì cũng được so sánh giống với cây que diêm lửa. Tùy Miên Phiền Não được ví như ngọn lửa ở ngay đầu cây que diêm. Các Cảnh đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, Lộ Thiệt Môn, Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn thì được ví như lấy cây que diêm đánh vào bên cạnh hộp diêm. Khi hiện khởi lên ngọn lửa thì ví ngọn lửa này giống tựa như Khởi Lập Phiền Não; và khi lấy ngọn lửa đã hiện khởi lên đây, đem châm vào bất luận một vật thể nào, thì lửa bốc cháy dính vào các vật thể ấy được sánh tựa như Việt Cấp Phiền Não vậy.

+ Việc phóng khí cả ba Phiền Não bởi theo Giới – Định – Tuệ, đó là:

1. Giới Thiện có được khả năng phóng khí Việt Cấp Phiền Não.
2. Định Thiện có được khả năng phóng khí Khởi Lập Phiền Não.
3. Tuệ Thiện có được khả năng phóng khí Tùy Miên Phiền Não.

12. Hỏi: Nguyên nhân nào sự duyệt ý, sự oan trái oán hận, sự chấp Ta, v.v. những thể loại này đã được gọi tên là Kiết Sử ? Cho giải thích và nêu lên câu Chú Giải để trình bày với.

12. Đáp: Từ ngữ **Saṃyojana (Kiết Sử)** lập ý đến Pháp chủng trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ được; tương tự như một sợi thằng thúc trói buộc chặt Hữu Tình, hoặc vật thể không cho sút sổ ra được.

Giải thích rằng: Theo lẽ thường trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Phàm Nhân thì thường có một thể loại Pháp chủng được ví như một thằng thúc to lớn dài bằng 20 sải tay (40 m) dùng để thực hiện việc thúc phược buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho vuột thoát khỏi Khổ Uẩn; và những thằng thúc dài 20 sải tay này đích thị chính là Kiết Sử ấy vậy. Và ở trong tất cả những sợi dây thằng thúc là cả 10 Kiết Sử này, nếu nhỡ như bất luận một thằng thúc nào có trạng thái khởi lên căng cứng thì sợi dây thằng thúc ấy sẽ dắt dẫn Chúng Hữu Tình bởi do nương theo Nghiệp Lực mà cho đi tái sinh trong Cõi Giới hữu quan với thằng thúc ấy.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Saṃyojenti bandhantīti = Saṃyojanāni** - Những thể loại Pháp chủng nào thường thắng thúc buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy mới được gọi tên **Kiết Sử.**

13. Hỏi: Việc phân loại 10 Kiết Sử với Hạ Phần và Thượng Phần thể theo Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; luôn cả lời giải thích ở từng mỗi vấn đề với.

13. Đáp: + Việc phân loại Thập Kiết Sử với **Hạ Phần (Orambhāgiya)** và **Thượng Phần (Uddhambhāgiya)** (Theo Phần Kinh Tạng), đó là:

1. Hạ Phần Kiết Sử (Orambhāgiyasaṃyojana): Có 5 Kiết Sử hiện hành trong Hạ Phần, tức là Cõi Dục Giới, đó là: a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuể Phẫn Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử (Uddhambhāgiya): Có 5 Kiết Sử hiện hành trong Thượng Phần, tức là Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới, đó là: a/. Sắc Ái Kiết Sử, b/. Vô Sắc Ái Kiết Sử, c/. Ngã Mạn Kiết Sử, d/. Trạo Cử Kiết Sử, e/. Vô Minh Kiết Sử.

Thông thường tất cả Chúng Phàm Nhân không có chứng đắc Thiền Định thì sợi dây Dục Ái Kiết Sử thường luôn căng cứng. Và nếu như người ấy tạo tác nhiều Ác Hạnh, thì cả ba sợi dây gồm Khuể Phẫn Kiết Sử loại thô thiển, Tà Kiến Kiết Sử và Hoài Nghi Kiết Sử đây có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ. Còn Giới Cấm Thủ Kiết Sử thì không có hiện bày đối với khắp cả mọi người, thế nhưng nếu đã có hiện bày đối với người nào rồi, thì cũng tương tự như nhau, là có khả năng dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ vậy. Nếu như người ấy đa phần tạo tác Thiện Hạnh, thì cả hai sợi dây Khuể Phẫn Kiết Sử loại phổ thông, và **Ngã Kiến Kiết Sử (Attadiṭṭhi saṃyojana)** này có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy cho đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Đối với cả 3 sợi dây Kiết Sử gồm Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, và Hoài Nghi Kiết Sử đây thì không có được cơ hội căng cứng. Còn Phàm Nhân đã chứng đắc Thiền Định thì cả ba sợi dây Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử và Giới Cấm Thủ Kiết Sử không có được cơ hội căng cứng, duy chỉ có Trạo Cử Kiết Sử có được cơ hội căng cứng lên mà thôi; bởi do thế một khi bậc Phúc Lộc Thiền Giả mệnh chung lìa khỏi Cõi Dục Giới rồi, thì tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã chứng đắc, mới đi thọ sinh ở Cõi Sắc Giới hoặc Cõi Vô Sắc Giới. Tuy nhiên Phàm Nhân đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên đây, thì vẫn chưa trừ tiệt gốc rễ Dục Ái Kiết Sử, chỉ là phóng khí một cách đè nén với mãnh lực của Thiền Định ngần ấy thôi; bởi do thế nếu như vị Phạm Thiên nào khi đến thời hoại Thiền Định và mệnh chung, thì vị Phạm Thiên ấy sẽ không thể tái sinh trở lại thành Phạm Thiên được nữa, mà phải đi tái sinh trong Cõi Dục Giới và sẽ làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Sự việc như vậy, là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Dục Ái Kiết Sử, Khuể Phẫn Kiết Sử hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính của chính tự bản thân mình. Bậc đã thành tựu viên mãn Đạo Quả Thất Lai hoặc Nhất Lai, với cả ba Kiết Sử gồm Tà Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ đây, thì đã được sát trừ một cách tiệt diệt; bởi do thế mới vượt thoát ra khỏi **Hạ Phần Luân Hồi (Heṭṭhimasaṃsāra),** tức là cả Tứ Khổ Thú. Tuy nhiên vẫn chưa vượt thoát ra khỏi **Trung Phần Luân Hồi (Majjhimasaṃsāra)** tức là Cõi Nhân Loại với Cõi Thiên Giới; và

Thượng Phần Luân Hồi (Uparimasaṃsāra) tức là Cõi Sắc Giới với Cõi Vô Sắc Giới; vì lẽ cả bảy Kiết Sử còn lại đấy, thì vẫn còn hiện hữu trong Uẩn Giới Tính. Và cho đến khi đã thành tựu viên mãn Bậc Bất Lai rồi thì cả hai Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử và Khuể Phẫn Kiết Sử này lại một lần nữa được sát trừ một cách tiệt diệt và chẳng còn dư sót; bởi do thế Bậc Bất Lai này mới vượt thoát ra khỏi Trung Phần Luân Hồi; vì lẽ cả năm Hạ Phần Kiết Sử này đã không còn hiện hữu. Thế nhưng vẫn chưa vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, bởi vì Thượng Phần Kiết Sử vẫn còn đang hiện hữu vậy. Tiếp đến khi đã thành tựu viên mãn Bậc Vô Sinh rồi thì mới vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, và khi đến thọ mạng diệt thì cũng thành đạt Vô Dư Y Níp Bàn. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi sát trừ tiệt diệt một cách hoàn mãn cả mười sợi dây Kiết Sử.

+ Việc phân loại Thập Kiết Sử với **Hạ Phần (Orambhāgiya)** và **Thượng Phần (Uddhambhāgiya)** (Theo Phần Vô Tỷ Pháp Tạng), đó là:

1. Hạ Phần Kiết Sử: Có 7 Kiết Sử hiện hành trong Hạ Phần, đó là: a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuể Phẫn Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử, f/. Tật Đố Kiết Sử, g/. Lận Sắc Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử: Có 3 Kiết Sử hiện hành trong Thượng Phần, đó là: a/. Hữu Ái Kiết Sử, b/. Ngã Mạn Kiết Sử, c/. Vô Minh Kiết Sử.

Lại nữa, việc phân chia Thập Kiết Sử ra thành Hạ Phần và Thượng Phần Kiết Sử đấy, thì ở trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày nói rằng "Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi ba Đạo thấp thì được gọi tên là Hạ Phần Kiết Sử, còn Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi Đạo Vô Sinh thì được gọi tên là Thượng Phần Kiết Sử."

14. Hỏi: Theo lẽ thường nhiên người đang ngủ say sưa thì tâm thức của người ấy thường thanh thản trong sáng, chẳng có bất luận sự buồn phiền ưu não nào cả. Thân lời thì chẳng có hiện hành bởi theo trạng thái đáng ghê ghét, đáng sợ hãi, đáng sầu bi thảm hại chút nào cả. Thế nhưng khi người ấy đã thức dậy rồi, thì tâm thức cũng có thay đổi, là buồn phiền cũng có, ưu não cũng có. Thân lời cũng có cử chỉ điệu bộ khởi sinh lên ở chỗ đáng ghê ghét cũng có, đáng sợ hãi cũng có, đáng sầu bi thảm hại cũng có. Chỗ đã là như vậy, thì muốn được thấu hiểu rằng đã hiện hành do bởi mãnh lực chi ? Có được số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ? Và những thể loại Pháp này khi tính đếm theo đầy đủ toàn bộ thì có số lượng là bao nhiêu ? Và việc tính đếm ấy thì có phương thức tính đếm như thế nào ?

14. Đáp: Chỗ đã là như vậy, là cũng do bởi mãnh lực của Phiền Não. Phiền Não có số lượng 10, đó là: 1/. Tham Ái Phiền Não, 2/. Sân Hận Phiền Não, 3/. Si Mê Phiền Não, 4/. Ngã Mạn Phiền Não, 5/. Tà Kiến Phiền Não, 6/. Hoài Nghi Phiền Não, 7/. Hôn Thùy Phiền Não, 8/. Trạo Cử Phiền Não, 9/. Vô Tàm Phiền Não, 10/. Vô Quý Phiền Não.

Và những thể loại Pháp này khi tính đếm theo đầy đủ toàn bộ thì có số lượng 1,500. Phương thức tính đếm có được việc tính đếm như vầy: có 150 Cảnh làm thành tác nhân cho Thập Phiền Não sinh khởi, đó là:

+ Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepaññāsa): là 53 Danh Pháp, 18 Sắc Thành Sở Tác, 4 Sắc Thực Tướng; kết hợp lại thành 75 Pháp.

+ Trong Nội Giới Tính (Ajjhattasandāna): ở bên trong bản thân, có được 75 Pháp.

+ Trong Ngoại Giới Tính (Bahiddhasandāna): là vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện hữu ở bên ngoài bản thân, có được 75 Pháp.

Kết hợp lại thành 150 Cảnh x 10 Phiền Não = 1,500 Phiền Não.

15. Hỏi: Cho trình bày Pháp Bất Thiện như tiếp nối theo đây: 1/. Pháp làm được Lậu Hoặc nhưng không làm được Hệ Phược. 2/. Pháp làm được Hệ Phược nhưng không làm được Lậu Hoặc. 3/. Pháp làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược. 4/. Pháp không làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược. 5/. Pháp làm được Triền Cái nhưng không làm được Kiết Sử. 6/. Pháp làm được Kiết Sử nhưng không làm được Triền Cái. 7/. Pháp làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử. 8/. Pháp không làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử. 9/. Pháp làm được Tùy Miên nhưng không làm được Phiền Não. 10/. Pháp làm được Phiền Não nhưng không làm được Tùy Miên. 11/. Pháp làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Não. 12/. Pháp không làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Não.

Và Pháp làm được những cả chín nhóm Bất Thiện Pháp gồm có Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phược, Hệ Phược, Chấp Thủ, Triền Cái, Tùy Miên, Kiết Sử, Phiền Não đây, đó là những Pháp chi ? Bất Thiện Pháp không làm được cả chín loại nhóm này, đó là những chi ?

15. Đáp: Tuần tự trình bày theo các câu hỏi đã được nêu lên:

1. Pháp làm được Lậu Hoặc nhưng không làm được Hệ Phược, là Tâm Sở Si.

2. Pháp làm được Hệ Phược nhưng không làm được Lậu Hoặc, là Tâm Sở Sân.

3. Pháp làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược, là Tâm Sở Tham và Tâm Sở Tà Kiến.

4. Pháp không làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược, là 12 Tâm Bất Thiện, 23 Tâm Sở (loại trừ 4 Chi Pháp).

5. Pháp làm được Triền Cái nhưng không làm được Kiết Sử, là Hôn Trầm, Thùy Miên, và Hối Hận.

6. Pháp làm được Kiết Sử nhưng không làm được Triền Cái; là Ngã Mạn, Tà Kiến, Tật Đố, và Lận Sắc.

7. Pháp làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử; là Tham, Sân, Si, Trạo Cử, Hoài Nghi.

8. Pháp không làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử; là 12 Tâm Bất Thiện, 15 Tâm Sở (loại trừ 12 Chi Pháp).

9. Không có Pháp nào làm được Tùy Miên nhưng không làm được Phiền Não.

10. Pháp làm được Phiền Não nhưng không làm được Tùy Miên; là Hôn Trầm, Vô Tàm, Vô Quý, và Trạo Cử.

11. Pháp làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Não; là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, và Hoài Nghi.

12. Pháp không làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Não; là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Sở (loại trừ 10 Chi Pháp).

Và Pháp làm được cả chín nhóm Bất Thiện Pháp gồm có Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phược, Hệ Phược, Chấp Thủ, Triền Cái, Tùy Miên, Kiết Sử, Phiền Não đây, đích thị chính là

Tâm Sở Tham. Bất Thiện Pháp không làm được cả chín loại nhóm này, đích thị chính là 12 Tâm Bất Thiện, 13 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Tâm Bất Thiện.

III. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP HỖN HỢP

16. Hỏi: Có bao nhiêu nhóm Pháp trong Tổng Hợp Hỗn Hợp ? Là những chi ? Và rằng khi phân loại thì có được số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ?

16. Đáp: Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1/. Nhân, 2/. Chi Thiền Na, 3/. Chi Đồ Đạo, 4/. Quyền Lực, 5/. Năng Lực, 6/. Trưởng, 7/. Vật Thực. Và rằng khi phân loại thì có được 64 thể loại; đó là: Lục Nhân, Thất Chi Thiền Na, Thập Nhị Chi Đồ Đạo, Nhị Thập Nhị Quyền Lực, Cửu Năng Lực, Tứ Trưởng, Tứ Thực.

17. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa nội dung và Chi Pháp theo riêng từng mỗi phần của các Pháp như tiếp theo đây: Lục Nhân, Thất Chi Thiền Na, và Thập Nhị Chi Đồ Đạo.

17. Đáp: 1/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của **Nhân (Hetu)** là: "Quả báo thường sinh khởi bởi do những thể loại Pháp này, bởi do thế những thể loại Pháp này mới được gọi tên **Nhân**". Có nghĩa tất cả các Pháp được đón nhận sự bảo trợ từ nơi Nhân thường có thực tính kiên định trong Cảnh như thế nào, y như cây cối có rễ cây tươi tốt vươn trải ra như thế ấy. Nhân có 6 Chi Pháp, đó là: Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

2/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của **Chi Thiền Na (Jhānaṅga)** là: Những thể loại Pháp nào thường đi vào thẩm thị Cảnh có đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** v.v. bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên **Thiền Na.** Hoặc: Những thể loại Pháp nào thường thiêu đốt Pháp đối nghịch nhau, bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên **Thiền Na.** Là 7 Chi Thiền Na.

Chỗ gọi là Thiền Na đấy, có nghĩa là Pháp chủng có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định. Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiền Na hết cả thảy. Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiền Na đây, được dịch nghĩa "thiêu đốt". Từ ngữ "thiêu đốt" trong chỗ này lập ý đến "làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thối giảm xuống", hoặc "làm cho không khởi sinh lên được". Tức là 6 Chi Thiền Na (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu trong Tâm Đáo Đại. Còn Chi Thiền Na hiện hữu trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

3/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của **Chi Đồ Đạo (Maggaṅga)** là: "Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn." Đó chính là 12 Chi Đồ Đạo, gồm có Chánh Kiến v.v. ấy vậy.

18. Hỏi: Cho phân tích Nhị Thập Nhị Quyền Lực bởi theo Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; và cho trình ý nghĩa nội dung của Nhị Thập Nhị Quyền Lực này theo riêng từng mỗi phần.

18. Đáp: Phân tích Nhị Thập Nhị Quyền Lực bởi theo Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp có như vầy: Trong 22 Quyền Lực ấy, với cả 7 Pháp Quyền Lực gồm Nhãn Quyền Lực, Nhĩ Quyền Lực, Tỷ Quyền Lực, Thiệt Quyền Lực, Thân Quyền Lực, Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực được kết hợp lại gọi là **Sắc Pháp.** Mạng Quyền Lực là Tâm Sở và Sắc Pháp. Ý Quyền Lực là Tâm. Lạc Quyền Lực, Khổ Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, Ưu Quyền Lực, Xả Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, Vị Tri Đương Tri Quyền Lực, Dĩ Tri Quyền Lực và Cụ Tri Quyền Lực, kết hợp 13 Pháp này gọi là **Tâm Sở.** Và ý nghĩa nội dung 22 Quyền Lực theo riêng từng mỗi phần (đã có trình bày ở phần trên rồi).

19. Hỏi: Hãy phân tích Cửu Năng Lực Pháp bởi theo **Tịnh Hảo (Sobhaṇa)** và **Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇa)** luôn cả trình bày ý nghĩa nội dung của các Năng Lực ấy với; và cho tuần tự trình bày Chi Pháp của Tứ Trưởng và Tứ Thực.

19. Đáp: Phân tích Cửu Năng Lực Pháp bởi theo Tịnh Hảo và Vô Tịnh Hảo có được như vầy: kết hợp cả năm Năng Lực gồm Tín Lực, Niệm Lực, Tuệ Lực, Tàm Lực và Quý Lực này lại được gọi là **Tịnh Hảo.** Kết hợp cả hai Vô Tàm Lực và Vô Quý Lực này lại được gọi là **Vô Tịnh Hảo.** Kết hợp cả hai Tấn Lực và Định Lực này lại thì được gọi cả hai, vừa là **Tịnh Hảo** và vừa là **Vô Tịnh Hảo.** Và ý nghĩa nội dung Cửu Năng Lực, Tứ Trưởng và Tứ Thực bởi theo riêng từng mỗi phần (đã có trình bày ở phần trên rồi).

20. Hỏi: Những Tâm Sở nào khi sát na phối hợp với một vài nhóm Tâm thì không làm được Chi Thiền Na, Chi Đồ Đạo, Quyền Lực và Năng Lực ? Hãy trình bày tên gọi của nhóm Tâm ấy, luôn cả nêu lên nền tảng Giáo Pháp cho dẫn chứng với.

20. Đáp: Một vài Tâm Sở khi sát na phối hợp với một vài nhóm Tâm thì không làm được Chi Thiền Na, Chi Đồ Đạo, Quyền Lực và Năng Lực, đó là:

1. Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Nhất Thống trong 10 Tâm Ngũ Song Thức không làm được Chi Thiền Na.

2. Tâm Sở Nhất Thống

+ trong 18 Tâm Vô Nhân thì không làm được Chi Đồ Đạo.

+ trong 16 Tâm Vô Cần thì không làm được Định Quyền Lực và Định Lực.

+ trong 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi thì không làm được Tà Định, Định Quyền Lực và Định Lực.

3. Tâm Sở Tầm trong 8 Tâm Vô Nhân (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức) thì không làm được Chi Đồ Đạo.

4. Tâm Sở Cần trong 1 Tâm Tiếu Sinh, 1 Tâm Khai Ý Môn thì không làm được Chi Đồ Đạo.

Như dẫn chứng nền tảng **Pāḷi** đã có trình bày rằng: **Pañcaviññāṇesu jhānaṅgāni, ahetukesu maggaṅgani na labbhanti tatthā avīriyesuekaggatā indriyabalabhāvaṃ na gacchati, vicikicchācitte pana maggabhāvaṃ pi** - Các Chi Thiền Na không thể tìm được ở trong Ngũ Thức. Các Năng Lực không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. Các

Chi Đồ Đạo không tìm thấy được ở trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ưng Hoài Nghi thì Nhất Thống không thể trở thành Chi Đồ Đạo, Quyền Lực hoặc Năng Lực.

Giải thích: Ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức thường không có được Chi Thiền Na. Ở trong 18 Tâm Vô Nhân thường không có được Chi Đồ Đạo Tâm Sở Nhất Thống. Ở trong 16 Tâm Vô Cần thường không đạt đến Định Quyền Lực và Định Lực. Cũng vậy, Tâm Sở Nhất Thống trong Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi thường không đạt đến Tà Định, Định Quyền Lực và Định Lực.

21. Hỏi: Kệ ngôn trình bày Chi Pháp cả bảy nhóm trong Tổng Hợp Hỗn Hợp đã có trình bày như thế nào ? Khi dịch nghĩa thì có ý nghĩa nội dung ra sao ?

21. Đáp: Kệ ngôn trình bày Chi Pháp cả bảy nhóm trong Tổng Hợp Hỗn Hợp đã có trình bày như vầy: **Cha hetu pañca jhānaṅgā maggaṅgā nava vatthuto. Soḷasindriya dhammā ca baladhammā naveritā. Cattārodhipati vuttā tathāhārāti sattadhā** - Trên thực tế, thì chỉ có Lục Nhân, Ngũ Chi Thiền Na, Cửu Chi Đồ Đạo, Thập Lục Quyền Lực, và Cửu Năng Lực, đã có được trình bày. Cũng vậy Tứ Trưởng và Tứ Thực cũng đã được đề cập.

Dịch nghĩa ý nghĩa nội dung, ấy là:

1. Nhân: rằng khi theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được Lục Nhân, v.v.

2. Trưởng: rằng khi theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được Tứ Trưởng, v.v.

22. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: **1/. Tổng Hợp Hỗn Hợp (Missakasaṅgaha), 2/. Nhân (Hetu), 3/. Chi Thiền Na (Jhānaṅga), 4/. Chi Đồ Đạo (Maggaṅga), 5/. Quyền Lực (Indrīya), 6/. Năng Lực (Bala), 7/. Trưởng (Adhipatī), 8/. Vật Thực (Āhāra).**

22. Đáp: Những câu Chú Giải các từ ngữ ấy có nội dung như vầy:

1. Câu Chú Giải từ ngữ **Missakasaṅgaha (Tổng Hợp Hỗn Hợp)**, đó là: **Kusalā kusalābyākatamissakānaṃ hetuchakkādīnaṃ saṅgahoti = Missakasaṅgaho** - Liệt kê các nhóm với những Pháp Thực Tính gồm có Lục Nhân v.v. thể theo Thiện, Bất Thiện và Vô Ký trộn lẫn vào nhau, bởi do thế mới được gọi tên **Tổng Hợp Hỗn Hợp.**

2. Câu Chú Giải từ ngữ **Hetu (Nhân)**, đó là:

Hinoti vattati phalaṃ **Etehi iti hetuvo**
Laddhahetūhi te thīrā **Ruḷhamūlāva pādapā**

Quả báo thường sinh khởi bởi do những thể loại Pháp này, bởi do thế những thể loại Pháp này mới được gọi tên là Nhân. Có nghĩa là tất cả các Pháp được đón nhận sự bảo trợ từ nơi Nhân thường có thực tính kiên định trong Cảnh như thế nào, y như cây cối có rễ cây tươi tốt vươn trải ra như thế ấy.

3. Câu Chú Giải từ ngữ **Jhānaṅga (Chi Thiền Na)**, đó là:

Ālambamupanijjhenti **Iti jhānāni vuccare**
Jhāpenti vā paccanīke **Itīpi jhānasaññitā**

Những thể loại Pháp nào thường đi vào thẩm thị Cảnh có đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** v.v. bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na. Hoặc: Những thể loại

Pháp nào thường thiêu đốt Pháp đối nghịch nhau, bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na. Tức là 7 Chi Thiền Na.

4. Câu Chú Giải từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo),** đó là:

Sagatyā ca duggatyā ca	**Nibbānanassa ca pāpaṇā**
Tesañca pathabhūtattā	**Maggaṅgānīti vuccare**
Maggassa vā aṅgānīti	**Maggaṅgānīti sammatā**

Cửu Chi Pháp mà Ngài đã nói rằng là Chi Đồ Đạo, bởi vì làm thành tác nhân cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, Níp Bàn; và làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú và Níp Bàn. Một phần khác nữa: Cửu Chi Pháp mà Ngài gọi là Chi Đồ Đạo, bởi vì làm thành từng mỗi Chi Phần của Đồ Đạo.

5. Câu Chú Giải từ ngữ **Indrīya (Quyền Lực)** là: **Indanti paramaissariyaṃ karontī ti = Indriyāni** - Những thể loại Pháp nào làm thành người chủ quản, nghĩa là thường tác hành cho bản thân được hoàn toàn độc lập; bởi thế những thể loại Pháp ấy mới gọi tên **Quyền Lực.**

6. Từ ngữ **Bala (Năng Lực)** có nghĩa là "bất kinh động". Như có **Pāḷi** trình bày rằng: **Akampanaṭṭhena balaṃ** - Gọi là Năng Lực với ý nghĩa bất kinh động. Hoặc **Balīyanti uppanne paṭipakkhadhamme sahanti maddantīti = Balāni** - Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên **Lực.**

7. Câu Chú Giải từ ngữ **Adhipatī (Trưởng)** là: **Adhināṇaṃ pati = Adhipati** - Pháp làm thành thủ trưởng của Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thế Pháp ấy mới được gọi tên **Trưởng.** Hoặc một phần khác nữa: **Adhiko pati = Adhipati** - Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thế mới được gọi tên **Trưởng.**

8. Câu Chú Giải từ ngữ **Āhāra (Vật Thực)** là: **Āhārantīti = Āhārā** - Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn các Pháp làm thành quả báo của mình; bởi do thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên **Vật Thực.**

23. Hỏi: Từ ngữ **Jhāna (Thiền Na)** có ý nghĩa như thế nào ? Và những Pháp chi làm thành đối nghịch đối với Chi Thiền ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Chi Phần.

23. Đáp: Chỗ gọi là Thiền Na đấy, có nghĩa "Pháp chủng có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định". Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiền Na hết cả thảy. Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiền Na đây, được dịch nghĩa là "thiêu đốt". Từ ngữ "thiêu đốt" trong chỗ này lập ý đến "làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thối giảm xuống", hoặc "làm cho không khởi sinh lên được". Tức là 6 Chi Thiền Na (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu trong Tâm Đáo Đại. Còn Chi Thiền Na hiện hữu trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi vào thẩm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

+ Pháp làm thành đối nghịch với Chi Thiền Na, đó là:

1. Hôn Thùy là Pháp đối nghịch với **Tầm (Vitakka).**

2. Hoài Nghi là Pháp đối nghịch với **Tứ (Vicāra).**

3. Sân Độc là Pháp đối nghịch với **Hỷ Lạc (Pīti).**

4. Tham Dục là Pháp đối nghịch với **Nhất Thống (Ekaggatā).**

5. Trạo Cử, Hối Hận và Ưu Thọ là Pháp đối nghịch với **Hỷ Thọ (Somanassa)** và **Xả Thọ (Upekkhā).**

6. Hỷ Lạc và Hỷ Thọ là Pháp đối nghịch với **Ưu Thọ (Domanassa).**

24. Hỏi: Cho giải thích cả chín Chi Pháp có Trí Tuệ, v.v. chỗ được gọi tên là Đồ Đạo **(Magga)**, và Đức Phật lập ý trình bày đạo lộ ngoài ra 12 Chi Đồ Đạo thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Rằng tính theo Chi Pháp thì gồm những chi ?

24. Đáp: Chín Chi Pháp có Trí Tuệ, v.v. chỗ được gọi là Đồ Đạo đấy, cũng vì theo lẽ thường nhiên tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử trong 31 Cõi Giới, hoặc Bậc đã được chứng đạt đến Níp Bàn, thì thường phải nương vào tác nhân làm thành đạo lộ nâng đỡ sách tấn cho được chứng đạt đến. Như thế, Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn; đó chính là 12 Chi Đồ Đạo, gồm có Chánh Kiến, v.v. ấy vậy.

Trong số lượng 12 Chi Đồ Đạo đây, thì có 8 Chi Đồ Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Thiện Thú và Níp Bàn, đó là: 1/. Chánh Kiến, 2/. Chánh Tư Duy, 3/. Chánh Ngữ, 4/. Chánh Nghiệp, 5/. Chánh Mạng, 6/. Chánh Tinh Tấn, 7/. Chánh Niệm, 8/. Chánh Định.

Có 4 Chi Đồ Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Khổ Thú, đó là: 1/. Tà Kiến, 2/. Tà Tư Duy 3/. Tà Tinh Tấn, 4/. Tà Định.

Ở trong Kinh Tạng, Đức Phật lập ý khải thuyết đạo lộ ngoài ra 12 Chi Đồ Đạo như đã vừa đề cập đến, thì vẫn còn hiện hữu thêm nữa, đó là: Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, và Tà Niệm. Thế nhưng khi sắp bày thể theo Chi Pháp Siêu Lý thì chẳng có chi đặc biệt; và Tà Ngữ chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Ngữ Ác Hạnh; Tà Nghiệp chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Thân Ác Hạnh; Tà Mạng chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với việc nuôi mạng ở trong đạo lộ bất chánh; và Tà Niệm chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện có Tưởng làm trưởng trội ở trong liên quan với việc nghĩ suy đến các điều Bất Thiện.

25. Hỏi: Cho giảng giải trong từ ngữ **Indrīya** (Quyền Lực) một cách ngắn gọn, luôn cả việc phân tích những thể loại Quyền này bởi theo Cõi Giới dựa theo nền tảng Giáo Pháp đã được đề cập đến.

25. Đáp: Giảng giải ở trong từ ngữ **Indrīya** (Quyền Lực) một cách ngắn gọn dựa theo nền tảng Giáo Pháp đã được đề cập đến thì có ý nghĩa như vầy: Từ ngữ **Indrīya** (Quyền Lực) dịch nghĩa "làm thành người chủ quản" có nghĩa là có khả năng làm cho Pháp Thực Tính câu sinh với mình, phải hiện hành theo mãnh lực của mình. Chẳng hạn như Nhãn Quyền Lực làm thành người chủ quản trong việc trông thấy, tức là việc trông thấy sẽ được hiện khởi lên cũng phải nương vào Nhãn Thanh Triệt. Nếu không có Nhãn Thanh Triệt, thế rồi việc trông thấy cũng không thể sinh khởi lên được. Và việc trông thấy xa hoặc gần, trông thấy được rõ ràng

hoặc không rõ ràng, đó cũng chính là do bởi nương từ nơi Nhãn Thanh Triệt ấy vậy. Nếu như Nhãn Thanh Triệt có năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được thấy xa và rõ; và nếu như Nhãn thanh Triệt có năng lực yếu kém, thì việc trông thấy cũng chẳng thấy được xa và cũng không rõ ràng. Với những thể loại này, là cũng chính do bởi Nhãn Thanh Triệt đã tạo tác cho hiện hành theo mãnh lực của bản thân mình ở trong việc chủ quản ấy vậy. Ở trong các Quyền Lực khác cũng tương tự như nhau, tức là từng mỗi Quyền Lực cũng có chức năng chủ quản, nghĩa là tạo tác cho Pháp Thực Tính liên quan với bản thân được hiện hành theo mãnh lực của mình.

+ Việc phân tích Nhị Thập Nhị Quyền Lực bởi theo **Cõi Giới (Bhūmi),** đó là:

1. Nhãn Quyền Lực, Nhĩ Quyền Lực, Tỷ Quyền Lực, Thiệt Quyền Lực, Thân Quyền Lực, Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực, Lạc Quyền Lực, Khổ Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, kết hợp cả 10 Quyền Lực này lại đều là Pháp Dục Giới hết cả thảy; bởi do thế gọi là **Dục Quyền Lực (Kāmaindrīya).**

2. Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Xả Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, kết hợp cả 8 Quyền Lực này lại được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là Dục Giới Quyền Lực, Sắc Giới Quyền Lực, Vô Sắc Giới Quyền Lực, và Siêu Thế Quyền Lục **(Kāma, Rūpa, Arūpa, Lokuttaraindrīya).**

3. Hỷ Quyền Lực được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là Dục Giới Quyền Lực, Sắc Giới Quyền Lực, và Siêu Thế Quyền Lực.

4. Vị Tri Đương Tri Quyền Lực, Dĩ Tri Quyền Lực, Cụ Tri Quyền Lực, kết hợp cả 3 Quyền Lực này lại đều được làm thành Pháp Siêu Thế hết cả thảy; bởi do thế gọi là Siêu Thế Quyền Lực.

26. Hỏi: Từ ngữ **Bala (Năng Lực)** có nghĩa "bất kinh động" luôn cả có năng lực kham nhẫn đè nén được các Pháp đối nghịch; muốn biết rằng "bất kinh động" ấy như thế nào, có năng lực kham nhẫn đè nén và chiến đấu tiêu diệt các Pháp đối nghịch như thế nào ? Hãy giải thích luôn cả nêu lên phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày và không cần phải dịch nghĩa.

26. Đáp: Từ ngữ **Bala (Năng Lực)** có nghĩa "bất kinh động".

Như có **Pāḷi** trình bày rằng: **Akampanaṭṭhena balaṃ** - Gọi là Năng Lực với ý nghĩa bất kinh động. Hoặc: **Balīyanti uppanne paṭipakkhadhamme sahanti maddantīti = Balāni** - Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên **Lực.**

Lời giải thích: Thông thường tất cả các vị tướng quân thường bất kinh động trong chức nghiệp của mình như thế nào, thì Cửu Chi Pháp có Tín, v.v. cũng thường bất kinh động trong chức năng của mình, như là sự sùng tín, sự nỗ lực tinh cần, v.v. như thế ấy, nên mới được gọi tên Năng Lực.

Sự bất kinh động có hai thể loại, đó là:

1/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là sự làm thành người chủ quản sống trong quyền lực chỉ huy của mình, và một khi có được tiếp xúc với quân thù rồi thì bất kinh động, vả lại có khả năng diệt trừ bọn quân thù ấy được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Thiện cũng bất kinh động ở trong chức năng của mình, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện ở phần đối nghịch với mình, cho tiệt diệt đi được. Như trường hợp về Tín Lực có sự sùng tín một cách kiên định bất kinh động, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho khởi sinh lên sự bất khả tín, cho phải bị tiệt diệt đi được chẳng hạn như vậy.

2/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là chỉ đơn nhất làm thành người chủ quản trong quyền lực chỉ huy của mình thôi, thế nhưng một khi có được tiếp xúc với quân thù thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ bọn quân thù ấy cho phải bị thất bại thảm hại đi được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Bất Thiện quả thật có sự bất kinh động trong chức năng của mình, tức là chỉ có đơn nhất kiên trụ ở trong Pháp cùng câu sinh với mình thôi; thế nhưng một khi Pháp Thiện ở phần đối nghịch với mình đang sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ đi được; phải bị thối giảm và hiện hành đi theo ở phần Thiện Pháp. Như trường hợp về Vô Tàm Lực quả thật có sự bất kinh động trong việc không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh; thế nhưng một khi Tàm Lực sinh khởi lên rồi thì Vô Tàm Lực cũng phải bị thất bại, và không còn có khả năng để kiên trụ được nữa, chẳng hạn như vậy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày rằng:

Asaddhiye kosajje ca Muṭṭhassacce ca uddhacce
Avijjāya ahirike Nottappe ca na kampare.
Tasmā saddhādayo satta Kusalādī balāni ca
Yuttesveva akampena Upaññāpi taṃnāmikā.

Thất Chi Pháp có Tín, v.v. ở những thể loại Thiện và Vô Ký đây, gọi tên là Năng Lực vì lẽ theo tuần tự bất kinh động trong Pháp Bất Thiện; có nghĩa là Tín thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự bất tín. Cần thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự lười biếng. Niệm thường bất kinh động trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi việc thất niệm. Định thường bất kinh động trong sự phóng dật. Tuệ thường bất kinh động trong việc bất liễu tri Chân Lý. Tàm thường bất kinh động trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Quý thường bất kinh động trong sự không có giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Ngay cả Pháp Bất Thiện có những thể loại Cần, Vô Tàm, Vô Quý đây, cũng được gọi tên là Năng Lực, vì lẽ chỉ bất kinh động đơn nhất trong Pháp Tương Ưng với mình thôi.

27. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ **Adhipatī (Trưởng)** và Pháp được làm thành Trưởng đấy thì ở trong thể loại Tâm Đồng Lực nào ? Vả lại cho nêu lên phần **Pāḷi** dẫn chứng để trình bày.

27. Đáp: Câu Chú Giải từ ngữ **Adhipatī (Trưởng)** là: **Adhināṇaṃ pati = Adhipatī** - Pháp làm thành thủ trưởng của Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thế Pháp ấy mới được gọi tên **Trưởng.**

Hoặc một phần khác nữa: **Adhiko pati = Adhipatī** - Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thế mới được gọi tên là **Trưởng.**

Pháp được làm thành Trưởng đấy, thì chỉ phải ở trong Tâm Đồng Lực Nhị Nhân hoặc Đồng Lực Tam Nhân thôi; bởi do thế **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp rằng: **Dvihetukatihetujavanesveva yathāsambhavaṃ adhipatiekova labbhati** - Trong Tứ Trưởng thì chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân. Duy nhất chỉ có được một Trưởng ở trong số lượng Tứ Trưởng, và tùy theo trường hợp chỉ sẽ được hiện hành trong các Tâm Đồng Lực Nhị Nhân và Tâm Đồng Lực Tam Nhân thôi.

28. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản của Quyền Lực với sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản của Trưởng một cách đầy đủ chi tiết.

28. Đáp: 1. Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành Quyền Lực đây, một khi sinh khởi lên thì thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền Lực với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau; bởi vì những thể loại Pháp làm thành Quyền Lực đây chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong chức năng của mình thôi. Có nghĩa Nhãn Quyền Lực chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất trong việc trông thấy. Ý Quyền Lực cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất trong việc tiếp thâu Cảnh. Tín Quyền Lực cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất trong sự sùng tín, v.v. Chẳng hạn như khi cái Tâm Đại Thiện thứ nhất sinh khởi lên thì ở trong cái Tâm Đại Thiện đồng câu sinh với Tâm Sở đây, có được 8 Pháp làm thành Quyền Lực cùng câu sinh với nhau, đó là: Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Cần Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, và Tuệ Quyền Lực.

Ở trong cả Bát Quyền Lực cùng câu sinh với cái Tâm Đại Thiện thứ nhất này, thì Tâm Sở Mạng Quyền làm thành Trưởng chủ quản trong chức năng bảo hộ Tâm – Tâm Sở cùng câu sinh với mình. Cái Tâm Đại Thiện thứ nhất thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc tiếp thâu Cảnh. Hỷ Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc thụ hưởng Cảnh an lạc về Tâm. Tín Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc sùng tín. Cần Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc tinh cần. Niệm Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc đạt được ghi nhớ. Định Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc kiên trụ với Cảnh. Tuệ Quyền Lực thì làm thành Trưởng chủ quản trong việc liễu tri được Chân Lý. Từng mỗi phần làm theo mỗi chức năng riêng biệt, và không có việc cấm chỉ làm thành Trưởng lẫn nhau. Do vậy mới gọi là "làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành Quyền Lực.

2. Còn sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành Trưởng đấy, một khi sinh khởi ở trong từng mỗi giai đoạn thì thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp thôi. Chẳng hạn như ở trong sát na Dục làm thành Trưởng, tức là có sự duyệt ý một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Cần, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Dục

trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Cần làm thành Trưởng, tức là có sự tinh cần một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Cần đi trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Tâm làm thành Trưởng, tức là có sự chú tâm một cách dũng mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần, và Tuệ cũng phải thuận tùng theo Tâm đi trong các Cảnh ấy. Và nếu ở giai đoạn nào Tuệ làm thành Trưởng, tức là có sự liễu tri được Chân Lý hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần và Tâm cũng phải thuận tùng theo Tuệ đi trong các Cảnh ấy, tương tự như nhau.

Tóm lại, rằng sự làm thành Trưởng bởi theo sự làm thành Quyền Lực thì ở trong từng mỗi một giai đoạn, thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền Lực với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau. Còn sự làm thành Trưởng bởi theo sự làm thành Trưởng thì trong từng mỗi giai đoạn thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp thôi, và không thể có nhiều Trưởng cùng sinh khởi lên với nhau được.

29. Hỏi: Ngài đã nói rằng Pháp nào thường dắt dẫn đưa đến trổ sinh quả báo của mình, và Pháp ấy được gọi tên là **Āhāra (Vật Thực).** Muốn biết được hiểu biết đến từ ngữ "dắt dẫn đến" là dắt dẫn đến như thế nào ? Xin cho lời giải thích và cho trình bày đến việc dắt dẫn của cả Tứ Thực theo riêng từng mỗi phần, luôn cả nêu phần **Pāḷi** dẫn chứng lên để trình bày với.

29. Đáp: Từ ngữ **Āhāra (Vật Thực)** dịch nghĩa "dắt dẫn đến" có nghĩa "làm cho quả báo sinh khởi, vả lại giúp đỡ ủng hộ cho được tồn tại, và được tăng trưởng lên". Tương tự như nói với nhau rằng "công việc này được thiết lập lên, và được phát triển lên là cũng do bởi người quản lý làm thành nhà hướng dẫn dìu dắt" và nếu thiếu mất người quản lý này đi rồi, thì các công việc ấy sẽ không có thể tồn tại và phát triển lên được. Điều này như thế nào thì sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, tức là một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi với mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế, thì Hữu Tình ấy sẽ có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên, là cũng do bởi nương vào Bổ Phẩm trong các vật thực sai khác làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình ấy. Và khi Sắc Vật Thực đã sinh khởi rồi, thì cũng làm cho Hữu Tình ấy có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên; bởi do thế chất Bổ Phẩm này mới được gọi tên **Đoàn Thực.**

Xúc (Phassa) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn Thọ. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này có sự nhận thức an lạc (Hỷ Thọ), bất an (Ưu Thọ) hoặc thản nhiên (Xả Thọ), đã là thực tính của những cảm thọ đây sẽ hiện khởi lên được thì trước tiên cũng phải do nương vào việc tiếp xúc giữa Cảnh, Môn và Tâm. Việc tiếp xúc giữa cả ba thực tính này gọi là Xúc. Nếu không có Xúc là việc tiếp xúc này đây, thì các sự nhận thức ấy cũng sẽ không thể hiện khởi lên được. Và một khi đã thiếu mất sự nhận thức ấy đi rồi, thì tương tự như nhau, Tham là sự duyệt ý và dính mắc ở trong các Cảnh, là chỗ làm thành tác nhân cho việc tiến hóa của Thế Giới Hữu Tình này cũng không thể có được; bởi do thế Xúc đây mới được gọi tên **Xúc Thực.**

Tư Tâm Sở (Cetanā) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Quả Dị Thục, gồm có Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Nhãn Thức,v.v. sinh khởi lên được.

Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình, chỉ ngoại trừ Bậc Vô Sinh, khi mệnh chung rồi thường có việc việc tái sinh tiếp nối trở lại ngay tức thì, và tiếp theo đó là có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm hiện khởi lên. Những thể loại này đều là Thức Quả Dị Thục hết tất cả, và Pháp làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi của những thể loại Thức Quả Dị Thục này, cũng chính là Tư Tâm Sở có việc sắp bày tạo tác các sự việc ấy hữu quan với Thân Hành cũng có, hoặc Ngữ Hành cũng có, hoặc Ý Hành cũng có. Nếu nhỡ như không có Tư Tâm Sở làm thành người sắp bày tạo tác, thế rồi tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mệnh chung thì cũng sẽ không có việc tái sinh, việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. Có hai thể loại Tư Tâm Sở làm thành người dắt dẫn cho tất cả Chúng Hữu Tình sinh khởi, và có được những thể loại từ nơi việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. đó là: Tư Tâm Sở hiện hữu trong các Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thục sinh khởi một cách trực tiếp. Còn Tư Tâm Sở hiện hữu trong các Tâm khác, phần ngoài ra Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì làm thành người dắt dẫn Uẩn Tương Ưng với nhau cho sinh khởi chỉ ngần ấy thôi. Với lý do này, Tâm Sở Tư được gọi tên **Ý Tư Thực.**

Tất cả Tâm gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi. Lẽ thường Tâm và Tâm Sở cho dù quả thật là câu sinh với nhau đi nữa, tuy nhiên Tâm thường làm thành nhân vật chánh yếu dắt dẫn của Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực. Đối với Tâm Tái Sinh thì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi. Còn Tâm Chuyển Khởi thì chỉ làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở mà thôi. Bởi do thế, Sắc Nghiệp Lực sinh trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla - Thời Bình Nhật),** hoặc Sắc Nghiệp Lực của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, thường chẳng có nương sinh do từ nơi Tâm ngay trong kiếp sống này, mà thường là nương sinh từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ được gọi là **Nghiệp Thức (Kammaviññāṇa)** làm thành người dắt dẫn cho sinh khởi. Với lý do này, tất cả các Tâm mới được gọi tên là **Thức Thực.**

\+ Và việc dắt dẫn cả Tứ Thực theo riêng từng mỗi phần thì có như vầy:

1. Đoàn Thực thì dắt dẫn Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần cho sinh khởi trong Uẩn Giới Tính tất cả Chúng Hữu Tình.

2. Xúc Thực thì dắt dẫn Thọ là việc thụ hưởng Cảnh an lạc cũng có, khổ đau cũng có, thản nhiên cũng có.

3. Ý Tư Thực thì dắt dẫn Thức Tái sinh là việc sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Hữu Tình Địa Ngục, và Thức Chuyển Khởi là việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v.

4. Thức Thực thì dắt dẫn Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực.

Như có kệ ngôn trình bày rằng:

Ojaṭṭhamakarūpaṃ ye **Vedanaṃ paṭisandhikaṃ**
Nāmarūpaṃ āharanti **Tasmāhārāti vuccare**

Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn theo riêng từng mỗi của Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần, của Thọ, của Thức Tái Sinh, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là **Vật Thực.**

30. Hỏi: Hãy trình bày Pháp như tiếp theo đây: 1/. Pháp làm được Chi Thiền nhưng không làm được Chi Đồ Đạo. 2/. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Chi Thiền Na. 3/. Pháp làm được cả hai Chi Thiền Na và Chi Đồ Đạo. 4/. Pháp không làm được cả hai Chi Thiền Na và Chi Đồ Đạo. 5/. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Năng Lực. 6/. Pháp làm được Năng Lực nhưng không làm được Chi Đồ Đạo. 7/. Pháp làm được cả hai Chi Đồ Đạo và Năng Lực. 8/. Pháp không làm được cả hai Chi Đồ Đạo và Năng Lực.

30. Đáp: Tuần tự trình bày theo các câu hỏi đã được nêu lên:

1. Pháp làm được Chi Thiền Na nhưng không làm được Chi Đồ Đạo; tức là Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Hỷ Lạc, và Tâm Sở Thọ trong 111 Tâm (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức); Tâm Sở Tầm trong 8 Tâm Vô Nhân; Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Vô Nhân và 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi.

2. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Chi Thiền Na; tức là Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Trí Tuệ, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Tà Kiến và Tâm Sở Cần trong 103 Tâm (loại trừ 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh).

3. Pháp làm được cả hai Chi Thiền Na và Chi Đồ Đạo; tức là Tâm Sở Tầm trong 47 Tâm (loại trừ 8 Tâm Vô Nhân); Tâm Sở Nhất Thống trong 102 Tâm (loại trừ 18 Tâm Vô Nhân, 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi).

4. Pháp không làm được cả hai Chi Thiền Na và Chi Đồ Đạo; tức là 89 Tâm, 40 Tâm Sở (loại trừ 12 Tâm Sở, ấy là Thọ, Nhất Thống, Tầm, Tứ, Cần, Hỷ Lạc, Tà Kiến, Niệm, 3 Ngăn Trừ Phần, Trí Tuệ ở chỗ làm thành Chi Thiền Na và Chi Đồ Đạo); và Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Nhất Thống trong 10 Tâm Ngũ Song Thức; Tâm Sở Cần trong 1 Tâm Khai Ý Môn, và 1 Tâm Tiếu Sinh, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

5. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Năng Lực; tức là Tâm Sở Tầm trong 47 Tâm (loại trừ 8 Tâm Vô Nhân), Tâm Sở Tà Kiến, và 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

6. Pháp làm được Năng Lực nhưng không làm được Chi Đồ Đạo; tức là Tâm Sở Tín, Tâm Sở Tàm, Tâm Sở Quý, Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, và Tâm Sở Cần, Tâm Sở Nhất Thống trong 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh.

7. Pháp làm được cả hai Chi Đồ Đạo và Năng Lực; tức là Tâm Sở Trí Tuệ, Tâm Sở Niệm, và Tâm Sở Cần trong 103 Tâm (loại trừ 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh); Tâm Sở Nhất Thống trong 102 Tâm (loại trừ 18 Tâm Vô Nhân, 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi).

8. Pháp không làm được cả hai Chi Đạo và Lực; tức là 89 Tâm, 38 Tâm Sở (loại trừ 14 Tâm Sở, ấy là Tâm Sở Nhất Thống, Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Tà Kiến, Tâm Sở Tín, Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Tàm, Tâm Sở Quý, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Trí Tuệ trong Chi Đồ Đạo và Năng Lực); và Tâm Sở Nhất Thống trong 16 Tâm Vô Cần và 1 Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

IV. VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỔNG HỢP ĐẲNG GIÁC PHẦN

31. Hỏi: Cho phân tích 37 thể loại Pháp Đẳng Giác Phần theo việc phân chia thành từng nhóm; và hãy trình bày ý nghĩa nội dung luôn cả Chi Pháp trong các Pháp Đẳng Giác Phần như tiếp theo đây: **1/. Thân Tùy Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanāsatipaṭṭhāna). 2/. Pháp Tùy Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanāsatipaṭṭhāna). 3/. Uppannānaṃ pāpakā naṃ pahānāya vāyāmo. 4/. Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo. 5/. Dục Thần Túc (Chadiddhipāda). 6/. Thẩm Thần Túc (Vimaṃsiddhipāda). 7/. Tấn Quyền Lực (Viriyindrīya). 8/. Tín Lực (Saddhābala). 9/. Tuệ Lực (Paññābala). 10/. Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pītisambojjhaṅga). 11/. Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga). 12/. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa). 13/. Chánh Định (Sammāsamādhi).**

31. Đáp: Phân tích 37 Pháp Đẳng Giác Phần theo việc phân chia thành từng nhóm thì có như vầy: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Quyền Lực, Ngũ Năng Lực, Thất Giác Chi, Bát Đồ Đạo.

Ý nghĩa nội dung và luôn cả Chi Pháp trong những thể loại Pháp Đẳng Giác Phần đấy, có như vầy:

1. Thân Tùy Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanāsatipaṭṭhāna) có nghĩa "Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với thân thể", tức là Sắc Uẩn có hơi thở vô ra, tiểu oai nghi, đại oai nghi v.v. Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. Pháp Tùy Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanāsatipaṭṭhāna) có nghĩa "Niệm kiên trụ trong việc thẩm sát hữu quan với Pháp Thực Tính đang hiện hữu thể theo trạng thái Phi Thực Ngã; vả lại có Thực Tính của Tham, Sân, Si v.v." Chi Pháp là Tâm Sở Niệm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

3. Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo có nghĩa "Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi". Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện.

4. Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo có nghĩa "Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên." Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện.

5. Dục Thần Túc (Chandiddhipāda) có nghĩa "Sự hoan hỷ duyệt ý một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả". Chi Pháp là Tâm Sở Dục trong 21 Tâm Thiện.

6. Thẩm Thần Túc (Vimaṃsiddhipāda) có nghĩa "Trí Tuệ một cách dũng mãnh làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả". Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 17 Tâm Thiện Tương Ưng Trí.

7. Tấn Quyền (Vīriyindrīya) có nghĩa "Tinh Tấn làm thành người chủ quản trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp". Chi Pháp là Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

8. Tín Lực (Saddhābala) có nghĩa "Tín làm thành người bất kinh động trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp". Chi Pháp là Tâm Sở Tín trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

9. Tuệ Lực (Paññābala) có nghĩa "Trí Tuệ làm thành người bất kinh động trong việc liễu tri được Chân Lý". Chi Pháp là Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

10. Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pītisambojjhaṅga) có nghĩa "Sự thỏa lòng duyệt ý làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ thánh Đế". Chi Pháp là Tâm Sở Hỷ Lạc trong 4 Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ, 4 Tâm Đại Duy Tác câu hành Hỷ, 30 Tâm Đồng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ **(Sappītikaappanājavana)**; hoặc 3 Tâm Thiện Sắc Giới, 3 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.

11. Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga) có nghĩa "Sự kiên trụ trong Cảnh làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế". Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

12. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa) có nghĩa "Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn". Chi Pháp là Tâm Sở Tầm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 10 Tâm Đồng Lực Sơ Thiền, hoặc 1 Tâm Thiện Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.

13. Chánh Định (Sammāsamādhi) có nghĩa "Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn". Chi Pháp là Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

32. Hỏi: Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần đã trình bày như thế nào ?

32. Đáp: Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần có như vầy: **Chando cittaṃ upekkhā ca saddhā passaddhi pītiyo. Sammādiṭṭhi ca saṅkappo vāyāmo viratittayaṃ. Sammāsati samādhīti cuddasete sabhāvato. Sattatiṃsappabhede na sattadhā tattha saṅgaho** - Như vậy, Tổng Hợp này khi phân loại thì có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định.

33. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Pháp Đẳng Giác Phần có các vị trí như tiếp theo đây: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Vị Trí.

33. Đáp: Chi Pháp của Pháp Đẳng Giác Phần có các vị trí như vầy:

1. Một vị trí thì có chín, đó là: Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Khinh An, Tâm Sở Hỷ Lạc, Tâm Sở Trung Gian, Tâm Sở Dục, Tâm, Tâm Sở Chánh Ngữ, Tâm Sở Chánh Nghiệp, Tâm Sở Chánh Mạng.
2. Hai vị trí thì có một, đó là Tâm Sở Tín.
3. Không có ba vị trí.
4. Bốn vị trí thì có một, đó là Tâm Sở Nhất Thống.
5. Năm vị trí thì có một, đó là Tâm Sở Trí Tuệ.
6. Không có sáu – bảy vị trí.

7. Tám vị trí thì có một, đó là Tâm Sở Niệm.

8. Chín vị trí thì có một, đó là Tâm Sở Cần.

34. Hỏi: Pháp Đẳng Giác Phần này có được sinh khởi trong Pháp Hiệp Thế hay không ? Nếu như được thì sẽ được trong sát na nào ? Cho nêu lên nền tảng Giáo Pháp cùng với cả lời dịch nghĩa cho được thấy với.

34. Đáp: Những cả 37 Pháp Đẳng Giác Phần này một khi thành tựu viên mãn đủ cả **Lục Thanh Tịnh** [loại trừ **Tri Kiến Thanh Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)**] thì cũng sẽ phải được phối hợp ngay ở trong Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác cho đặng thường sinh khởi (vì lẽ việc tu tập Pháp Hành cho được thành tựu viên mãn cả Lục Thanh Tịnh có **Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi)** v.v. cho đến **Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāñāṇadassa navisuddhi)** là cũng sẽ phải tu tập Pháp Hành ngay ở trong tất cả các Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác này vậy). Như có dẫn chứng phần **Pāḷi** trình bày rằng: **Lokiye pi yathāyogaṃ chabbi suddhippavattiyaṃ** - Các Pháp này cũng sinh khởi trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn **Thanh Tịnh (Visuddhi).**

35. Hỏi: Nhóm Trí Tuệ nào được gọi tên **Bodhi (Giác Ngộ)** trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần này ? Cho trình bày Nhân - Quả luôn cả nêu lên phần **Pāḷi** dẫn chứng cho được thấy với.

35. Đáp: Trí Tuệ được gọi tên **Bodhi (Giác Ngộ)** trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần đây, tức là Trí Tuệ hiện hữu trong 4 Tâm Đạo. Như có nền tảng **Pāḷi** mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết ở trong Bộ Kinh **Pāḷi Đại Xiển Minh (Mahāniddesa)** nói rằng: **Bodhi vuccati catūsu maggesu ñāṇaṃ ñāṇa** - Trí Tuệ ở trong Tứ Đạo, gọi là **Giác Ngộ.** Nhân Quả sẽ nêu lên để trình bày, là cũng bởi vì ở trong chỗ này cần phải có một cách đặc biệt Pháp chủng làm thành Bậc liễu tri Tứ Thánh Đế, như có câu Chú Giải đã trình bày rằng: **Cattāri saccāni bujjhatīti = Bodhi** - Pháp chủng nào liễu tri cả Tứ Thánh Đế, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên **Giác Ngộ.**

Còn Trí Tuệ hiện hữu trong Tâm Hiệp Thế, Tâm Quả hữu quan với **Giác Chi (Bojjhaṅga)** thì chẳng phải là Trí Tuệ liễu tri Tứ Thánh Đế; mà chỉ làm thành tác nhân cho liễu tri Tứ Thánh Đế thôi. Như có câu Chú Giải từ ngữ **Bojjhaṅga (Giác Chi)** đã trình bày rằng: **Bujjhanti etāyāti = Bodhi** - Tất cả các bậc Ẩn Sĩ thường được liễu tri Tứ Thánh Đế là do bởi nhóm Pháp này, bởi do thế nhóm Pháp làm thành tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế đây, mới được gọi tên **Giác Ngộ.** Lại thêm một trường hợp khác nữa, từ ngữ **Bodhi (Giác Ngộ)** trong **Giác Chi (Bojjhaṅga)** đấy, cũng chẳng phải là tên gọi chỉ dành riêng có mỗi một Trí Tuệ, mà còn các Chi Pháp khác nữa của Giác Chi cũng được gọi tên **Bodhi (Giác Ngộ).**

36. Hỏi: Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiya) có ý nghĩa như thế nào ? Nếu bổ túc thêm từ ngữ **Saṅgaha (Tổng Hợp)** vào thì sẽ có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích, luôn cả nêu câu Chú Giải lên trình bày với.

36. Đáp: Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiya) sẽ có ý nghĩa như trong câu Chú Giải đã có trình bày rằng: **Bodhiyā pakkhe bhavāti = Bodhipakkhiyā** - Pháp khởi sinh trong một phía của Tứ Tuệ Đạo thì được gọi tên **Đẳng Giác.** Nếu bổ túc thêm từ ngữ **Saṅgaha (Tổng Hợp)** sẽ có ý nghĩa như trong câu Chú Giải đã có trình bày rằng: **Bodhipakkhiyānaṃ saṅgahoti = Bodhipakkhiya saṅgaho** - Việc trình bày tập hợp tất cả lại làm thành một phía Tứ Tuệ Đạo, bởi do thế mới được gọi là **Tổng Hợp Đẳng Giác Phần.**

37. Hỏi: Từ ngữ **Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ)** có ý nghĩa như thế nào ? Trình bày câu Chú Giải ra sao ? Và tại làm sao chỉ có mỗi một **Niệm (Sati)** mà được làm thành cả Tứ Niệm Xứ ? Cho lời giải thích và luôn cả nêu Nhân Quả với.

37. Đáp: Từ ngữ **Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ)** có ý nghĩa "Niệm làm thành chủ vị, tức là làm thành chính yếu trong tất cả các Pháp Tương Ưng, và rồi an trụ ở tất cả các Cảnh, có Thân v.v." Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Sati eva paṭṭhānanti = Satipaṭṭhānaṃ** - Đích thị chính là Niệm làm thành chính yếu trong Pháp Tương Ưng, và rồi kiên trụ trong Cảnh, có Thân v.v.; bởi do thế mới gọi tên **Niệm Xứ.**

Nguyên nhân chỉ có mỗi một Pháp Niệm mà làm thành cả Tứ Niệm Xứ, vì:

1. Thiết lập cho việc hạn định về Cảnh, có 4.
2. Thực tướng của trẫm triệu hiện khởi lên, cũng có 4.
3. Và việc đoạn tận các Pháp Điên Đảo, cũng có 4.

Với nguyên nhân này mà chỉ có mỗi một Pháp Niệm mới làm được cả Tứ Niệm Xứ.

Có bốn Cảnh làm thành trú xứ cho việc hạn định của Niệm, đó là:

1. Sắc Uẩn (Rūpakhandha) làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi **Thân Tùy Quán Niệm Xứ.**

2. Thọ Uẩn (Vedanākhandha) làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi **Thọ Tùy Quán Niệm Xứ.**

3. Thức Uẩn (Viññāṇakhandha) làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi **Tâm Tùy Quán Niệm Xứ.**

4. Tưởng Uẩn (Saññākhandha) và **Hành Uẩn (Sankhārakhandha)** làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi **Pháp Tùy Quán Niệm Xứ.**

Tứ Thực Tướng làm thành trẫm triệu cho hiện khởi lên, và việc đoạn tận **Tứ Pháp Điên Đảo (Vipallāsadhammā):**

1. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thân (Kāya),** làm thành tác nhân cho **Bất Tịnh Thực Tướng (Asubhalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Tịnh Điên Đảo (Subhavipallāsa)** cho diệt mất đi.

2. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thọ (Vedanā),** làm thành tác nhân cho **Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Lạc Điên Đảo (Sukhavipallāsa)** cho diệt mất đi.

3. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Tâm (Citta),** làm thành tác nhân cho **Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Thường Điên Đảo (Niccavipallāsa)** cho diệt mất đi.

4. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong **Thực Tính Pháp (Sabhāvadhamma)** tức là Tưởng và Hành, làm thành tác nhân cho **Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa)** hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thường đoạn tận **Ngã Điên Đảo (Atta vipallāsa)** cho diệt mất đi.

38. Hỏi: Thể loại Tinh Tấn nào được làm thành Chánh Cần, và trong việc nói rằng Tinh Tấn ở ngoài ra Thiện Tinh Tấn thì không thể làm được Chánh Tinh Tấn, khi đã là như vậy do bởi nguyên nhân nào ? Và cho giảng giải đến hết cả Tứ Chánh Cần cho được thấy độ khoảng hai điều theo sự hiểu biết của Ngài.

38. Đáp: Tinh Tấn được làm thành Chánh Cần thì phải là thể loại Tinh Tấn một cách mãnh liệt. Tinh Tấn thông thường không thể nào làm được, và Tinh Tấn làm thành Chánh Cần đây, phải là Tinh Tấn hiện hữu duy nhất chỉ ở trong Tâm Đồng Lực Thiện thôi. Còn Tinh Tấn hiện hữu trong Tâm Đồng Lực Duy Tác và Tâm Quả thì không thể nào làm thành Chánh Cần được. Vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh thường đã vượt thoát khỏi chức năng tạo tác hữu quan với việc đoạn tận Bất Thiện và tác hành cho Thiện sinh khởi đi rồi. Bởi do thế, "Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác mới không được gọi là Chánh Cần. Đối với Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Quả cũng tương tự như nhau, tức là bất hữu quan với cả bốn chức năng ấy, vì lẽ tự bản thân đã là Dị Thục Quả rồi."

Chỉ có mỗi một Pháp Tinh Tấn làm thành cả Tứ Chánh Cần vì lẽ **Sự Vụ (Kicca)** của Tinh Tấn ở tại nơi đây hiện hữu bốn thể loại, đó là:

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi.
2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được.
3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên.
4. Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi.

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi **(Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo)**: Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi, ở chỗ được gọi **Uppannapāpaka** có nghĩa Bất Thiện hữu quan với **Ác Hạnh (Duccarita)** và **Ác Mạng (Dūrājīva)** mà bản thân đã có tạo tác ngay trong kiếp sống này. Một trường hợp khác nữa, cho dù quả thật thể loại Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa có từng tạo tác đi nữa, tuy nhiên vẫn có thực tính tương tự với Ác Hạnh – Ác Mạng mà bản thân đã có từng tạo tác đi rồi, thì thể loại Bất Thiện Ác Hạnh – Ác Mạng ấy cũng vẫn được gọi tên là **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** tương tự như nhau, thế nhưng chẳng phải là trực tiếp. Chẳng hạn như nam nhân **K** đã từng có sát hại đến gà, bởi do thế **Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)** đây, là thể loại **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** một cách trực tiếp đối với nam nhân **K** này. Còn về việc **Bất Thiện Sát Mạng (Akusala pāṇātipāta)** hữu quan với việc sát mạng ở các loài Hữu Tình khác, ngoài ra việc sát mạng gà, thì cũng vẫn được gọi là **Ác Pháp đã từng sinh (Uppannapāpaka)** tương tự như nhau; thế nhưng hiện hành một cách gián tiếp, vì lẽ lập ý chỉ lấy tên gọi của hành động tạo tác mà thôi. Bởi vì việc sát mạng gà, hoặc sát mạng đến các Hữu Tình khác, thì tất cả cũng đều gọi tên

Sát Mạng (Pāṇātipāta) hết cả thảy. Những Ác Hạnh khác cũng hiện hành tương tự y theo với phương thức này.

Theo lẽ thường nhiên, một khi Bất Thiện Nghiệp Lực đã có từng sinh khởi lên rồi, cũng phải diệt tắt, và sẽ chẳng thể nào tồn tại được lâu dài. Khi đã là như vậy, thì việc đoạn tận Bất Thiện đã có từng sinh khởi lên, sẽ chẳng phải là việc đoạn tận một cách trực tiếp được, mà đó chỉ là việc đoạn tận gián tiếp thôi. Sẽ nói rằng một khi thẩm sát liễu tri được đúng sai rồi, thì cũng có sự chủ tâm rằng Ta đây sẽ không tạo Ác Hạnh, như việc sát mạng Hữu Tình v.v. và hơn nữa ở trong sự diễn tiến của câu chuyện này thì cũng không đáng phải nỗ lực để giữ lấy nghĩ suy ấy cho khởi sinh ưu não buồn lòng, vì lẽ chẳng có lợi ích chi cả. Có nghĩa là sẽ không thể nào làm cho Thiện Pháp bị thối giảm đi được, mà trái lại bởi do nương vào việc nghĩ suy này, chỉ sẽ là làm cho phát sinh tội lỗi, tức là sẽ làm cho tâm thức thêm buồn rầu nóng nẩy khởi sinh lên. Một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo như vậy rồi, thì cũng buông bỏ việc nghĩ suy ấy đi, rồi nỗ lực tinh cần làm cho tâm trí khởi sinh Thiện Pháp nối tiếp theo. Cả hai thể loại này được gọi tên là **Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo**. Còn việc đoạn tận Bất Thiện đã từng sinh của Tinh Tấn ở trong phần **Đạo Thiện (Maggakusala)** thì đã rõ ràng rồi.

2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được **(Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo)**: Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi - ở chỗ được gọi **Anuppannānaṃ** có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với việc Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa từng có tạo tác chỉ trong kiếp sống này. Vì lẽ thường nhiên tất cả con người sinh tử luân hồi ở trong Vòng Luân Hồi Khổ đây, thì sẽ không thể nào đã không từng tạo tác Bất Thiện Pháp với Ác Hạnh và Ác Mạng ấy được, ắt hẳn đã từng có tạo tác hết cả thảy; bởi do thế mới lập ý lấy Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng sinh khởi đấy chỉ là trong kiếp sống này thôi. **Ác Pháp chưa từng sinh (Anuppannapāpaka)** đây, có hai thể loại, là:

+ Người nào vẫn chưa từng có thâu đạo, bởi do thế Bất Thiện mà chưa từng sinh đây, đó chính là Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy.

+ Người nào đã từng có thâu đạo về ngân tiền, nhưng vẫn chưa từng thâu đạo về kim tiền; bởi do thế Bất Thiện chưa từng sinh hữu quan với việc thâu đạo kim tiền thì được liệt kê thành Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy. Tại đây lập ý chỉ lấy sự khác biệt với nhau giữa Cảnh cũ và Cảnh mới; tức là vật chất của cải mà người ấy vẫn chưa từng thâu đạo với vật chất đã từng có thâu đạo, đích thị là chẳng giống với nhau; chính vì thế, mới được liệt kê thành thể loại Bất Thiện chưa từng sinh.

Lại nữa, Ngài Chú Giải Sư nói rằng bất luận một người nào đã từng có sát mạng Hữu Tình rồi; thế nhưng khi hãy còn ít tuổi thì vẫn chưa từng có sát mạng Hữu Tình, và tiếp đến đã có sát mạng Hữu Tình nhưng lại không nghĩ tưởng đến, lại còn quên hết tất cả đi. Khi đã là như vậy, thì cũng vẫn được liệt kê thể loại **Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)** này là thể loại Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy; tuy nhiên chỉ hiện hành một cách gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp. Sự cố gắng để cho các Thiện Pháp mới được sinh khởi, tức là cần phòng lưu tâm thường luôn ở trong Thiện Pháp với việc thực hiện xả thí, trì giới, tiến tu Chỉ Quán, việc phụng dưỡng Mẹ Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ; việc nghiên cứu học hỏi, việc giảng dạy

Pháp Học, việc nguyện thọ trì **Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà),** việc trùng tu các tự viện v.v. Việc thực hiện như đã vừa đề cập đến đây, cũng được gọi **Aunppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo -**

3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên **(Anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo)**: Tại nơi đây, Thiện Pháp mới - tức là Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi, chỗ được gọi **Anuppannakusala** lập ý đến Thiện Hiệp Thế gồm có Chỉ Quán v.v. tùy theo thích hợp mà vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này; và **Đạo Thiện (Maggakusala)** vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này và những kiếp sống trước. Người nào vẫn chưa từng thực hiện Xả Thí Thiện, bởi do thế Xả Thí Thiện ấy là **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala).** Đối với người ấy, hoặc với người đã từng có thực hiện Xả Thí Thiện rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thọ trì Ngũ Giới; từng thọ trì Ngũ Giới rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thọ trì Bát Giới; từng thọ trì Ngũ Giới và Bát Giới rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thực hiện Chỉ Quán; bởi do thế những thể loại Ngũ Giới, Bát Giới, Chỉ Quán đây cũng thuộc thể loại **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)** đối với người ấy, tương tự như nhau. Hoặc chỉ nội trong việc Xả Thí Thiện ấy không thôi, với người nào chỉ duy nhất đã từng múc vật thực bỏ vào bát cúng dường vị Tỳ Khưu, thế nhưng không từng cúng dường y áo; hoặc đã từng xuất gia thành vị Tỳ Khưu, thế nhưng vẫn chưa từng cúng dường **Thí Tăng Y (Kaṭhina);** hoặc đã từng cúng dường Thí Tăng Y rồi, thế nhưng vẫn chưa từng kiến tạo Pháp Bảo v.v. Tương tự như nhau, những thể loại này cũng được gọi **Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)**, và việc đã vừa đề cập đến tại đây cũng sắp thành thể loại Thiện Hiệp Thế. Đối với **Đạo Thiện (Maggakusala)** vẫn chưa từng có sinh khởi đấy, tức là với người nào đã từng tiến tu Minh Sát Tuệ rồi, thế nhưng vẫn chưa từng thành tựu Quả vị Thất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Thất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Nhất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Nhất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Bất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Bất Lai rồi, thế nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Vô Sinh; thế thì những Đạo Thiện như đã vừa đề cập đến tại đây cũng được gọi là Đạo Thiện vẫn chưa từng sinh khởi vậy. Khi người nào đã thẩm thị thấy rằng bất luận một Thiện Pháp nào trong tất cả những Thiện Pháp như đã vừa đề cập, mà vẫn chưa từng sinh khởi đối với mình, thì liền nỗ lực tinh cần thực hiện cho được sinh khởi. Đích thị chính việc nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp mà vẫn chưa từng có sinh khởi, cho có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì đã được gọi tên **"Anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo"**.

4. Tinh cần để bảo trì tăng trưởng Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi **(Uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo)**: Tại nơi đây, Thiện Pháp đã từng có sinh khởi cho được tăng trưởng thêm lên, ở chỗ được gọi **Uppannakusala (Thiện đã từng sinh)** chỉ lập ý riêng về Thiện Hiệp Thế gồm có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà đã từng có được sinh khởi lên đối với bản thân mình trong kiếp sống này và kiếp sống trước thôi. Chỗ sẽ phải nỗ lực tinh cần làm cho tăng trưởng lên cùng tột đấy, tức là làm cho sinh khởi lên hoài hoài. Tuy nhiên đối với Đạo Thiện đấy, thì chẳng có hữu quan, vì lẽ Đạo Thiện đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì thường được sinh khởi duy nhất chỉ có một lần rồi liền diệt tắt đi, không có được sinh khởi lên hoài hoài; và duy chỉ có nỗ lực tinh cần làm cho tầng Đạo Thiện ở các

bậc trên vẫn chưa được sinh khởi, làm cho sinh khởi lên thôi. Bởi do thế ý nghĩa của từ ngữ **Uppannakusala (Thiện đã từng sinh)** ở tại đây, mới chỉ dành riêng ở phần Thiện Hiệp Thế đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình ngay ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước. Và sự nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi, cho được thường luôn sinh khởi, mới được gọi tên **"Uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo"**.

39. Hỏi: Ngài có sự sở nguyện sẽ nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho chấm dứt chương trình đào tạo cả chín lớp, luôn cho đến được đón nhận văn bằng Đại Học, thì sẽ cần phải có bao nhiêu thể loại Pháp để làm thành công cụ cho thành tựu trong sự sở nguyện của Ngài ? Là những chi ? Và những thể loại Pháp này nếu đã ở trong Quả Dị Thục và Duy Tác thì sẽ có được gọi tên làm thành công cụ cho thành tựu sự sở nguyện ở trong sự việc tịnh hảo hay không ? Vì lý do nào ?

39. Đáp: Khi Tôi có sở nguyện sẽ nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho chấm dứt chương trình đào tạo cả chín lớp, luôn cho đến được đón nhận văn bằng đại học đấy, thì sẽ cần phải có **Thần Túc (Iddhipāda)** là Pháp làm thành công cụ cho thành tựu sự sở nguyện. Thần Túc có bốn thể loại, đó là: **1/. Dục Thần Túc, 2/. Cần Thần Túc, 3/. Tâm Thần Túc, 4/. Thẩm Thần Túc.** Và những thể loại Pháp này nếu đã ở trong Quả Dị Thục và Duy Tác rồi, thì sẽ không được gọi tên là công cụ cho thành tựu sự sở nguyện trong sự việc tịnh hảo. Tất cả sự việc này cũng vì **Pháp Dị Thục Quả (Vipākadhamma)** đích thị chính là quả báo của Tâm Đạo; bởi do thế Tâm Quả hoặc Dục, Cần, Trí Tuệ hiện hữu trong Tâm Quả mới không được gọi là Thần Túc. Còn **Pháp Duy Tác (Kiriyādhamma)** thì chỉ đơn nhất của các Bậc Vô Sinh, và theo lẽ thường nhiên tất cả các Bậc Vô Sinh là Bậc đã đạt đến sự thành tựu một cách viên mãn; bởi do thế **Dục (Chanda), Cần (Vīriya), Tâm Duy Tác (Kiriyācitta)** và **Trí Tuệ (Paññā)** của Bậc Vô Sinh mới không được gọi là **Thần Túc.** Lại nữa, Dục, Cần, Trí Tuệ và Tâm Thiện mà sinh khởi một cách thông thường thì không thể làm thành Pháp Thần Túc được; thiết yếu phải có năng lực một cách dũng mãnh thì mới sẽ được làm thành Pháp Thần Túc. Bởi vì Chi Pháp cả Tứ Thần Túc đây, đích thị cũng chính là cả Tứ Trưởng vậy; chỉ khác biệt là Pháp làm thành Trưởng thì có được cả Thiện, Bất Thiện, và Vô Ký; thế nhưng Pháp làm thành Thần Túc thì đơn nhất chỉ có Thiện ngần ấy thôi.

40. Hỏi: Từ ngữ **Bojjhaṅga (Giác Chi)** khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Cho nói ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của từng mỗi từ ngữ ấy với.

40. Đáp: Từ ngữ **Bojjhaṅga (Giác Chi)** khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, đó là: **Bodhi = Giác Ngộ,** hoặc bậc có nguyện vọng phấn đấu để thành đạt sự giác ngộ (Giác Hữu Tình). Có ý nghĩa "Pháp làm thành tác nhân cho liễu tri Tứ Thánh Đế"; tức là Chi Pháp của Thất Giác Chi khi kết hợp thì có được Niệm, Trí Tuệ, v.v. **Aṅga = Chi Phần.** Có ý nghĩa "Pháp làm thành công cụ phối hợp". Tức là Chi Pháp riêng biệt của từng mỗi Giác Chi.

41. Hỏi: Hãy trình bày ý một cách đầy đủ chi tiết ý nghĩa nội dung lời giải thích trong Thất Giác Chi.

41. Đáp: Ý nghĩa nội dung lời giải thích trong Thất Giác Chi có như vầy:

1. Niệm Đẳng Giác Chi (Satisambojjhaṅga): Niệm có sự tiến hóa, nghĩa là có được sự nối tiếp nhau an trụ ở trong Cảnh của cả Tứ Niệm Xứ bởi do **Sự Tu Tập (Bhāvanākicca),** thế rồi diệt trừ **Sự Phóng Dật (Pamāda),** và làm cho **Đẳng Giác Trí (Sambodhiñāṇa)** tức là cả Tứ Đạo được sinh khởi thì được gọi tên **Niệm Đẳng Giác Chi.**

2. Trạch Pháp Đẳng Giác Chi (Dhammavicayasambojjhaṅga): Trí Tuệ có sự tiến hóa, nghĩa là liễu tri trong Danh Sắc và sự sinh diệt Danh Sắc bởi do **Sự Tu Tập (Bhāvanā kicca),** thế rồi diệt trừ **Si Mê (Moha),** và hiện khởi sự hình thành **Đẳng Giác Trí (Sambodhi ñāṇa)** tức là cả Tứ Đạo thì được gọi tên **Trạch Pháp Đẳng Giác Chi.**

3. Tinh Tấn Đẳng Giác Chi (Vīriyasambojjhaṅga): Tinh Tấn có sự tiến hóa, nghĩa là sự nỗ lực tinh cần một cách dũng mãnh trong việc đoạn lưu Bất Thiện, việc cản phòng không cho Bất Thiện sinh khởi, việc làm cho Thiện Pháp mới được sinh khởi, và việc làm cho Thiện Pháp cũ được tăng trưởng bởi do Sự Tu Tập; thế rồi diệt trừ **Sự Trì Độn (Kosajja)** là sự lười biếng, và làm cho Đẳng Giác Trí tức là cả Tứ Đạo được sinh khởi thì được gọi tên **Tinh Tấn Đẳng Giác Chi.**

4. Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pītisambojjhaṅga): Hỷ Lạc có sự tiến hóa, nghĩa là có sự hân hoan phấn khởi ở trong Cảnh của **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā),** thế rồi diệt trừ **Bất Mãn Ý (Arati)** là sự bất hoan hỷ duyệt ý, và làm cho Đẳng Giác Trí tức là cả Tứ Đạo sinh khởi thì được gọi tên **Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi.**

5. Khinh An Đẳng Giác Chi (Passaddhisambojjhaṅga): Cả hai Tâm Sở Thân An và Tâm An có sự tiến hóa, nghĩa là có sự an lạc cả Thân và Tâm, thế rồi diệt trừ sự cương kiện, sự khổ sở ưu não; và làm cho Đẳng Giác Trí tức là cả Tứ Đạo sinh khởi thì được gọi tên **Khinh An Đẳng Giác Chi.**

6. Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga): Tâm Sở Nhất Thống có sự tiến hóa, nghĩa là kiên trụ ở trong Cảnh của **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā),** thế rồi diệt trừ sự buông lung phóng dật; và làm cho Đẳng Giác Trí tức là cả Tứ Đạo sinh khởi thì được gọi tên **Định Đẳng Giác Chi.**

7. Xả Đẳng Giác Chi (Upekkhāsambojjhaṅga): Tâm Sở Trung Gian có sự tiến hóa, nghĩa là làm cho **Tín (Saddhā)** với **Tuệ (Paññā), Tấn (Vīriya)** với **Định (Samādhi)** có sự quân bình, không có việc cương nhu bất đồng; thế rồi diệt trừ **Tham Dục (Kāmachanda), Hoài Nghi (Vicikicchā), Trạo Cử (Uddhacca), Hối Hận (Kukkucca), Hôn Thùy (Thīna middha);** và làm cho Đẳng Giác Trí tức là cả Tứ Đạo sinh khởi thì được gọi tên **Xả Đẳng Giác Chi.**

42. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa từ ngữ **Magga (Đồ Đạo)** với **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** luôn cả nêu câu Chú Giải lên trình bày với.

42. Đáp: Sự khác biệt giữa từ ngữ **Magga (Đồ Đạo)** với **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** có như vầy: Từ ngữ **Magga (Đồ Đạo)** là tên gọi của Chi Pháp kết hợp lại với nhau, tức là bát

Chi Đồ Đạo kết hợp vào nhau, có Chánh Kiến v.v. như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Kilese mārentā nibbānaṃ gacchanti etānāti = Maggo** - Tất cả các bậc Ẩn Sĩ sát trừ Phiền Não, và thường chứng đạt đến Níp Bàn do bởi Pháp ấy; bởi do thế Pháp chủng làm thành tác nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn của các bậc Ẩn Sĩ ấy, thì được gọi tên **Đồ Đạo.** Từ ngữ **Maggaṅga (Chi Đồ Đạo)** là tên gọi của từng mỗi Chi Đồ Đạo, tức là Bát Chi Đồ Đạo theo riêng từng mỗi chi phần; như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Maggassa aṅgo = Maggaṅgo** - Pháp làm thành công cụ kết hợp nhóm Pháp tác nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn, thì được gọi tên **Chi Đồ Đạo.**

43. Hỏi: Chủng loại **Trí Tuệ (Paññā)** nào được gọi tên là **Chánh Kiến Đạo (Sammā diṭṭhimagga)** và chủng loại **Tầm (Vitakka)** nào được gọi tên là **Chánh Tư Duy (Sammāsaṅ kappamagga)** ? Cho lời giải thích luôn cả nêu lên điều tỷ dụ trong việc thành tựu **Sự Vụ (Kicca)** của Chánh Kiến Đạo cho thấy với; và hãy phân tích Bát Chi Đồ Đạo bởi theo Giới – Định – Tuệ.

43. Đáp: + Trí Tuệ được gọi tên là Chánh Kiến Đạo, là chủng loại Trí Tuệ liễu minh ở trong Tứ Thánh Đế bởi theo bốn thể loại **Sự Vụ (Kicca),** đó là:

1. Khổ Loại Trí (Dukkheñāṇaṃ): liễu tri trong Khổ Đế bởi do **Đạt Tri Sự Vụ (Pariññākicca).**

2. Khổ Tập Trí (Dukkhasamudayeñāṇaṃ): liễu tri trong tác nhân cho khởi sinh khổ đau bởi do **Diệt Trừ Sự Vụ (Pahānakicca).**

3. Khổ Diệt Trí (Dukkhanirodhañāṇaṃ): liễu tri trong Níp Bàn diệt tắt sự khổ đau bởi do **Đắc Chứng Sự Vụ (Sacchikaraṇakicca).**

4. Khổ Diệt Đạo Trí (Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāyañāṇaṃ): liễu tri trong các điều trau giồi Pháp Hành làm thành tác nhân cho chứng đạt đến Níp Bàn diệt tắt tất cả mọi sự khổ đau bởi do **Tu Tập Sự Vụ (Bhāvanākicca).** Đích thị chính những thể loại Pháp này được gọi tên là Trí Tuệ làm thành Chánh Kiến Đạo.

Lời giải thích và luôn cả nêu lên điều tỷ dụ trong việc thành tựu Sự Vụ của cả bốn thể loại Chánh Kiến Đạo đấy, là cũng ví như ngọn lửa. Theo lẽ thường nhiên một khi ngọn lửa đã hiện khởi lên rồi, thì thường làm cho thành tựu cả bốn thể loại Sự Vụ trong cùng một thời điểm với nhau; tức là:

1/. Làm cho ánh sáng tỏa sáng khắp mọi nơi,

2/. Xua tan bóng tối cho tan biến đi,

3/. Đốt cháy khắc lụn tim tàn,

4/. Dầu cũng từ từ khô cạn.

Trong cả bốn thể loại Sự Vụ này, thì ánh sáng hiện khởi lên tỏa sáng được ví như Thánh Đạo có tám chi trên con đường tiến hóa; và chính sự việc này Ngài mới nói là **Khổ Diệt Đạo Trí (Dukkhanirodha gāminīpaṭipadāyañāṇaṃ).** Xua tan bóng tối cho tan biến đi được ví như việc đã loại bỏ **Pháp Hữu Vi (Saṅkhāradhamma), Pháp Chế Định (Paññattidhamma)** rồi cho chứng đạt đến Níp Bàn hiện bày trước mắt; và chính sự việc này Ngài mới nói rằng là **Khổ Diệt Trí (Dukkhanirodhañāṇaṃ).** Đốt cháy khắc lụn tim tàn

được ví như việc tiên thiên thông tuệ ở trong tất cả mọi đau khổ; và chính sự việc này Ngài mới nói là **Khổ Loại Trí (Dukkheñāṇaṃ).** Dầu cũng từ từ khô cạn được ví như việc đoạn tận **Căn Nguyên Ái Dục (Samudayataṇhā);** và chính sự việc này Ngài mới nói là **Khổ Tập Trí (Dukkhasamudayeñāṇaṃ).**

Tất cả những bốn Sự Vụ này thì **Khổ Diệt Đạo Trí (Dukkhanirodhagāminīpaṭi padāyañāṇaṃ)** là sự liễu tri trong các điều trau giồi Pháp Hành làm thành tác nhân cho chứng đạt đến Níp Bàn diệt tắt tất cả mọi sự khổ đau bởi do **Tu Tập Sự Vụ (Bhāvanākicca)** là Sự Vụ vô cùng trọng đại; vì rằng một khi Thánh Đạo có cả Bát Chi đây đã chứng đạt đến sự tiến hóa ở trong thời khắc nào thì chính ngay trong thời khắc ấy, cả ba Sự Vụ còn lại cũng cùng đạt được sự thành tựu trong cùng một sát na chung với nhau.

+ Đối với Tầm được gọi tên là **Chánh Tư Duy Đạo,** là chủng loại Tầm có sự nghĩ suy duyệt ý ở trong cả ba sự kiện, đó là:

- Ly Tham Dục Tư Duy (Nikkhamasaṅkappa): sự nghĩ suy xa lìa khỏi Cảnh Dục Trần.

- Ly Cừu Hận Tư Duy (Abyāpādasaṅkappa): sự nghĩ suy kết hợp với Từ Ái.

- Ly Oán Độc Tư Duy (Avihiṃsāsaṅkappa): sự nghĩ suy kết hợp với Bi Mẫn.

Và chính những thể loại này đã làm cho chủng loại Tầm được gọi là Tầm làm thành Chánh Tư Duy.

Phân tích cả Bát Chi Đạo bởi theo Giới Uẩn – Định Uẩn – Tuệ Uẩn có được như vầy:

Chánh Ngữ
Chánh Nghiệp
Chánh Mạng
} cả ba Chi Pháp này liệt vào ở trong Giới Uẩn.

Chánh Tinh Tấn
Chánh Niệm
Chánh Định
} cả ba Chi Pháp này liệt vào ở trong Định Uẩn.

Chánh Kiến
Chánh Tư Duy
} cả hai Chi Pháp này liệt vào ở trong Tuệ Uẩn.

44. Hỏi: Hãy trình bày những thể loại Pháp như tiếp theo đây: 1/. Pháp làm được Thần Túc nhưng không làm được Quyền Lực. 2/. Pháp làm được Quyền Lực nhưng không làm được Thần Túc. 3/. Pháp làm được cả hai Thần Túc và Quyền Lực. 4/. Pháp không làm được cả hai Thần Túc và Quyền Lực. 5/. Pháp làm được Giác Chi nhưng không làm được Chi Đồ Đạo. 6/. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Giác Chi. 7/. Pháp làm được cả hai Giác Chi và Chi Đồ Đạo. 8/. Pháp không làm được cả hai Giác Chi và Chi Đồ Đạo.

44. Đáp: Tuần tự trình bày các thể loại Pháp vừa đề cập đến thì có như vầy:

1. Pháp làm được Thần Túc nhưng không làm được Quyền Lực; tức là Tâm Sở Dục trong 21 Tâm Thiện, với 21 Tâm Thiện.

2. Pháp làm được Quyền Lực nhưng không làm được Thần Túc; tức là Tâm Sở Tín, Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố; và Tâm Sở Cần trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tâm

Quả Siêu Thế; Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tâm Quả Siêu Thế.

3. Pháp làm được cả hai Thần Túc và Quyền Lực; tức là Tâm Sở Cần trong 21 Tâm Thiện; Tâm Sở Trí Tuệ trong 17 Tâm Thiện Tương Ưng Trí.

4. Pháp không làm được cả hai Thần Túc và Quyền Lực; tức là 68 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp (loại trừ 21 Tâm Thiện) và 32 Tâm Sở trong 21 Tâm Thiện, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn (loại trừ Tâm Sở Tín, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Nhất Thống, Tâm Sở Trí Tuệ trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố; và Tâm Sở Dục trong 21 Tâm Thiện).

5. Pháp làm được Giác Chi nhưng không làm được Chi Đồ Đạo; tức là Tâm Sở Hỷ Lạc trong 4 Tâm Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ, 30 Tâm Đồng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ **(Sappītikaappanājavana);** hoặc 3 Tâm Thiện Sắc Giới, 3 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế; Tâm Sở Thân An, Tâm Sở Tâm An, Tâm Sở Trung Gian trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

6. Pháp làm được Chi Đồ Đạo nhưng không làm được Giác Chi; tức là Tâm Sở Tầm trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 10 Tâm Đồng Lực Sơ Thiền; ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần trong 8 Tâm Đại Thiện và 8 Tâm Siêu Thế.

7. Pháp làm được cả hai Giác Chi và Chi Đồ Đạo; tức là Tâm Sở Cần, Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Nhất Thống trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố; và Tâm Sở Trí Tuệ trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

8. Pháp không làm được cả hai Giác Chi và Chi Đồ Đạo; tức là 89 Tâm, 49 Tâm Sở (loại trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, và Tâm Sở Niệm, Trí Tuệ, Cần, Hỷ Lạc, An Tịnh, Nhất Thống, Trung Gian, Tầm trong Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác, và Tâm Đồng Lực Kiên Cố), 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

V. VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỔNG HỢP TẬN THỊ

45. Hỏi: Có bao nhiêu nhóm Pháp trong Tổng Hợp Tận Thị ? Là những chi ? Rằng khi đã được phân loại thì có được số lượng bao nhiêu ? Là chi ? Và cho trình bày ý nghĩa nội dung luôn cả Chi Pháp ở trong các nhóm như tiếp theo đây: Ngũ Uẩn, Ngũ Thủ Uẩn, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Thánh Đế.

45. Đáp: Trong Tổng Hợp Tận Thị có được năm nhóm Pháp, đó là: 1/. Uẩn, 2/. Thủ Uẩn, 3/. Xứ, 4/. Giới, 5/. Đế. Và rằng khi phân loại thì có được 39 thể loại (Thủ Uẩn thì không cần phải tính riêng biệt), tức là: Uẩn có 5, Thủ Uẩn có 5, Xứ có 12, Giới có 18, Thánh Đế có 4. Ý nghĩa nội dung luôn cả Chi Pháp trong các nhóm Pháp như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây: 1/. Ngũ Uẩn, đó là: v.v. 2/. Ngũ Thủ Uẩn, đó là: v.v. 3/. Thập Nhị Xứ, đó là: v.v. 4/. Thập Bát Giới, đó là: v.v. 5/. Tứ Thánh Đế, đó là: v.v.

46. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

1. Rūpañca vedanā saññā sesā cetasikā tathā viññāṇaṃ iti pañcete pañcakkhan dhāti bhāsitā.

2. Pañcupādānakkhandhāti tathā tebhūmakā matā bhedābhāvena nibbānaṃ khandhasaṅgaha nissaṭaṃ.

46. Đáp: Trong các kệ ngôn này được dịch nghĩa như vầy:

Sắc, Thọ, Tưởng và các Tâm Sở còn lại cùng các Thức được gọi là **Ngũ Uẩn.** Cùng thế ấy, các Pháp hữu quan với Tam Cõi Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) được xem là **Ngũ Thủ Uẩn.** Vì Níp Bàn thì bất phân biệt (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai), nên không nằm ở trong phạm vi của Ngũ Uẩn.

1. Tất cả các bậc Học Giả nên trình bày cả năm Pháp, đó là: Sắc Pháp, Thọ, Tưởng và 50 Tâm Sở còn lại, và Thức; những thể loại này gọi là **Ngũ Uẩn.**

2. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết rằng Sắc Pháp, Thọ, Tưởng, Hành, và Thức sinh trú ở trong cả ba Cõi Giới là **Ngũ Thủ Uẩn.**

Còn Níp Bàn thì vượt thoát khỏi cả Ngũ Uẩn vì lẽ có sự bất phân biệt, chẳng hạn như Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai v.v.

47. Hỏi: Trong cả Tứ Pháp Siêu Lý ấy, rằng khi tính theo Xứ có 12, rằng khi tính theo Giới có 18. Khi là như vậy, bởi nương vào cái chi làm thành nền tảng ? Cho lời giải thích luôn cả nêu nền tảng Giáo Pháp lên trình bày với.

47. Đáp: + Trong cả Tứ Pháp Siêu Lý, rằng khi tính theo Xứ có 12, bởi do nương vào sự phân loại khác nhau từ ở Lục Môn và Lục Cảnh.

Giải thích rằng: Từ ngữ **Ayatana (Xứ)** đây, có nghĩa thường làm cho Tâm và Tâm Sở, tức là làm cho Lộ Trình Tâm được tiến hóa rộng lớn lên; bởi do thế những thể loại Pháp làm cho Lộ Trình Tâm được tiến hóa rộng lớn lên thì có được hai thể loại, đó là Môn và Cảnh; và khi sắp bày theo phân loại thì có được 12 thể loại như sau:

1. Khi Cảnh Sắc đã đi đến hiện bày trong Lộ Nhãn Môn rồi, thì thường có rất nhiều Lộ Trình Nhãn Môn được sinh khởi lên, bởi do thế cả hai Nhãn Môn với Cảnh Sắc đây mới được sắp bày là Nhãn Xứ với Sắc Xứ, là như vậy; v.v.

2. Khi Cảnh Pháp đi đến hiện bày ở trong Lộ Ý Môn thì thường có rất nhiều Lộ Trình Ý Môn được sinh khởi lên, bởi do thế cả hai Ý Môn với Cảnh Pháp đây mới được sắp bày là Ý Xứ với Pháp Xứ.

Kể từ Nhãn Môn với Cảnh Sắc cho đến Thân Môn với Cảnh Xúc, những thể loại này được sắp bày thành Xứ một cách trực tiếp. Tuy nhiên việc sắp bày Ý Môn với Cảnh Pháp làm thành Xứ đấy, là việc sắp bày một cách gián tiếp, bởi vì Ý Môn đây chính là 19 Tâm Hữu Phần, còn đối với Ý Xứ đó chính là tất cả các Tâm; bởi do thế Ý Môn này mới đơn nhất chỉ là một phần của Ý Xứ. Đây là việc sắp bày bởi theo **Phần Đơn Nhất Cận Lân (Ekadesa yūpacāranaya)**; còn Cảnh Pháp thì quảng khoát rộng lớn hơn cả Pháp Xứ, bởi vì Pháp làm thành Pháp Xứ đây đơn nhất chỉ là một phần của Cảnh Pháp. Vì lý do này việc sắp bày Cảnh Pháp làm thành Pháp Xứ đây, mới là việc sắp bày bởi theo cách **Gián Tiếp Thứ Yếu (Pariyāyanaya – lối cách vòng vo).**

+ Trong cả Tứ Pháp Siêu Lý, rằng khi tính theo Giới thì có 18, bởi do nương vào Lục Môn, Lục Cảnh và Lục Thức.

Giải thích rằng: Từ ngữ **Dhātu (Giới)** có nghĩa Pháp chủng nào lập ý kiến tạo bất biến chuyển thực tính của mình; bởi do thế những thể loại Pháp lập ý để thiết lập thực tính của mình đây có được hiện hữu ở ba thể loại; đó là:

1/. Môn có thực tính lập ý kiến tạo cho việc tiếp thâu Cảnh,

2/. Cảnh có thực tính lập ý kiến tạo cho việc hiện khởi lên ở trong Môn ấy,

3/. Thức có thực tính kiến tạo cho việc liễu tri Cảnh, có việc trông thấy Cảnh v.v. chẳng hạn như vầy.

1. Khi Cảnh Sắc đã đi đến hiện bày ở trong Nhãn Môn rồi, thì Tâm Nhãn Thức thường sinh khởi lên, bởi do thế cả ba Nhãn Môn, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây mới được sắp bày làm thành Nhãn Giới, Sắc Giới và Nhãn Thức Giới, chẳng hạn như vầy v.v.

2. Khi Cảnh Pháp đi đến hiện bày ở trong Lộ Ý Môn thì Tâm Ý Thức thường sinh khởi lên; bởi do thế cả ba Ý Môn, Cảnh Pháp và Tâm Ý Thức đây mới được sắp bày làm thành Ý Môn, Pháp Giới, Ý Thức Giới.

Kể từ Nhãn Môn, Cảnh Sắc với Nhãn Thức cho đến Thân Môn, Cảnh Xúc với Thân Thức, những thể loại này được sắp bày thành Giới một cách trực tiếp. Tuy nhiên việc sắp bày Ý Môn với Cảnh Pháp làm thành Ý Giới, Pháp Giới đấy, là việc sắp bày một cách gián tiếp; bởi vì Ý Môn đây chính là 19 Tâm Hữu Phần, còn đối với Ý Giới đó chỉ gồm có ba cái Tâm, là 1 Tâm Khai Ngũ Môn và 2 Tâm Tiếp Thâu, là việc sắp bày bởi theo cách **Gián Tiếp Thứ Yếu (Pariyāyanaya – lối cách vòng vo).** Đối với Cảnh Pháp được sắp thành Pháp Giới thì cũng có cùng một ý nghĩa nội dung tương tự với việc sắp bày với Pháp Xứ ấy vậy. Còn Ý Thức sắp bày thành Ý Thức Giới, đó là việc sắp bày một cách trực tiếp. Tuy nhiên Ý Thức đây chỉ được biết khi Cảnh Pháp đi đến tiếp xúc Lộ Ý Môn; và Ý Thức thường được sinh khởi lên, chỉ là việc đề cập theo tuần tự riêng từng mỗi phần của Môn, Cảnh và Thức ngần ấy mà thôi. Như có nền tảng Giáo Pháp trình bày rằng:

Dvārālambanabhedena Bhavantāyantanāni ca
Dvārālambanataduppanna Pariyāyena dhātuyo

Do sự khác biệt giữa các Căn Môn và Đối Tượng nên có Thập Nhị Xứ. Tùy hợp nơi Căn Môn, Đối Tượng và Thức hữu quan, nên mới có các Giới khởi sinh. Xứ có số lượng 12, bởi vì có sự phân loại khác biệt với nhau từ ở nơi Lục Môn và Lục Cảnh. Giới có số lượng 18, bởi theo phương cách từ ở nơi Lục Môn, Lục Cảnh, và Lục Thức sinh khởi ở trong các Môn và các Cảnh ấy.

48. Hỏi: Cho trình bày kệ ngôn chỗ đề cập đến việc tính đếm Chi Pháp trong Tứ Thánh Đế, cùng luôn cả lời dịch nghĩa và Pháp

48. Đáp: Kệ ngôn đề cập đến việc tính đếm Chi Pháp trong Tứ Thánh Đế có như vầy:

Dukkhaṃ tebhūmakaṃ vaṭṭaṃ taṇhāsamudayo bhave nirodho nāma nibbānaṃ maggo lokuttaro mato - Sự hiện hữu trong cả Tam Cõi Giới là thống khổ. Ái Dục là nguyên

nhân khởi sinh Khổ Đau. Khổ Diệt gọi tên là Níp Bàn. Đạo Lộ là con đường Siêu Thế. Các Tâm Sở tương ưng với Đạo và Quả thì không nằm trong Tứ Đế.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết rằng Pháp luân chuyển hồi quy trong cả Tam Giới thì gọi tên **Khổ Đế.** Ái Dục thì gọi tên **Tập Đế.** Níp Bàn thì gọi tên **Diệt Đế.** Bát Chi Đồ Đạo trong Đạo Siêu Thế thì gọi tên **Đạo Đế.** Và Pháp làm thành **Ngoại Đế (Saccavimutta)** bên phía **Đồ Đạo (Magga)** thì có số lượng 29, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha **(Aññasamānacetasika)**, 18 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Thánh Đạo có bát Chi) phối hợp với 4 Tâm Đạo. Và 4 Tâm Đạo mà một khi tính theo trạng thái thì được tính thành 1, và gọi là 29 Tâm Khởi Sinh Đạo **(Maggacittuppāda)**. Còn bên phía Quả **(Phala)** thì có số lượng 37, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp với 4 Tâm Quả. Và 4 Tâm Quả mà khi tính theo trạng thái thì được tính thành 1, và gọi là 37 Tâm Khởi Sinh Quả **(Phalacittuppāda)**.

49. Hỏi: Từ ngữ **Sabbasaṅgaha (Tổng Hợp Tận Thị)** có ý nghĩa là chi ? Và cho lời giảng giải ở trong câu chuyện **Khandha (Uẩn)** theo phần **Pāḷi** đã nói rằng **Rasaṭṭhena (Rāsi + Aṭṭhena) Khandho.**

49. Đáp: Từ ngữ **Sabbasaṅgaha (Tổng Hợp Tận Thị)** có nghĩa **Sabbesuṃ paramat thadhammānaṃ saṅgahoti = Sabbasaṅgaho** - Một nhóm trình bày liệt kê hết tất cả các Pháp Thực Tính, bởi do thế mới được gọi tên là **Tổng Hợp Tận Thị.** Có nghĩa – rằng trong Tổng Hợp Tận Thị này - **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày việc phân tích hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý một cách không dư sót.

+ Từ ngữ **Khandha (Uẩn)** có nghĩa là một khối, một số lượng; ăn khớp với từ ngữ **Pāḷi** đã nói rằng: **Rasaṭṭhena (Rāsi + Aṭṭhena) Khandho** - Gọi tên là Uẩn vì có nội dung "thành một khối, một số lượng." Tức là:

1. Pháp làm thành **Hiện Tại (Paccuppanna), Quá Khứ (Atīta), Vị Lai (Anāgata)** kết hợp thành một khối.

2. Pháp ở phần **Nội Bộ (Ajjhatta)** và **Ngoại Bộ (Bahiddha)** kết hợp thành một khối.

3. Pháp ở phần **Thô Thiển (Oḷārika)** và **Vi Tế (Sukhuma)** kết hợp thành một khối.

4. Pháp ở phần **Ty Liệt (Hīna)** và **Tinh Lương (Paṇīta)** kết hợp thành một khối.

5. Pháp ở phần **Dao Viễn (Dūra)** và **Cận Lân (Santika)** kết hợp thành một khối.

+ **Trình bày nội dung ý nghĩa của Uẩn**: Uẩn có nghĩa là một khối, một số lượng; là chẳng phải lập ý lấy một khối lượng lớn kết hợp vào nhau, mà đích thị chính là lập ý chỉ lấy năm phân loại khác biệt với nhau như đã vừa đề cập đến ở tại đây rồi vậy. Với lý do này, chỉ với mỗi một Tâm Sở Thọ và duy nhất mỗi một Tâm Sở Tưởng mới được làm thành Thọ Uẩn và Tưởng Uẩn.

50. Hỏi: Ngài đã nói rằng Níp Bàn là **Ngoại Uẩn (Khandhavimutta)** là do bởi nguyên nhân nào ? Cho nêu lên Nhân Quả để giải thích một cách đầy đủ chi tiết với.

50. Đáp: Chỗ Ngài đã nói rằng Níp Bàn là Ngoại Uẩn đấy, cũng bởi vì bất phân loại với nhau, tức là:

1. Níp Bàn thì bất phân biệt về **Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai**; và đơn nhất chỉ có **Ngoại Thời**; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

2. Níp Bàn thì chẳng phải là **Nội Bộ**, và đơn nhất chỉ là **Ngoại Bộ**; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

3. Níp Bàn thì chẳng phải là **Thô Thiển**, và đơn nhất chỉ là **Vi Tế**; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

4. Níp Bàn thì chẳng phải là **Ty Liệt**, và đơn nhất chỉ là **Tinh Lương**; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

5. Níp Bàn thì chẳng phải là **Cận Lân**, và đơn nhất chỉ là **Dao Viễn**; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

Chỗ nói rằng Níp Bàn là Ngoại Thời, Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, Dao Viễn; với những thể loại này thì chẳng gọi Níp Bàn là có năm phân loại như vậy; bởi vì Níp Bàn đích thị vừa là Ngoại Thời, lại vừa là Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, và Dao Viễn.

51. Hỏi: Pháp làm thành vật thực của biết bao thống khổ, có Sinh Lão Bệnh Tử, v.v. là chi ? Nếu như Pháp làm thành vật thực của những thống khổ này không có hiện hữu thì Sinh Lão Bệnh Tử v.v. này sẽ sinh khởi lên được hay không ? Cho lời giải thích nêu lên nền tảng Giáo Pháp để trình bày với.

51. Đáp: Pháp làm thành vật thực của biết bao thống khổ, có Sinh Lão Bệnh Tử v.v. đấy, đó chính là Ngũ Uẩn gồm có Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn. Nếu như Pháp làm thành vật thực của biết bao thống khổ này không có hiện hữu rồi, thì những thể loại Sinh Lão v.v. này cũng không thể nào sinh khởi lên được.

Giải thích rằng: Những thể loại Sinh Lão Bệnh Tử này là trạng thái hiện hành của Ngũ Uẩn, và chẳng thể nào hiện khởi lên một cách riêng biệt được. Nói rằng việc sinh khởi của Ngũ Uẩn thì được gọi là **Sinh Sản (Jāti).** Việc nối tiếp của Ngũ Uẩn bởi theo việc tăng trưởng tiến hóa lên và già nua xuống thì được gọi là **Lão Mại (Jarā).** Việc ốm đau bệnh tật của Sắc Pháp thì được gọi là **Bệnh Hoạn (Byādhi).** Việc diệt tắt của Ngũ Uẩn trong từng mỗi kiếp sống thì được gọi là **Tử Vong (Maraṇa).**

Như có câu Chú Giải đã trình bày rằng: **Anekadukkhehi khajjantīti = Khandhā** - Tất cả các Pháp bị biết bao thống khổ nhai ăn; bởi do thế gọi tên là **Uẩn.** Lập ý đến Ngũ Uẩn, và chính đây là sinh trú của Sinh, Lão, Bệnh, Tử v.v. Nếu không có Ngũ Uẩn này rồi, thì những thể loại thống khổ như vậy cũng không sinh khởi lên được.

52. Hỏi: Hãy giảng giải vấn đề **Khandha (Uẩn)** theo như câu Chú Giải đã có trình bày rằng **Suññākāraṃ dhārentīti = Khandhā.**

52. Đáp: Vấn đề **Khandha (Uẩn)** theo như câu Chú Giải đã có trình bày rằng **Suññā kāraṃ dhārentīti = Khandhā** đây có ý nghĩa nội dung nên giảng giải như tiếp theo đây: Những thể loại Pháp nào biểu hiện đặc tính rằng chẳng có bản ngã; bởi do thế những thể loại ấy được gọi tên là Uẩn.

Theo lẽ thường nhiên tất cả Chúng Hữu Tình trong thế gian này, đa phần thì có sự hiểu biết rằng mọi sự sinh hoạt hiện khởi lên đối với bản thân mình, chẳng hạn như việc hành động, việc nói năng, việc nghĩ suy, sự an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, và các việc biến đổi của sắc thân v.v. Với những thể loại này hầu hết đều là Tự Ngã, là Của Tự Ngã; chẳng hạn sẽ dùng ngôn từ nói với nhau rằng "Tôi làm, tôi nói, tôi nghĩ suy, tôi an vui, tôi bất an, tôi duyệt ý, tôi buồn lòng, tôi trẻ, tôi già, tôi đẹp, tôi xấu v.v." Và nếu như các trạng thái như đã vừa đề cập ở tại đây, lại hiện khởi đối với người khác thì cũng sẽ dùng lời nói rằng "người ấy, người này làm, nói, nghĩ suy, an vui, bất an, v.v." Tóm lại tất cả mọi sự việc ở trong thế gian này, có Tôi Ta, có Người đều toàn là **Ngã Kiến Chấp (Attadiṭṭhi)** hết cả thảy. Thế nhưng Chân Lý ấy, sự hiện hành những thể loại này thì chẳng phải là Tôi Ta, chẳng phải là Của Người, mà quả thật đó chính là thực tính của Ngũ Uẩn.

Sẽ nói rằng: 1/. Việc biến đổi sắc thân, như có việc lớn lên, phát triển lên, già xuống, tóc bạc, răng gẩy v.v. hoặc việc hoạt động về Thân và việc nói năng; với những thể loại này gọi là **Sắc Uẩn.** 2/. Sự cảm thấy an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, bình thản; với những thể loại này gọi là **Thọ Uẩn.** 3/. Sự tưởng nhớ hoặc nhận ra được các sự việc; với những thể loại này gọi là **Tưởng Uẩn.** 4/. Sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự sùng tín, sự tinh cần, sự liễu tri được Chân Lý v.v. hình thành việc kiến tạo, tô điểm, sắp bày ở bên trong tâm tính; với những thể loại này gọi là **Hành Uẩn.** 5/. Sự nhận thức ở trong các Cảnh; với những thể loại này gọi là **Thức Uẩn.**

Với lý do này, người phối hợp với tất cả **Tuệ Văn (Sutamayapaññā), Tuệ Tư (Cintāmayapaññā),** và **Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā)** thì mới sẽ liễu tri được hết tất cả các sự vật hiện hữu trong thế gian này, ngoài Ngũ Uẩn này ra, thì chẳng có cái chi khác nữa, và hết tất cả đều là thực tính Vô Ngã. Còn việc liễu tri đến thực tính Vô Ngã của những thể loại Danh Sắc đây, thì chỉ sẽ được liễu tri tường tận là cũng phải tùy thuộc vào tuần tự năng lực của các Tuệ Giác này vậy.

53. Hỏi: Vì lý do nào Đức Phật lại lập ý khải thuyết Thủ Uẩn một cách riêng biệt tách từ Ngũ Uẩn ra ? Cho trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Upādānakkhandha (Thủ Uẩn).**

53. Đáp: Trong sự việc Đức Phật đã lập ý khải thuyết Thủ Uẩn được tách từ ở Ngũ Uẩn ra, là cũng để cho làm thành lợi ích trong việc tiến tu Minh Sát Tuệ. Bởi vì người tiến tu Minh Sát Tuệ sẽ cần phải hạn định Ngũ Uẩn chỉ ở phần Hiệp Thế đặng làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ. Đề cập đến là Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, và Ngã Luận Thủ; với những thể loại này sinh khởi là cũng chỉ do bởi nương vào Sắc Pháp, và Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Hiệp Thế làm thành tác nhân thôi. Còn đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Siêu Thế thì chẳng phải làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ; lập ý đến cả Tứ Chấp Thủ này thì thường chẳng có nương vào Pháp Siêu Thế mà sinh khởi; với lý do này mới phải lập ý trình bày riêng biệt phần Thủ Uẩn thêm một lần nữa vậy.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng **Upādānanakkhandha (Thủ Uẩn)** là: **Upādānānaṃ gocarā khandhā = Upādānakkhandhā** - Uẩn làm thành Cảnh của Sự Chấp Thủ, bởi do thế mới gọi tên là **Thủ Uẩn.**

54. Hỏi: Cho trình bày quả báo sinh khởi của từng mỗi Xứ trong 12 Xứ và Ngài đã nói rằng Nhãn Thanh Triệt v.v. những thể loại này gọi tên là Xứ bởi vì "Có thực tính na ná giống với sự nỗ lực tinh cần để cho quả báo của mình sinh khởi." Muốn biết rằng có sự nỗ lực tinh cần ở thể loại nào ? Cho lời giải thích.

54. Đáp: Quả báo sinh từ ở từng mỗi Xứ của 12 Xứ có như vầy, là:

1. Cả hai Nhãn Xứ với Sắc Xứ làm thành tác nhân cho việc được trông thấy sinh khởi; bởi thế Nhãn Thức là việc trông thấy đây mới làm thành quả báo của Nhãn Xứ với Sắc Xứ.

2. Nhĩ Xứ với Thinh Xứ thành Nhân, bởi do thế Nhĩ Thức là việc được lắng nghe đây mới làm thành quả báo của Nhĩ Xứ với Thinh Xứ.

3. Tỷ Xứ với Khí Xứ thành Nhân, bởi do thế Tỷ Thức là việc ngửi khí hơi đây mới làm thành quả báo của Tỷ Xứ với Khí Xứ. .

4. Thiệt Xứ với Vị Xứ thành Nhân, bởi do thế Thiệt Thức là việc nếm mùi vị đây mới làm thành quả báo của Thiệt Xứ với Vị Xứ.

5. Thân Xứ với Xúc Xứ thành Nhân, bởi do thế Thân Thức là việc biết sự xúc chạm đây mới làm thành quả báo của Thân Xứ với Xúc Xứ.

6. Ý Xứ với Pháp Xứ thành Nhân, bởi do thế 79 Tâm (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới) có việc liễu tri Cảnh và tư duy trong tất cả các sự kiện làm thành quả báo của Ý Xứ với Pháp Xứ.

Nhân với Quả mà đã vừa đề cập tại đây thì thường hiện hành theo thực tính Vô Ngã hết cả thảy các Xứ. Những thể loại ấy chẳng cần phải có bất luận một sự nỗ lực nào cả; tuy nhiên cảnh trạng hiện hành những thể loại Xứ ấy thì lại trông na ná giống như là có việc tích cực phấn đấu để cho các quả báo của mình được sinh khởi; bởi do thế mới trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ussāhantā viya honti** - Có thực tính na ná giống với sự nỗ lực tinh cần để cho quả báo của mình sinh khởi.

Hoặc một phần khác nữa: **Āyasaṅkhāte cittacetasikadhamme etāni tanonti vitthārentīti = Āyatanāni** - Những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở ở chỗ gọi là Xứ cho phát triển quảng khoát lên; bởi do thế những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây mới gọi tên là **Xứ.**

55. Hỏi: Ngài nói rằng Lục Nội Xứ và Lục Ngoại Xứ, những thể loại này thường làm cho cả hai Tâm, Tâm Sở phát triển quảng khoát lên; muốn biết rằng Lục Nội Xứ và Lục Ngoại Xứ đấy là những chi ? Và làm cho cả hai Tâm, Tâm Sở phát triển quảng khoát lên bởi do nương vào những thể loại Xứ này như thế nào ?

55. Đáp: Trong những cả Thập Nhị Xứ đây, khi phân tách ra thành Nội Bộ và Ngoại Bộ, thì có 6 Xứ ở Nội Bộ – chỗ gọi **Ajjhattikāyatana (Nội Thân Xứ)** – đó là: 1/. Nhãn Xứ, 2/. Nhĩ Xứ, 3/. Tỷ Xứ, 4/. Thiệt Xứ, 5/. Thân Xứ và 6/. Ý Xứ. Và có 6 Xứ ở Ngoại Bộ – chỗ gọi là **Bāhirāyatana (Ngoại Xứ)** – đó là: 1/. Sắc Xứ, 2/. Thinh Xứ, 3/. Khí Xứ, 4/. Vị Xứ, 5/. Xúc Xứ, và 6/. Pháp Xứ.

Và sự việc cả hai Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoát lên bởi do nương vào những thể loại Nội Bộ và Ngoại Bộ Xứ đây, là cũng bởi vì một khi đã tiếp xúc với nhau rồi, thì các Lộ Trình Tâm như có Lộ Trình Nhãn Môn v.v. thường sinh khởi. Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên rồi, thì chẳng phải chỉ có duy nhất mỗi một Lộ Trình Tâm, mà thường sinh khởi rất nhiều Lộ Trình Tâm cho đến nỗi đếm không kể xiết được. Và trong mỗi một Lộ Trình Tâm ấy thì có rất nhiều chủng loại Tâm sinh khởi với nhau; tức là Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, Quả Dị Thục và Duy Tác cũng có. Chính vì việc sinh khởi của rất nhiều Lộ Trình Tâm, rất nhiều chủng loại Lộ Trình Tâm như vậy, mới được gọi là Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoát lên. Và trong sự việc Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoát lên được như thế này, cũng đích thị là chính do bởi nương vào các Xứ ở cả Nội Bộ và Ngoại Bộ ấy vậy.

Lại nữa, Bất Thiện Pháp thì có Tham, Sân, v.v. và Thiện Pháp thì có Tín, Niệm, Tuệ, v.v. ở những thể loại này ngay trong sát na sinh khởi đầu tiên thì có năng lực hãy còn yếu kém. Khi những chủng loại Lộ Trình Tâm Thiện và Bất Thiện đây cứ mãi luân chuyển sinh khởi xoay tròn, thế rồi năng lực từ những chủng loại Thiện và Bất Thiện đây cũng từ từ mạnh dần lên, mãi cho đến làm thành tựu những Thiện Hạnh và Ác Hạnh. Tại đây cũng được gọi là Tâm và Tâm Sở có sự phát triển quảng khoát lên; và do nương vào Nội Bộ Xứ và Ngoại Bộ Xứ làm thành tác nhân cho sinh khởi tương tự như nhau. Với lý do này mới đề cập để trong câu Chú Giải nói rằng "Những thể loại Nội Bộ và Ngoại Bộ Xứ đây, thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở cho phát triển quảng khoát lên."

56. Hỏi: Hãy giảng giải năm thể loại ý nghĩa nội dung của từ ngữ **Āyatana (Xứ)** ?

56. Đáp: Năm thể loại ý nghĩa từ ngữ **Xứ (Āyatana)** có như vầy, là:

1. Xuất Sinh Sản Xứ (Sañjātidesaṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Nội Bộ Xứ đây gọi là Xứ bởi vì thường luôn làm thành chỗ nương sinh của tất cả Lộ Trình Tâm; tức là cho dù sẽ sinh trong chủng tộc nào, kiếp sống nào đi nữa, thì chẳng thể sinh ở nơi nào khác mà tất cả đều phải nương sinh vào những thể loại Xứ này hết cả thảy.

2. Trú Sở Xứ (Nivāsaṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Nội Bộ Xứ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ nương trú của Lộ Trình Tâm. Việc trình bày như vậy là việc trình bày theo **Phần Cận Lân (Upacāranaya)** tức là trình bày một cách gián tiếp. Bởi vì những Lộ Trình Tâm ấy chẳng phải hiện hữu trong lỗ tai, lỗ mũi, v.v. và cho đến khi hội đủ nhân duyên kết tụ vào nhau thì những thể loại Lộ Trình Tâm ấy mới sinh khởi; cũng giống như cây đàn với âm thanh cây đàn, thường thì không nói được rằng âm thanh ấy ở trong thân cây đàn hoặc ở dây đàn. Tuy nhiên nếu đã gẩy đàn lên rồi thì âm thanh ấy sẽ hiện khởi lên y như là âm thanh ấy là ở trong dây đàn vậy. Điều này như thế nào, thì Lộ Trình Tâm và những Lục Nội Thân Xứ đây, nếu nhỡ như không có hội đủ nhân duyên thì sẽ không nói được rằng Lộ Trình Tâm đây ở trong những Lục Nội Thân Xứ này. Và nếu giả như đã hội đủ nhân duyên rồi, thì sẽ hiện khởi lên tức thời, y như là Lộ Trình Tâm ở trong những thể loại Xứ này, như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

3. Sản Xuất Xứ (Ākaraṭṭha): có nghĩa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Nội Bộ Xứ đây gọi là Xứ bởi vì sinh trú ở khắp cả Hữu Tình, chẳng phân biệt là hạng thấp hoặc bậc cao,

nhỏ hoặc lớn; bất kể sẽ là Nhân Loại, Chư Thiên, hoặc Hữu Tình Bàng Sinh, tất cả cũng đều phải có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đồng với nhau hết cả thảy.

4. Hội Hợp Xứ (Samosaraṇaṭṭha): có nghĩa Sắc Xứ, v.v. cho đến Pháp Xứ thuộc Ngoại Bộ Xứ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ tựu hội của tất cả Lộ Trình Tâm; tức là những Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên ấy thì thường luôn sẽ cần phải có việc tiếp thâu Cảnh. Việc tiếp thâu Cảnh của những thể loại Lộ Trình Tâm này na ná với việc vào tựu hội ở trong Cảnh, có Cảnh Sắc v.v. mà bản thân đang tiếp thâu.

5. Nhân Do Xứ (Kāraṇaṭṭha): có nghĩa những thể loại Lục Xứ Nội Bộ và Lục Xứ Ngoại Bộ đây gọi là Xứ bởi vì làm thành tác nhân cho Lộ Trình Tâm sinh khởi; tức là theo lẽ thường nhiên Lộ Trình Tâm sẽ sinh khởi lên được đó, là cần phải có tất cả những thể loại Nội Bộ và Ngoại Bộ Xứ; nếu như không có những thể loại Xứ này rồi, thì Lộ Trình Tâm không thể nào sinh khởi lên được.

57. Hỏi: Nhãn Thanh Triệt v.v. được gọi tên **Dhātu (Giới)** bởi vì chẳng phải Hữu Tình, chẳng phải Sinh Mạng, và đích thị chính là Thực Tính, thì được hiện hành như thế nào ? Cho lời giải thích và hãy giải thích từ ngữ **Dhātu (Giới)** theo câu Chú Giải nói rằng: **Attano sabhāvaṃ dhāretīti = Dhātu.**

57. Đáp: Nhãn Thanh Triệt v.v. gọi tên Giới; bởi vì có nội dung là chẳng phải Hữu Tình, chẳng phải Sinh Mạng; và đích thị chính là thực tính.

Giải thích rằng: Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong thế gian này thì thường luôn có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi khí hơi, việc biết mùi vị, việc tiếp xúc xúc chạm, việc nghĩ suy với nhau hết cả thảy. Những sự việc này có được cũng bởi vì việc tựu hội vào nhau giữa Môn, Cảnh, Thức; và đó chính là Thập Bát Giới vậy. Ngoài ra việc tựu hội giữa những thể loại 18 Thập Bát Giới này đi rồi, thì sự hiểu biết với nhau rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc nghĩ suy, hoặc việc bước đi, việc đi đến, việc ăn, việc nằm, việc nói năng của Chúng Nhân Loại, hoặc Hữu Tình Bàng Sinh đây, ắt hẳn là không có. Bởi do thế thực tính sinh hoạt của cả những Thập Bát Giới này, thì mới nói với nhau là **Phi Sinh Mạng (Nissatta),** nghĩa là "chẳng phải là Hữu Tình, là Con Người."

Sự hiểu biết rằng người này người nọ tử vong nhưng Tâm Thức thì bất tử. Khi con người hoặc Hữu Tình đã tử vong rồi, thì Tâm Thức vuột thoát ra khỏi thân xác cũ, và nối tiếp đi trong thân xác mới. Sự hiểu biết như vầy thường được liệt vào **Ngã Luận Thủ,** tức là chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình thì Hữu Sinh Mạng, Hữu Ngã; mà thể theo Chân Như Thực Tính thì Sinh Mạng, Bản Ngã ở chỗ bất tử đấy, là chẳng có việc chuyển di từ kiếp sống cũ đi thọ sinh trong kiếp sống mới. Việc sinh, việc sống và việc tử, với những thể loại này đều hiện hành theo thực tính của Giới hết cả thảy; tức là một khi đã tử vong rồi, thì Thức Giới, Pháp Giới và Nhãn Giới, v.v. thuộc Sắc Nghiệp Lực đã diệt mất. Đến khi thọ sinh, thì đích thị chính là Ý Thức Giới, Pháp Giới, và Nhãn Giới, v.v. thuộc Sắc Nghiệp Lực đã sinh khởi. Như thế, thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này mới nói rằng là **Phi Sinh Mạng (Nijjīva)** tức là "chẳng phải Sinh Mệnh, Bản Ngã."

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Dhātu (Giới)** là: **Attano sabhāvaṃ dhāretīti = Dhātu** - Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Giới.**

Có nghĩa theo lẽ thường nhiên cả Thập Bát Giới thì thường hiện hành theo thực tính của mình, chẳng khởi lên với một ai, và cũng chẳng ở trong mãnh lực của người nào cả thảy. Thực tính của mình là cái chi thì cũng hằng luôn bảo hộ thực tính của mình đã thiết lập ở thể loại ấy, và bất biến chuyển; chẳng hạn như Nhãn Giới có thực tính Tịnh Sắc Căn thích hợp cho các sắc màu đi đến hiện bày, bởi do thế Nhãn Giới cho dù sẽ sinh trú với một ai đi nữa, thì thường cũng chỉ có đơn nhất thực tính Tịnh Sắc Căn để tiếp thâu các sắc màu mà thôi. Tịnh Sắc Căn của Nhãn Giới không có khả năng để tiếp thâu được các âm thanh, hoặc các khí hơi, v.v. và cũng chẳng có một ai có khả năng dùng mãnh lực trong suốt của Nhãn Giới này để tiếp thâu các sự vật khác, ở phần ngoài ra các sắc màu được cả. Sắc Giới chỉ có thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày trong Lộ Nhãn Môn; bởi do thế Sắc Giới này mới lập ý thiết lập thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày chỉ riêng trong Lộ Nhãn Môn, và không có khả năng để biểu thị màu sắc cho hiện bày trong Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, v.v. được. Nhãn Thức Giới lập ý thiết lập thực tính trông thấy; bởi do thế cho dù Nhãn Thức Giới sẽ sinh khởi với bất luận ai, ở chỗ nào đi nữa, thì thường duy nhất chỉ có việc trông thấy; và sẽ chỉ huy cho việc không trông thấy, hoặc chỉ huy cho chuyển đổi việc trông thấy thành việc được lắng nghe âm thanh cũng không thể có được, chẳng hạn như vầy. Bởi do thế thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này đây mới được nói rằng "Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, và không có việc biến chuyển."

58. Hỏi: Vì lý do nào mà Ngài đã nói rằng cả bốn Khổ Tập Diệt Đạo này được gọi tên là Thánh Đế, và chẳng được gọi tên là Phàm Đế ? Và cho lời giải thích.

58. Đáp: Có nghĩa bốn Chân Lý mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết rồi đấy, thì cho dù tất cả Chư Thinh Văn Phàm Phu sẽ được nghe thấy hoặc được lắng nghe đi nữa, tuy nhiên thực tính của Chân Lý mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết rằng là "Những thể loại Pháp này là đau khổ, thể loại Pháp này là nguyên nhân cho sinh đau khổ, thể loại Pháp này là công cụ diệt tắt đau khổ, và những thể loại Pháp này là đạo lộ cho đi đến sự diệt tắt đau khổ"; các Chư Thinh Văn Phàm Phu ấy thường thì cũng được nghe thấy như vậy, tuy nhiên chẳng thể nào lãnh hội được sâu sắc và vững chắc như là tất cả các Bậc Vô Sinh. Bởi do thế, Pháp làm thành Chân Lý thể theo Đức Phật đã lập ý khải thuyết mới được gọi tên là **Thánh Đế.**

Một phần khác nữa: **Ariyāni tathāni saccāni = Ariyasaccāni** - Cả Tứ Pháp Đế đã thành Chân Lý bất biến chuyển, thì được gọi tên là **Thánh Đế.**

Có nghĩa Pháp được gọi tên **Khổ Đế (Dukkhasacca)** thì thường làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải đón nhận sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên **Tập Đế (Samudayasacca)** thì thường làm thành nguyên nhân cho sinh khởi biết bao sự thống khổ đến với tất cả Chúng Hữu Tình thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được định đặt tên gọi **Diệt Đế (Nirodhasacca)** thì thường thành công cụ làm cho diệt tắt biết bao sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên **Đạo Đế (Maggasacca)** thì thường

thành các Chi Phần tu tập cho đi đến sự diệt tắt thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Lại nữa, thể theo các Bậc Cổ Đức đã định đặt tên gọi tất cả các sự vật Hữu Sinh Mạng và Phi Sinh Mạng hiện hữu trong thế gian, chẳng hạn như là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, cây cối, núi đồi, xanh, đỏ, v.v. với những sự vật này thì cũng vẫn là sự thật tương tự như nhau. Tuy nhiên ở thể loại sự thật này chỉ là sự thật theo thành ngữ dân gian; và chẳng phải là sự thật thể theo chân thực tính; vì lẽ những cách thức gọi là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì cũng chỉ là 2 chủng loại Danh và Sắc kết hợp vào nhau thôi. Và chỗ gọi là những cây cối, các núi đồi v.v. này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì đơn nhất cũng chỉ có một thể loại Sắc Pháp ngần ấy thôi. Tóm lại, ngoài cả hai Danh Sắc này ra thì chẳng còn có cái chi khác nữa. Bởi do thế thành ngữ dân gian dùng để réo gọi với nhau với những cách thức này, thì cho dù sẽ là sự thật đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn là sự thật thuộc thế tục, vả lại chỉ được gọi là **Tục Đế (Sammutisacca),** và chẳng thể nào được gọi tên là **Thánh Đế (Ariyasacca),** vì lẽ có việc biến dịch đổi thay.

59. Hỏi: Hãy phân tích Tứ Thánh Đế theo Nhân - Quả, và Hiệp Thế - Siêu Thế, v.v.

59. Đáp: Việc phân tích Tứ Thánh Đế theo Nhân – Quả, và theo Hiệp Thế - Siêu Thế:.

1. Phân tích theo Nhân – Quả (Hetu – Phala):

+ Khổ Đế là Quả, Tập Đế là Nhân.

+ Diệt Đế là Quả, Đạo Đế là Nhân.

2. Phân tích theo Hiệp Thế - Siêu Thế (Lokiya – Lokuttara):

+ Khổ Đế và Tập Đế, cả hai này là **Pháp Hiệp Thế (Lokiyadhamma)** và **Hiệp Thế Đế (Lokiyasacca).**

+ Diệt Đế và Đạo Đế, cả hai này là **Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** và **Siêu Thế Đế (Lokuttarasacca).**

3. Phân tích theo Vòng Luân Hồi (Vaṭṭa):

+ Cả hai Danh Sắc sinh trú ở trong Vòng Luân Hồi này đều là đau khổ cả; bởi do thế Khổ Đế đây mới là Đế có sự sinh hoạt ở trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Chuyển Khởi Đế (Pavattisacca),** và là một **Đế Bất Thiện.**

+ Tập Đế là Đế làm thành tác nhân cho Khổ Đế sinh khởi, hiện hành ở trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Đế Tác Nhân Chuyển Khởi (Pavattihetusacca),** và là một **Đế Bất Thiện** tương tự.

+ Diệt Đế là Đế thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Quy Toàn Đế (Nivattisacca),** và là một **Đế Thiện.**

+ Đạo Đế là Đế làm thành tác nhân cho đi đến sự thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên **Đế Tác Nhân Quy Toàn (Nivattihetusacca),** và là một **Đế Thiện** tương tự.

60. Hỏi: Trong 72 Pháp Thực Tính **(Vatthudhamma – Tông Chỉ Pháp)** thì từng mỗi Pháp Thực Tính trình bày để trong Tổng Hợp Bất Thiện, Tổng Hợp Hỗn Hợp, Tổng Hợp Đẳng Giác Phần, Tổng Hợp Tận Thị có được số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ?

60. Đáp: Trong 72 Pháp Thực Tính ấy,

1. Pháp Thực Tính trình bày để trong Tổng Hợp Bất Thiện có được 14 Pháp; đó là 14 Tâm Sở Bất Thiện.

2. Pháp Thực Tính trình bày để trong Tổng Hợp Hỗn Hợp có được 36 Pháp; đó là 1 Tâm, 26 Tâm Sở, 9 Sắc Pháp.

3. Pháp Thực Tính trình bày để trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần có được 14 Pháp; đó là 1 Tâm, 13 Tâm Sở.

4. Pháp Thực Tính trình bày để trong Tổng Hợp Tận Thị có được 72 Pháp; đó là 1 Tâm, 52 Tâm Sở, 18 Sắc Thành Sở Tác, 1 Níp Bàn.

Kết Thúc Phần Vấn – Đáp Trong Chương Thứ VII
Kết Thúc Chương Thứ VII
Tổng Hợp Tập Yếu – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp

----------00000----------

LỜI MỞ ĐẦU
(Xuất Bản Lần Thứ Hai)

Giáo khoa thư cho việc giảng dạy và học hỏi trong Chương thứ Tám này, đã được soạn tác do bởi Ngài **Viện Sĩ Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapaṇḍita)** có danh xưng Tỳ Khưu **Visuddhi Guttajayo** biên soạn, và Ngài cũng đã từng là Giáo Thọ Sư Vô Tỷ Pháp của Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh **Abhidhammajotika,** và Trường Cao Đẳng Hoàng Gia **Mahāchūlalonkong** dưới sự bảo trợ của Hoàng Thượng. Vả lại Ngài cũng đã sắp xếp thực hiện hoàn thành việc trao tặng bản quyền cho Quỹ Tài Trợ Chánh Pháp Quang Minh **(Saddhammajotika)** nhằm để làm thành giáo khoa thư trong việc giảng dạy và học hỏi ở **Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị (Majjhimābhidhammika Dho)** thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh; và xin được **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** vô cùng cao quý với Ngài. Giáo khoa thư như đã vừa đề cập đến đã được xuất bản vào lần thứ nhất, cũng đã hết ở trên thị trường lâu rồi, và chí đến cả ở trong các trường học. Tiện thể tất cả các học viên Vô Tỷ Pháp rất cần phải có kinh sách để làm thành tài liệu giáo khoa trong việc giảng dạy và nghiên cứu học hỏi thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh, cũng đã được thẩm sát và nhận thấy rằng quyển kinh sách này rất là hữu ích cho việc giảng dạy và học hỏi, vì thế mới trao cho Đức Ngài Anh Chủ **Dhammakāmo** với Phật Học Vị Cao Cấp, Phật Học Vị **Pāḷi** bậc ba, Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, Vụ Phó Vụ Chuyên Tu Pháp Hành, Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp, là vị đã sắp bày trong việc tân tạo hình thức và khuôn khổ quyển kinh sách nhằm để cho vào việc xuất bản trong thời buổi hiện tại này vốn dĩ với nội dung cơ bản cũng tương tự như ban đầu với mọi trường hợp.

Xin được **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** với Ngài đã có công ích trong việc xuất bản quyển kinh sách này, và cũng cầu xin cho có được sự an lạc cùng với sự tiến hóa ở trong Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác, cũng xin cầu chúc cho được thoát khỏi mọi điều khổ đau và sớm mau chứng đạt được Níp Bàn trong thời vị lai cận đại này vậy.

Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh
Trường Cao Đẳng Hoàng Gia Mahāchūlalonkong Dưới Sự Bảo Trợ Hoàng Thượng
15 Tháng Tám P.L. 2540

LỜI MỞ ĐẦU

Giáo khoa thư Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Chương thứ Tám này đã được soạn tác qua việc thu thập cứ liệu và sắp bày là do bởi **Giáo Thọ Sư Visuddhi Guttajayo,** Ngài đã là Bậc Giáo Thọ Sư Vô Tỷ Pháp của Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh **Abhidhammajotika** thuộc Chùa **Mahādhātu** là Trường Cao Đẳng Hoàng Gia **Mahāchūla longkon** dưới sự bảo trợ Hoàng Thượng, trực thuộc Chùa **Soróy Thong (Xâu Chuỗi Vàng),** Phường **Pang Chơ,** Quận **Đâu Suất Đà (Tusita),** Thủ đô **Bangkok.** Và cũng do bởi được đón nhận phiên bản đánh máy từ nơi **Guṇahansā, Vaṅsavajira** cùng với toán người có Tâm tín thành cùng nhau đóng góp cho được thành tựu viên mãn, và rồi đã cống hiến cho làm thành tài sản của Quỹ Tài Trợ Chánh Pháp Quang Minh **(Saddhammajotika),** ngõ hầu làm thành giáo khoa thư trong việc giảng dạy và học hỏi ở **Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị (Majjhimābhidhammika Dho),** ngõ hầu để tiếp tục sách tấn trong việc nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh.

Chương thứ Tám – Tổng Hợp Duyên Hệ bằng với việc tập hợp sự kiện Thập Nhị Liên Quan Tương Sinh và 24 Duyên Hệ - ấy là thể loại Giáo Pháp thậm thâm vô cùng vi tế - đã làm cho việc nghiên cứu học hỏi được thuận lợi dễ dàng, liễu tri trong Nhân Quả của kiếp sống một cách tốt đẹp, dẫn dắt cho được liễu đạt việc thực hành một cách chân chánh. Người được đón nhận quyển giáo khoa thư Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Chương thứ Tám này, cũng cần nên hướng tâm trong việc nghiên cứu cho làm thành tài liệu giáo khoa ở cả hai lãnh vực Pháp Học và Pháp Hành, nhằm để sẽ làm thành lợi ích vô cùng cao quý cho chính ngay kiếp sống này.

Xin cầu chúc cho **Giáo Thọ Sư Visuddhi Guttajayo,** bậc đã thu thập cứ liệu, **Guṇahansā, Vaṅsavajira,** và với toán người đã cống hiến cùng luôn đến cả các bậc độc giả, xin cho được tiến hóa với Chánh Niệm Tỉnh Giác, có khả năng liễu tri được Giáo Pháp, kiến tri Giáo Pháp nương theo nền tảng huấn từ của Bậc Chánh Đẳng Giác đây, xin cho được chứng đắc Đạo Quả, Níp Bàn.

Giáo Sư Saṅvara Samādhivatta
Giám Đốc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh
Trường Cao Đẳng Mahāchūlalongkon
20 Tháng Chín P.L. 2527

----------00000----------

LỜI KHAI ĐOAN

Với chủ sự cho việc nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp trong thời buổi hiện tại đây, và đặc biệt nói riêng cho Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp thuộc Trường Cao Đẳng **Mahāchūla longkon** đấy, thì tiên khởi phát lên vốn dĩ chỉ có từ **Đại Trưởng Lão Giáo Thọ Sư Saddhammajotika**, một vị Thầy người Miến Điện. Và rồi Ngài đã đi đến sắp bày chủ sự cho mọi việc nghiên cứu bằng cách soạn tác ra các giáo trình đào tạo, cùng với việc thiết lập ra các lớp học như là tất cả các Ngài ắt hẳn đã có sự rõ hiểu với nhau rồi vậy; và luôn cả có sự thích hợp đối với việc nghiên cứu đặng làm cho thấu hiểu được một cách dễ dàng. Chính vì thế tất cả chúng ta sẽ cần phải cố gắng gìn giữ cái thành quả của Ngài đã mang lại, và hãy cùng phấn đấu giúp nhau trong việc nghiên cứu học hỏi cho có được sự tiến hóa một cách tốt đẹp; khởi phát nương theo Chánh Niệm Tỉnh Giác của tất cả chúng ta đây, quả thật là việc đáng lưu tâm chú ý ở trong việc nghiên cứu học hỏi của chúng ta trong thời buổi hiện tại này. Việc lập ý ghi nhớ của Học Giả qua việc học hỏi với nhau thì chỉ có được một cách rất ít oi, và vẫn chưa có nắm bắt được những nội dung chính yếu của tầng mỗi lớp học ấy được. Học Giả chỉ có được kiến thức với sự hiểu biết thật nhỏ bé. Việc nghiên cứu học hỏi trong từng mỗi học thuật ấy, thì trước tiên người Học Giả sẽ cần phải nắm bắt cho bằng được các giáo trình của những học thuật ấy; và rồi tiếp đến, mới hẳng là mở rộng ra nội dung giảng giải cho thật quãng khoát một cách mãn túc. Học Giả một khi đã nắm bắt được giáo trình rồi, thì sẽ không còn có sự vất vả, lao tâm khổ trí một chút nào cả. Quyển giáo khoa thư hỗ trợ cho việc giảng dạy và học hỏi đây, chỉ là tập hợp một cách đại cương các nội dung chính yếu thôi; còn về phần chi tiết trong từng mỗi nội dung chính yếu ấy thì xin hãy xem lại trong giáo trình trước khi giảng dạy luôn mọi thời lúc. Người tập hợp thu thập cứ liệu đã nghĩ rằng sẽ làm cho việc giảng dạy và việc học hỏi cùng nhau có được thuận lợi và thích hợp, và rồi đã ủy thác cho **Guṇahansā, Vaṅsavajira** giúp đỡ sắp bày việc tập hợp các câu hỏi trong Chương thứ Tám, luôn cả với những lời giải đáp, và đã đặt để ở phần cuối của quyển kinh sách này. Thế rồi một lần nữa, **Guṇahansā, Vaṅsavajira** đã giúp đỡ cho việc đánh máy ấn bản này.

Xin cho được **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** trong Tư Tâm Sở Thiện của **Guṇa hansā, Vaṅsavajira,** và nhân dịp này cũng xin được chân thành tri ân đến tất cả các Quý Ngài ở trong Ban. Và xin phép ban lời chúc phúc được trích dẫn từ nơi Ân Đức Tam Bảo, ấy là Ân Đức của Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo; luôn đến cả Tư Tâm Sở Thiện của tất cả Quý Ngài đây, xin cho được tiến hóa với cả hai lãnh vực Ân Đức Pháp Học và Pháp Hành, và cuối cùng thì xin cho được chứng đắc Đạo - Quả và Níp Bàn.

----------00000----------

LỜI HƯỚNG DẪN VIỆC SỬ DỤNG GIÁO KHOA THƯ CỦA NGƯỜI THU THẬP CỨ LIỆU

1. Trước tiên thì hãy xem bản đồ chính phương của từng mỗi Chương; và rồi tiếp đến, mới hẵng nghiên cứu ở phần chi tiết.

2. Phần chi tiết thì xin xem nương theo phần Giáo Trình.

3. Thường luôn phải xem phần Vấn và Đáp đặt để ở cuối quyển kinh sách phối hợp với Giáo Trình ngay trong sát na của việc nghiên cứu.

4. Ghi xuống tập vở một cách đầy đủ ngay trong sát na vị Giáo Thọ đang thực hiện việc giảng dạy.

Tỳ Khưu **Visuddhi Guttajayo**
Chùa **Sróy Thong** – Đâu Suất Đà – Bangkok
5 Tháng Mười Hai P.L. 2527
----------00000----------

LỜI MỞ ĐẦU
(Trưởng Lão Pháp Sư Saddhamma Jotika Dhammācariya)

Vattukāmo ahaṃ ajja **Paccayākāravaṇṇanaṃ**
Patiṭṭhaṃ nādhigacchāmi **Ajjhogāḷhova sāgaraṃ**
Sāsanaṃ panidaṃ nānā **Desanānayamaṇḍitaṃ**
Pubbācariyamaggo ca **Abbocchinno pavattati**
Yasmā tasmā tadubhayaṃ **Sannissāyatthavaṇṇanaṃ**
Ārabhissāmi etassa **Taṃ suṇātha samāhitā.**

Bây giờ, Bần Đạo có sở nguyện sẽ đề cập đến việc miêu tả Pháp Liên Quan Tương Sinh một cách đầy đủ chi tiết; tuy nhiên Trí Tuệ của Bần Đạo đã định liệu rằng duy chỉ có một mình thì sẽ không thể nào thực hiện một cách suôn sẻ được, cũng giống như một nam nhân rớt ở trong biển cả đại dương, và không thể nào bám víu được ở nơi nào cả vậy. Tuy nhiên, cho dù như thế nào đi nữa thì Chánh Tạng **Pāḷi** mà Đức Phật đã lập ý khải thuyết một cách đặc thù vi diệu trong từng mỗi phần, gồm có **Liên Quan Tương Sinh Phân Tích (Paṭiccasamuppādavibhaṅga), Phẩm Đại Duyên Tương Ưng (Nidānavaggasaṅyutta)** v.v. và các Bộ Chú Giải **(Atthakathā)** như có Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ Giải Minh **(Sammohavinodanī),** Bộ **Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)** v.v. và Bộ Phụ Chú Giải **(Ṭīkā)** như có Bộ **Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (Vibhāvīnīṭīkā), Siêu Lý Giải Minh Phụ Chú Giải (Paramatthadīpanīṭīkā), Ngôn Ngữ Phụ Chú Giải (Bhāsāṭīkā)** v.v. đã được tất cả các **Bậc Thầy Tổ Cổ Đức (Pubbācāriya)** đề cập đến việc miêu tả ý nghĩa nội dung một khi vẫn đang hiện hữu thịnh hành và chưa mất đi. Với lý do này, Bần Đạo mới sẽ trình bày việc miêu tả ý nghĩa nội dung của Pháp Liên Quan Tương Sinh [gồm luôn cả 24 **Duyên (Paccaya)** và **Chế Định (Paññatti)**] đây, với việc nương vào Chánh Tạng **Pāḷi** và những Bộ Chú Giải – Phụ Chú Giải ấy vậy. Chính vì thế, xin cho tất cả các **Bậc Hiền Đức (Sādhujana)**

nên chú ý lắng nghe và nghiên cứu với Bộ Kinh này – Bộ **Kinh Liên Quan Tương Sinh Minh Giải Giản Lược 24 Duyên** đây – được tính là bộ Kinh thứ 13 ở trong số lượng Khóa Trình Nghiên Cứu Tạng Vô Tỷ Pháp mà Bần Đạo đã có được soạn tác cho làm thành Khóa Trình Nghiên Cứu của các Học Viên Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị và Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

Lại nữa, bộ **Kinh Liên Quan Tương Sinh Minh Giải Giản Lược 24 Duyên** đã được thành tựu đây, cũng do bởi nương vào **Guṇavaṇṇī, Komesa** là những vị đã hỗ trợ biên soạn trong lãnh vực thành ngữ Thái Lan; bởi do thế Bần Đạo mới xin được **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** trong **Tư Tâm Sở Thiện (Kusalacetanā)** ở phần lớn là của **Guṇavaṇṇī, Komesa;** xin cho Tư Tâm Sở Thiện Công Đức này hãy phát sinh đến **Guṇavaṇṇī, Komesa** cho được thành đạt ở trong sở nguyện sở cầu với mọi trường hợp của các quý vị này.

Icchitaṃ patthitaṃ tesaṃ **Khippameva samijjhaṇtu**
Sabbe pūrentu saṅkappā **Chando paṇṇaraso yathā**

Cầu xin các Quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người; cũng như trăng trong ngày Rằm vậy.

----------00000----------

TỪ NGỮ GIẢI THÍCH

1. Việc luân chuyển trong **Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka** – Bánh xe luân hồi trước xoay chuyển) có như vầy:

- Vô Minh **(Avijjā)** làm Nhân – Hành **(Saṅkhāra)** làm Quả.
- Hành làm Nhân – Thức **(Viññāṇa)** làm Quả.
- Thức làm Nhân – Danh Sắc **(Nāmarūpa)** làm Quả.
- Danh Sắc làm Nhân – Lục Xứ **(Saḷāyatana)** làm Quả.
- Lục Xứ làm Nhân – Xúc **(Phassa)** làm Quả.
- Xúc làm Nhân – Thọ **(Vedanā)** làm Quả.
- Thọ làm Nhân – Vô Minh làm Quả.

Bất luận khi nào Ái Dục khởi sinh lên bởi do nương vào Thọ làm Nhân thì ngay trong sát na ấy Vô Minh cũng cùng câu sinh với Ái Dục; chính vì thế một khi bánh xe luân hồi đã xoay đến Thọ rồi, thì mới xoay trở lại gặp Vô Minh và bắt đầu lại thêm lần nữa.

2. Việc luân chuyển trong **Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka** – Bánh xe luân hồi sau xoay chuyển) có như vầy:

- Ái Dục **(Taṇhā)** làm Nhân – Chấp Thủ **(Upādāna)** làm Quả.
- Chấp Thủ làm Nhân – Nghiệp Hữu **(Kammabhava)** làm Quả.
- Nghiệp Hữu làm Nhân – Sinh **(Jāti)** làm Quả.
- Lão Mại Tử Vong **(Jāramaraṇa)** làm Nhân – Ái Dục làm Quả.

Bất luận khi nào sự lão mại và sự cận tử lâm chung đã khởi sinh lên rồi, thì ngay thời gian đấy vị ấy thường có sự dục cầu trở lại thành trai trẻ thanh xuân, và dục cầu thọ mạng lâu dài; mà những thể loại mong cầu này đều đã là **Dục Lậu (Kāmāsava)**, có nghĩa là chính Ái Dục ấy khởi sinh bởi do nương vào Lão Mại Tử Vong làm Nhân; chính vì thế một khi bánh xe luân hồi đã xoay đến Lão Mại Tử Vong rồi, thì mới xoay trở lại gặp Ái Dục và bắt đầu lại thêm lần nữa. Bởi do thế mới nói rằng: "Chúng sinh già, chết, khổ sầu, Bởi do Pháp Lậu khởi đầu Vô Minh".

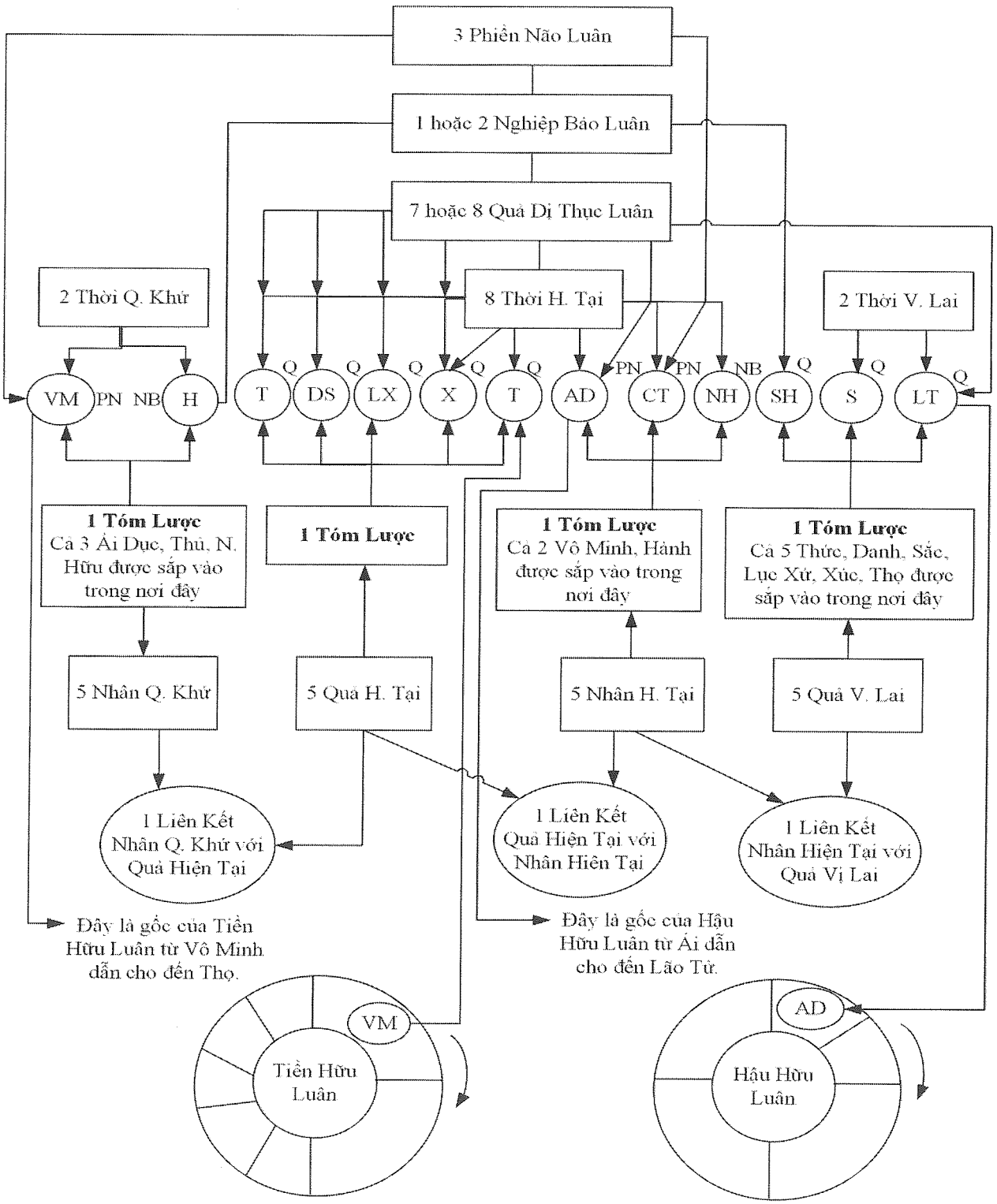

Ghi chú:

- **VM:** Vô Minh **(Avijjā)** thuộc Phiền Não **(PN)**
- **H:** Hành **(Saṅkhāra)** thuộc Nghiệp Báo **(NB)**
- **T:** Thức **(Viññāṇa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **DS:** Danh Sắc **(Nāmarūpa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **LX:** Lục Xứ **(Saḷāyatana)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **X:** Xúc **(Phassa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **T:** Thọ **(Vedanā)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **AD:** Ái Dục **(Taṇhā)** thuộc Phiền Não **(PN)**
- **CT:** Chấp Thủ **(Upādāna)** thuộc Phiền Não **(PN)**
- **NH:** Nghiệp Hữu **(Kammabhava)** thuộc Nghiệp Báo **(NB)**
- **SH:** Sinh Hữu **(Uppattibhava)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **S:** Sinh **(Jāti)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **LT:** Lão Tử **(Jāramaraṇa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**

----------00000----------

PARAMATTHAJOTIKA – SIÊU LÝ QUANG MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỨNG CÚNG – CHÁNH BIẾN TRI

LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI - (PAṬICCASAMUPPĀDADĪPANĪ) VÀ 24 DUYÊN THEO GIẢN LƯỢC
PHẦN I: PAṬICCASAMUPPĀDA (LIÊN QUAN TƯƠNG SINH)

Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ ye dhammāpaccayā yathā, taṃ vibhāgami hedāni pavakkhāmi yathārahaṃ. Paṭiccasamuppādanayo, paṭṭhānanayo ceti paccayasaṅgaho duvidho veditabbo. Tattha tabbhāvabhāvibhāvākāramatto palakkhito paṭiccasamup pādanayo. Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhiti-mārabbha pavuccati. Ubhayaṃ pana vomissetvā papañcenti ācariyā.

Nay, Tôi sẽ giảng một cách tỷ mỷ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác ở trong Thế Giới Hữu Vi. Sự hữu quan trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu biết bởi theo hai Phương Pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú. Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật "Cái này sinh khởi do bởi duyên vào cái kia". Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau. Các Bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn cả hai Phương Pháp này.

Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā. Saṅkhāra paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā nāmarūpam. Nāmarūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa

paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hotī ti. Ayamettha paṭiccasamuppādanayo.

Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên Hành. Hành làm duyên Thức. Thức làm duyên Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên Xúc. Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục. Ái Dục làm duyên Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên Hữu. Hữu làm duyên Sinh. Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn. Và đấy là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Tattha tayo addhā, dvādasaṅgāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni. Kathaṃ? Avijjāsaṅkhārā atīto addhā. Jāti jarāmaranaṃ anāgato addhā. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhā tī tayo addhā. Avijjā, saṅkhārā, viññāṇaṃ, nāmarūpaṃ, saḷāyatanaṃ, phasso, vedanā, taṇhā, upādānaṃ, bhavo, jāti, jarāmaraṇanti dvādasaṅgāni. Sokādivacanaṃ panettha nissandaphala nidassanaṃ.

Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.** Như thế nào ? Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại, Tử Vong thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại. Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần. Từ ngữ Sầu Bi v.v...được nêu lên như là đẳng lưu quả của Sinh.

Avijjāsaṅkhāraggahaṇena panettha taṇhūpādānabhavāpi gahitā bhavanti. Tathà taṇhūpādānabhavaggahaṇena ca avijjāsaṅkhārā, jātijarāmaraṇaggahanena ca viññāṇā diphalapañcakameva gahitanti katvā.

Atīte hetavo pañca, idāni phalapañcakam. Idāni hetavo pañca, āyatiṃ phala pañcakanti.

Vīsatākārā, tisandhi catusaṅkhepā ca bhavanti. Avijjā taṇhūpādānā ca kilesavaṭṭaṃ; kammabhavasaṅkhāto; bhavekadeso saṅkhārā ca kammavattaṃ; upapattibhavasaṅkhāto bhavekadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīṇi vaṭṭāni. Avijjātaṇhāvasena dve mūlāni ca veditabbāni. Tesameva ca mūlānaṃ nirodhena nirujjhati. Jarāmaraṇamucchāya pīḷitānamabhinhaso. Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavaḍḍhati.

Vaṭṭamābandhamiccevaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭha pesi mahāmuni.

Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Cùng thế ấy, khi đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được hàm ý ở trong đó.

Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai.

Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về Phiền Não Luân; một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thì thuộc về Nghiệp Báo Luân; một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân. Như vậy cũng cần nên hiểu biết rằng có ba Vòng Luân Hồi; Vô Minh và Ái Dục là hai Căn Nguyên. Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. Vô Minh được phát sinh và tiếp diễn tăng trưởng là do bởi các Lậu Hoặc, và luôn luôn bị bức bách do bởi Lão Mại Tử Vong.

Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.

----------00000----------

PHẦN PĀLI TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP VÀ LỜI DỊCH NGHĨA
CHƯƠNG THỨ VIII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ

LỜI THỆ NGUYỆN CỦA GIÁO THỌ SƯ ANURUDDHĀCARIYA

1. Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ **Ye dhammāpaccayā yathā**
Taṃ vibhāgami hedāni **Pavakkhāmi yathārahaṃ**

Nay, Tôi sẽ giảng một cách tỷ mỷ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác ở trong Thế Giới Hữu Vi.

Những thể loại Pháp nào, tức là **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)**, **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)** và **Pháp Chế Định (Paññattidhamma)** làm thành **Năng Duyên (Paccaya)** giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại **Pháp Sở Duyên (Paccayuppanna)** nào, tức là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti)**, **Mãnh Lực Cảnh (Ārammaṇasatti)** v.v. Tại nơi đây, trong **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (Paccayasaṅgahavibhāgo)** này, thuận theo điều kiện thích hợp mà Bần Đạo sẽ trình bày từng mỗi phân loại khác biệt nhau từ nơi mãnh lực hiệp trợ của những thể loại Năng Duyên và những Sở Duyên ấy vậy.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Saṅkhatadhamma (Pháp Hữu Vi)** còn được gọi là "Pháp được cấu tạo", là những Pháp không tự tiện hiện hữu mà cần phải được khởi sinh tùy thuộc những yếu tố hoặc điều kiện. Các Pháp Hữu Vi bao gồm tất cả các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; và đã có được miêu tả trong Chương thứ I, II của Bộ sách Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp]

TRÌNH BÀY HAI PHƯƠNG PHÁP VÀ SỰ KHÁC BIỆT NHAU GIỮA CẢ HAI PHƯƠNG PHÁP

2. Paṭiccasamuppādanayo, paṭṭhānanayo ceti paccayasaṅgaho duvidho veditabbo. Tattha tabbhāvabhāvibhāvākāramatto palakkhito paṭiccasamuppāda nayo. Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhitimārabbha pavuccati. Ubhayaṃ pana vomisse tvā papañcenti ācariyā – Sự liên hệ Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai Phương Pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú. Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật "Cái này sinh khởi do bởi duyên vào cái kia". Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau. Các bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn cả hai Phương Pháp này.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết rằng Tổng Hợp Duyên Hệ đây có hai Phương Pháp, đó là:

1/. Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppādanayo),

2/. Phương Pháp Phát Thú (Paṭṭhānanayo).

Cả hai Phương Pháp đấy, Đức Thế Tôn đã lập ý chỉ hạn định bởi theo hành trạng hiện hành Pháp Sở Duyên gồm có Hành v.v. có thực tính sinh khởi theo lẽ thường nhiên bởi do nương vào việc sinh khởi của các Pháp Năng Duyên có Vô Minh v.v. và được gọi tên là **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.**

Bên phần **Phương Pháp Phát Thú** thì Đức Thế Tôn đã lập ý đề cập đến mãnh lực Duyên ở phần đặc biệt. Còn tất cả các Ngài Chú Giải Sư đã kết hợp cả hai Phương Pháp này vào với nhau để trình bày một cách mãn túc.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Paṭiccasamuppāda** được dịch nghĩa là **Liên Quan Tương Sinh,** hoặc còn gọi **Pháp Tùy Thuộc Phát Sinh,** hoặc **Thập Nhị Duyên Khởi.** Khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, ấy là: **Paṭicca + Samuppāda, Paṭicca** dịch nghĩa "do bởi, bởi vì, có liên quan"; **Samuppāda** dịch nghĩa "nổi lên, mọc lên, khởi sinh, được sản sinh". Tại đây lập ý nói đến mối liên quan giữa 12 Pháp được gọi là **Năng Duyên (Paccaya)** và **Sở Duyên (Pacca yuppanna).** Hệ thống giảng giải 12 Pháp liên quan với nhau từ nơi Liên Quan Tương Sinh được gọi tên **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppādanayo)** hoặc còn gọi **Định Luật Phát Sinh Tùy Thuộc**].

TRÌNH BÀY VIỆC HIỆP TRỢ GIỮA PHÁP NĂNG DUYÊN VÀ PHÁP SỞ DUYÊN THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

3. Tattha avjjāpaccayā saṅkhārā. Saṅkhāra paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā nāmarūpam. Nāmarūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hotīti - Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên Hành. Hành làm duyên Thức. Thức làm duyên Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên Xúc. Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục. Ái Dục làm duyên Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên Hữu. Hữu làm duyên Sinh.

Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Trong cả hai Phương Pháp đấy, thì sự hiện hành của Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh có được như vầy:

Cả ba gồm **Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra), Phi Phúc Hành (Apuññābhisaṅkhāra), Bất Động Hành (Aneñjābhisaṅkhāra)** đây, hiện khởi lên bởi do nương vào Vô Minh, tức là sự bất liễu tri trong Tứ Đế, sự bất liễu tri trong **Quá Khứ (Pubbanta),** sự bất liễu tri trong **Vị Lai (Aparanta),** sự bất tri trong **Quá Khứ** và **Vị Lai (Pubbantāparanta),** sự bất liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh; kết hợp cả tám điều làm thành Nhân.

Thức (Viññāṇa) tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện khởi lên bởi do nương vào Tam Hành làm thành Nhân.

Danh Sắc (Nāmarūpa) tức là Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi lên bởi do nương vào Thức đó là **Thức Thiện Nghiệp Lực (Kusalakammaviññāṇa), Thức Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakammaviñnaṇa)** trong các kiếp sống trước trước và Thức Dị Thục Quả trong kiếp sống này làm thành Nhân.

Lục Xứ (Saḷayatana) tức là **Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhatikāyatana)** có Nhãn Xứ v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Danh Sắc làm thành Nhân.

Lục Xúc (Phassa) tức là có **Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa)** v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm thành Nhân.

Lục Thọ (Vedanā) tức là **Nhãn Xúc Thọ (Cakkhusamphassajāvedanā)** v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Xúc làm thành Nhân.

Lục Ái Dục (Taṇhā) hoặc 108 Ái Dục là tính theo toàn bộ, có **Sắc Ái Dục (Rūpa taṇhā)** v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Thọ làm thành Nhân.

Lục Chấp Thủ (Upādāna) có **Dục Thủ (Kāmupādāna)** v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục hoặc 108 Ái Dục làm thành Nhân.

Hữu (Bhava) tức là cả hai **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** và **Sinh Hữu (Uppatti bhava)** hiện khởi lên bởi do nương vào Tứ Chấp Thủ làm thành Nhân.

Sinh (Jāti) tức là sự sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Hữu làm thành Nhân.

Lão Mại (Jarā), Tử Vong (Maraṇa) và **Sầu Muộn (Soka), Bi Ai (Parideva), Khổ Đau (Dukkha), Ưu Thọ (Domanassa), Não Hại (Upāyāsa);** cả bảy điều này hiện khởi lên bởi do nương vào Sinh làm thành Nhân.

Như vậy sự sinh khởi toàn bộ tất cả các Khổ Uẩn đây, là bởi do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

Ayamettha paṭiccasamuppādanayo - Và đấy là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh. Thể theo như đã vừa được đề cập, đấy là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh trong Tổng Hợp Duyên Hệ này vậy.

PHÂN TÍCH LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO NHỮNG TỪNG PHƯƠNG PHÁP CÓ THỜI KỲ (ADDHĀ) v.v.

4. Tattha tayo addhā, dvādasaṅgāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.**

Trong Pháp Liên Quan Tương Sinh đấy, tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết đến **Tam Thời Kỳ (Addhā 3), Thập Nhị Chi Phần (Aṅga 12), Nhị Thập Hành Tướng (Ākāra 20), Tam Liên Kết (Sandhi 3 – ba Sự Nối Tiếp Nhau), Tứ Tóm Lược (Saṅkhepa 4), Tam Luân Hồi (Vaṭṭa 3),** và **Nhị Căn Nguyên (Mūla 2).**

TAM THỜI KỲ (ADDHĀ 3)

5. Kathaṃ? Avijjāsaṅkhārā atīto addhā. Jāti jarāmaraṇaṃ anāgato addhā. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhā tī tayo addhā - Như thế nào ? Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại Tử Vong thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại.

Nên được hiểu biết như thế nào ? Nên hiểu biết Tam Thời Kỳ như vầy, là:

+ Cả hai gồm Vô Minh và Hành đây thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; tức là Pháp đã sinh khởi trong các kiếp sống trước trước.

+ Cả ba gồm Sinh, Lão Mại, Tử Vong đây thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tức là Pháp sinh khởi trong kiếp sống sau.

+ Cả tám Chi Pháp ở trong khoảng giữa, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Dục Hữu; với những thể loại này thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, tức là Pháp sinh ngay trong kiếp sống này.

THẬP NHỊ CHI PHẦN (AṄGA)

6. Avijjā, saṅkhārā, viññāṇaṃ, nāmarūpaṃ, saḷāyatanaṃ, phasso, vedanā, taṇhā, upādānaṃ, bhavo, jāti, jarāmaraṇanti dvādasaṅgāni - Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần. Nên hiểu biết 12 chi Phần như vầy: Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại Tử Vong.

7. Sokādivacanaṃ panettha nissandaphalanidassanaṃ - Từ ngữ Sầu Bi v.v... được nêu lên như là đẳng lưu quả của Sinh.

Trong phần **Pāḷi** Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ **Sầu Muộn (Soka)** v.v. bao hàm ý nghĩa là **Sầu Muộn (Soka), Bi Ai (Parideva), Khổ Đau (Dukkha), Ưu Thọ (Domanassa), Não Hại (Upāyāsa);** và những thể loại này trình bày cho được biết đến quả báo làm thành **Đẳng Lưu Quả (Nissandaphala);** tức là chỉ làm thành quả báo nối tiếp từ ở nơi Sinh thôi, và chẳng phải là một Chi Phần riêng biệt.

NHỊ THẬP HÀNH TƯỚNG (ĀKĀRA 20), TAM LIÊN KẾT (SANDHI 3), TỨ TÓM LƯỢC (SAṄKHEPA 4)

8. Avijjāsaṅkhāraggahaṇena panettha taṇhūpādānabhavāpi gahitā bhavanti. Tathā taṇhūpādānabhavaggahaṇena ca avijjāsaṅkhārā, jāti jarāmaraṇaggahanena ca viññāṇādiphalapañcakameva gahitanti katvā.

Atīte hetavo pañca — Idāni phalapañcakam
Idāni hetavo pañca — Āyatiṃ phalapañcakanti
Vīsatākārā tisandhi — Catusaṅkhepā ca bhavanti.

Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Cùng thế ấy, khi đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được hàm ý ở trong đó. Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai.

Đối với trong Tam Thời Kỳ, bằng cách đã đề cập đến Vô Minh và Hành để nêu lên trình bày, thì ngay cả ba Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu cũng nên tính vào trong Thời Kỳ Quá Khứ. Cũng tương tự, bằng cách đã đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu để nêu lên trình bày, thì cả hai Vô Minh và Hành cũng nên tính vào trong Thời Kỳ Hiện Tại. Bằng cách đã đề cập đến Sinh, Lão Mại, Tử Vong để nêu lên trình bày, thì cả năm thể loại quả báo gồm có Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ cũng nên tính vào trong Thời Kỳ Vị Lai.

BỞI DO THẾ, NHỊ THẬP HÀNH TƯỚNG, TAM LIÊN KẾT, TỨ TÓM LƯỢC MỚI HIỆN HÀNH NHƯ VẦY:

+ Có năm **Nhân** trong kiếp sống **Quá Khứ,** đó là: Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu.

+ Có năm **Quả** trong kiếp sống **Hiện Tại,** đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ.

+ Có năm **Nhân** trong kiếp sống **Hiện Tại,** đó là: Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, Hành.

+ Có năm **Quả** trong kiếp sống **Vị Lai,** đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ.

TAM LUÂN HỒI (VAṬṬA), NHỊ CĂN NGUYÊN (MŪLA)

9. Avijjā taṇhūpādānā ca kilesavaṭṭaṃ; Kammabhavasaṅkhāto; bhavekadeso saṅkhārā ca kammavattaṃ; upapattibhavasaṅkhāto bhavekadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīni vaṭṭāni. Avijjātaṇhāvasena dve mūlāni ca veditabbāni - Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về Phiền Não Luân; một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thì thuộc về Nghiệp Báo Luân; phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân. Như vậy cũng cần nên hiểu biết rằng có ba Vòng Luân Hồi; Vô Minh và Ái Dục là 2 Căn Nguyên.

Đối với Tam Luân Hồi thì tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vầy:

Vô Minh, Ái Dục và Chấp Thủ, với những thể loại này thuộc về **Phiền Não Luân (Kilesavaṭṭa).** Một phần của Hữu, tức là **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** và Hành, với những thể loại này thuộc về **Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa).** Một phần của Hữu, tức là **Sinh Hữu (Uppattibhava)** và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại Tử Vong, với những thể loại còn lại này thuộc về **Dị Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa).** Còn Nhị Căn Nguyên, tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bởi theo phân loại từ nơi Vô Minh và Ái Dục.

TRÌNH BÀY VIỆC TẬN DIỆT TỪ CẢ TAM LUÂN HỒI VÀ XUẤT SINH XỨ CỦA VÔ MINH

10. Tesameva ca mūlānaṃ nirodhena nirujjhati. Jarāmaraṇamucchāya pīḷitā namabhinhaso. Āsavānaṃ samuppādà avijjā ca pavaḍḍhati - Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. Vô Minh được phát sinh và tiếp diễn tăng trưởng là do bởi các Lậu Hoặc, và luôn luôn bị bức bách do bởi Lão Mại - Tử Vong.

Khi cả Tam Luân Nhị Căn đã tận diệt không còn dư sót với mãnh lực từ nơi **Đạo Vô Sinh (Arahattamagga),** thế rồi việc luân chuyển tuần hoàn từ nơi Liên Quan Tương Sinh, tức là cả Tam Luân Hồi cũng tức thì ắt hẳn cùng diệt tắt. Vô Minh có được sinh khởi là cũng do nương vào việc sinh khởi từ nơi Pháp Lậu Hoặc hiện hữu trong bản tánh tất cả Chúng Hữu Tình; và con người thường luôn bị bức bách hành hạ với sự lão mại, sự tử vong, và Pháp làm thành tác nhân từ nơi sự si mê lầm lạc, tức là Sầu Bi Khổ Ưu Não ấy vậy.

TRÌNH BÀY KỆ NGÔN CUỐI CÙNG

Vaṭṭamābandhamiccevaṃ Tedhūmakamanādikaṃ
Paṭiccasamuppādo ti Paṭṭhapesi mahāmuni.

Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.

Theo như Phương Pháp đã vừa được đề cập đến, thì việc luân chuyển tuần hoàn của cả Tam Luân Hồi đã thúc phược với nhau không gián đoạn, và sinh trú trong cả Tam Cõi Giới; như vậy đích thị chính là Pháp chủng tiền tiền vô thủy mà Bậc Đại Tu Sĩ đã thường luôn khải thuyết định đặt đấy là Liên Quan Tương Sinh.

Kết Thúc Phần Pāḷi Và Lời Dịch Nghĩa Trong Liên Quan Tương Sinh

----------00000----------

Tiếp theo đây sẽ tuần tự giải thích ý nghĩa theo chủ đề đã có trình bày để ở phía trên, như sau: Chương thứ Tám đã được gọi tên **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (Paccaya saṅgahavibhāgo)** đấy, là cũng do bởi **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên thể theo từ nơi Phương Pháp **Liên**

Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppāda) và từ ở nơi Phương Pháp **Phát Thú (Paṭṭhāna)** hiện hữu trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ.** Lại nữa, tất cả Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày trong Liên Quan Tương Sinh đấy, đều toàn là **Pháp Siêu Lý (Paramattha)** và chẳng có **Pháp Chế Định (Paññatti)** nào pha trộn lẫn vào được. Còn Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày trong Phát Thú đấy, có cả Siêu Lý và Chế Định. Với lý do này, mà **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày các Pháp Chế Định và đã đặt để ở trong phần cuối cùng của Chương thứ Tám này. Đối với Pháp làm thành Sở Duyên thì đơn nhất chỉ có một Pháp Siêu Lý ở cả hai Phương Cách.

Từ ngữ **Paccaya** hoặc là Năng Duyên, có được ý nghĩa làm thành tác nhân của quả báo liên quan với các tác nhân đấy. Từ ngữ **Paccayuppanna** hoặc là Sở Duyên, có được ý nghĩa làm thành quả báo sinh khởi bởi do nương vào các Pháp làm thành tác nhân đấy. Tóm lại, **Năng Duyên** tức là **Pháp làm thành Nhân. Sở Duyên** tức là **Pháp làm thành Quả.**

GIẢI THÍCH TRONG KỆ NGÔN THỆ NGUYỆN (PAṬIÑÑĀ)

Trong kệ ngôn chỗ nói rằng **Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ** v.v. cho đến **pavakkhāmi yathārahaṃ, Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày lên sự việc nói ra lời mở đầu, luôn cả có việc thệ nguyện hoàn thành với lời thệ nguyện của Ngài, ấy là: "Bây giờ, Bần Đạo sẽ trình bày đến việc phân tích Pháp làm thành **Năng Duyên (Paccaya)** giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại **Pháp Sở Duyên (Paccayuppanna)** nào, là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có mãnh lực từ nơi **Nhân (Hetusatti),** và mãnh lực từ nơi **Cảnh (Ārammaṇa satti)** v.v. thuận theo điều kiện thích hợp trong **Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccayasaṅgaha)**, như tiếp theo đây.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã trình bày Pháp Sở Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ** có ý nghĩa "Pháp làm thành Sở Duyên thiết yếu một cách đơn nhất phải là Pháp Hữu Vi", và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã không có trình bày nói rằng **Yesaṃ dhammānaṃ** vả lại Ngài đã không có trình bày từ ngữ **dhammānaṃ.** Một cách đặc biệt, bằng cách đã dùng lấy từ ngữ **Saṅkhata** cho kết hợp vào; và Pháp Hữu Vi ấy bao gồm có Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã bị tạo tác do bởi các tác nhân, như có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực, và Cảnh.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã trình bày Pháp Năng Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **Ye dhammā** có ý nghĩa "Pháp làm thành Năng Duyên thường bao gồm hết tất cả Pháp Hữu Vi, Pháp Vô Vi, và Pháp Chế Định bất hạn định", và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài đã mặc nhiên trình bày nói rằng **Ye dhammā** và không có từ ngữ nào khác vào kết hợp ở nơi ấy vậy.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã trình bày đến **Mãnh Lực Duyên (Paccayasatti),** tức là các mãnh lực đặc biệt ở trong việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của 24 Duyên, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti), Mãnh Lực Cảnh (Ārammaṇasatti)** v.v. bằng cách sử

dụng từ ngữ **Yathā** mà đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Yena ākārena = Yathā** có ý nghĩa "với những hành trạng khác biệt nhau, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti)** v.v."

Từ ngữ **Paccayā** dịch nghĩa "làm thành Năng Duyên **giúp đỡ ủng hộ (Upakārakā).** Việc giúp đỡ ủng hộ có được hai thể loại, đó là:

1. Giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên khi vẫn chưa sinh, cho được sinh khởi.

2. Giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên khi đã có sinh khởi lên rồi, cho được kiên trụ và tăng trưởng lên.

Cũng tương tự như người lớn giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ, thì việc giúp đỡ ủng hộ của người lớn này cũng hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ khi vẫn chưa có được cơ nghiệp, cho có được kiến tạo cơ nghiệp lên.

2. Và giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ khi đã có được kiến tạo cơ nghiệp rồi; cho được bền vững lâu dài xuyên suốt và cho được tăng trưởng lên.

Câu nói rằng **Taṃ vibhāgamihedāni,** khi được chiết tự ra có như vầy: **Taṃ + Vibhāgaṃ + Iha + Idāni.** Trong câu nói rằng **Taṃ vibhāgaṃ,** với từ ngữ **Taṃ** là từ ngữ trình bày kết tập nội dung của cả ba câu, đó là: **Yesaṃ ye dhammā yathā,** từ ngữ **Vibhāgaṃ** được dịch nghĩa "các phân loại khác biệt nhau"; bởi do thế từ ngữ nói rằng **Taṃ vibhāgaṃ** mới được dịch nghĩa **"mà các phân loại khác biệt nhau"** từ nơi mãnh lực của những thể loại Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên ấy vậy.

Như có câu Chú Giải trình bày là: **Vibha jīyateti = Vibhāgo** - Pháp được phân tích các thể loại, bởi do thế được gọi tên "Phân Loại"; tức là các mãnh lực của 24 Duyên. Từ ngữ **Vibhāgo** khi được kết hợp với từ ngữ **Taṃ** làm thành **Trạng Từ Xác Định (Niyama kammapada)** là **Taṃ vibhāgaṃ** như đã được đề cập đến rồi vậy. Từ ngữ **Iha** lập ý đến "ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ này." Từ ngữ **Idāni** dịch nghĩa "Bây giờ", có nghĩa là "trong tuần tự tiếp nối từ nơi Tổng Hợp Tập Yếu đây". Từ ngữ **Paccakkhāmi** lập ý đến "Lời Thệ Nguyện của **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** chỗ nói rằng "Bần Đạo sẽ trình bày". Từ ngữ **Yathā rahaṃ** dịch nghĩa "tùy thuận theo thích hợp", có nghĩa **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** bảo đảm sẽ trình bày những phân loại từ nơi mãnh lực việc hiệp trợ của các Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú tùy thuận theo điều kiện thích hợp sẽ làm được.

GIẢI THÍCH TRONG ĐIỀU PĀLI THỨ HAI CHỖ TRÌNH BÀY ĐẾN CẢ HAI PHƯƠNG PHÁP VÀ SỰ KHÁC BIỆT NHAU TỪ CẢ HAI PHƯƠNG PHÁP ẤY

Kể từ phần **Pāḷi** chỗ nói rằng **Paṭiccasamuppādanayo, paṭṭhānanayo ceti paccaya saṅgaho duvidho veditabbo** - Sự hữu quan trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai phương pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú; là việc trình bày cho được biết rằng trong Tổng Hợp Duyên Hệ đây hiện hữu hai Phương Pháp hiệp trợ, đó là một Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và một Phương Pháp Phát Thú.

Kể từ phần **Pāḷi** chỗ nói rằng **Tattha tabbhāvabhāvibhāvākāramatto palakkhito paṭiccasamuppādanayo. Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhitimārabbha pavuccati** - Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật "Cái này sinh khởi do bởi duyên vào cái kia". Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau; là việc trình bày cho được biết đến sự khác biệt nhau giữa cả hai Phương Pháp, và đó chính là **việc trình bày đến Nhân Quả.**

+ Thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh thì chỉ duy nhất trình bày cho được biết rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày trong Thế Gian này đều là quả báo nương sinh từ nơi Pháp làm thành Tác Nhân hết cả thảy, để rồi sẽ tự sinh khởi lên. Hoặc chẳng có đấng tạo hóa nào và do chẳng có nương vào Pháp làm thành Tác Nhân để làm cho sinh khởi lên được. Có nghĩa là một khi đã hội đủ Nhân Duyên rồi thì quả báo ắt hẳn hiện khởi là theo lẽ thường nhiên. Tuy nhiên đã không có trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của **Nhân (Hetu)** cũng có, của **Cảnh (Ārammaṇa)** cũng có, của **Trưởng (Ādhipati)** cũng có v.v.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Paccaya sāmaggī paṭicca samaṃ saha ca paccayuppannadham me uppādetīti = Paṭiccasamuppādo** - Bất luận từ nhóm Pháp Nhân nào, có Vô Minh v.v. cho đến Sinh, thường làm cho Pháp Quả có Hành v.v. cho đến Não Hại liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào sự nhất tề từ nơi Duyên hữu quan với các Pháp Nhân ấy; chính vì thế nhóm Pháp Nhân ấy mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh.** Một trường hợp khác nữa: **Paṭicca samaṃ saha ca upajjati etasmāti = Paṭicca samuppādo** - Pháp Quả có Hành v.v. một khi đã được nương vào việc cùng nhau tựu hội từ nơi Duyên rồi, và thường liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào các Pháp Nhân có Vô Minh v.v.; chính vì thế những thể loại Pháp Nhân có Vô Minh v.v. mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh;** tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh.

Câu Chú Giải từ ngữ **Naya: Nīyati ñāyatīti = Nayo** - Việc trình bày cần phải hiểu biết do bởi các bậc Hiền Trí **(Paṇḍita);** chính vì thế mới được gọi tên Phương Pháp. **Paṭiccasa muppāde desito nayo = Paṭiccasamuppādanayo** - Phương Pháp Đức Phật lập ý khải thuyết trong Liên Quan Tương Sinh, được gọi tên **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.**

+ Còn việc trình bày Nhân Quả thể theo Phương Pháp từ nơi Phát Thú, đó là việc trình bày cho được biết rằng tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày trong Thế Gian này, đều là Nhân Quả liên quan với nhau một cách thích hợp. Chẳng thể nào có việc hiện khởi lên mà không có liên quan với Nhân Quả được; luôn cả có việc trình bày đến mãnh lực những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của **Nhân (Hetu)** cũng có, của **Cảnh (Ārammaṇa)** cũng có, của **Trưởng (Ādhipati)** cũng có, v.v.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Nānappakārāni ṭhānāni paccayā etathāti = Paṭṭhānaṃ** - Tất cả các Duyên làm thành tác nhân mà có mãnh lực do bởi những thể loại khác nhau, như có mãnh lực Nhân, mãnh lực Cảnh, v.v. hiện hữu trong kinh điển này; chính vì thế quyển kinh điển này mới được gọi tên **Phát Thú.** Tức là quyển kinh điển trình bày đến

24 Duyên. **Paṭṭhāne desito nayo = Paṭṭhānanayo** - Phương Pháp Đức Phật lập ý khải thuyết trong Phát Thú, được gọi tên **Phương Pháp Phát Thú.**

Kể từ phần **Pāḷi** chỗ nói rằng **Ubhayaṃ pana vomissetvā papañcenti ācariyā** - Các bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn hai Pháp này, có nội dung lập ý đến việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Atthakathā)** bằng cách rút lấy mãnh lực của các Duyên ấy kết hợp lại để trình bày; chẳng hạn như đã trình bày rằng:

+ Trong sự việc **Vô Minh** làm Nhân cho sinh khởi **Phúc Hành** có được hai mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya), 2/. Thường Cận Y Duyên (Pakatū panissayapaccaya).**

+ **Vô Minh** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phi Phúc Hành** có được 15 mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇa paccaya), 3/. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya), 4/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 5/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samantarapaccaya), 6/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 7/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya), 8/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 9/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya), 10/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya), 11/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 12/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 13/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya), 14/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya), 15/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

+ **Vô Minh** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Động Hành** có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

+ **Danh Sắc** hiện hành bởi theo Liên Quan Tương Sinh, một khi phân tích Pháp làm thành Nhân, làm thành Quả được gọi tên như vầy, là:

- Pháp làm thành Nhân, tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh.

- Pháp làm thành Quả, tức là Hành v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh.

Về việc trình bày câu Chú Giải từ ngữ Liên Quan Tương Sinh đã có trình bày rồi, và đó là lập ý chỉ lấy Pháp làm thành Nhân.

Nếu sẽ trình bày cho có được Pháp làm thành Pháp Quả có được như vầy, là: **Paccayaṃ paṭiccasamuppajjatīti = Paṭiccasamuppādo** - Pháp nào thường sinh khởi bởi do Năng Duyên, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh.** Tức là Pháp làm thành Quả có Hành, v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong.

Một trường hợp khác nữa: **Samuppajjanaṃ = Samuppādo** - Việc sinh khởi một cách tốt đẹp, tức là sinh khởi theo thứ tự lớp lang; gọi tên là **Tương Sinh.**

Yathāsakaṃ paccayaṃ paṭicca tena avinābhāvī hutvā samuppādo = Paṭicca samuppādo - Việc sinh khởi theo thứ tự lớp lang của Pháp nương vào các Năng Duyên của mình, và không có xa lìa khỏi các Năng Duyên của mình, mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh.** Tức là Pháp làm thành Quả có Hành v.v.

LỢI ÍCH ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TỪ VIỆC LIỄU TRI DANH SẮC THEO NHÂN QUẢ QUA PHƯƠNG PHÁP LIÊN QUAN TƯƠNG SINH VÀ PHÁT THÚ

Trong sự việc Đức Phật lập ý trình bày sự hiện hành tất cả Chúng Hữu Tình, và sự hiện hành tất cả các sự vật phi sinh mạng đã hiện khởi lên trong Thế Gian này, là cũng do bởi nương vào Nhân Quả hữu quan với nhau qua Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú đấy; là cũng nhằm để kỳ vọng cho tất cả Chúng Hữu Tình có được sự liễu tri, sự hiểu biết trong Nhân Quả, trong sự hiện hữu của tự bản thân mình, chỉ là Danh Sắc chỗ giả định rằng là Ta, là Người đang hiện bày đây; vả lại cũng chẳng có một đấng tạo hóa nào đã kiến tạo lên; chỉ có Nhân với Quả liên quan với nhau thể theo thực tính thôi; và chẳng có Tự Ngã, là Ta, là Người, bất luận trường hợp nào cả. Sự liễu tri, sự hiểu biết trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như vậy, đã là điều quan trọng để sẽ dắt dẫn bậc Trí Giả ấy được vượt thoát ra khỏi tất cả các Vòng Luân Hồi Khổ Đau, vì lẽ có khả năng đoạn lìa được **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** và **Hoài Nghi (Vicikicchā)** với luôn cả **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** và **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi);** vả lại **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi), Vô Nhân Kiến (Ahetuka diṭṭhi), Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi)** cũng được diệt mất vừa theo thích hợp đối với sự liễu tri của mình. Đề cập đến là sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, việc lắng nghe, mà đã được gọi là **Tuệ Văn Như Nguyện Dĩ Thường (Sutamayapaññā)** thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc **Nhất Thời Phóng Khí (Tadaṅgapahāna),** tức là nhất thời đoạn lìa trong từng mỗi sát na. Sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc tư duy, quán sát và nghiên cứu tìm tòi Nhân Quả với tự bản thân, chỗ được gọi là **Tuệ Tư Như Nguyện Dĩ Thường (Cintāmayapaññā)** thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc **Giải Trừ Phóng Khí (Vikkambhanapahāna),** tức là chế áp kìm hãm trong những thời gian lâu dài. Và sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc thực hành **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** thuận tùng theo Tuệ Văn hoặc Tuệ Tư, chỗ được gọi là **Tuệ Tu Như Nguyện Dĩ Thường (Bhāvanāmayapaññā)** thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc **Trừ Diệt Phóng Khí (Samucchedapahāna),** tức là đoạn lìa được một cách kiên định.

Nếu sẽ trình bày tỷ dụ đối chiếu sự liễu tri ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như đã vừa đề cập đến, thì Tuệ Văn cũng chính là Trí Tuệ của Bậc có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, hoặc việc lắng nghe.

Tuệ Tư một khi theo đạo lộ của Hiệp Thế thì chính là Trí Tuệ của bậc tư duy tìm tòi, kiến tạo lên những của cải vật chất; chẳng hạn như chế tạo ra máy bay, radio điện thoại, v.v. Một khi theo đạo lộ của Giáo Pháp thì đó chính là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác. Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Văn thì đó chính là Trí Tuệ của tất cả các Bậc Vô Sinh Thinh Văn Giác. Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Tư thì đó chính là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Độc Giác. Sự liễu tri, sự hiểu biết trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả làm thành Tuệ Văn, Tuệ Tư và Tuệ Tu. Những cả ba thể loại này, nếu như liệt kê vào ở trong **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa)** thường có được hai thể loại, đó là: **Tuệ**

Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpapariccheda ñāṇa) và **Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh (Paccayapariggahañāṇa).** Và nếu như liệt kê vào trong **Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)** cũng có được hai Thanh Tịnh, đó là: **Kiến Thanh Tịnh (Diṭṭhivisuddhi)** và **Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi).**

Bậc đã có được sự hiểu biết thuần tịnh trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú thường được chứng đạt đến một cách trực tiếp tầng Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh ấy là Đoạn Nghi Thanh Tịnh. Đối với việc chứng đạt đến Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh, là cũng vì bậc đã được liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú ấy rồi, thiết yếu phải được liễu tri một cách rõ ràng ở trong vấn đề Danh Sắc ấy vậy. Với lý do này, Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh mới được liệt kê một cách hoàn hảo. Theo như vừa đề cập đến đây, trình bày cho được thấy rằng Bậc đã tu tập cho đến thành tựu viên mãn Bậc Thánh Nhân và đã vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ Đau, thì sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của Danh Sắc theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh hoặc Phát Thú do bởi **Tu Tập Như Nguyện Dĩ Thường (Bhavanāmaya)** ắt hẳn là không có vậy. Tuy nhiên Bậc đã có được sự liễu tri cả hai Phương Pháp ấy quả thật duy nhất chỉ có Bậc Chánh Đẳng Giác, và ngoài Bậc Chánh Đẳng Giác ra, còn tất cả các Bậc Thánh Nhân được tính kể từ Bậc Thất Lai trở đi cho đến Bậc Độc Giác thì thường duy nhất chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc do bởi Tu Tập Như Nguyện Dĩ Thường theo Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh thôi. Có nghĩa là một khi hành giả tu tập và đã chứng đạt đến Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh v.v. cho đến **Tuệ Thuận Tùng (Anulomañāṇa)** thường có được liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc làm thành Nhân làm thành Quả hữu quan với nhau thể theo Liên Quan Tương Sinh hết cả thảy. Tuy nhiên sự liễu tri ở khoảng giữa và có khả năng trình bày cho người khác được lắng nghe một cách tỷ mỷ vi tế thì thiết yếu cần phải nương vào nền tảng **Pháp Học (Pariyatti dhamma).** Nếu như đã khiếm khuyết nền tảng Pháp Học rồi, thì cho dù là Bậc Độc Giác đi nữa cũng không có khả năng trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh một cách tỷ mỷ vi tế được.

GIẢI THÍCH VIỆC HIỆP TRỢ GIỮA NĂNG DUYÊN VÀ SỞ DUYÊN THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP TỪ LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MỘT CÁCH MÃN TÚC

I. AVIJJĀPACCAYĀ SAṄKHĀRA SAMBHAVANTI (VÔ MINH LÀM DUYÊN HÀNH KHỞI SINH)

Cả **Tam Hành** thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Vô Minh** làm **Nhân.** Từ ngữ **Avijjā (Vô Minh)** khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, đó là: **A + Vijjā. A** dịch nghĩa "Vô, không" hoặc "đối nghịch lại". **Vijjā** dịch nghĩa "Minh, liễu tri" hoặc **Trí Tuệ (Paññā).** Khi kết hợp vào nhau thì dịch nghĩa "Vô Minh, bất liễu tri", hoặc Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; tức là Tâm Sở Si.

Như có câu Chú Giải trình bày là: **Catusaccadhamm maṃ vidatipākaṭaṃ karotīti = Vijjā** - Pháp chủng nào làm thành Bậc liễu minh được Tứ Thánh Đế, và thành Bậc đã làm

cho Tứ Thánh Đế được hiện khởi lên; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Minh.** Là Tâm Sở Trí Tuệ.

Vijjā paṭipakkhāti = Avijjā - Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: **Avindiyaṃ vindatīti = Avijjā** - Pháp chủng thường có được Ác Hạnh Pháp ở nơi không đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: **Vindiyaṃ na vindatīti = Avijjā** - Pháp chủng thường không có được Thiện Hạnh Pháp ở nơi đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: **Avijjamāne javāpetīti = Avijjā** - Pháp chủng làm thành người kiến chấp sai lầm trong Pháp Chế Định, như có người nam, người nữ v.v. do bởi không có hiện bày thể theo thực tính; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: **Vijjamāne na javāoetīti = Avijjā** - Pháp chủng làm thành người bất liễu tri trong Pháp Siêu Lý, như có Uẩn, Xứ v.v. do bởi có hiện bày thể theo thực tính; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: **Viditabbaṃ aviditaṃ karotīti = Avijjā** - Pháp chủng bất liễu minh Pháp đáng được liễu tri, như có Tứ Thánh Đế v.v. chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.** Và hết tất cả Vô Minh này đây, tức là **Tâm Sở Si.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Avijjā** dịch nghĩa là Vô Minh, hoặc "bất liễu tri", tức là bất liễu tri Tứ Thánh Đế; và cũng còn được giải thích là **Antavirahite saṃsāre satte javāpeti** - Pháp chủng làm thành tác nhân khiến cho tất cả Chúng Hữu Tình cứ mãi trôi lăn trong Vòng Luân Hồi vô tận. Một khi Vô Minh được tận diệt thì Minh khởi sinh, sự hiểu biết sáng suốt, thì tất cả các tác nhân đều được tận diệt; như trường hợp Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác và các Bậc Thánh Alahán Vô Sinh].

VIỆC BẤT LIỄU TRI THỂ THEO CHÂN LÝ CỦA VÔ MINH ĐÂY HIỆN HỮU TRONG TÁM ĐIỀU, Đó Là:

1. Dukkhe añāṇaṃ (Bất Tri Khổ Đế): Bất liễu tri trong Khổ Đau.

2. Dukkhasamudaye añāṇaṃ (Bất Tri Tập Đế): Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau.

3. Dukkhanirodhe añāṇaṃ (Bất Tri Diệt Đế): Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ nơi Khổ Đau.

4. Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ (Bất Tri Đạo Đế): Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau.

5. Pubbante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ): Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới thời Quá Khứ.

6. Aparante añāṇaṃ (Bất Tri Vị Lai): Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới thời Vị Lai.

7. Pubbantāparante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ Vị Lai): Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới trong thời Quá Khứ và Vị Lai.

8. Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ (Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh): Bất liễu tri trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.

1. Bất Tri Khổ Đế (Dukkhe añāṇaṃ): Bất liễu tri trong Khổ Đau, đó là:

Theo lẽ thường nhiên thì tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Thế Gian này, bất luận một ai cũng sẽ phải tiếp xúc với sự già nua lão mại, sự ốm đau bệnh hoạn, sự chết chóc tử vong, sự khổ tâm buồn lòng, sự khóc lóc than thở, sự xa lìa vật yêu thương thích chuộng, việc phải tiếp xúc với vật bất khả lân ái, việc bất thành tựu thể theo sở nguyện, sự phiền muộn bận lòng v.v. Những thể loại này đều toàn là sự khổ đau hết cả thảy, và khó có một ai sẽ tránh thoát khỏi được, vả lại sẽ phải đón nhận nhiều hoặc ít tùy theo thích hợp đối với vị trí của mình. Tuy nhiên trong tất cả những thể loại khổ đau sai khác này, cả hai gồm việc **Sinh** và việc **Tử** đấy là **Nhất Định Khổ Uẩn,** không có việc miễn trừ đối với một ai, cho dù sẽ được sinh làm Người ở Bậc Thượng Lưu, Hạ Lưu; hoặc sẽ được sinh làm thành Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa; cũng sẽ phải tiếp xúc đều nhau hết cả thảy. Đối với những thể loại như sự già nua lão mại, sự ốm đau bệnh hoạn, sự khổ tâm buồn lòng, sự khóc lóc than thở, sự xa lìa vật yêu thương thích chuộng, việc phải tiếp xúc với vật bất khả lân ái, việc bất thành tựu thể theo sở nguyện, sự phiền muộn buồn lòng v.v. đấy cũng vẫn là những sự khổ đau, thế nhưng không nhất thiết sẽ phải sinh khởi đối với tất cả mọi người. Chẳng hạn như trong tất cả các nhóm Chúng Chư Thiên (loại trừ Chúng Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương bậc thấp) thì cả hai gồm sự già nua lão mại và sự ốm đau bệnh hoạn đây đã không có hiện bày; tuy nhiên những sự khổ đau khác khác cũng thường luôn phải đón nhận tùy theo nhiều hoặc ít tương tự như nhau. Đối với nhóm Phạm Thiên cho dù quả thật sẽ vượt thoát khỏi biết bao sự khổ đau khác khác đi nữa, **tuy nhiên khổ đau trọng yếu là việc Sinh và việc Tử cũng vẫn không trốn thoát khỏi được.**

Những sự khổ đau như đã vừa đề cập ở tại đây, cho dù tất cả Chúng Hữu Tình đã phải đón nhận trong Quá Khứ đi nữa, đang phải đón nhận trong Hiện Tại đi nữa, và sẽ phải đón nhận trong Vị Lai đi nữa; tuy nhiên tất cả Chúng Hữu Tình ấy cũng không tự cảm nhận thấy, và cũng không giật mình hoảng sợ đối với những sự khổ đau đấy; vả lại cứ vẫn còn mải đắm say vui thích trong cả sáu Cảnh Dục Trần. Được kể đến là đắm say trong con cháu, chồng vợ, cha mẹ, với cả anh em quyến thuộc; đắm say trong cả lợi lộc, danh vị, trú xứ, cùng với các vật dụng tiêu dùng. Cũng ví tựa như đàn vịt gà đã bị người chủ bắt lấy nhốt bỏ trong chuồng trại, để rồi sẽ phải lấy đem đi giết; thế nhưng những đàn vịt gà này cũng chẳng có tự cảm nhận thấy rằng mình sẽ phải bị giết. Trong sát na đang bị nhốt trong chuồng trại thì cứ mải mê lăng xăng lích xích, đánh đá nhau, cắn mổ nhau, và cứ vẫn mải giành giật với nhau từng miếng ăn vật thực; chẳng hạn như vầy, là cũng chỉ vì cứ vẫn mải mê muội, và cũng chẳng có hiểu biết rằng mình đang ở trong cảnh khổ đau ấy vậy. Điều này như thế nào, thì tất cả Chúng Hữu Tình cứ vẫn mải đắm say vui thích trong các Cảnh Dục Trần như đã vừa đề cập đến; là cũng vì bất liễu tri trong những sự khổ đau, và rằng những thể loại này đích thị chính là sự khổ đau cũng dường như thế ấy.

Ngay cả trong thời kỳ này, với nền khoa học đang phát triển tiến bộ như thế nào đi nữa, tuy nhiên với phương pháp để sẽ không làm cho đã có sinh rồi sẽ còn phải bị già, bệnh và chết ấy, thì quả thật khoa học ngày nay cũng bó tay và cũng không có khả năng để mà trông mong đặng cho thực hiện để được thành tựu một cách hoàn hảo. Phương pháp để sẽ làm cho thoát khỏi sự sinh lão bệnh tử đây, chỉ có duy nhất hiện hữu ở trong Phật Giáo thôi; và chính vì thế tất cả các Bậc Trí Tuệ mới nỗ lực tầm cầu con đường tu tập ngõ hầu làm sao cho được thoát ra khỏi những sự khổ đau ấy vậy. Cũng như đã có kệ ngôn trình bày rằng:

Patthenti muccitaṃ santā Saṃsārā bhayabheravā
Dujjanā modamānāva Vaṭṭanti bhavasāgare

Bậc Hiền Triết (Sappurisa) đã trông thấy điều tác nghiệt ở trong sắc thân, đã không còn có sự bám chặt giữ lấy, và có Trí Tuệ mục kích những thể loại này ở thời vị lai; liền có sự giật mình hoảng sợ và có sở nguyện cầu sẽ vượt thoát ra khỏi việc sinh tử luân hồi trong 31 Cõi Giới chẳng có điểm chặng cuối cùng với việc sinh lão bệnh tử quả là điều nguy hại đáng kinh sợ. Còn đối với kẻ **Phi Hiền Triết (Asappurisa)** thì chẳng có nghĩ tưởng đến, và cũng bất mục kích việc sinh lão bệnh tử, vả lại còn có sự đắm say bám chặt trong những Cảnh Dục Trần này, có sự mảng vui với những Cảnh có sắc, thinh, khí, vị, xúc làm đối tượng, và tư duy nghĩ tưởng đến ở trong các Sinh Hữu sánh tợ như lòng đại dương, thì ắt hẳn phải sinh tử luân hồi trong 31 Cõi Giới, và cứ mãi thường luôn luân chuyển di dịch từ Cõi Giới này đến Cõi Giới khác.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri trong Khổ Đau **(Bất Tri Khổ Đế).**

2. Bất Tri Tập Đế (Dukkhasamudaye añāṇaṃ): Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau, đó là:

Những sự khổ đau bao gồm các sự việc sinh lão bệnh tử v.v. một khi cùng kéo nhau đi tìm cái nguyên nhân đầu tiên đã làm cho khởi sinh những thể loại khổ đau này, thì sẽ được liễu tri rằng chính là **Tham Ái (Lobha),** tức là sự ham muốn, sự hân hoan duyệt ý, sự mãn ý hài lòng, sự mê muội dính mắc; và đấy đích thị chính là cái nguyên nhân đầu tiên vậy. Vì lẽ thường nhiên hết tất cả mỗi con người trong Thế Gian này đã phải tích cực nỗ lực với nhau để tác hành biết bao sự việc, ở cả hai phía tốt và xấu, ngõ hầu tùy tầm tùy tứ cho có được những đối tượng đáng hân hoan duyệt ý, đáng sở cầu sở nguyện, cho dù sẽ phải cực thân khổ trí biết là chừng nào đi nữa, cũng vẫn không thối chí nản lòng, cũng chỉ hằng mong kỳ vọng cho được thành tựu trong các sự việc mà mình đã có tác hành, đã có tạo tác; và thế rồi cũng sẽ có được điều mà mình đã đắc kỳ sở nguyện. Thế nhưng tất cả những con người ấy đã không tự tìm thấy để được nhận thức rằng mình đã bị rớt ở dưới mãnh lực của **Tham Ái (Lobha)** chính là người đã sắp bày cho mình phải bị vất vả khổ nhọc, lao tâm khổ lực với mãnh lực:

- từ nơi **Sắc Ái Dục (Rūpataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong những sắc màu;
- từ nơi **Thinh Ái Dục (Saddataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong các âm thanh;
- từ nơi **Khí Ái Dục (Gandhataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong các khí hơi;

- từ nơi **Vị Ái Dục (Rasataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong các mùi vị;

- từ nơi **Xúc Ái Dục (Phoṭṭhabbataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong các việc tiếp xúc đụng chạm;

- từ nơi **Pháp Ái Dục (Dhammataṇhā)** có sự hân hoan duyệt ý trong các việc tư duy nghĩ tưởng.

Tham Ái là sự khao khát ham muốn, là sự duyệt ý vừa lòng ở trong sắc, thinh, khí, vị, xúc v.v. chỗ mà ta nghĩ tưởng rằng sẽ đem lại sự an lạc hạnh phúc, và đích thị chính những thể loại này đã làm thành **Nhân;** và việc tích cực nỗ lực bằng với Thân, bằng với Lời để cho có được những điều này, đã làm thành **Quả.** Hơn thế nữa, ngay trong sát na đang tích cực nỗ lực ấy, ắt hẳn phải bị đón nhận sự vất vả khổ nhọc, sự lao tâm khổ lực; chính đấy đều toàn là sự khổ đau, và đấy cũng là **Quả** phải bị đón nhận từ nơi việc tích cực nỗ lực đã trở lại làm thành **Nhân** một lần nữa. Vả lại, nếu giả như việc tích cực nỗ lực ấy đã hiện hành một cách có chừng mực, thì những sự khổ đau mà phải bị đón nhận cũng sẽ hiện hành một cách có chừng mực tương xứng. Và nếu giả như việc tích cực nỗ lực khởi lên nhiều độ chừng bao nhiêu thì việc phải đón nhận sự khổ đau cũng sẽ khởi lên nhiều bằng chừng đấy vậy.

Lại nữa, nếu như việc tích cực nỗ lực đã hiện hành trong đạo lộ Thiện Hạnh, chẳng hạn như nỗ lực tác hành các Thiện Sự có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; ngõ hầu cho có được sự an lạc cùng tột, phát sinh lên ngay trong kiếp sống này và luôn cả ở kiếp sống sau. Việc tác hành Thiện Sự có sự kỳ vọng như vậy, thì cũng được tính là tác hành với mãnh lực **Tham Ái** đã làm thành **Nhân** cho phải bị đón nhận sự khổ đau khởi sinh lên, và đấy chính là sự vất vả khổ nhọc ở cả Thân và Tâm. Trong sát na đang khi tác hành và một khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này; thế rồi cũng lại tiếp tục phải bị đón nhận sự khổ đau ở trong kiếp sống sau nữa, và điều ấy chính là sự việc sinh lão bệnh tử. Tuy nhiên người đang bị đón nhận sự khổ đau đây, thì thường khi lại có được sự kham nhẫn, do bởi nhận thấy rằng ấy là thuộc lẽ thường nhiên. Thế nhưng, lại chẳng có nghĩ đến rằng sự việc sinh lão bệnh tử ấy, khổ Thân khổ Tâm ấy v.v. mà mình đang phải đón nhận đây, và sẽ còn tiếp tục phải bị đón nhận nữa ở thời vị lai, đấy chính là **Quả** sinh khởi từ nơi **Tham Ái** đã làm thành **Nhân.**

Nếu như việc tích cực nỗ lực đã hiện hành trong đạo lộ Bất Thiện Hạnh, chẳng hạn như những thể loại Sát Tử, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Ẩm Tửu, v.v. ngõ hầu cho có được của cải tài sản, vàng bạc dùng để cung ứng cho sự vui thích lạc thú đối với mình. Việc tạo tác những Ác Hạnh như đã vừa đề cập đến đây, thì cũng được tính là tạo tác với mãnh lực **Tham Ái,** và đã làm thành **Nhân** cho phải bị đón nhận sự khổ đau khởi sinh lên ngay trong kiếp sống này và luôn cả ở kiếp sống sau. Sẽ nói rằng trong kiếp sống này thì thường phải bị đón nhận sự khổ đau một cách nghiêm trọng cả về Thân và Tâm; tức là có thể bị khiển trách và khinh miệt từ nơi các bậc Hiền Triết, hoặc có thể bị người ta bắt và phải bị thọ hình phạt theo luật pháp nhà nước, hoặc có thể sẽ phải bị trừng phạt cho đến mức thụ khổ án quyết tử hình. Những thể loại này đều toàn là khổ đau mà phải bị đón nhận một cách "Ác Nghiệp đưa đến Quả Phược hiện hiện nhãn tiền". Nếu như người ấy đã tử vong, thì sẽ còn tiếp tục phải bị đón nhận sự khổ đau một cách nghiêm trọng nữa ở trong kiếp sống vị lai; tức là phải đi tái sinh thành Hữu Tình Địa Ngục,

hoặc thành hàng Ngạ Quỷ cũng có, hoặc thành hàng Bàng Sinh cũng có. Và nếu như đã tái sinh vào bất luận một nhóm nào ở trong Tứ Khổ Thú rồi, thì thường rất ít có hy vọng để sẽ có được tái sinh trở lại làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên; và đấy chính là điều rất đáng kinh sợ hãi hùng. Dù cho đã là như thế, thế nhưng tất cả Chúng Hữu Tình vẫn cứ mải đua nhau si mê đần độn dưới mãnh lực của **Tham Ái,** và không tự hiểu biết rằng chính **Tham Ái** đây, là cái nguyên nhân đầu tiên đã làm cho phải bị đón nhận những sự khổ đau.

Cũng ví như một con cá đã trông thấy miếng mồi móc dính ở cuối lưỡi câu rồi, tuy nhiên chỉ có sự hiểu biết rằng "mình sẽ cần phải ăn miếng mồi ấy thôi", và chẳng có hiểu rằng "mình sẽ phải bị nhận lãnh một điều nguy hiểm nào đây". Khi há miệng đớp lấy miếng mồi rồi, thì bị lưỡi câu móc dính vào miệng và phải thọ lãnh sự khổ đau thi dĩ khốc hình nghiêm trọng muôn vàn; hơn nữa lại còn bị người thả lưỡi câu ấy, túm lấy và giết đi để làm thành vật thực cho mình. Điều này như thế nào, thì tất cả Chúng Hữu Tình phải thọ lãnh sự khổ thân, khổ tâm với biết bao trường hợp, nhiều cũng có, ít cũng có, bởi do việc tích cực tầm cầu sự an lạc đến cho mình với mãnh lực từ nơi **Tham Ái** cũng tương tự như nhau.

Lại nữa, tất cả Chúng Hữu Tình cho dù sẽ phải luân hồi sinh tử không thể nào đếm kể xiết trải qua với bao kiếp sống đi nữa, tuy nhiên những Chúng Hữu Tình ấy cũng vẫn không có sự chán ngán dù chỉ một chút ít. Tất cả cứ vẫn mải hân hoan duyệt ý trong từng mỗi kiếp sống của mình đang hiện hữu hết cả thảy. Chẳng kể là sẽ được thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; mà ngay cả sẽ tái sinh thành nhóm Hữu Tình Bàng Sinh, và cho chí đến tận cả loài dòi ở trong hầm phẩn đi nữa, thì cũng vẫn mải duyệt ý vui thích ở trong cảnh trạng sinh sống của mình tương tự như nhau. Sự việc là như vậy, cũng vì tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu trong thế gian này có **Ái Dục (Taṇhā)** đã là bạn lữ thân thích chực chờ để cung phụng và làm thỏa mãn cho mình, mới làm cho tất cả Chúng Hữu Tình ấy chẳng có chán ngán đối với việc Sinh trong từng mỗi kiếp sống, mà đấy lại là căn nguyên của hết tất cả khối Khổ Uẩn. Hơn nữa, chẳng nhận thấy rằng những khối Khổ Uẩn của mình đang tiếp xúc đây, đích thị cũng chính do bởi Ái Dục là cái nguyên nhân đầu tiên. Tương tự như một con chó mảng vui với khúc xương bò mà chẳng còn có chút thịt, là bởi do nương vào nước miếng của chính mình như thế nào; thì tất cả Chúng Hữu Tình đang thụ hưởng Cảnh Dục Trần, và đang phải chịu đựng một cách không có sự chán ngán với biết bao thống khổ mà bản thân đang có được tiếp xúc, là cũng do bởi mãnh lực từ nơi Ái Dục hiện hữu trong Uẩn Giới Tính của chính mình dường thế ấy. Còn các sự việc làm thành công cụ để cho khởi sinh lên sự vui thích dính mắc, thì đó chỉ là những Cảnh đối tượng thuộc thành phần phối hợp làm cho Ái Dục sinh khởi và tăng trưởng lớn mạnh lên ngần ấy thôi. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý nói rằng đích thị chính Ái Dục đây, đã là người lôi kéo tất cả Chúng Hữu Tình, để làm cho không được vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi. Như Ngài đã có trình bày rằng:

Taṇhādutiyo puriso **Dīghamaddhāna saṃsāraṃ**
Itthambhāvaññathābh āvaṃ **Saṃsāraṃ nātivattati**

Với kẻ đã có Ái Dục làm bạn lữ thì cuộc viễn du cứ luôn mải tiếp tục từ kiếp sống này đến những kiếp sống khác, và như thế cứ đi mải đi mải ở trong các kiếp sống ấy, để rồi chẳng

có khả năng để vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi kéo dài vô tận; cũng bởi do sự làm thành kẻ có Ái Dục làm bạn lữ. Còn đối với bậc đã vượt thoát ra khỏi **Tham Ái** rồi, hoặc bậc đang tác hành với bao công việc mà chẳng có hiện hành với mãnh lực của **Tham Ái,** thì ắt hẳn sẽ vượt thoát khỏi hết tất cả mọi thống khổ. Hoặc nhỡ như vẫn chưa được thoát khỏi, thì khi tiếp xúc với sự khổ đau ấy cũng chỉ là hiện hành theo lẽ thường nhiên, tức là chỉ có sinh lão bệnh tử ngần ấy thôi; và sớm muộn rồi cũng có khả năng để sẽ vượt thoát ra khỏi mọi thống khổ. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết rằng:

Taṇhāya jāyate soko **Taṇhāya jāyate bhayaṃ**
Taṇhāya vippamuttassa **Natthi soko kuto bhayaṃ**

Sự sầu khổ thường sinh khởi bởi do Ái Dục làm Nhân. Bao tai họa cũng thường sinh khởi bởi do Ái Dục làm Nhân. Sự sầu khổ thường không có đối với Bậc đã vượt thoát ra khỏi Ái Dục rồi. Khi sự sầu khổ đã không còn, thì nhất định bao tai họa cũng chẳng thể nào còn hiện hữu.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau **(Bất Tri Tập Đế).**

3. Bất Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe añāṇaṃ): Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ nơi Khổ Đau, đó là:

Sự sinh hoạt tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử trong những cả 31 Cõi Giới đây, đều đã rơi vào ở trong khối Khổ Uẩn; cho dù người ấy sẽ được thọ sinh làm Người Thượng Lưu, Hạ Lưu; hoặc đã tái sinh trong Cõi Khổ Thú, Cõi Thiện Thú đi nữa, thì cũng phải bị tiếp xúc với biết bao khổ đau, có sinh lão bệnh tử v.v. Với lý do này, Đức Phật mới không có lập ý ca ngợi khuyến khích tất cả Chúng Hữu Tình khả huấn luyện trong sự việc sinh lão bệnh tử, ở trong các tầng Cõi Giới cao, hoặc thấp, hoặc luôn cả làm Người Thượng Lưu, Hạ Lưu; mà Ngài chỉ có lập ý hướng dẫn về một đạo lộ để làm cho tất cả Chúng Hữu Tình ấy cùng nhau được thoát ra khỏi các Cõi Giới ấy hết cả thảy.

Phẩn là vật đáng ghê tởm đối với hết tất cả mọi người, cho dù phẩn ấy sẽ phát sinh từ nơi vật thực có giá trị tinh lương cao quý, chẳng hạn như bơ sữa, phó mát, heo, vịt, gà, v.v. hoặc sẽ phát sinh từ nơi vật thực có giá trị thấp hèn ty liệt, chẳng hạn như cua ướp muối, cá khô mặn v.v. đi nữa; thì các vật ấy cũng đều đáng ghê tởm hết cả thảy, và không có một ai tán thán và ca ngợi rằng là tốt đẹp hết cả. Tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong các Cõi Giới cũng tương tự như nhau. Tất cả các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. chẳng có một ai ca ngợi và khuyến khích nói tốt về điều ấy cả, là vì phải bị rớt vào trong những khối Khổ Uẩn như đã đề cập đến rồi vậy.

Điều mà tất cả các Bậc Hiền Trí có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. tán thán và ca ngợi, làm thành vật chí thượng cao quý, đơn nhất chỉ có Níp Bàn thôi. Vì lẽ Níp Bàn có **Thực Tính An Tĩnh (Santilakkhaṇa),** tức là sự an lạc tĩnh trạng lìa khỏi Ngũ Uẩn Danh Sắc; bất hữu quan hết tất cả với việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm, việc nghĩ suy. Lời huấn từ Bậc Chánh Đẳng Giác đã chứa đựng hết trong cả Tam

Tạng có 84,000 **Pháp Uẩn (Dhammakhandha),** mà Ngài đã kỳ vọng với mục đích nhắm tới cũng chính là **Vị Giải Thoát (Vimuttirasa)** hàm ý duy nhất chỉ có Níp Bàn. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý miêu tả và tán thán về Níp Bàn với rất nhiều phương cách, và đã có hiện bày như vầy:

Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ - Níp Bàn có sự an vui tuyệt đối.

Natthi santi paraṃ sukhaṃ - Ắt hẳn không có sự an lạc nào tột cùng chí thượng hơn cả Níp Bàn.

Nibbāna paramaṃ vadanti Buddhā - Từng mỗi Bậc Chánh Đẳng Giác đều lập ý nói rằng Níp Bàn là Pháp Chí Thượng.

Cho dù Đức Phật đã thường luôn lập ý tuyên bố về Ân Đức Tịnh Lạc của Níp Bàn, bất kể là sẽ lập ý khải thuyết Pháp Thoại với bất luận về vấn đề nào, ở trong bất luận trú xứ nào, và trong từng mỗi lần như vậy Ngài cũng đều lập ý nêu Níp Bàn lên để trình bày trong phần cuối cùng của Pháp Thoại đi nữa; thế nhưng tất cả Hội Chúng đã cố gắng để thực hành theo sự kỳ vọng của Ngài thì cũng chẳng có được bao nhiêu, còn số lượng người có việc trau giồi thực hành để làm cho phải luân hồi ở trong từng mỗi kiếp sống luôn cả với tự bản thân mình cũng phải đón nhận thì có được rất nhiều, và có số lượng nhiều như thể cát ở trong biển cả vậy. Khi dùng tay múc lấy cát ấy lên để ở trong một nắm tay thì số lượng cát hiện hữu ở trong một nắm tay ấy được sánh tựa như người với tự bản thân thực hành để cho được chứng đạt đến Níp Bàn; còn số lượng cát ở trong biển cả ấy được sánh tựa như số lượng người vẫn còn có sự mảng vui luân hồi ở trong những kiếp sống vậy. Chính vì thế, Đức Thế Tôn mới lập ý trình bày rằng:

Appakā te manussesu **Ye janāpāragāmino**
Athāyaṃ itarā pajā **Tīramevānudhāvati**

Trong bất luận những Hội Chúng nào mà có người đạt đến bờ kia, tức là Níp Bàn thì có số lượng hy thiểu ít oi. Còn ngoài ra ấy, thì đại đa số thường chỉ có len lỏi ở phía bên bờ này, tức là cứ mải luân chuyển trong Vòng Luân Hồi bị thúc phược do bởi Hữu Thân Kiến.

Một trường hợp khác nữa, được so sánh ví tựa như loài chim kên kên. Theo lẽ thường nhiên thì chim kên kên ấy, nếu giả như sẽ có người đi đến loan báo rằng "ở phía bên bờ kia có vật thực với chất vị bổ dưỡng và có đủ các mùi hương thơm; xin báo cho tất cả nhóm các Ngài hãy cùng rủ nhau để đi đến mà ăn cho được vui sướng đi". Nhóm chim kên kên đã được lắng nghe loại tin tức này rồi, thì cũng sẽ chẳng có bất luận một chim kên kên nào có sự hoan hỷ vui thích cả. Thế nhưng, nếu nhỡ như có người đi đến bảo rằng "ở chỗ kia có một con chó chết, hoặc trâu bò chết, và có nhiều con đang bốc mùi hôi thối rữa; xin hãy cùng rủ nhau để đi đến mà ăn cho được no bụng đi". Tin báo như vậy, thì nhóm chim kên kên sẽ có sự vui thích duyệt ý, mới vội rủ nhau để đi đến tại nơi ấy ngay tức thì. Điều này được nêu lên để so sánh với tất cả các Bậc Hiền Trí có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. ở các Ngài đã cố gắng lặp đi lặp lại giải thích và huấn hóa đối với tất cả mọi con người cho được kiến thị điều tác nghiệt của việc luân hồi sinh tử trong Vòng Luân Hồi đều toàn là đã bị rớt ở trong khối Khổ Uẩn hết cả thảy; vả lại đã có hướng dẫn đạo lộ để sẽ vượt thoát ra khỏi những khối Khổ Uẩn này, để

cho tất cả con người sẽ thực hành tu tập theo. Thế nhưng, quả thật khó khăn để cho tất cả những con người ấy có được sự sùng tín và quan tâm chú ý đến thực tính cốt yếu từ ở những lời hướng dẫn dạy bảo này. Tuy nhiên, nếu giả như có người đi đến miêu tả và ca ngợi về những sự an lạc đang hiện hành trong thế gian này, thế rồi cả nhóm người ấy sẽ phát sinh lên sự cảm tính vui thích với bao nỗi kích cảm; và sẽ được hướng dẫn để cho thực hành như thế nào thì hết tất cả cũng cùng rủ nhau thực hành theo y như vậy, để mong sao sự an lạc được hiện hữu và tồn tại khắp trong thế gian; vả lại những điều ấy quả thật chẳng khó khăn chi, và chẳng có thực tính cốt yếu nào cả. Chính vì lý do này, kẻ ấy ắt hẳn chẳng có được đón nhận sự an lạc chí thượng, tức là Níp Bàn; có nghĩa là kẻ ấy sẽ chẳng có ngày nào được thoát ra khỏi sự sinh lão bệnh tử; và sẽ phải thường luôn bị luân chuyển trong Vòng Luân Hồi. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý trình bày rằng:

Asāre sāramatino **Sāre cāsāradassino**
Te sāraṃ nādhigacchanti **Micchāsaṅkappagocarā**

Những hạng người nào có sự kiến chấp thủ ở trong điều chẳng cốt yếu lại cho là cốt yếu, và ở trong điều cốt yếu lại cho là chẳng cốt yếu; những hạng người ấy là kẻ có sự nghĩ suy sai lầm (Tà Tư Duy), chú ý quan tâm ở trong đối tượng sai lầm. Ắt hẳn là kẻ không có **Giới Đức (Sīlaguṇa), Định Đức (Samādhiguṇa),** và **Tuệ Đức (Paññāguṇa),** ấy là những thực tính cốt yếu có khả năng dắt dẫn cho chứng đạt đến Níp Bàn.

Sự an lạc ở trong Níp Bàn chỗ được gọi là **Tịnh Lạc (Santisukha)** với sự an lạc ở trong Thế Gian chỗ được gọi là **Lạc Thụ (Vedayitasukha)** có thực tính đối nghịch với nhau. Sẽ nói rằng chính từ nơi sự tĩnh lặng của Danh Sắc, Ngũ Uẩn mới được gọi tên là **Tịnh Lạc.** Còn **Lạc Thụ** ấy, là sự an lạc hữu quan với việc thụ hưởng Cảnh, có sắc thinh khí vị xúc, v.v. mà sự an lạc ở thể loại này thì tất cả Nhân Loại chả là trẻ con hoặc người lớn, và Chư Thiên, Phạm Thiên cho đến Hữu Tình Khổ Thú cũng hằng mong mỏi được thỏa mãn, cho là hữu ích và hết tất cả cùng nhau đều có sự kỳ vọng đạt thành sở nguyện. Còn đối với **Tịnh Lạc,** thì tất cả Chúng Hữu Tình chẳng trông thấy điều lợi ích, chẳng có sự quan tâm để ý đến; ngay cả một vài nhóm Phật Tử có sở nguyện Níp Bàn, nhưng chỉ thường hay hiện hành qua lời nói, còn tâm trí thì thật tình chẳng có thiên hướng nghĩ tưởng đến Níp Bàn. Đa số có sự hiểu biết với nhau rằng Níp Bàn ấy là một Cõi Giới, một trú xứ ở ngoài khỏi thế gian này. Trong Cõi Giới ấy có đầy đủ viên mãn với sự an lạc ở đủ các thể loại, chẳng có sự khổ đau, và người đã đạt đến Níp Bàn này thì cũng có nghĩa là khi đã tử vong lìa khỏi thế gian này rồi, cũng được sinh trú ở nơi đó; hơn nữa chẳng có việc lão bệnh tử, chẳng có những sự sầu khổ ưu não; tất cả đều toàn là an lạc hạnh phúc. Hoặc một vài nhóm khác lại có hiểu biết rằng người đã thọ sinh ở trong Níp Bàn ấy, thì chẳng có hình tướng sắc thân, đơn nhất chỉ có sự cảm tính, vả lại sự cảm tính hiện hữu ở đây thuần khiết với sự an lạc, và chẳng có sự đau khổ pha trộn vào.

Tuy nhiên người có sở nguyện vọng chứng đạt đến Níp Bàn bởi do nương vào sự hiểu biết về Níp Bàn như đã vừa đề cập ở tại đây làm thành tác nhân, đã có được việc học hỏi một cách chân chánh và đã phát sinh lên sự liễu tri một cách chân chánh rằng bậc đã chứng đạt được Níp Bàn ấy chính là tất cả các Bậc Vô Sinh một khi đã lìa khỏi thế gian này rồi, thì Danh

Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả các Bậc Vô Sinh ấy thường đã được tiệt diệt chẳng còn dư sót, các sự cảm tính cũng chẳng có; như vậy rồi người ấy lại có thể khởi sinh lên sự nghi ngại ở trong lòng nghĩ rằng việc chứng đạt đến Níp Bàn ấy sẽ có được sự an lạc cùng tột như thế nào trong khi chẳng có chi còn dư sót đây ! Với lý do này, tất cả các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** Bậc đã kiến tri cả **Tứ Bố Úy (Bhaya)** hiện hữu trong Vòng Luân Hồi bởi do nương vào việc Sinh Tử chỉ ngần ấy, mới sẽ tự nguyện lòng chứng đạt đến Níp Bàn một cách chân thật; còn ngoài ra các Bậc ấy rồi, thì chẳng có sẵn lòng hoan hỷ để sẽ chứng đạt Níp Bàn, bởi nhận thấy rằng không có sự an lạc. Như thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết rằng:

Sadevakassa lokassa **Ete vo sukhasammatā**
Yattha cete nirujjhanti **Taṃ tesaṃ dukkkasammataṃ**

Hữu Tình ở khắp cả thế gian cùng với cả Chư Thiên đã giả định với nhau rằng những Cảnh Hiệp Thế có sắc thinh khí vị v.v. đấy là tốt đẹp, và có sự an lạc. Pháp chủng nào là Níp Bàn đã tiệt diệt hết tất cả những Cảnh Hiệp Thế có sắc thinh khí vị v.v. đấy, thì Chúng Hữu Tình ở khắp cả thế gian cùng với cả Chư Thiên mới giả định với nhau rằng Pháp chủng là Níp Bàn ấy là Pháp không tốt, là đau khổ vậy.

Cả Tứ **Bố Úy (Bhaya 4)** ấy là:

1. Dị Giáo Kiến Tập Bố Úy (Nānāsatthaullokanabhaya): Vẫn chưa thoát ra khỏi việc cung kính các bậc Thầy Tổ. Có nghĩa trong kiếp sống này thì quả thực có việc cung kính đến Bậc Chánh Đẳng Giác, tuy nhiên ở trong các kiếp sống nối tiếp thì không còn cung kính Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác, mà lại chuyển đổi đi tôn kính các Tôn Giáo khác, chí đến tôn kính những cả Chư Thiên, Phạm Thiên, Quỷ Thần Ma, v.v. chẳng hạn với những thể loại này. Đây là một điều thật đáng kinh sợ.

2. Thụ Khổ Hình Bố Úy (Vinipātabhaya): Bất định trú xứ trong việc đi thọ sinh. Có nghĩa một khi chết đi, lìa khỏi Thế Gian này rồi, sẽ đi thọ sinh ở chốn nao cũng không được hay biết; sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; hoặc sẽ đi thọ sinh thành nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàng Sinh, Ngạ Quỷ, Ác Ma; tất cả và tất cả cũng chẳng được hay biết, ứng hợp tùy theo Nghiệp Lực của mình đã có tạo tích lũy. Hoặc ở trong kiếp sống này được thọ sinh làm thành người sang giàu, xinh đẹp, thông minh, dòng dõi thượng hạng, có sự ghi nhớ minh mẫn, có đầy đủ các bộ phận, và có sức khỏe hoàn hảo. Ở trong kiếp sống kế tiếp, có thể sẽ đi thọ sinh làm thành người nghèo khổ, xấu xí, đần độn, dòng dõi hạ cấp, có tâm thần bất định, tính khí thất thường, có sự khiếm khuyết các bộ phận, là người yếu đuối hay bệnh; chẳng hạn với những thể loại này. Đây là cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

3. Khổ Thú Bố Úy (Apāyabhaya): Vẫn chưa thoát ra khỏi việc đi thọ sinh trong Cõi Khổ Thú. Có nghĩa ở trong kiếp sống này thì được sinh thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Kiếp sống kế tiếp có thể đi thọ sinh trong Cõi Khổ Thú, thành nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàng Sinh, Ác Ma, Ngạ Quỷ, **Atula** cũng có. Nhóm Hữu Tình đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên thì sẽ không nhất định rằng sẽ không đi thọ sinh trong Khổ Thú, bởi vì vẫn đang

còn là hàng Phàm Phu. Cho dù ở trong kiếp sống thứ hai thì sẽ không đi thọ sinh ở trong Cõi Khổ Thú đi nữa, tuy nhiên ở trong kiếp sống thứ ba trở đi thì cũng có thể sẽ đi thọ sinh. Đây cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

4. Ác Hạnh Bố Úy (Duccaritabhaya): Vẫn chưa thoát ra khỏi việc tạo tác những Ác Hạnh. Có nghĩa trong kiếp sống này thì không có tạo tác Ác Hạnh, tức là không ưa thích việc sát mạng Hữu Tình, hành hạ bức hại Hữu Tình, không là lũ trộm cướp, không là người nói năng hồ đồ, không là người uống rượu men và chất say, không là người có sự thấy sai chấp lầm. Thế nhưng ở trong những kiếp sống kế tiếp, thì có thể thọ sinh thành người có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc tạo tác Ác Hạnh; tức là ưa thích sát mạng Hữu Tình, là lũ trộm cướp, là người nói năng hồ đồ, ưa thích uống rượu men và chất say, có sự thấy sai chấp lầm; chẳng hạn với những thể loại này. Đây cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ nơi Khổ Đau **(Bất Tri Diệt Đế).**

4. Bất Tri Đạo Đế (Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya aññaṇaṃ): Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau, đó là:

Theo lẽ thường nhiên, tất cả mọi người ở trong thế gian này ai ai cũng đều hoàn toàn mong mỏi được tránh phải tiếp xúc với sự đau khổ, và với người đã phải tiếp xúc sự đau khổ ấy rồi, thì tích cực phấn đấu tầm cầu đạo lộ để sẽ cho vượt thoát ra khỏi các sự đau khổ ấy. Chính vì nương vào tác nhân này, mà mọi người ai ai cũng đều nỗ lực thực hiện việc tu tập bằng đủ mọi phương cách, cả ở trong đường lối Thế Tục lẫn trong đường lối Đạo Pháp, để ngõ hầu có được sự an lạc và cho thoát khỏi sự đau khổ ấy vậy.

Sự đau khổ này đã được chia ra thành hai thể loại, đó là:

1. Khổ Phổ Thông (Dukkhasamaññā): là việc sinh lão bệnh tử của tất cả Chúng Hữu Tình trong khắp cả thế gian hiện hành theo lẽ thường nhiên, chẳng có người nào tránh thoát khỏi được.

2. Khổ Cá Biệt (Dukkhāveṇikā): là sự đau khổ sinh khởi do bởi năm thể loại Điêu Tàn **(Byasana),** đó là:

- Quyến Thuộc Điêu Tàn (Ñātibyasana): việc điêu tàn thân hữu quyến thuộc.

- Tài Sản Điêu Tàn (Bhogabyasana): việc điêu tàn tài sản của cải, vàng bạc, danh vị, đồ chúng tùy tùng.

- Bệnh Trạng Điêu Tàn (Rogabyasana): có việc ốm đau bệnh hoạn bức bách hành hạ.

- Giới Luật Điêu Tàn (Sīlabyasana): có sự bất tường về giới luật.

- Tri Kiến Điêu Tàn (Diṭṭhibyasana): có sự thấy sai chấp lầm từ ở nơi Chân Lý. Và sự đau khổ sinh khởi bởi do phải bị tiếp xúc với **Hỏa Hoạn Tai Ương (Aggibhaya)** cũng có, hoặc **Đạo Tặc Tai Ương (Corabhaya)** cũng có, hoặc **Vua Quan Tai Ương (Rājabhaya)** cũng có, hoặc **Phi Hiền Triết Tai Ương (Asappurisabhaya)** cũng có; hoặc với những thể loại về sự đói khát, khiếm khuyết trong việc tìm kiếm vật thực, trú xứ, v.v.

Có hai thể loại hành động ở tất cả mọi con người đã thực hiện để ngõ hầu cho thoát khỏi những sự khổ đau này, đó là:

1. Thực hành ở trong đường lối Thế Tục: tức là sự nỗ lực tinh cần phối hợp việc mưu sinh, chẳng hạn như làm ruộng, làm vườn, buôn bán, làm thuê mướn, làm quốc sự, v.v. Và một vài người đã phối hợp việc mưu sinh hiện hành trong đường lối Ác Hạnh, chẳng hạn như trộm cắp thâu đạo, làm nghề đánh cá, lừa đảo lường gạt, v.v. Và cũng có một vài người một khi đã tiếp xúc với sự Khổ Thân Khổ Tâm rồi, thì đã chạy đi tìm kiếm thầy thuốc, thầy bói để khắc phục hoặc diệt trừ các sự bất tường, cho thoát khỏi những sự khổ đau này, chẳng hạn như vầy.

2. Thực hành ở trong đường lối Đạo Pháp: tức là việc thực hiện Xả Thí, hoặc thọ trì Giới Luật, hoặc tu tập An Chỉ; hoặc thực hành theo **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathānuyoga)** có nghĩa thi dĩ khốc hình sắc thân với đủ mọi phương thức tu tập, giống như là bò **(Ngưu Hành Giả),** hoặc chó **(Cẩu Hành Giả);** hoặc thực hành theo **Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc (Kāmasukkhallikānuyoga)** có nghĩa tự phụng dưỡng cho mình được thụ hưởng thỏa mãn những sự lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, và chẳng cho có bất luận một điều nào đến để quấy nhiễu cản trở được.

Việc thực hành như đã vừa đề cập ở tại đây; với việc thực hành trong đường lối Thế Tục ở chỗ chẳng có liên quan với những Ác Hạnh đấy, thì thường chỉ làm cho tạm thời được thoát khỏi sự khổ đau thôi. Còn việc thực hành ở chỗ có liên quan với Ác Hạnh đấy, thì trong khoảng thời gian tạo tác vẫn chưa trổ sinh quả báo thì cũng có cảm nhận y như thể với sự hiện hữu của an lạc; tuy nhiên một khi hành động tạo tác đấy trổ sinh quả báo rồi, thì người ấy ắt hẳn phải đón nhận sự khổ đau gia bội lên rất nhiều. Ứng hợp với Bậc Đại Sư đã có lập ý trình bày để rằng:

Madhūva maññati bālo	**Yāvapāpaṃ na paccati**
Yadā ca paccatipāpaṃ	**Bālo dukkhaṃ nigacchati**
Người ngu nghĩ là ngọt	**Khi Ác chưa chín muồi**
Ác Nghiệp chín muồi rồi	**Người ngu chịu khổ đau**

Suốt trọn thời gian nào, một khi hành động Ác Nghiệp Lực vẫn còn chưa trổ sinh quả báo, thì trong khoảng thời gian ấy người ngu thường có sự hiểu biết ở trong hành động Ác Nghiệp Lực của mình được ví như mật ong, tức là có sự vui thích hài lòng ở trong hành động ấy. Thế nhưng bất luận khi nào hành động Ác Nghiệp Lực của mình đã trổ sinh quả báo rồi, thì trong thời gian ấy bọn người ngu ắt hẳn phải bị tiếp xúc sự thống khổ cực cự đại.

Khi Ác Nghiệp chưa chín muồi,
Người ngu lầm tưởng an vui mật đường.
Đến khi quả chín lẽ thường,
Người ngu đón nhận chán chường khổ đau. (P. C. 69)

+ Còn việc thực hành ở trong đường lối Đạo Pháp chỗ có liên quan với Xả Thí, Trì Giới, và An Chỉ Tu Tập thì thường được thoát khỏi sự khổ đau trong suốt trọn thời gian ấy;

hoặc được thoát khỏi suốt trọn cả ngày, cả tháng, cả năm cũng có; hoặc được thoát ra khỏi cả một kiếp sống, cả hai hoặc ba kiếp sống cũng có; và chẳng phải đã dứt khoát được thoát khỏi hết tất cả. Vả lại khổ đau đã được thoát khỏi suốt trọn thời gian ấy, đặc biệt chỉ là thoát khỏi với thể loại khổ đau cá biệt liên quan với việc Lão Mại và Bệnh Hoạn thôi, còn về khổ đau liên quan với việc Sinh và Tử thì ắt hẳn vẫn còn chưa được thoát khỏi vậy.

+ Người đã thực hành theo **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh** với kỳ vọng rằng một khi đã thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Não rồi, thì trong kiếp sống sau sẽ được đón nhận sự an lạc, thụ hưởng Thiên Sản ở trong Cõi Thiên Giới, và sẽ thoát khỏi những sự khổ đau mà tất cả mọi con người đang phải tiếp xúc. Sự kỳ vọng của nhóm người này ứng hợp với tà vọng tưởng, bởi vì chẳng những sẽ phải đón nhận sự khổ đau sinh khởi từ ở nơi thi dĩ khốc hình sắc thân ngay trong kiếp sống này chỉ bấy nhiêu đấy không thôi, mà một khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này đi rồi, thì xác tín rằng sẽ còn phải tiếp tục thụ lãnh sự thống khổ cực kỳ nghiêm trọng ở trong Cõi Địa Ngục, bởi do đã nương vào Tà Kiến của chính tự mình vậy.

+ Người đã thực hành theo **Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc** với sự hiểu biết rằng đời sống hiện hành của con người ta đây nếu nhỡ như có bất luận một điều nào đi đến để làm thành chướng ngại vật hòng cản trở đối với việc tầm cầu những sự an vui lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, thế thì thường sẽ làm cho phát sinh lên sự sầu bi ưu não ở trong tâm thức, và không thể nào thoát khỏi sự khổ đau. Bởi do thế mới cần phải nỗ lực tầm cầu với biết bao phương pháp để sẽ dắt dẫn sự an vui lạc thú cho đến với mình, và cũng để cho sự sầu bi ưu não ấy không có thể khởi sinh lên được. Một khi tâm thức đã được an vui trong kiếp sống này rồi, thì sẽ thoát khỏi sự Khổ Thân và Khổ Tâm; và đến kiếp sống sau cũng lại được tiếp tục đón nhận sự an vui ở trong Cõi Nhân Loại hoặc ở Cõi Thiên Giới thêm lần nữa vậy. Khi có sự hiểu biết như vậy, thì cũng đã nỗ lực tầm cầu những vật dục cho đi đến để làm thỏa mãn thể theo sự duyệt ý của bản thân. Việc thực hành như vậy, thì có một vài người cũng đã được đón nhận sự thành tựu, tức là có sự mảng vui thích ý trong các Cảnh Dục Trần suốt trọn kiếp sống này; vả lại cũng chẳng có bất luận một điều nào đi đến để làm thành chướng ngại vật hầu cản ngăn được cả. Tuy nhiên có một vài người cũng có thực hành nhưng không được suôn sẻ, bởi do có người khác đi đến cản ngăn liên quan với tài sản của cải, vàng bạc cũng có; hoặc do dính líu với bệnh hoạn tai ương bức bách hành hạ cũng có. Với những thể loại này đã làm cho tâm trí của người ấy trái lại có sự khổ sở ưu não khởi sinh lên lần nữa; và hậu quả cuối cùng khi tầm cầu con đường cứu vãn thì đã không có được, chỉ có thể đi đến hủy diệt sinh mạng của mình, hoặc có thể có người khác đi đến cản ngăn. Thế nhưng cho dù như thế nào, việc thực hành ở thể loại Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc đây, sẽ làm cho được thành tựu suôn sẻ hoặc không được suôn sẻ đi nữa, thì hậu quả cuối cùng khi tử vong lìa khỏi kiếp sống này đi rồi, cũng phải bị thụ lãnh sự đau khổ ở trong Cõi Khổ Thú bởi do nương vào sự tham ái, sự si mê và sự tà kiến ấy vậy.

Tóm lại, việc thực hành ngõ hầu kỳ vọng sẽ cho được thoát khỏi khổ đau hiện hành trong đường lối Thế Tục; và việc thực hành ở những thể loại Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh, Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc đây, ở phần đa số là việc thực hành của nhóm **Ngu Muội Phàm Phu (Andhaputhujjana).** Còn việc thực hành ở những thể loại thực hiện Xả Thí, Trì Giới,

Tu Tập An Chỉ đây, ở phần đa số là việc thực hành của nhóm **Mỹ Hảo Phàm Phu (Kalyāṇaputhujjana).** Tuy nhiên những thể loại thực hành này cũng chẳng phải làm thành đạo lộ để sẽ thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Não, và rồi cho đạt đến sự diệt tắt khổ đau một cách xác thực được. Vả lại sự việc là như vậy cũng bởi vì đích thị chính những hạng người này chẳng có hiểu biết ở trong việc thực hành để làm thành đạo lộ cho đạt đến sự diệt tắt một cách kiên quyết hết tất cả mọi khổ đau.

Điều thực hành để làm thành đạo lộ cho đạt đến sự diệt tắt hết mọi khổ đau, đấy chính là việc tiến tu Bát Chi Đạo hữu quan với Tứ Niệm Xứ, và chỉ có ngần ấy thôi. Còn ngoài ra của việc thực hành này rồi, chả là việc thực hành ấy sẽ được thực hiện một cách hoàn toàn vất vả khổ sở đi nữa, hoặc sẽ là vi tế tinh lương như thế nào đi nữa, hoặc sẽ sử dụng thời gian thực hành lâu dài bằng chừng nào đi nữa; tất cả những điều ấy cũng chẳng phải làm thành đạo lộ để sẽ thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Não, và rồi sẽ đạt đến sự diệt tắt hết tất cả sự khổ đau. Có nghĩa là cần nên ghi nhớ rằng việc thực hành và sự kiên trì đối với việc thực hành đấy phải luôn được thường xuyên, vả lại cũng cần xác tín rằng ấy là của mình và để sẽ làm thành đạo lộ chân chánh cho chính mình.

Với lý do này, Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Atthakatha)** nói rằng:

Yathābhūtaṃ ajānantā Suddhikāmāpi ye idha

Visuddhiṃ nādhigacchanti Vāyamantāpi yogino

Hành Giả là bậc đã kết hợp với sự nỗ lực tinh cần trong việc tiến tu tất cả những thể loại tu tập, cho dù đã có sự kỳ vọng đạt sự thanh tịnh ở trong Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác và đã có sự nỗ lực tinh cần thực hành theo đi nữa; tuy nhiên lại bất liễu tri trong Chánh Đạo thể theo Pháp Chân Lý, thế thì các bậc hành giả ấy ắt hẳn không thể nào thành đạt sự thanh tịnh được.

Thế nhưng dù sao đi nữa, tất cả những hạng người ấy vẫn cứ rủ nhau thực hành theo các học thuyết tín ngưỡng của mình, cũng với chủ tâm sẽ cùng nhau đạt đến sự diệt tận hết tất cả các sự đau khổ. Tuy nhiên các sự đau khổ ấy lại không thể nào được diệt tận thể theo sự kỳ vọng, mà trái lại càng khởi lên trầm trọng hơn nữa. Hoặc chẳng là như thế, thì việc sinh lão bệnh tử hiện hữu trong Vòng Luân Hồi ấy vẫn cứ kéo dài mải bất khả cùng tận. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi một vài nhóm người ở trong Đạo Giáo của Đức Phật, thế nhưng lại chẳng có một sự sở nguyện nào về bất luận một trong những thể loại thuộc Chánh Đẳng Giác Trí, Độc Giác Trí, Chí Thượng Thinh Văn Giác Trí, Đại Thinh Văn Giác Trí; luôn cả có sở nguyện cho được thoát khỏi khổ đau và cho được chứng đạt đến Níp Bàn đơn nhất chỉ một lần một. Như thốt lên lời sở nguyện rằng **Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayaṃ vahaṃ hotu - Do Quả Phước Báu này xin cho được diệt tận Lậu Hoặc.** Tuy nhiên vị hành giả ấy cũng vẫn có sự duyệt ý thực hành đơn nhất chỉ có Xả Thí, Trì Giới, cùng với An Chỉ Tu Tập, và chẳng có thực hành cho chứng đạt đến Chi Đồ Đạo ở trong đạo lộ của cả Tứ Niệm Xứ; chính bởi do thế việc thực hành như vậy cũng vẫn được tính kể là vẫn đang hiện hành với mãnh lực **Tham Ái.** Với lý do này, vị hành giả thực hành ở những thể loại này mới vẫn còn phải bị

sinh lão bệnh tử ở trong Vòng Luân Hồi thêm nhiều nữa với thời gian lâu dài; quả là đối nghịch với sự kỳ vọng của chính mình.

+ Người đã thực hành theo **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh** đấy, đã thực hành hiện hành với mãnh lực **Tà Kiến** và **Si Mê;** chính vì thế mới trổ sinh quả báo cho đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Tuy nhiên vị hành giả ấy cũng vẫn không tự cảm nhận được rằng việc thực hành như vậy chẳng phải là đạo lộ để sẽ thanh lọc Phiền Não và sẽ đạt đến sự diệt tắt khổ đau.

+ Còn người đã thực hành thể loại **Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc** đấy, thì chẳng phải chỉ là người chấp thủ những học thuyết tín ngưỡng khác để sẽ thực hành như vậy, mà ngay cả chấp thủ vào Đạo Giáo của Đức Phật cũng có thực hành như nhau. Chẳng hạn như với người chẳng thấy sự lợi ích ở trong việc thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; có quan điểm rằng sự an lạc hữu quan với Níp Bàn thì chẳng có chi là đặc biệt cả, mà đích thị chính là ở trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng đây, chúng ta có sự kỳ vọng mong mỏi điều chi, hoan hỷ duyệt ý với điều chi thì vẫn cứ thực hành theo sự duyệt ý của mình; đại loại như là mong mỏi sẽ trông thấy điều chi thì cứ việc trông thấy, mong mỏi sẽ lắng nghe điều chi thì cứ việc lắng nghe, mong mỏi sẽ ăn vật thực chi thì cứ việc ăn, mong mỏi sẽ ngủ nghỉ thì cứ việc ngủ nghỉ, mong mỏi sẽ đi đâu thì cứ việc đi, mong mỏi sẽ làm điều chi thì cứ việc làm, mong mỏi sẽ nói điều chi thì cứ việc nói, v.v. ai sẽ là như thế nào thì cũng vẫn cứ mặc kệ. Đích thị chính việc tự thực hành thể loại này, được gọi là thực hành cho thoát khỏi khổ đau, cho được đón nhận sự an lạc; bởi do thế việc thực hành như vậy mới hiện hành với mãnh lực của **Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê;** ắt hẳn trổ sinh quả báo cho người ấy phải đi tái sinh ở một trong những Cõi Thống Khổ. Vả lại người ấy cũng chẳng có tự cảm nhận rằng việc thực hành như vậy thì chẳng phải là đạo lộ để sẽ thanh lọc Phiền Não và cho đạt đến sự diệt tắt khổ đau.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau **(Bất Tri Đạo Đế).**

5. Bất Tri Quá Khứ (Pubbante añāṇaṃ): Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, đó là:

Câu nói rằng "Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ" đấy, là nói theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện.** Một khi nói theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì đích thị chính là tất cả Chúng Hữu Tình đã từng Sinh và Tử ấy vậy. Bởi do thế, trong điều nói rằng **Pubbante añāṇaṃ** đây, là cũng lập ý đến "bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng tái sinh thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên cũng có, hoặc Phạm Thiên cũng có, hoặc Hữu Tình Khổ Thú cũng có; thế nhưng đối với ở trong kiếp sống kế tiếp thì nhận biết rằng sẽ còn phải tái sinh lại nữa." Chẳng hạn như có người có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã sáng tạo ra; chính vì thế một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung rồi, thì sẽ phải đi tái sinh theo mệnh lệnh của Đấng Thượng Đế lại thêm lần nữa.

6. Bất Tri Vị Lai (Aparante añāṇaṃ): Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Vị Lai, đó là:

Uẩn, Xứ, Giới ở Thời Kỳ Vị Lai tức là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú tiếp nối từ ở nơi kiếp sống này. Bởi do thế, trong điều nói rằng **Aparante añāṇaṃ** đây, là cũng lập ý đến người có quan điểm rằng "tự bản thân hoặc tha nhân một khi đã mệnh chung lìa khỏi kiếp sống này rồi, thì không còn phải tiếp tục đi tái sinh lại nữa." Tuy nhiên lại có niềm xác tín rằng tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn đã có từng sinh ở trong kiếp sống trước. Nhóm người có quan điểm như vậy, thì đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng với nhau, ngay cả người đã chấp thủ vào Đạo Giáo của Đức Phật có cùng quan điểm như vậy cũng vẫn có. Những hạng người này bất xác tín rằng một khi đã mệnh chung rồi, thì sẽ phải tiếp tục còn đi tái sinh lại nữa; tuy nhiên lại xác tín rằng đã từng có tái sinh ở trong kiếp sống trước, bởi do dựa vào sự việc đã từng hội kiến với bậc có được Túc Mạng Minh ở trong việc truy niệm kiếp sống ấy vậy.

7. Bất Tri Quá Khứ Vị Lai (Pubbantāparante añāṇaṃ): Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai, đó là:

Ấy chính là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú đã từng có tái sinh ở trong thời Quá Khứ và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh ở trong kiếp sống kế sau. Bởi do thế, trong điều nói rằng **Pubbantāparante añāṇaṃ** đây, là cũng lập ý đến "người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tái sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh ở trong kiếp sống kế sau". Nhóm người có quan điểm như vậy, thì cũng đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng tương tự như nhau, là do bởi nhóm người này không từng được tiếp thụ việc nghiên cứu học hỏi ở trong Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; vả lại cũng không từng thực hành Minh Sát Nghiệp Xứ, luôn cả cũng vẫn chưa từng hội kiến với bậc có được Túc Mạng Minh ở trong việc truy niệm kiếp sống.

8. Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatāpaṭiccasamup pannesu dhammesu añāṇaṃ): Bất liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh, đó là:

Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, v.v. và việc trông thấy, việc được lắng nghe, được ngửi, nếm vị, xúc chạm; với tất cả những thể loại này đều toàn là **Quả** phát sinh từ ở **Nhân** mà ấy chính là việc tác hành với Thân, Ngữ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện đã làm thành **Nhân cũ** có **Vô Minh, Ái Dục** làm Căn Nguyên. Và do bởi nương vào chỗ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. vả lại cũng có việc tác hành với Thân, Ngữ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện khởi sinh lên lần nữa đã làm thành **Nhân mới** có **Ái Dục, Vô Minh** làm Căn Nguyên; và hơn thế nữa đã làm cho sắc thân cùng với việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. được gọi với nhau rằng là "người ấy, người này" làm thành **Quả** lại tiếp tục khởi sinh lên lần nữa. Nhân và Quả như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi trình bày thể theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh, có nghĩa các việc tạo tác làm thành **Nhân cũ** đấy, tức là Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu; còn tất cả Chúng Hữu Tình và việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. làm thành Quả sinh khởi lên đấy, là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ. Việc tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất

cả Chúng Hữu Tình làm thành **Nhân mới** đấy, là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, và Hành; còn tất cả Chúng Hữu Tình với việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. sẽ làm thành Quả sinh khởi nối tiếp đấy, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ.

Sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi thẩm sát cũng sẽ trình bày cho được thấy rằng chẳng có chi ngoài ra Pháp làm thành Nhân Pháp làm thành Quả cả, và nương tựa lẫn nhau để cùng sinh khởi chỉ ngần ấy thôi. Thế nhưng với hạng **Ngu Muội Phàm Phu (Andhaputhujjana),** là người chẳng có Trí Tuệ để nhìn thấy được điều ấy, và ắt hẳn sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập đến ở tại đây; trái lại hiểu biết với nhau rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện bày hằng mỗi ngày ở trong Thế Gian này, là đã được sinh khởi cũng do bởi Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã kiến tạo ra. Một vài nhóm người cũng có sự hiểu biết rằng chẳng có Nhân Quả chi cả, và tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi là cũng do bởi có người Mẹ người Cha mà ra vậy thôi. Đích thị chính là sự bất liễu tri trong Nhân Quả từ ở sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh đây, nên đã được gọi tên là **Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ).**

Lại nữa, Vô Minh có thực tính bưng bít, không cho phát sinh lên sự hiểu biết về Chân Lý, đã được chia ra thành nhiều phân loại với nhau như sau:

1. Một vài hạng người bất liễu tri rằng việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; việc tạo tác như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do mãnh lực từ nơi Vô Minh đã bưng bít để không cho được hiểu biết. Bởi do thế, hạng người này mới táo bạo đến mức liều lĩnh tạo tác trong những Ác Hạnh một cách chẳng có ý thức và chẳng nể sợ tàm quý chi cả. Thể loại Vô Minh này thuộc loại **Vô Minh ở phần đại đa số.**

2. Một vài hạng người liễu tri việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do thế hạng người này một khi Bất Thiện khởi sinh lên thì cũng có khả năng kiềm chế, và không cho xâm lấn đến Thân, Lời; thế rồi chuyển đổi tâm thức và tác hành hành động ấy cho thành Thiện khởi sinh lên. Vô Minh của hạng người này được sắp thành loại **Vô Minh ở phần nhiều.**

3. Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai, Nhất Lai, Bất Lai; và đã được xứng danh là bậc liễu minh Tứ Thánh Đế; tuy nhiên vẫn chưa tiệt diệt hết cả Vô Minh. Bởi do thế, Vô Minh của những bậc Thánh Nhân này là **Vô Minh ở phần cuối cùng.**

Bậc đã tiệt diệt hết cả Vô Minh thì chỉ có duy nhất là Bậc Vô Sinh; bởi do thế việc bưng bít không cho hiểu biết thể theo sự việc thành Chân Lý của Vô Minh đây, chỉ mới không có hiện hữu đối với tất cả Bậc Vô Sinh. Tuy nhiên nếu giả như sẽ vấn hỏi rằng Bậc Vô Sinh một khi đã không còn có Vô Minh thì cũng có khả năng liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không ? Giải đáp rằng "Chẳng phải là như thế !" Việc liễu tri của Bậc Vô Sinh thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Trí Tuệ. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác thì toàn tri diệu giác chẳng có dư sót. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Độc Giác thì chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc ở phần **Nghĩa Vị (Attharasa),** còn đối với sự liễu tri ở trong thực tính sự hiện

hành của Danh Sắc thể theo **Pháp Vị (Dhammarasa)** ở phần **Pháp Học (Pariyatti)** thì không thể hiểu biết được. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác, Đại Thinh Văn, thì thường liễu tri được cả hai Nghĩa Vị và Pháp Vị, tuy nhiên không thể thấu hiểu bằng với Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Tóm lại, cho dù Bậc đã thành tựu viên mãn thành Bậc Vô Sinh và đã đoạn tận Vô Minh đi nữa, thế nhưng nếu nhỡ như không phải là **Bậc Vô Ngại Giải Giả (Paṭisambhidā patta)** và không có được học hỏi ở trong Tam Tạng và Chú Giải, thì cũng không thể nào thấu hiểu được ở trong Pháp Học. Vả lại cho dù sẽ có được thấu hiểu ở trong Pháp Học một cách tốt đẹp đi nữa, tuy nhiên dứt khoát là cũng không có khả năng để liễu tri đến tính khí của hết tất cả **Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục** một cách thấu đáo được; vì lẽ có được việc hiểu biết như vầy, là không thuộc **Phạm Vi (Visaya – Lãnh Vực)** của tất cả Chúng Thinh Văn, mà duy nhất chỉ là thuộc phạm vi của Bậc Chánh Đẳng Giác ngần ấy thôi. Và trong sự việc tất cả các Bậc Vô Sinh không thể liễu tri cùng khắp hết cả, cũng chẳng phải là do bởi Vô Minh đã bưng bít không cho được hiểu biết, chẳng là do bởi năng lực của Trí Tuệ không được đầy đủ thôi. Chẳng hạn như một người chẳng trông thấy một vật thể ở nơi xa trong thời gian giữa ban ngày. Việc chẳng được trông thấy đây, cũng chẳng phải là do bởi bóng tối bưng bít che khuất lấy, mà trái lại chính là do bởi năng lực của thị lực chẳng được đầy đủ. Điều này như thế nào, thì Bậc Vô Sinh không có khả năng để liễu tri hết tất cả, là cũng do bởi năng lực từ nơi Trí Tuệ không được đầy đủ như đã vừa đề cập đến cũng dường như thế ấy.

Việc bưng bít của Vô Minh ở chỗ bất liễu tri thể theo Chân Lý thì cũng chỉ hiện hữu vỏn vẹn với tám thể loại, đó là: cả Tứ Đế, và Quá Khứ, Vị Lai, Quá Khứ và Vị Lai, Liên Quan Tương Sinh chỉ ngần ấy thôi. Còn việc bất liễu tri ở trong các câu chuyện khác mà bất hữu quan với Vô Minh, thì như có kiểu mẫu tích truyện điển hình để trình bày cho được thấy như sau: Trưởng Lão **Sāriputta** là Bậc có Trí Tuệ thù thắng hơn tất cả các Bậc Thinh Văn, chỉ ngoại trừ Bậc Chánh Đẳng Giác ra thôi, thì chẳng có một ai có được Trí Tuệ để sánh bằng; thế mà cũng vẫn từng sai trật ở trong câu chuyện chỉ bảo Nghiệp Xứ cho đối với nhóm Chư Tỳ Khưu môn đồ của Ngài. Sẽ nói đến là Ngài có sự hiểu biết rằng nhóm Chư Tỳ Khưu trẻ này đang ở chạn tuổi thanh xuân, vì thế tâm trí sẽ xiêu ngã hướng theo ở trong Cảnh Dục Trần. Khi đã là như vậy, Ngài đã chỉ bảo cho thẩm sát **Bất Tịnh Nghiệp Xứ (Asubhakam maṭṭhāna).** Nhóm Chư Tỳ Khưu đã nỗ lực thẩm sát Bất Tịnh Nghiệp Xứ này suốt trọn cả bốn tháng, và cũng chẳng có gặt hái bất luận một kết quả nào cả, ngay cả điềm trẫm triệu cũng chẳng có hiện bày; chả vì Nghiệp Xứ đây chẳng ăn khớp với tính nết của mình. Trưởng Lão **Sāriputta** mới bèn dắt dẫn đi đến tác bạch với Đức Thế Tôn cho được biết hết mọi sự việc. Đức Thế Tôn mới liền biến hóa ra một đóa hồng liên cho nhóm Chư Tỳ Khưu này thẩm thị, vì lẽ Ngài đã liễu tri ở trong tính khí của nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã từng có tái sinh làm thợ kim hoàn đến năm trăm kiếp sống; bởi do thế, đóa hồng liên này mới làm thành Nghiệp Xứ vừa thích hợp với tính khí. Ngài đã biến hóa cho từng mỗi cánh hoa đã phải héo dần xuống, mỗi lần một ít và như thế từng tí một, để cho thực tính ở phần Vô Thường có được hiện bày; và chính trong cùng một ngày ấy, thì nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã thành tựu viên mãn thành **Bậc Vô Sinh Lậu Tận (Arahantakhīṇāsava).** Dẫn chứng tích truyện này để làm thành điều

trình bày cho được thấy rằng Bậc đã hoàn toàn tiệt diệt Vô Minh đi rồi, thế nhưng không hẳn đã là tường tri và thấu triệt ở trong tất cả mọi sự việc sự tình, và cũng chẳng phải là do Vô Minh bưng bít che khuất lấy, mà đích thị chính do bởi năng lực Trí Tuệ không được tròn đủ, như đã vừa đề cập ở tại đây rồi vậy.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA VÔ MINH

1. Bất Tri Trạng Thái (Aññāṇalakkhaṇā): Có sự bất liễu tri làm thành trạng thái, hoặc làm thành đối nghịch đối với Trí Tuệ.

2. Si Độn Phận Sự (Sammohanarasā): Thường luôn làm cho Pháp phối hợp với mình và người đang khởi sinh si mê có sự lầm lạc hoặc mê mờ tăm tối, làm thành phận sự.

3. Yểm Cái Thành Tựu (Chādanapaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng bưng bít che khuất thực tính đang hiện hữu ở trong các Cảnh ấy.

4. Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna): Có ba Lậu Hoặc làm thành Nhân cận lân (loại trừ chính tự mình).

HÀNH (SAṄKHĀRA)

Từ ngữ **Saṅkhāra (Hành)** có ý nghĩa Pháp tác hành làm cho Pháp Quả sinh khởi; như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Saṅkhataṃ saṅkharoti abhisaṅkharontīti = Saṅkhārā** - Những thể loại Pháp chủng nào thường tác hành một cách trực tiếp **Pháp Hữu Vi (Saṅ khatadhamma)** cho làm thành quả báo; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chủng ấy là **Hành.** Tức là Tư Tâm Sở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Hoặc một trường hợp khác: **Saṅkhataṃ kāyavacīmanokammaṃ abhisaṅkharonti etehīti = Saṅkhārā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường tác hành Thân Nghiệp Lực, Ngữ Nghiệp Lực, Ý Nghiệp Lực là Pháp Hữu Vi do bởi những Tư Tâm Sở ấy; bởi do thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân tác hành những thể loại ấy, được gọi tên là **Hành.** Tức là Tư Tâm Sở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Có 6 Thể Loại **Hành** Làm Thành **Quả** Của **Vô Minh**, đó là:

1. Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Thiện; là 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện và 5 Tư Tâm Sở Thiện Hữu Sắc Giới.

2. Phi Phúc Hành (Apuññābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện.

3. Bất Động Hành (Āneñjābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Vô Sắc Giới; là 4 Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Giới.

4. Thân Hành (Kāyasaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan với Lộ Thân Môn.

5. Ngữ Hành (Vacīsaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Ngữ Ác Hạnh và Ngữ Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan với Lộ Ngữ Môn.

6. Tâm Hành (Cittasaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế hữu quan với Lộ Ý Môn.

Đối với Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế, một cách xác thực cũng vẫn được gọi tên **Puñña (Phước Báu),** tuy nhiên không được gọi là **Puññābhisaṅkhāra (Phúc Hành)**, bởi vì không có chức năng để làm cho sinh khởi lên kiếp sống, lên chủng loại là những thành phần thuộc về Vòng Luân Hồi; vả lại đơn nhất chỉ có chức năng hủy diệt các kiếp sống, chủng loại thôi; bởi do thế mới không đem đến trình bày ở trong chỗ này.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Saṅkhāra (Hành)** là một danh từ bao hàm nhiều ý nghĩa, và nên được hiểu biết tùy theo từng mỗi đoạn văn. Tại đây, **Saṅkhāra** là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** Bất Thiện, Thiện và Bất Động **(Āneñjā – không chuyển động),** vốn tạo tác ra Nghiệp Lực dắt dẫn đưa đi tái sinh. Tư Tâm Sở Bất Thiện bao gồm tất cả những Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện. Tư Tâm Sở Thiện bao gồm tất cả những Tư Tâm Sở trong 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới. Tư Tâm Sở Bất Động bao gồm tất cả những Tư Tâm Sở trong 4 Tâm Thiện Thiền Vô Sắc Giới.

Saṅkhāra (Hành) là một trong Ngũ Uẩn, là danh từ gọi chung cả 50 Tâm Sở, ngoại trừ hai Tâm Sở Thọ (Thọ Uẩn) và Tưởng (Tưởng Uẩn). Tư Tâm Sở của bốn Tâm Đạo Siêu Thế không được xem là **Saṅkhāra (Hành),** vì lẽ có chiều hướng diệt trừ Vô Minh. **Trí Tuệ (Paññā)** là một yếu tố trưởng trội trong những thể loại Tâm Siêu Thế; trong khi đó trái lại Tư Tâm Sở là một yếu tố trưởng trội trong những thể loại Tâm Hiệp Thế. Vô Minh là một yếu tố trưởng trội trong những thể loại Tâm Bất Thiện, cùng lúc đó cũng có ngủ ngầm trong những thể loại Tâm Thiện. Do đó cả hai – tác hành Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế và tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực – đều được xem là bắt nguồn từ nơi Vô Minh].

+ Trình bày các câu Chú Giải nói rằng: Puññābhisaṅkhāra (Phúc Hành) v.v.: Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ - Pháp chủng nào thường thanh lọc Uẩn Giới của mình, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Puñña (Phước Báu).**

Na puññaṃ = Apuññaṃ - Pháp chủng nào thành đối nghịch đối với Phước Báu, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Tội Lỗi, **Xấu Ác (Pāpa).**

Na añjatīti = Aniñjaṃ, Aniñjaṃyeva = Āneñjaṃ - Pháp chủng nào làm thành người kiên trụ bất chuyển động, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Dao Động (Aniñja);** và đích thị chính Pháp chủng bất chuyển động ấy được gọi tên là **Bất Động (Āneñja).**

Puññañca taṃ abhisaṅkhāro cāti = Puññābhisaṅkhāro - Pháp chủng nào vừa làm Phước Báu, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phúc Hành.**

Apuññañca taṃ abhisaṅkhāro cāti = Apuññābhisaṅkhāro - Pháp chủng nào vừa làm tội lỗi, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phi Phúc Hành.**

Aneñjañca taṃ abhisaṅkhāro cāti = Āneñjābhisaṅkhāro - Pháp chủng nào vừa kiên trụ bất chuyển động, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Động Hành.**

Kāyaṃ saṅkhārotīti = Kāyasaṅkhāro - Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Thân, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Thân Hành.**

Vācaṃ saṅkhārotīti = Vacīsaṅkhāro - Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Lời, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Ngữ Hành.**

Cittaṃ saṅkhārotīti = Cittasaṅkhāro - Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Tâm, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Tâm Hành.**

Trong những thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh đấy, thì chỉ riêng với những thể loại Phúc Hành hữu quan với Đại Thiện và Phi Phúc Hành đây, đã được thành tựu với Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực. Còn những thể loại Phúc Hành hữu quan với Thiện Hữu Sắc Giới và Bất Động Hành đây, thì duy nhất chỉ được thành tựu với Ý Hành Nghiệp Lực.

Phúc Hành được thành tựu với mãnh lực **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā). Phi Phúc Hành** được thành tựu với mãnh lực **Thập Ác Hạnh (Duccarita). Bất Động Hành** được thành tựu với mãnh lực từ nơi **Tu Tập (Bhāvanā).**

CÓ BẢY THỂ LOẠI PHÁP XỨNG DANH HÀNH THẾ NHƯNG BẤT THÀNH QUẢ VÔ MINH, Đó Là:

1. Phối Chế Hành (Saṅkhatasaṅkhāra): Những Pháp đã bị Tứ Tác Duyên tạo tác, đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và toàn bộ hết cả thảy; chẳng hạn như **Aniccā vata saṅkhāra** - Chư Hành Vô Thường.

2. Tạo Thành Hành (Abhisaṅkhatasaṅkhāra): Danh Sắc bị Nghiệp Lực làm người tác hành một cách trực tiếp; tức là Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, và Tạo Thành Hành đây cũng được liệt kê vào trong Phối Chế Hành tương tự như nhau.

3. Kiến Thủy Hành (Abhisaṅkharaṇakasaṅkhāra): Pháp làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế.

4. Cần Ích Hành (Payogābhisaṅkhāra): Sự nỗ lực tinh cần tác hành theo Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn; là Tâm Sở Cần hữu quan với Thân Nghiệp Lực và Ý Nghiệp Lực.

5. Thân Hành (Kāyasaṅkhāra): Pháp chủng tác hành với sắc thân, là hơi thở vô ra.

6. Ngữ Hành (Vacīsaṅkhāra): Pháp chủng tác hành qua lời nói, là Tầm và Tứ.

7. Tâm Hành (Cittasaṅkhāra): Pháp chủng tác hành ở tâm thức; là Tưởng, Thọ; hoặc 50 Tâm Sở (loại trừ Tầm, Tứ).

Ghi chú: Trong điều thứ 4, đó là **Cần Ích Hành** đã không lấy Tâm Sở Cần hữu quan với Ngữ Nghiệp Lực; là bởi vì Tâm Sở Cần không có được làm trưởng trội ở Lộ Ngữ Môn, và duy nhất chỉ có hữu quan với Tầm Tứ thôi.

+ Phúc Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Người đã có sự sùng tín duyệt ý ở trong những việc Tác Phúc, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh và lanh lợi; hoặc được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khốn khổ trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ nơi việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thảy. Khi đã là như vậy rồi, thì người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chỉ tu tập Minh Sát Tuệ cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khấn nguyện rằng **Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu - Do Quả Phước Báu này xin làm duyên đến Níp Bàn,** thế mà, lời khấn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói thôi; còn tâm thức thì lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì người ấy không có trông thấy tác nghiệt của **Khổ - Tập;** và không trông thấy ân đức của **Diệt – Đạo.** Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đấy, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiền Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; vả lại cũng chính do bởi mãnh lực từ nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ nơi **Vô Minh.**

+ Phi Phúc Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Một vài người chẳng có tin rằng tác hành Thiện Sự là Phước Báu, và tạo tác điều xấu ác là Tội Lỗi; bởi do thế nhóm người này mới có sự duyệt ý trong việc tạo tác những Ác Hạnh,

có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, lường gạt, ẩm tửu, v.v. Hoặc một vài người cũng hiểu biết được rằng tạo tác các việc xấu ác ấy là bất thiện, là tội lỗi; thế nhưng bản thân thì cũng vẫn không từ bỏ; bởi do thế nhóm người này cũng có duyệt ý trong việc tạo tác những Ác Hạnh tương tự như nhau. Hoặc một vài người chấp thủ tà thuyết với những tín điều ở Thượng Đế, hiểu biết rằng nếu như sát mạng Hữu tình rồi lấy đem cúng dường đến Thượng Đế hoặc Quỷ Thần như vậy rồi thì Thượng Đế hoặc Quỷ Thần sẽ ban phát cho thành tựu thể theo sự nguyện vọng của mình, và sẽ phù hộ cho luôn được mát lành trong sự an lạc suốt trọn cả cuộc đời; vả lại một khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì Thượng Đế hoặc Quỷ Thần ấy sẽ sắp xếp nâng đỡ cho Thức của mình được đi đến Cõi Thiên Đàng; bởi do thế, nhóm người này mới sát mạng Chúng Hữu Tình để lấy đem đi cúng dường điều mà mình đã thủ tín. Việc tạo tác những Ác Hạnh của những hạng người như đã vừa đề cập đến đây, là cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt của **Khổ - Tập** và chẳng có tư duy đến ân đức của **Diệt – Đạo,** và cũng chính do bởi mãnh lực từ nơi **Si Mê** bưng bít che khuất lấy; bởi do thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phi Phúc Hành** làm **Quả** từ nơi **Vô Minh.**

+ Bất Động Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng sự khổ đau với biết bao sự thống khổ mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải thụ lãnh ấy, chính là thường hữu quan từ ở nơi Sắc Pháp làm thành Tác Nhân; vì lẽ một khi đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi thì sẽ phải có việc mong muốn được trông thấy, mong muốn được lắng nghe, mong muốn được ngửi, mong muốn được biết vị, mong muốn được đụng chạm. Những thể loại này mà nếu nhỡ như không hiện hành thể theo sở nguyện vọng, thì ắt hẳn sẽ phát sinh lên sự khốn khổ ưu não, hoặc sẽ có những sự ốm đau với bao điều bất an; và đích thị là cũng chính do bởi dựa vào có sắc thân ấy vậy. Nếu giả như không có sắc thân này đi rồi, thì bao sự thống khổ ấy cũng không nào có được, và duy nhất là chỉ có sự an lạc thôi. Chính vì lẽ ấy, nhóm người này mới nỗ lực tầm cầu đạo lộ để sẽ làm cho Sắc Pháp không còn khởi sinh lên; bằng với sự nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho được chứng đắc theo tuần tự các tầng Thiền Định chí đến cả các tầng Thiền Vô Sắc Giới vậy. Hoặc Bậc đã chứng đắc Thiền Hữu Sắc Giới rồi, và tất cả nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới có quan điểm rằng Thiền Hữu Sắc Giới mà mình đã có đây, một khi đem so sánh với Thiền Vô Sắc Giới thì vẫn không có sự tinh lương bằng, vì lẽ vẫn còn đang dao động do bởi mãnh lực từ ở nơi Chi Thiền và Cảnh. Còn đối với Thiền Vô Sắc Giới ấy, rằng khi tính theo Chi Thiền thì chỉ có **Chi Xả (Upekkhā)** với **Nhất Thống (Ekaggatā)** mà ấy chính là thực tính kiên trụ bất dao động; rằng tính theo Cảnh thì cũng có nhiều sự vi tế tinh lương hơn Cảnh của Thiền Hữu Sắc Giới; bởi do thế Bậc đã được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới mới có nhiều sự an lạc, và một khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng được thọ sinh thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, chỉ có Danh Pháp và thoát khỏi tất cả mọi khổ đau. Thế là, các Ngài ấy mới nỗ lực thực hành tầng Thiền Định nối tiếp cho đến được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới.

Nhóm người có quan điểm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là cũng do bởi vẫn có sự si mê bưng bít không cho thấy ở trong Tứ Thánh Đế; có nghĩa là cho dù tất cả nhóm Phạm

Thiên Vô Sắc Giới sẽ không có Khổ Thân – Khổ Tâm, vì lẽ xung quanh chẳng có điều chi để sẽ làm cho phát sinh các sự khốn khổ ưu não đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không trốn thoát khỏi sự tử vong, mà đấy chính là một thể loại **Tử Khổ (Maraṇadukkha).** Một trường hợp khác nữa, một khi mãnh lực từ nơi Thiền Vô Sắc Giới đã hoại diệt đi, thế thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, sẽ phải bị tiếp xúc với biết bao sự vất vả khốn khổ hiện hữu ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới. Vả lại, khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng có thể sẽ phải đi tái sinh ở trong Cõi Khổ Thú, và cũng phải bị tiếp xúc **Khổ Cự Đại (Mahādukkha).** Sự việc không thấy tác nghiệt của Thiền Vô Sắc Giới, và đích thị chính việc làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới đây, mới được gọi là **Bất Tri Khổ Đế (Dukkhe aññāṇaṃ).**

Trong sự việc có sự hân hoan duyệt ý mong muốn có được Thiền Vô Sắc Giới, mong muốn thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, là cũng với mãnh lực từ nơi **Ái Dục (Taṇhā)** làm thành cái nguyên nhân đầu tiên cho sinh khởi sự khổ đau. Tuy nhiên người ấy cũng không thấy tác nghiệt của việc hân hoan duyệt ý trong Thiền Vô Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là **Bất Tri Tập Đế (Dukkhasamudaye aññāṇaṃ).**

Bậc đã thọ sinh thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, và chỉ có sát trừ khổ đau bằng với phương cách **Giải Trừ (Vikkhambhana),** mà chẳng phải là **Bính Tuyệt (Samuccheda);** bởi do thế sự an lạc của nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới đang thụ lãnh ấy mới chẳng phải là sự an lạc một cách xác thực; mà đó chỉ là sự an lạc hữu quan với **Hành Khổ (Saṅkhāradukkha)** và **Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha).** Việc sát trừ khổ đau một cách bính tuyệt, và có được sự an lạc một cách xác thực, thì chỉ có một thể loại đơn nhất và đấy chính là Níp Bàn thôi. Tuy nhiên vị ấy cũng chẳng có được biết đến, mà lại nghĩ rằng sự an lạc ở trong Thiền Vô Sắc Giới và thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, mới chính là sự an lạc một cách tuyệt hảo; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là **Bất Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe aññāṇaṃ).**

Lời giải thích như đã vừa đề cập đây, là việc đề cập đến **Vô Minh** làm **Nhân** và **Bất Động Hành** làm **Quả.**

Lại nữa, người chỉ trông thấy tác nghiệt của Sắc Pháp, nhưng lại không trông thấy tác nghiệt của Danh Pháp; thế rồi cũng thực hành Thiền Vô Sắc Giới đấy, đa số chỉ hiện hành trong khoảng thời gian không có Phật Giáo; còn đối với trong thời kỳ Phật Giáo thì chỉ là thiểu số. Còn Bậc đã chứng đắc được Thiền Định rồi lại tiếp tục thực hành cho đến chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới trong thời kỳ Phật Giáo, thì chẳng phải thực hành cho được tiến triển vì trông thấy tác nghiệt của Sắc Pháp, mà thực ra chỉ thực hành nhằm để thực hiện **Thắng Trí (Abhiññā);** và hơn nữa, nếu đã là Bậc Bất Lai hoặc Bậc Vô Sinh thì cũng nhằm để cho nhập được **Thiền Diệt (Nirodhajhāna)** thôi. Tuy nhiên, dù sao đi nữa ngoại trừ Bậc đã có sở nguyện Tuệ Chánh Đẳng Giác, Tuệ Độc Giác, Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác, Tuệ Đại Thinh Văn Giác; ngoài ra đấy, thì nên thực hành Minh Sát Tuệ nhằm để cho Tâm Đạo được phát triển lên, để rồi có khả năng diệt trừ được **Si Mê (Moha).** Và một khi đã diệt trừ được Si Mê rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ thuộc Quả của Vô Minh cũng bị diệt trừ luôn thể; vì lẽ công việc diệt trừ được Phước Báu quả là một việc làm vô cùng khó khăn; duy nhất chỉ có đặc biệt là ở trong thời kỳ Phật Giáo còn đang hiện bày thôi. Còn công việc kiến tạo Phước

Báu cho được sinh khởi thì quả là chẳng có khó nhọc chi, và được thực hiện bất kể thời gian. Người vẫn chưa tiệt diệt được Vô Minh, tuy nhiên tác hành của người ấy chẳng thành Tội Phước, và thường được vượt thoát ra khỏi Hành thì quả thực là không có vậy.

SẼ NÓI RẰNG VÌ SAO BẬC ĐÃ ĐOẠN LƯU VÔ MINH THÌ SẼ KHÔNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN XẢ THÍ, TRÌ GIỚI, TU TẬP

Một vài Ngài có thể hiểu biết sai trật rằng Bậc đã thành tựu viên mãn Quả Vô Sinh rồi, thì Tội Lỗi luôn cả Phước Báu cũng không còn sinh khởi; do bởi có lời đã nói rằng Bậc đã tiệt diệt được Vô Minh rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ là Tội Phước, với những thể loại này ắt hẳn cũng bị tiệt diệt luôn thể. Khi đã là như vậy thì lập ý rằng Bậc Vô Sinh ấy chẳng phải chỉ là không tạo tác điều tội lỗi, có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. không thôi; mà ngay cả các việc Tác Phúc có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập cũng không có thực hiện luôn. Điều này được giải thích rằng **"chẳng phải là như thế !"** vì lẽ sự thật về điều ấy, là tất cả các Bậc Vô Sinh cũng vẫn còn tác hành Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; tuy nhiên Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Bậc Vô Sinh đang thực hiện đấy, thì chẳng phải được liệt kê là Phúc Hành hoặc Bất Động Hành, vì chính những điều này là Quả của Vô Minh. Còn những việc tác hành ấy, thì được liệt kê chỉ là **Duy Tác (Kiriyā)** thuộc về **Hành Phổ Thông (Saṅkhāra sāmaññā),** và chẳng có việc cho trổ sinh quả báo nối tiếp trong Thời Tái Sinh. Việc tác hành với Thân, Lời, Ý của Bậc Vô Sinh chỗ gọi là Hành Phổ Thông đấy, thì cũng lập ý đến việc kiến tạo những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý cho được thành tựu thôi; đúng với câu đã nói rằng: **Na hi koci paṭicca samuppādarahito saṅkhatadhammo nāma atthi** - Ắt hẳn chẳng có bất luận một Pháp nào được gọi tên là Phối Chế Pháp mà vượt thoát ra khỏi Liên Quan Tương Sinh. Có nghĩa Tâm Duy Tác của Bậc Vô Sinh cũng vẫn được gọi là Hành, và cũng được liệt kê vào một Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA HÀNH

1. Kiến Thủy Trạng Thái (Abhisaṅkharaṇalakkhaṇā): Có việc tác hành tạo tác làm thành trạng thái.

2. Cần Miễn Phận Sự (Āyuhanarasā): Có việc nỗ lực làm cho Thức Tái sinh sinh khởi; hoặc nỗ lực làm cho Pháp thành Quả, ấy là khối Danh (Danh Uẩn) và khối Sắc (Sắc Uẩn) cho được sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Tư Tâm Sở Thành Tựu (Cetanāpaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng thúc đẩy lôi kéo, là hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita).**

4. Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna): Có Vô Minh làm Nhân cận lân.

Tóm lại, tất cả các việc tác hành tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn không thể nào trốn thoát ra khỏi cả Tam Hành, ấy là Phúc Hành, Phi Phúc Hành và Bất Động Hành; luôn cả có sự hân hoan duyệt ý ở trong cả Tam Hành ấy nữa. Tất cả sự việc này

cũng do bởi Vô Minh, đích thị chính là sự bất liễu minh tác nghiệt của **Khổ - Tập,** và bất liễu minh ân đức của **Diệt - Đạo.**

Bởi do thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Atthakathā)** rằng:

Maruppātaṃ dīpacciṃ — Madhulittassa lehanaṃ
Gūthakūḷaṃ visaṃ khādaṃ — Pisācanagaraṃ yathā.
Bālo karoti saṅkhāre — Tividhe dukkhahetavo
Tasmā sati avijjāya — Bhāvato hoti paccayo.

Người đã bị che lấp do bởi Vô Minh thì ắt hẳn thường hay kiến tạo cả Tam Hành có Phúc Hành v.v. và tất cả đều là Nhân Khổ Đau cả thảy. Cũng ví tựa như người nhẩy xuống vực thẳm vì đã nương dựa vào sự mong mỏi có được nàng Thiên Nữ. Hoặc ví tựa như con thiêu thân đã bay vào đống lửa do bởi có sự duyệt ý ở trong ánh sáng của đống lửa ấy vậy. Hoặc ví tựa như người liếm lưỡi dao mà người ta đã thoa mật ong lên đấy, do bởi nương vào sự duyệt ý ở trong mùi vị. Hoặc ví tựa như trẻ sơ sinh đùa nghịch với chính phẩn của mình. Hoặc ví tựa như người uống thuốc độc do bởi dựa vào sự buồn lòng muốn được chết đi. Hoặc ví tựa như người đi lạc đường vào trong thành phố Quỷ vậy. Bởi do thế, tất cả các bậc hiền đức mới liễu tri rằng Vô Minh làm duyên Hành, vì lẽ một khi đã có Vô Minh rồi, thì nhất định cả Tam Hành cũng thường luôn sinh khởi theo.

Lại nữa, người đang bước đi trong khoảng giữa màn đen u tối, thì ắt hẳn không trông thấy được con đường; bởi do thế người ấy phải bước đi một cách đoán mò dò dẫm dựa theo Phước - Nghiệp của chính mình; đúng cũng có, và sai trật cũng có. Một khi đã bước đi sai trật con đường rồi, thì cho dù có nói rằng quả thực là bởi do tăm tối mới phải bị đi trật đường đi nữa; tuy nhiên sát na đã bước đi đúng đường, thì cũng sẽ không được nói rằng là bởi do ánh sáng mới đi đúng được. Điều này nên thẩm sát cho được liễu tri như thế. Tất cả Chúng Phàm Phu đang viễn du trên lộ trình luân chuyển trong Vòng Luân Hồi, thì nên được nói rằng đấy là những hạng người đang cùng nhau bước đi trong màn đêm u tối, và thiếu người dìu dắt, đó là **Chân Giác Trí (Saccapaṭivedhañāṇa).** Chính với lý do này, việc tác hành tạo tác của những hạng người này, đôi khi thì cũng tác phúc, được gọi là Phúc Hành và Bất Động Hành; và đôi khi thì cũng tạo tội, mà gọi là Phi Phúc Hành.

Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày tiếp nối theo như vầy:

Yathāpi nāma jaccandho — Naro apariṇāyako
Ekadā yāti maggena — Kummaggenāpi ekadā.
Saṃsāre saṃsaraṃ bālo — Tathā apariṇāyako
Karoti ekadā puññaṃ — Apuññampi ekadā.

Ngu Muội Phàm Phu (Andhaputhujjana) đang bước đi trong Vòng Luân Hồi và thiếu người dìu dắt, đó là Chân Giác Trí; vì thế đôi khi ắt hẳn cũng có tác phúc, và cũng có đôi khi hẳn là tạo tội; cũng ví tựa người khiếm thị nhưng lúc sinh ra lại thiếu người dìu dắt, vì thế có đôi khi bước đi thì cũng đúng đường, và cũng có đôi khi hẳn là bước sái trật đường.

TRÌNH BÀY 24 DUYÊN TRONG CÂU VÔ MINH LÀM DUYÊN HÀNH (AVIJJĀPACCAYĀ SAṄKHĀRĀ)

1. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phúc Hành** có được hai mãnh lực Duyên: **1/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya), 2/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpa nissayapaccaya).**

[Tính giản lược thì có hai mãnh lực Duyên, như ở phần trên đã vừa đề cập đến. Tính quảng nghĩa thì có bốn mãnh lực Duyên, tức là: **1/. Cảnh Duyên** và **2/. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya), 3/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)** và **4/. Thường Cận Y Duyên.**

Lại nữa, **Phúc Hành** được phân tích ra làm hai thể loại, đó là:

+ Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Thiện Hữu Sắc Giới thì được gọi tên **Phúc Hành Sắc Giới.** Và Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Thiện thì được gọi là **Phúc Hành Dục Giới**].

2. Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi **Phi Phúc Hành** có được 15 mãnh lực Duyên:

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya): Tâm Sở Si thuộc Nhân Tương Ưng hiệp trợ Tư Tâm Sở cùng phối hợp 12 Tâm Bất Thiện.

2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya): Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện thuộc tha nhân và của mình trong cả Tam Thời (Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai) tiếp thâu Tâm Sở Si làm thành Cảnh.

3/. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya): bao gồm cả **Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇu panissayapaccaya), Cảnh Trưởng Duyên;** với Tâm Sở Si kết hợp Tâm Sở Tham đặng thành Cảnh Trưởng Duyên của Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Sở Tham.

4/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya): Tâm Sở Si phối hợp Tâm Bất Thiện sinh trước, còn Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Bất Thiện sinh sau.

5/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya): tương tự phương thức Vô Gián Duyên.

6/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Sở Si cùng câu sinh Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện.

7/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya): Tâm Sở Si cùng hỗ trợ Tư Tâm Sở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

8/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng nương tựa và câu sinh với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

9/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng nương tựa cận kề khắn khít với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

10/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya): Tâm Sở Si phối hợp với cái Tâm Bất Thiện sinh trước hỗ trợ cho Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Bất Thiện sinh sau kế đó; và Tâm Đổng Lực sinh trước hỗ trợ cho Tâm Đổng Lực sinh kế sau.

11/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng hòa hợp giúp với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

12/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng câu sinh và cùng hiện hữu trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

13/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya): Tâm Sở Si phối hợp Tâm Bất Thiện sinh trước đã vừa diệt mất, và Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Bất Thiện sinh nối tiếp kế liền sau đó.

14/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya): tương tự cùng phương thức với Vô Hữu Duyên.

15/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): tương tự phương thức với Hiện Hữu Duyên.

3. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Động Hành** có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

TỔNG KẾT, VÔ MINH LÀM DUYÊN HÀNH CÓ 17 MÃNH LỰC DUYÊN (TÍNH TRÒN ĐỦ), Đó Là:

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya)
2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)
3/. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya)
4/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya)
5/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya)
6/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)
7/. Hỗ Tương Duyên (Aññmañña paccaya)
8/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)
9/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇupanissayapaccaya)
10/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
11/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)
12/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)
13/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya)
14/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya)
15/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)
16/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)
17/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya)

Kết Thúc Vô Minh Làm Duyên Hành
----------00000----------

II. SAṄKHĀRAPACCAYĀ VIÑÑĀṆAṂ SAMBHAVANTI (HÀNH LÀM DUYÊN THỨC KHỞI SINH)

32 Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế thường hiện khởi bởi do nương vào cả **Tam Hành (Saṅkhāra) (Phi Phúc Hành, Phúc Hành và Bất Động Hành)** làm **Nhân.** Có hai thể loại **Hành,** đó là:

1/. Hành làm thành **Quả** của Vô Minh,

2/. Hành làm **Nhân** cho sinh khởi Thức.

Đối với **Hành** làm thành **Quả** của **Vô Minh** thì thường có được hết cả thảy, và không loại trừ bất luận một thể loại nào. Còn **Hành** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Thức**, thì loại trừ Tư Tâm Sở hiện hữu trong Tâm Si Tương Ưng Trạo Cử ở trong sát na Thức Tái Sinh Bất Thiện sinh khởi, bởi do nương vào **Phi Phúc Hành** làm **Nhân**; bởi vì Tư Tâm Sở Trạo Cử không có năng lực vừa đủ để sẽ trổ sinh quả báo trong Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla),** đặng cho tái sinh làm nhóm Hữu Tình Khổ Thú. Tuy nhiên trong **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla)** thì lại có được khả năng trổ sinh quả báo để cho sinh khởi Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện. Chính vì thế, trong câu nói rằng **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ sambhavati (Hành làm duyên Thức khởi sinh)** thì khoảng thời gian **Phi Phúc Hành** làm **Nhân** và Thức Tái Sinh **(Paṭisandhiviññāṇa)** làm **Quả,** mới loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử đi, và như thế có thể chỉ còn 11 Tư Tâm Sở Bất Thiện. Tuy nhiên khoảng thời gian **Phi Phúc Hành** làm **Nhân** và **Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa)** làm **Quả,** lại hiện hữu hết cả thảy 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện.

Còn trong **Phúc Hành** thì nhất định loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí, bởi vì Tư Tâm Sở Thiện Thắng Trí đây không có chức năng trổ sinh quả báo, tức là Thức Quả Dị Thục, bất luận một Thời nào trong cả hai Thời Kỳ, Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Những Thắng Trí có Thần Túc Thắng Trí v.v. ở chỗ sinh khởi làm **Quả** từ nơi Thiện Thắng Trí, đích thị chính là Quả sinh khởi theo Thời Hiện Tại hiển hiện năng lực rõ ràng. Tuy nhiên cho dù sẽ loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí đi nữa, số lượng Tư Tâm Sở ở phần Phúc Hành cũng có thể có được 13 như lúc ban đầu; vì lẽ Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới bất hữu quan với Thắng Trí cũng vẫn có hiện hữu.

Đối với **Bất Động Hành** có thể có toàn bộ Tư Tâm Sở và không có loại trừ điều nào; bởi do thế khi tổng kết số lượng **Hành** làm **Nhân** cho sinh khởi **Thức** có thể có được:

- **13 Phúc Hành** (loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí)

- **12 Phi Phúc Hành** (loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử ở chỗ không cho quả báo trong Thời Tái Sinh)

- **4 Bất Động Hành.** Kết hợp lại có 29 Tư Tâm Sở.

Lại nữa, Tư Tâm Sở Bất Thiện bị diệt trừ do bởi cả Tứ Đạo, và Tư Tâm Sở Thiện - Bất Thiện ở phần **Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma),** cho dù sẽ là **Hành** sinh khởi từ nơi **Vô Minh** làm **Nhân** có thực sự đi nữa, tuy nhiên cũng không sắp vào trong **Hành** làm **Nhân** của **Thức** tương tự như nhau được.

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Viññāṇa (Thức): Vijānātīti = Viññāṇaṃ** - Pháp chủng nào hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thức.** (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế).

Một trường hợp khác nữa: **Vijānanti etenāti = Viññāṇaṃ** - Tất cả người ta thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng làm thành tác nhân cho tất cả người ta được hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, là **Thức.** (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng phối hợp với Tâm Sở). Chi Pháp của Thức đây

được trình bày thể theo hai **Phương Pháp (Naya)**, đó là: Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng **(Abhidhammabhājanīyanaya)** và Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng **(Suttantabhājanīyanaya).**

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng, tức là 89 Tâm, bởi vì từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ nơi việc hiểu biết của **Tưởng (Saññā)** và **Trí Tuệ (Paññā);** chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm. Một trường hợp khác nữa, tất cả các Tâm có được sinh khởi lên, thì cũng phải nương vào Hành, tức là việc tác hành tạo tác; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm.

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, bởi vì việc trình bày Liên Quan Tương Sinh bởi theo Phần Phân Tích Theo Kinh Tạng đây, thì có việc phân chia theo **Thời Kỳ (Kāla)** nghĩa là kiếp sống ở trong Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai; phân chia theo Nhân – Quả, cả Tam Luân, v.v. Chính vì thế, một khi tính **Thức** theo Thời Kỳ thì cũng được sắp vào trong kiếp sống Hiện Tại, như đã có được trình bày rằng **Majjhe aṭṭha paccayuppanno addhā.** Một khi tính theo Nhân Quả thì cũng được sắp vào ở trong Quả, như đã có được trình bày rằng **Idāni phalapañcakaṃ.** Một khi tính theo cả Tam Luân thì cũng được sắp vào ở trong Dị Thục Quả Luân, như đã có được trình bày rằng **Avasesā ca vipākavaṭṭaṃ.** Chính vì thế, từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** ở chỗ làm **Quả** của **Hành** đây, đích thị mới bao gồm 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ấy vậy.

Còn việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng thì không có sắp bày Chi Pháp; có nghĩa là từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm. Từ ngữ **Nāma (Danh)** thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm Sở. Từ ngữ **Rūpa (Sắc)** thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Sắc Pháp. Từ ngữ **Phassa (Xúc)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Xúc. Là như vậy chẳng hạn, cũng bởi vì không có việc phân biệt bởi theo Thời Kỳ, Nhân Quả, v.v.

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo cả hai Phương Pháp như đã vừa đề cập đến đây, Đức Phật đã có lập ý trình bày để trong **Bộ Kinh Phân Tích (Vibhaṅgapa karaṇa)** của Tạng Vô Tỷ Pháp.

+ Giải thích câu Chú Giải ở điều thứ nhất, đó là: Vijānātīti = Viññāṇaṃ.

Pháp chủng của Tâm thường luôn có việc được tiếp thâu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào; và đích thị chính là việc thường luôn được tiếp thâu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào đây, mới được gọi tên là "thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt". Một trường hợp khác nữa, trong số lượng những thể loại Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thì đa số có việc hiểu biết Cảnh đặc biệt rất là hạn chế; khác biệt với việc hiểu biết Cảnh của Thiện và Duy Tác thì đa số là bất hạn lượng. Chẳng hạn như Tâm Nhãn Thức thì đặc biệt hiểu biết Cảnh Xúc; Tâm Tiếp Thâu thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Ngũ Cảnh, Xả Thọ, Tâm Thẩm Tấn, Tâm Đại Quả và Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại một khi thực hiện chức năng ở chỗ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Cảnh hữu quan với kiếp sống Quá Khứ. Và cũng chính vì như vậy, mới được gọi tên là "liễu tri Cảnh một cách đặc biệt", nghĩa là không hiểu biết cùng khắp tất cả.

+ Giải thích câu Chú Giải ở điều thứ hai, đó là: Vijānanti etenāti = Viññāṇaṃ.

Tất cả Chúng Hữu Tình hoặc Tâm Sở có việc hiểu biết những các Cảnh, kể cả Siêu Lý và Chế Định đấy, là cũng do bởi nương vào Thức Dị Thục Quả làm Nhân. Sẽ nói rằng nếu như Tâm Nhãn Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có việc trông thấy, v.v. Nếu như Tâm Thân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có sự cảm giác về Thân Môn. Nếu nhỡ như thiếu Tâm Hữu Phần đi rồi, thì kể như là người ấy chẳng có sự hiểu biết bất luận một Cảnh nào cả. Chính với lý do này, những thể loại Thức Dị Thục Quả đây, mới làm thành Pháp Tác Nhân để cho tất cả Chúng Hữu Tình hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt.

Thức làm thành Quả của tất cả các Hành đây, được phân chia ra thành hai nhóm, đó là:

1. Thức sinh khởi trong Thời Tái Sinh thì được gọi tên **Thức Tái Sinh (Paṭisandhi viññāṇa);** là 19 Tâm Tái Sinh, và

2. Thức sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi thì được gọi tên **Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa);** là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

PHÂN TÍCH 19 THỨC TÁI SINH THEO CẢ TAM HÀNH (PHI PHÚC HÀNH, PHÚC HÀNH, BẤT ĐỘNG HÀNH)

1. 11 Phi Phúc Hành (loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử) làm **Nhân.** 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong cả Tứ Khổ Thú, làm thành nhóm **Người Khổ Thú Vô Nhân (Duggatiahetukapuggala),** tức là nhóm Hữu Tình Khổ Thú.

[**Chú thích:** Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Si Trạo Cử tạo tác ra 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân thì không trổ sinh việc Tái Sinh.]

2. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm **(Mahākusala dvihe tukaomakacetanā)** làm **Nhân.** 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 1 Cõi Tứ Đại Thiên Vương, làm thành nhóm **Người Thiện Thú Vô Nhân (Sugatiahetukapuggala),** tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc thấp; ở dạng tiên thiên bất túc, dị tật câm điếc, cuồng điên, đui mù, v.v.

3. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm **(Mahākusala dvihetukaukkaṭṭhacetanā)** và 4 Tư Tâm Sở Tam Nhân Hạ Phẩm làm **Nhân.** 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới, làm thành nhóm Người Nhị Nhân, tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc trung.

4. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm làm **Nhân.** 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới, làm thành nhóm Người Tam Nhân, tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc cao.

5. Phúc Hành là 5 Tư Tâm Sở Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân.** 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng), làm thành nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

6. Bất Động Hành là 4 Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân.** 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm **Quả** cho đi Tái Sinh trong 4 Cõi Vô Sắc Giới, làm thành nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

PHÂN TÍCH 32 THỨC CHUYỂN KHỞI THEO CẢ TAM HÀNH (PHI PHÚC HÀNH, PHÚC HÀNH, BẤT ĐỘNG HÀNH)

1. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Bất Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.

2. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** (thụ lãnh Cảnh xấu) trong 15 Cõi Sắc Giới.

3. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.

4. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** 8 Tâm Đại Quả là việc tiếp thâu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** trong 7 Cõi Thiện Dục Giới.

5. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** Và 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

6. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân.** Và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, là làm việc duy trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

7. Bất Động Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân.** Và 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

VIỆC PHÂN TÍCH 19 THỨC TÁI SINH THEO TỪNG PHẦN

+ 19 Thức Tái Sinh đây một khi phân tích thể theo **Hỗn Hợp (Missaka)** và **Thuần Nhất (Suddha)** thì chia thành hai phần, đó là:

1/. Sắc Hỗn Hợp Thức (Rūpamissaka viññāṇa): Thức trộn lẫn với Sắc Pháp **có 15,** đó là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.

2/. Sắc Bất Hỗn Hợp Thức (Rūpamissaka viññāṇa): Thức không trộn lẫn với Sắc Pháp **có 4,** đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh thể theo **Cõi Giới (Bhūmi)** thì chia thành ba phần, đó là:

1/. Thức Dục Giới (Kāmaviññāṇa) có 10, đó là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.

2/. Thức Sắc Giới (Rūpaviññāṇa) có 5, đó là: 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.

3/. Thức Vô Sắc Giới (Arūpaviññāṇa) có 4, đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh thể theo **Chủng Loại (Jāti)** thì chia thành bốn phần, đó là:

1/. Thức Noãn Sinh (Aṇḍajaviññāṇa) có 10, đó là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.

2/. Thức Thai Sinh (Jalābujaviññāṇa) có 10, đó là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.

3/. Thức Thấp Sinh (Saṅsedajaviññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

4/. Thức Hóa Sinh (Opapātikaviññāṇa) có 19, đó là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh thể theo **Sinh Thú (Gati)** thì chia thành năm phần (còn gọi là Ngũ Đạo), đó là:

1/. Thức Chư Thiên Sinh Thú (Devagativiññāṇa) có 18, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.

2/. Thức Nhân Loại Sinh Thú (Manussagativiññāṇa) có 9, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả.

3/. Thức Địa Ngục Sinh Thú (Nirayagati viññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

4/. Thức Bàng Sinh Sinh Thú (Tiracchānagativiññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

5/. Thức Ngạ Quỷ Sinh Thú (Petagativiññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh thể theo **Thức Trụ (Viññāṇaṭhiti – Thường Trụ Thức:** Cõi Giới thành trụ xứ của Thức) thì có được bảy phần, đó là:

1/. Thức Thân Dị Tưởng Dị (Nānattakāyanānattasaññīviññāṇa) có 9, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.

2/. Thức Thân Dị Tưởng Đồng (Nānattakāyaekattasaññīviññāṇa) có 2, đó là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện cho đi tái sinh Tứ Khổ Thú; và 1 Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền Hữu Sắc Giới cho đi tái sinh làm 3 Bậc Phạm Thiên Sơ Thiền Hữu Sắc Giới.

3/. Thức Thân Đồng Tưởng Dị (Ekattakāyanānattasaññīviññāṇa) có 2, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền và 1 Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền Hữu Sắc Giới.

4/. Thức Thân Đồng Tưởng Đồng (Ekattakāyaekattasaññīviññāṇa) có 2, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền và 1 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới.

5/. Thức Không Vô Biên Xứ (Ākāsanañcāyatanaviññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Không Vô Biên Xứ.

6/. Thức Thức Vô Biên Xứ (Viññāṇañcayatanaviññāṇa) có 1 Thức, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ.

7/. Thức Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatanaviññāṇa) có 1, đó là 1 Tâm Dị Thục Quả Vô Sở Hữu Xứ.

+ Khi phân tích thể theo **Lưu Cư Địa Giới (Sattāvāsabhūmi** – Cõi Giới làm thành chỗ nương trú của Hữu Tình) thì có được tám phần, tức là từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 7 của **Thất Thức Trụ** (ở phần trên) là tính được bảy phần, và:

1/. Thức Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatanaviññāṇa) có 1, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. (Loại trừ một Lưu Cư Địa Giới, đó là Hữu Tình Vô Tưởng Địa Giới vì không có Tâm Thức).

Ghi chú: Việc phân tích Thức Tái Sinh thể theo **Thức Trụ** và **Lưu Cư Địa Giới,** trong chỗ này chỉ trình bày thể theo phần số lượng thôi; còn tên gọi các Thức ấy đã có hiện bày trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Tập II, Chương thứ V.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA THỨC

1. Thức Tri Trạng Thái (Vijānanalakkhaṇaṃ): Có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ nơi Trí Tuệ và Tưởng làm thành trạng thái.

2. Thủ Sự Phận Sự (Pubbaṃgamarasaṃ): Làm chủ quản đối với Tâm Sở và Sắc Nghiệp, làm thành phận sự.

3. Tái Sinh Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Hành Nhân Cận (hoặc) **Cảnh Vật Nhân Cận (Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ) (vā) (Vatthārammaṇapadaṭṭhānaṃ):** Có Tam Hành làm Nhân cận lân, hoặc có Lục Căn với Lục Cảnh làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU HÀNH LÀM DUYÊN THỨC (SAṄKHĀRAPACCAYĀ VIÑÑĀNAṂ)

Cả **Tam Hành (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành)** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Thức Dị Thục Quả** có được hai mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya), 2/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhaṇika kammapaccaya).**

TỔNG KẾT, HÀNH LÀM DUYÊN THỨC CÓ HAI MÃNH LỰC DUYÊN, Đó Là:

1. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya),

2. Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)

[**Chú thích:** Một cách chính xác, **Thức** được nói đến tại đây là 19 Thức Tái Sinh **(Paṭisandhiviññāṇa)** đã được mô tả trong Chương thứ V. Tất cả 32 thể loại Tâm Dị Thục Quả được chứng nghiệm trong đời sống cũng được bao gồm trong đó. Bào thai trong bụng người Mẹ được cấu thành do sự phối hợp của Thức Tái Sinh cùng với Tinh Cha và Huyết Mẹ. Trong Thức Tái Sinh này ngủ ngầm tất cả những cảm thọ, các đặc tính, và những thiên hướng tâm tính của một Chúng Hữu Tình, đã được huân tập từ trong kiếp sống quá khứ xa xưa của dòng nghiệp báo. Thức Tái Sinh được xem như rực rỡ chói sáng **(Pabhassara – Chiếu Diệu)** vì không phối hợp các Căn Bất Thiện của Tham, Sân, Si [như trong trường hợp những Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân **(Ahetukavipāka)**], hoặc cùng câu sinh những Căn Thiện [như trong trường hợp các thể loại Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân].

Kết Thúc Hành Duyên Thức

----------00000----------

III. VIÑÑĀṆAPACCAYĀ NĀMARŪPAṂ SAMBHAVATI (THỨC LÀM DUYÊN DANH SẮC KHỞI SINH)

Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa)** và **Thức Dị Thục Quả (Vipāka viññāṇa)** làm thành **Nhân. Thức (Viññāṇa)** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Danh Sắc (Nāmarūpa)** đây, hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1/. Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa) và

2/. Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa).

- **Thức Dị Thục Quả** là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

- **Thức Nghiệp Lực** là Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện trong kiếp sống quá khứ.

- **Danh (Nāma)** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

- **Sắc (Rūpa)** là Sắc Nghiệp Tái Sinh, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm (Đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi và Sắc Tâm được sắp vào ở trong câu **Sắc Pháp,** đích thị cũng chính là do nương vào Thức Nghiệp Lực và Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi ấy vậy, được kể vào thể loại linh động áp dụng.)

+ Khi phân tích Thức Dị Thục Quả và những thể loại Danh Sắc đây thể theo Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi, thường được hiện hành như vầy:

- **Thức Dị Thục Quả Tái Sinh** là 19 Tâm Tái Sinh.

- **Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi** là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Thức Tái Sinh).

- **Danh Tái Sinh** là 35 Tâm Sở phối hợp 19 Thức Tái Sinh.

- **Danh Chuyển Khởi** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Thức Quả Dị Thục Chuyển Khởi (loại trừ Thức Tái Sinh).

- **Sắc Tái Sinh** là Sắc Nghiệp Lực câu sinh Thức Tái Sinh.

- **Sắc Chuyển Khởi** là Sắc Tâm sinh khởi từ nơi 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi sinh khởi từ nơi 25 Thức Nghiệp Lực (tức là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Quả và 4 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới).

+ Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Nāma (Danh Pháp): Ārammaṇe namatīti = Nāmaṃ** - Pháp chủng nào hướng diện vào trong Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Danh.** Tức là Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Câu Chú Giải từ ngữ **Rūpa (Sắc Pháp): Sītuṇhādivirodhipaccayehi ruppatīti = Rūpaṃ** - Pháp chủng nào thường hay tan vỡ hoại diệt bởi do Tác Duyên đối nghịch, có sự lạnh, sự nóng v.v. bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Sắc.** Là Sắc Nghiệp Lực và Sắc Tâm.

+ Câu Chú Giải câu nói **Nāmarūpa (Danh Sắc): Nāmañca rūpañca nāmarūpañca = Nāmarūpaṃ** - Gọi tên Pháp chủng vừa là Danh vừa là Sắc, lại vừa cả Danh cả Sắc, ấy là **Danh Sắc.**

GIẢI THÍCH CÂU CHÚ GIẢI CỦA DANH SẮC

Lời nói rằng **Danh Sắc** đây, nếu như trình bày thể theo sự hiện hành của Danh và Sắc sinh từ nơi Thức, thì sẽ phải trình bày là **Viññāṇapaccayā nāma rūpanāmarūpaṃ,** tuy nhiên trong chỗ này đã cắt lấy đi một câu Danh Sắc ra rồi, và chỉ còn đơn nhất một câu **Danh Sắc** thôi. Việc trình bày như vậy được gọi là **Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya).**

Giải thích rằng Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc đây, có được ba thể loại, đó là:

1. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc trong Cõi Vô Sắc Giới và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 30 Tâm Sở ở cả trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong Cõi Vô Sắc Giới. Và 10 Ngũ Song Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 7 Tâm Sở Biến Hành ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong 26 Cõi Ngũ Uẩn tùy theo thích hợp.

2. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** lập ý lấy Thức Nghiệp Lực, tức là Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới phối hợp **Tư Tâm Sở Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññā**

virāgabhāvanācetanā) trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Lực ở cả trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi của nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng. Và 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện phối hợp Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới. Và 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Thiện trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng).

3. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này từ ngữ **Thức** là 15 Thức Tái Sinh Ngũ Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 35 Tâm Sở và Sắc Nghiệp Tái sinh trong 26 Cõi Ngũ Uẩn. Và 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 35 Tâm Sở và Sắc Tâm trong 26 Cõi Ngũ Uẩn.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA DANH

1. Dẫn Đạo Trạng Thái (Namalakkhaṇaṃ): Có việc hướng diện đến Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Phối Hợp Phận Sự (Pubbaṃgamarasaṃ): Có việc phối hợp với Tâm và tự phối hợp lẫn nhau, bởi theo trạng thái **Đồng Sinh (Ekuppādatā)** v.v. làm thành phận sự.

3. Bất Ly Tán Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc không tách ly xa lìa với Tâm, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita).**

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA SẮC

1. Hoại Diệt Trạng Thái (Ruppanalakkhaṇaṃ): Có việc tiêu hoại đổi thay, làm thành trạng thái.

2. Phân Tán Phận Sự (Vikiraṇarasaṃ): Có việc tách ly chia lìa nhau, làm thành phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự làm thành Pháp Vô Ký, hoặc có sự bất liễu tri Cảnh, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí. [**Acetanā abyākatāti ettha viya anārammaṇātā và abyākatatā daṭṭhabbā**] (Trích trong Đại Phụ Chú Giải)

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU THỨC LÀM DUYÊN DANH SẮC (VIÑÑĀṆAPACCAYĀ NĀMARŪPAṂ)

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Danh Pháp** tức là Tâm Sở phối hợp có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng câu sinh với nhau.

2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp, giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau.

3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ nương nhờ với nhau.

4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ với tác ý thành nhân thành quả.

5/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Thức Thực và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

6/. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Ý Quyền và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp hòa trộn với nhau.

8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng hiện hữu với Tâm Sở phối hợp.

9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): Tâm Dị Thục Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ và chẳng có tách lìa xa nhau.

2. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Ý Vật** có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya), 6/. Quyền Lực Duyên (Indriya paccaya), 7/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ thay đổi phần Bất Tương Ưng Duyên vào vị trí của Tương Ưng Duyên, bởi vì Danh với Sắc.

3. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái sinh** (loại trừ Sắc Tâm Cơ) có được tám mãnh lực, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 3/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 4/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya), 5/. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya), 6/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ có bớt Hỗ Tương Duyên.

4. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Sinh** trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng, và **Sắc Nghiệp Chuyển Khởi** trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi

Nhất Uẩn, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūnissaya paccaya), 2/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 3/. Vô Hữu Duyên (Natthi paccaya), 4/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya), 5/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 6/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya), 7/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpa nissayapaccaya)**

[**Chú thích:** Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, và Tâm Thiện Hữu Sắc Giới trong kiếp sống quá khứ, mới được gọi tên là **Thức Nghiệp Lực;** bởi vì có Tư Tâm Sở thuộc phần tác hành tạo tác cho thành Nghiệp Lực. Sự mong mỏi hoặc chấp thủ ắt hẳn có Tâm Sở Dục, tuy nhiên Tâm tác hành dắt dẫn cho các Tâm Sở rất trọng yếu, đã tạo tác ra Nghiệp Lực, Sắc Nghiệp Tái Sinh và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi. Cõi Hữu Tình Vô Tưởng là Quả của những Tâm Thức này. Và câu nói rằng **Thức Duyên Danh Sắc,** do đó mới đổi từ ngữ Tâm thành Thức cho thích hợp, và chính vì thế mới gọi là **Thức Nghiệp Lực.**

Những Tâm Thức vừa đề cập trên đã hỗ trợ và tạo tác ra Sắc Nghiệp Tái Sinh và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới với bảy mãnh lực Duyên như đã vừa nêu trên. Tác Ý hằng mong muốn của kiếp sống quá khứ, với mãnh lực Thường Cận Y Duyên. Tâm Thức hỗ trợ cho Sắc Pháp với mãnh lực Bất Tương Ưng Duyên. Kiếp sống quá khứ đã lìa khỏi, và kiếp sống hiện tại lại tiếp nối sinh khởi với mãnh lực của các Duyên, gồm Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên, Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên].

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của **Thức** đối với **Danh Sắc** có được 12 hoặc 16 mãnh lực Duyên (tính tròn đủ có đến 21 Duyên), đó là:

1/. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya),
2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya),
3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya),
4/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya),
5/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya),
6/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya),
7/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya),
8/. Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajātindriyapaccaya),
9/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya),
10/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya),
11/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya) [kể theo Nghiệp Thức]
12/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya),
13/. Quyền Hiện Hữu Duyên (Indrīyatthipaccaya),
14/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya) [kể theo Nghiệp Thức]
15/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya) [kể theo Nghiệp Thức]
16/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya),
17/. Quyền Bất Ly Duyên (Indrīyavigatapaccaya),
18/. Sắc Mạng Quyền Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya),
19/. Vô Gián Duyên (Anatarapaccaya),

20/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya),

21/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya).

[**Chú thích:** Từ ngữ **Nāmarūpa (Danh Sắc)** là một danh từ kép và phải được hiểu biết một cách riêng rẽ; **Nāma (Danh)** riêng, **Rūpa (Sắc)** riêng, và **Nāmarūpa (Danh Sắc)** cùng chung một từ ngữ. Trong trường hợp ở Cõi Vô Sắc Giới thì chỉ có Danh Pháp; ở Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thì chỉ có Sắc Pháp; và ở trong Cõi Dục Giới và Cõi Sắc Giới thì có cả hai thể loại, Danh và Sắc. **Danh (Nāma)** ở đây có nghĩa ba Danh Uẩn, gồm **Thọ (Vedanā), Tưởng (Saññā)** và **Hành (Saṅkhāra)** cùng câu sinh với Thức Tái Sinh. **Sắc (Rūpa)** ở đây có nghĩa ba Khối Tổng Hợp Sắc gồm Thân Thập, Tính Thập và Vật Thập; cùng sinh khởi cùng một thời điểm với Thức Tái Sinh, bởi do Nghiệp Quá Khứ đã tạo duyên].

Kết Thúc Thức Làm Duyên Danh Sắc

----------00000----------

IV. NĀMARŪPAPACCAYĀ SAḶĀYATANAṂ SAMBHAVATI (DANH SẮC LÀM DUYÊN LỤC XỨ KHỞI SINH)

Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhattikāyatana) có Nhãn Xứ v.v. thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Danh Sắc (Nāmarūpa)** làm **Nhân.** Trong chỗ này, thì:

Danh tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Sắc tức là 16 Sắc Nghiệp Lực, là 8 **Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarūpa),** 5 **Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa),** 1 **Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa),** 1 **Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa),** 1 **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa).**

Lục Xứ tức là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Saḷāyatana (Lục Xứ): Āyataṃ saṁsāravaṭṭaṃ nayatīti = Āyatanaṃ** - Pháp chủng nào duy trì Vòng Luân Hồi lâu dài, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Xứ**. Tức là 12 Xứ.

Chāyatanani = Saḷāyatanaṃ - Cả Lục Xứ gọi tên là **Lục Xứ.** Là Lục Nội Bộ Xứ.

Saḷāyatanañca chaṭṭhāyatanañca = Saḷayatanaṃ - Cả Lục Xứ (Ngoại) và Lục Trú Xứ (Nội), gọi tên là **Lục Xứ.**

Giải thích rằng: Từ ngữ **Lục Xứ** trong câu nói rằng **Nāmarūpapaccayā saḷāyata naṃ - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ** đây, là câu đã làm cho dư thừa tới cả hai câu, tức là **Saḷāyatanaṃ chaṭṭhāyatanaṃ.** Gọi tên việc đã làm cho hiện hành như vậy là **Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya),** tức là loại trừ **Chaṭṭhāyatanaṃ** này ra, thế là chỉ còn lại duy nhất mỗi một **Saḷāyatanaṃ** thôi. Có nghĩa là Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc này. Khi phân tích bởi theo Địa Giới thường hiện hành như vầy:

- Trong Cõi Ngũ Uẩn thì **Danh Sắc** làm **Nhân,** và Lục Nội Bộ Xứ chỗ gọi tên **Lục Ngoại Xứ** làm **Quả** tùy theo thích hợp. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì Danh Pháp làm **Nhân** và Ý Xứ chỗ gọi là **Lục Nội Xứ** làm **Quả.**

Việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ý Xứ thì cùng câu sinh với nhau và làm Nhân làm Quả lẫn nhau cũng được. Còn việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ngũ Xứ thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bất câu sinh với nhau cũng có; và tùy theo Thời Kỳ. Và làm Nhân làm Quả giữa Sắc Pháp với Ý Xứ, và Sắc Pháp với Ngũ Xứ thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bất câu sinh với nhau cũng có, và tùy theo Chủng Loại.

Điều giải thích đã vừa đề cập tại đây thì sẽ hiện bày rõ ràng trong thời gian phân tích bởi theo 24 Duyên.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA LỤC XỨ

1. Khu Vực Trạng Thái (Āyatanalakkhaṇaṃ): Có việc tiếp xúc hoặc có việc làm cho Vòng Luân Hồi phải lâu dài, làm thành trạng thái.

2. Quan Thưởng Phận Sự (Dassanārasaṃ): Có việc trông thấy v.v. thành phận sự.

3. Vật Môn Bản Tính Thành Tựu (Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự làm thành Vật và Môn của Ngũ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới tùy theo thích hợp, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Danh Sắc Nhân Cận (Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ): Có Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU DANH SẮC LÀM DUYÊN LỤC XỨ (NĀMARŪPAPACCAYĀ SALĀYATANAṂ)

1. Danh Pháp là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung một lượt với nhau.

2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Tâm Dị Thục Quả và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách hỗ trợ lẫn nhau.

3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung và nương nhờ giúp đỡ lẫn nhau.

4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách làm thành Pháp Quả.

5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ hòa hợp với nhau.

6/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng nhau hiện hữu giúp đỡ với nhau.

7/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp khắn khít giúp đỡ lẫn nhau và chẳng có xa lìa.

2. Danh Pháp là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetu paccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Tương tự cùng phương thức như phần trên, chỉ thêm phần **Nhân Duyên** vì Pháp làm thành Nhân giúp đỡ hỗ trợ với nhau.

3. Danh Pháp là Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapacca ya), 4/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên (Sahajātakammapaccaya), 5/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 6/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigata paccaya).**

4. Danh Pháp là Xúc, Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Saha jātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapac caya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhara paccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipacca ya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

5. Danh Pháp tức là Tầm, Tứ, Hỷ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/.Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapacca ya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

6. Danh Pháp là Mạng Quyền, Thọ, Tín phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissa**

yapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lục Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).

7. **Danh Pháp** là Cần, Niệm, Trí Tuệ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Saha jātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissaya paccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 6/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigata paccaya).**

8. **Danh Pháp** là Nhất Thống phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được 10 mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapacca ya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Saha jātindriyapaccaya), 6/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya), 7/. Đồ Đạo Duyên (Magga paccaya), 8/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 9/. Hiện Hữu Duyên (Atthipacca ya), 10/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Việc phân tích Năng Duyên và Sở Duyên, tính kể từ điều thứ 1 – 8 thì làm duyên được cả ở trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

9. **Danh Pháp** là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** ở trong Thời Kỳ Tái sinh của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 3/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Trong chỗ này, cả Tứ Xứ gồm Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ đây lập ý chỉ lấy Chủng Loại Thấp Sinh và Hóa Sinh; còn Thân Xứ thì có được tất cả các Chủng Loại.

10. **Danh Pháp** là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được bốn mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya), 2/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya), 3/. Hiện Hữu Duyên (Atthi paccaya), 4/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

11. Sắc Pháp là Sắc Tâm Cơ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn) ở trong Thời Kỳ Tái sinh của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

12. Sắc Pháp là Ý Vật sinh trước và đang an trụ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là 18 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn) (loại trừ Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được năm mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya), 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya), 3/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya), 4/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 5/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

13. Sắc Pháp là Ngũ Xứ sinh trước và đang an trụ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 10 Tâm Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya), 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya), 3/. Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya), 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

14. Sắc Pháp là Tứ Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được bốn mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 3/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 4/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

15. Sắc Pháp là Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Sắc Mạng Quyền Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya), 2/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 3/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

16. Sắc Pháp là Bổ Phẩm Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, và trong các Khối Tổng Hợp khác, ở Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Dục Giới, có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Sắc Vật Thực Duyên (Rūpāhārapaccaya), 2/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 3/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của Danh Sắc đối với Lục Xứ có được 22 Duyên, đó là:

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya),

2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya),

3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),

4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya),

5/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),

6/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejāta paccaya),

7/. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya),

8/. Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya),

9/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya),

10/. Sắc Vật Thực Duyên (Rūpāhārapaccaya),

11/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya),

12/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya),

13/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Purejātindriyapaccaya),

14/. Sắc Mạng Quyền Lực Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya),

15/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya),

16/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),

17/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya),

18/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya),

19/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),

20/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya),

21/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya) (kể cả 5 Duyên),

22/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya) (kể cả 5 Duyên).

[**Chú thích:** Trong thời kỳ thụ thai của người Mẹ thì Lục Căn phát triển từ những hiện tượng tâm lý, trong đó có ngủ ngầm một năng lực vô cùng tận. Một điểm nhỏ không quan trọng vô cùng vi tế đấy, thế rồi đã phát triển lớn dần lên và trở thành một guồng máy với sáu giác quan vô cùng phức tạp tác hành gần như tự động, không nương tựa bất luận một cơ quan nào khác, ví tựa như có một mãnh lực tâm linh vô hình đang điều khiển. Sáu giác quan hay còn gọi Lục Căn, gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; với năm giác quan đầu là phần nhậy cảm – Nhãn Căn, Nhĩ Căn, Tỷ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn – dần dần phát triển theo thời gian; và Ý Căn thì đã có được đề cập trong một phần trước].

Kết Thúc Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ

----------00000----------

V. SAḶĀYATANAPACCAYĀ PHASSO SAMBHAVATI
(LỤC XỨ LÀM DUYÊN XÚC KHỞI SINH)

Lục Xúc (Phassa) thường hiện khởi lên do bởi nương vào **Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhattikāyatana)** làm **Nhân. Lục Xứ** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Xúc** đây, cũng chính là Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc ấy vậy.

Lục Xúc ấy là: 1/. Nhãn Phủ Xúc (Cakkhusamphassa), 2/. Nhĩ Phủ Xúc (Sotasam phassa), 3/. Tỷ Phủ Xúc (Ghānasamphassa), 4/. Thiệt Phủ Xúc (Jivhāsamphassa), 5/. Thân Phủ Xúc (Kāyasamphassa), 6/. Ý Phủ Xúc (Manosamphassa).

Cả Lục Xúc đây, là Tâm Sở Xúc phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Trình bày câu Chú Giải về **Xúc: Ārambhaṃ phusatīti = Phasso** - Pháp chủng tiếp xúc với Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Xúc.**

Một trường hợp khác nữa: **Phusanti sampayuttadhammā etenāti = Phasso** - Pháp Tương Ưng là các Tâm và Tâm Sở thường tiếp xúc với Cảnh bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế Pháp chủng làm tác nhân cho Pháp Tương Ưng tiếp xúc với Cảnh, mới được gọi tên **Xúc.**

Một trường hợp khác nữa: **Phusanaṃ = Phasso (vā) Saṃphusate = Samphasso** - Việc tiếp xúc Cảnh được gọi tên **Xúc,** hoặc gọi tên **Phủ Xúc.**

+ Trình bày câu Chú Giải về **Nhãn Phủ Xúc** v.v.: **Cakkhuviññāṇena sampayutto samphassoti = Cakkhusamphasso** - Xúc là việc tiếp xúc phối hợp với Nhãn Thức, bởi do thế mới gọi tên **Nhãn Phủ Xúc.** Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp Nhãn Thức. (Nhĩ Phủ Xúc, v.v. Thân Phủ Xúc cũng trình bày trong cùng một phương thức như nhau).

Manoviññāṇena sampayutto samphassoti = Manosamphasso - Xúc là việc tiếp xúc phối hợp Ý Thức, bởi do thế mới được gọi tên **Ý Phủ Xúc.** Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Ngũ Song Thức).

Giải thích rằng: Người đã mệnh chung rồi, cho dù đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đi nữa, tuy nhiên các việc tiếp xúc có Nhãn Phủ Xúc v.v. ấy, ắt hẳn sẽ không còn sinh khởi lên được nữa; có nghĩa là không còn có việc được trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, các việc nghĩ ngợi. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi đã mất hết cả Ngũ Thanh Triệt và Tâm Hữu Phần chỗ được gọi là Lục Xứ ấy vậy. Và ở trong người đang khi còn có sinh mệnh, nếu nhỡ như mắt đã mù đi rồi, thế thì Nhãn Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được. Hoặc nếu nhỡ như tai đã bị điếc đi rồi, thế thì Nhĩ Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được, và thế là cũng tương tự như nhau vậy. Lại nữa, Xúc là Quả của Lục Xứ đây, tức là việc cùng tựu hội vào nhau giữa cả Ngũ Thanh Triệt với Ngũ Cảnh và Ngũ Thức; thế thì được gọi tên là Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc; cũng bởi vì có được việc sinh khởi của Nhãn Thức v.v. đây, là cũng do nương vào việc tiếp xúc với nhau giữa Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc; thế rồi đã làm cho Nhãn Thức v.v. có được sinh khởi lên. Một khi Nhãn Thức v.v. đã sinh khởi lên rồi, thì Nhãn Phủ Xúc v.v. cũng được hiện bày. Còn Ý Phủ Xúc tức là việc tiếp xúc với nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định, mà ấy chính là Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh lập ý chỉ lấy ở trong khoảng

giữa Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh khởi. Bởi vì một khi Tâm Hữu Phần đã sinh khởi lên rồi, là cũng do việc tiếp xúc thường luôn với bất luận một thể loại Cảnh nào ở phần Nghiệp Lực, Nghiệp Tướng và Thú Tướng; và việc tiếp xúc này đã được gọi tên là Ý Phủ Xúc, đích thị chính là Xúc phối hợp với Tâm Hữu Phần ấy vậy.

Một trường hợp khác nữa, Ý Phủ Xúc tức là việc tựu hội vào nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Vả lại Ý Thức đây, lập ý lấy trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, bởi vì Tâm Lộ Trình đã được sinh khởi lên rồi đấy, cũng phải nương vào nhau qua việc tiếp xúc giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính làm Nhân. Một khi Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, thì Ý Phủ Xúc cũng sẽ hiện bày lên; thế nhưng đã không lấy Xúc phối hợp trong Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Lập ý đặc biệt chỉ lấy riêng phần Xúc phối hợp trong Ý Thức Dị Thục Quả có Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, Na Cảnh thôi.

Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý khải thuyết để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh, Phẩm **Căn Nguyên (Nidānavagga)** rằng: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Sotañca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Ghānañca paṭicca gandhe ca uppajjati ghāna viññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Jivhañca paṭicca rase ca uppajjati jivhā viññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviñ ñāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso.**

Được dịch nghĩa: 1. Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

2. Nhĩ Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhĩ Thanh Triệt, Cảnh Thinh và Nhĩ Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

3. Tỷ Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Tỷ Thanh Triệt, Cảnh Khí và Tỷ Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

4. Thiệt Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Thiệt Thanh Triệt, Cảnh Vị và Thiệt Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

5. Thân Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Thân Thanh Triệt, Cảnh Xúc và Thân Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

6. Ý Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Tâm Hữu Phần, các Pháp Thực Tính và Ý Thức đây, mới được gọi tên **Xúc.**

Lại nữa, việc Xúc tiếp xúc với Cảnh đây, chẳng giống với việc tiếp xúc giữa Sắc với Sắc, chẳng hạn như hai bàn tay tiếp xúc với nhau; hoặc hai vật thể đụng chạm với nhau; mà ấy là việc tiếp xúc thể theo bản thể thực tính trong bất luận của một Cảnh hoặc của một đối

tượng. Tuy nhiên việc tiếp xúc với Cảnh thể theo bản thể thực tính mà chỗ được gọi là Xúc đây, thì cũng có đôi khi hiện bày rõ ràng na ná y như bất luận một vật thể nào mà sắc thân đã có được tiếp xúc đụng chạm vậy. Chẳng hạn như sát na đang trông thấy người ta ăn các thức ăn chua, thì người trông thấy có cảm giác chảy nước dãi ra vậy. Hoặc có bất luận một người nào đang mài dao trên mặt đá có sạn cát, thì người đã được lắng nghe âm thinh ấy rồi sẽ có cảm giác ê cả răng vậy. Hoặc có một vài người yếu đuối, một khi trông thấy người có vóc dáng rất to lớn thì cũng có cảm giác khủng khiếp sợ hãi, có trạng thái run rẩy khiếp đảm. Hoặc có người nhút nhát, một khi trông thấy người ta đánh, chém với nhau và máu chảy ra thì cũng có cảm giác sợ hãi đến ngất xỉu đi. Hoặc một khi nai đã trông thấy hổ thì sẽ run sợ chết đứng tại chỗ, và chân không bỏ chạy đi được. Hoặc có người đi vào khu vực tĩnh lặng, và có các bậc Hiền Triết đang hành trì Nghiệp Xứ, một khi đã được trông thấy các bậc ấy cùng với trú xứ như vậy rồi, thì tức thì cũng có khởi lên một sự cảm giác an vui mát mẻ, và thanh tịnh. Sự hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, cũng chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc ấy vậy. Và cả Lục Xúc khởi sinh là cũng do bởi có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ làm Nhân; chính vì thế Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết rằng **Saḷayatanapaccayā phasso** - Lục Xứ làm duyên Xúc.

Khi phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới có được như vầy: Thường thì có được cả Lục Xúc sinh khởi trong 11 Cõi Dục Giới. Thường thì có được ba Xúc, đó là: Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, và Ý Phủ Xúc sinh khởi trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng). Thường chỉ có được một Xúc, đó là Ý Xúc sinh khởi trong Cõi Vô Sắc Giới. Còn trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thì Xúc thường không có sinh khởi lên được, bởi không có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi trong Cõi Giới này.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA XÚC

1. Xúc Cảm Trạng Thái (Phusanalakkhaṇa): Có việc tiếp xúc Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Xúc Quan Phận Sự (Saṃghaṭṭaraso): Có việc làm cho Tâm với Cảnh nối tiếp nhau liên tục, làm thành phận sự.

3. Tựu Hội Thành Tựu (Saṅgatipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc cùng tựu hội với nhau giữa Vật, Cảnh và Thức, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Lục Nội Xứ Nhân Cận (Saḷāyatanapadaṭṭhānaṃ): Có Lục Nội Bộ Xứ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU LỤC XỨ LÀM DUYÊN XÚC (SALĀYATANAPACCAYĀ PHASSO)

1. Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhãn Phủ Xúc** có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya), 2/.**

Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya), 3/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Purejā tindriyapaccaya), 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya), 5/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejātatthipaccaya), 6/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (Vatthupurejātāvigatapaccaya).

2. **Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc** cũng có được sáu mãnh lực Duyên, và cũng tương tự cùng một phương thức với Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Phủ Xúc làm Sở Duyên vậy.

3. **Ý Xứ** là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Phủ Xúc** phối hợp với mình, có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipāka paccaya), 5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya), 6/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 9/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātā vigatapaccaya).**

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của Lục Xứ đối với Xúc có được 13 hoặc 15 Duyên, đó là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya),
2/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya),
3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya),
4/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),
5/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya),
6/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya),
7/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya),
8/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya),
9/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Purejātindriyapaccaya),
10/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya),
11/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya),
12/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya),
13/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejātatthipaccaya),
14/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya),
15/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (Vatthupurejātāvigatapaccaya).

[**Chú thích:** Từ ngữ **Phassa** (Xúc) xuất nguyên từ căn **Phas (tiếp xúc).** Sự cảm nhận hoặc sự hay biết của giác quan cần phải hội đủ ba yếu tố, đó là Tâm Thức, giác quan tương ứng và đối tượng. Ví dụ như Tâm Nhãn Thức trông thấy một Sắc Trần xuyên qua Nhãn Căn. Khi một đối tượng hiện khởi đến Thức, xuyên qua một trong Lục Căn thì Tâm Sở Xúc sinh

khởi. Và cũng không nên hiểu rằng sự xúc chạm suông là Xúc (**Na sangatimatto eva phasso**). Ví như cây cột chính nâng đỡ trọn vẹn toàn thể sườn nhà, cùng thế ấy, Xúc cũng có chức năng tương tự, đã nâng đỡ các Tâm Sở đồng câu sinh. Xúc có nghĩa **"đụng chạm đến" (Phusatīti).** Có **Sự Xúc Phạm (Phusana)** là trạng thái, đụng chạm **(Sanghaṭṭana)** là phận sự, sự trùng hợp của nền tảng đối tượng và thức là, biểu tượng, và có đối tượng đi đến xúc chạm là nguyên nhân gần. "Có sự tiếp chạm do Xúc, Thức chứng nghiệm do Thọ, Tri Giác do Tưởng, và có ý muốn do Tư Tâm Sở" **(Phassena phusitvā, vedanāya vediyati, saññāya sañjānāti, cetanāya ceteti).** Theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh cũng tương tự, Xúc tạo điều kiện để Thọ khởi sinh. Các Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày như thế này: Có Thọ và Xúc, Tưởng và Xúc, Tư Tâm Sở và Xúc; có Thọ và Xúc, Thọ, Tưởng, Tư Tâm Sở, Tầm]

Kết Thúc Lục Xứ Làm Duyên Xúc

----------00000----------

VI. PHASSAPACCAYĀ VEDANĀ SAMBHAVATI (XÚC LÀM DUYÊN THỌ KHỞI SINH)

Lục Thọ (Vedanā) thường hiện khởi lên do bởi nương vào **Lục Phủ Xúc (Samphas sa)** làm **Nhân.** Lục Thọ sinh khởi lên bởi do Lục Phủ Xúc ấy, đó là:

1. Nhãn Phủ Xúc Thọ (Cakkhusamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhãn Thức với Cảnh Sắc, chính là Thọ trong Tâm Nhãn Thức.

2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ (Sotasamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhĩ Thức với Cảnh Thinh, chính là Thọ trong Tâm Nhĩ Thức.

3. Tỷ Phủ Xúc Thọ (Ghānasamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Tỷ Thức với Cảnh Khí, chính là Thọ trong Tâm Tỷ Thức.

4. Thiệt Phủ Xúc Thọ (Jivhāsamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương việc tiếp xúc giữa Thiệt Thức với Cảnh Vị, chính là Thọ trong Tâm Thiệt Thức.

5. Thân Phủ Xúc Thọ (Kāyasamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Xúc, chính là Thọ trong Tâm Thân Thức.

6. Ý Phủ Xúc Thọ (Manosamphassājāvedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Ý Thức với Cảnh Pháp hoặc 6 Cảnh, chính là Thọ trong 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

Trình bày câu Chú Giải cả **Lục Thọ: Vedayatīti = Vedanā** - Pháp chủng nào thường hay thụ hưởng Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Thọ.**

Cakkhusamphassato jātā vedanāti = Cakkhusamphassajāvedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc làm Nhân, bởi thế mới gọi tên **Nhãn Phủ Xúc Thọ.**

Sotasamphassato jātā vedanāti = Sotasamphassajāvedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Nhĩ Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên **Nhĩ Phủ Xúc Thọ.**

Ghānasamphassato jātā vedanāti = Ghānasamphassajā vedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Tỷ Phủ Xúc làm Nhân, bởi thế mới gọi tên **Tỷ Phủ Xúc Thọ.**

Jivhāsamphassato jātā vedanāti = Jivhāsamphassajāvedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Thiệt Phủ Xúc làm Nhân, bởi thế mới gọi tên **Thiệt Phủ Xúc Thọ.**

Kāya samphassato jātā vedanāti = Kāyasamphassajāvedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Thân Phủ Xúc làm Nhân, bởi thế mới gọi tên **Thân Phủ Xúc Thọ.**

Manosamphassato jātā vedanāti = Manosamphassajāvedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Ý Phủ Xúc làm Nhân, bởi thế mới gọi tên **Ý Phủ Xúc Thọ.**

Cả Lục Thọ này một khi phân tích bởi theo **Lạc (Sukha), Khổ (Dukkha), Xả (Upek khā)** có được như vầy là: kể từ Nhãn Phủ Xúc Thọ cho đến Thiệt Phủ Xúc Thọ, cả Tứ Thọ này là việc thụ hưởng Cảnh ở thể loại **Xả Thọ.** Thân Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả hai thể loại: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ. Ý Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả ba thể loại: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ, 3/. Xả Thọ.

+ Rằng khi tính theo Pháp chủng hiện hành trong Thế Gian này rồi, thì việc thụ hưởng Cảnh hiện hữu ở ba thể loại, đó là:

1/. Sự cảm thụ Thân An - Tâm An trong khi tiếp xúc với Cảnh duyệt ý thì gọi đó là một thể loại **Lạc Thọ.**

2/. Sự cảm thụ Thân Bất An - Tâm Bất An trong khi tiếp xúc với Cảnh bất duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại **Khổ Thọ.**

3/. Sự cảm thụ tĩnh lặng, thản nhiên trong khi tiếp xúc với Cảnh trung bình vừa phải, thì gọi đó là một thể loại **Xả Thọ.**

+ Rằng khi tính theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì việc thụ hưởng Cảnh thường hiện hữu hai thể loại, đó là: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.

- Lạc Thọ là: **Lạc câu hành Thân Phủ Xúc Thọ (Sukhasahagatakāyasamphassajā vedanā), Hỷ câu hành Ý Phủ Xúc Thọ (Somanassasahagatamanosamphassajāvedanā), Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** hữu quan Thiện, Duy Tác và Dị Thục Quả Thiện.

- Khổ Thọ là **Khổ câu hành Thân Phủ Xúc Thọ (Dukkhasahagatasamphassajā vedanā), Ưu câu hành Ý Phủ Xúc Thọ (Domanassasahagatamanosamphassajāvedanā),** Xả Thọ hữu quan với Dị Thục Quả Bất Thiện và Thiện.

Sự an lạc và sự khổ đau như đã vừa đề cập rồi đây, sẽ được sinh khởi lên là cũng do bởi Xúc; điều đó đích thị chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh làm Nhân; bởi do thế, sự an lạc hoặc sự khổ đau có nhiều hoặc ít, thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Xúc. Sẽ nói rằng nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực mạnh mẽ, thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày mạnh mẽ. Nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực yếu kém thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày yếu kém. Cũng ví như sát na thọ thực, răng có chức năng nhai nghiến vật thực, lưỡi có chức năng nhận biết vị. Nếu như răng làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiến một cách tối đa, thì lưỡi cảm thụ được vị một cách rõ ràng. Nếu như răng đã không làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiến một cách tối đa, thế rồi lưỡi cảm

thụ chỉ có được một chút ít vị. Điều này như thế nào; thì Xúc cũng được sánh tựa như răng, Thọ thì cũng được sánh tựa như lưỡi, Cảnh thì cũng được sánh tựa như vật thực, việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh được sánh tựa như việc nhai nghiến vật thực, và việc tiếp xúc có năng lực mạnh hoặc yếu thì được sánh tựa như việc nhai nghiến đậm đà và hời hợt đó vậy.

Việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc như đã vừa đề cập đến đây, sẽ được thấy trong sự hiện hành sinh khởi lên với tất cả ở mọi người. Chẳng hạn như trong sát na đi xem ca kịch hoặc điện ảnh; nếu như nhìn không rõ, nghe không rõ vì chỗ ngồi quá xa hoặc ánh sáng yếu kém đi, mà điều ấy đã là theo Dĩ Pháp Bản Nguyện rồi, thế là Xúc sẽ có năng lực yếu kém vậy. Với lý do này, người xem ấy mới cố gắng xê dịch cho vào đến chỗ gần, để cho việc thấy và việc nghe được rõ ràng. Hoặc nếu nhỡ như ánh sáng yếu kém, thì cũng cố gắng tìm kiếm phương cách nào để cho có được thêm nhiều ánh sáng lên. Nếu như việc thấy hoặc việc được nghe rõ ràng tốt đẹp rồi, thì cũng có nghĩa là Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ vậy. Khi Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ rồi, thì Thọ là việc thụ hưởng Cảnh cũng hiện bày rõ ràng bền vững; có nghĩa là khởi lên việc được thấy hoặc việc được nghe một cách rõ ràng vậy. Một khi đã có được việc thấy, việc được nghe rõ ràng, thế rồi **Chất Vị Duyệt Ý (Iṭṭhirasa)** hoặc **Chất Vị Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhirasa)** hiện hữu trong những Cảnh ấy cũng ắt hẳn hiện bày rõ ràng. Tất cả sự việc như vầy, cũng bởi vì Nhãn Thức là việc trông thấy, v.v. đây, chỉ thực hiện đơn nhất một chức năng cho Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc làm thành Cảnh mà thôi; chớ chẳng phải thực hiện cho hiện khởi lên Chất Vị Duyệt Ý hoặc Chất Vị Bất Duyệt Ý hiện hữu ở trong những Cảnh ấy được. Pháp chủng có khả năng thực hiện Chất Vị Duyệt Ý hoặc Chất Vị Bất Duyệt Ý cho được hiện khởi lên, thì đấy chính là Xúc vậy. Bởi do thế trong bất luận thời lúc nào có được tiếp thâu lấy Cảnh tốt đẹp, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng thúc ép để cho Chất Vị Duyệt Ý hiện khởi lên. Và trong thời lúc nào có được tiếp thâu lấy Cảnh không tốt, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng bức bách cho Chất Vị Bất Duyệt Ý hiện khởi lên. Một khi Chất Vị Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đã hiện khởi lên, thế rồi Thọ cũng nhảy vào thực hiện chức năng thụ hưởng, tức là cảm thụ an lạc hoặc bất an ở trong những Cảnh ấy. Với lý do này, sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự an lạc ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn biểu lộ cho hiện khởi đến với người ấy; tức là làm cho có diện mạo trong sáng vui tươi; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự an vui hạnh phúc. Và trong sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự khổ đau ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn cũng biểu lộ trạng thái cho hiện khởi lên đến với người ấy tương tự như nhau, tức là làm cho có diện mạo sầu bi ưu não; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự bất hạnh khổ đau vậy.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA THỌ

1. Cảm Thụ Trạng Thái (Anubhavanalakkhaṇā):Có việc thụ hưởng Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Thụ Vị Di Lập Phận Sự (Visayarasasambhogarasā): Có việc thụ hưởng chất vị của Cảnh, làm thành phận sự.

3. Lạc Khổ Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự an lạc và khổ đau, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Xúc Nhân Cận (Phassapadaṭṭhānaṃ): Có Xúc làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU XÚC LÀM DUYÊN THỌ (PHASSAPACCAYĀ VEDANĀ)

Cả **Lục Xúc** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả **Lục Thọ** có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya),

2/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya),

3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya),

4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya),

5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya),

6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya),

7/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya),

8/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của **Xúc** đối với **Thọ** có được tám Duyên, tương tự như trên.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Vedanā (Thọ)** xuất nguyên từ căn **Vid (cảm thụ).** Cảm thụ là một danh từ thích nghi hơn cả từ ngữ "Cảm giác", để phiên dịch cho **Pāḷi** ngữ **Vedanā.** Tương tự như Xúc, Thọ là đặc tính chính yếu của tất cả các thể loại Tâm Thức. Thọ có thể là Hỷ, Ưu hoặc Xả thuộc lãnh vực tinh thần. Khổ và Lạc thuộc về sắc thân vật chất. Tuy nhiên Khổ Thọ hoặc Lạc Thọ thuộc về sắc thân, thì không có tầm quan trọng về phương diện đạo đức. Thể theo các Ngài Chú Giải Sư thì Thọ được ví như một ông chủ thưởng thức các thực phẩm do người đầu bếp nấu ăn. Người đầu bếp cũng được ví như các Tâm Sở còn lại trong một tư tưởng. Một cách chính xác, đích thị chính là Thọ cảm thụ một đối tượng, một khi đối tượng ấy đã tiếp xúc với giác quan tương ứng. Vả lại Thọ cảm thụ những quả báo an lành hoặc xấu ác từ ở một tác hành đã thực hiện ngay trong kiếp sống hiện tại, hoặc ở trong kiếp sống đã qua. Ngoài Tâm Sở Thọ này ra thì không có một linh hồn hoặc một cá nhân nào khác cảm thụ kết quả của hành động đã tạo tác. Cũng nên hiểu biết rằng, an lạc Níp Bàn thì bất hữu quan với Thọ. An lạc Níp Bàn thì quả thật an lạc thù thắng, thế nhưng chính đó là sự an lạc của **Chất Vị Giải Thoát (Vimuttirasa)** ra khỏi mọi khổ đau trong biển trần Khổ Đế, xác tín chẳng là sự vui thích ở trong một đối tượng khả ái].

Kết Thúc Xúc Làm Duyên Thọ

----------00000----------

VII. VEDANĀPACCAYĀ TAṆHĀ SAMBHAVATI
(THỌ LÀM DUYÊN ÁI DỤC KHỞI SINH)

Ái Dục (Taṇhā) thường hiện khởi lên do nương vào **Lục Thọ (Vedanā)** làm **Nhân.** Câu Chú Giải từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục): Vatthukāmaṃ paritassasatīti = Taṇhā** - Pháp chủng nào thường đắm nhiễm vào trong Vật Dục, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ái Dục.** Một trường hợp khác nữa: **Vatthukāmaṃ tassanti paritassanti sattā etāyāti = Taṇhā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục bởi do Pháp chủng ấy, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng làm Nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục ấy là **Ái Dục.** Là Tâm Sở Tham hiện hữu trong 8 Tâm căn Tham.

Giải thích rằng một khi Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc và các Pháp Thực Tính đã đi đến hiện bày ở trong Lộ Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Ái Dục là sự hoan hỷ, ưa thích đắm nhiễm trong các Cảnh ấy, thì cũng thường sinh khởi theo lẽ thường nhiên đến với tất cả mọi người; chỉ ngoại trừ Bậc Vô Sinh ra. Và nếu như Cảnh ấy hữu quan với Cảnh Dục Trần, thế rồi cũng loại trừ ra Bậc Bất Lai. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi nương vào Thọ, là sự cảm thụ trong việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. đó vậy. Và cũng theo lẽ thường nhiên, thì cho dù tất cả mọi người sẽ khởi sinh sự duyệt ý đắm nhiễm trong bất luận một Cảnh nào đi nữa, thì cũng sẽ phải là Cảnh mà bản thân đã từng có tiếp xúc đến rồi, hoặc đang có được tiếp thâu. Còn đối với Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện, thì Ái Dục ắt hẳn sinh khởi quả thật khó khăn; bởi vì Thọ, là việc thụ hưởng lấy Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện đấy, ắt hẳn cũng là khó khăn để có được. Ái Dục là sự duyệt ý nhiễm đắm trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc v.v. đây, thì cũng chính là sự duyệt ý đối với Lạc Thọ mà bản thân đã được tiếp thâu từ ở các Cảnh ấy vậy. Một khi đã duyệt ý đối với Lạc Thọ rồi, thì tương tự như nhau, là cũng phải có sự duyệt ý trong Cảnh mà đã làm cho Lạc Thọ có được sinh khởi lên vậy. Và người đã được thụ lãnh sự an lạc, thế rồi Ái Dục ấy cũng ắt hẳn đắm nhiễm trong sự an lạc mà bản thân mình đang có được thụ lãnh. Vả lại đôi khi cũng còn có sự mong mỏi để cho việc được thụ lãnh sự an lạc càng bội tăng lên nữa.

Chính vì thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết rằng **Vedanāpaccayā taṇhā - Thọ làm duyên Ái Dục** có nghĩa Lạc Thọ làm Nhân cho sinh khởi Ái Dục.

Người đang đón nhận sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở hoặc đang bị bất an, thì thường luôn tư duy nghĩ ngợi đến sự an lạc và Cảnh làm cho sự an lạc sinh khởi; thế rồi nỗ lực tinh cần tìm kiếm con đường để sẽ cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở, đã bằng với đủ mọi phương cách. Người ốm đau bất an cũng đã nỗ lực tìm kiếm thầy hay thuốc giỏi đặng chữa trị cho được dứt khỏi việc ốm đau bệnh hoạn ấy. Một khi vẫn chưa thoát khỏi những sự khổ đau ấy, thì cũng vẫn cứ than vãn và nghĩ ngợi rằng biết đến bao giờ thì mình mới sẽ thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở này được hỉ ? Sự việc như vậy, là cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ ở nơi Khổ Thọ đã làm Nhân. Và tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Khổ Thọ cũng là Nhân làm cho Ái Dục được khởi sinh.

Người chẳng có sự khổ đau và cũng chẳng có sự an lạc đặc biệt nào, tức là đang thụ hưởng ở thể loại Xả Thọ; và thực tính của Xả Thọ đây, là thực tính an tịnh, trái nghịch với Lạc Thọ. Người đang trong thực tính như vậy, thì thường có sự hoan hỷ duyệt ý đối với trạng thái Xả Thọ này; và thế rồi tư duy nghĩ suy rằng chẳng thà không có được đón nhận bất luận sự an lạc đặc biệt nào đi nữa, thì cũng xin cho vẫn được thường luôn là như vậy đi, chứ còn hơn phải có sự khổ đau phát sinh lên đến với mình **(Thà nhịn đói nằm co còn hơn ăn no mà phải đi mần).** Hoặc như **"Nhứt nhật thanh nhàn nhứt nhật Tiên – Một ngày rảnh rang an nhàn, đó là một ngày Thần Tiên !"** Sự việc như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ Xả Thọ đã làm Nhân. Và tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Xả Thọ cũng làm Nhân cho Ái Dục được khởi sinh.

Khi Phân Tích Theo Cảnh Thì Ái Dục Có Được Sáu Thể Loại, đó là:

1. Sắc Ái (Rūpataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rūpe taṇhā = Rūpataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Sắc, bởi do thế mới gọi là **Sắc Ái.**

2. Thinh Ái (Saddataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thinh, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Sadde taṇhā = Saddataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Thinh, bởi do thế mới gọi là **Thinh Ái.**

3. Khí Ái (Gandhataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Gandhe taṇhā = Gandhataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Khí, bởi do thế mới gọi là **Khí Ái.**

4. Vị Ái (Rasataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rase taṇhā = Rasataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Vị, bởi do thế mới gọi là **Vị Ái.**

5. Xúc Ái (Phoṭṭhabbataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Xúc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Phoṭṭhabbe taṇhā = Phoṭṭhabbataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Xúc, bởi do thế mới gọi là **Xúc Ái.**

6. Pháp Ái (Dhammataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp, tức là các Pháp Thực Tính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Dhamme taṇhā = Dhammataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Thực Tính Pháp, bởi do thế mới gọi là **Pháp Ái.**

Giải thích rằng khi đề cập thể theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì một khi Cảnh Sắc đã đi đến tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt, thế rồi Tâm Nhãn Thức sinh khởi và cũng trong cùng một sát na này thì Xúc, Thọ đã cùng câu sinh; và được gọi là "trông thấy". Nếu đề cập theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì trong giai đoạn này vẫn chưa có bất luận một sự cảm thụ nào khởi sinh lên cả, Tâm Lộ Trình phải đi đến Đồng Lực hẳn trước đã, thì liền khi đó mới sẽ có chỉ là một chút ít sự cảm thụ trong việc trông thấy, tuy nhiên vẫn chưa được rõ ràng cho lắm. Nối tiếp một khi đã đi đến Lộ Trình Ý Môn hẳn hòi rồi, thì lúc bấy giờ mới có được sự cảm thụ trong việc trông thấy này một cách rõ ràng. Tuy nhiên, Ái Dục sẽ có được sinh khởi lên, là tính kể từ sát na mà đã có sự cảm thụ dù chỉ một chút ít ngay trong việc trông thấy đây, Ái Dục cũng đã có khởi sinh lên rồi; có nghĩa là Ái Dục đã có sinh khởi lên ngay trong Lộ Trình Nhãn Môn

rồi vậy. Cũng bởi vì người ấy hẳn đã có sẵn **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānusaya);** chính vì thế Thọ mới làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được. Đối với Bậc đã đoạn lưu Ái Dục Tùy Miên, hoặc với Bậc đang có Chánh Niệm thu thúc trong việc trông thấy ấy v.v. và Niệm Định Lực của vị ấy cũng đã đang hiện hành khắn khít với nhau không gián đoạn; thì cho dù sẽ khởi sinh lên sự cảm thụ trong việc trông thấy dù chỉ là chút ít đi nữa, Thọ đây cũng không có khả năng để làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được.

Chính vì thế, trong sự việc Đức Phật đã có lập ý khải thuyết để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh, **Phẩm Căn Nguyên (Nidānavagga)** nói rằng: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā.** (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục). Và đấy, là việc trình bày đặc biệt chỉ nhắm lấy **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thôi; vả lại nếu lập ý nhắm lấy phần **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì đa số sự hiện hành chẳng phải có được hết cả thảy.

Trong phần **Thinh Ái, Khí Ái, Vị Ái, Xúc Ái** cũng hiện hành tương tự như nhau.

Đối với **Pháp Ái** thì có nghĩa ở trong sát na tư duy đến những thể loại Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến v.v. ở bên phía Bất Thiện; và tư duy đến những thể loại Tín, Cần, Niệm, Định, Trí Tuệ, Thiền Định, Thắng Trí v.v. ở bên phía Thiện Hiệp Thế và Duy Tác; hoặc tư duy đến những việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc ngủ nghỉ, ở bên phía Dị Thục Quả Dục Giới; hoặc tư duy đến những thể loại Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, và các Pháp Chế Định; mà có khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý thì đều được gọi là **Pháp Ái.**

Lại nữa, trong Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập **(Majjhimapaṇṇāsa Atthakathā)** đã có trình bày để rằng sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát Tuệ tương tự cũng vẫn được gọi là **Pháp Ái.**

Như dẫn chứng phần **Pāḷi** đã có trình bày nói rằng: **Dhammarāgena dhamma nandiyāti padadvayehi samathavipassanāsu chandarāgo vutto - Dịch nghĩa:** Đức Thế Tôn lập ý đề cập đến sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ bằng với hai từ ngữ, đó là **Pháp Ái (Dhammarāga)** và **Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī).** Có nghĩa **Tham Dục (Chandarāga)** sinh khởi lên trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tuệ Tu Tập, mới được gọi tên là **Pháp Ái.**

Rằng Khi Theo Hành Trạng Thì Ái Dục Hiện Hữu Ở Ba Thể Loại, đó là:

1. Dục Ái (Kāmataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm trong cả Lục Cảnh hữu quan với cả Ngũ Cảnh Dục Trần, nhưng bất phối hợp Hữu Thường Kiến và Đoạn Kiến, như có câu Chú giải trình bày rằng: **Kāmetīti = Kāmo, Kāmo ca so taṇhā cāti = Kāmataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục (Kāma).** Pháp Thực Tính nào vừa ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh, lại

vừa đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục Ái.** Tức là Tâm Sở Tham phối hợp Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

2. Hữu Ái (Bhavataṇhā): Tức là Ái Dục cùng câu sinh Hữu Thường Kiến **(Sassata diṭṭhi)** do nương vào Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc; lập ý nhắm đến người có quan điểm rằng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc mà bản thân đang có được tiếp thâu đây thì hằng luôn hiện hữu, và chẳng hiểu biết rằng có việc sinh rồi diệt; như có câu Chú Giải trình bày như sau: **Bhavatī ti = Bhavo, Bhavo ca so taṇhā cāti = Bhavataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường nhận thấy rằng bản thân mình hiện hữu trong cả Lục Cảnh, và hằng thường luôn hiện hữu, chẳng có hoại diệt; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Hữu (Bhava).** Tức là **Thường Trú Kiến.** Một trường hợp khác nữa, khi trình bày thể theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng **(Suttantamahāvagga Atthakathā)** thì **Hữu Ái** đây có được năm thể loại, đó là:

1. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Dục Giới Hữu (Kāmabhava)** tức là việc được sinh làm thành Nhân Loại và Chư Thiên.

2. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Hữu Sắc Giới Hữu (Rūpabhava)** tức là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

3. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Vô Sắc Giới Hữu (Kāmabhava)** tức là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

4. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)** tức là việc được chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới, và Thiền Định Vô Sắc Giới.

5. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Hữu Thường Kiến (Sassattadiṭṭhi)** tức là quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Bản Ngã, có Cái Tôi. Và Cái Tôi này thường hằng bất hoại, đến khi sẽ tử vong thì chỉ **Thân Tử** và **Tâm Bất Tử.** Hoặc Cái Tôi hiện hữu trong sắc thân của Nhân Loại, thế rồi Nhân Loại mệnh chung thì Cái Tôi ấy sẽ lại đi tái sinh thành một Nhân Loại khác nữa. Cái Tôi hiện hữu trong sắc thân của Hữu Tình Bàng Sinh thì cũng tương tự như nhau, một khi Hữu Tình ấy đã mạng vong, thế rồi Cái Tôi sẽ lại đi tái sinh thành một Hữu Tình Bàng Sinh khác nữa, chẳng có biến chuyển.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày rằng: **Bhave taṇhā = Bhavataṇhā, Bhava patthanāvasena uppannassa sassatadiṭṭhisahagatassa rūpārūpabhava rāgassa ca jhānanikantiyā cetaṃ adhivacanaṃ** - Gọi tên sự hoan hỷ duyệt ý trong các Hữu là **Hữu Ái.** Từ ngữ **Hữu Ái** đây, tức là:

1/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi do có sở nguyện cầu về Dục Giới Hữu.

2/. Tham Ái (Rāga) cùng câu sinh Hữu Thường Kiến.

3/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi trong bất luận một Hữu Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu.

4/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi trong Nhập Thiền Định.

3. Ly Hữu Ái (Vibhavataṇhā): là Ái Dục cùng câu sinh **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** do nương vào Lục Cảnh. Lập ý đến người có quan điểm rằng trong Lục Cảnh, tức là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng trong Thế Gian này có Cái Tôi hiện hữu; và Cái Tôi

này thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy. Hoặc có quan điểm rằng hết tất cả chẳng chừa một ai, một khi đã tử vong rồi thì cũng hẳn là tiệt diệt, và chẳng có tái sinh lại nữa; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm trong quan điểm ấy. Người có quan điểm trong Níp Bàn rằng có Ngã, và Bản Ngã; thế rồi khởi sinh dục tầm cầu về Níp Bàn. Sự dục tầm cầu về Níp Bàn, với sự dục cầu này cũng được gọi tên là **Ly Hữu Ái.**

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Na bhavatīti = Vibhavo, Vibhavo ca so taṇhā cāti = Vibhavataṇhā (và) Vibhave taṇhā = Vibhavataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu trong Lục Cảnh ấy, thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Hoặc dịch nghĩa theo một trường hợp khác nữa: "Pháp Thực Tính nào có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mạng vong rồi ắt hẳn phải tiệt diệt, không có được tái sinh lại nữa; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Tức là **Đoạn Kiến.** Pháp Thực Tính nào thường có quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu trong Lục Cảnh ấy, vừa không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, lại vừa hằng luôn phải bị tiệt diệt đi, lại vừa ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ly Hữu Ái.** Hoặc sự ưa thích đắm nhiễm trong Đoạn Kiến, được gọi tên là **Ly Hữu Ái.** Tức là Tâm Sở Tham câu sinh Đoạn Kiến.

Một trường hợp khác nữa, đó là **có 108 Ái Dục,** bao gồm:

- Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36, kết hợp lại có 108.

- Từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái có được 36 đã hữu quan với 6 Cảnh làm thành nền tảng, tức là Lục Cảnh đang đi đến hiện bày ở cả Lục Môn, có Lộ Nhãn Môn v.v. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Hiện Tại đã làm Nhân cho Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái được sinh khởi lên. Khi đã là như vậy, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái mới có được 6 Cảnh. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan với Lục Cảnh Hiện Tại.

Cũng có Lục Cảnh đã từng hiện bày đến cả Lục Môn. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Quá Khứ đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái sinh khởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Quá Khứ mới có được 6. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan Lục Cảnh Quá Khứ.

Cũng có Lục Cảnh sẽ đi đến hiện bày trong cả Lục Môn. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Vị Lai đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái sinh khởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Vị Lai mới có được 6. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan 6 Cảnh Vị Lai.

Khi phân tích cả Tam Ái bởi theo Lục Cảnh và theo Tam Thời Kỳ thì Dục Ái có 18, Hữu Ái có 18, Ly Hữu Ái có 18; kết hợp lại thành 54. Cả Lục Cảnh này hiện bày bên trong bản thân mình, mới được gọi tên là **Nội Bộ Cảnh (Ajjhattārammaṇa).** Cũng có hiện bày ở bên ngoài thân mình, tức là tha nhân và vật thể phi sinh mạng, mới được gọi tên **Ngoại Bộ Cảnh (Bahiddhārammaṇa).** Chính vì thế:

- **18 Dục Ái:** sinh khởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại **Dục Ái** có được 36.

- **18 Hữu Ái:** sinh khởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại **Hữu Ái** có được 36.

- **18 Ly Hữu Ái:** sinh khởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại Ly Hữu Ái có được 36.

Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36; kết hợp lại có 108.

Lục Ái Dục, Tam Ái Dục, 108 Ái Dục như đã vừa đề cập ở tại đây, đã sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình cũng do nương vào Thọ; tức là việc thụ hưởng Cảnh ở phần Lạc, Khổ và Xả ấy vậy. Nếu như thiếu vắng đi những việc thụ hưởng Cảnh này rồi, thì những thể loại Ái Dục này cũng không có thể sinh khởi lên được. Chính với lý do này, Đức Phật mới nói rằng **Vedanāpaccayā taṇhā - Thọ làm duyên Ái Dục.**

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA ÁI DỤC

1. Tác Nhân Trạng Thái (Hetulakkhaṇā): Có việc làm Nhân của tất cả mọi khổ đau, làm thành trạng thái.

2. Hỷ Ủy Phận Sự (Abhinandanarasā): Có sự ưa thích đắm nhiễm ở trong Cảnh, Cõi Giới, và kiếp sống, làm thành phận sự.

3. Bất Mãn Túc Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự không no đủ hoặc vừa lòng ở trong các Cảnh của Tâm hoặc của Người, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Thọ Nhân Cận (Vedanāpadaṭṭhānaṃ): Có Thọ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU THỌ LÀM DUYÊN ÁI DỤC (VEDANĀPACCAYĀ TAṆHĀ)

Thọ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ái Dục** đây, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của **Thọ** đối với **Ái Dục** có được một Duyên, tương tự như trên.

[**Chú thích:** Có ba thể loại **Ái Dục (Taṇhā),** đó là:

1/. Ái Dục duyên theo Cảnh Dục Trần, còn gọi là **Dục Ái (Kāmataṇhā);**

2/. Ái Dục duyên theo dục lạc kết hợp với quan điểm Hữu Thường Kiến, còn gọi là **Hữu Ái (Bhavataṇhā),** tức là ưa thích đắm nhiễm Cảnh Dục Trần với quan điểm hằng thường còn, vĩnh viễn và bất hoại diệt,

3/. Ái Dục duyên theo dục lạc kết hợp với quan điểm Đoạn Kiến, còn gọi là **Ly Hữu Ái (Vibhavataṇhā),** tức là ưa thích đắm nhiễm Cảnh Dục Trần với quan điểm tất cả đều hoại

diệt, tất cả đều chấm dứt sau khi tử vong. Đây cũng còn là quan điểm của **Chủ Thuyết Duy Vật.**

Ngoài ra, Hữu Ái và Ly Hữu Ái cũng còn được chú giải là luyến ái duyên theo Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Thông thường hai từ ngữ này còn được hiểu biết là Ái Dục ở trong trạng thái sinh tồn (Hữu Ái), và Ái Dục ở trong trạng thái bất sinh tồn (Ly Hữu Ái). Cũng ngoài ra nữa, có cả sáu thể loại Ái Dục duyên theo Lục Trần, như có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh v.v. Sáu thể loại này trở thành 12 nếu được kết hợp với Lục Căn, như có Nhãn Căn, Nhĩ Căn, v.v. và trở thành 36 nếu tính kể cả Tam Thời Kỳ gồm có Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Hiện Tại, Thời Kỳ Vị Lai. Và cuối cùng, nếu kết hợp với cả thể loại Ái Dục, ấy là Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái thì có hết cả thảy 108].

Kết Thúc Thọ Làm Duyên Ái Dục

----------00000----------

VIII. TAṆHĀPACCAYĀ UPĀDĀNAṂ SAMBHAVATI (ÁI DỤC LÀM DUYÊN CHẤP THỦ KHỞI SINH)

Chấp Thủ (Upādāna) thường hiện khởi lên do nương vào **Ái Dục (Taṇhā)** làm **Nhân.** Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** lập ý đến việc bám giữ chặt trong điều sai lầm bởi do Tham và Tà Kiến.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Bhusaṃ ādiyanti amuñcagāhaṃ gayhantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp nào bám giữ chặt một cách mãnh liệt, tức là giữ chặt lấy không buông; bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Chấp Thủ.**

Một trường hợp khác nữa: **Upādiyantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp nào chấp thủ chặt, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Chấp Thủ.** Là Ái Dục và Tà Kiến có nhiều năng lực.

Câu Chú Giải này đã trình bày cho thấy rằng Ái Dục và Tà Kiến thuộc thể loại thông thường, vẫn chưa được gọi tên Chấp Thủ được. Tiếp đến một khi Ái Dục và Tà Kiến ấy khởi lên có năng lực mãnh liệt, sẽ nói là việc ưa thích đắm nhiễm trong các Cảnh ấy một cách dính mắc không chịu buông bỏ; thì lúc bấy giờ Ái Dục đấy được gọi tên **Chấp Thủ.** Và một khi có quan điểm sai lầm, lại đi bám dính chặt vào không sửa đổi được thì lúc bấy giờ Tà Kiến đấy cũng được gọi tên **Chấp Thủ.**

[**Chú thích:** Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** được xuất nguyên từ ngữ căn **Upa + A + Da** có nghĩa **"cho ra". Upādāna (Chấp Thủ)** là Ái Dục ở mức cao độ, với trạng thái tham ái mãnh liệt và bám giữ chặt lấy, một hình thức của sự chấp cứng không buông bỏ. **Taṇhā (Ái Dục)** tựa như một tên trộm rình mò trong đêm tối để trộm lấy một vật thể. **Upādāna** (Chấp Thủ) đích thị chính là hành động lấy trộm ấy. Chấp Thủ là hệ quả của sự ái luyến và si mê lầm lạc. Chấp Thủ đưa đến quan kiến sai lầm về "Bản Ngã", "Tự Ngã", "Ta" và "Của Ta"].

Có Bốn Thể Loại **Chấp Thủ (Upādāna)**, đó là:

1. Dục Chấp Thủ (Kāmupādāna): Sự bám giữ chặt ở trong cả Lục Vật Dục (Lục Cảnh Dục Trần) có Cảnh Sắc, v.v. Tức là Tâm Sở Tham bám giữ chặt ở trong Lục Cảnh Dục Trần **[LụcVật Dục (Vatthukāma)]**.

2. Kiến Chấp Thủ (Diṭṭhupādāna): Sự bám giữ chặt trong việc thấy sai chấp lầm, có Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, và 10 Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến **(Ananta ggāhikadiṭṭhi).** Tức là Tâm Sở Tà Kiến ở ngoài **Giới Cấm Thủ Tà Kiến** ra **(Sīlabbata diṭṭhi)**, và **Thường Trú Kiến.**

3. Giới Cấm Chấp Thủ (Sīlabbatupādāna): Sự bám giữ chặt trong việc thực hành sai trật, có việc thực hành bắt chước theo con bò **(Ngưu Hành Giả)**, và con chó **(Cẩu Hành Giả)** v.v. Tức là **Giới Cấm Thủ Tà Kiến.**

4. Ngã Luận Chấp Thủ (Attavādupādāna): Sự bám giữ chặt trong Ngũ Uẩn của mình và của tha nhân. Tức là **Hữu Thân Kiến.**

Trình Bày Tứ Chấp Thủ Một Cách Mãn Túc

1. Dục Chấp Thủ (Kāmupādāna) có sáu, đó là:

1/. Sắc Dục Chấp Thủ (Rūpakāmupādāna),
2/. Thinh Dục Chấp Thủ (Saddakāmupādāna),
3/. Khí Dục Chấp Thủ (Gandhakāmupādāna),
4/. Vị Dục Chấp Thủ (Rasakāmupādāna),
5/. Xúc Dục Chấp Thủ (Phoṭṭhabakāmupādāna),
6/. Pháp Dục Chấp Thủ (Dhammakāmupādāna).

2. Kiến Chấp Thủ (Diṭṭhupādāna) có Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến, kết hợp lại có được 75, đó là:

1/. Tam Chuẩn Xác Tà Kiến: a/. Vô Hữu Kiến Chấp Thủ, b/. Vô Nhân Kiến Chấp Thủ, c/. Vô Hành Kiến Chấp Thủ; cả ba này là **Đại Tà Kiến (Mahādiṭṭhi).**

2/. 62 Tà Kiến, đó là: **a/. Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ (Pubbantakappikadiṭṭhi):** Quan điểm sai lầm do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn đã trải qua trong Thời Kỳ Quá Khứ, có được 18 luận thuyết, **b/. Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai (Aparantakappikadiṭṭhi):** Quan điểm sai lầm do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn trong Thời Kỳ Vị Lai, có được 44 luận thuyết. Kết hợp lại có được 62 luận thuyết.

+ 18 Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ, đó là: **1/. 4 Thường Trú Kiến (Sassatadiṭṭhi), 2/. 4 Thường Trú Vô Thường Trú Kiến (Ekaccasassatadiṭṭhi), 3/. 4 Hữu Biên Vô Biên Kiến (Antānantadiṭṭhi), 4/. 4 Ngụy Biện Kiến (Amarāvikkhepadiṭṭhi), 5/. 2 Vô Nhân Tương Sinh Kiến (Adhiccasamuppannadiṭṭhi).**

+ 44 Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai, đó là: **1/. 16 Chủ Trương Hữu Tưởng Luận Kiến (Uddhamāghātanikasaññīvādadiṭṭhi), 2/. 8 Chủ Trương Vô Tưởng Luận Kiến (Uddha māghātanikaasaññīvādadiṭṭhi), 3/. 8 Chủ Trương Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Luận**

Kiến (Uddhamāghā tanikanevasaññīnāsaññīvādadiṭṭhi), 4/. 7 Đoạn Luận Kiến (Ucche davādadiṭṭhi), 5/. 5 Hiện Tại Níp Bàn Luận Kiến (Diṭṭhadhammanibbānavādadiṭṭhi).

+ Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Antaggāhikadiṭṭhi), đó là:

1/. Sassato loko: Quan điểm rằng thế gian trường tồn.

2/. Asassato loko: Quan điểm rằng thế gian không trường tồn.

3/. Antvā loko: Quan điểm rằng thế gian có nơi tận cùng.

4/. Anantvā loko: Quan điểm rằng thế gian không có nơi tận cùng.

5/. Taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là một với nhau.

6/. Aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là mỗi người riêng biệt nhau.

7/. Hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi tiếp tục đi tái sinh nữa.

8/. Na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi không còn tiếp tục đi tái sinh nữa.

9/. Hoti ca na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy chỉ trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì thường đi tái sinh nữa cũng có, hoặc không đi tái sinh nữa cũng có.

10/. Neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì cũng chẳng có đi tái sinh nữa, cũng chẳng có không đi tái sinh nữa.

3. Giới Cấm Chấp Thủ (Sīlabbatupādāna):

Việc thực hành sai trật với đường lối chân chánh, chẳng hạn như tự thực hành làm cho giống với con bò **(Ngưu Hành Giả)** hoặc con chó **(Cẩu Hành Giả),** bởi do người ấy nghĩ suy cần phải vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao vất vả khổ sở trong Vòng Luân Hồi, hoặc cần phải đi tái sinh trong Cõi Thiên Giới; thế nhưng lại không có được cơ hội để giao tiếp với tất cả các Bậc Hiền Triết, có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. và cũng không có được cơ hội để học hỏi Chánh Pháp Học Giáo Truyền. Nhóm người này nhận thấy rằng những Bất Thiện đã phát sinh đến với mình rồi, thì không biết là bao nhiêu để mà đếm cho xuể được; và thiết yếu sẽ phải tìm kiếm đạo lộ ngõ hầu tiệt diệt hết những thể loại Bất Thiện này. Bởi vì chính những thể loại Bất Thiện này đã làm cho mình không thể nào thụ hưởng được sự an lạc ở trong chốn bồng lai tiên cảnh. Khi đã nghĩ suy như vậy, thế rồi đã phát sinh tư duy nhận thức rằng hẳn là ta đã có mắc nợ với Bất Thiện rồi, thì ta cần phải cố gắng để giải quyết nợ cũ Bất Thiện cho được hết sạch đi, còn nợ mới thì quyết sẽ không tạo thêm nữa; và như vậy mới có thể sẽ trả hết sạch nợ trần được. Hơn nữa Bất Thiện cũ, đấy là người chủ nợ đã làm cho ta phải bị khốn khổ vất vả vô cùng, nhất quyết là ta sẽ phải lấy sự vất vả đấy, dùng để trả cho dứt sạch hết nợ trần. Điều này cũng được ví như một người đã là con nợ bạc vàng của người ta, vả lại không có khả năng để đi kiếm được bạc vàng ngõ hầu trả cho dứt nợ của người; thế thì cũng phải tự đem thân đem sức đi đến đối diện với sự vất vả khổ sở ấy, có nghĩa là phải cam chịu làm kẻ tôi tớ cho người ta sử dụng để thay thế bạc vàng. Chính sự vất vả khổ

sở này đã có khả năng sẽ giúp cho bản thân mình vượt thoát ra khỏi và giũ sạch hết cả những nợ trần ấy được. Điều này như thế nào, thì bản thân đang mắc nợ Bất Thiện cũng như thế ấy vậy, tất yếu cũng sẽ cần phải lấy sự vất vả khổ sở thuộc loại nhóm Hữu Tình Bàng Sinh có bò và chó v.v. đang được đón nhận đấy, để làm thành phương dụng hỗ trợ cho bản thân được vượt thoát ra khỏi người chủ nợ Bất Thiện, thì đến lúc bấy giờ bản thân mình mới sẽ được thoát ra khỏi Bất Thiện. Khi đã nghĩ suy theo đường lối như vậy, thế rồi đã cùng rủ nhau tiến hành tu tập bản thân cho giống với bò **(Ngưu Hành Giả)** và chó **(Cẩu Hành Giả);** có việc ăn, việc ngủ, việc ngồi, việc đứng, việc bài tiết tiêu tiểu, suốt trọn cho đến cả việc bày trí sắc thân hình thù cũng cho được giống với bò hoặc chó ấy vậy; mà chính ngay điều này là đã trái ngược lại việc sinh hoạt của tất cả Nhân Loại. Hơn thế nữa, cũng chính việc thực hành như vầy mới được gọi tên là **Giới Cấm Chấp Thủ.**

4. Ngã Luận Chấp Thủ (Attavādupādāna):

Tức là **Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi)** hoặc **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** bám giữ chặt trong Ngũ Uẩn rằng là Ngã, là Bản Ngã; và hiện hữu đến 20 thể loại, hoặc tính theo tròn đủ có được 256 thể loại, đó là:

1/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào **Sắc Uẩn** làm Cảnh có được 4 hoặc 112.

2/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào **Thọ Uẩn** làm Cảnh có được 4 hoặc 72.

3/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào **Tưởng Uẩn** làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

4/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào **Hành Uẩn** làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

5/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào **Thức Uẩn** làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

TỨ HỮU THÂN KIẾN KHỞI SINH DO NƯƠNG VÀO SẮC UẨN LÀM CẢNH:

1/. Rūpaṃ attato samanupassati: Có quan điểm rằng Sắc này là Ta, và Ta là Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là một như nhau; cũng tương tự như trông thấy ngọn lửa với ánh sáng ngọn lửa vậy)

2/. Rūpavantaṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như cây với bóng cây vậy.)

3/. Attani vā rūpaṃ: Có quan điểm rằng Sắc này ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như mùi hương của hoa hiện hữu ở trong bông hoa vậy)

4/. Rūpasmiṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự ngọc Ma Ni ở trong hộp kim hoàn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ có được 112 thể loại ấy, tức là: Bốn thể loại Hữu Thân Kiến có Sắc Uẩn làm thành Cảnh đây, sinh khởi do nương vào Địa Giới cũng có, sinh khởi do nương vào Thủy Giới cũng có v.v. cho đến Sắc Lão Mại, Sắc Vô Thường cũng có; chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với 28 Sắc Pháp mới trở thành 112 thể loại, là như vậy.

TỨ HỮU THÂN KIẾN KHỞI SINH DO NƯƠNG VÀO THỌ UẨN LÀM CẢNH:

1/. Vedanaṃ attato samanupassati: Có quan điểm rằng việc thụ hưởng Cảnh là Ta, và Ta là việc thụ hưởng Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là một như nhau)

2/. Vedanāvantaṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có việc thụ hưởng Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

3/. Attani vā vedanaṃ: Có quan điểm rằng việc thụ hưởng Cảnh ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4/. Vedanāya vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong việc thụ hưởng Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng là mỗi người riêng biệt nhau.)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Thọ vừa nêu trên cũng tương tự như đã trình bày trong Sắc Uẩn vậy).

Tính về số lượng tròn đủ có được 72 thể loại ấy, tức là: Một khi tính theo Môn thì có Lục Thọ, tức là Nhãn Phủ Xúc Thọ v.v. Trong cả sáu thể loại Thọ này, được phân tích ra thành 3, tức là Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ, và kết hợp lại có được 18. Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Lạc Thọ cũng có, sinh khởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Khổ Thọ cũng có, sinh khởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Xả Thọ cũng có. Hơn thế nữa, cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Lạc, Khổ, Xả mà hữu quan Nhĩ Phủ Xúc v.v. cho đến Ý Phủ Xúc cũng tương tự như nhau; chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với 18 Thọ mới trở thành 72, là như vậy.

TỨ HỮU THÂN KIẾN KHỞI SINH DO NƯƠNG VÀO TƯỞNG UẨN LÀM CẢNH:

1/. Saññaṃ attato samanupassati: Có quan điểm rằng việc tưởng nhớ Cảnh là Ta, và Ta là việc tưởng nhớ Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là một như nhau).

2/. Saññāvantaṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có việc tưởng nhớ Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau).

3/. Attani vā saññaṃ: Có quan điểm rằng việc tưởng nhớ Cảnh ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4/. Saññāya vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong việc tưởng nhớ Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

(Điều tỷ dụ hữu quan cả Tứ Tưởng vừa nêu trên cũng tương tự như đã trình bày trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ có được 24 thể loại ấy, tức là: Một khi tính theo Cảnh thì việc tưởng nhớ Cảnh đây, có được 6 thể loại; tức là Sắc Tưởng, Thinh Tưởng, Khí Tưởng, Vị Tưởng, Xúc Tưởng và Pháp Tưởng. Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Sắc Tưởng cũng có, nương vào Thinh Tưởng cũng có v.v. chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Tưởng mới trở thành 24, là như vậy.

TỨ HỮU THÂN KIẾN KHỞI SINH DO NƯƠNG VÀO HÀNH UẨN LÀM CẢNH:

1/. Saṅkhāre attato samanupassati: Có quan điểm rằng việc tạo tác trong Cảnh là Ta, và Ta là việc tạo tác ở trong Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là một như nhau)

2/. Saṅkhāravantaṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có việc tạo tác ở trong Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

3/. Attani vā saṅkhārā: Có quan điểm rằng việc tạo tác trong Cảnh ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4/. Vedanāya vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong việc tạo tác trong Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau.)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Hành vừa nêu trên cũng tương tự như đã trình bày trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ có được 24 thể loại ấy, tức là: Một khi tính theo việc tạo tác ở trong Cảnh đây có được 6 thể loại; tức là **Sắc Tưởng Tư Tâm Sở (Rūpasaññacetanā), Thinh Tưởng Tư Tâm Sở (Saddasaññacetanā), Khí Tưởng Tư Tâm Sở (Gandha saññacetanā), Vị Tưởng Tư Tâm Sở (Rasasaññacetanā), Xúc Tưởng Tư Tâm Sở (Phoṭ ṭhabbasaññacetanā), Ý Tưởng Tư Tâm Sở (Manosaññacetanā).** Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Sắc Tưởng Tư Tâm Sở cũng có, nương vào Thinh Tưởng Tư Tâm Sở v.v. cũng có, chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Tư Tâm Sở mới trở thành 24, là như vậy.

TỨ HỮU THÂN KIẾN KHỞI SINH DO NƯƠNG VÀO THỨC UẨN LÀM CẢNH:

1/. Viññāṇaṃ attato samanupassati: Có quan điểm rằng việc tri thức Cảnh là Ta, và Ta là việc tri thức Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tri thức Cảnh là một như nhau)

2/. Viññāṇavantaṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có việc tri thức Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

3/. Attani vā viññāṇaṃ: Có quan điểm rằng việc tri thức Cảnh ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4/. Viññāṇasmiṃ vā attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong việc tri thức Cảnh. (Hiểu biết rằng Ta với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Thức vừa nêu trên cũng tương tự như đã trình bày ở trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ có được 24 thể loại ấy, tức là: Một khi tính theo Môn thì việc tri thức Cảnh đây, có được sáu thể loại; tức là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức. Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Nhãn Thức cũng có, nương vào Nhĩ Thức cũng có v.v. chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Thức mới trở thành 24, là như vậy.

Giải thích rằng người đã có **Ngã Luận Chấp Thủ** đây; thì bất kiến, bất liễu tri và bất tín rằng Danh Sắc, Ngũ Uẩn này là Vô Ngã, là một thực tính không nằm trong mãnh lực cai

quản và chỉ đạo của một ai, không có Ngã, và không có Bản Ngã. Lại hiểu biết rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn này là **Ngã (Atta),** là Bản Ngã; và Bản Ngã này là độc lập, có khả năng chủ quản và chỉ đạo Danh Sắc Ngũ Uẩn được. Bản Ngã chỉ thị cho sắc thân thực hiện những việc đứng, đi, ngồi, nằm, nói, nhìn, nghe v.v. và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị.

SỰ CHẤP THỦ RẰNG LÀ BẢN NGÃ (ATTA) CÓ HAI THỂ LOẠI: CHÍ TÔN BẢN NGÃ (PATAMAATTA), BẢN SINH MỆNH NGÃ (JĪVAATTA)

Sự chấp thủ rằng Bản Ngã đây có khả năng kiến lập được Thế Gian; tất cả những vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày ở trong thế gian hằng mỗi ngày đều được sinh ra từ nơi mãnh lực của Bản Ngã ấy hết cả thảy; và sự chấp thủ như vậy mới được gọi tên là **Chí Tôn Bản Ngã.** Sự chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu trong Thế Gian này, có Tôi có Ta, tức là có sinh mệnh bảo hộ giữ gìn; và sự chấp thủ như vậy được gọi tên là **Bản Sinh Mệnh Ngã.**

Giải thích rằng: Chí Tôn Bản Ngã có lịch sử nói rằng vào thời kỳ Thế Gian đã bị tiêu hoại do bởi Hỏa Tai, và bắt đầu kiến thủy tân tiên thiên vũ trụ, thì ba Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới đã được kiến tạo lên trước cả các Cõi Giới khác. Trong thời gian tân kiến tạo đã được hoàn mãn đây, thì vẫn chưa có bất luận một vị Phạm Thiên nào sinh khởi lên cả. Tiếp đến Phạm Thiên ở tầng trên kể từ Cõi Nhị Thiền Hữu Sắc Giới, bất luận một vị nào đã vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt từ ở Cõi Giới ấy, và đi thọ sinh trong Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới này, hiện bày làm vị Đại Phạm Thiên đầu tiên; ở đàng phía sau vị Đại Phạm Thiên này có hào quang sáng rực. Thời gian về sau thì vị Đại Phạm Thiên này đã khởi sinh cảm thụ trống trải cô đơn, mới chợt nghĩ đến ước nguyện sao cho có các vị Phạm Thiên khác nữa đến sinh sống chung với mình; đột nhiên vừa trùng khớp với thời gian ấy, có một vài vị Phạm Thiên ở trong tầng Cõi Giới trên cũng vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt, đã cùng rủ nhau tử vong đến tái sinh ở trong Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới này trong thời gian nối tiếp với nhau có được rất nhiều vị. Tuy nhiên nhóm Phạm Thiên đi tái sinh ở thứ bậc sau đây, thì không được làm vị Đại Phạm Thiên, mà có một số vị làm hàng **Phạm Chúng Thiên (Brahmapārisajjā** – Bộc chúng vị Đại Phạm Thiên), một số vị làm **Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohitā** – Quân Sư vị Đại Phạm Thiên) và tất cả đều là hàng quần thần tùy tùng của Ngài Đại Phạm Thiên cả thảy. Sự rực rỡ của hào quang phún tủa ở châu thân cũng ít hơn Đại Phạm Thiên. Khi Đại Phạm Thiên đã được trông thấy tất cả nhóm Phạm Thiên vừa hóa sinh lên ở trong thời gian ấy, thì cũng liền nghĩ suy rằng "Khi Ta vừa khởi lên ước nguyện mong cầu có được vị Phạm Thiên hóa sinh cùng sống chung với Ta, thì sự ước nguyện cũng đã được thành tựu ứng hợp với sở nguyện; bởi do thế đích thị chính là Ta đây mới là Đấng kiến lập tất cả Chúng Phạm Thiên cho được hiện khởi lên ở trong Thế Gian này."

Còn tất cả các nhóm Chúng Phạm Thiên vừa mới hóa sinh, đã được trông thấy Ngài Phạm Thiên có sắc tướng xinh đẹp, có hào quang chói sáng rực rỡ bày thiết khắp cả châu thân cho đến cả tòa Thiên Cung cũng vô cùng xinh đẹp; mới cùng rủ nhau hiện khởi lên tác bạch rằng: **Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññadattthudaso**

vasavatti issaro kattā nimmātā seṭṭho sajjitā vasī pitā bhūtabhabyānaṃ iminā mayaṃ bhotā brahmunā nimmitā - Dịch nghĩa: Vị Phạm Thiên này là Đại Phạm Thiên có quyền năng cai quản tất cả Chúng Hữu Tình, không có ở trong sự cai quản của vị nào khác; là Đấng Tạo Hóa nhất định có quyền năng liễu tri thông suốt tất cả sự vật, có quyền năng điều khiển làm cho tất cả Chúng Hữu Tình tiến hành thực hiện theo sự duyệt ý của mình; là **Đấng Hóa Sinh Chủ, Đại Tôn** cai quản tất cả Chúng Hữu Tình; là **Sáng Tạo Chủ Thế Gian** và Chúng Hữu Tình; là **Đấng Thượng Tôn** trong thế gian; là **Chủ Tể** mọi định mệnh, sắp bày tạo tác Hữu Tình cho làm Đại Vương, cho làm Bà La Môn, làm bá hộ, làm người giàu, người nghèo, tùy theo thích hợp với vị trí địa vị; là **Tổ Phụ** của Chúng Hữu Tình đã sinh lên và sắp sẽ sinh lên về sau. Ngay cả tất cả chúng ta hóa sinh lên ngay trong lãnh địa này, là cũng chính do bởi Đại Phạm Thiên này là Bậc đã kiến lập lên." Khi đã nhắc nhở nhau như vậy, thì cùng rủ nhau đi đến trông chờ để được hầu hạ và phục vụ Đại Phạm Thiên với mọi trường hợp.

Tiếp đến những nhóm Phạm Chúng Thiên này, khi đã vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt, thì liền tử vong và đi tái sinh trong Cõi Nhân Loại. Đối với Đại Phạm Thiên ấy, thì vẫn còn hiện hữu sinh mạng, bởi vì thọ mạng miên trường hơn nhóm Phạm Thiên ấy. Còn tất cả Chúng Phạm Thiên khi đã đi tái sinh làm thành Nhân Loại rồi, thì có một vài nhóm đã tu tập An Chỉ, chứng đắc Thiền Định và Thắng Trí, có khả năng trông thấy Đại Phạm Thiên ấy; liền khởi sinh lên sự chấp thủ rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình sinh sống trong thế gian này, thì Đại Phạm Thiên là **Đấng Sáng Tạo Chủ** hết cả thảy; chính vì thế, Đại Phạm Thiên này là **Đấng Thượng Tôn,** có được hồng danh là **Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta)** là **Đấng Bất Tử Bất Diệt.** Sự kiến chấp bám chặt như vầy đã được thông tin liên lạc với nhau rất nhiều, cứ tiếp tục loan truyền mãi cho đến ngày nay. Chính vì thế, một nhóm người có quan điểm rằng hằng mỗi ngày tất cả những vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng đã hiện bày trong thế gian này, suốt trọn cho đến cả sự an vui hạnh phúc, sự vất vả khổ sở, sự giàu có, sự nghèo khổ, sự thụ hưởng, sự không thụ hưởng, dòng giống thượng lưu, hoặc dòng giống thấp hèn v.v. Những thể loại này, cũng do bởi **Chí Tôn Bản Ngã** là Đấng đã kiến lập lên, có được thọ sinh từ ở nơi người trong thời kỳ **Kiến Lập Kiếp Sơ** đã có được chứng đắc Thiền Định, Thắng Trí, và có khả năng tự trông thấy Đại Phạm Thiên ấy, làm cái nguyên nhân thuở ban đầu. Tiếp đến những con người tái sinh trong những thời kỳ nối tiếp về sau cũng có sự trông thấy như vậy, tiến hành theo cũng cùng một lối với nhau. Tuy nhiên những người đã tái sinh về sau này, thì không có khả năng được trông thấy Đại Phạm Thiên, bởi vì không có được Thắng Trí; và một khi có người đến vấn hỏi rằng **Đấng Sáng Tạo Chủ** kiến lập thế gian ấy đang ở nơi đâu ? Thì cũng chỉ được giải đáp rằng ở phía trên hư không mà thôi.

Chí Tôn Bản Ngã đây, có rất nhiều tên để kêu gọi, thể theo dòng giống chủng loại và ngôn ngữ của nhà cầm quyền dân tộc này, tức là:

- Theo ngôn ngữ **Bắc Phạn (Sanscrit)** và **Ấn Độ Giáo (Hindu)** thì gọi là **Thần Sira, Đấng Tối Cao, Đại Phạm Thiên Vương.**
- Theo ngôn ngữ **Ba Tư (Iran)** thì gọi là **Gođa.**
- Theo ngôn ngữ **Ả Rập (Arabic)** thì gọi là **Thánh Alla.**

- Theo ngôn ngữ **Anh Quốc** thì gọi là **Thượng Đế (God).**
- Theo ngôn ngữ **Miến Điện (Burma)** thì gọi là **Đấng Kiên Chủ.**
- Theo ngôn ngữ **Thái Lan** thì gọi là **Đức Chúa Trời.**
- Theo ngôn ngữ **An Nam** thì gọi là **Đức Chúa Trời.**

Mà tất cả đều là **Chí Tôn Bản Ngã** hết cả thảy.

Bản Sinh Mệnh Ngã (JīvaAtta):

1. Có người đã quan điểm rằng ở phía bên trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đây có một bản ngã gọi là **Mệnh Ngã. Mệnh Ngã** này có được quyền năng tác hành tạo tác hết tất cả mọi công việc; chẳng hạn như trong lúc đang bước đi, thì cử chỉ oai nghi bước đi, là chẳng phải hiện hành với mãnh lực của bàn chân, chả là hiện hành với mãnh lực của chính **Bản Sinh Mệnh Ngã** ấy, và đã làm thành người chỉ thị cho giở bàn chân lên bước đi. Hoặc giả trong lúc nào Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện trong một điều Bất Thiện, thì Thân Hành và Ngữ Hành cũng đều thực hiện trong điều Bất Thiện ấy đúng theo ý định của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc giả Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện trong một điều Thiện, thì Thân Hành và Ngữ Hành cũng đều thực hiện trong điều Thiện ấy đúng theo lời chỉ thị của Bản Sinh Mệnh Ngã. Chẳng hạn như trong lúc đang đưa bàn tay lên vái lạy ngay trước kim thân Đức Phật; thì việc đưa bàn tay lên để chắp tay vái lạy ngay trước kim thân Đức Phật ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc trong lúc đang tụng niệm kinh thì việc thốt lên lời tụng đọc ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã; vả lại việc tụng đọc kinh được đúng đắn, cũng đều là với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã hết cả, v.v. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Hành Mệnh Ngã (Kāraka JīvaAtta – Người tác hành tạo tác).**

2. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, đã làm thành người thụ lãnh quả báo phát sinh từ nơi Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực, sự an vui, sự khổ đau, ốm đau bệnh hoạn, và việc thọ thực thượng vị và hạ vị v.v. Việc tác hành Thiện, tạo tác Bất Thiện để rồi sẽ phải đón nhận quả báo trong thời vị lai, thì Bản Sinh Mệnh Ngã cũng sẽ làm thành người đón nhận thụ lãnh. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JīvaAtta – Người thụ lãnh).**

3. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, là vị chủ quản lý sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì có quyền năng làm người chủ quản khắp cả các bộ phận của sắc thân; chính vì thế Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sāmī JīvaAtta – Chủ nhân).**

4. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, một khi sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đã bị hư hoại đi, do bởi sự già nua lão mại, hoặc do bởi bất luận một nguyên nhân bất tường nào đi nữa, thì Bản Sinh Mệnh Ngã này cũng sắp bày kiến tạo lên một sắc thân mới được nữa, thế rồi cũng chuyển di trong sắc thân mới ấy. Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho dù sẽ có bị hư hoại đi, tuy nhiên Bản Sinh Mệnh Ngã đây thì bất hoại, và có quyền năng kiến tạo lên sắc thân mới được hoài hoài. Hoặc một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây là một phần của **Chí Tôn Bản Ngã.** Khi Hữu Tình

cận tử lâm chung, thì sắc thân ấy ngay tức thời cũng quay trở về lại trú xứ của **Chí Tôn Bản Ngã** hằng hiện hữu ở trên Cõi Trời. Có nghĩa là **Chí Tôn Bản Ngã** là Bậc đã gọi về, và coi như là **Bản Sinh Mệnh Ngã** ấy đã không có việc tử vong. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivāsī JīvaAtta – Sống vĩnh hằng).**

5. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây có năng lực ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī – Người có quyền năng điều khiển được sắc thân).** Khi kết hợp cả hai thể loại quan điểm, đó là **Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivasī)** và **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī)** vào với nhau, cũng có nghĩa là có một nhóm người có cả hai thể loại quan điểm này. Hiểu biết rằng Bản Sinh Mệnh Ngã này là cốt lõi, là cốt lõi bền vững cùng tột, không có bất luận một vật thể nào có khả năng để sẽ phá hủy cho tiệt diệt đi được. Hơn nữa, lại còn có quyền năng một cách đặc biệt để có khả năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho thực hiện thể theo ý định của mình, mới được gọi là **Đặc Quyền Mệnh Ngã (Vasavattana – Người có quyền lực đặc biệt).**

Sự bám giữ chặt rằng là Bản Sinh Mệnh Ngã với năm trường hợp như đã vừa đề cập đến ở tại đây; thì có một vài nhóm người cũng chấp thủ giữ chặt lấy **Thức Uẩn** là cái **Mệnh Ngã,** một vài nhóm người cũng chấp thủ giữ chặt lấy **Sắc Uẩn** là cái **Mệnh Ngã;** và cũng có một vài nhóm người chấp thủ giữ chặt lấy bất luận một trong những thể loại **Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn,** hoặc **Hành Uẩn** là cái **Mệnh Ngã,** là Ta, của Ta. Bởi do thế, với quan điểm chấp thủ giữ lấy bất luận một trong Ngũ Uẩn rằng là Ta, của Ta; và cũng chính vì như thế mới được gọi tên là **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi),** và cũng sắp vào ở trong nhóm được gọi là **Ngã Luận Chấp Thủ (Attavādupādāna).**

Các thể loại Tà Kiến đã có được hiện khởi lên cũng chính do bởi nương vào Hữu Thân Kiến ấy vậy; bởi do thế Đức Phật mới trình bày để ở trong **Phẩm Tâm (Cittavagga) – Phần Lục Nội Xứ (Saḷāyatana)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh đã nói rằng **Hữu Thân Kiến** này là hạt giống căn gốc của tất cả các Tà Kiến. Nếu sẽ trình bày câu Chú Giải của Hữu Thân Kiến này thì có được như vầy: **Santo kayo = Sakkāyo, Sakkāye pavattādiṭṭhi = Sakkākāyadiṭṭhi** - Khối Ngũ Uẩn có được phối hợp thể theo Thực Tính Siêu Lý thì được gọi tên là **Hữu Thân,** tức là Ngũ Uẩn. Tà Kiến là sự chấp thủ giữ lấy, đã sinh khởi trong khối Ngũ Uẩn có được việc hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý thì được gọi tên **Hữu Thân Kiến.**

Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, tuy nhiên quan điểm chấp thủ giữ lấy ở trong Danh Sắc là Ta, của Ta đây, thì ắt hẳn thường hay có với nhau hết cả thảy, chỉ ngoại trừ Bậc Thánh Nhân thôi. Sự chấp thủ giữ lấy đa phần là đã bám giữ giữ chặt trong Thức Uẩn; chẳng hạn như một người nào đã chết, thì người còn sống sẽ thường hay nói rằng người này người nọ mạng sống đã tan rã, lìa khỏi sắc thân rồi. Hoặc giả những con trẻ thì sẽ hoảng hốt giật mình, còn người lớn thì thường hay bảo rằng "kinh hồn bạt vía"; mà ý nghĩa của lời nói rằng "kinh hồn bạt vía" đây, cũng có thể lập ý chỉ lấy chính cái Tâm hoặc Thức của những con trẻ ấy thoát ra trong khoảnh khắc khỏi cơ thể ấy vậy. Hoặc đôi khi người đã chết đi rồi, nhưng Thức

vẫn có thể đang bay lơ lửng, vẫn chưa có đi tái sinh chỗ nào cả; và đôi khi Thức của người ấy đi đến réo gọi rủ rê anh chị em, con cháu, chồng vợ v.v. cho đi với nhau. Hoặc đôi khi Thức của người ấy đã chết đi, lại đến ám ngụ vào trong những sắc thân của thân quyến, anh chị em, chồng vợ; và đã khiến cho phải thực hiện một buổi lễ xua đuổi trục xuất Thức ấy đi, như vậy chẳng hạn. Sự chấp thủ giữ lấy phần **Ngã Luận Kiến** đây rất là rộng lớn, không chỉ sẽ chấp thủ riêng biệt vào Ngũ Uẩn là sắc thân không thôi, mà ngay cả cho đến các vật thể ở phía bên trong, chẳng hạn như núi đồi, cây cối, mặc đất, sông nước; với những thể loại này cũng chấp thủ rằng có Bản Ngã, tất cả đều là Bản Sinh Mệnh Ngã Kiến cả thảy.

Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày để trong Chánh Tạng **Pāḷi** về "thảo mộc điều học chỗ trú ngụ" thuộc Tạng Luật Tỳ Khưu Ưng Đối Trị **(Bhūtagāmasikkhā senāsana – Bhikkhupācittīya)** nói rằng **Jīvasaññino hi moghapurisā manussā ruk khasmiṃ (Mahavibhaṅga II – Đại Phân Tích II, điều 354) dịch nghĩa: Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống.**

Trình bày kệ Ngôn kết luận trong **Bản Sinh Mệnh Ngã:**

Sattiyā yassa jīvassa Loko vattati maññito
Kārako vedako sāmī Nivāsī so sayaṃvasī

Những kẻ Vô Văn Phàm Phu có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang thực hiện biết bao hành động của mình và đã được tồn tại, là cũng chính do nương vào năng lực của Mệnh Ngã ấy vậy. Và cũng chính Mệnh Ngã này là người có quyền năng thực hiện được mọi hành động, là người thụ lãnh quả báo tốt và cả xấu, là chủ quản sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng kiến lập sắc thân mới; hoặc trở về trú xứ của **Chí Tôn Bản Ngã** bất hoại diệt; có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để cho làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình.

Mệnh Ngã người đời há khỏi qua,
Chấp rằng chủ quản đều do Ta,
Chế quyền chẳng mất quy về Bổn,
Định đặt nhiều tên tựa lý xa.
(Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Bắc Phạn (Sanscrit)** gọi là **Hữu Ngã (Ātamā), Bản Ngã (Ātamana).**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Ma Kiệt Đà (Magadha)** gọi là **Bản Ngã (Ātumā).**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Tam Tạng (Tipiṭaka)** gọi là **Sinh Mệnh, Bản Thể, Người, Chúng Sinh, Hữu Tình.**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Ả Rập (Arabic)** gọi là **Rūha.**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Anh Quốc** gọi là **Linh Hồn (Soul).**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **An Nam** gọi là **Thần Hoàng.**
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Thái Lan** gọi là **Mệnh Chủ.**

- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, trong ngôn ngữ **Miến Điện (Burma)** gọi là **Otte.**

Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi) ở phần **Ngã Luận Chấp Thủ (Attavādupādāna)** đấy, tức là người ấy sẽ phải chấp thủ giữ lấy rằng ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình; và nếu như trong việc trình bày Pháp hoặc trong việc dùng để bảo với nhau rằng **Attā hi attano nātho - Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình,** hoặc lời nói rằng **Tự tin** thì những thể loại này chẳng phải là Ngã Luận Chấp Thủ.

Bậc Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày để trong **Chương Toát Yếu (Nikkhepa kaṇḍa)** thuộc **Bộ Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅginīpakaraṇa)** rằng: **Sīlabbatupādānañca sabbāpi micchādiṭṭhi diṭṭhupādānaṃ - Dịch nghĩa:** Loại trừ Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ đi rồi, thì tất cả những thể loại Tà Kiến ấy đều là Kiến Chấp Thủ hết cả thảy.

Trình Bày Sự Khác Biệt Nhau Giữa Ái Dục Với Dục Chấp Thủ

Ái Dục một khi tính theo Chi Pháp, là Tâm Sở **Tham. Dục Chấp Thủ** một khi tính theo Chi Pháp, cũng chính là Tâm Sở **Tham** tương tự như nhau. Bởi do thế, trong sự việc nói rằng **Ái Dục** làm duyên **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên, cũng có nghĩa chính là **Tham** làm duyên **Tham** khởi sinh lên vậy. Khi đã là như vậy, Tham chỗ được gọi tên **Ái Dục** với Tham chỗ được tên **Dục Chấp Thủ** thì có sự khác biệt nhau như thế nào ?

Giải thích rằng sự đắm nhiễm, sự mong muốn ở trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc đây, thì được gọi tên là **Ái Dục.** Đích thị chính sự đắm nhiễm, sự mong muốn này đây, một khi đã có khởi sinh lên với nhiều năng lực mạnh mẽ, và thường làm cho tâm thức luôn phải bị cột trói dính mắc với những Cảnh ấy, không thể mất đi được; hoặc một khi sự vật mà bản thân đã có sự mong mỏi kỳ vọng rồi, và có sự nâng niu quý trọng sự vật ấy không chịu buông bỏ, như vậy chẳng hạn thì được gọi là **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên bởi do nương vào **Ái Dục** làm duyên. **Ái Dục** đây, là sự hoan hỷ duyệt ý sinh khởi lần đầu tiên trong bất luận một Cảnh Dục Trần nào đó. Và **Dục Chấp Thủ** này, là sự đắm nhiễm dính mắc trong những Cảnh Dục Trần ấy mà không chịu buông bỏ. **Ái Dục** được ví như cây cối vừa bắt đầu nẩy sinh những mầm mới lên. **Dục Chấp Thủ** được ví như cây cối đã phát triển tươi tốt và to lớn lên rồi.

Theo lẽ thường, cây cối vừa nẩy sinh những mầm mới lên thì rễ cây hãy còn nhỏ và lần mò mọc xuống trong lòng đất khi vẫn còn cạn hẳn chưa sâu. Nếu sẽ cần phải di chuyển đem đi trồng ở chỗ khác, thì cũng có khả năng nhổ lên được dễ dàng, và cũng không làm cho rễ cây phải bị đứt hoặc bị hư hỏng đi bất cứ trường hợp nào cả. Còn cây khi đã phát triển to lớn rồi, thì thường có rễ cây mọc dài sâu thẳm xuống trong lòng đất, đã và đang bám giữ chặt lấy; thật là khó khăn cho việc sẽ nhổ lên và đem đi trồng ở chỗ khác; bởi vì rất có thể sẽ làm cho rễ cây bị đứt lìa và chết đi được. Điều này như thế nào, thì sự hiện hành từ nơi **Ái Dục** và **Dục Chấp Thủ** cũng tương tự. **Ái Dục** là sự duyệt ý ở trong những Cảnh khi vẫn đang còn có năng lực yếu kém, và chưa có đủ năng lực để bám níu giữ chặt trong những thể loại Cảnh ấy. Còn **Dục Chấp Thủ** là sự duyệt ý ở trong Cảnh với năng lực đã sinh khởi lên mạnh mẽ, đã và đang bám giữ chặt lấy trong những thể loại Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ.

Ái Dục đây, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Thiểu Dục (Appicchāguṇa)** tức là việc làm thành người ít mong mỏi tham muốn, và biết đủ. **Dục Chấp Thủ** này, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Túc Nguyện (Santosaguṇa)** tức là việc làm thành người duyệt ý mãn nguyện ở trong điều mà mình đang có. **Ái Dục** làm Nhân từ nơi **Tầm Cầu Khổ (Pariyesanadukkha)** tức là sự khổ đau hữu quan với việc tầm cầu tìm kiếm ở trong những Cảnh Dục Trần. **Dục Chấp Thủ** làm Nhân từ nơi **Bảo Tồn Khổ (Ārakkhadukkha)** tức là sự khổ đau hữu quan với việc canh phòng gìn giữ trong những Cảnh Dục Trần mà mình đã có được, không cho bị hư hoại mất mát đi.

1. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Dục Chấp Thủ Khởi Sinh

Ái Dục làm duyên **Dục Chấp Thủ,** sẽ nêu lên một kiểu mẫu điển hình như tích truyện về Bậc **Giác Hữu Tình (Bodhisatta – Bồ Tát)** có nội dung như sau: "Bậc **Giác Hữu Tình (Bodhisatta – Bồ Tát)** trong một kiếp sống làm vị Đạo Sĩ đã thành tựu viên mãn Thiền Định và Thắng Trí, có khả năng bay trên hư không, thế rồi đã đi đến trú ngụ trong vườn ngự uyển của Đức Vua ở kinh thành **Baraṇasī,** và từng mỗi ngày đã đi vào Hoàng Cung để đón nhận thực phẩm và thọ thực ở tại nơi đó. Tiếp đến Đức Vua **Baraṇasī** có quốc sự và tạm thời phải đi ra khỏi kinh thành; Ngài đã chỉ thị cho Vương Phi có tên gọi **Mudulakkhaṇā** thay thế cho mình, để thực hiện việc sắp bày vật thực cúng dường đến Bậc Đạo Sĩ. Vương Phi đã vâng theo lời chỉ thị của Vua ban một cách nghiệm nhặt. Một ngày nọ, Nàng ta đã sửa soạn sắp bày vật thực cho đến Bậc Đạo Sĩ xong xuôi đâu vào đấy cả rồi, và trong khi chờ đợi Bậc Đạo Sĩ đến, Nàng ta đã đi nằm nghỉ ngơi ở tại bệ đài của đại sảnh. Đến thời đã quy định, Ngài Đạo Sĩ đã bay vào khoang cửa sổ, và khi nghe được âm thanh của Bậc Đạo Sĩ đã đến, Nàng ta cũng liền vội đứng lên cho việc đón tiếp. Thế nhưng, tình cờ mảnh vải lụa của Nàng ta đã sút sổ ra khỏi long thể mà không kịp hay biết. Bậc Đạo Sĩ đã trông thấy được sắc thân của Nàng ấy, thế rồi đã mất đi năng lực của sự kiểm thúc, và đã phát sinh lên sự luyến ái ưa thích ở trong sắc thân mỹ lệ của Nàng ta. Ái Dục đã tĩnh lặng ở nội tâm bấy giờ tức thì đã bùng phát khởi lên, cũng giống như một thân cây có mủ nhựa đã bị dao rạch vào, thế là nhựa cũng liền rỉ chảy ra vậy. Thiền định của Ngài đã bị tổn hại, đứng sững sờ không màng đón nhận vật thực, vội vàng rời khỏi cung điện, liền bước đi đến vườn ngự uyển, và đã vào trong thảo am, buông bỏ vật thực để nằm ở đó và đã đi nằm khóc than đến nàng Vương Phi ấy suốt trọn cả thời gian 7 ngày, chẳng màng nghĩ tưởng đến việc ăn uống."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng Ái Dục làm Nhân cho Dục Chấp Thủ khởi sinh; tức là phút giây tiên khởi mà Bậc Đạo Sĩ đã được trông thấy sắc thân của nàng Vương Phi, thế rồi liền phát sinh lên sự ưa thích ái luyến, ấy là giai đoạn của Ái Dục khởi sinh. Tiếp đến năng lực của sự duyệt ý ấy đã phát khởi lên một cách mãnh liệt, cho đến phải nằm khóc than suốt cả bảy ngày chẳng màng nghĩ đến việc ăn uống, ấy chính là giai đoạn của Dục Chấp Thủ đã khởi sinh lên rồi vậy.

Trong **Túc Sinh Truyện Tham Dục (Kāmajataka)** thuộc Phẩm Thập Nhị Kệ Ngôn **(Dvādasanipāta)** đã có nêu lên tích truyện để trình bày cho thấy đến sự hiện hành của Dục

Chấp Thủ khởi sinh do bởi nương vào Ái Dục làm Nhân, có nội dung như vầy: "Một thuở nọ, Đức Vua **Brahmadatta** trị vị kinh thành **Baraṇasī (Ba La Nại)** có hai vị Vương Tử. Nhà vua đã phong chức Phó Vương cho Thái Tử, còn vị thứ hai làm Quan Đại Thượng Thư. Sau đó khi Vua **Brahmadatta** bằng hà, triều thần đã trao Vương Sản bằng cách phong vương cho Thái Tử bằng nghi lễ quán đảnh. Tuy nhiên Thái Tử đã từ chối và bảo rằng: "Ta chẳng màng giang sơn quốc độ, và hãy trao Vương Sản cho Vương Đệ của Ta trị vì đất nước".

Quần thần cùng với đại chúng đã van xin cầu khẩn Thái Tử, song chàng chẳng muốn chuyện ấy, nên vị Vương Đệ đã được quán đảnh phong Vương vị. Thái Tử cũng không màng ngôi vị phó vương hay chức tước chi cả, khi triều thần xin chàng ở lại sinh sống trên mảnh đất trù phú này, tuy nhiên đã từ khước nói rằng: "Không, Ta chẳng làm được chi ở trong kinh thành này !"

Thế rồi Thái Tử đã ra đi, rời khỏi kinh thành **Baraṇasī (Ba La Nại),** đã đi đến một vùng nông thôn ở cuối biên địa, và đến sinh sống với một gia đình trưởng giả giàu có, bằng với đôi tay làm lụng công việc vườn trại. Trải qua một thời gian, nhóm người này đã biết được chàng là một vị Thái Tử, nên không để cho chàng làm việc nữa; và đã trở lại hầu hạ chàng như thể một Vương Tử phải được cung phụng như vậy. Bấy giờ, sau một thời gian thì triều thần đã đi đến làng đó để vẽ họa đồ đồng ruộng. Lúc ấy, người lái buôn nói với Vương Tử: "Tâu Điện Hạ, vì công lao chúng thần phụng dưỡng Ngài, mong Ngài gửi về Đại Vương là Vương Đệ của Ngài một bức thư để xin dùm cho chúng thần được miễn giảm thuế chăng ?" Thái Tử đã đồng ý làm việc ấy và thảo một lá thư với nội dung như sau: "Ta đang sống với gia đình một trưởng giả giàu có, Ta xin Vương Đệ hãy vì Ta mà miễn thuế cho họ."

Nhà vua chấp thuận, và đã làm y theo như vậy. Từ đó dân làng và dân cả vùng ấy đến gặp chàng Thái Tử và quỳ tâu: "Hãy xin giúp cho chúng thần được miễn thuế, rồi chúng thần sẽ đóng thế cho Ngài". Thái Tử này lại làm thỉnh nguyện thư cho họ, và xin cho họ miễn thuế. Sau đó dân chúng đã trả thuế cho chàng. Lúc ấy tài hỷ và sự sùng kính cùng với danh tiếng của chàng rất lớn; thế rồi lợi danh này đã làm lòng tham của chàng cũng khởi lên, vì thế dần dần chàng đòi cả thị trấn, đòi đến chức Phó Vương cũ và vị Vương Đệ của chàng cũng đã ban phát cho chàng hết tất cả. Lúc ấy lòng tham của chàng cứ tăng trưởng lớn dần lên, chàng không hài lòng với chức vị Phó Vương và quyết định chiếm lấy ngai vàng. Nhắm mục đích ấy, chàng lên đường cùng với một đám người, đóng tại ở bên ngoài kinh thành, và gửi thư vào Vương Đệ: "Hãy trao quốc độ cho Ta, không thì phải giao chiến !"

Vị Vương Đệ suy nghĩ: "Ngày trước kẻ ngu si này đã từ chối ngai vàng, địa vị Phó Vương và tất cả; nay lại bảo muốn đánh chiếm lại, nếu Ta lại giết anh ta trong chiến trận thì đó là điều ô nhục cho Ta, vậy Ta cần làm Vua chi nữa ?" Vì thế chàng gửi chiếu chỉ:

- Vương Đệ không muốn gây chinh chiến binh đao, xin Vương Huynh cứ nhận lấy ngai vàng.

Và như thế, vị Vương Huynh đã chấp thuận việc ấy và đã phong vị người em của mình làm Phó Vương. Từ đó chàng đã trị vị Vương Quốc, nhưng lòng tham lam đã như vậy, nên một Vương Quốc cũng chưa làm chàng ta đủ thỏa mãn, và muốn hai Vương Quốc, rồi ba, tuy thế vẫn thấy lòng tham còn vô tận. Lúc bấy giờ, **Thiên Chủ Đế Thích (Sakka)** quan sát nhìn

xuống Cõi Nhân Thế. Ngài đã nghĩ suy: "Ai là người chăm lo phụng dưỡng Mẹ Cha đây ? Ai là người xả thí và làm điều thiện đây ? Ai là người bị tham dục chi phối ?" Sau đó, Ngài đã nghĩ suy: "Kẻ ngu si này không hài lòng trị vì ở kinh thành **Baraṇasī.** Thôi được, Ta sẽ dạy cho vị này một bài học."

Vì thế, Ngài đã biến hóa thành một thanh niên Bà La Môn, đứng ở trước ngọ môn quan và đưa tin rằng có một thanh niên lanh lợi đang đứng chầu nơi đấy. Và chàng ta đã được lệnh cho vào; sau khi lễ chào chúc tụng đến nhà vua xong xuôi rồi, thì Vua đã vấn hỏi: "Tại sao công tử đến đây ?"

- Tâu Đại Vương, hạ thần có chuyện cần tấu trình với Đại Vương, song lẽ hạ thần lại muốn được giữ cẩn mật.

Nhờ vào thần lực của Thiên Chủ Đế Thích mọi quần thần đều rút lui. Và chàng ta đã nói tiếp: "Tâu Đại Vương, hạ thần biết đến ba kinh thành trù phú, đông dân, quân đội và các chiến mã đều hùng mạnh. Hạ thần cậy nhờ vào quyền lực của mình sẽ làm chủ cả ba kinh thành ấy; và rồi sẽ hiến dâng đến Đại Vương. Như thế, Đại Vương không nên trì hoãn mà phải lập tức đi ngay thôi".

Nói vừa dứt lời, thì Thiên Chủ đã trở về lại Tam Thập Tam Thiên Giới. Nhà vua với cả lòng tham to lớn nên đã đồng ý ngay tức thì. Và cũng nhờ vào thần lực của Thiên Chủ Đế Thích đã che án, nên vị vua này đã không vấn hỏi rằng: "Thế công tử là ai, và từ đâu đến vậy? Công tử sẽ nhận lại điều chi ?" Sau đó, vua đã triệu tập quần thần, và đã bảo với họ rằng: "Một thanh niên đã vừa đến đây, và đã hứa sẽ lấy và dâng lên cho Trẫm thống trị ba Vương Quốc ! Các khanh hãy đi tìm kẻ ấy. Ra lệnh đánh trống khắp cả kinh thành, triệu tập binh lính, không được trì hoãn, vì Trẫm sắp chiếm ba Vương Quốc đấy".

- Tâu Đại Vương, thế Đại Vương có tiếp đãi thanh niên ấy, hoặc hỏi xem chàng ấy từ ở đâu đến chăng ?

- Ồ không, không; Trẫm không tiếp đãi đến chàng ta, cũng không vấn hỏi chàng ta là từ ở đâu đến cả; như vậy các khanh hãy cố gắng đi tìm chàng đi !

Quần thần đã nỗ lực đi tìm khắp cả kinh thành này, thế nhưng không thể tìm ra chàng thanh niên ấy. Nghe vậy, Vua đã phát sinh buồn bực ở trong lòng: "Thế là quyền cai trị cả ba kinh thành coi như đã mất rồi vậy !" Nhà vua lại nghĩ suy miên man: "Ta bị tước mất vinh quang tột bậc, chắc chắn là do thanh niên ấy đã bỏ đi, đã bực tức Ta lắm vì chẳng ban phát cho chàng ta tiền lộ phí, cũng chẳng cấp phát nơi trú ở vậy."

Tức thời, trong cơ thể của nhà vua đã phát nóng lên như thiêu đốt. Trong khi cơ thể đang nóng bừng lên như vậy thì ruột của nhà vua cũng bị lỵ huyết chảy ra; các thầy thuốc cũng không thể nào chữa trị được, và đã làm cho nhà vua phải bị kiệt sức. Bệnh trạng của vua đã được đồn đãi khắp cả kinh thành. Vào thời lúc ấy, Ngài Bồ Tát từ thành phố **Takka silā** đã trở về nhà Mẹ Cha ở thành **Baraṇasī,** sau khi đã tinh thông hết mọi ngành học thuật. Ngài được biết tin tức tức về nhà vua, nên đã gửi vào Hoàng Cung một sớ tấu trình để được trị bệnh cho nhà vua. Vua bèn phán rằng:

- Các đại danh y lừng lẫy khắp gần xa còn chưa chữa nổi căn bệnh của Trẫm, chả là một thanh niên làm cách chi được hỉ ? Thôi trả lộ phí cho anh ta rồi bảo hãy ra về.

Thanh niên ấy đáp rằng:

- Ta không cần chi phí chữa bệnh, song Ta sẽ chữa lành nhà vua, thì Ngài chỉ cần trả lệ phí cho ta món thuốc chữa bệnh thôi.

Khi vua nghe vậy, liền chấp thuận cho chàng vào. Vào đến Hoàng Cung, thì thanh niên kính lễ quỳ tâu rằng:

- Tâu Đại Vương, chớ có sợ chi ! Thần sẽ trị lành bệnh cho Đại Vương, song xin Đại Vương nói cho hạ thần nghe căn nguyên bệnh tình của Ngài.

Vua nổi thịnh nộ quát rằng:

- Người hỏi thế để làm gì chứ? Cứ làm món thuốc chữa trị đi.

- Tâu Đại Vương, đấy là phương cách của vị thầy thuốc. Trước tiên phải biết vì sao phát sinh bệnh trạng này, sau đó mới làm thuốc chữa cho thích hợp.

- Thôi được rồi, chú bé !

Và vua đã bắt đầu kể lại căn nguyên bệnh tình, từ lúc chàng thanh niên ấy hứa hẹn sẽ giành lấy và sẽ dâng lên ba kinh thành cho vua được quyền thống trị.

- Như vậy, này bé con, căn bệnh phát sinh từ ở nơi lòng tham, chú bé có giỏi thì hãy chữa đi.

- Sao, tâu Đại Vương, có chiếm được các kinh thành ấy do bởi buồn phiền hay chăng?

- Ồ không đâu, này bé con.

- Nếu vậy, thì tại sao Đại Vương lại phải buồn phiền ? Mọi vật dù vô tri giác hay hữu tri giác, đều phải bị hủy diệt, bỏ lại hết tất cả, ngay cả chính thân xác của mình. Cho dù Đại Vương có trị vì cả bốn kinh thành đi nữa, Đại Vương cũng không thể nào cùng một lúc ăn cả bốn mâm cơm, ngủ bốn sàng tọa, mặc cả bốn bộ y phục được. Đại Vương không nên làm nô lệ cho tham dục, vì khi tham dục tăng trưởng thì ta không thể thoát khỏi bốn cảnh Khổ Thú.

Sau khi đã khuyến giáo như vậy xong, bậc Đại Sĩ khải thuyết Giáo Pháp qua các vần kệ như sau:

1. Người nào mong muốn việc trong lòng,
Khi ước nguyện kia được vẹn toàn,
Chắc chắn tâm tràn đầy hỷ lạc,
Vì ấy đã đạt được cầu mong.
2. Người nào ước vọng việc trong lòng,
Khi ước vọng kia được vẹn tròn,
Ước vọng tràn vào tâm trí mãi,
Như đang cơn khát gặp oi nồng.
3. Trong loại bò trâu có mọc sừng,
Sừng kia càng lớn, cứ to dần,
Cũng như tâm địa người vô trí,
Chẳng biết chút gì, chẳng biệt phân,
Trong lúc người kia càng lớn tuổi,
Thì niềm khát vọng cứ gia tăng.
4. Đem hết lúa ngô ở cõi đời,

Bò trâu, nô lệ, ngựa, cho người,
Vẫn chưa đầy đủ, này nên biết,
Và giữ đường công chính mãi thôi.
5. Một vua chinh phục cả phàm trần,
Trần thế trải mình tận đại dương,
Ở phía bên này chưa thỏa mãn,
Vật ngoài khơi vẫn thấy thèm thuồng.
6. Dục Tham ấp ủ ở trong tim,
Tri Túc chẳng hề phát khởi lên,
Người tránh Dục Tham tìm đúng thuốc,
Người nào Tri Túc, trí như nguyền.
7. Tối ưu là trí tuệ đầy tràn,
Tham Dục không hề đốt cháy tan,
Chẳng bao giờ người trí tuệ,
Lại làm nô lệ của lòng tham.
8. Thiểu Dục, phá tan mọi Dục Tham,
Chẳng ham chiếm đoạt cả trăm phần,
Người kia cũng giống như lòng biển,
Chẳng bị đốt thiêu bởi Dục Tầm,
Như thợ giày luôn bào guốc, dép,
Hợp làn da bọc ở bàn chân.
9. Cứ mỗi Dục Tham được bỏ đi,
Một niềm hạnh phúc đến liền khi,
Người nào muốn hưởng tròn an lạc,
Phải bỏ mọi Tham Dục tức thì.

Ngay khi Ngài Bồ Tát đang ngâm những vần kệ này thì Tâm thức của Ngài đã chuyên chú vào chiếc lọng trắng của vua, vì thế phát khởi lên hỷ lạc của Thiền định và đã chứng đạt được đề mục **Hoàn Tịnh Ánh Sáng Trắng.** Riêng về phần vua thì đã được bình phục, khỏe khoắn, liền hoan hỷ đứng lên từ chỗ ngồi và nói với Ngài Bồ Tát rằng:

- Trong khi các vị lương y kia không thể chữa lành bệnh của Trẫm, thì chỉ một thanh niên hiền trí này đã làm cho Trẫm khỏe mạnh nhờ vào phương lương diệu dược của Trí Tuệ.

Thế rồi, nhà vua đã ngâm lên vần kệ thứ mười:

10. Chín khúc chàng ngâm đáng chín ngàn,
Ngàn vàng mỗi khúc, Đại La Môn,
Xin chàng nhận số vàng, vì lẽ,
Lời nói chàng đây thật dịu dàng.

Nghe vậy, bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ thứ mười một như sau:

11. Dù có ngàn, muôn, triệu, triệu lần,
Ngàn vàng, Ta cũng chẳng mơ màng.
Như lời kệ cuối vừa ngâm ấy,

Tham Dục Tâm Ta đã lụi tàn.

Vua càng hân hoan hơn nữa, liền ngâm vần kệ cuối cùng để tán thán bậc Đại Sĩ:

12. Quả thiếu sinh này Thiện Trí Nhân,
Am tường mọi kiến thức trần gian,
Dục Tham kia chính là Sinh Mẫu,
Của khổ đau, chàng mới vạch trần.

Ngài Bồ Tát lại dặn bảo rằng: "Tâu Đại Vương, Ngài phải biết tinh cần và nên bước vào Chánh Đạo". Thuyết giáo cho Vua xong, Ngài đã bay vào hư không đi đến Tuyết Sơn Hy Mã, và sống suốt đời làm một vị ẩn sĩ tu hành. Ngài đã chuyên chú hành trì Tứ Phạm Trú Từ Bi Hỷ Xả vô lượng, cho đến khi thọ mạng diệt đã thọ sinh về Phạm Thiên Hữu Sắc Giới."

Tích truyện này dạy cho thấy rằng Ái Dục một khi đã khởi sinh lần đầu tiên, nếu như không nỗ lực phòng chống để cho nó khởi lan truyền ra nhiều thêm lên trở thành Chấp Thủ rồi, thì khó mà sẽ diệt trừ cho hết đi được.

2. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Kiến Chấp Thủ Khởi Sinh

Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy, đã làm Nhân cho khởi sinh sự thấy sai chấp lầm mà bất hữu quan với cả hai thể loại **Giới Cấm Chấp Thủ** và **Ngã Luận Chấp Thủ,** khởi lên trước hết, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ.**

Cảnh đã làm thành đối tượng cho sinh khởi sự ưa thích duyệt ý đấy, có được cả hai thể loại Nội Bộ và Ngoại Bộ. Cảnh Nội Bộ đấy, đích thị chính là Ta và của Ta ấy vậy. Sự ưa thích duyệt ý về Ngã và Tự Ngã đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên. Và sự ưa thích duyệt ý ở trong Cảnh Ngoại Bộ, ấy chính là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng cũng đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên.

Có một tích truyện điển hình như vầy: "Vua **Aṅgiti** cai trị kinh thành **Mithilā** trong tiểu vương quốc **Videha.** Vua **Aṅgiti** này đã có niềm thủ tín ở trong lời nói của một vị Quan Đại Tướng có tên gọi **Alāta** đã hướng dẫn cho Vua **Aṅgiti** đi đến trú xứ của một vị Ẩn Sĩ Tà Kiến có tên gọi **Guṇa** thuộc dòng họ **Kassapa** chấp thủ lấy chủ thuyết lõa thể. Vua **Aṅgiti** đã vấn hỏi đến Ẩn Sĩ **Guṇa** rằng "Sẽ thực hành như thế nào mới sẽ được thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú ?" Ẩn Sĩ **Guṇa** trả lời rằng: "Việc thực hành những thể loại Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả. Việc phụng hành những Thiện Sự đến người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ, và các bậc Học Vị Trưởng Bối, Niên Linh Trưởng Bối đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, tương tự như nhau. Chính vì thế, người kiêu mạn rằng có Trí Tuệ đấy, đích thị người ấy là kẻ si độn. Ưa thích thiết lập việc từ thiện, người Hữu Trí đích thị là những bậc Trí Tuệ, chính là người thọ thí, mà cuối cùng rồi người làm việc từ thiện ấy cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, chỉ là việc vô ích, chẳng nhất thiết phải làm như vậy. Khi hội đủ 84 Đại Kiếp rồi, thì tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình cũng sẽ tự tinh khiết thuần tịnh, và cùng rủ nhau đi đến Níp Bàn, vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi đều nhau cả thảy." Khi Ẩn Sĩ **Guṇa** đã trình bày vừa dứt, thì Quan Đại Tướng **Alāta** liền ủng hộ nói rằng: "Ngài Ẩn Sĩ **Guṇa** đã nói như vậy, quả thật đúng vô cùng, bởi vì chính tự bản thân tôi đây,

trong kiếp sống trước kia, tôi được sinh ra đã là một Ngưu Đồ Tể; nhưng khi tôi chết đi thay vì sẽ phải rớt vào trong Khổ Thú, trái lại được đi thọ sinh làm thành Người ở trong kiếp sống này; và đã được thụ hưởng sự an vui hạnh phúc cho đến chức Quan Đại Tướng như vầy đây, mới biểu thị cho được thấy rằng hành động tạo tác việc xấu ác cũng chẳng làm cho phải thụ lãnh quả báo nào cả, đúng y như lời của Ngài Ẩn Sĩ đã vừa nói vậy."

Quan Đại Tướng **Alāta** là bậc đã chứng đạt được **Tuệ Truy Niệm Kiếp Số (Jātisarañāṇa)** là có được việc tưởng nhớ lại các kiếp sống, thế nhưng chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống thôi; bởi do thế mới không có khả năng để sẽ biết đến sự hiện hành của mình ở trong kiếp sống thứ ba được. Mà sự thật thì ở trong kiếp sống thứ ba đấy, Quan Đại Tướng **Alāta** là người đã từng có kiến tạo Thiện Nghiệp Lực, tức là đã lấy bông hoa đi cúng dường đến Bảo Tháp tôn trí Ngọc Xá Lợi của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa.** Tuy nhiên khi đến thời cận tử lâm chung ở trong kiếp sống ấy, Thiện Sự cúng dường đến Bảo Tháp Xá Lợi thì không có được cơ hội trổ sinh quả báo; còn các Thiện Sự khác ở thể loại thấp kém hơn mà đã thực hiện thì lại có cơ hội trổ sinh quả báo trước; bởi do thế mới phải đón nhận quả báo cho được sinh làm thành người hạ đẳng có việc mưu sinh của hạng Ngưu Đồ Tể trong kiếp sống thứ hai vậy. Và khi mệnh chung khỏi kiếp sống thứ hai thì Bất Thiện Nghiệp Lực của việc sát tử loài bò, vẫn chưa có cơ hội cho trổ sinh quả báo. Thiện Nghiệp Lực đã từng cúng dường đến Bảo Tháp Xá Lợi lại có được cơ hội cho quả báo, mới trổ sinh cho làm thành Người thượng đẳng, được làm Quan Đại Tướng có sự an lạc trong kiếp sống hiện tại này. Thế nhưng, Quan Đại Tướng **Alāta** không có khả năng biết đến sự kiện của mình trong kiếp sống thứ ba ấy được; mới có sự hiểu biết sai lầm rằng Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo trong kiếp sống thứ hai ấy, đã không cho quả báo với bất luận trường hợp nào. Sinh mệnh của mình đã tăng trưởng phát đạt lên trong kiếp sống hiện tại, ấy là điều tự nó sinh khởi lên và chẳng phải là quả báo của bất luận Nghiệp Lực nào cả.

Trong sát na ấy thì có một nam nhân là hạng nông nô có tên gọi **Bījaka,** là người thường luôn tu tập thọ trì Giới Luật, có được lắng nghe ở tại nơi đấy. Khi đã được nghe Ẩn Sĩ **Guṇa** trình bày Pháp Lý, và Quan Đại Tướng **Alāta** nói lên lời ủng hộ xác nhận, và luôn cả trình bày sự kiện của mình cho được lắng nghe như thế; nô bộc **Bījaka** tức thì đã khóc than lên, nói rằng: "Pháp Lý của Ngài Giáo Sĩ ấy quả thật đúng đắn hoàn toàn; vì lẽ tiểu nô tôi đây cũng tương tự. Khi kiếp sống trước đây, tiểu nô đã từng được sinh thành một vị bá hộ giàu có với tài sản 800 triệu đồng tiền vàng, và tiểu nô cũng đã từng tác phúc thường luôn thọ trì Giới Luật, không có tạo bất cứ một điều Ác Hạnh nào cả. Thế nhưng đến khi tiểu nô chết đi, thì Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã từng tác hành cũng không thấy cho quả báo đến với tiểu nô, đặng cho được đón nhận sự an vui hạnh phúc nào đâu. Tiểu nô phải bị tái sinh làm thành người hạ đẳng, làm nô bộc cho người ta như bây giờ đây. Tuy nhiên cho dù sự thể đã là như thế, tiểu nô cũng vẫn cứ kham nhẫn, vẫn cứ kiên trì thường luôn tác phúc thọ trì Giới Luật, cũng chẳng hề nghĩ tưởng đến sự vất vả khổ sở chi cả, và tự kiềm thúc không cho tạo tác những Ác Hạnh, tương tự như nhau. Khi tiểu nô đã được nghe Ngài Ẩn Sĩ và Ngài Quan Đại Tướng trình bày sự kiện như vậy, thì cũng nhận thấy rằng những Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã có bỏ nhiều công sức đầu tư để thực hiện đây, trông thấy thực chẳng hữu ích chút nào,

vì bằng như tiểu nô đã từng tác hành Thiện Sự tích lũy trong kiếp sống trước cũng chẳng có hiện bày quả báo đến với tiểu nô trong kiếp sống này đã được thấy rành rành rồi; và cũng chính vì thế, Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã có thực hiện mới đây ngay trong kiếp sống hiện tại, thì cũng có thể chẳng cho quả báo trong kiếp sống vị lai chắc thật nữa rồi. Với lý do này tiểu nô mới cảm thấy rất buồn ở trong lòng."

Sự kiện của người nô bộc **Būjika** đây, cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với Quan Đại Tướng **Alāta;** tức là nô bộc **Būjika** chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống thôi; chẳng biết được rằng trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa** thì nô bộc **Būjika** đã sinh thành người chăn nuôi bò. Một ngày kia, bò dưỡng nuôi ấy đã chạy mất đi, ra đến tận ở trong rừng. Sát na ấy có một thầy Tỳ Khưu lạc đường đang đi đến, khi gặp người nuôi bò mới vấn hỏi lộ đường nào thì sẽ đi đâu về đâu. Người nuôi bò ấy cũng chẳng có hài lòng với lời vấn hỏi của thầy Tỳ Khưu ấy, vì chủ yếu chỉ sẽ tìm kiếm cho gặp được bò thôi. Ngài mới vấn hỏi thêm lần nữa rằng lộ đường nào thì sẽ đi đến đâu về đâu, vui lòng nói cho Bần Đạo được biết với. Người nuôi bò cảm thấy không hài lòng mới nói ra lời nói bất lịch sự khiếm nhã rằng: "Vị Tỳ Khưu này rắc rối quá, chẳng biết chi là đúng thời và đúng chỗ cả, trông thấy đúng là dòng giống tôi đòi nô lệ vậy." Lời nói khi đã nói ra như vậy cũng đã thành tựu Ngữ Nghiệp Lực, chỉ có điều là sẽ chờ có cơ hội cho quả báo đã; bởi do thế Ngữ Bất Thiện Nghiệp Lực mới vẫn chưa có cơ hội cho quả báo. Tiếp đến một khi chính ngay kiếp sống được sinh thành vị bá hộ giàu có ấy đã dứt, thì Ngữ Bất Thiện Nghiệp Lực mà đã tích lũy qua việc nguyền rủa thầy Tỳ Khưu ấy, mới có cơ hội cho quả báo. Với lý do này, khi đã chết đi lìa khỏi kiếp sống bá hộ, mới phải đi tái sinh làm hạng người ty liệt, và phải thành nô lệ người ta.

Vua **Aṅgati** khi đã được lắng nghe Ẩn Sĩ **Guṇa** trình bày vừa dứt sự kiện, luôn cả cũng được lắng nghe chuyện đời của Quan Đại Tướng **Alāta** cùng với kẻ nô lệ **Bījaka** cũng vừa xong, thì cảm thấy thỏa mãn trong lòng và đã đi kết luận nhất trí với việc chẳng thấy hữu ích của việc làm thiện, và chẳng thấy tác nghiệt của việc làm xấu ác. Trong lúc ấy Tà Kiến là sự thấy sai chấp lầm đã xâm nhập và thống trị Vua **Aṅgati** đi rồi. Khi trở về đến Hoàng Cung thì đã từ bỏ tác phúc tác thí, và chỉ thị cho tháo dỡ sảnh đường phát chẩn đi. Những việc quốc sự với bao trọng trách cũng đã trao truyền lại cho vị quan triều thần khác thay thế đảm trách. Còn tự bản thân chỉ có quan tâm ở trong việc thụ hưởng những dục trần thôi, chẳng kể điều ấy sẽ là Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh đi nữa, nếu đã vừa lòng thì cần phải thực hiện cho kỳ được. Gái xinh hoặc chẳng xinh ở trong đất nước của nhà vua, nếu như đã thích hợp vừa lòng rồi, thì cũng đã bị cưỡng bức cho đi hầu hạ làm thỏa mãn dục vọng đến cho vua. Thế là đã làm cho tất cả dân chúng phải đón nhận sự khốn khổ ưu não trầm trọng, và đã đi đến tấu trình nhắc nhủ với cô Công Chúa, đấy là người sùng tín ở trong việc thường luôn tác thiện thọ trì Giới Luật, để cầu xin cho từ bỏ những hành động sai trật ấy đi, bằng cách nêu lên những câu chuyện Nhân Quả cho được lắng nghe. Tuy nhiên nhà vua **Aṅgati** cũng chẳng hề tin theo. Tiếp đến Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) là một đấng Phạm Thiên có tên gọi **Nārada** đã biến hóa thành một Đạo Sĩ đến thuyết giảng thị hiện thi dĩ khốc hình với đủ mọi trường hợp. Kết quả cuối cùng thì Đức Vua **Aṅgati** mới chịu từ bỏ Kiến Chấp Thủ ấy đi. Sau khi thuyết giảng

Chánh Pháp cho Vua và phá tan mọi Tà Kiến, cùng an trú Vua vào giới hạnh, Bậc Giác Hữu Tình lại khuyên Vua từ nay lánh xa bạn xấu ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi Bậc Giác Hữu Tình đã tán thán mọi đức hạnh của Công Chúa, nói lời khích lệ cả triều đình cùng các cung phi xong, Ngài liền bay trở về Cõi Phạm Thiên Giới với thần lực thù thắng siêu phàm."

Tích truyện này trình bày cho thấy rằng **Ái Dục** tức là sự hảo ngoạn thú vị, đắm nhiễm ở trong Cảnh Dục Trần làm Nhân cho **Kiến Chấp Thủ** khởi sinh, tức là sự thấy sai chấp lầm rằng **"tác thiện bất thụ quả thiện, và tác ác bất thụ quả ác".** Việc tầm cầu sự an lạc ở trong chính những Cảnh Dục Trần ấy đã làm cho được thụ lãnh sự lợi ích cùng tột.

3. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Giới Cấm Chấp Thủ Khởi Sinh

Dục tầm cầu sự an lạc, nghĩa là với một thể loại làm cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau trong Vòng Luân Hồi, hoặc với một thể loại dục tầm cầu sự an lạc ở trong Cõi Thiên Giới; cả hai thể loại này được gọi tên là **Ái Dục (Taṇhā).** Khi những thể loại Ái Dục này sinh khởi ở trong tâm thức của người nào rồi, thì người ấy thường hay tìm kiếm đạo lộ tự hành trì tu tập để cho được đón nhận sự an lạc y như sở nguyện sở cầu. Trong việc tự hành trì tu tập đây, nếu như có được hội kiến với nhóm **Hiền Triết (Sappurisa)** là những **Bậc Trí Tuệ (Paṇḍita),** hoặc tự bản thân có được chánh tri kiến trong những điều tu tập đúng theo **Chánh Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)** trọn vẹn; thì việc hành trì tu tập ấy được tiến hành một cách khôn khéo, chân chánh, không sai trật với phương châm hành động của tất cả các Bậc Hiền Trí. Nếu giả như người ấy lại không có được kết giao với nhóm các Bậc Hiền Trí, hoặc không có được tri kiến ở trong Chánh Pháp Học Giáo Truyền; thế rồi việc tu tập ấy sẽ tiến hành trong một đường lối sai trật, bởi do hiểu biết sai lầm rằng đấy là Chánh Đạo. Vả lại, đường lối hành trì tu tập có được hiện hữu với hai thể loại, đó là:

1/. Hành trì tu tập trong phương thức thi dĩ khốc hình sắc thân của mình cho phải đón nhận biết bao sự khốn khổ vất vả, được gọi là hành trì theo **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathānuyoga)** có nghĩa là thi dĩ khốc hình sắc thân với đủ mọi phương thức tu tập, giống như là bò **(Ngưu Hành Giả),** hoặc chó **(Cẩu Hành Giả);** hoặc là,

2/. Hành trì theo **Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc (Kāmasukkhallikānuyoga)** có nghĩa là tự phụng dưỡng cho mình được thụ hưởng thỏa mãn những sự lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, và chẳng cho có bất luận một điều nào đến để quấy nhiễu cản trở được.

Việc hành trì tu tập cả hai phương thức này (còn gọi là **Khổ Hạnh và Lợi Dưỡng**) đều toàn là việc tu tập theo tà đạo sai trật hết cả thảy; và thay vì sẽ được đón nhận sự an lạc y theo sở nguyện cầu, thì trái lại cho quả báo đối nghịch, tức là thường phải đón nhận sự thống khổ càng gia bội thêm lên nữa. Việc hành trì trong đường lối Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh đây, cũng hiện hữu với nhiều phương thức, chẳng hạn như việc thi dĩ khốc hình với những thể loại bằng cách chịu nhịn đói khát, không nằm, không chuyển đổi oai nghi, không tắm rửa; hoặc thiêu đốt sắc thân bằng cách phơi nắng cũng có, hơ lửa cũng có, ngâm thân mình ở trong nước cũng có, nằm ở trên chông gai, nằm ở trên đinh cũng có, v.v.; hoặc tự hành trì tu tập cho giống như bò **(Ngưu Hành Giả),** hoặc giống như chó **(Cẩu Hành Giả);** với những thể loại

này được gọi là **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh.** Ở tại đây, chỗ gọi tên **Giới Cấm Chấp Thủ** đấy, tức là việc tự hành trì trong đường lối **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh** với phương thức tự hành trì cho giống như bò, như chó; vả lại đích thị việc tự hành trì ở thể loại này cũng chính là quả báo hữu quan từ nơi **Ái Dục** làm Nhân đó vậy.

Trong tích truyện được nêu lên trình bày để trong bài Kinh thứ 57 với tựa đề **Kinh Cẩu Hành Giả (Kukkurovādasutta)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Trung Phần Ngũ Thập Trung Bộ Kinh, có nội dung như sau: "Có hai vị **Du Sĩ Ngoại Đạo (Paribbājaka);** một người tên gọi **Puṇṇa Koliyaputta,** và một người kia có tên gọi **Senīya.** Cả hai người này dục tầm cầu sự an lạc trong Cõi Thiên Giới, mong mỏi được làm Chư Thiên có năng lực, mới rủ nhau hành trì tu tập giống như bò, giống như chó; bởi do hiểu biết rằng hành trì như vầy rồi, thì sẽ làm cho tất cả các Phiền Não sẽ không còn sinh khởi, và tất cả Bất Thiện Nghiệp Lực cũ cũng được tiệt diệt. Du sĩ ngoại đạo **Puṇṇa** đã tự hành trì tu tập giống như loài chó. **Senīya** tự hành trì tu tập giống như loài bò; và đã hành trì như vậy một cách thường luôn. Tiếp đến cả hai vị này phát sinh lên sự nghi lự thắc mắc trong điều tu tập của mình rằng điều tu tập của ai sẽ là đúng hơn ! Tranh cãi lời qua tiếng lại và đã quyết định không thích hợp. Kết quả cuối cùng là rủ nhau đi diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, tác bạch kể lại câu chuyện cho được nghe, và rồi đã vấn hỏi rằng: "Việc hành trì của cả hai chúng con đang tu tập đây, có phước báu như thế nào; hoặc tự tu tập giống như chó thì tốt hơn là tu tập giống như bò; hoặc ngược lại tự tu tập giống như bò thì tốt hơn là tu tập giống như chó; và cả hai chúng con khi chết đi lìa khỏi kiếp sống này rồi thì sẽ thọ sinh nơi nao ?" Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã được lắng nghe như vậy rồi, Đức Phật đã lập ý cấm chỉ cả hai vị du sĩ ngoại đạo rằng: "Thôi đủ rồi, chớ nên vấn hỏi như vậy nữa !" và đã lập ý cấm chỉ như vậy đến cả 3 lần. Thế nhưng cả hai vị du sĩ ngoại đạo này cũng không chịu làm thinh, vẫn cứ cố gắng vấn hỏi lặp lại mãi cho đến hội đủ lần thứ 4. Đức Phật mới lập ý nói lên rằng: "Này du sĩ ngoại đạo, người tự hành trì giống như chó một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài chó. Và người tự hành trì giống như bò một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài bò, tương tự như nhau. Và giả sử rằng người hành trì như thế có sự hiểu biết ở thể loại rằng: "Việc tu tập của Ta đây, sẽ làm Nhân cho được thụ lãnh quả báo đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, và trở thành vị Chư Thiên có năng lực." Với quan điểm thể loại này đã được coi như là kẻ có Tà Kiến; chính vì thế một khi thân hoại mạng chung thì sẽ phải đi thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục trước đã; và khi đã thoát ra khỏi Địa Ngục rồi, thì mới sẽ phải đi tái sinh làm thành hàng Bàng Sinh một lần nữa." Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý khải thuyết vừa dứt xong, cả hai vị du sĩ ngoại đạo tức thì chảy nước mắt và khóc than với sự cảm nhận ưu não buồn lòng khi biết mình đã lầm lạc hành trì sai trật trong thời gian lâu dài. Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết Pháp Thoại cho cả hai vị du sĩ ngoại đạo được lắng nghe về bốn thể loại Nghiệp Báo; đó là:

1/. Nghiệp Lực đen đưa đến Quả Báo đen,

2/. Nghiệp Lực trắng đưa đến Quả Báo trắng,

3/. Nghiệp Lực có cả đen trắng đưa đến Quả Báo có cả đen trắng,

4/. Nghiệp Lực không đen trắng đưa đến Quả Báo không đen trắng.

Khi khải thuyết vừa dứt xong, tức thì du sĩ ngoại đạo **Puṇṇa** đã nói lên lời Thọ Trì Tam Quy **(Tisaraṇāgamana)** làm thành chỗ quy ngưỡng, làm thành chỗ truy niệm; giũ sạch hết chủ thuyết cũ, và đã gia nhập làm hàng cư sĩ Phật Tử tính kể từ thời điểm ấy cho đến mạng chung. Còn du sĩ ngoại đạo **Senīya** thì xin được xuất gia, thọ Đại Giới ở trong Giáo Pháp của Đức Phật; thế rồi đã tu tập Minh Sát Nghiệp Xứ và đã được thành tựu Quả vị Vô Sinh trong thời gian tiếp sau đó."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** tức là dục tầm cầu cho được thụ lãnh sự an lạc ở trong kiếp sau, đã làm Nhân cho **Giới Cấm Chấp Thủ** khởi sinh, tức là hành trì sai trật phương thức tu tập, như đã có trình bày ở tại đây.

4. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Ngã Luận Chấp Thủ Khởi Sinh

Theo lẽ thường con người ta có được việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc biết phủ xúc, là sẽ cần phải phối hợp với Nhân với Duyên tùy theo thích hợp; chẳng hạn như việc trông thấy, tức là Lộ Trình Nhãn Môn sẽ được sinh khởi, thì cũng phải nương vào Hữu Nhân Hữu Duyên tùy theo thích hợp, đó là:

1. Sẽ cần phải có **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** tức là có mắt tốt đẹp.
2. Sẽ cần phải có **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** tức là có các sắc màu.
3. Sẽ cần phải có **Ánh Sáng (Āloka).**
4. Sẽ cần phải có **Tác Ý (Manasikāra)** tức là sự chú tâm.

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố Tác Duyên này rồi, thì Lộ Trình Nhãn Môn có được sinh khởi; tiếp đến thì sẽ phải có thêm bốn Lộ Trình Tâm Ý Môn nữa, đó là:

1. Lộ Trình thứ 1: là Lộ Trình tiếp thâu Cảnh Sắc từ ở Lộ Trình Nhãn Môn, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu **Cảnh Sắc Cực Minh Hiển (Ativibhūtarūpārammaṇa)** ở thời kỳ quá khứ; tức là **Cảnh Sắc Quá Khứ (Atītarūpārammaṇa)** hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn; hoặc là **Cảnh Sắc Minh Hiển (Vibhūtarūpārammaṇa)** tức là Cảnh Sắc Quá Khứ hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Ngũ Môn.

2. Lộ Trình thứ 2: là Lộ Trình tiếp thâu Cảnh Sắc từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tập trung lại từng mỗi phần, từng mỗi đoạn của Cảnh Sắc Cực Minh Hiển ở thời kỳ quá khứ; hoặc là Cảnh Sắc Minh Hiển ở thời kỳ quá khứ mà sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

3. Lộ Trình thứ 3: là Lộ Trình liễu tri sắc thái hình trạng của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu sắc thái hình trạng ở nơi vị trí của Cảnh Sắc mà làm thành **Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti)** sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Tập Thành.

4. Lộ Trình thứ 4: là Lộ Trình liễu tri tên gọi của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu danh xưng tên gọi của những sắc thái hình trạng đấy, mà làm thành Nghĩa Chế Định để hiện hành theo thành ngữ dân gian dùng để kêu gọi nói chuyện với nhau, được sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ

Trình Thu Dung Ý Nghĩa; hoặc là sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, tùy theo thích hợp đối với **Danh Chế Định (Nāmapaññatti)** tức là gọi tên với nhau, nói chuyện với nhau, mà có liên quan với các Cảnh Sắc ấy. Khi Tâm Lộ Trình Ý Môn sinh khởi hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, người trông thấy ấy tức thì cũng nhận biết được rằng sự vật này sự vật nọ. Việc được lắng nghe cũng hiện hành trong cùng phương thức tương tự như vầy.

Chỗ được giải thích đây, thường là trình bày cho được thấy rằng tất cả mọi sự vật hiện hành ở trong thế gian này, ngoài Sắc với Danh ra, thì chẳng còn có chi khác nữa. Và trong việc trông thấy như đã đề cập rồi đấy, thì người trông thấy cũng chẳng phải xa lạ chi cả, đó chính là Sắc với Danh làm thành người trông thấy; tức là Nhãn Thanh Triệt với Lộ Trình Nhãn Môn, và Sắc Ý Vật với Lộ Trình Ý Môn. Chỉ cả hai thể loại này thôi đấy, làm thành người liễu tri, làm thành người trông thấy, đích thực chính là thực tính Vô Ngã, chẳng phải là Hữu Ngã; tức là chẳng phải Tôi trông thấy, người đó trông thấy, người này trông thấy.

Hoặc trong những oai nghi, chẳng hạn như đứng, đi, ngồi, nằm, và việc chuyển động trong những tiểu oai nghi sẽ được hoàn thành các sự việc đấy, cũng phải nương nhờ vào Nhân Duyên tương tự như nhau; chẳng hạn như sẽ được thành tựu trong việc bước đi thì cần phải có bốn yếu tố Tác Duyên, đó là:

1. Sẽ cần phải có việc chú tâm để sẽ bước đi.
2. Sẽ cần phải có Tâm chỉ dẫn.
3. Sẽ cần phải có **Sắc Tâm Phong Giới (Cittajavāyodhātu)** sinh khởi.
4. Sẽ cần phải có chân cẳng tốt (#).

[**Chú thích:** Trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ, Bộ Chú Giải Chánh Tạng **Pāḷi** Vô Tỷ Pháp Bộ Phân Tích, điều thứ 461, kể từ câu nói rằng **Idha bhikkhu abhikkamanto vā v.v.** Còn bản dịch thuật điều thứ 398 có nội dung đề cập đến một cách tóm tắt rằng là việc sẽ chuyển động được thì cũng cần phải phối hợp với: 1/. Có Tâm, 2/. Có sự chú tâm để sẽ bước đi, 3/. Có Sắc Tâm Phong Giới phát tỏa ra.]

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, thì việc bước đi cũng sẽ được thành tựu. Và người đang bước đi ấy, một khi tính theo **Thực Tính (Sabhāva)** thì người bước đi tức là Tâm, Tâm Sở làm thành người có sự chú tâm để sẽ bước đi và người chỉ dẫn; Sắc Tâm Phong Giới hiện hữu ở trong sắc thân làm thành người thúc đẩy; **Địa Giới (Pathavīdhātu)** là sắc thân thành người bước đi; và giả định với nhau rằng Tôi bước đi, nam nhân **K** bước đi, nam nhân **Kh** bước đi; như vậy chẳng hạn. Mà sự thực ra Tôi hoặc Nhân Loại Hữu Tình không có khả năng để sẽ bước đi được, mà hết cả thấy chỉ có Danh với Sắc bấy nhiêu thôi.

Trong những oai nghi khác cũng hiện hành tương tự trong cùng một phương thức này. Cho dù rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. những thể loại này sẽ hiện hành tùy theo Nhân tùy theo Duyên, và thực sự chẳng có bất luận một Người nào làm thành người sắp bày tạo tác đi nữa; thế nhưng theo lẽ thường thì tất cả Chúng Hữu Tình đấy, một khi có việc trông thấy, việc được lắng nghe khởi sinh lên rồi, và nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe ấy v.v. lại là Cảnh tốt đẹp, thì cũng khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý ở trong lòng; và như thế, được gọi là **Tham** hoặc **Ái Dục** đã sinh khởi đối với người ấy rồi. Nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe v.v. lại là Cảnh không tốt đẹp, thì

cũng khởi sinh lên sự bất duyệt ý chẳng ưa thích ở trong lòng; và cũng như thế, được gọi là **Sân** đã sinh khởi lên đối với người ấy rồi. Tuy nhiên Cảnh làm thành Nhân cho **Sân** sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ bám giữ chặt lấy tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình ấy để cho **Chấp Thủ (Upādāna)** có được khởi sinh lên. Còn Cảnh làm thành Nhân cho **Tham** sinh khởi lên đấy, thì trái lại thường có khả năng thúc phược tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình để cho Chấp Thủ có được sinh khởi lên. Sẽ nói là một khi đã được trông thấy, hoặc đã được lắng nghe Cảnh làm thành chỗ thường luôn ưa thích duyệt ý biết bao nhiêu lần rồi, thì cũng làm cho tâm thức của người ấy bám giữ chặt tâm thức vào những Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ. Việc bám giữ chặt lấy Cảnh mà không chịu buông bỏ như vậy, thì gọi là **Chấp Thủ.** Và cùng trong một thời gian đấy, người ấy lại hiểu biết sai trật ở trong Danh Sắc Ngũ Uẩn sinh khởi trong sát na trông thấy, sát na được lắng nghe v.v. rằng là Tôi trông thấy, Tôi đã được lắng nghe, Tôi nghĩ suy, Tôi nói, Tôi ăn, Tôi ngồi, Tôi nằm, Tôi bước đi, như thế này chẳng hạn. Như vậy được liệt kê thành **Ngã Luận Chấp Thủ** đã sinh khởi lên, vì lẽ đã nương vào **Ái Dục** làm thành Nhân.

Như có một tích truyện nêu lên làm kiểu mẫu điển hình như sau: "Trong kinh thành **Vesalī (Xá Vệ)** có một tu sĩ tên gọi **Saccaka Aggivessanagotara.** Vị tu sĩ **Saccaka** này đã thường luôn lấy một tấm mảnh sắt quấn quanh thân bụng của mình, vì có quan điểm rằng Ta là Bậc Đại Trí; nếu không lấy tấm mảnh sắt quấn quanh để bảo hộ Trí Tuệ thì bụng của Ta nhất định sẽ phải bị bể vỡ ra. Vị tu sĩ **Saccaka** này đã tự tuyên bố rằng: "Chả là bất luận một người nào, hoặc bất luận một vị Giáo Thọ nào đi nữa; nếu như đi đến tranh luận với Ta rồi, thì người ấy sẽ phải có trạng thái giật mình run sợ, toàn thân run rẩy toát cả mồ hôi chảy ra; chẳng phải chỉ là người không thôi, mà ngay đến cả khúc gỗ nếu như Ta nói ra lời rồi, thì khúc gỗ ấy cũng sẽ phải phát sinh trạng thái run rẩy tương tự như nhau." Tu sĩ **Saccaka** thường luôn tuyên bố như vậy; mà sự thật là trong thời gian ấy, những người nào đã tự xưng là Giáo Thọ rồi cũng thực sự không có khả năng để sẽ trả lời lại với tu sĩ **Saccaka** ấy được. Với lý do này mới làm cho tu sĩ **Saccaka** phát khởi lên sự kiêu mạn lừng lẫy.

Tiếp đến một ngày nọ, tu sĩ **Saccaka** đã được nghe rằng Đức Chánh Đẳng Giác **Samaṇa Gotama (Sa Môn Cồ Đàm)** đã lập ý khải thuyết Pháp Thoại rằng "Tất cả Chúng Hữu Tình đây đều toàn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hết cả thảy; và thường luôn có sự sinh diệt; bởi do thế mới là **Vô Thường (Anicca),** không bền vững; là **Khổ Đau (Dukkha),** không thể nào chịu đựng nổi; là **Vô Ngã (Anatta),** chẳng có Tôi Ta là người chủ quản được. Như thế tất cả Chúng Hữu Tình chẳng nên hiểu biết sai trật trong sắc thân của mình rằng là Ta, là Người, là nữ nhân, là nam nhân." Khi tu sĩ **Saccaka** đã nghe thông tin như vậy rồi, thì nghĩ suy mong muốn sẽ đi đến diện kiến và tranh biện với Đức Chánh Đẳng Giác; mới rủ nhóm Vương Giả **(Khattiyā) Licchavī** với 500 vị cho cùng đi với nhau; và nói khoe khoang với nhóm Vương Giả **Licchavī** rằng: "Xin cho nhóm Quý Ngài hãy chờ xem Ta sẽ làm cho Sa Môn Cồ Đàm rúng động sợ hãi đối với lời nói của Ta giống như con dê bị chụp lấy cổ mà lúc lắc vậy." Thế rồi tu sĩ **Saccaka** cùng với 500 vị Vương Giả **Licchavī** rủ nhau đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Tu sĩ

Saccaka tác bạch vấn hỏi rằng: "Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama,** Ngài huấn giới các vị Thinh Văn của Ngài với Pháp môn nào ?" Đức Phật mới lập ý đáp lời rằng: "Ta huấn giới các vị Thinh Văn của Ta với Pháp môn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hiện bày thành tất cả Chúng Hữu Tình ấy, đều là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, không bền vững, là thống khổ, không ở trong mãnh lực cai quản mệnh lệnh của một ai, chẳng phải Tự Ngã, Ta, Người, là như vậy."

Tu sĩ **Saccaka** mới nói lên rằng: "Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama,** lẽ thường tất cả các hạt giống của cây sẽ được phát triển tươi tốt lên, là cũng phải nương nhờ vào mặt đất như thế nào; thì tất cả Chúng Hữu Tình nương nhờ vào Ngũ Uẩn, và rồi cũng thường được thụ hưởng sự an lạc hoặc khổ đau, làm Thiện Sự hoặc Ác Sự, tầm cầu sự an lạc ở trong Đạo hoặc Quả; và trong khoảng thời gian vẫn đang còn sinh mạng đây, thì Tự Bản Ngã vẫn còn đang hiện bày như thế ấy. Trong sự việc Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nói rằng: **"Sabbe dhammā anattā" (Chư Pháp là Vô Ngã)** ấy, sẽ đúng như thế nào ?"

Đức Phật mới lập ý đáp lời rằng: "Trong sự việc ngươi nói như vậy, có nghĩa là ngươi có quan điểm rằng Ngũ Uẩn ấy là Tự Ngã, là của Ta như vậy phải chăng ?" Tu sĩ **Saccaka** tâu trình rằng: "Thể loại quan điểm này chẳng phải chỉ là một mình con không thôi, mà ngay cả nhóm người đang ngồi ở tại nơi đây cũng có cùng một quan điểm tương tự như nhau." Đức Phật mới phán rằng: "Ngươi không nên lấy những người khác vào để mà viện dẫn. Như Lai chỉ muốn thấu hiểu quan điểm của một mình ngươi thôi." **Saccaka** trả lời rằng: "Đúng vậy, con có quan điểm như vậy." Đức Phật mới phán rằng: "Khi ngươi có quan điểm như thế, thì Như Lai muốn hỏi rằng thông thường một vị Vua Sát Đế Lỵ có tự do quyền hành ở trong đất nước của mình rằng người ấy đáng bị cưỡng bức thì được cưỡng bức, người ấy đáng ngợi khen thì được ngợi khen, người ấy đáng bị giết thì được giết, người ấy đáng tẩn xuất thì được tẩn xuất, như vậy à ?" **Saccaka** trả lời rằng: "Đúng như vậy rồi." Đức Phật mới phán rằng: "Khi là như thế, ngươi có công nhận hoặc không công nhận rằng ngươi có tự do quyền hành ở trong sắc thân của ngươi. Ngươi có khả năng ra lệnh cho sắc thân không có xinh đẹp, hoặc ra lệnh không cho tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, cho sắc thân có sắc da phu sắc giống với người trẻ thanh xuân chạn 16 tuổi, là như vậy có được hay không ?"

Saccaka khi đã nghe lời vấn hỏi của Đấng Chánh Đẳng Giác như vậy rồi, thì lặng thinh nghĩ thầm ở trong tâm rằng: "Nếu Ta trả lời rằng có khả năng ra lệnh sắc thân cho được hiện hành theo sở thích của Ta, thế rồi nhóm Vương Giả **Licchavī** sẽ rủ nhau khẩn cầu Ta ra lệnh cho sắc thân của Ta không xinh đẹp, cho trở lại xinh đẹp lên, thế thì nhất định là Ta sẽ bị rơi vào trong vị trí khốn khổ vô cùng. Thế nhưng nếu như Ta sẽ trả lời rằng không có khả năng để sẽ ra lệnh cho sắc thân của Ta được hiện hành theo sở nguyện vọng như vậy rồi, thì sẽ mặc nhiên xác nhận lời nói của Tôn Giả Sa Môn **Gotama** đã nói rằng **"Sabbe dhammā anattā" (Chư Pháp là Vô Ngã),** và như thế Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nhất định sẽ thắng Ta." **Saccaka** nghĩ đi nghĩ lại rồi cũng không nói ra lời, mới ngồi lặng thinh. Đức Chánh Đẳng Giác lập ý nhắc lại rằng: "Tại làm sao ngươi lại lặng thinh, hãy giải đáp câu nói của Như Lai !" **Saccaka** cũng vẫn cứ lặng thinh không nói ra lời nào. Lúc bấy giờ, Thiên Chủ **Đế Thích (Sakka)** hóa thân thành **Dạ Xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ)** tay nắm quả chùy sắt bước đến **Saccaka** đưa quả chùy với tư thế sẽ đánh rồi nói rằng: "Này **Saccaka,** Đức Như Lai

đã lập ý vấn hỏi ngươi, tại làm sao ngươi lại lặng thinh đi không trả lời ? Nếu ngươi không trả lời, thì Ta sẽ đánh ngươi với quả chùy này cho cái đầu của người phải bể ra làm bảy mảnh ngay bây giờ đây." Khi Ngài Thiên Chủ hóa thân thành Dạ Xoa và bước vào nói với **Saccaka** như thế, thì những người khác ở tại nơi ấy chẳng có một ai được trông thấy, duy chỉ có Đức Chánh Đẳng Giác với **Saccaka** trông thấy mà thôi. Khi **Saccaka** trông thấy như thế rồi, thì không thể nào lặng thinh được nữa, mới tác bạch rằng: "Bây giờ con xin chịu giải đáp câu nói của Đức Như Lai." Đức Chánh Đẳng Giác mới lập ý lại vấn hỏi rằng; "Này **Saccaka,** sắc của ngươi - chỗ ngươi đang cho là tự do ấy, không xinh, không đẹp; người sẽ ra lệnh cho xinh đẹp giống với sắc của nhóm Vương Giả **Licchavī** đây, sẽ hiện hành như vậy có được hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Sẽ không thể nào ra lệnh cho hiện hành như thế ấy được !" Đức Chánh Đẳng Giác phán rằng: "Này **Saccaka,** ngươi nên cẩn thận lời giải đáp của ngươi cho đúng đắn. Lời nói của ngươi ban đầu với lúc sau đã không giống nhau." Thế rồi Ngài lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Danh Sắc của ngươi chỗ đang là tự do ấy, ngươi sẽ ra lệnh cho chuyển đổi đi theo sở nguyện vọng của ngươi có được hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Tương tự như nhau, Danh Sắc của con cũng không thể nào ra lệnh cho hiện hành đi theo sở thích được !" Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Có một người đang thụ lãnh sự thống khổ về Thân, thống khổ về Tâm; thế nhưng người ấy nhận thấy rằng sự thống khổ này là Ngã, là của Tự Ngã, là của Bản Ngã. Khi đã nhận thấy như vậy rồi, thì sự thống khổ ấy sẽ có được biến mất hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Không được." Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Ngũ Uẩn thì đang bị thống khổ, thế mà người đang bám chặt giữ lấy là Ngã, là Tự Ngã, là Ta, là Người, có phải như vậy hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Phải rồi, con chấp thủ như thế." Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Người muốn được lõi cây, tầm cầu lõi cây, thế nhưng lại đi chặt cây chuối bổ chẻ ra, để sẽ tìm được lõi cây, thì bằng mọi giá cũng không thể nào gặp được, bởi vì cây chuối ấy là loại cây đã không có cốt lõi rồi. Kết quả cuối cùng thì cũng không có được cái chi là vững chắc cả. Điều này như thế nào, lời nói của ngươi cũng là như thế ấy. Khi ngươi chỉ nói mỗi một mình thì cũng có cảm nhận y như thể là Danh Sắc Ngũ Uẩn này là Tự Ngã, là bản chất thực thể. Thế nhưng một khi bậc đã liễu tri có tri thức ở trong Ngũ Uẩn vừa khéo, có Như Lai v.v. vấn đi vấn lại rồi, thì cũng nhận thức được rằng lời nói của ngươi không có chi là cốt lõi, chẳng có chi là căn bản cả. Và theo như ngươi đã từng có nói rằng: "chả là bất luận một người nào đi đến tranh luận với ngươi thì sẽ phải có trạng thái giật mình rúng động, rơi vào trạng thái rụt rè sợ hãi, toát cả mồ hôi ra. Hiện tại đây, Như Lai là người đang tranh luận với ngươi, thế mà Như Lai không có cảm nhận chi cả, mồ hôi cũng không có chảy ra, và đích thị chính ngươi là ngươi đang toát mồ hôi ra." **Saccaka** đã không thể nào thốt ra một lời chi để tranh luận được nữa, đành phải ngồi lặng thinh ở tại nơi đó. Cuối cùng thì, **Saccaka** đã cầu xin Đức Chánh Đẳng Giác cùng với Chúng Thinh Văn đi đến thọ thực ở tại trú xứ của mình trong ngày hôm sau."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** làm Nhân cho **Ngã Luận Chấp Thủ** khởi sinh, chẳng hạn như tu sĩ **Saccaka** là người có sở thích trong Ngũ Uẩn của mình

làm Nhân cho sinh khởi sự thấy sai chấp lầm ở trong Ngũ Uẩn của mình, làm thành **Ngã Luận Chấp Thủ** như đã có trình bày ở tại đây.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA CHẤP THỦ

1. Thủ Kết Trạng Thái (Gahaṇalakkhaṇaṃ): Có việc bám chặt giữ lấy, làm thành trạng thái.

2. Bất Giải Thoát Phận Sự (Amuñcanarasaṃ): Có việc không buông bỏ, làm thành phận sự.

3. Ái Cường Ngã Kiến Thành Tựu (Taṇhādaḷhattadiṭṭhipaccupaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục với năng lực mãnh liệt, và có sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Ái Dục Nhân Cận (Taṇhāpadaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU ÁI DỤC LÀM DUYÊN CHẤP THỦ (TAṆHĀPACCAYĀ UPĀDĀNAṂ)

1/. Ái Dục sinh trước trước làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Dục Chấp Thủ** sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya).**

2/. Ái Dục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ, Ngã Luận Chấp Thủ** cùng câu sinh với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

3/. Ái Dục sinh trước trước làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả ba Chấp Thủ (loại trừ **Dục Chấp Thủ**) sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Khi tổng kết mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của Ái Dục đối với Chấp Thủ có được tám Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigata paccaya), 8/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Kết Thúc Ái Dục Làm Duyên Chấp Thủ

----------00000----------

IX. UPĀDĀNAPACCAYĀ BHAVO SAMBHAVATI
(CHẤP THỦ LÀM DUYÊN HỮU KHỞI SINH)

Hữu (Bhava) thường hiện khởi lên do nương vào **Chấp Thủ (Upādāna)** làm **Nhân. Upādāna (Chấp Thủ)** làm thành **Nhân** cho **Hữu (Bhava)** khởi sinh, tức là Tứ Thủ có Dục Chấp Thủ, v.v. như đã có được trình bày đến rồi vậy.

Hữu có hai thể loại, đó là:

1. Nghiệp Hữu (Kammabhava) là việc tạo tác làm cho quả báo sinh khởi, tức là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế; kết hợp lại có được 29 Tư Tâm Sở.

2. Sinh Hữu (Uppattibhava) quả báo sinh khởi trong những kiếp sống ấy do nương vào Nghiệp Hữu, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

Rằng khi tính theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì **Nghiệp Hữu** ấy, tức là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý trong Thiện Sự và Bất Thiện Sự của tất cả Nhân Loại (loại trừ Bậc Vô Sinh). **Sinh Hữu** tức là tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu trong 31 Cõi Giới, luôn cả những việc trông thấy, việc lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc phủ xúc, việc ngủ nghỉ.

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Bhava (Hữu): Bhavati etasmāti = Bhavo** - Quả báo thường sinh khởi do nương vào Nghiệp Lực, chính vì thế gọi tên Nghiệp Lực làm thành Nhân của quả báo ấy là **Hữu.**

Kammameva bhavo = Kammabhavo - Đích thị chính là Nghiệp Lực làm Nhân cho quả báo khởi sinh; chính vì thế mới gọi tên **Nghiệp Hữu,** tức là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế.

Upapajjatīti = Upapatti - Pháp chủng nào đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Sinh.**

Bhavatīti = Bhavo - Pháp nào được sinh khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế gọi tên Pháp ấy là **Hữu.**

Upapatti ca sābhavo cāti = Upapattibhavo - Pháp nào vừa đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới, vừa được sinh khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế mới gọi tên Pháp ấy là **Sinh Hữu,** tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

Phân Tích Nghiệp Hữu Theo Môn (Dvāra):

Nghiệp Hữu đây, khi phân tích theo Môn có được ba thể loại, đó là:

1. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Thân Môn thì được gọi tên **Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma),** tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

2. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ngữ Môn thì được gọi tên **Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacīkamma),** tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

3. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ý Môn thì được gọi tên **Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma),** tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 9 Thiện Đáo Đại Nghiệp Lực.

Sinh Hữu (Upapattibhava) Có Chín Thể Loại, đó là:

+ Rằng Theo Môn (Dvāra):

1. Dục Hữu (Kāmabhava): tức là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 33 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

2. Sắc Hữu (Rūpabhava): tức là 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 35 Tâm Sở, 15 Sắc Nghiệp Lực.

3. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava): tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

+ Rằng Theo Tâm (Citta):

1. Tưởng Hữu (Saññībhava): tức là 31 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ), 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

2. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): tức là Tổng Hợp Mạng Cửu.

3. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (Nevasaññīnāsaññībhava): tức là 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 30 Tâm Sở.

+ Rằng Theo Uẩn (Khandha):

1. Nhất Uẩn Hữu (Ekavokārabhava): tức là Tổng Hợp Mạng Cửu.

2. Tứ Uẩn Hữu (Catuvokārabhava): tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

3. Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokārabhava): tức là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

Hoặc Một Trường Hợp Khác Nữa, Sinh Hữu Có Chín Thể Loại, đó là:

1. Thân Dị Tưởng Dị Hữu (Nānāttakāyanānāttasaññībhava): tức là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 7 Cõi Thiện Dục Giới.

2. Thân Dị Tưởng Đồng Hữu (Nānattakāyaekattasaññībhava): tức là Chúng Hữu Tình sinh sống trong Tứ Khổ Thú, 3 Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới.

3. Thân Đồng Tưởng Dị Hữu (Ekattakāyanānattasaññībhava): tức là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 3 Cõi Nhị Thiền Hữu Sắc Giới.

4. Thân Đồng Tưởng Đồng Hữu (Ekattakāyaekattasaññībhava): tức là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 3 Cõi Tam Thiền Hữu Sắc Giới, 7 Cõi Tứ Thiền Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Hữu Sắc Giới).

5. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): tức là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Hữu Sắc Giới).

6. Không Vô Biên Xứ Hữu (Ākāsānañcāyatanabhava): tức là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Không Vô Biên Xứ.

7. Thức Vô Biên Xứ Hữu (Viññāṇañcayatanabhava): tức là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Thức Vô Biên Xứ.

8. Vô Sở Hữu Xứ Hữu (Ākiñcaññāyatanabhava): tức là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Vô Sở Hữu Xứ.

9. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Hữu (Nevasaññānāsaññāyatanabhava): tức là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Trình Bày Cửu Sinh Hữu Bởi Theo Dĩ Nhân Bản Nguyện:

1. Dục Hữu (Kāmabhava): tức là Hữu Tình Khổ Thú có Bàng Sinh v.v. Nhân Loại, Chư Thiên.

2. Sắc Hữu (Rūpabhava): tức là tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

3. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava): tức là tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

4. Tưởng Hữu (Saññībhava): tức là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ).

5. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): tức là Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

6. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (Nevasaññīnasaññībhava): tức là Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

7. Nhất Uẩn Hữu (Ekavokārabhava): tức là Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

8. Tứ Uẩn Hữu (Catuvokārabhava): tức là Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

9. Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokārabhava): tức là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

Cả **Cửu Sinh Hữu** như đã được đề cập đến ở tại đây, khi nói theo giản lược thì có được ba thể loại, đó là: **1/. Dục Hữu (Kāmabhava), 2/. Sắc Hữu (Rūpabhava)** và **3/. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava).**

Cả hai **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** như đã vừa đề cập đây, có được hiện khởi lên cũng do nương vào cả Tứ Thủ làm Nhân; và chính cả hai Hữu này cũng làm thành Nhân làm Quả lẫn nhau, như sẽ đề cập đến như sau:

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Vị Lai** thì **Nghiệp Hữu** làm **Nhân, Sinh Hữu** làm **Quả.** Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** đấy, thì sẽ được hiện khởi lên, là cũng do nương vào các hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý ở phần **Bất Thiện Nghiệp Hữu.** Và **Thiện Hiệp Thế Nghiệp Hữu** làm **Nhân** đây, thì được tính là **Xuất Sinh Nhân (Janaka hetu).**

Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày để trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammoha vinodanī)** rằng: **Tatrassa upapattihetu bhūtaṃ kammaṃ kammabhavo kammanibbattā khandhā upapattibhavo** - Trong cả hai thể loại Hữu đấy, Tư Tâm Sở Bất Thiện Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực làm thành Nhân từ nơi việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình đấy, được gọi tên **Nghiệp Hữu.** Ngũ Uẩn sinh khởi do nương vào Nghiệp Hữu ấy, thì được gọi tên là **Sinh Hữu.**

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Hiện Tại** thì **Sinh Hữu** làm **Nhân, Nghiệp Hữu** làm **Quả;** bởi vì tất cả những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý sẽ được hiện khởi lên cũng cần phải nương vào tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** làm **Nhân.**

Với lý do này, tất cả các Bậc Trí Tuệ mới cho lời khuyên bảo rằng:

Amataṃ niyyamānena Jaramānena nijjaraṃ
Nibbutaṃ tapamānena Nimeyya bondinā sivaṃ

Dịch nội dung chính là: Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự tử vong vô cùng tận,** đem trao đổi với **Níp Bàn tịch nhiên và bất tử;** cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy. Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự lão mại vô cùng tận,** đem trao đổi với **Níp Bàn tịch nhiên và bất lão;** cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy. Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự thường luôn thống khổ do bởi Phiền Não,** đem trao đổi với **Níp Bàn tịch nhiên và thường luôn tiệt diệt mọi thống khổ do bởi Phiền Não;** cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI NGHIỆP HỮU VÀ SINH HỮU DO NƯƠNG VÀO DỤC CHẤP THỦ

Theo lẽ thường nhiên, tâm thức của tất cả Chúng Phàm Phu thường ưa thích bám chặt giữ lấy trong cái quan điểm của mình là trọng đại, chẳng hề có việc suy xét đến Nhân Quả tương quan; tựa như sự hiện hành của người thất niệm, ứng hợp như lời đã có đề cập đến rằng: **Puthujjano ummattako viya - Sự sinh hoạt của hạng Phàm Phu như người loạn trí.** Như thế, với mãnh lực từ nơi Dục Chấp Thủ mà trong mọi hành động tạo tác của tất cả con người ta đều có sự mong mỏi sự an vui hạnh phúc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Một vài nhóm người đã thủ tín trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Sĩ Tà Kiến, là người không từng học hỏi ở trong Tạng Luật, Tạng Kinh, và Tạng Vô Tỷ Pháp; thường hay thực hiện các hành động hữu quan với Ác Hạnh, có việc sát tử loài Hữu Tình, thâu đạo, ẩm tửu v.v. rồi dùng những lễ vật cúng dường tế lễ đến những vật linh thiêng. Hành động tạo tác như vậy là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi do nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân.** Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, ắt hẳn phải đi tái sinh ở trong Tứ Khổ Thú, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

Một vài nhóm người đã thủ tín trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Thọ có quan điểm chân chánh; rồi hành trì trong những Thiện Sự hữu quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân.** Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, làm Nhân Loại và Chư Thiên, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

Một vài nhóm người đã được thụ lãnh việc huấn tập hướng dẫn trong việc thực hành Thiền An Chỉ cho đến được chứng đắc Thiền Định, và có khả năng làm cho đi thọ sinh thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới; được thụ hưởng sự an lạc thù thắng về Thân và Tâm, hơn cả sự an lạc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Khi đã được thụ lãnh việc hướng dẫn như vậy rồi, thì đã nỗ lực tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới hoặc Thiền Định Vô Sắc Giới; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào Dục Chấp Thủ làm Nhân. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì cũng ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI NGHIỆP HỮU VÀ SINH HỮU DO NƯƠNG VÀO KIẾN CHẤP THỦ

Người có quan điểm sai lầm vào bất luận một trong những thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến, đó là:

1. Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi): có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong **Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Anantaggāhikadiṭṭhi)** v.v. vả lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây cũng sẽ phải có **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** tức là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng tiệt diệt.

2. Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, thì cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

Người có quan điểm sai lầm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ.** Hạng người này thường hành động đi theo sở thích của mình và phần lớn thường sẽ hiện hành trong đường lối Bất Thiện. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý đề cập đến rằng: **Pāpasmiṃ ramatī mano** (Tiểu Bộ Kinh tập 25/ điều 19) - **Theo lẽ thường, tâm thức của những hạng người đấy, thì thường vui thích trong những việc làm xấu ác.** Và người đã có **Kiến Chấp Thủ** đây, thì thường hay bạo dạn tạo tác trong những điều Ác Hạnh, những điều Tà Mạng thuộc phần Bất Thiện Nghiệp Hữu do nương vào **Kiến Chấp Thủ** làm Nhân; tức là chỉ mong mỏi trong việc danh thơm tiếng tốt, và cũng chỉ mong mỏi được đáp trả lại điều lợi ích cho đến với mình ngay trong hiện tại mà thôi.

Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào **Kiến Chấp Thủ** làm **Nhân** đặc biệt sinh khởi chỉ đối với nhóm người có **Đoạn Kiến** đấy, là cũng bởi vì nhóm người này có quan điểm rằng Bản Ngã này nếu sẽ diệt mất ở trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì cũng là việc rất tốt. Khi đã nhận thức như vậy rồi, thì tác hành Thiện Sự có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập An Chỉ cho sinh khởi lên, ngõ hầu mong mỏi sự diệt mất ở trong Cõi Giới mà mình hằng mong muốn. Nếu việc Thiện Sự hiện hành một cách viên mãn hoàn hảo thì cũng sẽ được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, hoặc Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.** Tuy nhiên nếu như việc Thiện Sự ấy không được thành tựu viên mãn, thì cũng không thể nào cho đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới được; và chỉ có thể tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên; và ấy cũng chính là một

thể loại **Sinh Hữu** mà thôi. Còn đối với Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ thì được hết cả thảy.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI NGHIỆP HỮU VÀ SINH HỮU DO NƯƠNG VÀO GIỚI CẤM THỦ

Người đang hành trì bắt chước như loài bò như loài chó đấy, thì đa phần có quan điểm rằng "Ta đang hành trì ở thể loại này, là một việc tiến hành trong đường lối của Bậc Hiền Triết, quả là điều rất khó làm vậy !" Vả lại có sự tín thực kiên cố rằng "Việc hành trì của mình đây, thì nhất định sẽ trổ sinh quả báo cho Ta đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới." Và trông thấy việc hành trì của tha nhân, với những thể loại của việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì "cho là không đúng đắn; hơn nữa, những hạng người đấy cũng không có khả năng để sẽ tu tập hành trì ở thể loại của mình được !" Với lý do này, những hạng người này mới không thể nào sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới thuận theo sở nguyện được.

Quan kiến của người hành trì trong đường lối sai trật (Tà Đạo) như vầy, thường là **Tà Thắng Giải (Micchādhimokkha)** tức là Ngã Kiến với việc quyết định sai trật; và là **Sân Hận (Dosa)** có việc miệt thị chê bai đối với việc hành trì của tha nhân. Quan điểm của người này đã là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi do nương vào **Giới Cấm Chấp Thủ** làm **Nhân.** Vả lại, hạng người này một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, ắt hẳn sẽ đi tái sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người có quan điểm rằng việc hành trì bắt chước như loài bò, bắt chước như loài chó chỉ là bấy nhiêu đấy thôi, thì cũng có khả năng trực tiếp diệt trừ Phiền Não; và làm cho được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh. Việc hành trì ở thể loại khác, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; với những thể loại ấy thì chỉ làm cho được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới thôi. Tuy nhiên việc hành trì như vậy, vả lại hành trì ở trong Cõi Nhân Loại thì sẽ đi đến việc thành tựu quả là khó khăn; vì lẽ không có được thuận lợi và thích hợp. Nếu như được hành trì trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì sẽ thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh một cách dễ dàng. Một khi đã có quan điểm như vậy rồi, thì cũng cố gắng nỗ lực thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** để cho có được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới. Một vài người hành trì cho được chứng đắc Thiền Định; và một vài người cũng không được chứng đắc Thiền Định. Người hành trì đã chứng đắc Thiền Định, một khi đã mệnh chung rồi, thì cũng được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên. Còn người không được chứng đắc Thiền Định, một khi mệnh chung rồi, thì sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI NGHIỆP HỮU VÀ SINH HỮU DO NƯƠNG VÀO NGÃ LUẬN CHẤP THỦ

Ngã Luận Chấp Thủ đây sinh khởi khắp tất cả Chúng Phàm Phu, bởi vì hạng người này không trông thấy sự hiện hành của Danh Sắc Ngũ Uẩn với Thực Tính Vô Ngã; mà chỉ trông thấy rằng là Tự Ngã, Tôi, Người, là Hữu Tình, Con Người, Trai, Gái v.v. Đề cập đến là sự nhận thức trong việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. rằng trong sát na trông thấy với việc trông thấy đích thị chính là Ta, và Ta là người trông thấy. Trong sát na được lắng nghe, thì việc được lắng nghe đích thị chính là Ta, và Ta là người được lắng nghe. Trong sát na tư duy, thì việc tư duy đích thị chính là Ta, và Ta là người tư duy. Trong sát na đang đứng, bước đi, ngồi, nằm, thì việc đang đứng, bước đi, ngồi, nằm đích thị chính là Ta, và Ta là người đang đứng, bước đi, ngồi, nằm. Sự nhận thức quan điểm như vừa đề cập tại đây, được khởi sinh từ nơi **Ngã Luận Chấp Thủ** hết cả thảy. Với lý do này mới nhận thấy được rằng trong những hành động Thiện và Bất Thiện mà tất cả mỗi con người tạo tác với nhau hằng mỗi ngày đây, là cũng do nương vào **Ngã Luận Chấp Thủ** làm **Nhân;** vì có nghĩ suy rằng "Tự bản thân Ta đây vẫn đang còn có sự an vui hạnh phúc rất ít ỏi; hoặc có tài sản của cải bạc vàng, danh thơm tiếng tốt vẫn đang còn rất ít ỏi, sẽ cần phải nỗ lực để cho những điều này nhiều thêm lên." Thế rồi tác hành Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, thể theo tính nết tập khí của từng mỗi người; hoặc tùy thuộc vào việc tiếp thâu một nền giáo dục từ nơi người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ; tức là nếu như người nào có tính nết tập khí bất thiện hoặc không có được tiếp thâu một nên giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường bất chánh, là Ác Hạnh và Tà Mạng; và ấy chính là **Bất Thiện Nghiệp Hữu**. Và một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳng sẽ đi tái sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**. Và nếu như người nào có được tính nết tập khí thiện hảo, hoặc có được việc giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường chân chánh, là Thiện Hạnh và Chánh Mạng; có việc kiến tạo Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ; và điều ấy được sắp thành **Thiện Nghiệp Hữu**. Thế rồi một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ được đi thọ sinh làm thành Nhân Loại cũng có, Chư Thiên cũng có, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới cũng có, Phạm Thiên Vô Sắc Giới cũng có; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

TRÌNH BÀY VIỆC KHÁC BIỆT GIỮA HÀNH (SAṄKHĀRA) VỚI NGHIỆP HỮU (KAMMABHAVA)

Hành là thuộc quả báo của **Vô Minh (Avijjāpaccayā saṅkhārā – Vô Minh làm duyên Hành);** và **Nghiệp Hữu** là thuộc quả báo của **Chấp Thủ (Upādānapaccayā bhavo – Chấp Thủ làm duyên Hữu).** Cả hai này; một khi tính theo Chi Pháp, đó chính là 29 Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện và 17 Tâm Thiện Hiệp Thế tương tự như nhau. Tuy nhiên chỗ khác biệt với nhau, đó là:

+ Trong phần **Tam Thời Kỳ (Addhā)** thì 29 Tư Tâm Sở sinh khởi trong Hữu Quá Khứ, mà làm **Nhân cho Thủ Uẩn (Upādānakhandha)** sinh khởi trong Hữu này; được gọi tên là **Hành,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Avijjā saṅkhārā atīto addhā (Vô Minh, Hành thì thuộc Thời Kỳ Quá Khứ).**

+ 29 Tư Tâm Sở sinh khởi trong Hữu Hiện Tại, mà làm **Nhân cho Thủ Uẩn** sinh khởi ở trong Hữu vị lai; được gọi tên là **Nghiệp Hữu,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Majjhe aṭṭha paccuppanno addhā (Tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc Thời Kỳ Hiện Tại).**

Còn việc trình bày ở trong 20 **Hành Tướng (Ākāra)** đấy chính là 20 Phân Loại, thì sự hiện hành theo **Thời Kỳ (Addhā)** của cả hai Hành và Nghiệp Hữu đây không có khác biệt nhau. Sẽ nói rằng ở trong **5 Nhân Quá Khứ** thì **Hành và Nghiệp Hữu** cũng cùng vào chung ở trong Pháp làm thành Nhân Quá Khứ tương tự như nhau. Với lý do này, mới biết được rằng sự khác biệt nhau giữa Hành với Nghiệp Hữu chỗ tính theo Thời Kỳ mới không có ở trong chỗ này; thế nhưng sự khác biệt với nhau thì có như vầy là:

+ **Tư Tiền (Pubbacetanā)** sinh trước hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên **Hành.**

+ **Tư Hiện (Muñcanacetanā)** sinh khởi sát na đang hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên **Nghiệp Hữu**.

Hoặc một trường hợp khác nữa, trong 7 sát na Tâm Đổng Lực Thiện hoặc Bất Thiện,

+ Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đổng Lực thứ 1 cho đến cái thứ 6 thì gọi tên **Hành**.

+ Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đổng Lực thứ 7 thì gọi tên **Nghiệp Hữu**.

Hoặc một trường hợp khác nữa,

+ Tâm và Tâm Sở câu sinh Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên **Hành**.

+ Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện thì gọi tên **Nghiệp Hữu**.

Như có câu **Pāḷi** trình bày rằng:

Saṅkhārā purecetanā Bhavo tu muñcasattamā
Sabbā vā cetanā bhavo Saṅkhārā sampayuttakā

Tư Tiền hoặc Tư Tâm Sở phối hợp 6 cái Tâm Đổng Lực trước trước, thì gọi tên **Hành**. Tư Hiện hoặc Tư Tâm Sở phối hợp Đổng Lực Tương Ưng Trí, Danh Sắc, Lục Xứ, thì gọi tên **Nghiệp Hữu.**

Hoặc là: Tất cả Tư Tâm Sở Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì gọi tên **Nghiệp Hữu.** Tâm, Tâm Sở phối hợp những thể loại Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên **Hành.**

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Hành** tức là duy nhất chỉ có một thể loại Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện. **Nghiệp Hữu** tức là Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện luôn cả Danh Sắc, Ngũ Uẩn còn lại.

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Hành** tức là duy nhất chỉ có một thể loại 29 Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Sinh và Chuyển Khởi. **Nghiệp Hữu** tức là 29 Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Sinh, Chuyển Khởi và Vô Tưởng Hữu.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Bhava (Hữu)** có nghĩa là trở thành, và được giải thích ở cả hai thể loại tác hành tạo tác Nghiệp Lực – Thiện và Bất Thiện – được gọi là **Nghiệp Hữu (Kammabhava),** tiến trình tích cực của sự trở thành – cùng với những Cõi Giới sinh tồn khác nhau, được gọi là **Sinh Hữu (Upapattibhava)** một tiến trình tiêu cực của sự trở thành. Giữa

hai từ ngữ **Hành (Saṅkhāra)** và **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** chỉ có sự khác biệt là **Hành** được hiểu theo ý nghĩa **"Nghiệp Lực đã được tạo tác trong Thời Quá Khứ"**; và **Hữu** được hiểu theo ý nghĩa **"Nghiệp Lực được tạo tác trong Thời Hiện Tại."** Chỉ có **Hữu** tức là Nghiệp Lực hiện tại tạo Năng Duyên cho sự đi thọ sinh trong Thời Vị Lai].

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA NGHIỆP HỮU

1. Nghiệp Lực Trạng Thái (Kammalakkhaṇo): Có sự tác thành Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanaraso): Có việc làm cho sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Thiện Bất Thiện Thành Tựu (Kusalākusalapaccupaṭṭhāno): Có sự tác thành Thiện, Bất Thiện, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhāno): Có Sự Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SINH HỮU

1. Nghiệp Quả Trạng Thái (Kammaphalakkhaṇaṃ): Có sự tác thành quả báo của Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanarasaṃ): Có việc làm cho sinh khởi, thành phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự tác thành Pháp Vô Ký, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhānaṃ): Có Sự Chấp Thủ làm Nhân cận.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU CHẤP THỦ LÀM DUYÊN HỮU (UPĀDĀNAPACCAYĀ BHAVO)

1. Dục Chấp Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/.Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

2. Cả ba **Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ** và **Ngã Luận Chấp Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamañña paccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Đồ Đạo Duyên (Magga paccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

3. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** sinh khởi nối tiếp nhau với mình không có khoảng cách xen kẽ, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 2/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya), 3/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūnissayapaccaya), 4/. Trùng Dụng Duyên (Āsevana paccaya), 5/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya), 6/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya).**

4. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bất câu sinh với mình; có nghĩa là theo lẽ thường nhiên người đã không có Sự Chấp Thủ, hành động tạo tác của người ấy thì không là **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu;** và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, **Sinh Hữu** tức là việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ thì ắt hẳn không có. Tuy nhiên hành động tạo tác của tất cả Chúng Hữu Tình đã tác thành viên mãn **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu,** và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, thì việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ, đã làm thành **Sinh Hữu.** Những thể loại này thường hiện hành với mãnh lực của một trong **Tứ Thủ** đã hiện hữu trong Uẩn giới tính của chính tự bản thân làm Năng Duyên; bởi do thế, trong việc giúp đỡ ủng hộ của cả **Tứ Thủ** đối với với cả hai **Hữu** đây, thường duy nhất chỉ có một thể loại là **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

5. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong **Tứ Thủ** làm thành Cảnh một cách phổ thông; thì sát na ấy bất luận một trong cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** có được một mãnh lực Duyên, đó là **Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya).**

6. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong **Tứ Thủ** làm thành Cảnh quan tâm một cách đặc biệt; thì sát na ấy bất luận một trong cả Tứ Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya), 2/. Cảnh Trưởng Duyên (Āramma ṇādhipatipaccaya), 3/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammanūpanissayapaccaya).**

Kết Thúc Chấp Thủ Làm Duyên Hữu

----------00000----------

X. BHAVAPACCAYĀ JĀTI SAMBHAVATI
(HỮU LÀM DUYÊN SINH KHỞI SINH)

Sự sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên do nương vào **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** làm **Nhân. Hữu** làm Năng Duyên của **Sinh** là chỉ lấy **Nghiệp Hữu,** vì lẽ việc sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực để hình thành **Sinh** đấy, sẽ sinh khởi lên được cũng do nương vào Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế thôi. Với lý do này, Hữu ở trong câu **Bhavapaccayā Jāti (Hữu làm duyên Sinh)** duy nhất chỉ có một thể loại, đó là **Nghiệp Hữu. Sinh (Jāti)** là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, và ấy chính là **Sinh Hữu** ở trong 31 Cõi Giới, bởi do chỉ có Nhất Uẩn, hoặc Tứ Uẩn, hoặc Ngũ Uẩn cũng có.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Jananaṃ = Jāti** - Gọi tên của việc sinh khởi của Ngũ Uẩn là **Sinh.**

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Jāyantipātubhavanti dhammā etāyāti = Jāti** - Tất cả Pháp Hành thường hiện khởi lên do nương vào Pháp chủng ấy, bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc hiện khởi của Pháp Hành ấy, là **Sinh.**

Sinh – rằng tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì có hai thể loại, đó là:

1. Danh Sinh (Nāmajāti): việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả.

2. Sắc Sinh (Rūpajāti): việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực.

+ Rằng tính theo Thời Gian thì có ba thể loại, đó là:

1. Tái Sinh Sinh (Paṭisandhijāti),

2. Liên Tiếp Sinh (Santatijāti),

3. Sát Na Sinh (Khaṇikajāti).

Trong ba thể loại Sinh này, thì việc sinh khởi lần đầu tiên trong Hữu mới của tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung lìa khỏi Hữu cũ; được gọi tên **Tái Sinh Sinh.** Và khi tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện,** tức là 19 Tâm Tái Sinh, 35 Tâm Sở, 3 – 7 – 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Sinh. Tiếp nối từ nơi Thời Kỳ Tái Sinh, từng mỗi Danh Pháp và Sắc Pháp sinh khởi mới lên nối tiếp với nhau không gián đoạn trọn cả ngày, trọn cả tháng, trọn cả năm; cho đến suốt cả cuộc đời; thì được gọi tên **Liên Tiếp Sinh.** Rằng tính theo Chi Pháp, tức là việc tiếp nối với nhau của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp. Việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi cái Tâm, và việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp, thì được gọi tên **Sát Na Sinh;** tức là việc sinh khởi từng một sát na của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

Từ ngữ **Jāti** ở trong câu **Bhavapaccayājāti - Hữu làm duyên Sinh** đây, lập ý chỉ lấy **Tái Sinh Sinh (Paṭisandhijāti)** thôi.

Tái Sinh Sinh, một khi tính theo **Sinh Chủng (Jāti)** có được bốn thể loại, đó là:

1. Thai Sinh Chủng (Jalābujajāti): Việc sinh khởi ở trong tử cung người Mẹ.

2. Noãn Sinh Chủng (Aṇḍajajāti): Việc sinh khởi ở trong quả trứng.

3. Thấp Sinh Chủng (Saṅsedajajāti): Việc sinh khởi ở trong chỗ có nhựa mủ cây.

4. Hóa Sinh Chủng (Opapātikajāti): Việc vụt phát sinh lên to lớn tức thì.

+ Khi tính theo **Uẩn (Khandha)** có được ba thể loại, đó là:

1. Ngũ Uẩn Sinh Chủng (Pañcavokārajāti): Việc sinh khởi của Ngũ Uẩn.

2. Tứ Uẩn Sinh Chủng (Catuvokārajāti): Việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn.

3. Nhất Uẩn Sinh Chủng (Ekavokārajāti): Việc sinh khởi của đơn nhất Sắc Uẩn.

Sinh Chủng (Jāti) là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này cũng bởi do từ nơi **Nghiệp Hữu,** và đấy chính là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở phần Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có. Bởi do thế mới nhận thấy

được rằng tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Thế Gian này, ngoài Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực này ra rồi thì chẳng có một ai là Đấng Tạo Hóa cả; ứng hợp với Đức Phật đã lập ý khải thuyết rằng: **Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappaṇītatāya** - Nghiệp Lực thường phân biệt tất cả Chúng Hữu Tình cho có thực tính ty liệt và tinh lương.

Và Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** cũng đã có trình bày rằng:

Tulyopi bahi hetumhi **Yamakānaṃ payayutlyatā**
Na cāñño kammato tasmā **Ñeyyo so jātipaccayo**

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: Ngay cả chỉ có duy nhất một Ngoại Tác Nhân là máu huyết và thực phẩm đi nữa, tuy nhiên trẻ song sinh cũng vẫn có điểm khác biệt với nhau để cho được nhận thấy. Sẽ nói rằng một người nam, một người nữ cũng có; sắc thân hình tướng khang khác nhau cũng có; Trí Tuệ khác biệt nhau cũng có.

Điều này trình bày cho nhận thấy rằng ngoài Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu ra rồi, thì chẳng có tác nhân nào khác nữa để sắp bày trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, tất cả các Bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SINH

1. Tiên Sinh Khởi Hữu Trạng Thái (Tattha tattha bhave paṭhamābhinibbati lakkhaṇā): Có việc sinh khởi lần đầu tiên ở trong các Hữu ấy, làm thành trạng thái.

2. Truyền Thế Phận Sự (Niyyātanarasā): Có việc hiện hành tương tự như là trao truyền Ngũ Uẩn có sự hạn độ trong từng mỗi Hữu cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, làm thành phận sự.

3. Quá Khứ Truyền Thừa Hiện Tại Thành Tựu (hoặc) **Khổ Đau Túc Chướng Thành Tựu (Atītabhavato idha ummujjana paccupaṭṭhānā (vā) Dukkha vicittattā paccupaṭṭhānā):** Có việc quả báo từ nơi Hữu trước sinh khởi trong Hữu này, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí; (hoặc) Có thực tính với quả khổ hiện khởi lên quá vất vả.

4. Lũy Tích Danh Sắc Nhân Cận (Upacitanāmarūpapadaṭṭhānā): Có Danh Sắc sinh khởi lần đầu tiên làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU HỮU LÀM DUYÊN SINH (BHAVAPACCAYĀ JĀTI)

Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sinh,** có được hai mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya), 2/. Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya).**

[**Chú thích:** Trong câu **Bhavapaccayā Jāti (Hữu làm duyên Sinh)** đây, Ngài Phụ Chú Giải Căn Nguyên (**Mūlaṭīkā**) đã lấy cả hai gồm **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu,** bằng cách

nêu lên Nhân Quả để dẫn chứng rằng **Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực; và ấy cũng chính là **Sinh Hữu** sẽ có được cũng phải do nương vào **Nghiệp Hữu.** Nếu thiếu mất **Nghiệp Hữu** đi rồi, thì **Sinh Hữu** cũng không có thể sinh khởi lên được. Và nếu như **Sinh Hữu** đã không hiện hữu, thì cũng tương tự như vậy, là **Sinh** cũng không thể có được; bởi do thế **Hữu** làm Năng Duyên cho **Sinh** mới lấy hết cả hai **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu.** Tuy nhiên đối với Ngài Chú Giải Sư thì đã không lấy **Sinh Hữu.** Và một cách chính xác, **Jāti (Sinh)** là sự sinh khởi của Danh Sắc Ngũ Uẩn].

Kết Thúc Hữu Làm Duyên Sinh

----------00000----------

XI. JĀTIPACCAYĀ JĀRAMARAṆAṂ SOKAPARIDEVA DUKKHADOMANASSUPĀYĀSĀ SAMBHAVANTI (SINH LÀM DUYÊN LÃO MẠI, TỬ VONG, SẦU MUỘN, BI AI, KHỔ ĐAU, ƯU THỌ, NÃO HẠI KHỞI SINH)

Cả bảy Pháp gồm Lão Mại, Tử Vong, và Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Sinh** làm **Nhân. Lão Mại** làm thành quả báo của **Sinh** đây, tức là sự già nua của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực. Có nghĩa là khi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực những thể loại này sinh khởi thành sát na **Sinh** rồi, ắt hẳn có sát na trú tại, được gọi là sát na **Trụ.** Và đích thị chính sát na Trụ của Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực này được gọi tên là **Lão Mại.** Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Jaraṇaṃ = Jarā** - Gọi tên sự cũ kỹ đối với Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Thành Sở Tác là **Lão Mại. Tử Vong** làm thành quả báo của **Sinh** đây, tức là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, được gọi là **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa).** Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Marīyate = Maraṇaṃ** - Gọi tên sự tử vong, tức là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực là **Tử Vong.**

Chi Pháp **Lão Mại** và **Tử Vong** theo như đã vừa đề cập đến đây, cũng tương tự với Chi Pháp của **Sinh.** Sự việc là như vậy cũng bởi vì cả ba **Sinh, Lão Mại, Tử Vong** đây, đã được liệt kê vào trong **Dị Thục Quả Luân.** Như trong đoạn văn **Pāḷi** có trình bày để trong đoạn trước rằng **Upapattibhavasaṅkhāto bhavekadeso avasesā ca vipākavaṭṭaṃ - Dịch nghĩa:** Một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân. Có nghĩa là một phần còn lại của Hữu gồm những thể loại Sinh Hữu và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại và Tử Vong đây, là thuộc về **Dị Thục Quả Luân.**

Còn đối với trong **Phần Phân Tích Liên Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppāda vibhaṅga)** trình bày thể theo **Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Suttantabhāja nīyanaya)** đấy, đã có trình bày rằng: **Tattha katamā jarā ? Yā tesaṃ tesaṃ sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃpāliccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko ayaṃ vuccati jarā.**

Tattha katamaṃ maraṇaṃ ? Yā tesaṃ tesaṃ sattānaṃ tamhā tamhā sattanikāyā cuti avanatā bhedo antaradhānaṃ muccu maraṇaṃ kālakiriyā khandhānaṃ bhedo kaḷevarassa nikkhepo jīvitindriyassa upacchedo idaṃ vuccati maraṇaṃ - Dịch nghĩa: Trong cả hai thể loại **Lão Mại** và **Tử Vong** đấy, thì như thế nào là **Lão Mại** ? Sự già nua, sự cổ lỗ, sự mất mát răng, sự tóc bạc, sự da nhăn, sự giảm sút tuổi tác; sự già lọm khọm của các căn, có Nhãn căn v.v. trong nhóm Hữu Tình ấy, của nhóm Hữu Tình ấy, cái này, cái nọ; được gọi là **Lão Mại.**

Trong cả hai thể loại **Lão Mại** và **Tử Vong** đấy, thì như thế nào là **Tử Vong** ? Sự chết, sự chuyển động, sự hư hoại rã tan, sự mất đi, sự tử vong, sự chết chóc, sự hết thời, sự rã tan từ ở nơi Uẩn, sự vứt bỏ tử thi, sự mất đi mạng quyền của nhóm Hữu Tình ấy, của Chúng Hữu Tình ấy, cái này, cái nọ; được gọi là **Tử Vong.**

Chính vì thế, từ ngữ **Lão Mại** và **Tử Vong** trong Liên Quan Tương Sinh đây, sẽ lập ý chỉ lấy sự già nua và sự tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình giả định ở trong Thế Gian này; có nghĩa là nối tiếp từ nơi **Sinh** của việc sinh khởi v.v. mãi cho đến tử vong; thì gọi tên **Lão Mại.** Tức là sự lão mại của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực. Trong sát na mà tất cả Chúng Hữu Tình đấy gọi tên **Tử Vong,** chính là sự tử vong của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, và Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, Sắc Vật Thực. Như có câu Chú Giải đã trình bày rằng: **Jīranti jiṇṇabhāvaṃ kacchanti etāyāti = Jarā** - Tất cả Pháp Hành thường thấm nhập vào sự lão mại bởi do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ nơi việc thấm nhập vào sự lão mại của những thể loại Pháp Hành đấy là **Lão Mại. Maranti sattā etenāti = Maraṇaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường tử vong bởi do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Tử Vong.**

Lão Mại Có Chín Thể Loại, đó là:

1. Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại (Vayovuddhijarā): Là sự già nua tuần tự khởi sinh lên do có những trạng thái hiện bày, chẳng hạn như tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, sợi dây gân hiện bày, lưng còng v.v.

2. Liên Tiếp Lão Mại (Santatijarā): Là sự già nua liên tiếp sinh khởi lên hoài không có gián đoạn của Danh Sắc cho mãi đi đến tử vong; cũng ví như một người bị bệnh sốt, trong sát na đang lên cơn sốt ấy được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy; và cơn sốt ấy từ từ giảm xuống cũng được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy.

3. Sát Na Lão Mại (Khaṇikajarā): Là sát na Trụ của Danh và Sắc hiện khởi lên tiếp nối liên tục với nhau bởi theo trạng thái Sinh – Trụ - Diệt của sát na Tiểu.

4. Hiển Hiện Lão Mại (Pākaṭajarā): Là sự già nua hiển hiện rõ ràng, và đó cũng chính là Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại vậy.

5. Ẩn Tàng Lão Mại (Paṭicchannajarā): Là sự già nua bị ẩn khuất, không có khả năng để trông thấy được; và đó chính là sự lão mại của Danh Pháp.

6. Bất Kiến Lão Mại (Avīcijarā): Là sự già nua không có cách nào cho nhận biết được; tức là sự suy giảm của ngọc xoàn, đá thạch, mặt trời, mặt trăng, trẻ con, nhóm nam nữ thanh xuân v.v.

7. Hữu Kiến Lão Mại (Savīcijarā): Là sự già nua có cách cho nhận biết được, đó chính là sự tổn hại của xe cộ, nhà cửa, đất đai điền thổ, những của cải vật chất, và người già nua, chúng sinh già nua, cây cối cổ thụ v.v.

8. Siêu Lý Lão Mại (Paramatthajarā): Là sát na Trụ của Danh và Sắc; cũng tương tự với Sát Na Lão Mại.

9. Chế Định Lão Mại (Paññattijarā): Là sự việc già nua, ngoài ra Sát Na Lão Mại.

Trong tất cả những thể loại Lão Mại đây, một khi tính theo **Niên Hạn (Vaya)** thì **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** có được 3 hoặc 10 thể loại, đó là:

+ Có Tam Niên Hạn (Vaya) đó là:

1. Sơ Thứ Niên Hạn (Paṭhamavaya): Trong khoảng thời gian thọ mạng hạn định là 75 tuổi thọ; tính kể từ khi sinh ra cho đến 25 tuổi thọ thì sắp vào trong **Sơ Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi thanh niên).**

2. Nhị Thứ Niên Hạn (Dutiyavaya): Tính kể từ 25 tuổi cho đến 50 tuổi thọ thì sắp vào trong **Nhị Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi trung niên).**

3. Tam Thứ Niên Hạn (Tatiyavaya): Tính kể từ 50 tuổi cho đến 75 tuổi thọ thì sắp vào trong **Tam Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi lão niên).**

+ Có Thập Niên Hạn (Vaya) đó là:

1. Nhi Độn Thập Niên Hạn (Mandadasakavaya): Niên hạn yếu kém, tính kể từ 1 tuổi cho đến 10 tuổi thọ.

2. Ngoạn Lộng Thập Niên Hạn (Khiddādasakavaya): Niên hạn vui chơi thỏa thích, tính kể từ 10 tuổi cho đến 20 tuổi thọ.

3. Nhan Sắc Thập Niên Hạn (Vaṇṇadasakavaya): Niên hạn mỹ lệ xinh đẹp, tính kể từ 20 tuổi cho đến 30 tuổi thọ.

4. Năng Lực Thập Niên Hạn (Baladasakavaya): Niên hạn có sức lực, tính kể từ 30 tuổi cho đến 40 tuổi thọ.

5. Trí Tuệ Thập Niên Hạn (Paññādasakavaya): Niên hạn có Trí Tuệ, tính kể từ 40 tuổi cho đến 50 tuổi thọ.

6. Suy Nhược Thập Niên Hạn (Hānidasakavaya): Niên hạn suy giảm, tính kể từ 50 cho đến 60 tuổi thọ.

7. Suy Tàn Thập Niên Hạn (Pabbhāradasakavaya): Niên hạn ở sắc thân bắt đầu khọm rọm xuống, tính kể từ 60 cho đến 70 tuổi thọ.

8. Suy Lão Thập Niên Hạn (Vaṅkadasakavaya): Niên hạn sắc thân đã khọm khẹm, tính kể từ 70 cho đến 80 tuổi thọ.

9. Si Độn Thập Niên Hạn (Momūhadasakavaya): Niên hạn si mê lầm lạc, tính kể từ 80 cho đến 90 tuổi thọ.

10. Ngọa Bệnh Thập Niên Hạn (Sayanadasakavaya): Niên hạn nằm hoài dậy không nổi, đau nằm không dậy được; tính kể từ 90 đến 100 tuổi thọ.

[**Chú thích:** Thập Niên Hạn này trích lược trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga)** Phẩm 3, điều 247.]

Thập Niên Hạn như đã vừa đề cập đây, là việc trình bày thể theo **Niên Hạn** với thọ mạng hạn định 100 tuổi thọ. Còn nếu như ở trong giai đoạn thọ mạng suy giảm dần xuống thì cả Thập Niên Hạn này cũng tuần tự suy giảm theo.

Trong Liên Quan Tương Sinh này, từ ngữ **Lão Mại** lập ý lấy **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại, Hiển Hiện Lão Mại;** và cả hai thể loại Lão Mại này là Lão Mại chỉ có hữu quan với Sắc Pháp thôi, và trong Danh Pháp thì không có thể loại Lão Mại này. Lẽ thường tuổi thọ của từng mỗi Sắc Pháp thì có được tương đương với tuổi thọ của 17 cái Tâm, không tăng hơn cũng không giảm hơn; bởi do thế khi đề cập bởi theo Thực Tính Siêu Lý thì "Sắc ấy già nua, Sắc này yếu kém chẳng có chi cả; thế nhưng Tôi nhận thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. cũng chỉ là điều mà Tôi đã giả định với nhau rằng là **Lão Mại** đó mà." Với lý do này, một khi đã loại trừ **Sát Na Lão Mại, Ẩn Tàng Lão Mại,** và **Siêu Lý Lão Mại** ra rồi, thì Lão Mại ngoài ra đó cũng chỉ là Chế Định Lão Mại hết cả thảy. Lại nữa, Lão Mại này là điều không thể trông thấy được, bởi vì đó là Cảnh Pháp. Chỗ nhận thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. đó cũng chẳng phải là Tự Ngã; mà chỉ là quả báo sinh từ ở mãnh lực của một lần Lão Mại khác nữa. Thế nhưng, tất cả con người ta khi trông thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. thì nhận biết được là người này, người nọ đã già nua rồi.

Nếu sẽ vấn hỏi rằng "Tại làm sao Lão Mại có da nhăn, răng gẫy v.v. chỉ có hiện bày đối với người cao niên lớn tuổi; còn các trẻ nhỏ, và những trai trẻ thanh xuân thì chẳng có hiện bày; y như thể là sự Lão Mại đây chỉ có hiện hữu riêng biệt trong người già cao niên thôi; còn những trẻ nhỏ, trai trẻ thanh xuân thì không có. Sự việc như vậy là do bởi lý do nào ?" Điều này được giải đáp rằng "Lẽ thường Lão Mại đấy ắt hẳn hiện hữu đối với hết cả thảy tất cả Chúng Hữu Tình, và chẳng có lựa chọn rằng sẽ là trẻ nhỏ, hoặc trai trẻ thanh xuân; hoặc chỉ là người cao niên lớn tuổi thôi. Vả lại Lão Mại này có chức năng làm cho Sắc Pháp thẩm thấu đến sự già nua với nhau hết cả thảy. Những trẻ nhỏ thì từ từ lớn dần lên thành trai trẻ thanh xuân, cũng với mãnh lực của Lão Mại. Trai trẻ thanh xuân thì từ từ bước đi đến thành người lớn, và cho đến thành người già; điều đấy cũng với mãnh lực của Lão Mại tương tự như nhau. Vì lẽ sự Lão Mại đây được chia ra làm hai thể loại, với một thể loại là "già nua thêm lên" gọi là **Gia Tăng Lão Mại (Abhikkamajarā),** và một thể loại là "già nua giảm xuống" gọi là **Giảm Thiểu Lão Mại (Paṭikkamajarā).** Đối với Lão Mại hiện hữu ở trong trẻ nhỏ, kể từ **Nhi Độn Thập Niên Hạn** cho đến **Năng Lực Thập Niên Hạn** là thuộc **Gia Tăng Lão Mại;** tức là Lão Mại sự già nua thêm lên dần. Chính với lý do đấy, những trẻ nhỏ mới từ từ lớn dần lên mãi cho đến chấm dứt hạn độ của Gia Tăng Lão Mại. Tiếp nối nơi đấy thì từ từ sự già nua giảm xuống dần, hiện bày trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt mờ v.v. mãi cho đến tử vong; được gọi là **Giảm Thiểu Lão Mại.** Và sự việc như vậy, đích thị cũng chính do bởi mãnh lực từ nơi **Lão Nhiệt Khí (Jiraṇatejo)** thiêu đốt Sắc Pháp cho có trạng thái tuần tự suy giảm xuống dần ấy vậy.

Lại nữa, trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt mờ v.v. ấy chính là **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** đây, thường không có đối với nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên. Tất cả ở đây, cũng do bởi nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên có Sắc Nghiệp Lực làm thành nền tảng vững chắc hơn cả Sắc Vật Thực, và Sắc Quý Tiết. Còn nhóm Nhân Loại và tất cả Chúng Hữu Tình Bàng Sinh thì có Sắc Nghiệp Lực yếu kém hơn Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực; bởi do thế mới có **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** hiện bày rất nhiều.

Tử Vong (Maraṇa) Có Chín Thể Loại, đó là:

1. Giả Định Tử Vong (Sammutimaraṇa): Là sự tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình mà giả định gọi nhau là nam nhân **K.** chết, nam nhân **Kh.** chết, cây chết, thủy ngân chết, v.v.

2. Liên Tiếp Tử Vong (Sattatimaraṇa): Là việc nối tiếp của Danh Sắc có sự biến đổi từng thời kỳ, không có người đặt để; chẳng hạn như Sắc sinh khởi trong thời bất an và một khi đã dứt khỏi rồi, thì Sắc bất an ấy cũng diệt đi. Sắc an lạc tức thì sinh khởi mới lên và một khi có sự bực bội buồn lòng sinh khởi lên, tiếp đến lại sinh khởi sự vừa lòng duyệt ý, thì sự bực bội buồn lòng ấy cũng dứt khỏi và diệt mất đi, chẳng hạn như vậy.

3. Sát Na Tử Vong (Khaṇikamaraṇa): Là sự diệt mất của Sắc và Danh trong từng mỗi sát na Diệt.

4. Bính Tuyệt Tử Vong (Samucchedamaraṇa): Là viên tịch Níp Bàn của tất cả các Bậc Vô Sinh không còn việc tiếp nối sinh khởi được nữa.

5. Mãn Kiếp Tử Vong (Jātikkhayamaraṇa): Là sự tử vong và chấm dứt trong từng mỗi kiếp sống.

6. Tận Mệnh Tử Vong (Upakkamamaraṇa): Là việc hạn định thọ mạng cũng vẫn chưa dứt, Nghiệp Lực cũng vẫn chưa dứt, thế nhưng đã đến sự tử vong bởi do nương vào sự cố gắng của tự bản thân (tự tử), hoặc của tha nhân với mãnh lực **Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upacchedakkamma).**

7. Lưỡng Toàn Tử Vong (Sarasamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định Tuổi Thọ và Nghiệp Lực.

8. Thọ Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định tuổi thọ, cho dù vẫn chưa chấm dứt Nghiệp Lực đi nữa.

9. Phúc Diệt Tử Vong (Puññakkhayamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định của Phước Báu và Nghiệp Lực, cho dù vẫn chưa chấm dứt tuổi thọ đi nữa.

Trong Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ **Tử Vong** lập ý chỉ lấy **Giả Định Tử Vong, Mãn Kiếp Tử Vong, Tận Mệnh Tử Vong, Lưỡng Toàn Tử Vong, Thọ Diệt Tử Vong, Phúc Diệt Tử Vong** thôi. Và kể từ Mãn Kiếp Tử Vong cho đến Phúc Diệt Tử Vong, với cả 5 thể loại này một khi đã có thẩm sát rồi, tất cả đều sát nhập vào **Giả Định Tử Vong** hết cả. Lão Mại và Tử Vong như đã vừa đề cập đến đây, là **Thực Tính Bất Duyệt Ý (Aniṭṭha)** đã làm thành điều đáng sợ hãi, và chẳng thích đáng cho việc mong cầu chút nào cả. Thế nhưng từng mỗi con người cũng không thể nào lẩn tránh được, mà phải bị đối diện với nhau hết cả thảy, vả lại chẳng có con đường nào để sẽ trốn chạy cho vượt thoát ra khỏi trong kiếp sống

này. Sự việc như vậy cũng do bởi có **Sinh,** đó chính là sự sinh khởi đã làm cái Nhân tiên khởi. Nếu như bất luận một người nào đã có sự sợ hãi Lão Mại và Tử Vong này rồi, thiết yếu người ấy sẽ phải tầm cầu đạo lộ hủy diệt mầm **Sinh** đi, thì mới sẽ mong vượt thoát đi được. Và phương thức để sẽ hủy diệt mầm **Sinh** đây, thì đặc biệt chỉ có hiện hữu trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác thôi. Tức là việc hủy diệt **Nghiệp Hữu** cho hoàn toàn tiệt diệt; nỗ lực làm cho Thân, Ngữ, Ý của mình thấm nhập đến tác hành **Duy Tác (Kiriyā)** và đích thị chính là sự thành Quả vị Vô Sinh. Vả lại hành động tạo tác để sẽ cho thành tựu tác hành Duy Tác đấy, thì nhất thiết phải trong khoảng thời kỳ Giáo Pháp Đức Phật một khi vẫn còn tồn tại. Khi đã xa rời khỏi Giáo Pháp Đức Phật đi rồi, coi như đã chấm dứt đạo lộ để sẽ thực hiện được điều ấy; và chỉ còn lại Bất Thiện Nghiệp Lực với Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực. Hành động tạo tác cho Thiện Sự ấy được thành tựu một cách dễ dàng và có được nhiều cơ hội, là chỉ khi được thực hiện ngay trong thời kỳ Giáo Pháp Đức Phật vẫn đang còn hiện hữu thôi. Và trong thời gian xa rời khỏi Giáo Pháp Đức Phật rồi, thì việc thực hành Toàn Thiện ấy rất khó khăn, và cơ hội có được lại rất hạn chế. Ngài so sánh ví như việc kiến tạo Thiện Sự này tỷ như người bệnh phải uống thuốc đắng; mà theo lẽ thường thuốc đắng thường không một ai ưa thích uống cả; thế nhưng người bệnh cố gắng để phải uống cũng bởi vì muốn dứt khỏi bệnh vậy. Điều này như thế nào, thì những thể loại Tâm Thiện Hiệp Thế cũng được ví như là thuốc đắng; và người tầm cầu vượt thoát ra khỏi bao Phiền Não cũng cần phải nỗ lực kiến tạo Thiện Hiệp Thế cho được khởi sinh lên, để rồi từ đó tuần tự tiến hành việc sát trừ Phiền Não, mãi cho đến chứng đạt viên mãn Quả vị Vô Sinh và tiệt diệt hết bao điều Phiền Não, cũng đã được ví như một người bệnh cần phải tiệt diệt căn bệnh của mình vậy; phải cố gắng thường luôn chăm uống thuốc đắng, mãi cho đến khi căn bệnh đã được dứt hẳn. Một khi những căn bệnh đã được dứt hẳn rồi, thì không cần phải tiếp tục uống thuốc đắng nữa; cũng như Đức Chánh Đẳng Giác chúng ta đây đã nói với Thiên Ma trong sát na Ngài đang hành trì Pháp Hành Duy Tác, bởi do vị Thiên Ma đã đi đến tác bạch rằng: "Kính xin Đức Thế Tôn hãy cố gắng làm cho mình là người có được thọ mạng lâu dài, để sẽ có được thời gian kiến tạo Thiện Pháp, có việc thọ trì Giới Luật, tế lễ thần lửa v.v. Nếu như ở trong rừng già và hành trì như vậy thì sẽ chẳng có lợi ích chi cả." Đức Phật mới trả lời với vị Thiên Ma rằng:

Anumattopi puññena **Attho mayhaṃ na vijjati**
Yesañca attho puññena **Te māro vuttamarahati**

Dịch nghĩa nội dung chính như sau: Này Thiên Ma, sự duyệt ý trong Thực Tính Thiện Pháp đã không có đối với Ta dù chỉ là chút ít; còn đối với người chỉ có chút ít Phước Báu thì lại có sự duyệt ý trong Thiện Pháp. Bởi do thế, Ngươi hãy nên đi nói với người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý trong việc làm Thiện ấy vậy.

Lại nữa, trong Bộ Chú Giải Phân Tích Đế **(Saccavibhaṅga Atthakathā)** Đại Giáo Thọ Sư **Mahābuddhaghosācāriya** đã trình bày điều tỷ dụ để so sánh với cả ba **Sinh, Lão Mại, Tử Vong** này, tương tự với ba nam nhân đã hợp tác nhau để lường gạt kẻ thù đem đi sát mạng. Với nam nhân thứ nhất nhận nhiệm vụ làm người dụ dỗ kẻ thù cho đi vào trong rừng già, bằng cách nói lên lời khen ngợi về vẻ xinh đẹp thiên nhiên của rừng già ấy cho y được lắng nghe,

và đã làm cho phát sinh lên sự mong muốn được đi thưởng ngoạn; thế rồi đã đồng ý cùng đi với nam nhân ấy. Khi đã vào đến khu vực rừng già rồi, thì nam nhân thứ hai đã thi hành nhiệm vụ làm người hành hạ và đả thương kẻ thù ấy cho phải bị thương tích đến cả kiệt sức. Thế rồi, nam nhân thứ ba đã thực hiện nhiệm vụ sát hại bằng cách cầm lấy con dao và đã chém vào cổ của kẻ thù ấy phải bị chết đi. Điều này như thế nào, thì nam nhân thứ nhất được ví với **Sinh** làm người dắt dẫn Chúng Hữu Tình sinh khởi trong những kiếp sống ấy, thì cũng giống như bị kẻ thù dắt dẫn cho đi vào trong khu rừng già ấy vậy. Nam nhân thứ hai được ví với **Lão Mại** đã hành hạ bức hại Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình cho phải tuần tự bị lão mại dần xuống dẫn đến tử vong; thì cũng giống như đã bị kẻ thù lén lút hại ngầm cho đến phải mất hết cả sức lực vậy. Nam nhân thứ ba được ví với **Tử Vong** đã làm cho Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình phải bị thiệt mạng trong từng mỗi kiếp sống; cũng giống như đã bị kẻ thù cầm dao sát hại khiến phải tử vong dường thế ấy.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA LÃO MẠI

1. Khai Thục Uẩn Trạng Thái (Khandhaparipākalakkhaṇā): Có sự già nua của Ngũ Uẩn đang hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, làm thành trạng thái.

2. Thôi Thúc Tử Vong Phận Sự (Maraṇūpanayanarasā): Có việc dắt dẫn cho vào đến sự cận tử, làm thành phận sự.

3. Nguy Hại Thanh Niên Thành Tựu (Yobbanavināsapaccupaṭṭhānā): Có thực tính hủy diệt chạn tuổi thanh xuân, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Sắc Pháp Thành Thục Nhân Cận (Paripaccamānarūpapadaṭṭhānā): Có Sắc Pháp đang chín muồi làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA TỬ VONG

1. Tử Vong Trạng Thái (Cutilakkhaṇaṃ): Có việc hiện bày chuyển di lìa khỏi kiếp sống, làm thành trạng thái.

2. Ly Khai Phận Sự (Viyogarasaṃ): Có việc cách ly xa lìa với vật hữu mạng và phi sinh mạng đã từng có hội kiến với nhau ở trong kiếp sống này, làm thành phận sự.

3. Bất Tại Thế Thành Tựu (Gativippavāsapaccupaṭṭhānaṃ): Có việc chuyển di lìa khỏi trú xứ cũ, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Danh Sắc Diệt Vong Nhân Cận (Paribhijjamānanāmarūpa padaṭṭhānaṃ): Có Danh Sắc đang diệt làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU SINH LÀM DUYÊN LÃO MẠI – TỬ VONG (JĀTIPACCAYĀ JARĀMARAṆA)

Lão Mại – Tử Vong trình bày theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng **(Abhidhammabhājanīyanaya)** thì chẳng có việc liệt kê Duyên để kể vào, vì lẽ Lão Mại cũng chính là sát na Trụ của Danh và Sắc; và Tử Vong thì cũng chính là sát na Diệt của Danh và Sắc tương tự như nhau. Còn trình bày theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng **(Suttantabhājanīyanaya)** thì có được liệt kê Duyên kể vào.

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Lão Mại – Tử Vong,** thì có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

+ Câu Chú Giải **Soka (Sầu Muộn): Socanaṃ = Soko** - Gọi tên sự đau thương buồn rầu là **Sầu Muộn.** Là Ưu Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân sinh khởi từ 5 thể loại **Điêu Tàn (Bayasana).** Một trường hợp khác nữa: **Socanti cittapariḷāhaṃ gacchanti etenāti = Soko** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường có sự sầu muộn thẩm thấu đến sự khốn khổ do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chủng làm Nhân từ nơi sự sầu muộn khốn khổ của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Sầu Muộn.** Là Ưu Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân.

Theo lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình có khởi sinh lên sự sầu muộn buồn lòng, cũng chính là thực tính của Sầu Muộn ấy vậy; và Sầu Muộn sẽ sinh khởi lên được cũng phải có nương vào tác nhân để làm cho khởi sinh; và tác nhân ấy cũng chính là năm thể loại Điêu Tàn, đó là:

1. Quyến Thuộc Điêu Tàn (Ñātibayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi quyến thuộc; tức là Mẹ, Cha, Anh Chị Em, Con Cháu, Chồng Vợ, Bạn Hữu tiêu tan, chết mất đi.

2. Tài Sản Điêu Tàn (Bhogabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ ở tài sản của cải, chức vụ, danh vị; chẳng hạn như bị tai họa do bởi lửa đốt cháy, đạo tặc trộm lấy, vua quan tịch thâu, nước cuốn trôi, bị tước khỏi chức vụ, quân hàm, v.v.

3. Bệnh Hoạn Điêu Tàn (Rogabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan do bởi bệnh tật; hoặc bị tai họa từ ở bệnh tật hành hạ bức hại.

4. Giới Hạnh Điêu Tàn (Sīlabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi Giới Luật, tức là bị khiếm khuyết về điều học đã nguyện thọ trì.

5. Tri Kiến Điêu Tàn (Diṭṭhibaysana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi kiến thức; tức là có tri kiến sai lầm khởi sinh lên đã làm cho tiêu tan hết Chánh Kiến.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SẦU MUỘN

1. Sầu Hoài Trạng Thái (Antonijjhānalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt ở nội tâm, hoặc có sự buồn bã, nóng nẩy ở trong lòng, làm thành trạng thái.

2. Sầu Khổ Phận Sự (Cetoparanijjhāyanaraso): Đã làm cho Tâm thường luôn nóng nẩy khổ sở, làm thành phận sự.

3. Sầu Trường Thành Tựu (Anusocanapaccupaṭṭhāno): Luôn có sự sầu muộn đi theo sự điêu tàn mình đã tiếp xúc, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Sân Khởi Sinh Nhân Cận (Dosacittuppādapadaṭṭhāno): Có Tâm Sân khởi sinh làm Nhân cận lân.

+ Câu Chú Giải **Parideva (Bi Ai): Paridevanaṃ = Paridevo** - Gọi tên sự khóc lóc thở than là **Bi Ai.** Một trường hợp khác nữa: **Taṃ taṃ pavattiṃ parikittetvā devanti kandanti etenāti = Paridevo** - Tất cả Chúng Hữu Tình than thở đến những sự kiện, thế rồi khóc lóc bởi do nương vào Pháp chủng ấy; chính vì thế gọi tên Pháp chủng làm Nhân từ nơi việc than thở để rồi khóc lóc của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Bi Ai.** Tức là **Sắc Tâm Thinh Điên Đảo (Cittajavippalāsasadda)** sinh khởi bởi có việc khóc lóc than thở do đã dựa vào bất luận một trong Ngũ Điêu Tàn làm Nhân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA BI AI

1. Bi Đề Trạng Thái (Lālappanalakkhaṇo): Có việc rên rĩ khóc than, làm thành trạng thái.

2. Phước Tội Bi Hoài Phận Sự (Guṇadosaparikittanaraso): Có việc khóc lóc đến những Ân Đức và Tội Lỗi, làm thành phận sự.

3. Hỗn Loạn Thành Tựu (Sambhamapaccupaṭṭhāno): Có Tâm rối loạn bất an, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Đại Hiển Nương Sinh Tâm Sân Nhân Cận (Dosacittajamahābhūtapadaṭṭhāno) : Có Sắc Đại Hiển sinh từ nơi Tâm Sân làm Nhân cận lân.

+ Câu Chú Giải **Dukkha (Khổ Đau): Dukhucchitaṃ hutvā kāyika sukhaṃ khaṇa tūti = Dukkhaṃ (vā) Dukkhamanti = Dukkhaṃ** - Pháp chủng nào thật đáng ghê tởm và hủy hoại đi sự an lạc về Thân (Thân Thọ Lạc); bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Khổ Đau.** (Hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình thường phải khó khổ để chịu đựng với cảm thọ nào; bởi do thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau.** Một trường hợp khác nữa: **Khamituṃ dukkarantaṃ = Dukkhaṃ** - Cảm thọ nào khó khổ để chịu đựng được, bởi do thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau.** Tức là Thân Khổ Thọ **(Kāyikadukkhavedanā).**

Sự Khổ Đau Có Chín Thể Loại, đó là:

1. Khổ Khổ (Dukkhadukkha): Sự khổ có thực tính là xác thực khổ; tức là Thân Khổ Thọ và Tâm Sở Khổ Thọ.

2. Biến Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha): Là **Thân Lạc Thọ (Kāyika sukhavedanā)** và Tâm Sở Lạc Thọ, bởi vì cả hai Lạc này làm Nhân cho Thân Khổ Thọ và Tâm Sở Khổ Thọ sinh khởi do nương vào sự huyễn biến dị thường.

3. Hành Khổ (Saṅkhāradukkha): Là Xả Thọ và Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần loại trừ ra Khổ Khổ và Biến Hoại Khổ; vì lẽ làm người bị hành hạ bức hại do bởi thường luôn có sự sinh diệt.

4. Ẩn Tàng Khổ (Paṭicchannadukkha) hoặc **Bất Hiện Khổ (Apākaṭadukkha):** Là nhức răng, nhức lỗ tai, nhức đầu, đau bụng v.v. và sự bất an trong lòng sinh khởi bởi do mãnh lực của ái luyến, sân hận v.v. Vì lẽ thể loại khổ đau này chỉ sẽ được biết, là phải do dựa vào việc thăm hỏi, và trạng thái hành hạ đấy lại chẳng có hiện bày.

5. Bất Ẩn Khổ (Appaṭicchannadukkha) hoặc **Hiển Hiện Khổ (Pākaṭadukkha):** Là sự đau đớn phát sinh từ những thương tích, và sự khổ đau về Thân hữu quan sự hành hạ ở 32 thể loại **Hình Phạt (Kammakaraṇa).** Vì lẽ thể loại khổ đau này được rõ biết mà chẳng cần phải có việc hỏi thăm; vả lại trạng thái hành hạ bức hại đấy cũng có được hiện bày rõ ràng.

6. Biểu Hiện Khổ (Pariyāyadukkha): Là Biến Hoại Khổ và Hành Khổ; vì lẽ thể loại khổ đau này chẳng phải trực tiếp tự hình thành khổ, mà là phát sinh từ những khổ đau khác khác nữa (còn gọi là Ảnh Hưởng Khổ).

7. Bất Dị Biệt Khổ (Nippariyāyadukkha): Là sự khổ đau, ưu thọ, sự buồn rầu, đều được gọi là Khổ Khổ ấy vậy.

8. Thân Khổ Thọ (Kāyikadukkha): Là sự khổ đau phát sinh từ ở sắc thân, có nhức răng, đau bụng, nhức đầu, và những thương tích v.v.

9. Tâm Sở Khổ (Cetasikadukkha): Là sự khổ đau phát sinh từ ở Lộ Ý Môn, có sự khổ tâm, sự buồn lòng, sợ hãi, sân hận, v.v.

Và trong Liên Quan Tương Sinh, từ ngữ **Dukkha (Khổ Đau)** tức là **Thân Khổ Thọ.**

VIỆC HÌNH PHẠT (KAMMAKARAṆA) VỚI 32 THỂ LOẠI ĐÃ LÀM PHÁT SINH THÂN KHỔ THỌ, Đó Là:

1/. Đánh đập với cây mây gai. 2/. Đánh đập với cây mây mà không có gai. 3/. Đánh đập với cây búa. 4/. Chặt tay. 5/. Chặt chân. 6/. Chặt cả tay và chân. 7/. Cắt lỗ tai. 8/. Cắt lỗ mũi. 9/. Cắt cả lỗ tai và lỗ mũi. 10/. Lột da đầu rồi lấy cục sắt cháy đỏ ấn gí vào. 11/. Giật tóc cho sút khỏi đầu. 12/. Lấy thanh sắt banh miệng ra rồi lấy lửa châm vào miệng. 13/. Lấy vải nhúng dầu quấn bó thân người rồi châm lửa vào vải. 14/. Lấy vải nhúng dầu quấn bó tay lại rồi châm lửa ví như ngọn đuốc. 15/. Lột da kể từ cổ cho đến hông. 16/. Lột da kể từ cổ cho đến tay. 17/. Lấy dây xích trói thúc ké hai phía khuỷu tay và hai phía đầu gối cho dính vào nhau, rồi dùng mũi sắt nhọn đâm thẳng xuống và lấy lửa thiêu đốt. 18/. Dùng lưỡi câu móc dính thịt rồi giật mạnh cho thịt sút sổ ra. 19/. Lấy rìu lưỡi vòm chặt thịt cho rớt ra thành từng mảnh, từng mảnh. 20/. Đánh đập khắp cả châu thân rồi dùng nước muối acide (cường toan) rưới cho thịt sút sổ ra. 21/. Cho nằm nghiêng rồi lấy thanh sắt đâm cho thủng lỗ tai giữ lấy, rồi nắm lấy chân xoay vòng tròn. 22/. Lấy cục đá đánh đập khắp cả châu thân cho xương cốt bể vụn ra, rồi nắm lấy cho cuộn tròn bó lại thành từng cục, từng cục. 23/. Lấy dầu sôi rưới khắp cả châu thân. 24/. Cho nhịn đói 2 – 3 ngày rồi lấy vật thực của chó cho ăn. 25/. Lấy thanh sắt nhọn chọc thủng kể từ đầu suốt đến hậu môn. 26/. Dùng thanh kiếm chặt đầu. 27/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên phải. 28/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên trái. 29/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên phải. 30/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên trái. 31/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bộ ngực. 32/. Lấy búa rìu và bàn tay vạc đẽo thân xác.

(Trích trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh, quyển 14 / điều 510)

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU

1. Áp Bức Thân Trạng Thái (Kāyapīḷanalakkhaṇaṃ): Có việc hành hạ bức hại sắc thân, làm thành trạng thái.

2. Thiểu Trí Phát Sân Phận Sự (Duppaññānaṃ domanassakaraṇarasaṃ): Làm Nhân cho phát sinh sự sân hận, sự khổ tâm buồn phiền, khởi sinh lên đối với người thiểu trí, làm thành phận sự.

3. Thân Bệnh Hoạn Thành Tựu (Kāyikābādhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự ốm đau bệnh hoạn về Thân, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Thân Thanh Triệt Nhân Cận (Kāyapasādapadaṭṭhānaṃ): Có Thân Thanh Triệt làm Nhân cận lân.

Sự Khổ Thân đây là sự khổ đau đặc biệt, bởi vì vừa hành hạ bức hại sắc thân rồi vẫn còn hành hạ ưu não nội tâm nữa. Tức là một khi sắc thân đã bất an rồi, thì sự bất an này thường làm cho người ấy phát sinh sự khổ tâm buồn phiền.

Với lý do này, Đại Giáo Thọ Sư **Mahābuddhaghosācāriya** mới trình bày để trong Bộ Chú Giải Phân Tích Đế **(Saccavibhaṅga Atthakathā)** và Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo rằng:

Pīḷeti kāyikamidaṃ Dukkhañca mānasaṃ bhiyyo
Janayati yasmā tasmā Dukkhanti visesato vuttaṃ

Khổ Thân thường hành hạ bức hại đến người đang thọ lãnh sự khổ đau đây, và có khả năng làm cho Khổ Tâm sinh khởi lên rất nhiều. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý nói rằng **là khổ đặc biệt.**

+ Câu Chú Giải **Domanassa (Ưu Thọ): Domanassa bhāvo = Domanassaṃ** - Thực tính làm Nhân cho thành người có lòng dạ không tốt, gọi tên là **Ưu Thọ.** Là Tâm Sở Khổ Thọ, là Khổ Tâm. Sự Ưu Thọ một khi đã sinh khởi đối với người nào rồi, đã làm cho người ấy có tâm thức bực bội, khó chịu, có cử chỉ hành động khác thường cả về Thân lẫn về Lời. Và sự Ưu Thọ này thường làm Nhân cho Thân Khổ Thọ sinh khởi đối với tự ngã và tha nhân; chẳng hạn như khi Ưu Thọ đã sinh khởi lên rồi thì có một vài người biểu lộ hành động đấm ngực, thoi bụng, bứt tóc cũng có; hoặc ngã lưng xuống đất rồi giãy giụa lăn lộn cũng có. Một vài người đi đến việc tự sát với nhiều phương cách khác nhau; và một vài người đi hành hung, đả thương người khác cho phải đón nhận sự khổ đau về Thân, hoặc cho đến cả sinh mạng cũng có. Tác nhân sẽ làm cho sinh khởi sự Ưu Thọ thì có rất nhiều trường hợp; thế nhưng chỉ nói riêng về phần hữu quan ở hai thể loại - một là việc xa lìa sự vật mà ta yêu thương vui thích, và hai là việc phải tiếp xúc với sự vật mà ta không vừa lòng duyệt ý; với cả hai thể loại này thì đa phần đã làm cho phát sinh sự Ưu Thọ.

Với lý do này Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết nhắc nhở đến tất cả hàng đồ chúng Phật Tử hữu quan với sự kiện Khổ Tâm này để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh rằng:

Mā piyehi samāgañchi Appiyehi kudācanaṃ
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ Appiyānañca dassanaṃ
Chớ gần gũi người yêu Trọn đời xa kẻ ghét

Yêu không gặp là khổ **Oán phải gặp cũng đau.**

Chớ có ở chung với người mà Ta đã yêu thương, và cũng chớ ở chung với kẻ mà Ta chẳng có yêu thương (vì lẽ) việc không được diện hội với người mà Ta đã yêu thương, và lại diện ngộ với kẻ mà Ta chẳng yêu thương, tất cả đều là khổ đau hết cả. [Không nên ràng buộc vào những gì thân yêu. Không bao giờ tự ràng buộc vào những gì không thân. Không gặp những gì mình thân yêu và gặp những gì mình không thân yêu, cả hai (trường hợp đều đau khổ]. (Pháp Cú 210).

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA ƯU THỌ

1. Áp Bức Tâm Trạng Thái (Cittapīḷanalakkhaṇaṃ): Có việc hành hạ bức hại tâm thức, làm thành trạng thái.

2. Tàn Sát Tâm Phận Sự (Manovighātarasaṃ): Có việc thi dĩ khốc hình tâm thức, làm thành phận sự.

3. Bất An Tâm Thành Tựu (Mānasabbādhipaccupaṭṭhānaṃ): Có sự bất an ở trong lòng, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhānaṃ): Có Sắc Tâm Cơ làm Nhân cận lân.

+ Câu Chú Giải **Upāyāsa (Não Hại): Bhuso āyāsanaṃ = Upāyāso** - Gọi tên sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng là **Não Hại.** Là Tâm Sở Sân sinh khởi bởi do dựa vào một trong Ngũ Điêu Tàn.

Từ ngữ **Upāyāsa (Não Hại)** đây, khi chiết tự ra có được là **Upa + Āyāsa, Upa:** một cách nặng nề, nghiêm trọng; **Āyāsa:** sự gian nan vất vả. Khi kết hợp vào nhau gọi là **Upāyāsa (Não Hại)** dịch nghĩa **Sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng.**

Thực tính của Não Hại là sự buồn lòng cùng cực bi thảm, được nối tiếp từ sự **Sầu Muộn (Soka).** Khi năng lực Sầu Muộn đã phát khởi mạnh mẽ, thì lên đến giai đoạn Bi Ai; nối tiếp từ Bi Ai thì lên đến giai đoạn Não Hại, và ấy là cùng tột của sự sầu thảm; đã làm cho người đang cảm thọ đấy có tâm thức khô cứng ngay tức thì, và không còn có khả năng để sẽ chống đỡ với thể loại cảm thọ ấy được; chỉ còn cách ngồi lặng thinh chết điếng, nói cũng không được, và rồi khóc khô không lệ. Có đôi khi đi đến trạng thái bất tỉnh nhân sự; hoặc trở thành người mất trí đi rồi; hoặc có thể đi đến tự hủy diệt sinh mệnh của mình. Phần nhiều đã phát sinh với người đang phải tiếp xúc bất luận một trong Ngũ Điêu Tàn, bởi do việc nghĩ tưởng chẳng hạn như người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, hoặc Con Cháu đã vừa quá vãng ngay trong hiện tại này; hoặc là của cải tài sản đã phải bị mất mát cùng kiệt, do bởi tai họa lửa đốt cháy, đạo tặc trộm lấy, bị nước cuốn trôi, hoặc bị lường gạt v.v. hoặc do bởi tai họa bệnh hoạn hết đường chạy chữa v.v. Với những thể loại này đã làm cho người ấy ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; và đích thị chính thể loại thực tính này được gọi tên **Não Hại.**

Như Đức Thế Tôn đã lập ý truyền dạy để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Bộ Đại Xiển Minh **(Mahāniddesa)** rằng:

Tassa ce kāmayānassa Chandajātassa jantuno
Te kāmā parihāyanti Sallaviddhova ruppati

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: Người đi với phương tiện giao thông - đấy chính là Cảnh Dục Trần đang hiện hữu - một cách mảng vui hớn hở và có cảm thọ đắm nhiễm ái luyến trong những thể loại Cảnh Dục Trần ấy. Nếu như những thể loại Cảnh Dục Trần ấy phải bị mất đi; một khi đã là như vậy, thì người đang đắm đuối mảng vui ấy, ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; rúng động vùng vẫy đi theo những thực tính từ nơi sầu muộn, bi ai, não hại; tương tự như loài nai bị trúng tên ngã xuống giẫy giụa vùng vẫy khi sắp phải tử vong như thế ấy.

Sự Khác Biệt Giữa Sầu Muộn, Bi Ai Và Não Hại

Sầu Muộn sự sầu thảm, và ấy chính là **Ưu Thọ (Domanassavedanā). Bi Ai** sự khóc lóc thở than, và ấy chính là Sắc Tâm Thinh Điên Đảo phát sinh từ nơi Tâm Khởi Sinh Căn Sân **(Dosamūlacittuppāda).** Và **Não Hại** sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng, hoặc sự vất vả khốn khổ trong lòng, và ấy chính là cái Tâm Sở Sân. Cả ba thể loại này, nếu sẽ đề cập đến điều tỷ dụ để so sánh, thì cũng được ví với dầu ở trong chảo rán đặt trên bếp lửa. Khi bị đun cháy thì dầu bắt đầu nóng lên từ từ. Khi sự nóng ấy lên đến cùng tột rồi, thì dầu cũng sôi sùng sục lên. Khi để sôi một lúc lâu thì sự nóng sôi ấy cũng từ từ hiện khởi nhiều thêm lên; và cho đến cùng cực vượt quá hạn độ, thì lúc bấy giờ đã có khói hiện khởi lên rồi. Tiếp nối từ nơi ấy, thì dầu cũng dần dần bốc hơi và vơi cạn xuống, cho đến khô mất đi. Điều này như thế nào, thì **Sầu Muộn** cũng được ví với sự nóng của dầu khi mới bắt đầu nóng lên; **Bi Ai** được ví với dầu đang sôi sùng sục; **Não Hại** được ví với dầu đã nóng vượt quá hạn độ rồi từ từ vơi cạn xuống cho đến khô mất đi.

Ứng hợp với **Đại Giáo Thọ Sư Mahābuddhaghosācāriya** đã trình bày để trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo cũng trong một phương thức như sau:

Bhāj ananto telapāko Uttaritvā ca nikkhamo
Sesassa khayapākoti Imehete tayosamā

Dịch nghĩa: Cả ba Sầu Muộn, Bi Ai và Não Hại đây cũng tương tự với sự hiện hành của dầu ở ba giai đoạn, có như vầy: giai đoạn một là dầu nóng lên ở trong nồi gốm, giai đoạn hai là dầu sôi sùng sục lên, nối tiếp từ nơi ấy đến giai đoạn ba là dầu còn lại dư sót ấy nóng cho đến cạn khô đi.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA NÃO HẠI

1. Thiêu Hủy Tâm Trạng Thái (Cittaparidayhanalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt tâm thức một cách nặng nề, làm thành trạng thái.

2. Di Thất Tâm Phận Sự (Nitthunanaraso): Có việc ruồng rẫy tâm thức, làm thành phận sự.

3. Đoản Khuyết Thành Tựu (Visādapaccupaṭṭhāno): Thân và Tâm hụt hẫng năng lực, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhāno): Có Sắc Tâm Cơ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN TRONG CÂU SINH LÀM DUYÊN SẦU MUỘN, BI AI, KHỔ ĐAU, ƯU THỌ, NÃO HẠI KHỞI SINH (JĀTIPACCAYĀ SOKAPARIDEVADUKKHA DOMANASSUPĀYĀSĀ SAMBHAVANTI)

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại này đây, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh tử luân hồi ở trong thế gian này, ấy cũng chính là việc luân chuyển tuần hoàn của bánh xe Luân Hồi, đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh, có Vô Minh v.v. đấy vậy. Thế nhưng tất cả Chúng Hữu Tình đa phần chẳng có được liễu tri đến sự hiện hành từ ở thể thức sinh hoạt như vậy, và chỉ có một việc là chấp thủ vào **Tục Đế (Sammutisacca)** ngần ấy thôi; tức là người ấy đã chết, người này sinh ra, tôi trông thấy, tôi đã được nghe v.v. chỉ gồm có bấy nhiêu. Mà một khi nói theo chân như thực tính rồi, thì người ấy người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân v.v. những thể loại này thì quả thực không có; và chỉ có Pháp làm tác nhân, làm thành quả báo nối tiếp nhau sinh khởi không gián đoạn. Hơn thế nữa, những thể loại Pháp này đều toàn là một khối Khổ Uẩn hết cả thảy. Vả lại, sự sinh khởi từ ở toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy đều giả định với nhau rằng là người ấy, người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân; mà những thể loại này thì cũng chẳng có bất luận một người nào là Đấng Kiến Tạo lên cả. Việc sinh khởi của những thể loại Pháp này cũng do nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. ấy vậy. Chính vì thế, Đức Thế Tôn mới lập ý truyền dạy rằng **Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ Uẩn; có nghĩa là sự sinh khởi từ ở toàn bộ khối Khổ Uẩn này, đích thị chính là do bởi nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. như đã vừa được đề cập đến ở tại đây.

Khi thẩm sát theo Pháp Liên Quan Tương Sinh rồi, thì cũng nhận thấy được rằng tất cả những vật hữu sinh mạng, có Hữu Tình, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; ở những thể loại này hiện khởi lên được, đích thị cũng do nương vào Vô Minh chính là cái tác nhân tiên khởi vậy. Còn Hành v.v. sinh khởi nương từ nơi Vô Minh thêm một lần nữa, chẳng phải ngay chính cái tác nhân tiên khởi. Và nếu giả như bên phía nào Vô Minh vẫn còn hiện hữu, thì việc sinh việc tử của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng vô cùng tận ở bên phía ấy. Đến khi nào đã sát trừ được Vô Minh cho tiệt diệt đi rồi, thế thì Hành v.v. cũng cùng được diệt tận hết cả. Có nghĩa là việc sinh, lão, bệnh, tử của tất cả Chúng Hữu Tình cũng coi như là chấm dứt.

Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo **Phần Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanā)** như vầy: **Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāra nirodho, saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho, viññāṇanirodhā nāmanirodho, nāmarūpa nirodhā saḷāyatananirodho, saḷāyatananirodhā phassanirodho, phassaniro dhā vedanānirodho, vedanānirodhā taṇhānirodho, taṇhānirodhā upādāna nirodho, upādānanirodhā bhavanirodho, bhavanirodhā jātinirodho. Jātinirodhā jarāmaraṇa sokaparidevadukkhamanassupāyāsā nirujjhanti evametassa kevalassa dukkha khandhassa nirodho hoti** - Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt, Hành tiệt diệt thì Thức diệt, Thức tiệt diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc tiệt diệt thì Lục Xứ diệt, Lục Xứ tiệt diệt thì Xúc diệt, Xúc tiệt diệt thì Thọ diệt, Thọ tiệt diệt thì Ái Dục diệt, Ái Dục tiệt diệt thì Chấp Thủ diệt, Chấp Thủ tiệt diệt thì Hữu diệt, Hữu tiệt diệt thì Sinh diệt, Sinh tiệt diệt thì Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Não Hại cũng cùng diệt. Tính cách diệt tắt toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy, là theo bởi duyên cớ như vầy.

Có nghĩa là:

1/. Bởi do việc tiệt diệt từ **Vô Minh** không còn dư sót, và chính do mãnh lực Vô Minh gọi tên **Vô Tính Dục (Virāga)** ấy vậy, **Hành** tức là Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mới được diệt mất.

2/. Bởi do tiệt diệt từ **Hành, Thức** là **Thức Nghiệp Lực (Kamma viññāṇa)** trong các Hữu trước trước, và **Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa)** trong Hữu này, mới diệt mất.

3/. Bởi do tiệt diệt từ **Thức, Danh Sắc** là Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực mới diệt mất.

4/. Bởi do tiệt diệt từ **Danh Sắc, Lục Xứ** là Lục Nội Bộ Xứ mới diệt mất.

5/. Bởi do tiệt diệt từ **Lục Xứ, Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. mới diệt mất.

6/. Bởi do tiệt diệt từ **Xúc, Thọ** có Nhãn Phủ Xúc Thọ v.v. mới diệt mất.

7/. Bởi do tiệt diệt từ **Thọ,** 6 hoặc 108 **Ái Dục** có Sắc Ái Dục v.v. mới diệt mất.

8/. Bởi do tiệt diệt từ **Ái Dục, Tứ Chấp Thủ** có Dục Chấp Thủ v.v. mới diệt mất.

9/. Bởi do tiệt diệt từ **Chấp Thủ, Hữu** là Nghiệp Hữu và Sinh Hữu mới diệt mất.

10/. Bởi do tiệt diệt từ **Hữu, Sinh** là sự sinh khởi từ Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp mới diệt mất.

11/. Bởi do tiệt diệt từ **Sinh, Lão Mại** sự già nua, **Tử Vong** sự chết chóc, **Sầu Muộn** sự sầu thảm, **Bi Ai** sự khóc lóc thở than, **Khổ Đau** sự Khổ Thân, **Ưu Thọ** sự Khổ Tâm, **Não Hại** sự vất vả khốn khổ ở trong lòng, mới diệt mất.

Sự tiệt diệt từ ở toàn bộ khối Khổ Uẩn thường được hiện hành như đã vừa đề cập đến tại đây. Trong Liên Quan Tương Sinh theo **Phần Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanā)** thì điều quan trọng chánh yếu, đó chính là việc tiệt diệt của Vô Minh ấy vậy. Còn việc diệt mất của Hành v.v. một khi Vô Minh đã diệt đi rồi thì những thể loại Hành v.v. đây, thường cũng cùng nhau đồng diệt mất; chẳng phải diệt đi theo thứ tự ở từng mỗi thể loại; ấy là điều rất khác biệt trong **Phần Thuận Thuyết (Anulomadesanā).** Tỷ dụ như mầm hạt giống nếu đã được ươm trồng rồi, kết quả là thân cây cũng được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, cành nhánh cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cành nhánh rồi, cuống và lá cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cuống và lá rồi, bông hoa cũng được hiện khởi lên. Khi đã có bông hoa rồi, trái quả

cũng được hiện khởi lên. Khi đã có trái quả rồi, hạt giống cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có hạt giống rồi, thân cây cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, cành nhánh cũng lại được hiện khởi lên; đã làm thành nhân thành quả với nhau một cách đặc biệt thường luôn luân chuyển không gián đoạn; cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Thuận Thuyết có **Avijjāpaccayā saṅkhārā (Vô Minh làm duyên Hành)** v.v. Thế nhưng, nếu giả như lấy mầm hạt giống ấy đem thiêu hủy đi rồi, thì thân cây cũng không thể hiện khởi lên được. Khi thân cây không được sinh khởi thì cành nhánh cũng không được sinh khởi. Khi cành nhánh không được sinh khởi thì cuống và lá cũng không được sinh khởi. Khi cuống và lá không được sinh khởi thì bông hoa cũng không được sinh khởi. Khi bông hoa không được sinh khởi thì trái quả cũng không được sinh khởi. Khi trái quả không được sinh khởi thì hạt giống cũng không được sinh khởi. Khi hạt giống không được sinh khởi thì thân cây cũng không được sinh khởi. Tuy nhiên trong việc trình bày Nhân Quả theo đường lối của việc không được sinh khởi đây; đã đề cập đi theo thứ tự như vậy, cũng chỉ là việc trình bày theo cách thức của thành ngữ văn chương thôi. Chứ sự thật ra, một khi đã hủy diệt mầm hạt giống cho mất đi rồi; thì thân cây, cành nhánh, cuống, lá, bông hoa, trái quả, hạt giống; với những thể loại này cũng không thể sinh với nhau được; thì cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có **Avijjāya tveva asesa virāganirodhā saṅkhāranirodho** v.v. **Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt,** v.v.

Chỗ nói rằng sự tiệt diệt từ Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy; tuy nhiên cũng vẫn còn Hữu Dư Y Níp Bàn; tức là Ngũ Uẩn vẫn đang còn dư sót hiện hữu. Và Hữu Dư Y Níp Bàn này tiếp nối cũng sẽ là Vô Dư Y Níp Bàn, tức là diệt mất Dị Thục Quả từ nơi Ngũ Uẩn do bởi không còn tái sinh lại nữa; và chính vì thế mới không có được hết tất cả các Bậc đều đã có sự liễu tri trong thực tính của Níp Bàn một cách chân chánh. Theo đại đa số thì liễu tri rằng Bậc đã được thụ hưởng sự an lạc trong Vô Dư Y Níp Bàn, cũng vẫn còn tự ngã có người đang thụ hưởng; tuy nhiên Bậc ấy đã không còn việc sinh lão bệnh tử; và đã vượt thoát ra khỏi toàn bộ Khổ Uẩn. Mà sự thật ấy là Vô Dư Y Níp Bàn đây, thì chẳng còn có tự ngã, tôi, anh, bất luận thể nào cả; tức là việc diệt tắt việc sinh khởi từ nơi Ngũ Uẩn một cách hoàn toàn, và không còn có việc tái sinh mới lại nữa; cũng ví như ngọn lửa đã diệt tắt như thế nào thì tất cả các Bậc Vô Sinh cũng chứng đạt đến Vô Dư Y Níp Bàn như thế ấy.

Trong sự kiện Níp Bàn đây, Đại Phạm Thiên có danh xưng Phạm Thiên **Baka** khi đã được lắng nghe thực tính sự hiện hành của Níp Bàn mà Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày rồi, không chịu được lặng thinh mới vụt thốt lên rằng: **Tucchakaññeva ahosi rittakaññeva ahosi niratthakaññeva ahosi** - Kính bạch Sa Môn **Gotama**...Níp Bàn của Ngài là rỗng không, rỗng tuếch, không có cái chi cả, quả thật vô ích. Ở sự kiện này, người trình bày cũng chính là Bậc Chánh Đẳng Giác, và người lắng nghe cũng chẳng phải là hạng bình thường, đến cả Bậc Đại Phạm Thiên; ấy thế mà cũng vẫn không có sự hoan hỷ duyệt ý trong thực tính sự an lạc của Níp Bàn chẳng có dính líu với bất luận một thể loại nào của Danh Sắc Ngũ Uẩn. Với lý do này, một vài Bậc Thầy Tế Độ, Giáo Thọ Sư và Thuyết Pháp Giả, là những Bậc vẫn chưa có sự hiểu biết vừa đủ trong sự kiện an lạc của Níp Bàn mới có quan điểm rằng "Bậc đã chứng đạt đến Níp Bàn rồi, thì cho dù sẽ không còn có Danh Sắc Ngũ Uẩn

đi nữa, thế nhưng cũng vẫn có thực tính đặc biệt ngoài ra Danh Sắc Ngũ Uẩn, đặng làm thành người đang thụ hưởng. Vả lại thực tính đặc biệt này không có việc sinh lão bệnh tử, vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Khổ Uẩn, là sự an lạc tuyệt đối." Một khi đã có quan điểm như vậy, mới cố gắng giải thích, và đã hướng dẫn đến với những môn đồ đệ tử của mình, chí đến tất cả những người có sự lưu tâm để ý trong Giáo Pháp cho được am hiểu đến sự kiện thể loại Níp Bàn mới mẻ mà mình đã kiến lập lên. Thế rồi những hạng người đấy đã được lắng nghe, lại hiểu biết rằng "sự thật là thế đấy", và đã rủ nhau lầm tin vào tri kiến sai trật ấy vậy. Lại nữa, khi đề cập đến tính nết tập khí của hai nhóm người; tức là một nhóm người phối hợp với **Tố Chất Ly Dục Trần (Nekkhammadhātu),** và một nhóm người lại phối hợp với **Ái Dục (Taṇhā),** thì ắt hẳn có sự cảm thọ ở trong tâm thức khác biệt nhau. Sẽ đề cập đến là người mà phối hợp với **Tố Chất Ly Dục Trần** thì thường có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong sự tỉnh lặng đoạn lưu những cảnh Phiền Não. Còn người mà phối hợp với **Ái Dục** thì thường hân hoan duyệt ý ở trong sự nô đùa vui thích, đều toàn là Phiền Não hết cả. Sẽ nêu lên thí dụ điển hình trình bày cho nhận thấy sự khác biệt nhau từ ở tâm thức của hai nhóm người này; chẳng hạn như tất cả các Bậc Bất Lai và các Bậc Vô Sinh một khi được lắng nghe người nói rằng ở trong rừng già ấy, hang động ấy, núi đồi ấy là trú xứ tịch mịch xa lánh quần thể nhân loại, có cây cối thoáng mát, nước sông đầy đủ; như vậy rồi cũng có cảm thọ duyệt ý nhu thiết đi đến nương náu trú xứ như thế. Và khi đã được nương trú rồi, thì cũng không còn mong muốn để quay trở lại sống hòa lẫn với quần thể nhân loại được nữa. Còn đối với tất cả nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè, khi được lắng nghe như vậy thì cho dù bất luận trường hợp nào đi nữa, cũng cảm thấy không có sự duyệt ý; nghĩ suy rằng trú xứ như thế sẽ có sự an lạc như thể nào được, chỉ có sự đáng ghê sợ, và đáng chán ngán. Ấy thế mà, nếu giả như có người đến bảo rằng chỗ này chỗ nọ là trú xứ có rất nhiều chuyện nô đùa vui thích, có đại hý viện vui chơi rầm rộ, có đầy đủ các cửa hàng bán rượu và vật thực; như vậy rồi, nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè khi đã được nghe như thế, liền cảm thấy nôn nóng muốn cấp tốc để đi đến nơi ấy ngay thôi. Và khi đã đến nơi ấy rồi, cứ mảng vui chơi và chẳng muốn trở về. Còn Bậc Bất Lai và Bậc Vô Sinh, khi đã được nghe như vậy liền cảm thấy bi mẫn thương xót, chẳng phát sinh sự hoan hỷ duyệt ý dù chỉ là chút ít. Sự việc như vậy, cũng do bởi trong đặc tính bản chất của các Bậc Bất Lai và Vô Sinh đây đã có **Tố Chất Ly Dục Trần** đang chủ quản. Một khi đã được lắng nghe sự kiện sự an lạc thì đã lắng nghe với **Tố Chất Ly Dục Trần.** Nếu giả như sự kiện an lạc chẳng có liên quan với Ái Dục, thì ấy là sự tịnh lạc hoan hỷ để được lắng nghe. Nếu như sự kiện ấy lại dính líu với **Ái Dục** rồi, thì chẳng có hoan hỷ để lắng nghe, lòng cảm thấy thản nhiên và đã trông thấy điều tác nghiệt tội lỗi. Còn nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè thì trái ngược lại, chỉ một lòng ưa thích được lắng nghe sự kiện an lạc liên quan với **Tham Ái** thôi. Nếu đã là sự kiện tịnh lạc, xa lìa khỏi **Ái Dục** thì chẳng hoan hỷ để lắng nghe.

Đối với Níp Bàn, ấy chính là **Tố Chất Không Hư (Suññatadhātu)** tĩnh trạng tuyệt đối, và xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn; bởi do thế Bậc sẽ được lắng nghe sự kiện Níp Bàn thì cần phải lắng nghe với **Tố Chất Ly Dục Trần;** mới sẽ kiến tịnh được sự an lạc. Còn nếu như lắng nghe với Ái Dục thì ắt hẳn chẳng thấy được sự an lạc, mà trái lại nhận thấy rằng đấy là điều vô ích chẳng đáng tầm cầu, tương tự với quan điểm của Đại Phạm Thiên **Baka** ấy vậy.

PHƯƠNG THỨC VIỆC THUYẾT GIẢNG

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Đức Chánh Đẳng Giác để trong Tương Ưng Bộ Kinh, đã có phân loại với bốn phương thức ở việc trình bày. Bốn phương thức ấy là:

1/. Trình bày từ đầu đi đến cuối: Tức là kể từ Vô Minh đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi **Tự Thủy Chí Chung Thuận Thuyết (Ādipariyosāna anulomadesanā).**

2/. Trình bày từ giữa đi đến cuối: Tức là kể từ Thọ đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Trung Chí Chung Thuận Thuyết (Majjhimapari yosānaanulomadesanā).**

3/. Trình bày từ cuối đi đến đầu: Tức là kể từ Lão Mại – Tử Vong đi thụt lùi lại tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Pariyosanaādipaṭilomadesanā);** chẳng hạn như **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ, bhavapacca yā jāti v.v. avijjāpaccayā saṅkhārā** - Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong; Hữu làm duyên Sinh v.v. Vô Minh làm duyên Hành.

4/. Trình bày từ giữa đi đến đầu: Tức là kể từ Ái Dục đi thụt lùi tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaādi paṭilomadesanā);** chẳng hạn như **Ime ca bhikkhave cattāro āhārā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Ime cattāro āhārā taṇhānidānā taṇhāsamudayā taṇhāj ātikā taṇhāpabhavā. Taṇhā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Vedanānidānā vedanā samudayā vedanājātikā vedanāpabhavā v.v. Saṅkhārā kiṃni dānā kiṃ samudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Avijjānidānā avijjāsamudayā avijjā jātikā avijjāpabhavā - Dịch nghĩa:** Này Chư Tỳ Khưu, cả Tứ Vật Thực này có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? Giải đáp rằng: Cả Tứ Vật Thực này có Ái Dục làm căn nguyên, có Ái Dục làm xuất sinh, có Ái Dục làm Nhân cho sinh khởi, có Ái Dục làm cái Nhân tiên khởi. Ái Dục đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? Giải đáp rằng: Ái Dục đây có Thọ làm căn nguyên, có Thọ làm xuất sinh, có Thọ làm Nhân cho sinh khởi, có Thọ làm cái Nhân tiên khởi.

Hành đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? Giải đáp rằng: Hành đây có Vô Minh làm căn nguyên, có Vô Minh làm xuất sinh, có Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi, có Vô Minh làm cái Nhân tiên khởi...v.v. Và như vậy gọi là **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaādipaṭilomadesanā).**

NHỮNG LỢI ÍCH ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TỪ VIỆC THUYẾT GIẢNG THỂ THEO CẢ TỨ PHƯƠNG THỨC

1. Việc trình bày thể theo **Tự Thủy Chí Trung Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích trong việc giải thích đến những người bất liễu tri, không hiểu biết trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, đã phê phán sai lầm với những sai biệt, đã phán quyết rằng không có cái chi làm tác nhân cho sinh khởi; và để cho hiểu biết rằng việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, (1) ắt hẳn là phải nương theo tác nhân riêng biệt của từng mỗi người, (2) và để cho thấu hiểu việc sinh khởi của những thể loại tác nhân này, rằng là sinh khởi hiện hành theo thứ tự.

2. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích đối với một vài nhóm người chẳng tin rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi, thế rồi sẽ lại phải đi tái sinh trong Hữu vị lai nữa. Những hạng người này sẽ được nhận thức đến 5 Nhân Duyên, đó là **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh** và **Hành** là chỗ nương náu, là sinh trú đối với mình. Và một khi đã có tác nhân hiện tại rồi, thì nhất định sẽ phải có quả báo trong thời vị lai. Và quả báo ấy chính là **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ;** và được gọi là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

3. Việc trình bày thể theo **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho tất cả mọi người được trông thấy Pháp làm tác nhân của sự khổ đau; đi theo thứ tự kể từ Sinh v.v. cho đến Vô Minh. Là để cho hiểu biết rằng sự khổ đau có Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Não Hại mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải đón nhận từng mỗi ngày đây, hiện khởi lên được cũng do nương vào **Sinh** làm Nhân. Nếu đã không có Sinh rồi, thì những thể loại khổ đau này cũng không sinh khởi lên được. Một khi đã trông thấy Sinh rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Sinh được sinh khởi, ấy là **Nghiệp Hữu.** Một khi đã trông thấy Nghiệp Hữu rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Nghiệp Hữu được sinh khởi, ấy là **Chấp Thủ;** để cho được trông thấy tác nhân nối tiếp đi theo thứ tự từng bậc cho đến **Vô Minh.** Một khi đã trông thấy Vô Minh rồi, thì cũng sẽ được hiểu biết rằng đích thị chính Vô Minh này là chủ vị của tất cả mọi tác nhân.

4. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho hiểu biết đến Nhân Quả theo thứ tự làm chỗ xuất sinh xứ của cả Tứ Vật Thực được coi như là người dẫn dắt của tất cả Chúng Hữu Tình; kể từ Hữu Quá Khứ cho đến Hữu Hiện Tại. Tức là: (1) Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có được tồn tại, tăng trưởng to lớn lên được, là cũng bởi do nương vào những Vật Thực làm thành người dẫn dắt. (2) Tất cả Chúng Hữu Tình có sự cảm thọ an lạc, khổ đau, thản nhiên, là cũng bởi do nương vào Xúc, là việc tiếp xúc giữa Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý với Lục Cảnh. (3) Tất cả Chúng Hữu Tình hành động tạo tác ở cả Thiện Hạnh và Bất Thiện Hạnh, là cũng bởi do nương vào Tư Tâm Sở làm người thúc đẩy dẫn dắt.

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tâm Cơ, Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính và việc tiếp xúc Cảnh, việc thụ hưởng Cảnh, việc ghi nhớ Cảnh v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Tái sinh làm người dẫn dắt. Đối với trong Thời Chuyển Khởi, sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự chấp ngã, sự thấy sai, sự đố kỵ ganh tỵ v.v hoặc sự sùng tín, sự hiểu biết, sự bi mẫn, sự tưởng nhớ v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Thức Chuyển Khởi làm người dẫn dắt.

Cả Tứ Vật Thực - làm người dẫn dắt tất cả Chúng Hữu Tình cho sinh khởi lên và được tồn tại, tạo tác biết bao hành động suốt trọn cả kiếp sống - sẽ được sinh khởi lên, cũng do nương vào Ái Dục làm Nhân. Ái Dục sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Thọ làm Nhân. Thọ sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Xúc làm Nhân. Xúc sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Lục Xứ làm Nhân. Lục Xứ sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Danh Sắc làm Nhân. Danh Sắc sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Thức làm Nhân. Thức sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Hành làm Nhân. Hành sẽ sinh khởi lên được, cũng do nương vào Vô Minh làm Nhân; để cho được nhận thấy Nhân Quả hiện hành đi theo thứ tự, bằng cách lấy Tứ Vật Thực làm nền tảng để quy định cho việc thẩm sát.

Kết luận rằng **Pháp Liên Quan Tương Sinh** đây, là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma)** tức là Pháp có sự hoàn bị tốt đẹp, vì lẽ cho dù sẽ trình bày bởi theo bất luận phương thức nào đi nữa, thì người đã được lắng nghe rồi ắt hẳn thành đạt sự lợi ích; tức là xác định được liễu tri Khổ Đế, đoạn tận Tập Đế, kiến tịnh Diệt Đế, tiến hóa Đạo Đế; và rồi chứng đạt đến Níp Bàn. Một trường hợp khác nữa, Đấng Như Lai là **Bậc Hảo Thuyết Giáo Kỳ Tài (Desanāvilāsapattapuggala)** là Bậc có khả năng cải tiến việc thuyết giảng cho được hoàn hảo thích hợp.

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 4, chỗ nói rằng **Tattha tayo addhā, dvādasaṅ gāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni** - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.** Trong câu **Pāḷi** của điều này có sự lập ý để cho tất cả các bậc học giả có được hiểu biết đến điều nên được hiểu biết trong Pháp Liên Quan Tương Sinh; tức là Thời Kỳ là có ba thời gian, 12 Chi Phần, Hành Tướng là 20 phân loại, Tam Liên Kết là sự tiếp tục nối tiếp nhau, Tóm Lược là bốn hội nhóm, Luân Hồi là ba sự luân chuyển tuần hoàn, Căn Nguyên là 2 Nhân tiên khởi.

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 5, chỗ nói rằng **Kathaṃ ? Avijjāsaṅkhārā atīto addhā. Jāti jarāmaranaṃ anāgato addhā. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhā tī tayo addhā** - "Như thế nào ? Vô Minh, Hành thuộc Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại, Tử Vong thuộc Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp khoảng giữa thuộc Thời Kỳ Hiện Tại.

Trong câu **Pāḷi** của điều này đã làm sáng tỏ thêm câu nói rằng **tayo addhā** có trong câu **Pāli** điều thứ 4. Từ ngữ nói rằng **Kathaṃ** đây, là câu vấn hỏi ở thể loại **Nêu Vấn Đề Lên Rồi Tự Trả Lời (Kathetukammayatāpucchā)** là đặt vấn đề lên nhằm chủ ý sẽ tự trả lời, và chẳng phải cho tha nhân trả lời.

Câu Vấn Hỏi Hiện Hữu Ở Năm Thể Loại, đó là:

1. Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (Adiṭṭhajotanāpucchā): Là nêu câu hỏi lên để được sáng tỏ trong vấn đề mà mình bất liễu tri.

2. Trắc Nghiệm Kiến Giải Sở Vấn (Diṭṭhasaṅsandanāpucchā): Là câu hỏi mà mình đã có sự liễu tri rồi nhưng vẫn cứ nêu lên, để bằng với việc đối thoại tiến hành kiểm tra tri kiến với nhau.

3. Đoạn Nghi Sở Vấn (Vimaticchedanāpucchā): Là nêu câu hỏi lên để cắt đứt sự nghi lự thắc mắc, bất xác tín trong những sự kiện ấy.

4. Hạch Chuẩn Sở Vấn (Anumatipucchā): Là nêu câu hỏi lên để cho người trả lời sẽ trả lời theo sự hiểu biết của mình.

5. Sở Kỳ Tự Vấn Đáp (Kathetukammayatāpucchā): Là nêu câu hỏi lên để kỳ vọng sẽ tự trả lời.

Trong cả năm thể loại vấn hỏi đây, đối với Đức Chánh Đẳng Giác chỉ sử dụng ở hai thể loại vấn hỏi, đó là **Hạch Chuẩn Sở Vấn** và **Sở Kỳ Tự Vấn Đáp** thôi; vì lẽ Ngài đã là Bậc Toàn Tri Diệu Giác; chính vì thế Ngài mới không có thể loại vấn hỏi thứ nhất. Hơn thế nữa, việc đối thoại nhằm để kiểm tra tri kiến với nhau giữa Đức Chánh Đẳng Giác với Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên cũng không có thích hợp; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ hai mới không có đối với Ngài. Một trường hợp khác nữa, Đức Chánh Đẳng Giác là Bậc Toàn Tri tất cả các Pháp một cách không dư sót, đoạn tận mọi nghi lự bất xác tín trong tất cả mọi sự kiện; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ ba cũng không có đối với Ngài tương tự như nhau. Còn những hạng người khác, có Bậc Độc Giác Phật, Bậc Chí Thượng Thinh Văn, v.v suốt cho đến tất cả các hạng Phàm Phu thường có đủ cả năm thể loại vấn hỏi này.

GIẢI THÍCH TRONG VIỆC PHÂN TÍCH CHI PHẦN TỪ Ở LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO CẢ TAM THỜI KỲ

Từ ngữ **Addhā** dịch nghĩa **Thời Kỳ** (thời gian) là **Chế Định (Paññatti)** không có Chi Pháp Siêu Lý. Tuy nhiên trong chỗ này, từ ngữ **Atītaaddhā, Anāgataaddhā, Paccuppanna addhā** lập ý lấy Pháp sinh khởi trong cả Tam Thời Kỳ thì có Chi Pháp Siêu Lý; tức là:

1/. Vô Minh, Hành là **Thời Kỳ Quá Khứ,**

2/. Sinh, Lão Mại Tử Vong là **Thời Kỳ Vị Lai,**

3/. Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu là **Thời Kỳ Hiện Tại.**

Bởi do thế; Vô Minh, Hành được gọi tên Thời Kỳ Quá Khứ v.v. đây, là việc gọi tên thể theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānūpacāranaya)** tức là rút lấy tên gọi của cả Tam Thời Kỳ đặt để ở trong Bản Thể Pháp, thế rồi gọi Vô Minh, Hành, v.v. đây là Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Vị Lai, Thời Kỳ Hiện Tại.

Giải thích rằng theo lẽ thông thường, trong bản tính tâm thức của tất cả mọi người, ngoại trừ Bậc Vô Sinh ra, thì thường có **Si Mê (Moha)** làm người chủ quản hằng thường hiện hữu; với lý do này, mới làm cho tất cả con người ta chẳng trông thấy điều tác nghiệt trong việc tạo tác Bất Thiện, và cũng chẳng thấy được Vòng Luân Hồi Khổ trong việc tác hành Thiện của mình. Đích thị chính Si Mê đây, được gọi tên **Vô Minh;** và trong việc tạo tác những thể loại Thiện và Bất Thiện đây, cũng cần phải có Tư Tâm Sở làm người thúc đẩy, sắp bày trước tiên thì những hành động tạo tác đấy mới sẽ sinh khởi lên được. Đích thị chính Tư Tâm Sở đã hình thành thúc đẩy để cho hạ thủ hành động tạo tác chỗ gọi là **Tư Tiền (Pubba cetanā)** đây, đã được gọi tên **Hành;** bởi do thế cả hai gồm Vô Minh và Hành đây mới là Thời Kỳ Quá

Khứ. Khi đã có Vô Minh làm người chủ quản, có Hành làm người thúc đẩy sắp bày, thế thì tất cả mọi con người tác hành ở phần Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, sắc thân, tâm thức, và hành động tạo tác của những hạng người đấy, rằng khi tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì đó chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; và cũng chính vì thế, Thức, Danh Sắc v.v. cả tám thể loại Chi Phần này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Hiện Tại. Khi tất cả mọi người đã hoàn tất những tác hành ở phần Thiện – Bất Thiện; và với mãnh lực từ nơi tác hành Thiện – Bất Thiện đấy, chỗ được gọi là **Nghiệp Hữu** thường cho quả báo phát sinh lên trong Thời Kỳ Vị Lai; bởi do những hạng người ấy khi mệnh chung lìa khỏi Hữu này rồi thường đi tái sinh trong Hữu mới tiếp nối sau nữa, tùy thuộc vào tác hành của mình. Nghĩa là, nếu như đã tạo Bất Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi tái sinh thành nhóm Hữu Tình Khổ Thú; nếu như tạo Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên tùy theo thích hợp đối với những Thiện Hạnh đấy. Đích thị chính với những việc được tái sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên v.v. này đây, được gọi tên Sinh; hoặc gọi là **Sinh Hữu** cũng được. Một khi đã có Sinh hiện khởi lên rồi, thì Lão Mại – Tử Vong theo lẽ thường cũng phải nối tiếp sinh khởi; và chính vì thế, những thể loại Sinh, Lão Mại, Tử Vong này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Vị Lai.

Lại nữa, Vô Minh, Hành được liệt kê vào trong Thời Kỳ Quá Khứ đấy, là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước cũng có, hoặc Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này cũng có. Nghĩa là nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Hiện Tại ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ **(Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước).** Nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Vị Lai ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ sẽ được sinh khởi mới nữa trong Hữu vị lai **(Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này).**

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 5, chỗ nói rằng **Avijjā, saṅkhārā, viññāṇaṃ, nāmarūpaṃ, saḷāyatanaṃ, phasso, vedanā, taṇhā, upādānaṃ, bhavo, jāti, jarāmaraṇanti dvādasaṅgāni** - Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần. Câu **Pāḷi** điều này nhằm giải thích rõ thêm ý nghĩa từ ngữ **dvādasaṅgāni** hiện hữu trong câu **Pāḷi** điều thứ 4.

Từ ngữ **Aṅga (Chi Phần)** có nghĩa là thành phần liên kết của Liên Quan Tương Sinh, có khả năng làm cho luân chuyển tuần hoàn đi mãi vô cùng tận, không có điểm cuối cùng; tương tự với vật dụng kết hợp của vòng bánh xe giúp cho bánh xe ấy được quay tròn; bởi do thế Chi Phần này là thành phần quan trọng trong việc sinh tử luân hồi của tất cả Chúng Hữu Tình, được gọi là **Xa Luân Liên Quan Tương Sinh.**

Đối với 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, cho thấu hiểu thể theo lời dịch nghĩa thì đã có trình bày để ở trong đoạn trên.

+ Giải thích trong điều nói rằng Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đặc biệt không có được sắp thành Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh. Pháp Liên Quan Tương Sinh mà Đức Phật lập ý khải thuyết, khi nối tiếp từ ở nơi Lão Mại – Tử Vong thì vẫn còn có năm thể loại Pháp Quả nữa, đó là Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại. Tuy nhiên những cả năm thể loại

Pháp Quả này đặc biệt không được tính vào thành Chi Phần. Tất cả sự việc này cũng bởi vì không thể sinh khởi đến với khắp cả mọi người; chẳng hạn như nhóm Phạm Thiên, và Chư Thiên bậc thượng đẳng. Cả hai nhóm này cho dù có Vô Minh v.v. cho đến Tử Vong sinh khởi đi nữa; thế nhưng Sầu Muộn v.v. thường không có sinh khởi lên. Ở Nhân Loại, với những Bậc Bất Lai và Bậc Phúc Lộc Thiền Giả đây, cho dù có Vô Minh v.v. cho đến Lão Mại – Tử Vong sinh khởi đi nữa; thế nhưng cả bốn thể loại - ấy là Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, và Não Hại đây cũng không có sinh khởi lên được; chỉ có sinh khởi duy nhất ở phần Khổ Đau thôi. Bậc đã được tu tập trong Pháp bậc thượng đẳng, và những Bậc Thất Lai, Bậc Nhất Lai đây, thì chỉ có Não Hại là không khởi sinh, còn các Pháp Liên Quan Tương Sinh ngoài ra đấy thì có được khởi sinh; và với lý do này mới đặc biệt không tính thành Chi Phần; thế nhưng cũng vẫn là Pháp Quả sinh khởi từ nơi Sinh làm Nhân như nhau. Chỉ có khác biệt ở chỗ nói rằng những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đấy, là quả báo sinh từ nơi Sinh một cách bất định. Tương tự với Lão Mại – Tử Vong, mà gọi là **Đẳng Lưu Quả (Nissandaphala)** ấy chính là thành quả ở phần kết cuộc (ở phần cuối cùng). Còn Lão Mại – Tử Vong, mà gọi là **Dị Thục Quả Báo (Vipākaphala)** thì ấy là quả báo trực tiếp của Sinh.

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 8, chỗ nói rằng **Avijjā saṅkhāraggahaṇena panettha taṇhūpādānabhavāpi gahitā bhavanti** - Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Câu **Pāḷi** điều này làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của thành ngữ **Vīsatākārā tisandhi catusaṅkhepā** trong câu **Pāḷi** điều thứ 4.

NHỊ THẬP HÀNH TƯỚNG (VĪSATĀKĀRĀ 20)

Trong việc trình bày phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo Thời Kỳ đã vừa trình bày xong; là việc trình bày quyết định đặc biệt trong 12 Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh này; bởi do thế Pháp ở Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Vị Lai, Thời Kỳ Hiện Tại mới có được hạn định. Tuy nhiên khi trình bày đến thực tính sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh bởi theo Nhân Quả trong Quá Khứ với Hiện Tại, Hiện Tại với Vị Lai thì có đến 20 thể loại; đó là 5 Nhân Quá Khứ, 5 Quả Hiện Tại, 5 Nhân Hiện Tại, 5 Quả Vị Lai. Sự việc như vậy cũng bởi vì cả 5 thể loại Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này đây, một khi đã sinh khởi lên rồi, thì thường sẽ không thể nào cách bức lẫn nhau được. Tức là khi Vô Minh, Hành đã sinh khởi đối với người nào rồi, thì Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sẽ không thể nào không sinh khởi theo được. Một khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh khởi đối với người nào rồi, thì sẽ không thể nào không có Vô Minh, Hành sinh khởi theo được, tương tự như nhau. Và Sinh, Lão Mại, Tử Vong sinh khởi; đích thị cũng chính là do Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đấy đã hình thành. Còn đối với Tử Vong đặc biệt không có Chi Pháp; bởi do thế, trong việc trình bày Tác Nhân trong Quá Khứ mới liệt kê lấy cả 3 Chi gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này vào cùng ở chung với Vô Minh và Hành; cũng bởi vì khi đề cập thể theo Tam Luân Hồi, thì Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ thuộc nhóm Phiền Não Luân với nhau; và Hành với Nghiệp Hữu thuộc nhóm Nghiệp Báo Luân với nhau.

Trong tám Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh ở Thời Kỳ Hiện Tại thì được phân chia ra làm hai nhóm; đó là một nhóm Quả, và một nhóm Nhân. Quả ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Nhân ấy chính là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Trong 5 Quả Hiện Tại thì không tính lấy Sinh, Lão Mại, Tử Vong cùng vào chung với nhau; cũng bởi vì cả 3 Chi gồm Sinh, Lão Mại, Tử Vong này đây không có Chi Pháp đặc biệt, và chỉ là trạng thái hiện hành của Thức, Danh Sắc v.v. như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Còn trong 5 Nhân Hiện Tại đấy, thì đã tính kể Vô Minh, Hành cùng vào chung với Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; cũng bởi vì cả những 5 Pháp này phải thường luôn câu sinh với nhau như đã đề cập đến rồi vậy. Đối với 2 Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh, đó là Sinh, Lão Mại – Tử Vong ở Thời Kỳ Vị Lai đấy, một khi tính theo Tam Luân Hồi thì đó là Dị Thục Quả Luân. Và bản thân Sinh, Lão Mại – Tử Vong cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy; bởi do thế, trong 5 Quả Vị Lai mới lấy được Thức, Danh Sắc v.v. những thể loại này rút đưa lên trình bày thay thể Sinh, Lão Mại – Tử Vong. Lời giải thích như đã vừa đề cập đến đây, là việc giải thích trong phân loại của Nhị Thập Hành Tướng.

TAM LIÊN KẾT (SANDHI 3)

Từ ngữ **Sandhi (Liên Kết)** dịch nghĩa "Việc nối tiếp", trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Sandhīyate = Sandhi** - Gọi tên việc nối tiếp giữa Nhân với Quả, Quả với Nhân, là **Liên Kết.** Một trường hợp khác nữa: **Sandhīyanti hetuphala dhammā etthāti = Sandhi** - Pháp làm thành Nhân với Quả nối tiếp nhau trong chỗ ấy, bởi do thế trong khoảng giữa ấy được gọi tên là **Liên Kết.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo việc nối tiếp nhau, có được Tam Liên Kết, đó là: 1/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Hành với Thức thuộc Nhân Quá Khứ với Quả Hiện Tại. 2/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Thọ với Ái Dục thuộc Quả Hiện Tại với Nhân Hiện Tại. 3/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Nghiệp Hữu với Sinh thuộc Nhân Hiện Tại với Quả Vị Lai.

TỨ TÓM LƯỢC (SAṄKHEPA 4)

Từ ngữ **Saṅkhepa (Tóm Lược)** dịch nghĩa "Tập hợp để thành từng khối nhóm"; trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Saṅkhipīyanti saṅgayhanti padhānadhammā etthāti = Saṅkhepo** - Việc tập hợp Pháp thuộc phần chủ vị để thành từng khối nhóm ở trong chỗ đấy, bởi do thế chỗ tập hợp những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên **Tóm Lược.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo khối nhóm, có được Tứ Tóm Lược, đó là: 1/. Một khối nhóm với Vô Minh và Hành thuộc Nhân Quá Khứ. 2/. Một khối nhóm với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc và Thọ thuộc Quả Hiện Tại. 3/. Một khối nhóm với Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu thuộc Nhân Hiện Tại. 4/. Một khối nhóm với Sinh và Lão Mại – Tử Vong thuộc Quả Vị Lai.

Còn đối với Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại, cả 5 Chi Phần này được liệt kê vào ở trong khối nhóm thứ 4.

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 9, chỗ nói rằng **Avijjā taṇhūpādānā ca kilesavaṭṭaṃ; kammabhavasaṅkhāto; bhavekadeso saṅkhārā ca kammavattaṃ; upa pattibhavasaṅkhāto bhavekadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīṇi vaṭṭāni** - Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về **Phiền Não Luân;** một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thuộc về **Nghiệp Báo Luân;** một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thuộc về **Dị Thục Quả Luân.** Câu **Pāḷi** điều này làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của thành ngữ **Tīṇi vaṭṭāni** ở trong câu **Pāḷi** điều thứ 4.

TAM LUÂN HỒI (VAṬṬA 3)

Từ ngữ **Vaṭṭa (Luân Hồi)** dịch nghĩa "Việc luân chuyển tuần hoàn tương tự với việc quay của bánh xe. Trình bày câu Chú Giải rằng: **Vaṭṭanti punappunaṃ āvaṭṭantīti = Vaṭṭaṃ** - Những thể loại Pháp nào thường luôn luân chuyển tuần hoàn; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Luân Hồi.**

Có Ba Thể Loại Luân Chuyển Tuần Hoàn, đó là:

1/. Phiền Não Luân (Kilesavaṭṭa) là Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ.

2/. Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa) là Nghiệp Hữu, Hành.

3/. Dị Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa) là Sinh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại, Tử Vong.

Giải thích rằng ở trong sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người – ngoài trừ Bậc Vô Sinh ra –cả Tam Luân Hồi thường hội tụ đầy đủ. Tức là sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người đích thị chính là **Dị Thục Quả Luân.** Sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến khởi sinh ở bản tính nội tâm, ấy là **Phiền Não Luân.** Hành động tạo tác tốt xấu với Thân, Ngữ, Ý mà con người ta đã tạo tác với nhau hằng mỗi ngày, và đấy chính là **Nghiệp Báo Luân.** Cả ba thể loại thực tính này thường luôn luân phiên chuyển đổi nhau, làm Nhân làm Quả hiện hữu ở từng mỗi Hữu, từng mỗi kiếp sống cho đến vô cùng tận. Đề cập đến một khi con người ta có sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến thì coi như Phiền Não Luân đã hằng định ở trong bản tính nội tâm rồi. Với mãnh lực từ nơi Phiền Não Luân này thường làm cho người ấy có hành động tạo tác về Thân cũng có, hoặc về Lời cũng có, hoặc về Ý cũng có. Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, đích thị chính là Nghiệp Báo Luân đã sinh khởi tạo tác ra những thể loại hành động này. Thế rồi sẽ cho quả báo trong thời vị lai ngay khi người ấy mệnh chung lìa khỏi kiếp sống này ra đi; và sẽ đi tái sinh trong một Hữu mới, một kiếp sống mới trong 31 Cõi Giới tùy theo thích hợp đối với hành động tạo tác của mình. Việc thọ sinh mới của Danh Sắc Ngũ Uẩn chỗ gọi là tất cả Chúng Hữu Tình, đích thị chính là Dị Thục Quả Luân. Khi Dị Thục Quả Luân đã sinh khởi rồi, Phiền Não Luân cũng thường sinh khởi do nương vào Phiền Não Luân làm Nhân luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau không có chỗ để chấm dứt, cho đến khi sẽ chứng đạt Quả vị Níp Bàn. Việc luân chuyển tuần hoàn của Tam Luân Hồi như đã vừa

đề cập, một khi nương theo thành ngữ dân gian dùng để nói chuyện với nhau, ấy chính là tử rồi sinh, sinh rồi lại kiến tạo Nghiệp Lực mới, thế rồi cũng chết đi; chết rồi cũng sinh mới lại lần nữa; sinh rồi cũng lại kiến tạo Nghiệp Lực mới thêm nữa, để rồi cũng chết thêm lần nữa; cứ thế luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau như vầy. Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ thì cũng tương tự với sự hiện hành của cây cối được nhân giống từ những cành cây chiết ra. Tức là thân cây sinh khởi lên được cũng vì nương mầm hạt giống. Mầm hạt giống sinh khởi lên được cũng vì nương vào mủ kết dính ở trong thân cây. Mủ kết dính sinh khởi cũng vì nương vào thân cây. Khi so sánh với cả Tam Luân Hồi này, thì Dị Thục Quả Luân được ví tương tự với thân cây. Phiền Não Luân được ví tương tự với mủ kết dính. Nghiệp Báo Luân được ví tương tự với mầm hạt giống.

Khi thẩm sát ở trong cả Tam Luân Hồi này, thì sẽ nhận thấy được rằng Phiền Não Luân là quan trọng cùng tột; chính vì thế trong sự việc hủy diệt Vòng Luân Hồi để cho không còn tiếp tục xoay chuyển đi nữa, thiết yếu phải hủy diệt chính ngay Phiền Não Luân. Một khi Phiền Não Luân đã bị hủy diệt xong rồi, thì cả hai còn lại là Nghiệp Báo Luân và Dị Thục Quả Luân đây, tất yếu cũng phải bị hủy diệt theo cùng.

NHỊ CĂN NGUYÊN (DVEMŪLĀNI – MŪLA 2)

Từ ngữ **Mūla (Căn Nguyên)** dịch nghĩa "Làm trú xứ thiết lập hoặc làm Nhân tiên khởi của tất cả Vòng Luân Hồi Khổ" như trình bày câu Chú Giải rằng: **Mūlayanti sabbepi vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mūlāni (vā) Mūlayanti patiṭṭhahanti vaṭṭadhammā etehīti = Mūlāni** - Tất cả Pháp Luân Hồi thường được tồn tại trong chỗ ấy; chính vì thế Pháp được coi như làm trú xứ thiết lập những thể loại Pháp Luân Hồi ấy, gọi tên là **Căn Nguyên.** (Hoặc) Pháp Luân Hồi thường được tồn tại bởi do nương vào những thể loại Pháp ấy; chính vì thế Pháp được coi như là Nhân làm cho những thể loại Pháp Luân Hồi ấy được tồn tại, mới gọi tên **Căn Nguyên.** Tức là Vô Minh và Ái Dục.

Khi phân chia Pháp Liên Quan Tương Sinh ra thành **Xa Luân (Bhavacakka),** có được hai thể loại, đó là: 1/. Kể từ Nhân Quá Khứ v.v. cho đến Quả Hiện Tại làm thành một Xa Luân, và gọi tên **Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka),** là Xa Luân ban đầu. 2/. Kể từ Nhân Hiện Tại v.v. cho đến Quả vị Lai làm thành một Xa Luân, và gọi tên **Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka),** là Xa Luân phía sau.

Trong **Tiền Hữu Luân** có 7 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, là Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Trong cả 7 Chi Phần này, Vô Minh làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Thọ. Trong **Hậu Hữu Luân** có 5 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong. Trong cả 5 Chi Phần này, Ái Dục làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Lão Mại – Tử Vong.

+ Trong **Tiền Hữu Luân** có 7 Chi Phần đấy, đặc biệt chỉ lập ý lấy Chi Phần hiển hiện lộ diện. Thế nhưng trong sát na mà 7 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn thì cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân

chuyển theo cùng. Có nghĩa tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu Hiện Tại đây, thường sinh khởi với mãnh lực từ Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày trong Hữu kế tiếp; chính vì thế, mới gọi **Vô Minh** là **Tiền Căn Nguyên (Pubbantamūla).** Khi đã có Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày trong Hữu đấy rồi, ắt hẳn phải có Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu cũng cùng sinh khởi; vì lẽ Vô Minh làm người che án bưng bít, không cho thấy tác nghiệt tội lỗi và chân như thực tính; mới làm cho người ấy sinh khởi lên sự hoan hỷ, sự ham muốn, sự tà kiến, sự chấp thủ; và thường tạo tác ra những hành động với Thân, Ngữ, Ý về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo nguyện vọng của Ái Dục và Chấp Thủ cho được thành tựu; do bởi có Hành làm người sắp bày để cho tạo tác. Đối với sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu Hiện Tại đây, ấy cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đấy vậy. Và trong khoảng giữa thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng thì những sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng phải có việc chuyển đổi đi theo lẽ thường nhiên; tức là từ nơi trẻ con cho được lớn lên thành thanh niên, thanh nữ; từ ở nam nữ thanh xuân cho được tiến lên thành người lớn; từ nơi người lớn cho được tiến lên thành người già, có trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt lờ, và những sự nghĩ suy, sự ghi nhớ cũng tuần tự suy giảm xuống v.v. và cuối cùng rồi cũng đi đến chạn tuổi của sinh mạng, ấy chính là Lão Mại – Tử Vong. Còn đối với Sinh, một khi sát na Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, bắt đầu khởi sinh lên trong Hữu mới, thì Sinh cũng đã được liệt kê thành tựu ở trong sát na ấy rồi. Chính vì lý do này mới nói rằng một khi cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây, luân chuyển tuần hoàn trong **Tiền Hữu Luân,** thì cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây ắt hẳn cũng phải luân chuyển theo cùng.

+ Trong **Hậu Hữu Luân** có 5 Chi Phần đấy, đặc biệt chỉ lập ý lấy Chi Phần hiển hiện lộ diện, tương tự như nhau. Thế nhưng trong sát na 5 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng. Có nghĩa tất cả Chúng Hữu Tình sẽ đi tái sinh trong Hữu mới kế tiếp, thì thường đi tái sinh với mãnh lực từ Ái Dục làm người dẫn dắt, và có Chấp Thủ, Nghiệp Hữu làm người giúp đỡ; chính vì thế mới gọi **Ái Dục** là **Hậu Căn Nguyên (Aparantamūla).** Và tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày ở trong Thế Gian này – trừ Bậc Vô Sinh ra rồi – ngoài ra đấy thì thường có những hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý hiện hành thể theo sự duyệt ý, sự kỳ vọng, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến hằng định ở trong bản thân cái gọi là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Và sự duyệt ý, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến ở trong các sự vật; những thể loại này có được sinh khởi lên, là cũng do bởi người ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệt tội lỗi, hoặc chân như thực tính. Chỗ gọi **Vô Minh** làm người che án bưng bít, và có **Hành** làm người thúc đẩy cho tạo tác những hành động, và những hành động ấy cho được thành tựu thể theo sự nguyện vọng và quan điểm của người ấy; chính vì thế Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu mới chính là những yếu tố quan trọng ở trong **Hậu Hữu Luân,** và có Vô Minh, Hành luân chuyển theo cùng. Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ cùng luân chuyển tuần hoàn đi theo Sinh, Lão Mại – Tử Vong đấy, tức là tất cả con người ta có những

hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý thuộc về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo mãnh lực của Ái Dục, Chấp Thủ, đang hằng định nơi đấy. Khi đã tử vong lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì cũng phải đi tái sinh ở trong bất luận một Hữu mới nào đó, và khi đã có sự sinh khởi lên rồi thì sự già nua, sự tử vong ắt hẳn cũng phải tuần tự hiện khởi lên. Việc sinh khởi, già nua, bệnh hoạn, tử vong, chỗ được gọi Sinh, Lão Mại – Tử Vong; thì đích thị chính cả 3 Chi Phần này cũng tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy. Chỗ nói rằng người sinh, lão, bệnh, tử; đích thị chính với lý do này mới nói được rằng khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong, với cả 5 Chi Phần này luân chuyển tuần hoàn ở trong Hậu Hữu Luân thì Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, với cả bảy Chi Phần này cũng ắt hẳn thường luân chuyển theo cùng.

Khi thẩm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân - ở cả hai phía này rồi - thì cũng sẽ thấu hiểu được rằng Vô Minh, Hành, và Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh trong Hữu trước đã được liệt kê vào trong **Tiền Hữu Luân.** Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, và Vô Minh, Hành sinh ở trong Hữu này, thì được liệt kê vào trong **Hậu Hữu Luân.** Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, và Sinh, Lão Mại – Tử Vong, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình, kể từ bắt đầu khởi sinh cho đến khi tử vong trong Hữu Hiện Tại đây, thì được liệt kê vào trong **Tiền Hữu Luân.** Sinh, Lão Mại - Tử Vong và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, mà sẽ sinh trong Hữu mới kế tiếp, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình bắt đầu sinh khởi cho đến khi tử vong trong Hữu mới đấy, liệt kê vào trong **Hậu Hữu Luân.** Chỗ nói rằng Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đang luân chuyển tuần hoàn, có nghĩa sinh khởi nối tiếp hữu quan giữa Hữu trước với Hữu này, và Hữu này với Hữu kế tiếp.

TRI KIẾN ĐƯỢC TIẾP THÂU TỪ VIỆC TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH CẢ NHỊ XA LUÂN (BHAVACAKKA)

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập rồi đây, chỉ cho thấy rằng khi đã có Hữu Hiện Tại thì cũng phải có Hữu Quá Khứ và Hữu Vị Lai tiếp nối. Sẽ nói là tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu này cũng đã từng sinh từng chết đi, tính đếm quả là khôn xiết; và rồi sẽ phải lại thêm việc sinh việc tử nối tiếp đi nữa về sau, cũng tính đếm quả là khôn xiết, tương tự như nhau. Và trong việc tìm kiếm Nhân, tìm kiếm Xuất Sinh Xứ đã làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải thường luôn có sinh có tử đây, thì cũng chẳng cần phải đi tìm kiếm ở chỗ nơi nào khác, mà nó hiện hữu chính ngay trong bản thân chúng ta. Ấy chính là những hành động tạo tác với Thân cũng có, với Ngữ cũng có, với Ý cũng có; và đích thị chính là có Vô Minh và Ái Dục làm Nhân. Như thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ nói rằng: "Kẻ tạo tác Ác Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Khổ Thú; do nương vào Vô Minh làm Nhân đặc biệt, và có Ái Dục làm Nhân phổ thông. Người tác hành Thiện Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Thiện Thú; do nương vào Ái Dục làm Nhân đặc biệt, và có Vô Minh làm Nhân phổ thông."

Giải thích rằng kẻ đã tạo tác những Ác Hạnh, cũng do kẻ ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệt của Ác Hạnh. Tức là việc tạo tác những Ác Hạnh đây, chẳng có mang lại sự an vui

đến cho mình, chẳng có sự lợi ích chút nào cả, mà chỉ có hủy diệt đi sự lợi ích, và dắt dẫn cho quả báo xấu ác trổ sinh mà thôi. Việc chẳng được trông thấy những điều tác nghiệt đây, là cũng do mãnh lực của Vô Minh làm người chi phối, che án bưng bít; và Ái Dục làm người cứ mảng vui cho thực hiện. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với việc lấy lửa thiêu đốt, rồi lại bị đánh đập bằng búa. Bò kia ắt hẳn có trạng thái hành thân hoại thể giẫy giụa, quằn quại; và phải bị khát nước vô cùng. Khi gặp phải nước sôi mà người ta mang ra cho uống, cũng vội uống ngay tức thì. Khi đã uống nước sôi vào rồi, lại phải thụ lãnh sự thi dĩ khốc hình vô cùng khốc liệt thêm một lần nữa; vì lẽ nước sôi ấy đã làm bỏng cả miệng và cổ họng đi. Thế nhưng bò kia cũng vẫn phải cố gắng uống vào, do bởi mãnh lực từ nơi nóng lòng, bồn chồn lo lắng qua việc khát nước ấy vậy. Điều này như thế nào, kẻ cố gắng tạo tác những Ác Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đọa sinh trong Cõi Khổ Thú, với mãnh lực từ nơi Vô Minh và Ái Dục, cũng dường như thế ấy.

Còn người đã tác hành những Thiện Hạnh, cũng do người ấy sợ hãi đối với sự khổ đau, sự vất vả khốn khổ mà sẽ phải thụ lãnh trong Cõi Khổ Thú; và có kỳ nguyện sẽ được đón nhận sự an vui làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, và Phạm Thiên. Kế tiếp, mới cố gắng nỗ lực thực hiện những Thiện Nghiệp Lực, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập. Ấy là những Thiện Sự rất hoan hỷ, dắt dẫn sự vui mừng phấn khởi đến cho mình. Ấy là điều hữu ích, mang lại quả báo tốt đẹp đến cho mình. Thế nhưng người ấy cũng vẫn không được trông thấy điều tác nghiệt trong Vòng Luân Hồi Khổ, đã làm cho phải luân hồi sinh tử, không thể nào trốn thoát được. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với biết bao trường hợp sai khác, như đã vừa đề cập đến rồi, và đã có sự khô khát nước. Khi đã gặp được nước lạnh mà người ta mang ra cho uống, thì cũng liền vội uống ngay. Khi đã uống nước lạnh vào rồi, cũng có cảm thọ mát mẻ tươi tỉnh, nguôi ngoai sự khô nóng, và sự khát nước ấy đi. Điều này như thế nào, thì người cố gắng nỗ lực thực hiện Thiện Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đi thọ sinh trong Cõi Thiện Thú với mãnh lực từ nơi Ái Dục và Vô Minh, cũng dường như thế ấy.

Sự hiện hành của Xa Luân có chủ vị làm người dắt dẫn ở phía trước và cả ở phía sau; tức là Vô Minh và Ái Dục dắt dẫn tất cả Chúng Hữu Tình quanh quẩn luân chuyển đi trong Cõi Giới thấp hoặc cao, vô cùng tận và chẳng có điểm cuối cùng. Cũng tựa như xe lửa có hai đầu bánh xe ở phía trước và phía sau, dắt dẫn đoàn tàu xe chạy leo lên núi cũng có, hoặc xuống núi cũng có, hoặc chạy quanh co khúc khuỷu theo sườn núi cũng có. Khi xe chạy lên núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía trước làm người dắt dẫn. Khi xe chạy xuống núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía sau làm người dắt dẫn, luân phiên thay đổi với nhau như vầy.

Với lý do này Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày đến sự hiện hành của cả Nhị Căn Nguyên Luân Hồi luân phiên thay đổi tương tự với xe lửa có hai đầu bánh xe như sau:

Oggacchantova cuggacchaṃ Dusīso aggiko ratho
Evaṃ bhavaratho yāti Ciraṃ saṃsāraañjase.

Dịch nghĩa: Xa Luân có hai đầu, là Vô Minh và Ái Dục, đã chạy đi lên đi xuống trong lộ trình của Vòng Luân Hồi. Tức là chạy xuống đến Cõi Khổ Thú cũng có, hoặc chạy lên đến Cõi Thiện Thú cũng có, suốt cả thời gian lâu dài. Cũng tương tự với xe lửa có hai đầu xe bánh xe đã chạy xuống cũng có, hoặc chạy lên cũng có, quanh quẩn ở trên ngọn núi dường như thế

ấy. Lại nữa, từ ngữ **Saṃsāra (Luân Hồi)** hoặc **Saṃsāravaṭṭa (Vòng Luân Hồi)** chẳng phải sử dụng cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Hữu Tình, của bất luận người nào; mà dùng cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Uẩn, Xứ, Giới, và đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh ấy vậy.

Như thế, Đại Giáo Thọ Sư **Mahābuddhaghosācāriya** mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** rằng:

Khandhānañca paṭipāṭi Dhātuāyatanāna ca
Abbocchinnaṃ vaṭṭamānā Saṃsāroti pavuccati

Dịch nghĩa: Việc sinh khởi hiện hành liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn của những thể loại Uẩn, Giới, Xứ đây, được gọi là **Luân Hồi.**

GIẢI THÍCH TRONG KỆ NGÔN PĀLI ĐIỀU 10 TRÌNH BÀY VIỆC TẬN DIỆT TỪ CẢ TAM LUÂN HỒI VÀ XUẤT SINH XỨ CỦA VÔ MINH

NGUYÊN NHÂN LÀM CHO CẢ TAM LUÂN HỒI BỊ TẬN DIỆT

Theo lẽ thường nhiên, cây cối thường tươi tốt và được phát triên lên, là cũng do nương vào rễ cái. Nếu như rễ cái đã bị hủy diệt đi rồi, thì cây ấy ngay tức khắc cũng sẽ phát sinh lên hiện trạng ủ rũ héo hon; và hệ quả kết cuộc thì cũng phải chết đi. Điều này như thế nào, thì Danh Sắc tức là tất cả Chúng Hữu Tình phát triển trong Vòng Luân Hồi vô cùng tận và không có điểm cuối cùng; là cũng do mãnh lực từ Vô Minh và Ái Dục. Khi nào cả hai Vô Minh và Ái Dục đây đã bị hủy diệt đi, với mãnh lực từ nơi Tâm Đạo Vô Sinh; thế rồi sự phát triển của Danh Sắc, và đấy cũng chính là việc luân chuyển của tất cả Chúng Hữu Tình, cuối cùng rồi cũng coi như đã tiệt diệt.

Như thế, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày rằng: **Tesame va ca mūlānaṃ nirodhena nirujjhati** - Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. **Dịch nghĩa:** Khi cả hai Căn Nguyên Luân Hồi đã tận diệt không còn dư sót với mãnh lực từ nơi Tâm Đạo Vô Sinh rồi, thì việc luân chuyển tuần hoàn từ ở Liên Quan Tương Sinh, tức là cả Tam Luân Hồi cũng thường diệt tắt ngay tức thì.

Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày để trong Liên Quan Tương Sinh Phần Nghịch Thuyết, như đã trình bày để trong đoạn trên nói rằng: **Avijjāya tveva asesa virāganirodhā saṅkhāra nirodho** v.v. Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt v.v. và đã trình bày để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh rằng:

Yathāpi mūle anupaddave daḷhe Chinnopi rukkho punadeva ruhati
Evaṃpi taṇhānusaye anuhate Nibbatti dukkhamidaṃ punappunaṃ

Dịch nghĩa: Rễ cái là **Ái Dục Tùy Miên (Taṇhānusaya),** và nếu như vẫn chưa phá hủy cho tiệt diệt thì Vòng Luân Hồi Khổ ấy là Sinh, Lão Mại, Bệnh Tật, Tử Vong v.v. cũng vẫn thường luôn sinh khởi lên hoài hoài (còn nếu như đã sát trừ tuyệt Ái Dục Tùy Miên cho tiệt diệt thì tất cả Vòng Luân Hồi Khổ ắt hẳn cũng cùng diệt mất). Tương tự như rễ cái có rễ phụ làm vật phụ thuộc; mà nếu như vẫn còn bám chặt giữ lấy và không có bị hủy diệt, thì cho

dù sẽ chẻ thân cây ra đi nữa, cây ấy cũng vẫn lại phát triển tươi tốt lên được như thường (một khi nhổ sạch hết rễ cái đi rồi, cây ấy mới không còn tiếp tục phát triển được nữa) như thế ấy.

XUẤT SINH XỨ CỦA VÔ MINH

Nếu như có khởi lên một câu vấn hỏi rằng "Khi cả Tam Hành ở phần Phước Báu **(Phúc Hành – Bất Động Hành)** và Tội Lỗi **(Phi Phúc Hành)** sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân, cho đến khi Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân; thế rồi cái chi đã làm Nhân cho Vô Minh khởi sinh ?" Để sẽ đề cập đến Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày tiếp theo như vầy:

Jarāmaramucchāya **Pīḷitānamabhiṇhaso**
Āsavānaṃ samuppādā **Avijjā ca pavattati**

Dịch nghĩa: Vô Minh có được sinh khởi lên, là cũng do nương vào việc khởi sinh từ nơi Pháp Lậu Hoặc trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Người bị hành hạ bức hại với sự già nua, sự tử vong; và Pháp làm thành Nhân từ ở sự si mê, đó là sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, và não hại đây, cũng thường luôn xẩy ra.

Từ ngữ **Mucchā (Mất Trí)** dịch nghĩa "si mê, lầm lạc", tuy nhiên trong chỗ này thì lập ý lấy Pháp làm Nhân cho si mê, tức là sầu muộn, bi ai v.v.

Giải thích rằng Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, ấy chính là cả Tứ Lậu Hoặc, có Dục Lậu v.v. Có nghĩa trong phần **Pāḷi** Liên Quan Tương Sinh, thì cả năm Chi Phần gồm Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây, đã lập ý trình bày đến phần cuối cùng. Rằng khi tính theo Chi Pháp, thì cả ba Chi Phần gồm Sầu Muộn, Ưu Thọ và Não Hại, ấy là Ưu Thọ và Tâm Sở Sân. Như thế, khi một người nào có sự sầu thảm, buồn lòng, khổ tâm khởi sinh lên, thì Si Mê ắt hẳn cũng cùng câu sinh hiện hữu. Và Bi Ai việc khóc lóc than thở đây, sinh khởi cũng bởi do bởi Tâm khởi sinh Sân; và chính vì thế ngay sát na khóc lóc than thở thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Còn Khổ Thân cũng làm Nhân cho sự buồn lòng, bất duyệt ý sinh khởi; và ngay sát na sự buồn lòng, bất duyệt ý khởi sinh lên cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Như thế, Si Mê cùng câu sinh với Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, Não Hại, và khởi sinh về sau từ nơi Khổ Thân, được gọi là Vô Minh.

Ứng hợp với Đại Giáo Thọ Sư **Mahābuddhaghosācāriya** đã trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh **(Paṭicca samuppādavibhaṅga Atthakathā)** rằng: **Ettha hi sokadukkhadomanassu pāyāsā avijjāyaaviyogino paridevo ca nāma mūḷhassāti tesu tāva siddhesu hoti avijjā - Dịch nghĩa:** Trong sự hiện hành của Xa Luân, thì những thể loại Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây, thường luôn phối hợp với Vô Minh; không thể nào tách ly ra được. Và Bi Ai cũng thường sinh khởi đối với người có sự si mê lầm lạc. Bởi do thế, một khi Sầu Muộn v.v. đã sinh khởi xong hết rồi, ắt hẳn Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Khi đã là như vậy, đích thị chính xuất sinh xứ của Sầu Muộn v.v. là xuất sinh xứ của Vô Minh.

Ngay cả ở trong Liên Quan Tương Sinh đã có trình bày rằng: **Jatipaccayā sokapari devadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti** - Sinh làm duyên Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh. Quả thật, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây sinh khởi lên được, là cũng do bởi Sinh làm Nhân. Tuy nhiên Sinh đây, chẳng phải là Nhân Cận Lân của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. mà chỉ là Nhân Dao Viễn và là **Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu),** tức là sự sầu thảm v.v. đã sinh khởi lên sẽ không thể nào loại trừ Sinh ra khỏi được. Còn Pháp làm Nhân Cận Lân, ấy chính là cả Tứ Lậu Hoặc. Tương tự như tất cả Chúng Hữu Tình thọ sinh đến đây, cũng phải nương vào hai yếu tố Tác Nhân, tức là Nhân Dao Viễn và Nhân Cận Lân, cũng còn gọi là **Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu)** và **Căn Hành Nhân (Mūlīhetu).** Nhân Dao Viễn, ấy chính là Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực đã có tạo tác trong Hữu trước. Nhân Cận Lân, ấy chính là người Mẹ, người Cha; bởi do thế, chỗ nói rằng Sinh làm Nhân Dao Viễn, và Lậu Hoặc làm Nhân Cận Lân của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã hiện hành trong cùng một phương thức như nhau.

Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày để trong Bộ Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh rằng: **Āsava samudayā cete sokādayo honti** - Những thể loại Sầu Muộn đây mà sinh khởi, cũng bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc. Với lý do này mới quyết định được rằng cả Tứ Lậu Hoặc đây, cũng cùng làm thành tựu xuất sinh xứ của Vô Minh vậy.

Và cũng như thế, Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng: **Āsavasamudayā avijjā samudayo** - Việc sinh khởi của Vô Minh, là cũng do nương vào việc sinh khởi của Lậu Hoặc làm Nhân.

Chính vì thế, thể theo **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã nói rằng: **Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati** - Lậu Hoặc đã khởi sinh, và Vô Minh cũng chuyển khởi. Đấy cũng là việc đúng đắn, và Đại Giáo Thọ Sư **Mahāghosācāriya** đã có trình bày để trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Atthakathā)** rằng: **Iti yasmā āsava samudayā ete dhammā honti tasmā ete sijjhamānā avijjāya hetubhūte āsave sādhenti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti - Dịch nghĩa:** Những thể loại Sầu Muộn v.v. đây, thường sinh khởi bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc theo như phần đã vừa đề cập đến; chính vì thế khi những thể loại Sầu Muộn v.v. đây đã sinh khởi lên rồi, ắt hẳn đã làm cho hiểu biết đến Lậu Hoặc cũng cùng làm thành tựu viên mãn Tác Nhân của Vô Minh. Và một khi tất cả các Lậu Hoặc đã sinh khởi xong hết rồi, thì Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Vì lẽ khi đã có Nhân là Lậu Hoặc khởi sinh lên rồi, thì Quả là Vô Minh cũng phải cùng câu sinh.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI CỦA SẦU MUỘN, BI AI, v.v. BỞI DO NƯƠNG VÀO CẢ TỨ LẬU HOẶC

1. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Dục Lậu Hoặc làm Nhân:

Khi người mà Ta đã yêu thương, có người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, Con, Cháu v.v. từ trần, lìa khỏi cuộc đời này, thì ắt hẳn Ta khởi sinh lên sự sầu thảm, buồn lòng, khóc lóc, than thở, có sự tịch lự thương tiếc đến với những người đấy, và đôi khi đi đến chẳng màng ăn

uống ngủ nghỉ. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã trình bày rằng: **Kāmato jāyate soko v.v.** - Có nghĩa là "Sự sầu thảm khởi sinh lên chính do bởi sự ái luyến." Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi chinh do bởi nương vào **Dục Lậu Hoặc làm Nhân**.

2. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Hữu Lậu Hoặc làm Nhân:

Tất cả Chư Thiên có sự hoan hỷ trong sự sinh hoạt của mình; tức là người có thọ mạng miên trường, có sự mỹ lệ xinh đẹp, có sự an vui hạnh phúc trong tòa Thiên Cung của mình suốt trọn thời gian lâu dài; với mãnh lực của Hữu Lậu Hoặc. Khi đã có được cơ hội lắng nghe Giáo Pháp Đức Phật hữu quan với vấn đề Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã; rằng là tất cả những sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng trong thế gian này đều toàn là vật vô thường, không bền vững; là khổ đau chẳng an vui; là không ở trong quyền lực cai quản, mệnh lệnh của người nào. Chính vì thế những sự xinh đẹp, hoặc những sự an vui hạnh phúc, hoặc tuổi thọ, những thể loại này cũng không có thể tồn tại, hiện hữu được, thường luôn có sự biến hoại đổi thay theo lẽ thường tình. Khi nhóm Chư Thiên đã được lắng nghe như vậy rồi, thì có sự rúng động, khiếp đảm kinh sợ; thế rồi khởi sinh lên sự sầu thảm bởi do nghĩ tưởng đến Thiên Sản, sự an lạc, sự có quyền lực, sự có thọ mạng miên trường của mình đang thụ hưởng đấy, sẽ không còn được tiếp tục bền vững lâu dài.

Chính vì thế, Đức Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày rằng: **Yepi te devā dìghāyukā vaṇṇavanto sukhabahulā uccesu vimānesu ciraṃ dìghamaddhānaṃ tiṭṭhanti tepi tathāgatassa dhammadesanaṃ sutvā bhayaṃ santāsaṃ saṃvegamāpajjanti - Dịch nghĩa:** Tất cả Chư Thiên cho dù có được thọ mạng miên trường, có da dẻ hồng hào xinh xắn, có sự an vui tột cùng, có được an trú suốt trọn thời gian lâu dài ở trong tòa Thiên Cung tinh lương thù thắng đi nữa; thế nhưng một khi những nhóm Chư Thiên đấy đã được lắng nghe Giáo Pháp Đức Như Lai khải thuyết, ắt hẳn cũng đi đến sự rùng rợn khủng khiếp, rúng động, có sự bất an trong lòng, khiếp đảm kinh sợ. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi lên chính do bởi nương vào **Hữu Lậu Hoặc làm Nhân**.

3. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Kiến Lậu Hoặc làm Nhân:

Người có sự chấp thủ rằng Ngã này là Ta, Ngã này là của Ta, thế rồi cứ mải thường luôn nâng niu cái bản ngã ấy. Trong thời gian kế tiếp chính ngay cái bản ngã ấy phát sinh trạng thái biến hoại đổi thay theo lẽ thường nhiên; hoặc phát sinh biến hoại đổi thay bởi do bệnh hoạn, có tóc bạc, răng gẫy, da thịt nhăn nhíu, bị thương tích phát sinh lên v.v. Người ấy ắt hẳn khởi sinh sự bất an trong lòng, khổ tâm, buồn lòng, khóc than. Như Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng: **Ahaṃ rūpaṃ mama rūpanti pariyuṭṭhaṭṭhāyino rūpavipariṇā maññathābhāvā uppajjanti sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường có quan điểm tà kiến rằng sắc thân này là Ta, hoặc Ta là sắc thân này; sắc thân này là của Ta. Như vậy rồi đến khi sắc thân ấy biến đổi bất thường thành một thể dạng khác theo lẽ thực tính; thế thì sự sầu thảm, buồn lòng v.v. ắt hẳn phát sinh đến với người ấy. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã sinh khởi lên chính do nương vào **Kiến Lậu Hoặc làm Nhân.**

4. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh Lậu Hoặc làm Nhân: Người thiểu trí, có chút ít tri kiến; người si độn; kẻ điên rồ; người vẫn còn chạn tuổi thanh niên; hoặc người đã được đón nhận một nền giáo dục tốt, nhưng lại thiểu trí; những hạng người này ắt hẳn đã tạo tác trong điều không nên tạo tác, và đã không tạo tác trong điều nên được tạo tác, là do bởi mãnh lực của Vô Minh Lậu Hoặc. Tức là **Si Mê (Moha),** là người đã che án bưng bít, không cho thấy điều tác nghiệt và điều lợi ích; bởi do thế, mới ưa thích làm trong điều không nên làm, vì lẽ không thấy được điều tác nghiệt; vả lại chẳng ưa thích làm trong điều nên phải làm, cũng vì lẽ không thấy được điều lợi ích. Nhóm hạng người này ắt hẳn đã phải tiếp xúc sự Khổ Thân Khổ Tâm, và đã làm Nhân cho phát sinh sự sầu thảm, sự buồn lòng.

Như Đức Thế Tôn đã lập ý khải thuyết rằng: **Sakho so bhikkhave bālo diṭṭheva dhamme tividhaṃ dukkhaṃ domanassaṃ paṭisaṃvedeti** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, kẻ không có Trí Tuệ đã phải tiếp xúc với ba thể loại vất vả khốn khổ; đó là Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Thân và Khổ Tâm chính ngay trong Hữu này. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã sinh khởi lên chính do bởi nương vào **Vô Minh Lậu Hoặc làm Nhân.**

XUẤT SINH XỨ CỦA LẬU HOẶC

Nếu như tiếp tục khởi lên một câu vấn hỏi nữa rằng: "Khi những thể loại Lậu Hoặc đây đã làm Nhân của Vô Minh rồi, thế thì cái chi làm thành Nhân của Lậu Hoặc ?" **Giải đáp rằng**: Những thể loại Lậu Hoặc này đã được liệt kê vào trong Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, tùy theo thích hợp; bởi do thế, đích thị chính Pháp làm thành Nhân cho Ái Dục, Chấp Thủ, Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi, thường được đề cập đến làm thành Nhân của Lậu Hoặc.

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN RÚT LẤY VÔ MINH ĐƯA LÊN LÀM NHÂN DIỆT ĐẦU TIÊN TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

Khi Vô Minh đã có được sinh khởi, là cũng do nương vào việc khởi sinh từ những Pháp Lậu Hoặc; thế tại làm sao lại rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân đầu tiên ? Trong sự hiện hành của Danh Sắc luân chuyển tuần hoàn trong Vòng Luân Hồi, thì Vô Minh đây đã là yếu tố quan trọng, được gọi tên **Xa Luân Thủ Sự (Vaṭṭasīrasa)** tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, Đức Phật mới lập ý rút lấy Vô Minh đưa lên đặt để làm cái Nhân đầu tiên.

Giải thích rằng trong Liên Quan Tương Sinh, thì Vô Minh và Ái Dục - cả hai yếu tố này vô cùng quan trọng, cũng tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình vậy. Và trong việc kiến tạo lên những Hành, thì có Phúc Hành v.v. đã được thành tựu viên mãn, là cũng do bởi nương vào sự hân hoan duyệt ý, vui thích trong Cảnh; tức là Ái Dục đã làm thành Nhân. Ái Dục là sự hân hoan duyệt ý, vui thích trong Cảnh, sẽ sinh khởi lên được, là cũng do bởi nương vào Vô Minh làm người che án bưng bít, không cho thấy chân như thực tính. Giả như

đã không có Vô Minh làm người che án bưng bít Chân Lý rồi, thế thì Ái Dục ắt hẳn cũng không có thể khởi sinh lên được. Một khi Ái Dục đã không có khởi sinh, thế thì những hành động tạo tác của tất cả mỗi con người cũng không hoàn thành những Pháp Hành. Bởi do thế, hai thể loại Vô Minh và Ái Dục đây, thì Vô Minh là yếu tố quan trọng hơn cả Ái Dục. Và cũng chính vì lý do này, Đức Phật mới lập ý rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân diệt đầu tiên; chẳng phải chủ đích nhắm lấy Vô Minh sinh trước các Pháp khác trong việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh.

Trong việc trình bày câu kệ ngôn cuối cùng, chỗ nói rằng: **Vaṭṭamābandha micce vaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni** – Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh. Kệ ngôn này có ý nghĩa sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển tuần hoàn liên tục với nhau; tức là sinh khởi, hiện hữu, và tử vong. Khi đã tử vong rồi, cũng liền sinh khởi, hiện hữu, và lại tử vong thêm lần nữa, như vậy một cách thường luôn và không gián đoạn. Những thể loại này - rằng khi tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện,** cũng chỉ toàn là việc sinh khởi của Pháp Liên Quan Tương Sinh hết cả thảy. Sẽ nói rằng:

1/. Một khi đã có **Vô Minh** rồi, cũng chỉ làm thành Nhân cho **Hành** được sinh khởi, một cách đặc biệt chỉ có bấy nhiêu thôi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nữ, người Nam, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi v.v.

2/. Và khi đã có **Sinh** rồi, cũng chỉ làm thành Nhân cho **Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

3/. Và khi đã có **Sầu Muộn, Bi Ai, v.v.** rồi, cũng chỉ làm thành Nhân cho **Vô Minh** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

Sự hiện hành thể loại như vậy, thường được gọi tên **Vòng Luân Hồi (Vaṭṭasaṅ khāra)** bởi vì có:

1/. Sự thúc phược ràng buộc với nhau, không gián đoạn,

2/. Thường luôn hiện hành ở trong cả ba Cõi Giới,

3/. Há chẳng phải cái ban đầu.

Chính vì lý do này, Bậc Đại Tu Sĩ mới phán quyết rằng là Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Lại nữa, chỗ nói rằng **"há chẳng phải cái ban đầu"** đã được Đức Thế Tôn lập ý nói giữa Hội Chúng Tỳ Khưu rằng: **Anamataggoyaṃ bhikkhave saṃsāro pubbakoṭi na paññāyati avijjānīvaraṇānaṃ sattānaṃ taṇhāsaṃyojanānaṃ sandhāvataṃ saṃsārataṃ - Dịch nghĩa:** Này Chư Tỳ Khưu, Vòng Luân Hồi đây, hẳn nhiên chẳng phải được biết đến đầu tiên, cũng chẳng phải hiện bày ở phía sau cùng. Tất cả Chúng Hữu Tình có **Vô Minh Triền Cái (Avijjānivaraṇa)** và **Ái Dục Kiết Sử (Taṇhāsaṃyojana),** chính những thể loại này mới luân chuyển quanh quẩn trong Vòng Luân Hồi.

PHÂN TÍCH CHI PHẦN LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO ĐẾ (SACCA) NƯƠNG VÀO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THEO VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMABHĀJANĪYANAYA)

- **Vô Minh, Hành** được liệt kê vào trong Tập Đế.
- **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ** được liệt kê vào trong Khổ Đế.
- **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu** được liệt kê vào trong Tập Đế.
- **Sinh Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong** được liệt kê vào trong Khổ Đế.

TRÌNH BÀY VIỆC SO SÁNH CHI PHẦN VÔ TỶ PHÁP THEO PHƯƠNG PHÁP BỘ CHÚ GIẢI XUA TAN MÊ MỜ (SAMMOHAVINODANĪ ATTHAKATHĀ)

- **Vô Minh** tỷ như người khiếm thị.
- **Hành** tỷ như người khiếm thị bước đi bị vấp.
- **Thức** tỷ như người khiếm thị té ngã.
- **Danh Sắc** tỷ như người khiếm thị phát sinh thương tích vì bị té ngã.
- **Lục Xứ** tỷ như vết thương mới phát khởi tấy giộp lên tiếp nối với vết thương cũ.
- **Xúc** như vết thương cũ với vết thương mới bị đụng chạm vào bất luận một chỗ nào.
- **Thọ** tỷ như người khiếm thị kia cảm thọ đau đớn ở vết thương đã bị đụng chạm.
- **Ái Dục** tỷ như người khiếm thị có nhu cầu cần phải có thuốc chữa trị vết thương ấy.
- **Chấp Thủ** tỷ như người khiếm thị đi lấy loại thuốc không đúng việc chữa trị vết thương.
- **Hữu** tỷ như người khiếm thị lấy thuốc ấy bôi vào chỗ vết thương.
- **Sinh** tỷ như vết thương bị lan rộng ra vì không đúng với loại thuốc.
- **Lão Mại – Tử Vong** tỷ như vết thương bị bể vỡ nặng nề ra.

VIỆC THẨM SÁT LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO CẢ TỨ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TỪ BỎ THẤT TÀ KIẾN (DIṬṬHI 7)

Việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh nhằm để cho lìa bỏ bảy thể loại Tà Kiến, thì có được bốn Phương Pháp, đó là:

1. Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya),

2. Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya),

3. Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyāpāranaya),

4. Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya).

1. Khi đã thẩm sát xong thì hiểu biết được rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh việc diệt nối tiếp nhau không gián đoạn, trong một Hữu hoặc trong những Hữu nối tiếp. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya).**

2. Khi đã thẩm sát xong thì hiểu biết được rằng việc nối tiếp nhau của Danh Sắc Ngũ Uẩn đây, cho dù quả thật sẽ hiện hành một cách không gián đoạn, tuy nhiên Thực Tính của những thể loại Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, lại có Thực Tính khác biệt nhau, có Nhân Quả khác biệt nhau. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya).**

3. Khi đã thẩm sát xong thì hiểu biết được rằng những Nhân sai khác có Vô Minh v.v. cho trổ sinh quả báo sai khác, có Hành v.v. Việc sinh khởi như thế để cho trổ sinh quả báo thì chẳng cần có sự nỗ lực tinh cần nào cả. Pháp làm thành Nhân và làm thành Quả nương theo Thực Tính mà sinh khởi lên hiện hành chỉ bấy nhiêu thôi; và chẳng có bất luận một điều nào để sẽ sắp bày cho hiện hành được. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyāpāranaya).**

4. Khi đã thẩm sát xong thì hiểu biết được rằng việc sinh khởi của những Pháp Quả đấy, chỉ chính bởi Nhân của mình, một cách đặc biệt không có chồng chéo với nhau; chẳng hạn như Hành chỉ sinh khởi khi có Vô Minh làm Nhân, ngoài Vô Minh này ra, thì những Pháp khác không thể nào làm Nhân cho Hành sinh khởi lên được. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya).**

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Thống Nhất** thì có khả năng từ bỏ được **Đoạn Kiến** và **Vô Hữu Kiến,** vì lẽ trông thấy liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn; tức là sinh rồi diệt, hết diệt rồi lại sinh, không chấm dứt.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Biệt Thể** thì có khả năng từ bỏ được **Thường Kiến,** vì lẽ trông thấy Thực Tính của Nhân và Thực Tính của Quả ấy không giống nhau; và Pháp làm thành Nhân làm thành Quả cũng thường luôn sinh khởi lên mới hoài hoài, chẳng phải sinh khởi rồi lại tồn tại an trụ suốt được. Chẳng hạn như Thọ với Ái Dục làm thành Nhân và làm thành Quả một đôi sinh khởi; khi đã sinh rồi cũng diệt mất đi, thế rồi lại sinh lên mới nữa và không có của cái cũ còn tồn tại, mà thường luôn chỉ là của cái mới. Bởi do thế, quan điểm chỗ nhận thấy rằng "vĩnh hằng" tức là **Thường Kiến** mới được diệt mất đi.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Phi Cần Lao** thì có khả năng từ bỏ được **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** và **Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi),** vì lẽ **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ** có quan điểm rằng "Tất cả sự vật đã hiện khởi ở trong Thế Gian này là do có Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo Chủ. Nếu không có Thượng Đế là Đấng đã kiến tạo lên rồi, thì những thể loại sự vật này cũng không thể nào sinh khởi lên được." Còn **Kiến Chấp Ngã** có quan điểm rằng trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu cái Tự Ngã; và chính cái Tự Ngã đấy, làm người sắp bày cho thực hiện những hành động đi theo sự duyệt ý vừa lòng của Tự Ngã đấy. Bởi do thế, khi thẩm sát nhận thấy rằng những Nhân và những Quả sinh khởi lên, thì thường hiện hành đi theo Pháp Thực Tính của mình. Pháp làm thành Nhân cũng chẳng phải có bất luận một việc lo lắng nỗ lực nào để sẽ cho quả báo của mình trổ sinh cả. Việc sinh khởi đích thực chính là Vô Ngã. Khi đã nhận thấy ở thể loại này rồi, thì mới diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đến đây.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Như Thị Pháp** thì có khả năng từ bỏ được **Vô Nhân Kiến** và **Vô Hành Kiến,** vì lẽ Vô Nhân Kiến ấy có quan điểm rằng "Những sự vật đã khởi sinh lên là chẳng phải được sinh do bởi nương vào bất luận một Tác Nhân Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực nào cả. Tất cả Chúng Hữu Tình có sự an vui, sự khổ đau; đó chẳng qua là tự phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, và chẳng phải khởi sinh lên từ ở nơi bất luận một Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Nhân chi cả." Còn **Vô Hành Kiến** thì có quan điểm rằng: "Hành động tạo tác cho dù là Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa, thì cũng không gọi là Thiện hoặc Bất Thiện; muốn làm thì cũng cứ tự tiện làm." Bởi do thế, người đã thẩm sát thể theo Phương Pháp Như Thị Pháp đây, ắt hẳn trông thấy được rằng Pháp làm thành Nhân làm thành Quả thì thường sinh khởi thành từng đôi một với nhau, và không thể tách ly được; chính vì thế mới có khả năng diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đây.

TRÌNH BÀY KỆ NGÔN NÓI LỜI KHUYÊN BẢO TRONG VIỆC THẨM SÁT LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

Anādidaṃ bhavacakkaṃ Vītakārakavedakaṃ
Niccasukhasubhattehi Suññaṃ passe punappunaṃ (Bhāsāṭīkā)

Toàn bộ Xa Luân đều là một khối thống khổ hằng luân chuyển tuần hoàn một cách lâu dài, tính đếm về Hữu và kiếp sống khôn xiết, hẳn nhiên không thể biết được khởi thủy của việc luân chuyển tuần hoàn đấy được. Đoạn lưu Tự Ngã, tức là người sáng tạo và người thụ hưởng, chỉ là Vô Ngã; chẳng có Thực Tính là Thường Lạc Ngã Tịnh, bất luận trường hợp nào. Bậc Hữu Trí nên thẩm sát thường luôn, như đã vừa đề cập đến tại đây. (Được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Phật Ngôn)

Người đã theo Phật Giáo thường luôn ưa thích thẩm sát và tìm kiếm đến các sự kiện; cho dù sẽ có niềm tin rằng Thế Gian mà Ta đang sinh sống đây hẳn nhiên là chẳng có tồn tại và bền vững lâu dài, ắt hẳn phải bị hoại diệt, và một khi đã bị hoại diệt đi rồi, thì lại khởi sinh lên mới nữa. Còn sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình mà đã có niềm tin theo Liên Quan Tương Sinh thì nói rằng: "Vì Vô Minh làm Nhân mới sinh Hành, vì Hành làm Nhân mới sinh Thức," như vậy v.v. nhưng vẫn không vơi đi nỗi nghĩ suy thắc mắc rằng việc sinh khởi của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình khởi thủy phát sinh lên lúc ban đầu là trong thời gian nào. Khi đã cố gắng thẩm sát đi rồi, nhưng vẫn không thể đi đến quyết định được. Những hạng người đã có thẩm sát nhưng vẫn không quyết định được đây, thì cũng phát sinh lên sự tự hiểu biết lấy. Có nghĩa là một vài nhóm người tự hiểu biết rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đây, thường hiện khởi bằng cách đoạn lưu Tác Nhân đã làm cho sinh khởi trong giai đoạn khởi thủy. Đối với sự việc Thế Gian bị hoại diệt và Thế Gian lại khởi sinh lên mới nữa; hoặc Vô Minh làm Nhân, Hành làm Quả; Hành làm Nhân, Thức làm Quả, v.v. với những thể loại này cũng chỉ làm thành Nhân khởi sinh về sau cho có Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hiện khởi lên thôi; thế nhưng chắc chắn rằng chẳng phải là Tác Nhân khởi thủy lúc ban đầu. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành người có Vô Nhân

Kiến khởi sinh lên bởi do bất tri bất giác. Lại có một nhóm khác nữa đã khởi lên tự hiểu biết lấy rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình phát sinh lên, là bởi do nương vào Nhân Quả như đã đề cập rồi đấy, mà Nhân Quả chỉ phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, là sau khi Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện khởi lên thôi. Còn Tác Nhân khởi thủy ban đầu đấy, là cần phải có Bậc Đại Nhân, là Thượng Đế sáng tạo mới được. Nếu giả như không có Thượng Đế là Đấng sáng tạo lên, thì những sự vật này cũng không thể phát sinh lên được. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành nhóm người **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** bởi do bất tri bất giác, cũng tương tự như nhau.

Cả hai nhóm người như đã vừa đề cập đến đây, đều có những sự nghĩ suy đã làm cho mất đi sự lợi ích; tức là trong sự việc không đáng nghĩ suy lại lấy đi nghĩ suy, cho đến nỗi đã làm cho mình trở thành nhóm Tà Kiến đi rồi.

Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý khuyến giáo đến tất cả Chư Tỳ Khưu rằng: **Cattārimāni bhikkhave acinteyyāni na cite tabbāni, yāni cintento ummādassa vighātassa bhāgī assa, katamāni cattāri ? Buddhānaṃ bhikkhave buddhavisayo acinteyyo na cintetabbo yaṃ cintento ummādassa vighātassa bhāgī assa, jhāyissa bhikkhave jhānavisayo acinteyyo na cintetabbo, yaṃ cintento ummādassa vighātassa bhāgī assa, kammavipāko bhikkhave acinteyyo na cintetabbo, yaṃ cintento ummādassa vighātassa bhāgī assa, lokacintā bhikkhave acinteyyā na cintetabbā yaṃ cintento ummādassa vighātassa bhāgī assa, imāni kho bhikkhave cattāri acinteyyāni na cintetabbāni yāni cintento ummādassa vighātassa bhāgī assāti** - Này Chư Tỳ Khưu, sự việc không nên để nghĩ suy, thì được gọi tên là **Bất Khả Tư Nghì (Acinteyyadhamma – Chẳng thể nghĩ bàn),** hiện hữu ở bốn trường hợp; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thống khổ ở nội tâm. Bốn thể loại sự việc không nên để nghĩ suy đấy, là gồm có những chi ? Này Chư Tỳ Khưu,

1. Một là **Phật Giới (Buddhavisaya)** là sự kiện hữu quan với sự hiện hành của Chư Phật, cùng với **Uy Lực (Ānubhāva)** của Chư Phật, và **Ân Đức Phật Bảo (Buddhaguṇa)** từ nơi Chư Phật; là sự việc không nên để nghĩ suy;

2. Hai là **Thiền Giới (Jhānavisaya)** là Thắng Trí Thiền Định từ nơi tất cả các Bậc lập ý Thần Túc Thắng Trí; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;

3. Ba là **Nghiệp Quả (Kammavipāka)** là quả báo từ nơi tất cả Nghiệp Lực, có Hiện Báo Nghiệp Lực v.v.; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;

4. Bốn là **Tâm Tư Thế Gian (Lokacintā)** là sự hiện hành của Thế Gian; tức là Thế Gian là chỗ nương trú của Chúng Sinh và tất cả Chúng Hữu Tình; mặt đất, núi đồi, sông nước, cây cối v.v. những thể loại này cũng là sự việc không nên để nghĩ suy.

Này Chư Tỳ Khưu, bốn thể loại sự việc không nên để nghĩ suy như đã vừa đề cập đến đây; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì chắc chắn rằng người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thống khổ ở nội tâm. (Trích trong Chánh Tạng **Pāḷi**, Tăng Chi Bộ Kinh; Chương thứ IV, Phẩm Bốn Chi Pháp).

Với lý do như đã vừa đề cập đến đây, tất cả hàng Phật Tử nên thẩm sát việc luân chuyển tuần hoàn từ nơi Liên Quan Tương Sinh với cả bốn Phương Pháp, có Phương Pháp Thống

Nhất v.v. như đã có được trình bày; và một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo rồi, thì sẽ phát sinh tri kiến tự liễu tri được rằng sự hiện hành của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hẳn nhiên là chẳng có Tác Nhân khởi thủy ban đầu vậy. Lại nữa, người đã có được liễu tri sự hiện hành từ nơi Liên Quan Tương Sinh, sẽ vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi, ắt hẳn chưa từng có được, ngay cả dù chỉ sẽ là mơ tưởng. Chính vì thế, người Phật Tử là bậc có kỳ vọng sẽ vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Thống Khổ, phải nên cố gắng để liễu tri đến sự hiện hành từ sự luân chuyển tuần hoàn của Xa Luân chỗ được gọi là Liên Quan Tương Sinh một cách thấu đáo.

VIỆC THẨM SÁT LIÊN QUAN TƯƠNG SINH CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA VÀ LỜI GIÁO GIỚI CỦA BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC

Vào một thời, Đức Thế Tôn ngự ở thị trấn **Kammāsadamma** trong Xứ **Kuru.** Trưởng Lão **Ānanda** đi trì bình khất thực từng mỗi nhà trong một thôn làng, để tế độ tất cả Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, ví tựa như mang một túi tài sản đi phân phát đến với những dân làng ấy vậy. Một ngày nọ, khi Trưởng Lão đã đi trì bình khất thực và đã quay trở về độ thực xong; thế rồi y theo bổn phận của Ngài đã đi đến phụng dưỡng phục vụ Đức Thế Tôn. Khi đã đến thời gian giữa trưa ngọ, Đức Thế Tôn đã ngự vào Hương Thất để chỉ tịnh, và rồi Ngài Trưởng Lão **Ānanda** đã quay trở lại Tịnh Thất của Ngài, thực hiện việc huấn giáo dạy dỗ đồ đệ của Ngài cũng đã vừa xong, thì liền đi tĩnh tọa tầm cầu thụ hưởng lạc vị giải thoát. Tức là **Nhập Thiền Quả (Phalasampatti)** ngay tại nơi đấy; và khi đã xuất khỏi Thiền Quả, thế rồi đã thẩm sát Liên Quan Tương Sinh theo phần Thuận, phần Nghịch, rồi lại thẩm sát từ đầu cho đến đoạn giữa theo phần Thuận, theo phần Nghịch từ cuối cho đến đoạn giữa; thể theo phương cách thẩm sát rằng "Chỉ có Hành sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân thôi; chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh; vả lại Vô Minh cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp. Chỉ có Thức sinh khởi bởi do nương vào Hành làm Nhân thôi; chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Hành; vả lại Hành cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp." Ngài cứ mãi lần lượt thẩm sát theo phương cách này, cho đến Lão Mại – Tử Vong ngần ấy đã sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân, chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Sinh. Ngài đã thẩm sát đến ba lần; tức là từ đầu cho đi đến cuối và từ cuối cho đi đến đầu; từ đầu cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến đầu; từ cuối cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến cuối. Trong khoảng giữa thời gian đang thẩm sát đấy, sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh có việc hiệp trợ thể theo Nhân và Quả, ở cả 12 Chi Phần, cũng hiện bày lên rõ ràng ở trong Trí Tuệ của Ngài, và Ngài mới nghĩ suy rằng "Tất cả Chư Phật, Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này có thực tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến; và trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được nhận thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Chính tự Ta đây cũng chỉ là hạng Thinh Văn và có Trí Tuệ chỉ một phần ngần ấy thôi, thế mà cũng có sự sáng tỏ rõ ràng trong sự hiện hành của Pháp Liên Quan Tương Sinh

này làm thành một cách tốt đẹp. Các bậc Thinh Văn khác sẽ có được cảm thọ tương tự ở thể loại như Ta không nhỉ ?" Khi đã đến lúc hoàng hôn, Trưởng Lão **Ānanda** đã đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, và rồi đã quỳ lạy tác bạch rằng: **Acchariyaṃ bhante, abbhutaṃ bhante, yāvagambhīro cāyaṃ bhante paṭiccasamup pādo gambhīrābh āso ca, atha ca pana me uttānukuttānako viya khāyati** - Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật là điều rất huyền diệu, là một điều rất đặc biệt, đã không từng hiện bày từ trước đây. Kính bạch Thế Tôn, Ngài là bậc tiến hóa, Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày rõ ràng đối với con tương tự như rằng Pháp này rất là nông cạn vậy.

Khi Đức Thế Tôn đã lập ý lắng nghe Trưởng Lão **Ānanda** tác bạch như thế rồi, thì rủ lòng bi mẫn nghĩ suy rằng "**Ānanda** đệ tử của Ta đây đã đề cập đến lãnh vực địa hạt của tất cả hàng Chư Phật, là Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày thấu đáo rõ ràng đến với mình. Sự việc **Ānanda** đã nói như vậy, y như thể là cố gắng với tay lên cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, cố gắng bổ Tu Di Sơn cho tách ra để sẽ lấy thạch ngọc ở bên trong vậy, cố gắng sẽ vượt qua đại dương mà chẳng phải nương nhờ vào thuyền bè, cố gắng sẽ lật ngược quả địa cầu để sẽ lấy bổ phẩm ở trong lòng đất vậy. Khi đã là như thế, thì Ta cần phải cản ngăn lời nói này." Khi Đức Phật đã suy nghĩ như thế rồi, mới phán truyền với Ngài **Ānanda** rằng: **Mā hevaṃ Ānanda mā hevaṃ Ānanda gambhīro cāyaṃ Ānanda Paṭiccasamup pādo gambhīravābhāso** - Này **Ānanda,** chớ nên nói như vậy, chớ nên nói như vậy, này **Ānanda;** Pháp Liên Quan Tương Sinh đây có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Pháp Liên Quan Tương Sinh là Pháp có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến; cũng tỷ như nước trong đại dương ở sát cận Tu Di Sơn, dường như thể ấy.

Theo lẽ thường nhiên, sự hiện hành của nước hiện hữu ở bốn thể loại, đó là:

1. Một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; tuy nhiên sự thật thì chỉ cạn độ 2 – 3 hắc tay thôi. Chẳng hạn như nước ở trong hồ hoặc trong mương lạch có lá cây rụng xuống, đã rã mục ở dưới đáy hồ hoặc đáy mương; và đã làm cho nước ấy hiện bày sắc màu xanh lam. Người trông thấy, thì sẽ hiểu biết rằng nước ở trong hồ, hoặc trong mương ấy rất sâu thẳm; tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là cạn hều.

2. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là nông cạn; tuy nhiên sự thật thì rất sâu thẳm. Chẳng hạn như nước ở trong hồ, hoặc ở trong ao, trong suối; thì một vài nơi có sự trong vắt cho đến nỗi nhìn thấy được các sự vật hiện hữu ở đằng ấy một cách rõ ràng; và đã làm cho người trông thấy có sự hiểu biết rằng là cạn hều. Tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẻ hiện bày là sâu thẳm.

3. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là cạn hều, và sự thực nước trong chỗ đấy cũng có Thực Tính là cạn hều; chẳng hạn như nước ở trong cái lu, trong cái chậu, trong cái nồi, v.v.

4. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; và sự thực nước ở trong chỗ đấy cũng có Thực Tính là sâu thẳm, chẳng hạn như nước ở trong đại dương hùng vĩ.

Sự thậm thâm của Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, là thuộc ở trong nhóm nước được phân loại thứ tư, và đích thực rất khó khăn với người thông thường để sẽ được liễu tri một cách sáng tỏ rõ ràng. Với lý do như vậy, Đức Chánh Đẳng Giác mới phán truyền cản ngăn Ngài **Ānanda** không cho được nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này y như thể là loại Pháp rất là nông cạn đối với Ngài **Ānanda.** Trong tất cả các hàng Chư Thinh Văn của Đức Chánh Đẳng Giác – ngoại trừ hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn ra – thì các Chư vị Thinh Văn khác để sẽ có được tri kiến trong Pháp Liên Tương Sinh một cách rõ ràng thấu đáo tương tự với Ngài **Ānanda** đây quả thật không có; và trong sự việc Ngài **Ānanda** có Trí Tuệ liễu tri được rõ ràng thấu đáo như vậy, thì cần phải nương vào bốn yếu tố Tác Nhân, đó là:

1. Kỳ Phúc Thị Giả (Upaṭṭhakaadhikāro): Là người đã từng kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và rồi đã có sở nguyện vọng được làm Thị Giả Đức Phật.

2. Môn Đồ (Antevāsiko): Được làm người thân cận (môn đồ, đệ tử) với Bậc Đại Tôn Sư.

3. Thất Lai Giả (Sotāpanno): Đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai.

4. Đa Văn Giả (Bahussutadharo): Làm thành bậc đa văn quãng kiến.

Kết Thúc Việc Trình Bày Pháp Liên Quan Tương Sinh Thể Theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Suttantabhājanīyanaya)

----------00000----------

VIỆC TRÌNH BÀY PHÁP LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THEO VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMABHĀJANĪYANAYA)

Việc trình bày Pháp Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác đây, hiện hữu ở hai phương pháp; đó là:

1/. Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng,

2/. Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã dẫn dắt để trình bày trong Chương thứ Tám này đây, ấy là việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng; là việc trình bày đến sự hiện hành trong rất nhiều cái Tâm từ nơi Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên là **Dị Tâm Dị Thời Liên Quan Tương Sinh (Nānācittakkhaṇikapaṭiccasamuppāda).** Và tiếp nối theo đây, sẽ trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng, là việc trình bày đến sự hiện hành trong từng mỗi cái Tâm từ Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên **Đồng Tâm Hợp Thời Liên Quan Tương Sinh (Ekacittakkhaṇikapaṭiccasamuppāda).**

VIỆC TRÌNH BÀY THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THEO TẠNG VÔ TỶ PHÁP ĐƯỢC CHIA RA LÀM BA NHÓM, Đó Là:

1/. Câu Bất Thiện (Akusalapada), 2/. Câu Thiện (Kusalapada), 3/. Câu Vô Ký (Abyākatapada).

I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA)

Trong Câu Bất Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 4 Tâm Tương Ưng Kiến ngần ấy thôi.

Avijjāpaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhayatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādānaṃ upādānapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti - Vô Minh làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Chấp Thủ, Chấp Thủ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **Vô Minh** làm Nhân thì **Phi Phúc Hành,** là Tư Tâm Sở Bất Thiện Tương Ưng Kiến hiện hành cùng câu sinh với Vô Minh đấy mới sinh khởi. Bởi do **Phi Phúc Hành** là Tư Tâm Sở Bất Thiện Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Tâm Tương Ưng Kiến** mới sinh khởi. Bởi do **Tâm Tương Ưng Kiến** làm Nhân, **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến đấy mới sinh khởi. Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Ý Xứ** tức là Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi. Bởi do **Ý Xứ** là Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi. Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi. Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi. Bởi do **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **ba Chấp Thủ** (loại trừ Dục Chấp Thủ) phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi. Bởi do **ba Chấp Thủ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến (loại trừ Tà Kiến) mới sinh khởi. Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến (loại trừ Tà Kiến) làm Nhân, **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ưng Kiến đấy mới sinh khởi. Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Vô Minh, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Cho Được Rõ Thêm

+ Tại nơi đây, chỗ trình bày nói rằng **Viññāṇapaccayā nāma (Thức làm duyên Danh)** mà chẳng phải trình bày **Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ (Thức làm duyên Danh Sắc),** cũng bởi vì thiết yếu trình bày Pháp phối hợp với từng mỗi cái Tâm, và cũng thiết yếu trình bày cho hiện hành ở trong Cõi Giới mà Tâm sinh khởi được cùng khắp; chính vì thế mới không sử dụng câu nói rằng **Nāmarūpaṃ (cho Danh Sắc).**

+ Chỗ trình bày rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ (Danh làm duyên Xứ thứ sáu)** mà chẳng trình bày **Nāmapaccayā saḷāyatanaṃ (Danh làm duyên Lục Xứ)**, cũng bởi vì chính Danh Pháp làm thành Nhân, tức là chỉ đơn nhất có Tâm Sở, và chẳng có Sắc; chính vì thế Pháp làm thành Quả mới cũng phải là Danh Pháp với nhau, tức là Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và đơn nhất chính là Tâm.

+ Chi Pháp **Viññāṇaṃ** trong câu nói rằng **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ (Hành làm duyên Thức)** và Chi Pháp **Chaṭṭhāyatanaṃ (Xứ thứ sáu)** trong câu nói rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ (Danh làm duyên Xứ thứ sáu)**; cả hai đây, chính là Tâm Tương Ưng Kiến tương tự như nhau. Thế nhưng có phần đặc biệt, đó là trong câu **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ** thì Tư Tâm Sở làm Nhân đặc biệt của Thức, và ba Uẩn Tâm Sở thì làm Quả phổ thông của Thức.

+ Trong câu nói rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ** thì ba Uẩn Tâm Sở làm Nhân phổ thông của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và Tâm Sở Xúc thì làm Quả đặc biệt của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ).

+ Trong Phương Pháp Phân Tích Theo Tạng Vô Tỷ Pháp đây, thì Đức Phật không có lập ý trình bày đến Sầu Muộn, Bi Ai v.v. ấy là Quả của Sinh; mà chỉ có lập ý trình bày **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ (Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong)** ngần ấy thôi. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì ở trong từng mỗi cái sát na Tâm thì những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đây thường chẳng có được sinh khởi. Vả lại một trường hợp khác nữa, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đây cũng chẳng có sinh khởi trong khắp cả các Cõi Giới, chẳng hạn như trong Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Với lý do này, Đức Phật mới không có lập ý trình bày Sầu Muộn, Bi Ai v.v. cho làm thành Quả của Sinh.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh trong 4 Tâm Bất Tương Ưng Kiến đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo** - Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh trong Tâm căn Sân đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā paṭighaṃ paṭighapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo** - Thọ làm duyên Khuể Phẫn, Khuể Phẫn làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

+ Trong Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā vicikic chā vicikicchāpaccayā bhavo** - Thọ làm duyên Hoài Nghi, Hoài Nghi làm duyên Hữu.

+ Trong Tâm Si Tương Ưng Trạo Cử đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā uddhac caṃ uddhaccapaccayā adhimokkho adhimokkha paccayā bhavo** - Thọ làm duyên Trạo Cử, Trạo Cử làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA)

Trong Câu Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ưng Trí ngần ấy thôi.

Kusalapaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā

pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jatipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti - Pháp Thiện làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **ba Căn Thiện** làm Nhân thì **Phúc Hành** tức là Tư Tâm Sở Đại Thiện Tương Ưng Trí hiện hành cùng câu sinh với ba Căn Thiện mới sinh khởi. Bởi do **Phúc Hành** là Tư Tâm Sở Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí** mới sinh khởi. Bởi do **Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí** làm Nhân, **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Trí làm Nhân, **Ý Xứ** là Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Ý Xứ** là Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Thanh Triệt** là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Thanh Triệt** là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí (loại trừ Thắng Giải) mới sinh khởi. Bởi do **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí (loại trừ Thắng Giải) làm Nhân, **Danh Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Trí mới sinh khởi. Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân, **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Căn Thiện, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Cho Được Rõ Thêm

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh trong Câu Thiện đây, chẳng có được trình bày đến **Vedanāpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādānaṃ (Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Chấp Thủ)** mà chỉ có trình bày **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải),** cũng bởi vì Ái Dục và Chấp Thủ đây chỉ có phối hợp với Tâm căn Tham thôi, và chẳng có phối hợp với Tâm nào khác; chính vì thế mới trình bày **Tín** thay thế **Ái Dục, Thắng Giải** thay thế **Chấp Thủ.** Như đã có trình bày rằng **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhi mokkho (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải)** khi đem so sánh cảnh trạng hiện hành thì Ái Dục có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm trong Cảnh; Tín cũng có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm trong Cảnh tương tự như nhau; và Chấp Thủ có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh, còn Thắng Giải cũng có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy

trong Cảnh tương tự như nhau; chính vì thế mới rút lấy Tín và Thắng Giải lên trình bày đặng thay thế Ái Dục và Chấp Thủ.

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh trong những Tâm Thiện khác cũng tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với Câu cuối cùng, khi trình bày với Tâm Siêu Thế thì đã có trình bày rằng **Evametesaṃ dhammānaṃ samudayo hoti - dịch nghĩa:** Việc sinh khởi của Pháp Thiện Siêu Thế thường hiện hành như vầy.

III. CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATAPADA)

Trong Câu Vô Ký đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ngần ấy thôi.

Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhāyata naṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā bhavo bhava paccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti - Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **Phúc Hành, Phi Phúc Hành** là 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện, 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện làm Nhân thì **10 Tâm Ngũ Song Thức** mới sinh khởi. Bởi do **Ngũ Song Thức** làm Nhân, **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp Ngũ Song Thức mới sinh khởi. Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân, **Ý Xứ** là 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi. Bởi do **Ý Xứ** là 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân, **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi. Bởi do **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân, **Thọ** phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi. Bởi do **Thọ** phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân, **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) mới sinh khởi. Bởi do **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) làm Nhân, **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi. Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức làm Nhân, **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Phúc Hành, Phi Phúc Hành v.v. như đã vừa đề cập đến đây.

Ghi chú:...Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh trong Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân còn lại và hai **Tâm Khai Môn (Āvajjanacitta)** đặc biệt đã có trình bày trực tiếp rằng: **Vedanāpaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo - (Thọ làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu)** ngần ấy thôi. Và trong Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân đã có trình bày rằng: **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo - (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu).** Câu ngoài ra cũng trình bày tương tự như nhau.

Trong câu cuối cùng Tâm Quả Siêu Thế đã không có trình bày rằng **Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Việc sinh khởi toàn bộ khối thống khổ thường hiện hành như vầy, thay vào đó đã trình bày rằng **Evametassa dhammānaṃ samudayo hoti - dịch nghĩa:** Việc sinh khởi Pháp Quả Siêu Thế thường hiện hành như vầy.

Ghi chú:...Trong Bộ Phân Tích đã có trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng đã chia ra làm sáu Xiển Minh **(Niddesa),** là:

1. **Bất Thiện Xiển Minh (Akusalaniddesa)**
2. **Thiện Xiển Minh (Kusalaniddesa)**
3. **Vô Ký Xiển Minh (Abyākataniddesa)**

Cả ba Xiển Minh này, đích thị tương tự với Câu Bất Thiện, Câu Thiện, Câu Vô Ký trong Khóa Trình Giảng Dạy vậy.

4. Xiển Minh Thiện Căn Nguyên Vô Minh (Āvijjāmūlakusalaniddesa) là Xiển Minh của 21 Tâm Thiện có Vô Minh làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này có 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Thanh Triệt, Thắng Giải, Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong.

5. Xiển Minh Quả Dị Thục Căn Nguyên Thiện (Kusalamūlavipākaniddesa) là Xiển Minh của 29 Tâm Dị Thục Quả Thiện có Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Thiện, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Hữu, Sinh, Lão Lại – Tử Vong. Ba Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân còn lại có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; thành Thọ, Thắng Giải, Hữu, và chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

6. Xiển Minh Dị Thục Quả Căn Nguyên Bất Thiện (Akusalamūlavipāka niddesa) là Xiển Minh của bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có Bất Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Bất Thiện, Hành, và Chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện. Hai Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; và như thế thành Thọ, Thắng Giải, Hữu ngần ấy thôi.

Kết Thúc Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh

----------00000----------

MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC VỀ 24 DUYÊN TRÌNH BÀY PHẦN PĀLI VÀ LỜI DỊCH NGHĨA THỂ THEO TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

1. Hetupaccayo ārammaṇapaccayo adhipatipaccayo anantarapaccayo samanan tarapaccayo sahajātapaccayo aññamaññapaccayo nissayapaccayo upanissayapaccayo purejātapaccayo pacchājātapaccayo āsevanapaccayo kammapaccayo vipākapaccayo

āhārapaccayo indriyapaccayo jhānapaccayo maggapaccayo sampayuttapaccayo vippayuttapaccayo atthipaccayo natthipaccayo vigatapaccayo avigatapaccayo ayamet tha paṭṭhānanayo - Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dụng Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên, Bất Ly Duyên. Trên đây là trình bày Phương Pháp Phát Thú thể theo định lý tương quan của Duyên Hệ.

Có nghĩa:

1. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nhân Duyên.**

2. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cảnh Duyên.**

3. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Trưởng Duyên.**

4. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Gián Duyên** (sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

5. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đẳng Vô Gián Duyên** (sự liên tục nối tiếp nhau liền tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

6. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Câu Sinh Duyên** (cùng câu sinh với nhau).

7. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hỗ Tương Duyên** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).

8. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Y Chỉ Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ).

9. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cận Y Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).

10. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tiền Sinh Duyên** (sự sinh trước).

11. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hậu Sinh Duyên** (sự sinh đàng sau).

12. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Trùng Dụng Duyên** (sự thường luôn thụ hưởng).

11. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nghiệp Lực Duyên** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).

12. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Dị Thục Quả Duyên** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).

13. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vật Thực Duyên** (sự làm người dẫn dắt).

14. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Quyền Lực Duyên** (sự làm người cai quản).

15. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Thiền Na Duyên** (sự làm người thẩm thị Cảnh).

16. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đồ Đạo Duyên** (sự làm thành đạo lộ).

17. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tương Ưng Duyên** (sự làm người phối hợp).

18. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Tương Ưng Duyên** (sự làm người bất phối hợp).

19. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hiện Hữu Duyên** (sự làm người vẫn còn hiện hữu).

20. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Hữu Duyên** (sự làm người không còn hiện hữu).

21. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Ly Khứ Duyên** (sự làm người đã lìa khỏi rồi).

22. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Ly Duyên** (sự làm người chẳng có lìa khỏi).

Đích thị việc kết hợp 24 Pháp Duyên như đã vừa đề cập đến tại đây, ấy là Phương Pháp Phát Thú trong Tổng Hợp Duyên Hệ.

KỆ NGÔN TỔNG HỢP TRÌNH BÀY ĐẾN SÁU NHÓM DUYÊN HỆ

2. Chadhā nāmantu nāmassa Pañcadhā nāmarūpinaṃ
Ekadhā puna rūpassa Rūpaṃ nāmassa cekadhā
Paññattināmarūpāni Nāmassa duvidhā dvayaṃ
Dvayassa navadhā ceti Chabbidhā paccayā kathaṃ

Bằng sáu phương cách Danh liên hệ với Danh. Bằng năm phương cách Danh liên hệ với Danh và Sắc. Bằng một phương cách Danh liên hệ với Sắc, và Sắc liên hệ với Danh. Bằng hai phương cách Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh. Bằng chín phương cách cả hai Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc. Như vậy những Pháp Duyên có được sáu nhóm liên hệ với nhau. Như thế nào ?

Có nghĩa là: Phân tích 24 Duyên ra thành nhiều nhóm:

1. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được sáu Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc có được năm Duyên.
3. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có được một Duyên.
4. Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được một Duyên.
5. Chế Định, cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được hai Duyên.
6. Cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả hai Danh Sắc có được chín Duyên.

Tất cả Pháp Duyên được phân chia ra làm thành sáu nhóm đã có được như vầy. Việc phân chia Duyên ra thành sáu nhóm như thế nào, thì tiếp theo đây sẽ tuần tự trình bày:

3. Anantaraniruddhā cittacetasikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetasikānaṃ dhammānaṃ anantarasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimā naṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahajātā cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sampa yuttavaseneti ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti - Bằng sáu phương cách Danh liên hệ với Danh, đó là: Những Tâm và Tâm Sở vừa mới diệt liên hệ với những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liền theo đó ngay trong hiện tại, thể theo phương cách Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên, và Ly Khứ Duyên. Những Tâm Đồng Lực sinh trước liên hệ với Tâm Đồng Lực sinh khởi theo liền kế sau, thể theo phương cách Trùng Dụng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở cùng sinh khởi câu hữu liên hệ với nhau, thể theo phương cách Hỗ Tương Duyên.

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được sáu Duyên:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây sinh khởi và diệt mất một cách không có xen kẽ giữa, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Tâm và Tâm Sở mới sinh khởi nối tiếp liền kế sau, với mãnh lực từ ở Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Những Tâm Đồng Lực đây sinh trước trước, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Tâm Đồng Lực sinh sau sau, với mãnh lực từ ở Trùng Dụng Duyên. Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, với mãnh lực từ ở Hỗ Tương Duyên.

4. Hetujhānaṅgamaggaṅgāni sahajātānaṃ nāmarūpānaṃ hetādivasena, sahajātā cetanā sahajātānaṃ nāmarūpānaṃ nāmakkhaṇikā cetanā kammābhinibbattānaṃ nāmarūpānaṃ kammavasena vipākakkhandhā aññamaññaṃ sahajātānaṃ rūpānaṃ vipākavaseneti ca pañcadhā nāmaṃ nāmarūpānaṃ paccayo hoti - Bằng năm phương cách Danh liên hệ với Danh và Sắc, đó là: Những yếu tố Nhân, Chi Thiền và Chi Đạo liên hệ với Danh và Sắc câu hữu, thể theo phương cách Nhân Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên. Tư Tâm Sở liên hệ với Danh và Sắc cùng câu hữu với nhau; và Tư Tâm Sở khác biệt sát na liên hệ với Danh và Sắc do Nghiệp Lực tạo tác, thể theo phương cách Nghiệp Lực Duyên. Những Uẩn Dị Thục Quả (thuộc Danh Pháp) liên hệ với nhau, và liên hệ với các Sắc Pháp cùng câu sinh, thể theo phương cách Dị Thục Quả Duyên.

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh và Sắc có được năm Duyên:

- Lục Nhân, Ngũ Chi Thiền và Cửu Chi Đạo, với những thể loại này làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh hiện hữu với mình, với mãnh lực từ ở Nhân Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên. Tư Tâm Sở cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc câu sinh cùng chung một sát na; và Tư Tâm Sở sinh khởi khác biệt sát na, tức là đã diệt đi rồi, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh do nương vào Nghiệp Lực đã diệt mất đi rồi, với mãnh lực từ ở Nghiệp Lực Duyên. Tức là Câu Sinh Nghiệp Duyên và Dị Thời Nghiệp Duyên. Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở Dị Thục Quả Duyên.

5. Pacchājātā cittacetasikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājāta vaseneti ekadhāva nāmaṃ rūpassa paccayo hoti - Chỉ bằng một phương cách Danh liên hệ với Sắc, đó là: Những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liền theo sau liên hệ với sắc thân đã sinh trước đó, thể theo phương cách Hậu Sinh Duyên.

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có được một Duyên:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở sinh liền kế sau sắc thân đã sinh trước đó, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với sắc thân ấy, với mãnh lực từ ở Hậu Sinh Duyên.

6. Cha vatthūni pavattiyaṃ sattannaṃ viññāṇadhātūnaṃ pañcārammaṇāni ca pañcaviññāṇavīthiyā purejātavaseneti ekadhāva rūpaṃ nāmassa paccayo hoti - Chỉ bằng một phương cách Sắc liên hệ với Danh, đó là: Cả Lục Vật liên hệ với Thất Thức Giới

trong Thời Kỳ Chuyển Khởi; và cả Ngũ Cảnh liên hệ với Ngũ Lộ Trình Tâm Thức, thể theo phương cách Tiền Sinh Duyên.

Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được một Duyên:

- Cả Lục Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và cả Ngũ Cảnh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lộ Trình Ngũ Thức, với mãnh lực từ ở Tiền Sinh Duyên. Tức là Vật Tiền Sinh Duyên và Cảnh Tiền Sinh Duyên.

7. Ārammaṇavasena upanissayavaseneti ca duvidhā paññattināmarūpāni nāmas seva paccayā honti - Bằng hai phương cách mà những Pháp Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh, đó là thể theo Cảnh Duyên và Cận Y Duyên.

Cả ba Chế Định, Danh và Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được 2 Duyên: Với mãnh lực từ ở Cảnh Duyên và Cận Y Duyên.

8. Tattha rūpādivasena chabbidhaṃ hoti ārammaṇaṃ - Nơi đây, Cảnh có sáu, đó là Sắc, Thinh, Khí, v.v." Trong cả hai Duyên đấy, Cảnh Duyên có được sáu thể loại do phân loại từ nơi Cảnh có Cảnh Sắc, v.v.

9. Upanissayo pana tividho hoti ārammaṇūpanissayo anantarūpanissayo paka tūpanissayo ceti - Thế nhưng, Cận Y Duyên chỉ có ba, đó là Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. Còn Cận Y Duyên thì chỉ có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

10. Tattha ārammaṇameva garukataṃ ārammaṇūpanissayo - Nơi đây, tự nơi Cảnh trở thành nổi trội lên đã tác hành thành một Cảnh Cận Y Duyên. (Điều kiện trọn vẹn tùy thuộc nơi Cảnh). Trong cả ba Cận Y Duyên đấy, Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, thì được gọi tên là Cảnh Cận Y Duyên.

11. Anantaraniruddhā cittacetasikā dhammā anantarūpanissayo - Những Tâm và Tâm Sở vừa diệt mất tác hành thành một Vô Gián Duyên. (Điều kiện trọn vẹn tùy thuộc liên tục, không gián đoạn). Đích thị chính Pháp Tâm và Tâm Sở sinh khởi và diệt mất liên tục một cách không có xen kẽ giữa, được gọi tên là Vô Gián Cận Y Duyên.

12. Rāgādayo pana dhammā saddhādayo ca sukhaṃ dukkhaṃ puggalo bhoja naṃ utu senāsanañca yāthārahaṃ ajjhattañca bahiddhā ca kusalādidhammānaṃ kammaṃ vipākānanti ca bahudhā hoti pakatūpanissayo – Và Thường Cận Y Duyên có nhiều thể loại, trạng thái Tham Ái, trạng thái Tín, an lạc, khổ đau, cá nhân, vật thực, quý tiết, điều kiện lưu trú, nội và ngoại cảnh tùy theo trường hợp v.v. liên hệ với các Pháp Thiện v.v. Nghiệp Lực – cùng thế ấy – cũng liên hệ với Nghiệp Quả. Còn Pháp Bất Thiện có Tham Ái v.v. Pháp Thiện có Tín v.v. sự Lạc Thân Khổ Thân, con người, vật thực, hư không, trú xứ; với những thể loại này làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả các Pháp, có Pháp Thiện

v.v. mà sinh khởi ở nội bộ và ngoại bộ tùy theo trường hợp. Và Nghiệp Lực đang có năng lực mãnh liệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Dị Thục Quả; tất cả đều được gọi tên Thường Cận Y Duyên hết cả thảy, và hiện hữu ở rất nhiều thể loại như vầy.

13. Adhipati sahajāta aññamaññā nissaya āhāra indriya vippayutta atthi avigata seneti yathārahaṃ navadhā nāmarūpāni nāmarūpānaṃ paccayā bhavanti - Bằng chín phương cách và tùy theo trường hợp mà Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc; đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên.

Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc có được chín Duyên:

Bằng cách phân loại từ ở Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên, tùy theo trường hợp.

14. Tattha garukatamārammaṇaṃ ārammaṇādhipativasena nāmānaṃ sahajātā dhipati catubbidhopi sahajātavasena sahajātānaṃ nāmarūpānanti ca duvidho hoti adhipatipaccayo - Nơi đây, Trưởng Duyên có hai thể loại: Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, bởi theo phương cách Cảnh Trưởng Duyên. Tứ Danh Pháp sinh khởi liên hệ cùng câu hữu với Danh Sắc, bởi theo phương cách Câu Sinh Trưởng Duyên.

Trong những cả chín Duyên đấy, Trưởng Duyên có được hai thể loại Duyên:

Một thể loại, là Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, với mãnh lực từ ở Cảnh Trưởng Duyên. Một thể loại khác nữa, ấy là Cả Tứ Chi Trưởng có Dục v.v. cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh nhau, với mãnh lực từ ở Câu Sinh Trưởng Duyên.

15. Cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sahajātarūpānañca mahabhūtā aññamaññaṃ upādārūpānañca, paṭisandhikkhaṇe vatthuvipākā aññamaññanti ca tividho hoti sahajātapaccayo - Câu Sinh Duyên có ba thể loại: những Tâm và Tâm Sở liên hệ cùng câu sinh với nhau và liên hệ cùng câu hữu với các Sắc Pháp; Tứ Sắc Đại Hiển liên hệ hỗ tương với các Sắc Y Sinh; trong sát na Tái sinh, Sắc Ý Vật và những Uẩn Dị Thục Quả liên hệ hỗ tương với nhau.

Câu Sinh Duyên có ba thể loại:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu hữu với nhau.

2. Cả Tứ Sắc Đại Hiển làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh.

3. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

16. Cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ mahābhūtā aññamaññaṃ paṭisandhik khaṇe vatthuvipākā aññamaññanti ca tividho hoti aññamaññapaccayo - Hỗ Tương Duyên có ba thể loại, đó là: Pháp Tâm và Tâm Sở liên hệ hỗ tương với nhau; cả Tứ Đại Hiển liên hệ hỗ tương với nhau; trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ và những Uẩn Dị Thục Quả liên hệ hỗ tương với nhau.

Hỗ Tương Duyên có ba thể loại:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

2. Cả Tứ Sắc Đại Hiển làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

3. Trong sát na Tái sinh, Sắc Tâm Cơ và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

17. Cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sahajātarūpānañca, mahābhūtā añña maññaṃ upādārūpānañca, cha vatthūni sattannaṃ viññāṇadhātūnanti ca tividho hoti nissayapaccayo - Y Chỉ Duyên có ba thể loại, đó là: những Tâm và Tâm Sở liên hệ cùng câu sinh với nhau và liên hệ cùng câu hữu với các Sắc Pháp; Tứ Sắc Đại Hiển liên hệ hỗ tương với các Sắc Y Sinh; và Lục Sắc Vật liên hệ với Thất Thức Giới.

Y Chỉ Duyên có ba thể loại:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu hữu với mình.

2. Cả Tứ Sắc Đại Hiển làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh.

3. Lục Sắc Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới.

18. Kabaḷīkāro āhāro imassa kāyassa arūpino āhārā sahajātānaṃ nāmarūpā nanti ca duvidho hoti āhārapaccayo - Vật Thực Duyên có hai thể loại, đó là: Đoàn Thực liên hệ sắc thân này; Vật Thực Vô Sắc (Danh Vật Thực) liên hệ cùng câu sinh với Danh Sắc.

Vật Thực Duyên có hai thể loại:

1. Vật Thực thích hợp để cho làm thành từng miếng, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

2. Cả ba Danh Vật Thực có Xúc v.v. làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau.

19. Pañca pasādā pañcannaṃ viññāṇānaṃ rūpajīvitindriyaṃ upādinna rūpā naṃ, arūpino indriyā sahajātānaṃ nāmarūpānanti ca tividho hoti indriyapaccayo - Quyền Lực Duyên có ba thể loại, đó là: Ngũ Thanh Triệt liên hệ với Ngũ Thức; Sắc Mạng Quyền liên hệ với Sắc Y Sinh; Quyền Vô Sắc (Danh Mạng Quyền) liên hệ cùng câu sinh với Danh Sắc.

Quyền Lực Duyên có ba thể loại:

1. Ngũ Sắc Thanh Triệt làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Thức.

2. Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh.

3. Bát Chi Pháp Danh Mạng Quyền có Tâm Sở Mạng Quyền v.v. làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau.

20. Okkantikkhaṇe vatthu vipākānaṃ, cittacetasikā dhammā sahajātarūpānaṃ sahajātavasena, pacchājātā cittacetasikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchāj ātavasena, cha vatthūni pavattiyaṃ sattannaṃ viññāṇadhātūnaṃ purajātavaseneti ca tividho hoti vippayuttapaccayo - Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại, đó là: Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ liên hệ với các Tâm Dị Thục Quả, và những Tâm và Tâm Sở liên hệ với các Sắc Pháp cùng câu sinh; bởi theo phương cách Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở hậu sinh liên hệ với sắc thân tiền sinh; bởi theo phương cách Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên. Lục Vật trong Thời Kỳ Chuyển Khởi liên hệ với Thất Thức Giới; bởi theo Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại:

1. Trong sát na Tái sinh, Sắc Tâm Cơ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả; và Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

2. Pháp Tâm và Tâm Sở sinh sau sau làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với sắc thân sinh trước trước, với mãnh lực từ ở Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

3. Trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, Lục Sắc Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới, với mãnh lực từ ở Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên. Tức là Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

21. Sahajātaṃ purejātaṃ pacchājātañca sabbathā kabaḷīkāro āhāro rūpajīvita miccayanti pañcavidho hoti atthipaccayo avigatapaccayo ca - Bằng theo mọi phương cách liên hệ với Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thì có được năm thể loại Duyên, đó là: Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Đoàn Thực, và Sắc Mạng Quyền.

Từng mỗi Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có được năm thể loại Duyên tùy theo mọi phương cách, đó là:

1. Bởi làm thành chủng loại Câu Sinh.
2. Bởi làm thành chủng loại Tiền Sinh.
3. Bởi làm thành chủng loại Hậu Sinh.
4. Bởi làm thành một thể loại Đoàn Thực.
5. Bởi làm thành một thể loại Sắc Mạng Quyền.

22. Ārammaṇūpanissayakammatthipaccayesu ca sabbepi paccayā samodhānaṃ gacchanti - Tất cả mọi duyên hệ đều được bao gồm ở trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên. Nếu sẽ phải trình bày Duyên Hệ bởi theo giản lược, thì tất cả những thể loại Duyên này thường được tập hợp vào trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên, hết cả thảy.

23. Sahajātarūpanti panettha sabbatthāpi pavatte cittasamuṭṭhānānaṃ paṭisandhiyaṃ kaṭattārūpānañca vasena duvidhaṃ hotīti veditabbaṃ - Nơi đây, Sắc câu sinh cần phải được hiểu theo hai phương cách: trong sự diễn tiến cuộc sống, thì cần phải hiểu là những Sắc Pháp do Tâm Xuất Sinh Xứ; và trong Thời Kỳ Tái Sinh thì cần phải hiểu là do Nghiệp Quá Khứ tạo ra.

Ghi chú: Trong Phương Pháp Phát Thú đây, chỗ nói rằng **"Sắc câu sinh"** ở trong hết tất cả chủng loại Câu Sinh đã được chia ra làm hai thể loại, đó là: bằng cách phân loại từ nơi Sắc Tâm sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và Sắc Nghiệp Lực sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vầy.

KỆ NGÔN SAU CÙNG TRONG PHƯƠNG PHÁP PHÁT THÚ

24. Iti tekālikā dhammā — Kālamuttā ca sambhavā
Ajjhattañca bahiddhā ca — Saṅkhatāsaṅkhatā tathā.
Paññattināmarūpānaṃ — Vasena tividhā ṭhitā
Paccayā nāma paṭṭhāne — Catuvīsati sabbathā.

Như vậy, các Pháp sinh khởi thuộc ba Thời Kỳ hoặc vượt ngoài thời gian, nội và ngoại, hữu vi và vô vi, và chia ra thành ba thể loại: Chế Định, Danh và Sắc. Tất cả có 24 Duyên trong Phát Thú. Theo Phương Pháp như đã vừa được đề cập tại đây, tất cả Pháp được sinh trong cả ba Thời Kỳ và Ngoại Thời Kỳ, sinh trong Nội Bộ và Ngoại Bộ, là Hữu Vi và Vô Vi; hoặc đã phân loại từ nơi Chế Định, Danh và Sắc; những thể loại này được gọi tên 24 Duyên trong Bộ Kinh Phát Thú bởi theo tất cả mọi trường hợp, và tùy theo thích hợp sẽ được hiện hành.

Ghi chú: Về việc trình bày Phương Pháp Phát Thú một cách mãn túc đã có trong Bộ Kinh Đại Phát Thú một cách đặc biệt trong Khóa Trình Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

[**Chú thích trong 24 Duyên:** Nơi đây, từ ngữ **Paccaya** có đôi phần khó hiểu. Từ ngữ này được định nghĩa **"Cái chi do nhờ vào đó có hệ quả phát sinh."** Nói cách khác, đó là nguyên nhân. Hơn nữa, từ ngữ này được giải thích là "yếu tố thuận lợi", hoặc "yếu tố hỗ trợ" **(Upakārakodhammo).** Từ ngữ **Paccayadhamma (Pháp Năng Duyên)** là một Pháp giúp đỡ. Từ ngữ **Paccayuppannadhamma (Pháp Sở Duyên)** là Duyên Khởi Pháp, là Pháp khởi lên được do nhờ vào Pháp Năng Duyên. Sự liên hệ giữa cả hai Pháp này, được gọi là Năng Duyên (Pháp Nhân) và Sở Duyên (Pháp Quả) tùy thuộc theo đặc tính của Pháp Năng Duyên. Ví dụ như một **Ārammaṇa (Cảnh)** là một Pháp Năng Duyên, liên hệ với Tâm và Tâm Sở khởi lên từ đối tượng này. Tâm và Tâm Sở được gọi là một Pháp Sở Duyên. Đối với Pháp Năng Duyên và sự liên hệ giữa hai Pháp này được gọi là **Ārammaṇapaccaya (Cảnh Duyên),** trong trường hợp này Pháp Năng Duyên hoạt động như một **Ārammaṇa (Cảnh)** của Pháp Sở Duyên. Như thế, nếu một Phật Tử khởi lên Thiện Tâm khi nhìn thấy hình ảnh kim thân Đức Phật, thì có thể nói rằng: **Buddharūpaṃ upāsakassa kusalacittassa ārammaṇa paccayena paccayo hoti** - "Hình ảnh kim thân Đức Phật (Pháp Năng Duyên) liên hệ với Thiện Tâm của Cận Sự Nam (Pháp Sở Duyên) duyên hệ theo phương cách Cảnh Duyên" vì lẽ Pháp Năng

Duyên trong trường hợp này tác hành như một **Ārammaṇa (Cảnh)** của Pháp Sở Duyên. Trong Bộ Kinh Phát Thú **(Paṭṭhāna),** bộ thứ bảy của Tạng Vô Tỷ Pháp, thì có trình bày tất cả 24 định lý Duyên Hệ và đã được đặt tên theo Pháp Năng Duyên liên hệ.

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Hetu (Nhân)** được định nghĩa "cái chi từ đó một hệ quả được thiết lập". Từ ngữ được sử dụng trong ý nghĩa **"cội rễ" (Mūlaṭṭhena).** Như rễ của cây là **Hetu,** nâng đỡ và nuôi dưỡng cây; cùng thế ấy, Pháp Năng Duyên nâng đỡ và nuôi dưỡng Pháp Sở Duyên **(Mūlaṭṭhena upakārako dhammo).** Có tất cả sáu **Nhân (Hetu),** đó là: Tham, Sân, Si (Nhân Bất Thiện); Vô Tham, Vô Sân, Vô Si (Nhân Thiện), làm Pháp Năng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở sinh khởi lên, tương ưng với những Nhân này, và các Sắc Pháp câu hữu với các Danh Pháp này, làm Pháp Sở Duyên.

2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Arammaṇa** hoặc **Ālambana** có nghĩa là "Trần Cảnh", hoặc "Đối Tượng". Khi chiết tự thì **Ārammaṇa** do **A** + căn **Ram,** thích thú trong. Từ ngữ **Ālambana** do **Ā** + căn **Lamb,** đeo níu theo. Những cái chi mà chủ thể thích thú trong đó, hoặc đeo níu theo đó, được gọi tên là "Cảnh", hoặc "Đối Tượng". Đây là sự liên hệ, trong ấy Pháp Năng Duyên là một Đối Tượng của Pháp Sở Duyên; và Pháp này phải là một Tâm Thức, hoặc Tâm Sở. Mọi Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, mọi quan niệm đều có thể là Pháp Năng Duyên trong sự liên hệ này. Có sáu thể loại Cảnh, đó là Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Pháp. Và sự thật là, không có một Pháp nào mà không thể thành một **Ārammaṇa** cho Tâm và Tâm Sở, kể cả Hiệp Thế và luôn cả Siêu Thế. Tỷ dụ như hình sắc tác hành như tương quan duyên hệ với Tâm Nhãn Thức theo phương cách "Cảnh Duyên".

3/. Trưởng Duyên (Ādhipatipaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Adhipati** mang ý nghĩa "lớn trội lên", hoặc "Tăng Thượng". Có nghĩa là "Tự chủ quyền lấy chính mình" hoặc "Chính mình tự làm chủ vị." Đây là một sự liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên có ảnh hưởng trưởng trội, chủ vị đối với Pháp Sở Duyên. Có hai thể loại Trưởng Duyên, đó là: Cảnh Trưởng Duyên **(Ārammaṇādhipatipaccaya)** và Câu Sinh Trưởng Duyên **(Sahajātādhipatipacca ya). Cảnh Trưởng Duyên** là một liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên có một ảnh hưởng trưởng trội đối với Pháp Sở Duyên. Pháp Năng Duyên ở đây là một **Ārammaṇa** và Pháp Sở Duyên là những Tâm hoặc Tâm Sở. Đối tượng phải là một đối tượng rất có ảnh hưởng, Cảnh Tư Duy Duyệt Ý hoặc Cảnh Thực Tính Duyệt Ý. **Câu Sinh Trưởng Duyên** gồm có Tứ Trưởng, đó là: **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Vimaṃsa).** Cũng tương tự như trên, Pháp Năng Duyên rất có ảnh hưởng đối với Pháp Sở Duyên.

4/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), và **5/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantara paccaya):** Vô Gián và Đẳng Vô Gián mang ý nghĩa "liên tục không gián đoạn, nối tiếp không có xen kẽ giữa." Trong ý nghĩa thì không có sự khác biệt giữa hai từ ngữ này; và chỉ có sự khác biệt ở phần ngữ nguyên mà thôi. Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên đi trước và Pháp Sở Duyên kế liền theo sau. Khi một chặp tư tưởng vừa chấm dứt thì tạo điều kiện cho một chặp tư tưởng khác tức thì khởi sinh kế liền nối tiếp theo sau. Chặp tư tưởng sau thừa hưởng tất cả năng lực của chặp tư tưởng trước đó. Trạng thái của chặp tư tưởng hoại diệt duyên hệ với chặp tư tưởng kế liền theo sau đó, bởi theo phương cách Vô Gián Duyên và Đẳng Vô

Gián Duyên. Và như thế, hai Duyên Hệ này chi phối hoàn toàn đời sống của tất cả Chúng Hữu Tình, từ vô thủy chí đến vô chung, và trừ phi chứng đắc Quả vị Vô Dư Y Níp Bàn.

6/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Nơi đây, Pháp Năng Duyên câu sinh với Pháp Sở Duyên. Cả hai cùng đồng sinh, đồng trụ, đồng diệt một lần. Nơi đây, các Tâm cùng câu sinh với Tâm Sở; Tứ Danh Uẩn của Thức Tái sinh cùng câu sinh với Sắc Ý Vật; và Tứ Sắc Đại Hiển cùng câu sinh với nhau. Một Tâm Sở có thể cùng câu sinh với một Tâm Sở. Một Danh Pháp có thể cùng câu sinh với Sắc Pháp (Thời Kỳ Tái sinh). Một Sắc Pháp có thể cùng câu sinh với một Sắc Pháp (Tứ Sắc Đại Hiển). Một Danh Pháp có thể cùng câu sinh với một Danh Pháp.

7/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Tương tự ví như cây nạn chống có ba chân, và bất luận với chân nào cũng cần thiết cho việc giúp chống đỡ ở hai chân kia; cùng thế ấy, Danh Pháp liên hệ hỗ tương với Sắc Pháp theo phương cách Hỗ Tương Duyên. Nên phân biệt giữa hai Duyên Hệ, Câu Sinh Duyên và Hỗ Tương Duyên, cả hai khác biệt với nhau. Ví dụ như Sắc Pháp do bởi Tâm Xuất Sinh Xứ không liên hệ hỗ tương với cái Tâm hiện hữu. Các Sắc Y Sinh không có liên hệ hỗ tương với Tứ Sắc Đại Hiển. Và thông thường thì Danh Pháp và Sắc Pháp liên hệ hỗ tương với nhau.

8/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Nơi đây, Pháp Năng Duyên là một chỗ sở y, là chỗ nâng đỡ cho Pháp Sở Duyên nương dựa vào; cũng ví như cây mọc trên mặt đất, cũng như bức tranh tùy thuộc vào cái khung vẽ để người họa sĩ vẻ trên đó. Các Pháp sau đây bị chi phối do bởi liên hệ này: a. Tương tự với Câu Sinh Duyên và Hỗ Tương Duyên. b. Lục Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Vật) đối với Lục Thức khởi lên.

9/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya): Khi chiết tự có được **Upa + Ni +** căn **Si,** nói dối. Tiếp đầu ngữ **Upa** nằm tăng cường ý nghĩa. Cận Y Duyên có ba thể loại, đó là: **a/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammūpanissayapaccaya), b/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya),** và **c/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Và Cảnh Cận Y Duyên thì tương tự với Cảnh Trưởng Duyên. Vô Gián Cận Y Duyên thì tương tự với Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên. Thường Cận Y Duyên thì sự liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên làm thành một chỗ sở y cho Pháp Sở Duyên với Tâm hiện tại và các Tâm Sở cùng câu hữu. Tất cả mọi Tâm thuộc về Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai, Nội Ngoại, với các Tâm Sở cùng câu hữu, các Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định đều hoàn toàn thuộc Thường Cận Y Duyên, liên hệ với nhiều mặt tùy theo trường hợp cho tất cả Tâm Thức hiện tại và các Tâm Sở cùng câu hữu.

+ Nơi đây, cả hai Y Chỉ Duyên và Cận Y Duyên, được so sánh như những cơn mưa mà cây cối tùy thuộc nương nhờ. Y Chỉ Duyên mang ý nghĩa "tùy thuộc nương nhờ", và Cận Y Duyên với ý nghĩa "trọn vẹn tùy thuộc nương nhờ" với hình thức mạnh mẽ hơn Y Chỉ Duyên. Ví dụ như Ngũ Nghịch Cực Trọng Nghiệp Lực với việc sát tử Mẹ, Cha v.v. sẽ là một **Upanissaya** điều kiện đầy đủ để tạo quả tái sinh trong Cõi Khổ Thú. Giới thân cận, giáo dục tốt đẹp v.v. sẽ là duyên hệ theo phương cách **Nissaya,** tức điều kiện nương nhờ, ngõ hầu có được sức khỏe, tài sản sự nghiệp, và kiến thức sâu rộng trong một kiếp sống vị lai. Cũng như một Thiện Hạnh trở thành **Upanissaya** tức sự nương nhờ mãnh liệt, cho những hành vi tốt

đẹp trong tương lai; cùng thế ấy, cũng có thể trở thành **Upanissaya** cho những hành vi xấu xa, tỷ dụ như lòng kiêu hãnh ngạo mạn.

10/. Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya): Sinh ra trước, hoặc cái chi hiện hữu trước đó. Lục Căn Môn và Lục Trần Cảnh liên hệ với các Tâm Thức được khởi lên, thể theo phương cách Tiền Sinh Duyên. Nói một cách khác, Tâm Nhãn Thức v.v. không thể khởi sinh lên nếu như không có sự hiện hữu trước đó của các Căn Môn và Trần Cảnh. Tuy nhiên, khi Thức Tái Sinh sinh khởi thì Ý Thức Giới và Sắc Ý Vật cùng câu sinh một lượt. Những vật tiền sinh, đã hiện hữu trước đó, chỉ được xem là duyên hệ một khi nó vẫn còn tiếp tục hiện hữu ngay trong Thời Kỳ Hiện Tại, chẳng phải chỉ vì trước đó đã có hiện hữu.

11/. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya): Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên là Tâm và Tâm Sở cùng câu hữu, khởi sinh lên sau Pháp Sở Duyên, là sắc thân của Hữu Tình. Nơi đây, Pháp Năng Duyên giúp đỡ cho Pháp Sở Duyên khởi lên, thế nhưng Pháp Sở Duyên lại hiện hữu trước Pháp Năng Duyên. Tỷ dụ như người Mẹ chuẩn bị tã lót cho trẻ sơ sinh sắp được sinh ra; nước mưa của những năm kế tiếp giúp đỡ cho cây cỏ đã mọc trước đó, cho được tươi tốt và phát triển lên. Trong 89 Tâm thì có 85 thể loại Tâm, ngoại trừ bốn Tâm Quả Vô Sắc Giới và 52 Tâm Sở, duyên hệ tiền sinh với sắc thân vật chất, bởi theo phương cách Hậu Sinh Duyên.

12/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya): Tức thói quen huân tập, lặp đi lặp lại. Nơi đây, Pháp Năng Duyên lặp đi lặp lại nhiều lần, giúp đỡ cho Pháp Sở Duyên được mạnh hơn, được thuần thục và điêu luyện hơn. Thông thường, một thói quen được lặp đi lặp lại có chiều hướng giúp cho bản thân thuần thục trong công việc làm. Điều này áp dụng cho cả việc tốt cũng như cho cả những việc làm xấu. Bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần, Ta có thể tự tạo nhiều kỹ năng trong một công việc. Tỷ như một sinh viên hiểu và nhớ một đoạn văn nhiều hơn, nếu đọc đi đọc lại đoạn văn ấy nhiều lần. Trong Lộ Trình Tâm Đổng Lực, sát na thứ nhì duyên hệ với sát na thứ nhất, sát na thứ ba duyên hệ với sát na thứ nhì, sát na thứ tư duyên hệ với sát na thứ ba v.v. thể theo phương cách Trùng Dụng Duyên. Trong những sát na Tâm này, từng mỗi sát na Tâm giúp cho các sát na Tâm kế tiếp được mạnh thêm lên, được thuần thục và điêu luyện thêm lên.

13/. Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya): Nghiệp Lực có nghĩa Tư Tâm Sở, vốn đĩ đóng vai trò trọng yếu trong hành động tạo tác Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực qua Thân, Lời và Ý. Tư Tâm Sở này còn được gọi là Nghiệp Lực, duyên hệ với những Sắc Pháp khởi sinh bởi do Nghiệp Xuất Sinh Xứ v.v. cũng như hạt giống duyên hệ với cây cối, cùng thế ấy Nghiệp Lực duyên hệ với Quả Dị Thục ắt phải có, không thể tránh được. Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên là Tư Tâm Sở **(Cetanā)** đã hướng dẫn và điều hành; Pháp Sở Duyên là những Tâm Thức và các Tâm Sở câu hữu, cùng với những Sắc Pháp do Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Tâm Xuất Sinh Xứ tạo ra.

14/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên là 36 Tâm Dị Thục Quả và các Tâm Sở câu hữu. Pháp Sở Duyên cũng là những Pháp Dị Thục Quả ấy, khi chúng liên hệ hỗ tương, cùng với các Sắc Pháp do Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Tâm Xuất Sinh Xứ. Ví như một làn gió mát làm êm dịu lòng người khi ngồi dưới tàng bóng

mát mẻ của một cội cây; cùng thế ấy, các Tâm Dị Thục Quả liên hệ với các Tâm và Tâm Sở cùng với các Sắc Pháp câu hữu, thể theo phương cách Dị Thục Quả Duyên với đặc tính thuần tịnh của chúng.

15/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya): Pháp Năng Duyên gồm có Tứ Thực, đó là: Đoàn Thực, Xúc Thực, Tư Thực và Thức Thực. Những vật thực này nuôi dưỡng những Tâm Pháp và Sắc Pháp, ngõ hầu cùng chung như thức ăn vật chất bồi bổ cơ thể vật chất; cùng thế ấy, thức ăn tinh thần đem chất bổ phẩm dinh dưỡng đến cho những trạng thái Tâm Thức. Đoàn Thực liên hệ với sắc thân theo phương cách Vật Thực Duyên, hoặc điều kiện dinh dưỡng vật chất; cùng thế ấy, những cảm xúc tinh thần **(Phassa)** duyên hệ với những cảm thọ, với những Tư Tác Ý hoặc hành động Thiện và Bất Thiện **(Manocetanā),** với Thức Tái Sinh **(Paṭisandhiviññāṇa)** duyên hệ với Danh và Sắc.

16/. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya): Quyền Lực là những yếu tố đã được đề cập đến trong Chương thứ VII, trở thành duyên hệ với Danh Pháp và Sắc Pháp, đồng thời hiện hữu bởi do tác hành chức năng kiểm soát trong lãnh vực của chính mình. Tỷ dụ như Tín Quyền Lực kiểm soát những Tâm Sở cùng câu sinh thuộc lãnh vực đức tin trong tôn giáo; Danh Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền kích thích, khơi dậy sức sống linh động của Danh và Sắc; Niệm Quyền Lực kiểm soát các Tâm Sở câu hữu trong lãnh vực chú niệm hoặc quán niệm; Thọ Quyền trong sự ưu phiền và hạnh phúc, v.v.

Trong liên hệ này có ba thể loại, đó là: Câu Sinh, Tiền sinh, và Mạng Quyền.

+ Trong thể loại Câu Sinh, Pháp Năng Duyên là 15 Quyền Lực câu sinh, gồm có: Mạng Quyền Lực, Ý Quyền Lực, Lạc Quyền Lực, Khổ Quyền Lực, Hỷ Quyền Lực, Ưu Quyền Lực, Xả Quyền Lực, Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, Vị Tri Đương Tri Quyền Lực, Dĩ Tri Quyền Lực, Cụ Tri Quyền Lực. Pháp Sở Duyên là những Pháp cùng câu sinh, có cả Tâm Pháp và Sắc Pháp.

+ Trong thể loại Tiền Sinh thì Pháp Năng Duyên gồm có Ngũ Căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân. Pháp Sở Duyên gồm có Ngũ Thức với các Tâm Sở câu hữu.

+ Trong thể loại Mạng Quyền thì Pháp Năng Duyên là Sắc Mạng Quyền. Pháp Sở Duyên là những Sắc Pháp do Nhiệp Xuất Sinh Xứ, ngoại trừ Sắc Mạng Quyền này ra.

17/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya): Từ ngữ **Jhāna** nên được hiểu biết theo nghĩa rộng rãi, không phải chỉ thuộc về Sắc Giới, Vô Sắc Giới và Siêu Thế. Pháp Năng Duyên tại đây gồm có Thất Chi Thiền Na, đó là: **Tầm (Vitakka), Tứ (Vicāra), Hỷ Lạc (Pīti), Lạc Thọ (Somanassa), Ưu Thọ (Domanassa), Xả Thọ (Upekkhā),** và **Nhất Thống (Ekaggatā).** Pháp Sở Duyên là những Tâm Thức, ngoại trừ Ngũ Song Thức, các Tâm Sở câu hữu và các Sắc Pháp câu sinh với Thất Chi Thiền Na; tương quan duyên hệ theo phương cách tri giác và quán niệm. Tỷ dụ như Chi Thiền Tầm duyên hệ với các Tâm Sở câu sinh theo phương cách hướng dẫn những Tâm Sở ấy chú mục hoặc thẩm thị về đối tượng.

18/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya): Từ ngữ **Magga** mang ý nghĩa phương thức hoặc đạo lộ. Một đạo lộ dẫn đến những trạng thái đau khổ, Khổ Cảnh hoặc Khổ Thú; và một đạo lộ dẫn đến những trạng thái an lạc hạnh phúc, Thiện Cảnh hoặc Thiện Thú. Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên gồm có 9 hoặc 12 Chi Đồ Đạo; và Pháp Sở Duyên là những Tâm

và Tâm Sở cùng với các Sắc Pháp câu sinh. Những Chi Đồ Đạo này duyên hệ với cả hai Danh và Sắc, đưa đi đến Khổ Thú với trường hợp Bất Thiện Pháp; và đưa vượt ra khỏi những kiếp sinh tồn trong trường hợp Thiện Pháp. Đạo lộ dắt dẫn đi đến Khổ Thú bao gồm những Chi Đạo Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Tinh Tấn và Tà Định. Đạo lộ dắt dẫn đi đến Thiện Thú gồm có những Chi Đạo Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

19/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tất cả Tâm đều liên hệ với các Tâm Sở câu hữu thể theo phương cách Tương Ưng Duyên, bởi theo đặc tính Tứ Đồng giữa Tâm và Tâm Sở.

20/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya): Nơi đây, Pháp Năng Duyên không hòa trộn thống nhất với Pháp Sở Duyên. **Vippayutta** nghịch nghĩa với **Sampayutta.** Danh Pháp liên hệ với Sắc Pháp thể theo phương cách Bất Tương Ưng Duyên; tỷ dụ như Tâm Thức với Sắc Ý Vật bất tương quan dính liền.

21/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên có mặt với sự hiện hữu của Pháp Sở Duyên. **Atthi** là sự duyên hệ của những trạng thái đồng phát sinh trong hiện tại, tương tự như Câu Sinh Duyên. Tỷ dụ như thấy được đối tượng bởi do có sự hiện hữu của ánh sáng.

22/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya): Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên vắng mặt trong hiện tại khi Pháp Sở Duyên hiện hữu; cũng ví như ánh sáng tan biến thì tiếp liền theo sau là bóng tối, thể theo phương cách Vô Hữu Duyên. Tỷ như Tâm Nhãn Thức tương quan duyên hệ với Tâm Tiếp Thâu tiếp liền theo sau để hiểu biết được đối tượng, thể theo phương cách Vô Hữu Duyên.

23/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya) và **24/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya):** Trong liên hệ của cả hai Duyên này, thì Hiện Hữu Duyên tương tự với Bất Ly Duyên; và Vô Hữu Duyên thì tương tự với Ly Khứ Duyên.

Kết Thúc Phương Pháp Phát Thú

----------00000----------

PHÂN TÍCH NỘI DUNG CỦA TẠNG VÔ TỶ PHÁP THỂ THEO DANH SẮC VÀ CHẾ ĐỊNH

1. Tattha rūpadhammā rūpakhandho ca cittacetasikasaṅkhātā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmanti ca pavuccati - Nơi đây, Sắc Pháp tức là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp; và cũng được gọi là Danh. Trong nội dung Tạng Vô Tỷ Pháp, chỗ gọi Sắc Pháp ấy cũng chính là Sắc Uẩn vậy. Tứ Danh Uẩn là Tâm, các Tâm Sở, và Níp Bàn; tập hợp cả năm thể loại này lại gọi là Vô Sắc cũng được, là Danh cũng được.

TRÌNH BÀY CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI)

2. Tato avasesā paññatti, sā pana paññāpiyattā paññatti, paññāpanato paññatttīti ca duvidhā hoti - Ngoài ra các Pháp còn lại được gọi là Chế Định, gồm có hai thể loại: Chế Định như cái chi được biết đến; và Chế Định làm cho được biết đến. Còn ngoài nội dung Danh Sắc ấy ra thì gọi là Chế Định. Và Chế Định này được chia ra làm hai thể loại: đó là:

1/. Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti) vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến với từng mỗi trường hợp sai khác; và

2/. Thinh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti) vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến nội dung với từng mỗi trường hợp sai khác.

TRÌNH BÀY PHÂN LOẠI NGHĨA LÝ CHẾ ĐỊNH (ATTHAPAÑÑATTI)

3. Katham ? Taṃ taṃbhūtavipariṇāmākāramupādāya tathā tathā paññattā bhūmipabbatādikā, sambhārasannivesākāramupādāya geharathasakaṭādikā, khandha pañcakamupādāya purisapuggalādikā, candāvaṭṭanādikamupādāya disākālādikā, asamphuṭṭhākāramupādāya kūpagūhādikā, taṃ taṃ bhūtanimittaṃ bhāvanāvisesañca upādāya kasiṇanimittādikā ceti, evamādippabhedā pana paramatthato avijjamānāpi atthachāyākārena cittuppādānamārarammaṇabhūtā, taṃ taṃ upādāya upānidhāya karaṇaṃ katvā tathā tathā parikappiyamānā saṅkhāyati samaññāyati voharīyati paññāpiyatīti paññatttīti pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyattā paññatti nāma - Như thế nào ? Có những từ ngữ như "đất", "núi" v.v. được gọi như vậy vì thể thức biến trạng của Giới; những từ ngữ như "nhà", "xe cộ" v.v. được gọi như vậy vì thể thức kết hợp của các vật dụng; những từ ngữ như "người", "hữu tình" v.v. được gọi như vậy vì thể theo Ngũ Uẩn; những từ ngữ như "phương hướng", "thời gian" v.v. được gọi như vậy vì thể thức vận chuyển của mặt trăng v.v.; những từ ngữ như "giếng nước", "hang động" v.v. được gọi như vậy vì thể thức bất xúc chạm; những từ ngữ như biến xứ tướng (đề mục hoàn tịnh) được gọi như vậy vì sự sai biệt của các phương cách tu tập, và vì đặc tướng sai biệt của các Đại Hiển. Tất cả các sự sai biệt như vậy, thể theo ý nghĩa cùng tột của Chân Đế, quả thật bất hiện hữu, tuy nhiên đã trở thành những đối tượng của Tâm dưới hình thức những hình bóng của sự vật. Những sự vật ấy được gọi là "Chế Định" vì người ta nghĩ tưởng đến, được nhận thức, được thấu hiểu, được biểu lộ; và đã làm cho được hiểu biết vì lý do, vì nguyên nhân, vì đối với thể thức này, thể thức khác. Chế Định được gọi như vậy vì chúng được làm cho hiểu biết như vậy.

Phân Loại Cả Hai Chế Định Ấy Như Thế Nào ?

1. Hình Thức Chế Định (Saṇṭhānapaññatti): Có mặt đất, núi đồi v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "mặt đất", "núi đồi" v.v., là cũng do dựa vào những biến trạng hiện hành của Tứ Sắc Đại Hiển.

2. Hiệp Thành Chế Định (Samūhapaññatti): Có nhà cửa, xe cộ, xe bò v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "nhà cửa", "xe cộ", "xe bò" v.v. là cũng do dựa vào trạng thái tập hợp, hội tựu từ ở nơi các vật thể vào với nhau.

3. Chúng Sinh Chế Định (Satvāpaññatti): Có người nam, nhân loại v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "người nam", "nhân loại" v.v. là cũng do dựa vào cả Ngũ Uẩn.

4. Phương Hướng Chế Định (Disāpaññatti): Có hướng Đông v.v. là cũng do nương vào việc xoay theo quỹ đạo luân chuyển tuần hoàn của mặt trăng, mặt trời, các vị tinh tú, thể theo sự di chuyển vòng theo chiều kim đồng hồ chung quanh Tu Di Sơn.

5. Thời Gian Chế Định (Kālapaññatti): Có buổi sáng v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "hướng đông", "buổi sáng" v.v. là cũng do dựa vào việc xoay theo quỹ đạo, luân chuyển tuần hoàn theo chiều kim đồng hồ quanh Tu Di Sơn, của những tinh tú thiên thể, của mặt trời, mặt trăng.

6. Hư Không Chế Định (Ākāsapaññatti): Có hố giếng, hang động v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "hố giếng", "hang động" v.v. là cũng do dựa vào cả Tứ Sắc Đại Hiển không được tiếp xúc với nhau.

7. Hình Tướng Chế Định (Kasiṇapaññatti) và **Trẫm Triệu Chế Định (Nimitta paññatti):** Có **Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)** v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "Chuẩn Bị Tướng" v.v. là cũng do dựa vào sự hiện hành một cách đặc biệt nương theo tuần tự từ ở Tu Tập, có Chuẩn Bị Tướng v.v.

Phân loại từ nơi Nghĩa Lý Chế Định, có Hình Thức Chế Định v.v. như đã vừa đề cập đến đây, cho dù sẽ chẳng có hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý đi nữa, tuy nhiên:

1/. Đã trở thành đối tượng của Tâm và Tâm Sở dưới hình thức là hình bóng của Pháp Siêu Lý, có những Sắc Tứ Đại Hiển v.v.

2/. Đã trở thành Chế Định của tất cả các Bậc Hiền Trí cần phải nắm bắt giữ lấy cho việc nghiên cứu thẩm sát với những trường hợp sai khác. Bởi nương vào các vật dụng ấy cũng có, dựa vào việc tỷ dụ so sánh cũng có, làm thành nguyên nhân, lý do để mà định đặt tên gọi cho được đúng đắn; và làm cho tất cả dân gian cũng được hiểu biết, cho được nói năng với nhau, cho được người khác hiểu biết; và chính vì thế, những thể loại danh từ "đất", "núi", "nhà" v.v. này đây mới gọi là **Chế Định**. Bản chất của Pháp Chế Định v.v. như đã vừa đề cập tại đây, được gọi tên **Nghĩa Lý Chế Định;** là vì làm thành Chế Định cho được biết đến nội dung một cách thích hợp bởi theo những trường hợp sai khác.

TRÌNH BÀY CHỈ DUY NHẤT THINH DANH CHẾ ĐỊNH MÀ ĐÃ ĐƯỢC GỌI TÊN THÀNH SÁU PHÂN LOẠI

4. Paññāpanato paññatti pana nāmanāmakammādināmena paridīpitā - Vì chúng làm cho hiểu biết như vậy, nên được gọi là "Chế Định"; chúng được diễn tả theo hai thể loại: Danh hoặc do Danh làm ra v.v. Bậc Hiền Trí nên trình bày Thinh Danh Chế Định cho được

hiểu biết nội dung với những trường hợp sai khác thể theo sáu phân loại tên gọi, có Danh, Định Danh v.v. đó là:

1. Danh Từ (Nāma): Là những tên gọi, có Thực Tính dẫn đến nội dung, là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau.

2. Định Danh (Nāmakamma): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại kêu gọi với nhau, chẳng hạn gọi là "mặt đất", "núi đồi" v.v.

3. Biệt Tự (Nāmadheyya): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại định đặt tên gọi dùng cho đến mỗi ngày; chẳng hạn định đặt tên gọi là "mặt đất", "núi đồi" v.v.

4. Từ Nguyên (Nirutti): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái nghĩ suy thẩm sát gọi tên các sự vật cho được hiện khởi lên.

5. Mẫu Tự (Byañjana): Là Danh Chế Định có khả năng trình bày nội dung Nghĩa Lý Chế Định cho được hiện khởi lên.

6. Thoại Thuyết (Abhilāpa): Là Danh Chế Định mà người ta nói chuyện với nhau, thường trực tiếp nhắm đến nội dung để cho cuộc trò chuyện được khởi lên.

5. Sā vijjamānapaññatti avijjamānapaññatti, vijjamānenaavijjamāna paññatti, avijjamānenavijjamānapaññatti, vijjamānenavijjamānapaññatti, avijjamānenaavijja mānapaññatti, ceti chabbidhā hoti - Thinh Danh Chế Định có sáu phân loại: Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.

Thinh Danh Chế Định có sáu phân loại:

1. Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānapaññatti) (còn được gọi Danh Siêu Chế Định),

2. Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānapaññatti) (còn được gọi Phi Danh Siêu Chế Định),

3. Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenaavijjamānapaññatti) (còn được gọi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định),

4. Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānenavijjamānapaññatti) (còn được gọi Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

5. Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenavijjamānapaññatti) (còn được gọi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

6. Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānenaavijjamāna paññatti) (còn được gọi Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định).

TRÌNH BÀY VIỆC NÊU LÊN THÍ DỤ TRONG SÁU PHÂN LOẠI THINH DANH CHẾ ĐỊNH

6. Tattha yadā pana paramatthato vijjamānaṃ rūpavedanādiṃ etāya paññāpenti tadāyaṃ vijjamānapaññatti - Nơi đây, khi dùng danh từ để chỉ những sự vật thật sự hiện

hữu như "Sắc", "Thọ" v.v như vậy gọi là **Hiện Hữu Chế Định**. Trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định, khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên "Sắc", "Thọ" v.v. hiện bày hiện hữu với sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**

7. Yadā pana paramatthato avijjamānaṃ bhūmipabbatādiṃ etāya paññāpenti tadāyaṃ avijjamānapaññattīti pavuccati - Khi dùng danh từ để chỉ những sự vật không thật sự hiện hữu như "mặt đất", "núi đồi" v.v. như vậy gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên "mặt đất", "núi đồi" v.v. không có hiện bày sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

8. Abhinnaṃ pana vomissakavasena sesā yathākkamaṃ chaḷabhiñño atthīsaddo cakkhuviññāṇaṃ rājaputtoti ca veditabbā - Các Chế Định còn lại cần phải hiểu biết bằng cách tuần tự phối hợp cả hai, tỷ dụ như "bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí", "tiếng nói của người nữ", "Nhãn Thức", "Hoàng Tử" v.v. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bốn Thinh Danh Chế Định còn lại bằng cách tuần tự phối hợp với cả hai phân loại nội dung, đó là: Hiện Hữu Chế Định và Bất Hiện Hữu Chế Định; chẳng hạn như "Bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí", "âm thinh nữ nhân", "Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Vật sinh", "con trai của vị vua" v.v.

KỆ NGÔN TRÌNH BÀY VIỆC HIỂU BIẾT CẢ HAI: THINH DANH CHẾ ĐỊNH VÀ NGHĨA LÝ CHẾ ĐỊNH, VÀ NGUYÊN NHÂN TIÊN KHỞI LÀM CHO THINH DANH CHẾ ĐỊNH HIỆN KHỞI

9. Vacīghosānusārena — Sotaviññāṇavīthiyā
Pavattānantaruppanna — Manodvārassa gocarā.
Atthā yassānusārena — Viññāyanti tato paraṃ
Sāyaṃ paññatti viññeyyā — Lokasaṅketanimmitā.

Khi một tiếng nói được phát lên thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục. Tất cả mọi người đã được hiểu biết đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là từng các sự vật, những sự kiện do bởi hiện hành nương theo Thinh Danh Chế Định ở phía đàng sau **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahaṇavithī).** Thinh Danh Chế Định đã là Cảnh, là đối tượng của Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng sinh khởi trong sự tuần tự từ ở **Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithī),** và **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahaṇavithī), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggaṇavithī)** đã sinh khởi hiện hành nương theo tiếng nói ấy. Tất cả các Học Giả cần phải thấu hiểu Thinh Danh Chế Định ấy là của các Bậc Triết Giả, thường đã được định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

Iti Abhidhammatthasaṅgahe paccayasaṅgahavibhāgo nāma aṭṭhamo paricchedo- Đây là Chương thứ Tám đề cập đến Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ của Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp. Chương thứ Tám có tên gọi là Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ trong Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đã được kết thúc tại đây chỉ là bấy nhiêu.

----------00000----------

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH THỂ THEO TUẦN TỰ VỀ DANH DẮC VÀ CHẾ ĐỊNH

Khi đã kết thúc việc trình bày về Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú xong rồi, thì cũng là việc thích hợp để sẽ cho phần Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ được kết thúc một cách viên mãn. Tuy nhiên, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** cũng vẫn còn tiếp tục trình bày thêm nữa trong phần **Pāḷi** chỗ nói rằng: **Tattha rūpadhammā rūpakhandho ca cittacetasikasaṅkhātā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmanti ca pavuccati** - Nơi đây, Sắc Pháp tức là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp và cũng được gọi là Danh, cho đến kệ ngôn chỗ nói rằng:

Vacīghosānusārena **Sotaviññāṇavīthiyā**
Pavattānantaruppanna **Manodvārassa gocarā.**
Atthā yassānusārena **Viññāyanti tato paraṃ**
Sāyaṃ paññatti viññeyyā **Lokasaṅketanimmitā.**

Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục. Tất cả sự việc này cũng vì trong kệ ngôn thứ hai sau cùng đã có trình bày rằng: **Paññatti nāmarūpānaṃ vasena tividhā ṭhitā** được dịch nghĩa: "Pháp được gọi tên là 24 Duyên, một khi đề cập thể theo Chi Pháp đích thị chính là Chế Định, Danh và Sắc." Chính với lý do này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới cần phải trình bày tiếp theo nhằm để phân tích những thể loại Danh Sắc ấy cho được thấu hiểu rõ ràng.

+ **Phần Pāḷi điều thứ nhất:** Trong phần **Pāḷi** này đã có trình bày đến Danh và Sắc cho được biết rằng: Sắc có một thể loại duy nhất, tức là Sắc Uẩn. Danh thì có năm thể loại, tức là Thọ Uẩn, Hành Uẩn, Tưởng Uẩn, Thức Uẩn thuộc bên phía Pháp Hữu Vi; và Níp Bàn thuộc bên phía Pháp Vô Vi, vả lại những thể loại Danh Pháp này sẽ gọi là Vô Sắc cũng được.

+ **Phần Pāḷi điều thứ hai:** Trong phần **Pāḷi** này đã có trình bày đến Pháp ngoài cả hai Danh và Sắc đấy ra, đã được gọi tên Chế Định. Và Pháp Chế Định này, khi đề cập thể theo phân loại thì có được hai Phân Loại lớn, ấy là: Nghĩa Lý Chế Định và Thinh Danh Chế Định. Từ ngữ **Chế Định** có ý nghĩa là "với thể loại có nội dung như các sự vật, những sự kiện thích đáng để cho được hiểu biết, thì được gọi là **Nghĩa Lý Chế Định**."

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Paññāpiyattā = Paññatti** - Nội dung như các sự vật, những sự kiện v.v. thích đáng để cho được hiểu biết, gọi tên là **Chế Định.**

Hoặc một phần khác nữa: **Pakārena ñāpīyatīti = Paññatti** - "Những sự vật, các sự kiện được gọi tên **Chế Định** thích đáng để cho được hiểu biết bởi theo những trường hợp sai khác, ấy chính là **Nghĩa Lý Chế Định.**

Paññāpanato = Paññatti - "Những tiếng nói được gọi tên **Chế Định** cũng vì đã làm cho hiểu biết đến nội dung các sự vật, những sự kiện; vả lại có được Thực Tính Siêu Lý.

Pakārena ñāpetīti = Paññatti - "Âm thanh là tiếng nói thường làm cho hiểu biết nội dung; là các sự vật, những sự kiện và có được Thực Tính Siêu Lý với mọi trường hợp sai khác; bởi do thế mới gọi tên là **Chế Định.**" Tức là **Thinh Danh Chế Định.**

Câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến đây, trình bày cho thấy rằng Pháp được gọi tên **Siêu Lý** chỉ có trạng thái Thực Tính của chính mình thôi; và ngoài Pháp ấy ra rồi, thì hết tất cả đều là **Chế Định.** Sẽ nói là "Pháp có Thực Tính hiểu biết được Cảnh, ấy chính là Tâm Siêu Lý". Tuy nhiên chỗ nói rằng: **Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅ khārika v.v. (Câu hành Hỷ Thọ, Tương Ưng Kiến Vô Dẫn v.v.)** ấy chẳng phải là cái Tâm Siêu Lý, chỉ là tên gọi của Tâm thôi, và như thế gọi là **Thinh Danh Chế Định.**

Những thể loại Pháp có Thực Tính tiếp xúc Cảnh, thụ hưởng Cảnh, tưởng nhớ Cảnh, v.v. này đây, chính là cái Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Tưởng, v.v. Tuy nhiên chỗ nói rằng "Xúc", "Thọ" v.v. ấy chẳng phải là cái Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ v.v. chỉ là tên gọi của Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ v.v. thôi, và như thế gọi là **Thinh Danh Chế Định.**

Những thể loại Pháp có Thực Tính cứng mạnh và mềm yếu, hoặc Thực Tính tan chảy và quến tụ, Thực Tính nóng và lạnh, Thực Tính căng phồng và lay động v.v. này đây, chính là Địa Giới, Thủy, Hỏa, Phong v.v. là thuộc Sắc Siêu Lý. Tuy nhiên chỗ nói rằng "Địa", "Thủy", "Hỏa", "Phong" v.v., chỉ là tên gọi của Địa, Thủy, Hỏa, Phong Giới thôi, và như thế gọi là **Thinh Danh Chế Định.**

Pháp có Thực Tính tĩnh lặng tợ như chấm dứt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn Danh Sắc đây, ấy chính là **Níp Bàn Siêu Lý.** Tuy nhiên chỗ nói rằng "Níp Bàn", hoặc "trường sinh", "bất tử" v.v. cũng chẳng phải là Níp Bàn Siêu Lý, chỉ là tên gọi của Níp Bàn Siêu Lý, và như thế gọi là **Thinh Danh Chế Định.**

Tiếp theo đây sẽ nêu lên một sự vật để trình bày cho được nhận thấy đến Thực Tính Siêu Lý và Chế Định nhằm để làm thành kiểu mẫu điển hình. Chẳng hạn như tấm bảng đen, khi gọi tên "tấm bảng đen" ấy là Thinh Danh Chế Định. Sắc thái hình dạng có bốn cạnh, rộng, dài v.v. đã làm cho chúng ta nhận biết được rằng ấy là một tấm bảng đen; ấy là Nghĩa Lý Chế Định có bốn chỗ hiện bày cho được trông thấy. Vả lại khi lấy tay cầm nắm thì sẽ có cảm giác cứng và lạnh. Nếu lấy ngửi xem thì sẽ cảm thọ là có mùi nước sơn v.v. Màu sắc, cứng, lạnh, mùi hơi, v.v. những thể loại này là thuộc Sắc Siêu Lý.

Còn trong vật hữu sinh mạng, chẳng hạn như con rắn, chỗ gọi tên "con rắn" là Thinh Danh Chế Định. Sắc thân của rắn có thân hình dài và tròn v.v. là Nghĩa Lý Chế Định. Màu sắc của rắn đã làm cho nhận thấy được. Nếu rắn ấy phát ra âm thanh hù dọa thì Ta cũng nghe được âm thanh ấy. Nếu chụp vào thân rắn thì sẽ có cảm giác mềm lạnh. Rắn ấy cũng có việc trông thấy đủ mọi thứ, cũng được lắng nghe các âm thanh. Nếu bị người ta đánh đập thì cũng có cảm giác đau đớn, có sự sợ hãi, sự tức giận. Màu sắc, âm thanh, mềm lạnh v.v. những thể

loại này là thuộc Sắc Siêu Lý. Việc trông thấy, việc được lắng nghe, sự cảm giác đau đớn, sự sợ hãi, sự tức giận của rắn, v.v. những thể loại này là thuộc Tâm và Tâm Sở Siêu Lý.

Tóm lại; những tên gọi, các thực tính, và những tiếng nói, ấy là **Thinh Danh Chế Định.** Những sự vật, các sự kiện, ấy là **Nghĩa Lý Chế Định.** Trạng thái Thực Tính của tên gọi hữu quan với Danh Sắc; và trạng thái Thực Tính hiện hữu ở trong những sự vật, ấy là **Siêu Lý.**

+ **Phần Pāḷi điều thứ ba:** Trong phần **Pāḷi** này đã có trình bày đến bảy phân loại theo giản lược và 17 phân loại theo mãn túc của **Nghĩa Lý Chế Định**; đó là:

I. (1) Hình Thức Chế Định (Saṇṭhānapaññatti): Là "nền mặt đất", "núi đồi", "sông nước", "đại dương", "cây cối" v.v. gọi tên hết cả thấy những thể loại này là cũng bởi do:

- nương vào sự hiện hành của tám **Sắc Bất Giản Biệt (Avinibhogarūpa)** sinh khởi liên tục thành một dãy không gián đoạn.

- có đặc tính trạng thái khác biệt nhau, chẳng hạn như nếu sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt cùng tựu hội lại chung với nhau thành một khối, một đống, và có trạng thái dính liền nhau thành một dãy dài xuyên suốt thì giả định gọi là "nền mặt đất". Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt ấy có trạng thái dính liền và chồng chất cao lên thì giả định gọi là "núi đồi". Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt ấy có Thủy Giới làm trưởng trội và có trạng thái chuyển động, có khả năng di dịch đi được, thì giả định gọi là "sông nước", "đại dương". Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt có trạng thái thành thân cao thẳng lên và có cành nhánh, cuống lá chĩa ra, thì giả định gọi là "cây cối".

Tuy nhiên trong chỗ này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã đặc biệt chỉ nêu lên Tứ Sắc Đại Hiển thôi; còn bốn Sắc còn lại thì đã không được đề cập đến. Tất cả đây, là cũng bởi trong tất cả những Sắc Pháp đấy thì Tứ Sắc Đại Hiển làm trưởng trội và làm chỗ nương nhờ của các Sắc khác; chính vì thế, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới đặc biệt chỉ có trình bày Sắc làm thành trưởng trội thôi. Vả lại **Hình Thức Chế Định** này đây, cũng có một vài Ngài Giáo Thọ gọi là **Hiệp Thành Chế Định.**

+ Câu Chú Giải trình bày đến **Hình Thức Chế Định: Vividhaṃ parisamantato namanaṃ = Vipariṇāmo** - Gọi tên sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác, ấy là **Biến Hóa. Bhūtānaṃ vipariṇāmo = Bhūtavipariṇāmo** - Gọi tên sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác của Sắc Đại Hiển, ấy là **Đại Hiển Biến Hóa. Bhūtavipariṇāmo ca so ākāro cāti = Bhūtavipariṇāmākāro** - Đích thị chính sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác của Sắc Đại Hiển ấy, và đã hình thành đặc tính trạng thái hiện hành, mới được gọi tên **Hành Trạng Đại Hiển Biến Hóa.**

II. (2). Hiệp Thành Chế Định (Samūhapaññatti): Là "căn nhà", "chiếc xe", "xe bò", và "thôn làng", "cái lu", "hàng vải" v.v. Việc định đặt tên gọi với những thể loại như là "căn nhà", "chiếc xe" v.v. là cũng do bởi trạng thái tập hợp từ những vật thể vào với nhau; như có cây gỗ, sắt thép, gạch ngói, đinh kẽm, v.v. đã được kết hợp lại hình thành những sắc tướng hình dạng, và cho sử dụng làm thành các điều hữu ích. Nếu như các vật thể đã được kết hợp vào với nhau cho việc sử dụng hữu ích trong việc nương trú, thì được giả định gọi là "căn nhà". Nếu như các vật thể đã được kết hợp vào với nhau cho việc sử dụng hữu ích trong việc

hành trình viễn du, thì được giả định gọi là "chiếc xe". Nếu như nhiều căn nhà cùng hội tụ vào với nhau hình thành một quần thể, thì được giả định gọi là "thôn làng". Nếu như lấy đất kết hợp vào nhau, rồi nặn cho làm thành dụng cụ trong việc để chứa đựng nước, thì được giả định gọi là "cái lu". Nếu lấy tơ sợi kết hợp vào nhau, rồi cho dệt làm thành hàng vải, thì được giả định gọi là "mảnh vải", v.v. Và **Hiệp Thành Chế Định** này đây, cũng có một vài Ngài Giáo Thọ gọi là **Hình Thức Chế Định.**

+ Câu Chú Giải trình bày đến **Hiệp Thành Chế Định: Sambhārānaṃ sanniveso = Sambhārasanniveso** - Gọi tên sự kết tập vào với nhau của các vật thể, có cây gỗ, v.v, ấy là **Kết Tập Vật Thể. Sambhārasanniveso ca so ākāro cāti = Sambhārasannivesākāro** - Đích thị chính sự kết tập vào với nhau của các vật thể, có cây gỗ, v.v. và đã hình thành đặc tính trạng thái hiện hành, mới được gọi tên là **Hành Trạng Kết Tập Vật Thể.**

III. (3) Chúng Sinh Chế Định (Satvāpaññatti): Là "người nữ", "người nam"," nhân loại", "bản ngã", "sinh mệnh" v.v. Việc định đặt tên gọi với những thể loại như là "người nam", "người nữ" v.v. là cũng do nương vào sự hiện hành của Ngũ Uẩn gồm có Sắc Thân, Thọ, Tưởng, Hành và Thức với đủ mọi trường hợp sai khác; do đó mới được giả định gọi là "người nam", "người nữ", "bản ngã", "sinh mệnh" v.v.

IV. (4) Phương Hướng Chế Định (Disāpaññatti): Là hướng Đông, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Nam, v.v. Việc định đặt tên gọi với những thể loại như là "hướng Đông", v.v. là cũng do nương vào việc xoay theo quỹ đạo luân chuyển tuần hoàn của mặt trăng, mặt trời, các vị tinh tú, thể theo sự di chuyển vòng theo chiều kim đồng hồ chung quanh Tu Di Sơn. Có nghĩa là nếu như mặt trời bắt đầu hiện khởi trong lộ trình của phương hướng nào thì Nhân Loại sống trong Bộ Châu ấy giả định gọi hướng ấy là **Đông Phương (Puratthimadisa)** tức là hướng Đông. Nếu như mặt trời xoay theo quỹ đạo lặn khuất xuống trong lộ trình của phương hướng nào thì Nhân Loại sống trong Bộ Châu ấy giả định gọi hướng ấy là **Tây Phương (Pacchimadisa)** tức là hướng Tây. Nếu như người trong Bộ Châu ấy đã quay trực diện về hướng Đông, thì phương hướng ở trên thuộc bên phía tay trái của người ấy và giả định gọi hướng ấy là **Bắc Phương (Uttaradisa)** tức là hướng Bắc. Phương hướng trực thẳng bên phía tay phải của người ấy thì cũng giả định gọi là **Nam Phương (Dakkhiṇadisa)** tức là hướng Nam, chẳng hạn như vầy.

Còn **(5) Thời Gian Chế Định (Kālapaññatti):** Là "ban sáng", "giữa trưa", "ban chiều", "nửa đêm"; những thể loại này cũng tương tự như nhau, có nghĩa là cũng do nương vào việc xoay theo quỹ đạo luân chuyển tuần hoàn của mặt trời, mặt trăng, v.v. Chẳng hạn như trong thời gian mặt trời bắt đầu hiện khởi lên nhưng vẫn chưa đến ngay chính giữa, thì thời gian ấy giả định gọi là **Ngọ Tiền (Pubbaṇha)** tức là ban sáng. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo đi đến ngay chính giữa rồi, thì thời gian ấy giả định gọi là **Ngọ Trung (Majjhaṇha)** tức là giữa trưa. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo rời khỏi chính giữa đi dần cho đến sẽ lặn khuất, thì thời gian ấy giả định gọi là **Ngọ Hậu (Aparaṇha)** tức là ban chiều. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo đã khuất khỏi tầm mắt rồi, thì thời gian ấy giả định gọi là **Vãn Gian (Ratti)** tức là khoảng nửa đêm.

+ Trong câu nói rằng **Disākālādikā** mà đã dịch nghĩa **Phương Hướng Chế Định (Disāpaññatti), Thời Gian Chế Định (Kālapaññatti)** v.v. đấy, cũng có nghĩa là vẫn còn có thêm các thể loại Chế Định khác nữa, đó là:

(6) Quý Tiết Chế Định (Utupaññatti): Là **Đông Tiết (Hemantautu)** mùa đông, **Hạ Tiết (Gimhantautu)** mùa hè, **Vũ Tiết (Vassantautu)** mùa mưa.

(7) Nguyệt Phận Chế Định (Māsapaññatti): Là **Đệ Tứ Nguyệt (Citto)** tháng Tư (dương lịch), **Đệ Ngũ Nguyệt (Vesākho)** tháng Năm (dương lịch), **Đệ Lục Nguyệt (Jeṭṭho)** tháng Sáu (dương lịch), **Đệ Thất Nguyệt (Āsāḷaho)** tháng Bảy (dương lịch), **Đệ Bát Nguyệt (Sāvaṇo)** tháng Tám (dương lịch), **Đệ Cửu Nguyệt (Poṭṭhapādo)** tháng Chín (dương lịch), **Đệ Thập Nguyệt (Assayujo)** tháng Mười (dương lịch), **Đệ Thập Nhất Nguyệt (Kattiko)** tháng Mười Một (dương lịch), **Lạp Nguyệt (Māgasiro)** tháng Chạp (dương lịch), **Nguyên Nguyệt (Phusso)** tháng Giêng (dương lịch), **Đệ Nhị Nguyệt (Māgho)** tháng Hai (dương lịch), **Đệ Tam Nguyệt (Phaggụṇo)** tháng Ba (dương lịch).

(8) Niên Lịch Chế Định (Saṅvaccharapaññatti): Là năm Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

(9) Nhật Lịch Chế Định (Vārapaññatti): Là **Nhật Diệu (Suriyavāra)** ngày Chủ Nhật (ngày thứ nhất trong tuần), **Nguyệt Diệu (Candavāra)** ngày Thứ Hai (trong tuần), **Hỏa Diệu (Bhummavāra)** ngày Thứ Ba (trong tuần), **Thủy Diệu (Budhavāra)** ngày Thứ Tư (trong tuần), **Mộc Diệu (Guruvāra)** ngày Thứ Năm (trong tuần), **Kim Diệu (Sukkavāra)** ngày Thứ Sáu (trong tuần), **Thổ Diệu (Sorīvara)** ngày Thứ Bảy (trong tuần).

V. (10) Hư Không Chế Định (Ākāsapaññatti): Là hố giếng nước, hang động, địa đạo, lỗ trũng, lỗ hổng, hốc hang, v.v. Việc định đặt tên gọi những thể loại như là "giếng nước", "hang động" v.v. là cũng do nương vào trạng thái của tám **Sắc Bất Giản Biệt (Avinibhogarūpa)** không có được tiếp xúc với nhau. Có nghĩa một cạnh mé mặt đất, đá, cây với một cạnh mé khác không có được dính liền với nhau, có lỗ trũng xen ở giữa; và đích thị chính lỗ trũng này được gọi tên là **Hư Không Chế Định.**

VI. (11) Hình Tướng Chế Định (Kasiṇapaññatti): Là **Địa Biến Xứ (Pathavī kasiṇa), Thủy Biến Xứ (Āpokasiṇa)** v.v.Việc gọi những thể loại như **Địa Biến Xứ** v.v. cũng do nương vào sự hiện hành **Cảnh Tướng (Nimittaārammaṇa)** của tám Sắc Bất Giản Biệt.

(12) **Trẫm Triệu Chế Định (Nimittapaññatti):** Là **Chuẩn Bị Tướng (Parikamma nimitta), Cận Tướng (Uggahanimitta), Quang Tướng (Paṭibhāganimitta).** Việc gọi tên cả Tam Tướng này đây, là cũng do nương vào sự hiện hành có trạng thái đặc biệt của việc tiến hóa Tu Tập.

+ Trong câu nói rằng **Evamādippabhedā** được dịch nghĩa "Phân loại từ nơi Nghĩa Lý Chế Định", có Hình Thức Chế Định v.v. Có nghĩa là Nghĩa Lý Chế Định như đã vừa đề cập ở tại đây vẫn chưa có hết, vẫn còn hiện hữu thêm rất nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như **(13) Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti), (14) Sổ Tức Chế Định (Ānāpānapaññat ti), (15) Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti), (16) Chấp Thủ Chế Định (Upādāna paññatti)** là những Pháp Chế Định đã nương nhờ vào Pháp Siêu Lý. Việc trình bày đặt để trong Bộ Chú Giải Nhân Chế Định **(Puggalapaññatti Atthakathā)** thì **(17)**

Tỷ Giảo Chế Định (Upanidhāpaññatti) là Chế Định trong việc so sánh, chẳng hạn như nói rằng "thứ nhất", "thứ nhì", "thứ ba", hoặc "dài", "ngắn", "lớn", "nhỏ", v.v.

Những Pháp Chế Định như đã vừa đề cập đến đây, một khi đã thẩm sát đến Thực Tính ắt hẳn là không có; chẳng hạn như chỗ gọi là "mảnh đất" thì tất cả mọi người thường được hiểu với nhau rằng trạng thái của đất ấy là "một miếng", là "một mảnh" và chính vì vậy mới gọi với nhau là "mảnh đất". Tuy nhiên sự thật thì không có "mảnh đất", mà chỉ có **Khối Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** hoặc gọi là **Nguyên Tố Sắc Pháp (Rūpaparamāṇū)** đã tập hợp vào nhau thôi. Còn Nghĩa Lý Chế Định hữu quan với Hữu Tình Nhân Loại thì chỉ có Nguyên Tố Sắc Pháp và Tâm Tâm Sở thôi. Thế nhưng những thể loại Pháp Nghĩa Lý Chế Định này đây, hiện bày cho Tâm và Tâm Sở có được liễu tri, cũng chính do nương vào việc bảo chứng của Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Triết một khi sẽ định danh cho các sự vật ở trong thế gian này, thì cũng cần phải nương vào việc nghiên cứu thẩm sát trạng thái đặc tính của từng mỗi sự vật ấy, hoặc sẽ nương vào việc so sánh tỷ giảo giữa các sự vật ấy với nhau, cho làm thành cơ sở, và việc ấy được gọi là **Chuyển Hình Tướng (Pavatta nimitta)** của Nghĩa Lý Chế Định. Thế rồi mới định đặt tên gọi cho các sự vật ấy lên, và những tên gọi đã được định danh lên rồi đấy, cũng chính là việc định danh một cách đúng đắn; bởi do thế, tất cả mọi con người mới hiểu biết được, gọi tên với nhau được, làm cho người khác hiểu biết được suốt trọn từng mỗi ngày.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Nghĩa Lý Chế Định

----------00000----------

GIẢI THÍCH TRONG THINH DANH CHẾ ĐỊNH

+ **Phần Pāḷi điều thứ tư:** Trong phần **Pāḷi** điều này đã trình bày cho được biết đến duy nhất chỉ một **Thinh Danh Chế Định** mà đã có đến sáu thể loại tên gọi, có Danh Từ, Định Danh v.v. chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Cõi Giới (Bhūmi)** tức là "đất đai lãnh thổ" đây đã có được sáu thể loại tên gọi; ấy là Danh Từ, Định Danh, Biệt Tự, Từ Nguyên, Mẫu Tự, và Thoại Thuyết.

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN CHỈ DUY NHẤT MỘT THINH DANH CHẾ ĐỊNH CÓ ĐƯỢC SÁU THỂ LOẠI TÊN GỌI

1. Việc gọi tên là **Danh Từ (Nāma)** có nghĩa "có Thực Tính dẫn đến nội dung, tức là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau." "Có Thực Tính dẫn đến nội dung", chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Cõi Giới (Bhūmi)** hoặc "đất đai lãnh thổ" đây thì thường có khả năng làm cho người nghe hoặc người đọc **(Suṇantapuggala – Thính Giả)** hiểu biết được nội dung Thực Tính đất đai lãnh thổ đấy. Vì lẽ từ ngữ nói rằng "Cõi Giới" hoặc "Đất đai lãnh thổ" thường luôn dắt dẫn vào trong sự việc sẽ biểu thị sắc thái hình dạng của bản thân mình cho được hiện bày. Như trình bày câu

Chú Giải rằng: **Atthaṃ namatīti = Nāmaṃ** - Pháp nào thường có Thực Tính dẫn đến nội dung, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên là **Danh Từ.**

"Làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình", chẳng hạn như từ ngữ nói rằng "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ" đây thì thường có khả năng làm cho người sẽ nói hoặc người sẽ viết ra **(Vadantapuggala – Thuyết Giả)** biết đến nội dung ấy là Thực Tính của "đất đai lãnh thổ" trước rồi mới gọi được là "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ". Vì lẽ từ ngữ nói rằng "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ" thì thường làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Attani atthaṃ nāmetīti = Nāmaṃ** - Pháp nào thường làm cho nội dung dẫn đến bản thân mình, bởi do thế Pháp ấy mới gọi tên là **Danh Từ.**

2. Việc gọi tên là **Định Danh (Nāmkamma)** có nghĩa từ ngữ "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ," đấy là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết trong Thời Kỳ Cổ Đại đã kêu gọi, nói năng với nhau rồi. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Kattabbanti = Kammaṃ - Nāmeva kammaṃ = Nāmakammaṃ** - Sự vật mà tất cả các Bậc Hiền Triết kêu gọi, nói năng với nhau; bởi do thế sự vật ấy mới được gọi tên là **Việc Làm** - "Chính vì gọi tên các sự vật ấy làm thành tên gọi mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã kêu gọi, nói năng với nhau; bởi do thế tên gọi các sự vật ấy mới được gọi tên là **Định Danh.**

3. Việc gọi tên là **Biệt Tự (Nāmadheyya)** có nghĩa từ ngữ "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ," đấy là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết ở trong Thời Kỳ Cổ Đại đã giả định đặt tên rồi. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Dhīyati thapīyatīti = Dheyyaṃ - Nāmeva dheyyaṃ = Nāmadheyyaṃ** - Từ ngữ nào mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã định danh rồi; bởi do thế từ ngữ ấy được gọi tên là **Biệt Tự** - Chính vì gọi tên các sự vật ấy làm thành tên gọi mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã có định đặt lên; bởi do thế tên gọi các sự vật ấy mới được gọi tên là **Biệt Tự.**

4. Việc gọi tên là **Từ Nguyên (Nirutti)** có nghĩa từ ngữ "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ", đấy là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã có nghĩ tưởng đến và đã có thẩm sát rồi mới định danh lên những thể loại tên gọi này cho hiện bày như thế nào. Cũng tương tự với Tam Tạng, trong khoảng giữa thời gian Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn chưa có đản sinh trong Thế Gian đấy, thì Tam Tạng cũng vẫn không có cơ hội để hiện khởi lên được. Tiếp đến khi Bậc Chánh Đẳng Giác đã đản sinh rồi, thì Tam Tạng mới hiện khởi lên được như thế ấy. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Uccateti = Utti - Nīharitvā utti = Nirutti** - Từ ngữ nào thích hợp nói lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Nói Năng** - Từ ngữ nào thích hợp nói năng, và đã làm cho được hiện bày ra; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Từ Nguyên.**

5. Việc gọi tên là **Mẫu Tự (Byañjana)** có nghĩa từ ngữ "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ" có khả năng biểu thị nội dung cho được hiện khởi lên. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Atthaṃ byañjayati pakāsetīti = Byañjana** - Từ ngữ nào thường có khả năng biểu thị nội dung cho được hiện khởi lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Mẫu Tự.**

6. Việc gọi tên là **Thoại Thuyết (Abhilāpa)** có nghĩa từ ngữ "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ" này đây, một khi tất cả mọi người cần phải nói năng hoặc đề cập đến, thì thường nghĩ tưởng đến nội dung, tức là sắc thái hình dạng của đất đai lãnh thổ ấy trước rồi mới kêu gọi, nói năng với nhau. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Abhilappatīti = Abhilāpo** - Từ

ngữ nào người nói đã nghĩ tưởng đến nội dung trước rồi mới nói lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Thoại Thuyết.**

Khi kết luận lại thì từ ngữ nói rằng "Cõi Giới" hoặc "đất đai lãnh thổ" đã có đến sáu thể loại tên gọi, như đã vừa được đề cập đến tại đây. Và ngay cả trong những tên gọi khác khác nữa, như có "núi đồi", "cây cối", "người nam", "người nữ" v.v. và luôn cả những ngôn ngữ đã sử dụng với nhau trong Thế Gian này; từ mỗi từ ngữ cũng đều có sáu thể loại tên gọi, như có Danh Từ, Định Danh v.v. tương tự như nhau. Vì lẽ lời nói và những thể loại ngôn ngữ đấy cũng đều là Thinh Danh Chế Định với nhau hết cả thảy; cũng tỷ như từng mỗi một người có được sáu thể loại tên gọi với nhau, dường như thế ấy vậy. Và những thể loại Thinh Danh Chế Định này cũng còn được gọi là **Danh Chế Định (Nāmapaññatti).**

GIẢI THÍCH SÁU PHÂN LOẠI THINH DANH CHẾ ĐỊNH HOẶC DANH CHẾ ĐỊNH

+ **Phần Pāḷi điều thứ năm, sáu, bảy, và tám:** Trong phần **Pāḷi** cả bốn điều đây đã trình bày đến sáu phân loại của Thinh Danh Chế Định với cả việc nêu lên thí dụ điển hình riêng từng mỗi điều, đó là:

1. Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānapaññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng "Sắc", "Thọ", "Tưởng", "Hành", "Thức", "Níp Bàn", v.v. Hoặc khi nói một cách tóm tắt thì đấy chính là lời nói hữu quan với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn ấy vậy.

Như trình bày câu Chú Giải: **Vijjamānassa paññatti = Vijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu là **Hiện Hữu Chế Định.**

2. Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānapaññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng "đất đai lãnh thổ", "núi đồi", "cây cối", "sông nước", "đại dương", "căn nhà", "người nam", "người nữ" v.v.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānassa paññatti = Avijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu ấy là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

3. Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenaavijjamānapaññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Lục Thắng Trí (Chaḷābhiññō), Tam Minh (Tevijjo), Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidappatto), Thất Lai (Sotapanno).** Và những thể loại ngôn từ này nhắm đến bao gồm những hạng Người: **Bậc Lục Thắng Trí (Chaḷābhiññapuggala), Bậc Tam Minh (Tevijjapuggala), Bậc Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisam bhidapattopuggala), Bậc Thất Lai (Sotapannopuggala).**

Từ ngữ nói rằng: Lục Thắng Trí: Sáu Thắng Trí; Tam Minh: Ba Minh; Vô Ngại Giải: Trí Vô Ngại Giải; Thất Lai: Quả Thất Lai; và những thể loại này từ ngữ này có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn từ ngữ **Người (Puggala)** là không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày; bởi do thế những từ ngữ nói rằng **Bậc Lục Thắng Trí** v.v. đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Vijjamānena avijjamānassa paññatti = Vijjamānenaavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Trong những từ ngữ "Lục Thắng Trí", "Tam Minh" v.v. ở phần Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định đây, khi đã được dịch theo Việt ngữ thì sẽ phải nói là "Bậc đã được chứng đắc Lục Thắng Trí", "Bậc đã được chứng đắc Tam Minh", v.v. Bởi thế, từ ngữ đề cập đến theo Việt ngữ đây mới xoay trở lại thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.**

4. Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānenavijjamānapaññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Âm thanh người nữ (Itthīsaddo), Sắc vàng (Suvaṇṇavaṇṇo), Hương bông hoa (Pupphagandho) v.v.** Những thể loại từ ngữ như **Itthī:** người nữ; **Suvaṇṇa:** vàng; **Puppha:** bông hoa, đây không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn những thể loại từ ngữ như **Saddo:** âm thanh; **Vaṇṇo:** màu sắc; **Gandho:** hương thơm, đây có Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, những thể loại từ ngữ như nói rằng **Âm thanh người nữ (Itthīsaddo)** v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānena vijjamānassa paññatti = Avijjamānenavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.** Còn trong phần Việt ngữ thì nói rằng "âm thanh người nữ", "sắc vàng", "hương bông hoa" v.v. bởi do thế từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt ngữ đây mới xoay trở lại thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

5. Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenavijjamānapaññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇaṃ):** Thức nương vào Nhãn Căn khởi sinh; **Nhãn Phủ Xúc (Cakkhusamphasso):** Việc tiếp xúc ở Lộ Nhãn Môn v.v. Những thể loại từ ngữ như **Cakkhu:** Nhãn Thanh Triệt; **Viññāṇaṃ:** Tâm; **Phasso:** Tâm Sở Xúc, này đây đều có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng **Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇaṃ)** v.v. này đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Vijjamānena vijjamānassa paññatti = Vijjamānenavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.**

6. Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānena avijjamāna paññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Con trai Đức Vua (Rājaputto), Cháu nội trai Đức Vua (Rājanattā), Vợ bá hộ (Seṭṭhibhariyā), Chị cả (Jeṭṭhabhaginī)** v.v. Những thể loại từ ngữ như **Rāja: Đức Vua; Putto: con trai; Nattā: cháu nội trai; Seṭṭhī: bá hộ; Bhariyā: người vợ; Jeṭṭha: người anh; Bhaginī: người em** v.v. này đây đều không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng **Con trai Đức Vua (Rājaputto)** v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānena avijjamānassa paññatti = Avijjamānenaavijjamāna paññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

GIẢI THÍCH TRONG KỆ NGÔN TRÌNH BÀY VIỆC HIỂU BIẾT ĐẾN THINH DANH CHẾ ĐỊNH – NGHĨA LÝ CHẾ ĐỊNH VÀ NGUYÊN NHÂN ĐẦU TIÊN LÀM DANH CHẾ ĐỊNH HIỆN KHỞI

+ **Phần Pāḷi điều thứ chín:** Trong phần **Pāḷi** điều này đã trình bày đến Lộ Trình Tâm liễu tri trong Thinh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định, và việc định danh cho hiện khởi đối với tất cả mọi người. Khi được lắng nghe lời nói rằng "con bò" thì Lộ Trình Nhĩ Thức thường sinh khởi lên tiếp thâu Cảnh Thinh, tức là từ ngữ "con bò"; thế rồi cũng diệt mất đi. Tiếp nối theo đấy **Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành (Tadanuvattikamanodvāravithī)** thường sinh khởi lên tiếp thâu Cảnh Thinh, tức là từ ngữ "con bò"; thế rồi cũng tiếp tục diệt mất đi; được gọi là **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahaṇavithī).** Chính vì thế cho nên **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để nói rằng: **Vacīghosānusārena sotaviññāṇavithiyā** - Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh. Trong phần **Pāḷi** này thì không có trình bày đến một cách trực tiếp Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ; tuy nhiên theo lẽ thường nhiên thì **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahaṇavithī)** và **Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahaṇa vithī)** cả hai Lộ Trình này thường luôn sinh khởi đàng sau từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ. Hoặc **Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggaṇavithī)** sẽ không thể sinh khởi một cách trực tiếp tiếp nối từ ở Lộ Trình Nhĩ Thức ấy được; tuy nhiên trong lời nói rằng "con bò" đã được nêu lên làm thí dụ điển hình đây, lại là lời nói có từ đơn âm tiết; bởi do thế mới không có Lộ Trình Thu Dung Tập Thành. Với lý do này, Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa mới phải sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ; và sẽ không thể nào loại trừ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ ấy đi được. Chính vì thế, cho dù Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ này sẽ không có được trình bày đến một cách trực tiếp đi nữa, tuy nhiên cũng nên hiểu rằng ắt phải có Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ này; thể theo phần được

gọi là **Phần Bất Ly Biệt (Avinābhāvanaya)** tức là phần được nói đến một sự vật sẽ không thể nào tách biệt một sự vật khác được.

Khi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ sinh tiếp nối từ nơi Lộ Trình Nhĩ Thức đã diệt đi rồi, thì người lắng nghe ấy cũng vẫn chưa có khả năng để sẽ hiểu biết đến ý nghĩa của lời nói "con bò" ấy được; mà chỉ có hiểu biết được âm thanh rằng là "con bò" thôi. Tiếp nối từ nơi đấy, thế rồi Lộ Trình thứ ba - ấy là Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng thường sinh khởi lên; thì ngay sát na ấy, người lắng nghe thường có khả năng hiểu biết đến Danh Chế Định, tức là ý nghĩa của lời nói "con bò" ấy được; thế nhưng cũng vẫn chưa hiểu biết đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là sắc tướng hình dạng con bò.

Vì thế **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để nói rằng **Pavattānantarup pannamanodvārassa gocarā** - và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn.

Khi Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng đã diệt đi, thế rồi Lộ Trình thứ tư - ấy là Lộ Trình Thu Dung Nghĩa Lý sinh khởi tiếp thâu Nghĩa Lý Chế Định; thì ngay sát na ấy, người lắng nghe thường hiểu biết đến sắc tướng hình dạng của con bò một cách đầy đủ trọn vẹn. Bởi do thế **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để nói rằng **Atthā yassānusārena viññāyanti tato paraṃ** - và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết.

Việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình liễu tri đến Danh Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định ngay sát na đang lắng nghe âm thanh của lời nói chỉ là từ đơn âm tiết như đã vừa đề cập đến tại đây, đã ứng hợp với kệ ngôn trình bày như vầy:

Saddaṃ paṭhamacittena **Tītaṃ dutiyacetasā**
Nāmaṃ tatiyacittena **Atthaṃ catutthacetasā**

Thường thì được lắng nghe âm thanh đang hiện bày với Lộ Trình Nhĩ Thức thứ nhất. Thường thì được hiểu biết âm thanh đã diệt đi rồi với Lộ Trình Ý Môn thứ hai, tức là Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ. Thường thì được hiểu biết tên gọi với Lộ Trình Ý Môn thứ ba, tức là Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng. Thường thì được hiểu biết ý nghĩa sắc tướng hình dạng với Lộ Trình Ý Môn thứ tư, tức là Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.

Thinh Danh Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định hiện bày hằng mỗi ngày trong Thế Gian này, là cũng do bởi tất cả các Bậc Hiền Triết ở trong Thời Kỳ Cổ Đại và trong Thời Kỳ Hiện Tại, đã định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

Trong thời kỳ tân kiến thủy thế gian và đã có nhóm Nhân Loại sinh trú rồi, thì tất cả những Nghĩa Lý Chế Định đã được định đặt tính kể đến lục địa, đất đai lãnh thổ, núi đồi, sông nước, cây cối; và các sự vật ấy thì cũng đã có được hiện hữu rồi, thế nhưng vẫn chưa có Thinh Danh Chế Định, tức là vẫn chưa có tên gọi để kêu nhau. Tiếp đến thì đã có bậc tiên thiên thông tuệ nghĩ suy định đặt danh xưng cho đặng thích hợp đối với sự hiện hành của những sự vật đấy. Chẳng hạn như khi đã trông thấy đất đai lãnh thổ rồi, thì định danh ấy là **Bhūmi (Cõi Giới)** hoặc **Paṭhavī (Đất Đai).** Khi đã trông thấy núi đồi rồi, thì định danh ấy là **Pabbato (Núi Đồi).** Khi đã trông thấy sông núi thì cũng định danh ấy là **Nadī (Sông Nước).** Khi đã trông thấy cây cối thì cũng định danh ấy là **Rukkho (Cây Cối)** v.v. Và tất cả mọi người dân một khi đã được lắng nghe lời nói rằng "Cõi Giới" v.v. thì cũng hiểu biết được rằng là tên gọi của sự vật này sự vật nọ; và một khi đã được trông thấy đất đai lãnh thổ, núi đồi v.v. thì cũng

gọi được tên gọi ấy là **Bhūmi, Pabbato** v.v. cho được làm thành ngôn ngữ được sử dụng với khắp tất cả và cùng hiểu biết hết tất cả trong Thế Gian. Còn đối với những ngôn ngữ khác khác, như có Thái ngữ, Miến ngữ, Ấn ngữ, Pháp ngữ v.v. cũng có các Bậc Trí Tuệ nghĩ suy định danh đặng sử dụng kêu gọi với nhau ở trong những quốc độ của mình cho đến cả thường luôn hằng mỗi ngày. Và giả như có một sự vật nào mới lạ đã hiện bày lên rồi, thế là nhóm các Bậc Hiền Triết có kiến thức ở trong lãnh vực thẩm sát nghiên cứu, cũng lại định danh thêm tên gọi mới nữa tùy thuộc vào quốc độ của mình. Chính vì thế **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày để nói rằng **Sāyaṃ paññatti viññeyyā lokasaṅketanimitā** - Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục như vầy.

Kết Thúc Việc Phân Tích Phần Danh Sắc Và Chế Định
Và Kết Thúc Lời Dịch Nghĩa Phần Pāḷi Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp
Luôn Cả Lời Giải Thích Trong Chương Thứ Tám

----------00000----------

VẤN HỎI TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM
VẤN HỎI TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

(Câu hỏi có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho Bậc Giáo Thọ; còn câu hỏi không có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho tất cả mọi người.)

1. Hỏi: Hãy vẻ họa đồ trình bày đến việc phân tích Pháp Liên Quan Tương Sinh thể theo Chi Pháp và Thời Kỳ, v.v.

2. Hỏi: Hãy vẻ họa đồ trình bày đến Tam Thời Kỳ, Thập Nhị Chi Phần, 20 Hành Tướng, Tam Liên Kết, Tứ Tóm Lược, Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên, và Nhị Luân Xa.

3. Hỏi: Hãy vẻ họa đồ trình bày đến Tiền Hữu Luân.

4. Hỏi: Hãy vẻ họa đồ trình bày đến Hậu Hữu Luân.

5. Hỏi: Tại làm sao Chương thứ tám này được gọi tên là **Tổng Hợp Duyên Hệ,** và cho trình bày Nhân Quả trong sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày đến các Pháp Chế Định để chung trong Chương này; luôn cả xin dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyện của **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** có **Yesaṃ saṅkhata dhammānaṃ** v.v.

6. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa từ ngữ nói rằng **Paccaya (Năng Duyên)** với **Paccayuppanna (Sở Duyên);** và Pháp làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên bao gồm những Pháp chi ?

7. Hỏi: Hãy giải thích trong Kệ Ngôn Thệ Nguyện một cách tỷ mỷ chi tiết.

8. Hỏi: Tổng Hợp Duyên Hệ đây có được mấy Phương Pháp, là những Phương Pháp chi ? Và hãy trình bày đến sự khác biệt giữa các Phương Pháp ấy (không cần phải nêu câu Chú Giải).

9. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải của những từ ngữ tiếp theo đây: **Paṭiccasamuppādo, Paṭṭhānaṃ, Nayo, Paṭiccasamuppādanayo, Paṭṭhānanayo.**

10. Hỏi: Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và xin hãy trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả.

11. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong phần **Pāḷi** thuộc Liên Quan Tương Sinh kể từ **Avijjāpaccayā saṅkhārā** v.v. cho đến **samudayo hotīti.**

A. 12. Hỏi: Hãy giảng giải đến sự lợi ích được đón nhận từ nơi việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả bởi qua Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú.

13. Hỏi: Vô Minh một khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Hãy nói ý nghĩa của những từ ngữ ấy, và cho trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Avijjā (Vô Minh), Vijjā (Minh);** đối với Vô Minh thì chỉ trình bày hai câu thôi.

14. Hỏi: Việc bất liễu tri thể theo Chân Lý của Vô Minh đấy, thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở.

15. Hỏi: Hãy trình bày đến sự hiện hành của người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tái sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh ở trong kiếp sống kế sau.

16. Hỏi: Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ được dịch nghĩa là thế nào ? Cho giải thích ý nghĩa của câu này với.

17. Hỏi: Cả ba nhóm người bao gồm "người có Vô Minh ở phần đại đa số", "người có Vô Minh ở phần nhiều" và "người có Vô Minh ở phần cuối cùng" đấy, là thuộc những nhóm hạng người nào ? Cho giải thích theo riêng từng mỗi hạng người.

A. 18. Hỏi: Ngài nói rằng: "Tất cả các Bậc Vô Sinh là Bậc không còn có Vô Minh", một khi đã là như vậy thì Bậc Vô Sinh có phải là Bậc liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không ? Và giả như vẫn chưa có sự toàn tri toàn giác thì sẽ có sự mâu thuẫn hoặc để sẽ nói rằng "Bậc Vô Sinh đã đoạn lưu khỏi Vô Minh rồi" hay chăng ? Xin cho lời giải thích một cách thấu đáo qua việc thẩm định này.

19. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Vô Minh.

20. Hỏi: Từ ngữ **Saṅkhāra (Hành)** có nghĩa thế nào ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày; và có bao nhiêu Hành làm thành Quả của Vô Minh ? Cho trình bày Chi Pháp của từng mỗi thể loại Hành.

21. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào mà Tư Tâm Sở hiện hữu trong những Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác đấy không được sắp làm thành Hành, có Phúc Hành v.v.? Và có hay là không ở phần Tư Tâm Sở Thiện chỗ gọi là Phước Báu nhưng không được sắp làm thành Phúc Hành hoặc Bất Động Hành ? Nếu giả như có, sẽ là thể loại Tư Tâm Sở nào ? Cho giải thích.

22. Hỏi: Hãy phân tích Phúc Hành v.v. bởi theo Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực, Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập và Thập Ác Hạnh ?

23. Hỏi: Hãy trình bày các câu Chú Giải những từ ngữ như tiếp theo đây: **Puññaṃ (Phước Báu), Apuññaṃ (Phi Phước Báu), Aneñjaṃ (Bất Động), Puññābhisaṅkhāraṃ (Phúc Hành), Vacīsaṅkhāraṃ (Ngữ Hành).**

A. 24. Hỏi: Hãy giảng giải đến Phúc Hành, Phi Phúc Hành, và Bất Động Hành hiện khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân.

A. 25. Hỏi: Đồng ý với những Bất Thiện Sự đã được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, nhưng thật đáng nghi ngờ với những Thiện Sự được thành tựu là cũng vẫn do bởi Vô Minh làm Nhân; vậy xin cho lời giải thích để được thấu hiểu.

A. 26. Hỏi: Trong câu **Avijjāpaccayā saṅkhāra (Vô Minh làm duyên Hành)** đã làm cho hiểu biết rằng những thể loại Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, Tu Tập Thiện đây chỉ đặc biệt sinh khởi với người vẫn đang còn có Vô Minh. Khi đã là như vậy thì có phải cũng ngang bằng với Bậc đã thành tựu Quả vị Vô Sinh thường không còn tiếp tục thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập nữa, vì lẽ đã đoạn lưu Vô Minh rồi hay không ? Xin Ngài cho lời giải thích thẩm định về vấn đề một cách thông suốt rõ ràng.

27. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Hành.

A 28. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích một cách tóm lược trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Maruppātaṃ dīpacciṃ	**Madhulittassa lehanaṃ**
Gūthakūḷaṃ visaṃ khādaṃ	**Pisācanagaraṃ yathā.**
Bālo karoti saṅkhāre	**Tividhe dukkhahetavo**
Tasmā sati avijjāya	**Bhāvato hoti paccayo.**

A. 29. Hỏi: Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả Tam Hành có được bao nhiêu mãnh lực của Duyên Hệ ? Là những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần.

30. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành làm thành Quả của Vô Minh với Hành làm thành Nhân của Thức; và cho trình bày Chi Pháp của Hành làm thành Nhân của Thức.

31. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Viññāṇaṃ (Thức)** cùng với cả Chi Pháp.

32. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Thức thể theo cả hai Phương Pháp, cùng với cả lời giải thích.

A. 33. Hỏi: Cho lời giải thích trong câu Chú Giải của **Viññāṇa (Thức)** thuộc điều thứ nhất và điều thứ hai; và Thức làm thành Quả của Hành đấy, khi phân chia ra có được bao nhiêu nhóm ? Là những chi ?

34. Hỏi: Hãy phân tích 19 Thức Tái Sinh bởi theo **Hỗn Hợp (Missaka), Thuần Nhất (Suddha), Cõi Giới (Bhūmi), Chủng Loại (Jāti), Sinh Thú (Gati), Thức Trụ (Viññāṇaṭhīti), Lục Cư Địa Giới (Sattāvāsa);** luôn cả trình bày số lượng Thức trong từng mỗi Phần.

35. Hỏi: Hãy phân tích 32 Thức Dị Thục Quả bởi theo cả Tam Hành, có Phúc Hành, v.v. rằng thể loại Thức nào thì sinh khởi bởi do nương vào thể loại Hành nào làm Năng Duyên.

36. Hỏi: Thức Dị Thục Quả sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ở Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, và Cõi Vô Sắc Giới thì gồm có những chi ? Và khi sinh khởi trong Thời Kỳ Tái sinh thì gồm có những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Phần.

37. Hỏi: Hãy trình bày Thức Dị Thục Quả như tiếp theo đây:

1. Thức Dị Thục Quả sinh được trong Thời Kỳ Tái Sinh nhưng lại không được sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.

2. Thức Dị Thục Quả sinh được trong Thời Kỳ Chuyển Khởi nhưng lại không được sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh.

3. Thức Dị Thục Quả sinh được cả hai Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

4. Thức Dị Thục Quả sinh không được cả hai Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

38. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Thức. Và trong sự việc Hành làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức đấy thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ?

39. Hỏi: Hãy trình bày phân loại Thức làm thành Nhân của Danh Sắc, cùng luôn cả Chi Pháp. Vả lại từ ngữ **Nāmarūpaṃ (Danh Sắc)** thì Danh ấy là chi ? và Sắc ấy là chi ?

40. Hỏi: Hãy phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức thể theo Thời Kỳ Tái sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Và cho lời giải thích trong câu Chú Giải **Nāmañca rūpañca nāmarūpañca = Nāmarūpaṃ.**

41. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Danh Sắc.

42. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên được kết hợp vào trong việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Pháp tức là Tâm Sở phối hợp.

2. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật).

3. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Sinh (loại trừ Sắc Tâm Cơ).

4. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Sinh trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng.

5. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn.

43. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp theo riêng từng mỗi Phần trong câu **Nāmarūpa paccayā saḷāyatanaṃ sambhavati** - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ khởi sinh; và hãy trình bày câu Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: **Āyatanaṃ (Xứ), Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ).** Vả lại cho lời giải thích từ ngữ **Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ)** trong câu **Nāmarūpapaccayā ṣaḷāyatanaṃ (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ),** và cho dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây: **1. Āyatanalakkhaṇaṃ, 2. Dassanarasaṃ, 3. Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ, 4. Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ.**

A. 44. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên Hệ được liệt kê vào trong câu **Nāmarūpa paccayā saḷāyatanaṃ (Danh Sắc làm duyên Lục Xứ).**

45. Hỏi: Sẽ trình bày những câu Chú Giải thế nào trong các từ ngữ **Phassa (Xúc), Samphassa (Phủ Xúc), Cakkhusamphassa (Nhãn Phủ Xúc), Manosamphassa (Ý Phủ Xúc).**

A. 46. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Saḷāyatanapaccayā phasso sambhavati (Lục Xứ làm duyên Xúc khởi sinh).**

47. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong những câu như tiếp theo đây:

Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso

Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso

48. Hỏi: Cho lời giải thích đến việc tiếp xúc Cảnh của "Xúc" rằng như thế nào mà được gọi tên là "Xúc"?

49. Hỏi: Hãy cho việc phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới.

50. Hỏi: Xúc sinh khởi do nương vào Lục Xứ làm Năng Duyên, một khi tính theo mãn túc có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

51. Hỏi: Theo lẽ thường nhiên đơn nhất một Xúc sinh khởi do nương vào hết tất cả các Xứ là không thể có được, và hết tất cả các Xúc sinh khởi chỉ do nương vào đơn nhất một Xứ thì cũng không thể có được; thế nhưng tại làm sao Đức Phật lập ý khải thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số **(Ekavacana)** để nói rằng **Saḷāyatanapaccayā phasso** ?

52. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Xúc; và trình bày việc liệt kê số lượng Duyên Hệ trong câu **Lục Xứ làm duyên Xúc (Saḷāyatanapaccayā phasso).**

53. Hỏi: Có bao nhiêu Thọ sinh khởi do nương vào Xúc ? Và ý nghĩa từng mỗi thể loại ấy có như thế nào?

54. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Vedanā (Thọ);** và Nhãn Phủ Xúc Thọ, với luôn cả phân tích cả Lục Thọ bởi theo **Lạc Thọ (Sukha), Khổ Thọ (Dukkha)** và **Xả Thọ (Upekkhā).**

A. 55. Hỏi: Cho lời giải thích trong sự việc của An Lạc – Khổ Đau có nhiều hoặc ít tùy thuộc vào sự hiện hành của Xúc; luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Thọ; và việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu **Xúc làm duyên Thọ (Phassapaccayā vedanā).**

A. 56. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Vedanāpaccayā taṇhā sambhavati (Thọ làm duyên Ái khởi sinh).**

57. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục)** là sự hoan hỷ, duyệt ý, mong muốn đã được sinh khởi bởi do nương vào việc trông thấy, được lắng nghe, được ngửi, v.v. trong Cảnh tốt đẹp; bởi do thế mới nói được rằng Ái Dục sinh khởi từ ở nơi cả Lục Cảnh. Tuy nhiên tại làm sao Đức Phật mới lập ý trình bày rằng **Vedanāpaccayā taṇhā (Thọ làm duyên Ái Dục)** mà không trực tiếp trình bày rằng **Ārammaṇapaccayā taṇhā (Cảnh làm duyên Ái Dục)** ? Do bởi lý do nào ? Cho lời giải thích.

A. 58. Hỏi: Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi phần trong sự việc Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ.

59. Hỏi: Ái Dục sinh khởi do nương vào Lạc Thọ và Xả Thọ thì cũng có thể hiểu biết được, thế nhưng Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Khổ Thọ thì làm thế nào có được ? Cho lời giải thích.

60. Hỏi: Lục Ái Dục gồm có những chi ? Cho trình bày ý nghĩa với.

61. Hỏi: Cho lời giải thích trong đoạn văn **Pāḷi** chỗ nói rằng: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā** (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục) luôn cả trình bày việc sinh khởi của **Pháp Ái (Dhammataṇhā).**

62. Hỏi: Nếu có người nói rằng Sắc Ái đây cũng là **Dục Ái (Kāmataṇhā),** hoặc cũng được là **Hữu Ái (Bhavataṇhā),** hoặc cũng được là **Ly Hữu Ái;** thế thì Ngài sẽ phản đối hoặc đồng ý như thế nào ? Cho trình bày một cách rõ ràng.

63. Hỏi: Sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát Tuệ thì có phải là **Pháp Ái** hay không ? Cho lời giải thích thẩm định với việc nêu lên cơ sở dẫn chứng.

64. Hỏi: Thọ sinh khởi do bởi không nương vào Xúc làm Năng Duyên thì có được hay không ? Và nhóm Thọ nào thì làm tác nhân cho Ái Dục sinh khởi ? Và việc thụ hưởng ấy chính là Thọ sinh khởi trong sát na trông thấy, được lắng nghe v.v. thì sẽ nói rằng Ái Dục thường luôn được sinh khởi hay không ? Cho lời giải thích.

65. Hỏi: Ái Dục chỗ được gọi tên Dục Ái và Hữu Ái ấy là chi? Cho nêu câu Chú Giải lên để phối hợp với việc trình bày.

66. Hỏi: Khi trình bày thể theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng **(Suttanta mahāvagga Atthakathā)** thì **Hữu Ái** đây có được số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa luôn cả việc nêu cơ sở lên để phối hợp dẫn chứng với.

67. Hỏi: Chỗ nói rằng "Ly Hữu Ái" thì Ngài có sự hiểu biết như thế nào ? Cho lời giải thích thể theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn.

68. Hỏi: Phương pháp tính đếm 108 Ái Dục thì sẽ phải tính đếm như thế nào ? Cho trình bày việc tính đếm một cách rõ ràng.

69. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Ái Dục; vả lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu **Thọ làm duyên Ái Dục (Vedanāpaccayā taṇhā).**

70. Hỏi: Thể loại Ái Dục và Tà Kiến nào đã được gọi tên là Chấp Thủ ? Vả lại hãy trình bày câu Chú Giải của Chấp Thủ với.

A. 71. Hỏi: Có bao nhiêu Kiến Chấp Thủ ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tỷ mỷ chi tiết.

72. Hỏi: 62 Tà Kiến gồm có những chi ?

73. Hỏi: Hãy trình bày **Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Antaggāhika diṭṭhi)** cùng với ý nghĩa.

74. Hỏi: Thể loại Tà Kiến nào đã được gọi tên **Sīlabbatupādāna (Giới Cấm Chấp Thủ)** và **Attavādupādāna (Ngã Luận Chấp Thủ)** ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

A. 75. Hỏi: Hãy giải thích trong câu chuyện về Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

76. Hỏi: Một cách ngắn gọn Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào cả Ngũ Uẩn đấy thì có được bao nhiêu ? và một cách tròn đủ thì có được bao nhiêu ? Vả lại hãy trình bày việc

sinh khởi của Hữu Thân Kiến một cách ngắn gọn và một cách tròn đủ với việc nương vào bất luận một Uẩn nào trong Ngũ Uẩn đấy cho được trông thấy một cách rõ ràng.

77. Hỏi: Cho bổ sung nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: "Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri v.v. và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị".

A. 78. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu chuyện **Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta),** và **Bản Sinh Mệnh Ngã (JīvaAtta)** một cách tỷ mỷ chi tiết.

79. Hỏi: Sự Chấp Thủ rằng là **Bản Ngã (Atta)** đây, thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho lời giải thích một cách ngắn gọn.

80. Hỏi: Cho dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññadattthudaso vasavatti issaro kattā nimmātā seṭṭho sajjitā vasī pitā bhūtabhabyānaṃ iminā mayaṃ bhotā brahmunā nimmitā.**

81. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những từ ngữ sau đây: **1/. Tự Hành Mệnh Ngã (Kāraka JīvaAtta), 2/. Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JīvaAtta), 3/. Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sāmī JīvaAtta), 4/. Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivāsī JīvaAtta), 5/. Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī JīvaAtta), 6/. Đắc Quyền Mệnh Ngã (Vasavatta JīvaAtta);** và cho lời giải thích trong độ chừng một vài từ ngữ của những từ ngữ này.

82. Hỏi: Nếu như đã không có Hữu Thân Kiến thì những Tà Kiến khác có được sinh khởi hay không ? Cho sự thẩm định và lời giải thích.

A. 83. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Ái Dục với Dục Chấp Thủ một cách tỷ mỷ chi tiết.

84. Hỏi: Xin cho bổ túc nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: "Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa v.v. dịch nghĩa là "Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống."

85. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Sattiyā yassa jīvassa Loko vattati maññito
Kārako vedako sāmī Nivāsī so sayaṃvasī

Luôn cả thẩm định trong điều nói rằng "Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình" hoặc lời nói rằng "tự tin"; những lời nói này có được liệt kê vào Ngã Luận Chấp Thủ hay không ? Và thể loại Tà Kiến nào thì được gọi tên là Kiến Chấp Thủ ? Cho lời giải thích và nêu lên cơ sở dẫn chứng để trình bày với.

A. 86. Hỏi: Hãy giảng giải trong Ái Dục làm Năng Duyên cho cả Tứ Chấp Thủ đi.

87. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Chấp Thủ; vả lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu **Ái Dục làm duyên Chấp Thủ (Taṇhāpaccayā upādāna).**

88. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại "Hữu"? Cho trình bày cả Dĩ Pháp Bản Nguyện và Dĩ Nhân Bản Nguyện; luôn cả trình bày câu Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: **Bhava (Hữu), Kammabhava (Nghiệp Hữu), Uppatti (Sinh), Uppattibhava (Sinh Hữu).**

89. Hỏi: Cho phân tích Nghiệp Hữu bởi theo **Dvāra (Môn)**, và hãy trình bày Cửu Sinh Hữu có Dục Hữu, v.v.

90. Hỏi: Hãy trình bày cả Cửu Sinh Hữu bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyện, và trình bày Chi Pháp của Cửu Sinh Hữu có **Thân Dị Tưởng Dị Hữu (Nānāttakāyanānāttasaññībhava)** v.v.

91. Hỏi: Cửu Sinh Hữu khi tính theo giản lược có được bao nhiêu ? Và cả hai Nghiệp Hữu với Sinh Hữu đây có được làm thành Nhân làm thành Quả với nhau như thế nào ? Cho lời giải thích.

A. 92. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Amataṃ niyyamānena **Jaramānena nijjaraṃ**

Nibbutaṃ tapamānena **Nimeyya bondinā sivaṃ**

Và hãy trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu bởi do nương vào cả Tứ Chấp Thủ.

93. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa của Tà Kiến như tiếp theo đây: **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi), Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi), Vô Hành Kiến (Akiriyādiṭṭhi).**

94. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành với Nghiệp Hữu, với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Nghiệp Hữu.

A. 95. Hỏi: Cho trình bày việc liệt kê Duyên Hệ trong câu **Chấp Thủ làm duyên cho Hữu (Upādānapaccayā bhāvo)** một cách tỷ mỷ chi tiết.

96. Hỏi: Cho giảng giải trong câu **Bhavapaccayā jāti sambhavati (Hữu làm duyên Sinh khởi sinh).**

97. Hỏi: Từ ngữ **Jāti (Sinh)** dịch nghĩa như thế nào ? Trình bày câu Chú Giải ra sao ? Và Sinh đây - rằng khi theo Dĩ Pháp Bản Nguyện và theo Thời Gian có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

98. Hỏi: Tái sinh Sinh rằng khi tính theo Sinh Chủng thì có được bốn, rằng tính theo Uẩn thì có được ba; thật khó biết được rằng có bốn là như thế nào và có ba là như thế nào ?

99. Hỏi: Hãy bổ túc nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: **Sinh Chủng (Jāti)** là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này v.v. bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

100. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Sinh; và Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sinh có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Với luôn cả trình bày quan điểm của Ngài Phụ Chú Giải Căn Nguyên và Ngài Chú Giải Sư trong câu **Hữu làm duyên Sinh (Bhavapaccayā jāti).**

A. 101. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ sokaparideva dukkhadomanassupāyāsā sambhavanti - Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh,** một cách tóm lược.

102. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải những từ ngữ như sau: **Jarā (Lão Mại), Maraṇa (Tử Vong), Soka (Sầu Muộn), Parideva (Bi Ai), Dukkha (Khổ Đau), Domanassa (Ưu Thọ), Upāyāsa (Não Hại).**

103. Hỏi: Chi Pháp Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại là chi ?

104. Hỏi: Lão Mại có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nói lên ý nghĩa với.

105. Hỏi: Ngài nói rằng **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại (Vayovuddhijarā)** rằng khi tính theo **Niên Hạn (Vaya)** thì có Tam Niên Hạn hoặc Thập Niên Hạn; thật khó hiểu được rằng Tam Niên Hạn là những chi ? Thập Niên Hạn là những chi ? Có quy phạm hạn định như thế nào ?

106. Hỏi: Từ ngữ **Jarā (Lão Mại)** trong Liên Quan Tương Sinh lập ý nhắm đến thể loại Lão Mại nào ? Và hãy phân tích những thể loại Lão Mại đấy bởi theo Pháp Siêu Lý và Chế Định.

A. 107. Hỏi: Một vài Ngài nói rằng Lão Mại thì trông thấy được; một vài Ngài thì đã nói rằng không trông thấy được. Vấn đề này xin Ngài cho thẩm định quyết đoán để được nhận thấy một cách rõ ràng.

108. Hỏi: Tử Vong có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và trong Liên Quan Tương Sinh này có ý định lấy thể loại Lão Mại nào vậy ?

A. 109. Hỏi: Hãy giảng giải việc hủy diệt mầm **Sinh** là tác nhân của Lão Mại – Tử Vong; với luôn cả nêu điều tỷ dụ lên so sánh.

110. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Anumattopi puññena **Attho mayhaṃ na vijjati**
Yesañca attho puññena **Te māro vuttamarahati**

Với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Lão Mại và Tử Vong.

111. Hỏi: Có bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lão Mại – Tử Vong ? Là những chi ?

112. Hỏi: Có bao nhiêu **Pháp Điêu Tàn (Bayasana)** đã làm tác nhân của sự sầu muộn buồn lòng ? Là những chi ? Với lại cho trình bày ý nghĩa; và Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Sầu Muộn; vả lại Bi Ai là những chi ?

113. Hỏi: Sự khổ đau có bao nhiêu thể loại ? Là những chi, với luôn cả trình bày ý nghĩa; và sự khổ đau trong Liên Quan Tương Sinh đây, tức là thuộc thể loại khổ đau nào ?

114. Hỏi: Việc hình phạt (Kammakaraṇa) với 32 thể loại đã làm cho phát sinh về Thân Khổ Thọ, đó là những chi ?

115. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:

Mā piyehi samāgañchi **Appiyehi kudācanaṃ**
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ **Appiyānañca dassanaṃ**

Và trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Khổ Đau và Ưu Thọ.

A. 116. Hỏi: Từ ngữ **Upāyāsa (Não Hại)** khi chiết tự ra có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích về Thực Tính của Não Hại, và nói đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại.

117. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại; và cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Não Hại.

118. Hỏi: Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sầu Muộn, Bi Ai v.v. có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Và cho lời giải thích trong câu **Evametassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti** một cách tỷ mỷ chi tiết.

A. 119. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có **Avijjāya tveva asesa virāganirodhā saṅkhāranirodho** v.v. Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt v.v. với cả lời giải thích.

120. Hỏi: Sự việc Đức Phật lập ý khải thuyết Liên Quan Tương Sinh ở Phần Nghịch Thuyết là do bởi nguyên nhân nào ?

A. 121. Hỏi: Cho lời giải thích trong điều này "Sự tiệt diệt từ nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy" và hãy giảng giải vấn đề hữu quan người đã bất liễu tri đến Thực Tính của Níp Bàn trong Thời Kỳ Đức Phật và trong Thời Kỳ Hiện Tại.

122. Hỏi: Hãy trình bày Tứ Phương Thức Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa cùng với cả những lợi ích khi đã được đón nhận từ nơi việc thuyết giảng thể theo cả Tứ Phương Thức đấy.

123. Hỏi: Cho lời giải thích trong việc nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh đây là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma),** và ở trong đoạn văn **Pāḷi** chỗ nói rằng **Tattha tayo addhā, dvādasaṅgāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni** - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi,** và **2 Căn Nguyên** đây có sự lập ý như thế nào ?

124. Hỏi: Câu vấn hỏi có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ nói rằng **Kathaṃ** đây, là câu vấn hỏi ở thể loại nào ?

125. Hỏi: Hãy phân tích cả năm Câu Vấn Hỏi có **Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (Adiṭṭha jotanāpucchā)** v.v. bởi theo Nhân Loại.

126. Hỏi: Chi Phần Liên Quan Tương Sinh có được bao nhiêu ? Là những chi ? Và cho phân tích những Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đấy bởi theo cả Tam Thời Kỳ cùng với cả lời giải thích.

127. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn **Pāḷi "Sokādivacanaṃ panetthanissanda phalanidassanaṃ"** và lời giải thích.

128. Hỏi: Hãy bổ túc đoạn văn **Pāḷi** trong câu có dấu hiệu "v.v." như tiếp theo đây, cùng với lời dịch nghĩa: **Avijjā saṅkhāraggahaṇena v.v. gahitā bhavanti.**

129. Hỏi: Hãy giảng giải trong 20 thể loại Hành Tướng ?

130. Hỏi: Cho trình bày đến Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên cùng với cả Chi Pháp.

131. Hỏi: Liên Kết **(Sandhi)** và Tóm Lược **(Saṅkhepa)** có ý nghĩa như thế nào ? Và cho phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo Tam Liên Kết và Tứ Tóm Lược.

A. 132. Hỏi: Sẽ trình bày câu Chú Giải của từ ngữ **Vaṭṭa (Luân Hồi)** như thế nào ? Và cho lời giải thích Tam Luân Hồi.

133. Hỏi: Từ ngữ **Mūla (Căn Nguyên)** có ý nghĩa như thế nào ? Và Pháp Liên Quan Tương Sinh một khi tính theo Xa Luân có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày đến sự hiện hành từ ở Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong những thể loại Xa Luân đấy.

A. 134. Hỏi: Hãy giải thích trong điều nói rằng: "cả 7 Chi Phần có Vô Minh, Hành, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng".

A. 135. Hỏi: Cho lời giải thích trong điều nói rằng: "cả 5 Chi Phần có Ái Dục, Chấp Thủ, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng".

136. Hỏi: Sát na mà Ngài đang thẩm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong cả hai phía Xa Luân ấy là Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân đây, thì Ngài có những nghĩ suy như thế nào ? Cho lời giải thích.

137. Hỏi: Hãy giảng giải sự liễu tri khi đã được đón nhận từ ở cả hai Xa Luân.

138. Hỏi: Hãy trình bày kệ ngôn với cả phần **Pāḷi** và lời dịch nghĩa đã trình bày đến việc tận diệt cả Tam Luân Hồi.

A. 139. Hỏi: Cho lời giải thích trong tác nhân đã làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt.

A. 140. Hỏi: Hãy giải thích trong kệ ngôn như tiếp theo đây một cách tỷ mỷ chi tiết:

"Jarāmaramucchāya Pīḷitānamabhiṇhaso
Āsavānaṃ samuppādā Avijjā ca pavattati"

141. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt với nhau giữa Sinh và cả Tứ Lậu Hoặc đã làm tác nhân của Sầu Muộn, v.v.

142. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây:

1. Āsavasamudayā cete sokādayo honti

2. Āsavasamudayā avijjā samudayo

3. Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati

4. Iti yasmā āsavasamudayā ete dhammā honti tasmā ete sijjhamānā avijjāya hetubhūte āsave sādhenti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti

A. 143. Hỏi: Hãy giảng giải việc sinh khởi của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. bởi do nương vào cả Tứ Lậu Hoặc.

144. Hỏi: Hãy trình bày nguyên nhân lấy Vô Minh lên định đặt làm thành tác nhân diệt đầu tiên ở trong Liên Quan Tương Sinh; và Xuất Sinh Xứ của Lậu Hoặc ấy là chi ?

145. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích trong kệ ngôn như tiếp theo đây: **Vaṭṭamāban dha miccevaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.**

146. Hỏi: Hãy phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo **Đế (Sacca)** nương vào Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammabhājanīyanaya).**

147. Hỏi: Có bao nhiêu Phương Pháp trong việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh để từ bỏ **Thất Tà Kiến (Diṭṭhi 7)** ? Cho giảng giải.

148. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây

Anādidaṃ bhavacakkaṃ **Vītakārakavedakaṃ**

Niccasukhasubhattehi **Suññaṃ passe punappunaṃ (Bhāsāṭīkā)**

Luôn cả trình bày sự nghĩ suy trong việc thẩm sát cái làm thành tác nhân cho Vô Nhân Kiến và **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** sinh khởi.

149. Hỏi: Có bao nhiêu sự việc không đáng phải nghĩ suy ? Là những chi ? Và hãy tiệt diệt trong vấn đề người vẫn chưa liễu tri trong sự hiện hành từ nơi Liên Quan Tương Sinh đấy rồi, thì có sẽ thành đạt Bậc Thánh Nhân hay không ?

A. 150. Hỏi: Cho giảng giải trong việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh của Trưởng Lão **Ānanda,** và Lời Giáo Giới của Bậc Chánh Đẳng Giác, với luôn cả nêu lên điều tỷ dụ dẫn chứng.

151. Hỏi: Bởi do nương vào nguyên nhân nào mà Trưởng Lão **Ānanda** đã có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh một cách thấu triệt rõ ràng như thế ấy.

A. 152. Hỏi: Hãy trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Vô Tỷ Pháp Tạng có cả trong Câu Thiện, Câu Bất Thiện, và Câu Vô Ký.

153. Hỏi: Cho trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn v.v. làm Nhân; và có những Phương Pháp như thế nào sẽ hủy diệt được Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn đấy.

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Liên Quan Tương Sinh

----------00000----------

VẤN HỎI TRONG PHÁT THÚ (PAṬṬHĀNA)

1. Hỏi: Hãy trình bày trong Chánh Tạng **Pāḷi** về Phần Duyên Xiển Thuật **(Paccayud desa)** như có **Hetupaccayo Ārammaṇapaccayo** v.v.

2. Hỏi: Hãy nói tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây: 1/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa. 2/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do cùng câu sinh với nhau. 3/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận). 4/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh trước. 5/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh đàng sau. 6/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành. 7/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người dẫn dắt. 8/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người thẩm thị Cảnh. 9/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người vẫn còn hiện hữu. 10/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người chẳng có lìa khỏi.

3. Hỏi: Hãy trình bày kệ ngôn tổng hợp đề cập đến sáu nhóm Duyên Hệ với luôn cả lời dịch nghĩa.

4. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Anantaraniruddhā cittacetasikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetasikānaṃ dhammānaṃ anantara samanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahajātā cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sampayuttavaseneti ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti.**

5. Hỏi: Hãy trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu trong các nhóm như tiếp theo đây: 1/. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên. 2/. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên. 3/. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên. 4/. Chế Định - Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên. 5/. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.

6. Hỏi: Hãy trình bày phân loại từ nơi Cảnh Duyên, và Cận Y Duyên; luôn cả nêu lên Chi Pháp và cả hai Duyên này liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ nào trong những sáu nhóm Duyên Hệ đấy vậy ?

7. Hỏi: Hãy trình phân loại từ nơi Trưởng Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ những thể loại Duyên đấy, là Pháp thuộc thể loại nhóm nào ?

8. Hỏi: Hãy trình Pháp Sở Duyên của Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên như tiếp theo đây: 1/. Tâm, Tâm Sở làm **Câu Sinh Năng Duyên.** 2/. Tứ Sắc Đại Hiển làm **Câu Sinh Năng Duyên.** 3/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm **Câu Sinh Năng Duyên.** 4/. Ý Vật Tái Sinh làm **Câu Sinh Năng Duyên.** 5/. Tâm, Tâm Sở làm **Hỗ Tương Năng Duyên.** 6/. Tứ Sắc Đại Hiển làm **Hỗ Tương Năng Duyên.** 7/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm **Hỗ Tương Năng Duyên.** 8/. Ý Vật Tái Sinh làm **Hỗ Tương Năng Duyên.** 9/. Tâm, Tâm Sở làm **Y Chỉ Năng Duyên. 10/.** Tứ Sắc Đại Hiển làm **Y Chỉ Năng Duyên.** 11/. Cả Lục Sắc Vật làm **Y Chỉ Năng Duyên.**

9. Hỏi: Hãy trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, và Pháp Quyền Lực Sở Duyên như tiếp theo đây: 1/. Sắc thân làm **Vật Thực Sở Duyên.** 2/. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Sinh làm **Vật Thực Sở Duyên.** 3/. 10 Tâm Ngũ Song Thức làm **Quyền Lực Sở Duyên. 4/.** Sắc Y Sinh là Sắc Nghiệp Lực làm **Quyền Lực Sở Duyên.** 5/. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái sinh làm **Quyền Lực Sở Duyên.**

10. Hỏi: Hãy trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như tiếp theo đây: 1/. Tâm và Tâm Sở. 2/. Tứ Sắc Đại Hiển. 3/. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả ở trong Thời Kỳ Tái Sinh.

11. Hỏi: Cho trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ưng Duyên như tiếp theo đây: 1/. Ý Vật Tái Sinh làm Bất Tương Ưng Năng Duyên. 2/. Tâm, Tâm Sở làm Bất Tương Ưng Năng Duyên. 3/. Tâm, Tâm Sở sinh sau sau làm Bất Tương Ưng Năng Duyên. 4/. Lục Sắc Vật trong Thời Kỳ Chuyển Khởi làm Bất Tương Ưng Năng Duyên.

12. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Pháp làm thành Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên ? Luôn cả nêu nền tảng **Pāḷi** lên để cho trình bày với (không cần phải dịch nghĩa).

13. Hỏi: Những thể loại Duyên nào tựu hội được hết tất cả các Duyên ? Và cho trình bày Sắc Pháp có tên gọi là **Sắc Câu Sinh (Sahajātarūpa).**

14. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

Iti tekālikā dhammā **Kālamuttā ca sambhavā**
Ajjhattañca bahiddhā ca **Saṅkhatāsaṅkhatā tathā.**
Paññattināmarūpānaṃ **Vasena tividhā ṭhitā**
Paccayā nāma paṭṭhāne **Catuvīsati sabbathā**

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Phát Thú

----------00000----------

VẤN HỎI TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI)

1. Hỏi: Đoạn văn **Pāḷi** trình bày phân tích đến Danh, Sắc, Chế Định đấy đã trình bày như thế nào ? Và cho dịch nghĩa trong những từ ngữ **Pāḷi** như tiếp theo đây: **1/. Paññāpiyattā paññatti. 2/. Paññāpanato paññatti.**

2. Hỏi: Nghĩa Lý Chế Định có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả dịch nghĩa đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Taṃ taṃbhūtavipariṇāmākāramupādāya tathā tathā paññattā bhūmipabbatādikā, sambhārasannivesākāramupādāya geharathasakaṭā dikā, khandhapañcakamupādāya purisapuggalādikā, candāvaṭṭanādikamupādāya disā kālādikā, asamphuṭṭhākāramupādāya kūpagūhādikā, taṃ taṃ bhūtanimittaṃ bhāvanāvisesañca upādāya kasiṇanimittādikā ceti, evamādippabhedā pana paramatthato avijjamānāpi atthachāyākārena cittuppādānamārārammaṇabhūtā, taṃ taṃ upādāya upānidhāya karaṇaṃ katvā tathā tathā parikappiyamānā saṅkhāyati samaññāyati voharīyati paññāpiyatīti paññatttīti pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyat tā paññatti nāma.**

A. 3. Hỏi: Hãy giảng giải trong cả Lục Nghĩa Lý Chế Định có Hình Thức Chế Định, v.v.

4. Hỏi: Thinh Danh Chế Định có bao nhiêu phân loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu thí dụ điển hình để trình bày với.

5. Hỏi: Chỉ duy nhất Thinh Danh Chế Định mà đã được gọi thành bao nhiêu tên gọi ? Là những chi ? Luôn cả trình bày ý nghĩa.

A. 6. Hỏi: Hãy giảng giải trong cả sáu phân loại Thinh Danh Chế Định.

7. Hỏi: Cho dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Sāvijjamānapaññatti avijjamānapaññatti, vijjamānenaavijjamāna paññatti, avijjamānenavijjamānapaññatti, vijjamānenavijjamānapaññatti, avijjamānena avijjamānapaññatti, ceti chabbidhā hoti.**

8. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn trình bày đến việc hiểu biết đến cả hai Pháp Chế Định, và việc sinh khởi của Thinh Danh Chế Định.

9. Hỏi: Cho giảng giải trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

Vacīghosānusārena **Sotaviññāṇavīthiyā**
Pavattānantaruppanna **Manodvārassa gocarā.**
Atthā yassānusārena **Viññāyanti tato paraṃ**

Sāyaṃ paññatti viññeyyā Lokasaṅketanimmitā.

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Chế Định

----------00000----------

LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ)

Iminā puññakammena Buddho homi anāgate

Yattha yattha bhave jāto Mā daliddo bhavāmahaṃ

Với mãnh lực từ nơi Thiện Sự sinh khởi của việc soạn tác kinh điển này, xin cho Bần Đạo đạt được **Trí Hạnh (Puññādhika)** của Bậc Tuệ Toàn Giác trong thời gian vị lai; và xin cho Bần Đạo không phải là người nghèo khổ trong những kiếp sống vị lai.

Apattaṃ yāva buddhattaṃ Paññādhikaṃ bhavāmihaṃ

Jātisaraṇàṇikova Jeṭṭhaseṭṭho nirantaraṃ

Chừng nào Tuệ Chí Thượng Giác Hữu của Bần Đạo vẫn chưa đạt thành kết quả, thì xin cho Bần Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ làm thành vật truy niệm luôn mãi ở trong mọi kiếp sống **(Anussaranañāṇa – Truy Niệm Trí).**

Kareyyaṃ gāravaṃ garuṃ Māneyyaṃ mānanārahaṃ

Vandeyyaṃ vandanārahaṃ Pūjeyyaṃ pūjanārahaṃ

Xin cho Bần Đạo được quý trọng Bậc đáng quý trọng, xin cho Bần Đạo được tôn kính Bậc đáng tôn kính, xin cho Bần Đạo được lễ bái Bậc đáng lễ bái, xin cho Bần Đạo được cúng dường Bậc đáng cúng dường.

----------00000----------

Bảng Chính Phương: Tóm Lược Pháp Liên Quan Tương Sinh

Phần thứ I	Phần thứ II	Phần Thứ III				Phần thứ IV	Phần thứ V	Phần thứ VI	Phần thứ VII
Tam Thời Kỳ	12 Chi Phần	20 Hành Tướng				Tam Liên Kết	Tứ Tóm Lược	Tam Luân Hồi	Nhị Căn Nguyên
		Nhân Quá Khứ	Quả Hiện Tại	Nhân Hiện Tại	Quả Vị Lai				
Q. K.	V. M.	1		4			1	P.N.L.	V. M.
"	Hành	2		5		*	1	N. L.	
						1 L K.			
H. T.	Thức		1		1	*	2	D.T L.	
"	D. Sắc		2		2		2	"	
"	6 Xứ		3		3		2	"	
"	Xúc		4		4		2	"	
"	Thọ		5		5	*	2	"	
						1 L K.			
"	A. D.	3		1		*	3	P.N L.	A. D.
"	C. Thù	4		2			3	"	
"	Hữu	5		3		*	3	N. L.	
						1 L.K.		D.T.L.	
V. L.	Sinh					*	4	D.T L.	
"	L.Mại Tử						4	"	

Ghi chú: Hữu được phân ra làm hai, đó là: **Nghiệp Hữu** gọi là **Nghiệp Luân Hồi;** và **Sinh Hữu** gọi là **Dị Thục Quả Luân.**

Kết Thúc Liên Quan Tương Sinh Minh Giải
Và Giản Lược 24 Duyên Hệ

KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ VIII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

----------00000----------

CHƯƠNG THỨ TÁM – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (PAṬICCASAMUPPĀDA)

Liên Quan Tương Sinh có nghĩa là Pháp thường luôn làm cho Pháp Quả phải câu sinh liên tục với nhau bởi do nương vào sự tề toàn từ ở nơi Năng Duyên hữu quan với những Tác Nhân ấy. Gọi tên Chương thứ Tám là **Tổng Hợp Duyên Hệ** vì **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên, nương theo cả hai Phương Pháp từ ở Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên là **Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccaya saṅgaha). Liên Quan Tương Sinh** hiện hữu ở cả hai Phương Pháp, đó là: **1/. Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh, 2/. Phương Pháp Phát Thú.**

Việc Trình Bày Pháp Liên Quan Tương Sinh Của Đức Chánh Đẳng Giác Hiện Hữu Ở Cả Hai Phương Pháp, đó là:

- Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Sutantabhājanīyanaya),

- Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammabhājanīyanaya).

Liên Quan Tương Sinh mà **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã mang đến để trình bày trong Chương thứ Tám này là việc trình bày nương theo Phương Pháp Phân Tích theo Kinh Tạng. **Pháp Năng Duyên (Paccayadhamma)** chính là hết tất cả **Pháp Hữu Vi (Saṅkhata dhamma), Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma),** và **Chế Định (Paññatti);** tức là: 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định. **Pháp Sở Duyên (Paccayuppannadhamma)** đó chỉ là Pháp Hữu Vi thôi, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở và 28 Sắc Pháp.

Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày trong cả hai Phương Pháp ấy có sự khác biệt với nhau là:

+ Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày trong Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh toàn là **Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)** và không có pha trộn Chế Định vào. Còn Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày trong Phương Pháp Phát Thú thì có cả Pháp Siêu Lý và Chế Định. Với lý do này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày các Pháp Chế Định đặt để trong phần cuối cùng của Chương này.

+ Còn đối với Pháp làm thành Sở Duyên (là Pháp làm thành Pháp Quả) thì duy nhất chỉ có Pháp Siêu Lý ở cả hai Phương Pháp. Pháp Năng Duyên có nghĩa Pháp làm thành Pháp Nhân của Quả hữu quan với các Nhân ấy. Pháp Sở Duyên có nghĩa Pháp làm thành Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Pháp làm thành các Tác Nhân ấy.

Tóm lại: Năng Duyên là Pháp làm thành Nhân.

Sở Duyên là Pháp làm thành Quả.

----------00000----------

Tóm lược Chi Phần Liên Quan Tương Sinh hiện hữu với 12 Chi Phần v.v. bởi theo sự việc của Năng Duyên và Sở Duyên. Bởi theo giảng rộng có 28 Chi Phần, đó là:

1. Vô Minh (**Avijjā**)
2. Hành (**Asaṅkhāra**) ..... →
3. Thức (**Viññāṇa**)
4. Danh Sắc (**Nāmarūpa**)
5. Lục Xứ (**Saḷāyatana**)
6. Xúc (**Phassa**)
7. Thọ (**Vedanā**)
8. Ái Dục (**Taṇhā**)
9. Chấp Thủ (**Upādāna**)
10. Nghiệp Hữu (**Kammabhava**)
11. Sinh Hữu (**Uppattibhava**)
12. Dục Hữu (**Kāmabhava**)
13. Sắc Hữu (**Rūpabhava**)
14. Vô Sắc Hữu (**Arūpabhava**)
15. Tưởng Hữu (**Saññībhava**)
16. Vô Tưởng Hữu (**Asaññībhava**)
17. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (**Nevasaññīnāsaññībhava**)
18. Nhất Uẩn Hữu (**Ekavokārabhava**)
19. Tứ Uẩn Hữu (**Catuvokārabhava**)
20. Ngũ Uẩn Hữu (**Pañcavokārabhava**)
21. Sinh (**Jāti**)
22. Lão Mại (**Jarā**)
23. Tử Vong (**Maraṇa**)
24. Sầu Muộn (**Soka**), 25. Bi Ai (**Parideva**), 26. Khổ Đau (**Dukkha**),
27. Ưu Thọ (**Domanassa**), 28. Não Hại (**Upāyāsa**) →

Có 27 Pháp Sở Duyên

Bởi theo Chi Phần có 12 Chi Phần, đó là:

1. Vô Minh
2. Hành ..... →
3. Thức
4. Danh Sắc
5. Lục Xứ
6. Xúc
7. Thọ
8. Ái Dục
9. Chấp Thủ
10. Hữu
11. Sinh
12. Lão Mại – Tử Vong .. →

Có 11 Pháp Sở Duyên

Bởi theo Phân Loại có 18 Chi Phần, đó là:

1. Vô Minh
2. Hành ..... →
3. Thức
4. Danh Sắc
5. Lục Xứ
6. Xúc
7. Thọ
8. Ái Dục
9. Chấp Thủ
10. Hữu
11. Sinh
12. Lão Mại
13. Tử Vong
14. Sầu Muộn
15. Bi Ai
16. Khổ Đau
17. Ưu Thọ
18. Não Hại ..... →

Có 17 Pháp Sở Duyên

Việc hiệp trợ giữa Pháp Năng Duyên và Sở Duyên cùng với cả Chi Pháp

Chi Phần Liên Quan Tương Sinh	Chi Pháp
- Vô Minh	- Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện.
- Vô Minh làm duyên Hành	- Tâm Sở Tư trong 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Thiện Hiệp Thế.
- Hành làm duyên Thức	- 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Thức làm duyên Danh Sắc	- **Danh** là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, -**Sắc** là Sắc Nghiệp Tái sinh, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi (Bình Nhật), Sắc Tâm.
- Danh Sắc làm duyên Lục Xứ	- Lục Nội Bộ Xứ là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Lục Xứ làm duyên Xúc	- Tâm Sở Xúc phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Xúc làm duyên Thọ	- Tâm Sở Thọ phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Thọ làm duyên Ái Dục	- Tâm Sở Tham phối hợp 8 Tâm căn Tham (Lục Ái Dục).
- Ái Dục làm duyên Chấp Thủ	- Tâm Sở Tham và Tà Kiến phối hợp 8 Tâm căn Tham (Tứ Chấp Thủ).

- Chấp Thủ làm duyên Hữu	**- Nghiệp Hữu** là Tâm Sở Tư trong 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Thiện Hiệp Thế (kết hợp thành 29 Tư Tâm Sở). **- Sinh Hữu** là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.
- Hữu làm duyên Sinh	**- Danh Sinh** là việc sinh khởi của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở. **Sắc Sinh** là việc sinh khởi của 20 Sắc Nghiệp.
- Sinh làm duyên Lão Mại	- Sự già nua của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở (Sát na Trụ).
- Sinh làm duyên Tử Vong	- Sự diệt mất của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở (Sát na Diệt).
- Sinh làm duyên Sầu Muộn	- Ưu Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân (Sinh từ nơi Ngũ Điêu Tàn).
- Sinh làm duyên Bi Ai	- Tổng Hợp Tâm Điên Đảo Thinh (Sinh từ nơi việc khóc than giãi bày tâm sự).
-Sinh làm duyên Khổ Đau	- Thân Khổ Thọ phối hợp 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ Thọ.
- Sinh làm duyên Ưu Thọ	- Tâm Sở Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân (Khổ Tâm Sở).
- Sinh làm duyên Não Hại	- Tâm Sở Sân phối hợp 2 Tâm căn Sân.

Câu kệ ngôn thứ ba trình bày việc hiệp trợ giữa Năng Duyên và Sở Duyên nương theo Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh (thể theo Phương Pháp từ nơi Kinh Tạng).

Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā. Saṅkhāra paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā Nāmarūpaṃ. Nāmarūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hotīti - Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên Hành. Hành làm duyên Thức. Thức làm duyên Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên Xúc. Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục. Ái Dục làm duyên Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên Hữu. Hữu làm duyên Sinh. Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Trong cả hai Phương Pháp đấy, thì sự hiện hành từ ở Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh ấy là: **Phúc Hành, Phi Phúc Hành, Bất Động Hành;** với cả ba thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Vô Minh; tức là sự bất liễu tri trong Tứ Đế, một bất liễu tri trong **Tiền Kiếp (Pubbanta – Quá Khứ),** một bất liễu tri trong **Hậu Kiếp (Aparanta – Vị Lai),** một bất liễu tri trong **Tiền**

Hậu Kiếp (Pubbantāparanta – Quá Khứ - Vị Lai), một bất liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh. Kết hợp tám thể loại này lại làm thành **Nhân.**

Thức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện bày khởi sinh lên là do bởi nương vào Tam Hành làm thành **Nhân. Danh Sắc** là Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Thức, tức là Thiện, Bất Thiện **(Nghiệp Thức - Kammaviññāṇa)** trong các Hữu trước trước và **Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa)** trong Hữu này làm thành **Nhân. Lục Nội Bộ Xứ** có Nhãn Xứ v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Danh Sắc làm thành **Nhân. Lục Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Nhân. Lục Thọ** có Nhãn Phủ Xúc Thọ v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Lục Xúc làm thành **Nhân. Lục Ái Dục** hoặc là 108 Ái Dục theo giảng rộng, có Sắc Ái Dục v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Lục Thọ làm thành **Nhân. Tứ Chấp Thủ** có Dục Chấp Thủ v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Lục hoặc 108 Ái Dục làm thành **Nhân. Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu,** cả hai thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Tứ Chấp Thủ làm thành **Nhân. Sinh** là sự sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở, và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Nghiệp Hữu làm thành **Nhân. Lão Mại, Tử Vong,** và **Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại;** cả bảy thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Sinh làm thành **Nhân.**

Như vậy sự sinh khởi toàn bộ tất cả các Khổ Uẩn đây, là bởi do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

Ayamettha paṭiccasamuppādanayo - Và đấy là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh". Thể theo như đã vừa được đề cập, đấy là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh trong Tổng Hợp Duyên Hệ này vậy.

----------00000----------

LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP TỪ NƠI KINH TẠNG

(Nương theo duy nhất một thể loại Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh)

Câu kệ ngôn thứ ba trình bày việc hiệp trợ giữa Năng Duyên và Sở Duyên nương theo Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh.

(1) Vô Minh làm duyên Hành khởi sinh: Cả Tam Hành thường hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Vô Minh làm thành **Nhân.**

Pháp Năng Duyên	**Pháp Sở Duyên**
Vô Minh Chi Pháp tức là Tâm Sở Si trong 12 Tâm Bất Thiện. **Tám thể loại Vô Minh:** **1. Dukkhe añāṇaṃ (Bất Tri Khổ Đế):** Bất liễu tri trong Khổ Đau.	**Hành** Chi Pháp là 29 Tư trong 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện, 5 Thiện Sắc Giới (trừ 1 Thắng Trí), 4 Thiện Vô Sắc Giới. **Có 6 thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh, đó là:** **1. Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra):** Tư Tâm Sở Thiện làm người tác hành một cách

2. Dukkhasamudaye añāṇaṃ (Bất Tri Tập Đế): Bất liễu tri Nguyên Nhân làm sinh khởi Khổ Đau. **3. Dukkhanirodhe añāṇaṃ (Bất Tri Diệt Đế):** Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ nơi Khổ Đau. **4. Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ (Bất Tri Đạo Đế):** Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau. **5. Pubbante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới thời Quá Khứ. **6. Aparante añāṇaṃ (Bất Tri Vị Lai):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới trong thời Vị Lai. **7. Pubbantāparante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ - Vị Lai):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới trong thời Quá Khứ và Vị Lai. **8. Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ (Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh):** Bất liễu tri trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.	trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Thiện; là 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện, 5 Tư Tâm Sở Thiện Hữu Sắc Giới. **2. Phi Phúc Hành (Apuññābhisaṅkhāra):** Tư Tâm Sở Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện. **3. Bất Động Hành (Āneñjābhisaṅkhāra):** Tư Tâm Sở Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Vô Sắc Giới; là 4 Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Giới. **4. Thân Hành (Kāyasaṅkhāra):** Tư Tâm Sở làm người tác hành cho thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan Lộ Thân Môn. **5. Ngữ Hành (Vacīsaṅkhāra):** Tư Tâm Sở làm người tác hành cho thành tựu Ngữ Ác Hạnh và Ngữ Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan Lộ Ngữ Môn. **6. Tâm Hành (Cittasaṅkhāra):** Tư Tâm Sở làm người tác hành cho thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế hữu quan Lộ Ý Môn.

(2) Hành làm duyên cho Thức khởi sinh: 32 Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế thường hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Tam Hành làm thành **Nhân.**

- 13 Phúc Hành (loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí). - 12 Phi Phúc Hành (loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử cho quả báo trong Thời Tái Sinh).	**Chi Pháp của Thức trình bày thể theo hai Phương Pháp, đó là:** - Rằng theo Phương Pháp Phân Tích Vô Tỷ Pháp, là 89 Tâm. - Rằng theo Phương Pháp Phân Tích Kinh Tạng, là 32 Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế. **Thức làm thành Quả của Hành được chia ra làm hai:**

- 4 Bất Động Hành. Kết hợp lại thành 29 Tư Tâm Sở.	- sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh, gọi tên Thức Tái Sinh; là 19 Tâm Tái Sinh. - sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, gọi tên l Thức Chuyển Khởi; là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Phân tích 19 Thức Tái Sinh bởi theo Tam Hành

1. 11 Phi Phúc Hành (trừ Trạo Cử).	**1.** 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm quả báo cho tái sinh trong cả Tứ Khổ Thú.
2. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm làm **Nhân.**	**2.** 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm quả báo cho tái sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 1 Cõi Tứ Thiên Vương.
3. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm và 4 Tư Tâm Sở Tam Nhân Hạ Phẩm làm **Nhân.**	**3.** 4 Đại Quả Bất Tương Ưng Trí làm quả báo cho tái sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới (bậc trung).
4. Phúc Hành là 4 Tư Tâm Sở Đại Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm làm **Nhân.**	**4.** 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí làm quả báo cho tái sinh trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới (bậc cao).
5. Phúc Hành là 5 Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới làm **Nhân.**	**5.** 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới làm quả báo cho tái sinh trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ 1 Cõi Hữu Tình Vô Tưởng).
6. Bất Động Hành là 4 Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân.**	**6.** 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm quả báo cho tái sinh trong 4 Cõi Vô Sắc.

Phân tích 32 Thức Chuyển Khởi bởi theo Tam Hành

1. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân.	**1.** 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ nơi Đồng Lực Bất Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.
2. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân.	**2.** 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** (thụ lãnh Cảnh xấu) trong 15 Cõi Sắc Giới.
3. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.**	**3.** 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc

	được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ nơi Đổng Lực Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.
4. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.**	**4.** 8 Tâm Đại Quả là việc tiếp thâu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ nơi Đổng Lực Thiện làm **Quả** trong 7 Cõi Thiện Dục Giới.
5. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.**	**5.** 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** trong 15 Cõi Sắc Giới.
6. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 5 Tâm Thiện Sắc Giới làm **Nhân.**	**6.** 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, là làm việc duy trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 15 Cõi Sắc Giới.
7. Bất Động Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân.**	**7.** 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

(3) Thức làm duyên Danh Sắc khởi sinh: Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Thức Nghiệp Lực (Kamma viññāṇa)** và **Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa)** làm thành **Nhân.**

- **Thức Dị Thục Quả** (Hữu này) là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - **Thức Nghiệp Lực** (Hữu trước) là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện trong Hữu quá khứ.	- **Danh (Nāma)** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - **Sắc (Rūpa)** là Sắc Nghiệp Tái Sinh, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm.

Giải thích Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc có được ba thể loại, đó là:

1. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc trong Cõi Vô Sắc Giới và một phần Cõi Ngũ Uẩn.

- 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới. - 10 Tâm Ngũ Song Thức.	- 30 Tâm Sở ở cả trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong Tứ Cõi Vô Sắc Giới.

	- 7 Tâm Sở Biến Hành trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong 26 Cõi Ngũ Uẩn tùy theo thích hợp.

2. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này từ ngữ **Thức** lập ý lấy **Thức Nghiệp Lực.**

- Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Tưởng Ly Ái Tu Tập trong Hữu quá khứ. - 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện phối hợp Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện trong Hữu quá khứ. - 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Thiện trong Hữu quá khứ.	- Sắc Nghiệp Lực (Tổng Hợp Cửu Mạng Quyền) ở cả trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi. - Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong 11 Cõi Dục Giới. - Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng).

3. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này từ ngữ **Thức** là 15 Thức Tái Sinh Ngũ Uẩn, và 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức).

- 15 Thức Tái Sinh Cõi Ngũ Uẩn. - 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức).	- 35 Tâm Sở và Sắc Nghiệp Tái sinh trong 26 Cõi Ngũ Uẩn. - 35 Tâm Sở và Sắc Tâm trong 26 Cõi Ngũ Uẩn.

(4) Danh Sắc làm duyên Lục Xứ khởi sinh: Lục Nội Bộ Xứ có Nhãn Xứ v.v. thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Danh Sắc** làm **Nhân.**

- **Danh** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - **Sắc** là 16 Sắc Nghiệp Lực, là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền (trừ 1 Sắc Hạn Giới).	- **Lục Xứ** là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

(5) Lục Xứ làm duyên Xúc khởi sinh: Lục Xúc thường hiện khởi lên do bởi nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm **Nhân.**

Lục Nội Bộ Xứ đó là:	**Lục Xúc đó là:**
- Nhãn Thanh Triệt + Cảnh Sắc + Tâm Nhãn Thức. - Nhĩ Thanh Triệt + Cảnh Thinh + Tâm Nhĩ Thức.	- Nhãn Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 2 Tâm Nhãn Thức. - Nhĩ Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 2 Tâm Nhĩ Thức.

- Tỷ Thanh Triệt + Cảnh Khí + Tâm Tỷ Thức. - Thiệt Thanh Triệt + Cảnh Vị + Tâm Thiệt Thức. - Thân Thanh Triệt + Cảnh Xúc + Tâm Thân Thức. - Tâm Hữu Phần + Pháp Thực Tính + Tâm Ý Thức.	- Tỷ Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 2 Tâm Tỷ Thức. - Thiệt Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 2 Tâm Thiệt Thức. - Thân Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 2 Tâm Thân Thức. - Ý Phủ Xúc phối hợp Tâm Sở Xúc trong 22 Tâm Ý Thức. (Tâm Sở Xúc phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế).

(6) Xúc làm duyên Thọ khởi sinh: Lục Thọ thường hiện khởi lên do bởi nương vào Lục Phủ Xúc làm **Nhân.**

Lục Xúc đó là (việc tiếp xúc với nhau):	**Lục Thọ đó là** (việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào)
1. Nhãn Thức + Cảnh Sắc.	1. Nhãn Phủ Xúc Thọ trong 2 Tâm Nhãn Thức.
2. Nhĩ Thức + Cảnh Thinh.	2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ trong 2 Tâm Nhĩ Thức.
3. Tỷ Thức + Cảnh Khí.	3. Tỷ Phủ Xúc Thọ trong 2 Tâm Tỷ Thức.
4. Thiệt Thức + Cảnh Vị.	4. Thiệt Phủ Xúc Thọ trong 2 Tâm Thiệt Thức.
5. Thân Thức + Cảnh Xúc.	5. Thân Phủ Xúc Thọ trong 2 Tâm Thân Thức.
6. Ý Thức + Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh.	6. Ý Phủ Xúc Thọ trong 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức) (Tam Thọ là Lạc, Khổ, Xả).

(7) Thọ làm duyên Ái Dục khởi sinh: Ái Dục thường hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Thọ làm **Nhân.**

- Thọ là Lục Thọ (Tam Thọ)	- Ái Dục là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham (Ái Dục khi phân tích theo Cảnh có 6 thể loại).
1. Nhãn Phủ Xúc Thọ	1. Sắc Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc.
2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ	2. Thinh Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thinh.
3. Tỷ Phủ Xúc Thọ	3. Khí Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí.
4. Thiệt Phủ Xúc Thọ	4. Vị Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị.

5. Thân Phủ Xúc Thọ 6. Ý Phủ Xúc Thọ	5. Xúc Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Xúc. 6. Pháp Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp. - **Pháp Tham Ái (Dhammarāga)** và **Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī).** Có nghĩa **Tham Dục (Chandarāga)** sinh khởi lên trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tu Tập. **- Ái Dục khi theo hành trạng có 3 thể loại, đó là:** **1. Dục Ái:** Sự ưa thích đắm nhiễm trong cả Lục Cảnh hữu quan cả Ngũ Cảnh Dục Trần. **2. Hữu Ái:** là Ái Dục cùng câu sinh Hữu Thường Kiến bởi do nương vào Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc. **3. Ly Hữu Ái:** là Ái Dục cùng câu sinh Đoạn Kiến bởi do nương vào Lục Cảnh.

(8) Ái Dục làm duyên Chấp Thủ khởi sinh: Chấp Thủ thường hiện khởi lên bởi do nương vào Ái Dục làm Nhân.

Ái Dục là Tâm Sở Tham trong 8 Tâm căn Tham. **Phân tích cả Tam Ái Dục bởi theo Cảnh và Thời Kỳ:** - Dục Ái có 18 - Hữu Ái có 18 - Ly Hữu Ái có 18 } kết hợp thành 54 **Sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ và Nội Bộ Cảnh:** - Dục Ái có 36 - Hữu Ái có 36 - Ly Hữu Ái có 36 } kết hợp thành 108	Chấp Thủ là Tâm Sở Tham, Tà Kiến (có năng lực mãnh liệt). **Có 4 thể loại Chấp Thủ** (sự bám giữ chặt), **đó là:** 1. Dục Chấp Thủ có 6: là Sắc Dục Chấp Thủ, v.v. Pháp Dục Chấp Thủ phối hợp Tâm Sở Tham. 2. Kiến Chấp Thủ có 75: là 3 Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, 10 Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến phối hợp Tâm Sở Tà Kiến ở ngoài ra Giới Cấm Thủ Tà Kiến và Thường Trú Kiến. 3. Giới Cấm Chấp Thủ: Sự bám giữ chặt trong việc thực hành sai trật, có Ngưu Hành Giả, và Cẩu Hành Giả. 4. Ngã Luận Chấp Thủ trong Ngũ Uẩn của mình và của tha nhân, phối hợp 20 Hữu Thân Kiến, hoặc theo rộng có 256 – 112.

(9) Chấp Thủ làm duyên Hữu khởi sinh: Hữu thường hiện khởi lên bởi do nương vào Chấp Thủ làm **Nhân.**

Chấp Thủ là Tứ Chấp Thủ (phối hợp Tham, Tà Kiến).	Hữu có 2 thể loại, đó là: 1. Nghiệp Hữu là việc tạo tác làm cho quả báo sinh khởi, là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế; kết hợp lại có được 29 Tư Tâm Sở (làm **Nhân**). 2. Sinh Hữu là quả báo sinh khởi trong những kiếp sống ấy bởi do nương vào Nghiệp Hữu, là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực (làm **Quả**). **Nghiệp Hữu bởi theo Môn có 3, là:** - Thân Nghiệp là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. - Ngữ Nghiệp là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. - Ý Nghiệp là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện, 9 Thiện Đáo Đại Nghiệp Lực.

Ghi chú: Khi tính theo khía cạnh **Vị Lai,** thì Nghiệp Hữu làm Nhân và Sinh Hữu làm Quả. Khi tính theo khía cạnh **Hiện Tại,** thì Sinh Hữu làm Nhân và Nghiệp Hữu làm Quả.

Trình bày việc khác biệt nhau giữa Hành (Saṅkhāra) với Nghiệp Hữu (Kammabhava): Hành là thuộc quả báo của **Vô Minh. Nghiệp Hữu** là thuộc quả báo của **Chấp Thủ,** khi tính theo Chi Pháp là 29 Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện và 17 Tâm Thiện Hiệp Thế. Tuy nhiên chỗ khác biệt với nhau, đó là:

+ Trong khía cạnh của Tam Thời Kỳ (Addhā) thì:

1. 29 Tư Tâm Sở sinh khởi trong Hữu Quá Khứ, mà làm Nhân cho **Thủ Uẩn (Upādānakhandha)** sinh khởi trong Hữu này; được gọi tên là **Hành,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Avijjā saṅkhārā atīto addhā** (Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ).

2. 29 Tư Tâm Sở sinh khởi ở trong Hữu Hiện Tại, mà làm Nhân cho Thủ Uẩn sinh khởi trong Hữu vị lai; được gọi tên là **Nghiệp Hữu,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Majjhe aṭṭha paccuppanno addhā** (Tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại).

+ Trong khía cạnh của 20 Hành Tướng (Ākāra) đấy chính là 20 Phân Loại:

1. Rằng theo Thời Kỳ (Addhā) của cả hai Hành và Nghiệp Hữu đây không có khác biệt nhau. Tức là: trong 5 Nhân Quá Khứ thì Hành và Nghiệp Hữu cũng được sắp vào chung trong Pháp làm thành Nhân Quá Khứ tương tự. Và trong 5 Nhân Hiện Tại thì Hành và Nghiệp Hữu cũng được vào chung trong Pháp làm thành Nhân Hiện Tại tương tự như nhau. Với lý do này, mới biết được rằng sự khác biệt nhau giữa **Hành** với **Nghiệp Hữu** chỗ tính theo Thời Kỳ mới không có trong chỗ này; thế nhưng sự khác biệt với nhau thì có như vầy:

- **Tư Tiền (Pubbacetanā)** sinh trước hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành.**

- **Tư Hiện (Muñcacetanā)** sinh khởi sát na đang hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

Hoặc một trường hợp khác nữa trong 7 sát na Tâm Đồng Lực Thiện hoặc Bất Thiện:

- Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đồng Lực thứ 1 cho đến cái thứ 6, thì gọi tên là **Hành.**

- Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đồng Lực thứ 7 thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

Hoặc một trường hợp khác nữa:

- Tâm và Tâm Sở câu sinh Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành.**

- Tâm Sở Tư Thiện – Bất Thiện thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

+ **Một trường hợp khác nữa:**

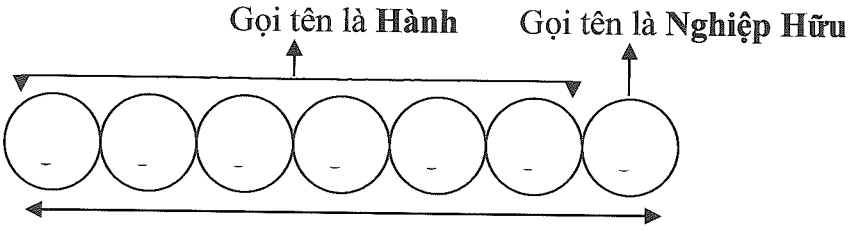

29 Tư Tâm Sở Bất Thiện – Thiện

+ **Một trường hợp khác nữa:** Tâm, Tâm Sở cùng câu sinh Tư Tâm Sở Bất Thiện – Thiện được gọi tên là **Hành.** Tư Tâm Sở Bất Thiện – Thiện được gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

(10) Hữu làm duyên Sinh khởi sinh: Sự sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** làm **Nhân.**

- **Nghiệp Hữu** là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế. **Ghi chú: Hữu** làm Năng Duyên của **Sinh** là chỉ lấy **Nghiệp Hữu,** vì lẽ việc sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực để hình thành **Sinh** đấy, sẽ sinh khởi lên được cũng do nương vào Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế làm **Nhân.** - **Phụ Chú Giải Căn Nguyên (Mūlaṭīkā)** thì lấy cả hai, là Nghiệp Hữu và Sinh Hữu.	- **Sinh (Jāti)** là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, và ấy chính là **Sinh Hữu** trong 31 Cõi Giới, bởi do chỉ có Nhất Uẩn; và là **Sinh Hữu** trong 31 Cõi Giới bởi do có Tứ Uẩn, hoặc bởi do có Ngũ Uẩn. - Từ ngữ nói rằng **Sinh (Jāti)** trong câu **Bhavapaccayā jāti (Hữu làm duyên Sinh)** lập ý chỉ lấy **Tái sinh Sinh (Paṭisan dhijāti)** thôi.

+ Sinh: Rằng tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyện có hai thể loại, đó là:

1. Danh Sinh (Nāmajāti): việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả (32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở).

2. Sắc Sinh (Rūpajāti): việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực.

+ Rằng tính theo Thời Gian (Kāla) có ba thể loại, đó là:

1. Tái sinh Sinh (Paṭisandhijāti), là 19 Tâm Tái Sinh, 35 Tâm Sở, 3 – 4 – 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực.

2. Liên Tiếp Sinh (Santatijāti), là việc sinh nối tiếp với nhau của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

3. Sát Na Sinh (Khaṇikajāti), là việc sinh khởi từng một sát na của tất cả các Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

+ Tái sinh Sinh đây, một khi tính theo **Sinh Chủng (Jāti)** có được bốn thể loại, đó là:

1. Thai Sinh Chủng (Jalābujajāti): Việc sinh khởi ở trong tử cung người Mẹ.

2. Noãn Sinh Chủng (Aṇḍajajāti): Việc sinh khởi ở trong quả trứng.

3. Thấp Sinh Chủng (Saṅsedajajāti): Việc sinh khởi ở trong chỗ có nhựa mủ cây.

4. Hóa Sinh Chủng (Opapātikajāti): Việc vụt phát sinh lên to lớn tức thì.

+ Khi tính theo Uẩn (Khandha) có được ba thể loại, đó là:

1. Ngũ Uẩn Sinh Chủng (Pañcavokārajāti): Việc sinh khởi của Ngũ Uẩn.

2. Tứ Uẩn Sinh Chủng (Catuvokārajāti): Việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn.

3. Nhất Uẩn Sinh Chủng (Ekavokārajāti): Việc sinh khởi của đơn nhất Sắc Uẩn.

(11) Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại khởi sinh: Lão Mại, Tử Vong và Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại, với cả bảy Pháp này thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Sinh** làm **Nhân.**

- **Sinh (Jāti)** là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực. 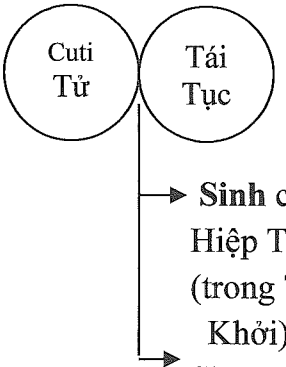 	- **Lão Mại** là sự già nua của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực (Sát na Trụ). - **Tử Vong** là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực (Sát na Diệt). 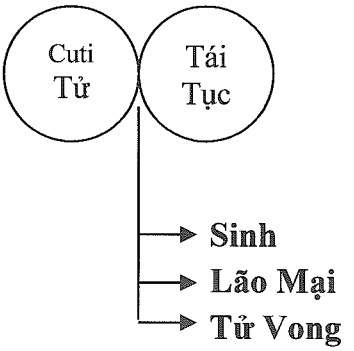

Kết Thúc Kệ Ngôn Thứ Ba

----------00000----------

24 DUYÊN (24 PACCAYA)
TRÌNH BÀY DUYÊN XIỂN THUẬT (PACCAYUDDESA)
THEO PHẦN PĀLI VÀ LỜI DỊCH THUẬT

1. Nhân Duyên (Hetupaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nhân.**

2. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cảnh.**

3. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Trưởng.**

4. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Gián** (sự nối tiếp nhau một cách không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

5. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đẳng Vô Gián** (sự liên tục nối tiếp nhau liền tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

6. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Câu Sinh** (cùng câu sinh với nhau).

7. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hỗ Tương** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).

8. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Y Chỉ** (sự làm thành chỗ nương nhờ).

9. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cận Y** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).

10. Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tiền Sinh** (sự sinh trước).

11. Hậu Sinh Duyên (Pacchajātapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hậu Sinh** (sự sinh đàng sau).

12. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Trùng Dụng** (sự thường luôn thụ hưởng).

13. Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nghiệp Lực** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).

14. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Dị Thục Quả** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).

15. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vật Thực** (sự làm thành người dẫn dắt).

16. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Quyền Lực** (sự làm thành người cai quản).

17. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Thiền Na** (sự làm thành người thẩm thị Cảnh).

18. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đồ Đạo** (sự làm thành đạo lộ).

19. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tương Ưng** (sự làm thành người phối hợp).

20. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Tương Ưng** (sự làm thành người bất phối hợp).

21. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hiện Hữu** (sự làm thành người vẫn còn hiện hữu).

22. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Hữu** (sự làm thành người không còn hiện hữu).

23. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Ly Khứ** (sự làm thành người đã lìa khỏi đi rồi).

24. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Ly** (sự làm thành người chẳng có lìa khỏi).

Việc lập ý thuyết giảng 24 Duyên thuộc Bộ Kinh Phát Thú đây, Đức Thế Tôn đã có lập ý phân tích trong từng mỗi Duyên thì có được ba nhóm Pháp, còn được gọi là ba thể loại **"Tóm Lược Nội Dung"**, đó là:

1. Năng Duyên (Paccayadhamma): là Pháp làm thành Nhân.

2. Sở Duyên (Paccayuppannadhamma): là Pháp làm thành Quả.

3. Địch Duyên (Paccanikadhamma): là Pháp chẳng phải làm thành Quả.

24 HOẶC 47 DUYÊN CÙNG VỚI CHI PHÁP

1. Nhân Duyên (Hetupaccaya):

1/. Năng Duyên (Paccaya): Chi Pháp là Lục Nhân, là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

2/. Sở Duyên (Paccayuppanna): Chi Pháp là 71 Tâm Hữu Nhân, 51 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si phối hợp 2 Tâm căn Si), 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh Hữu Nhân.

3/. Địch Duyên (Paccanika): Chi Pháp là 18 Tâm Vô Nhân, Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Ngoại Bộ **(Bāhirarūpa)**, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi.

Pháp làm Năng Duyên và Sở Duyên của Nhân Duyên đây cùng câu sinh với nhau, do đó mới được liệt kê vào **Giống Câu Sinh (Sahajātapaccayajāti)**, và ở **Thời Kỳ Hiện Tại (Paccuppannakāla).**

2. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

3. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya): có hai thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Trưởng Duyên (Sahajātādhipatipaccaya) (Jā), b/. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipati paccaya) (Ā).**

3a. Câu Sinh Trưởng Duyên (Sahajātādhipatipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Tứ Trưởng, là Tâm Sở Dục trong 52 Tâm Đổng Lực Hữu Trưởng; Tâm Sở Cần trong 52 Tâm Đổng Lực Hữu Trưởng; 52 Tâm Đổng Lực Hữu Trưởng; và Tâm Sở Tuệ Quyền trong 34 Tâm Đổng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 52 Tâm Đổng Lực Hữu Trưởng, 51 Tâm Sở (loại trừ Hoài Nghi), 17 Sắc Tâm Hữu Trưởng.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 63 **Tâm Vô Trưởng (Nirādhipaticitta)** (loại trừ 26 Tâm Đổng Lực Kiên Cố); 52 Tâm Sở, Sắc Tâm Vô Trưởng, Sắc Nghiệp Tái Sinh – Chuyển Khởi, Sắc Ngoại, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng.

3b. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 84 Tâm (loại trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở, 18 **Sắc Thành Sở Tác Duyệt Ý (Iṭṭhanipphanna rūpa),** và Níp Bàn.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 28 Tâm, đó là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 8 Tâm Siêu Thế; 45 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

4. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 5. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantara paccaya) [Có chín Duyên gồm: **Vô Gián (Naṃ), Đẳng Vô Gián (Sa), Vô Gián Cận Y (Anantarū), Trùng Dụng (Se), Dị Thời Nghiệp (Nā), Vô Gián Nghiệp (AnantaraKaṃ), Thường Cận Y (Pakatū), Vô Hữu (Nat), Ly Khứ (Vigata)**]

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm (loại trừ Tâm Tử Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở sinh trước trước.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm (luôn cả Tâm Tử Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở sinh sau sau.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 7 nhóm Sắc Pháp có Sắc Tâm v.v. **[Tâm (Ci), Nghiệp (Kaṃ), Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Sañ), Chuyển Khởi (Ti)]**

6. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiển, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Sinh (Sắc Ý Vật Tái Sinh).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.

3/. Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

7. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiển, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Sinh.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiển, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 24 Sắc Y Sinh (loại trừ Sắc Tâm Cơ Tái Sinh).

8. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya) có ba thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya) (Jā), b/.Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya) (Thu), c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya) (Thā).**

8a. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiển, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Sinh.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.

3/. Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

8b. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Lục Sắc Vật sinh trước và vẫn đang còn tồn tại ở thời kỳ đang trụ **(Thītipatta)** (là Thời Kỳ Hiện Tại).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh trong Cõi Ngũ Uẩn.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh trong Cõi Vô Sắc Giới (46 cái Tâm, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (loại trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai). Nếu sinh trong Cõi Vô Sắc Giới thì chẳng cần phải nương vào Vật khởi sinh; tuy nhiên nếu đã sinh trong Cõi Ngũ Uẩn thì tất cần phải nương vào Vật khởi sinh.

8c. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Sắc Tâm Cơ Cận Tử, là Sắc Tâm Cơ câu sinh **Sát Na Sinh (Upādanakhaṇa)** của cái Tâm thứ 17 tính đếm thụt lui về sau kể từ Tâm Tử sinh khởi.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 43 Tâm, 44 Tâm Sở sinh trong Lộ Trình Cận Tử; đó là: 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 2 Tâm Thắng Trí, 43 Tâm Sở (loại trừ Tật, Lận, Hối, 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần) loại trừ do hữu quan Cảnh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, không có sinh khởi trong Lộ Trình Cận Tử; và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

9. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya) có ba thể loại, đó là: **a/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya) (Ā) (tương tự Cảnh Trưởng Duyên), b/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya) (Naṃ), c/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya) (Pa).**

9a. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 84 Tâm (loại trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức Thọ Khổ), 47 Tâm Sở (loại trừ Tứ Sân Phần, 1 Hoài Nghi), 18 Sắc Thành Sở Tác Duyệt Ý, Níp Bàn.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 28 Tâm, là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở (loại trừ Tứ Sân Phần, 1 Hoài Nghi, 2 Vô Lượng Phần).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

9b. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh trước trước (loại trừ Tâm Tử Bậc Vô Sinh).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh sau sau, và Tâm Tử Bậc Vô Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

9c. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp hiện hành trong cả Tam Thời Kỳ và **Ngoại Thời (Kālavimutti);** một vài Pháp Chế Định như có Nghĩa Lý Chế Định v.v. hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở đang có nhiều năng lực và sinh trước trước.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh khởi trong Thời Kỳ Hiện Tại; hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh sau sau.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

10. Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya) có hai thể loại, đó là: **a/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya) (Thu); b/. Cảnh Tiền Sinh Duyên (Ārammaṇapurejāta paccaya) (Ā).**

10a. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Lục Sắc Vật sinh trước và vẫn đang còn tồn tại (là Thời Kỳ Hiện Tại).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh trong Cõi Ngũ Uẩn.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh trong Cõi Vô Sắc Giới.

10b. Cảnh Tiền Sinh Duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại **(Paccayuppannanip phannarūpa)** sinh trước.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở (loại trừ 2 Vô Lượng Phần).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 76 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 52 Tâm Sở, và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

11. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới và tất cả Tâm Tái Sinh), 52 Tâm Sở sinh sau sau trong Cõi Ngũ Uẩn.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là Sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ, đó là sát na Trụ của Sắc sinh khởi từ ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ gồm có Nghiệp Xuất Sinh Xứ v.v. sinh trước.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi; sát na Sinh của cả 5 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Sinh, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, và Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng.

12. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 47 Tâm Đổng Lực Hiệp Thế, 52 Tâm Sở sinh trước trước, loại trừ cái Tâm Đổng Lực cuối cùng (**Antimajavana – Đổng Lực Tận Cùng).**

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 51 Tâm Đổng Lực (loại trừ 4 Tâm Quả), 52 Tâm Sở [loại trừ 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới tiên khởi **(Kāmapaṭhamajavana)**] sinh sau sau (loại trừ 4 Tâm Quả bởi do không cùng một **Chủng Loại (Jāti)** với Tâm Đạo).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 29 Tâm Đổng Lực Dục Giới tiên khởi, 2 Tâm Khai Môn, 36 Tâm Dị Thục Quả, 52 Tâm Sở và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

Lời nói rằng **Trùng Dụng (Āsevana)** dịch nghĩa "thụ hưởng hoài hoài", có nghĩa là "thụ hưởng Cảnh hoài hoài". Pháp làm chức năng cho thụ hưởng Cảnh hoài hoài đây, đích thị chính là Tâm Đổng Lực ấy vậy. Lại nữa, Tâm Đổng Lực sẽ làm được chức năng Trùng Dụng Duyên, thì cần phải được kết hợp với ba trường hợp, đó là: 1/. Phải là Tâm Đổng Lực có cùng chung một **Chủng Loại (Jāti)** với nhau (sinh trong cùng một Lộ Trình Tâm với nhau). 2/. Phải sinh trùng lặp với nhau ít nhất 4 – 5 lần. 3/. Không phải là Tâm Dị Thục Quả.

13. Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya) có hai thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên (Sahajātakammapaccaya) (Jā), b/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya) (Nā).**

13a. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên (Sahajātakammapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Tư Tâm Sở trong 89 Tâm (lập ý lấy Tư Tâm Sở hiện hữu trong từng mỗi cái Tâm).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 51 Tâm Sở (loại trừ Tư Tâm Sở), 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là Tư Tâm Sở, và 5 nhóm Sắc Pháp còn lại gồm có Sắc Ngoại v.v.

13b. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya) (lập ý lấy Tư Tâm Sở hiện hữu trong cái Tâm khác biệt sát na với nhau)

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là: **1/.** 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế, 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện đã diệt mất đi rồi; **2/.** Tư Tâm Sở trong 4 Tâm Đạo đã diệt mất đi rồi.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là: **1/.** 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh – Chuyển Khởi, 9 Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng; **2/.** 4 Tâm Quả, 36 Tâm

Sở sinh trong **Lộ Trình Nhập Thiền Quả (Sampattivithī)** (lập ý lấy Tâm khác biệt sát na với nhau).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm Duy Tác, 4 Tâm Quả ở trong Lộ Trình Đắc Đạo; kết hợp lại thành 57 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 nhóm Sắc Pháp còn lại gồm có Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, và Sắc Quý Tiết.

14. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 36 Tâm Dị Thục Quả, đó là: 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 4 Tâm Quả Siêu Thế; 38 Tâm Sở.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm Duy Tác, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v, cùng câu sinh 53 cái Tâm đã vừa đề cập, v.v.

15. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya) có hai thể loại, đó là: **a/. Sắc Vật Thực Duyên (Rūpāhārapaccaya) (Rūpa), b/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya) (Nāma).**

15a. Sắc Vật Thực Duyên (Rūpāhārapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là: (Phương thức thứ I) **Bổ Phẩm Ngoại Bộ (Bahiddha ojā),** (Phương thức thứ II) **Bổ Phẩm Nội Bộ (Ajjhattaojā)** là **Nghiệp Bổ Phẩm (Kammaja ojā), Tâm Bổ Phẩm (Cittajaojā), Quý Tiết Bổ Phẩm (Utujaojā), Vật Thực Bổ Phẩm (Āhārajaojā)** ở trong cả Tứ Tổng Hợp, và Bổ Phẩm Ngoại Bộ.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là (Phương thức thứ I) 12 Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ; (Phương thức thứ II) Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ (loại trừ Bổ Phẩm trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên), và tất cả Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là (Phương thức thứ I) 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp 6 nhóm Sắc Pháp còn lại từ Sở Duyên; (Phương thức thứ II) 89 Tâm, 52 Tâm Sở, và Sắc Ngoại.

15b. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 3 Danh Vật Thực, đó là Tâm Sở Xúc trong 89 Tâm **(Xúc Vật Thực – Phassāhāra),** Tâm Sở Tư Tâm Sở trong 89 Tâm **(Ý Tư Vật Thực – Manosañ cetanāhāra),** và 89 Tâm **(Thức Vật Thực - Viññāṇāhāra).**

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 5 nhóm Sắc Pháp còn lại, gồm có Sắc Ngoại v.v.

16. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya) có ba thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya) (Jā), b/. Vật Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Vatthu purejātindriyapaccaya) (Pu), c/. Sắc Mạng Quyền Lực Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya) (Rūpajī).**

16a. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 8 Chi Pháp Danh Quyền Lực, đó là: Mạng Quyền, Ý Quyền, Thọ Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, và Tuệ Quyền.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 5 nhóm Sắc Pháp còn lại **[Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Sañ), Chuyển Khởi (Ti)].**

16b. Vật Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Vatthupurejātindriyapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ **(Majjhimamāyuka pasādarūpa)** cùng câu sinh Tâm Hữu Phần Quá Khứ, rồi trú tại trong sát na sát na Trụ.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 79 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp.

16c. Sắc Mạng Quyền Lực Duyên (Rūpajīvitindrīyapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Sắc Mạng Quyền Lực sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 8 hoặc 9 Sắc Nghiệp Lực còn lại hiện hữu trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, và Sắc Mạng Quyền Lực hiện hữu trong tất cả Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực.

17. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Thất Chi Thiền Na, đó là: Tầm, Tứ, Hỷ **(Pīti)**, Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả, Nhất Thống.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 79 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 10 Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là **Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Asañ), Chuyển Khởi (Ti).**

18. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Cửu Chi Đồ Đạo đó là: 9 hoặc 12 Chi Đồ Đạo, là Tuệ, Tầm, 3 Ngăn Trừ Phần, Tấn, Niệm, Nhất Thống và Tà Kiến; hoặc Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Tinh Tấn, Tà Định.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh Hữu Nhân.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Vô Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh Vô Nhân, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là **Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Asañ), Chuyển Khởi (Ti).**

19. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 7 nhóm Sắc Pháp có Sắc Tâm v.v. **[Tâm (Ci), Nghiệp (Kaṃ), Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Sañ), Chuyển Khởi (Ti)]**

20. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya) có bốn thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya) (Jā), b/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya) (Thu), c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya) (Thā), d/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Pacchājatavippayutta paccaya) (Chā).**

20a. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 75 Tâm, 52 Tâm Sở, 1 Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) Tái Sinh.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Sinh, và 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 74 Tâm (loại trừ 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là **Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Vô Tưởng (Sañ), Chuyển Khởi (Ti).**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên với Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên thì cùng câu sinh, nhưng lại bất phối hợp.

20b. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Lục Sắc Vật sinh trước, đó là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ, và Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) sinh trước rồi trú tại.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh khởi do nương vào những Lục Sắc Vật ấy.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh trong Cõi Vô Sắc Giới, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên đây cũng tương tự Vật Tiền Sinh Y Duyên, hoặc Vật Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

20c. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) Cận Tử, đó là Sắc Tâm Cơ cùng câu sinh Sát Na Sinh **(Upādanakhaṇa)** của cái Tâm thứ 17 tính đếm thụt lui về sau kể từ Tâm Tử sinh khởi.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 43 Tâm, 44 Tâm Sở sinh trong Lộ Trình Cận Tử.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở trong sát na chẳng phải làm thành Pháp Sở Duyên, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên đây cũng tương tự Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

20d. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh phía đàng sau.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, sát na Trụ của 5 nhóm Sắc Pháp đó là **Tâm (Ci), Nghiệp (Kaṃ), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U), Chuyển Khởi (Ti),** và **Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng.**

Sự hiện hành Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên đây, cũng tương tự Hậu Sinh Duyên với mọi trường hợp.

21. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya) có sáu thể loại, đó là: **a/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajāttathipaccaya) (Jā), b/. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Ārammaṇa purejāttathipaccaya) (Ā), c/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejāttathipacca ya) (Thu), d/. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên (Pacchājāttathipaccaya) (Chā), e/. Vật Thực Hiện Hữu Duyên (Āhāratthipaccaya) (Hā), f/. Quyền Hiện Hữu Duyên (Indriyatthi paccaya) (In).**

21a. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajāttathipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiển, và 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.

3/. Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

Sự hiện hành của Câu Sinh Hiện Hữu Duyên đây, cũng tương tự Câu Sinh Duyên với mọi trường hợp.

21b. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Ārammaṇapurejāttathipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở (loại trừ 2 Vô Lượng Phần).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 76 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 52 Tâm Sở, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, cũng tương tự Cảnh Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

21c. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejāttathipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ, và Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) sinh trước rồi trú tại đấy.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh trong Cõi Vô Sắc Giới, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, cũng tương tự Vật Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

21d. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên (Pacchājāttathipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh sau sau.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, sát na Sinh của 7 nhóm Sắc Pháp.

21e. Vật Thực Hiện Hữu Duyên (Āhāratthipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Bổ Phẩm Ngoại Phần hoặc Bổ Phẩm Nội Phần trong Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 2 Tổng Hợp Vật Thực hoặc Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên (loại trừ sát na Bổ Phẩm làm thành Năng Duyên).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Ngoại và Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tưởng; hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Ngoại nương theo đàng sau.

Sự hiện hành của Vật Thực Hiện Hữu Duyên đây, cũng tương tự Sắc Vật Thực Duyên với mọi trường hợp.

21f. Quyền Hiện Hữu Duyên (Indriyatthipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là Sắc Mạng Quyền.

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 8 hoặc 9 Tổng Hợp Nghiệp sinh trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên (loại trừ tự chính mình làm thành Năng Duyên).

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, và 4 nhóm Sắc Pháp đó là **Tâm (Ci), Ngoại (Bā), Vật Thực (Hā), Quý Tiết (U),** và Sắc Mạng Quyền trong tất cả Tổng Hợp Nghiệp Lực.

Sự hiện hành của Quyền Hiện Hữu Duyên đây, cũng tương tự Sắc Mạng Quyền Duyên với mọi trường hợp.

22. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya):

1/. Năng Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở đã diệt mất đi rồi (loại trừ Tâm Tử Bậc Vô Sinh).

2/. Sở Duyên: Chi Pháp là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh khởi theo sau từ ở Năng Duyên đã diệt mất đi rồi một cách không có khoảng cách xen kẽ giữa, và Tâm Tử Bậc Vô Sinh.

3/. Địch Duyên: Chi Pháp là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v.

23. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya): Chi Pháp cũng tương tự Vô Hữu Duyên với mọi trường hợp.

24. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): có sáu thể loại (tương tự Hiện Hữu Duyên).

24 DUYÊN (THEO GIẢN LƯỢC) HOẶC 47 DUYÊN (MỘT CÁCH MÃN TÚC)

1/. Nhân Duyên có 1.
2/. Cảnh Duyên có 1.
3/. Trưởng Duyên có 2, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Cảnh **(Ā)**.
4/. Vô Gián Duyên có 1.
5/. Đẳng Vô Gián Duyên có 1.
6/. Câu Sinh Duyên có 1.
7/. Hỗ Tương Duyên có 1.
8/. Y Chỉ Duyên có 3, đó là Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Vật Cảnh **(Thā)**.
9/. Cận Y Duyên có 3, đó là Cảnh **(Ā)**, Vô Gián **(Naṃ)**, Thường **(Pa)**.
10/. Tiền Sinh Duyên có 2, đó là Vật **(Thu)**, Cảnh **(Ā)**.
11/. Hậu Sinh Duyên có 1.
12/. Trùng Dụng Duyên có 1.
13/. Nghiệp Lực Duyên có 2, đó là Câu Sinh **(Jā)**, Dị Thời **(Nā)**.
14/. Dị Thục Quả Duyên có 1.
15/. Vật Thực Duyên có 2, đó là Danh **(Nāma)**, Sắc **(Rūpa)**.
16/. Quyền Lực Duyên có 3, đó là Câu Sinh **(Jā)**, Tiền Sinh **(Pu)**, Mạng Quyền **(Jī)**.
17/. Thiền Na Duyên có 1.
18/. Đồ Đạo Duyên có 1.
19/. Tương Ưng Duyên có 1.
20/. Bất Tương Ưng Duyên có 4, đó là Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Vật Cảnh **(Thā)**, Hậu Sinh **(Chā)**.
21/. Hiện Hữu Duyên có 6, đó là Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Cảnh **(Ā)**, Hậu Sinh **(Chā)**, Vật Thực **(Hā)**, Quyền Lực **(In)**.
22/. Vô Hữu Duyên có 1.
23/. Ly Khứ Duyên có 1.
24/. Bất Ly Duyên có 6, (cũng tương tự Hiện Hữu Duyên)

KHI TRÌNH BÀY MỘT CÁCH MÃN TÚC TRONG 24 DUYÊN THÌ HIỆN HỮU 10 DUYÊN, Đó Là:

1. Trưởng Duyên có 2 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Cảnh **(Ā)**: 1/. Câu Sinh Trưởng Duyên, 2/. Cảnh Trưởng Duyên.

2. Y Chỉ Duyên có 3 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Vật Cảnh **(Thā)**: 1/. Câu Sinh Y Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 3/. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

3. Cận Y Duyên có 3 Duyên, đó là: Cảnh **(Ā)**, Vô Gián **(Naṃ)**, Thường **(Pa)**: 1/. Cảnh Cận Y Duyên, 2/. Vô Gián Cận Y Duyên, 3/. Thường Cận Y Duyên.

4. Tiền Sinh Duyên có 2 Duyên, đó là: Vật **(Thu)**, Cảnh **(Ā)**: 1/. Vật Tiền Sinh Duyên, 2/. Cảnh Tiền Sinh Duyên.

5. Nghiệp Lực Duyên có 2 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Dị Thời **(Nā)**: 1/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên, 2/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

6. Vật Thực Duyên có 2 Duyên, đó là: Danh **(Nāma)**, Sắc **(Rūpa)**: 1/. Danh Vật Thực Duyên, 2/. Sắc Vật Thực Duyên.

7. Quyền Lực Duyên có 3 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Tiền Sinh **(Pu)**, Mạng Quyền **(Jī)**: 1/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên, 2/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên, 3/. Mạng Quyền Lực Duyên.

8. Bất Tương Ưng Duyên có 4 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Vật Cảnh **(Thā)**, Hậu Sinh **(Chā)**: 1/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 3/. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 4/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

9. Hiện Hữu Duyên có 6 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Cảnh **(Ā)**, Hậu Sinh **(Chā)**, Vật Thực **(Hā)**, Quyền **(In)**: 1/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, 3/. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, 4/. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, 5/. Vật Thực Hiện Hữu Duyên, 6/. Quyền Hiện Hữu Duyên.

10. Bất Ly Duyên có 6 Duyên, đó là: Câu Sinh **(Jā)**, Vật **(Thu)**, Cảnh **(Ā)**, Hậu Sinh **(Chā)**, Vật Thực **(Hā)**, Quyền **(In)**: 1/. Câu Sinh Bất Ly Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên, 3/. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên, 4/. Hậu Sinh Bất Ly Duyên, 5/. Vật Thực Bất Ly Duyên, 6/. Quyền Bất Ly Duyên.

Ghi chú: Hãy cho các Học Viên học cả chín **Chủng Loại (Jāti)** để trong phần 47 Duyên một cách đầy đủ trước đi, và nối tiếp theo thì mới cho học việc trình bày sự liệt kê 24 Duyên vào trong Câu Chánh của Liên Quan Tương Sinh.

TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG CHỦNG LOẠI (JĀTI) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN THÌ CÓ ĐƯỢC CHÍN CHỦNG LOẠI (ĐỌC VẮN TẮT), Đó Là:

1. Sa: Chủng Loại Câu Sinh (Sahajātajāti), có 15 Duyên.
2. Ā: Chủng Loại Cảnh (Ārammaṇajāti), có 8 Duyên.
3. Naṃ: Chủng Loại Vô Gián (Anantarajāti), có 7 Duyên.
4. Pu: Chủng Loại Vật Tiền Sinh (Vatthupurejātajāti), có 6 Duyên.
5. Chā: Chủng Loại Hậu Sinh (Pāchājātajāti), có 4 Duyên.
6. Hā: Chủng Loại Vật Thực (Āhārajāti), có 3 Duyên.
7. Jī: Chủng Loại Sắc Mạng Quyền (Rūpajīvitindriyajāti), có 3 Duyên.
8. Pa: Chủng Loại Thường Cận Y (Pakatūpanissayajāti), có 2 Duyên.
9. Nā: Chủng Loại Dị Thời Nghiệp Lực (Nānakkhaṇikkammajāti), có 1 Duyên.

(1) CÓ 15 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI CÂU SINH:

1/. Nhân Duyên, 2/. Câu Sinh Trưởng Duyên, 3/. Câu Sinh Duyên, 4/. Hỗ Tương Duyên, 5/. Câu Sinh Y Duyên, 6/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên, 7/. Dị Thục Quả Duyên, 8/. Danh Vật Thực Duyên, 9/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên, 10/. Thiền Na Duyên, 11/. Đồ Đạo

Duyên, 12/. Tương Ưng Duyên, 13/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 14/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 15/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

Trong 15 Duyên thuộc Chủng Loại Câu Sinh đấy, khi phân loại theo **Đại** có được 4 Duyên, theo **Trung** có được 4 Duyên, theo **Tiểu** có được 7 Duyên. Đọc vắn tắt như sau: **Tứ Đại** gồm có **Sa, Ni, Thi, A; Tứ Trung** gồm có **Añ, Pā, Sam, Vip; Thất Tiểu** gồm có **He, Dhi, Kaṃ, Hā, In, Jhā, Mag.**

(2) CÓ 8 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI CẢNH:

1/. Cảnh Duyên, 2/. Cảnh Trưởng Duyên, 3/. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên, 4/. Cảnh Cận Y Duyên, 5/. Cảnh Tiền Sinh Duyên, 6/. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 7/. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, 8/. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

(3) CÓ 7 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI VÔ GIÁN:

1/. Vô Gián Duyên, 2/. Đẳng Vô Gián Duyên, 3/. Vô Gián Cận Y Duyên, 4/. Trùng Dụng Duyên, 5/. Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (lập ý chỉ lấy riêng phần Tư Tâm Sở Đạo làm thành người hỗ trợ đối với 4 Tâm Quả), 6/. Vô Hữu Duyên, 7/. Ly Khứ Duyên.

(4) CÓ 6 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI VẬT TIỀN SINH:

1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Duyên, 3/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên, 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

(5) CÓ 4 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI HẬU SINH:

1/. Hậu Sinh Duyên, 2/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 3/. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, 4/. Hậu Sinh Bất Ly Duyên.

(6) CÓ 3 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI VẬT THỰC:

1/. Sắc Vật Thực Duyên, 2/.Vật Thực Hiện Hữu Duyên, 3/. Vật Thực Bất Ly Duyên.

(7) CÓ 3 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI SẮC MẠNG QUYỀN LỰC:

1/. Sắc Mạng Quyền Duyên, 2/. Quyền Hiện Hữu Duyên, 2/. Quyền Bất Ly Duyên.

(8) CÓ 2 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI THƯỜNG CẬN Y:

1/. **Thuần Thường Cận Y Duyên (Suddhapakatūpanissayapaccaya)** là Tâm, Tâm Sở sinh trước, và Sắc Pháp, Chế Định có nhiều năng lực được làm thành người hỗ trợ đối với Tâm, Tâm Sở sinh phía đàng sau. 2/. **Hỗn Hợp Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Missakapakatūpa nissayanānakkhaṇikakammapaccaya)** là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực có nhiều năng lực (loại trừ Tư Tâm Sở Đạo Nghiệp Lực được làm thành người hỗ trợ đối với Danh Uẩn Dị Thục Quả).

(9) CÓ 1 DUYÊN THUỘC CHỦNG LOẠI DỊ THỜI NGHIỆP LỰC:

1/. **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực có năng lực yếu kém (12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện) làm thành người hỗ trợ đối với Dị Thục Quả Dục Giới; và Tư Tâm Sở Nghiệp Lực có nhiều năng lực (12 Tư Bất Thiện, 8 Tư Đại Thiện, 5 Tư Thiện Sắc Giới) và năng lực yếu kém làm thành người hỗ trợ đối với Sắc Nghiệp Lực.

VIỆC PHÂN CHIA CÁC DUYÊN THEO TỪNG MỖI CHỦNG LOẠI CÓ ĐƯỢC LỢI ÍCH NHƯ SAU:

1. Làm cho thấu hiểu được tính năng trong việc giúp đỡ ủng hộ của 24 hoặc 47 Duyên đấy, rằng khi đã có cùng thực tính tương tự thì sẽ được kết hợp vào nhau, và một khi đã khác biệt về thực tính thì không thể nào kết hợp với nhau được.

2. Trong khi tìm kiếm mãnh lực Duyên để liệt kê, thì sẽ mau chóng và một cách dễ dàng đón nhận được sự thuận lợi làm cho ghi nhớ đến hai mãnh lực, đó là: **Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti),** và **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhasatti)** qua việc hạn định lấy theo Chủng Loại của từng mỗi Duyên ấy, chẳng hạn như là:

2.1. Duy nhất chỉ có được 8 Duyên làm thành **Mãnh Lực Xuất Sinh** (giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên vẫn chưa sinh cho được sinh khởi), đó là **những Duyên thuộc Chủng Loại Vô Gián, Chủng Loại Thường Cận Y và Chủng Loại Dị Thời Nghiệp Lực.**

2.2. Duy nhất chỉ có được 4 Duyên làm thành **Mãnh Lực Bảo Hộ** (giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên đã sinh khởi lên rồi cho được kiên định và tăng trưởng), đó là **những Duyên thuộc Chủng Loại Hậu Sinh.**

3. Có được 35 Duyên làm thành cả hai **Mãnh Lực - Xuất Sinh và Bảo Hộ** - đó là **những Duyên thuộc 5 Chủng Loại còn lại.**

NHỮNG ĐIỀU NÊN QUY ĐỊNH TRONG CẢ CHÍN CHỦNG LOẠI

1. Với Chủng Loại Câu Sinh thì Pháp Năng Duyên với Pháp Sở Duyên; hoặc Nhân với Quả phải cùng câu sinh với nhau.

2. Với Chủng Loại Cảnh thì Pháp Năng Duyên làm thành Cảnh của Pháp Sở Duyên; hoặc Pháp Năng Duyên làm thành Cảnh Pháp của Pháp Sở Duyên; hoặc làm thành **Pháp Cảnh Giới (Ārammaṇikadhamma).**

3. Với Chủng Loại Vô Gián thì Pháp Năng Duyên (Tâm, Tâm Sở) sinh trước; Pháp Sở Duyên (Tâm, Tâm Sở) sinh sau một cách liên tục không gián đoạn, không có khoảng cách xen kẽ ở giữa; có nghĩa là Tâm và Tâm Sở sinh khởi lên và diệt mất đi một cách không có khoảng cách xen kẽ ở giữa, làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm, Tâm Sở sinh khởi mới liên tục với nhau.

4. Với Chủng Loại Vật Tiền Sinh thì Pháp Năng Duyên làm thành Sắc Vật sinh trước và vẫn chưa diệt mất đi, làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên thuộc Danh Pháp, đó là Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở phía sau.

5. Với Chủng Loại Hậu Sinh thì Pháp Năng Duyên (Danh Pháp là Tâm, Tâm Sở) sinh ở phía đàng sau làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên (Sắc Pháp) sinh trước trước và vẫn đang còn trú tại đấy.

6. Với Chủng Loại Vật Thực thì Pháp Năng Duyên là Sắc Pháp, là Bổ Phẩm làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên cũng là Sắc Pháp đang trú trong cùng một Tổng Hợp với Pháp đang làm thành Năng Duyên; và giúp đỡ ủng hộ đối với các Tổng Hợp Sắc Pháp khác.

7. Với Chủng Loại Sắc Mạng Quyền thì Pháp Năng Duyên là Sắc Pháp, là Sắc Mạng Quyền giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên thuộc phần Sắc Nghiệp Lực cùng câu sinh với nhau và hiện hữu trong cùng một Tổng Hợp với Pháp Năng Duyên.

8. Với Chủng Loại Thường Cận Y thì Pháp Năng Duyên là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Chế Định đang có nhiều năng lực hiện hành ở trong cả Tam Thời Kỳ, và luôn cả Ngoại Thời làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Pháp, là Tâm – Tâm Sở sinh ở phía đàng sau.

9. Với Chủng Loại Dị Thời Nghiệp Lực thì Pháp Năng Duyên là Danh Pháp, là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực có năng lực yếu kém (12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực) ở phần Quá Khứ làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, là Tâm Dị Thục Quả Dục Giới (15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 35 Tâm Sở); và Tư Tâm Sở Nghiệp Lực đang có nhiều năng lực (12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 5 Thiện Nghiệp Lực Sắc Giới); và có năng lực yếu kém (12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, là 20 Sắc Nghiệp Lực.

Ghi chú: Tư Tâm Sở Nghiệp Lực có nhiều năng lực (12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Lực, 5 Thiện Nghiệp Lực Sắc Giới, 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế; kết hợp lại thành 33 Tư Tâm Sở) làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở đấy, đã được liệt kê vào ở trong Chủng Loại Thường Cận Y. Trong khía cạnh Liên Quan Tương Sinh, thì Chủng Loại Dị Thời Nghiệp Lực đấy, với Pháp Năng Duyên thuộc Danh Pháp là 29 Tư Tâm Sở Nghiệp Lực gồm có cả Tam Hành; hoặc đích thị chính Nghiệp Hữu làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở và 20 Sắc Nghiệp Lực.

TRÌNH BÀY VIỆC LIỆT KÊ 24 DUYÊN VÀO TRONG CÂU CHÍNH CỦA LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (Là Việc Trình Bày Kết Hợp Với Cả Hai Phương Pháp Vào Nhau)

Trước hết các Học Giả sẽ được học hỏi làm cho thấu hiểu việc trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu chính của Liên Quan Tương Sinh đấy, thì sự việc trước tiên mà các Học Giả sẽ cần phải làm cho thấu hiểu có được như sau:

1. Ghi nhớ 24 Duyên trong Phát Thú cùng với cả ý nghĩa nội dung.
2. Chi Pháp của Năng Duyên và Sở Duyên trong 24 Duyên.
3. Phần Xiển Minh **(Niddesa)** của 24 hoặc 47 Duyên.
4. Ghi nhớ hết chín Chủng Loại cùng với từng mỗi Duyên trong mỗi Chủng Loại đấy.
5. Ghi nhớ Chi Pháp của Chi Phần Liên Quan Tương Sinh với cả câu chính làm thành Năng Duyên và Sở Duyên.
6. Cố gắng nghĩ suy rằng câu chính đã được nêu lên trình bày đấy, có bao nhiêu Duyên, và đã được nương theo Chủng Loại nào.

(1) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Avijjāpaccayā saṅkhārā" (Vô Minh làm duyên Hành)

1.1. Vô Minh làm duyên Phúc Hành có được 2 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Cảnh Duyên (13 Phúc), 2/. Thường Cận Y Duyên [**(Chủng Loại Cảnh (Ā), Thường Cận Y (Pakatū)]**

1.2. Vô Minh làm duyên Phi Phúc Hành có được 15 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Cảnh Duyên, 3/. Trưởng Duyên, 4/. Vô Gián Duyên, 5/. Đẳng Vô Gián Duyên, 6/. Câu Sinh Duyên, 7/. Hỗ Tương Duyên, 8/. Y Chỉ Duyên, 9/. Cận Y Duyên, 10/. Trùng Dụng Duyên, 11/. Tương Ưng Duyên, 12/. Hiện Hữu Duyên, 13/. Vô Hữu Duyên, 14/. Ly Khứ Duyên, 15/. Bất Ly Duyên [**Chủng Loại Câu Sinh (Sa), Cảnh (Ā), Vô Gián (Naṃ), Thường Cận Y (Pa)]**

1.3. Vô Minh làm duyên Bất Động Hành có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: Thường Cận Y Duyên. [**Chủng Loại Thường Cận Y (Pakatū)]**

(2) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ" (Hành làm duyên Thức)

2.1. Cả Tam Hành làm duyên Thức Dị Thục Quả có được 2 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Thường Cận Y Duyên, 2/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. [**Chủng Loại Thường Cận Y (Pa), Dị Thời (Nā)]**

(3) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ" (Thức làm duyên Danh Sắc)

3.1. 32 Thức Dị Thục Quả làm duyên 35 Danh Pháp có được 9 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Vật Thực Duyên (Thức Thực), 6/. Quyền Lực Duyên, 7/. Tương Ưng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, 9/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

3.2. 15 Thức Tái Sinh làm duyên Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) có được 9 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Vật Thực Duyên (Thức Thực), 6/. Quyền Lực Duyên, 7/. Bất Tương Ưng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, 9/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

3.3. 15 Thức Tái Sinh làm duyên 2, 6, 3 Sắc Nghiệp Tái Sinh (loại trừ Sắc Tâm Cơ) có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Y Chỉ Duyên, 3/. Dị Thục Quả Duyên, 4/. Vật Thực Duyên (Thức Thực), 5/. Quyền Lực Duyên, 6/. Bất Tương Ưng Duyên (Câu Sinh Bất Tương Ưng), 7/. Hiện Hữu Duyên, 8/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

3.4. 25 Thức Nghiệp Lực làm duyên Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Thường Cận Y Duyên (Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Lực Duyên).

(4) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ" (Danh Sắc làm duyên Lục Xứ)

4.1. Danh là 3 Uẩn Tâm Sở (loại trừ 3 Nhân) làm duyên Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 7 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục

Quả Duyên, 5/. Tương Ưng Duyên, 6/. Hiện Hữu Duyên, 7/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.2. Danh là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si làm duyên Ý Xứ là 17 Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân Hiệp Thế phối hợp 17 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hỗ Tương Duyên, 4/. Y Chỉ Duyên, 5/. Dị Thục Quả Duyên, 6/. Tương Ưng Duyên, 7/. Hiện Hữu Duyên, 8/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.3. Danh là Tâm Sở Tư làm duyên Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 9 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên [gọi là **Saṃvidhānakicca (Sự Sắp Bày Tạo Tác) Thiện (Ku), Bất Thiện (Aku), Dị Thục Quả (Vi), Duy Tác (Ki)**], 5/. Dị Thục Quả Duyên, 6/. Danh Vật Thực Duyên [**"Mamosañcetanā hāra"** (Ý Tưởng Tư Thực)], 7/. Tương Ưng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, 9/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

Ghi chú: Dị Thời Nghiệp Lực Duyên là **Bījanidhānakicca (Sự Tích Lũy Chủng Tử)** lập ý đến Tư Tâm Sở sinh khởi khác biệt sát na với Sở Duyên.

4.4. Danh là Xúc, Tư Tâm Sở làm duyên Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Danh Vật Thực Duyên (Xúc Thực với Ý Tưởng Tư Thực), 6/. Tương Ưng Duyên, 7/. Hiện Hữu Duyên, 8/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.5. Danh là Tầm, Tứ, Hỷ Lạc làm duyên Ý Xứ là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) câu sinh với mình, có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Thiền Na Duyên, 6/. Tương Ưng Duyên, 7/. Hiện Hữu Duyên, 8/. Bất Ly Duyên (Chủ vị làm thành Chi Thiền Na, duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.6. Danh là Thọ, Mạng Quyền, Tín làm duyên Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 17/ 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Câu Sinh Quyền Duyên, 6/. Tương Ưng Duyên, 7/. Hiện Hữu Duyên, 8/. Bất Ly Duyên (Chủ vị làm thành Quyền Lực, duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.7. Danh là Niệm, Tấn, Tuệ làm duyên Ý Xứ là 17 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp với 13/ 17 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 9 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Câu Sinh Quyền Duyên, 6/. Đồ Đạo Duyên, 7/. Tương Ưng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, 9/. Bất Ly Duyên (Chủ vị làm thành Quyền Lực và Đồ Đạo, duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.8. Danh là Nhất Thống làm duyên Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế câu sinh với mình, có được 10 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Y Chỉ Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Câu Sinh

Quyền Duyên, 6/. Thiền Na Duyên, 7/. Đồ Đạo Duyên, 8/. Tương Ưng Duyên, 9/. Hiện Hữu Duyên, 10/. Bất Ly Duyên (Chủ vị làm thành Quyền Lực, Thiền Na, Đồ Đạo; duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

Ghi chú: Việc phân chia Năng Duyên và Sở Duyên kể từ điều 1 – 8 đây, là những Duyên đã được đặt để trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

4.9. Danh là 3 Uẩn Tâm Sở (35 Tâm Sở) làm duyên Ngũ Xứ trong Thời Kỳ Tái Sinh Cõi Ngũ Uẩn phối hợp 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Y Chỉ Duyên, 3/. Dị Thục Quả Duyên, 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Hiện Hữu Duyên, 6/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

Ghi chú: Trong chỗ này, cả Tứ Xứ gồm Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ đây, lập ý chỉ lấy Chủng Loại Thấp Sinh và Hóa Sinh; còn Thân Xứ có được tất cả các Chủng Loại.

4.10. Danh là 3 Uẩn Tâm Sở (35 Tâm Sở) làm duyên Ngũ Xứ trong Thời Kỳ Chuyển Khởi phối hợp 15 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 4 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Hậu Sinh Duyên, 2/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 3/. Hiện Hữu Duyên, 4/. Bất Ly Duyên (Chủng Loại Câu Sinh và Chủng Loại Hậu Sinh).

4.11. Sắc là Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) làm duyên Ý Xứ là 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn trong Thời Kỳ Tái sinh trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Hiện Hữu Duyên, 6/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.12. Sắc là Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) làm duyên Ý Xứ là 18 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn sinh trước và vẫn đang còn tồn tại (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) trong Thời Kỳ Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 5 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Duyên, 3/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 4/. Hiện Hữu Duyên, 5/. Bất Ly Duyên (Chủng Loại Câu Sinh và Chủng Loại Vật Tiền Sinh).

4.13. Sắc là Ngũ Xứ làm duyên Ý Xứ là 10 Tâm Ngũ Song Thức sinh trước và vẫn đang còn tồn tại trong Thời Kỳ Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Duyên, 3/. Tiền Sinh Quyền Duyên, 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Hiện Hữu Duyên, 6/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Vật Tiền Sinh).

4.14. Sắc là 4 Sắc Đại Hiển Nghiệp làm duyên Ngũ Xứ tồn tại trong cùng một Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 4 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Câu Sinh Y Duyên, 3/. Hiện Hữu Duyên, 4/. Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

4.15. Sắc là Sắc Mạng Quyền làm duyên Ngũ Xứ tồn tại trong cùng một Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn, có được 3 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Sắc Mạng Quyền Duyên, 2/. Quyền Hiện Hữu Duyên, 3/. Quyền Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Quyền Lực).

4.16. Sắc là Nghiệp Bổ Phẩm làm duyên Ngũ Xứ tồn tại trong cùng một Tổng Hợp với mình và các Tổng Hợp khác nữa (ngoài ra Nghiệp Lực), ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời

Kỳ Chuyển Khởi trong 11 Cõi Dục Giới, có được 3 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Sắc Vật Thực Duyên, 2/. Vật Thực Hiện Hữu Duyên, 3/. Vật Thực Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Vật Thực).

Khi tập hợp mãnh lực Duyên trong việc giúp đỡ ủng hộ của Danh Sắc đối với Lục Xứ đấy, có được 22 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hỗ Tương Duyên, 4/. Câu Sinh Y Duyên, 5/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 6/. Vật Tiền Sinh Duyên, 7/. Hậu Sinh Duyên, 8/. Nghiệp Lực Duyên, 9/. Dị Thục Quả Duyên, 10/. Sắc Vật Thực Duyên, 11/. Danh Vật Thực Duyên, 12/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên, 13/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên, 14/. Sắc Mạng Quyền Duyên, 15/. Thiền Na Duyên, 16/. Đồ Đạo Duyên, 17/. Tương Ưng Duyên, 18/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 19/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 20/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 21/. Hiện Hữu Duyên (cả 5 Duyên), 22/. Bất Ly Duyên (cả 5 Duyên) (loại trừ Cảnh Duyên và Trưởng Duyên).

(5) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Saḷāyatanapaccayā phasso" (Lục Xứ làm duyên Xúc).

5.1. Nhãn Xứ làm duyên Nhãn Phủ Xúc có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên, 2/. Vật Tiền Sinh Duyên, 3/. Tiền Sinh Quyền Duyên, 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Vật Tiền Sinh).

5.2. Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ làm duyên Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: (tương tự với điều thứ 5.1.)

5.3. Ý Xứ là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm duyên Ý Phủ Xúc phối hợp tự bản thân (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức) có được 9 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Danh Vật Thực Duyên (Thức Thực), 6/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Ý Quyền Lực trong Bát Danh Quyền Lực), 7/. Tương Ưng Duyên, 8/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 9/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

(6) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Phassapaccayā vedanā" (Xúc làm duyên Thọ).

Cả Lục Xúc làm duyên cả Lục Thọ có được 8 mãnh lực Duyên, đó là: 1/.Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Danh Vật Thực Duyên (Xúc Thực), 6/. Tương Ưng Duyên, 7/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 8/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

(7) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Vedanāpaccayā taṇhā" (Thọ làm duyên Ái Dục).

Thọ làm duyên Ái Dục có được một mãnh lực Duyên, đó là: Thường Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

(8) Trình bày việc liệt kê 24 duyên trong câu chính "Taṇhāpaccayā upādānaṃ" (Ái Dục làm duyên Chấp Thủ).

8.1. Ái Dục sinh trước trước làm duyên Dục Chấp Thủ sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là Thường Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

8.2. Ái Dục làm duyên Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ, Ngã Luận Chấp Thủ cùng câu sinh với mình, có được 7 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hỗ Tương Duyên, 4/. Câu Sinh Y Duyên, 5/. Tương Ưng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

8.3. Ái Dục sinh trước trước làm duyên ba Chấp Thủ (loại trừ Dục Chấp Thủ) sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là Thường Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

+ Ái Dục làm Năng Duyên cho Dục Chấp Thủ sinh khởi (tỷ dụ điển hình như Ngài Đạo Sĩ Giác Hữu Tình (Bồ Tát), Đức Vua **Bārāṇasī,** Vương Phi **Mudulakkhaṇā**).

+ Ái Dục làm Năng Duyên cho Kiến Chấp Thủ sinh khởi (tỷ dụ điển hình như Đức Vua **Aṅgati,** Quan Đại Tướng **Alāta,** Giáo Thọ Tà Kiến tên gọi **Guṇa, Jātisarañāṇa (Tuệ Truy Niệm Kiếp Số)** là việc tưởng nhớ lại các kiếp sống).

+ Ái Dục làm Năng Duyên cho Giới Cấm Chấp Thủ sinh khởi (tỷ dụ điển hình như thực hành trong đường lối **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathānuyoga)** như du sĩ ngoại đạo tên gọi **Puṇṇa** với Cẩu Hành Giả, và du sĩ ngoại đạo tên gọi **Senīya** với Ngưu Hành Giả; đã phát sinh thắc mắc mâu thuẫn và đã đi đến tham vấn).

(9) Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu chính "Upādānapaccayā bhavo" (Chấp Thủ làm duyên Hữu).

9.1. Dục Chấp Thủ làm duyên Nghiệp Hữu phối hợp với mình có được 7 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hỗ Tương Duyên, 4/. Câu Sinh Y Duyên, 5/. Tương Ưng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

9.2. Cả ba Chấp Thủ (loại trừ Dục) làm duyên Nghiệp Hữu phối hợp với mình, có được 7 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Đồ Đạo Duyên, 5/. Tương Ưng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (duy nhất một Chủng Loại Câu Sinh).

9.3. Cả Tứ Chấp Thủ làm duyên Nghiệp Hữu sinh khởi nối tiếp với nhau với mình một cách không có khoảng cách xen kẽ ở giữ, có được 6 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Vô Gián Duyên, 2/. Đẳng Vô Gián Duyên, 3/. Vô Gián Cận Y Duyên, 4/. Trùng Dụng Duyên, 5/. Vô Hữu Duyên, 6/. Ly Khứ Duyên (duy nhất một Chủng Loại Vô Gián).

9.4. Cả Tứ Chấp Thủ làm duyên Nghiệp Hữu và Sinh Hữu không có được cùng câu sinh với mình (đã lìa khỏi thế gian), có được một mãnh lực Duyên, đó là: Thường Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

9.5. Cả Tứ Chấp Thủ làm duyên Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu (làm thành Cảnh một cách phổ thông) có được một mãnh lực Duyên, là: Cảnh Duyên (duy nhất Chủng Loại Cảnh).

9.6. Cả Tứ Chấp Thủ làm duyên Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu (làm thành Cảnh quan tâm một cách đặc biệt) có được 3 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Cảnh Duyên, 2/. Cảnh Trưởng Duyên, 3/. Cảnh Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Cảnh).

(10) Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu chính "Bhavapaccayā jāti" (Hữu làm duyên Sinh).

10.1. Nghiệp Hữu làm duyên Sinh có được 2 mãnh lực Duyên, đó là: 1/. Thường Cận Y Duyên, 2/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

Ghi chú: Trong câu **Bhavapaccayā Jāti (Hữu làm duyên Sinh)** đây, Ngài Phụ Chú Giải Căn Nguyên **(Mūlaṭīkā)** đã lấy cả hai gồm Nghiệp Hữu và Sinh Hữu, bằng cách nêu lên Nhân Quả để dẫn chứng rằng **Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực; và ấy cũng chính là **Sinh Hữu** sẽ có được cũng phải do nương vào **Nghiệp Hữu.** Nếu thiếu mất **Nghiệp Hữu** đi rồi, **Sinh Hữu** cũng không có thể sinh khởi lên được. Và nếu như **Sinh Hữu** đã không hiện hữu, cũng tương tự như vậy, là **Sinh** cũng không thể có được; bởi do thế **Hữu** làm Năng Duyên cho **Sinh** mới lấy hết cả hai **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu.** Tuy nhiên đối với Ngài Chú Giải Sư đã không lấy **Sinh Hữu.** Và một cách chính xác, **Jāti (Sinh)** là sự sinh khởi của Danh Sắc Ngũ Uẩn.

(11) Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu chính "Jātipaccayā Sokaparideva dukkhadomanassupāyāsā sambhavanti" (Sinh làm duyên Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh).

11.1. Sinh làm duyên Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại, thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: Thường Cận Y Duyên (duy nhất một Chủng Loại Thường Cận Y).

PHƯƠNG THỨC VIỆC THUYẾT GIẢNG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Đức Chánh Đẳng Giác để trong Tương Ưng Bộ Kinh, đã có phân loại với bốn phương thức từ nơi việc trình bày. Bốn phương thức ấy là:

1/. Trình bày từ đầu đi đến cuối: Là kể từ Vô Minh đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi **Tự Thủy Chí Chung Thuận Thuyết (Ādipariyosānaanu lomadesanā).**

2/. Trình bày từ giữa đi đến cuối: Là kể từ Thọ đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi **Tự Trung Chí Chung Thuận Thuyết (Majjhimapariyo sānaanulomadesanā).**

3/. Trình bày từ cuối đi đến đầu: Là kể từ Lão Mại – Tử Vong đi thụt lùi lại tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Pari yosanaādipaṭilomadesanā);** chẳng hạn như **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ, bhavapaccayā jāti v.v. avijjāpaccayā saṅkhārā** - Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong; Hữu làm duyên Sinh, v.v., Vô Minh làm duyên Hành.

4/. Trình bày từ giữa đi đến đầu: Là kể từ Ái Dục đi thụt lùi tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaādipaṭi lomadesanā);** chẳng hạn như **Ime ca bhikkhave cattāro āhārā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Ime cattāro āhārā taṇhānidānā taṇhāsamudayā taṇhājātikā taṇhāpabhavā. Taṇhā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Vedanā nidānā vedanā samudayā vedanājātikā vedanāpabhavā v.v. Saṅkhārā kiṃnidānā kiṃ samudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Avijjānidānā avijjāsamudayā avijjā jātikā avijjā pabhavā - Dịch nghĩa:** "Này Chư Tỳ Khưu, những cả Tứ Vật Thực này có cái chi làm căn

nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Những cả Tứ Vật Thực này có Ái Dục làm căn nguyên, có Ái Dục làm xuất sinh, có Ái Dục làm Nhân cho sinh khởi, có Ái Dục làm cái Nhân tiên khởi. Ái Dục đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Ái Dục đây có Thọ làm căn nguyên, có Thọ làm xuất sinh, có Thọ làm Nhân cho sinh khởi, có Thọ làm cái Nhân tiên khởi. Hành đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Hành đây có Vô Minh làm căn nguyên, có Vô Minh làm xuất sinh, có Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi, có Vô Minh làm cái Nhân tiên khởi...v.v." Và như vậy gọi **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhima ādipaṭiloma desanā).**

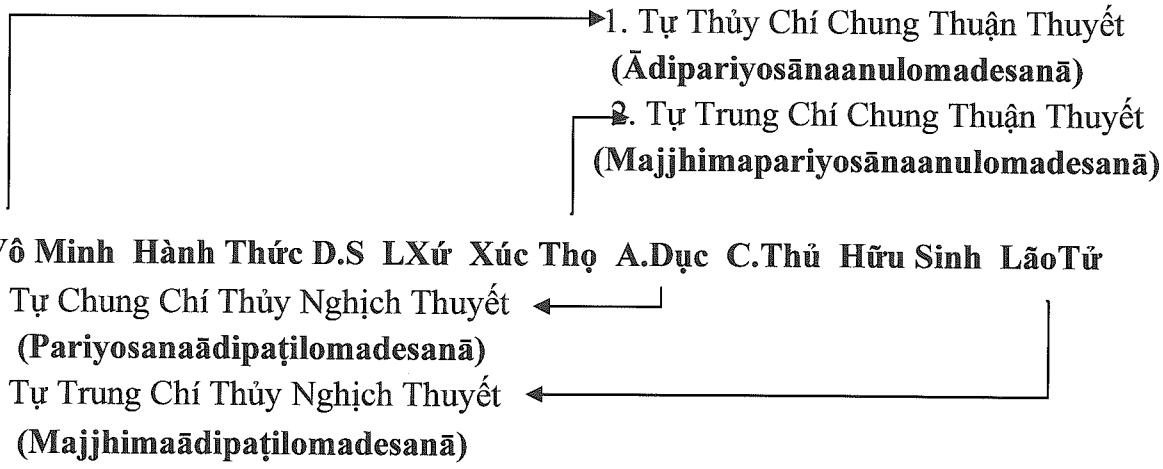

NHỮNG LỢI ÍCH ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TỪ VIỆC THUYẾT GIẢNG THỂ THEO CẢ TỨ PHƯƠNG THỨC

1. Việc trình bày thể theo **Tự Thủy Chí Trung Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích trong việc giải thích đến những người bất liễu tri, không hiểu biết trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, đã phê phán sai lầm với những sai biệt, đã phán quyết rằng không có cái chi làm tác nhân cho sinh khởi; và để cho hiểu biết rằng việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, (1) ắt hẳn là phải nương theo tác nhân riêng biệt của từng mỗi người, (2) và để cho thấu hiểu đến việc sinh khởi của những thể loại tác nhân này, rằng sinh khởi hiện hành theo thứ tự.

2. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích đối với một vài nhóm người chẳng tin rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi, thế rồi sẽ lại phải đi tái sinh ở trong Hữu vị lai nữa. Những hạng người này sẽ được nhận thức đến 5 Nhân Duyên, đó là **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh** và **Hành** là chỗ nương náu, là sinh trú đối với mình. Và một khi đã có tác nhân hiện tại rồi, thì nhất định sẽ phải có quả báo ở trong thời vị lai. Và quả báo ấy chính là **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ;** và được gọi là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

3. Việc trình bày thể theo **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho tất cả mọi người được trông thấy Pháp làm tác nhân của sự khổ đau; đi theo thứ tự kể từ

Sinh v.v. cho đến Vô Minh. Là để cho hiểu biết rằng sự khổ đau có Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Não Hại mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải đón nhận từng mỗi ngày đây, hiện khởi lên được cũng do nương vào **Sinh** làm Nhân. Nếu đã không có Sinh rồi, thì những thể loại khổ đau này cũng không sinh khởi lên được. Một khi đã trông thấy Sinh rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Sinh được sinh khởi, ấy là **Nghiệp Hữu.** Một khi đã trông thấy Nghiệp Hữu rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Nghiệp Hữu được sinh khởi, ấy là **Chấp Thủ;** để cho được trông thấy tác nhân nối tiếp đi theo thứ tự từng bậc cho đến **Vô Minh.** Một khi đã trông thấy Vô Minh rồi, thì cũng sẽ được hiểu biết rằng đích thị chính Vô Minh này là chủ vị của tất cả mọi tác nhân.

4. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho hiểu biết đến Nhân Quả theo thứ tự làm chỗ xuất sinh xứ của cả Tứ Vật Thực được coi như là người dẫn dắt của tất cả Chúng Hữu Tình; kể từ Hữu Quá Khứ cho đến Hữu Hiện Tại. Tức là: (1) Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có được tồn tại, tăng trưởng to lớn lên được, là cũng do nương vào những Vật Thực làm thành người dẫn dắt. (2) Tất cả Chúng Hữu Tình có sự cảm thọ an lạc, khổ đau, thản nhiên, là cũng do nương vào Xúc, là việc tiếp xúc giữa Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý với Lục Cảnh. (3) Tất cả Chúng Hữu Tình hành động tạo tác cả Thiện Hạnh và Bất Thiện Hạnh cũng do nương Tư Tâm Sở làm người thúc đẩy dẫn dắt.

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tâm Cơ, Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính và việc tiếp xúc Cảnh, việc thụ hưởng Cảnh, việc ghi nhớ Cảnh v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Thức Tái sinh làm người dẫn dắt. Đối với trong Thời Chuyển Khởi, thì sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự chấp ngã, sự thấy sai, sự đố kỵ ganh tỵ v.v. hoặc sự sùng tín, sự hiểu biết, sự bi mẫn, sự tưởng nhớ v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Chuyển Khởi làm người dẫn dắt.

Cả Tứ Vật Thực - làm người dẫn dắt tất cả Chúng Hữu Tình cho sinh khởi lên và được tồn tại, tạo tác biết bao hành động suốt trọn cả kiếp sống - sẽ được sinh khởi lên, là cũng do nương vào Ái Dục làm Nhân. Ái Dục sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thọ làm Nhân. Thọ sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Xúc làm Nhân. Xúc sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Lục Xứ làm Nhân. Lục Xứ sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Danh Sắc làm Nhân. Danh Sắc sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Thức làm Nhân. Thức sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Hành làm Nhân. Hành sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Vô Minh làm Nhân; để cho được nhận thấy Nhân Quả hiện hành đi theo thứ tự, bằng cách lấy Tứ Vật Thực làm nền tảng để quy định cho việc thẩm sát.

Kết luận rằng **Pháp Liên Quan Tương Sinh** đây, là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma)** tức là Pháp có sự hoàn bị tốt đẹp, vì lẽ cho dù sẽ trình bày bởi theo bất luận phương thức nào đi nữa, thì người đã được lắng nghe rồi ắt hẳn thành đạt sự lợi ích; tức là xác định được liễu tri Khổ Đế, đoạn tận Tập Đế, kiến tịnh Diệt Đế, tiến hóa Đạo Đế; và rồi chứng đạt đến Níp Bàn. Một trường hợp khác nữa, Đấng Như Lai là Bậc **Hảo Thuyết Giáo Kỳ Tài (Desanāvilāsapattapuggala)** là Bậc có khả năng cải tiến việc thuyết giảng cho được hoàn hảo thích hợp.

PHÂN TÍCH PHÁP LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THEO TỪNG MỖI PHẦN, CÓ THỜI KỲ (ADDHĀ) v.v.

Kệ ngôn **Pāḷi** điều thứ 4, chỗ nói rằng **Tattha tayo addhā, dvādasaṅgāni, vīsatā kārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni** - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.** Trong câu **Pāḷi** của điều này có sự lập ý để cho tất cả các bậc học giả có được hiểu biết đến điều nên được hiểu biết trong Pháp Liên Quan Tương Sinh; là Thời Kỳ là có ba thời gian, 12 Chi Phần, Hành Tướng là 20 phân loại, Tam Liên Kết là sự tiếp tục nối tiếp nhau, Tóm Lược là bốn hội nhóm, Luân Hồi là ba sự luân chuyển tuần hoàn, Căn Nguyên là 2 Nhân tiên khởi.

(1) TAM THỜI KỲ (TAYO ADDHĀ)

Từ ngữ **Addhā** dịch nghĩa "Thời Kỳ". Kệ ngôn **Pāḷi** điều thứ 5, chỗ nói **Kathaṃ ? Avijjāsaṅkhārā atīto addhā. Jāti jarāmaranaṃ anāgato addhā. Majjhe paccuppanne addhā tī tayo addhā** - Như thế nào ? Vô Minh, Hành thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại, Tử Vong thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại. Trong câu **Pāḷi** của điều này đã làm sáng tỏ thêm câu nói rằng **tayo addhā** có trong câu **Pāḷi** điều thứ 4. Từ ngữ nói rằng **Kathaṃ** đây, là câu vấn hỏi ở thể loại "Nêu Vấn Đề Lên Rồi Tự Trả Lời" **(Kathetukammayatāpucchā)** là đặt vấn đề lên nhằm chủ ý sẽ tự trả lời, và chẳng phải cho người khác trả lời. Nên được hiểu biết như thế nào ? Nên hiểu biết Tam Thời Kỳ như thế này: Cả hai Vô Minh và Hành đây, là ở Thời Kỳ Quá Khứ; là Pháp đã sinh trong những Hữu trước trước. Cả ba Sinh, Lão Mại, Tử Vong đây, là ở Thời Kỳ Vị Lai, là Pháp sinh trong Hữu Vị Lai. Tám Chi Pháp ở ngay chính giữa, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; với những thể loại này là ở Thời Kỳ Hiện Tại; là Pháp sinh ngay trong Hữu này.

Avijjāsaṅkhārā atīto addhā cả hai **Vô Minh (Avi)** và **Hành (Saṃ)** đây, là ở Thời Kỳ Quá Khứ, tức là Pháp đã sinh ở trong Hữu trước trước. **Jāti jarāmaranaṃ anāgato addhā** cả ba **Sinh (Jā), Lão Mại (Ja),** và **Tử Vong (Ma)** đây, là ở Thời Kỳ Vị Lai, là Pháp ở trong Hữu Vị Lai. **Majjhe aṭṭha paccuppanne addhā tī tayo addhā** cả tám Chi Pháp ở ngay chính giữa, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; với những thể loại này là ở Thời Kỳ Hiện Tại; là Pháp sinh ngay trong Hữu này.

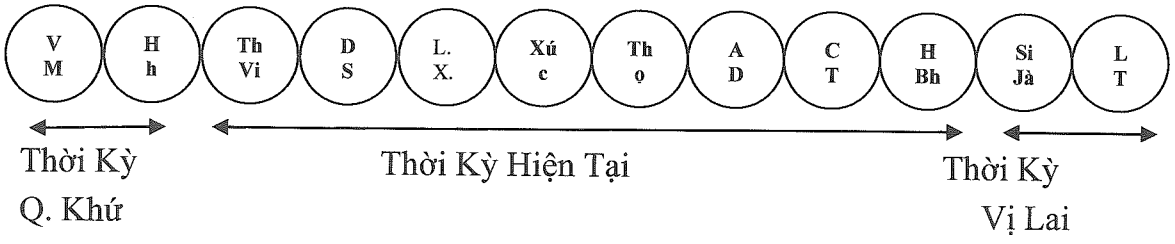

Ghi chú: Việc trình bày cả Tam Thời Kỳ đây, là lập ý lấy Pháp sinh khởi trong cả Tam Thời Kỳ.

(2) 12 CHI PHẦN (DVĀDASAṄGĀNI)
(Gọi Là Xa Luân Liên Quan Tương Sinh)

Từ ngữ **Aṅga (Chi Phần)** có nghĩa "là thành phần liên kết của Liên Quan Tương Sinh, có khả năng làm cho luân chuyển tuần hoàn đi mãi vô cùng tận, không có điểm cuối cùng; tương tự với vật dụng kết hợp của vòng bánh xe giúp cho bánh xe ấy được quay tròn"; bởi do thế Chi Phần này là thành phần quan trọng trong việc sinh tử luân hồi của tất cả Chúng Hữu Tình, được gọi là **Xa Luân Liên Quan Tương Sinh.**

Kệ ngôn thứ 6: Avijjā, saṅkhārā, viññāṇaṃ, nāmarūpaṃ, saḷāyatanaṃ, phasso, vedanā, taṇhā, upādānaṃ, bhavo, jāti, jarāmaraṇanti dvādasaṅgāni - Nên thấu hiểu 12 Chi Phần như vầy, đó là: Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần.

Kệ ngôn thứ 7: Sokādivacanaṃ panettha nissandaphalanidassanaṃ với ý nghĩa "Từ ngữ Sầu Bi v.v... được nêu lên như là đẳng lưu quả của Sinh". Ngũ Đẳng Lưu Quả là Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại; với những thể loại này chỉ là quả nương sinh nối tiếp từ nơi Sinh, và với lý do này mới đặc biệt không tính thành Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh. Tức là chỉ làm thành quả báo nối tiếp từ nơi Sinh thôi, và chẳng phải là một Chi Phần riêng biệt.

Ghi chú: Đẳng Lưu Quả (Nissandaphala) là Quả nương sinh nối tiếp từ nơi Sinh (chẳng có lìa khỏi thế gian, từ giã cuộc đời, mà hiện hữu ngay trong cùng một kiếp sống).

Có hai thể loại Quả của Sinh, đó là:

1. Đẳng Lưu Quả (Nissandaphala) là thành quả phần kết cuộc (phần cuối cùng).

2. Dị Thục Quả Báo (Vipākaphala) ấy là quả báo trực tiếp của Sinh. Là Lão Mại – Tử Vong.

(3) NHỊ THẬP PHÂN LOẠI HÀNH TƯỚNG (VĪSATĀKĀRĀ 20)

Kệ ngôn thứ 8: Atīte hetavo pañca, idāni phalapañcakam. Idāni hetavo pañca, āyatiṃ phalapañcakanti. Có ý nghĩa "Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai."

Atīte (Quá Khứ): Vô Minh (Avi), Hành (Saṃ), Ái Dục (Taṃ), Chấp Thủ (U), Nghiệp Hữu (Kaṃ): "Hetavo pañca" (Ngũ Nhân Quá Khứ).

Idāni (Như vầy): Thức (Viñ), Danh Sắc (Nārū), Lục Xứ (Saḷā), Xúc (Phas), Thọ (Ve): "Phalapañcakaṃ" (Ngũ Quả Hiện Tại).

Idāni (Như vậy): Ái Dục (Taṃ), Chấp Thủ (U), Nghiệp Hữu (Kaṃ), Vô Minh (Avi), Hành (Saṃ): "Hetavo pañca" (Ngũ Nhân Hiện Tại).

Āyatiṃ (Vā): Thức (Viñ), Danh Sắc (Nārū), Lục Xứ (Saḷā), Xúc (Phas), Thọ (Ve): "Phalapañcakaṃ" (Ngũ Quả Vị Lai).

Ghi chú: Nhị Thập Phân Loại Hành Tướng đây, là việc trình bày một cách đặc biệt về Nhân Quả tương sinh nối tiếp với nhau. Còn Sinh, Lão Mại – Tử Vong thì không có tính đem vào để trình bày; cũng vì cả 3 Chi Phần gồm Sinh, Lão Mại, Tử Vong này đây không có Chi Pháp đặc biệt, và chỉ là trạng thái hiện hành của Thức, Danh Sắc v.v.

(4) BA VIỆC NỐI TIẾP NHAU (TISANDHI – TAM LIÊN KẾT)

Từ ngữ **Sandhi (Liên Kết)** dịch nghĩa "Việc nối tiếp", trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Sandhīyate = Sandhi** - Gọi tên việc nối tiếp giữa Nhân với Quả, Quả với Nhân, là **Liên Kết.** Một trường hợp khác nữa: **Sandhīyanti hetuphala dhammā etthāti = Sandhi** - Pháp làm thành Nhân với Quả nối tiếp nhau trong chỗ ấy, bởi do thế trong khoảng giữa ấy được gọi tên là **Liên Kết.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo việc nối tiếp nhau, có được Tam Liên Kết, đó là: 1/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Hành với Thức thuộc Nhân Quá Khứ với Quả Hiện Tại. 2/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Thọ với Ái Dục thuộc Quả Hiện Tại với Nhân Hiện Tại. 3/. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Nghiệp Hữu với Sinh thuộc Nhân Hiện Tại với Quả Vị Lai.

Ghi chú: Là việc trình bày bởi do lấy việc nối tiếp với nhau một cách trực tiếp theo Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, chẳng có lấy Thức v.v. thay cho Sinh, Lão Mại – Tử Vong (Xin xem cả hai Hữu Luân ở trang đầu tiên).

(5) BỐN NHÓM (SAṄKHEPA 4 – TỨ TÓM LƯỢC)

Từ ngữ **Saṅkhepa (Tóm Lược)** dịch nghĩa "Tập hợp để thành từng khối nhóm"; trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Saṅkhipīyanti saṅgayhanti padhānadhammā etthāti = Saṅkhepo** - "Việc tập hợp Pháp thuộc phần chủ vị để thành từng khối nhóm trong chỗ đấy, bởi do thế chỗ tập hợp những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là **Tóm Lược.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo khối nhóm, có được Tứ Tóm Lược, đó là: 1/. Một khối nhóm với Vô Minh và Hành thuộc Nhân Quá Khứ. 2/. Một khối nhóm với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc và Thọ thuộc Quả Hiện Tại. 3/. Một khối nhóm với Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu thuộc Nhân Hiện Tại. 4/. Một khối nhóm với Sinh và Lão Mại – Tử Vong thuộc Quả Vị Lai.

Ghi chú: Còn đối với Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại, cả 5 Chi Phần này được liệt kê vào trong khối nhóm thứ 4.

(6) TAM LUÂN HỒI (TĪṆIVAṬṬĀNI)

Từ ngữ **Vaṭṭa (Luân Hồi)** dịch nghĩa "Việc luân chuyển tuần hoàn tương tự với việc quay của bánh xe." Trình bày câu Chú Giải rằng: **Vaṭṭanti punappunaṃ àvaṭṭantīti = Vaṭṭaṃ** - Những thể loại Pháp nào thường luôn luân chuyển tuần hoàn; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Luân Hồi.**

CÓ BA THỂ LOẠI LUÂN CHUYỂN TUẦN HOÀN, Đó Là:

1. Phiền Não Luân (Kilesavaṭṭa) là Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ.

2. Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa) là Nghiệp Hữu, Hành.

3. Dị Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa) là Sinh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại, Tử Vong.

Kệ ngôn Pāḷi điều thứ 9, chỗ nói rằng **Avijjā taṇhūpādānā ca kilesavaṭṭaṃ; kammabhavasaṅkhāto; bhavekadeso saṅkhārā ca kammavattaṃ; upapattibhava saṅkhāto bhavekadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīṇi vaṭṭāni** - Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thuộc về **Phiền Não Luân;** một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thuộc về **Nghiệp Báo Luân;** một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại – Tử Vong thuộc về Dị Thục Quả Luân.

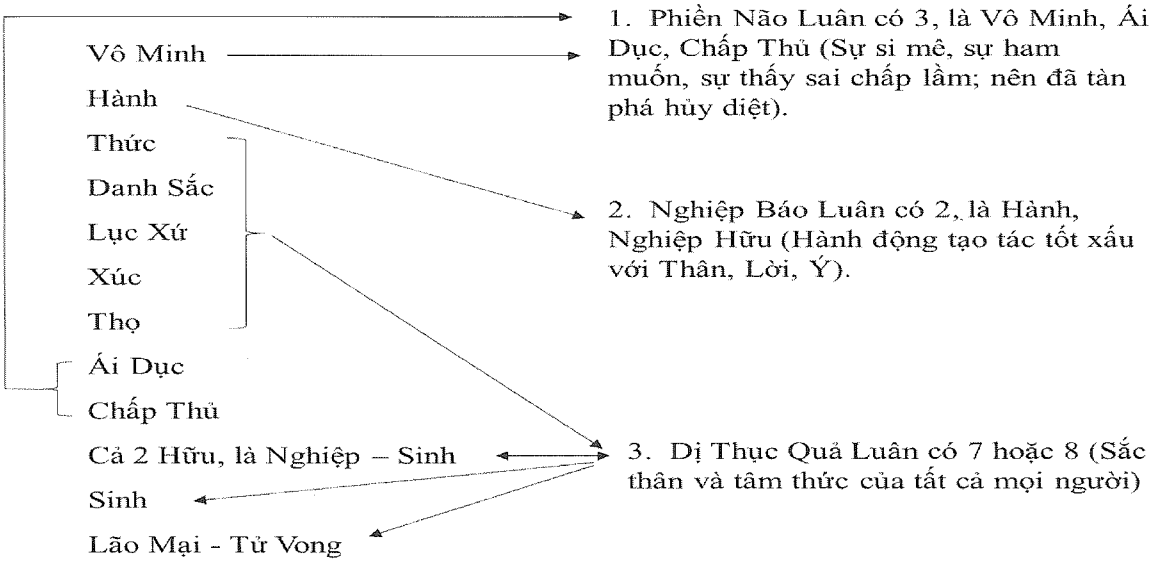

Ghi chú: Cả ba thể loại thực tính Tam Luân Hồi này luôn luân phiên chuyển đổi nhau, làm Nhân làm Quả hiện hữu từng mỗi Hữu, từng mỗi kiếp sống cho đến vô cùng tận.

(7) NHỊ CĂN NGUYÊN (DVE MŪLĀNI)

Từ ngữ **Mūla (Căn Nguyên)** dịch nghĩa "Làm trú xứ thiết lập hoặc làm Nhân tiên khởi của tất cả Vòng Luân Hồi Khổ" như trình bày câu Chú Giải rằng: **Mūlayanti sabbepi vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mūlāni" (vā) Mūlayanti patiṭṭhahanti vaṭṭadhammā etehīti = Mūlāni** - "Tất cả Pháp Luân Hồi thường được tồn tại trong chỗ ấy; chính vì thế Pháp được coi như làm trú xứ thiết lập của những thể loại Pháp Luân Hồi ấy, gọi tên là **Căn**

Nguyên." (Hoặc) "Pháp Luân Hồi thường được tồn tại bởi do nương vào những thể loại Pháp ấy; chính vì thế Pháp được coi như là Nhân làm cho những thể loại Pháp Luân Hồi ấy được tồn tại, mới gọi tên là **Căn Nguyên.**" Tức là Vô Minh và Ái Dục.

Khi phân chia Pháp Liên Quan Tương Sinh ra thành **Xa Luân (Bhavacakka)** có được hai thể loại, đó là:

1/. Kể từ Nhân Quá Khứ v.v. cho đến Quả Hiện Tại làm thành một Xa Luân, và gọi tên là **Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka),** là Xa Luân ban đầu.

2/. Kể từ Nhân Hiện Tại v.v., cho đến Quả Vị Lai làm thành một Xa Luân, và gọi tên là **Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka),** là Xa Luân phía sau.

Kệ ngôn Pāḷi thứ 9: Avijjā taṇhāvasena dve mūlāni veditabbāni (Vô Minh và Ái Dục là 2 Căn Nguyên). Đối với Nhị Căn Nguyên này, tất cả Bậc Học Giả nên hiểu biết bởi theo Phân Loại từ nơi Vô Minh và Ái Dục.

Avijjā Saṅkhāra làm thành Nhân Quá Khứ, gọi tên là **Tiền Hữu Luân**
Viñ Nāmarūpa } làm thành Quả là Xa Luân ban đầu.
Saḷā Phas Ve } Hiện Tại
Taṇ U Kammbhā làm thành Nhân Hiện Tại, gọi tên là **Hậu Hữu Luân**
Jāti JarāMaraṇa làm thành Quả Vị Lai là Xa Luân phía sau.

Việc trình bày Pháp Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác đây, hiện hữu hai phương pháp; đó là:

1/. Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng, là việc trình bày đến sự hiện hành trong rất nhiều cái Tâm từ nơi Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên là **Dị Tâm Dị Thời Liên Quan Tương Sinh (Nānācittakkhaṇikapaṭiccasamuppāda).**

2/. Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng, là việc trình bày đến sự hiện hành trong từng mỗi cái Tâm từ nơi Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên là **Đồng Tâm Hợp Thời Liên Quan Tương Sinh (Ekacittakkhaṇikapaṭiccasamuppāda).**

VIỆC TRÌNH BÀY THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THEO TẠNG VÔ TỶ PHÁP THÌ ĐƯỢC CHIA RA LÀM BA NHÓM, Đó Là:

1/. Câu Bất Thiện (Akusalapada) là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

2/. Câu Thiện (Kusalapada) là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở.

3/. Câu Vô Ký (Abyākatapada) là 36 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 38 Tâm Sở.

(1) Trong Câu Bất Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 4 Tâm Tương Ưng Kiến ngần ấy thôi: **Avijjāpaccayā saṅkhāro saṅkhāra paccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhayatanaṃ chaṭṭhā yatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādā naṃ upādānapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Vô Minh làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm

duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Chấp Thủ, Chấp Thủ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bản Đồ Trình Bày 4 Tâm Tương Ưng Tà Kiến

4 Tâm Tương Ưng Kiến (Diṭṭhigatasampayutta citta 4)	**Chi Pháp Năng Duyên (Paccayadhamma)**	**Chi Pháp Sở Duyên (Paccayuppannadhamma)**
Vô Minh **(Avijjā)**	Tâm Sở Si trong 4 Tâm Tương Ưng Kiến	
Vô Minh duyên Hành **(Avijjā paccayā Saṃ)**	Tâm Sở Si trong 4 Tâm Tương Ưng Kiến	Phi Phúc Hành / Là Tà Kiến / Tư Tâm Sở Bất Thiện
Hành duyên Thức **(Saṃ paccayā Viññāṇa)**	Phi Phúc Hành / Là Tà Kiến / Tư Bất Thiện	4 Tâm Tương Ưng Tà Kiến
Thức duyên Danh **(Viññ. paccayā Nāmaṃ)**	4 Tâm Tương Ưng Tà Kiến	3 Uẩn Tâm Sở (21) phối hợp.
Danh duyên Xứ thứ 6 **(Nāmapaccayā Chaṭṭha)**	3 Uẩn Tâm Sở (21) phối hợp	Ý Xứ là 4 Tâm Tương Ưng Tà Kiến
Xứ thứ 6 duyên Xúc **(Chaṭṭ.paccayā Phasso)**	Ý Xứ là 4 Tâm Tương Ưng Kiến	Ý Phủ Xúc phối hợp 4 Tâm Tương Ưng Kiến
Xúc duyên Thọ **(Phas.paccayā Vedan)**	Ý Phủ Xúc phối hợp 4 Tâm Tương Ưng Kiến	Tâm Sở Thọ phối hợp 4 Tâm Tương Ưng Kiến
Thọ duyên Ái Dục **(Ve.paccayā Taṇhā)**	Tâm Sở Thọ phối hợp 4 Tâm T.Ưng Kiến	Ái Dục phối hợp 4 Tâm Tương Ưng Kiến
Ái Dục duyên Chấp Thủ **(Taṇ.paccayā Upādā.)**	Ái Dục phối hợp 4 Tâm Tương Ưng Kiến	3 Chấp Thủ (loại trừ Dục Chấp Thủ)
Chấp Thủ duyên Hữu **(Upā.paccayā Bhavo)**	3 Chấp Thủ (loại trừ Dục Chấp Thủ)	Hữu là Tâm Khởi Sinh Tà Kiến (loại trừ Tà Kiến)
Hữu duyên Sinh **(Bhavapaccayā Jāti)**	Hữu là Tâm Khởi Sinh T. Kiến (loại trừ T. Kiến)	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi…..
Sinh duyên Lão Tử **(Jātipaccayā JarāMā)**	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi	Danh Lão Mại – Danh Tử Vong là sát na….

(2) Trong Câu Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 4 Tâm Tương Ưng Trí ngần ấy thôi: **Kusalapaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jatipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Pháp Thiện làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ,

Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bản Đồ Trình Bày 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí

4 Đại Thiện Tương Ưng Trí (Mahākusalañāṇa Sampayuttacitta 4)	**Chi Pháp Năng Duyên (Paccayadhamma)**	**Chi Pháp Sở Duyên (Paccayuppannadhamma)**
Căn Thiện duyên Hành **(Ku.Mūlapaccayā Saṃ)**	3 Căn Thiện **(KusalaMūla 3)**	Phúc Hành là Tư Tâm Sở Đại Thiện Tương Ưng Trí
Hành duyên Thức **(Sa.paccayā Viññāṇaṃ)**	Phúc Hành là Tư Đại Thiện Tương Ưng Trí	4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí
Thức duyên Danh **(Viñ.paccayā Nāmaṃ)**	4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí	3 Uẩn Tâm Sở (38) phối hợp …
Danh duyên Xứ thứ 6 **(Nāmapaccayā Chaṭṭh.)**	3 Uẩn Tâm Sở (38) phối hợp …	Ý Xứ là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí
Xứ thứ 6 duyên Xúc **(Chaṭṭ.paccayā Phasso)**	Ý Xứ là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí …	Ý Phủ Xúc phối hợp 4 Tâm Đại Thiện T.Ư Trí
Xúc duyên Thọ **(Phas.paccayā Vedan)**	Ý Phủ Xúc phối hợp 4 Tâm Đại Thiện TƯ Trí	Thọ phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện T.Ưng Trí
Thọ duyên Thanh Triệt **(Ve.paccayā Pasādo)**	Thọ phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện T.Ưng Trí	Thanh Triệt là Tín **(Saddhā)** phối hợp với …
Th. Triệt duyên Thắng Giải **(Pa.paccayā Adhi)**	Thanh Triệt là Tín phối hợp …	Thắng Giải phối hợp 4 Tâm Đại Thiện T.Ư. Trí
Thắng Giải duyên Hữu **(Adhi.paccayā Bhavo)**	Thắng Giải phối hợp 4 Tâm Đại Thiện T.Ư.Trí	Hữu là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (loại trừ Thắng Giải)
Hữu duyên Sinh **(Bhavapaccayā Jāti)**	Hữu là Tâm Khởi Sinh Đ. Thiện (loại trừ T.Giải)	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi …
Sinh duyên Lão Tử **(Jātipaccayā JarāMā)**	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi …	Danh Lão Mại – Danh Tử Vong là sát na …

(3) Trong Câu Vô Ký đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ngần ấy thôi: **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedan vedanapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmara ṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bản Đồ Trình Bày 10 Tâm Ngũ Song Thức

10 Tâm Ngũ Song Thức (Dvipañcaviññāṇa citta 10)	**Chi Pháp Năng Duyên (Paccayadhamma)**	**Chi Pháp Sở Duyên (Paccayuppannadhamma)**
Hành duyên Thức **(S. paccayā Viññāṇaṃ)**	Phúc Hành / Phi Phúc Hành là 12 B.T./ 8 Đ. T.	10 Tâm Ngũ Song Thức
Thức duyên Danh **(Viñ. paccayā Nāmaṃ)**	10 Tâm Ngũ Song Thức	3 Uẩn Tâm Sở (7) phối hợp …
Danh duyên Xứ thứ 6 **(Nāmapaccayā Chaṭṭh.)**	3 Uẩn Tâm Sở (7) phối hợp …	Ý Xứ là 10 Tâm Ngũ Song Thức
Xứ thứ 6 duyên Xúc **(Chaṭṭ.paccayā Phasso)**	Ý Xứ là 10 Tâm Ngũ Song Thức	Cả 5 Xúc có Nhãn Phủ Xúc, v.v.
Xúc duyên Thọ **(Phas.paccayā Vedan)**	Cả 5 Xúc có Nhãn Phủ Xúc, v.v.	Thọ phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức
Thọ duyên Hữu **(Ve.paccayā Bhavo)**	Thọ phối hợp 10 Tâm Ngũ Song Thức	Hữu là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ)
Hữu duyên Sinh **(Bhavapaccayā Jāti)**	Hữu là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (trừ Thọ)	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi …
Sinh duyên Lão Tử **(Jātipaccayā JarāMā)**	Danh Sinh là Trạng Thái sinh khởi …	Danh Lão Mại – Danh Tử Vong là sát na …

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA VÔ MINH (AVIJJĀ)

1. Bất Tri Trạng Thái (Aññāṇalakkhaṇā): Có sự bất liễu tri làm thành trạng thái, hoặc làm thành đối nghịch đối với Trí Tuệ.

2. Si Độn Phận Sự (Sammohanarasā): Thường luôn làm cho Pháp phối hợp với mình, và người đang khởi sinh si mê có sự lầm lạc hoặc mê mờ tăm tối, làm thành phận sự.

3. Yểm Cái Thành Tựu (Chādanapaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng bưng bít che khuất thực tính đang hiện hữu trong các Cảnh ấy.

4. Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna): Có ba Lậu Hoặc làm thành Nhân cận lân (loại trừ chính tự mình).

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA HÀNH (SAṄKHĀRA)

1. Kiến Thủy Trạng Thái (Abhisaṅkharaṇalakkhaṇā): Có việc tác hành tạo tác làm thành trạng thái.

2. Cần Miễn Phận Sự (Āyuhanarasā): Có việc nỗ lực làm cho Thức Tái Sinh sinh khởi; hoặc nỗ lực làm cho Pháp thành Quả, ấy là khối Danh (Danh Uẩn) và khối Sắc (Sắc Uẩn) cho được sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Tư Tâm Sở Thành Tựu (Cetanāpaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng thúc đẩy lôi kéo, là hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita).**

4. Vô Minh Nhân Cận (Avijjāpadaṭṭhāna): Có Vô Minh làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA THỨC (VIÑÑĀṆA)

1. Thức Tri Trạng Thái (Vijānanalakkhaṇaṃ): Có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ nơi Trí Tuệ và Tưởng làm thành trạng thái.

2. Thủ Sự Phận Sự (Pubbaṃgamarasaṃ): Làm chủ quản đối với Tâm Sở và Sắc Nghiệp, làm thành phận sự.

3. Tái Sinh Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Hành Nhân Cận (hoặc) Cảnh Vật Nhân Cận (Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ) (vā) (Vatthārammaṇapadaṭṭhānaṃ): Có Tam Hành làm Nhân cận lân, hoặc có Lục Căn với Lục Cảnh làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA DANH (NĀMA)

1. Dẫn Đạo Trạng Thái (Namalakkhaṇaṃ): Có việc hướng diện đến Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Phối Hợp Phận Sự (Sampayogarasaṃ): Có việc phối hợp với Tâm và tự phối hợp lẫn nhau, bởi theo trạng thái **Đồng Sinh (Ekuppādatā)** v.v. làm thành phận sự.

3. Bất Ly Tán Thành Tựu (Avinibbhogapaccupaṭṭhānaṃ): Có việc không tách ly xa lìa với Tâm, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SẮC (RŪPA)

1. Hoại Diệt Trạng Thái (Ruppanalakkhaṇaṃ): Có việc tiêu hoại đổi thay, làm thành trạng thái.

2. Phân Tán Phận Sự (Vikiraṇarasaṃ): Có việc tách ly chia lìa nhau, làm thành phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự làm thành Pháp Vô Ký, hoặc có sự bất liễu tri Cảnh, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí. [**Acetanā**

abyākatāti ettha viya anārammaṇātā và abyākatatā daṭṭhabbā] (Trích trong Đại Phụ Chú Giải)

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA LỤC XỨ (SALĀYATANA)

1. Khu Vực Trạng Thái (Āyatanalakkhaṇaṃ): Có việc tiếp xúc hoặc có việc làm cho Vòng Luân Hồi phải lâu dài, làm thành trạng thái.

2. Quan Thưởng Phận Sự (Dassanārasaṃ): Có việc trông thấy v.v. làm phận sự.

3. Vật Môn Bản Tính Thành Tựu (Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự làm thành Vật và Môn của Ngũ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới tùy theo thích hợp, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Danh Sắc Nhân Cận (Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ): Có Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA XÚC (PHASSA)

1. Xúc Cảm Trạng Thái (Phusanalakkhaṇa): Có việc tiếp xúc Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Xúc Quan Phận Sự (Saṃghaṭṭaraso): Có việc làm cho Tâm với Cảnh nối tiếp nhau liên tục, làm thành phận sự.

3. Tựu Hội Thành Tựu (Saṅgatipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc cùng tựu hội với nhau giữa Vật, Cảnh và Thức, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Lục Nội Xứ Nhân Cận (Saḷāyatanapadaṭṭhānaṃ): Có Lục Nội Bộ Xứ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA THỌ (VEDANĀ)

1. Cảm Thụ Trạng Thái (Anubhavanalakkhaṇā): Có việc thụ hưởng Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Thụ Vị Di Lập Phận Sự (Visayarasasambhogarasā): Có việc thụ hưởng chất vị của Cảnh, làm thành phận sự.

3. Lạc Khổ Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự an lạc và khổ đau, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Xúc Nhân Cận (Phassapadaṭṭhānaṃ): Có Xúc làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU

VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA ÁI DỤC (TAṆHĀ)

1. Tác Nhân Trạng Thái (Hetulakkhaṇā): Có việc làm Nhân của tất cả mọi khổ đau, làm thành trạng thái.

2. Hỷ Ủy Phận Sự (Abhinandanarasā): Có sự ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh, Cõi Giới, và kiếp sống, làm thành phận sự.

3. Bất Mãn Túc Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự không no đủ hoặc vừa lòng ở trong các Cảnh của Tâm hoặc của Người, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Thọ Nhân Cận (Vedanāpadaṭṭhānaṃ): Có Thọ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA CHẤP THỦ (UPĀDĀNA)

1. Thủ Kết Trạng Thái (Gahaṇalakkhaṇaṃ): Có việc bám chặt giữ lấy, làm thành trạng thái.

2. Bất Giải Thoát Phận Sự **(Amuñcanarasaṃ):** Có việc không buông bỏ, làm thành phận sự.

3. Ái Cường Ngã Kiến Thành Tựu (Taṇhādaḷhattadiṭṭhipaccupaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục với năng lực mãnh liệt, và có sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Ái Dục Nhân Cận (Taṇhāpadaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA NGHIỆP HỮU (KAMMABHAVA)

1. Nghiệp Lực Trạng Thái (Kammalakkhaṇo): Có sự tác thành Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanaraso): Có việc làm cho sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Thiện Bất Thiện Thành Tựu (Kusalākusalapaccupaṭṭhāno): Có sự tác thành Thiện, Bất Thiện, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhāno): Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẬN THIẾT CỦA SINH HỮU (UPPATTIBHAVA)

1. Nghiệp Quả Trạng Thái (Kammaphalakkhaṇaṃ): Có sự tác thành quả báo của Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanarasaṃ): Có việc làm cho sinh khởi, làm phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự tác thành Pháp Vô Ký, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhānaṃ): Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SINH (JĀTI)

1. Tiên Sinh Khởi Hữu Trạng Thái (Tattha tattha bhave paṭhamābhinibbati lakkhaṇā): Có việc sinh khởi lần đầu tiên trong các Hữu ấy, làm thành trạng thái.

2. Truyền Thế Phận Sự (Niyyātanarasā): Có việc hiện hành tương tự như là trao truyền Ngũ Uẩn có sự hạn độ trong từng mỗi Hữu cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, làm thành phận sự.

3. Quá Khứ Truyền Thừa Hiện Tại Thành Tựu (hoặc) Khổ Đau Túc Chướng Thành Tựu (Atītabhavato idha ummujjana paccupaṭṭhānā (vā) Dukkha vicittattāpaccu paṭṭhānā): Có việc quả báo từ nơi Hữu trước sinh khởi trong Hữu này, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí; (hoặc) Có thực tính với quả khổ hiện khởi lên quá vất vả.

4. Lũy Tích Danh Sắc Nhân Cận (Upacitanāmarūpapadaṭṭhānā): Có Danh Sắc sinh khởi lần đầu tiên làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA LÃO MẠI (JARĀ)

1. Khai Thục Uẩn Trạng Thái (Khandhaparipākalakkhaṇā): Có sự già nua của Ngũ Uẩn đang hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, làm thành trạng thái.

2. Thôi Thúc Tử Vong Phận Sự (Maraṇūpanayanarasā): Có việc dắt dẫn cho vào đến sự cận tử, làm thành phận sự.

3. Nguy Hại Thanh Niên Thành Tựu (Yobbanavināsapaccupaṭṭhānā): Có thực tính hủy diệt chạn tuổi thanh xuân, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Sắc Pháp Thành Thục Nhân Cận (Paripaccamānarūpapadaṭṭhānā): Có Sắc Pháp đang chín muồi làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA TỬ VONG (MARAṆA)

1. Tử Vong Trạng Thái (Cutilakkhaṇaṃ): Có việc hiện bày chuyển di lìa khỏi kiếp sống, làm thành trạng thái.

2. Ly Khai Phận Sự (Viyogarasaṃ): Có việc cách ly xa lìa với vật hữu mạng và phi sinh mạng đã từng có hội kiến với nhau ở trong kiếp sống này, làm thành phận sự.

3. Bất Tại Thế Thành Tựu (Gativippavāsapaccupaṭṭhānaṃ): Có việc chuyển di lìa khỏi trú xứ cũ, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Danh Sắc Diệt Vong Nhân Cận (Paribhijjamānanāmarūpapadaṭṭhānaṃ): Có Danh Sắc đang diệt làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA SẦU MUỘN (SOKA)

1. Sầu Hoài Trạng Thái (Antonijjhānalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt ở nội tâm, hoặc có sự buồn bã, nóng nẩy ở trong lòng, làm thành trạng thái.

2. Sầu Khổ Phận Sự (Cetoparanijjhāyanaraso): Đã làm cho Tâm thường luôn nóng nẩy khổ sở, làm thành phận sự.

3. Sầu Trường Thành Tựu (Anusocanapaccupaṭṭhāno): Thường luôn có sự sầu muộn đi theo sự điêu tàn mà mình đã tiếp xúc, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Sân Khởi Sinh Nhân Cận (Dosacittuppādapadaṭṭhāno): Có Tâm Sân khởi sinh làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA BI AI (PARIDEVA)

1. Bi Đề Trạng Thái (Lālappanalakkhaṇo): Có việc rên rĩ khóc than, làm thành trạng thái.

2. Phước Tội Bi Hoài Phận Sự (Guṇadosaparikittanaraso): Có việc khóc lóc đến những Ân Đức và Tội Lỗi, làm thành phận sự.

3. Hỗn Loạn Thành Tựu (Sambhamapaccupaṭṭhāno): Có Tâm rối loạn bất an, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Đại Hiển Nương Sinh Tâm Sân Nhân Cận (Dosacittajamahābhūtapadaṭṭhāno): Có Sắc Đại Hiển sinh từ nơi Tâm Sân làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA KHỔ ĐAU (DUKKHA)

1. Áp Bức Thân Trạng Thái (Kāyapīḷanalakkhaṇaṃ): Có việc hành hạ bức hại sắc thân, làm thành trạng thái.

2. Thiểu Trí Phát Sân Phận Sự (Duppaññānaṃ domanassakaraṇarasaṃ): Làm Nhân cho phát sinh sự sân hận, sự khổ tâm buồn phiền, khởi sinh lên đối với người thiểu trí, làm thành phận sự.

3. Thân Bệnh Hoạn Thành Tựu (Kāyikābādhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự ốm đau bệnh hoạn về Thân, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Thân Thanh Triệt Nhân Cận (Kāyapasādapadaṭṭhānaṃ): Có Thân Thanh Triệt làm Nhân cận lân.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA ƯU THỌ (DOMANASSA)

1. Áp Bức Tâm Trạng Thái (Cittapīḷanalakkhaṇaṃ): Có việc hành hạ bức hại tâm thức, làm thành trạng thái.

2. Tàn Sát Tâm Phận Sự (Manovighātarasaṃ): Có việc thi dĩ khốc hình tâm thức, làm thành phận sự.

3. Bất An Tâm Thành Tựu (Mānasabbādhipaccupaṭṭhānaṃ): Có sự bất an ở trong lòng, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhānaṃ): Có Sắc Tâm Cơ là Nhân cận.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, SỰ THÀNH TỰU VÀ NHÂN CẦN THIẾT CỦA NÃO HẠI (UPĀYĀSA)

1. Thiêu Hủy Tâm Trạng Thái (Cittaparidayhanalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt tâm thức một cách nặng nề, làm thành trạng thái.

2. Di Thất Tâm Phận Sự (Nitthunanaraso): Có việc ruồng rẫy tâm thức, làm thành phận sự.

3. Đoản Khuyết Thành Tựu (Visādapaccupaṭṭhāno): Thân và Tâm hụt hẫng năng lực, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhāno): Có Sắc Tâm Cơ là Nhân cận.

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM
VẤN VÀ ĐÁP TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

(Câu hỏi có văn tự **A.** ở phía trước là câu hỏi dành cho Bậc Giáo Thọ; còn câu hỏi không có văn tự **A.** ở phía trước là câu hỏi dành cho tất cả mọi người.)

1. Hỏi: Hãy vẽ họa đồ trình bày đến việc phân tích Pháp Liên Quan Tương Sinh thể theo Chi Pháp và Thời Kỳ, v.v.

2. Hỏi: Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tam Thời Kỳ, Thập Nhị Chi Phần, 20 Hành Tướng, Tam Liên Kết, Tứ Tóm Lược, Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên, và Nhị Luân Xa.

3. Hỏi: Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tiền Hữu Luân.

4. Hỏi: Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Hậu Hữu Luân.

5. Hỏi: Tại làm sao Chương thứ Tám này được gọi tên **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ,** và cho trình bày Nhân Quả trong sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày đến các Pháp Chế Định để chung trong Chương này; luôn cả xin dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyện của **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** có **Yesaṃ saṅkhata dhammānaṃ** v.v.

5. Đáp: Chương thứ Tám đã được gọi tên **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (Paccaya saṅgahavibhāgo)** đấy, là cũng do **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên thể theo từ ở Phương Pháp **Liên Quan Tương Sinh (Paṭiccasamuppāda)** và từ ở Phương Pháp **Phát Thú (Paṭṭhāna)** hiện hữu trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ.** Lại nữa, tất cả Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày trong Liên Quan Tương Sinh đấy, đều toàn **Pháp Siêu Lý (Paramattha)** và chẳng có **Pháp Chế Định (Paññatti)** nào pha trộn lẫn vào được. Còn Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày trong Phát Thú đấy thì có cả Siêu Lý và Chế Định.

Với lý do này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày các Pháp Chế Định và đã đặt để trong phần cuối cùng của Chương thứ Tám này.

Dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyện của **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** ấy là:

Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ **Ye dhammāpaccayā yathā**
Taṃ vibhāgami hedāni **Pavakkhāmi yathārahaṃ**

"Nay, Bần Đạo sẽ giảng một cách tỷ mỷ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác trong Thế Giới Hữu Vi".

6. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa từ ngữ nói rằng **Paccaya (Năng Duyên)** với **Paccayup panna (Sở Duyên);** và Pháp làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên bao gồm những Pháp chi ?

6. Đáp: Từ ngữ **Paccaya** hoặc Năng Duyên, có được ý nghĩa làm thành tác nhân của quả báo liên quan với các tác nhân đấy. Từ ngữ **Paccayuppanna** hoặc Sở Duyên, có được ý nghĩa làm thành quả báo sinh khởi bởi do nương vào các Pháp làm thành tác nhân đấy. Tóm lại, **Năng Duyên** tức là **Pháp làm thành Nhân,** và **Sở Duyên** tức là **Pháp làm thành Quả.**

Có hai thể loại Pháp, ấy là Pháp Níp Bàn với Pháp Chế Định, làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên.

7. Hỏi: Hãy giải thích trong Kệ Ngôn Thệ Nguyện một cách tỷ mỷ chi tiết.

7. Đáp: Trong kệ ngôn chỗ nói rằng **Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ** v.v. cho đến **pavakkhāmi yathārahaṃ, Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày sự việc nói ra lời mở đầu, luôn cả có việc thệ nguyện hoàn thành với lời thệ nguyện của Ngài, ấy là: "Bây giờ, Bần Đạo sẽ trình bày đến việc phân tích Pháp làm thành **Năng Duyên (Paccaya)** giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại **Pháp Sở Duyên (Paccayuppanna)** nào, tức là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có **mãnh lực từ Nhân (Hetusatti),** và **mãnh lực từ Cảnh (Ārammaṇasatti)** v.v. thuận theo điều kiện thích hợp trong **Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccayasaṅgaha),** như tiếp theo đây."

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã trình bày Pháp Sở Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ** có ý nghĩa "Pháp làm thành Sở Duyên thiết yếu một cách đơn nhất phải là Pháp Hữu Vi", và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã không có trình bày nói rằng **Yesaṃ dhammānaṃ,** vả lại Ngài

đã không có trình bày từ ngữ **dhammānaṃ.** Một cách đặc biệt, bằng cách đã dùng lấy từ ngữ **Saṅkhata** cho kết hợp vào; và Pháp Hữu Vi ấy bao gồm có Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã bị tạo tác bởi các tác nhân, như có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực, và Cảnh.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya đã trình bày Pháp Năng Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **Ye dhammā** có ý nghĩa "Pháp làm thành Năng Duyên thường bao gồm hết tất cả Pháp Hữu Vi, Pháp Vô Vi, và Pháp Chế Định bất hạn định", và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài đã mặc nhiên trình bày nói rằng **Ye dhammā** và không có từ ngữ nào khác vào kết hợp ở nơi ấy vậy. **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày đến **Mãnh Lực Duyên (Paccayasatti),** tức là các mãnh lực đặc biệt trong việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của 24 Duyên, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti), Mãnh Lực Cảnh (Āram maṇasatti)** v.v. bằng cách sử dụng từ ngữ **Yathā** mà đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng **Yena ākārena = Yathā** có ý nghĩa "với những hành trạng khác biệt nhau, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti)** v.v."

8. Hỏi: Tổng Hợp Duyên Hệ đây có được mấy Phương Pháp, là những Phương Pháp chi ? Và hãy trình bày đến sự khác biệt giữa các Phương Pháp ấy (không cần phải nêu câu Chú Giải).

8. Đáp: Kể từ phần **Pāḷi** chỗ nói rằng **Paṭiccasamuppādanayo, paṭṭhānanayo ceti paccayasaṅgaho duvidho veditabbo** - "Sự hữu quan trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai phương pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú"; là việc trình bày cho được biết rằng trong Tổng Hợp Duyên Hệ đây hiện hữu hai Phương Pháp hiệp trợ, đó là một Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và một Phương Pháp Phát Thú.

Kể từ phần **Pāḷi** chỗ nói rằng **Tattha tabbhāvabhāvibhāvākāramatto palakkhi to paṭiccasamuppādanayo. Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhitimārabbha pavuccati** - "Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật **"Cái này sinh khởi do bởi duyên vào cái kia".** Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau"; là việc trình bày cho được biết đến sự khác biệt nhau giữa cả hai Phương Pháp, và đó chính là **việc trình bày đến Nhân Quả.**

+ Thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh chỉ duy nhất trình bày cho được biết rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày trong Thế Gian này đều là quả báo nương sinh từ nơi Pháp làm thành Tác Nhân hết cả thảy, để rồi sẽ tự sinh khởi lên. Hoặc chẳng có Đấng Tạo Hóa nào và do chẳng có nương vào Pháp làm thành Tác Nhân để làm cho sinh khởi lên được. Có nghĩa một khi đã hội đủ Nhân Duyên rồi thì quả báo ắt hẳn hiện khởi là theo lẽ thường nhiên. Tuy nhiên đã không có trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của **Nhân (Hetu)** cũng có, của **Cảnh (Ārammaṇa)** cũng có, của **Trưởng (Ādhipati)** cũng có v.v.

+ Còn việc trình bày Nhân Quả thể theo Phương Pháp từ nơi Phát Thú, thì đó là việc trình bày cho được biết rằng tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày trong thế gian này, đều là Nhân Quả liên quan với nhau một cách thích hợp. Chẳng thể nào có việc hiện khởi lên mà không có liên quan với Nhân Quả được; luôn cả có việc trình bày đến mãnh

lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của **Nhân (Hetu)** cũng có, của **Cảnh (Ārammaṇa)** cũng có, của **Trưởng (Ādhipati)** cũng có v.v.

9. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải những từ ngữ tiếp theo đây: **Paṭiccasamuppādo, Paṭṭhānaṃ, Nayo, Paṭiccasamuppādanayo, Paṭṭhānanayo.**

9. Đáp: + Paṭiccasamuppādo có câu Chú Giải trình bày: **Paccaya sāmaggī paṭicca samaṃ saha ca paccayuppannadhamme uppādetīti = Paṭiccasamuppādo** - Bất luận từ ở nhóm Pháp Nhân nào, có Vô Minh v.v. cho đến Sinh, thường làm cho Pháp Quả có Hành v.v. cho đến Não Hại liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào sự nhất tề từ nơi Duyên hữu quan với các Pháp Nhân ấy; chính vì thế nhóm Pháp Nhân ấy mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh.**

Một trường hợp khác nữa: **Paṭicca samaṃ saha ca upajjati etasmāti = Paṭiccasamuppādo** - Pháp Quả có Hành v.v. một khi đã được nương vào việc cùng nhau tựu hội từ nơi Duyên rồi, và thường liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên do nương vào các Pháp Nhân có Vô Minh v.v. chính vì thế những thể loại Pháp Nhân có Vô Minh v.v. mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh;** là Vô Minh v.v. cho đến Sinh.

+ Nayo có câu Chú Giải trình bày: **Nīyati ñāyatīti = Nayo** - Việc trình bày cần phải hiểu biết do bởi tất cả các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita);** chính vì thế mới được gọi tên Phương Pháp.

+ Paṭiccasamuppādanayo có câu Chú Giải trình bày: **Paṭiccasamuppāde desito nayo = Paṭiccasamuppādanayo** - Phương Pháp Đức Phật lập ý khải thuyết trong Liên Quan Tương Sinh, được gọi tên là **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.**

+ Paṭṭhāna có câu Chú Giải trình bày: **Nānappakārāni ṭhānāni paccayā etathāti = Paṭṭhānaṃ** - Tất cả các Duyên làm thành tác nhân có mãnh lực bởi những thể loại khác nhau, như có mãnh lực Nhân, mãnh lực Cảnh v.v. hiện hữu trong kinh điển này; chính vì thế quyển kinh điển này mới được gọi tên **Phát Thú.** Là quyển kinh điển trình bày đến 24 Duyên.

+ Paṭṭhānanayo có câu Chú Giải trình bày: **Paṭṭhāne desito nayo = Paṭṭhānanayo** - Phương Pháp Đức Phật lập ý khải thuyết trong Phát Thú, được gọi tên Phương Pháp Phát Thú.

10. Hỏi: Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và xin hãy trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả.

10. Đáp: Danh Sắc hiện hành bởi theo Liên Quan Tương Sinh, một khi phân tích Pháp làm thành Nhân, làm thành Quả thì được gọi tên như vầy: 1/. Pháp làm thành Nhân, tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh là nơi cuối cùng; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên **Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh.** 2/. Pháp làm thành Quả, tức là Hành v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong là nơi cuối cùng; khi kết hợp những 10 thể loại này lại thì gọi tên **Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh.**

Trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả có được như vầy: **Paccayaṃ paṭiccasamuppajjatīti = Paṭiccasamuppādo** - Pháp nào thường sinh khởi bởi do Năng Duyên, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên **Liên Quan Tương Sinh.** Là Pháp làm thành Quả có Hành v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong.

Một trường hợp khác nữa: **Samuppajja naṃ = Samuppādo** - Việc sinh khởi một cách tốt đẹp, là việc sinh khởi theo thứ tự lớp lang; gọi tên là **Tương Sinh.**

Yathāsakaṃ paccayaṃ paṭicca tena avinābhāvī hutvā samuppādo = Paṭicca samuppādo - Việc sinh khởi theo thứ tự lớp lang của Pháp nương vào các Năng Duyên của mình, và không có xa lìa khỏi các Năng Duyên của mình, mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh.** Là Pháp làm thành Quả có Hành v.v.

11. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong phần **Pāḷi** thuộc Liên Quan Tương Sinh kể từ **Avijjā paccayā saṅkhārā** v.v. cho đến **samudayo hotīti.**

11. Đáp: Đoạn văn **Pāḷi** thuộc Liên Quan Tương Sinh có như sau: **Tattha avijjā paccayā saṅkhārā. Saṅkhāra paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā nāmarūpam. Nāma rūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hotī ti** - "Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên Hành. Hành làm duyên Thức. Thức làm duyên Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên Xúc. Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục. Ái Dục làm duyên Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên Hữu. Hữu làm duyên Sinh. Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn".

+ Trong cả hai Phương Pháp đấy, sự hiện hành của Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh** có được như vầy:

1/. Cả ba gồm **Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra), Phi Phúc Hành (Apuññābhisaṅ khāra), Bất Động Hành (Aneñjābhisaṅkhāra)** đây, hiện khởi lên do nương vào Vô Minh, là sự bất liễu tri trong Tứ Đế, sự bất liễu tri trong **Quá Khứ (Pubbanta),** sự bất liễu tri trong **Vị Lai (Aparanta),** sự bất tri trong **Quá Khứ và Vị Lai (Pubbantāparanta),** sự bất liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh; kết hợp cả 8 điều làm thành Nhân.

2/. Thức (Viññāṇa) là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện khởi lên do nương vào Tam Hành làm thành Nhân.

3/. Danh Sắc (Nāmarūpa) là Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi lên do nương vào Thức đó là **Thức Thiện Nghiệp Lực (Kusala kammaviññāṇa), Thức Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakammaviññaṇa)** trong các kiếp sống trước trước và Thức Dị Thục Quả trong kiếp sống này làm thành Nhân.

4/. Lục Xứ (Saḷāyatana) là **Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhatikāyatana)** có Nhãn Xứ v.v. hiện khởi lên do nương vào Danh Sắc làm thành Nhân.

5/. Lục Xúc (Phassa) là có **Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa)** v.v. hiện khởi lên do nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm thành Nhân.

6/. Lục Thọ (Vedanā) tức là **Nhãn Xúc Thọ (Cakkhusamphassajāvedanā)** v.v. hiện khởi lên do nương vào Lục Xúc làm thành Nhân.

7/. Lục Ái Dục (Taṇhā) hoặc 108 Ái Dục là tính theo toàn bộ, có **Sắc Ái Dục (Rūpa taṇhā)** v.v. hiện khởi lên do nương vào Lục Thọ làm thành Nhân.

8/. Lục Chấp Thủ (Upādāna) có **Dục Thủ (Kāmupādāna)** v.v. hiện khởi lên do nương vào Lục hoặc 108 Ái Dục làm thành Nhân.

9/. Hữu (Bhava) là cả hai **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** và **Sinh Hữu (Uppatti bhava)** hiện khởi lên do nương vào Tứ Chấp Thủ làm thành Nhân.

10/. Sinh (Jāti) là sự sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực hiện khởi lên do nương vào Nghiệp Hữu làm thành Nhân.

11/. Lão Mại (Jarā), Tử Vong (Maraṇa) và **Sầu Muộn (Soka), Bi Ai (Parideva), Khổ Đau (Dukkha), Ưu Thọ (Domanassa), Não Hại (Upāyāsa);** cả bảy điều này hiện khởi lên do nương vào Sinh làm thành Nhân.

Như vậy sự sinh khởi toàn bộ tất cả các Khổ Uẩn đây, là do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

A. 12. Hỏi: Hãy giảng giải đến sự lợi ích được đón nhận từ việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả qua Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú.

12. Đáp: Lợi ích được đón nhận từ việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả qua Phương Pháp **Liên Quan Tương Sinh** và **Phát Thú,** đó là:

Trong sự việc Đức Phật lập ý trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình, và sự hiện hành của tất cả các sự vật phi sinh mạng đã hiện khởi lên trong Thế Gian này, là cũng do nương vào Nhân Quả hữu quan với nhau qua Phương Pháp từ ở Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú đấy; là cũng nhằm để kỳ vọng cho tất cả Chúng Hữu Tình có được sự liễu tri, sự hiểu biết trong Nhân Quả, trong sự hiện hữu của tự bản thân mình, chỉ là Danh Sắc chỗ giả định rằng là Ta, là Người đang hiện bày đây; vả lại cũng chẳng có một Đấng Tạo Hóa nào đã kiến tạo lên; chỉ có Nhân với Quả liên quan với nhau thể theo thực tính thôi; và chẳng có Tự Ngã, là Ta, là Người, bất luận trường hợp nào cả. Sự liễu tri, sự hiểu biết trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như vậy, đã là điều quan trọng để sẽ dắt dẫn Bậc Trí Giả ấy được vượt thoát ra khỏi tất cả các Vòng Luân Hồi Khổ Đau, vì lẽ có khả năng đoạn lìa được **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** và **Hoài Nghi (Vicikicchā)** với luôn cả **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** và **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi);** vả lại **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi), Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi), Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi)** cũng được diệt mất vừa theo thích hợp đối với sự liễu tri của mình. Đề cập đến sự liễu tri sinh khởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, việc lắng nghe, mà đã được gọi **Tuệ Văn Như Nguyện Dĩ Thường (Sutamayapaññā)** thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi v.v. với việc **Nhất Thời Phóng Khí (Tadaṅgapahāna – Tương Phản Phóng Khí),** tức là nhất thời đoạn lìa trong từng mỗi sát na. Sự liễu tri sinh khởi do nương vào việc tư duy, quan sát và

nghiên cứu tìm tòi Nhân Quả với tự bản thân, chỗ được gọi **Tuệ Tư Như Nguyện Dĩ Thường (Cintāmayapaññā)** thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi v.v. với việc **Giải Trừ Phóng Khí (Vikkambhanapahāna – Áp Ức Phóng Khí),** tức là chế áp kiềm hãm trong những thời gian lâu dài. Và sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc thực hành **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** thuận tùng theo Tuệ Văn hoặc Tuệ Tư, chỗ được gọi **Tuệ Tu Như Nguyện Dĩ Thường (Bhāvanāmayapaññā)** thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi v.v. với việc **Trừ Diệt Phóng Khí (Samucchedapahāna),** tức là đoạn lìa được một cách kiên định.

Nếu sẽ trình bày tỷ dụ đối chiếu sự liễu tri trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như đã vừa đề cập đến, thì **Tuệ Văn** cũng chính là Trí Tuệ của Bậc có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, hoặc việc lắng nghe. **Tuệ Tư** một khi theo đạo lộ Hiệp Thế thì chính là Trí Tuệ của Bậc tư duy tìm tòi, kiến tạo lên những của cải vật chất; chẳng hạn như chế tạo ra máy bay, radio điện thoại v.v. Một khi theo đạo lộ Giáo Pháp thì đó chính là Trí Tuệ Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác. **Tuệ Tu** sinh khởi do nương vào **Tuệ Văn** thì đó chính là Trí Tuệ của tất cả Bậc Vô Sinh Thinh Văn Giác. **Tuệ Tu** sinh khởi do nương vào **Tuệ Tư** thì đó chính là Trí Tuệ Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Độc Giác.

Sự liễu tri, sự hiểu biết trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả làm thành Tuệ Văn, Tuệ Tư và Tuệ Tu. Cả ba thể loại này, nếu như liệt kê vào trong **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa)** thì thường có được hai thể loại, đó là: **Tuệ Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpapariccheda ñāṇa)** và **Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh (Paccayapariggahañāṇa).** Và nếu như liệt kê vào trong **Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)** thì cũng có được hai Thanh Tịnh, đó là: **Kiến Thanh Tịnh (Diṭṭhivisuddhi)** và **Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi).**

Bậc đã có được sự hiểu biết thuần tịnh trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú thì thường được chứng đạt đến một cách trực tiếp tầng Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh ấy là Đoạn Nghi Thanh Tịnh. Đối với việc chứng đạt đến Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh, là cũng vì Bậc đã được liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú ấy rồi, thì thiết yếu phải được liễu tri một cách rõ ràng trong vấn đề Danh Sắc ấy vậy. Với lý do này, Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh mới được liệt kê một cách hoàn hảo.

Theo như vừa đề cập đến đây, trình bày cho được thấy rằng Bậc đã tu tập cho đến thành tựu viên mãn Bậc Thánh Nhân và đã vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ Đau, thì sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của Danh Sắc theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh hoặc Phát Thú do bởi **Tu Tập Như Nguyện Dĩ Thường (Bhāvanāmayapaññā)** ắt hẳn là không có vậy. Tuy nhiên Bậc đã có được sự liễu tri cả hai Phương Pháp ấy quả thật duy nhất chỉ có Bậc Chánh Đẳng Giác, và ngoài Bậc Chánh Đẳng Giác ra, còn tất cả các Bậc Thánh Nhân được tính kể từ Bậc Thất Lai trở đi cho đến Bậc Độc Giác thì thường duy nhất chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc do bởi **Tu Tập Như Nguyện Dĩ Thường** theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh thôi. Có nghĩa một khi hành giả tu tập và đã chứng đạt đến Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh v.v. cho đến **Thuận Tùng Trí (Anulomañāṇa)** thì thường có được liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc làm thành Nhân làm thành Quả hữu quan với nhau thể theo Liên

Quan Tương Sinh hết cả thảy. Tuy nhiên sự liễu tri ở khoảng giữa và có khả năng trình bày cho tha nhân được lắng nghe một cách tỷ mỷ vi tế thì thiết yếu cần phải nương vào nền tảng **Pháp Học (Pariyattidhamma).** Nếu như đã khiếm khuyết nền tảng Pháp Học rồi, thì cho dù là Bậc Độc Giác đi nữa cũng không có khả năng trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Phương Pháp từ nơi Liên Quan Tương Sinh một cách tỷ mỷ vi tế được.

13. Hỏi: Vô Minh một khi chiết tự ra có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Hãy nói ý nghĩa những từ ngữ ấy, và cho trình bày câu Chú Giải từ ngữ nói rằng Avijjā (Vô Minh), Vijjā (Minh); đối với Vô Minh thì chỉ trình bày hai câu thôi.

13. Đáp: Khi chiết tự từ ngữ **Avijjā (Vô Minh)** này ra có được hai từ ngữ, đó là: **A + Vijjā.** A dịch nghĩa "Vô, không" hoặc "đối nghịch lại". **Vijjā** dịch nghĩa "Minh, liễu tri" hoặc **Trí Tuệ (Paññā).** Khi kết hợp vào nhau thì dịch nghĩa "Vô Minh, bất liễu tri", hoặc Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; tức là Tâm Sở Si.

Như có câu Chú Giải trình bày là: **Catusaccadhammaṃ vidati pākaṭaṃ karotīti = Vijjā** - Pháp chủng nào làm thành Bậc liễu minh được Tứ Thánh Đế, và thành Bậc đã làm cho Tứ Thánh Đế được hiện khởi lên; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Minh.** Tức là Tâm Sở Trí Tuệ.

+ Vô Minh có câu Chú Giải nói rằng: (1) **Vijjā paṭipakkhāti = Avijjā** - Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

Hoặc là: (2) **Avindiyaṃ vindatīti = Avijjā** - Pháp chủng thường có được Ác Hạnh Pháp ở nơi không đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Vô Minh.**

14. Hỏi: Việc bất liễu tri thể theo Chân Lý của Vô Minh đấy, thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở.

14. Đáp: Việc bất liễu tri thể theo Chân Lý của **Vô Minh** đây hiện hữu trong tám điều, đó là: **1/. Dukkhe aññāṇaṃ (Bất Tri Khổ Đế):** Bất liễu tri trong Khổ Đau. **2/. Dukkha samudaye aññāṇaṃ (Bất Tri Tập Đế):** Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau. **3/. Dukkhanirodhe aññāṇaṃ (Bất Tri Diệt Đế):** Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ nơi Khổ Đau. **4/. Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya aññāṇaṃ (Bất Tri Đạo Đế):** Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau. **5/. Pubbante aññāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới ở Thời Kỳ Quá Khứ. **6/. Aparante aññāṇaṃ (Bất Tri Vị Lai):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Vị Lai. **7/. Pubbantāparante aññāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ Vị Lai):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai. **8/. Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu aññāṇaṃ (Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh):** Bất liễu tri trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Và sẽ nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở; đó là điều **Bất Tri Quá Khứ (Pubbante aññāṇaṃ):** Bất liễu tri trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, có nghĩa: Câu nói rằng "Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ" đấy, là nói theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện.** Một khi nói theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** đích thị chính là tất cả Chúng Hữu Tình đã

từng Sinh và Tử ấy vậy. Bởi do thế, trong điều nói rằng **Pubbante añāṇaṃ** đây, cũng lập ý đến "bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng tái sinh thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên cũng có, hoặc Phạm Thiên cũng có, hoặc Hữu Tình Khổ Thú cũng có; thế nhưng đối với trong kiếp sống kế tiếp thì nhận biết rằng sẽ còn phải tái sinh lại nữa." Chẳng hạn như có người có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Thượng Đế là Đấng Tạo Hóa đã sáng tạo ra; chính vì thế một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung rồi, sẽ phải đi tái sinh theo mệnh lệnh của Đấng Thượng Đế lại thêm lần nữa.

15. Hỏi: Hãy trình bày đến sự hiện hành của người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tái sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh ở trong kiếp sống kế sau.

15. Đáp: Sự bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai **(Bất Tri Quá Khứ Vị Lai - Pubbantāparante añāṇaṃ),** ấy chính là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú đã từng có tái sinh trong Thời Kỳ Quá Khứ và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh trong kiếp sống kế sau. Bởi do thế, trong điều nói rằng **Pubbantāparante añāṇaṃ** đây, cũng lập ý đến "người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tái sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tái sinh trong kiếp sống kế sau". Nhóm người có quan điểm như vậy, thì cũng đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng tương tự như nhau, là do bởi nhóm người này không từng được tiếp thụ việc nghiên cứu học hỏi ở trong Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; vả lại cũng không từng thực hành Minh Sát Nghiệp Xứ, luôn cả cũng vẫn chưa từng hội kiến với Bậc có được Túc Mạng Minh trong việc truy niệm kiếp sống.

16. Hỏi: Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ được dịch nghĩa thế nào ? Cho giải thích ý nghĩa câu này với.

16. Đáp: Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ được dịch nghĩa **Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ)** có nghĩa "bất liễu tri trong Danh Sắc sinh khởi lên do nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh."

Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân v.v. và việc trông thấy, việc được lắng nghe, được ngửi, nếm vị, xúc chạm; với tất cả những thể loại này đều toàn là **Quả** phát sinh từ nơi **Nhân** mà ấy chính là việc tác hành với Thân, Ngữ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện đã làm thành **Nhân cũ** có **Vô Minh, Ái Dục** làm Căn Nguyên. Và do nương vào chỗ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. vả lại cũng có việc tác hành với Thân, Ngữ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện khởi sinh lên lần nữa đã làm thành **Nhân mới** có **Ái Dục, Vô Minh** làm Căn Nguyên; và hơn thế nữa đã làm cho sắc thân cùng với việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. được gọi với nhau rằng "người ấy, người này" làm thành **Quả** lại tiếp tục khởi sinh lên lần nữa. Nhân và Quả như đã vừa đề cập đến tại đây, một khi trình bày theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh, có nghĩa các việc tạo tác làm thành Nhân cũ đấy, tức là Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu; còn tất cả Chúng Hữu Tình và việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. làm thành Quả sinh khởi lên đấy, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ. Việc tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất cả

Chúng Hữu Tình làm thành Nhân mới đấy, tức là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, và Hành; còn tất cả Chúng Hữu Tình với việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. sẽ làm thành Quả sinh khởi nối tiếp đấy, là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ.

Sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi thẩm sát cũng sẽ trình bày cho được thấy rằng chẳng có chi ngoài ra Pháp làm thành Nhân Pháp làm thành Quả cả, và nương tựa lẫn nhau để cùng sinh khởi chỉ ngần ấy thôi. Thế nhưng với hạng **Ngu Muội Phàm Phu (Andhaputhujjana),** là người chẳng có Trí Tuệ để nhìn thấy được điều ấy, và ắt hẳn sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình theo Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập đến tại đây; trái lại hiểu biết với nhau rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện bày hằng mỗi ngày ở trong thế gian này, là đã được sinh khởi cũng do bởi Thượng Đế là Đấng Tạo Hóa đã kiến tạo ra. Một vài nhóm người cũng có sự hiểu biết rằng chẳng có Nhân Quả chi cả, và tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi là cũng do bởi có người Mẹ người Cha mà ra vậy thôi.

Đích thị chính là sự bất liễu tri trong Nhân Quả từ sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh đây, nên đã được gọi tên **Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ).**

17. Hỏi: Cả ba nhóm người bao gồm "người có Vô Minh ở phần đại đa số", "người có Vô Minh ở phần nhiều" và "người có Vô Minh ở phần cuối cùng" đấy, là thuộc những nhóm hạng người nào ? Cho giải thích theo riêng từng mỗi hạng người.

17. Đáp: Vô Minh có thực tính bưng bít, không cho phát sinh lên sự hiểu biết về Chân Lý, đã được chia ra thành nhiều phân loại với nhau như sau:

1. Một vài hạng người bất liễu tri rằng việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; việc tạo tác như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; do mãnh lực từ ở Vô Minh đã bưng bít để không cho được hiểu biết. Bởi do thế, hạng người này mới táo bạo đến mức liều lĩnh tạo tác trong những Ác Hạnh một cách chẳng có ý thức và chẳng nể sợ tàm quý chi cả. Thể loại Vô Minh này thuộc loại **Vô Minh ở phần đại đa số.**

2. Một vài hạng người liễu tri việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do thế hạng người này một khi Bất Thiện khởi sinh lên cũng có khả năng kiềm chế, và không cho xâm lấn đến Thân, Lời; thế rồi chuyển đổi tâm thức và tác hành hành động ấy cho thành Thiện khởi sinh lên. Vô Minh của hạng người này được sắp thành loại **Vô Minh ở phần nhiều.**

3. Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai, Nhất Lai, Bất Lai; và đã được xứng danh là Bậc liễu minh Tứ Thánh Đế; tuy nhiên vẫn chưa tiệt diệt hết cả Vô Minh. Bởi do thế, Vô Minh của những Bậc Thánh Nhân này là **Vô Minh ở phần cuối cùng.**

A. 18. Hỏi: Ngài nói rằng: "Tất cả các Bậc Vô Sinh là Bậc không còn có Vô Minh", một khi đã là như vậy thì Bậc Vô Sinh có phải là Bậc liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không ? Và giả như vẫn chưa có sự toàn tri toàn giác thì sẽ có sự mâu thuẫn hoặc để sẽ nói rằng

"Bậc Vô Sinh đã đoạn lưu khỏi Vô Minh rồi" hay chăng ? Xin cho lời giải thích một cách thấu đáo qua việc thẩm định này.

18. Đáp: Bậc đã tiệt diệt hết cả Vô Minh thì chỉ có duy nhất là Bậc Vô Sinh; bởi do thế việc bưng bít không cho hiểu biết thể theo sự việc thành Chân Lý của Vô Minh đây, chỉ mới không có hiện hữu đối với tất cả Bậc Vô Sinh. Tuy nhiên nếu giả như sẽ vấn hỏi rằng Bậc Vô Sinh một khi đã không còn có Vô Minh thì cũng có khả năng liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không ? Giải đáp rằng "Chẳng phải là như thế !" Việc liễu tri của Bậc Vô Sinh thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Trí Tuệ. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác thì toàn tri diệu giác chẳng có dư sót. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Độc Giác thì chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc ở phần **Nghĩa Vị (Attharasa),** còn đối với sự liễu tri trong thực tính sự hiện hành của Danh Sắc thể theo **Pháp Vị (Dhammarasa)** ở phần **Pháp Học (Pariyatti)** thì không thể hiểu biết được. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác, Đại Thinh Văn, thì thường liễu tri được cả hai Nghĩa Vị và Pháp Vị, tuy nhiên không thể thấu hiểu bằng với Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Tóm lại, cho dù Bậc đã thành tựu viên mãn thành Bậc Vô Sinh và đã đoạn tận Vô Minh đi nữa, thế nhưng nếu nhỡ như không phải là **Bậc Vô Ngại Giải Giả (Paṭisambhidāpatta)** và không có được học hỏi trong Tam Tạng và Chú Giải, thì cũng không thể nào thấu hiểu được trong Pháp Học. Vả lại cho dù sẽ có được thấu hiểu trong Pháp Học một cách tốt đẹp đi nữa, tuy nhiên dứt khoát là cũng không có khả năng để liễu tri đến tính khí của hết tất cả Chúng Hữu Tình Khả Huấn Luyện một cách thấu đáo được; vì lẽ có được việc hiểu biết như vầy, là không thuộc **Phạm Vi (Visaya – Lãnh Vực)** của tất cả Chúng Thinh Văn, mà duy nhất chỉ thuộc phạm vi của Bậc Chánh Đẳng Giác ngần ấy thôi. Và trong sự việc tất cả các Bậc Vô Sinh không thể liễu tri cùng khắp hết cả, cũng chẳng phải là do bởi Vô Minh đã bưng bít không cho được hiểu biết, chẳng là do năng lực Trí Tuệ không được đầy đủ thôi. Chẳng hạn như một người chẳng trông thấy một vật thể ở nơi xa trong thời gian giữa ban ngày. Việc chẳng được trông thấy đây, cũng chẳng phải là do bởi bóng tối bưng bít che khuất lấy, mà trái lại chính là do bởi năng lực của thị lực chẳng được đầy đủ. Điều này như thế nào, thì Bậc Vô Sinh không có khả năng để liễu tri hết tất cả, là cũng do bởi năng lực từ nơi Trí Tuệ không được đầy đủ như đã vừa đề cập đến cũng dường như thế ấy.

Việc bưng bít của Vô Minh ở chỗ bất liễu tri thể theo Chân Lý thì cũng chỉ hiện hữu vỏn vẹn với tám thể loại, đó là: cả Tứ Đế, và Quá Khứ, Vị Lai, Quá Khứ và Vị Lai, Liên Quan Tương Sinh chỉ ngần ấy thôi. Còn việc bất liễu tri trong các câu chuyện khác mà bất hữu quan với Vô Minh, thì như có kiểu mẫu tích truyện điển hình để trình bày cho được thấy như sau: Trưởng Lão **Sāriputta** là Bậc có Trí Tuệ thù thắng hơn tất cả các Bậc Thinh Văn, chỉ ngoại trừ Bậc Chánh Đẳng Giác ra thôi, thì chẳng có một ai có được Trí Tuệ để sánh bằng; thế mà cũng vẫn từng sai trật trong câu chuyện chỉ bảo Nghiệp Xứ cho đối với nhóm Chư Tỳ Khưu môn đồ của Ngài. Sẽ nói đến là Ngài có sự hiểu biết rằng nhóm Chư Tỳ Khưu trẻ này đang ở chạn tuổi thanh xuân, vì thế tâm trí sẽ xiêu ngã hướng theo trong Cảnh Dục Trần. Khi đã là như vậy, Ngài đã chỉ bảo cho thẩm sát **Bất Tịnh Nghiệp Xứ (Asubha kammaṭṭhāna).** Nhóm Chư Tỳ Khưu đã nỗ lực thẩm sát Bất Tịnh Nghiệp Xứ này suốt trọn cả bốn tháng, và

cũng chẳng có gặt hái bất luận một kết quả nào cả, ngay cả điểm trẫm triệu cũng chẳng có hiện bày; chả vì Nghiệp Xứ đây chẳng ăn khớp với tính nết của mình. Trưởng Lão **Sāriputta** mới bèn dắt dẫn đi đến tác bạch với Đức Thế Tôn cho được biết hết mọi sự việc. Đức Thế Tôn mới liền biến hóa ra một đóa hồng liên cho nhóm Chư Tỳ Khưu này thẩm thị, vì lẽ Ngài đã liễu tri trong tính khí của nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã từng có tái sinh làm thợ kim hoàn đến năm trăm kiếp sống; bởi do thế, đóa hồng liên này mới làm thành Nghiệp Xứ vừa thích hợp với tính khí. Ngài đã biến hóa cho từng mỗi cánh hoa đã phải héo dần xuống, mỗi lần một ít và như thế từng tí một, để cho thực tính ở phần Vô Thường có được hiện bày; và chính trong cùng một ngày ấy, thì nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã thành tựu viên mãn thành **Bậc Vô Sinh Lậu Tận (Arahantakhīṇāsava).** Dẫn chứng tích truyện này để làm thành điều trình bày cho được thấy rằng Bậc đã hoàn toàn tiệt diệt Vô Minh đi rồi, thế nhưng không hẳn đã là tường tri và thấu triệt trong tất cả mọi sự việc sự tình, và cũng chẳng phải do Vô Minh bưng bít che khuất lấy, mà đích thị chính do bởi năng lực Trí Tuệ không được tròn đủ, như đã vừa đề cập ở tại đây rồi vậy.

19. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Vô Minh.

19. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Vô Minh,** đó là:

1. Bất Tri Trạng Thái (Aññāṇalakkhaṇā): Có sự bất liễu tri làm thành trạng thái, hoặc làm thành đối nghịch đối với Trí Tuệ.

2. Si Độn Phận Sự (Sammohanarasā): Thường luôn làm cho Pháp phối hợp với mình, và người đang khởi sinh si mê có sự lầm lạc hoặc mê mờ tăm tối, làm thành phận sự.

3. Yểm Cái Thành Tựu (Chādanapaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng bưng bít che khuất thực tính đang hiện hữu trong các Cảnh ấy.

4. Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna): Có ba Lậu Hoặc làm thành Nhân cận lân (loại trừ chính tự mình).

20. Hỏi: Từ ngữ **Saṅkhāra (Hành)** có nghĩa thế nào ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày; và có bao nhiêu Hành làm thành Quả của Vô Minh ? Cho trình bày Chi Pháp của từng mỗi thể loại Hành.

20. Đáp: Từ ngữ **Saṅkhāra (Hành)** có nghĩa Pháp tác hành làm cho Pháp Quả sinh khởi; như có câu Chú Giải trình bày: **Saṅkhataṃ saṅkharoti abhisaṅkharontīti = Saṅkhārā** - Những thể loại Pháp chủng nào thường tác hành một cách trực tiếp **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** cho làm thành quả báo; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chủng ấy là **Hành.** Tức là Tư Tâm Sở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Saṅkhataṃ kāyavacīmanokammaṃ abhisaṅkharonti etehīti = Saṅkhārā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường tác hành Thân Nghiệp Lực, Ngữ Nghiệp Lực, Ý Nghiệp Lực là Pháp Hữu Vi do bởi những Tư Tâm Sở ấy; bởi do thế Tư Tâm

Sở làm thành tác nhân tác hành những thể loại ấy, được gọi tên là Hành." Tức là Tư Tâm Sở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Có 6 thể loại **Hành** làm thành **Quả** của **Vô Minh**, đó là:

1/. Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Thiện; là 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện và 5 Tư Tâm Sở Thiện Hữu Sắc Giới.

2/. Phi Phúc Hành (Apuññābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện.

3/. Bất Động Hành (Āneñjābhisaṅkhāra): Tư Tâm Sở Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Vô Sắc Giới; là 4 Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Giới.

4/. Thân Hành (Kāyasaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan Lộ Thân Môn.

5/. Ngữ Hành (Vacīsaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Ngữ Ác Hạnh và Ngữ Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện hữu quan Lộ Ngữ Môn.

6/. Tâm Hành (Cittasaṅkhāra): Tư Tâm Sở làm người tác hành cho được thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế hữu quan Lộ Ý Môn.

21. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào Tư Tâm Sở hiện hữu trong những Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác đấy không được sắp làm thành Hành, có Phúc Hành v.v. ? Và có hay là không ở phần Tư Tâm Sở Thiện chỗ gọi là Phước Báu nhưng không được sắp thành Phúc Hành hoặc Bất Động Hành ? Nếu giả như có, sẽ là thể loại Tư Tâm Sở nào ? Cho giải thích.

21. Đáp: Tư Tâm Sở hiện hữu trong Tâm Dị Thục Quả nhưng không sắp làm thành Hành, có Phúc Hành v.v. là bởi vì tự bản thân đã là Dị Thục Quả rồi. Tư Tâm Sở hiện hữu trong Tâm Duy Tác cũng không được sắp thành Hành, có Phúc Hành v.v. là bởi vì sinh khởi trong bản tánh Bậc Vô Sinh, và ấy chính là Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế. Đối với Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế, một cách xác thực cũng vẫn được gọi tên là **Puñña (Phước Báu),** tuy nhiên không được gọi là **Puññābhisaṅkhāra (Phúc Hành),** bởi vì không có chức năng để làm cho sinh khởi lên kiếp sống, lên chủng loại là những thành phần thuộc về Vòng Luân Hồi; vả lại đơn nhất chỉ có chức năng hủy diệt các kiếp sống, chủng loại thôi; bởi do thế mới không đem đến trình bày ở trong chỗ này.

22. Hỏi: Hãy phân tích Phúc Hành v.v. bởi theo Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực, Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập và Thập Ác Hạnh ?

22. Đáp: Trong những thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh đấy, thì chỉ riêng với những thể loại Phúc Hành hữu quan Đại Thiện và Phi Phúc Hành đây, đã được thành tựu

với Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực. Còn những thể loại Phúc Hành hữu quan Thiện Hữu Sắc Giới và Bất Động Hành đây, duy nhất chỉ được thành tựu với Ý Hành Nghiệp Lực. **Phúc Hành** được thành tựu với mãnh lực **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā). Phi Phúc Hành** được thành tựu với mãnh lực **Thập Ác Hạnh (Duccarita). Bất Động Hành** được thành tựu với mãnh lực từ **Tu Tập (Bhāvanā).**

23. Hỏi: Hãy trình bày các câu Chú Giải những từ ngữ như tiếp theo đây: **Puññaṃ (Phước Báu), Apuññaṃ (Phi Phước Báu), Aneñjaṃ (Bất Động), Puññābhisaṅkhāraṃ (Phúc Hành), Vacīsaṅkhāraṃ (Ngữ Hành).**

23. Đáp: Trình bày các câu Chú Giải của câu nói rằng **Puññābhisaṅkhāra (Phúc Hành)** v.v. như sau:

+ **Puññaṃ (Phước Báu)** có câu Chú Giải trình bày: **Attano santānaṃ punāti sodhe tīti = Puññaṃ** - Pháp chủng nào thường thanh lọc Uẩn Giới của mình, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Puñña (Phước Báu).**

+ **Apuññaṃ (Phi Phước Báu)** có câu Chú Giải trình bày: **Na puññaṃ = Apuññaṃ** - Pháp chủng nào thành đối nghịch đối với Phước Báu, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Tội Lỗi, **Xấu Ác (Pāpa).**

+ **Aneñjaṃ (Bất Động)** có câu Chú Giải trình bày: **Na añjatīti = Aniñjaṃ, Aniñ jaṃyeva = Āneñjaṃ** - Pháp chủng nào làm thành người kiên trụ bất chuyển động, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Dao Động (Aniñja)**; và đích thị chính Pháp chủng bất chuyển động ấy được gọi tên là **Bất Động (Āneñja).**

+ **Puññābhisaṅkhāraṃ (Phúc Hành)** có câu Chú Giải trình bày: **Puññañca taṃ abhisaṅkhāro cāti = Puññābhisaṅkhāro** - Pháp chủng nào vừa làm Phước Báu, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phúc Hành.**

Apuñ ñañca taṃ abhisaṅkhāro cāti = Apuññābhisaṅkhāro - Pháp chủng nào vừa làm tội lỗi, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phi Phúc Hành.**

+ **Vacīsaṅkhāraṃ (Ngữ Hành)** có câu Chú Giải trình bày: **Vācaṃ saṅkhārotīti = Vacīsaṅkhāro** - Pháp chủng nào làm người tác hành từ nơi Lời, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Ngữ Hành.**

A. 24. Hỏi: Hãy giảng giải đến Phúc Hành, Phi Phúc Hành, và Bất Động Hành hiện khởi do nương vào Vô Minh làm Nhân.

24. Đáp: + Phúc Hành hiện khởi do nương vào Vô Minh làm Nhân, đó là:

Người đã có sự sùng tín duyệt ý trong những việc Tác Phúc, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh và

lanh lợi; hoặc được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khốn khổ trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ ở việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thảy. Khi đã là như vậy, thì người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chỉ tu tập Minh Sát Tuệ cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khấn nguyện rằng **Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu - Do Quả Phước Báu này xin làm duyên đến Níp Bàn,** thế mà, lời khấn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói thôi; còn tâm thức lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi người ấy không có trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập; và không trông thấy ân đức của Diệt – Đạo. Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đấy, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiền Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; vả lại cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ nơi Vô Minh.

+ Phi Phúc Hành hiện khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân, đó là:

Một vài người chẳng có tin rằng tác hành Thiện Sự là Phước Báu, và tạo tác điều xấu ác là Tội Lỗi; bởi do thế nhóm người này mới có sự duyệt ý trong việc tạo tác những Ác Hạnh, có việc sát tử Hữu Tình, trộm cắp tài sản, lường gạt, ẩm tửu v.v. Hoặc một vài người cũng hiểu biết được rằng tạo tác các việc xấu ác ấy là bất thiện, là tội lỗi; thế nhưng bản thân cũng vẫn không từ bỏ; bởi do thế nhóm người này cũng có duyệt ý trong việc tạo tác những Ác Hạnh tương tự như nhau. Hoặc một vài người chấp thủ tà thuyết với những tín điều ở Thượng Đế, hiểu biết rằng nếu như sát tử Hữu tình rồi lấy đem cúng dường đến Thượng Đế hoặc Quỷ Thần như vậy rồi thì Thượng Đế hoặc Quỷ Thần sẽ ban phát cho thành tựu thể theo sự nguyện vọng của mình, và sẽ phù hộ cho luôn được mát lành trong sự an lạc suốt trọn cả cuộc đời; vả lại một khi đã mệnh chung lìa khỏi thế gian này đi rồi, thì Thượng Đế hoặc Quỷ Thần ấy sẽ sắp xếp nâng đỡ cho Thức của mình được đi đến Cõi Thiên Đàng; bởi do thế, nhóm người này mới sát tử Chúng Hữu Tình để lấy đem đi cúng dường điều mình đã thủ tín.

Việc tạo tác những Ác Hạnh của những hạng người như đã vừa đề cập đến đây, là cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập và chẳng có tư duy đến ân đức của Diệt – Đạo, và cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** bưng bít che khuất lấy; bởi do thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phi Phúc Hành** làm **Quả** từ nơi Vô Minh.

+ Bất Động Hành hiện khởi do nương vào Vô Minh làm Nhân, đó là:

Một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng sự khổ đau với biết bao sự thống khổ mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải thụ lãnh ấy, chính là thường hữu quan từ nơi Sắc Pháp làm thành Tác Nhân; vì lẽ một khi đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi thì sẽ phải có việc mong muốn được trông thấy, mong muốn được lắng nghe, mong muốn được ngửi, mong muốn được biết vị, mong muốn được đụng chạm. Những thể loại này mà nếu nhỡ như không hiện hành thể theo sở nguyện vọng, thì ắt hẳn sẽ phát sinh lên sự khốn khổ ưu não, hoặc sẽ có những sự ốm đau với bao điều bất an; và đích thị là cũng chính do bởi dựa vào có sắc thân ấy vậy. Nếu giả như không có sắc thân này đi rồi, thì bao sự thống khổ ấy cũng không nào có được, và duy nhất là chỉ có sự an lạc mà thôi. Chính vì lẽ ấy, nhóm người này mới nỗ lực tầm cầu đạo lộ để sẽ làm cho Sắc Pháp không còn khởi sinh lên; bằng với sự nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho được chứng đắc theo tuần tự các tầng Thiền Định chí đến cả các tầng Thiền Vô Sắc Giới vậy.

Hoặc Bậc đã chứng đắc Thiền Hữu Sắc Giới rồi, và tất cả nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới có quan điểm rằng Thiền Hữu Sắc Giới mà mình đã có đây, một khi đem so sánh với Thiền Vô Sắc Giới vẫn không có sự tinh lương bằng, vì lẽ vẫn còn đang dao động do bởi mãnh lực từ nơi Chi Thiền và Cảnh. Còn đối với Thiền Vô Sắc Giới ấy, rằng khi tính theo Chi Thiền thì chỉ có **Chi Xả (Upekkhā)** với **Nhất Thống (Ekaggatā)** mà ấy chính là thực tính kiên trụ bất dao động; rằng tính theo Cảnh thì cũng có nhiều sự vi tế tinh lương hơn Cảnh của Thiền Hữu Sắc Giới; bởi do thế Bậc đã được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới mới có nhiều sự an lạc, và một khi đã mệnh chung lìa khỏi thế gian này rồi, cũng được thọ sinh thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, chỉ có Danh Pháp và thoát khỏi tất cả mọi khổ đau. Thế là, các Ngài ấy mới nỗ lực thực hành tầng Thiền Định nối tiếp cho đến được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới. Nhóm người có quan điểm như đã vừa đề cập đến tại đây, là cũng bởi vẫn có sự si mê bưng bít không cho thấy trong Tứ Thánh Đế; có nghĩa là cho dù tất cả nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới sẽ không có Khổ Thân – Khổ Tâm, vì lẽ xung quanh chẳng có điều chi để sẽ làm cho phát sinh các sự khốn khổ ưu não đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không trốn thoát khỏi sự tử vong, mà đấy chính là một thể loại **Tử Khổ (Maraṇadukkha).** Một trường hợp khác nữa, một khi mãnh lực từ Thiền Vô Sắc Giới đã hoại diệt đi, thế thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, sẽ phải bị tiếp xúc với biết bao sự vất vả khốn khổ hiện hữu trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới. Vả lại, khi đã mệnh chung lìa khỏi thế gian này rồi, cũng có thể sẽ phải đi tái sinh trong Cõi Khổ Thú, và cũng phải bị tiếp xúc **Khổ Cự Đại (Mahādukkha).** Sự việc không thấy tác nghiệt của Thiền Vô Sắc Giới, và đích thị chính việc làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới đây mới được gọi **Bất Tri Khổ Đế (Dukkhe aññāṇaṃ).**

Trong sự việc có sự hân hoan duyệt ý mong muốn có được Thiền Vô Sắc Giới, mong muốn thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, là cũng với mãnh lực từ nơi **Ái Dục (Taṇhā)** làm thành cái nguyên nhân đầu tiên cho sinh khởi sự khổ đau. Tuy nhiên người ấy cũng không thấy tác nghiệt của việc hân hoan duyệt ý trong Thiền Vô Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là **Bất Tri Tập Đế (Dukkhasamudaye aññāṇaṃ).**

Bậc đã thọ sinh thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, và chỉ có sát trừ khổ đau bằng với phương cách **Giải Trừ (Vikkhambhana),** mà chẳng phải **Bính Tuyệt (Samuccheda);** bởi do thế sự an lạc của nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới đang thụ lãnh ấy mới chẳng phải là sự an lạc một cách xác thực; mà đó chỉ là sự an lạc hữu quan **Hành Khổ (Saṅkhāradukkha)** và **Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha).** Việc sát trừ khổ đau một cách bính tuyệt, và có được sự an lạc một cách xác thực, chỉ có một thể loại đơn nhất và đấy chính là Níp Bàn thôi. Tuy nhiên vị ấy cũng chẳng có được biết đến, mà lại nghĩ rằng sự an lạc ở trong Thiền Vô Sắc Giới và thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, mới chính là sự an lạc một cách tuyệt hảo; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là **Bất Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe añāṇaṃ).**

Lời giải thích như đã vừa đề cập đây, là việc đề cập đến **Vô Minh** làm **Nhân** và **Bất Động Hành** làm **Quả.**

Lại nữa, người chỉ trông thấy tác nghiệt của Sắc Pháp, nhưng lại không trông thấy tác nghiệt của Danh Pháp; thế rồi cũng thực hành Thiền Vô Sắc Giới đấy, thì đa số chỉ hiện hành trong khoảng thời gian không có Phật Giáo; còn đối với trong thời kỳ Phật Giáo thì chỉ là thiểu số. Còn Bậc đã chứng đắc được Thiền Định rồi lại tiếp tục thực hành cho đến chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới ở trong thời kỳ Phật Giáo, thì chẳng phải thực hành cho được tiến triển vì trông thấy tác nghiệt của Sắc Pháp, mà thực ra chỉ thực hành nhằm để thực hiện **Thắng Trí (Abhiññā);** và hơn nữa, nếu đã là Bậc Bất Lai hoặc Bậc Vô Sinh thì cũng nhằm để cho nhập được **Thiền Diệt (Nirodhajhāna)** thôi. Tuy nhiên, dù sao đi nữa ngoại trừ Bậc đã có sở nguyện Tuệ Chánh Đẳng Giác, Tuệ Độc Giác, Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác, Tuệ Đại Thinh Văn Giác; ngoài ra đấy, nên thực hành Minh Sát Tuệ nhằm để làm cho Tâm Đạo được phát triển lên, để rồi có khả năng diệt trừ được **Si Mê (Moha).** Và một khi đã diệt trừ được Si Mê rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ thuộc Quả của Vô Minh cũng bị diệt trừ luôn thể; vì lẽ công việc diệt trừ được Phước Báu quả là một việc làm vô cùng khó khăn; duy nhất chỉ có đặc biệt là ở trong thời kỳ Phật Giáo còn đang hiện bày thôi. Còn công việc kiến tạo Phước Báu cho được sinh khởi thì quả là chẳng có khó nhọc chi, và được thực hiện bất kể thời gian. Người vẫn chưa tiệt diệt được Vô Minh, tuy nhiên tác hành của người ấy chẳng thành Tội Phước, và thường được vượt thoát ra khỏi Hành thì quả thực là không có vậy.

A. 25. Hỏi: Đồng ý với những Bất Thiện Sự đã được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, nhưng thật đáng nghi ngờ với những Thiện Sự được thành tựu cũng vẫn do bởi Vô Minh làm Nhân; vậy xin cho lời giải thích để được thấu hiểu.

25. Đáp: Lời giải thích cho được thấu hiểu qua việc Thiện Sự được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, như sau:

Người đã có sự sùng tín duyệt ý trong những việc Tác Phúc, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận ở trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh

và lanh lợi; hoặc được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khốn khổ trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ nơi việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thảy. Khi đã là như vậy rồi, người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chỉ tu tập Minh Sát Tuệ cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khấn nguyện rằng **Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu - Do Quả Phước Báu này xin làm duyên đến Níp Bàn,** thế mà, lời khấn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói thôi; còn tâm thức lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì người ấy không có trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập; và không trông thấy ân đức của Diệt – Đạo. Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đấy, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiền Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; vả lại cũng chính do bởi mãnh lực từ nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ nơi Vô Minh.

A. 26. Hỏi: Trong câu **Avijjāpaccayā saṅkhāra (Vô Minh làm duyên Hành)** đã làm cho hiểu biết rằng những thể loại Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, Tu Tập Thiện đây chỉ đặc biệt sinh khởi với người vẫn đang còn có Vô Minh. Khi đã là như vậy có phải cũng ngang bằng với Bậc đã thành tựu Quả vị Vô Sinh thường không còn tiếp tục thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập nữa, vì lẽ đã đoạn lưu Vô Minh rồi hay không ? Xin Ngài cho lời giải thích thẩm định về vấn đề một cách thông suốt rõ ràng.

26. Đáp: Sẽ nói được rằng vì sao Bậc đã đoạn lưu Vô Minh rồi không còn tiếp tục thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập:

Một vài Ngài có thể hiểu biết sai trật rằng Bậc đã thành tựu viên mãn Quả Vô Sinh rồi, thì Tội Lỗi luôn cả Phước Báu cũng không còn sinh khởi; do bởi có lời đã nói rằng Bậc đã tiệt diệt được Vô Minh rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ Tội Phước, với những thể loại này ắt hẳn cũng bị tiệt diệt luôn thể. Khi đã là như vậy thì lập ý rằng Bậc Vô Sinh ấy chẳng phải chỉ là không tạo tác điều tội lỗi, có việc sát tử Hữu Tình, trộm cắp tài sản v.v. không thôi; mà ngay cả các việc Tác Phúc có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập cũng không có thực hiện luôn. Điều này được giải thích rằng **"chẳng phải là như thế !"** vì lẽ sự thật về điều ấy, là tất cả các Bậc Vô Sinh cũng vẫn còn tác hành Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; tuy nhiên Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Bậc Vô Sinh đang thực hiện đấy, thì chẳng phải được liệt kê là Phúc Hành hoặc Bất Động

Hành, vì chính những điều này là Quả của Vô Minh. Còn những việc tác hành ấy, thì được liệt kê chỉ là **Duy Tác (Kiriyā)** thuộc về **Hành Phổ Thông (Saṅkhārasāmaññā),** và chẳng có việc cho trổ sinh quả báo nối tiếp trong Thời Tái Sinh. Việc tác hành với Thân, Lời, Ý của Bậc Vô Sinh chỗ gọi là Hành Phổ Thông đấy, cũng lập ý đến việc kiến tạo những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý cho được thành tựu mà thôi; đúng với câu đã nói rằng **Na hi koci paṭicca samuppādarahito saṅkhatadhammo nāma atthi** - Ắt hẳn chẳng có bất luận một Pháp nào được gọi tên là **Phối Chế Pháp** mà vượt thoát ra khỏi Liên Quan Tương Sinh. Có nghĩa Tâm Duy Tác của Bậc Vô Sinh cũng vẫn được gọi là Hành, và cũng được liệt kê vào một Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh.

27. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Hành.

27. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Hành,** đó là:

1. Kiến Thủy Trạng Thái (Abhisaṅkharaṇalakkhaṇā): Có việc tác hành tạo tác làm thành trạng thái.

2. Cần Miễn Phận Sự (Āyuhanarasā): Có việc nỗ lực làm cho Thức Tái Sinh sinh khởi; hoặc nỗ lực làm cho Pháp thành Quả, ấy là khối Danh (Danh Uẩn) và khối Sắc (Sắc Uẩn) cho được sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Tư Tâm Sở Thành Tựu (Cetanāpaccupaṭṭhānā): Là Pháp chủng thúc đẩy lôi kéo, là hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna): Có Vô Minh làm Nhân cận lân.

A. 28. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích một cách tóm lược trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Maruppātaṃ dīpacciṃ — Madhulittassa lehanaṃ
Gūthakūḷaṃ visaṃ khādaṃ — Pisācanagaraṃ yathā.
Bālo karoti saṅkhāre — Tividhe dukkhahetavo
Tasmā sati avijjāya — Bhāvato hoti paccayo.

28. Đáp: Tóm lại, tất cả các việc tác hành tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn không thể nào trốn thoát ra khỏi cả Tam Hành, ấy là Phúc Hành, Phi Phúc Hành và Bất Động Hành; luôn cả có sự hân hoan duyệt ý trong cả Tam Hành ấy nữa. Tất cả sự việc này cũng do bởi Vô Minh, đích thị chính là sự bất liễu minh tác nghiệt của Khổ và Tập, và bất liễu minh ân đức của Diệt và Đạo.

Bởi do thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để trong **Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodanī Atthakathā)** rằng:

Maruppātaṃ dīpacciṃ — Madhulittassa lehanaṃ
Gūthakūḷaṃ visaṃ khādaṃ — Pisācanagaraṃ yathā.
Bālo karoti saṅkhāre — Tividhe dukkhahetavo
Tasmā sati avijjāya — Bhāvato hoti paccayo.

Người đã bị che lấp do bởi Vô Minh thì ắt hẳn thường hay kiến tạo cả Tam Hành có Phúc Hành v.v. và tất cả đều là Nhân Khổ Đau cả thảy. Cũng ví tựa như người nhẩy xuống vực thẳm vì đã nương dựa vào sự mong mỏi có được nàng Thiên Nữ. Hoặc ví tựa như con thiêu thân đã bay vào đống lửa do bởi có sự duyệt ý trong ánh sáng của đống lửa ấy vậy. Hoặc ví tựa như người liếm lưỡi dao mà người ta đã thoa mật ong lên đấy, do bởi nương vào sự duyệt ý trong mùi vị. Hoặc ví tựa như trẻ sơ sinh đùa nghịch với chính phẩn của mình. Hoặc ví tựa như người uống thuốc độc do bởi dựa vào sự buồn lòng muốn được chết đi. Hoặc ví tựa như người đi lạc đường vào trong thành phố Quỷ vậy. Bởi do thế, tất cả các bậc hiền đức mới liễu tri rằng Vô Minh làm duyên của Hành, vì lẽ một khi đã có Vô Minh rồi, thì nhất định cả Tam Hành cũng thường luôn sinh khởi theo.

A. 29. Hỏi: Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả Tam Hành thì có được bao nhiêu mãnh lực của Duyên Hệ ? Là những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần.

29. Đáp: Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Trong Câu Vô Minh Làm Duyên Hành **(Avijjāpaccayā Saṅkhārā):**

1. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phúc Hành** có được hai mãnh lực Duyên, đó là:**1/.Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya), 2/. Thường Cận Y Duyên (Pakatū panissayapaccaya).**

[Tính giản lược thì có hai mãnh lực Duyên, như ở phần trên đã vừa đề cập đến. Tính rộng và đầy đủ thì có bốn mãnh lực Duyên, là: **1/. Cảnh Duyên và 2/. Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya), 3/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya) và 4/. Thường Cận Y Duyên.**

Lại nữa, **Phúc Hành** được phân tích ra làm hai thể loại, đó là: 1/. Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Thiện Hữu Sắc Giới thì được gọi tên **Phúc Hành Sắc Giới.** 2/. Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Thiện thì được gọi là **Phúc Hành Dục Giới.**]

2. Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi **Phi Phúc Hành** có được 15 mãnh lực Duyên, đó là:

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya): Tâm Sở Si thuộc về Nhân Tương Ưng hiệp trợ Tư Tâm Sở cùng phối hợp 12 Tâm Bất Thiện.

2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya): Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện thuộc của tha nhân và của mình trong cả Tam Thời (Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai) tiếp thâu Tâm Sở Si làm thành Cảnh.

3/. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya): gồm có cả **Cảnh Cận Y Duyên (Āramma ṇupanissayapaccaya), Cảnh Trưởng Duyên;** với Tâm Sở Si kết hợp Tâm Sở Tham đặng thành Cảnh Trưởng Duyên của Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Sở Tham.

4/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya): Tâm Sở Si phối hợp Tâm Bất Thiện sinh trước, còn Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Bất Thiện sinh sau.

5/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya): tương tự cùng phương thức Vô Gián Duyên.

6/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Sở Si cùng câu sinh Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện.

7/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya): Tâm Sở Si cùng hỗ trợ Tư Tâm Sở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

8/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng nương tựa và câu sinh với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

9/. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng nương tựa cận kề khắn khít với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

10/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya): Tâm Sở Si phối hợp cái Tâm Bất Thiện sinh trước hỗ trợ cho Tư Tâm Sở phối hợp cái Tâm Bất Thiện sinh sau kế đó; và Tâm Đổng Lực sinh trước hỗ trợ cho Tâm Đổng Lực sinh kế sau.

11/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng hòa hợp giúp với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

12/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Sở Si và Tư Tâm Sở cùng câu sinh và cùng hiện hữu trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

13/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya): Tâm Sở Si phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh trước đã vừa diệt mất, và Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Bất Thiện sinh nối tiếp kế liền sau đó.

14/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya): tương tự cùng phương thức Vô Hữu Duyên.

15/. Bất Ly Duyên (Avigata paccaya): tương tự cùng phương thức Hiện Hữu Duyên.

3. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Động Hành** có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya).**

30. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành làm thành Quả của Vô Minh với Hành làm thành Nhân của Thức; và cho trình bày Chi Pháp của Hành làm thành Nhân của Thức.

30. Đáp: Có hai thể loại **Hành,** đó là: 1/. Hành làm thành **Quả** của Vô Minh, 2/. Hành làm thành **Nhân** cho sinh khởi Thức.

Đối với **Hành** làm thành **Quả** của **Vô Minh** thì thường có được hết cả thảy, và không loại trừ bất luận một thể loại nào. Còn **Hành** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Thức**, thì loại trừ Tư Tâm Sở hiện hữu trong Tâm Si Tương Ưng Trạo Cử trong sát na Thức Tái Sinh Bất Thiện sinh khởi, do nương vào **Phi Phúc Hành** làm **Nhân**; bởi vì Tư Tâm Sở Trạo Cử không có năng lực vừa đủ để sẽ trổ sinh quả báo trong **Thời Tái Sinh (Paṭisandhikāla),** đặng cho tái sinh làm nhóm Hữu Tình Khổ Thú. Tuy nhiên trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla)** lại có được khả năng trổ sinh quả báo để cho sinh khởi Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện. Chính vì thế, trong câu nói rằng **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ sambhavati (Hành làm duyên Thức khởi sinh),** thì khoảng thời gian Phi Phúc Hành làm **Nhân** và **Thức Tái Sinh (Paṭisandhi viññāṇa)** làm **Quả,** mới loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử đi, và như thế có thể chỉ còn 11 Tư Tâm

Sở Bất Thiện. Tuy nhiên khoảng thời gian Phi Phúc Hành làm **Nhân** và **Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa)** làm **Quả,** thì lại hiện hữu hết cả thảy 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện.

Còn trong **Phúc Hành** thì nhất định loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí, bởi vì Tư Tâm Sở Thiện Thắng Trí đây không có chức năng trổ sinh quả báo, tức là Thức Quả Dị Thục, bất luận một Thời nào trong cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Những Thắng Trí có Thần Túc Thắng Trí v.v. ở chỗ sinh khởi làm **Quả** từ nơi Thiện Thắng Trí, đích thị chính là Quả sinh khởi theo Thời Hiện Tại hiển hiện năng lực rõ ràng. Tuy nhiên cho dù sẽ loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí đi nữa, số lượng Tư Tâm Sở ở phần Phúc Hành cũng có thể có được 13 như lúc ban đầu; vì lẽ Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới bất hữu quan Thắng Trí cũng vẫn có hiện hữu. Đối với **Bất Động Hành** có thể có toàn bộ Tư Tâm Sở và không có loại trừ điều nào; bởi do thế khi tổng kết số lượng **Hành** làm **Nhân** cho sinh khởi **Thức** thì có thể có được như vầy:

1/. **13 Phúc Hành** (loại trừ Tư Tâm Sở trong Thiện Thắng Trí),

2/. **12 Phi Phúc Hành** (loại trừ Tư Tâm Sở Trạo Cử ở chỗ không cho quả báo trong Thời Tái Sinh), **4 Bất Động Hành.** Kết hợp lại thì có 29 Tư Tâm Sở.

Lại nữa, Tư Tâm Sở Bất Thiện bị diệt trừ do bởi cả Tứ Đạo, và Tư Tâm Sở Thiện - Bất Thiện ở phần **Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma),** cho dù sẽ là **Hành** sinh khởi từ nơi **Vô Minh** làm **Nhân** có thực sự đi nữa, tuy nhiên cũng không sắp vào trong **Hành** làm **Nhân** của **Thức** tương tự như nhau được.

31. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Viññāṇaṃ (Thức)** cùng với cả Chi Pháp.

31. Đáp: Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Viññāṇa (Thức): Vijānātīti = Viññāṇaṃ** - Pháp chủng nào hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Thức.** (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế). Một trường hợp khác nữa: **Vijānanti etenāti = Viññāṇaṃ** -Tất cả người ta thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng làm thành tác nhân cho tất cả người ta được hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, là **Thức.** (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng phối hợp Tâm Sở).

32. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Thức thể theo cả hai Phương Pháp, cùng với cả lời giải thích.

32. Đáp: Chi Pháp của Thức đấy được trình bày thể theo cả hai **Phương Pháp (Naya),** đó là: Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng **(Abhidhammabhājanīyanaya)** và Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng **(Suttantabhājanīyanaya).**

Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng, là 89 Tâm, bởi vì từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ việc hiểu biết của **Tưởng (Saññā)** và **Trí Tuệ (Paññā);** chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm. Một trường hợp khác nữa, tất cả các Tâm có được sinh khởi lên, cũng phải nương vào Hành, tức là việc tác hành tạo tác; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm.

Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng, là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, bởi vì việc trình bày Liên Quan Tương Sinh theo Phần Phân Tích thể theo Kinh Tạng đây, thì có việc phân chia theo **Thời Kỳ (Kāla)** nghĩa là kiếp sống trong Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai; phân chia theo Nhân – Quả, cả Tam Luân v.v. Chính vì thế, một khi tính **Thức** theo Thời Kỳ cũng được sắp vào trong kiếp sống Hiện Tại, như đã có được trình bày rằng **Majjhe aṭṭha paccayuppanno addhā.** Một khi tính theo Nhân Quả thì cũng được sắp vào trong Quả, như đã có được trình bày rằng **Idāni phalapañcakaṃ.** Một khi tính theo cả Tam Luân thì cũng được sắp vào trong Dị Thục Quả Luân, như đã có được trình bày rằng **Avasesā ca vipāka vaṭṭaṃ.** Chính vì thế, từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** ở chỗ làm **Quả** của **Hành** đây, đích thị mới bao gồm 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ấy vậy. Còn việc trình bày theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng thì không có sắp bày Chi Pháp; có nghĩa từ ngữ **Viññāṇa (Thức)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm. Từ ngữ **Nāma (Danh)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm Sở. Từ ngữ **Rūpa (Sắc)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Sắc Pháp. Từ ngữ **Phassa (Xúc)** cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Xúc. Là như vậy chẳng hạn, cũng bởi vì không có việc phân biệt bởi theo Thời Kỳ, Nhân Quả, v.v. Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo cả hai Phương Pháp như đã vừa đề cập đến đây, Đức Phật đã có lập ý trình bày để trong **Bộ Kinh Phân Tích (Vibhaṅgapakaraṇa)** của Tạng Vô Tỷ Pháp.

A. 33. Hỏi: Cho lời giải thích trong câu Chú Giải của **Viññāṇa (Thức)** thuộc điều thứ nhất và điều thứ hai; và Thức làm thành Quả của Hành đấy, khi phân chia ra thì có được bao nhiêu nhóm ? Là những chi ?

33. Đáp: Giải thích trong câu Chú Giải điều thứ nhất: Vijānātīti = Viññāṇaṃ.

Pháp chủng của Tâm thì thường luôn có việc được tiếp thâu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào; và đích thị chính là việc thường luôn được tiếp thâu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào đây, mới được gọi tên "thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt". Một trường hợp khác nữa, trong số lượng những thể loại Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thì đa số có việc hiểu biết Cảnh đặc biệt rất là hạn chế; khác biệt với việc hiểu biết Cảnh của Thiện và Duy Tác thì đa số là bất hạn lượng. Chẳng hạn như Tâm Nhãn Thức đặc biệt hiểu biết Cảnh Xúc; Tâm Tiếp Thâu đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Ngũ Cảnh, Xả Thọ, Tâm Thẩm Tấn, Tâm Đại Quả và Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại một khi thực hiện chức năng ở chỗ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Cảnh hữu quan kiếp sống Quá Khứ. Và cũng chính vì như vậy, mới được gọi tên "liễu tri Cảnh một cách đặc biệt", nghĩa là hiểu biết cùng khắp tất cả.

Giải thích trong câu Chú Giải điều thứ hai: Vijānanti etenāti = Viññāṇaṃ.

Tất cả Chúng Hữu Tình hoặc Tâm Sở có việc hiểu biết những các Cảnh, kể cả Siêu Lý và Chế Định đấy, là cũng do nương vào Thức Dị Thục Quả làm Nhân. Sẽ nói rằng nếu như Tâm Nhãn Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có việc trông thấy, v.v. Nếu như Tâm Thân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có sự cảm giác về Thân Môn. Nếu nhỡ như thiếu Tâm Hữu Phần đi rồi, thì kể như là người ấy chẳng

có sự hiểu biết bất luận một Cảnh nào cả. Chính với lý do này, những thể loại Thức Dị Thục Quả đây, mới làm thành Pháp Tác Nhân để cho tất cả Chúng Hữu Tình hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt.

Thức làm thành Quả của tất cả các Hành đây, được phân chia ra thành hai nhóm, đó là: 1/. Thức sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Sinh thì được gọi tên **Thức Tái Sinh (Paṭisandhiviññāṇa);** là 19 Tâm Tái Sinh, và **2/.** Thức sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi thì được gọi tên **Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa);** là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

34. Hỏi: Hãy phân tích 19 Thức Tái Sinh theo **Hỗn Hợp (Missaka), Thuần Nhất (Suddha), Cõi Giới (Bhāva), Chủng Loại (Jāti), Sinh Thú (Gati), Thức Trụ (Viññāṇaṭhīti), Lục Cư Địa Giới (Sattāvāsa);** luôn cả trình bày số lượng Thức trong từng mỗi Phần.

34. Đáp: Việc phân tích 19 **Thức Tái sinh** bởi theo từng các Phần, đó là:

+ Những 19 Thức Tái Sinh đây một khi phân tích bởi theo **Hỗn Hợp (Missaka)** và **Thuần Nhất (Suddha)** thì chia ra thành hai phần, là:

1/. Sắc Hỗn Hợp Thức (Rūpamissakaviññāṇa): Thức trộn lẫn Sắc Pháp, có được **15,** là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.

2/. Sắc Bất Hỗn Hợp Thức (Rūpaamissakaviññāṇa): Thức không trộn lẫn Sắc Pháp, có được **4,** là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh bởi theo **Cõi Giới (Bhāva)** thì chia ra thành ba phần, đó là: **1/. Thức Dục Giới (Kāmaviññāṇa)** có 10 là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả. **2/. Thức** Sắc Giới **(Rūpaviññāṇa)** có 5 là: 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới. **3/. Thức Vô Sắc Giới (Arūpaviññāṇa)** có 4 là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh bởi theo **Chủng Loại (Jāti)** thì chia ra thành bốn phần, đó là: **1/. Thức Noãn Sinh (Aṇḍajaviññāṇa)** có 10 là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả. **2/. Thức Thai Sinh (Jalābujaviññāṇa)** có 10 là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả. **3/. Thức Thấp Sinh (Saṅsedajaviññāṇa)** có 1 là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện. **4/. Thức Hóa Sinh (Opapātikaviññāṇa)** có 19 là: 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh bởi theo **Sinh Thú (Gati)** thì chia ra thành năm phần (còn gọi là Ngũ Đạo), là:

1/. Thức Chư Thiên Sinh Thú (Devagativiññāṇa) có 18, là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.

2/. Thức Nhân Loại Sinh Thú (Manussagativiññāṇa) có 9, là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả.

3/. Thức Địa Ngục Sinh Thú (Nirayagati viññāṇa) có 1, là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

4/. Thức Bàng Sinh Sinh Thú (Tiracchānagativiññāṇa) có 1, là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

5/. Thức Ngạ Quỷ Sinh Thú (Petagativiññāṇa) có 1, là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

+ Khi phân tích Thức Tái Sinh bởi theo **Thức Trụ (Viññāṇaṭhiti – Thường Trụ Thức:** Cõi Giới thành trụ xứ của Thức) thì có được bảy phần, đó là:

1/. Thức Thân Dị Tưởng Dị (Nānattakāyanānattasaññīviññāṇa) có 9 là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.

2/. Thức Thân Dị Tưởng Đồng (Nānattakāyaekattasaññīviññāṇa) có 2 là: 1 Tâm Thẩm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện cho đi tái sinh Tứ Khổ Thú; và 1 Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền Hữu Sắc Giới cho đi tái sinh làm 3 Bậc Phạm Thiên Sơ Thiền Hữu Sắc Giới.

3/. Thức Thân Đồng Tưởng Dị (Ekattakāyanānattasaññīviññāṇa) có 2 là: 1 Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền và 1 Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền Hữu Sắc Giới.

4/. Thức Thân Đồng Tưởng Đồng (Ekattakāyaekattasaññīviññāṇa) có 2 là: 1 Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền và 1 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới.

5/. Thức Không Vô Biên Xứ (Ākāsanañcāyatanaviññāṇa) có 1 là: 1 Tâm Dị Thục Quả Không Vô Biên Xứ.

6/. Thức Thức Vô Biên Xứ (Viññāṇañcayatanaviññāṇa) có 1 là: 1 Tâm Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ.

7/. Thức Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatanaviññāṇa) có 1 là 1 Tâm Dị Thục Quả Vô Sở Hữu Xứ.

+ Khi phân tích bởi theo **Lưu Cư Địa Giới (Sattāvāsabhāva** – Cõi Giới làm thành chỗ nương trú của Hữu Tình) thì có được tám phần, tức là từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 7 của **Thất Thức Trụ** (ở phần trên) là tính được bảy phần, và:

8/. Thức Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatanaviññāṇa) có một Thức Tái Sinh, là: 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. (Loại trừ một Lưu Cư Địa Giới, đó là Hữu Tình Vô Tưởng Địa Giới vì không có Tâm Thức).

35. Hỏi: Hãy phân tích 32 Thức Dị Thục Quả bởi theo cả Tam Hành, có Phúc Hành, v.v. rằng thể loại Thức nào thì sinh khởi bởi do nương vào thể loại Hành nào làm Năng Duyên.

35. Đáp: Phân tích **32 Thức Tái Sinh** bởi theo cả **Tam Hành (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành),** đó là:

1/. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ nơi Đồng Lực Bất Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.

2/. 12 Phi Phúc Hành làm **Nhân,** là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được

lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** (thụ lãnh Cảnh xấu) trong 15 Cõi Sắc Giới.

3/. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** trong 11 Cõi Dục Giới.

4/. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** 8 Tâm Đại Quả là việc tiếp thâu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** trong 7 Cõi Thiện Dục Giới.

5/. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân.** Và 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

6/. Phúc Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân.** Và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới làm việc duy trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

7/. Bất Động Hành là Tư Tâm Sở phối hợp 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân.** Và 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm **Quả** trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

36. Hỏi: Thức Dị Thục Quả sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ở Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, và Cõi Vô Sắc Giới thì gồm có những chi ? Và khi sinh khởi trong Thời Kỳ Tái sinh thì gồm có những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Phần.

36. Đáp: + Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Dục Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, là 23 Dị Thục Quả Dục Giới; và trong Thời Kỳ Tái Sinh, là 10 Tái Sinh Dục Giới.

+ Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Sắc Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, là 2 Nhãn Thức, 2 Nhĩ Thức, 2 Tiếp Thâu, 3 Thẩm Tấn, 5 Dị Thục Quả Sắc Giới; và trong Thời Kỳ Tái Sinh, là 5 Dị Thục Quả Sắc Giới.

+ Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Vô Sắc Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái Sinh, ấy chính là 4 Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

37. Hỏi: Hãy trình bày Thức Dị Thục Quả như tiếp theo đây: 1/. Thức Dị Thục Quả sinh được trong Thời Kỳ Tái Sinh nhưng lại không được sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi. 2/. Thức Dị Thục Quả sinh được trong Thời Kỳ Chuyển Khởi nhưng lại không được sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh. 3/. Thức Dị Thục Quả sinh được ở cả hai Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi. 4/. Thức Dị Thục Quả sinh không được ở cả hai Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

37. Đáp: Trình bày theo tuần tự theo những Thức Dị Thục Quả sau đây: 1/. Không có. 2/. Có 13, đó là: 10 Ngũ Song Thức, 2 Tiếp Thâu, 1 Thẩm Tấn Hỷ Thọ. 3/. Có 19, là 19 Tâm Tái Sinh. 4/. Không có.

38. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Thức. Và trong sự việc Hành làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức đấy thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ?

38. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Thức,** đó là:

1. Thức Tri Trạng Thái (Vijānanalakkhaṇaṃ): Có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ nơi Trí Tuệ và Tưởng làm thành trạng thái.

2. Thủ Sự Phận Sự (Pubbaṃgamarasaṃ): Làm chủ quản đối với Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực, làm thành phận sự.

3. Tái Sinh Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Hành Nhân Cận hoặc **Cảnh Vật Nhân Cận (Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ vā Vatthārammaṇapadaṭṭhānaṃ:** Có Tam Hành làm Nhân cận lân, hoặc có Lục Căn với Lục Cảnh làm Nhân cận lân.

Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Hành làm duyên Thức (Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ):** Cả **Tam Hành (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành)** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Thức Dị Thục Quả,** có được hai mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya), 2/. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya).**

39. Hỏi: Hãy trình bày phân loại Thức làm thành Nhân của Danh Sắc, cùng luôn cả Chi Pháp. Vả lại từ ngữ **Nāmarūpaṃ (Danh Sắc)** thì Danh ấy là chi ? và Sắc ấy là chi ?

39. Đáp: Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực thường hiện khởi lên do nương vào **Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa)** và **Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa)** làm thành **Nhân. Thức (Viññāṇa)** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Danh Sắc (Nāmarūpa)** đây, hiện hữu ở hai thể loại, đó là: **1/. Thức Dị Thục Quả (Vipāka viññāṇa)** và **2/. Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa).**

+ Thức Dị Thục Quả là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Thức Nghiệp Lực là Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện trong kiếp sống quá khứ.

+ Và từ ngữ **Nāmarūpaṃ** ấy, với **Danh (Nāma)** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. **Sắc (Rūpa)** là Sắc Nghiệp Tái Sinh, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm (Đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi và Sắc Tâm được sắp vào trong câu **Sắc Pháp,** đích thị cũng chính là do nương vào Thức Nghiệp Lực và Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi ấy vậy, được kể vào thể loại linh động áp dụng.)

40. Hỏi: Hãy phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức thể theo Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Và cho lời giải thích trong câu Chú Giải **Nāmañca rūpañca Nāmarūpañca = Nāmarūpaṃ.**

40. Đáp: Phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức Dị Thục Quả thể theo Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi như vầy: Thức Dị Thục Quả và những thể loại Danh Sắc đây bởi theo Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi, thường được hiện hành như vầy:

1/. Danh Tái Sinh là 35 Tâm Sở phối hợp 19 Thức Tái Sinh.

2/. Danh Chuyển Khởi là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Thức Quả Dị Thục Chuyển Khởi (loại trừ Thức Tái Sinh).

3/. Sắc Tái Sinh là Sắc Nghiệp Lực câu sinh Thức Tái Sinh.

4/. Sắc Chuyển Khởi là Sắc Tâm sinh khởi từ nơi 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi sinh khởi từ nơi 25 Thức Nghiệp Lực (là Tư Tâm Sở phối hợp 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Quả và 4 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới).

Câu Chú Giải của câu nói **Nāmarūpa (Danh Sắc): Nāmañca rūpañca Nāmarūpañ ca = Nāmarūpaṃ** - Gọi tên Pháp chủng vừa là Danh và vừa là Sắc, lại vừa cả Danh và Sắc, ấy là **Danh Sắc.** Giải thích trong câu Chú Giải của **Danh Sắc** này là: Một khi lời nói rằng **Danh Sắc** đây, nếu như trình bày thể theo sự hiện hành của Danh và Sắc sinh từ nơi Thức, thì sẽ phải trình bày là **Viññāṇapaccayā Nāmarūpa Nāmarūpaṃ,** tuy nhiên trong chỗ này đã cắt lấy đi một câu Danh Sắc ra rồi, và chỉ còn đơn nhất một câu **Danh Sắc** thôi. Việc trình bày như vậy được gọi là **Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya).**

41. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Danh Sắc.

41. Đáp: + Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Danh,** đó là:

1. Dẫn Đạo Trạng Thái (Namalakkhaṇaṃ): Có việc hướng diện đến Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Phối Hợp Phận Sự (Pubbaṃgamarasaṃ): Có việc phối hợp Tâm và tự phối hợp lẫn nhau, bởi theo trạng thái **Đồng Sinh (Ekuppādatā)** v.v. làm thành phận sự.

3. Bất Ly Tán Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc không tách ly xa lìa với Tâm, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita).**

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Sắc,** đó là:

1. Hoại Diệt Trạng Thái (Ruppanalakkhaṇaṃ): Có việc tiêu hoại đổi thay, làm thành trạng thái.

2. Phân Tán Phận Sự (Vikiraṇarasaṃ): Có việc tách ly chia lìa nhau, làm thành phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự làm thành Pháp Vô Ký, hoặc có sự bất liễu tri Cảnh, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí. [**Acetanā abyākatāti ettha viya anārammaṇātā vā abyākatatā daṭṭhabbā**] (Trích trong Đại Phụ Chú Giải).

4. Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānaṃ): Có Thức làm Nhân cận lân.

42. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên được kết hợp vào trong việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây: 1/. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Pháp tức là Tâm Sở phối hợp. 2/. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật). 3/. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái sinh (loại trừ Sắc Tâm Cơ). 4/. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Sinh trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng. 5/. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn.

42. Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu Thức làm duyên Danh Sắc **(Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ)**

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Danh Pháp** tức là Tâm Sở phối hợp, có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng câu sinh.

2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp, giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau.

3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ nương nhờ với nhau.

4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ với tác ý thành nhân thành quả.

5/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Thức Thực và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

6/. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc Ý Quyền và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp hòa trộn với nhau.

8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng hiện hữu với Tâm Sở phối hợp.

9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): Tâm Dị Thục Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ và chẳng có tách lìa xa nhau.

2. Thức Tái Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Ý Vật** có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya), 6/. Quyền Lực Duyên (Indriya**

paccaya), 7/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthi paccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ thay đổi phần Bất Tương Ưng Duyên vào vị trí của Tương Ưng Duyên, bởi vì Danh với Sắc.

3. **Thức Tái Sinh** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái sinh** (loại trừ Sắc Ý Vật) có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 3/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 4/. Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya), 5/. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya), 6/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ có bớt Hỗ Tương Duyên.

4. **Thức Nghiệp Lực** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Sinh** trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng, và

5. **Sắc Nghiệp Chuyển Khởi** trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūnissayapaccaya), 2/. Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya), 3/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya), 4/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya), 5/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 6/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samantarapaccaya), 7/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpa nissayapaccaya).**

43. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp theo riêng từng mỗi Phần trong câu **Nāmarūpa paccayā saḷāyatanaṃ sambhavati** - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ khởi sinh; và hãy trình bày câu Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: **Āyatanaṃ (Xứ), Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ).** Vả lại cho lời giải thích từ ngữ **Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ)** trong câu **Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ (Danh Sắc làm duyên Lục Xứ),** và cho dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây: **1/. Āyatanalakkhaṇaṃ, 2/. Dassanarasaṃ, 3/. Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ, 4/. Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ.**

43. Đáp: Trong chỗ này, thì: **Danh** là 35 Tâm Sở phối hợp 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. **Sắc** là 16 Sắc Nghiệp Lực, là **8 Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarūpa), 5 Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa), 1 Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa), 1 Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa), 1 Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa). Lục Xứ** là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Trình bày các câu Chú Giải những từ ngữ **Āyatanaṃ (Xứ), Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ): Āyataṃ saṅsāravaṭṭaṃ nayatīti = Āyatanaṃ** - Pháp chủng nào duy trì Vòng Luân Hồi lâu dài, bởi thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Xứ**, là 12 Xứ.

Cha āyatanani = Saḷāyatanaṃ - Cả Lục Xứ gọi tên **Lục Xứ**, tức là Lục Nội Bộ Xứ. **Saḷāyatanañca chaṭṭhāyatanañca = Saḷayatanaṃ** - Cả Lục Xứ (Ngoại) và Lục Trú Xứ (Nội), gọi tên là **Lục Xứ.**

Giải thích rằng: Từ ngữ **Saḷāyatanaṃ (Lục Xứ)** trong câu nói rằng **Nāmarūpa paccayā saḷāyatanaṃ - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ** đây, là câu đã làm cho dư thừa tới cả hai câu, tức là **Saḷāyatanaṃ chaṭṭhāyatanaṃ.** Gọi tên việc đã làm cho hiện hành như vậy là **Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya),** tức là loại trừ **Chaṭṭhāyatanaṃ** này ra, thế là chỉ còn lại duy nhất mỗi một **Saḷāyatanaṃ** thôi. Có nghĩa Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc này.

Khi phân tích bởi theo **Địa Giới** thì thường hiện hành như vầy: Trong Cõi Ngũ Uẩn thì **Danh Sắc** làm **Nhân,** và Lục Nội Bộ Xứ chỗ gọi tên **Lục Ngoại Xứ** làm **Quả** tùy theo thích hợp. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì Danh Pháp làm **Nhân** và Ý Xứ chỗ gọi **Lục Nội Xứ** làm **Quả.** Việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ý Xứ, thì cùng câu sinh nhau và làm Nhân làm Quả lẫn nhau cũng được. Còn việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh cũng có, bất câu sinh cũng có; và tùy theo Thời Kỳ. Và làm Nhân làm Quả giữa Sắc Pháp với Ý Xứ, và Sắc Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh cũng có, bất câu sinh cũng có, và tùy theo Chủng Loại.

+ Dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây:

1. Āyatanalakkhaṇaṃ (Khu Vực Trạng Thái): Có việc tiếp xúc hoặc có việc làm cho Vòng Luân Hồi phải lâu dài, làm thành trạng thái.

2. Dassanārasaṃ (Quan Thưởng Phận Sự): Có việc trông thấy v.v. làm phận sự.

3. Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ (Vật Môn Bản Tính Thành Tựu): Có sự làm thành Vật và Môn của Ngũ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới tùy theo thích hợp, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ (Danh Sắc Nhân Cận): Có Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực làm Nhân cận lân.

A. 44. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên Hệ được liệt kê trong câu **Nāmarūpa paccayā saḷāyatanaṃ (Danh Sắc làm duyên Lục Xứ).**

44. Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Danh Sắc làm duyên Lục Xứ (Nāmarūpapaccayā Saḷāyatanaṃ):**

1. Danh Pháp là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, là:

1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung một lượt với nhau.

2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya): Tâm Dị Thục Quả và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách hỗ trợ lẫn nhau.

3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung và nương nhờ giúp đỡ lẫn nhau.

4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách làm thành Pháp Quả.

5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ hòa hợp với nhau.

6/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng nhau hiện hữu giúp đỡ với nhau.

7/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya): Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp khắn khít giúp đỡ lẫn nhau và chẳng có xa lìa.

2. Danh Pháp là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Tương tự cùng phương thức như phần trên, chỉ thêm phần **Nhân Duyên** vì Pháp làm thành Nhân giúp đỡ hỗ trợ với nhau.

3. Danh Pháp là Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên (Sahajātakammapaccaya), 5/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 6/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmaāhārapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

4. Danh Pháp là Xúc, Tư Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmaāhara paccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthi paccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

5. Danh Pháp là Tầm, Tứ, Hỷ phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thê ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya), 6/. Tương Ưng**

Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).

6. Danh Pháp là Mạng Quyền, Thọ, Tín phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 8/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

7. Danh Pháp là Cần, Niệm, Trí Tuệ phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 6/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 9/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

8. Danh Pháp là Nhất Thống phối hợp Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, có được 10 mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriya paccaya), 6/. Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya), 7/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya), 8/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 9/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 10/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Việc phân tích Năng Duyên và Sở Duyên, tính kể từ điều thứ 1 – 8 thì làm duyên được cả trong Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

9. Danh Pháp là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** trong Thời Kỳ Tái Sinh của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya), 3/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Trong chỗ này, cả Tứ Xứ gồm Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ đây, lập ý chỉ lấy Chủng Loại Thấp Sinh và Hóa Sinh; còn Thân Xứ thì có được tất cả các Chủng Loại.

10. Danh Pháp là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được bốn mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya), 2/. Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya), 3/. Hiện Hữu Duyên (Atthi paccaya), 4/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

11. Sắc Pháp là Sắc Tâm Cơ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 15 Tâm Tái Sinh Ngũ Uẩn) trong Thời Kỳ Tái Sinh của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipacca ya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

12. Sắc Pháp là Sắc Tâm Cơ sinh trước và đang an trụ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là 18 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn) (loại trừ Ngũ Song Thức) trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được năm mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya), 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupure jātapaccaya), 3/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya), 4/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 5/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

13. Sắc Pháp là Ngũ Xứ sinh trước và đang an trụ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 10 Tâm Ngũ Song Thức) trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejā tanissayapaccaya), 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya), 3/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Purejātindriyapaccaya), 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya), 5/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 6/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

14. Sắc Pháp là Tứ Sắc Tứ Đại Hiển Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được bốn mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 3/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 4/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

15. Sắc Pháp tức là Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ ở trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Sắc Mạng Quyền Lực Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya), 2/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 3/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

16. Sắc Pháp là Bổ Phẩm Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ trong cùng một Khối Tổng Hợp với mình, và trong các Khối Tổng Hợp khác, trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Dục Giới, có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Sắc Vật Thực Duyên (Rūpaāhārapaccaya), 2/. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya), 3/. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

45. Hỏi: Sẽ trình bày những câu Chú Giải thế nào trong các từ ngữ **Phassa (Xúc), Samphassa (Phủ Xúc), Cakkhusamphassa (Nhãn Phủ Xúc), Manosamphassa (Ý Phủ Xúc).**

45. Đáp: + Trình bày câu Chú Giải **Phassa (Xúc): Ārambhaṃ phusatīti = Phasso** - Pháp chủng tiếp xúc với Cảnh, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Xúc.**

Một trường hợp khác nữa: **Phusanti sampayuttadhammā etenāti = Phasso** - Pháp Tương Ưng là tất cả các Tâm và Tâm Sở thường tiếp xúc với Cảnh bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế Pháp chủng làm tác nhân cho Pháp Tương Ưng tiếp xúc với Cảnh, mới được gọi tên là **Xúc.**

Một trường hợp khác nữa: **Phusanaṃ = Phasso (vā) Saṃphusate = Samphasso** - Việc tiếp xúc Cảnh được gọi tên là **Xúc,** hoặc gọi tên là **Phủ Xúc.**

+ Trình bày câu Chú Giải Nhãn Phủ Xúc v.v.: **Cakkhuviññāṇena sampayutto samphassoti = Cakkhusamphasso** - Xúc là việc tiếp xúc phối hợp Nhãn Thức, bởi do thế mới gọi tên là **Nhãn Phủ Xúc.** Là Tâm Sở Xúc phối hợp Nhãn Thức. (Nhĩ Phủ Xúc v.v. Thân Phủ Xúc cũng trình bày trong cùng một phương thức như nhau).

Manoviññāṇena sampa yutto samphassoti = Manosamphasso - Xúc là việc tiếp xúc phối hợp Ý Thức, bởi do thế mới được gọi tên **Ý Phủ Xúc.** Là Tâm Sở Xúc phối hợp 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Ngũ Song Thức)

A. 46. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Saḷāyatanapaccayā phasso sambhavati (Lục Xứ làm duyên Xúc khởi sinh).**

46. Đáp: Giảng giải trong câu **Saḷāyatanapaccayā phasso sambhavati (Lục Xứ làm duyên Xúc khởi sinh)** rằng: Người đã mệnh chung rồi, thì cho dù đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đi nữa, tuy nhiên các việc tiếp xúc có Nhãn Phủ Xúc v.v. ấy, ắt hẳn sẽ không còn sinh khởi lên được nữa; có nghĩa không còn có việc được trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, các việc nghĩ ngợi. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi đã mất hết cả Ngũ Thanh Triệt và Tâm Hữu Phần chỗ được gọi là Lục Xứ ấy vậy. Và ở trong người đang khi còn có sinh mệnh, nếu nhỡ như mắt đã mù đi rồi, thế thì Nhãn Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được. Hoặc nếu nhỡ như tai đã bị điếc đi rồi, thế thì Nhĩ Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được, và thế là cũng tương tự như nhau vậy. Lại nữa, Xúc là Quả của Lục Xứ đây, tức là việc cùng tựu hội vào nhau giữa cả Ngũ Thanh Triệt với Ngũ Cảnh và Ngũ Thức; thế thì được gọi tên là Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc; cũng bởi vì có được việc sinh khởi của Nhãn Thức

v.v. đây, là cũng do nương vào việc tiếp xúc với nhau giữa Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc; thế rồi đã làm cho Nhãn Thức v.v. có được sinh khởi lên. Một khi Nhãn Thức v.v. đã sinh khởi lên rồi, thì Nhãn Phủ Xúc v.v. cũng được hiện bày. Còn Ý Phủ Xúc tức là việc tiếp xúc với nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định, mà ấy chính là Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh lập ý chỉ lấy trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh khởi. Bởi vì một khi Tâm Hữu Phần đã sinh khởi lên rồi, là cũng do việc tiếp xúc thường luôn với bất luận một thể loại Cảnh nào ở phần Nghiệp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng; và việc tiếp xúc này đã được gọi tên là Ý Phủ Xúc, đích thị chính là Xúc phối hợp với Tâm Hữu Phần ấy vậy.

Một trường hợp khác nữa, Ý Phủ Xúc tức là việc tựu hội vào nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Vả lại Ý Thức đây, lập ý lấy trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, bởi vì Tâm Lộ Trình đã được sinh khởi lên rồi đấy, cũng phải nương vào nhau qua việc tiếp xúc giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính làm Nhân. Một khi Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, thì Ý Phủ Xúc cũng sẽ hiện bày lên; thế nhưng đã không lấy Xúc phối hợp ở trong Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Lập ý đặc biệt chỉ lấy riêng phần Xúc phối hợp trong Ý Thức Dị Thục Quả có Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, Na Cảnh thôi.

47. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong những câu như tiếp theo đây:

Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso

47. Đáp: Những câu trên được dịch nghĩa như sau:

Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Ý Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Tâm Hữu Phần, các Pháp Thực Tính và Ý Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.**

48. Hỏi: Cho lời giải thích đến việc tiếp xúc Cảnh của "Xúc" rằng như thế nào mà được gọi tên là "Xúc" ?

48. Đáp: Việc "Xúc" tiếp xúc với Cảnh đây, thì chẳng giống với việc tiếp xúc giữa Sắc với Sắc, chẳng hạn như hai bàn tay tiếp xúc với nhau; hoặc hai vật thể đụng chạm với nhau; mà ấy là việc tiếp xúc thể theo bản thể thực tính trong bất luận của một Cảnh hoặc của một đối tượng. Tuy nhiên việc tiếp xúc với Cảnh thể theo bản thể thực tính mà chỗ được gọi là Xúc đây, cũng có đôi khi hiện bày rõ ràng na ná y như bất luận một vật thể nào mà sắc thân đã có được tiếp xúc đụng chạm vậy. Chẳng hạn như sát na đang trông thấy người ta ăn các thức ăn chua, thì người trông thấy có cảm giác chảy nước dãi ra vậy. Hoặc có bất luận một người nào đang mài dao trên mặt đá có sạn cát, thì người đã được lắng nghe âm thinh ấy rồi sẽ có cảm giác ê cả răng vậy. Hoặc có một vài người yếu đuối, một khi trông thấy người có

vóc dáng rất to lớn thì cũng có cảm giác khủng khiếp sợ hãi, có trạng thái run rẩy khiếp đảm. Hoặc có người nhút nhát, một khi trông thấy người ta đánh, chém với nhau và máu chảy ra thì cũng có cảm giác sợ hãi đến ngất xỉu đi. Hoặc một khi nai đã trông thấy hổ thì sẽ run sợ chết đứng tại chỗ, và chân không bỏ chạy đi được. Hoặc có người đi vào khu vực tĩnh lặng, và có các Bậc Hiền Triết đang hành trì Nghiệp Xứ, một khi đã được trông thấy các Bậc ấy cùng với trú xứ như vậy rồi, thì tức thì cũng có khởi lên một sự cảm giác an vui mát mẻ, và thanh tịnh. Sự hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, cũng chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc ấy vậy. Và cả Lục Xúc khởi sinh là cũng do bởi có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi từ nơi Nghiệp Quá Khứ làm Nhân; chính vì thế Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết rằng **Saḷayatanapaccayā phasso - Lục Xứ làm duyên Xúc.**

49. Hỏi: Hãy cho việc phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới.

49. Đáp: Khi phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới có được như vầy: Thường thì có được cả Lục Xúc sinh khởi trong 11 Cõi Dục Giới. Thường thì có được ba Xúc, đó là: Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, và Ý Phủ Xúc sinh khởi trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tưởng Hữu Tình). Thường chỉ có được một Xúc, đó là Ý Xúc sinh khởi trong Cõi Vô Sắc Giới. Còn trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng thì Xúc thường không có sinh khởi lên được, bởi không có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi trong Cõi Giới này.

50. Hỏi: Xúc sinh khởi bởi do nương vào Lục Xứ làm Năng Duyên, một khi tính theo mãn túc thì có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

50. Đáp: Khi đã tính theo mãn túc có được số lượng 32, và ấy chính là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

51. Hỏi: Theo lẽ thường nhiên đơn nhất một Xúc sinh khởi bởi do nương vào hết tất cả các Xứ là không thể có được, và hết tất cả các Xúc sinh khởi chỉ do nương vào đơn nhất một Xứ thì cũng không thể có được; thế nhưng tại làm sao Đức Phật lập ý khải thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số **(Ekavacana)** để nói rằng **Saḷāyatanapaccayā phasso (Lục Xứ làm duyên Xúc)** ?

51. Đáp: Theo lẽ thường nhiên từng mỗi thể loại Xúc sẽ hiện khởi lên được, thì không thể nào chỉ có đơn nhất một Xứ, mà cần phải có Xứ làm chỗ nương sinh ấy nhiều hơn một ! Sẽ nói rằng cần phải có việc tựu hội vào nhau hết tất cả các Xứ thuộc Nội Bộ và Ngoại Bộ; chẳng hạn như Nhãn Phủ Xúc sẽ sinh khởi lên được thì cần phải có bốn thể loại Xứ, ấy là: 1/. Nhãn Xứ là Nhãn Thanh Triệt, 2/. Sắc Xứ là Cảnh Sắc, 3/. Ý Xứ là Nhãn Thức, 4/. Pháp Xứ là sáu Tâm Sở Biến Hành (loại trừ Xúc).

Trong Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, và Thân Phủ Xúc cũng có bốn thể loại Xứ cần phải nương vào, tương tự với Nhãn Phủ Xúc. Còn đối với Ý Phủ Xúc thì nương được hết tất cả các Xứ. Thế nhưng trong từng mỗi giai đoạn sát na sinh khởi thì nương vào 2 hoặc 3 thể loại Xứ cũng có; chẳng hạn như Ý Phủ Xúc hữu quan Cảnh Pháp thì nương vào hai thể loại Xứ, đó là Ý Xứ và Pháp Xứ. Nếu như Ý Phủ Xúc hữu quan Cảnh Sắc thì nương

vào ba thể loại Xứ, đó là Sắc Xứ, Ý Xứ và Pháp Xứ. Tuy nhiên trong sự việc Đức Phật lập ý khải thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số **(Ekavacana)** để nói rằng **Saḷāyatana paccayā phasso,** cũng nhằm để cho được hiểu biết là từng mỗi thể loại Xúc sẽ sinh khởi lên được, thiết yếu phải nương vào Xứ nhiều hơn một, và chỉ sẽ nương vào đơn nhất một Xứ là không thể có được.

52. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Xúc; và trình bày việc liệt kê số lượng Duyên Hệ trong câu **Lục Xứ làm duyên Xúc (Saḷāyatanapaccayā phasso).**

52. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Xúc**:

1. Xúc Cảm Trạng Thái (Phusanalakkhaṇa): Có việc tiếp xúc Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Xúc Quan Phận Sự (Saṃghaṭṭaraso): Có việc làm cho Tâm với Cảnh nối tiếp nhau liên tục, làm thành phận sự.

3. Tựu Hội Thành Tựu (Saṅgatipaccupaṭṭhānaṃ): Có việc cùng tựu hội với nhau giữa Vật, Cảnh và Thức, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Lục Nội Xứ Nhân Cận (Saḷāyatanapadaṭṭhānaṃ): Có Lục Nội Bộ Xứ làm Nhân cận lân.

Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Lục Xứ làm duyên Xúc (Saḷāyatana paccayā Phasso)**

1. Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhãn Phú Xúc** có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya), 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya), 3/. Tiền Sinh Quyền Lực Duyên (Pure jātindriyapaccaya), 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya), 5/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejātatthipaccaya), 6/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (Vatthupurejātāvigatapaccaya).**

2. Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc** cũng có được sáu mãnh lực Duyên, và cũng tương tự cùng một phương thức với Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Phủ Xúc làm Sở Duyên vậy.

3. Ý Xứ là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Phủ Xúc** phối hợp với mình, có được chín mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipāka paccaya), 5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya), 6/. Câu Sinh Quyền Lực Duyên (Sahajātindriyapaccaya), 7/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 8/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 9/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātā vigatapaccaya).**

53. Hỏi: Có bao nhiêu Thọ sinh khởi bởi do nương vào Xúc làm Năng Duyên ? Và ý nghĩa của từng mỗi thể loại ấy có như thế nào ?

53. Đáp: Có Lục Thọ sinh khởi lên bởi do nương vào Lục Phủ Xúc ấy, đó là:

1. Nhãn Phủ Xúc Thọ (Cakkhusamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhãn Thức với Cảnh Sắc, chính là Thọ trong Tâm Nhãn Thức.

2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ (Sotasamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhĩ Thức với Cảnh Thinh, chính là Thọ trong Tâm Nhĩ Thức.

3. Tỷ Phủ Xúc Thọ (Ghānasamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Tỷ Thức với Cảnh Khí, chính là Thọ trong Tâm Tỷ Thức.

4. Thiệt Phủ Xúc Thọ (Jivhāsamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Thiệt Thức với Cảnh Vị, chính là Thọ trong Tâm Thiệt Thức.

5. Thân Phủ Xúc Thọ (Kāyasamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Xúc, chính là Thọ trong Tâm Thân Thức.

6. Ý Phủ Xúc Thọ (Manosamphassājā vedanā): Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Pháp hoặc 6 Cảnh, chính là Thọ trong 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

54. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Vedanā (Thọ);** và Nhãn Phủ Xúc Thọ, với luôn cả phân tích cả Lục Thọ bởi theo Lạc Thọ **(Sukha)**, Khổ Thọ **(Dukkha)** và Xả Thọ **(Upekkhā).**

54. Đáp: Thọ có câu Chú Giải trình bày rằng: **Vedayatīti = Vedanā** - Pháp chủng nào thường hay thụ hưởng Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Thọ.**

Cakkhusamphassato jātā vedanti = Cakkhusamphassajā vedanā - Thọ sinh khởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là **Nhãn Phủ Xúc Thọ.**

Cả Lục Thọ này một khi phân tích bởi theo **Lạc (Sukha), Khổ (Dukkha), Xả (Upekkhā)** có được như vầy: 1/. kể từ Nhãn Phủ Xúc Thọ cho đến Thiệt Phủ Xúc Thọ, cả Tứ Thọ này là việc thụ hưởng Cảnh ở thể loại **Xả Thọ.** 2/. Thân Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả hai thể loại: **1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.** 3/. Ý Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả ba thể loại: **1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ, 3/. Xả Thọ.**

A. 55. Hỏi: Cho lời giải thích trong sự việc của An Lạc – Khổ Đau có nhiều hoặc ít tùy thuộc vào sự hiện hành của Xúc; luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Thọ; và việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu **Xúc làm duyên Thọ (Phassapaccayā vedanā).**

55. Đáp: Sự an lạc và sự khổ đau như đã vừa đề cập rồi đây, sẽ được sinh khởi lên là cũng do bởi Xúc; điều đó đích thị chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh làm Nhân; bởi do thế, sự an lạc hoặc sự khổ đau có nhiều hoặc ít, thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Xúc. Sẽ nói rằng nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực mạnh mẽ, thì sự cảm thụ

an lạc, khổ đau cũng hiện bày mạnh mẽ. Nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực yếu kém thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày yếu kém. Cũng ví như sát na thọ thực, răng có chức năng nhai nghiến vật thực, lưỡi có chức năng nhận biết vị. Nếu như răng làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiến một cách tối đa, thì lưỡi cảm thụ được vị một cách rõ ràng. Nếu như răng đã không làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiến một cách tối đa, thế rồi lưỡi cảm thụ chỉ có được một chút ít vị. Điều này như thế nào; thì Xúc cũng được sánh tựa như răng, Thọ thì cũng được sánh tựa như lưỡi, Cảnh thì cũng được sánh tựa như vật thực, việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh được sánh tựa như việc nhai nghiến vật thực, và việc tiếp xúc có năng lực mạnh hoặc yếu thì được sánh tựa như việc nhai nghiến đậm đà và hời hợt đó vậy.

Việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc như đã vừa đề cập đến đây, sẽ được thấy trong sự hiện hành sinh khởi lên với tất cả ở mọi người. Chẳng hạn như trong sát na đi xem ca kịch hoặc điện ảnh; nếu như nhìn không rõ, nghe không rõ vì chỗ ngồi quá xa hoặc ánh sáng yếu kém đi, mà điều ấy đã là theo Dĩ Pháp Bản Nguyện rồi, thế là Xúc sẽ có năng lực yếu kém vậy. Với lý do này, người xem ấy mới cố gắng xê dịch cho vào đến chỗ gần, để cho việc thấy và việc nghe được rõ ràng. Hoặc nếu nhỡ như ánh sáng yếu kém, thì cũng cố gắng tìm kiếm phương cách nào để cho có được thêm nhiều ánh sáng lên. Nếu như việc thấy hoặc việc được nghe rõ ràng tốt đẹp rồi, thì cũng có nghĩa là Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ vậy. Khi Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ rồi, thì Thọ là việc thụ hưởng Cảnh cũng hiện bày rõ ràng bền vững; có nghĩa là khởi lên việc được thấy hoặc việc được nghe một cách rõ ràng vậy. Một khi đã có được việc thấy, việc được nghe rõ ràng, thế rồi **Chất Vị Duyệt Ý (Iṭṭhirasa)** hoặc **Chất Vị Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhirasa)** hiện hữu trong những Cảnh ấy cũng ắt hẳn hiện bày rõ ràng. Tất cả sự việc như vầy, cũng bởi vì Nhãn Thức là việc trông thấy v.v. đây, chỉ thực hiện đơn nhất một chức năng cho Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc làm thành Cảnh thôi; chớ chẳng phải thực hiện cho hiện khởi lên Chất Vị Duyệt Ý hoặc Chất Vị Bất Duyệt Ý hiện hữu trong những Cảnh ấy được. Pháp chủng có khả năng thực hiện Chất Vị Duyệt Ý hoặc Chất Vị Bất Duyệt Ý cho được hiện khởi lên, đấy chính là Xúc vậy. Bởi do thế trong bất luận thời lúc nào có được tiếp thâu lấy Cảnh tốt đẹp, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng thúc ép để cho Chất Vị Duyệt Ý hiện khởi lên. Và trong thời lúc nào có được tiếp thâu lấy Cảnh không tốt, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng bức bách cho Chất Vị Bất Duyệt Ý hiện khởi lên. Một khi Chất Vị Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đã hiện khởi lên, thế rồi Thọ cũng nhảy vào thực hiện chức năng thụ hưởng, tức là cảm thụ an lạc hoặc bất an ở trong những Cảnh ấy. Với lý do này, sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự an lạc trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn biểu lộ cho hiện khởi đến với người ấy; tức là làm cho có diện mạo trong sáng vui tươi; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự an vui hạnh phúc. Và trong sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự khổ đau trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn cũng biểu lộ trạng thái cho hiện khởi lên đến với người ấy tương tự như nhau, tức là làm cho có diện mạo sầu bi ưu não; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự bất hạnh khổ đau vậy.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Thọ**, đó là:

1. Cảm Thụ Trạng Thái (Anubhavanalakkhaṇā): Có việc thụ hưởng Cảnh, làm thành trạng thái.

2. Thụ Vị Di Lập Phận Sự (Visayarasasambhogarasā): Có việc thụ hưởng chất vị của Cảnh, làm thành phận sự.

3. Lạc Khổ Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự an lạc và khổ đau, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Xúc Nhân Cận (Phassapadaṭṭhānaṃ): Có Xúc làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Xúc làm duyên Thọ (Phassapaccayā Vedanā):** Cả **Lục Xúc** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả **Lục Thọ** có được tám mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññmaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya), 5/. Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya), 6/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 7/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 8/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

A. 56. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Vedanāpaccayā taṇhā sambhavati (Thọ làm duyên Ái Dục khởi sinh).**

56. Đáp: Ái Dục (Taṇhā) thường hiện khởi lên do nương vào **Lục Thọ (Vedanā)** làm **Nhân.** Câu Chú Giải từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục): Vatthukāmaṃ paritassasatīti = Taṇhā** - Pháp chủng nào thường đắm nhiễm vào trong Vật Dục, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ái Dục.**

Một trường hợp khác nữa: **Vatthukāmaṃ tassanti paritassanti sattā etāyāti = Taṇhā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục bởi do Pháp chủng ấy, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng mà làm Nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục ấy là **Ái Dục.** Là Tâm Sở Tham hiện hữu trong 8 Tâm căn Tham.

57. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục)** là sự hoan hỷ, duyệt ý, mong muốn đã được sinh khởi bởi do nương vào việc trông thấy, được lắng nghe, được ngửi v.v. trong Cảnh tốt đẹp; bởi do thế mới nói được rằng Ái Dục sinh khởi từ cả Lục Cảnh. Tuy nhiên tại làm sao Đức Phật mới lập ý trình bày rằng **Vedanāpaccayā taṇhā (Thọ làm duyên Ái Dục)** mà không trực tiếp trình bày rằng **Ārammaṇapaccayā taṇhā (Cảnh làm duyên Ái Dục)** ? Do bởi lý do nào ? Cho lời giải thích.

57. Đáp: Câu Chú Giải từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục): Vatthukāmaṃ paritassasatīti = Taṇhā** - Pháp chủng nào thường đắm nhiễm vào trong Vật Dục, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ái Dục.**

Một trường hợp khác nữa: **Vatthukāmaṃ tassanti paritassanti sattā etāyāti = Taṇhā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục bởi do Pháp

chủng ấy, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng mà làm Nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục ấy là **Ái Dục.** Là Tâm Sở Tham hiện hữu trong 8 Tâm căn Tham.

Giải thích rằng một khi Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc và các Pháp Thực Tính đã đi đến hiện bày trong Lộ Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Ái Dục là sự hoan hỷ, ưa thích đắm nhiễm trong các Cảnh ấy, thì cũng thường sinh khởi theo lẽ thường nhiên đến với tất cả mọi người; chỉ ngoại trừ Bậc Vô Sinh ra. Và nếu như Cảnh ấy hữu quan Cảnh Dục Trần, thế rồi cũng loại trừ Bậc Bất Lai ra. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi nương vào nơi Thọ, là sự cảm thụ trong việc trông thấy việc được lắng nghe v.v. đó vậy. Và cũng theo lẽ thường nhiên, thì cho dù tất cả mọi người sẽ khởi sinh sự duyệt ý đắm nhiễm ở trong bất luận một Cảnh nào đi nữa, thì cũng sẽ phải là Cảnh mà bản thân đã từng có tiếp xúc đến rồi, hoặc đang có được tiếp thâu. Còn đối với Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện, thì Ái Dục ắt hẳn sinh khởi quả thật khó khăn; bởi vì Thọ, là việc thụ hưởng lấy Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện đấy, ắt hẳn cũng là khó khăn để mà có được. Ái Dục là sự duyệt ý nhiễm đắm trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc v.v. đây, thì cũng chính là sự duyệt ý đối với Lạc Thọ mà bản thân đã được tiếp thâu từ ở nơi các Cảnh ấy vậy. Một khi đã duyệt ý đối với Lạc Thọ rồi, thì tương tự như nhau, là cũng phải có sự duyệt ý trong Cảnh mà đã làm cho Lạc Thọ có được sinh khởi lên vậy. Và người đã được thụ lãnh sự an lạc, thế rồi Ái Dục ấy cũng ắt hẳn đắm nhiễm trong sự an lạc mà bản thân mình đang có được thụ lãnh. Vả lại đôi khi cũng còn có sự mong mỏi để cho việc được thụ lãnh sự an lạc càng bội tăng lên nữa. Chính vì thế, Đức Phật mới lập ý khải thuyết rằng **Vedanāpaccayā taṇhā - Thọ làm duyên Ái Dục** có nghĩa Lạc Thọ làm Nhân cho sinh khởi Ái Dục.

A. 58. Hỏi: Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi phần trong sự việc Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ.

58. Đáp: + Rằng khi tính theo Pháp chủng hiện hành trong thế gian này rồi, thì việc thụ hưởng Cảnh hiện hữu ở ba thể loại, đó là: 1/. Sự cảm thụ Thân An Tâm An trong khi tiếp xúc với Cảnh duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại **Lạc Thọ.** 2/. Sự cảm thụ Thân Bất An Tâm Bất An trong khi tiếp xúc với Cảnh bất duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại **Khổ Thọ.** 3/. Sự cảm thụ tĩnh lặng, thản nhiên trong khi tiếp xúc với Cảnh trung bình vừa phải, thì gọi đó là một thể loại **Xả Thọ.**

+ Rằng khi tính theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì việc thụ hưởng Cảnh thường hiện hữu hai thể loại, đó là: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.

1/. Lạc Thọ là Lạc câu hành Thân Phủ Xúc Thọ **(Sukhasahagatakāyasamphassajā vedanā),** Hỷ câu hành Ý Phủ Xúc Thọ **(Somanassasahagatamano samphassajāvedanā),** Xả Thọ **(Upekkhāvedanā)** hữu quan Thiện, Duy Tác và Dị Thục Quả Thiện.

2/. Khổ Thọ là Khổ câu hành Thân Phủ Xúc Thọ **(Dukkhasahagatasamphassajā vedanā),** Ưu câu hành Ý Phủ Xúc Thọ **(Domanassasahagatamano samphassajāvedanā),** Xả Thọ hữu quan Dị Thục Quả Bất Thiện và Thiện.

59. Hỏi: Ái Dục sinh khởi bởi do nương vào Lạc Thọ và Xả Thọ thì cũng có thể hiểu biết được, thế nhưng Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Khổ Thọ thì làm thế nào có được ? Cho lời giải thích.

59. Đáp: Người đang đón nhận sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở hoặc đang bị bất an, thì thường luôn tư duy nghĩ ngợi đến sự an lạc và Cảnh làm cho sự an lạc sinh khởi; thế rồi nỗ lực tinh cần tìm kiếm con đường để sẽ cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở, đã bằng với đủ mọi phương cách. Người ốm đau bất an cũng đã nỗ lực tìm kiếm thầy hay thuốc giỏi đặng chữa trị cho được dứt khỏi việc ốm đau bệnh hoạn ấy. Một khi vẫn chưa thoát khỏi những sự khổ đau ấy, thì cũng vẫn cứ than vãn và nghĩ ngợi rằng biết đến bao giờ thì mình mới sẽ thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở này được hỉ ? Sự việc như vậy, là cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ ở nơi Khổ Thọ đã làm Nhân. Và ở tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Khổ Thọ cũng là Nhân làm cho Ái Dục được khởi sinh.

60. Hỏi: Lục Ái Dục gồm có những chi ? Cho trình bày ý nghĩa với.

60. Đáp: Khi phân tích theo Cảnh thì **Ái Dục** có được sáu thể loại, đó là:

1/. Sắc Ái (Rūpataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rūpe taṇhā = Rūpataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Sắc, bởi do thế mới gọi là **Sắc Ái.**

2/. Thinh Ái (Saddataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Sadde taṇhā = Saddataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Thinh, bởi do thế mới gọi là **Thinh Ái.**

3/. Khí Ái (Gandhataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Gandhe taṇhā = Gandhataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Khí, bởi do thế mới gọi là **Khí Ái.**

4/. Vị Ái (Rasataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Rase taṇhā = Rasataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Vị, bởi do thế mới gọi là **Vị Ái.**

5/. Xúc Ái (Phoṭṭhabbataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Xúc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Phoṭṭhabbe taṇhā = Phoṭṭhabbataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Xúc, bởi do thế mới gọi là **Xúc Ái.**

6/. Pháp Ái (Dhammataṇhā): Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp, tức là các Pháp Thực Tính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Dhamme taṇhā = Dhammataṇhā** - Ưa thích đắm nhiễm vào Thực Tính Pháp, bởi do thế mới gọi là **Pháp Ái.**

61. Hỏi: Cho lời giải thích trong đoạn văn **Pāḷi** chỗ nói rằng: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā** (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt,

Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục) luôn cả trình bày việc sinh khởi của **Pháp Ái (Dhammataṇhā).**

61. Đáp: Trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh, Phẩm Căn Nguyên **(Nidāna vagga)** có nói rằng: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā** (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục). Và đấy, là việc trình bày đặc biệt chỉ nhắm lấy Dĩ Pháp Bản Nguyện thôi; vả lại nếu lập ý nhắm lấy phần Dĩ Nhân Bản Nguyện thì đa số sự hiện hành chẳng phải có được hết cả thảy.

Trong phần **Thinh Ái, Khí Ái, Vị Ái, Xúc Ái** cũng hiện hành tương tự như nhau.

Đối với **Pháp Ái** thì có nghĩa trong sát na tư duy đến những thể loại Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến v.v. ở bên phía Bất Thiện; và tư duy đến những thể loại Tín, Cần, Niệm, Định, Trí Tuệ, Thiền Định, Thắng Trí v.v. ở bên phía Thiện Hiệp Thế và Duy Tác; hoặc tư duy đến những việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc ngủ nghỉ, ở bên phía Dị Thục Quả Dục Giới; hoặc tư duy đến những thể loại Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, và các Pháp Chế Định; mà có khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý thì đều được gọi là **Pháp Ái.** Lại nữa, trong Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập **(Majjhimapaṇṇāsa Atthakathā)** đã có trình bày để rằng sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát Tuệ thì tương tự cũng vẫn được gọi là **Pháp Ái.**

Như dẫn chứng phần **Pāḷi** đã có trình bày nói rằng: **Dhammarāgena dhamma nandiyāti padadvayehi samathavipassanāsu chandarāgo vutto - Dịch nghĩa:** Đức Thế Tôn lập ý đề cập đến sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ bằng với hai từ ngữ, đó là **Pháp Tham Ái (Dhammarāga)** và **Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī).** Có nghĩa **Tham Dục (Chandarāga)** sinh khởi lên trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tu Tập, mới được gọi tên là **Pháp Ái.**

62. Hỏi: Nếu có người nói rằng Sắc Ái đây cũng là **Dục Ái (Kāmataṇhā),** hoặc là **Hữu Ái** cũng được **(Bhavataṇhā),** hoặc là Ly Hữu Ái cũng được; thế thì Ngài sẽ phản đối hoặc là đồng ý như thế nào ? Cho trình bày một cách rõ ràng.

62. Đáp: Bần Đạo có quan điểm để sẽ trình bày cho được nhận thấy một cách rõ ràng như sau đây:

1/. Dục Ái (Kāmataṇhā) là sự ưa thích đắm nhiễm trong cả Lục Cảnh hữu quan với cả Ngũ Cảnh Dục Trần, nhưng bất phối hợp Hữu Thường Kiến và Đoạn Kiến, như có câu Chú giải trình bày rằng: **Kāmetīti = Kāmo, Kāmo ca so taṇhā cāti = Kāmataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục (Kāma).**

2/. Còn về **Hữu Ái (Bhavataṇhā)** là Ái Dục cùng câu sinh **Hữu Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** bởi do nương vào Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc; lập ý nhắm đến người có quan điểm rằng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc mà bản thân đang có được tiếp thâu đây thì

hằng luôn hiện hữu, và chẳng hiểu biết rằng có việc sinh rồi diệt; như có câu Chú Giải trình bày như sau: **Bhavatīti = Bhavo, Bhavo ca so taṇhā cāti = Bhavataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường nhận thấy rằng bản thân mình hiện hữu trong cả Lục Cảnh, và hằng thường luôn hiện hữu, chẳng có hoại diệt; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Hữu (Bhava).** Là **Thường Trú Kiến.**

3/. Còn đối với **Ly Hữu Ái (Vibhavataṇhā)** là Ái Dục cùng câu sinh **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** bởi do nương vào Lục Cảnh. Lập ý đến người có quan điểm rằng trong Lục Cảnh, tức là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng trong thế gian này có Cái Tôi hiện hữu; và Cái Tôi này thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy. Hoặc có quan điểm rằng hết tất cả chẳng chừa một ai, một khi đã tử vong rồi thì cũng hẳn là tiệt diệt, và chẳng có tái sinh lại nữa; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm ở trong quan điểm ấy. Người có quan điểm trong Níp Bàn rằng có Ngã, và Bản Ngã; thế rồi khởi sinh dục tầm cầu về Níp Bàn. Sự dục tầm cầu về Níp Bàn, với sự dục cầu này cũng được gọi tên là **Ly Hữu Ái.**

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Na bhavatīti = Vibhavo, Vibhavo ca so taṇhā cāti = Vibhavataṇhā (vā) Vibhave taṇhā = Vibhavataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu trong Lục Cảnh ấy, thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Hoặc dịch nghĩa theo một trường hợp khác nữa: "Pháp Thực Tính nào có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mạng vong rồi thì ắt hẳn phải tiệt diệt, không có được tái sinh lại nữa; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Là **Đoạn Kiến.**

Pháp Thực Tính nào thường có quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu trong Lục Cảnh ấy, vừa không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, lại vừa hằng luôn phải bị tiệt diệt đi, lại vừa ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ly Hữu Ái.** Hoặc sự ưa thích đắm nhiễm trong Đoạn Kiến, được gọi tên **Ly Hữu Ái.** Là Tâm Sở Tham câu sinh với Đoạn Kiến.

63. Hỏi: Sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát Tuệ thì có phải là **Pháp Ái** hay không ? Cho lời giải thích thẩm định với việc nêu lên cơ sở dẫn chứng.

63. Đáp: Trong Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập **(Majjhimapaṇṇāsa Atthakathā)** đã có trình bày để rằng sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát Tuệ thì tương tự cũng vẫn được gọi là **Pháp Ái.**

Như dẫn chứng phần **Pāḷi** đã có trình bày nói rằng: **Dhammarāgena dhamma nandiyāti padadvayehi samathavipassanāsu chandarāgo vutto - Dịch nghĩa:** Đức Thế Tôn lập ý đề cập đến sự ưa thích đắm nhiễm trong việc tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ bằng với hai từ ngữ, đó là **Pháp Ái (Dhammarāga)** và **Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī).** Có nghĩa **Tham Dục (Chandarāga)** sinh khởi lên trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tu Tập, mới được gọi tên là **Pháp Ái.**

64. Hỏi: Thọ sinh khởi do bởi không nương vào Xúc làm Năng Duyên thì có được hay không ? Và nhóm Thọ nào thì làm tác nhân cho Ái Dục sinh khởi ? Và việc thụ hưởng ấy chính là Thọ sinh khởi trong sát na trông thấy, được lắng nghe v.v. thì sẽ nói rằng Ái Dục thường luôn được sinh khởi hay không ? Cho lời giải thích.

64. Đáp: Giải thích rằng khi đề cập thể theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì một khi Cảnh Sắc đã đi đến tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt, thế rồi Tâm Nhãn Thức sinh khởi và cũng trong cùng một sát na này thì Xúc, Thọ đã cùng câu sinh; và được gọi là "trông thấy". Nếu đề cập theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện** thì trong giai đoạn này vẫn chưa có bất luận một sự cảm thụ nào khởi sinh lên cả, Tâm Lộ Trình phải đi đến Đồng Lực hẳn trước đã, thì liền khi đó mới sẽ có chỉ là một chút ít sự cảm thụ trong việc trông thấy, tuy nhiên vẫn chưa được rõ ràng cho lắm. Nối tiếp một khi đã đi đến Lộ Trình Ý Môn hẳn hòi rồi, thì lúc bấy giờ mới có được sự cảm thụ trong việc trông thấy này một cách rõ ràng. Tuy nhiên, Ái Dục sẽ có được sinh khởi lên, là tính kể từ sát na mà đã có sự cảm thụ dù chỉ một chút ít ngay trong việc trông thấy đây, Ái Dục cũng đã có khởi sinh lên rồi; có nghĩa là Ái Dục đã có sinh khởi lên ngay ở trong Lộ Trình Nhãn Môn rồi vậy. Cũng bởi vì người ấy hẳn đã có sẵn **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānusaya);** chính vì thế Thọ mới làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được. Đối với Bậc đã đoạn lưu Ái Dục Tùy Miên, hoặc với Bậc đang có Chánh Niệm thu thúc ở trong việc trông thấy ấy v.v. và Niệm Định Lực của vị ấy cũng đã đang hiện hành khắn khít với nhau không gián đoạn; thì cho dù sẽ khởi sinh lên sự cảm thụ trong việc trông thấy dù chỉ là chút ít đi nữa, và Thọ đây cũng không có khả năng để làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được.

Lục Ái Dục, Tam Ái Dục, 108 Ái Dục như đã sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình là cũng bởi do nương vào Thọ; tức là việc thụ hưởng Cảnh ở phần Lạc, Khổ và Xả ấy vậy. Nếu như thiếu vắng đi những việc thụ hưởng Cảnh này rồi, thì những thể loại Ái Dục này cũng không có thể sinh khởi lên được. Chính với lý do này, Đức Phật mới nói rằng **Vedanāpaccayā taṇhā - Thọ làm duyên Ái Dục.**

65. Hỏi: Ái Dục chỗ được gọi tên là Dục Ái và Hữu Ái ấy là những chi ? Cho nêu câu Chú Giải lên để phối hợp với việc trình bày.

65. Đáp: + Chỗ được gọi tên **Dục Ái (Kāmataṇhā)** là sự ưa thích đắm nhiễm trong cả Lục Cảnh hữu quan với cả Ngũ Cảnh Dục Trần, nhưng bất phối hợp Hữu Thường Kiến và Đoạn Kiến, như có câu Chú giải trình bày rằng: **Kāmetīti = Kāmo, Kāmo ca so taṇhā cāti = Kāmataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục (Kāma).** Pháp Thực Tính nào vừa ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh, lại vừa đắm nhiễm trong các Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục Ái.** Là Tâm Sở Tham phối hợp Tâm Tham Tương Ưng Kiến.

+ Chỗ được gọi tên **Hữu Ái (Bhavataṇhā)** là Ái Dục cùng câu sinh **Hữu Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** bởi do nương vào Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc; lập ý nhắm đến người có quan điểm rằng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc mà bản thân đang có được tiếp thâu đây thì hằng luôn hiện hữu, và chẳng hiểu biết rằng có việc sinh rồi diệt; như có câu Chú Giải trình bày như sau: **Bhavatīti = Bhavo, Bhavo ca so taṇhā cāti = Bhavataṇhā** - Pháp Thực Tính

nào thường nhận thấy rằng bản thân mình hiện hữu trong cả Lục Cảnh, và hằng thường luôn hiện hữu, chẳng có hoại diệt; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Hữu (Bhava).** Là **Thường Trú Kiến.**

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày rằng: **Bhave taṇhā = Bhavataṇhā, Bhavapatthanāvasena uppannassa sassatadiṭṭhisahagatassa rūpārūpabhava rāgassa ca jhānanikantiyā cetaṃ adhivacanaṃ** - Gọi tên sự hoan hỷ duyệt ý trong các Hữu là **Hữu Ái.** Từ ngữ **Hữu Ái** đây, tức là:

1/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi bởi do có sở nguyện cầu về Dục Giới Hữu.

2/. Tham Ái (Rāga) cùng câu sinh Hữu Thường Kiến.

3/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi trong bất luận một Hữu Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu.

4/. Tham Ái (Rāga) sinh khởi trong Nhập Thiền Định.

66. Hỏi: Khi trình bày thể theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng **(Suttanta mahāvagga Atthakathā)** thì **Hữu Ái** đây có được số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa luôn cả việc nêu cơ sở lên để phối hợp dẫn chứng với.

66. Đáp: Khi trình bày thể theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng **(Suttanta mahāvagga Atthakathā)** thì **Hữu Ái** đây có được năm thể loại, đó là:

1/. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Dục Giới Hữu (Kāmabhava)** là việc được sinh làm thành Nhân Loại và Chư Thiên.

2/. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Hữu Sắc Giới Hữu (Rūpabhava)** là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

3/. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Vô Sắc Giới Hữu (Arūpabhava)** là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

4/. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)** là việc được chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới, và Thiền Định Vô Sắc Giới.

5/. Có sự hoan hỷ duyệt ý trong **Hữu Thường Kiến (Sassattadiṭṭhi)** là quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Bản Ngã, có Cái Tôi. Và Cái Tôi này thường hằng bất hoại, đến khi sẽ tử vong thì **chỉ Thân Tử và Tâm Bất Tử.** Hoặc Cái Tôi hiện hữu trong sắc thân của Nhân Loại, thế rồi Nhân Loại mệnh chung thì Cái Tôi ấy sẽ lại đi tái sinh thành một Nhân Loại khác nữa. Cái Tôi hiện hữu trong sắc thân của Hữu Tình Bàng Sinh thì cũng tương tự như nhau, một khi Hữu Tình ấy đã mạng vong, thế rồi Cái Tôi sẽ lại đi tái sinh thành một Hữu Tình Bàng Sinh khác nữa, chẳng có biến chuyển.

67. Hỏi: Chỗ nói rằng "Ly Hữu Ái" thì Ngài có sự hiểu biết như thế nào ? Cho lời giải thích thể theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn.

67. Đáp: Chỗ nói rằng **Ly Hữu Ái (Vibhavataṇhā)** là Ái Dục cùng câu sinh **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** bởi do nương vào Lục Cảnh. Lập ý đến người có quan điểm rằng trong Lục Cảnh, tức là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng trong Thế Gian này có Cái Tôi hiện hữu; và Cái Tôi này thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt

diệt đi; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy. Hoặc có quan điểm rằng hết tất cả chẳng chừa một ai, một khi đã tử vong rồi thì cũng hẳn là tiệt diệt, và chẳng có tái sinh lại nữa; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm trong quan điểm ấy. Người có quan điểm trong Níp Bàn rằng có Ngã, và Bản Ngã; thế rồi khởi sinh dục tầm cầu về Níp Bàn. Sự dục tầm cầu về Níp Bàn, với sự dục cầu này cũng được gọi tên là **Ly Hữu Ái.**

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Na bhavatīti = Vibhavo, Vibhavo ca so taṇhā cāti = Vibhavataṇhā (vā) Vibhave taṇhā = Vibhavataṇhā** - Pháp Thực Tính nào thường quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu ở trong Lục Cảnh ấy, thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Hoặc dịch nghĩa theo một trường hợp khác nữa: Pháp Thực Tính nào có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mạng vong rồi thì ắt hẳn phải tiệt diệt, không có được tái sinh lại nữa; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Ly Hữu (Vibhava).** Là **Đoạn Kiến.**

Pháp Thực Tính nào thường có quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu trong Lục Cảnh ấy, vừa không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, lại vừa hằng luôn phải bị tiệt diệt đi, lại vừa ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là **Ly Hữu Ái.** Hoặc sự ưa thích đắm nhiễm ở trong Đoạn Kiến, được gọi tên là **Ly Hữu Ái.** Là Tâm Sở Tham câu sinh Đoạn Kiến.

68. Hỏi: Phương pháp tính đếm 108 Ái Dục thì sẽ phải tính đếm như thế nào ? Cho trình bày việc tính đếm một cách rõ ràng.

68. Đáp: Có 108 Ái Dục, bao gồm: Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36, kết hợp lại có 108.

Từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái có được 36 đấy đã hữu quan với 6 Cảnh làm thành nền tảng, tức là Lục Cảnh đang đi đến hiện bày ở cả Lục Môn, có Lộ Nhãn Môn v.v. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Hiện Tại đã làm Nhân cho Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái có được sinh khởi lên. Khi đã là như vậy, thì từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái mới có được 6 Cảnh. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan Lục Cảnh Hiện Tại.

Cũng có Lục Cảnh đã từng hiện bày đến cả Lục Môn. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Quá Khứ đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái sinh khởi bởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Quá Khứ mới có được 6. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan Lục Cảnh Quá Khứ.

Cũng có Lục Cảnh sẽ đi đến hiện bày trong cả Lục Môn. Cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Vị Lai đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái sinh khởi bởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Vị Lai mới có được 6. Kết hợp lại có được 18 Ái Dục hữu quan 6 Cảnh Vị Lai.

Khi phân tích cả Tam Ái bởi theo Lục Cảnh và theo Tam Thời Kỳ; thì Dục Ái có 18, Hữu Ái có 18, Ly Hữu Ái có 18; kết hợp lại thành 54. Cả Lục Cảnh này hiện bày ở bên trong bản thân của mình, mới được gọi tên là **Nội Bộ Cảnh (Ajjhattārammaṇa).** Cũng có hiện

bày ở bên ngoài thân của mình, tức là tha nhân và vật thể phi sinh mạng, mới được gọi tên là **Ngoại Bộ Cảnh (Bahiddhārammaṇa).**

Chính vì thế:

1. 18 Dục Ái: sinh khởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại **Dục Ái** có được 36.

2. 18 Hữu Ái: sinh khởi bởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại **Hữu Ái** có được 36.

3. 18 Ly Hữu Ái: sinh khởi bởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18, và sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18. Kết hợp lại **Ly Hữu Ái** có được 36.

Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36; kết hợp lại có 108.

69. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Ái Dục; vả lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê trong câu **Thọ làm duyên Ái Dục (Vedanāpaccayā taṇhā).**

69. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết Của **Ái Dục:**

1. Tác Nhân Trạng Thái (Hetulakkhaṇā): Có việc làm Nhân của tất cả mọi khổ đau, làm thành trạng thái.

2. Hỷ Ủy Phận Sự (Abhinandanarasā): Có sự ưa thích đắm nhiễm trong Cảnh, Cõi Giới, và kiếp sống, làm thành phận sự.

3. Bất Mãn Túc Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự không no đủ hoặc vừa lòng ở trong các Cảnh của Tâm hoặc của Người, và làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Thọ Nhân Cận (Vedanāpadaṭṭhānaṃ): Có Thọ làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Thọ làm duyên Ái Dục (Vedanāpaccayā Taṇhā): Thọ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ái Dục** đây, chỉ có duy nhất một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

70. Hỏi: Thể loại Ái Dục và Tà Kiến nào đã được gọi tên là Chấp Thủ ? Vả lại hãy trình bày câu Chú Giải của Chấp Thủ với.

70. Đáp: Từ ngữ **Upādāna (Chấp Thủ)** lập ý đến việc bám giữ chặt trong điều sai lầm bởi do Tham và Tà Kiến.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Bhusaṃ ādiyanti amuñcagāhaṃ gayhantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp nào bám giữ chặt một cách mãnh liệt, tức là giữ chặt lấy không buông; bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Chấp Thủ.**

Một trường hợp khác nữa: **Upādiyantīti = Upādānāni** - Những thể loại Pháp nào chấp thủ chặt, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Chấp Thủ.** Là Ái Dục và Tà Kiến có nhiều năng lực.

Câu Chú Giải này đã trình bày cho thấy rằng Ái Dục và Tà Kiến thuộc thể loại thông thường, vẫn chưa được gọi tên là Chấp Thủ được. Tiếp đến một khi Ái Dục và Tà Kiến ấy khởi lên có năng lực mãnh liệt, sẽ nói là việc ưa thích đắm nhiễm trong các Cảnh ấy một cách dính mắc không chịu buông bỏ; thì lúc bấy giờ Ái Dục đấy được gọi tên là **Chấp Thủ.** Và một khi có quan điểm sai lầm, lại đi bám dính chặt vào không sửa đổi được, thì lúc bấy giờ Tà Kiến đấy cũng được gọi tên là **Chấp Thủ.**

A. 71. Hỏi: Có bao nhiêu Kiến Chấp Thủ ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tỷ mỷ chi tiết.

71. Đáp: Kiến Chấp Thủ (Diṭṭhupādāna) có Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến, kết hợp lại có được tất cả 75, đó là:

1. Tam Chuẩn Xác Tà Kiến: 1/. Vô Hữu Kiến Chấp Thủ, 2/. Vô Nhân Kiến Chấp Thủ, 3/. Vô Hành Kiến Chấp Thủ; cả ba này là **Đại Tà Kiến (Mahādiṭṭhi).**

2. 62 Tà Kiến: 1/. Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ (Pubbantakappikadiṭṭhi): Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn đã trải qua trong Thời Kỳ Quá Khứ, có được 18 luận thuyết. **2/. Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai (Aparanta kappikadiṭṭhi):** Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn trong Thời Kỳ Vị Lai, có được 44 luận thuyết. Kết hợp lại có 62 luận thuyết.

3. 18 Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ: 1/. 4 Thường Trú Kiến (Sassatadiṭṭhi), 2/. 4 Thường Trú Vô Thường Trú Kiến (Ekaccasassatadiṭṭhi), 3/. 4 Hữu Biên Vô Biên Kiến (Antānantadiṭṭhi), 4/. 4 Ngụy Biện Kiến (Amarāvikkhepadiṭṭhi), 5/. 2 Vô Nhân Tương Sinh Kiến (Adhiccasamuppannadiṭṭhi).

4. 44 Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai: 1/. 16 Chủ Trương Hữu Tưởng Luận Kiến (Uddhamāghātanikasaññīvādadiṭṭhi), 2/. 8 Chủ Trương Vô Tưởng Luận Kiến (Uddha māghātanikaasaññīvādadiṭṭhi), 3/. 8 Chủ Trương Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Luận Kiến (Uddhamāghātanikanevasaññīnāsaññīvādadiṭṭhi), 4/. 7 Đoạn Luận Kiến (Uccheda vādadiṭṭhi), 5/. 5 Hiện Tại Níp Bàn Luận Kiến (Diṭṭhadhammanibbānavādadiṭṭhi).

5. Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Antaggāhikadiṭṭhi):

1/. Sassato loko: Quan điểm rằng thế gian trường tồn.

2/. Asassato loko: Quan điểm rằng thế gian không trường tồn.

3/. Antvā loko: Quan điểm rằng thế gian có nơi tận cùng.

4/. Anantvā loko: Quan điểm rằng thế gian không có nơi tận cùng.

5/. Taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là một với nhau.

6/. Aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là mỗi người riêng biệt nhau.

7/. Hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì tiếp tục đi tái sinh nữa.

8/. Na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì không còn tiếp tục đi tái sinh nữa.

9/. Hoti ca na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy chỉ trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì thường đi tái sinh nữa cũng có, hoặc không đi tái sinh nữa cũng có.

10/. Neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì cũng chẳng có đi tái sinh nữa, cũng chẳng có không đi tái sinh nữa.

72. Hỏi: 62 Tà Kiến gồm có những chi ?

72. Đáp: 62 Tà Kiến, đó là:

1/. Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ (Pubbantakappikadiṭṭhi): Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn đã trải qua trong Thời Kỳ Quá Khứ, có được 18 luận thuyết.

2/. Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai (Aparantakappikadiṭṭhi): Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn ở trong Thời Kỳ Vị Lai, có được 44 luận thuyết. Kết hợp lại có được 62 luận thuyết.

73. Hỏi: Hãy trình bày **Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Antaggāhika diṭṭhi)** cùng với ý nghĩa.

73. Đáp: Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Antaggāhikadiṭṭhi), đó là:

1/. Sassato loko: Quan điểm rằng thế gian trường tồn.

2/. Asassato loko: Quan điểm rằng thế gian không trường tồn.

3/. Antvā loko: Quan điểm rằng thế gian có nơi tận cùng.

4/. Anantvā loko: Quan điểm rằng thế gian không có nơi tận cùng.

5/. Taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là một với nhau.

6/. Aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là mỗi người riêng biệt nhau.

7/. Hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì tiếp tục đi tái sinh nữa.

8/. Na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì không còn tiếp tục đi tái sinh nữa.

9/. Hoti ca na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy chỉ trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì thường đi tái sinh nữa cũng có, hoặc không đi tái sinh nữa cũng có.

10/. Neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì cũng chẳng có đi tái sinh nữa, cũng chẳng có không đi tái sinh nữa.

74. Hỏi: Thể loại Tà Kiến nào đã được gọi tên **Sīlabbatupādāna (Giới Cấm Chấp Thủ)** và **Attavādupādāna (Ngã Luận Chấp Thủ)** ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

74. Đáp: + Thể loại Tà Kiến được gọi tên **Giới Cấm Chấp Thủ** có được ý nghĩa việc thực hành sai trật với đường lối chân chánh, chẳng hạn như tự thực hành làm cho giống với con bò (Ngưu Hành Giả) hoặc con chó (Cẩu Hành Giả), bởi do người ấy nghĩ suy cần phải vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao vất vả khổ sở ở trong Vòng Luân Hồi, hoặc cần phải đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới; thế nhưng lại không có được cơ hội để giao tiếp với tất cả các Bậc Hiền Triết, có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. và cũng không có được cơ hội để học hỏi Chánh Pháp Học Giáo Truyền.

+ Thể loại Tà Kiến được gọi tên **Ngã Cấm Chấp Thủ** có được ý nghĩa **Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi)** hoặc **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** bám giữ chặt trong Ngũ Uẩn rằng là Ngã, là Bản Ngã; và hiện hữu đến 20 thể loại, hoặc tính theo tròn đủ có được 256 thể loại.

A. 75. Hỏi: Hãy giải thích trong câu chuyện về Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

75. Đáp: + Việc thực hành sai trật với đường lối chân chánh, chẳng hạn như tự thực hành làm cho giống với con bò (Ngưu Hành Giả) hoặc con chó (Cẩu Hành Giả), bởi do người ấy nghĩ suy cần phải vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao vất vả khổ sở trong Vòng Luân Hồi, hoặc cần phải đi tái sinh trong Cõi Thiên Giới; thế nhưng lại không có được cơ hội để giao tiếp với tất cả các Bậc Hiền Triết, có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. và cũng không có được cơ hội để học hỏi Chánh Pháp Học Giáo Truyền. Nhóm người này nhận thấy rằng những Bất Thiện đã phát sinh đến với mình rồi, thì không biết là bao nhiêu để mà đếm cho xuể được; và thiết yếu sẽ phải tìm kiếm đạo lộ ngõ hầu tiệt diệt hết những thể loại Bất Thiện này. Bởi vì chính những thể loại Bất Thiện này đã làm cho mình không thể nào thụ hưởng được sự an lạc trong chốn bồng lai tiên cảnh. Khi đã nghĩ suy như vậy, thế rồi đã phát sinh tư duy nhận thức rằng hẳn là ta đã có mắc nợ với Bất Thiện rồi, thì ta cần phải cố gắng để giải quyết nợ cũ Bất Thiện cho được hết sạch đi, còn nợ mới thì quyết sẽ không tạo thêm nữa; và như vậy mới có thể sẽ trả hết sạch nợ trần được. Hơn nữa Bất Thiện cũ, đấy là người chủ nợ đã làm cho ta phải bị khốn khổ vất vả vô cùng, nhất quyết là ta sẽ phải lấy sự vất vả đấy, dùng để trả cho dứt sạch hết nợ trần. Điều này cũng được ví như một người đã là con nợ bạc vàng của người ta, vả lại không có khả năng để đi kiếm được bạc vàng ngõ hầu trả cho dứt nợ của người; thế thì cũng phải tự đem thân đem sức đi đến đối diện với sự vất vả khổ sở ấy, có nghĩa là phải cam chịu làm kẻ tôi tớ cho người ta sử dụng để thay thế bạc vàng. Chính sự vất vả khổ sở này đã có khả năng sẽ giúp cho bản thân mình vượt thoát ra khỏi và giũ sạch hết cả những nợ trần ấy được. Điều này như thế nào, thì bản thân đang mắc nợ Bất Thiện cũng như thế ấy vậy, tất yếu cũng sẽ cần phải lấy sự vất vả khổ sở thuộc loại nhóm Hữu Tình Bàng Sinh có bò và chó v.v. đang được đón nhận đấy, để làm thành phương dụng hỗ trợ cho bản thân được vượt thoát ra khỏi người chủ nợ Bất Thiện, thì đến lúc bấy giờ bản thân mình mới sẽ được thoát ra khỏi Bất Thiện. Khi đã nghĩ suy theo đường lối như vậy, thế rồi đã cùng rủ nhau tiến hành tu tập bản thân cho giống với bò (Ngưu Hành Giả) và chó (Cẩu Hành Giả); có việc ăn, việc ngủ, việc ngồi, việc đứng, việc bài tiết tiêu tiểu, suốt trọn cho đến cả việc bày trí sắc thân hình thù cũng cho được giống với bò hoặc chó ấy vậy; mà chính ngay điều này là đã trái

ngược lại việc sinh hoạt của tất cả Nhân Loại. Hơn thế nữa, cũng chính việc thực hành như vầy mới được gọi tên **Giới Cấm Chấp Thủ.**

+ **Ngã Cấm Chấp Thủ** là **Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi)** hoặc **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** bám giữ chặt trong Ngũ Uẩn rằng là Ngã, là Bản Ngã; và hiện hữu đến 20 thể loại, hoặc tính theo tròn đủ thì có được 256 thể loại, đó là:

1/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Sắc Uẩn làm Cảnh có được 4 hoặc 112.

2/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Thọ Uẩn làm Cảnh có được 4 hoặc 72.

3/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Tưởng Uẩn làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

4/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Hành Uẩn làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

5/. Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào Thức Uẩn làm Cảnh có được 4 hoặc 24.

76. Hỏi: Một cách ngắn gọn Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào cả Ngũ Uẩn đấy thì có được bao nhiêu ? một cách tròn đủ thì có được bao nhiêu ? Và hãy trình bày việc sinh khởi của Hữu Thân Kiến một cách ngắn gọn và một cách tròn đủ với việc nương vào bất luận một Uẩn nào trong Ngũ Uẩn đấy cho được trông thấy một cách rõ ràng.

76. Đáp: Một cách ngắn gọn Hữu Thân Kiến sinh khởi do nương vào cả Ngũ Uẩn có được 20 thể loại, và tính theo tròn đủ thì có được 256 thể loại.

+ **Hữu Thân Kiến** sinh khởi do nương vào **Sắc Uẩn** làm thành Cảnh có bốn thể loại:

1/. Rūpaṃ attato samanupassati: Có quan điểm rằng Sắc này là Ta, và Ta là Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là một như nhau; cũng tương tự như trông thấy ngọn lửa với ánh sáng ngọn lửa vậy).

2/. Rūpavantaṃ và attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta có Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như cây với bóng cây vậy).

3/. Attani và rūpaṃ: Có quan điểm rằng Sắc này ở trong Ta. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như mùi hương của hoa hiện hữu trong bông hoa vậy).

4/. Rūpasmiṃ và attānaṃ: Có quan điểm rằng Ta ở trong Sắc này. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự ngọc Ma Ni trong hộp kim hoàn vậy). Tính về số lượng tròn đủ có được 112 thể loại ấy, tức là: Bốn thể loại Hữu Thân Kiến có Sắc Uẩn làm thành Cảnh đây, sinh khởi do nương vào Địa Giới cũng có, sinh khởi bởi do nương vào Thủy Giới cũng có v.v. cho đến Sắc Lão Mại, Sắc Vô Thường cũng có; chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với 28 Sắc Pháp mới trở thành 112 thể loại, là như vậy.

77. Hỏi: Cho bổ sung nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: "Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri v.v. và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị".

77. Đáp: "Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri và bất tín rằng Danh Sắc, Ngũ Uẩn này là Vô Ngã, là một thực tính không nằm ở trong mãnh lực cai quản và chỉ đạo của một ai, không có Ngã, và không có Bản Ngã. Lại hiểu biết rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn này là **Ngã (Atta),** là Bản Ngã; và Bản Ngã này là độc lập, có khả

năng chủ quản và chỉ đạo Danh Sắc Ngũ Uẩn được. Bản Ngã chỉ thị cho sắc thân thực hiện những việc đứng, đi, ngồi, nằm, nói, nhìn, nghe v.v. và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị".

A. 78. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu chuyện **Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta),** và **Bản Sinh Mệnh Ngã (JīvaAtta)** một cách tỷ mỷ chi tiết.

78. Đáp: + Sự chấp thủ rằng Bản Ngã đây có khả năng kiến lập được thế gian; tất cả những vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày trong thế gian hằng mỗi ngày đều được sinh ra từ mãnh lực của Bản Ngã ấy hết cả thảy; và sự chấp thủ như vậy mới được gọi tên là **Chí Tôn Bản Ngã.** + Sự chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu trong thế gian này, có Tôi có Ta, tức là có sinh mệnh bảo hộ giữ gìn; và sự chấp thủ như vậy được gọi tên là **Bản Sinh Mệnh Ngã.**

Giải thích rằng **Chí Tôn Bản Ngã** có lịch sử nói rằng vào thời kỳ thế gian đã bị tiêu hoại do bởi Hỏa Tai, và bắt đầu kiến thủy tân tiên thiên vũ trụ, thì ba Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới đã được kiến tạo lên trước cả các Cõi Giới khác. Trong thời gian tân kiến tạo đã được hoàn mãn đây, thì vẫn chưa có bất luận một vị Phạm Thiên nào sinh khởi lên cả. Tiếp đến Phạm Thiên ở tầng trên kể từ Cõi Nhị Thiền Hữu Sắc Giới, bất luận một vị nào đã vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt từ ở Cõi Giới ấy, và đi thọ sinh trong Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới này, hiện bày làm vị Đại Phạm Thiên đầu tiên; ở đàng phía sau vị Đại Phạm Thiên này có hào quang sáng rực. Thời gian về sau thì vị Đại Phạm Thiên này đã khởi sinh cảm thụ trống trải cô đơn, mới chợt nghĩ đến ước nguyện sao cho có các vị Phạm Thiên khác nữa đến sinh sống chung với mình; đột nhiên vừa trùng khớp với thời gian ấy, có một vài vị Phạm Thiên ở trong tầng Cõi Giới trên cũng vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt, đã cùng rủ nhau tử vong đến tái sinh trong Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới này trong thời gian nối tiếp với nhau có được rất nhiều vị. Tuy nhiên nhóm Phạm Thiên đi tái sinh ở thứ bậc sau đây, thì không được làm vị Đại Phạm Thiên, mà có một số vị làm hàng **Phạm Chúng Thiên (Brahmapārisajjā** – Bộc chúng vị Đại Phạm Thiên), một số vị làm **Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohitā** – Quân Sư vị Đại Phạm Thiên) và tất cả đều là hàng quần thần tùy tùng của Ngài Đại Phạm Thiên cả thảy. Sự rực rỡ của hào quang phún tủa ở châu thân cũng ít hơn Ngài Đại Phạm Thiên. Khi Ngài Đại Phạm Thiên đã được trông thấy tất cả nhóm Phạm Thiên vừa hóa sinh lên ở trong thời gian ấy, thì cũng liền nghĩ suy rằng "Khi Ta vừa khởi lên ước nguyện mong cầu có được vị Phạm Thiên hóa sinh cùng sống chung với Ta, thì sự ước nguyện cũng đã được thành tựu ứng hợp với sở nguyện; bởi do thế đích thị chính là Ta đây mới là Đấng kiến lập tất cả Chúng Phạm Thiên cho được hiện khởi lên ở trong thế gian này."

79. Hỏi: Sự Chấp Thủ rằng **Bản Ngã (Atta)** đây, thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho lời giải thích một cách ngắn gọn.

79. Đáp: Sự Chấp Thủ rằng đây là Bản Ngã có được sáu thể loại, đó là:

1/. Tự Hành Mệnh Ngã (Kāraka JīvaAtta): là người tác hành tạo tác.

2/. Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JīvaAtta): là người thụ lãnh.

3/. Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sāmī JīvaAtta): là chủ nhân.

4/. Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivāsī JīvaAtta): là người sống vĩnh hằng.

5/. Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī JīvaAtta): là người có quyền năng điều khiển được sắc thân.

6/. Đắc Quyền Mệnh Ngã (Vasavatta JīvaAtta): là người có quyền lực đặc biệt.

80. Hỏi: Cho dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā mahā brahmā abhibhū anabhibhū to aññadattthudaso vasavatti issaro kattā nimmātā seṭṭho sajjitā vasī pitā bhū tabhabyānaṃ iminā mayaṃ bhotā brahmunā nimmitā.**

80. Đáp: Dịch nghĩa là: Vị Phạm Thiên này là Đại Phạm Thiên có quyền năng cai quản tất cả Chúng Hữu Tình, không có trong sự cai quản của vị nào khác; là Đấng Tạo Hóa nhất định có quyền năng liễu tri thông suốt tất cả sự vật, có quyền năng điều khiển làm cho tất cả Chúng Hữu Tình tiến hành thực hiện theo sự duyệt ý của mình; là Đấng Hóa Sinh Chủ, Đại Tôn cai quản tất cả Chúng Hữu Tình; là Sáng Tạo Chủ Thế Gian và Chúng Hữu Tình; là Đấng Thượng Tôn ở trong thế gian; là Chủ Tể mọi định mệnh, sắp bày tạo tác Hữu Tình cho làm Đại Vương, cho làm Bà La Môn, làm bá hộ, làm người giàu, người nghèo, tùy theo thích hợp với vị trí địa vị; là Tổ Phụ của Chúng Hữu Tình đã sinh lên và sắp sẽ sinh lên về sau. Ngay cả tất cả chúng ta hóa sinh lên ở ngay trong lãnh địa này, là cũng chính do bởi Đại Phạm Thiên này là Bậc đã kiến lập lên."

81. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa những từ ngữ sau đây: **1/. Tự Hành Mệnh Ngã (Kāraka Jīva Atta), 2/. Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JīvaAtta), 3/. Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sāmī JīvaAtta), 4/. Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivāsī JīvaAtta), 5/. Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī JīvaAtta), 6/. Đắc Quyền Mệnh Ngã (Vasavatta JīvaAtta);** và cho lời giải thích trong độ chừng một vài từ ngữ của những từ ngữ này.

81. Đáp: Bản Sinh Mệnh Ngã (JīvaAtta):

1. Có người đã quan điểm rằng ở phía bên trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đây có một bản ngã gọi là Mệnh Ngã. Mệnh Ngã này có được quyền năng tác hành tạo tác hết tất cả mọi công việc; chẳng hạn như trong lúc đang bước đi, thì cử chỉ oai nghi bước đi, là chẳng phải hiện hành với mãnh lực của bàn chân, chả là hiện hành với mãnh lực của chính **Bản Sinh Mệnh Ngã** ấy, và đã làm thành người chỉ thị cho giở bàn chân lên bước đi. Hoặc giả trong lúc nào Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện ở trong một điều Bất Thiện, thì Thân Hành và Ngữ Hành cũng đều thực hiện ở trong điều Bất Thiện ấy đúng theo ý định của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc giả Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện ở trong một điều Thiện, thì Thân Hành và Ngữ Hành cũng đều thực hiện ở trong điều Thiện ấy đúng theo lời chỉ thị của Bản Sinh Mệnh Ngã. Chẳng hạn như trong lúc đang đưa bàn tay lên vái lạy ở ngay trước kim thân Đức Phật; thì việc đưa bàn tay lên để chắp tay vái lạy ở ngay trước kim thân Đức Phật ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc trong lúc đang tụng niệm kinh thì việc thốt lên lời tụng đọc ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã; vả lại

việc tụng đọc kinh được đúng đắn, cũng đều là với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã hết cả, v.v. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Hành Mệnh Ngã (Kāraka Jīva Atta – Người tác hành tạo tác).**

2. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, đã làm thành người thụ lãnh quả báo phát sinh từ nơi Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực, sự an vui, sự khổ đau, ốm đau bệnh hoạn, và việc thọ thực thượng vị và hạ vị v.v. Việc tác hành Thiện, tạo tác Bất Thiện để rồi sẽ phải đón nhận quả báo trong thời vị lai, thì Bản Sinh Mệnh Ngã cũng sẽ làm thành người đón nhận thụ lãnh. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JīvaAtta – Người thụ lãnh).**

3. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, là vị chủ quản lý sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì có quyền năng làm người chủ quản khắp cả các bộ phận của sắc thân; chính vì thế Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sāmī JīvaAtta – Chủ nhân).**

4. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, một khi sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đã bị hư hoại đi, do bởi sự già nua lão mại hoặc do bởi bất luận một nguyên nhân bất tường nào đi nữa, thì Bản Sinh Mệnh Ngã này cũng sắp bày kiến tạo lên một sắc thân mới được nữa, thế rồi cũng chuyển di ở trong sắc thân mới ấy. Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho dù sẽ có bị hư hoại đi, tuy nhiên Bản Sinh Mệnh Ngã đây thì bất hoại, và có quyền năng kiến tạo lên sắc thân mới được hoài hoài. Hoặc một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây là một phần của **Chí Tôn Bản Ngã.** Khi Hữu Tình cận tử lâm chung, thì sắc thân ấy ngay tức thời cũng quay trở về lại trú xứ của Chí Tôn Bản Ngã hằng hiện hữu ở trên Cõi Trời. Có nghĩa là Chí Tôn Bản Ngã là Bậc đã gọi về, và coi như là Bản Sinh Mệnh Ngã ấy đã không có việc tử vong. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivāsī JīvaAtta – Sống vĩnh hằng).**

5. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây có năng lực ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī – Người có quyền năng điều khiển được sắc thân).** Khi kết hợp cả hai thể loại quan điểm, đó là **Trường Tồn Mệnh Ngã (Nivasī)** và **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayaṃvasī)** vào với nhau, cũng có nghĩa là có một nhóm người có cả hai thể loại quan điểm này. Hiểu biết rằng Bản Sinh Mệnh Ngã này là cốt lõi, là cốt lõi bền vững cùng tột, không có bất luận một vật thể nào có khả năng để sẽ phá hủy cho tiệt diệt đi được. Hơn nữa, lại còn có quyền năng một cách đặc biệt để có khả năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho thực hiện thể theo ý định của mình, mới được gọi là **Đặc Quyền Mệnh Ngã (Vasavattana – Người có quyền lực đặc biệt).**

82. Hỏi: Nếu như đã không có Hữu Thân Kiến thì những Tà Kiến khác có được sinh khởi hay không ? Cho sự thẩm định và lời giải thích.

82. Đáp: Các thể loại Tà Kiến đã có được hiện khởi lên cũng chính do nương vào Hữu Thân Kiến ấy vậy; bởi do thế Đức Phật mới trình bày để trong **Phẩm Tâm (Cittavagga)** –

Phần **Lục Nội Xứ (Saḷāyatana)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh đã nói rằng **Hữu Thân Kiến** này là hạt giống căn gốc của tất cả các Tà Kiến. Nếu sẽ trình bày câu Chú Giải của Hữu Thân Kiến này thì có được như vầy: **Santo kayo = Sakkāyo, Sakkāye pavattādiṭṭhi = Sakkākāyadiṭṭhi** - Khối Ngũ Uẩn có được phối hợp thể theo Thực Tính Siêu Lý thì được gọi tên là **Hữu Thân.** Là Ngũ Uẩn. Tà Kiến là sự chấp thủ giữ lấy, đã sinh khởi trong khối Ngũ Uẩn có được việc hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý, thì được gọi tên là **Hữu Thân Kiến.** Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, tuy nhiên quan điểm chấp thủ giữ lấy trong Danh Sắc là Ta, của Ta đây, thì ắt hẳn thường hay có với nhau hết cả thảy, chỉ ngoại trừ Bậc Thánh Nhân thôi. Sự chấp thủ giữ lấy đa phần là đã bám giữ giữ chặt trong Thức Uẩn; chẳng hạn như một người nào đã chết, thì người còn sống sẽ thường hay nói rằng người này người nọ mạng sống đã tan rã, lìa khỏi sắc thân rồi. Hoặc giả những con trẻ thì sẽ hoảng hốt giật mình, còn người lớn thì thường hay bảo rằng "kinh hồn bạt vía"; mà ý nghĩa của lời nói rằng "kinh hồn bạt vía" đây, cũng có thể lập ý chỉ lấy chính cái Tâm hoặc Thức của những con trẻ ấy thoát ra trong khoảnh khắc khỏi cơ thể ấy vậy. Hoặc đôi khi người đã chết đi rồi, nhưng Thức vẫn có thể đang bay lơ lửng, vẫn chưa có đi tái sinh chỗ nào cả; và đôi khi Thức của người ấy đi đến réo gọi rủ rê anh chị em, con cháu, chồng vợ v.v. cho đi với nhau. Hoặc đôi khi Thức của người ấy đã chết đi, lại đến ám ngụ vào ở trong những sắc thân của thân quyến, anh chị em, chồng vợ; và đã khiến cho phải thực hiện một buổi lễ xua đuổi trục xuất Thức ấy đi, như vậy chẳng hạn. Sự chấp thủ giữ lấy phần Ngã Luận Kiến đây rất là rộng lớn, không chỉ sẽ chấp thủ riêng biệt vào Ngũ Uẩn là sắc thân không thôi, mà ngay cả cho đến các vật thể ở phía bên trong, chẳng hạn như núi đồi, cây cối, mặc đất, sông nước; với những thể loại này cũng chấp thủ rằng có Bản Ngã, tất cả đều là Bản Sinh Mệnh Ngã Kiến cả thảy.

Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày để trong Chánh Tạng **Pāḷi** về "thảo mộc điều học chỗ trú ngụ" thuộc Tạng Luật Tỳ Khưu Ưng Đối Trị **(Bhūtagāmasikkhā senāsana – Bhikkhupācittīya)** nói rằng **Jīvasaññino hi moghapurisā manussā rukkhasmiṃ (Maha vibhaṅga II – Đại Phân Tích II, điều 354)** dịch nghĩa "Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống."

A. 83. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Ái Dục với Dục Chấp Thủ một cách tỷ mỷ chi tiết.

83. Đáp: Trình bày sự khác biệt nhau giữa **Ái Dục** với **Dục Chấp Thủ: + Ái Dục** một khi tính theo Chi Pháp, là Tâm Sở **Tham. + Dục Chấp Thủ** một khi tính theo Chi Pháp, cũng chính là Tâm Sở **Tham** tương tự như nhau.

Bởi do thế, trong sự việc nói rằng **Ái Dục** làm duyên cho **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên, cũng có nghĩa chính là **Tham** làm duyên cho **Tham** khởi sinh lên vậy. Khi đã là như vậy, Tham chỗ được gọi tên là **Ái Dục** với Tham chỗ được tên là **Dục Chấp Thủ** có sự khác biệt nhau như thế nào ? Giải thích rằng sự đắm nhiễm, sự mong muốn trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc đây, thì được gọi tên là **Ái Dục.** Đích thị chính sự đắm nhiễm, sự mong muốn này đây, một khi đã có khởi sinh lên với nhiều năng lực mạnh mẽ, và thường

làm cho tâm thức luôn phải bị cột trói dính mắc với những Cảnh ấy, không thể mất đi được; hoặc một khi sự vật mà bản thân đã có sự mong mỏi kỳ vọng rồi, và có sự nâng niu quý trọng sự vật ấy không chịu buông bỏ, như vậy chẳng hạn thì được gọi là **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên bởi do nương vào **Ái Dục** làm duyên.

1/. **Ái Dục** đây, là sự hoan hỷ duyệt ý sinh khởi lần đầu tiên trong bất luận một Cảnh Dục Trần nào đó. Và **Dục Chấp Thủ** này, là sự đắm nhiễm dính mắc trong những Cảnh Dục Trần ấy mà không chịu buông bỏ.

2/. Ái Dục được ví như cây cối vừa bắt đầu nẩy sinh những mầm mới lên. Và Dục Chấp Thủ được ví như cây cối đã phát triển tươi tốt và to lớn lên rồi.

Theo lẽ thường, cây cối vừa nẩy sinh những mầm mới lên thì rễ cây hãy còn nhỏ và lần mò mọc xuống trong lòng đất khi vẫn còn cạn hẳn chưa sâu. Nếu sẽ cần phải di chuyển đem đi trồng ở chỗ khác, thì cũng có khả năng nhổ lên được dễ dàng, và cũng không làm cho rễ cây phải bị đứt hoặc bị hư hỏng đi bất cứ trường hợp nào cả. Còn cây khi đã phát triển to lớn rồi, thì thường có rễ cây mọc dài sâu thẳm xuống trong lòng đất, đã và đang bám giữ chặt lấy; thật là khó khăn cho việc sẽ nhổ lên và đem đi trồng ở chỗ khác; bởi vì rất có thể sẽ làm cho rễ cây bị đứt lìa và chết đi được. Điều này như thế nào thì sự hiện hành từ **Ái Dục** và **Dục Chấp Thủ** cũng tương tự. **Ái Dục** là sự duyệt ý trong những Cảnh khi vẫn đang còn có năng lực yếu kém, và chưa có đủ năng lực để bám níu giữ chặt trong những thể loại Cảnh ấy. Còn **Dục Chấp Thủ** là sự duyệt ý trong Cảnh với năng lực đã sinh khởi lên mạnh mẽ, đã và đang bám giữ chặt lấy trong những thể loại Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ.

Ái Dục đây, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Thiểu Dục (Appicchāguṇa)** là việc làm thành người ít mong mỏi tham muốn, và biết đủ. **Dục Chấp Thủ** này, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Túc Nguyện (Santosaguṇa)** là việc làm thành người duyệt ý mãn nguyện trong điều mà mình đang có. **Ái Dục** làm Nhân từ nơi **Tầm Cầu Khổ (Pariyesanadukkha)** là sự khổ đau hữu quan việc tầm cầu tìm kiếm trong những Cảnh Dục Trần. **Dục Chấp Thủ** làm Nhân từ **Bảo Tồn Khổ (Ārakkhadukkha)** là sự khổ đau hữu quan việc canh phòng gìn giữ trong những Cảnh Dục Trần mà mình đã có được, không cho bị hư hoại mất mát đi.

84. Hỏi: Xin cho bổ túc nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: "Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa v.v. dịch nghĩa là "Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống."

84. Đáp: "Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, tuy nhiên quan điểm chấp thủ giữ lấy trong Danh Sắc là Ta, của Ta đây, thì ắt hẳn thường hay có với nhau hết cả thảy, chỉ ngoại trừ bậc Thánh Nhân mà thôi. Sự chấp thủ giữ lấy thì đa phần là đã bám giữ giữ chặt trong Thức Uẩn; chẳng hạn như một người nào đã chết, thì người còn sống sẽ thường hay nói rằng người này người nọ mạng sống đã tan rã, lìa khỏi sắc thân rồi. Hoặc giả những con trẻ thì sẽ hoảng hốt giật mình, còn người lớn thì thường hay bảo rằng "kinh hồn bạt vía"; mà ý nghĩa của lời

nói rằng "kinh hồn bạt vía" đây, cũng có thể lập ý chỉ lấy chính cái Tâm hoặc Thức của những con trẻ ấy thoát ra trong khoảnh khắc khỏi cơ thể ấy vậy. Hoặc đôi khi người đã chết đi rồi, nhưng Thức vẫn có thể đang bay lơ lửng, vẫn chưa có đi tái sinh chỗ nào cả; và đôi khi Thức của người ấy đi đến réo gọi rủ rê anh chị em, con cháu, chồng vợ, v.v., cho đi với nhau. Hoặc đôi khi Thức của người ấy đã chết đi, lại đến ám ngụ vào ở trong những sắc thân của thân quyến, anh chị em, chồng vợ; và đã khiến cho phải thực hiện một buổi lễ xua đuổi trục xuất Thức ấy đi, như vậy chẳng hạn.

Sự chấp thủ giữ lấy phần Ngã Luận Kiến đây rất là rộng lớn, không chỉ sẽ chấp thủ riêng biệt vào Ngũ Uẩn là sắc thân không thôi, mà ngay cả cho đến các vật thể ở phía bên trong, chẳng hạn như núi đồi, cây cối, mặc đất, sông nước; với những thể loại này cũng chấp thủ rằng có Bản Ngã, tất cả đều là Bản Sinh Mệnh Ngã Kiến cả thảy. Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** về "thảo mộc điều học chỗ trú ngụ" thuộc Tạng Luật Tỳ Khưu Ưng Đối Trị **(Bhūtagāmasikkhāsenāsana – Bhikkhu pācittīya)** nói rằng **Jīvasaññino hi moghapurisā manussā rukkhasmiṃ (Maha vibhaṅga II – Đại Phân Tích II, điều 354)** dịch nghĩa là "Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống."

85. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Sattiyā yassa jīvassa Loko vattati maññito
Kārako vedako sāmī Nivāsī so sayaṃvasī

Luôn cả thẩm định trong điều nói rằng "Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình" hoặc lời nói rằng "tự tin"; những lời nói này có được liệt kê vào Ngã Luận Chấp Thủ hay không ? Và thể loại Tà Kiến nào thì được gọi tên là Kiến Chấp Thủ ? Cho lời giải thích và nêu lên cơ sở dẫn chứng để trình bày với.

85. Đáp: "Những kẻ Vô Văn Phàm Phu có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang thực hiện biết bao hành động của mình và đã được tồn tại, là cũng chính do bởi nương vào năng lực của Mệnh Ngã ấy vậy. Và cũng chính Mệnh Ngã này là người có quyền năng thực hiện được mọi hành động, là người thụ lãnh quả báo tốt và cả xấu, là chủ quản sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng kiến lập sắc thân mới; hoặc trở về trú xứ của Chí Tôn Bản Ngã bất hoại diệt; có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để cho làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình."

Mệnh Ngã người đời há khỏi qua,
Chấp rằng chủ quản đều do Ta,
Chế quyền chẳng mất quy về Bổn,
Định đặt nhiều tên tựa lý xa.
(Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi) ở phần **Ngã Luận Chấp Thủ (Attavādupādāna)** đấy, là người ấy sẽ phải chấp thủ giữ lấy rằng ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình; và nếu

như trong việc trình bày Pháp hoặc trong việc dùng để bảo với nhau rằng **Attā hi attano nātho - Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình,** hoặc lời nói rằng "Tự tin" thì những thể loại này chẳng phải là Ngã Luận Chấp Thủ.

Bậc Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày để trong Chương Toát Yếu **(Nikkhepakaṇḍa)** thuộc Bộ Kinh Pháp Tụ **(Dhammasaṅginīpakaraṇa)** rằng: **Sīlabbatupādānañca sabbāpi micchādiṭṭhi diṭṭhupādānaṃ - dịch nghĩa** "Loại trừ Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ đi, thì tất cả những thể loại Tà Kiến ấy đều là Kiến Chấp Thủ hết cả thảy."

A. 86. Hỏi: Hãy giảng giải trong Ái Dục làm Năng Duyên cho cả Tứ Chấp Thủ đi.

86. Đáp: 1. Trình bày Ái Dục làm duyên Dục Chấp Thủ khởi sinh:

Ái Dục làm duyên **Dục Chấp Thủ,** sẽ nêu lên một kiểu mẫu điển hình như tích truyện về Bậc Giác Hữu Tình **(Bodhisatta** – Bồ Tát) có nội dung như sau: "Bậc Giác Hữu Tình **(Bodhisatta – Bồ Tát)** trong một kiếp sống làm vị Đạo Sĩ đã thành tựu viên mãn Thiền Định và Thắng Trí, có khả năng bay trên hư không, thế rồi đã đi đến trú ngụ trong vườn ngự uyển của Đức Vua ở kinh thành **Baraṇasī,** và từng mỗi ngày đã đi vào Hoàng Cung để đón nhận thực phẩm và thọ thực ở tại nơi đó. Tiếp đến Đức Vua **Baraṇasī** có quốc sự và tạm thời phải đi ra khỏi kinh thành; Ngài đã chỉ thị cho Vương Phi có tên gọi **Mudulakkhaṇā** thay thế cho mình, để thực hiện việc sắp bày vật thực cúng dường đến Bậc Đạo Sĩ. Vương Phi đã vâng theo lời chỉ thị của Vua ban một cách nghiệm nhặt. Một ngày nọ, Nàng ta đã sửa soạn sắp bày vật thực cho đến Bậc Đạo Sĩ xong xuôi đâu vào đấy cả rồi, và trong khi chờ đợi Bậc Đạo Sĩ đến, Nàng ta đã đi nằm nghỉ ngơi ở tại bệ đài của đại sảnh. Đến thời đã quy định, Bậc Đạo Sĩ đã bay vào khoang cửa sổ, và khi nghe được âm thanh của Bậc Đạo Sĩ đã đến, Nàng ta cũng liền vội đứng lên cho việc đón tiếp. Thế nhưng, tình cờ mảnh vải lụa của Nàng ta đã sút sổ ra khỏi long thể mà không kịp hay biết. Ngài Đạo Sĩ đã trông thấy được sắc thân của Nàng ấy, thế rồi đã mất đi năng lực của sự kiểm thúc, và đã phát sinh lên sự luyến ái ưa thích ở trong sắc thân mỹ lệ của Nàng ta. Ái Dục đã tĩnh lặng ở nội tâm bấy giờ tức thì đã bùng phát khởi lên, cũng giống như một thân cây có mủ nhựa đã bị dao rạch vào, thế là nhựa cũng liền rỉ chảy ra vậy. Thiền định của Ngài đã bị tổn hại, đứng sững sờ không màng đón nhận vật thực, vội vàng rời khỏi cung điện, liền bước đi đến vườn ngự uyển, và đã vào trong thảo am, buông bỏ vật thực để nằm ở đó và đã đi nằm khóc than đến nàng Vương Phi ấy suốt trọn cả thời gian 7 ngày, chẳng màng nghĩ tưởng đến việc ăn uống."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng Ái Dục làm Nhân cho Dục Chấp Thủ khởi sinh; tức là phút giây tiên khởi mà Ngài Đạo Sĩ đã được trông thấy sắc thân của nàng Vương Phi, thế rồi liền phát sinh lên sự ưa thích ái luyến, ấy là giai đoạn của Ái Dục khởi sinh. Tiếp đến năng lực của sự duyệt ý ấy đã phát khởi lên một cách mãnh liệt, cho đến phải nằm khóc than suốt cả bảy ngày chẳng màng nghĩ đến việc ăn uống, ấy chính là giai đoạn của Dục Chấp Thủ đã khởi sinh lên rồi vậy.

2. Trình bày Ái Dục làm duyên Kiến Chấp Thủ khởi sinh:

Sự ưa thích đắm nhiễm trong các Cảnh ấy, đã làm Nhân cho khởi sinh sự thấy sai chấp lầm mà bất hữu quan với cả hai thể loại Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ, khởi lên trước hết, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ.** Cảnh đã làm thành đối tượng cho sinh khởi sự ưa thích duyệt ý đấy, thì có được cả hai thể loại Nội Bộ và Ngoại Bộ. Cảnh Nội Bộ đấy, đích thị chính là Ta và của Ta ấy vậy. Sự ưa thích duyệt ý về Ngã và Tự Ngã đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên. Và sự ưa thích duyệt ý ở trong Cảnh Ngoại Bộ, ấy chính là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng cũng đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên.

Có một tích truyện điển hình như vầy: "Vua **Aṅgati** cai trị kinh thành **Mithilā** trong tiểu vương quốc **Videha.** Vua **Aṅgiti** này đã có niềm thủ tín trong lời nói của một vị Quan Đại Tướng có tên gọi **Alāta** đã hướng dẫn cho Vua **Aṅgati** đi đến trú xứ của một vị Ẩn Sĩ Tà Kiến có tên gọi **Guṇa** thuộc dòng họ **Kassapa** chấp thủ lấy chủ thuyết lõa thể. Vua **Aṅgati** đã vấn hỏi đến Ẩn Sĩ **Guṇa** rằng "Sẽ thực hành như thế nào thì mới sẽ được thọ sinh trong Cõi Thiện Thú ?" Ẩn Sĩ **Guṇa** trả lời rằng: "Việc thực hành những thể loại Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả. Việc phụng hành những Thiện Sự đến người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ, và các bậc Học Vị Trưởng Bối, Niên Linh Trưởng Bối đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, tương tự như nhau. Chính vì thế, người kiêu mạn rằng có Trí Tuệ đấy, đích thị người ấy là kẻ si độn. Ưa thích thiết lập việc từ thiện, người Hữu Trí đích thị là những bậc Trí Tuệ, chính là người thọ thí, mà cuối cùng rồi người làm việc từ thiện ấy cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, chỉ là việc vô ích, chẳng nhất thiết phải làm như vậy. Khi hội đủ 84 Đại Kiếp rồi, thì tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình cũng sẽ tự tinh khiết thuần tịnh, và cùng rủ nhau đi đến Níp Bàn, vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi đều nhau cả thảy." Khi Ẩn Sĩ **Guṇa** đã trình bày vừa dứt, thì Quan Đại Tướng **Alāta** liền ủng hộ nói rằng: "Ngài Ẩn Sĩ **Guṇa** đã nói như vậy, quả thật đúng vô cùng, bởi vì chính tự bản thân tôi đây, trong kiếp sống trước kia, tôi được sinh ra đã là một Ngưu Đồ Tể; nhưng khi tôi chết đi thay vì sẽ phải rớt vào trong Khổ Thú, thì trái lại được đi thọ sinh làm thành Người ở trong kiếp sống này; và đã được thụ hưởng sự an vui hạnh phúc cho đến chức Quan Đại Tướng như vầy đây, mới biểu thị cho được thấy rằng hành động tạo tác việc xấu ác cũng chẳng làm cho phải thụ lãnh quả báo nào cả, đúng y như lời của Ngài Ẩn Sĩ đã vừa nói vậy."

Quan Đại Tướng **Alāta** là bậc đã chứng đạt được **Tuệ Truy Niệm Kiếp Số (Jātisarañāṇa)** là có được việc tưởng nhớ lại các kiếp sống, thế nhưng chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống thôi; bởi do thế mới không có khả năng để sẽ biết đến sự hiện hành của mình trong kiếp sống thứ ba được. Mà sự thật thì ở trong kiếp sống thứ ba đấy, Quan Đại Tướng **Alāta** là người đã từng có kiến tạo Thiện Nghiệp Lực, tức là đã lấy bông hoa đi cúng dường đến Bảo Tháp tôn trí Ngọc Xá Lợi của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa.** Tuy nhiên khi đến thời cận tử lâm chung trong kiếp sống ấy, Thiện Sự cúng dường đến Bảo Tháp Xá Lợi thì không có được cơ hội trổ sinh quả báo; còn các Thiện Sự khác ở thể loại thấp kém hơn mà đã thực hiện thì lại có cơ hội trổ sinh quả báo trước; bởi do thế mới phải đón nhận quả báo cho được sinh làm thành người hạ đẳng có việc mưu sinh của hạng Ngưu Đồ Tể trong

kiếp sống thứ hai vậy. Và khi mệnh chung khỏi kiếp sống thứ hai thì Bất Thiện Nghiệp của việc sát mạng loài bò, vẫn chưa có cơ hội cho trổ sinh quả báo. Thiện Nghiệp Lực đã từng cúng dường đến Bảo Tháp Xá Lợi thì lại có được cơ hội cho quả báo, mới trổ sinh cho làm thành Người thượng đẳng, được làm Quan Đại Tướng có sự an lạc trong kiếp sống hiện tại này. Thế nhưng, Quan Đại Tướng **Alāta** không có khả năng biết đến sự kiện của mình trong kiếp sống thứ ba ấy được; mới có sự hiểu biết sai lầm rằng Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo trong kiếp sống thứ hai ấy, đã không cho quả báo với bất luận trường hợp nào. Sinh mệnh của mình đã tăng trưởng phát đạt lên trong kiếp sống hiện tại, ấy là điều tự nó sinh khởi lên và chẳng phải là quả báo của bất luận Nghiệp Lực nào cả.

Trong sát na ấy thì có một nam nhân là hạng nông nô có tên gọi **Bījaka,** là người thường luôn tu tập thọ trì Giới Luật, có được lắng nghe ở tại nơi đấy. Khi đã được nghe Ẩn Sĩ **Guṇa** trình bày Pháp Lý, và Quan Đại Tướng **Alāta** nói lên lời ủng hộ xác nhận, và luôn cả trình bày sự kiện của mình cho được lắng nghe như thế; nô bộc **Bījaka** tức thì đã khóc than lên, nói rằng: "Pháp Lý của Ngài Giáo Sĩ ấy quả thật đúng đắn hoàn toàn; vì lẽ tiểu nô tôi đây cũng tương tự như nhau. Khi kiếp sống trước đây, tiểu nô đã từng được sinh thành một vị bá hộ giàu có với tài sản 800 triệu đồng tiền vàng, và tiểu nô cũng đã từng tác phúc thường luôn thọ trì Giới Luật, không có tạo bất cứ một điều Ác Hạnh nào cả. Thế nhưng đến khi tiểu nô chết đi, thì Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã từng tác hành cũng không thấy cho quả báo đến với tiểu nô, đặng cho được đón nhận sự an vui hạnh phúc nào đâu. Tiểu nô phải bị tái sinh làm thành người hạ đẳng, làm nô bộc cho người ta như bây giờ đây. Tuy nhiên cho dù sự thể đã là như thế, tiểu nô cũng vẫn cứ kham nhẫn, vẫn cứ kiên trì thường luôn tác phúc thọ trì Giới Luật, cũng chẳng hề nghĩ tưởng đến sự vất vả khổ sở chi cả, và tự kiểm thúc không cho tạo tác những Ác Hạnh, tương tự như nhau. Khi tiểu nô đã được nghe Ngài Ẩn Sĩ và Ngài Quan Đại Tướng trình bày sự kiện như vậy, thì cũng nhận thấy rằng những Thiện Nghiệp Lực mà tôi đã có bỏ nhiều công sức đầu tư để thực hiện đây, trông thấy thực chẳng hữu ích chút nào, vì bằng như tiểu nô đã từng tác hành Thiện tích lũy trong kiếp sống trước cũng chẳng có hiện bày quả báo đến với tiểu nô trong kiếp sống này đã được thấy rành rành rồi; và cũng chính vì thế, Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã có thực hiện mới đây ngay trong kiếp sống hiện tại, thì cũng có thể chẳng cho quả báo trong kiếp sống vị lai chắc thật nữa rồi. Với lý do này tiểu nô mới cảm thấy rất buồn ở trong lòng."

Sự kiện của người nô bộc **Būjika** đây, cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với Quan Đại Tướng **Alāta;** tức là nô bộc **Būjika** chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống thôi; chẳng biết được rằng trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa** thì nô bộc **Būjika** đã sinh thành người chăn nuôi bò. Một ngày kia, bò dưỡng nuôi ấy đã chạy mất đi, ra đến tận ở trong rừng. Sát na ấy có một thầy Tỳ Khưu lạc đường đang đi đến, khi gặp người nuôi bò mới vấn hỏi lộ đường nào thì sẽ đi đâu về đâu. Người nuôi bò ấy cũng chẳng có hài lòng với lời vấn hỏi của thầy Tỳ Khưu ấy, vì chủ yếu chỉ sẽ tìm kiếm cho gặp được bò thôi. Ngài mới vấn hỏi thêm lần nữa rằng lộ đường nào thì sẽ đi đến đâu về đâu, vui lòng nói cho Bần Đạo được biết với. Người nuôi bò cảm thấy không hài lòng mới nói ra lời nói bất lịch sự khiếm nhã rằng: "Vị Tỳ Khưu này rắc rối quá, chẳng biết chi là đúng

thời và đúng chỗ cả, trông thấy đúng là dòng giống tôi đòi nô lệ vậy." Lời nói khi đã nói ra như vậy cũng đã thành tựu Ngữ Nghiệp Lực, chỉ có điều là sẽ chờ có cơ hội cho quả báo đã; bởi do thế Ngữ Bất Thiện Nghiệp Lực mới vẫn chưa có cơ hội cho quả báo. Tiếp đến một khi chính ngay kiếp sống được sinh thành vị bá hộ giàu có ấy đã dứt, thì Ngữ Bất Thiện Nghiệp Lực mà đã tích lũy qua việc nguyền rủa thầy Tỳ Khưu ấy, mới có cơ hội cho quả báo. Với lý do này, khi đã chết đi lìa khỏi kiếp sống bá hộ, mới phải đi tái sinh làm hạng người ty liệt, và phải thành nô lệ người ta.

Vua **Aṅgati** khi đã được lắng nghe Ẩn Sĩ **Guṇa** trình bày vừa dứt sự kiện, luôn cả cũng được lắng nghe chuyện đời của Quan Đại Tướng **Alāta** cùng với kẻ nô lệ **Bījaka** cũng vừa xong, thì cảm thấy thỏa mãn trong lòng và đã đi kết luận nhất trí với việc chẳng thấy hữu ích của việc làm thiện, và chẳng thấy tác nghiệt của việc làm xấu ác. Trong lúc ấy Tà Kiến là sự thấy sai chấp lầm đã xâm nhập và thống trị Vua **Aṅgati** đi rồi. Khi trở về đến Hoàng Cung thì đã từ bỏ tác phúc tác thí, và chỉ thị cho tháo dỡ sảnh đường phát chẩn đi. Những việc quốc sự với bao trọng trách cũng đã trao truyền lại cho vị quan triều thần khác thay thế đảm trách. Còn tự bản thân chỉ có quan tâm ở trong việc thụ hưởng những dục trần mà thôi, chẳng kể điều ấy sẽ là Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh đi nữa, nếu đã vừa lòng thì cần phải thực hiện cho kỳ được. Gái xinh hoặc chẳng xinh ở trong đất nước của nhà vua, nếu như đã thích hợp vừa lòng rồi, thì cũng đã bị cưỡng bức cho đi hầu hạ làm thỏa mãn dục vọng đến cho vua. Thế là đã làm cho tất cả dân chúng phải đón nhận sự khốn khổ ưu não trầm trọng, và đã đi đến tấu trình nhắc nhủ với cô Công Chúa, đấy là người sùng tín ở trong việc thường luôn tác thiện thọ trì Giới Luật, để cầu xin cho từ bỏ những hành động sai trật ấy đi, bằng cách nêu lên những câu chuyện Nhân Quả cho được lắng nghe. Tuy nhiên nhà vua **Aṅgati** cũng chẳng hề tin theo. Tiếp đến Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) là một đấng Phạm Thiên có tên gọi **Nārada** đã biến hóa thành một Đạo Sĩ đến thuyết giảng thị hiện thi dĩ khốc hình với đủ mọi trường hợp. Kết quả cuối cùng thì Đức Vua **Aṅgati** mới chịu từ bỏ Kiến Chấp Thủ ấy đi. Sau khi thuyết giảng Chánh Pháp cho Vua và phá tan mọi Tà Kiến, cùng an trú Vua vào giới hạnh, Bậc Giác Hữu Tình lại khuyên Vua từ nay lánh xa bạn xấu ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi Bậc Giác Hữu Tình đã tán thán mọi đức hạnh của Công Chúa, nói lời khích lệ cả triều đình cùng các cung phi xong, Ngài liền bay trở về Cõi Phạm Thiên Giới với thần lực thù thắng siêu phàm."

Tích truyện này trình bày cho thấy rằng **Ái Dục** tức là sự hảo ngoạn thú vị, đắm nhiễm ở trong Cảnh Dục Trần làm Nhân cho **Kiến Chấp Thủ** khởi sinh, tức là sự thấy sai chấp lầm rằng là tác thiện bất thụ quả thiện, và tác ác bất thụ quả ác. Việc tầm cầu sự an lạc trong chính những Cảnh Dục Trần ấy đã làm cho được thụ lãnh sự lợi ích cùng tột.

3. Trình bày Ái Dục làm duyên Giới Cấm Chấp Thủ khởi sinh:

Dục tầm cầu sự an lạc, nghĩa là với một thể loại làm cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau ở trong Vòng Luân Hồi, hoặc với một thể loại dục tầm cầu sự an lạc trong Cõi Thiên Giới; cả hai thể loại này được gọi tên **Ái Dục (Taṇhā).** Khi những thể loại Ái Dục này sinh khởi ở trong tâm thức của người nào rồi, thì người ấy thường hay tìm kiếm đạo lộ tự hành trì tu tập

để cho được đón nhận sự an lạc y như sở nguyện sở cầu. Trong việc tự hành trì tu tập đây, nếu như có được hội kiến với nhóm **Hiền Triết (Sappurisa)** là những **Bậc Trí Tuệ (Paṇḍita),** hoặc tự bản thân có được chánh tri kiến trong những điều tu tập đúng theo **Chánh Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)** trọn vẹn; thì việc hành trì tu tập ấy được tiến hành một cách khôn khéo, chân chánh, không sai trật với phương châm hành động của tất cả các bậc Hiền Trí. Nếu giả như người ấy lại không có được kết giao với nhóm các bậc Hiền Trí, hoặc không có được tri kiến ở trong Chánh Pháp Học Giáo Truyền; thế rồi việc tu tập ấy sẽ tiến hành trong một đường lối sai trật, bởi do hiểu biết sai lầm rằng đấy là Chánh Đạo. Vả lại, đường lối hành trì tu tập có được hiện hữu với hai thể loại, đó là:

1/. Hành trì tu tập trong phương thức thi dĩ khốc hình sắc thân của mình cho phải đón nhận biết bao sự khốn khổ vất vả, được gọi là hành trì theo **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathānuyoga)** có nghĩa thi dĩ khốc hình sắc thân với đủ mọi phương thức tu tập, giống như là bò (Ngưu Hành Giả), hoặc chó (Cẩu Hành Giả); hoặc là,

2/. Hành trì theo **Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc (Kāmasukkhallikānuyoga)** có nghĩa tự phụng dưỡng cho mình được thụ hưởng thỏa mãn những sự lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, và chẳng cho có bất luận một điều nào đến để quấy nhiễu cản trở được.

Việc hành trì tu tập cả hai phương thức này (còn gọi là Khổ Hạnh và Lợi Dưỡng) đều toàn là việc tu tập theo tà đạo sai trật hết cả thảy; và thay vì sẽ được đón nhận sự an lạc y theo sở nguyện cầu, thì trái lại cho quả báo đối nghịch, tức là thường phải đón nhận sự thống khổ càng gia bội thêm lên nữa.

Việc hành trì trong đường lối Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh đây, cũng hiện hữu với nhiều phương thức, chẳng hạn như việc thi dĩ khốc hình với những thể loại bằng cách chịu nhịn đói khát, không nằm, không chuyển đổi oai nghi, không tắm rửa; hoặc thiêu đốt sắc thân bằng cách phơi nắng cũng có, hơ lửa cũng có, ngâm thân mình ở trong nước cũng có, nằm ở trên chông gai, nằm ở trên đinh cũng có v.v. hoặc tự hành trì tu tập cho giống như bò (Ngưu Hành Giả), hoặc giống như chó (Cẩu Hành Giả); với những thể loại này được gọi là **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh.** Ở tại đây, chỗ gọi tên là **Giới Cấm Chấp Thủ** đấy, tức là việc tự hành trì trong đường lối **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh** với phương thức tự hành trì cho giống như bò, như chó; vả lại đích thị việc tự hành trì ở thể loại này cũng chính là quả báo hữu quan từ nơi **Ái Dục** làm Nhân đó vậy.

Trong tích truyện được nêu lên trình bày để trong bài Kinh thứ 57 với tựa đề **Kinh Cẩu Hành Giả (Kukkurovādasutta)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Trung Phần Ngũ ThậpTrung Bộ Kinh, có nội dung như sau: "Có hai vị **Du Sĩ Ngoại Đạo (Paribbājaka);** một người tên gọi **Puṇṇa Koliyaputta,** và một người kia có tên gọi **Senīya.** Cả hai người này dục tầm cầu sự an lạc trong Cõi Thiên Giới, mong mỏi được làm Chư Thiên có năng lực, mới rủ nhau hành trì tu tập giống như bò, giống như chó; bởi do hiểu biết rằng hành trì như vầy rồi, thì sẽ làm cho tất cả các Phiền Não sẽ không còn sinh khởi, và tất cả Bất Thiện Nghiệp Lực cũ cũng được tiệt diệt. Du sĩ ngoại đạo **Puṇṇa** đã tự hành trì tu tập giống như loài chó. **Senīya** tự hành trì tu tập giống như loài bò; và đã hành trì như vậy một cách thường luôn. Tiếp đến cả hai vị này phát sinh lên sự nghi lự thắc mắc trong điều tu tập của mình rằng điều tu tập của ai

sẽ là đúng hơn ! Tranh cãi lời qua tiếng lại và đã quyết định không thích hợp. Kết quả cuối cùng là rủ nhau đi diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, tác bạch kể lại câu chuyện cho được nghe, và rồi đã vấn hỏi rằng: "Việc hành trì của cả hai chúng con đang tu tập đây, có phước báu như thế nào; hoặc tự tu tập giống như chó thì tốt hơn là tu tập giống như bò; hoặc ngược lại tự tu tập giống như bò thì tốt hơn là tu tập giống như chó; và cả hai chúng con khi chết đi lìa khỏi kiếp sống này rồi thì sẽ thọ sinh nơi nào ?" Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã được lắng nghe như vậy rồi thì Đức Phật đã lập ý cấm chỉ cả hai vị du sĩ ngoại đạo rằng: "Thôi đủ rồi, chớ nên vấn hỏi như vậy nữa !" và đã lập ý cấm chỉ như vậy đến cả 3 lần. Thế nhưng cả hai vị du sĩ ngoại đạo này cũng không chịu làm thinh, vẫn cứ cố gắng vấn hỏi lặp lại mãi cho đến hội đủ lần thứ 4. Đức Phật mới lập ý nói lên rằng: "Này du sĩ ngoại đạo, người tự hành trì giống như chó một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài chó. Và người tự hành trì giống như bò một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài bò, tương tự như nhau. Và giả sử rằng người hành trì như thế có sự hiểu biết ở thể loại rằng: "Việc tu tập của Ta đây, sẽ làm Nhân cho được thụ lãnh quả báo đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới, và trở thành vị Chư Thiên có năng lực." Với quan điểm thể loại này đã được coi như là kẻ có Tà Kiến; chính vì thế một khi thân hoại mạng chung thì sẽ phải đi thụ lãnh thống khổ trong Địa Ngục trước đã; và khi đã thoát ra khỏi Địa Ngục rồi, thì mới sẽ phải đi tái sinh làm thành hàng Bàng Sinh một lần nữa." Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý khải thuyết vừa dứt xong, cả hai vị du sĩ ngoại đạo tức thì chảy nước mắt và khóc than với sự cảm nhận ưu não buồn lòng khi biết mình đã lầm lạc hành trì sai trật trong thời gian lâu dài. Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết Pháp Thoại cho cả hai vị du sĩ ngoại đạo được lắng nghe về bốn thể loại Nghiệp Báo; đó là:

1/. Nghiệp Lực đen đưa đến Quả Báo đen,

2/. Nghiệp Lực trắng đưa đến Quả Báo trắng,

3/. Nghiệp Lực có cả đen trắng đưa đến Quả Báo có cả đen trắng,

4/. Nghiệp Lực không đen trắng đưa đến Quả Báo không đen trắng.

Khi khải thuyết vừa dứt xong, thì du sĩ ngoại đạo **Puṇṇa** đã nói lên lời **Thọ Trì Tam Quy (Tisaraṇāgamana)** làm thành chỗ quy ngưỡng, làm thành chỗ truy niệm; giũ sạch hết chủ thuyết cũ, và đã gia nhập làm hàng cư sĩ Phật Tử tính kể từ thời điểm ấy cho đến mạng chung. Còn du sĩ ngoại đạo **Senīya** thì xin được xuất gia, thọ Đại Giới trong Giáo Pháp của Đức Phật; thế rồi đã tu tập Minh Sát Nghiệp Xứ và đã được thành tựu Quả vị Vô Sinh trong thời gian tiếp sau đó."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** là dục tầm cầu cho được thụ lãnh sự an lạc trong kiếp sau, đã làm Nhân cho **Giới Cấm Chấp Thủ** khởi sinh, tức là hành trì sai trật phương thức tu tập, như đã có trình bày ở tại đây.

4. Trình bày Ái Dục làm duyên Ngã Luận Chấp Thủ khởi sinh:

Theo lẽ thường con người ta có được việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc biết phủ xúc, là sẽ cần phải phối hợp với Nhân với Duyên tùy theo

thích hợp; chẳng hạn như việc trông thấy, tức là Lộ Trình Nhãn Môn sẽ được sinh khởi, thì cũng phải nương vào Hữu Nhân Hữu Duyên tùy theo thích hợp, đó là:

1/. Sẽ cần phải có **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** là có mắt tốt đẹp.

2/. Sẽ cần phải có Cảnh Sắc **(Rūpārammaṇa)** là có các sắc màu.

3/. Sẽ cần phải có **Ánh Sáng (Āloka).**

4/. Sẽ cần phải có **Tác Ý (Manasikāra)** là sự chú tâm.

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố Tác Duyên này rồi, thì Lộ Trình Nhãn Môn có được sinh khởi; tiếp đến thì sẽ phải có thêm bốn Lộ Trình Tâm Ý Môn nữa, đó là:

1/. Lộ Trình thứ 1: là Lộ Trình tiếp thâu Cảnh Sắc từ Lộ Trình Nhãn Môn, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu **Cảnh Sắc Cực Minh Hiển (Ativibhūtarūpārammaṇa)** ở thời kỳ quá khứ; tức là **Cảnh Sắc Quá Khứ (Atītarūpārammaṇa)** hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn; hoặc là **Cảnh Sắc Minh Hiển (Vibhūtarūpārammaṇa)** là Cảnh Sắc Quá Khứ hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Ngũ Môn.

2/. Lộ Trình thứ 2: là Lộ Trình tiếp thâu Cảnh Sắc từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tập trung lại từng mỗi phần, từng mỗi đoạn của Cảnh Sắc Cực Minh Hiển ở thời kỳ quá khứ; hoặc là Cảnh Sắc Minh Hiển ở thời kỳ quá khứ mà sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

3/. Lộ Trình thứ 3: là Lộ Trình liễu tri sắc thái hình trạng của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu sắc thái hình trạng ở vị trí của Cảnh Sắc mà làm thành **Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti)** sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Tập Thành.

4/. Lộ Trình thứ 4: là Lộ Trình liễu tri tên gọi của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahanavithī)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thâu danh xưng tên gọi của những sắc thái hình trạng đấy, mà làm thành Nghĩa Chế Định để hiện hành theo thành ngữ dân gian dùng để kêu gọi nói chuyện với nhau, được sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa; hoặc là sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, tùy theo thích hợp đối với **Danh Chế Định (Nāmapaññatti)** tức là gọi tên với nhau, nói chuyện với nhau, mà có liên quan với các Cảnh Sắc ấy.

Khi Tâm Lộ Trình Ý Môn sinh khởi hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, thì người trông thấy ấy tức thì cũng nhận biết được rằng sự vật này sự vật nọ. Việc được lắng nghe cũng hiện hành trong cùng phương thức tương tự như vầy.

Chỗ được giải thích đây, thường trình bày cho được thấy rằng tất cả mọi sự vật hiện hành trong thế gian này, ngoài Sắc với Danh ra rồi, thì chẳng còn có chi khác nữa. Và trong việc trông thấy như đã đề cập rồi đấy, thì người trông thấy cũng chẳng phải xa lạ chi cả, đó chính là Sắc với Danh làm thành người trông thấy; tức là Nhãn Thanh Triệt với Lộ Trình Nhãn Môn, và Sắc Ý Vật với Lộ Trình Ý Môn. Chỉ cả hai thể loại này thôi đấy, làm thành người liễu tri, làm thành người trông thấy, đích thực chính là thực tính Vô Ngã, chẳng phải là Hữu Ngã; tức là chẳng phải **Tôi trông thấy, người đó trông thấy, người này trông thấy.**

Hoặc trong những oai nghi, chẳng hạn như đứng, đi, ngồi, nằm, và việc chuyển động trong những tiểu oai nghi sẽ được hoàn thành các sự việc đấy, cũng phải nương nhờ vào Nhân Duyên tương tự như nhau; chẳng hạn như sẽ được thành tựu trong việc bước đi thì cần phải có bốn yếu tố Tác Duyên, đó là:

1/. Sẽ cần phải có việc chú tâm để sẽ bước đi.

2/. Sẽ cần phải có Tâm chỉ dẫn.

3/. Sẽ cần phải có **Sắc Tâm Phong Giới (Cittajavāyodhātu)** sinh khởi. 4/. Sẽ cần phải có chân cẳng tốt *(#)*.

[**Chú thích:** Trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ, Bộ Chú Giải Chánh Tạng **Pāḷi** Vô Tỷ Pháp Bộ Phân Tích, điều thứ 461, kể từ câu nói rằng **Idha bhikkhu abhikkamanto vā v.v.** Còn bản dịch thuật điều thứ 398 có nội dung đề cập đến một cách tóm tắt rằng việc sẽ chuyển động được thì cũng cần phải phối hợp với: 1/. Có Tâm, 2/. Có sự chú tâm để sẽ bước đi, 3/. Có Sắc Tâm Phong Giới phát tỏa ra.]

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, thì việc bước đi cũng sẽ được thành tựu. Và người đang bước đi ấy, một khi tính theo **Thực Tính (Sabhāva)** thì người bước đi tức là Tâm, Tâm Sở làm thành người có sự chú tâm để sẽ bước đi và người chỉ dẫn; Sắc Tâm Phong Giới hiện hữu trong sắc thân làm thành người thúc đẩy; **Địa Giới (Pathavīdhātu)** là sắc thân thành người bước đi; và giả định với nhau rằng **Tôi bước đi, nam nhân K bước đi, nam nhân Kh bước đi;** như vậy chẳng hạn. Mà sự thực ra Tôi hoặc Nhân Loại Hữu Tình không có khả năng để sẽ bước đi được, mà hết cả thảy chỉ có Danh với Sắc bấy nhiêu thôi. Trong những oai nghi khác cũng hiện hành tương tự trong cùng một phương thức này.

Cho dù rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. những thể loại này sẽ hiện hành tùy theo Nhân tùy theo Duyên, và thực sự chẳng có bất luận một Người nào làm thành người sắp bày tạo tác đi nữa; thế nhưng theo lẽ thường thì tất cả Chúng Hữu Tình đấy, một khi có việc trông thấy, việc được lắng nghe khởi sinh lên rồi, và nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe ấy v.v. lại là Cảnh tốt đẹp, thì cũng khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý ở trong lòng; và như thế, được gọi là **Tham** hoặc **Ái Dục** đã sinh khởi đối với người ấy rồi. Nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe v.v. lại là Cảnh không tốt đẹp, thì cũng khởi sinh lên sự bất duyệt ý chẳng ưa thích ở trong lòng; và cũng như thế, được gọi là Sân đã sinh khởi lên đối với người ấy rồi. Tuy nhiên Cảnh làm thành Nhân cho **Sân** sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ bám giữ chặt lấy tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình ấy để cho **Chấp Thủ (Upādāna)** có được khởi sinh lên. Còn Cảnh làm thành Nhân cho **Tham** sinh khởi lên đấy, thì trái lại thường có khả năng thúc phược tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình để cho Chấp Thủ có được sinh khởi lên. Sẽ nói là một khi đã được trông thấy, hoặc đã được lắng nghe Cảnh làm thành chỗ thường luôn ưa thích duyệt ý biết bao nhiêu lần rồi, thì cũng làm cho tâm thức của người ấy bám giữ chặt tâm thức vào những Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ. Việc bám giữ chặt lấy Cảnh mà không chịu buông bỏ như vậy, thì gọi là **Chấp Thủ.** Và cùng trong một thời gian đấy, người ấy lại hiểu biết sai trật ở trong Danh Sắc Ngũ Uẩn sinh khởi trong sát na trông thấy, sát na được lắng nghe v.v. rằng **Tôi trông thấy, Tôi đã được lắng nghe, Tôi nghĩ suy, Tôi nói, Tôi ăn, Tôi ngồi, Tôi nằm, Tôi bước đi,** như thế

này chẳng hạn. Như vậy được liệt kê thành **Ngã Luận Chấp Thủ** đã sinh khởi lên, vì lẽ đã nương vào **Ái Dục** làm thành Nhân.

Như có một tích truyện nêu lên làm kiểu mẫu điển hình như sau: "Trong kinh thành **Vesalī (Xá Vệ)** có một tu sĩ tên gọi **Saccaka Aggivessanagotara.** Vị tu sĩ **Saccaka** này đã thường luôn lấy một tấm mảnh sắt quấn quanh thân bụng của mình, vì có quan điểm rằng Ta là bậc Đại Trí; nếu không lấy tấm mảnh sắt quấn quanh để bảo hộ Trí Tuệ thì bụng của Ta nhất định sẽ phải bị bể vỡ ra. Vị tu sĩ **Saccaka** này đã tự tuyên bố rằng: "Chả là bất luận một người nào, hoặc bất luận một vị Giáo Thọ nào đi nữa; nếu như đi đến tranh luận với Ta rồi, thì người ấy sẽ phải có trạng thái giật mình run sợ, toàn thân run rẩy toát cả mồ hôi chảy ra; chẳng phải chỉ là người không thôi, mà ngay đến cả khúc gỗ nếu như Ta nói ra lời rồi, thì khúc gỗ ấy cũng sẽ phải phát sinh trạng thái run rẩy tương tự như nhau." Tu sĩ **Saccaka** thường luôn tuyên bố như vậy; mà sự thật là trong thời gian ấy, những người nào đã tự xưng là Giáo Thọ rồi cũng thực sự không có khả năng để sẽ trả lời lại với tu sĩ **Saccaka** ấy được. Với lý do này mới làm cho tu sĩ **Saccaka** phát khởi lên sự kiêu mạn lừng lẫy.

Tiếp đến một ngày nọ, tu sĩ **Saccaka** đã được nghe rằng Đức Chánh Đẳng Giác **Samaṇa Gotama (Sa Môn Cồ Đàm)** đã lập ý khải thuyết Pháp Thoại rằng "Tất cả Chúng Hữu Tình đây đều toàn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hết cả thảy; và thường luôn có sự sinh diệt; bởi do thế mới là **Vô Thường (Anicca),** không bền vững; là **Khổ Đau (Dukkha),** không thể nào chịu đựng nổi; là **Vô Ngã (Anatta),** chẳng có Tôi Ta là người chủ quản được. Như thế tất cả Chúng Hữu Tình chẳng nên hiểu biết sai trật trong sắc thân của mình rằng là Ta, là Người, là nữ nhân, là nam nhân." Khi tu sĩ **Saccaka** đã nghe thông tin như vậy rồi, thì nghĩ suy mong muốn sẽ đi đến diện kiến và tranh biện với Đức Chánh Đẳng Giác; mới rủ nhóm Vương Giả **(Khattiyā) Licchavī** với 500 vị cho cùng đi với nhau; và nói khoe khoang với nhóm Vương Giả **Licchavī** rằng: "Xin cho nhóm Quý Ngài hãy chờ xem Ta sẽ làm cho Sa Môn Cồ Đàm rúng động sợ hãi đối với lời nói của Ta giống như con dê bị chụp lấy cổ mà lúc lắc vậy." Thế rồi tu sĩ **Saccaka** cùng với 500 vị Vương Giả **Licchavī** rủ nhau đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Tu sĩ **Saccaka** tác bạch vấn hỏi rằng: "Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama,** Ngài huấn giới các vị Thinh Văn của Ngài với Pháp môn nào ?" Đức Phật mới lập ý đáp lời rằng: "Ta huấn giới các vị Thinh Văn của Ta với Pháp môn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hiện bày thành tất cả Chúng Hữu Tình ấy, đều là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, là không bền vững, là thống khổ, không ở trong mãnh lực cai quản mệnh lệnh của một ai, chẳng phải là Tự Ngã, Ta, Người, là như vậy."

Tu sĩ **Saccaka** mới nói lên rằng: "Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama,** lẽ thường tất cả các hạt giống của cây sẽ được phát triển tươi tốt lên, là cũng phải nương nhờ vào mặt đất như thế nào; thì tất cả Chúng Hữu Tình nương nhờ vào Ngũ Uẩn, và rồi cũng thường được thụ hưởng sự an lạc hoặc khổ đau, làm Thiện Sự hoặc Ác Sự, tầm cầu sự an lạc trong Đạo hoặc Quả; và trong khoảng thời gian vẫn đang còn sinh mạng đây, thì Tự Bản Ngã vẫn còn đang hiện bày như thế ấy. Trong sự việc Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nói rằng: **Sabbe dhammā anattā (Chư Pháp là Vô Ngã)** ấy, sẽ đúng như thế nào ?"

Đức Phật mới lập ý đáp lời rằng: "Trong sự việc người nói như vậy, có nghĩa là người có quan điểm rằng Ngũ Uẩn ấy là Tự Ngã, là của Ta như vậy phải chăng ?" Tu sĩ **Saccaka** tâu trình rằng: "Thể loại quan điểm này chẳng phải chỉ là một mình con không thôi, mà ngay cả nhóm người đang ngồi ở tại nơi đây cũng có cùng một quan điểm tương tự như nhau." Đức Phật mới phán rằng: "Người không nên lấy những người khác vào để mà viện dẫn. Như Lai chỉ muốn thấu hiểu quan điểm của một mình ngươi thôi." **Saccaka** trả lời rằng: "Đúng vậy, con có quan điểm như vậy." Đức Phật mới phán rằng: "Khi người có quan điểm như thế, thì Như Lai muốn hỏi rằng thông thường một vị Vua Sát Đế Lỵ có tự do quyền hành ở trong đất nước của mình rằng người ấy đáng bị cưỡng bức thì được cưỡng bức, người ấy đáng ngợi khen thì được ngợi khen, người ấy đáng bị giết thì được giết, người ấy đáng tẩn xuất thì được tẩn xuất, như vậy à ?" **Saccaka** trả lời rằng: "Đúng như vậy rồi." Đức Phật mới phán rằng: "Khi là như thế, người có công nhận hoặc không công nhận rằng người có tự do quyền hành ở trong sắc thân của người. Người có khả năng ra lệnh cho sắc thân không có xinh đẹp, hoặc ra lệnh không cho tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, cho sắc thân có sắc da phu sắc giống với người trẻ thanh xuân chạn 16 tuổi, là như vậy có được hay không ?"

Saccaka khi đã nghe lời vấn hỏi của Đấng Chánh Đẳng Giác như vậy rồi, thì lặng thinh nghĩ thầm ở trong tâm rằng: "Nếu Ta trả lời rằng có khả năng ra lệnh sắc thân cho được hiện hành theo sở thích của Ta, thế rồi nhóm Vương Giả **Licchavī** sẽ rủ nhau khẩn cầu Ta ra lệnh cho sắc thân của Ta không xinh đẹp, cho trở lại xinh đẹp lên, thế thì nhất định là Ta sẽ bị rơi vào trong vị trí khốn khổ vô cùng. Thế nhưng nếu như Ta sẽ trả lời rằng không có khả năng để sẽ ra lệnh cho sắc thân của Ta được hiện hành theo sở nguyện vọng như vậy rồi, thì sẽ mặc nhiên xác nhận lời nói của Tôn Giả Sa Môn **Gotama** đã nói rằng **Sabbe dhammā anattā (Chư Pháp là Vô Ngã),** và như thế Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nhất định sẽ thắng Ta." **Saccaka** nghĩ đi nghĩ lại rồi cũng không nói ra lời, mới ngồi lặng thinh. Đức Chánh Đẳng Giác lập ý nhắc lại rằng: "Tại làm sao người lại lặng thinh, hãy giải đáp câu nói của Như Lai !" **Saccaka** cũng vẫn cứ lặng thinh không nói ra lời nào.

Lúc bấy giờ, Thiên Chủ **Đế Thích (Sakka)** hóa thân thành **Dạ Xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ)** tay nắm quả chùy sắt bước đến **Saccaka** đưa quả chùy với tư thế sẽ đánh rồi nói rằng: "Này **Saccaka,** Đức Như Lai đã lập ý vấn hỏi người, tại làm sao người lại lặng thinh đi không trả lời ? Nếu người không trả lời, thì Ta sẽ đánh người với quả chùy này cho cái đầu của người phải bể ra làm bảy mảnh ngay bây giờ đây." Khi Ngài Thiên Chủ hóa thân thành Dạ Xoa và bước vào nói với **Saccaka** như thế, thì những người khác ở tại nơi ấy chẳng có một ai được trông thấy, duy chỉ có Đức Chánh Đẳng Giác với **Saccaka** trông thấy mà thôi. Khi **Saccaka** trông thấy như thế rồi, thì không thể nào lặng thinh được nữa, mới tác bạch rằng: "Bây giờ con xin chịu giải đáp câu nói của Đức Như Lai." Đức Chánh Đẳng Giác mới lập ý lại vấn hỏi rằng; "Này **Saccaka,** sắc của người - chỗ người đang cho là tự do ấy, không xinh, không đẹp; người sẽ ra lệnh cho xinh đẹp giống với sắc của nhóm Vương Giả **Licchavī** đây, sẽ hiện hành như vậy có được hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Sẽ không thể nào ra lệnh cho hiện hành như thế ấy được !" Đức Chánh Đẳng Giác phán rằng: "Này **Saccaka,** người nên cẩn thận lời giải đáp của người cho đúng đắn. Lời nói của người ban đầu với lúc

sau đã không giống nhau." Thế rồi Ngài lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Danh Sắc của người chỗ đang là tự do ấy, người sẽ ra lệnh cho chuyển đổi đi theo sở nguyện vọng của người có được hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Tương tự như nhau, Danh Sắc của con cũng không thể nào ra lệnh cho hiện hành đi theo sở thích được !" Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Có một người đang thụ lãnh sự thống khổ về Thân, thống khổ về Tâm; thế nhưng người ấy nhận thấy rằng sự thống khổ này là Ngã, là của Tự Ngã, là của Bản Ngã. Khi đã nhận thấy như vậy rồi, thì sự thống khổ ấy sẽ có được biến mất hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Không được." Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Ngũ Uẩn thì đang bị thống khổ, thế mà người đang bám chặt giữ lấy là Ngã, là Tự Ngã, là Ta, là Người, có phải như vậy hay không ?" **Saccaka** tác bạch rằng: "Phải rồi, con chấp thủ như thế." Đức Chánh Đẳng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: "Người muốn được lõi cây, tầm cầu lõi cây, thế nhưng lại đi chặt cây chuối bổ chẻ ra, để sẽ tìm được lõi cây, thì bằng mọi giá cũng thể nào gặp được, bởi vì cây chuối ấy là loại cây đã không có cốt lõi rồi. Kết quả cuối cùng thì cũng không có được cái chi là vững chắc cả. Điều này như thế nào, lời nói của người cũng là như thế ấy. Khi người chỉ nói mỗi một mình thì cũng có cảm nhận y như thể là Danh Sắc Ngũ Uẩn này là Tự Ngã, là bản chất thực thể. Thế nhưng một khi bậc đã liễu tri có tri thức trong Ngũ Uẩn vừa khéo, có Như Lai v.v. vấn đi vấn lại rồi, thì cũng nhận thức được rằng lời nói của người không có chi là cốt lõi, chẳng có chi là căn bản cả. Và theo như người đã từng có nói rằng: "chả là bất luận một người nào đi đến tranh luận với người thì sẽ phải có trạng thái giật mình rúng động, rơi vào trạng thái rụt rè sợ hãi, toát cả mồ hôi ra. Hiện tại đây, Như Lai là người đang tranh luận với người, thế mà Như Lai không có cảm nhận chi cả, mồ hôi cũng không có chảy ra, và đích thị chính ngươi là người đang toát mồ hôi ra." **Saccaka** đã không thể nào thốt ra một lời chi để tranh luận được nữa, đành phải ngồi lặng thinh ở tại nơi đó. Cuối cùng thì, **Saccaka** đã cầu xin Đức Chánh Đẳng Giác cùng với Chúng Thinh Văn đi đến thọ thực ở tại trú xứ của mình trong ngày hôm sau."

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** làm Nhân cho **Ngã Luận Chấp Thủ** khởi sinh, chẳng hạn như tu sĩ **Saccaka** là người có sở thích trong Ngũ Uẩn của mình làm Nhân cho sinh khởi sự thấy sai chấp lầm ở trong Ngũ Uẩn của mình, làm thành **Ngã Luận Chấp Thủ** như đã có trình bày ở tại đây.

87. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Chấp Thủ; vả lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu **Ái Dục làm duyên Chấp Thủ (Taṇhāpaccayā upādāna).**

87. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Chấp Thủ:**

1. Thủ Kết Trạng Thái (Gahaṇalakkhaṇaṃ): Có việc bám chặt giữ lấy, làm thành trạng thái.

2. Bất Giải Thoát Phận Sự (Amuñcanarasaṃ): Có việc không buông bỏ, làm thành phận sự.

3. Ái Cường Ngã Kiến Thành Tựu (Taṇhādaḷhattaditṭhipaccupaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục với năng lực mãnh liệt, và có sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Ái Dục Nhân Cận (Taṇhāpadaṭṭhānaṃ): Có Ái Dục làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Ái Dục làm duyên Chấp Thủ (Taṇhā paccayā Upādānaṃ):**

1/. **Ái Dục** sinh trước trước làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Dục Chấp Thủ** sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya).**

2/. **Ái Dục** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ, Ngã Luận Chấp Thủ** cùng câu sinh với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

3/. **Ái Dục** sinh trước trước làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả ba Chấp Thủ (loại trừ **Dục Chấp Thủ**) sinh sau sau, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

88. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại "Hữu" ? Cho trình bày cả Dĩ Pháp Bản Nguyện và Dĩ Nhân Bản Nguyện; luôn cả trình bày câu Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: **Bhava (Hữu), Kammabhava (Nghiệp Hữu), Uppatti (Sinh), Uppattibhava (Sinh Hữu).**

88. Đáp: Hữu có hai thể loại, và theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện,** đó là:

1/. Nghiệp Hữu (Kammabhava) là việc tạo tác làm cho quả báo sinh khởi, là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế; kết hợp lại có được 29 Tư Tâm Sở.

2/. Sinh Hữu (Uppatti bhava) quả báo sinh khởi trong những kiếp sống ấy do nương vào Nghiệp Hữu, là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

+ Rằng khi tính theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện**:

1/. Nghiệp Hữu là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở trong Thiện Sự và Bất Thiện Sự của tất cả Nhân Loại (loại trừ Bậc Vô Sinh).

2/. Sinh Hữu là tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu trong 31 Cõi Giới, luôn cả với những việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc phủ xúc, việc ngủ nghỉ.

Trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Bhava (Hữu): Bhavati etasmāti = Bhavo** - Quả báo thường sinh khởi do nương vào Nghiệp Lực, chính vì thế gọi tên Nghiệp Lực làm thành Nhân của quả báo ấy là **Hữu.**

Kammameva bhavo = Kammabhavo - Đích thị chính là Nghiệp Lực làm Nhân cho quả báo khởi sinh; chính vì thế mới gọi tên là **Nghiệp Hữu.** Là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 17 Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế.

Upapajjatīti = Upapatti - Pháp chủng nào đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Sinh.**

Bhavatīti = Bhavo - Pháp nào được sinh khởi lên do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế gọi tên Pháp ấy là **Hữu.**

Upapatti ca sā bhavo cāti = Upapattibhavo - Pháp nào vừa đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới, vừa được sinh khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế mới gọi tên Pháp ấy là **Sinh Hữu.** Là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

89. Hỏi: Cho phân tích Nghiệp Hữu bởi theo **Dvāra (Môn),** và hãy trình bày Cửu Sinh Hữu có Dục Hữu, v.v.

89. Đáp: Phân tích Nghiệp Hữu bởi theo **Môn (Dvāra): Nghiệp Hữu** đây, khi phân tích bởi theo Môn có được ba thể loại, đó là:

1/. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Thân Môn được gọi tên **Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma).** Là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

2/. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ngữ Môn được gọi tên **Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacīkamma).** Là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

3/. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ý Môn được gọi tên **Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma).** Là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 9 Thiện Đáo Đại Nghiệp Lực.

+ Sinh Hữu (Upapattibhava) có chín thể loại, **rằng theo Môn (Dvāra):**

1/. Dục Hữu (Kāmabhava): là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 33 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

2/. Sắc Hữu (Rūpabhava): là 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 35 Tâm Sở, 15 Sắc Nghiệp Lực.

3/. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava): là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

- Rằng theo Tâm (Citta):

1/. Tưởng Hữu (Saññībhava): là 31 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ), 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

2/. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): là Tổng Hợp Mạng Cửu.

3/. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (Nevasaññīnāsaññībhava): là 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 30 Tâm Sở.

- Rằng theo Uẩn (Khandha):

1/. Nhất Uẩn Hữu (Ekavokārabhava): là Tổng Hợp Mạng Cửu.

2/. Tứ Uẩn Hữu (Catuvokārabhava): là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

3/. Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokārabhava): là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Lực.

90. Hỏi: Hãy trình bày cả Cửu Sinh Hữu bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện,** và trình bày Chi Pháp Cửu Sinh Hữu có Thân Dị Tưởng Dị Hữu **(Nānāttakāyanānāttasaññībhava)** v.v.

90. Đáp: Trình bày **Cửu Sinh Hữu** bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện:**

1. Dục Hữu (Kāmabhava): là Hữu Tình Khổ Thú có Bàng Sinh v.v. Nhân Loại, Chư Thiên.

2. Sắc Hữu (Rūpabhava): là tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

3. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava): là tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

4. Tưởng Hữu (Saññībhava): là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ).

5. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): là Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

6. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (Nevasaññīnasaññībhava): là Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

7. Nhất Uẩn Hữu (Ekavokārabhava): là Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

8. Tứ Uẩn Hữu (Catuvokārabhava): là Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

9. Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokārabhava): là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

Hoặc một trường hợp khác nữa, Sinh Hữu có chín thể loại, đó là:

1. Thân Dị Tưởng Dị Hữu (Nānāttakāyanānāttasaññībhava): là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 7 Cõi Thiện Dục Giới.

2. Thân Dị Tưởng Đồng Hữu (Nānattakāyaekattasaññībhava): là Chúng Hữu Tình sinh sống trong Tứ Khổ Thú, 3 Cõi Sơ Thiền Hữu Sắc Giới.

3. Thân Đồng Tưởng Dị Hữu (Ekattakāyanānattasaññībhava): là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 3 Cõi Nhị Thiền Hữu Sắc Giới.

4. Thân Đồng Tưởng Đồng Hữu (Ekattakāyaekattasaññībhava): là Chúng Hữu Tình sinh sống trong 3 Cõi Tam Thiền Hữu Sắc Giới, 7 Cõi Tứ Thiền Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Hữu Sắc Giới).

5. Vô Tưởng Hữu (Asaññībhava): là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Hữu Sắc Giới).

6. Không Vô Biên Xứ Hữu (Ākāsānañcāyatanabhava): là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Không Vô Biên Xứ.

7. Thức Vô Biên Xứ Hữu (Viññāṇañcayatanabhava): là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Thức Vô Biên Xứ.

8. Vô Sở Hữu Xứ Hữu (Ākiñcaññāyatanabhava): là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Vô Sở Hữu Xứ.

9. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Hữu (Nevasaññānāsaññāyatanabhava): là Hữu Tình sinh sống trong Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

91. Hỏi: Cửu Sinh Hữu khi tính theo giản lược thì có được bao nhiêu ? Và cả hai Nghiệp Hữu với Sinh Hữu đây có được làm thành Nhân làm thành Quả với nhau như thế nào ? Cho lời giải thích.

91. Đáp: Cả **Cửu Sinh Hữu** như đã được đề cập đến ở tại đây, khi nói theo giản lược thì có được ba thể loại, đó là: **1/. Dục Hữu (Kāmabhava), 2/. Sắc Hữu (Rūpabhava), 3/. Vô Sắc Hữu (Arūpabhava).**

Cả hai Nghiệp Hữu và Sinh Hữu như đã vừa đề cập đây, có được hiện khởi lên cũng do nương vào cả Tứ Thủ làm Nhân; và chính cả hai Hữu này cũng làm thành Nhân làm Quả lẫn nhau, như sẽ đề cập đến như sau:

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Vị Lai** thì **Nghiệp Hữu** làm **Nhân, Sinh Hữu** làm **Quả.** Có nghĩa tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** đấy, thì sẽ được hiện khởi lên, là cũng do nương vào các hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý ở phần **Bất Thiện Nghiệp Hữu.** Và **Thiện Hiệp Thế Nghiệp Hữu** làm **Nhân** đây, thì được tính là **Xuất Sinh Nhân (Janaka hetu).** Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày để trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī)** rằng: **Tatrassa upapattihetu bhū taṃ kammaṃ kammabhavo kam manibbattā khandhā upapattibhavo** - Trong cả hai thể loại Hữu đấy, Tư Tâm Sở Bất Thiện Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực làm thành Nhân từ việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình đấy, được gọi tên là **Nghiệp Hữu.** Ngũ Uẩn sinh khởi do nương vào Nghiệp Hữu ấy, thì được gọi tên là **Sinh Hữu.**

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Hiện Tại** thì **Sinh Hữu** làm **Nhân, Nghiệp Hữu** làm **Quả;** bởi vì tất cả những công việc hữu quan Thân, Lời, Ý sẽ được hiện khởi lên cũng cần phải nương vào tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** làm **Nhân.** Với lý do này, tất cả các Bậc Trí Tuệ mới cho lời khuyên bảo rằng:

Amataṃ niyyamānena Jaramānena nijjaraṃ
Nibbutaṃ tapamānena Nimeyya bondinā sivaṃ

Dịch nội dung chính là: Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự tử vong vô cùng tận,** đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất tử; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy. Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự lão mại vô cùng tận,** đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất lão; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy. Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự thường luôn thống khổ** do bởi Phiền Não, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và thường luôn tiệt diệt mọi thống khổ do bởi Phiền Não; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.

A. 92. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Amataṃ niyyamānena Jaramānena nijjaraṃ

Nibbutaṃ tapamānena Nimeyya bondinā sivaṃ

Và hãy trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu do nương vào cả Tứ Chấp Thủ.

92. Đáp: Dịch nội dung chính là: "Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự tử vong vô cùng tận,** đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất tử; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy." "Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự lão mại vô cùng tận,** đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất lão; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy." "Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có **sự thường luôn thống khổ** do bởi Phiền Não, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và thường luôn tiệt diệt mọi thống khổ do bởi Phiền Não; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy."

+ Trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu do nương vào Dục Chấp Thủ, đó là:

Theo lẽ thường nhiên, tâm thức của tất cả Chúng Phàm Phu thường ưa thích bám chặt giữ lấy trong cái quan điểm của mình là trọng đại, chẳng hề có việc suy xét đến nhân quả tương quan; tựa như sự hiện hành của người thất niệm, ứng hợp như lời đã có đề cập đến rằng: **Puthujjano ummattako viya - Sự sinh hoạt của hạng Phàm Phu như người loạn trí.** Như thế, với mãnh lực từ nơi Dục Chấp Thủ mà trong mọi hành động tạo tác của tất cả con người ta đều có sự mong mỏi sự an vui hạnh phúc trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Một vài nhóm người đã thủ tín trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Sĩ Tà Kiến, là người không từng học hỏi trong Tạng Luật, Tạng Kinh, và Tạng Vô Tỷ Pháp; thường hay thực hiện các hành động hữu quan với Ác Hạnh, có việc sát tử loài Hữu Tình, thâu đạo, ẩm tửu v.v. rồi dùng những lễ vật cúng dường tế lễ đến những vật linh thiêng. Hành động tạo tác như vậy là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi do nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân.** Hạng người này một khi lìa khỏi thế gian này đi rồi, ắt hẳn phải đi tái sinh trong Tứ Khổ Thú, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

Một vài nhóm người đã thủ tín trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Thọ có quan điểm chân chánh; rồi hành trì trong những Thiện Sự hữu quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân.** Hạng người này một khi lìa khỏi thế gian này đi rồi, ắt hẳn được đi thọ sinh trong Cõi Thiện Dục Giới, làm Nhân Loại và Chư Thiên, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

Một vài nhóm người đã được thụ lãnh việc huấn tập hướng dẫn trong việc thực hành Thiền An Chỉ cho đến được chứng đắc Thiền Định, và có khả năng làm cho đi thọ sinh thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới; được thụ hưởng sự an lạc thù thắng về Thân và Tâm, hơn cả sự an lạc trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Khi đã được thụ lãnh việc hướng dẫn như vậy rồi, thì đã nỗ lực tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới hoặc Thiền Định Vô Sắc Giới; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào Dục Chấp Thủ làm Nhân. Hạng người này một khi lìa khỏi thế gian này đi rồi, cũng ắt

hẳn được đi thọ sinh trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

+ Trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu do nương vào Kiến Chấp Thủ, đó là: Người có quan điểm sai lầm bất luận một trong những thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến, đó là:

1. Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi): có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong **Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Anantaggāhikadiṭṭhi)** v.v. vả lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây lại cũng sẽ phải có **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng tiệt diệt.

2. Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

Người có quan điểm sai lầm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ.** Hạng người này thường hành động đi theo sở thích của mình, và phần lớn thường sẽ hiện hành ở trong đường lối Bất Thiện.

Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý đề cập đến rằng: **Pāpasmiṃ ramatī mano** (Tiểu Bộ Kinh tập 25/ điều 19) - "Theo lẽ thường, tâm thức của những hạng người đấy, thường vui thích trong những việc làm xấu ác."

Và người đã có **Kiến Chấp Thủ** đây, thì thường hay bạo dạn tạo tác trong những điều Ác Hạnh, những điều Tà Mạng thuộc phần Bất Thiện Nghiệp Hữu bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm Nhân; tức là chỉ mong mỏi trong việc danh thơm tiếng tốt, và cũng chỉ mong mỏi được đáp trả lại điều lợi ích cho đến với mình ngay trong hiện tại mà thôi.

Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm Nhân đặc biệt sinh khởi chỉ đối với nhóm người có Đoạn Kiến đấy, là cũng bởi vì nhóm người này có quan điểm rằng Bản Ngã này nếu sẽ diệt mất trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì cũng là việc rất tốt. Khi đã nhận thức như vậy rồi, thì tác hành Thiện Sự có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập An Chỉ cho sinh khởi lên, ngõ hầu mong mỏi sự diệt mất trong Cõi Giới mà mình hằng mong muốn. Nếu việc Thiện Sự hiện hành một cách viên mãn hoàn hảo thì cũng sẽ được đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới, hoặc Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.** Tuy nhiên nếu như việc Thiện Sự ấy không được thành tựu viên mãn, thì cũng không thể nào cho đi thọ sinh trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới được; và chỉ có thể tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh**

Hữu mà thôi. Còn đối với Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ thì được hết cả thảy.

+ Trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu do nương vào Giới Cấm Chấp Thủ, đó là:

Người đang hành trì bắt chước như loài bò như loài chó đấy, thì đa phần có quan điểm rằng "Ta đang hành trì ở thể loại này, là một việc tiến hành trong đường lối của Bậc Hiền Triết, quả là điều rất khó làm vậy !" Vả lại có sự tín thực kiên cố rằng "Việc hành trì của mình đây, thì nhất định sẽ trổ sinh quả báo cho Ta đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới." Và trông thấy việc hành trì của người khác, với những thể loại của việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì "cho là không đúng đắn; hơn nữa, những hạng người đấy cũng không có khả năng để sẽ tu tập hành trì ở thể loại của mình được !" Với lý do này, những hạng người này mới không thể nào sẽ đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới thuận theo sở nguyện được.

Quan kiến của người hành trì trong đường lối sai trật (Tà Đạo) như vầy, thì thường là **Tà Thắng Giải (Micchādhimokkha)** là Ngã Kiến với việc quyết định sai trật; và là **Sân Hận (Dosa)** có việc miệt thị chê bai đối với việc hành trì của người khác. Quan điểm của người này đã là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi do nương vào Giới Cấm Chấp Thủ làm Nhân. Vả lại, hạng người này một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, ắt hẳn sẽ đi tái sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

Một vài nhóm người có quan điểm rằng việc hành trì bắt chước như loài bò, bắt chước như loài chó chỉ là bấy nhiêu đấy thôi, thì cũng có khả năng trực tiếp diệt trừ Phiền Não; và làm cho được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh. Việc hành trì ở thể loại khác, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; với những thể loại ấy thì chỉ làm cho được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới mà thôi. Tuy nhiên việc hành trì như vậy, vả lại hành trì ở trong Cõi Nhân Loại thì sẽ đi đến việc thành tựu quả là khó khăn; vì lẽ không có được thuận lợi và thích hợp. Nếu như được hành trì trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì sẽ thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh một cách dễ dàng. Một khi đã có quan điểm như vậy rồi, thì cũng cố gắng nỗ lực thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** để cho có được đi thọ sinh trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới. Một vài người hành trì cho được chứng đắc Thiền Định; và một vài người cũng không được chứng đắc Thiền Định. Người hành trì đã chứng đắc Thiền Định, một khi đã mệnh chung rồi, thì cũng được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên. Còn người không được chứng đắc Thiền Định, một khi mệnh chung rồi, thì sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

+ Trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu do nương vào Ngã Luận Chấp Thủ, đó là:

Ngã Luận Chấp Thủ đây sinh khởi khắp tất cả Chúng Phàm Phu, bởi vì hạng người này không trông thấy sự hiện hành của Danh Sắc Ngũ Uẩn với Thực Tính Vô Ngã; mà chỉ

trông thấy rằng là Tự Ngã, Tôi, Người, là Hữu Tình, con người, trai, gái, v.v. Đề cập đến là sự nhận thức ở trong việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. rằng trong sát na trông thấy với việc trông thấy đích thị chính là Ta, và Ta là người trông thấy. Trong sát na được lắng nghe, thì việc được lắng nghe đích thị chính là Ta, và Ta là người được lắng nghe. Trong sát na tư duy, thì việc tư duy đích thị chính là Ta, và Ta là người tư duy. Trong sát na đang đứng, bước đi, ngồi, nằm, thì việc đang đứng, bước đi, ngồi, nằm đích thị chính là Ta, và Ta là người đang đứng, bước đi, ngồi, nằm. Sự nhận thức quan điểm như vừa đề cập tại đây, được khởi sinh từ Ngã Luận Chấp Thủ hết cả thảy. Với lý do này mới nhận thấy được rằng trong những hành động Thiện và Bất Thiện mà tất cả mỗi con người tạo tác với nhau hằng mỗi ngày đây, là cũng bởi do nương vào Ngã Luận Chấp Thủ làm Nhân; vì có nghĩ suy rằng "Tự bản thân Ta đây vẫn đang còn có sự an vui hạnh phúc rất ít ỏi; hoặc có tài sản của cải bạc vàng, danh thơm tiếng tốt vẫn đang còn rất ít ỏi, sẽ cần phải nỗ lực để cho những điều này nhiều thêm lên." Thế rồi tác hành Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, thể theo tính nết tập khí của từng mỗi người; hoặc tùy thuộc vào việc tiếp thâu một nền giáo dục từ nơi người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ; tức là nếu như người nào có tính nết tập khí bất thiện hoặc không có được tiếp thâu một nên giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường bất chánh, là Ác Hạnh và Tà Mạng; và ấy chính là **Bất Thiện Nghiệp Hữu.** Và một khi lìa khỏi thế gian này đi rồi, ắt hẳn sẽ đi tái sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu.** Và nếu như người nào có được tính nết tập khí thiện hảo, hoặc có được việc giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường chân chánh, là Thiện Hạnh và Chánh Mạng; có việc kiến tạo Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ; và điều ấy được sắp thành **Thiện Nghiệp Hữu.** Thế rồi một khi sẽ lìa khỏi thế gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ được đi thọ sinh làm thành Nhân Loại cũng có, Chư Thiên cũng có, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới cũng có, Phạm Thiên Vô Sắc Giới cũng có; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu.**

93. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa của Tà Kiến như tiếp theo đây: **Vô Hữu Kiến (Natthi diṭṭhi), Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi), Vô Hành Kiến (Akiriyādiṭṭhi).**

93. Đáp: Ý nghĩa của những Tà Kiến sau đây:

1. Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi): có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong **Thập Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến (Anantaggāhikadiṭṭhi)** v.v. vả lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây lại cũng sẽ phải có **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng tiệt diệt.

2. Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, thì cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi

trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

94. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa **Hành** với **Nghiệp Hữu,** với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu.

94. Đáp: Trình bày việc khác biệt nhau giữa **Hành (Saṅkhāra)** với **Nghiệp Hữu (Kammabhava):**

+ **Hành** là thuộc quả báo của **Vô Minh (Avijjāpaccayā saṅkhārā – Vô Minh làm duyên Hành);** và **Nghiệp Hữu** là thuộc quả báo của **Chấp Thủ (Upādāna paccayā bhavo – Chấp Thủ làm duyên Hữu).** Cả hai này; một khi tính theo Chi Pháp thì đó chính là 29 Tư Tâm Sở trong 12 Tâm Bất Thiện và 17 Tâm Thiện Hiệp Thế tương tự như nhau. Tuy nhiên chỗ khác biệt với nhau, đó là:

+ Trong phần Tam **Thời Kỳ (Addhā)** thì 29 Tư Tâm Sở sinh khởi trong Hữu Quá Khứ, mà làm Nhân cho **Thủ Uẩn (Upādānakhandha)** sinh khởi trong Hữu này; được gọi tên là **Hành,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Avijjā saṅkhārā atīto addhā (Vô Minh, Hành thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ)**

+ 29 Tư Tâm Sở sinh khởi trong Hữu Hiện Tại, mà làm Nhân cho Thủ Uẩn sinh khởi trong Hữu vị lai; được gọi tên là **Nghiệp Hữu,** như có câu **Pāḷi** trình bày rằng **Majjhe aṭṭha paccuppanno addhā (Tám Pháp ở khoảng giữa thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại).**

Còn việc trình bày trong 20 **Hành Tướng (Ākāra)** đấy chính là 20 Phân Loại, thì sự hiện hành bởi theo **Thời Kỳ (Addhā)** của cả hai Hành và Nghiệp Hữu đây không có khác biệt nhau. Sẽ nói rằng ở trong 5 Nhân Quá Khứ thì Hành và Nghiệp Hữu cũng cùng vào chung trong Pháp làm thành Nhân Quá Khứ tương tự như nhau. Với lý do này, mới biết được rằng sự khác biệt nhau giữa Hành với Nghiệp Hữu chỗ tính theo Thời Kỳ mới không có trong chỗ này; thế nhưng sự khác biệt với nhau thì có như vầy:

1/. Tư Tiền (Pubbacetanā) sinh trước hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành.**

2/. Tư Hiện (Muñcanacetanā) sinh khởi sát na đang hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

Hoặc một trường hợp khác nữa, trong 7 sát na Tâm Đổng Lực Thiện hoặc Bất Thiện đấy:

1/. Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đổng Lực thứ 1 cho đến cái thứ 6, thì gọi tên là **Hành.**

2/. Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện sinh khởi trong cái Tâm Đổng Lực thứ 7 thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

Hoặc một trường hợp khác nữa,

1/. Tâm và Tâm Sở câu sinh Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành.**

2/. Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.**

Như có câu **Pāḷi** trình bày rằng:

Saṅkhārā purecetanā Bhavo tu muñcasattamā
Sabbā vā cetanā bhavo Saṅkhārā sampayuttakā

Tư Tiền hoặc Tư Tâm Sở phối hợp 6 cái Tâm Đồng Lực trước trước, thì gọi tên là **Hành.** Tư Hiền hoặc Tư Tâm Sở phối hợp Đồng Lực Tương Ưng Trí, Danh Sắc, Lục Xứ, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu. Hoặc là:** Tất cả Tư Tâm Sở Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu.** Tâm, Tâm Sở phối hợp với những thể loại Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành.**

Hoặc một trường hợp khác nữa,

1/. Hành là duy nhất chỉ có một thể loại Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện.

2/. Nghiệp Hữu là Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện luôn cả với Danh Sắc, Ngũ Uẩn còn lại.

Hoặc một trường hợp khác nữa,

1/. Hành là duy nhất chỉ có một thể loại 29 Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Sinh và Chuyển Khởi.

2/. Nghiệp Hữu là 29 Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Sinh, Chuyển Khởi và Vô Tưởng Hữu.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Bhava (Hữu)** có nghĩa trở thành, và được giải thích ở cả hai thể loại tác hành tạo tác Nghiệp Lực – Thiện và Bất Thiện – được gọi là **Nghiệp Hữu (Kamma bhava),** tiến trình tích cực của sự trở thành – cùng với những Cõi Giới sinh tồn khác nhau, được gọi là **Sinh Hữu (Upapattibhava)** một tiến trình tiêu cực của sự trở thành. Giữa hai từ ngữ **Hành (Saṅkhāra)** và **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** chỉ có sự khác biệt là **Hành** được hiểu theo ý nghĩa "Nghiệp Lực đã được tạo tác trong Thời Quá Khứ"; và **Hữu** được hiểu theo ý nghĩa "Nghiệp Lực được tạo tác trong Thời Hiện Tại." Chỉ có **Hữu** là Nghiệp Lực hiện tại tạo Năng Duyên cho sự đi thọ sinh trong Thời Vị Lai.]

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Nhân Cần Thiết của **Nghiệp Hữu:**

1. Nghiệp Lực Trạng Thái (Kammalakkhaṇo): Có sự tác thành Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanaraso): Có việc làm cho sinh khởi, làm thành phận sự.

3. Thiện Bất Thiện Thành Tựu (Kusalākusalapaccupaṭṭhāno): Có sự tác thành Thiện, Bất Thiện, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhāno): Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Sinh Hữu:**

1. Nghiệp Quả Trạng Thái (Kammaphalakkhaṇaṃ): Có sự tác thành quả báo của Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.

2. Sinh Khí Phận Sự (Bhāvanarasaṃ): Có việc làm cho sinh khởi, làm phận sự.

3. Vô Ký Thành Tựu (Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ): Có sự tác thành Pháp Vô Ký, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Chấp Thủ Nhân Cận (Upādānapadaṭṭhānaṃ): Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

A. 95. Hỏi: Cho trình bày việc liệt kê Duyên Hệ trong câu **Chấp Thủ làm duyên Hữu (Upādānapaccayā bhāvo)** một cách tỷ mỷ chi tiết.

95. Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Chấp Thủ làm duyên Hữu (Upādānapaccayā Bhavo):**

1. Dục Chấp Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya), 2/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 3/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 4/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

2. Cả ba là **Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ** và **Ngã Luận Chấp Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, có được bảy mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), 2/. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), 3/. Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya), 4/. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya), 5/. Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya), 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya), 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvigatapaccaya).**

3. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** sinh khởi nối tiếp nhau với mình không có khoảng cách xen kẽ, có được sáu mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya), 2/. Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya), 3/. Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūnissayapaccaya), 4/. Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya), 5/. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya), 6/. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya).**

4. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bất câu sinh với mình; có nghĩa là theo lẽ thường nhiên người đã không có Chấp Thủ, hành động tạo tác của người ấy thì không là **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu;** và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, **Sinh Hữu** tức là việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ thì ắt hẳn không có. Tuy nhiên hành động tạo tác của tất cả Chúng Hữu Tình đã tác thành viên mãn **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu,** và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, thì việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ, đã làm thành **Sinh Hữu.** Những thể loại này thường hiện hành với mãnh lực của một trong Tứ Thủ đã hiện hữu ở trong Uẩn giới tính của chính tự bản thân làm Năng Duyên; bởi do thế, trong việc giúp đỡ ủng hộ của cả **Tứ Thủ** đối với với cả hai **Hữu** đây, thường duy nhất chỉ có một thể loại là **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

5. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong Tứ thủ làm thành Cảnh một cách phổ thông; thì sát na ấy bất luận một trong cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** có được một mãnh lực Duyên, đó là **Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya).**

6. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong Tứ Thủ làm thành Cảnh quan tâm một cách đặc biệt; thì sát na ấy bất luận một trong cả Tứ Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** có được ba mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya), 2/. Cảnh Trưởng Duyên (Āramma ṇādhipatipaccaya), 3/. Cảnh Cận Y Duyên (Ārammanūpanissayapaccaya).**

96. Hỏi: Cho giảng giải trong câu **Bhavapaccayā jāti sambhavati (Hữu làm duyên Sinh khởi sinh).**

96. Đáp: Giải thích trong câu "Hữu làm duyên Sinh khởi sinh" là sự sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực thường hiện khởi lên do nương vào **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** làm **Nhân. Hữu** làm Năng Duyên của **Sinh** là chỉ lấy **Nghiệp Hữu,** vì lẽ việc sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực để hình thành **Sinh** đấy, sẽ sinh khởi lên được cũng do nương vào Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế thôi. Với lý do này, Hữu ở trong câu **Bhavapaccayā Jāti (Hữu làm duyên Sinh)** duy nhất chỉ có một thể loại, đó là **Nghiệp Hữu.**

97. Hỏi: Từ ngữ **Jāti (Sinh)** dịch nghĩa như thế nào ? Trình bày câu Chú Giải như thế nào ? Và Sinh đây - rằng theo Dĩ Pháp Bản Nguyện và theo Thời Gian thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

97. Đáp: Sinh (Jāti) là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, và ấy chính là **Sinh Hữu** trong 31 Cõi Giới, bởi do chỉ có Nhất Uẩn, hoặc Tứ Uẩn, hoặc Ngũ Uẩn cũng có.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Jananaṃ = Jāti** - Gọi tên của việc sinh khởi của Ngũ Uẩn là **Sinh.**

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Jāyanti pātubhavanti dhammā etāyāti = Jāti** - Tất cả Pháp Hành thường hiện khởi lên bởi do nương vào Pháp chủng ấy, bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc hiện khởi của Pháp Hành ấy, là **Sinh.**

+ Và **Sinh** đây – rằng tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì có hai thể loại:

1/. Danh Sinh (Nāmajāti): việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả.

2/. Sắc Sinh (Rūpajāti): việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực.

+ Rằng tính theo **Thời Gian** thì có ba thể loại, đó là:

1/. Tái Sinh Sinh (Paṭisandhi jāti),

2/. Liên Tiếp Sinh (Santatijāti),

3/. Sát Na Sinh (Khaṇikajāti).

98. Hỏi: Tái Sinh Sinh rằng khi tính theo **Sinh Chủng** thì có được bốn, rằng tính theo **Uẩn** thì có được ba; thật khó biết được rằng có bốn là như thế nào và có ba là như thế nào ?

98. Đáp: + Trong ba thể loại **Sinh** này, thì việc sinh khởi lần đầu tiên trong Hữu mới của tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung lìa khỏi Hữu cũ; thì được gọi tên là **Tái Sinh Sinh.** Và khi tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyện, là 19 Tâm Tái Sinh, 35 Tâm Sở, 3 – 7 – 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Sinh. Tiếp nối từ nơi Thời Kỳ Tái Sinh, từng mỗi Danh Pháp và Sắc Pháp sinh khởi mới lên nối tiếp với nhau không gián đoạn trọn cả ngày, trọn cả tháng, trọn cả năm; cho đến suốt cả cuộc đời; thì được gọi tên là **Liên Tiếp Sinh.** Rằng tính theo Chi Pháp, tức là việc tiếp nối với nhau của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp. Việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi cái Tâm, và việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp, thì được gọi tên là **Sát Na Sinh;** tức là việc sinh khởi từng một sát na của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

Từ ngữ **Jāti** trong câu **Bhavapaccayā jāti - Hữu làm duyên Sinh** đây, lập ý chỉ lấy **Tái Sinh Sinh (Paṭisandhijāti)** thôi.

+ **Tái sinh Sinh** đây, một khi tính theo **Sinh Chủng (Jāti)** có được bốn thể loại, đó là:

1/. Thai Sinh Chủng (Jalābujajāti): Việc sinh khởi ở trong tử cung người Mẹ.

2/. Noãn Sinh Chủng (Aṇḍajajāti): Việc sinh khởi ở trong quả trứng.

3/. Thấp Sinh Chủng (Saṅsedajajāti): Việc sinh khởi ở trong chỗ có nhựa mủ cây.

4/. Hóa Sinh Chủng (Opapātikajāti): Việc vụt phát sinh lên to lớn tức thì.

99. Hỏi: Hãy bổ túc nội dung trong câu chuyện như tiếp theo đây: **Sinh Chủng (Jāti)** là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này v.v. bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

99. Đáp: Sinh Chủng (Jāti) là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này cũng do từ nơi **Nghiệp Hữu,** và đấy chính là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở phần Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có. Bởi do thế mới nhận thấy được rằng tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, ngoài Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực này ra rồi thì chẳng có một ai là Đấng Tạo Hóa cả; ứng hợp với Đức Phật đã lập ý khải thuyết rằng: **Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappaṇītatāya** - Nghiệp Lực thường phân biệt tất cả Chúng Hữu Tình cho có thực tính ty liệt và tinh lương.

Và **Đại Giáo Thọ Sư Buddhaghosa** cũng đã có trình bày rằng:

Tulyopi bahi hetumhi **Yamakānaṃ payayutlyatā**
Na cāñño kammato tasmā **Ñeyyo so jātipaccayo**

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: Ngay cả chỉ có duy nhất một Ngoại Tác Nhân là máu huyết và thực phẩm đi nữa, tuy nhiên trẻ song sinh cũng vẫn có điểm khác biệt với nhau để cho được nhận thấy. Sẽ nói rằng một người nam, một người nữ cũng có; sắc thân hình tướng khang khác nhau cũng có; Trí Tuệ khác biệt nhau cũng có.

Điều này trình bày cho nhận thấy rằng ngoài Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu ra rồi, thì chẳng có tác nhân nào khác nữa để sắp bày trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

100. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Sinh; và Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sinh có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Với luôn cả trình bày quan điểm của Ngài Phụ Chú Giải Căn Nguyên và Ngài Chú Giải Sư trong câu **Hữu làm duyên Sinh (Bhavapaccayā jāti).**

100. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết Của **Sinh,** đó là:

1. Tiên Sinh Khởi Hữu Trạng Thái (Tattha tattha bhave paṭhamābhinibbati lak khaṇā): Có việc sinh khởi lần đầu tiên ở trong các Hữu ấy, làm thành trạng thái.

2. Truyền Thế Phận Sự (Niyyātanarasā): Có việc hiện hành tương tự như là trao truyền Ngũ Uẩn có sự hạn độ trong từng mỗi Hữu cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, làm thành phận sự.

3. Quá Khứ Truyền Thừa Hiện Tại Thành Tựu hoặc **Khổ Đau Túc Chướng Thành Tựu (Atītabhavato idha ummujjana paccupaṭṭhānā vā Dukkha vicittattāpaccu paṭṭhānā):** Có việc quả báo từ nơi Hữu trước sinh khởi trong Hữu này, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí; (hoặc) Có thực tính với quả khổ hiện khởi lên quá vất vả.

4. Lũy Tích Danh Sắc Nhân Cận (Upacitanāmarūpapadaṭṭhāna): Có Danh Sắc sinh khởi lần đầu tiên làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê mãnh lực Duyên Hệ trong câu **Hữu làm duyên cho Sinh (Bhavapaccayā Jāti)**

Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sinh,** có được hai mãnh lực Duyên, đó là: **1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya), 2/. Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya).**

[**Chú thích:** Trong câu **Bhavapaccayā Jāti (Hữu làm duyên Sinh)** đây, thì quan điểm của Ngài **Phụ Chú Giải Căn Nguyên (Mūlaṭīkā)** đã lấy cả hai gồm Nghiệp Hữu và Sinh Hữu, bằng cách nêu lên Nhân Quả để dẫn chứng rằng **Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực; và ấy cũng chính là **Sinh Hữu** sẽ có được cũng phải do nương vào **Nghiệp Hữu.** Nếu thiếu mất **Nghiệp Hữu** đi rồi, thì **Sinh Hữu** cũng không có thể sinh khởi lên được. Và nếu như **Sinh Hữu** đã không hiện hữu, thì cũng tương tự như vậy, là **Sinh** cũng không thể có được; bởi do thế **Hữu** làm Năng Duyên cho **Sinh** mới lấy hết cả hai **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu.** Tuy nhiên đối với Ngài Chú Giải Sư thì đã không lấy **Sinh Hữu.** Và một cách chính xác, **Jāti (Sinh)** là sự sinh khởi của Danh Sắc Ngũ Uẩn.]

A. 101. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ sokaparideva dukkhadomanassupāyāsā sambhavanti** - Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh, một cách tóm lược.

101. Đáp: Giải thích trong câu "Sinh làm duyên Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh" một cách tóm lược như sau: Cả bảy Pháp gồm Lão Mại, Tử Vong, và Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây thường hiện khởi lên do nương vào **Sinh** làm Nhân.

+ **Lão Mại** làm thành quả báo của **Sinh** đây, là sự già nua của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực. Có nghĩa khi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực những thể loại này sinh khởi thành sát na Sinh rồi, ắt hẳn có sát na trú tại, được gọi là sát na Trụ. Và đích thị chính sát na Trụ của Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực này được gọi tên là **Lão Mại.**

+ **Tử Vong** làm thành quả báo của **Sinh** đây, tức là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực, được gọi là **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa).**

102. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải những từ ngữ như sau: **Jarā (Lão Mại), Maraṇa (Tử Vong), Soka (Sầu Muộn), Parideva (Bi Ai), Dukkha (Khổ Đau), Domanassa (Ưu Thọ), Upāyāsa (Não Hại).**

102. Đáp: Tuần tự trình bày những câu Chú Giải các từ ngữ trên như sau:

1. Chú Giải về Lão Mại: Jaraṇaṃ = Jarā - Gọi tên sự cũ kỹ đối với Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Thành Sở Tác là **Lão Mại.** (Hoặc) **Jīranti jiṇṇabhāvaṃ kacchanti etāyāti = Jarā** - Tất cả Pháp Hành thường thấm nhập vào sự lão mại do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ việc thấm nhập vào sự lão mại của những thể loại Pháp Hành đấy là **Lão Mại.**

2. Chú Giải về Tử Vong: Marīyate = Maraṇaṃ - Gọi tên sự tử vong, là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực là **Tử Vong.** (Hoặc) **Maranti sattā etenāti = Maraṇaṃ** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường tử vong do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ nơi việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Tử Vong.**

3. Chú Giải về Sầu Muộn: Socanaṃ = Soko - Gọi tên sự đau thương buồn rầu là **Sầu Muộn.** (Hoặc) **Socanti cittapariḷāhaṃ gacchanti etenāti = Soko** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường có sự sầu muộn thẩm thấu đến sự khốn khổ bởi do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chủng làm Nhân từ ở nơi sự sầu muộn khốn khổ của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Sầu Muộn.**

4. Chú Giải về Bi Ai: Paridevanaṃ = Paridevo - Gọi tên sự khóc lóc thở than là **Bi Ai.** (Hoặc) **Taṃ taṃ pavattiṃ parikittetvā devanti kandanti etenāti = Paridevo** - Tất cả Chúng Hữu Tình than thở đến những sự kiện, thế rồi khóc lóc bởi do nương vào Pháp chủng ấy; chính vì thế gọi tên Pháp chủng làm Nhân từ ở nơi việc than thở để rồi khóc lóc của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Bi Ai.**

5. Chú Giải về Khổ Đau: Dukhucchitaṃ hutvā kāyika sukhaṃ khaṇatīti = Duk khaṃ (vā) Dukkhamanti = Dukkhaṃ - Pháp chủng nào thật đáng ghê tởm và hủy hoại đi

sự an lạc về Thân (Thân Thọ Lạc); bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Khổ Đau.** (Hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình thường phải khó khổ để chịu đựng với cảm thọ nào; bởi thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau.** Một trường hợp khác nữa: **Khamituṃ dukkarantaṃ = Dukkhaṃ** - Cảm thọ nào khó khổ để chịu đựng được, bởi do thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau.**

6. Chú Giải về Ưu Thọ: Domanassa bhāvo = Domanassaṃ - Thực tính làm Nhân cho thành người có lòng dạ không tốt, gọi tên là **Ưu Thọ.**

7. Chú Giải về Não Hại: Bhuso āyāsanaṃ = Upāyāso - Gọi tên sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng là **Não Hại.**

103. Hỏi: Chi Pháp của Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại là chi ?

103. Đáp: Tuần tự trình bày Chi Pháp của các Pháp vừa kể trên như sau:

1. Chi Pháp của Lão Mại: Là sự già nua của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Lực. Có nghĩa khi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực những thể loại này sinh khởi thành sát na Sinh rồi, ắt hẳn có sát na trú tại, được gọi là sát na Trụ. Và đích thị chính sát na Trụ của Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực này được gọi tên là **Lão Mại.**

2. Chi Pháp của Tử Vong: Là sự tử vong của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, và Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm Thức, Sắc Vật Thực.

Ghi chú: Chi Pháp của Lão Mại và Tử Vong theo như đã vừa đề cập đến đây, cũng tương tự với Chi Pháp của Sinh.

3. Chi Pháp của Sầu Muộn: Là Ưu Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân sinh khởi từ 5 thể loại **Điêu Tàn (Bayasana).**

4. Chi Pháp của Bi Ai: Là **Sắc Tâm Thinh Điên Đảo (Cittajavippalāsasadda)** sinh khởi bởi có việc khóc lóc than thở do đã dựa vào bất luận một trong Ngũ Điêu Tàn làm Nhân.

5. Chi Pháp của Khổ Đau: Là **Thân Khổ Thọ (Kāyikadukkhavedanā).**

6. Chi Pháp của Ưu Thọ: Là Tâm Sở Khổ Thọ, là Khổ Tâm.

7. Chi Pháp của Não Hại: Là Tâm Sở Sân sinh khởi do dựa một trong Ngũ Điêu Tàn.

104. Hỏi: Lão Mại có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nói lên ý nghĩa với.

104. Đáp: Lão Mại có chín thể loại, đó là:

1. Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại (Vayovuddhijarā): Là sự già nua tuần tự khởi sinh lên do có những trạng thái hiện bày, chẳng hạn như tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, sợi dây gân hiện bày, lưng còng, v.v.

2. Liên Tiếp Lão Mại (Santatijarā): Là sự già nua liên tiếp sinh khởi lên hoài không có gián đoạn của Danh Sắc cho mãi đi đến tử vong; cũng ví như một người bị bệnh sốt, trong sát na đang lên cơn sốt ấy được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy; và cơn sốt ấy từ từ giảm xuống cũng được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy.

3. Sát Na Lão Mại (Khaṇikajarā): Là sát na Trụ của Danh và Sắc hiện khởi lên tiếp nối liên tục với nhau bởi theo trạng thái Sinh – Trụ - Diệt của sát na Tiểu.

4. Hiển Hiện Lão Mại (Pākaṭajarā): Là sự già nua hiển hiện rõ ràng, và đó cũng chính là Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại vậy.

5. Ẩn Tàng Lão Mại (Paṭicchannajarā): Là sự già nua bị ẩn khuất, không có khả năng để trông thấy được; và đó chính là sự lão mại của Danh Pháp.

6. Bất Kiến Lão Mại (Avīcijarā): Là sự già nua không có cách nào cho nhận biết được; tức là sự suy giảm của ngọc xoàn, đá thạch, mặt trời, mặt trăng, trẻ con, nhóm nam nữ thanh xuân, v.v.

7. Hữu Kiến Lão Mại (Savīcijarā): Là sự già nua có cách cho nhận biết được, đó chính là sự tổn hại của xe cộ, nhà cửa, đất đai điền thổ, những của cải vật chất, và người già nua, chúng sinh già nua, cây cối cổ thụ, v.v.

8. Siêu Lý Lão Mại (Paramatthajarā): Là sát na Trụ của Danh và Sắc; cũng tương tự với Sát Na Lão Mại.

9. Chế Định Lão Mại (Paññattijarā): Là những sự việc già nua, ngoài ra Sát Na Lão Mại.

105. Hỏi: Ngài nói rằng **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại (Vayovuddhi jarā)** rằng khi tính theo **Niên Hạn (Vaya)** thì có Tam Niên Hạn hoặc Thập Niên Hạn; thật khó hiểu được rằng Tam Niên Hạn là những chi ? Thập Niên Hạn là những chi ? Có quy phạm hạn định như thế nào ?

105. Đáp: Trong tất cả những thể loại Lão Mại đây, một khi tính theo **Niên Hạn (Vaya)** thì **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** có được 3 hoặc 10 thể loại, đó là:

+ Có Tam Niên Hạn (Vaya), đó là:

1. Sơ Thứ Niên Hạn (Paṭhamavaya): Trong khoảng thời gian thọ mạng hạn định là 75 tuổi thọ; tính kể từ khi sinh ra cho đến 25 tuổi thọ thì sắp vào trong **Sơ Thứ Niên Hạn** (Chạn tuổi thanh niên).

2. Nhị Thứ Niên Hạn (Dutiyavaya): Tính kể từ 25 tuổi cho đến 50 tuổi thọ thì sắp vào trong **Nhị Thứ Niên Hạn** (Chạn tuổi trung niên).

3. Tam Thứ Niên Hạn (Tatiyavaya): Tính kể từ 50 tuổi cho đến 75 tuổi thọ thì sắp vào trong **Tam Thứ Niên Hạn** (Chạn tuổi lão niên).

+ Có Thập Niên Hạn (Vaya), đó là:

1. Nhi Độn Thập Niên Hạn (Mandadasakavaya): Niên hạn yếu kém, tính kể từ 1 tuổi cho đến 10 tuổi thọ.

2. Ngoạn Lộng Thập Niên Hạn (Khiddādasakavaya): Niên hạn vui chơi thỏa thích, tính kể từ 10 tuổi cho đến 20 tuổi thọ.

3. Nhan Sắc Thập Niên Hạn (Vaṇṇadasakavaya): Niên hạn mỹ lệ xinh đẹp, tính kể từ 20 tuổi cho đến 30 tuổi thọ.

4. Năng Lực Thập Niên Hạn (Baladasakavaya): Niên hạn có sức lực, tính kể từ 30 tuổi cho đến 40 tuổi thọ.

5. Trí Tuệ Thập Niên Hạn (Paññādasakavaya): Niên hạn có Trí Tuệ, tính kể từ 40 tuổi cho đến 50 tuổi thọ.

6. Suy Nhược Thập Niên Hạn (Hānidasakavaya): Niên hạn suy giảm, tính kể từ 50 cho đến 60 tuổi thọ.

7. Suy Tàn Thập Niên Hạn (Pabbhāradasakavaya): Niên hạn ở sắc thân bắt đầu khọm rọm xuống, tính kể từ 60 cho đến 70 tuổi thọ.

8. Suy Lão Thập Niên Hạn (Vaṅkadasakavaya): Niên hạn sắc thân đã khọm khẹm, tính kể từ 70 cho đến 80 tuổi thọ.

9. Si Độn Thập Niên Hạn (Momūhadasakavaya): Niên hạn si mê lầm lạc, tính kể từ 80 cho đến 90 tuổi thọ.

10. Ngọa Bệnh Thập Niên Hạn (Sayanadasakavaya): Niên hạn nằm hoài dậy không nổi, đau nằm không dậy được; tính kể từ 90 đến 100 tuổi thọ.

[**Chú thích:** Thập Niên Hạn này trích lược trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga)** Phẩm 3, điều 247.]

Thập Niên Hạn như đã vừa đề cập đây, là việc trình bày thể theo Niên Hạn với thọ mạng hạn định 100 tuổi thọ. Còn nếu như ở trong giai đoạn thọ mạng suy giảm dần xuống thì cả Thập Niên Hạn này cũng tuần tự suy giảm theo.

106. Hỏi: Từ ngữ **Jarā (Lão Mại)** trong Liên Quan Tương Sinh lập ý nhắm đến thể loại Lão Mại nào ? Và hãy phân tích những thể loại Lão Mại đấy bởi theo Pháp Siêu Lý và Chế Định.

106. Đáp: Trong Liên Quan Tương Sinh này, từ ngữ **Lão Mại** lập ý lấy **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại, Hiển Hiện Lão Mại;** và cả hai thể loại Lão Mại này là Lão Mại chỉ có hữu quan Sắc Pháp thôi, và trong Danh Pháp thì không có thể loại Lão Mại này.

Lẽ thường tuổi thọ của từng mỗi Sắc Pháp thì có được tương đương với tuổi thọ của 17 cái Tâm, không tăng hơn cũng không giảm hơn; bởi do thế khi đề cập bởi theo Thực Tính Siêu Lý thì "Sắc ấy già nua, Sắc này yếu kém chẳng có chi cả; thế nhưng Tôi nhận thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. cũng chỉ là điều mà Tôi đã giả định với nhau rằng là **"Lão Mại"** đó mà." Với lý do này, một khi đã loại trừ **Sát Na Lão Mại, Ẩn Tàng Lão Mại,** và **Siêu Lý Lão Mại** ra rồi, thì Lão Mại ngoài ra đó cũng chỉ là Chế Định Lão Mại hết cả thảy.

A. 107. Hỏi: Một vài Ngài nói rằng Lão Mại thì trông thấy được; một vài Ngài thì đã nói rằng không trông thấy được. Vấn đề này xin Ngài cho thẩm định quyết đoán để được nhận thấy một cách rõ ràng.

107. Đáp: Lão Mại này, là điều không thể trông thấy được, bởi vì đó là Cảnh Pháp. Chỗ nhận thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. đó cũng chẳng phải là Tự Ngã; mà chỉ là quả báo sinh từ nơi mãnh lực của một lần Lão Mại khác nữa. Thế nhưng, tất cả con người ta khi trông thấy rằng da nhăn, răng gẫy v.v. thì nhận biết được là người này, người nọ đã già nua rồi.

Nếu sẽ vấn hỏi rằng "Tại làm sao Lão Mại có da nhăn, răng gẫy v.v. chỉ có hiện bày đối với người cao niên lớn tuổi; còn các trẻ nhỏ, và những trai trẻ thanh xuân thì chẳng có

hiện bày; y như thể là sự Lão Mại đây chỉ có hiện hữu riêng biệt ở trong người già cao niên thôi; còn những trẻ nhỏ, trai trẻ thanh xuân thì không có. Sự việc như vậy là do bởi lý do nào ?" Điều này được giải đáp rằng "Lẽ thường Lão Mại đấy ắt hẳn hiện hữu đối với hết cả thảy tất cả Chúng Hữu Tình, và chẳng có lựa chọn rằng sẽ là trẻ nhỏ, hoặc trai trẻ thanh xuân; hoặc chỉ là người cao niên lớn tuổi thôi. Vả lại Lão Mại này có chức năng làm cho Sắc Pháp thẩm thấu đến sự già nua với nhau hết cả thảy. Những trẻ nhỏ thì từ từ lớn dần lên thành trai trẻ thanh xuân, cũng với mãnh lực của Lão Mại. Trai trẻ thanh xuân thì từ từ bước đi đến thành người lớn, và cho đến thành người già; điều đấy cũng với mãnh lực của Lão Mại tương tự như nhau. Vì lẽ sự Lão Mại đây được chia ra làm hai thể loại, với một thể loại "già nua thêm lên" gọi là **Gia Tăng Lão Mại (Abhikkamajarā),** và một thể loại "già nua giảm xuống" gọi là **Giảm Thiểu Lão Mại (Paṭikkamajarā).** Đối với Lão Mại hiện hữu trong trẻ nhỏ, kể từ **Nhi Độn Thập Niên Hạn** cho đến **Năng Lực Thập Niên Hạn** là thuộc **Gia Tăng Lão Mại;** là Lão Mại sự già nua thêm lên dần. Chính với lý do đấy, những trẻ nhỏ mới từ từ lớn dần lên mãi cho đến chấm dứt hạn độ của Gia Tăng Lão Mại. Tiếp nối nơi đấy thì từ từ sự già nua giảm xuống dần, hiện bày trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt mờ v.v. mãi cho đến tử vong; được gọi là **Giảm Thiểu Lão Mại.** Và sự việc như vậy, đích thị cũng chính do bởi mãnh lực từ nơi **Lão Nhiệt Khí (Jiraṇatejo)** thiêu đốt Sắc Pháp cho có trạng thái tuần tự suy giảm xuống dần ấy vậy." Lại nữa, trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt mờ v.v. ấy chính là **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** đây, thì thường không có đối với nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên. Tất cả ở đây, cũng do bởi nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên có Sắc Nghiệp Lực làm thành nền tảng vững chắc hơn cả Sắc Vật Thực, và Sắc Quý Tiết. Còn nhóm Nhân Loại và tất cả Chúng Hữu Tình Bàng Sinh thì có Sắc Nghiệp Lực yếu kém hơn Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực; bởi do thế mới có **Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại** hiện bày rất nhiều.

108. Hỏi: Tử Vong có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và trong Liên Quan Tương Sinh này có ý định lấy thể loại Lão Mại nào vậy ?

108. Đáp: Tử Vong (Maraṇa) có chín thể loại, đó là:

1. Giả Định Tử Vong (Sammutimaraṇa): Là sự tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình mà giả định gọi với nhau là nam nhân **K.** chết, nam nhân **Kh.** chết, cây chết, thủy ngân chết, v.v.

2. Liên Tiếp Tử Vong (Sattatimaraṇa): Là việc nối tiếp của Danh Sắc có sự biến đổi từng thời kỳ, không có người đặt để; chẳng hạn như Sắc sinh khởi trong thời bất an và một khi đã dứt khỏi rồi, thì Sắc bất an ấy cũng diệt đi. Sắc an lạc tức thì sinh khởi mới lên và một khi có sự bực bội buồn lòng sinh khởi lên, tiếp đến lại sinh khởi sự vừa lòng duyệt ý, thì sự bực bội buồn lòng ấy cũng dứt khỏi và diệt mất đi, chẳng hạn như vậy.

3. Sát Na Tử Vong (Khaṇikamaraṇa): Là sự diệt mất của Sắc và Danh trong từng mỗi sát na Diệt.

4. Bính Tuyệt Tử Vong (Samucchedamaraṇa): Là viên tịch Níp Bàn của tất cả các Bậc Vô Sinh không còn việc tiếp nối sinh khởi được nữa.

5. Mãn Kiếp Tử Vong (Jātikkhayamaraṇa): Là sự tử vong và chấm dứt trong từng mỗi kiếp sống.

6. Tận Mệnh Tử Vong (Upakkamamaraṇa): Là việc hạn định thọ mạng cũng vẫn chưa dứt, Nghiệp Lực cũng vẫn chưa dứt, thế nhưng đã đến sự tử vong bởi do nương vào sự cố gắng của tự bản thân (tự tử), hoặc của tha nhân với mãnh lực **Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upacchedakkamma).**

7. Lưỡng Toàn Tử Vong (Sarasamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định Tuổi Thọ và Nghiệp Lực.

8. Thọ Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định tuổi thọ, cho dù vẫn chưa chấm dứt Nghiệp Lực đi nữa.

9. Phúc Diệt Tử Vong (Puññakkhayamaraṇa): Là sự tử vong khi đã đến hạn định của Phước Báu và Nghiệp Lực, cho dù vẫn chưa chấm dứt tuổi thọ đi nữa.

Trong Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ **Tử Vong** lập ý chỉ lấy **Giả Định Tử Vong, Mãn Kiếp Tử Vong, Tận Mệnh Tử Vong, Lưỡng Toàn Tử Vong, Thọ Diệt Tử Vong, Phúc Diệt Tử Vong** thôi. Và kể từ Mãn Kiếp Tử Vong cho đến Phúc Diệt Tử Vong, với cả 5 thể loại này một khi đã có thẩm sát rồi, thì tất cả đều sát nhập vào **Giả Định Tử Vong** hết cả.

A. 109. Hỏi: Hãy giảng giải việc hủy diệt mầm **Sinh** là tác nhân của Lão Mại – Tử Vong; với luôn cả nêu điều tỷ dụ lên so sánh.

109. Đáp: Lão Mại và Tử Vong như đã vừa đề cập đến đây, là **Thực Tính Bất Duyệt Ý (Aniṭṭha)** đã làm thành điều đáng sợ hãi, và chẳng thích đáng cho việc mong cầu chút nào cả. Thế nhưng từng mỗi con người cũng không thể nào lẩn tránh được, mà phải bị đối diện với nhau hết cả thảy, vả lại chẳng có con đường nào để sẽ trốn chạy cho vượt thoát ra khỏi trong kiếp sống này. Sự việc như vậy cũng do bởi có **Sinh,** đó chính là sự sinh khởi đã làm cái Nhân tiên khởi. Nếu như bất luận một người nào đã có sự sợ hãi Lão Mại và Tử Vong này rồi, thiết yếu người ấy sẽ phải tầm cầu đạo lộ hủy diệt mầm **Sinh** đi, thì mới sẽ mong vượt thoát đi được. Và phương thức để sẽ hủy diệt mầm **Sinh** đây, thì đặc biệt chỉ có hiện hữu ở trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác thôi. Tức là việc hủy diệt **Nghiệp Hữu** cho hoàn toàn tiệt diệt; nỗ lực làm cho Thân, Ngữ, Ý của mình thấm nhập đến tác hành Duy Tác **(Kiriyā)** và đích thị chính là sự thành Quả vị Vô Sinh. Vả lại hành động tạo tác để sẽ cho thành tựu tác hành Duy Tác đấy, thì nhất thiết phải ở trong khoảng thời kỳ Giáo Pháp Đức Phật một khi vẫn còn tồn tại. Khi đã xa rời khỏi Giáo Pháp Đức Phật đi rồi, thì coi như đã chấm dứt đạo lộ để sẽ thực hiện được điều ấy; và chỉ còn lại Bất Thiện Nghiệp Lực với Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực. Hành động tạo tác cho Thiện Sự ấy được thành tựu một cách dễ dàng và có được nhiều cơ hội, là chỉ khi được thực hiện ngay trong thời kỳ Giáo Pháp Đức Phật vẫn đang còn hiện hữu thôi. Và trong thời gian xa rời khỏi Giáo Pháp Đức Phật rồi, thì việc thực hành Toàn Thiện ấy rất là khó khăn, và cơ hội có được thì lại rất hạn chế. Ngài so sánh ví như việc kiến tạo Thiện Sự này tỷ như người bệnh phải uống thuốc đắng; mà theo lẽ thường thuốc đắng thì thường không một ai ưa thích uống cả; thế nhưng người bệnh cố gắng để phải uống cũng bởi vì muốn dứt khỏi bệnh vậy. Điều này như thế nào, thì những thể loại Tâm

Thiện Hiệp Thế cũng được ví như là thuốc đắng; và người tầm cầu vượt thoát ra khỏi bao Phiền Não thì cũng cần phải nỗ lực kiến tạo Thiện Hiệp Thế cho được khởi sinh lên, để rồi từ đó tuần tự tiến hành việc sát trừ Phiền Não, mãi cho đến chứng đạt viên mãn Quả vị Vô Sinh và tiệt diệt hết bao điều Phiền Não, thì cũng đã được ví như một người bệnh cần phải tiệt diệt căn bệnh của mình vậy; phải cố gắng thường luôn chăm uống thuốc đắng, mãi cho đến khi căn bệnh đã được dứt hẳn. Một khi những căn bệnh đã được dứt hẳn rồi, thì không cần phải tiếp tục uống thuốc đắng nữa.

110. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Anumattopi puññena **Attho mayhaṃ na vijjati**
Yesañca attho puññena **Te māro vuttamarahati**

Với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Lão Mại và Tử Vong.

110. Đáp: Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta đây đã nói với Thiên Ma trong sát na Ngài đang hành trì Pháp Hành Duy Tác, bởi do vị Thiên Ma đã đi đến tác bạch rằng: "Kính xin Đức Thế Tôn hãy cố gắng làm cho mình là người có được thọ mạng lâu dài, để sẽ có được thời gian kiến tạo Thiện Pháp, có việc thọ trì Giới Luật, tế lễ thần lửa v.v. Nếu như ở trong rừng già và hành trì như vậy thì sẽ chẳng có lợi ích chi cả." Đức Phật mới trả lời với vị Thiên Ma rằng:

Anumattopi puññena **Attho mayhaṃ na vijjati**
Yesañca attho puññena **Te māro vuttamarahati**

Dịch nghĩa nội dung chính như sau: Này Thiên Ma, sự duyệt ý ở trong Thực Tính Thiện Pháp đã không có đối với Ta dù chỉ là chút ít; còn đối với người chỉ có chút ít Phước Báu thì lại có sự duyệt ý ở trong Thiện Pháp. Bởi do thế, Ngươi hãy nên đi nói với người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc làm Thiện ấy vậy.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Lão Mại:**

1. Khai Thục Uẩn Trạng Thái (Khandhaparipākalakkhaṇā): Có sự già nua của Ngũ Uẩn đang hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, làm thành trạng thái.

2. Thôi Thúc Tử Vong Phận Sự (Maraṇūpanayanarasā): Có việc dắt dẫn cho vào đến sự cận tử, làm thành phận sự.

3. Nguy Hại Thanh Niên Thành Tựu (Yobbanavināsapaccupaṭṭhānā): Có thực tính hủy diệt chạn tuổi thanh xuân, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Sắc Pháp Thành Thục Nhân Cận (Paripaccamānarūpapadaṭṭhān): Có Sắc Pháp đang chín muồi làm Nhân cận lân.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết Của **Tử Vong:**

1. Tử Vong Trạng Thái (Cutilakkhaṇaṃ): Có việc hiện bày chuyển di lìa khỏi kiếp sống, làm thành trạng thái.

2. Ly Khai Phận Sự (Viyogarasaṃ): Có việc cách ly xa lìa với vật hữu mạng và phi sinh mạng đã từng có hội kiến với nhau ở trong kiếp sống này, làm thành phận sự.

3. Bất Tại Thế Thành Tựu (Gativippavāsapaccupaṭṭhānaṃ): Có việc chuyển di lìa khỏi trú xứ cũ, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Danh Sắc Diệt Vong Nhân Cận (Paribhijjamānanāmarūpapadaṭṭhānaṃ): Có Danh Sắc đang diệt làm Nhân cận lân.

111. Hỏi: Có bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lão Mại – Tử Vong ? Là những chi ?

111. Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên trong câu **Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong (Jātipaccayā Jarāmaraṇa),** đó là:

Lão Mại – Tử Vong trình bày thể theo **Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammabhājanīyanaya)** thì chẳng có việc liệt kê Duyên để kể vào, vì lẽ Lão Mại cũng chính là sát na Trụ của Danh và Sắc; và Tử Vong thì cũng chính là sát na Diệt của Danh và Sắc tương tự như nhau. Còn trình bày thể theo **Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Suttantabhājanīyanaya)** có được liệt kê Duyên kể vào.

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Lão Mại – Tử Vong,** có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

112. Hỏi: Có bao nhiêu **Pháp Điêu Tàn (Bayasana)** đã làm tác nhân của sự sầu muộn buồn lòng ? Là những chi ? Với lại cho trình bày ý nghĩa; và Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Sầu Muộn; vả lại Bi Ai là những chi?

112. Đáp: Có năm thể loại **Pháp Điêu Tàn (Bayasana),** đó là:

1. Quyến Thuộc Điêu Tàn (Ñātibayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi quyến thuộc; tức là Mẹ, Cha, Anh Chị Em, Con Cháu, Chồng Vợ, Bạn Hữu tiêu tan, chết mất đi.

2. Tài Sản Điêu Tàn (Bhogabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi tài sản của cải, chức vụ, danh vị; chẳng hạn như bị tai họa do bởi lửa đốt cháy, đạo tặc trộm lấy, vua quan tịch thâu, nước cuốn trôi, bị tước khỏi chức vụ, quân hàm, v.v.

3. Bệnh Hoạn Điêu Tàn (Rogabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan do bởi bệnh tật; hoặc bị tai họa từ nơi bệnh tật hành hạ bức hại.

4. Giới Hạnh Điêu Tàn (Sīlabayasana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi Giới Luật, là bị khiếm khuyết về điều học đã nguyện thọ trì.

5. Tri Kiến Điêu Tàn (Diṭṭhibaysana): Sự sụp đổ tiêu tan từ nơi kiến thức; là có tri kiến sai lầm khởi sinh lên đã làm cho tiêu tan hết Chánh Kiến.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Sầu Muộn:**

1. Sầu Hoài Trạng Thái (Antonijjhānalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt ở nội tâm, hoặc có sự buồn bã, nóng nẩy ở trong lòng, làm thành trạng thái.

2. Sầu Khổ Phận Sự (Cetoparanijjhāyanaraso): Đã làm cho Tâm thường luôn nóng nẩy khổ sở, làm thành phận sự.

3. Sầu Trường Thành Tựu (Anusocanapaccupaṭṭhāno): Thường luôn có sự sầu muộn đi theo sự điêu tàn mà mình đã tiếp xúc, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Sân Khởi Sinh Nhân Cận (Dosacittuppādapadaṭṭhāno): Có Tâm Sân khởi sinh làm Nhân cận lân.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Bi Ai:**

1. Bi Đề Trạng Thái (Lālappanalakkhaṇo): Có việc rên rĩ khóc than, làm thành trạng thái.

2. Phước Tội Bi Hoài Phận Sự (Guṇadosaparikittanaraso): Có việc khóc lóc đến những Ân Đức và Tội Lỗi, làm thành phận sự.

3. Hỗn Loạn Thành Tựu (Sambhamapaccupaṭṭhāno): Có Tâm rối loạn bất an, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Đại Hiển Nương Sinh Tâm Sân Nhân Cận (Dosacittajamahābhūtapadaṭṭhāno): Có Sắc Đại Hiển sinh từ nơi Tâm Sân làm Nhân cận lân.

113. Hỏi: Sự Khổ Đau có bao nhiêu thể loại ? Là những chi, với luôn cả trình bày ý nghĩa; và sự Khổ Đau ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, là thuộc thể loại Khổ Đau nào ?

113. Đáp: Sự Khổ Đau có chín thể loại, đó là:

1. Khổ Khổ (Dukkhadukkha): Sự khổ có thực tính là xác thực khổ; là Thân Khổ Thọ và Tâm Sở Khổ Thọ.

2. Biến Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha): Là **Thân Lạc Thọ (Kāyikasukhavedanā)** và Tâm Sở Lạc Thọ, bởi vì cả hai Lạc này làm Nhân cho Thân Khổ Thọ và Tâm Sở Khổ Thọ sinh khởi bởi do nương vào sự huyễn biến dị thường.

3. Hành Khổ (Saṅkhāradukkha): Là Xả Thọ và Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần loại trừ ra Khổ Khổ và Biến Hoại Khổ; vì lẽ làm người bị hành hạ bức hại do bởi thường luôn có sự sinh diệt.

4. Ẩn Tàng Khổ (Paṭicchannadukkha) hoặc **Bất Hiện Khổ (Apākaṭadukkha):** Là nhức răng, nhức lỗ tai, nhức đầu, đau bụng v.v. và sự bất an ở trong lòng sinh khởi bởi do mãnh lực của ái luyến, sân hận v.v. Vì lẽ thể loại khổ đau này chỉ sẽ được biết, là phải do dựa vào việc thăm hỏi, và trạng thái hành hạ đấy lại chẳng có hiện bày.

5. Bất Ẩn Khổ (Appaṭicchannadukkha) hoặc **Hiển Hiện Khổ (Pākaṭadukkha):** Là sự đau đớn phát sinh từ những thương tích, và sự khổ đau về Thân hữu quan từ sự hành hạ ở 32 thể loại **Hình Phạt (Kammakaraṇa).** Vì lẽ thể loại khổ đau này được rõ biết mà chẳng cần phải có việc hỏi thăm; vả lại trạng thái hành hạ bức hại đấy cũng được hiện bày rõ ràng.

6. Biểu Hiện Khổ (Pariyāyadukkha): Là Biến Hoại Khổ và Hành Khổ; vì lẽ thể loại khổ đau này chẳng phải trực tiếp tự hình thành khổ, mà là phát sinh từ những khổ đau khác khác nữa. (còn gọi là **Ảnh Hưởng Khổ**).

7. Bất Dị Biệt Khổ (Nippariyāyadukkha): Là khổ đau, ưu thọ, sự buồn rầu, đều được gọi là Khổ Khổ ấy vậy.

8. Thân Khổ Thọ (Kāyikadukkha): Là sự khổ đau phát sinh từ nơi sắc thân, có nhức răng, đau bụng, nhức đầu, và những thương tích v.v.

9. Tâm Sở Khổ (Cetasikadukkha): Là sự khổ đau phát sinh từ ở Lộ Ý Môn, có sự khổ tâm, sự buồn lòng, sợ hãi, sân hận v.v.

Và trong Liên Quan Tương Sinh, từ ngữ **Dukkha (Khổ Đau)** tức là **Thân Khổ Thọ.**

114. Hỏi: Việc hình phạt (Kammakaraṇa) với 32 thể loại đã làm cho phát sinh về Thân Khổ Thọ, đó là những chi ?

114. Đáp: Việc hình phạt (Kammakaraṇa) với 32 thể loại đã làm cho phát sinh về Thân Khổ Thọ, đó là: 1/. Đánh đập với cây mây gai. 2/. Đánh đập với cây mây mà không có gai. 3/. Đánh đập với cây búa. 4/. Chặt tay. 5/. Chặt chân. 6/. Chặt cả tay và chân. 7/. Cắt lỗ tai. 8/. Cắt lỗ mũi. 9/. Cắt cả lỗ tai và lỗ mũi. 10/. Lột da đầu rồi lấy cục sắt cháy đỏ ấn gí vào. 11/. Giật tóc cho sút khỏi đầu. 12/. Lấy thanh sắt banh miệng ra rồi lấy lửa châm vào miệng. 13/. Lấy vải nhúng dầu quấn bó thân người rồi châm lửa vào vải. 14/. Lấy vải nhúng dầu quấn bó tay lại rồi châm lửa ví như ngọn đuốc. 15/. Lột da kể từ cổ cho đến hông. 16/. Lột da kể từ cổ cho đến tay. 17/. Lấy dây xích trói thúc ké hai phía khuỷu tay và hai phía đầu gối cho dính vào nhau, rồi dùng mũi sắt nhọn đâm thẳng xuống và lấy lửa thiêu đốt. 18/. Dùng lưỡi câu móc dính thịt rồi giật mạnh cho thịt sút sổ ra. 19/. Lấy rìu lưỡi vòm chặt thịt cho rớt ra thành từng mảnh, từng mảnh. 20/. Đánh đập khắp cả châu thân rồi dùng nước muối acide (cường toan) rưới cho thịt sút sổ ra. 21/. Cho nằm nghiêng rồi lấy thanh sắt đâm cho thủng lỗ tai giữ lấy, rồi nắm lấy chân xoay vòng tròn. 22/. Lấy cục đá đánh đập khắp cả châu thân cho xương cốt bể vụn ra, rồi nắm lấy cho cuộn tròn bó lại thành từng cục, từng cục. 23/. Lấy dầu sôi rưới khắp cả châu thân. 24/. Cho nhịn đói 2 – 3 ngày rồi lấy vật thực của chó cho ăn. 25/. Lấy thanh sắt nhọn chọc thủng kể từ đầu suốt đến hậu môn. 26/. Dùng thanh kiếm chặt đầu. 27/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên phải. 28/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên trái. 29/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên phải. 30/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên trái. 31/. Lấy đinh nướng lửa đỏ đóng xuống bộ ngực. 32/. Lấy búa rìu và bàn tay vạc đẽo thân xác.

(Trích trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh, quyển 14/ điều 510)

115. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:

Mā piyehi samāgañchi **Appiyehi kudācanaṃ**
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ **Appiyānañca dassanaṃ**

Và trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Khổ Đau và Ưu Thọ.

115. Đáp: Dịch nghĩa câu kệ ngôn trên như sau:

Mā piyehi samāgañchi **Appiyehi kudācanaṃ**
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ **Appiyānañca dassanaṃ**
Chớ gần gũi người yêu **Trọn đời xa kẻ ghét**
Yêu không gặp là khổ **Oán phải gặp cũng đau.**

Chớ có ở chung với người mà Ta đã yêu thương, và cũng chớ ở chung với kẻ mà Ta chẳng có yêu thương (vì lẽ) việc không được diện hội với người mà Ta đã yêu thương, và lại diện ngộ với kẻ mà Ta chẳng yêu thương, tất cả đều là khổ đau hết cả. [Không nên ràng buộc vào những gì thân yêu. Không bao giờ tự ràng buộc vào những gì không thân. Không gặp những gì mình thân yêu và gặp những gì mình không thân yêu, cả hai (trường hợp đều đau khổ]. (Pháp Cú 210).

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Ưu Thọ:**

1. Áp Bức Tâm Trạng Thái (Cittapīḷanalakkhaṇaṃ): Có việc hành hạ bức hại tâm thức, làm thành trạng thái.

2. Tàn Sát Tâm Phận Sự (Manovighātarasaṃ): Có việc thi dĩ khốc hình tâm thức, làm thành phận sự.

3. Bất An Tâm Thành Tựu (Mānasabbādhipaccupaṭṭhānaṃ): Có sự bất an trong lòng, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhāno): Sắc Tâm Cơ làm Nhân cận lân.

A. 116. Hỏi: Từ ngữ **Upāyāsa (Não Hại)** khi chiết tự ra có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích về Thực Tính của Não Hại, và nói đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại.

116. Đáp: Từ ngữ **Upāyāsa (Não Hại)** đây, khi chiết tự ra có được **Upa + Āyāsa, Upa:** một cách nặng nề, nghiêm trọng; **Āyāsa:** sự gian nan vất vả. Khi kết hợp vào nhau gọi là **Upāyāsa (Não Hại)** dịch nghĩa là **Sự khổ Tâm một cách nghiêm trọng.**

Thực tính của Não Hại là sự buồn lòng cùng cực bi thảm, được nối tiếp từ **Sự Sầu Muộn (Soka).** Khi năng lực của Sầu Muộn đã phát khởi mạnh mẽ, thì lên đến giai đoạn Bi Ai; nối tiếp từ Bi Ai thì lên đến giai đoạn Não Hại, và ấy là cùng tột của sự sầu thảm; đã làm cho người đang cảm thọ đấy có tâm thức khô cứng ngay tức thì, và không còn có khả năng để sẽ chống đỡ với thể loại cảm thọ ấy được; chỉ còn cách ngồi lặng thinh chết điếng, nói cũng không được, và rồi khóc khô không lệ. Có đôi khi thì đi đến trạng thái bất tỉnh nhân sự; hoặc trở thành người mất trí đi rồi; hoặc có thể đi đến tự hủy diệt sinh mệnh của mình. Phần nhiều thì đã phát sinh với người đang phải tiếp xúc bất luận một trong Ngũ Điêu Tàn, bởi do việc nghĩ tưởng chẳng hạn như người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, hoặc Con Cháu đã vừa quá vãng ngay trong hiện tại này; hoặc là của cải tài sản đã phải bị mất mát cùng kiệt, do bởi tai họa lửa đốt cháy, đạo tặc trộm lấy, bị nước cuốn trôi, hoặc bị lường gạt v.v.; hoặc do bởi tai họa bệnh hoạn hết đường chạy chữa v.v. Với những thể loại này đã làm cho người ấy ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; và đích thị chính thể loại thực tính này được gọi tên là **Não Hại.**

Như Đức Thế Tôn đã lập ý truyền dạy để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Bộ Đại Xiển Minh **(Mahāniddesa)** rằng:

Tassa ce kāmayānassa Chandajātassa jantuno
Te kāmā parihāyanti Sallaviddhova ruppati

Dịch nghĩa nội dung chính: Người đi với phương tiện giao thông - đấy chính là Cảnh Dục Trần đang hiện hữu - một cách mảng vui hớn hở và có cảm thọ đắm nhiễm ái luyến trong những thể loại Cảnh Dục Trần ấy. Nếu như những thể loại Cảnh Dục Trần ấy phải bị mất đi; một khi đã là như vậy, thì người đang đắm đuối mảng vui ấy, ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; rúng động vùng vẫy đi theo những thực tính từ ở nơi sầu muộn, bi ai, não hại; tương tự như loài nai bị trúng tên ngã xuống giẫy giụa vùng vẫy khi sắp phải tử vong như thế ấy.

+ Sự Khác Biệt Giữa Sầu Muộn, Bi Ai Và Não Hại:

Sầu Muộn là sự sầu thảm, và ấy chính là **Ưu Thọ (Domanassavedanā). Bi Ai** là sự khóc lóc thở than, và ấy chính là Sắc Tâm Thinh Điên Đảo phát sinh từ Tâm Khởi Sinh Căn Sân **(Dosamūlacittuppāda)**. Và **Não Hại** sự khổ Tâm một cách nghiêm trọng, hoặc sự vất vả khốn khổ ở trong lòng, và ấy chính là cái Tâm Sở Sân. Cả ba thể loại này, nếu sẽ đề cập đến điều tỷ dụ để so sánh, thì cũng được ví với dầu ở trong chảo rán đặt trên bếp lửa. Khi bị đun cháy thì dầu bắt đầu nóng lên từ từ. Khi sự nóng ấy lên đến cùng tột rồi, thì dầu cũng sôi sùng sục lên. Khi để sôi một lúc lâu thì sự nóng sôi ấy cũng từ từ hiện khởi nhiều thêm lên; và cho đến cùng cực vượt quá hạn độ, thì lúc bấy giờ đã có khói hiện khởi lên rồi. Tiếp nối từ nơi ấy, thì dầu cũng dần dần bốc hơi và vơi cạn xuống, cho đến khô mất đi. Điều này như thế nào, thì **Sầu Muộn** cũng được ví với sự nóng của dầu khi mới bắt đầu nóng lên; **Bi Ai** được ví với dầu đang sôi sùng sục; **Não Hại** được ví với dầu đã nóng vượt quá hạn độ rồi từ từ vơi cạn xuống cho đến khô mất đi.

117. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại; và cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Não Hại.

117. Đáp: Ứng hợp với Đại Giáo Thọ Sư **Mahābuddhaghosācāriya** đã trình bày để trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo cũng trong cùng một phương thức như sau:

Bhājananto telapāko Uttaritvā ca nikkhamo
Sesassa khayapākoti Imehete tayosamā

Dịch nghĩa: Cả ba Sầu Muộn, Bi Ai và Não Hại đây cũng tương tự với sự hiện hành của dầu ở ba giai đoạn, có như vầy: giai đoạn một là dầu nóng lên ở trong nồi gốm, giai đoạn hai là dầu sôi sùng sục lên, nối tiếp từ nơi ấy đến giai đoạn ba là dầu còn lại dư sót ấy nóng cho đến cạn khô đi.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Não Hại:**

1. Thiêu Hủy Tâm Trạng Thái (Cittaparidayhanalakkhaṇo): Có việc thiêu đốt tâm thức một cách nặng nề, làm thành trạng thái.

2. Di Thất Tâm Phận Sự (Nitthunanaraso): Có việc ruồng rẫy tâm thức, làm thành phận sự.

3. Đoản Khuyết Thành Tựu (Visādapaccupaṭṭhāno): Thân và Tâm hụt hẫng năng lực, làm hành trạng hiện bày trong Trí Tuệ các Bậc Hiền Trí.

4. Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhāno): Sắc Tâm Cơ làm Nhân cận lân.

118. Hỏi: Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sầu Muộn, Bi Ai v.v. có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Và cho lời giải thích ở trong câu **Evame tassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti** một cách tỷ mỷ chi tiết.

118. Đáp: Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại này đây, có được một mãnh lực Duyên, đó là: **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).**

Sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh tử luân hồi ở trong thế gian này, ấy cũng chính là việc luân chuyển tuần hoàn của bánh xe Luân Hồi, đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh, có Vô Minh v.v. đấy vậy. Thế nhưng tất cả Chúng Hữu Tình đa phần chẳng có được liễu tri đến sự hiện hành từ thể thức sinh hoạt như vậy, và chỉ có một việc là chấp thủ vào **Tục Đế (Sammutisacca)** ngần ấy thôi; tức là người ấy đã chết, người này sinh ra, tôi trông thấy, tôi đã được nghe v.v. chỉ gồm có bấy nhiêu. Mà một khi nói theo chân như thực tính rồi, thì người ấy người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân v.v. những thể loại này thì quả thực không có; và chỉ có Pháp làm tác nhân, làm thành quả báo nối tiếp nhau sinh khởi không gián đoạn. Hơn thế nữa, những thể loại Pháp này đều toàn là một khối Khổ Uẩn hết cả thảy. Vả lại, sự sinh khởi từ toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy đều giả định với nhau rằng là người ấy, người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân; mà ở những thể loại này thì cũng chẳng có bất luận một người nào là Đấng Kiến Tạo lên cả. Việc sinh khởi của những thể loại Pháp này cũng bởi do nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. ấy vậy. Chính vì thế, Đức Thế Tôn mới lập ý truyền dạy rằng **Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Như vậy là sự tập khởi toàn bộ Khổ Uẩn; có nghĩa là sự sinh khởi từ toàn bộ khối Khổ Uẩn này, đích thị chính là do bởi nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. như đã vừa được đề cập đến ở tại đây.

Khi thẩm sát theo Pháp Liên Quan Tương Sinh rồi, cũng nhận thấy được rằng tất cả những vật hữu sinh mạng, có Hữu Tình, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; ở những thể loại này hiện khởi lên được, đích thị cũng do bởi nương vào Vô Minh chính là cái tác nhân tiên khởi vậy. Còn Hành v.v. sinh khởi nương từ nơi Vô Minh thêm một lần nữa, chẳng phải ngay chính cái tác nhân tiên khởi. Và nếu giả như bên phía nào Vô Minh vẫn còn hiện hữu, thì việc sinh việc tử của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng vô cùng tận ở bên phía ấy. Đến khi nào đã sát trừ được Vô Minh cho tiệt diệt đi rồi, thế thì Hành v.v. cũng cùng được diệt tận hết cả. Có nghĩa việc sinh, lão, bệnh, tử của tất cả Chúng Hữu Tình cũng coi như chấm dứt.

A. 119. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có **Avijjāya tveva asesa virāganirodhā saṅkhāranirodho** v.v. Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt v.v. với cả lời giải thích.

119. Đáp: Đức Thế Tôn lập ý trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần **Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanā)** như vầy: **Avijjāya tveva asesavirāga nirodhā saṅkhāra nirodho, saṅkhāranirodhā viññaṇanirodho, viññāṇanirodhā nāmanirodho, nāmarūpa nirodhā saḷāyatananirodho, saḷāyatananirodhā phassanirodho, phassanirodhā vedanā nirodho, vedannirodhā taṇhānirodho, taṇhānirodhā upādānanirodho, upādānanirodhā bhavanirodho, bhavanirodhā jātinirodho. Jātinirodhā jarāmaraṇasokaparideva dukkhamanassupāyāsà nirujjhanti evametassa kevalassa dukkhakhandhassa nirodho hoti** - Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt, Hành tiệt diệt thì Thức diệt, Thức tiệt diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc tiệt diệt thì Lục Xứ diệt, Lục Xứ tiệt diệt thì Xúc diệt, Xúc tiệt diệt thì Thọ diệt, Thọ tiệt diệt thì Ái Dục diệt, Ái Dục tiệt diệt thì Chấp Thủ diệt, Chấp Thủ tiệt diệt thì Hữu diệt, Hữu tiệt diệt thì Sinh diệt, Sinh tiệt diệt thì Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Não Hại cũng cùng diệt. Tính cách diệt tắt toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy, là theo bởi duyên cớ như vầy. **Có nghĩa là:**

1/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Vô Minh** không còn dư sót, và chính do bởi mãnh lực Vô Minh gọi tên là **Vô Tính Dục (Virāga)** ấy vậy, thì **Hành** tức là Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mới được diệt mất.

2/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Hành,** thì **Thức** tức là **Thức Nghiệp Lực (Kamma viññāṇa)** trong các Hữu trước trước, và **Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa)** ở trong Hữu này, mới được diệt mất.

3/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Thức,** thì **Danh Sắc** tức là Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực mới được diệt mất.

4/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Danh Sắc,** thì **Lục Xứ** tức là Lục Nội Bộ Xứ mới được diệt mất.

5/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Lục Xứ,** thì **Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. mới được diệt mất.

6/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Xúc,** thì **Thọ** có Nhãn Phủ Xúc Thọ v.v. mới được diệt mất.

7/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Thọ,** thì 6 hoặc 108 **Ái Dục** có Sắc Ái Dục v.v. mới được diệt mất.

8/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Ái Dục,** thì **Tứ Chấp Thủ** có Dục Chấp Thủ v.v. mới được diệt mất.

9/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Chấp Thủ,** thì **Hữu** là Nghiệp Hữu và Sinh Hữu mới được diệt mất.

10/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Hữu,** thì **Sinh** là sự sinh khởi từ nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực mới được diệt mất.

11/. Bởi do việc tiệt diệt từ nơi **Sinh,** thì **Lão Mại** sự già nua, **Tử Vong** sự chết chóc, **Sầu Muộn** sự sầu thảm, **Bi Ai** sự khóc lóc thở than, **Khổ Đau** sự Khổ Thân, **Ưu Thọ** sự Khổ Tâm, **Não Hại** sự vất vả khốn khổ ở trong lòng, mới được diệt mất.

Sự tiệt diệt từ nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn thường được hiện hành như đã vừa đề cập đến tại đây.

120. Hỏi: Sự việc Đức Phật lập ý khải thuyết Liên Quan Tương Sinh ở Phần Nghịch Thuyết là do bởi nguyên nhân nào ?

120. Đáp: Đức Thế Tôn lập ý trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo **Phần Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanā)** thì điều quan trọng chánh yếu, đó chính là việc tiệt diệt của Vô Minh ấy vậy. Còn việc diệt mất của Hành v.v. một khi Vô Minh đã diệt đi rồi thì những thể loại Hành v.v. đây, thường cũng cùng nhau đồng diệt mất; chẳng phải diệt đi theo thứ tự ở từng mỗi thể loại; ấy là điều rất khác biệt trong **Phần Thuận Thuyết (Anulomadesanā).** Tỷ dụ như mầm hạt giống nếu đã được ươm trồng rồi, thì kết quả là thân cây cũng được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, thì cành nhánh cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cành nhánh rồi, thì cuống và lá cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cuống và lá rồi, thì bông hoa cũng được hiện khởi lên. Khi đã có bông hoa rồi, thì trái quả cũng được hiện khởi lên. Khi đã có trái quả rồi, thì hạt giống cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có hạt giống rồi, thì thân cây cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, thì cành nhánh cũng lại được hiện khởi lên; đã làm thành nhân thành quả với nhau một cách đặc biệt thường luôn luân chuyển không gián đoạn; thì cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Thuận Thuyết có **Avijjāpaccayā saṅkhārā (Vô Minh làm duyên Hành)** v.v. Thế nhưng, nếu giả như lấy mầm hạt giống ấy đem thiêu hủy đi rồi, thì thân cây cũng không thể hiện khởi lên được. Khi thân cây không được sinh khởi thì cành nhánh cũng không được sinh khởi. Khi cành nhánh không được sinh khởi thì cuống và lá cũng không được sinh khởi. Khi cuống và lá không được sinh khởi thì bông hoa cũng không được sinh khởi. Khi bông hoa không được sinh khởi thì trái quả cũng không được sinh khởi. Khi trái quả không được sinh khởi thì hạt giống cũng không được sinh khởi. Khi hạt giống không được sinh khởi thì thân cây cũng không được sinh khởi. Tuy nhiên trong việc trình bày Nhân Quả theo đường lối của việc không được sinh khởi đây; đã đề cập đi theo thứ tự như vậy, cũng chỉ là việc trình bày theo cách thức của thành ngữ văn chương mà thôi. Chứ sự thật ra, một khi đã hủy diệt mầm hạt giống cho mất đi rồi; thì thân cây, cành nhánh, cuống, lá, bông hoa, trái quả, hạt giống; với những thể loại này cũng không thể sinh với nhau được; thì cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có **Avijjāya tveva asesa virago nirodhā saṅkhāranirodho** v.v. Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt v.v.

A. 121. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong điều này "Sự tiệt diệt từ nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy" và hãy giảng giải vấn đề hữu quan người đã bất liễu tri đến Thực Tính của Níp Bàn trong Thời Kỳ Đức Phật và trong Thời Kỳ Hiện Tại.

121. Đáp: Chỗ nói rằng "Sự tiệt diệt từ nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy"; tuy nhiên cũng vẫn còn là Hữu Dư Y Níp Bàn; tức là Ngũ Uẩn vẫn đang còn dư sót hiện hữu. Và Hữu Dư Y Níp Bàn này tiếp nối cũng sẽ là Vô Dư Y Níp Bàn, tức là diệt mất Dị Thục Quả từ ở nơi Ngũ Uẩn do bởi không còn tái sinh lại nữa; và chính vì thế mới không có được hết tất cả các Bậc đều đã có sự liễu tri trong thực tính của Níp Bàn một cách chân chánh. Theo đại đa số thì liễu tri rằng Bậc đã được thụ hưởng sự an lạc ở trong Vô Dư Y Níp Bàn,

cũng vẫn còn tự ngã có người đang thụ hưởng; tuy nhiên Bậc ấy đã không còn việc sinh lão bệnh tử; và đã vượt thoát ra khỏi toàn bộ Khổ Uẩn. Mà sự thật ấy là Vô Dư Y Níp Bàn đây, thì chẳng còn có tự ngã, tôi, anh, bất luận thể nào cả; tức là việc diệt tắt việc sinh khởi từ nơi Ngũ Uẩn một cách hoàn toàn, và không còn có việc tái sinh mới lại nữa; cũng ví như ngọn lửa đã diệt tắt như thế nào thì tất cả các Bậc Vô Sinh cũng chứng đạt đến Vô Dư Y Níp Bàn như thế ấy.

Trong sự kiện Níp Bàn đây, Đại Phạm Thiên có danh xưng Phạm Thiên **Baka** khi đã được lắng nghe thực tính sự hiện hành của Níp Bàn mà Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày rồi, không chịu được lặng thinh mới vụt thốt lên rằng: **Tucchakañña ahosi rittakañña ahosi niratthakañña ahosi** - Kính bạch Sa Môn **Gotama** ... Níp Bàn của Ngài là rỗng không, rỗng tuếch, không có cái chi cả, quả thật vô ích." Ở sự kiện này, thì người trình bày cũng chính là Bậc Chánh Đẳng Giác, và người lắng nghe cũng chẳng phải là hạng bình thường, đến cả bậc Đại Phạm Thiên; ấy thế mà cũng vẫn không có sự hoan hỷ duyệt ý trong thực tính sự an lạc của Níp Bàn chẳng có dính líu với bất luận một thể loại nào của Danh Sắc Ngũ Uẩn. Với lý do này, một vài Bậc Thầy Tế Độ, Giáo Thọ Sư và Thuyết Pháp Giả, là những Bậc vẫn chưa có sự hiểu biết vừa đủ trong sự kiện sự an lạc của Níp Bàn mới có quan điểm rằng "Bậc đã chứng đạt đến Níp Bàn rồi, thì cho dù sẽ không còn có Danh Sắc Ngũ Uẩn đi nữa, thế nhưng cũng vẫn có thực tính đặc biệt ngoài ra Danh Sắc Ngũ Uẩn, đặng làm thành người đang thụ hưởng. Vả lại thực tính đặc biệt này không có việc sinh lão bệnh tử, vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Khổ Uẩn, là sự an lạc tuyệt đối." Một khi đã có quan điểm như vậy, mới cố gắng giải thích, và đã hướng dẫn đến với những môn đồ đệ tử của mình, chí đến tất cả những người có sự lưu tâm để ý trong Giáo Pháp cho được am hiểu đến sự kiện thể loại Níp Bàn mới mẻ mà mình đã kiến lập lên. Thế rồi những hạng người đấy đã được lắng nghe, lại hiểu biết rằng "sự thật là thế đấy", và đã rủ nhau lầm tin vào tri kiến sai trật ấy vậy.

Lại nữa, khi đề cập đến tính nết tập khí của hai nhóm người; tức là một nhóm người thì phối hợp với **Tố Chất Ly Dục Trần (Nekkhammadhātu),** và một nhóm người lại phối hợp với **Ái Dục (Taṇhā),** thì ắt hẳn có sự cảm thọ ở trong tâm thức khác biệt nhau. Sẽ đề cập đến là người mà phối hợp với **Tố Chất Ly Dục Trần** thì thường có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong sự tỉnh lặng đoạn lưu những cảnh Phiền Não. Còn người mà phối hợp với **Ái Dục** thì thường hân hoan duyệt ý trong sự nô đùa vui thích, đều toàn là Phiền Não hết cả. Sẽ nêu lên thí dụ điển hình trình bày cho nhận thấy sự khác biệt nhau từ nơi tâm thức của hai nhóm người này; chẳng hạn như tất cả các Bậc Bất Lai và các Bậc Vô Sinh một khi được lắng nghe người nói rằng ở trong rừng già ấy, hang động ấy, núi đồi ấy là trú xứ tịch mịch xa lánh quần thể nhân loại, có cây cối thoáng mát, nước sông đầy đủ; như vậy rồi cũng có cảm thọ duyệt ý nhu thiết đi đến nương náu trú xứ như thế. Và khi đã được nương trú rồi, thì cũng không còn mong muốn để quay trở lại sống hòa lẫn với quần thể nhân loại được nữa. Còn đối với tất cả nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè, khi được lắng nghe như vậy thì cho dù bất luận trường hợp nào đi nữa, cũng cảm thấy không có sự duyệt ý; nghĩ suy rằng trú xứ như thế sẽ có sự an lạc như thế nào được, chỉ có sự đáng ghê sợ, và đáng chán ngán. Ấy thế mà, nếu giả như có người đến bảo rằng chỗ này chỗ nọ là trú xứ có rất nhiều chuyện nô đùa vui thích, có đại hý

viện vui chơi rầm rộ, có đầy đủ các cửa hàng bán rượu và vật thực; như vậy rồi, nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè khi đã được nghe như thế, liền cảm thấy nôn nóng muốn cấp tốc để đi đến nơi ấy ngay thôi. Và khi đã đến nơi ấy rồi, cứ mảng vui chơi và chẳng muốn trở về. Còn Bậc Bất Lai và Bậc Vô Sinh, khi đã được nghe như vậy liền cảm thấy bi mẫn thương xót, chẳng phát sinh sự hoan hỷ duyệt ý dù chỉ là chút ít. Sự việc như vậy, cũng do bởi trong đặc tính bản chất của các Bậc Bất Lai và Vô Sinh đây đã có Tố Chất Ly Dục Trần đang chủ quản. Một khi đã được lắng nghe sự kiện sự an lạc thì đã lắng nghe với Tố Chất Ly Dục Trần. Nếu giả như sự kiện sự an lạc chẳng có liên quan với Ái Dục, thì ấy là sự tịnh lạc hoan hỷ để được lắng nghe. Nếu như sự kiện ấy lại dính líu với Ái Dục rồi, thì chẳng có hoan hỷ để lắng nghe, lòng cảm thấy thản nhiên và đã trông thấy điều tác nghiệt tội lỗi. Còn nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè thì trái ngược lại, chỉ một lòng ưa thích được lắng nghe sự kiện sự an lạc liên quan với Tham Ái mà thôi. Nếu đã là sự kiện tịnh lạc, xa lìa khỏi Ái Dục thì chẳng hoan hỷ để lắng nghe.

Đối với Níp Bàn, ấy chính là **Tố Chất Không Hư (Suññatadhātu)** tĩnh trạng tuyệt đối, và xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn; bởi do thế Bậc sẽ được lắng nghe sự kiện Níp Bàn thì cần phải lắng nghe với Tố Chất Ly Dục Trần; mới sẽ kiến tịnh được sự an lạc. Còn nếu như lắng nghe với Ái Dục thì ắt hẳn chẳng thấy được sự an lạc, mà trái lại nhận thấy rằng đấy là điều vô ích chẳng đáng tầm cầu, tương tự với quan điểm của Đại Phạm Thiên **Baka** ấy vậy.

122. Hỏi: Hãy trình bày Tứ Phương Thức Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa cùng với cả những lợi ích khi đã được đón nhận từ nơi việc thuyết giảng thể theo cả Tứ Phương Thức đấy.

122. Đáp: Phương thức của việc thuyết giảng của Bậc Chánh Đẳng Giác:

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Đức Chánh Đẳng Giác để trong Tương Ưng Bộ Kinh, đã có phân loại với bốn phương thức từ nơi việc trình bày. Bốn phương thức ấy là:

1/. Trình bày từ đầu đi đến cuối: Là kể từ Vô Minh đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Thủy Chí Chung Thuận Thuyết (Ādipariyosāna anulomadesanā).**

2/. Trình bày từ giữa đi đến cuối: Là kể từ Thọ đi tuần tự cho đến Lão Mại – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Trung Chí Chung Thuận Thuyết (Majjhimapari yosānaanulomadesanā).**

3/. Trình bày từ cuối đi đến đầu: Là kể từ Lão Mại – Tử Vong đi thụt lùi lại tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Pariyosanaādipaṭilomadesanā);** chẳng hạn như **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ, bhavapacca yā jāti v.v. avijjāpaccayā saṅkhārā** - Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong; Hữu làm duyên Sinh v.v. Vô Minh làm duyên Hành.

4/. Trình bày từ giữa đi đến đầu: Là kể từ Ái Dục đi thụt lùi tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaādi paṭilomadesanā);** chẳng hạn như **Ime ca bhikkhave cattāro āhārā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Ime cattāro āhārā taṇhānidānā taṇhāsamudayā**

taṇhājātikā taṇhāpabhavā. Taṇhā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Vedannidānā vedanāsamudayā vedanājātikā vedanpabhavā v.v. Saṅkhārā kiṃnidānā kiṃ samudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā ? Avijjānidānā avijjāsamudayā avijjā jātikā avijjāpabhavā - Dịch nghĩa: Này Chư Tỳ Khưu, những cả Tứ Vật Thực này có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Những cả Tứ Vật Thực này có Ái Dục làm căn nguyên, có Ái Dục làm xuất sinh, có Ái Dục làm Nhân cho sinh khởi, có Ái Dục làm cái Nhân tiên khởi. Ái Dục đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Ái Dục đây có Thọ làm căn nguyên, có Thọ làm xuất sinh, có Thọ làm Nhân cho sinh khởi, có Thọ làm cái Nhân tiên khởi. Hành đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi ? **Giải đáp rằng:** Hành đây có Vô Minh làm căn nguyên, có Vô Minh làm xuất sinh, có Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi, có Vô Minh làm cái Nhân tiên khởi...v.v. Và như vậy gọi là **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaādi paṭilomadesanā).**

+ Những lợi ích được đón nhận từ việc thuyết giảng thể theo cả Tứ Phương Thức, đó là:

1. Việc trình bày thể theo **Tự Thủy Chí Trung Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích trong việc giải thích đến những người bất liễu tri, không hiểu biết trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, đã phê phán sai lầm với những sai biệt, đã phán quyết rằng không có cái chi làm tác nhân cho sinh khởi; và để cho hiểu biết rằng việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, (1) ắt hẳn là phải nương theo tác nhân riêng biệt của từng mỗi người, (2) và để cho thấu hiểu đến việc sinh khởi của những thể loại tác nhân này, rằng sinh khởi hiện hành theo thứ tự.

2. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích đối với một vài nhóm người chẳng tin rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi, thế rồi sẽ lại phải đi tái sinh ở trong Hữu vị lai nữa. Những hạng người này sẽ được nhận thức đến 5 Nhân Duyên, đó là **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh** và **Hành** là chỗ nương náu, là sinh trú đối với mình. Và một khi đã có tác nhân hiện tại rồi, thì nhất định sẽ phải có quả báo ở trong thời vị lai. Và quả báo ấy chính là **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ;** và được gọi là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

3. Việc trình bày thể theo **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho tất cả mọi người được trông thấy Pháp làm tác nhân của sự khổ đau; đi theo thứ tự kể từ Sinh v.v. cho đến Vô Minh. Là để cho hiểu biết rằng sự khổ đau có Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Não Hại mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải đón nhận từng mỗi ngày đây, hiện khởi lên được cũng bởi do nương vào **Sinh** làm Nhân. Nếu đã không có Sinh rồi, thì những thể loại khổ đau này cũng không sinh khởi lên được. Một khi đã trông thấy Sinh rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Sinh được sinh khởi, ấy là **Nghiệp Hữu.** Một khi đã trông thấy Nghiệp Hữu rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Nghiệp Hữu được sinh khởi, ấy là **Chấp Thủ;** để cho được trông thấy tác nhân nối tiếp đi theo thứ tự từng bậc cho đến **Vô**

Minh. Một khi đã trông thấy Vô Minh rồi, thì cũng sẽ được hiểu biết rằng đích thị chính Vô Minh này là chủ vị của tất cả mọi tác nhân.

4. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho hiểu biết đến Nhân Quả theo thứ tự làm chỗ xuất sinh xứ của cả Tứ Vật Thực được coi như là người dẫn dắt của tất cả Chúng Hữu Tình; kể từ Hữu Quá Khứ cho đến Hữu Hiện Tại. Tức là: (1) Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có được tồn tại, tăng trưởng to lớn lên được, là cũng bởi do nương vào những Vật Thực làm thành người dẫn dắt.

(2) Tất cả Chúng Hữu Tình có sự cảm thọ an lạc, khổ đau, thản nhiên, là cũng bởi do nương vào Xúc, là việc tiếp xúc giữa Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý với Lục Cảnh.

(3) Tất cả Chúng Hữu Tình hành động tạo tác ở cả Thiện Hạnh và Bất Thiện Hạnh, là cũng bởi do nương vào Tư Tâm Sở làm người thúc đẩy dẫn dắt.

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tâm Cơ, Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính và việc tiếp xúc Cảnh, việc thụ hưởng Cảnh, việc ghi nhớ Cảnh v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Tái Sinh làm người dẫn dắt. Đối với Thời Chuyển Khởi, thì sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự chấp ngã, sự thấy sai, sự đố kỵ ganh tỵ v.v hoặc sự sùng tín, sự hiểu biết, sự bi mẫn, sự tưởng nhớ v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Chuyển Khởi làm người dẫn dắt.

Cả Tứ Vật Thực - làm người dẫn dắt tất cả Chúng Hữu Tình cho sinh khởi lên và được tồn tại, tạo tác biết bao hành động suốt trọn cả kiếp sống - sẽ được sinh khởi lên, là cũng do nương vào Ái Dục làm Nhân. Ái Dục sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Thọ làm Nhân. Thọ sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Xúc làm Nhân. Xúc sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Lục Xứ làm Nhân. Lục Xứ sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Danh Sắc làm Nhân. Danh Sắc sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Thức làm Nhân. Thức sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Hành làm Nhân. Hành sẽ sinh khởi lên được, là cũng do nương vào Vô Minh làm Nhân; để cho được nhận thấy Nhân Quả hiện hành đi theo thứ tự, bằng cách lấy Tứ Vật Thực làm nền tảng để quy định cho việc thẩm sát. Kết luận rằng **Pháp Liên Quan Tương Sinh** đây, là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma).**

123. Hỏi: Cho lời giải thích trong việc nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh đây là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma),** và trong đoạn văn **Pāḷi** chỗ nói rằng **Tattha tayo addhā, dvādasaṅgāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni** - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên** đây có sự lập ý như thế nào ?

123. Đáp: Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma)** tức là Pháp có sự hoàn bị tốt đẹp, vì lẽ cho dù sẽ trình bày bởi theo bất luận phương thức nào đi nữa, thì người đã được lắng nghe rồi ắt hẳn thành đạt sự lợi ích; tức là xác định được liễu tri Khổ Đế, đoạn tận Tập Đế, kiến tịnh Diệt Đế, tiến hóa Đạo Đế; và rồi chứng đạt đến Níp Bàn. Một trường hợp khác nữa, Đấng Như Lai là **Bậc Hảo**

Thuyết Giáo Kỳ Tài (Desanāvilāsapattapuggala) là Bậc có khả năng cải tiến việc thuyết giảng cho được hoàn hảo thích hợp.

+ Giải thích trong câu **Pāḷi** điều thứ 4, chỗ nói rằng **Tattha tayo addhā, dvādasaṅ gāni, vīsatākārā, tīsandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni** - Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.**

Trong câu **Pāḷi** điều này có sự lập ý để cho tất cả các bậc học giả có được hiểu biết đến điều nên được hiểu biết trong Pháp Liên Quan Tương Sinh; tức là Thời Kỳ có ba thời gian, 12 Chi Phần, Hành Tướng 20 phân loại, Tam Liên Kết là sự tiếp tục nối tiếp nhau, Tóm Lược bốn hội nhóm, Luân Hồi là ba sự luân chuyển tuần hoàn, Căn Nguyên là 2 Nhân tiên khởi.

124. Hỏi: Câu vấn hỏi có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ nói rằng **"Kathaṃ"** đây, là câu vấn hỏi ở thể loại nào ?

124. Đáp: Câu vấn hỏi hiện hữu ở năm thể loại, đó là:

1. Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (Adiṭṭhajotanāpucchā): Là nêu câu vấn hỏi lên để được sáng tỏ trong vấn đề mà mình bất liễu tri.

2. Trắc Nghiệm Kiến Giải Sở Vấn (Diṭṭhasaṅsandanpucchā): Là câu vấn hỏi mà mình đã có sự liễu tri rồi nhưng vẫn cứ nêu lên, để bằng với việc đối thoại tiến hành kiểm tra tri kiến với nhau.

3. Đoạn Nghi Sở Vấn (Vimaticchedanpucchā): Là nêu câu hỏi lên để cắt đứt sự nghi lự thắc mắc, bất xác tín trong những sự kiện ấy.

4. Hạch Chuẩn Sở Vấn (Anumatipucchā): Là nêu câu hỏi lên để cho người trả lời sẽ trả lời theo sự hiểu biết của mình.

5. Sở Kỳ Tự Vấn Đáp (Kathetukammayatāpucchā): Là nêu câu hỏi lên để kỳ vọng sẽ tự trả lời.

Từ ngữ nói rằng **Kathaṃ** đây, là câu vấn hỏi ở thể loại **Nêu vấn đề lên rồi tự trả lời (Kathetukammayatāpucchā)** là đặt vấn đề lên nhằm chủ ý sẽ tự trả lời, và chẳng phải cho người khác trả lời.

125. Hỏi: Hãy phân tích cả năm Câu Vấn Hỏi có **Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (Adiṭṭhajotanāpucchā)** v.v. bởi theo Nhân Loại.

125. Đáp: Trong cả năm thể loại vấn hỏi đây, đối với Đức Chánh Đẳng Giác chỉ sử dụng ở hai thể loại vấn hỏi, đó là **Hạch Chuẩn Sở Vấn** và **Sở Kỳ Tự Vấn Đáp** thôi; vì lẽ Ngài đã là Bậc Toàn Tri Diệu Giác; chính vì thế Ngài mới không có thể loại vấn hỏi thứ nhất. Hơn thế nữa, việc đối thoại nhằm để kiểm tra tri kiến với nhau giữa Đức Chánh Đẳng Giác với Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên cũng không có thích hợp; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ hai mới không có đối với Ngài. Một trường hợp khác nữa, Đức Chánh Đẳng Giác Ngài là Bậc Toàn Tri tất cả các Pháp một cách không dư sót, đoạn tận mọi nghi lự bất xác tín trong tất cả mọi sự kiện; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ ba cũng không có đối với Ngài tương tự như nhau. Còn những hạng người khác, có Bậc Độc Giác Phật, Bậc Chí Thượng

Thinh Văn v.v. suốt cho đến tất cả các hạng Phàm Phu thì thường có đủ cả năm thể loại vấn hỏi này.

126. Hỏi: Chi Phần Liên Quan Tương Sinh có được bao nhiêu ? Là những chi ? Và cho phân tích những Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đấy bởi theo cả Tam Thời Kỳ cùng với cả lời giải thích.

126. Đáp: Giải thích trong việc phân tích Chi Phần từ 12 Liên Quan Tương Sinh thể theo cả Tam Thời Kỳ, đó là:

Từ ngữ **Addhā** dịch nghĩa **Thời Kỳ** (thời gian) là **Chế Định (Paññatti)** không có Chi Pháp Siêu Lý. Tuy nhiên trong chỗ này, từ ngữ **Atītaaddhā, Anāgataaddhā, Paccuppanna addhā** lập ý lấy Pháp sinh khởi trong cả Tam Thời Kỳ thì có Chi Pháp Siêu Lý; tức là:

1. Vô Minh, Hành là Thời Kỳ Quá Khứ,

2. Sinh, Lão Mại Tử Vong là Thời Kỳ Vị Lai,

3. Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu là Thời Kỳ Hiện Tại.

Bởi do thế; Vô Minh, Hành được gọi tên là Thời Kỳ Quá Khứ v.v. đây, là việc gọi tên thể theo **Phần Vị Trí Cận Lân (Ṭhānūpacāranaya)** tức là rút lấy tên gọi của cả Tam Thời Kỳ đặt để ở trong Bản Thể Pháp, thế rồi gọi là Vô Minh, Hành v.v. đây là Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Vị Lai, Thời Kỳ Hiện Tại.

+ Giải thích rằng theo lẽ thông thường, trong bản tính tâm thức của tất cả mọi người, ngoại trừ Bậc Vô Sinh ra, thì thường có **Si Mê (Moha)** làm người chủ quản hằng thường hiện hữu; với lý do này, mới làm cho tất cả con người ta chẳng trông thấy điều tác nghiệt trong việc tạo tác Bất Thiện, và cũng chẳng thấy được Vòng Luân Hồi Khổ trong việc tác hành Thiện của mình. Đích thị chính Si Mê đây, được gọi tên là **Vô Minh;** và trong việc tạo tác những thể loại Thiện và Bất Thiện đây, cũng cần phải có Tư Tâm Sở làm người thúc đẩy, sắp bày trước tiên thì những hành động tạo tác đấy mới sẽ sinh khởi lên được. Đích thị chính Tư Tâm Sở đã hình thành thúc đẩy để cho hạ thủ hành động tạo tác chỗ gọi là **Tư Tiền (Pubba cetanā)** đây, đã được gọi tên là **Hành;** bởi do thế cả hai gồm Vô Minh và Hành đây mới là Thời Kỳ Quá Khứ.

Khi đã có Vô Minh làm người chủ quản, có Hành làm người thúc đẩy sắp bày, thế thì tất cả mọi con người tác hành ở phần Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, sắc thân, tâm thức, và hành động tạo tác của những hạng người đấy, rằng khi tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện** thì đó chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; và cũng chính vì thế, Thức, Danh Sắc v.v. cả tám thể loại Chi Phần này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Hiện Tại.

Khi tất cả mọi người đã hoàn tất những tác hành ở phần Thiện – Bất Thiện; và với mãnh lực từ nơi tác hành Thiện – Bất Thiện đấy, chỗ được gọi là **Nghiệp Hữu** thường cho quả báo phát sinh lên trong Thời Kỳ Vị Lai; bởi do những hạng người ấy khi mệnh chung lìa khỏi Hữu này rồi thì thường đi tái sinh ở trong Hữu mới tiếp nối sau nữa, tùy thuộc vào tác hành của mình. Nghĩa là, nếu như đã tạo Bất Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi tái sinh thành nhóm

Hữu Tình Khổ Thú; nếu như tạo Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên tùy theo thích hợp đối với những Thiện Hạnh đấy. Đích thị chính với những việc được tái sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên v.v. này đây, được gọi tên là Sinh; hoặc gọi là **Sinh Hữu** cũng được. Một khi đã có Sinh hiện khởi lên rồi, thì Lão Mại – Tử Vong theo lẽ thường cũng phải nối tiếp sinh khởi; và chính vì thế, những thể loại Sinh, Lão Mại, Tử Vong này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Vị Lai.

Lại nữa, Vô Minh, Hành được liệt kê vào trong Thời Kỳ Quá Khứ đấy, là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước cũng có, hoặc Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này cũng có. Nghĩa là nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Hiện Tại thì ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ **(Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước).** Nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Vị Lai thì ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ sẽ được sinh khởi mới nữa trong Hữu Vị Lai **(Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này).**

127. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi Sokādivacanaṃ panettha nissanda phalanidassanaṃ** và lời giải thích.

127. Đáp: Sokādivacanaṃ panettha nissandaphalanidassanaṃ - Từ ngữ Sầu Bi v.v... được nêu lên như là đẳng lưu quả của Sinh.

Trong phần **Pāḷi** Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ **Sầu Muộn (Soka)** v.v. bao hàm ý nghĩa **Sầu Muộn (Soka), Bi Ai (Parideva), Khổ Đau (Dukkha), Ưu Thọ (Domanassa), Não Hại (Upāyāsa);** và những thể loại này trình bày cho được biết đến quả báo làm thành **Đẳng Lưu Quả (Nissandaphala);** tức là chỉ làm thành quả báo nối tiếp từ nơi Sinh thôi, và chẳng phải là một Chi Phần riêng biệt.

128. Hỏi: Hãy bổ túc đoạn văn **Pāḷi** trong câu có dấu hiệu "v.v." như tiếp theo đây, cùng với lời dịch nghĩa: **Avijjā saṅkhāraggahaṇena v.v. gahitā bhavanti.**

128. Đáp: Bổ túc đoạn văn **Pāḷi** trong câu có dấu hiệu "v.v" cùng với lời dịch nghĩa như sau: **Avijjāsaṅkhāraggahaṇena panettha taṇhūpādānabhavāpi gahitā bhavanti. Tathā taṇhūpādānabhavaggahaṇena ca avijjāsaṅkhārā, jāti jarāmaraṇaggahanena ca viññāṇādiphalapañcakameva gahitanti katvā.**

Atīte hetavo pañca — Idāni phalapañcakam
Idāni hetavo pañca — Āyatiṃ phalapañcakanti
Vīsatākārā tisandhi — Catusaṅkhepā ca bhavanti.

Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Cùng thế ấy, khi đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được hàm ý ở trong đó. Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai.

129. Hỏi: Hãy giảng giải trong 20 thể loại Hành Tướng ?

129. Đáp: Khi trình bày đến thực tính sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh bởi theo Nhân Quả trong Quá Khứ với Hiện Tại, Hiện Tại với Vị Lai thì có đến 20 thể loại Hành Tướng; đó là 5 Nhân Quá Khứ, 5 Quả Hiện Tại, 5 Nhân Hiện Tại, 5 Quả Vị Lai.

Sự việc như vậy cũng bởi vì cả 5 thể loại Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này đây, một khi đã sinh khởi lên rồi, thì thường sẽ không thể nào cách bức lẫn nhau được. Tức là khi Vô Minh, Hành đã sinh khởi đối với người nào rồi, thì Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sẽ không thể nào không sinh khởi theo được. Một khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh khởi đối với người nào rồi, thì sẽ không thể nào không có Vô Minh, Hành sinh khởi theo được, tương tự như nhau. Và Sinh, Lão Mại, Tử Vong sinh khởi; đích thị cũng chính là do Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đấy đã hình thành. Còn đối với Tử Vong thì đặc biệt không có Chi Pháp; bởi do thế, trong việc trình bày Tác Nhân ở trong Quá Khứ thì mới liệt kê lấy cả 3 Chi Pháp gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này vào cùng ở chung với Vô Minh và Hành; cũng bởi vì khi đề cập thể theo Tam Luân Hồi, thì Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ là thuộc nhóm Phiền Não Luân với nhau; và Hành với Nghiệp Hữu thì thuộc nhóm Nghiệp Báo Luân với nhau.

Trong tám Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh ở Thời Kỳ Hiện Tại thì được phân chia ra làm hai nhóm; đó là một nhóm Quả, và một nhóm Nhân. Quả ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Nhân ấy chính là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Trong 5 Quả Hiện Tại thì không tính lấy Sinh, Lão Mại, Tử Vong cùng vào chung với nhau; cũng bởi vì cả 3 Chi gồm Sinh, Lão Mại, Tử Vong này đây không có Chi Pháp đặc biệt, và chỉ là trạng thái hiện hành của Thức, Danh Sắc v.v. như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Còn ở trong 5 Nhân Hiện Tại đấy, thì đã tính kể Vô Minh, Hành cùng vào chung với Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; cũng bởi vì cả những 5 Pháp này phải thường luôn câu sinh với nhau như đã đề cập đến rồi vậy. Đối với 2 Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh, đó là Sinh, Lão Mại – Tử Vong ở Thời Kỳ Vị Lai đấy, một khi tính theo Tam Luân Hồi thì đó là Dị Thục Quả Luân. Và bản thân Sinh, Lão Mại – Tử Vong thì cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy; bởi do thế, trong 5 Quả Vị Lai mới lấy được Thức, Danh Sắc v.v. những thể loại này rút đưa lên trình bày thay thể loại Sinh, Lão Mại – Tử Vong.

Lời giải thích như đã vừa đề cập đến đây, là việc giải thích trong phân loại của Nhị Thập Hành Tướng.

130. Hỏi: Cho trình bày đến Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên cùng với cả Chi Pháp.

130. Đáp: Đối với Tam Luân Hồi thì tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vầy: Vô Minh, Ái Dục và Chấp Thủ, với những thể loại này thì thuộc về **Phiền Não Luân (Kilesavaṭṭa).**

Một phần của Hữu, tức là **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** và Hành, với những thể loại này thì thuộc về **Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa).**

Một phần của Hữu, tức là **Sinh Hữu (Uppattibhava)** và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại Tử Vong, với những thể loại còn lại này thì thuộc về **Dị Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa).**

Còn Nhị Căn Nguyên đấy, thì tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bởi theo phân loại từ ở nơi **Vô Minh** và **Ái Dục.**

+ Có ba thể loại Luân Chuyển Tuần Hoàn, đó là:

1. Phiền Não Luân (Kilesavaṭṭa) là Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ.

2. Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa) là Nghiệp Hữu, Hành.

3. Dị Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa) là Sinh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại, Tử Vong.

131. Hỏi: Liên Kết (Sandhi) và **Tóm Lược (Saṅkhepa)** có ý nghĩa như thế nào ? Và cho phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo Tam Liên Kết và Tứ Tóm Lược.

131. Đáp: + Từ ngữ **Sandhi (Liên Kết)** dịch nghĩa "Việc nối tiếp", trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Sandhīyate = Sandhi** - Gọi tên việc nối tiếp giữa Nhân với Quả, Quả với Nhân, là **Liên Kết.**

Một trường hợp khác nữa: **Sandhīyanti hetuphala dhammā etthāti = Sandhi** - Pháp làm thành Nhân với Quả nối tiếp nhau trong chỗ ấy, bởi do thế trong khoảng giữa ấy được gọi tên là **Liên Kết.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo việc nối tiếp nhau, thì có được Tam Liên Kết, đó là:

1. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Hành với Thức thuộc Nhân Quá Khứ với Quả Hiện Tại.

2. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Thọ với Ái Dục thuộc Quả Hiện Tại với Nhân Hiện Tại.

3. Một Liên Kết nối tiếp trong khoảng giữa Nghiệp Hữu với Sinh thuộc Nhân Hiện Tại với Quả Vị Lai.

+ Từ ngữ **Saṅkhepa (Tóm Lược)** dịch nghĩa "Tập hợp để thành từng khối nhóm"; trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Saṅkhipīyanti saṅgayhanti padhānadhammā etthāti = Saṅkhepo** - Việc tập hợp Pháp thuộc phần chủ vị để thành từng khối nhóm trong chỗ đấy, bởi do thế chỗ tập hợp những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là **Tóm Lược.**

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo khối nhóm, thì có được Tứ Tóm Lược, đó là:

1. Một khối nhóm với Vô Minh và Hành thuộc Nhân Quá Khứ.

2. Một khối nhóm với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc và Thọ thuộc Quả Hiện Tại.

3. Một khối nhóm với Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu thuộc Nhân Hiện Tại.

4. Một khối nhóm với Sinh và Lão Mại – Tử Vong thuộc Quả Vị Lai.

Còn đối với Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại, thì cả 5 Chi Phần này được liệt kê vào trong khối nhóm thứ 4.

A. 132. Hỏi: Sẽ trình bày câu Chú Giải từ ngữ **Vaṭṭa (Luân Hồi)** như thế nào ? Và cho lời giải thích Tam Luân Hồi.

132. Đáp: Trình bày câu Chú Giải rằng: **Vaṭṭanti punappunaṃ āvaṭṭantīti = Vaṭṭaṃ** - Những thể loại Pháp nào thường luôn luân chuyển tuần hoàn; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Luân Hồi.**

Giải thích rằng ở trong sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người – ngoài trừ Bậc Vô Sinh ra – thì cả Tam Luân Hồi thường hội tụ đầy đủ. Tức là sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người đích thị chính là **Dị Thục Quả Luân.** Sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến khởi sinh ở bản tính nội tâm, ấy là **Phiền Não Luân.** Hành động tạo tác tốt xấu với Thân, Ngữ, Ý mà con người ta đã tạo tác với nhau hằng mỗi ngày, và đấy chính là **Nghiệp Báo Luân.** Cả ba thể loại thực tính này thường luôn luân phiên chuyển đổi nhau, làm Nhân làm Quả hiện hữu ở từng mỗi Hữu, từng mỗi kiếp sống cho đến vô cùng tận. Đề cập đến là một khi con người ta có sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến thì coi như Phiền Não Luân đã hằng định ở trong bản tính nội tâm rồi. Với mãnh lực từ nơi Phiền Não Luân này thường làm cho người ấy có hành động tạo tác về Thân cũng có, hoặc về Lời cũng có, hoặc về Ý cũng có. Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thì đích thị chính là Nghiệp Báo Luân đã sinh khởi tạo tác ra những thể loại hành động này. Thế rồi sẽ cho quả báo trong thời vị lai ngay khi người ấy mệnh chung lìa khỏi kiếp sống này ra đi; và sẽ đi tái sinh ở trong một Hữu mới, một kiếp sống mới ở trong 31 Cõi Giới tùy theo thích hợp đối với hành động tạo tác của mình. Việc thọ sinh mới của Danh Sắc Ngũ Uẩn chỗ gọi là tất cả Chúng Hữu Tình, thì đích thị chính là Dị Thục Quả Luân. Khi Dị Thục Quả Luân đã sinh khởi rồi, thì Phiền Não Luân cũng thường sinh khởi do bởi nương vào Phiền Não Luân làm Nhân luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau không có chỗ để chấm dứt, cho đến khi sẽ chứng đạt Quả vị Níp Bàn. Việc luân chuyển tuần hoàn của Tam Luân Hồi như đã vừa đề cập, một khi nương theo thành ngữ dân gian dùng để nói chuyện với nhau, thì ấy chính là tử rồi sinh, sinh rồi lại kiến tạo Nghiệp Lực mới, thế rồi cũng chết đi; chết rồi thì cũng sinh mới lại lần nữa; sinh rồi cũng lại kiến tạo Nghiệp Lực mới thêm nữa, để rồi cũng chết thêm lần nữa; cứ thế luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau như vầy. Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ thì cũng tương tự với sự hiện hành của cây cối được nhân giống từ những cành cây chiết ra. Tức là thân cây sinh khởi lên được cũng vì nương mầm hạt giống. Mầm hạt giống sinh khởi lên được cũng vì nương vào mủ kết dính ở trong thân cây. Mủ kết dính sinh khởi cũng vì nương vào thân cây. Khi so sánh với cả Tam Luân Hồi này, thì Dị Thục Quả Luân được ví tương tự với thân cây. Phiền Não Luân được ví tương tự với mủ kết đính. Nghiệp Báo Luân được ví tương tự với mầm hạt giống.

Khi thẩm sát trong cả Tam Luân Hồi này, thì sẽ nhận thấy được rằng **Phiền Não Luân** là quan trọng cùng tột; chính vì thế trong sự việc hủy diệt Vòng Luân Hồi để cho không còn tiếp tục xoay chuyển đi nữa, thì thiết yếu phải hủy diệt chính ngay Phiền Não Luân. Một khi Phiền Não Luân đã bị hủy diệt xong rồi, thì cả hai còn lại là **Nghiệp Báo Luân** và **Dị Thục Quả Luân** đây, tất yếu cũng phải bị hủy diệt theo cùng.

133. Hỏi: Từ ngữ **Mūla (Căn Nguyên)** có ý nghĩa như thế nào ? Và Pháp Liên Quan Tương Sinh một khi tính theo Xa Luân thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày đến sự hiện hành từ Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong những thể loại Xa Luân đấy.

133. Đáp: Từ ngữ **Mūla (Căn Nguyên)** dịch nghĩa "Làm trú xứ thiết lập hoặc làm Nhân tiên khởi của tất cả Vòng Luân Hồi Khổ" như trình bày câu Chú Giải rằng: **Mūlayanti sabbepi vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mūlāni (vā) Mūlayanti patiṭṭhahanti vaṭṭadhammā etehīti = Mūlāni** - Tất cả Pháp Luân Hồi thường được tồn tại ở trong chỗ ấy; chính vì thế Pháp được coi như làm trú xứ thiết lập của những thể loại Pháp Luân Hồi ấy, thì gọi tên là **Căn Nguyên.** (Hoặc) Pháp Luân Hồi thường được tồn tại bởi do nương vào những thể loại Pháp ấy; chính vì thế Pháp được coi như là Nhân làm cho những thể loại Pháp Luân Hồi ấy được tồn tại, mới gọi tên là **Căn Nguyên.** Tức là Vô Minh và Ái Dục.

Khi phân chia Pháp Liên Quan Tương Sinh ra thành **Xa Luân (Bhavacakka)** thì có được hai thể loại, đó là:

1. Kể từ Nhân Quá Khứ v.v. cho đến Quả Hiện Tại làm thành một Xa Luân, và gọi tên là **Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka),** là Xa Luân ban đầu.

2. Kể từ Nhân Hiện Tại v.v. cho đến Quả vị Lai làm thành một Xa Luân, và gọi tên là **Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka),** là Xa Luân phía sau.

Trong **Tiền Hữu Luân** thì có 7 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Trong cả 7 Chi Phần này, thì Vô Minh làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Thọ. Trong **Hậu Hữu Luân** thì có 5 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong. Trong những cả 5 Chi Phần này, thì Ái Dục làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Lão Mại – Tử Vong.

A. 134. Hỏi: Hãy giải thích trong điều nói rằng: "cả 7 Chi Phần có Vô Minh, Hành, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng".

134. Đáp: Trong sát na mà 7 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng. Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu Hiện Tại đây, thì thường sinh khởi với mãnh lực từ nơi Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày trong Hữu kế tiếp; chính vì thế, mới gọi **Vô Minh** là **Tiền Căn Nguyên (Pubbanta mūla).** Khi đã có Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày trong Hữu đấy rồi, thì ắt hẳn phải có Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu cũng cùng sinh khởi; vì lẽ Vô Minh làm người che án bưng bít, không cho thấy tác nghiệt tội lỗi và chân như thực tính; mới làm cho người ấy sinh khởi lên sự hoan hỷ, sự ham muốn, sự tà kiến, sự chấp thủ; và thường tạo tác ra những hành động với Thân, Ngữ, Ý về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo nguyện vọng của Ái Dục và Chấp Thủ cho được thành tựu; do bởi có Hành làm người sắp bày để cho tạo tác. Đối với sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu Hiện Tại

đây, ấy cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đấy vậy. Và trong khoảng giữa thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng, thì những sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng phải có việc chuyển đổi đi theo lẽ thường nhiên; tức là từ trẻ con cho được lớn lên thành thanh niên, thanh nữ; từ nam nữ thanh xuân cho được tiến lên thành người lớn; từ người lớn cho được tiến lên thành người già, có trạng thái tóc bạc, răng gẫy, da nhăn, mắt lờ, và những sự nghĩ suy, sự ghi nhớ cũng tuần tự suy giảm xuống v.v.; và cuối cùng rồi cũng đi đến chạn tuổi của sinh mạng, ấy chính là Lão Mại – Tử Vong. Còn đối với Sinh, thì một khi sát na Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, bắt đầu khởi sinh lên trong Hữu mới, thì Sinh cũng đã được liệt kê thành tựu ở trong sát na ấy rồi. Chính vì lý do này mới nói rằng một khi những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây, luân chuyển tuần hoàn ở trong Tiền Hữu Luân, thì những cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây ắt hẳn cũng phải luân chuyển theo cùng.

A. 135. Hỏi: Cho lời giải thích trong điều nói rằng: "cả 5 Chi Phần có Ái Dục, Chấp Thủ v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng".

135. Đáp: Trong sát na 5 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng. Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình sẽ đi tái sinh ở trong Hữu mới kế tiếp, thì thường đi tái sinh với mãnh lực từ ở nơi Ái Dục làm người dẫn dắt, và có Chấp Thủ, Nghiệp Hữu làm người giúp đỡ; chính vì thế mới gọi **Ái Dục** là **Hậu Căn Nguyên (Aparantamūla).** Và tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày trong thế gian này – trừ Bậc Vô Sinh ra rồi – ngoài ra đấy thì thường có những hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý hiện hành thể theo sự duyệt ý, sự kỳ vọng, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến hằng định trong bản thân cái gọi là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Và sự duyệt ý, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến trong các sự vật; những thể loại này có được sinh khởi lên, là cũng do bởi người ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệt tội lỗi, hoặc chân như thực tính. Chỗ gọi là Vô Minh làm người che án bưng bít, và có Hành làm người thúc đẩy cho tạo tác những hành động, và những hành động ấy cho được thành tựu thể theo sự nguyện vọng và quan điểm của người ấy; chính vì thế Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu mới chính là những yếu tố quan trọng trong Hậu Hữu Luân, và có Vô Minh, Hành luân chuyển theo cùng. Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ cùng luân chuyển tuần hoàn đi theo Sinh, Lão Mại – Tử Vong đấy, tức là tất cả con người ta có những hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý thuộc về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo mãnh lực của Ái Dục, Chấp Thủ, đang hằng định nơi đấy. Khi đã tử vong lìa khỏi thế gian này đi rồi, thì cũng phải đi tái sinh ở trong bất luận một Hữu mới nào đó, và khi đã có sự sinh khởi lên rồi thì sự già nua, sự tử vong ắt hẳn cũng phải tuần tự hiện khởi lên. Việc sinh khởi, già nua, bệnh hoạn, tử vong, chỗ được gọi là Sinh, Lão Mại – Tử Vong; thì đích thị chính cả 3 Chi Phần này cũng tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy. Chỗ nói rằng người sinh, lão, bệnh, tử; đích thị chính với lý do này mới nói được rằng khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong, với những cả 5 Chi Phần này luân chuyển tuần hoàn trong Hậu Hữu Luân thì Vô Minh,

Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, với những cả bảy Chi Phần này cũng ắt hẳn thường luân chuyển theo cùng.

136. Hỏi: Sát na mà Ngài đang thẩm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh ở trong cả hai phía Xa Luân ấy là Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân đây, thì Ngài có những nghĩ suy như thế nào ? Cho lời giải thích.

136. Đáp: Khi thẩm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân - ở cả hai phía này rồi - thì cũng sẽ thấu hiểu được rằng Vô Minh, Hành, và Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh ở trong Hữu trước đã được liệt kê vào trong Tiền Hữu Luân. Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, và Vô Minh, Hành sinh trong Hữu này, thì được liệt kê vào ở trong Hậu Hữu Luân. Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, và Sinh, Lão Mại – Tử Vong, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình, kể từ bắt đầu khởi sinh cho đến khi tử vong trong Hữu Hiện Tại đây, thì được liệt kê vào trong Tiền Hữu Luân. Sinh, Lão Mại - Tử Vong và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, mà sẽ sinh trong Hữu mới kế tiếp, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình bắt đầu sinh khởi cho đến khi tử vong ở trong Hữu mới đấy, thì liệt kê vào trong Hậu Hữu Luân. Chỗ nói rằng Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đang luân chuyển tuần hoàn, có nghĩa là sinh khởi nối tiếp hữu quan nhau giữa Hữu trước với Hữu này, và Hữu này với Hữu kế tiếp vậy.

137. Hỏi: Hãy giảng giải sự liễu tri khi đã được đón nhận từ ở cả hai Xa Luân.

137. Đáp: Tri kiến được tiếp thâu từ nơi việc trình bày sự hiện hành của cả **Nhị Xa Luân (Bhavacakka):**

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập rồi đây, chỉ cho thấy rằng khi đã có Hữu Hiện Tại thì cũng phải có Hữu Quá Khứ và Hữu Vị Lai tiếp nối. Sẽ nói là tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú trong Hữu này thì cũng đã từng sinh từng chết đi, tính đếm quả là khôn xiết; và rồi sẽ phải lại thêm việc sinh việc tử nối tiếp đi nữa ở về sau, cũng tính đếm quả là khôn xiết, tương tự như nhau. Và trong việc tìm kiếm Nhân, tìm kiếm Xuất Sinh Xứ đã làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải thường luôn có sinh có tử đây, thì cũng chẳng cần phải đi tìm kiếm ở chỗ nơi nào khác, mà nó hiện hữu chính ở ngay trong bản thân của chúng ta. Ấy chính là những hành động tạo tác với Thân cũng có, với Ngữ cũng có, với Ý cũng có; và đích thị chính là có Vô Minh và Ái Dục làm Nhân. Như thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ nói rằng: "Kẻ tạo tác Ác Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Khổ Thú; bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân đặc biệt, và có Ái Dục làm Nhân phổ thông. Người tác hành Thiện Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Thiện Thú; bởi do nương vào Ái Dục làm Nhân đặc biệt, và có Vô Minh làm Nhân phổ thông."

Giải thích rằng kẻ đã tạo tác những Ác Hạnh, cũng do kẻ ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệt của Ác Hạnh. Tức là việc tạo tác những Ác Hạnh đây, chẳng có mang lại sự an vui đến cho mình, chẳng có sự lợi ích chút nào cả, mà chỉ có hủy diệt đi sự lợi ích, và dắt dẫn cho quả báo xấu ác trổ sinh thôi. Việc chẳng được trông thấy những điều tác nghiệt đây, là cũng do bởi mãnh lực của Vô Minh làm người chi phối, che án bưng bít; và Ái Dục làm người cứ

mảng vui cho thực hiện. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với việc lấy lửa thiêu đốt, rồi lại bị đánh đập bằng búa. Bò kia ắt hẳn có trạng thái hành thân hoại thể giẫy giụa, quằn quại; và phải bị khát nước vô cùng. Khi gặp phải nước sôi mà người ta mang ra cho uống, thì cũng vội uống ngay tức thì. Khi đã uống nước sôi vào rồi, thì lại phải thụ lãnh sự thi dĩ khốc hình vô cùng khốc liệt thêm một lần nữa; vì lẽ nước sôi ấy đã làm bỏng cả miệng và cổ họng đi. Thế nhưng bò kia cũng vẫn phải cố gắng uống vào, do bởi mãnh lực từ nơi nóng lòng, bồn chồn lo lắng qua việc khát nước ấy vậy. Điều này như thế nào, thì kẻ cố gắng tạo tác những Ác Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đọa sinh ở trong Cõi Khổ Thú, với mãnh lực từ nơi Vô Minh và Ái Dục, cũng dường như thế ấy.

Còn người đã tác hành những Thiện Hạnh, cũng do người ấy sợ hãi đối với sự khổ đau, sự vất vả khốn khổ mà sẽ phải thụ lãnh ở trong Cõi Khổ Thú; và có kỳ nguyện sẽ được đón nhận sự an vui làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, và Phạm Thiên. Kế tiếp, mới cố gắng nỗ lực thực hiện những Thiện Nghiệp Lực, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập. Ấy là những Thiện Sự rất hoan hỷ, dắt dẫn sự vui mừng phấn khởi đến cho mình. Ấy là điều hữu ích, mang lại quả báo tốt đẹp đến cho mình. Thế nhưng người ấy cũng vẫn không được trông thấy điều tác nghiệt trong Vòng Luân Hồi Khổ, đã làm cho phải luân hồi sinh tử, không thể nào trốn thoát được. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với biết bao trường hợp sai khác, như đã vừa đề cập đến rồi, và đã có sự khô khát nước. Khi đã gặp được nước lạnh mà người ta mang ra cho uống, thì cũng liền vội uống ngay. Khi đã uống nước lạnh vào rồi, thì cũng có cảm thọ mát mẻ tươi tỉnh, nguôi ngoai sự khô nóng, và sự khát nước ấy đi. Điều này như thế nào, thì người cố gắng nỗ lực thực hiện Thiện Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú với mãnh lực từ nơi Ái Dục và Vô Minh, cũng dường như thế ấy.

Sự hiện hành của Xa Luân có chủ vị làm người dắt dẫn ở phía trước và cả ở phía sau; tức là Vô Minh và Ái Dục dắt dẫn tất cả Chúng Hữu Tình quanh quẩn luân chuyển đi trong Cõi Giới thấp hoặc cao, vô cùng tận và chẳng có điểm cuối cùng. Cũng tựa như xe lửa có hai đầu bánh xe ở phía trước và phía sau, dắt dẫn đoàn tàu xe chạy leo lên núi cũng có, hoặc xuống núi cũng có, hoặc chạy quanh co khúc khuỷu theo sườn núi cũng có. Khi xe chạy lên núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía trước làm người dắt dẫn. Khi xe chạy xuống núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía sau làm người dắt dẫn, luân phiên thay đổi với nhau như vầy.

Với lý do này Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày đến sự hiện hành của cả Nhị Căn Nguyên Luân Hồi luân phiên thay đổi tương tự với xe lửa có hai đầu bánh xe như sau:

Oggacchantova cuggacchaṃ **Dusīso aggiko ratho**
Evaṃ bhavaratho yāti **Ciraṃ saṃsāraañjase.**

Dịch nghĩa: Xa Luân có hai đầu, đó là Vô Minh và Ái Dục, đã chạy đi lên đi xuống trong lộ trình của Vòng Luân Hồi. Tức là chạy xuống đến Cõi Khổ Thú cũng có, hoặc chạy lên đến Cõi Thiện Thú cũng có, suốt cả thời gian lâu dài. Cũng tương tự với xe lửa có hai đầu xe bánh xe đã chạy xuống cũng có, hoặc chạy lên cũng có, quanh quẩn ở trên ngọn núi dường như thế ấy.

Lại nữa, từ ngữ **Saṃsāra (Luân Hồi)** hoặc **Saṃsāravaṭṭa (Vòng Luân Hồi)** chẳng phải sử dụng cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Hữu Tình, của bất luận người nào; mà dùng

cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Uẩn, Xứ, Giới, và đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh ấy vậy.

Như thế, **Đại Giáo Thọ Sư Mahābuddhaghosācāriya** mới trình bày để trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** rằng:

Khandhānañca paṭipāṭi Dhātuāyatanāna ca
Abbocchinnaṃ vaṭṭamānā Saṃsāroti pavuccati

Dịch nghĩa: Việc sinh khởi hiện hành liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn của những thể loại Uẩn, Giới, Xứ đây, được gọi là **Luân Hồi.**

138. Hỏi: Hãy trình bày kệ ngôn ở cả phần **Pāḷi** và lời dịch nghĩa đã trình bày đến việc tận diệt cả Tam Luân Hồi.

138. Đáp: Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày để ở trong Liên Quan Tương Sinh Phần Nghịch Thuyết, như đã trình bày để trong đoạn trên nói rằng: **Avijjāya tveva asesa virāganirodhā saṅkhāranirodho** v.v. Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt v.v. và đã trình bày để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh rằng:

Yathāpi mūle anupaddave daḷhe Chinnopi rukkho punadeva ruhati
Evaṃpi taṇhānusaye anuhate Nibbatti dukkhamidaṃ punappunaṃ

Dịch nghĩa: Rễ cái là **Ái Dục Tùy Miên (Taṇhānusaya),** và nếu như vẫn chưa phá hủy cho tiệt diệt thì Vòng Luân Hồi Khổ là Sinh, Lão Mại, Bệnh Tật, Tử Vong v.v. cũng vẫn thường luôn sinh khởi lên hoài hoài (còn nếu như đã sát trừ tuyệt Ái Dục Tùy Miên cho tiệt diệt thì tất cả Vòng Luân Hồi Khổ ắt hẳn cũng cùng diệt mất). Tương tự như rễ cái có rễ phụ làm vật phụ thuộc; mà nếu như vẫn còn bám chặt giữ lấy và không có bị hủy diệt, thì cho dù sẽ chẻ thân cây ra đi nữa, cây ấy cũng vẫn lại phát triển tươi tốt lên được như thường (một khi nhổ sạch hết rễ cái đi rồi thì cây ấy mới không còn tiếp tục phát triển được nữa) như thế ấy.

A. 139. Hỏi: Cho lời giải thích trong tác nhân đã làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt.

139. Đáp: Nguyên nhân làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt:

Theo lẽ thường nhiên, cây cối thường tươi tốt và được phát triển lên, là cũng do nương vào rễ cái. Nếu như rễ cái đã bị hủy diệt đi rồi, thì cây ấy ngay tức khắc cũng sẽ phát sinh lên hiện trạng ủ rũ héo hon; và hệ quả kết cuộc thì cũng phải chết đi. Điều này như thế nào, thì Danh Sắc tức là tất cả Chúng Hữu Tình phát triển ở trong Vòng Luân Hồi vô cùng tận và không có điểm cuối cùng; là cũng do mãnh lực từ nơi Vô Minh và Ái Dục. Khi nào cả hai Vô Minh và Ái Dục đây đã bị hủy diệt đi, với mãnh lực từ nơi Tâm Đạo Vô Sinh; thế rồi sự phát triển của Danh Sắc, và đấy cũng chính là việc luân chuyển của tất cả Chúng Hữu Tình, cuối cùng rồi cũng coi như đã tiệt diệt.

Như thế, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày rằng: **Tesameva ca mūlānaṃ nirodhena nirujjhati** - Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. **Dịch nghĩa:** Khi cả hai Căn Nguyên Luân Hồi đã tận diệt không còn dư sót với mãnh lực từ nơi Tâm Đạo Vô Sinh rồi, thì việc luân chuyển tuần hoàn từ nơi Liên Quan Tương Sinh, tức là cả Tam Luân Hồi cũng thường diệt tắt ngay tức thì.

A. 140. Hỏi: Hãy giải thích trong kệ ngôn như tiếp theo đây một cách tỷ mỷ chi tiết:

Jarāmaramucchāya **Pīḷitānamabhiṇhaso**
Āsavānaṃ samuppādā **Avijjā ca pavattati**

140. Đáp: Giải thích kệ ngôn trên như sau:

Jarāmaramucchāya **Pīḷitānamabhiṇhaso**
Āsavānaṃ samuppādā **Avijjā ca pavattati**

Dịch nghĩa: Vô Minh có được sinh khởi lên, là cũng do nương vào việc khởi sinh từ nơi Pháp Lậu Hoặc trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Người bị hành hạ bức hại với sự già nua, sự tử vong; và Pháp làm thành Nhân từ ở nơi sự si mê, đó là sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, và não hại đây, cũng thường luôn xảy ra.

Từ ngữ **Mucchā (Mất Trí)** dịch nghĩa "Si mê, lầm lạc", tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý lấy Pháp làm Nhân cho si mê, tức là sầu muộn, bi ai v.v.

Giải thích rằng Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, ấy chính là cả Tứ Lậu Hoặc, có Dục Lậu v.v. Có nghĩa ở trong phần **Pāḷi** Liên Quan Tương Sinh, thì cả năm Chi Phần gồm Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây, đã lập ý trình bày đến phần cuối cùng. Rằng khi tính theo Chi Pháp, thì cả ba Chi Phần gồm Sầu Muộn, Ưu Thọ và Não Hại, ấy là Ưu Thọ và Tâm Sở Sân. Như thế, khi một người nào có sự sầu thảm, buồn lòng, khổ tâm khởi sinh lên, thì Si Mê ắt hẳn cũng cùng câu sinh hiện hữu. Và Bi Ai việc khóc lóc than thở đây, sinh khởi cũng bởi do bởi Tâm khởi sinh Sân; và chính vì thế ngay sát na khóc lóc than thở thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Còn Khổ Thân cũng làm Nhân cho sự buồn lòng, bất duyệt ý sinh khởi; và ngay sát na sự buồn lòng, bất duyệt ý khởi sinh lên thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Như thế, Si Mê cùng câu sinh với Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, Não Hại, và khởi sinh về sau từ nơi Khổ Thân, được gọi là Vô Minh.

Ứng hợp với **Đại Giáo Thọ Sư Mahābuddhaghosācāriya** đã trình bày để trong Bộ Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh **(Paṭiccasamuppādavibhaṅga Atthakathā)** rằng: **Ettha hi sokadukkha domanassupāyāsā avijjāyaaviyogino paridevo ca nāma mūḷhassāti tesu tāva siddhesu hoti avijjā - Dịch nghĩa:** Trong sự hiện hành của Xa Luân, thì những thể loại Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây, thường luôn phối hợp với Vô Minh; không thể nào tách ly ra được. Và Bi Ai cũng thường sinh khởi đối với người có sự si mê lầm lạc. Bởi do thế, một khi Sầu Muộn v.v. đã sinh khởi xong hết rồi, thì ắt hẳn Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Khi đã là như vậy, đích thị chính xuất sinh xứ của Sầu Muộn v.v. là xuất sinh xứ của Vô Minh.

141. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt với nhau giữa Sinh và cả Tứ Lậu Hoặc đã làm tác nhân của Sầu Muộn, v.v.

141. Đáp: Trong Liên Quan Tương Sinh đã có trình bày rằng: **Jatipaccayā soka paridevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti** - Sinh làm duyên Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh. Quả thật, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây sinh khởi lên được, là cũng do bởi **Sinh** làm Nhân. Tuy nhiên **Sinh** đây,

chẳng phải là Nhân cận lân của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. mà chỉ là Nhân dao viễn và là **Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu),** tức là sự sầu thảm v.v. đã sinh khởi lên thì sẽ không thể nào loại trừ Sinh ra khỏi được. Còn Pháp làm Nhân Cận Lân, ấy chính là cả Tứ Lậu Hoặc. Tương tự như tất cả Chúng Hữu Tình thọ sinh đến đây, thì cũng phải nương vào hai yếu tố Tác Nhân, tức là Nhân dao viễn và Nhân cận lân, cũng còn gọi là **Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu)** và **Căn Hành Nhân (Mūlīhetu).** Nhân dao viễn, ấy chính là Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực đã có tạo tác ở trong Hữu trước. Nhân cận lân, ấy chính là người Mẹ, người Cha; bởi do thế, chỗ nói rằng Sinh làm Nhân dao viễn, và Lậu Hoặc làm Nhân cận lân của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã hiện hành trong cùng một phương thức như nhau.

Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày để trong bộ Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh rằng: **Āsavasamudayā cete sokādayo honti - Những thể loại Sầu Muộn đây mà sinh khởi, cũng bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc.** Với lý do này mới quyết định được rằng những cả Tứ Lậu Hoặc đây, cũng cùng làm thành tựu xuất sinh xứ của Vô Minh vậy.

Và cũng như thế, Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng: **Āsavasamudayā avijjā samudayo - Việc sinh khởi của Vô Minh, là cũng do nương vào việc sinh khởi của Lậu Hoặc làm Nhân.**

Chính vì thế, thể theo **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã nói rằng: **Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati - Lậu Hoặc đã khởi sinh, và Vô Minh cũng chuyển khởi.**

Đấy cũng là việc đúng đắn, và **Đại Giáo Thọ Sư Mahābuddhaghosācāriya** đã có trình bày để trong **Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga Atthakathā)** rằng: **Iti yasmā āsavasamudayā ete dhammā honti tasmā ete sijjhamānā avijjāya hetubhū te āsave sādhenti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti - Dịch nghĩa là:** Những thể loại Sầu Muộn v.v. đây, thường sinh khởi bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc theo như phần đã vừa đề cập đến; chính vì thế khi những thể loại Sầu Muộn v.v. đây đã sinh khởi lên rồi, thì ắt hẳn đã làm cho hiểu biết đến Lậu Hoặc cũng cùng làm thành tựu viên mãn Tác Nhân của Vô Minh. Và một khi tất cả các Lậu Hoặc đã sinh khởi xong hết rồi, thì Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Vì lẽ khi đã có Nhân là Lậu Hoặc khởi sinh lên rồi, thì Quả là Vô Minh cũng phải cùng câu sinh.

142. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong những đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây:

1. Āsavasamudayā cete sokādayo honti

2. Āsavasamudayā avijjā samudayo

3. Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati

4. Iti yasmā āsavasamudayā ete dhammā honti tasmā ete sijjhamānā avijjāya hetubhū te āsave sādhenti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti.

142. Đáp: Dịch nghĩa những đoạn văn **Pāḷi** trên như sau:

1. Āsavasamudayā cete sokādayo honti - Những thể loại Sầu Muộn đây mà sinh khởi, cũng bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc.

2. Āsavasamudayā avijjā samudayo - "Việc sinh khởi của Vô Minh, là cũng do nương vào việc sinh khởi của Lậu Hoặc làm Nhân".

3. Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati - "Lậu Hoặc đã khởi sinh, và Vô Minh cũng chuyển khởi.

4. Iti yasmā āsavasamudayā ete dhammā honti tasmā ete sijjhamānā avijjāya hetubhū te āsave sādhenti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti - Dịch nghĩa là: Những thể loại Sầu Muộn v.v. đây, thường sinh khởi bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc theo như phần đã vừa đề cập đến; chính vì thế khi những thể loại Sầu Muộn v.v. đây đã sinh khởi lên rồi, thì ắt hẳn đã làm cho hiểu biết đến Lậu Hoặc cũng cùng làm thành tựu viên mãn Tác Nhân của Vô Minh. Và một khi tất cả các Lậu Hoặc đã sinh khởi xong hết rồi, thì Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Vì lẽ khi đã có Nhân là Lậu Hoặc khởi sinh lên rồi, thì Quả là Vô Minh cũng phải cùng câu sinh.

A. 143. Hỏi: Hãy giảng giải việc sinh khởi của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. bởi do nương vào cả Tứ Lậu Hoặc.

143. Đáp: Trình bày việc sinh khởi của Sầu Muộn, Bi Ai v.v. bởi do nương vào cả Tứ Lậu Hoặc như sau:

1. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Dục Lậu Hoặc làm Nhân, đó là: Khi người mà Ta đã yêu thương, có người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, Con, Cháu v.v. từ trần, lìa khỏi cuộc đời này, thì ắt hẳn Ta khởi sinh lên sự sầu thảm, buồn lòng, khóc lóc, than thở, có sự tịch lự thương tiếc đến với những người đấy, và đôi khi đi đến chẳng màng ăn uống ngủ nghỉ. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã trình bày rằng: **Kāmato jāyate soko v.v.** - Có nghĩa **Sự sầu thảm khởi sinh lên chính do bởi sự ái luyến.** Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi chính do bởi nương vào **Dục Lậu Hoặc làm Nhân.**

2. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Hữu Lậu Hoặc làm Nhân, đó là: Tất cả Chư Thiên có sự hoan hỷ trong sự sinh hoạt của mình; tức là người có thọ mạng miên trường, có sự mỹ lệ xinh đẹp, có sự an vui hạnh phúc trong tòa Thiên Cung của mình suốt trọn thời gian lâu dài; với mãnh lực của Hữu Lậu Hoặc. Khi đã có được cơ hội lắng nghe Giáo Pháp Đức Phật hữu quan vấn đề Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã; rằng là tất cả những sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng ở trong thế gian này đều toàn là vật vô thường, không bền vững; là khổ đau chẳng an vui; là không ở trong quyền lực cai quản, mệnh lệnh của người nào. Chính vì thế những sự xinh đẹp, hoặc những sự an vui hạnh phúc, hoặc tuổi thọ, những thể loại này cũng không có thể tồn tại, hiện hữu được, thường luôn có sự biến hoại đổi thay theo lẽ thường tình. Khi nhóm Chư Thiên đã được lắng nghe như vậy rồi, thì có sự rúng động, khiếp đảm kinh sợ; thế rồi khởi sinh lên sự sầu thảm bởi do nghĩ tưởng đến Thiên Sản, sự an lạc, sự có quyền lực, sự có thọ mạng miên trường của mình đang thụ hưởng đấy, sẽ không còn được tiếp tục bền vững lâu dài.

Chính vì thế, Đức Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày rằng: **Yepi te devā dīghāyukā vaṇṇavanto sukhabahulā uccesu vimānesu ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭhanti tepi tathāgatassa dhammadesanaṃ sutvā bhayaṃ santāsaṃ saṃvegamāpajjanti - Dịch nghĩa là:** Tất cả Chư Thiên cho dù có được thọ mạng miên trường, có da dẻ hồng hào xinh xắn, có sự an vui tột cùng, có được an trú suốt trọn thời gian lâu dài ở trong tòa Thiên Cung

tinh lương thù thắng đi nữa; thế nhưng một khi những nhóm Chư Thiên đấy đã được lắng nghe Giáo Pháp Đức Như Lai khải thuyết, thì ắt hẳn cũng đi đến sự rùng rợn khủng khiếp, rúng động, có sự bất an ở trong lòng, khiếp đảm kinh sợ. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi lên chính do nương vào **Hữu Lậu Hoặc làm Nhân.**

3. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Kiến Lậu Hoặc làm Nhân, đó là: Người có sự chấp thủ rằng Ngã này là Ta, Ngã này là của Ta, thế rồi cứ mải thường luôn nâng niu cái bản ngã ấy. Trong thời gian kế tiếp thì chính ngay cái bản ngã ấy phát sinh trạng thái biến hoại đổi thay theo lẽ thường nhiên; hoặc phát sinh biến hoại đổi thay bởi do bệnh hoạn, có tóc bạc, răng gẫy, da thịt nhăn nhíu, bị thương tích phát sinh lên v.v. Người ấy ắt hẳn khởi sinh sự bất an trong lòng, khổ tâm, buồn lòng, khóc than.

Như Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng: **Ahaṃ rūpaṃ mama rūpanti pariyuṭṭhaṭṭhāyino rūpavipariṇāmaññathā bhāvā uppajjanti sokaparidevadukkha domanassupāyāsā** - Tất cả Chúng Hữu Tình thường có quan điểm tà kiến rằng sắc thân này là Ta, hoặc Ta là sắc thân này; sắc thân này là của Ta. Như vậy rồi đến khi sắc thân ấy biến đổi bất thường thành một thể dạng khác theo lẽ thực tính; thế thì sự sầu thảm, buồn lòng v.v. ắt hẳn phát sinh đến với người ấy. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã sinh khởi lên chính do bởi nương vào **Kiến Lậu Hoặc làm Nhân.**

4. Sầu Muộn, Bi Ai v.v. sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh Lậu Hoặc làm Nhân, đó là: Người thiểu trí, có chút ít tri kiến; người si độn; kẻ điên rồ; người vẫn còn chạn tuổi thanh niên; hoặc người đã được đón nhận một nền giáo dục tốt, nhưng lại thiểu trí; những hạng người này ắt hẳn đã tạo tác trong điều không nên tạo tác, và đã không tạo tác trong điều nên được tạo tác, là do bởi mãnh lực của Vô Minh Lậu Hoặc. Tức là **Si Mê (Moha),** là người đã bị che án bưng bít, không cho thấy điều tác nghiệt và điều lợi ích; bởi do thế, mới ưa thích làm ở trong điều không nên làm, vì lẽ không thấy được điều tác nghiệt; vả lại chẳng ưa thích làm ở trong điều nên phải làm, cũng vì lẽ không thấy được điều lợi ích. Nhóm hạng người này ắt hẳn đã phải tiếp xúc sự Khổ Thân Khổ Tâm, và đã làm Nhân cho phát sinh sự sầu thảm, sự buồn lòng.

Như Đức Thế Tôn đã lập ý khải thuyết rằng: **Sakho so bhikkhave bālo diṭṭheva dhamme tividhaṃ dukkhaṃ domanassaṃ paṭisaṃvedeti** - Này Chư Tỳ Khưu, kẻ không có Trí Tuệ đã phải tiếp xúc với ba thể loại vất vả khốn khổ; đó là Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Thân và Khổ Tâm chính ngay trong Hữu này. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đã sinh khởi lên chính do bởi nương vào **Vô Minh Lậu Hoặc làm Nhân.**

144. Hỏi: Hãy trình bày nguyên nhân lấy Vô Minh lên định đặt làm thành tác nhân diệt đầu tiên ở trong Liên Quan Tương Sinh; và Xuất Sinh Xứ của Lậu Hoặc ấy là chi ?

144. Đáp: Trình bày nguyên nhân rút lấy Vô Minh đưa lên làm thành Tác Nhân diệt đầu tiên trong Liên Quan Tương Sinh: Khi Vô Minh đã có được sinh khởi, là cũng bởi do nương vào việc khởi sinh từ nơi những Pháp Lậu Hoặc; thế tại làm sao lại rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân đầu tiên ?

Trong sự hiện hành của Danh Sắc luân chuyển tuần hoàn trong Vòng Luân Hồi, thì Vô Minh đây đã là yếu tố quan trọng, được gọi tên là **Xa Luân Thủ Sự (Vaṭṭasīrasa)** tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, Đức Phật mới lập ý rút lấy Vô Minh đưa lên đặt để làm cái Nhân đầu tiên.

Giải thích rằng trong Liên Quan Tương Sinh, thì Vô Minh và Ái Dục - cả hai yếu tố này vô cùng quan trọng, cũng tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình vậy. Và trong việc kiến tạo lên những Hành, thì có Phúc Hành v.v. đã được thành tựu viên mãn, là cũng do bởi nương vào sự hân hoan duyệt ý, vui thích ở trong Cảnh; tức là Ái Dục đã làm thành Nhân. Ái Dục là sự hân hoan duyệt ý, vui thích ở trong Cảnh, sẽ sinh khởi lên được, là cũng do bởi nương vào Vô Minh làm người che án bưng bít, không cho thấy chân như thực tính. Giả như đã không có Vô Minh làm người che án bưng bít Chân Lý rồi, thế thì Ái Dục ắt hẳn cũng không có thể khởi sinh lên được. Một khi Ái Dục đã không có khởi sinh, thế thì những hành động tạo tác của tất cả mỗi con người cũng không hoàn thành những Pháp Hành. Bởi do thế, hai thể loại Vô Minh và Ái Dục đây, thì Vô Minh là yếu tố quan trọng hơn cả Ái Dục. Và cũng chính vì lý do này, Đức Phật mới lập ý rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân diệt đầu tiên; chẳng phải chủ đích nhắm lấy Vô Minh sinh trước các Pháp khác trong việc luân chuyển tuần hoàn từ nơi Liên Quan Tương Sinh.

+ **Xuất Sinh Xứ của Lậu Hoặc:** Nếu như tiếp tục khởi lên một câu vấn hỏi nữa rằng: "Khi những thể loại Lậu Hoặc đây đã làm Nhân của Vô Minh rồi, thế thì cái chi làm thành Nhân của Lậu Hoặc ?" **Giải đáp rằng**: "Những thể loại Lậu Hoặc này đã được liệt kê vào trong Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, tùy theo thích hợp; bởi do thế, đích thị chính Pháp làm thành Nhân cho Ái Dục, Chấp Thủ, Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi, thì thường được đề cập đến làm thành Nhân của Lậu Hoặc."

145. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích trong kệ ngôn như tiếp theo đây: **Vaṭṭamā bandha miccevaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.**

145. Đáp: Dịch nghĩa và giải thích trong kệ ngôn trên như sau: **Vaṭṭamābandha miccevaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni. – Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.** Kệ ngôn này có ý nghĩa là sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển tuần hoàn liên tục với nhau; tức là sinh khởi, hiện hữu, và tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì cũng liền sinh khởi, hiện hữu, và lại tử vong thêm lần nữa, như vậy một cách thường luôn và không gián đoạn. Những thể loại này - rằng khi tính theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện,** thì cũng chỉ toàn là việc sinh khởi của Pháp Liên Quan Tương Sinh hết cả thảy. Sẽ nói rằng:

1. Một khi đã có **Vô Minh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Hành** được sinh khởi, một cách đặc biệt chỉ có bấy nhiêu thôi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nữ, người Nam, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi, v.v.

2. Và khi đã có **Sinh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

3. Và khi đã có **Sầu Muộn, Bi Ai** v.v. rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Vô Minh** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

+ Sự hiện hành thể loại như vậy thường được gọi tên là **Vòng Luân Hồi (Vaṭṭa saṅkhāra)** bởi vì có: 1/. sự thúc phược ràng buộc với nhau, không gián đoạn, 2/. thường luôn hiện hành trong cả Tam Cõi Giới, 3/. há chẳng phải cái ban đầu.

Chính vì lý do này, Bậc Đại Tu Sĩ mới phán quyết rằng là Pháp Liên Quan Tương Sinh. Lại nữa, chỗ nói rằng "há chẳng phải cái ban đầu" đã được Đức Thế Tôn lập ý nói ở giữa Hội Chúng Tỳ Khưu rằng: **Anamataggoyaṃ bhikkhave saṃsāro pubbakoṭi na paññāyati avijjānīvaraṇānaṃ sattānaṃ taṇhāsaṃyojanānaṃ sandhāvataṃ saṃsārataṃ - Dịch nghĩa là:** Này Chư Tỳ Khưu, Vòng Luân Hồi đây, hẳn nhiên chẳng phải được biết đến đầu tiên, cũng chẳng phải hiện bày ở phía sau cùng. Tất cả Chúng Hữu Tình có **Vô Minh Triền Cái (Avijjānivaraṇa)** và **Ái Dục Kiết Sử (Taṇhāsaṃyojana),** chính những thể loại này mới luân chuyển quanh quẩn trong Vòng Luân Hồi.

146. Hỏi: Hãy phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo **Đế (Sacca)** nương vào **Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhammabhājanīyanaya).**

146. Đáp: Phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo **Đế (Sacca)** nương vào Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammabhājanīyanaya):**

- **Vô Minh, Hành** được liệt kê vào trong Tập Đế.
- **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ** được liệt kê vào trong Khổ Đế.
- **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu** được liệt kê vào trong Tập Đế.
- **Sinh Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong** được liệt kê vào trong Khổ Đế.

147. Hỏi: Có bao nhiêu Phương Pháp trong việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh để từ bỏ **Thất Tà Kiến (Diṭṭhi 7)** ? Cho giảng giải.

147. Đáp: Việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh nhằm để cho lìa bỏ bảy thể loại Tà Kiến, có được bốn Phương Pháp, đó là:

1. **Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya),**
2. **Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya),**
3. **Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyāpāranaya),**
4. **Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya).**

1. Khi đã thẩm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh việc diệt nối tiếp nhau không gián đoạn, trong một Hữu hoặc trong những Hữu nối tiếp. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya).**

2. Khi đã thẩm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc nối tiếp nhau của Danh Sắc Ngũ Uẩn đây, cho dù quả thật sẽ hiện hành một cách không gián đoạn, tuy nhiên Thực Tính của những thể loại Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, lại có Thực Tính khác biệt nhau, có Nhân Quả khác biệt nhau. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya).**

3. Khi đã thẩm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng những Nhân sai khác có Vô Minh v.v. cho trổ sinh quả báo sai khác, có Hành v.v. Việc sinh khởi như thế để cho trổ sinh quả báo thì chẳng cần có sự nỗ lực tinh cần nào cả. Pháp làm thành Nhân và làm thành Quả nương theo Thực Tính mà sinh khởi lên hiện hành chỉ bấy nhiêu thôi; và chẳng có bất luận một điều nào để sẽ sắp bày cho hiện hành được. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyāpāranaya).**

4. Khi đã thẩm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc sinh khởi của những Pháp Quả đấy, thì chỉ chính bởi Nhân của mình, một cách đặc biệt không có chồng chéo với nhau; chẳng hạn như Hành chỉ sinh khởi khi có Vô Minh làm Nhân, ngoài Vô Minh này ra, thì những Pháp khác không thể nào làm Nhân cho Hành sinh khởi lên được. Việc thẩm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là **Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya).**

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Thống Nhất** thì có khả năng từ bỏ được **Đoạn Kiến** và **Vô Hữu Kiến,** vì lẽ trông thấy liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn; tức là sinh rồi diệt, hết diệt rồi lại sinh, không chấm dứt.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Biệt Thể** thì có khả năng từ bỏ được **Thường Kiến,** vì lẽ trông thấy Thực Tính của Nhân và Thực Tính của Quả ấy không giống nhau; và Pháp làm thành Nhân làm thành Quả cũng thường luôn sinh khởi lên mới hoài hoài, chẳng phải sinh khởi rồi lại tồn tại an trụ suốt được. Chẳng hạn như Thọ với Ái Dục làm thành Nhân và làm thành Quả một đôi sinh khởi; khi đã sinh rồi cũng diệt mất đi, thế rồi lại sinh lên mới nữa và không có của cái cũ còn tồn tại, mà thường luôn chỉ là của cái mới. Bởi do thế, quan điểm chỗ nhận thấy rằng "vĩnh hằng" tức là **Thường Kiến** mới được diệt mất đi.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Phi Cần Lao** thì có khả năng từ bỏ được **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** và **Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi),** vì lẽ **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ** có quan điểm rằng "Tất cả sự vật đã hiện khởi ở trong thế gian này là do có Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo Chủ. Nếu không có Thượng Đế là Đấng đã kiến tạo lên rồi, thì những thể loại sự vật này cũng không thể nào sinh khởi lên được."

Còn **Kiến Chấp Ngã** có quan điểm rằng trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu cái Tự Ngã; và chính cái Tự Ngã đấy, làm người sắp bày cho thực hiện những hành động đi theo sự duyệt ý vừa lòng của Tự Ngã đấy. Bởi do thế, khi thẩm sát nhận thấy rằng những Nhân và những Quả sinh khởi lên, thì thường hiện hành đi theo Pháp Thực Tính của mình. Pháp làm thành Nhân cũng chẳng phải có bất luận một việc lo lắng nỗ lực nào để sẽ cho quả báo của mình trổ sinh cả. Việc sinh khởi đích thực chính là Vô Ngã. Khi đã nhận thấy ở thể loại này rồi, thì mới diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đến đây.

+ Việc thẩm sát thể theo **Phương Pháp Như Thị Pháp** thì có khả năng từ bỏ được **Vô Nhân Kiến** và **Vô Hành Kiến,** vì lẽ Vô Nhân Kiến ấy có quan điểm rằng "Những sự vật đã khởi sinh lên là chẳng phải được sinh do bởi nương vào bất luận một Tác Nhân Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực nào cả. Tất cả Chúng Hữu Tình có sự an vui, sự khổ đau; đó chẳng qua là tự phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, và chẳng phải khởi sinh lên từ ở nơi bất luận một Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Nhân chi cả."

Còn **Vô Hành Kiến** thì có quan điểm rằng: "Hành động tạo tác cho dù là Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa, thì cũng không gọi là Thiện hoặc Bất Thiện; muốn làm thì cũng cứ tự tiện làm." Bởi do thế, người đã thẩm sát thể theo Phương Pháp Như Thị Pháp đây, thì ắt hẳn trông thấy được rằng Pháp làm thành Nhân làm thành Quả thì thường sinh khởi thành từng đôi một với nhau, và không thể tách ly được; chính vì thế mới có khả năng diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đây.

148. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây

Anādidaṃ bhavacakkaṃ Vītakārakavedakaṃ
Niccasukhasubhattehi Suññaṃ passe punappunaṃ (Bhāsāṭīkā)

luôn cả trình bày sự nghĩ suy trong việc thẩm sát cái làm thành tác nhân cho Vô Nhân Kiến và **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** sinh khởi.

148. Đáp: Dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:

Anādidaṃ bhavacakkaṃ Vītakārakavedakaṃ
Niccasukhasubhattehi Suññaṃ passe punappunaṃ (Bhāsāṭīkā)

Toàn bộ Xa Luân đều là một khối thống khổ hằng luân chuyển tuần hoàn một cách lâu dài, tính đếm về Hữu và kiếp sống khôn xiết, hẳn nhiên không thể biết được khởi thủy của việc luân chuyển tuần hoàn đấy được. Đoạn lưu Tự Ngã, tức là người sáng tạo và người thụ hưởng, chỉ là Vô Ngã; chẳng có Thực Tính là Thường Lạc Ngã Tịnh, bất luận trường hợp nào. Bậc Hữu Trí nên thẩm sát thường luôn, như đã vừa đề cập đến tại đây. (Được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Phật Ngôn)

Người đã theo Phật Giáo thường luôn ưa thích thẩm sát và tìm kiếm đến các sự kiện; cho dù sẽ có niềm tin rằng thế gian mà Ta đang sinh sống đây hẳn nhiên là chẳng có tồn tại và bền vững lâu dài, ắt hẳn phải bị hoại diệt, và một khi đã bị hoại diệt đi rồi, thì lại khởi sinh lên mới nữa. Còn sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình mà đã có niềm tin theo Liên Quan Tương Sinh thì nói rằng: "Vì Vô Minh làm Nhân mới sinh Hành, vì Hành làm Nhân mới sinh Thức," như vậy v.v. nhưng vẫn không vơi đi nỗi nghĩ suy thắc mắc rằng việc sinh khởi của thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình khởi thủy phát sinh lên lúc ban đầu là trong thời gian nào. Khi đã cố gắng thẩm sát đi rồi, nhưng vẫn không thể đi đến quyết định được. Những hạng người đã có thẩm sát nhưng vẫn không quyết định được đây, thì cũng phát sinh lên sự tự hiểu biết lấy. Có nghĩa là một vài nhóm người tự hiểu biết rằng thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình đây, thường hiện khởi bằng cách đoạn lưu Tác Nhân đã làm cho sinh khởi trong giai đoạn khởi thủy. Đối với sự việc thế gian bị hoại diệt và thế gian lại khởi sinh lên mới nữa; hoặc Vô Minh làm Nhân, Hành làm Quả; Hành làm Nhân, Thức làm Quả v.v. với những thể loại

này cũng chỉ làm thành Nhân khởi sinh về sau cho có thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình hiện khởi lên mà thôi; thế nhưng chắc chắn rằng chẳng phải là Tác Nhân khởi thủy lúc ban đầu. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành người có Vô Nhân Kiến khởi sinh lên bởi do bất tri bất giác. Lại có một nhóm khác nữa đã khởi lên tự hiểu biết lấy rằng thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình phát sinh lên, là bởi do nương vào Nhân Quả như đã đề cập rồi đấy, mà Nhân Quả chỉ phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, là sau khi thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi thôi. Còn Tác Nhân khởi thủy ban đầu đấy, là cần phải có Bậc Đại Nhân, là Thượng Đế sáng tạo lên mới được. Nếu giả như không có Thượng Đế là Đấng sáng tạo lên rồi, thì những sự vật này cũng không thể phát sinh lên được. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành nhóm người **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmānavādadiṭṭhi)** bởi do bất tri bất giác, cũng tương tự như nhau.

149. Hỏi: Có bao nhiêu sự việc không đáng phải nghĩ suy ? Là những chi ? Và hãy tiệt diệt trong vấn đề người vẫn chưa liễu tri trong sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh đấy rồi, thì có sẽ thành đạt bậc Thánh Nhân hay không ?

149. Đáp: Có bốn Pháp không đáng phải nghĩ suy, đó là:

- **Một là Phật Giới (Buddhavisaya)** là sự kiện hữu quan với sự hiện hành của Chư Phật, cùng với **Uy Lực (Ānubhāva)** của Chư Phật, và **Ân Đức Phật Bảo (Buddhaguṇa)** từ nơi Chư Phật; là sự việc không nên để nghĩ suy;

- **Hai là Thiền Giới (Jhānavisaya)** là Thắng Trí Thiền Định từ nơi tất cả các Bậc lập ý Thần Túc Thắng Trí; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;

- **Ba là Nghiệp Quả (Kammavipāka)** là quả báo từ ở tất cả Nghiệp Lực, có Hiện Báo Nghiệp Lực v.v. cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;

- **Bốn là Tâm Tư Thế Gian (Lokacintā)** là sự hiện hành của thế gian; tức là thế gian là chỗ nương trú của Chúng Sinh và tất cả Chúng Hữu Tình; mặt đất, núi đồi, sông nước, cây cối v.v. những thể loại này cũng là sự việc không nên để nghĩ suy.

Với lý do như đã vừa đề cập đến đây, tất cả hàng Phật Tử nên thẩm sát việc luân chuyển tuần hoàn từ nơi Liên Quan Tương Sinh với cả bốn Phương Pháp, có Phương Pháp Thống Nhất v.v. như đã có được trình bày; và một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo rồi, thì sẽ phát sinh tri kiến tự liễu tri được rằng sự hiện hành của thế gian và tất cả Chúng Hữu Tình hẳn nhiên là chẳng có Tác Nhân khởi thủy ban đầu vậy.

Lại nữa, người đã có được liễu tri sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, thì sẽ vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi, ắt hẳn chưa từng có được, ngay cả dù chỉ sẽ là mơ tưởng. Chính vì thế, người Phật Tử là bậc có kỳ vọng sẽ vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Thống Khổ, phải nên cố gắng để liễu tri đến sự hiện hành từ sự luân chuyển tuần hoàn của Xa Luân chỗ được gọi là Liên Quan Tương Sinh một cách thấu đáo.

A. 150. Hỏi: Cho giảng giải trong việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh của Trưởng Lão **Ānanda,** và lời giáo giới của Bậc Chánh Đẳng Giác, với luôn cả nêu lên điều tỷ dụ dẫn chứng.

150. Đáp: Việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh của Trưởng Lão **Ānanda** và lời giáo giới của Bậc Chánh Đẳng Giác như sau:

Vào một thời, Đức Thế Tôn ngự ở thị trấn **Kammāsadamma** trong Xứ **Kuru.** Trưởng Lão **Ānanda** đi trì bình khất thực từng mỗi nhà ở trong một thôn làng, để tế độ tất cả cận sự nam, cận sự nữ, ví tựa như mang một túi tài sản đi phân phát đến với những dân làng ấy vậy. Một ngày nọ, khi Trưởng Lão đã đi trì bình khất thực và đã quay trở về độ thực xong; thế rồi y theo bổn phận của Ngài đã đi đến phụng dưỡng phục vụ Đức Thế Tôn. Khi đã đến thời gian giữa trưa ngọ, Đức Thế Tôn đã ngự vào hương thất để chỉ tịnh, và rồi Trưởng Lão **Ānanda** đã quay trở lại tịnh thất của Ngài, thực hiện việc huấn giáo dạy dỗ đồ đệ của Ngài cũng đã vừa xong, thì liền đi tĩnh tọa tầm cầu thụ hưởng lạc vị giải thoát. Tức là **Nhập Thiền Quả (Phalasampatti)** ngay tại nơi đấy; và khi đã xuất khỏi Thiền Quả, thế rồi đã thẩm sát Liên Quan Tương Sinh theo phần Thuận, phần Nghịch, rồi lại thẩm sát từ đầu cho đến đoạn giữa theo phần Thuận, theo phần Nghịch từ cuối cho đến đoạn giữa; thể theo phương cách thẩm sát rằng "Chỉ có Hành sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là tự ngã, Tôi, Anh, người nam, người nữ, sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh; vả lại Vô Minh cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp. Chỉ có Thức sinh khởi bởi do nương vào Hành làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người nam, người nữ, sinh khởi bởi do nương vào Hành; vả lại Hành cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp." Ngài cứ mãi lần lượt thẩm sát theo phương cách này, cho đến Lão Mại – Tử Vong ngần ấy đã sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân, chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người nam, người nữ, sinh khởi bởi do nương vào Sinh. Ngài đã thẩm sát đến ba lần; tức là từ đầu cho đi đến cuối và từ cuối cho đi đến đầu; từ đầu cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến đầu; từ cuối cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến cuối. Trong khoảng giữa thời gian đang thẩm sát đấy, sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh có việc hiệp trợ thể theo Nhân và Quả, ở cả 12 Chi Phần, cũng hiện bày lên rõ ràng ở trong Trí Tuệ của Ngài, và Ngài mới nghĩ suy rằng "Tất cả Chư Phật, Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này có thực tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến; và trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được nhận thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Chính tự Ta đây cũng chỉ là hạng Thinh Văn và có Trí Tuệ chỉ một phần ngần ấy thôi, thế mà cũng có sự sáng tỏ rõ ràng trong sự hiện hành của Pháp Liên Quan Tương Sinh này làm thành một cách tốt đẹp. Các bậc Thinh Văn khác sẽ có được cảm thọ tương tự ở thể loại như Ta không nhỉ ?" Khi đã đến lúc hoàng hôn, Trưởng Lão **Ānanda** đã đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, và rồi đã quỳ lạy tác bạch rằng: **Acchariyaṃ bhante, abbhutaṃ bhante, yāvagambhīro cāyaṃ bhante paṭiccasamuppā do gambhīrābhāso ca, atha ca pana me uttānukuttānako viya khāyati** - Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật là điều rất huyền diệu, là một điều rất đặc biệt, đã không từng hiện bày từ trước đây. Kính bạch Thế Tôn, Ngài là Bậc tiến hóa, Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày rõ ràng đối với con tương tự như rằng Pháp này rất là nông cạn vậy.

Khi Đức Thế Tôn đã lập ý lắng nghe Trưởng Lão **Ānanda** tác bạch như thế rồi, thì rủ lòng bi mẫn nghĩ suy rằng "**Ānanda** đệ tử của Ta đây đã đề cập đến lãnh vực địa hạt của tất

cả hàng Chư Phật, là Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày thấu đáo rõ ràng đến với mình. Sự việc **Ānanda** đã nói như vậy, y như thể là cố gắng với tay lên cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, cố gắng bổ Tu Di Sơn cho tách ra để sẽ lấy thạch ngọc ở bên trong vậy, cố gắng sẽ vượt qua đại dương mà chẳng phải nương nhờ vào thuyền bè, cố gắng sẽ lật ngược quả địa cầu để sẽ lấy bổ phẩm ở trong lòng đất vậy. Khi đã là như thế, thì Ta cần phải cản ngăn lời nói này." Khi Đức Phật đã suy nghĩ như thế rồi, mới phán truyền với Ngài **Ānanda** rằng: **Mā hevaṃ Ānanda mā hevaṃ Ānanda gambhīro cāyaṃ Ānanda paṭiccasamuppādo gambhīravābhāso** - Này **Ānanda,** chớ nên nói như vậy, chớ nên nói như vậy, này **Ānanda;** Pháp Liên Quan Tương Sinh đây có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Pháp Liên Quan Tương Sinh là Pháp có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến; cũng tỷ như nước trong đại dương ở sát cận Tu Di Sơn, dường như thể ấy.

Theo lẽ thường nhiên, sự hiện hành của nước hiện hữu ở bốn thể loại, đó là:

1. Một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; tuy nhiên sự thật thì chỉ cạn độ 2 – 3 hắc tay mà thôi. Chẳng hạn như nước ở trong hồ hoặc trong mương lạch có lá cây rụng xuống, đã rã mục ở dưới đáy hồ hoặc đáy mương; và đã làm cho nước ấy hiện bày sắc màu xanh lam. Người trông thấy, thì sẽ hiểu biết rằng nước ở trong hồ, hoặc trong mương ấy rất sâu thẳm; tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là cạn hều.

2. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là nông cạn; tuy nhiên sự thật thì rất sâu thẳm. Chẳng hạn như nước ở trong hồ, hoặc ở trong ao, trong suối; thì một vài nơi có sự trong vắt cho đến nỗi nhìn thấy được các sự vật hiện hữu ở đằng ấy một cách rõ ràng; và đã làm cho người trông thấy có sự hiểu biết rằng là cạn hều. Tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẻ hiện bày là sâu thẳm.

3. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là cạn hều, và sự thực nước ở trong chỗ đấy cũng có Thực Tính là cạn hều; chẳng hạn như nước ở trong cái lu, trong cái chậu, trong cái nồi, v.v.

4. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; và sự thực nước ở trong chỗ đấy cũng có Thực Tính là sâu thẳm, chẳng hạn như nước ở trong đại dương hùng vĩ.

Sự thậm thâm của Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, là thuộc trong nhóm nước được phân loại thứ tư, và đích thực rất khó khăn với người thông thường để sẽ được liễu tri một cách sáng tỏ rõ ràng. Với lý do như vậy, Đức Chánh Đẳng Giác mới phán truyền cản ngăn Ngài **Ānanda** không cho được nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này y như thể là loại Pháp rất là nông cạn đối với Ngài **Ānanda.**

Trong tất cả các hàng Chư Thinh Văn của Đức Chánh Đẳng Giác – ngoài hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn ra, Chư vị Thinh Văn khác để sẽ có được tri kiến trong Pháp Liên Quan Tương Sinh một cách rõ ràng thấu đáo tương tự với Ngài **Ānanda** đây quả thật không có.

151. Hỏi: Bởi do nương vào nguyên nhân nào mà Trưởng Lão **Ānanda** đã có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh một cách thấu triệt rõ ràng như thế ấy.

151. Đáp: Trong sự việc Ngài **Ānanda** có Trí Tuệ liễu tri được rõ ràng thấu đáo như vậy, thì cần phải nương vào bốn yếu tố Tác Nhân, đó là:

1. Kỳ Phúc Thị Giả (Upaṭṭhakaadhikāro): Là người đã từng kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và rồi đã có sở nguyện vọng được làm Thị Giả Đức Phật.

2. Môn Đồ (Antevāsiko): Được làm người thân cận (môn đồ, đệ tử) với Bậc Đại Tôn Sư.

3. Thất Lai Giả (Sotāpanno): Đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai.

4. Đa Văn Giả (Bahussutadharo): Làm thành bậc đa văn quãng kiến.

A. 152. Hỏi: Hãy trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Vô Tỷ Pháp Tạng có cả ở trong Câu Thiện, Câu Bất Thiện, và Câu Vô Ký.

152. Đáp: Việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Tạng Vô Tỷ Pháp được chia ra làm ba nhóm, đó là: **1/. Câu Bất Thiện (Akusalapada), 2/. Câu Thiện (Kusala pada), 3/. Câu Vô Ký (Abyākatapada).**

I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA)

Trong Câu Bất Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ trong 4 Tâm Tương Ưng Kiến ngần ấy thôi.

Avijjāpaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā Nāmaṃ Nāmapaccayā chaṭṭhayatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedan vedanpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādānaṃ upādānapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti - Vô Minh làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Chấp Thủ, Chấp Thủ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **Vô Minh** làm Nhân thì **Phi Phúc Hành,** là Tư Tâ Sở Bất Thiện Tương Ưng Kiến hiện hành cùng câu sinh với Vô Minh đấy mới sinh khởi.

Bởi do **Phi Phúc Hành** là Tư Tâm Sở Bất Thiện Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Tâm Tương Ưng Kiến** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Tương Ưng Kiến** làm Nhân, thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến đấy mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Ý Xứ** là Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** là Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **ba Chấp Thủ** (loại trừ Dục Chấp Thủ) phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **ba Chấp Thủ** phối hợp với Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến (loại trừ Tà Kiến) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến (loại trừ Tà Kiến) làm Nhân, thì **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ưng Kiến đấy mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ưng Kiến làm Nhân, thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Kiến mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Vô Minh v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ:

+ Tại nơi đây, chỗ trình bày nói rằng **Viññāṇapaccayā nāma (Thức làm duyên Danh)** mà chẳng phải trình bày là **Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ (Thức làm duyên Danh Sắc),** cũng bởi vì thiết yếu trình bày Pháp phối hợp với từng mỗi cái Tâm, và cũng thiết yếu trình bày cho hiện hành trong Cõi Giới mà Tâm sinh khởi được cùng khắp; chính vì thế mới không sử dụng câu nói rằng **Nāmarūpaṃ** (cho Danh Sắc).

+ Chỗ trình bày rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ (Danh làm duyên Xứ thứ sáu)** mà chẳng trình bày là **Nāmapaccayā saḷāyatanaṃ (Danh làm duyên Lục Xứ),** cũng bởi vì chính Danh Pháp làm thành Nhân, tức là chỉ đơn nhất có Tâm Sở, và chẳng có Sắc; chính vì thế Pháp làm thành Quả mới cũng phải là Danh Pháp với nhau, tức là Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và đơn nhất chính là Tâm.

+ Chi Pháp của **Viññāṇaṃ** trong câu nói rằng **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ (Hành làm duyên Thức)** và Chi Pháp của **Chaṭṭhāyatanaṃ (Xứ thứ sáu)** trong câu nói rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ (Danh làm duyên Xứ thứ sáu);** cả hai đây, chính là Tâm Tương Ưng Kiến tương tự như nhau. Thế nhưng có phần đặc biệt, đó là trong câu **Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ** thì Tư Tâm Sở làm Nhân đặc biệt của Thức, và ba Uẩn Tâm Sở thì làm Quả phổ thông của Thức.

+ Trong câu nói rằng **Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ** thì ba Uẩn Tâm Sở làm Nhân phổ thông của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và Tâm Sở Xúc thì làm Quả đặc biệt của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ).

+ Trong Phương Pháp Phân Tích Theo Tạng Vô Tỷ Pháp đây, thì Đức Phật không có lập ý trình bày đến Sầu Muộn, Bi Ai v.v. ấy là Quả của Sinh; mà chỉ có lập ý trình bày **Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ (Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong)** ngần ấy thôi. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì trong từng mỗi cái sát na Tâm thì những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai

v.v. đây thường chẳng có được sinh khởi. Vả lại một trường hợp khác nữa, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai v.v. đây cũng chẳng có sinh khởi trong khắp cả các Cõi Giới, chẳng hạn như trong Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Với lý do này, Đức Phật mới không có lập ý trình bày Sầu Muộn, Bi Ai v.v. cho làm thành Quả của Sinh.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong 4 Tâm Bất Tương Ưng Kiến thì đặc biệt có như vầy: **Vedanā paccayā taṇhā taṇhāpaccayā adhimokkho adhimokkha paccayā bhavo** - Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm căn Sân thì đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā paṭighaṃ paṭighapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo** - Thọ làm duyên Khuể Phẫn, Khuể Phẫn làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

+ Trong Tâm Si Tương Ưng Hoài Nghi thì đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā vicikicchā vicikicchāpaccayā bhavo** - Thọ làm duyên Hoài Nghi, Hoài Nghi làm duyên Hữu.

+ Trong Tâm Si Tương Ưng Trạo Cử thì đặc biệt có như vầy: **Vedanāpaccayā uddhaccaṃ uddhaccapaccayā adhimokkho adhimokkha paccayā bhavo** - Thọ làm duyên Trạo Cử, Trạo Cử làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu.

II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA)

Trong Câu Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ưng Trí ngần ấy thôi.

Kusalapaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jatipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti - Pháp Thiện làm duyên Hành, Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **ba Căn Thiện** làm Nhân thì **Phúc Hành** là Tư Tâm Sở Đại Thiện Tương Ưng Trí hiện hành cùng câu sinh với ba Căn Thiện mới sinh khởi.

Bởi do **Phúc Hành** là Tư Tâm Sở Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Trí làm Nhân thì **Ý Xứ** là Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** là Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Thanh Triệt** là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thanh Triệt** là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí (loại trừ Thắng Giải) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí (loại trừ Thắng Giải) làm Nhân thì **Danh Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí làm Nhân thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ưng Trí mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Căn Thiện v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ:

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Câu Thiện đây, chẳng có được trình bày đến **Vedanāpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādānaṃ** (Thọ làm duyên Ái Dục, Ái Dục làm duyên Chấp Thủ) mà chỉ có trình bày là **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho** (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải), cũng bởi vì Ái Dục và Chấp Thủ đây chỉ có phối hợp với Tâm căn Tham thôi, và chẳng có phối hợp với Tâm nào khác; chính vì thế mới trình bày Tín thay thế Ái Dục, Thắng Giải thay thế Chấp Thủ. Như đã có trình bày rằng **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho** (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải) khi đem so sánh cảnh trạng hiện hành thì Ái Dục có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh; Tín thì cũng có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh tương tự như nhau; và Chấp Thủ có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh, còn Thắng Giải thì cũng có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh tương tự như nhau; chính vì thế mới rút lấy Tín và Thắng Giải lên trình bày đặng thay thế Ái Dục và Chấp Thủ.

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh trong những Tâm Thiện khác cũng tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với Câu cuối cùng, khi trình bày với Tâm Siêu Thế thì đã có trình bày rằng **Evametesaṃ dhammānaṃ samudayo hoti** dịch nghĩa là "Việc sinh khởi của Pháp Thiện Siêu Thế thường hiện hành như vầy.

III. CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATAPADA)

Trong Câu Vô Ký đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ngần ấy thôi.

Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkha khandhassa samudayo hoti - Hành làm duyên Thức, Thức làm duyên Danh, Danh làm duyên Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên Xúc, Xúc làm duyên Thọ, Thọ làm duyên Hữu, Hữu làm duyên Sinh, Sinh làm duyên Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

Bởi do **Phúc Hành, Phi Phúc Hành** là 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện, 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện làm Nhân thì **10 Tâm Ngũ Song Thức** mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Song Thức** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ý Xứ** là 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** là 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) làm Nhân thì **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Phúc Hành, Phi Phúc Hành v.v. như đã vừa đề cập đến đây.

Ghi chú:...Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân còn lại và hai **Tâm Khai Môn (Āvajjanacitta)** thì đã có đặc biệt trình bày trực tiếp rằng: **Vedanāpaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo** - (Thọ làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu) ngần ấy thôi. Và trong Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân thì đã có trình bày rằng: **Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo** (Thọ làm duyên Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên Hữu). Còn ngoài ra thì cũng trình bày tương tự như nhau.

Trong câu cuối cùng Tâm Quả Siêu Thế thì đã không có trình bày rằng **Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti** - Việc sinh khởi toàn bộ khối thống khổ thường hiện hành như vầy, thay vào đó đã trình bày rằng **Evametassa dhammānaṃ samudayo hoti** dịch nghĩa là: Việc sinh khởi Pháp Quả Siêu Thế thường hiện hành như vầy.

Ghi chú:...Trong Bộ Phân Tích đã có trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng đã chia ra làm sáu **Xiển Minh (Niddesa)**:

1. Bất Thiện Xiển Minh (Akusalaniddesa)

2. Thiện Xiển Minh (Kusalaniddesa)

3. Vô Ký Xiển Minh (Abyākataniddesa)

Cả ba Xiển Minh này, đích thị tương tự với Câu Bất Thiện, Câu Thiện, Câu Vô Ký trong Khóa Trình Giảng Dạy vậy.

4. Xiển Minh Thiện Căn Nguyên Vô Minh (Āvijjāmūlakusalaniddesa) là Xiển Minh của 21 Tâm Thiện có Vô Minh làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này có 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Thanh Triệt, Thắng Giải, Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong.

5. Xiển Minh Quả Dị Thục Căn Nguyên Thiện (Kusalamūlavipākaniddesa) là Xiển Minh của 29 Tâm Dị Thục Quả Thiện có Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Thiện, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Hữu, Sinh, Lão Lại – Tử Vong.

Ba Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân còn lại có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; thành Thọ, Thắng Giải, Hữu, và Chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

6. Xiển Minh Dị Thục Quả Căn Nguyên Bất Thiện (Akusalamūlavipākaniddesa) là Xiển Minh của bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có Bất Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Bất Thiện, Hành, và Chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

Hai Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; và như thế thành Thọ, Thắng Giải, Hữu ngần ấy.

153. Hỏi: Cho trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn v.v. làm Nhân; và có những Phương Thức như thế nào thì sẽ hủy diệt được Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn đấy.

153. Đáp: Trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn v.v. làm Nhân, như sau: **Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedan vedanpaccayā taṇhā taṇhāpaccayā upādānaṃ upādānapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ soka paridevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti evametassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti** - (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là **Xúc.** Xúc làm duyên Thọ. Thọ làm duyên Ái Dục. Ái Dục làm duyên Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên Hữu. Hữu làm duyên Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại sinh khởi. Như vậy là sự tập khởi toàn khối Khổ Uẩn.)

Nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc, Nhãn Thức là việc trông thấy thường được sinh khởi. Cả ba thể loại này tựu hội vào nhau thì Xúc là việc tiếp xúc cũng thường được sinh

khởi. Xúc làm Nhân cho Thọ là việc thụ hưởng lấy Cảnh sinh khởi. Thọ làm Nhân cho Ái Dục là sự ưa thích mong muốn sinh khởi. Ái Dục làm Nhân cho Chấp Thủ là sự đắm nhiễm chấp cứng sinh khởi. Chấp Thủ làm Nhân cho Nghiệp Hữu là việc tạo tác các Nghiệp Lực sinh khởi. Nghiệp Hữu làm Nhân cho Sinh là sự sinh khởi trong các Hữu sinh khởi. Sinh làm Nhân cho Lão Mại – Tử Vong là sự già nua, mệnh chung; và sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, não hại là sự sầu thảm, sự khóc than, sự khổ thân, khổ tâm, sự buồn lòng ưu não sinh khởi. Chính những Nhân và Quả như đã được đề cập rồi đây là sự sinh khởi từ nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn.

+ Phương thức sẽ làm cho Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhãn Môn v.v. làm Nhân có nghĩa là một khi Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức tựu hội vào nhau thì làm thành Nhân cho sinh khởi Xúc; và Xúc làm Nhân cho Thọ là việc trông thấy sinh khởi đã được thành tựu rồi. Việc chặt đứt Liên Quan Tương Sinh là phải chặt đứt ở chính ngay Thọ, để không cho làm thành Năng Duyên đối với Ái Dục tiếp nối sinh khởi; bằng cách sử dụng Niệm hạn định ở trong việc trông thấy rằng là "thấy à ! thấy à". Việc hạn định rằng là "thấy à ! thấy à !" đây chẳng phải sử dụng ngôn từ với lời nói, mà cần phải sử dụng bằng tâm thức hạn định một cách chân thực. Nếu chẳng là như thế thì không có khả năng sẽ diệt trừ Ái Dục đi được. Khi đã dùng lấy Niệm để hạn định rằng là "thấy à ! thấy à !" thì ngay trong sát na ấy, Ái Dục thường không thể sinh khởi lên được, cũng là chính do bởi mãnh lực từ ở nơi Niệm và Tỉnh Giác ấy vậy. Khi Ái Dục đã không có sinh khởi lên rồi, thì Chấp Thủ là sự đắm nhiễm chấp cứng cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Chấp Thủ đã không có sinh khởi lên rồi, thì Nghiệp Hữu cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Nghiệp Hữu đã không có sinh khởi lên rồi, thì Sinh cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Sinh đã không có sinh khởi lên rồi, thì Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại cũng không thể sinh khởi lên được; thì coi như là Liên Quan Tương Sinh chấm dứt và không còn tiếp tục tái diễn trở lại được nữa.

Như có đoạn văn **Pāḷi** trình bày để trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh rằng: **Tassa yeva taṇhāya asesavirāganirodhā upādāna nirodho, upādānanirodho bhava nirodho, bhavanirodhā jātinirodho jātinirodhā jarā maraṇaṃ sokaparidevadukkha domanassa supāyāsā nirujjhanti evametassa kevalassa dukkhandhassa nirodho hoti** - Chính bởi do việc tiệt diệt từ nơi Ái Dục một cách không còn dư sót mà Chấp Thủ mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ nơi Chấp Thủ mà Hữu mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ nơi Hữu mà Sinh mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ nơi Sinh mà Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại mới bị diệt mất. Sự tiệt diệt từ nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn thường hiện hành như đã vừa đề cập ở tại đây.

Kết Thúc Vấn Và Đáp Trong Liên Quan Tương Sinh

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHÁT THÚ (PAṬṬHĀNA)

1.Hỏi: Hãy trình bày trong Chánh Tạng **Pāḷi** về phần **Duyên Xiển Thuật (Paccayud desa)** như có **Hetupaccayo Ārammaṇapaccayo** v.v.

1. Đáp: Trình bày trong Chánh Tạng **Pāḷi** về phần Duyên Xiển Thuật và lời dịch nghĩa có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v., như sau:

1/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nhân Duyên.**

2/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cảnh Duyên.**

3/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trưởng Duyên.**

4/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Gián Duyên** (sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

5/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đẳng Vô Gián Duyên** (sự liên tục nối tiếp nhau liền tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).

6/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Câu Sinh Duyên** (cùng câu sinh với nhau).

7/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hỗ Tương Duyên** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).

8/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Y Chỉ Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ).

9/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Cận Y Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).

10/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tiền Sinh Duyên** (sự sinh trước).

11/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hậu Sinh Duyên** (sự sinh đàng sau).

12/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Trùng Dụng Duyên** (sự thường luôn thụ hưởng).

13/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Nghiệp Lực Duyên** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).

14/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Dị Thục Quả Duyên** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).

15/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vật Thực Duyên** (sự làm người dẫn dắt).

16/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Quyền Lực Duyên** (sự làm người cai quản).

17/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Thiền Na Duyên** (sự làm người thẩm thị Cảnh).

18/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Đồ Đạo Duyên** (sự làm thành đạo lộ).

19/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Tương Ưng Duyên** (sự làm người phối hợp).

20/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Tương Ưng Duyên** (sự làm người bất phối hợp).

21/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Hiện Hữu Duyên** (sự làm người vẫn còn hiện hữu).

22/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Vô Hữu Duyên** (sự làm người không còn hiện hữu).

23/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Ly Khứ Duyên** (sự làm người đã lìa khỏi đi rồi).

24/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành **Bất Ly Duyên** (sự làm người chẳng có lìa khỏi).

Đích thị việc kết hợp 24 Pháp Duyên như đã vừa đề cập đến tại đây, ấy là Phương Pháp Phát Thú trong Tổng Hợp Duyên Hệ.

2. Hỏi: Hãy nói tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:

1/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa.

2/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi cùng câu sinh với nhau.

3/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).

4/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sinh trước.

5/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sinh đàng sau.

6/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành.

7/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người dẫn dắt.

8/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người thẩm thị Cảnh.

9/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người vẫn còn hiện hữu.

10/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người chẳng có lìa khỏi.

2. Đáp: Tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như sau:

1/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa có tên gọi là **Vô Gián Duyên.**

2/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi cùng câu sinh với nhau có tên gọi là **Câu Sinh Duyên.**

3/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận) có tên gọi là **Cận Y Duyên.**

4/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sinh trước có tên gọi là **Tiền Sinh Duyên.**

5/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sinh đàng sau có tên gọi là **Hậu Sinh Duyên.**

6/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành có tên gọi là **Nghiệp Lực Duyên.**

7/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người dẫn dắt có tên gọi là **Vật Thực Duyên.**

8/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành làm người thẩm thị Cảnh có tên gọi là **Thiền Na Duyên.**

9/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người vẫn còn hiện hữu có tên gọi là **Hiện Hữu Duyên.**

10/. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi làm thành người chẳng có lìa khỏi có tên gọi là **Bất Ly Duyên.**

3. Hỏi: Hãy trình bày kệ ngôn tổng hợp đề cập đến sáu nhóm Duyên Hệ với luôn cả lời dịch nghĩa.

3. Đáp: Kệ ngôn Tổng Hợp trình bày đến sáu nhóm Duyên Hệ, đó là:

Chadhā Nāmantu Nāmassa	**Pañcadhā Nāmarūpinaṃ**
Ekadhā puna rūpassa	**Rūpaṃ Nāmassa cekadhā**
PaññattiNāmarūpāni	**Nāmassa duvidhā dvayaṃ**
Dvayassa navadhā ceti	**Chabbidhā paccayā kathaṃ**

Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh. Bằng năm phương cách mà Danh liên hệ với Danh và Sắc. Bằng một phương cách mà Danh liên hệ với Sắc, và Sắc liên hệ với Danh. Bằng hai phương cách mà Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh. Bằng chín phương cách mà cả hai Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc. Như vậy những Pháp Duyên có được sáu nhóm liên hệ với nhau. Như thế nào ?"

Có nghĩa là: **Phân tích 24 Duyên ra thành nhiều nhóm, đó là:**

1. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được sáu Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc có được năm Duyên.
3. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có được một Duyên.
4. Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được một Duyên.
5. Chế Định, cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh có được hai Duyên.
6. Cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả hai Danh Sắc có được chín Duyên.

Tất cả Pháp Duyên được phân chia ra làm thành sáu nhóm đã có được như vầy.

4. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Anantaraniruddhā cittacetasikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetasikānaṃ dhammānaṃ anantara samanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena sahajātā cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sampayuttavaseneti ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti.**

4. Đáp: Dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như sau:

Anantaraniruddhā cittacetasikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetasikānaṃ dhammānaṃ anantarasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimā naṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahajātā cittacetasikā dhammā aññamaññaṃ sampa yuttavaseneti ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti - Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh, đó là: Những Tâm và Tâm Sở vừa mới diệt liên hệ với những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liền theo đó ngay trong hiện tại, thể theo phương cách Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên, và Ly Khứ Duyên. Những Tâm Đồng Lực sinh trước liên hệ với Tâm Đồng Lực sinh khởi theo liền kế sau, thể theo phương cách Trùng Dụng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở cùng sinh khởi câu hữu liên hệ với nhau, thể theo phương cách Hỗ Tương Duyên.

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, có được sáu Duyên đó là:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây sinh khởi và diệt mất một cách không có xen kẽ giữa, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Tâm và Tâm Sở mới sinh khởi nối tiếp liền kế sau, với mãnh lực từ nơi Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

- Những Tâm Đồng Lực đây sinh trước trước, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Tâm Đồng Lực sinh sau sau, với mãnh lực từ nơi Trùng Dụng Duyên.

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, với mãnh lực từ nơi Hỗ Tương Duyên.

5. Hỏi: Hãy trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu trong các nhóm tiếp theo đây:

1. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên.
3. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
4. Chế Định - Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
5. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.

5. Đáp: Trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu trong các nhóm được kể trên như sau:

1. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên có được năm Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Thiền Na Duyên, 3/. Đồ Đạo Duyên, 4/. Nghiệp Lực Duyên, 5/. Dị Thục Quả Duyên.

2. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên có được một Duyên, đó là: Hậu Sinh Duyên.

3. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên có được một Duyên, đó là: Tiền Sinh Duyên.

4. Chế Định cùng với Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên có được hai Duyên, đó là: 1/. Cảnh Duyên, 2/. Cận Y Duyên.

5. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên có được chín Duyên, đó là: 1/. Trưởng Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hỗ Tương Duyên, 4/. Y Chỉ Duyên, 5/. Vật Thực Duyên, 6/. Quyền Lực Duyên, 7/. Bất Tương Ưng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, và 9/. Bất Ly Duyên.

6. Hỏi: Hãy trình bày phân loại từ nơi Cảnh Duyên, và Cận Y Duyên; luôn cả nêu lên Chi Pháp và cả hai Duyên này liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ nào trong những sáu nhóm Duyên Hệ đấy vậy ?

6. Đáp: Trình bày phân loại từ nơi Cảnh Duyên và Cận Y Duyên, luôn cả nêu lên Chi Pháp cùng với việc liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ như sau:

Tattha rūpādivasena chabbidhaṃ hoti ārammaṇaṃ - Nơi đây, Cảnh có sáu, đó là Sắc, Thinh, Khí v.v. Trong cả hai Duyên đấy, thì Cảnh Duyên có được sáu thể loại, bởi do phân loại từ nơi Cảnh có Cảnh Sắc v.v.

Upanissayo pana tividho hoti ārammaṇūpanissayo anantarūpanissayo pakatū panissayo ceti - Thế nhưng, Cận Y Duyên chỉ có ba, đó là Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. [Còn Cận Y Duyên chỉ có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên].

+ Chi Pháp đó là: Tất cả Chế Định, Danh Sắc; và cả hai Duyên Hệ này được liệt kê vào ở trong nhóm Chế Định, Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.

7. Hỏi: Hãy trình bày phân loại từ Trưởng Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ nơi những thể loại Duyên đấy, là Pháp thuộc ở thể loại nhóm nào ?

7. Đáp: Trình bày phân loại từ Trưởng Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ những thể loại Duyên Hệ đấy, cùng với liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ như sau:

+ Trưởng Duyên có được hai thể loại Duyên, đó là:

Một thể loại, là Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, với mãnh lực từ nơi Cảnh Trưởng Duyên.

Một thể loại khác nữa, ấy là Cả Tứ Chi Trưởng có Dục v.v. cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ nơi Câu Sinh Trưởng Duyên.

8. Hỏi: Hãy trình Pháp Sở Duyên của Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên như tiếp theo đây:

1/. Tâm, Tâm Sở làm **Câu Sinh Năng Duyên.**

2/. Tứ Sắc Đại Hiển làm **Câu Sinh Năng Duyên.**

3/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm **Câu Sinh Năng Duyên.**

4/. Ý Vật Tái Sinh làm **Câu Sinh Năng Duyên.**

5/. Tâm, Tâm Sở làm **Hỗ Tương Năng Duyên.**

6/. Tứ Sắc Đại Hiển làm **Hỗ Tương Năng Duyên.**

7/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm **Hỗ Tương Năng Duyên.**

8/. Ý Vật Tái Sinh làm **Hỗ Tương Năng Duyên.**

9/. Tâm, Tâm Sở làm **Y Chỉ Năng Duyên.**

10/. Tứ Sắc Đại Hiển làm **Y Chỉ Năng Duyên.**

11/. Cả Lục Sắc Vật làm **Y Chỉ Năng Duyên.**

8. Đáp: Trình bày Pháp Sở Duyên của các Duyên Hệ: Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên, như sau:

1/. Tâm, Tâm Sở làm Câu Sinh Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở, Sắc Nghiệp Tái Sinh làm Câu Sinh Sở Duyên.

2/. Tứ Sắc Đại Hiển làm Câu Sinh Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiển, 24 Sắc Y Sinh làm Câu Sinh Sở Duyên.

3/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm Câu Sinh Năng Duyên; Sắc Ý Vật Tái Sinh làm Câu Sinh Sở Duyên.

4/. Ý Vật Tái Sinh làm Câu Sinh Năng Duyên; Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm Câu Sinh Sở Duyên.

5/. Tâm, Tâm Sở làm Hỗ Tương Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở làm Hỗ Tương Sở Duyên.

6/. Tứ Sắc Đại Hiển làm Hỗ Tương Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiển làm Hỗ Tương Sở Duyên.

7/. Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm Hỗ Tương Năng Duyên; Sắc Ý Vật Tái Sinh làm Hỗ Tương Sở Duyên.

8/. Ý Vật Tái Sinh làm Hỗ Tương Năng Duyên; Tứ Danh Uẩn Tái Sinh làm Hỗ Tương Sở Duyên.

9/. Tâm, Tâm Sở làm Y Chỉ Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm làm Y Chỉ Sở Duyên.

10/. Tứ Sắc Đại Hiển làm Y Chỉ Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiển, 24 Sắc Y Sinh làm Y Chỉ Sở Duyên.

11/. Cả Lục Sắc Vật làm Y Chỉ Năng Duyên; Thất Thức Giới làm Y Chỉ Sở Duyên.

9. Hỏi: Hãy trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, và Pháp Quyền Lực Sở Duyên như tiếp theo đây:

1/. Sắc thân làm **Vật Thực Sở Duyên.**

2/. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Sinh làm **Vật Thực Sở Duyên.**

3/. 10 Tâm Ngũ Song Thức làm **Quyền Lực Sở Duyên.**

4/. Sắc Y Sinh là Sắc Nghiệp Lực làm Quyền Lực Sở Duyên.

5/. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Sinh làm Quyền Lực Sở Duyên.

9. Đáp: Trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, Quyền Lực Sở Duyên có như sau:

1. Đoàn Thực, thực phẩm được cho làm thành từng miếng, làm Vật Thực Năng Duyên.
2. Cả Tam Danh Vật Thực Duyên có Xúc v.v. làm Vật Thực Năng Duyên.
3. Cả Ngũ Sắc Thanh Triệt làm Quyền Lực Năng Duyên.
4. Sắc Mạng Quyền Lực làm Quyền Lực Năng Duyên.
5. Bát Chi Pháp Danh Quyền Lực có Tâm Sở Mạng Quyền v.v. và Pháp Quyền Năng Duyên.

10. Hỏi: Hãy trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như tiếp theo đây:

1/. Tâm và Tâm Sở.

2/. Tứ Sắc Đại Hiển.

3/. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả ở trong Thời Kỳ Tái Sinh.

10. Đáp: Trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như sau:

1. Tâm và Tâm Sở có sáu hoặc bảy Duyên, đó là:

+ Đối với sáu Duyên thì gồm có: **1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Tương Ưng Duyên, 5/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.**

+ Hoặc có bảy Duyên thì gồm có: **1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên** (trong sát na nêu Tâm và Tâm Sở lên làm thành Dị Thục Quả Năng Duyên), **5/. Tương Ưng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.**

2. Tứ Sắc Đại Hiển thì có năm Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 5/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

3. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả trong Thời Kỳ Tái Sinh thì có sáu hoặc bảy Duyên, đó là:

+ Đối với sáu Duyên thì gồm có: **1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 5/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.**

+ Hoặc có bảy Duyên thì gồm có: **1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hỗ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên** (trong sát na nêu Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả lên làm Năng Duyên).

11. Hỏi: Cho trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ưng Duyên như tiếp theo đây:

1. Ý Vật Tái sinh làm Bất Tương Ưng Năng Duyên.
2. Tâm, Tâm Sở làm Bất Tương Ưng Năng Duyên.
3. Tâm, Tâm Sở sinh sau sau làm Bất Tương Ưng Năng Duyên.
4. Lục Sắc Vật ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi làm Bất Tương Ưng Năng Duyên.

11. Đáp: Trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ưng Duyên như sau:

1. Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Bất Tương Ưng Sở Duyên.
2. Sắc Tâm làm Bất Tương Ưng Sở Duyên.
3. Sắc sinh trước trước làm Bất Tương Ưng Sở Duyên.
4. Thất Thức Giới làm Bất Tương Ưng Sở Duyên.

12. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Pháp làm thành Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên ? Luôn cả nêu nền tảng **Pāḷi** lên để cho trình bày với (không cần phải dịch nghĩa).

12. Đáp: Từng mỗi Duyên có năm thể loại, như có nền tảng **Pāḷi** dẫn chứng cùng với lời dịch nghĩa như sau: **Sahajātaṃ purejātaṃ pacchājātañca sabbathā kabaḷīkāro āhāro rūpajīvitamiccayanti pañcavidho hoti atthipaccayo avigatapaccayo ca** - Bằng theo mọi phương cách liên hệ với Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thì có được năm thể loại Duyên, đó là: Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Đoàn Thực, và Sắc Mạng Quyền Lực.

Từng mỗi Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có được năm thể loại Duyên tùy theo mọi phương cách, đó là:

1. Do làm thành chủng loại Câu Sinh, có được một thể loại.
2. Do làm thành chủng loại Tiền Sinh, có được một thể loại.
3. Do làm thành chủng loại Hậu Sinh, có được một thể loại.
4. Do làm thành một thể loại Đoàn Thực, có được một thể loại.
5. Do làm thành một thể loại Sắc Mạng Quyền Lực, có được một thể loại.

13. Hỏi: Những thể loại Duyên nào tựu hội được hết tất cả các Duyên ? Và cho trình bày Sắc Pháp có tên gọi là **Sắc Câu Sinh (Sahajātarūpa).**

13. Đáp: Đó chính là **Ārammaṇūpanissayakammatthipaccayesu ca sabbepi paccayā samodhānaṃ gacchanti** - Tất cả mọi duyên hệ đều được bao gồm trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên.

Nếu sẽ phải trình bày Duyên Hệ bởi theo giản lược, thì tất cả những thể loại Duyên này thường được tập hợp vào trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên, hết cả thảy.

Sahajātarūpanti panettha sabbatthāpi pavatte cittasamuṭṭhānānaṃ paṭisandhi yaṃ kaṭattārūpānañca vasena duvidhaṃ hotīti veditabbaṃ - Nơi đây, Sắc câu sinh cần phải được hiểu theo hai phương cách: trong sự diễn tiến cuộc sống, thì cần phải hiểu là những Sắc Pháp do Tâm Xuất Sinh Xứ; và trong Thời Kỳ Tái Sinh thì cần phải hiểu là do Nghiệp Quá Khứ tạo ra.

Ghi chú: Trong Phương Pháp Phát Thú đây, chỗ nói rằng "Sắc Câu Sinh" ở trong hết tất cả chủng loại Câu Sinh đã được chia ra làm hai thể loại, đó là: bằng cách phân loại từ ở nơi Sắc Tâm sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và Sắc Nghiệp Lực sinh trong Thời Kỳ Tái Sinh. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vầy.

14. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

Iti tekālikā dhammā **Kālamuttā ca sambhavā**
Ajjhattañca bahiddhā ca **Saṅkhatāsaṅkhatā tathā.**
PaññattiNāmarūpānaṃ **Vasena tividhā ṭhitā**
Paccayā Nāma paṭṭhāne **Catuvīsati sabbathā.**

14. Đáp: Dịch nghĩa trong cả hai kệ ngôn trên như sau:

Iti tekālikā dhammā **Kālamuttā ca sambhavā**
Ajjhattañca bahiddhā ca **Saṅkhatāsaṅkhatā tathā.**
PaññattiNāmarūpānaṃ **Vasena tividhā ṭhitā**
Paccayā Nāma paṭṭhāne **Catuvīsati sabbathā.**

Như vậy, các Pháp sinh khởi thuộc ba Thời Kỳ hoặc vượt ngoài thời gian, nội và ngoại, hữu vi và vô vi, và chia ra thành ba thể loại: Chế Định, Danh và Sắc. Tất cả có 24 Duyên ở trong Phát Thú.

Bởi theo Phương Pháp như đã vừa được đề cập tại đây, tất cả Pháp được sinh trong cả ba Thời Kỳ và Ngoại Thời Kỳ, sinh trong Nội Bộ và Ngoại Bộ, là Hữu Vi và Vô Vi; hoặc đã phân loại từ nơi Chế Định, Danh và Sắc; những thể loại này được gọi tên là 24 Duyên ở trong Bộ Kinh Phát Thú bởi theo tất cả mọi trường hợp, và tùy theo thích hợp sẽ được hiện hành.

Ghi chú: Việc trình bày Phương Pháp Phát Thú một cách mãn túc thì đã có trong Bộ Kinh Đại Phát Thú một cách đặc biệt trong Khóa Trình Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

Kết Thúc Vấn Và Đáp Trong Phát Thú

----------00000----------

VẤN VÀ ĐÁP TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI)

1. Hỏi: Đoạn văn **Pāḷi** trình bày phân tích đến Danh, Sắc, Chế Định đấy đã trình bày như thế nào ? Và cho dịch nghĩa trong những từ ngữ **Pāḷi** như tiếp theo đây:

1/. Paññāpiyattā paññatti

2/. Paññāpanato paññatti

1. Đáp: Đoạn văn **Pāḷi** trình bày phân tích đến Danh Sắc, Chế Định có như sau: **Tattha rūpadhammā rūpakhandho ca cittacetasikasaṅkhātā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmanti ca pavuccati** - Nơi đây, Sắc Pháp là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp; và cũng được gọi là Danh.

Trong nội dung Tạng Vô Tỷ Pháp, chỗ gọi là Sắc Pháp ấy cũng chính là Sắc Uẩn vậy. Tứ Danh Uẩn là Tâm, các Tâm Sở, và Níp Bàn; tập hợp cả năm thể loại này lại thì gọi là Vô Sắc cũng được, là Danh cũng được.

+ Trình bày Chế Định (Paññatti):

Tato avasesā paññatti, sā pana paññāpiyattā paññatti, paññāpanato paññattīti ca duvidhā hoti - Ngoài ra các Pháp còn lại được gọi là Chế Định, gồm có hai thể loại: Chế Định như cái chi được biết đến; và Chế Định làm cho được biết đến.

Còn ngoài nội dung Danh Sắc ấy ra thì gọi là Chế Định. Và Chế Định này được chia ra làm hai thể loại: đó là:

1/. Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti), vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến với từng mỗi trường hợp sai khác; và

2/. Thinh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti) vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến nội dung với từng mỗi trường hợp sai khác.

2. Hỏi: Nghĩa Lý Chế Định có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả dịch nghĩa đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây:

Taṃ taṃbhū tavipariṇāmākāramupādāya tathā tathā paññattā bhāv pabbatādikā, sambhārasannivesākāramupādāya geharathasakaṭādikā, khandhapañca kamupādāya purisapuggalādikā, candāvaṭṭanādikamupādāya disākālādikā, asam phuṭṭhākāramupādāya kūpagūhādikā, taṃ taṃ bhū tanimittaṃ bhāvanāvisesañca upādāya kasiṇanimittādikā ceti, evamādippabhedā pana paramatthato avijjamānāpi atthachāyākārena cittuppādānamārarammaṇabhū tā, taṃ taṃ upādāya upānidhāya karaṇaṃ katvā tathā tathā parikappiyamānā saṅkhāyati samaññāyati voharīyati paññāpiyatīti paññatttīti pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyattā paññatti nāma.

2. Đáp: Dịch nghĩa đoạn văn **Pāḷi** trên như sau: "Có những từ ngữ như "đất"," núi", v.v. được gọi như vậy vì thể thức biến trạng của Tố Chất; những từ ngữ như "nhà", "xe cộ" v.v. được gọi như vậy vì thể thức kết hợp của các vật dụng; những từ ngữ như "người", "hữu tình" v.v. được gọi như vậy vì thể theo Ngũ Uẩn; những từ ngữ như "phương hướng", "thời gian" v.v. được gọi như vậy vì thể thức vận chuyển của mặt trăng,v.v.; những từ ngữ như "giếng nước", "hang động" v.v. được gọi như vậy vì thể thức bất xúc chạm; những từ ngữ

như biến xứ tướng (đề mục hoàn tịnh) được gọi như vậy vì sự sai biệt của các phương cách tu tập, và vì đặc tướng sai biệt của các Đại Hiển. Tất cả các sự sai biệt như vậy, thể theo ý nghĩa cùng tột của Chân Đế, quả thật bất hiện hữu, tuy nhiên đã trở thành những đối tượng của Tâm dưới hình thức những hình bóng của sự vật. Những sự vật ấy được gọi là "Chế Định" vì người ta nghĩ tưởng đến, được nhận thức, được thấu hiểu, được biểu lộ; và đã làm cho được hiểu biết vì lý do, vì nguyên nhân, vì đối với thể thức này, thể thức khác. Chế Định được gọi như vậy vì chúng được làm cho hiểu biết như vậy."

+ Có bảy phân loại Nghĩa Lý Chế Định với những ý nghĩa như sau:

1/. Hình Thức Chế Định (Saṇṭhānapaññatti): Có mặt đất, núi đồi v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "mặt đất", "núi đồi" v.v. là cũng do dựa vào những biến trạng hiện hành của Tứ Sắc Đại Hiển.

2/. Hiệp Thành Chế Định (Samūhapaññatti): Có nhà cửa, xe cộ, xe bò v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "nhà cửa", "xe cộ", "xe bò", v.v., là cũng do dựa vào trạng thái tập hợp, hội tựu từ ở nơi các vật thể vào với nhau.

3/. Chúng Sinh Chế Định (Satvāpaññatti): Có người nam, nhân loại v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "người nam", "nhân loại" v.v. là cũng do dựa vào cả Ngũ Uẩn.

4/. Phương Hướng Chế Định (Disāpaññatti): Có hướng Đông v.v. và

5. Thời Gian Chế Định (Kālapaññatti): Có buổi sáng v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "hướng đông", "buổi sáng" v.v. là cũng do dựa vào việc xoay theo quỹ đạo, luân chuyển tuần hoàn theo chiều kim đồng hồ quanh Tu Di Sơn, của những tinh tú thiên thể, của mặt trời, mặt trăng.

6. Hư Không Chế Định (Ākāsapaññatti): Có hố giếng, hang động v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "hố giếng", "hang động" v.v. là cũng do dựa vào cả Tứ Sắc Đại Hiển không được tiếp xúc với nhau.

7. Hình Tướng Chế Định (Kasiṇapaññatti) và **Trẫm Triệu Chế Định (Nimitta paññatti):** Có **Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)** v.v. đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là "Chuẩn Bị Tướng" v.v. là cũng do dựa vào sự hiện hành một cách đặc biệt nương theo tuần tự từ ở nơi Tu Tập, có Chuẩn Bị Tướng v.v.

A. 3. Hỏi: Hãy giảng giải trong Thất Nghĩa Lý Chế Định có Hình Thức Chế Định, v.v.

3. Đáp: Phân loại từ Nghĩa Lý Chế Định, thì có Hình Thức Chế Định v.v. như đã vừa đề cập đến đây, cho dù sẽ chẳng có hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý đi nữa, tuy nhiên:

1/. Đã trở thành đối tượng của Tâm và Tâm Sở dưới hình thức là hình bóng của Pháp Siêu Lý, có những Sắc Tứ Đại Hiển v.v.

2/. Đã trở thành Chế Định của tất cả các Bậc Hiền Trí cần phải nắm bắt giữ lấy cho việc nghiên cứu thẩm sát với những trường hợp sai khác. Bởi do nương vào các vật dụng ấy cũng có, dựa vào việc tỷ dụ so sánh cũng có, làm thành nguyên nhân, lý do để mà định đặt tên gọi cho được đúng đắn; và làm cho tất cả dân gian cũng được hiểu biết, cho được nói năng

với nhau, cho được người khác hiểu biết; và chính vì thế, những thể loại danh từ "đất", "núi", "nhà" v.v. này đây mới gọi là **Chế Định.**

Bản chất của Pháp Chế Định v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, được gọi tên là **Nghĩa Lý Chế Định;** là vì làm thành Chế Định cho được biết đến nội dung một cách thích hợp bởi theo những trường hợp sai khác.

Trong câu nói rằng **Evamādippabhedā** được dịch nghĩa **Phân loại từ nơi Nghĩa Lý Chế Định**, có Hình Thức Chế Định v.v. Có nghĩa Nghĩa Lý Chế Định như đã vừa đề cập ở tại đây vẫn chưa có hết, vẫn còn hiện hữu thêm rất nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như **(13) Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti), (14) Sổ Tức Chế Định (Ānāpānapaññatti), (15) Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti), (16) Chấp Thủ Chế Định (Upādānapaññatti),** là những Pháp Chế Định đã nương nhờ vào Pháp Siêu Lý. Việc trình bày đặt để ở trong **Bộ Chú Giải Nhân Chế Định (Puggalapaññatti Atthakathā)** thì **(17) Tỷ Giảo Chế Định (Upanidhāpaññatti)** là Chế Định trong việc so sánh, chẳng hạn như nói rằng "thứ nhất", "thứ nhì", "thứ ba", hoặc "dài", "ngắn", "lớn", "nhỏ" v.v.

Những Pháp Chế Định như đã vừa đề cập đến đây, một khi đã thẩm sát đến Thực Tính ắt hẳn là không có; chẳng hạn như chỗ gọi là "mảnh đất" thì tất cả mọi người thường được hiểu với nhau rằng trạng thái của đất ấy là "một miếng", là "một mảnh" và chính vì vậy mới gọi với nhau là "mảnh đất". Tuy nhiên sự thật thì không có "mảnh đất", mà chỉ có **Khối Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** hoặc gọi là **Nguyên Tố Sắc Pháp (Rūpaparamāṇū)** đã tập hợp vào nhau mà thôi. Còn Nghĩa Lý Chế Định hữu quan với Hữu Tình Nhân Loại thì chỉ có Nguyên Tố Sắc Pháp và Tâm Tâm Sở mà thôi. Thế nhưng những thể loại Pháp Nghĩa Lý Chế Định này đây, hiện bày cho Tâm và Tâm Sở có được liễu tri, cũng chính là bởi do nương vào việc bảo chứng của Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Triết một khi sẽ định danh cho các sự vật ở trong thế gian này, thì cũng cần phải nương vào việc nghiên cứu thẩm sát trạng thái đặc tính của từng mỗi sự vật ấy, hoặc sẽ nương vào việc so sánh tỷ giảo giữa các sự vật ấy với nhau, cho làm thành cơ sở, và việc ấy được gọi **Chuyển Hình Tướng (Pavattanimitta)** của Nghĩa Lý Chế Định. Thế rồi mới định đặt tên gọi cho các sự vật ấy lên, và những tên gọi đã được định danh lên rồi đấy, cũng chính là việc định danh một cách đúng đắn; bởi do thế, tất cả mọi con người mới hiểu biết được, gọi tên với nhau được, làm cho người khác hiểu biết được suốt trọn từng mỗi ngày.

4. Hỏi: Thinh Danh Chế Định có bao nhiêu phân loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu thí dụ điển hình để trình bày với.

4. Đáp: Thinh Danh Chế Định đây có sáu phân loại, đó là:

1/. Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānapaññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định),

2/. Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānapaññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định),

3/. Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenaavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định),

4/. Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānenavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

5/. Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

6/. Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānena avijjamāna paññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định).

+ Trình bày việc nêu lên thí dụ trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định:

Tattha yadā pana paramatthato vijjamānaṃ rūpavedandiṃ etāya paññāpenti tadāyaṃ vijjamānapaññatti - Nơi đây, khi dùng danh từ để chỉ những sự vật thật sự hiện hữu như "Sắc", "Thọ" v.v như vậy gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**

Trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định, khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên "Sắc", "Thọ" v.v. hiện bày hiện hữu với sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**

Yadā pana paramatthato avijjamānaṃ bhāva pabbatādiṃ etāya paññāpenti tadāyaṃ avijjamānapaññattīti pavuccati - Khi dùng danh từ để chỉ những sự vật không thật sự hiện hữu như "mặt đất", "núi đồi" v.v. như vậy gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên "mặt đất", "núi đồi", v.v., không có hiện bày sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Abhinnaṃ pana vomissakavasena sesā yathākkamaṃ chaḷabhiñño atthīsaddo cakkhuviññāṇaṃ rājaputtoti ca veditabbā - Các Chế Định còn lại cần phải hiểu biết bằng cách tuần tự phối hợp cả hai, tỷ dụ như "bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí", "tiếng nói của người nữ", "Nhãn Thức", "Hoàng Tử" v.v.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bốn Thinh Danh Chế Định còn lại bằng cách tuần tự phối hợp với cả hai phân loại nội dung, đó là: Hiện Hữu Chế Định và Bất Hiện Hữu Chế Định; chẳng hạn như "Bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí", "âm thinh nữ nhân", "Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Vật sinh", "con trai của vị vua" v.v.

5. Hỏi: Chỉ duy nhất Thinh Danh Chế Định mà đã được gọi thành bao nhiêu tên gọi ? Là những chi ? Luôn cả trình bày ý nghĩa.

5. Đáp: Trình bày chỉ duy nhất Thinh Danh Chế Định mà đã được gọi tên thành sáu phân loại có được như vầy:

Paññāpanato paññatti pana nāmanāmakammādināmena paridīpitā - Vì chúng làm cho hiểu biết như vậy, nên được gọi là "Chế Định"; chúng được diễn tả theo hai thể loại: Danh hoặc do Danh làm ra, v.v." Bậc Hiền Trí nên trình bày Thinh Danh Chế Định cho được hiểu biết nội dung với những trường hợp sai khác thể theo sáu phân loại tên gọi, có Danh, Định Danh v.v. đó là:

1/. Danh Từ (Nāma): Là những tên gọi có Thực Tính dẫn đến nội dung, tức là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau.

2/. Định Danh (Nāmakamma): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại kêu gọi với nhau, chẳng hạn gọi là "mặt đất", "núi đồi" v.v.

3/. Biệt Tự (Nāmadheyya): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại định đặt tên gọi dùng cho đến mỗi ngày; chẳng hạn định đặt tên gọi là "mặt đất", "núi đồi" v.v.

4/. Từ Nguyên (Nirutti): Là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái nghĩ suy thẩm sát gọi tên các sự vật cho được hiện khởi lên.

5/. Mẫu Tự (Byañjana): Là Danh Chế Định có khả năng trình bày nội dung là Nghĩa Lý Chế Định cho được hiện khởi lên.

6/. Thoại Thuyết (Abhilāpa): Là Danh Chế Định mà người ta nói chuyện với nhau, thường trực tiếp nhắm đến nội dung để cho cuộc trò chuyện được khởi lên.

A. 6. Hỏi: Hãy giảng giải trong cả sáu phân loại Thinh Danh Chế Định.

6. Đáp: Giải thích trong cả sáu phân loại Thinh Danh Chế Định hoặc Danh Chế Định như sau:

1. Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānapaññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng "Sắc", "Thọ", "Tưởng", "Hành", "Thức", "Níp Bàn" v.v. Hoặc khi nói một cách tóm tắt thì đấy chính là lời nói hữu quan với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn ấy vậy. Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Vijjamānassa paññatti = Vijjamāna paññatti** - Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu ấy là **Hiện Hữu Chế Định.**

2. Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānapaññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng "đất đai lãnh thổ", "núi đồi", "cây cối", "sông nước", "đại dương", "căn nhà", "người nam", "người nữ" v.v.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānassa paññatti = Avijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu ấy là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

3. Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenaavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Lục Thắng Trí (Chaḷābhiññō), Tam Minh (Tevijjo), Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidappatto), Thất Lai (Sotapanno).** Và những thể loại ngôn từ này nhắm đến bao gồm những hạng Người: **Bậc Lục Thắng Trí (Chaḷābhiññapuggala), Bậc Tam Minh (Tevijjapuggala), Bậc Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisa bhidapattopuggala), Bậc Thất Lai (Sotapannopuggala).**

Từ ngữ nói rằng: Lục Thắng Trí: Sáu Thắng Trí; Tam Minh: Ba Minh; Vô Ngại Giải : Trí Vô Ngại Giải; Thất Lai: Quả Thất Lai; và những thể loại từ ngữ này có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn từ ngữ **Người (Puggala)** là không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày; bởi do thế những từ ngữ nói rằng "Bậc Lục Thắng Trí" v.v. đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Vijjamānena avijjamānassa paññatti = Vijjamānenaavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

Trong những từ ngữ "Lục Thắng Trí", "Tam Minh" v.v. ở phần Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định đây, khi đã được dịch theo Việt Ngữ sẽ phải nói là "Bậc đã được chứng đắc Lục Thắng Trí", "Bậc đã được chứng đắc Tam Minh" v.v. Bởi do thế, từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt ngữ đây mới xoay trở lại thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.**

4. Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānenavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Âm thanh người nữ (Itthīsaddo), Sắc vàng (Suvaṇṇavaṇṇo), Hương bông hoa (Pupphagandho)** v.v. Những thể loại từ ngữ như **Itthī:** người nữ; **Suvaṇṇa:** vàng; **Puppha:** bông hoa, đây không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn những thể loại từ ngữ như **Saddo:** âm thanh; **Vaṇṇo:** màu sắc; **Gandho:** hương thơm, đây có Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, những thể loại từ ngữ như nói rằng **Âm thanh người nữ (Itthīsaddo)** v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānena vijjamānassa paññatti = Avijjamānenavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.**

Còn ở trong phần Việt Ngữ thì nói rằng "âm thanh của người nữ", "sắc vàng", "hương bông hoa", v.v., bởi do thế từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt Ngữ đây mới xoay trở lại thành Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.

5. Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamānenavijjamāna paññatti) (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇaṃ)**: Thức nương vào Nhãn Căn khởi sinh; **Nhãn Phủ Xúc (Cakkhusamphasso):** Việc tiếp xúc ở Lộ Nhãn Môn, v.v. Những thể loại từ ngữ như **Cakkhupasādo:** Nhãn Thanh Triệt; **Viññāṇaṃ:** Thức; **Phasso:** Tâm Sở Xúc, này đây đều có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng **Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇaṃ)** v.v. này đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Vijjamānena vijjamānassa paññatti = Vijjamānenavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.**

6. Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamānena avijjamāna paññatti) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng **Con trai Đức Vua (Rājaputto), Cháu nội trai Đức Vua (Rājanattā), Vợ bá hộ (Seṭṭhibhariyā), Chị cả (Jeṭṭhabhaginī)** v.v. Những thể loại từ ngữ như **Rāja:** Đức Vua; **Putto:** con trai; **Nattā:** cháu nội trai; **Seṭṭhī:** bá hộ; **Bhariyā:** người vợ; **Jeṭṭha:** người anh; **Bhaginī:** người em v.v. này đây đều không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng **Con trai Đức Vua (Rājaputto)** v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.** Như trình bày câu Chú Giải rằng: **Avijjamānena avijjamānassa paññatti = Avijjamānenaavijjamānapaññatti** - Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.**

7. Hỏi: Cho dịch nghĩa trong đoạn văn **Pāḷi** như tiếp theo đây: **Sā vijjamānapaññat ti avijjamānapaññatti, vijjamānenaavijjamāna paññatti, avijjamānenavijjamāna paññatti, vijjamānenavijjamānapaññatti, avijjamānenaavijjamānapaññatti, ceti chabbi dhā hoti.**

7. Đáp: Dịch nghĩa sáu phân loại của Thinh Danh Chế Định có như vầy: **Sā vijja mānapaññatti avijjamānapaññatti, vijjamānenaavijjamāna paññatti, avijjamānenavij jamānapaññatti, vijjamānenavijjamānapaññatti, avijjamānenaavijjamānapaññatti, ceti chabbidhā hoti** - Thinh Danh Chế Định có sáu phân loại: Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.

8. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn trình bày đến việc liễu tri đến cả hai Pháp Chế Định, và việc sinh khởi của Thinh Danh Chế Định.

8. Đáp: Kệ ngôn trình bày việc liễu tri đến cả hai Thinh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định và cái nguyên nhân đầu tiên làm Danh Chế Định hiện khởi:

Vacīghosānusārena Sotaviññāṇavīthiyā
Pavattānantaruppanna Manodvārassa gocarā.
Atthā yassānusārena Viññāyanti tato paraṃ
Sāyaṃ paññatti viññeyyā Lokasaṅketanimmitā .

Khi một tiếng nói được phát lên thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết theo quan điểm của Thế Tục.

9. Hỏi: Cho giảng giải trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

Vacīghosānusārena Sotaviññāṇavīthiyā

Pavattānantaruppanna Manodvārassa gocarā.
Atthā yassānusārena Viññāyanti tato paraṃ
Sāyaṃ paññatti viññeyyā Lokasaṅketanimmitā .

9. Đáp: Kệ ngôn trình bày việc liễu tri đến cả hai Thinh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định và cái nguyên nhân đầu tiên làm Danh Chế Định hiện khởi:

Tất cả mọi người đã được liễu tri đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là từng các sự vật, những sự kiện do bởi hiện hành nương theo Thinh Danh Chế Định ở phía đàng sau **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahaṇavithī).** Thinh Danh Chế Định đã là Cảnh, là đối tượng của Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng sinh khởi trong sự tuần tự từ nơi **Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithī),** và **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahaṇavithī), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggaṇavithī)** đã sinh khởi hiện hành nương theo tiếng nói ấy. Tất cả các Học Giả cần phải thấu hiểu Thinh Danh Chế Định ấy là của các Bậc Triết Giả, thường đã được định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

Kết Thúc Vấn Và Đáp Trong Chế Định

----------00000----------

LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ)

Iminā puññakammena Buddho homi anāgate
Yattha yattha bhave jāto Mā daliddo bhavāmahaṃ

Với mãnh lực từ Thiện Sự sinh khởi của việc soạn tác kinh điển này, xin cho Bần Đạo đạt được **Trí Hạnh (Puññādhika)** của Bậc Tuệ Toàn Giác ở trong thời gian vị lai; và xin cho Bần Đạo không phải là người nghèo khổ trong những kiếp sống vị lai.

Apattaṃ yāva buddhattaṃ Paññādhikaṃ bhavāmihaṃ
Jātisaraṇāṇikova Jeṭṭhaseṭṭho nirantaraṃ

Chừng nào Tuệ Chí Thượng Giác Hữu của Bần Đạo vẫn chưa đạt thành kết quả, thì xin cho Bần Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ làm thành vật truy niệm luôn mãi ở trong mọi kiếp sống **(Anussaranañāṇa – Truy Niệm Trí).**

Kareyyaṃ gāravaṃ garuṃ Māneyyaṃ mānanāraham
Vandeyyaṃ vandanrahaṃ Pūjeyyaṃ pūjanāraham

Xin cho Bần Đạo được quý trọng Bậc đáng quý trọng, xin cho Bần Đạo được tôn kính Bậc đáng tôn kính, xin cho Bần Đạo được lễ bái Bậc đáng lễ bái, xin cho Bần Đạo được cúng dường Bậc đáng cúng dường.

----------00000----------

Bảng Chính Phương: Tóm Lược Pháp Liên Quan Tương Sinh

Phần thứ I	Phần thứ II	Phần Thứ III				Phần thứ IV	Phần thứ V	Phần thứ VI	Phần thứ VII
Tam Thời Kỳ	12 Chi Phần	20 Hành Tướng				Tam Liên Kết	Tứ Tóm Lược	Tam Luân Hồi	Nhị Căn Nguyên
		Nhân Quá Khứ	Quả Hiện Tại	Nhân Hiện Tại	Quả Vị Lai				
Q. K.	V. M.	1		4			1	P.N.L.	V. M.
"	Hành	2		5		*	1	N. L.	
						1 L K.			
H. T.	Thức		1		1	*	2	D.T L.	
"	D. Sắc		2		2		2	"	
"	6 Xứ		3		3		2	"	
"	Xúc		4		4		2	"	
"	Thọ		5		5	*	2	"	
						1 L K.			
"	A. D.	3		1		*	3	P.N L.	A. D.
"	C. Thủ	4		2			3	"	
"	Hữu	5		3		*	3	N. L.	
						1 L.K.		D.T.L.	
V. L.	Sinh					*	4	D.T L.	
"	L.Mại Tử						4	"	

Ghi chú: Hữu được phân ra làm hai, đó là: **Nghiệp Hữu** gọi là **Nghiệp Luân Hồi;** và **Sinh Hữu** gọi là **Dị Thục Quả Luân.**

Kết Thúc Liên Quan Tương Sinh Minh Giải
Và Giản Lược 24 Duyên Hệ

KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ VIII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

Có Năm Nguyên Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Kiên Trụ:

"Này Chư Tỳ Khưu, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm nơi **Chánh Pháp (Saddhamma),** và thế nào là năm điều Pháp ? Đó là:

1. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, thường luôn lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.

2. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.

3. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.

4. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.

5. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp rồi thực hành với tâm tùy tầm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khưu, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm của Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - **Aṅguttaranikāyapañcanipāta**)

Có Năm Nguyên Nhân Làm Chánh Pháp Bị Thối Giảm:

Này Chư Tỳ Khưu, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm ở nơi Chánh Pháp **(Saddhamma),** và thế nào là năm điều Pháp ? Đó là:

1. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, không lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.

2. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, không học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.

3. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, không ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.

4. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, không suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.

5. Vị Tỳ Khưu ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp, thế rồi không thực hành với tâm tùy tầm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khưu, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm từ nơi Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - **Aṅguttaranikāyapañcanipāta**)

----------00000----------

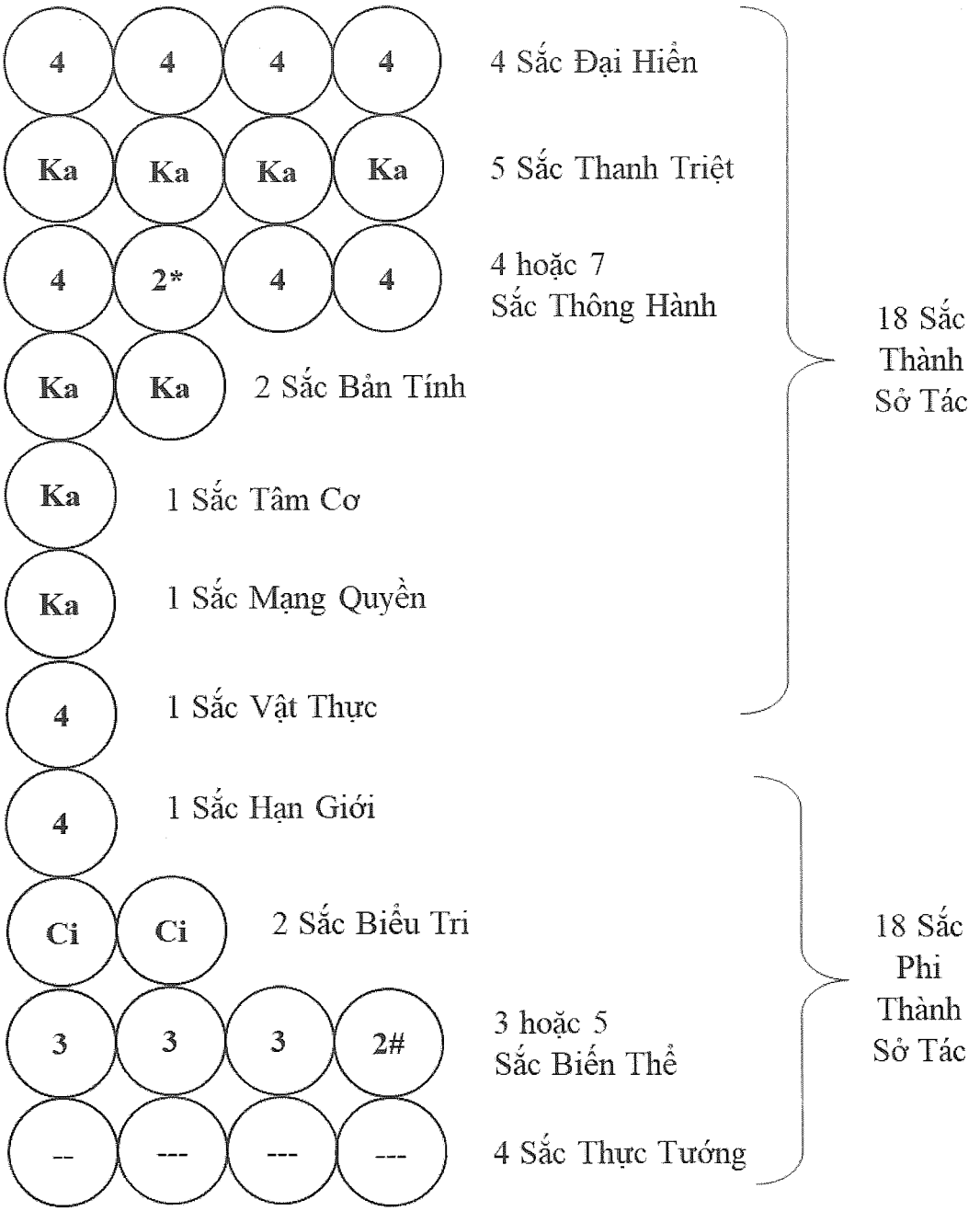

[***Chú thích***: **Ka**: Nghiệp Xuất Sinh Xứ / **Ci**: Tâm Xuất Sinh Xứ
4: Sắc Pháp được khởi sinh từ nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ, tức là sinh từ ở Nghiệp cũng được, Tâm cũng được, Quý Tiết cũng được, Vật Thực cũng được.
3: Sắc Pháp được khởi sinh từ nơi ba Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.
2*: Cảnh Thinh được khởi sinh từ nơi hai Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức và Quý Tiết.
2#: 2 Sắc Biểu Tri được khởi sinh từ nơi Tâm Xuất Sinh Xứ.]

Bản Đồ Trình Bày Việc Phân Tích Tâm Theo 7 Thể Loại Sắc Tâm

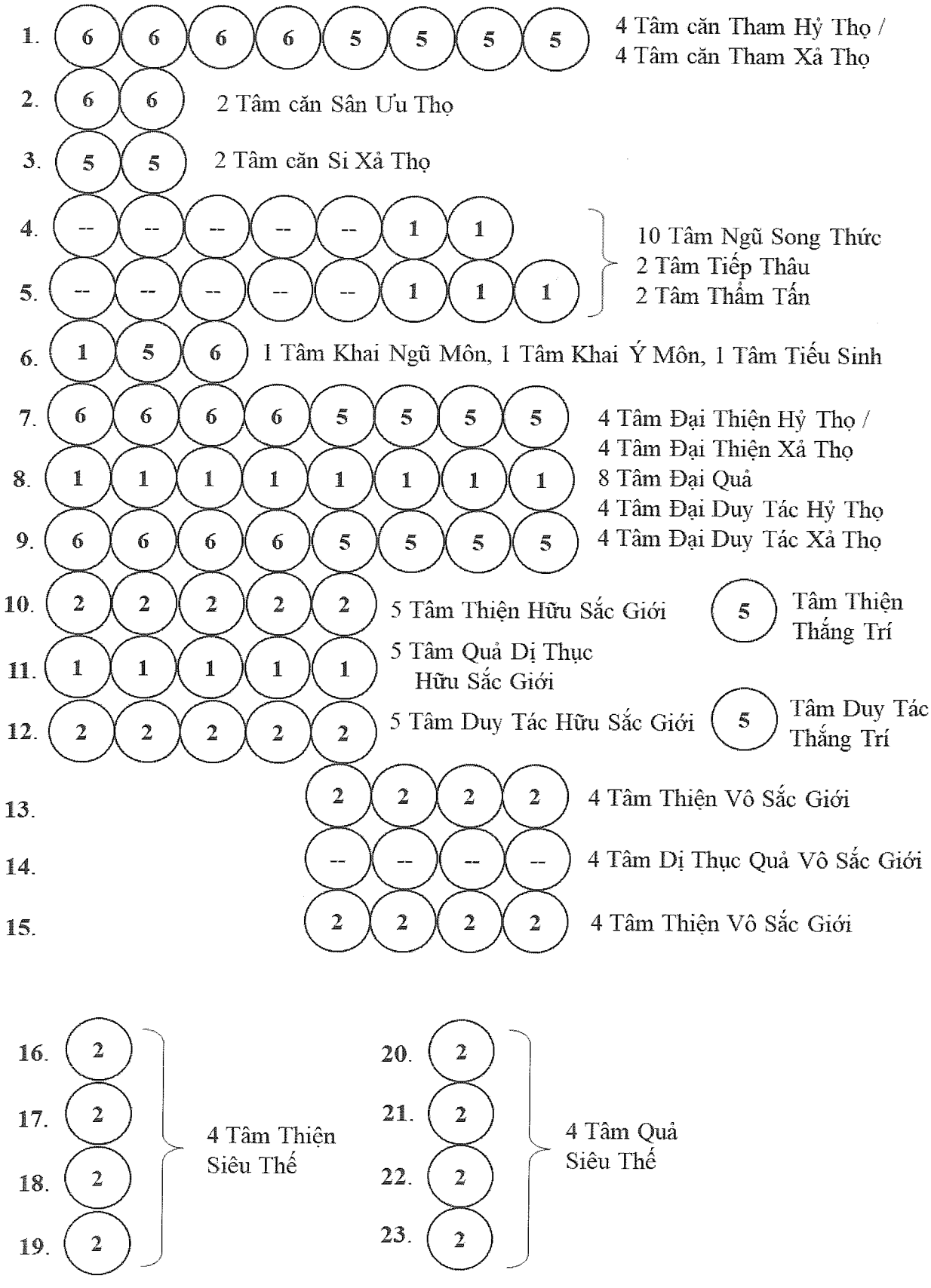
1. 6 6 6 6 5 5 5 5
4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ /
4 Tâm căn Tham Xả Thọ
2. 6 6
2 Tâm căn Sân Ưu Thọ
3. 5 5
2 Tâm căn Si Xả Thọ
4. -- -- -- -- -- 1 1
5. -- -- -- -- -- 1 1 1
10 Tâm Ngũ Song Thức
2 Tâm Tiếp Thâu
2 Tâm Thẩm Tấn
6. 1 5 6
1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh
7. 6 6 6 6 5 5 5 5
8. 1 1 1 1 1 1 1 1
9. 6 6 6 6 5 5 5 5
4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ /
4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ
8 Tâm Đại Quả
4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ
4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ
10. 2 2 2 2 2
11. 1 1 1 1 1
12. 2 2 2 2 2
5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới
5 Tâm Quả Dị Thục
Hữu Sắc Giới
5 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới
5
Tâm Thiện
Thắng Trí
5
Tâm Duy Tác
Thắng Trí
13. 2 2 2 2
14. -- -- -- --
15. 2 2 2 2
4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới
4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới
16. 2
17. 2
18. 2
19. 2
4 Tâm Thiện
Siêu Thế
20. 2
21. 2
22. 2
23. 2
4 Tâm Quả
Siêu Thế

		(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1. Lobha (Taṇhā): Tham(Ái)	**9**	+	+	+	+	+	+	+	+	+
2. Ditthi: Tà Kiến	**8**	+	+	+	+	+		+	+	+
3. Avijjā (Moha): Vô Minh(Si)	**7**	+	+	+			+	+	+	+
4. Patigha (Dosa): Phẫn (Sân)	**5**				+		+	+	+	+
5. Vicikicchā (Kankhā): Nghi	**4**						+	+	+	+
6. Māna: Ngã Mạn	**3**							+	+	+
7. Uddhacca: Trạo Cữ	**3**						+		+	+
8. Thīna: Thụy Miên	**2**						+			+
9. Kukhucca: Hối Quá	**1**						+			
10. Middha: Hôn Trầm	**1**						+			
11. Ahirika: Vô Tàm	**1**									+
12. Anottappa: Vô Quý	**1**									+
13. Issā: Tật Đố	**1**								+	
14. Macchariya: Lận Sắc	**1**								+	

(1) **Āsava** (Lậu Hoặc); (2) **Ogha** (Bộc Lưu); (3) **Yogā** (Ách Phược); (4) **Ganthā** (Hệ Phược); (5) **Upādāna** (Chấp Thủ); (6) **Nīvarana** (Triền Cái); (7) **Anusaya** (Tùy Miên); (8) **Samyojana** (Kiết Sử); (9) **Kilesā** (Phiền Não)

			(a)	*(b)*	*(c)*	*(d)*	*(e)*	*(f)*	*(g)*
1	**Viriya**: Tinh-Tấn (Cần)	**9**		+4	+	+	+	+	+
2	**Sati:** Niệm	**8**	+4			+	+	+	+
3	**Paññā**: Trí Tuệ	**5**			+	+	+	+	+
4	**Samādhi**: Định	**4**				+	+	+	+
5	**Saddhā**: Tín	**2**				+	+		
6	**Sankappa**: Tư Duy	**1**							+
7	**Passaddhi**: Khinh An	**1**						+	
8	**Pīti**: Hỷ Lạc	**1**						+	
9	**Upekkhā**: Xả	**1**						+	
10	**Chanda**: Dục	**1**							
11	**Citta**: Tâm	**1**							
12	**Sammāvācā**: Chánh Ngữ	**1**							+
13	**Sammākammanto**: Chánh Nghiệp	**1**							+
14	**Sammā ājīvo**: Chánh Mạng	**1**							+

(a) Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ); (b) **Sammappadhāna** (Chánh Cần); (c) **Iddhipāda** (Thần Túc); (d) **Indrīya** (Quyền Lực); (e) **Bala** (Năng Lực); (f) **Bojjhaṅga** (Giác Chi); (g) **Maggaṅga** (Chi Đồ Đạo)

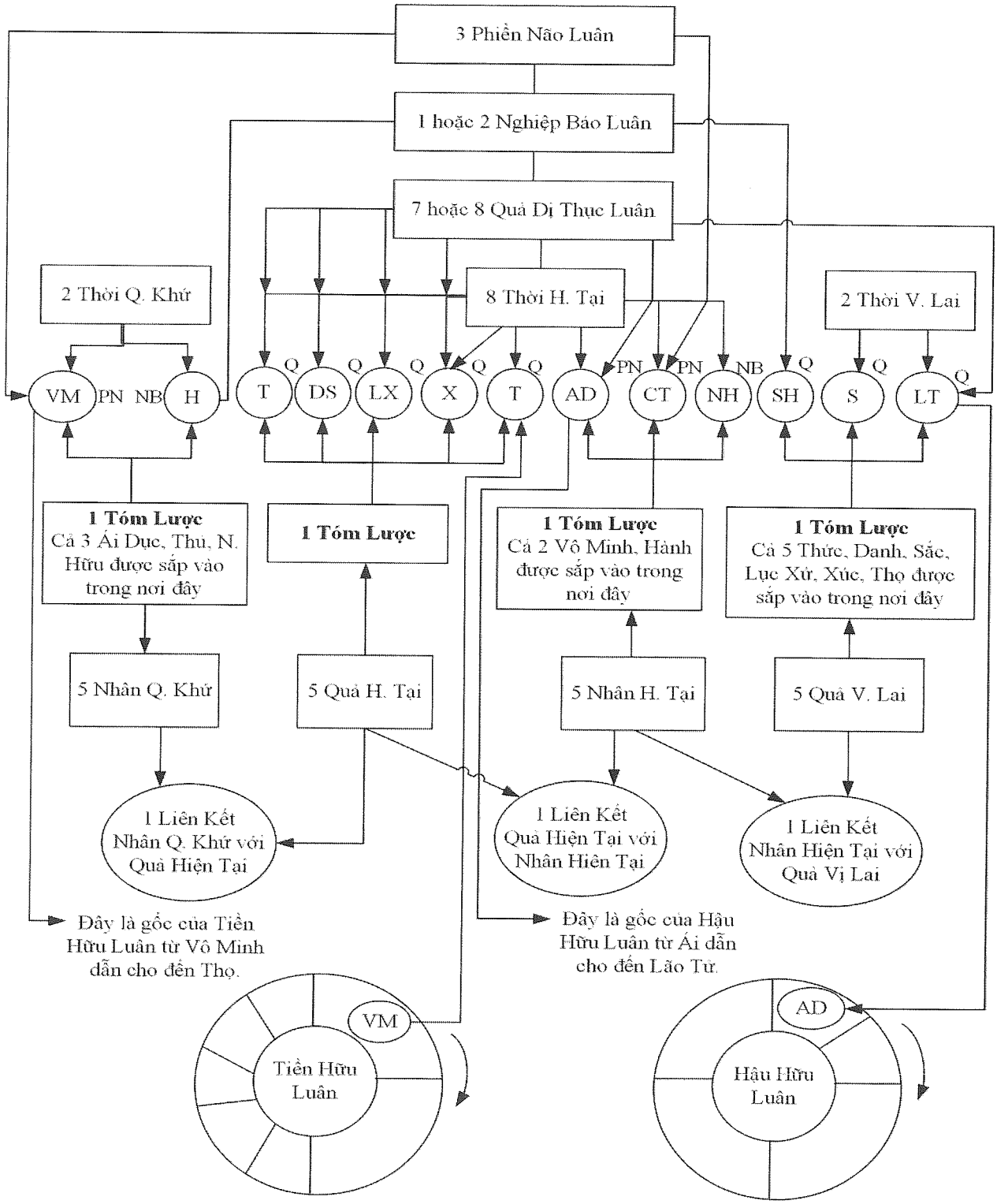

Ghi chú:

- **VM:** Vô Minh **(Avijjā)** thuộc Phiền Não **(PN)**
- **H:** Hành **(Saṅkhāra)** thuộc Nghiệp Báo **(NB)**
- **T:** Thức **(Viññāṇa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **DS:** Danh Sắc **(Nāmarūpa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **LX:** Lục Xứ **(Saḷāyatana)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**
- **X:** Xúc **(Phassa)** thuộc Dị Thục Quả **(Q)**

- **T:** Thọ (**Vedanā**) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **AD:** Ái Dục (**Taṇhā**) thuộc Phiền Não (**PN**)
- **CT:** Chấp Thủ (**Upādāna**) thuộc Phiền Não (**PN**)
- **NH:** Nghiệp Hữu (**Kammabhava**) thuộc Nghiệp Báo (**NB**)
- **SH:** Sinh Hữu (**Uppattibhava**) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **S:** Sinh (**Jāti**) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **LT:** Lão Tử (**Jāramaraṇa**) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)

----------00000----------

Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh
Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên
Nhạn quá quan san dong dực quyện
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu
Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân
Mao tiết lưu phương cập hậu côn
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự
Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân.
Long xà đáo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cái di
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời

----------00000----------

PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP

(Do Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự** Soạn Tác)

BÀI TỤNG LỄ PHẬT VÔ DƯ Y NÍP BÀN

Chúng ta đã quy y Chánh Giác
Đấng Thế Tôn Giáo Chủ hiện nay
Dạy truyền Chánh Pháp quý thay,
Hài lòng thật đáng bậc Thầy cao siêu.
Sinh tại xứ Trung Ương Thế Giới,
Giữa trong vòng Nhân Loại mở mang,
Cồ Đàm là giống cao sang,
Trong dòng họ Thích con hàng Đại Vương.

Xuất gia đã vì phương cứu thế,
Đắc Đạo mầu Toàn Giác tột ngôi,
Không còn một kẻ sánh bằng,
Đủ đầy công đức khỏi phần hoài nghi.
Hiệu Ứng Cúng nêu trừ phiền não,
Thật phước điền quý báu đáng trồng.
Biết cùng hiểu tột khắp thông,
Chánh Biến Tri hiệu đâu không rõ ràng.
Minh Hạnh Túc tượng trưng hai Pháp,
Thập Ngũ Hành lại với Bát Minh.
Thiện Thệ tốt khéo hành trình,
Níp Bàn thẳng tới tịnh minh tuyệt nguồn.
Thế Gian Giải trong đời đều tỏ,
Chẳng một chi lớn nhỏ không tường.
Tế độ người đáng đủ phương,
Hiệu Vô Thượng Sĩ phô trương với cùng.
Thêm Điều Ngự Trượng Phu liên tiếp,
Trạng giúp người duyên hiệp hữu căn.
Thiên Nhân Sư hiệu chỉ phần,
Làm Thầy ba Cõi dạy răng lợi đời.
Hiệu Phật Đà vì Ngôi thức tỉnh,
Đã khỏi trong phiền não giấc nồng.
Thế Tôn hiệu chót do lòng,
Từ Bi thuyết Pháp lưu thông độ đời.
Pháp Tam Tạng Thế Tôn Ngài thuyết,
Học đại truyền tế độ nhân sinh
Pháp Hành Giới Định Huệ Minh
Người tu thấy rõ đạt trình tự ta.
Phát hành Đạo Quả sinh liên tiếp,
Không chậm chầy cách hở thì giờ.
Đặng rồi chắc chắn nào lơ.
Nên kêu người lại bây giờ đến xem.
Pháp tịch tịnh rất là trong sạch,
Đáng cho người đem để vào lòng.
Các hàng Tri Thức nên mong,
Tìm ra sẽ biết tự trong phận mình.
Tăng đệ tử Thế Tôn Chánh Giác
Thọ trì theo Giới Luật đàng hoàng,
Tăng hành ngay lối đã an,
Tăng tu thấy rõ con đàng cao siêu.

Tăng thành tựu đến nơi Đạo Quả,
Có bốn chỉ là chỉ đếm theo đôi,
Tín người tới tám đủ rồi,
Trong nền Tăng Bảo là ngôi phước điền.
Đồng cả thấy chúng ta quy hướng,
Ngay Thế Tôn kỉnh lạy cúi đầu,
Nhớ phần ân đức cao sâu,
Phát tâm cảm động âu sầu thiết tha.
Lòng trong sạch mới là đức tin,
Sẽ làm Nhân đến Níp Bàn.
Nhằm ngày kỷ niệm sửa sang,
Chúng ta làm lễ trang hoàng rất đông.
Bồ Tát trước giáng sinh Nhân Giới,
Lúc Ngài thành Đạo Quả Phật Đà,
Đến khi viên tịch đều là
Trăng tròn đầy đủ Rằm và tháng Tư.
Đem lễ vật cùng nhau bày sắp,
Cả nhang đèn bông tốt thơm tho,
Dùng thân quỳ bái khúc ca,
Chí thành nhiều Phật tâm lo nhớ ngày.
Xin nhờ Đấng Thế Tôn phản chiếu,
Đã Níp Bàn ân hiệu còn đây,
Phát ra cảm ứng lòng này,
Chứng minh lễ vật hiện đây cúng dường.
Cầu cho đặng đủ phương lợi ích,
Hằng an vui vỉnh viễn lâu dài,
Làm Nhân giải thoát tương lai,
Mong cầu mau sớm ra ngoài Tử Sinh.

----------00000----------

LỄ TAM BẢO TÓM TẮT GIẢN DỊ

Cúi đầu cung kỉnh Đức Thế Tôn *(cúi lạy)*
Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Vị nào đã ngồi thanh tịnh,
Dưới cây Bồ Đề quý báu, Thắng đặng bọn Ma Vương,
Đã chứng ngôi Toàn Giác, Trí Huệ rất vô cùng,
Cả trong đời là Ngài cao quý.
Con xin cúi đầu làm lễ, Đến Đức Phật Thế Tôn.
Chư Phật quá khứ vị lai, Và Chư Phật hiện tại này.
Con cúi đầu lạy Tam Thế Phật *(cúi lạy)*

Bởi nguyên do như vầy: Mới là Đấng Thế Tôn,
Bậc đã xa lìa phiền não, Và đáng kỉnh lạy cúng dường.
Ngài tự chứng Nhất Thiết Trí, Đã đầy đủ Bát Minh.
Và Thập Ngũ Hành, Bậc đã đi con đường tốt,
Là người thấu cả trong đời, Điều trị kẻ nên điều trị.
Trang Vô Thượng chẳng ai bì
Làm Thầy Chư Thiên và Nhân Loại.
Đã là người thức tỉnh, Phân phát Pháp cao siêu.
Con trọn đời xin quy y Phật, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Chỉ nương Phật là quy y cao tột. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi; Hằng có đến cho con.
Xin cúi đầu kỉnh lạy *(cúi lạy),*
Dưới chân quý của Đức Thế Tôn,
Lỗi nào con phạm đến Phật Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! *(cúi lạy)*
Bát Thánh Đạo là con đàng quý, Của tất cả Nhân Sinh.
Thật là đường ngay thẳng, Để đi đến Níp Bàn.
Pháp nhiệm mầu vắng lặng, Là Pháp siêu độ tử sinh.
Con xin đảnh lễ Pháp ấy *(cúi lạy)*
Pháp Bảo quá khứ, vị lai, Và Pháp hiện tại này.
Con xin kỉnh lạy Tam Thế Pháp *(cúi lạy)*
Pháp Bảo của Đức Thế Tôn, Ngài đã khéo thuyết.
Pháp Bảo để đắc rồi tự hiểu,
Pháp Bảo không xen hở thời giờ,
Pháp Bảo dạy cho người kinh nghiệm,
Pháp Bảo đáng để ý lưu tâm,
Pháp Bảo những người trí thức, Nên hiểu biết tự phần.
Con trọn đời quy y Pháp Bảo, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Nương Pháp Bảo là quy y cao tột. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
Con xin lạy hai ngôi Pháp Bảo *(cúi lạy),*
Lỗi nào con phạm đến Pháp Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! *(cúi lạy)*
Tăng Bảo là ngôi trong sạch, Thật quý đáng cúng dường.
Lục căn của các Ngài thanh tịnh, Người dứt khỏi bợn nhơ.
Đặng đủ đầy công đức, Bậc Tứ Lậu không còn.
Con xin lạy cả Thánh Tăng *(cúi lạy)*
Tăng Bảo quá khứ, vị lai, Và Tăng Bảo hiện tại này.

Con xin lạy cả Tăng Tam Thế *(cúi lạy)*
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đặng tốt.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đúng đắn.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành thật trúng.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành mãn ý.
Là bậc Thánh có bốn đôi, Nếu đếm người thời đủ tám.
Đây là Tăng đệ tử, Của Đức Thế Tôn.
Bậc đáng đem đồ dâng kỉnh, Xứng thọ kẻ tiếp nghinh.
Đủ chịu cho người bố thí, Vừa chứng cho người lễ bái.
Thật ruộng phước của đời, Không ruộng nào bì kịp.
Con trọn đời quy y Tăng Bảo, Và cho đến Níp Bàn,
Chẳng có chi con đáng quy y,
Nương Tăng Bảo là quy y cao tột. Do lời thành thật này:
Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
Con cúi lạy hai ngôi Tăng Bảo *(cúi lạy)*
Lỗi nào con phạm đến Tăng Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! *(cúi lạy)*
Hiện nay con lạy ngôi Tam Bảo *(cúi lạy)*
Bậc đáng kỉnh cao siêu, Đã đặng nguồn phước lớn,
Nhờ oai đức ngăn hết tai ương.

----------00000----------

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bất câu bậc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liền,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đao Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xưng,
Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.

Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngài,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
Ngờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như chầu,
Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu cho đặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.
----------00000----------

BÀI CẦU TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tăng Trưởng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.

Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao dầy,
Hộ trì tất cả từ đây hết nàn.
----------00000----------

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tột cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi từng Trời cả đến sang chứng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,
Núi đài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rẫy bái hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xưng,
Từ bi đến chứng cúng dưng yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.
----------00000----------

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMĀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
Ba tin Tâm sạch làu làu,
Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,
Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sinh.
Tám tin hiện thế phải dành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.
Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
Ai ai xin ráng bảo tồn,
Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.
----------00000----------

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỗ đặng nhờ,
Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau giồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe đặng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rầy cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.

Năm là Siêng Sắn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.
Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.
----------00000----------

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sinh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
Ba là thường trực khổ tràng,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyền.
Năm là nóng nẩy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vấn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giặc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.

Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
Năm ấm sinh diệt các đơn đổi dời.
----------00000----------

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññākiriyavatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
Một là Bố Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhằm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sinh.
Ba là Tu Tiến chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
Bốn là Cung Kính cùng nhau,
Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.
----------00000----------

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sinh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đền bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mênh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.

Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lề,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sinh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Của Cải dường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiểu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiễm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.
----------00000----------

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bảy báu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đời là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kể bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẻ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chỉnh đốn chấp sai ngoa.
----------00000----------

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàng y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
Bảy là xa lánh tín xằng,
Điềm cho hay trước với phần hên xui.
Tám là dầu thác vẫn vui,
Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
Chín là đoàn kết chớ phai,
Xả giao bạn Pháp thường hoài hòa nhau.
Mười là chẳng dối chút nào,
Quy y Tam Bảo Phước cao quý mầu.
Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
Thẩy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

----------00000----------

LỜI PHỤC NGUYỆN BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giảo của Đại Trưởng Lão **Saddhamma Jotika** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Chúng Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dầy của Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khải trí vào sở học sở cầu Kỷ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày Kỷ Hạ chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập **Tập III – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương VI – VII – VIII** hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến hai bậc Đại Ân Sư của con, là Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** và Đại Trưởng Lão **Siêu Việt (Ulāro Mahā Thera)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập **Tập III – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương VI – VII – VIII** hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến Song Thân trí kính của con (là **Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý**); và cũng xin cho đến **Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên** kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến **Cô Diệu Pháp** (thế danh là **Vũ Thị Phương – Annapolis, Maryland**), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến **Cô Tư Tu Nữ Tịnh Nhẫn Khantimā (Lê Thị Phương Thảo - Virginia)** và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỷ năng kỳ công, in ấn phát hành **Tập III – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương VI – VII – VIII** và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thảy.

Ngưỡng mong **Ân Đức Pháp Bảo** với Tam Tạng Chánh Pháp và Chú Giải luôn luôn mãi được tồn tại lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện thuần phục.

Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā
Với tất cả tấm lòng từ ái
(Mettāparamatthapāramī)
Hết lòng cẩn kính,
Bhikkhu Pasādo
(Nguyện Hoàn Thành Hạnh Nguyện Chánh Đẳng Giác)
Sādhu, Sādhu, Sādhu

----------00000----------

Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.

In this world, there are three things of value for one who gives…
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37
****

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.

----------00000----------

SABBADĀNAṂ DHAMMĀNAṂ JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THẾ GIAN THÍ

----------00000----------

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
KHÔNG NGƯỜI CÔNG KÍCH - ĐẠO QUẢ KHÓ THÀNH

"Trắc ẩn chi Tâm
Nhân chi đoan dã
Tu ố chi Tâm
Nghĩa chi đoan dã"
"Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc con người !
Có biết xấu hổ là nguồn gốc nghĩa khí !"

----------00000----------

"Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành.
Kiến công huân tảo hồi trình,
Tốc tiến am tu chân thân,
Nhất nhật phi thăng,
Tiên ban liệt danh."

"Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh."

----------00000----------

Sādhu, Sādhu, Sādhu.
Lành thay, Lành thay, Lành thay.

CẢM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dực quyện,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.
Long xà đáo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cái di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời !

----------00000----------

TỰ MẪU K

Kakkhaḷalakkhaṇā: Đặc Tính Cương Kiện
Kataññūkatavedī: Báo Đáp Ân Đức
Kaṭattārūpa: Sắc Tái Tục
Kabaḷiṅkārāhāra: Đoàn Thực
Karuṇā: Bi Mẫn
Kalalarūpa: Sắc Chủng Tử
Kalāpa: Khối Tổng Hợp Sắc
Kattukamyatāchanda: Tưởng Tác Dục
Kammajarūpa: Sắc Nghiệp
Kammadvāra: Nghiệp Môn
Kammapaccaya: Nghiệp Lực Duyên
Kammapatha: Nghiệp Lực Đạo Lộ
Kammaṭṭhāna: Nghiệp Xứ
Kammasamuṭṭhāna: Nghiệp Xuất Sinh Xứ
Kammapaccayautujarūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực
KammajaOjā: Nghiệp Lực Bổ Phẩm
Kasiṇugghāṭimākāsa: Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh
Kāmabhava: Dục Hữu, Dục Giới Hữu
Kāmāvacarakiriyā: Duy Tác Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusala: Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarabhūmi: Dục Địa Giới, Cõi Dục Giới
Kāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới
Kāmāvacaravipākahetu: Nhân Dị Thục Quả Dục Địa Giới
Kāmesumicchācāra: Tính Dục Tà Hạnh
Kālavimutti: Ngoại Thời
Kālapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Thời
Kāya: Sắc Thân
Kāyapassaddhi: Thân Bình Tịnh
Kāyaviññāṇa: Thân Thức
Kāyāyatana: Thân Xứ
Kāyadassakakalāpa: Khối Tổng Hợp Thân Thập Pháp
Kāyikadukkha: Thân Thọ Khổ
Kāyikasukha: Thân Thọ Lạc
Kāyindrīya: Thân Quyền Lực

Kāraṇa: Nguyên Nhân
Kiriyā: Duy Tác
Kiriyākhandha: Uẩn Duy Tác
Kiriyācitta: Tâm Duy Tác
Kiriyājavana: Đổng Lực Duy Tác
Kiriyājāti: Giống Duy Tác, Chủng Loại Duy Tác
Kiriyāñāṇasampayutta: Duy Tác Tương Ưng Trí
Kiriyābyākatakhandha: Uẩn Vô Ký Duy Tác
Kiriyābyākata: Vô Ký Duy Tác
Kiriyāmanodhātu: Ý Giới Duy Tác
Kiriyāhetu: Nhân Duy Tác
Kukkucca: Hối Hận, Yếm Ố, Yếm Phiền, Tâm Phiền
Kucchiṭṭhavāyo: Nội Tạng Phong
Kusalakhandha: Uẩn Thiện
Kusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện
Kusalajavanavithī: Lộ Trình Đổng Lực Thiện
Kusalajavana: Đổng Lực Thiện
Kusalajāti: Giống Thiện, Chủng Loại Thiện
Kusaladhamma: Thiện Pháp, Pháp Thiện
Kusalabyākata: Vô Ký Thiện
Kusalavipāka: Dị Thục Quả Thiện
Kusalahetu: Nhân Thiện
Kusalajavana: Đổng Lực Thiện
Kusalañāṇasampayutta: Thiện Tương Ưng Trí
Kusalatika: Tam Đề Thiện
Kosajja: Giải Đãi, Lại Nọa
Koṭikappa: Mười Triệu Kiếp
Koṭṭhāsayavāyo: Tràng Y Phong

TỰ MẪU KH – G - GH

Khandaka: Đoạn Văn
Khaṇikajarā: Sát Na Lão Mại
Khiddādasakavaya: Ngoạn Lộng Thập Niên Hạn
Gabbhaseyyasatta: Thai Sinh Hữu Tình
Geyya: Thi Tập
Gāthā: Thi Thư, Kệ Ngôn
Ganthakāra: Soạn Tác Giả
Ganthavācaka: Giảng Thuyết Giả
Gandhāyatana: Khí Xứ

Gandhārammaṇa: Khí Cảnh, Cảnh Khí
Guṇasamapatti: Ân Đức Phẩm Vị
Guṇajāti: Chủng Đức
Gocararūpa: Sắc Thông Hành
Gocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh
Gotrabhū: Chuyển Tộc
Gotrabhūkusala: Chuyển Tộc Thiện
Ghaṭanā: Hiệp Lực
Ghānaviññāṇa: Tỷ Thức
Ghānaviññāṇadhātu: Tỷ Thức Giới
Ghāna: Tỷ, Lỗ Mũi
Ghānāyatana: Tỷ Xứ
Ghānindriya: Tỷ Quyền
Ghānadasakakalāpa: Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp

TỰ MẪU C

Catukkapaṭṭhāna: Bộ Tứ Phát Thú
Catujanipphannarūpa: Tứ Thành Sở Tác
Catutthajhāna: Tứ Thiền
Catumūlakanaya: Phần Tứ Căn Nguyên
Catuvokārabhava: Tứ Uẩn Hữu, Cõi Giới Tứ Uẩn
Cakkhvāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhundriya: Nhãn Quyền
Cakkhudvāravithī: Lộ Trình Nhãn Môn
Cakkhupasāda: Nhãn Thanh Triệt
Cakkhuviññāṇa: Nhãn Thức
Cakkhuviññāṇacitta: Tâm Nhãn Thức
Cakkhuviññāṇadhātu: Nhãn Thức Giới
Cakkhudasakakalāpa: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp
Cāga: Thí
Catusamuṭṭhānikarūpa: Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ
Cātumahārājikā: Tứ Đại Thiên Vương
Cittacetasika: Tâm – Tâm Sở
Cittajarūpa: Sắc Tâm
Cittasamuṭṭhāna: Tâm Xuất Sinh Xứ
Cittasamuṭṭhānarūpa: Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ
Cittapaccayauturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Tâm
Citta: Tâm

Cittekaggatā: Nhất Tâm
Cuticitta: Tâm Tử
Cūḷavedalla: Tiểu Phương Quảng
Cuddasakamūlakanaya: Phần Thập Tứ Căn Nguyên
Cetanā: Tư Tâm Sở
Cetanākamma: Tư Tâm Sở Nghiệp Lực
Cetanādhamma: Pháp Tư Tâm Sở
Cetanāhāra: Tư Thực
Cetasika: Tâm Sở
Cetasikadhamma: Pháp Tâm Sở
Cetopariyañāṇa: Tha Tâm Trí

TỰ MẪU CH – J

Chamūkanaya: Phần Lục Căn Nguyên
Chanda: Dục
Chandādhipati: Dục Trưởng
Janakapaccaya: Xuất Sinh Duyên
Janakasatti: Mãnh Lực Xuất Sinh
Javana: Đổng Lực
Jayamaṅgala: Hảo Vận Khí Kiết Tường
Jaratārūpa: Sắc Lão Mại
Jātaka: Kinh Bổn Sinh, Túc Sinh Truyện
Jiraṇatejo: Lão Suy Nhiệt Khí
Jivhā: Thiệt, Lưỡi
Jivhādasakakalāpa: Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp
Jīvitanavakakalāpa: Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp
Jivhāyatana: Thiệt Xứ
Jivhāviññāṇa: Thiệt Thức
Jivhāviññāṇadhātu: Thiệt Thức Giới
Jivhindriya: Thiệt Quyền

TỰ MẪU JH – Ñ

Jhānapaccaya: Thiền Na Duyên
Ñāṇavippayutta: Bất Tương Ưng Trí
Ñātibayasana: Quyến Thuộc Điêu Tàn
Ñāṇasampayutta: Tương Ưng Trí
Ñeyyadhamma: Chánh Giáo Nghĩa Pháp

TỰ MẪU ṬH

Ṭīkā: Phụ Chú Giải
Ṭhāna: Xứ, Vị Trí
Ṭhānayūpacāranaya: Phần Vị Trí Cận Lân
Ṭhitarūpa: Sắc Trụ
Ṭhitikhaṇa: Sát Na Trụ

TỰ MẪU T – TH

Tatiyajhāna: Tam Thiền
Tadārammaṇacitta: Tâm Na Cảnh
Tadārammaṇa: Na Cảnh
Tattramajjhattatā: Trung Gian
Tikatikapaṭṭhāna: Tam Đề Tam Đề Phát Thú
Tikapaṭṭhāna: Tam Đề Phát Thú
Tika: Tam, Ba
Tipiṭaka: Tam Tạng
Timūlakanaya: Phần Tam Căn Nguyên
Tiratanānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo
Tisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Tam Xuất Sinh Xứ
Tihetukakāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân
Tihetuka: Tam Nhân
Tejophoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Hỏa Xúc
Terasamūlakanaya: Phần Thập Tam Căn Nguyên
Tevīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên
Theragāthā: Trưởng Lão Tăng Kệ
Therīgāthā: Trưởng Lão Ni Kệ
Thīna: Hôn Trầm

TỰ MẪU D

Dasakakalāpa: Tổng Hợp Thập Sắc Pháp
Dahanatejo: Hỏa Hóa Nhiệt Khí
Dānapāramī: Xả Thí Toàn Thiện, Xả Thí Ba La Mật
Dvādasamūlakanaya: Phần Thập Nhị Căn Nguyên
Dvāvīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên
Dvipañcaviññāṇacitta: Tâm Ngũ Song Thức
Dasamūlakanaya: Phần Thập Căn Nguyên
Diṭṭhi: Kiến

Diṭṭhisāmaññatā: Kiến Giải Bình Hằng
Diṭṭhibaysana: Tri Kiến Điêu Tàn
Dibbacakkhu: Thiên Nhãn
Dibbasotadhātu: Thiên Nhĩ Giới
Dukkhavedanā: Khổ Thọ
Dukkhaṃ: Khổ Đau
Dukatikapaṭṭhāna: Nhị Đề Tam Đề Phát Thú
Dukapaṭṭhāna: Nhị Đề Phát Thú
Dukamātikā: Mẫu Đề Nhị
Dukamūlakanaya: Phần Nhị Căn Nguyên
DukamūlaEkaavasāna: Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ducarita: Ác Hạnh
Dutiyajhāna: Nhị Thiền
Duhetukavipāka: Dị Thục Quả Nhị Nhân
Dūrerūpa: Sắc Dao Viễn
Desanā: Thuyết Giáo
Desanāvilāsa: Thuyết Giáo Hoàn Hảo
Desetabbadhamma: Thuyết Giảng Giáo Pháp
Desetabbadhammapakāra: Phương Quảng Thuyết Giảng Giáo Pháp
Domanassa: Ưu Thọ
Dosa: Sân Hận
Dvārarūpa: Sắc Hữu Môn
Dvisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ

TỰ MẪU DH

Dhammakathika: Thuyết Pháp Giả
Dhammajāti: Pháp Chủng
Dhammānubhava: Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo
Dhammacetiya: Bảo Tháp Pháp Bảo, Kho Tàng Kinh Các
Dhammadāna: Pháp Thí
Dhammasaṅgaṇīpakaraṇa: Kinh Pháp Tụ
Dhammasaṅgāhakācāriya: Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng
Dhammasenāpati: Đức Pháp Vương, Pháp Tướng, Nghĩa Sư Chi Trưởng
Dhammapaṭisambhidā: Pháp Vô Ngại Giải
Dhammapaccanīya: Pháp Đối Nghịch
Dhammapada: Kinh Pháp Cú
Dhammasaṅginīmātikā: Mẫu Đề Tam Pháp Tụ
Dhammavinaya: Pháp Luật
Dhammānuloma: Pháp Thuận Tùng

Dhammānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Pháp Thuận – Nghịch Phát Thú
Dhammārammaṇa: Cảnh Pháp
Dhūtaṅga: Tu Hành Đầu Đà, Khổ Hành Điều Tiết Dục

TỰ MẪU N

Nakutocisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Vô Xuất Sinh Xứ
Navamūlakanaya: Phần Cửu Căn Nguyên
NaHetupaccaya: Phi Nhân Duyên
NaĀrammaṇadhamma: Pháp Phi Cảnh
Natthipaccaya: Vô Hữu Duyên
Nānākhaṇikakammapaccaya: Dị Thời Nghiệp Lực Duyên
Nānākhaṇika: Sát Na Dị Biệt
Nāmarūpa: Danh Sắc
NāmaĀhāra: Danh Vật Thực
NāmaIndriya: Danh Quyền Lực
Nikāya: Tông Phái
Niddesa: Xiển Minh
Nipphannarūpa: Sắc Thành Sở Tác
Nibbāna: Níp Bàn
Niyatamicchādiṭṭhi: Chuẩn Xác Tà Kiến
Nirutti: Ngôn Ngữ
Niruttipaṭisambhidā: Từ Vô Ngại Giải
Nirodhakhaṇa: Sát Na Diệt
Nissayapaccaya: Y Chỉ Duyên
Nissayavāra: Giai Đoạn Y Chỉ
Nissaya: Y Chỉ
Nevasaññānāsaññāyatanakiriyā: Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatanakusala: Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatana: Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

TỰ MẪU P

Puññakiriyāvatthu: Phúc Hành Tông
Puñña Kamma: Phước Báu Nghiệp Lực
Punnāga: Hoa Nguyệt Quế
Pubbenivāsānusatiñāṇa: Túc Mạng Tùy Niệm Trí
Pañcakhandha: Ngũ Uẩn
Pañcapakaraṇaṭṭhakathā: Chú Giải Ngũ Bộ Kinh
Pakatūpanissayapaccaya: Thường Cận Y Duyên

Pakatūpanissaya: Thường Cận Y
Pakiṇṇakaghaṭanā: Linh Tinh Hiệp Lực
Paggharaṇalakkhaṇa: Đặc Tính Lậu Chi
Paṭiccavāra: Giai Đoạn Liên Quan
Paṭicca: Liên Quan
Paṭicchannajarā: Ẩn Tàng Lão Mại
Paṭighāta: Bài Xích Lực (Thanh Trừ)
Paṭipattidhamma: Pháp Hành
Paṭipattisāsanā: Pháp Hành Truyền Bá
Paṭipuggala: Đối Đẳng Nhân
Paṭibhāga: Đối Ứng
Paṭibhāṇapaṭisambhidā: Biện Vô Ngại Giải
Paṭikkamajarā: Giảm Thiểu Lão Mại
Paṭisandhi: Tái Tục
Paṭisandhicitta: Tâm Tái Tục
Paṭisandhikāla: Thời Kỳ Tái Tục
Paṭisandhikhaṇa: Sát Na Tái Tục
Paṭisandhiviññāṇa: Thức Tái Tục
Paṭisandhivipāka: Dị Thục Quả Tái Tục
Paṭisedha: Phủ Định, Phủ Nhận
Paṭhamajhāna: Sơ Thiền
Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Địa Xúc
Pahātabba: Khả Phóng Khí
Pativedhasāsanā: Pháp Thành Viên Mãn
Pabhava: Khởi Nguyên, Hữu Nhân, Nguyên Thủy
Pabbhāradasakavaya: Suy Tàn Thập Niên Hạn
Paramāṇu: Cực Vi Trần
Parikappapucchā: Quyết Tâm Thẩm Vấn
Paricāgadāna: Hiến Cấp Thí
Paribhogakāma: Việc Thụ Hưởng Tính Dục
Pariyattidhamma: Pháp Học
Pariyattisāsanā: Pháp Học Giáo Truyền
Paribbājikā: Nữ Du Sĩ Ngoại Đạo
Parikamma: Chuẩn Bị
Parivāra: Tập Yếu
Pavattikāla: Thời Kỳ Chuyển Khởi
Paccanika: Đối Nghịch
Paccanīyapaṭṭhāna: Phần Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayavāra: Giai Đoạn Duyên Sinh
Paccayavibhaṅgavāra: Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ

Paccayasaṅgaha: Tổng Hợp Duyên
Paccaya: Duyên, Duyên Hệ
Paccayānuloma: Thuận Duyên
Paccayānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Phần Thuận – Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayuppanna: Sở Duyên
Paccayuppannadhamma: Pháp Sở Duyên
Paccavekkhaṇacitta: Tâm Phản Cung Tự Tỉnh
Paccekabodhiñāṇa: Tuệ Độc Giác
Pacchājātapaccaya: Hậu Sinh Duyên
Pacchājātavippayutta: Hậu Sinh Bất Tương Ưng
Pacchājātavippayuttapaccaya: Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
Pacchājātatthipaccaya: Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên
Pañcadvāra: Ngũ Môn
Pañcamūlakanaya: Phần Ngũ Căn Nguyên
Pañcaviññāṇa: Ngũ Thức
Pañcaviññāṇadhamma: Pháp Ngũ Thức
Pañcavokārabhava: Ngũ Uẩn Hữu, Cõi Giới Ngũ Uẩn
Paññā: Trí Tuệ
Paññādasakavaya: Trí Tuệ Thập Niên Hạn
Paññattijarā: Chế Định Lão Mại
Pañhāvāra: Giai Đoạn Vấn Đề
Paṭṭhāna: Phát Thú
Paṇḍita: Bậc Hiền Trí
Paṇṇarasamūlakanaya: Phần Thập Ngũ Căn Nguyên
Paṇṇattivāra: Giai Đoạn Định Danh
Payoga: Cần Miễn
Paramatthajarā: Siêu Lý Lão Mại
Parivarata Atthakathā: Chú Giải Cải Biến
Paricchinnākāsa: Hạn Chế Không Giới
Paricchedākāsa: Hạn Giới Hư Không
Pavattanakāyaviññatti: Chuyển Hình Thân Biểu Tri
Pavattanavacīññatti: Chuyển Hình Ngữ Biểu Tri
Pasādarūpa: Sắc Thanh Triệt
Pākaṭajarā: Hiển Hiện Lão Mại
Pāṇātipāta: Sát Tử
Pācakatejo: Tiêu Hóa Nhiệt Khí
Pārāsita: Nhóm Người Ăn Bám
Pitughātakamma: Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân
Pisuṇāvācā: Ly Gián Ngữ
Pīti: Hỷ

Pītisomanassa: Hân Hoan Duyệt Ý
Pucchāvāra: Giai Đoạn Thẩm Vấn
Purisindriya: Nam Quyền Lực
Purisabhāvadasakakalāpa: Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp
Purejātanissayapaccaya: Tiền Sinh Y Duyên
Purejātapaccaya: Tiền Sinh Duyên
Purejātavippayutta: Tiền Sinh Bất Tương Ưng
Purisabhāva: Nam Giới Tính

TỰ MẪU PH

Pharusavācā: Thô Ác Ngữ
Phalacitta: Tâm Quả
Phalasamāpatti: Nhập Thiền Quả
Phalūpacaranaya: Phần Quả Báo Cận Lân
Phassa: Tiếp Xúc
Phassāhāra: Xúc Thực
Phoṭṭhabba: Sở Xúc
Phoṭṭhabbāyatana: Xúc Xứ
Phoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Xúc

TỰ MẪU B – BH

Baladasakavaya: Năng Lực Thập Niên Hạn
Bahiddhavāyo: Ngoại Thân Phong
Bahiddha Ojā: Ngoại Bộ Bổ Phẩm
Bahussutadharo: Đa Văn Giả
Bāhirarūpa: Sắc Ngoại Bộ
Bīja: Chủng Tử
Buddhavacana: Phật Ngôn
Buddhānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Đức Phật
Buddhasāsanā: Phật Giáo
Buddhamāmaka: Tín Đồ Phật Giáo
Bodhanakāyaviññatti: Trí Năng Thân Biểu Tri
Bodhanavacīviññatti: Trí Năng Ngữ Biểu Tri
Byāpāda: Cừu Hận
Byañjana: Hình Thái
Brahmapārisajjā: Bộc Tòng Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên
Bāhiramahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiển Ngoại Bộ
Bāhirarūpa: Sắc Ngoại Bộ

Bhavasamapatti: Hữu Công Đức
Bhavajāti: Hữu Sinh Chủng
Bhavaṅga: Hữu Phần
Bhavaṅgacitta: Tâm Hữu Phần
Bhāvanā: Tu Tập
Bhāvarūpa: Sắc Bản Tính
Bhogasampatti: Tài Sản Công Đức
Bhogabayasana: Tài Sản Điêu Tàn
Bhojana: Ẩm Thực, Thiện Thực, Phạn Thực

TỰ MẪU M

Maṅgalasutta: Kinh Kiết Tường
Maṁsahadayarūpa: Sắc Tâm Tạng
Manasikāra: Tác Ý
Manodvāra: Ý Môn
Manodhātu: Ý Giới
Manoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới
Manosañcetanāhāra: Ý Tư Thực
Mandadasakavaya: Nhi Độn Thập Niên Hạn
Maggavithī: Lộ Trình Đắc Đạo
Mahaggatakiriyā: Duy Tác Đáo Đại
Mahaggatakusala: Thiện Đáo Đại
Mahāpaṭṭhānapakaraṇa: Đại Kinh Điển Phát Thú
Mahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiển
Mahāvedalla: Đại Phương Quảng
Maggapaccaya: Đồ Đạo Duyên
Macchariya: Lận Sắc
Mātikānikkhepavāra: Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề
Mātughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Mẫu Thân
Māna: Ngã Mạn
Micchattaniyatacitta: Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên
Micchākammanta: Tà Nghiệp
MicchāĀjīva: Tà Mạng
Micchādiṭṭhi: Tà Kiến
Micchāvācā: Tà Ngữ
Micchāvāyāma: Tà Tinh Tấn
Micchāsamādhi: Tà Định
Micchāsaṅkappa: Tà Tư Duy
Middha: Thụy Miên

Milakkha: Dã Nhân, Người Dã Man
Mukhayanaya: Phần Vi Thủ
Muditā: Tùy Hỷ
Musāvāda: Vọng Ngữ
Mūlarāka: Căn Nguyên
Mahā Moggallāna: Đại Trưởng Lão Mục Kiền Liên
Moghapañhā: Vô Hiệu Vấn Đề
Momūhadasakavaya: Si Độn Thập Niên Hạn
Mohamūlacitta: Tâm Căn Si
Moha: Si Mê

TỰ MẪU Y – R

Yāthāvamāna: Sự Kiêu Mạn Thích Hợp
Yathākammūpagañāṇa: Tùy Nghiệp Thú Trí
Yamakapakaraṇa: Kinh Song Đối
Yamakapātihāriya: Song Đối Thần Túc Thông
Yevāpanakacetasika: Lánh Ngoại Tâm Sở, Tâm Sở Ngoài Ra
Yonisomanasikāra: Như Lý Tác ý, Tác Ý Khôn Khéo
Yogāvacara: Cần Phẫn Tu Hành Giả
Rathareṇu: Bụi Trần
Rasa: Vị
Rasāyatana: Vị Xứ
Rasārammaṇa: Cảnh Vị
Rāga: Tham Ái
Rūpa: Sắc, Sắc Pháp
Rūpakāya: Sắc Thân
Rūpajāti: Sắc Chủng, Giống Sắc
Rūpajīvitindriya: Sắc Mạng Quyền
Rūpabhava: Sắc Hữu, Cõi Sắc Giới
RūpaRūpa: Sắc Sắc
Rūpaindriya: Sắc Quyền Lực
Rūpāyatana: Sắc Xứ
Rūpābyākata: Vô Ký Sắc
Rūpārammaṇa: Cảnh Sắc
Rūpāvacara: Cõi Sắc Giới
Rūpāvacarakiriyā: Duy Tác Sắc Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusala: Thiện Sắc Giới, Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới, Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Sắc Giới, Nhân Thiện Sắc Địa Giới

Rūpāvacarabhūmi: Sắc Địa Giới, Cõi Sắc Giới
Rūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Sắc Giới
Rūpavirāgabhāvanā: Tu Tập Ly Ái Sắc
Rūpalahutā: Sắc Khinh Khoái
Rūpamudutā: Sắc Nhu Nhuyến
Rūpakammaññatā: Sắc Thích Sự
Rūpasamuddesanaya: Phần Tổng Lược Sắc Pháp
Rūpavibhāganaya: Phần Phân Tích Sắc Pháp
Rūpasamuṭṭhānanaya: Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp.
Rūpakalāpanaya: Phần Tổng Hợp Sắc Pháp
Rūpapavattikamanaya: Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp
Rogabayasana: Bệnh Hoạn Điêu Tàn

TỰ MẪU L

Lohiruppādakamma: Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai
Lokiyavipāka: Dị Thục Quả Hiệp Thế
Lokiyadhammadesanā: Thuyết Giáo Pháp Hiệp Thế
Lokuttarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế
Lokuttarakusalahetu: Nhân Thiện Siêu Thế
Lokuttarabhūmi: Siêu Thế Địa Giới
Lokuttaravipāka: Dị Thục Quả Siêu Thế
Lobhahetu: Nhân Tham

TỰ MẪU V

Vaṇṇanā: Giải Thích
Vaṇṇadasakavaya: Nhan Sắc Thập Niên Hạn
Vaṅkadasakavaya: Suy Lão Thập Niên Hạn
Vatthu: Vật, Vật Chất, Vật Phẩm
Vatthukāma: Vật Dục
Vatthupurejātapaccaya: Vật Tiền Sinh Duyên
Vatthupurejāta: Vật Tiền Sinh
Vatthurūpa: Sắc Hữu Vật
Vatthudasakakalāpa: Tổng Hợp Vật Thập Pháp
Vayovuddhijarā: Lão Nhược Điêu Tàn Lão Mại
Vācanāmagga: Bối Tụng Đạo Lộ
Vāyophoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Phong Xúc
Vikārarūpa: Sắc Biến Thể
Vigatapaccaya: Ly Khứ Duyên

Vicāra: Tứ, Khảo Lự, Tư Sách, Thám Cứu, Thẩm Tra, Khảo Tra, Tư Khảo
Vicikicchā: Hoài Nghi
Viññāṇakhandha: Thức Uẩn
Viññāṇadhātu: Thức Giới
Viññāṇañcāyatanakusala: Thiện Thức Xứ
Viññāṇañcāyatana: Thức Xứ
Viññāṇāhāra: Thức Thực
Vinicchaya: Thẩm Định
Vitakka: Tầm, Tư Lự, Tư Duy
Vithīcitta: Lộ Trình Tâm
Vitthambhanavāyo: Khuếch Đại Phong
Vippattisāra: Thương Tâm Hối Hận
Vipāka: Dị Thục Quả
Vipākakhandha: Uẩn Dị Thục Quả
Vipākacitta: Tâm Dị Thục Quả
Vipākajāti: Giống Dị Thục Quả, Dị Thục Quả Chủng
Vipākañāṇasampayutta: Dị Thục Quả Tương Ưng Trí
Vipākapaccaya: Dị Thục Quả Duyên
Vipākamanodhātu: Ý Giới Dị Thục Quả
Vipākamūlakanaya: Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên
Vipākābyākata: Vô Ký Dị Thục Quả
Vipassanā: Minh Sát
Vipassanti: Tư Khảo Kiến Giải
Vipassanājavanavithī: Lộ Trình Đổng Lực Minh Sát
Vimaṃsā: Thẩm, Khảo Lự, Tư Khảo, Nghiên Cứu, Điều Tra, Thẩm Tra.
Vimaṃsādhipati: Thẩm Trưởng
Vimokkha: Giải Thoát
Vimuttirasa: Giải Thoát Vị
Vibhāviniṭīkā: Bộ Phụ Chú Giải Phân Tích
Viraticetasika: Tâm Sở Kiềm Chế, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần
Viriya: Cần, Cần Miễn, Cần Phẫn, Khắc Khổ, Nỗ Lực.
Viriyādhipati: Cần Trưởng
Virodhipaccaya: Đối Nghịch Duyên
Vigatimūlakanaya: Phần Ly Khứ Căn Nguyên
Visāyarūpa: Sắc Hành Trạng
Vissajjanā: Đáp Vấn, Lời Giải Đáp
Vuṭṭhāna: Sinh Xuất
Vedanākhandha: Thọ Uẩn
Vedalla: Phương Quảng
Veneyyasatta: Hữu Tình Khả Huấn Luyện

Veneyyajjhāsaya: Khả Tử Giáo Đạo Giả
Veyyākaraṇa: Giải Thuyết
Voṭṭhabbanakiriyā: Duy Tác Đoán Định
Voṭṭhabbana: Đoán Định
Vodāna: Dũ Tịnh
Vorakāsa: Cơ Duyên Tuyệt Hảo

TỰ MẪU S

Saṅkhatadhamma: Pháp Hữu Vi
Saṃsedaja: Thấp Sinh
Sakkapañhāsutta: Đế Thích Sở Vấn Kinh
Saccadhamma: Pháp Chân Đế
Sadisūpacāranaya: Phần Tương Đồng
Santappanatejo: Hỏa Khốc Nhiệt Khí
Santatīrūpa: Sắc Thừa Kế
Santikerūpa: Sắc Cận Lân
Saraddhā: Tín, Đức Tin
Sabbaññuta Ñāṇa: Toàn Giác Trí
Sītatejo: Hàn Lãnh Hỏa
Sīla: Giới Luật
Sīlasāmaññatā: Giới Luật Bình Hằng
Sīlānubhava: Uy Lực Tối Thượng Giới Luật
Sīlasampatti: Phẩm Chất Giới Luật
Sīlabayasana: Giới Hạnh Điêu Tàn
Samādānaniccasīla: Thường Xuyên Tuân Thủ Giới Luật
Samādānavirati: Phát Nguyện Kiềm Chế
Sampattavirati: Phòng Chỉ Kiềm Chế
Samucchedavirati: Sát Tuyệt Kiềm Chế
Sakadāgāmīphala: Nhất Lai Quả (Tư Đà Hàm Quả)
Sati: Niệm, Tri Giác, Lý Trí, Lý Tính
Sati Paññā: Niệm Tuệ, Tài Trí
Sammasanarūpa: Sắc Tư Duy
Samanantarapaccaya: Đẳng Vô Gián Duyên
Samantapaṭṭhāna: Hoàn Bão Phát Thú
Samādhi: An Chỉ, Thiền Định
Samāpatti: Nhập Định, Nhập Thiền
Samīraṇavāyo: Chuyển Động Phong
Samuṭṭhāna: Xuất Sinh Xứ
Sabhāvarūpa: Sắc Hữu Thực Tính

Salakkhaṇarūpa: Sắc Hữu Thực Tướng
Savipākaghaṭanā: Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực
Sahajātakammapaccaya: Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên
Sahajātaghaṭanā: Câu Sinh Hiệp Lực
Sahajātapaccaya: Câu Sinh Duyên
Sahajātavāra: Giai Đoạn Câu Sinh
Sahajātavippayutta: Câu Sinh Bất Tương Ưng
Sahajātavippayuttapaccaya: Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
Sahajāta: Câu Sinh
Sahajātatthipaccaya: Câu Sinh Hiện Hữu Duyên
Sahajātādhipati: Câu Sinh Trưởng
Sahajātādhipatipaccaya: Câu Sinh Trưởng Duyên
Sahetukakāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân
Sahetukakusalavipākapaṭisandhicitta: Tâm Tái Tục Dị Thục Quả Thiện Hữu Nhân
Sahetukacitta: Tâm Hữu Nhân
Saṅghānubhava: Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo
Saṅkhāradhamma: Pháp Hữu Vi (Pháp Hành)
Saṅkhārakhandha: Hành Uẩn
Saṅgahanaya: Phần Tổng Hợp
Saṅgītikāla: Thời Kỳ Kiết Tập
Saṅgāyanā: Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng
Saṅghabhedakamma: Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn
Saṃsaṭṭhavāra: Giai Đoạn Hỗn Hòa
Saññākhandha: Tưởng Uẩn
Sattamūlakanaya: Phần Thất Căn Nguyên
Sattarasakamūlakanaya: Phần Thập Thất Căn Nguyên
Saddayuga: Đồng Âm Thanh
Saddāyatana: Thinh Xứ
Saddārammaṇa: Cảnh Thinh
Saddhā: Tín, Đức Tin
Santati: Thừa Kế
Santatijarā: Liên Tiếp Lão Mại
Santīraṇakicca: Thẩm Tấn Sự Vụ
Sanidassanarūpa: Sắc Hữu Kiến
Sappaccaya: Hữu Duyên
Sappaṭighātadhamma: Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (Pháp Có Việc Thanh Trừ)
Sappaṭigharūpa: Sắc Hữu Đối Chiếu
Sampattagāha: Hữu Thủ Xúc Giác
Sabbamūlakanaya: Phần Tổng Căn Nguyên
Sampayuttapaccaya: Tương Ưng Duyên

Sampayuttavāra: Giai Đoạn Tương Ưng
Sampayoga: Phối Hợp
Samphappalāpa: Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Nói Lời Vô Ích
Sambhava: Khởi Sinh
Sammāsambodhiñāṇa: Tuệ Chánh Đẳng Giác
Sammākammanta: Chánh Nghiệp
Sammājīva: Chánh Mạng
Sammādiṭṭhi: Chánh Kiến
Sammādiṭṭhisutta: Kinh Chánh Kiến
Sammāvācā: Chánh Ngữ
Sammāvāyāma: Chánh Tinh Tấn
SammāĀjīva: Chánh Mạng
Saṃsaṭṭhadhamma: Hỗn Hòa Pháp
Sayanadasakavaya: Ngọa Bệnh Thập Niên Hạn
Sasambhāra: Yếu Tố
Sasampattagocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác
Sahavutti: Đồng Hành
Sārammaṇa: Hữu Tri Cảnh
Sārammaṇadhamma: Hữu Cảnh Pháp
Sāsanadhamma: Giáo Dục Phật Pháp
Sāsanapuggala: Giáo Dục Nhân Tính
Sāsanasathāna: Giáo Dục Sở Tại
Sāsanavidhī: Giáo Dục Lễ Nghi
Sāvakabodhiñāṇa: Tuệ Thinh Văn Giác
Savīcijarā: Hữu Kiến Lão Mại
Sukhavedanā: Lạc Thọ
Sukhumarūpa: Sắc Vi Tế
Sucarita: Thiện Hạnh
Sutamayapaññā: Tuệ Văn Như Nguyện Dĩ Thường, Tuệ Văn
Suta: Văn
Suttanipāta: Kinh Tập
Suttānuloma: Kinh Tạng Phụ Thuộc
Sekkhadhamma: Pháp Hữu Học
Senāsana: Trú Xứ
Sotāpanna: Bậc Thất Lai (Bậc Tu Đà Hườn)
Sotāpattiphala: Thất Lai Quả (Quả tu Đà Hườn)
Sotaviññāṇa: Nhĩ Thức
Sotaviññāṇacitta: Tâm Nhĩ Thức
Sota: Nhĩ, Lỗ Tai
Sotadasakakalāpa: Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp

Sotāyatana: Nhĩ Xứ
Sotindriya: Nhĩ Quyền
Somanassa: Hỷ Thọ
Somanassañāṇa: Hoan Hỷ Trí
Soḷasamūlakanaya: Phần Thập Lục Căn Nguyên

TỰ MẪU H

Hadayavatthu: Sắc Tâm Cơ, Sắc Ý Vật
Hasituppādakiriyā: Duy Tác Tiếu Sinh
Hānidasakavaya: Suy Nhược Thập Niên Hạn
Hiri: Tàm
Heṭṭhimaajjaṭākāsa: Hạ Tầng Hư Không
Hetāvigataduka: Nhị Đề Nhân – Bất Ly
Hetuphala: Nhân Quả Liên Quan
Hetupaccaya: Nhân Duyên
Hetupaccayaanulomanaya: Nhân Duyên Phần Thuận Tùng
Hetusampayuttaduka: Nhị Đề Nhân – Tương Ưng
HetuĀrammaṇaAdhipatitika: Tam Đề Nhân – Cảnh – Trưởng

TỰ MẪU A

Akusala: Bất Thiện
Akusalakhandha: Uẩn Bất Thiện
Akusalacetanā: Tư Tâm Sở Bất Thiện
Akusalajavana: Đổng Lực Bất Thiện
Akusalajāti: Giống Bất Thiện, Bất Thiện Chủng
Akusaladhamma: Pháp Bất Thiện
Akusalamūlakanaya: Phần Bất Thiện Căn Nguyên
Akusalavipāka: Dị Thục Quả Bất Thiện
Akusalahetu: Nhân Bất Thiện
Akusalapada: Câu Bất Thiện
Acchariya Abbhūtadhamma: Vị Tằng Hữu Thần Kỳ
Ajaṭākāsa: Cõi Hư Không Giới
Ajjhatta Ojā: Nội Bộ Bổ Phẩm
Ajjhattikarūpa: Sắc Nội Bộ
Aṅgajhāna: Chi Thiền Na
Aṅgamagga: Chi Đồ Đạo (12)
Aṅgamaṅgānusārivāyo: Chuyển Động Phong
Ajanakapaccaya: Bất Xuất Sinh Duyên

Ajjhaattavāyo: Nội Thân Phong
Aññoññapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Dạng
Attanomati: Tư Kiến, Cá Nhân Kiến Giải
Atthakathā: Chú Giải
Atthayuga: Đồng Nghĩa Lý
Adinnādāna: Thâu Đạo
Adosa: Vô Sân
Adhipatipaccaya: Trưởng Duyên
Adhimokkha: Thắng Giải
Adhivacana: Từ Ngữ
Adhogamavāyo: Hạ Lạc Phong
Advārarūpa: Sắc Vô Môn
Anattā: Vô Ngã
Anantarapaccaya: Vô Gián Duyên
Anantariyakamma: Vô Gián Nghiệp Lực
Anantarūpanissayapaccaya: Vô Gián Cận Y Duyên
Anāgataṁsañāṇa: Vị Lai Tiên Giác Trí
Anāgāmīphala: Bất Lai Quả (A Na Hàm Quả)
Anārammaṇa: Bất Tri Cảnh
Aniccaṃ: Vô Thường
Aniccatārūpa: Sắc Vô Thường
Anidassanarūpa: Sắc Phi Hữu Kiến
Anindriyarūpa: Sắc Phi Hữu Quyền Lực
Anipphannarūpa: Sắc Phi Thành Sở Tác
Aniyatadhamma: Bất Định Pháp
Anindriyabaddharūpa: Sắc Phi Quyền Phược
Anuṭīkā: Tiểu Phụ Chú Giải
Anupādinnarūpa: Sắc Phi Chấp Thủ
Anusocanapaccupaṭṭhāno: Sầu Trường Thành Tựu
Anuloma: Thuận Tùng
Anulomakusala: Thiện Thuận Tùng
Anulomagaṇanā: Phần Thuận Tùng
Anulomapaccanīyapaṭṭhāna: Thuận – Nghịch Phát Thú
Anulomapaṭṭhāna: Thuận Tùng Phát Thú
Anuññāta: Sự Phê Chuẩn
Anottappa: Vô Quý
Antevāsiko: Môn Đồ
Antonijjhānalakkhaṇo: Sầu Hoài Trạng Thái
Appaccaya: Vô Duyên
Appaṭigharūpa: Sắc Phi Hữu Đối Chiếu

Appahātabba: Phi Phóng Khí
Apariyāpanna: Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới
Abbhokāsikavatthu: Tu Hành Không Khoáng Xứ
Abbhūtadhamma: Vị Tằng Hữu Pháp
Abhijjhā: Ý Tham Ác
Abhikkamajarā: Gia Tăng Lão Mại
Abhiññā: Thắng Trí
Abhiññākusala: Thiện Thắng Trí
Abhidhammamātikā: Các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp
Amohahetu: Nhân Vô Si
Amoha: Vô Si
Ayāthāvamāna: Sự Kiêu Mạn Bất Hợp
Arahattamagga: Đạo Vô Sinh
Arahantaghātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Bậc Vô Sinh
Ahirika: Vô Tàm
Arūpakhandha: Vô Sắc Uẩn
Arūpajīvitindriya: Vô Sắc Mạng Quyền
Arūpadhamma: Vô Sắc Pháp
Arūpabhava: Vô Sắc Hữu
Arūpabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpavipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūpaindriya: Vô Sắc Quyền Lực
Arūpāvacara: Cõi Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakiriyā: Duy Tác Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusala: Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūparūpa: Sắc Phi Sắc
Alobhahetu: Nhân Vô Tham
Alobha: Vô Tham
Avatthurūpa: Sắc Phi Hữu Vật
Avigatapaccaya: Bất Ly Duyên
Avīcijarā: Bất Kiến Lão Mại
Avipākaghaṭanā: Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực
Asaṅkhatadhamma: Pháp Vô Vi
Asaññabhava: Vô Tưởng Hữu, Vô Tưởng Địa Giới
Asaññasattabrahma: Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng
Asaññasatta: Vô Tưởng Hữu Tình
Asaṅkhatadhātu: Vô Vi Giới **(Nibbāna)**

Asabhāvarūpa: Sắc Phi Thực Tính
Asalakkhaṇarūpa: Sắc Phi Thực Tướng
Asammasanarūpa: Sắc Phi Tư Duy
Asampattagāha: Phi Thủ Xúc Giác
Asampattagocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác
Assāsapassāsavāyo: Sổ Tức Phong
Ahetukacitta: Tâm Vô Nhân
Ahetukacittuppāda: Tâm Khởi Sinh Vô Nhân
Ahetukapañcaviññāṇa: Ngũ Thức Vô Nhân
Ahetukamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Vô Nhân
Ahetukamoha: Si Vô Nhân
Ahetukavipāka: Dị Thục Quả Vô Nhân
Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân
Aññamaññapaccaya: Hỗ Tương Duyên
Aññamaññā: Hỗ Tương
Aṭṭhamūlakanaya: Phần Bát Căn Nguyên
Aṭṭhārasamūlakanaya: Phần Thập Bát Căn Nguyên
Atthapaṭisambhidā: Nghĩa Vô Ngại Giải
Atthidhamma: Hiện Hữu Pháp
Atthipaccaya: Hiện Hữu Duyên
Abbuda: Phôi Điểm
Abyākatadhamma: Pháp Vô Ký
Abyākatapada: Câu Vô Ký
Abyākatavipāka: Vô Ký Dị Thục Quả
Abyākata: Vô Ký
Abyākatādhipati: Vô Ký Trưởng
Ākāsāṇañcāyatanakusala: Thiện Không Vô Biên Xứ
Ākāsāṇañcāyatana: Không Vô Biên Xứ
Ākiñcaññāyatana: Vô Sở Hữu Xứ
Āgatasathāna: Xứ Cảnh Vị Lai
Ācariyavāda: Giáo Thọ Kiến Giải
Āmisadāna: Tài Thí
Āmisapūjā: Dụng Vật Phẩm Tế Lễ
Āpodhātu: Thủy Giới
Ābandhanalakkhaṇa: Đặc Tính Thúc Phược Vật
Āyatana: Xứ, Cảm Giác Khí Quan, Cảm Giác Đối Tượng
Ārammaṇapaccaya: Cảnh Duyên
Ārammaṇapurejātapaccaya: Cảnh Tiền Sinh Duyên
Ārammaṇapurejāta: Cảnh Tiền Sinh
Ārammaṇādhipati: Cảnh Trưởng

Ārammaṇādhipatipaccaya: Cảnh Trưởng Duyên
Ārammaṇādhipatiduka: Nhị Đề Cảnh Trưởng
Ārammaṇūpanissayapaccaya: Cảnh Cận Y Duyên
Ārammaṇūpanissaya: Cảnh Cận Y
Āvajjanacitta: Tâm Khai Môn
Āvajjanamanodhātu: Ý Giới Khai Môn
Āvajjana: Khai Môn
Āsevanapaccaya: Trùng Dụng Duyên
Āhāra: Vật Thực, Thực Phẩm
Āhārasamuṭṭhāna: Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhārajarūpa: Sắc Vật Thực
Āhārapaccaya: Vật Thực Duyên
Āhārasamuṭṭhānarūpa: Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhārapaccayauturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực
Āhāratthipaccaya: Vật Thực Hiện Hữu Duyên
Āhārajasuddhaṭṭhakakalāpa: Tổng Hợp Bát Thuần Vật Thực
Itivuttaka: Như Thị Ngữ Kinh
Itthindriya: Nữ Quyền Lực
Itthībhāvadasakakalāpa: Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp
Itthībhāva: Nữ Giới Tính
Iddhividhañāṇa: Thần Túc Trí
Indriyapaccaya: Quyền Lực Duyên
Indriyarūpa: Sắc Hữu Quyền Lực
Isisattamo: Đệ Thất Ẩn Tu Giả
Issā: Tật Đố, Đố Kỵ, Ngật Thố
Uṇhatejo: Viêm Nhiệt Hỏa
Uṇhattalakkhaṇa: Đặc Tính Ôn Độ
Utu: Quý Tiết
UtuOjā: Quý Tiết Bổ Phẩm
Utusamuṭṭhāna: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Utusamuṭṭhānarūpa: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Utupaccayauturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết
Upādāyarūpa: Sắc Y Sinh
Upādinnarūpa: Sắc Hữu Chấp Thủ
Upaṭṭhakaadhikāro: Kỳ Phúc Thị Giả
Udāna: Tự Thuyết Kinh
Uddhaṅgamāvāyo: Hướng Thượng Phong
Uddhacca: Trạo Cử, Hồ Tư Loạn Tưởng
Uddesavāra: Giai Đoạn Xiển Thuật
Ubhatovibhaṅga: Nhất Đối Phân Tích

Upekkhā: Xả, Bất Thiên Tâm, Bất Thiên Bất Ỷ
Upekkhāvedanā: Xả Thọ
Uposathakamma: Thọ Trì Thanh Tịnh Nghiệp Lực
Upacaya: Tích Trữ
Upacayarūpa: Sắc Tích Trữ
Upathambhaka: Lòng Bảo Trợ
Upathambhapaccaya: Bảo Trợ Duyên
Upathambhakasatti: Mãnh Lực Bảo Hộ
Upanissayapaccaya: Cận Y Duyên
Uppattibhava: Sinh Hữu
Uppattidvāra: Khởi Sinh Môn
Uppādakhaṇa: Sát Na Khởi Sinh
Upādārūpa: Sắc Y Sinh
Upāyāsa: Não Hại
Usmātejo: Khí Đẳng Nhiệt Khí
Ekavatthuka: Đồng Trú Căn
Ekasamuṭṭhānikarūpa: Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ
Ekārammaṇa: Đồng Cảnh
Ekadesayūpacāranaya: Phần Bộ Phận Đơn Nhất
Ekuppāda: Đồng Khởi Sinh
Ekanirodha: Đồng Tiệt Diệt
Ekanissaya: Đồng Y Chỉ
Ekaaggasāsanūpathambhaka: Bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo
Ekakhaṇikakammapaccaya: Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên
Ekamūlakanaya: Phần Nhất Căn Nguyên
EkamūlaEkaavasāna: Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ekavīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên
Ekādasakamūlakanaya: Phần Thập Nhất Căn Nguyên
Ekūnavīsatimūlakanaya: Phần Thập Cửu Căn Nguyên
Okkantikkhaṇa: Sát Na Tái Tục
Okāsa: Môn Hộ
Ottappa: Quý, Úy Tội, Nội Cửu, Quý Cửu
Opapātika: Hóa Sinh
Oḷārikāyatana: Sắc Thô Thiển Xứ
Oḷārikarūpa: Sắc Thô Thiển

----------00000----------

CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD. BEALETON, VA. 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG KINH SÁCH
(NAVA LOKUTTARAKAMMA DĀNA)
(CỬU THÍ NGHIỆP LỰC SIÊU THẾ: 4 ĐẠO – 4 QUẢ - NÍP BÀN)

Tu Viện Linh Ứng	**$1,000.00**
Sư Minh Hạnh	**$1,100.00**
Sư Minh Phước	**$200.00**
Bhikkhuni Thích Nữ Thể Độ (Hằng Tâm)	**$1,000.00**
Ni Sư Nhuận Đạt	**$50.00**
Sư Cô Liên Trường	**$22.50**
Sư Cô Như Tâm	**$200.00**
Tu Nữ Khantimā Tịnh Nhẫn	**$1,600.00**
[Xin hồi hướng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Ông Nội Lê Huyến, Bà Nội Phạm Thị Mịn, Ông Ngoại Phạm Hữu Hương, Bà Ngoại Nguyễn Thị Long, Bác Lê Xuyến, Chú Lê Dứt va các Cô Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Xíu, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như (Diệu Thiện)].	
Cô Lê Ngọc Sương (Nguyên Diệu)	**$500.00**
Cô Nguyễn Thị Tâm	**$150.00**
Cô Nguyễn Thị Mai	**$400.00**
Cô Mindy Nguyễn (Mettā) & Anh Trương Văn Nhân (Thiện Nhân)	**$800.00**
Cô Nguyễn Thị Tâm (Tâm Đức)	**$200.00**
[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Trọng Sang (Tâm Trọng), Mẹ Phạm Thị Định (Nguyên Tâm), Chồng Nguyễn Huy Quang (Minh Huy)].	
Cô Nguyễn Thị Mai (Tâm Hạnh)	**$100.00**
Cô Nguyễn Thị Như Khuê (Diệu Bảo)	**$200.00**
[Xin hồi hương Chồng Đỗ Khắc Hoành (Thiện Hùng)].	
Tammy Trinh (Diệu Trường)	**$100.00**
Gđ. Trương Thùy Oanh & Dương Thái Bình	**$2,900.00**
Dương Khánh Jeffrey	**$100.00**
Dương Thùy Lynne	**$100.00**
Gđ. Trương Hoàng Chương & Tường Vân	**$200.00**
Gđ. Trương Thị Thùy Cơ	**$100.00**
Gđ. Phi Trương & Hảo Trương	**$50.00**

Gđ. Thùy Cơ & Đức Diện	**$50.00**
Anh Thư & Thu Thảo	**$50.00**
Hồ Thu Phương	**$50.00**
Nguyễn Thị Thu Hằng	**$400.00**
Cô Angie Dương (Hạnh Từ) & Hùng X. Cao	**$700.00**
Grace Cao (Hạnh Duyên)	**$50.00**
Gđ. Hạnh Trí, Hạnh Từ, Hạnh Bi, Hạnh Duyên	**$1,000.00**
Cô Bích Võ	**$100.00**
Cô Võ Thanh Minh	**$500.00**
Công Tằng Hoa / Công Tằng Huyền	**$1,700.00**
[Xin hồi hướng Ông Hoàng Xuân Định (Tâm Minh)].	
Cô Bửu Hương Brewster (Bình Ngọc)	**$800.00**
Cô Ruth Nga Nguyễn	**$1,200.00**
Cô Lạc Mãn	**$500.00**
Gđ. Thiện Kim & Diệu Mỹ & Cháu Yên So	**$700.00**
Bác Sỹ Hoàng Đình Hiển & Cô Thanh Tịnh (France)	**€350.00**
Nguyễn Thị Kim Lan	**$300.00**
Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga	**$200.00**
Gđ. Lê Văn Hướng	**$100.00**
Gđ. Lê Thị Lý (Đức Ngọc)	**$300.00**
Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt	**$600.00**
[Xin hồi hướng Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang và xin chia Quả Phước Báu đến các con Phạm Hữu Thiện & Thomas Phạm Hữu Tín].	
Gđ. Lê Thị Phượng & Thạch Xuân	**$1,300.00**
[Xin hồi hướng Cha Mẹ Thạch Niên, Nguyễn Thị Giác và xin chia Quả Phước Báu đến các con Thạch.Thiện Tâm & Thạch Thiện Trí].	
Gđ. Thomas Lê Văn Thông & Võ Nhật Viên	**$2,250.00**
[Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê, Peter Francis Lê].	
Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa & Bùi Thị Thu Cúc	**$300.00**
Lê Thị Minh Trang & Lê Minh Nghiêm	**$400.00**
Bà Selina Lee	**$1,000.00**
Cô Lê Thị Kim Dung	**$300.00**
Cô Lê Thị Kim Loan	**$100.00**
Gđ. Trịnh Thị Hằng (Trí Hà)	**$400.00**
[Xin hồi hướng Cha Trịnh Đức Tiến (Tuệ Uyển) & Mẹ Vũ Thị Nga (Diệu Hoàng)]	
Gđ. Trung Nghĩa Theofilos	**$100.00**
Nguyễn Thị Tường An	**$100.00**
Gđ. Cô Cannie Thạch	**$460.00**
Cô Thanh	**$100.00**
Cô Nguyễn Kim Yến	**$40.00**

Cô Cintā Huỳnh Kim Chi	**$290.00**
Cô Huỳnh Ngọc Đính & Nguyễn Huỳnh Việt Khôi	**$1,000.00**
Cô Huỳnh Ngọc Mai & Thiện Chơn	**$700.00**
Châu Thị Bé	**$50.00**
Châu Tường An	**$100.00**
Nguyễn Ngọc Đông Phương	**$100.00**
Gđ. Anh Tâm Đoàn (Tâm Lực) & Lệ Quyên	**$1,560.00**
Gđ. Nguyễn Long Châu	**$100.00**
Vivian Đoàn	**$100.00**
Andy Đoàn	**$100.00**
Gđ. Cô Huỳnh Ngọc Lan & Sujātā Nguyễn Hồng Ân	**$600.00**
Gđ. Huỳnh Vũ	**$700.00**
Gđ. Huỳnh Phong	**$500.00**
Lưu A Xây	**$150.00**
Gđ. Trần Đỗ Kim Anh & Trần Quang Nghĩa	**$700.00**
Cô Nguyễn Thị Tư (Diệu Hồng)	**$100.00**
Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) & Phạm Quang	**$2,500.00**
[Xin hồi hướng cho Cậu Út Nguyễn Văn Hương].	
Gđ. Anh Phương Phạm & Chị Diệp (Hạnh Ngọc)	**$300.00**
[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Văn Thiệu (Nguyên Thiện), Mẹ Hà Thị Em (Nguyên Giác), Ba Phạm Đình Thành, Mẹ Lý Thị Tư (Tâm Hỷ)].	
Gđ. Tôn Thất Ban & Nguyễn Thị Mận	**$400.00**
Cô Trần Thị Phương Trân (Diệu An)	**$1,000.00**
Nguyễn Thị Mê Linh & Leilani & Thiên Nhi Phạm	**$100.00**
Cô Ngọc (Bạn Cô Tâm Thiện)	**$500.00**
Gđ. Trần Thị Lệ Hoa & Trần Thị Ngọc Hân	**$1,000.00**
Trần Thị Ngọc Hạnh	**$1,000.00**
[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Nam, Mẹ Nguyễn Thị Phương (Đức Trí)].	
Nhóm Phật Tử Đạo Tràng Từ Nghiêm, Germany	
[Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước)	
Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác),	
Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới),	
Lương Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Từ Diễm),	
Nguyễn Thị Hiếu, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thúc Trần]	**$3,000.00**
Anh Lý Tùng Phương (Tịnh Phước) (Germany)	**€800.00**
Cô Lý Hồng Liên & Lê Xuân Tảo	**$100.00**
Gđ. Anh Nông Văn Khải & Tường Vân	**$500.00**
Gđ. Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội	**$1,500.00**
Nhóm bạn Cô Lý Thủy Tiên trong tiệm Angles Nail (Maryland)	**$370.00**
Gđ. Cô Nguyễn Thị Thu Hằng & Chồng Võ Nguyễn Ngọc Bảo Jimmy	

& Con Võ Nguyễn Gia Bảo Jason **$500.00**

[Xin hồi hướng Mẹ Nguyễn Thị Hạnh (Diệu Đức) và Cầu An Ba Nguyễn Văn Xinh (Thiện Nhân)].

Gđ. Nguyễn Ngọc Kim Thư & Lê Quang San **$100.00**

[Xin hồi hướng Cha Nguyễn Ngọc Thăng (Minh Quang) và Cầu An Mẹ Nguyễn Thị Bạch)].

Gđ. Cô Thu Hồng Lương (Hoa Huệ) (South Carolina) **$4,185.00**

Bà Nguyễn Thị Tám (Huệ Tâm) **$200.00**

Trần Quý (Diệu Tâm) **$200.00**

Bà Trương Thị Sự (Thanh Ngọc) **$200.00**

Hà Thị Song Hương (Diệu Lan) **$100.00**

Nguyễn Thị Thu Thảo (Diệu Hiếu) **$50.00**

Nguyễn Thanh Tâm (Trí Tâm) **$40.00**

Cô Mai Nguyễn (Tâm Hiền) **$150.00**

Cô Laura Nguyễn **$2,000.00**

[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Duật (Nguyên Đa), Mẹ Trần Thị Cam (Nguyên Lành), Bà Nội Nguyễn Thị Chải (Quảng Hồng), Em Nguyễn Kim Doanh (Phúc Kính)].

Gđ. Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Anh Nguyễn Đức **$1,400.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Văn Thức, Ba Nguyễn Văn Hưng, Mẹ Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thiện Nhựt, Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Thiện Hoàng, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Hưng Gia].

Nguyễn Văn Charles **$100.00**

Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác)
Trương Thiên Phú & Trương Thiên Kim **$3,500.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Mẹ Phạm Bá Giáp, Nguyễn Thị Hớn, Nguyễn Thị Rớt, Trương Ấn, Trần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên, Anh Phạm Bá Bộ].

Cô Kim Phạm (Tịnh Tâm) **$1,000.00**

Gđ. Andy Từ, Linh Châu & Kendy Từ **$300.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) & Huỳnh Lan (Diệu Tuyết) **$600.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Dậu, Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Bà Đinh Thị Kiếm, Dương Thị Hên, Trần Thị Hai và Cha Huỳnh Ngọc Đảnh].

Gđ. Huỳnh Thị Diễm Trang & Lê Quốc Bảo **$200.00**

Gđ. Huỳnh Thị Ngọc Bích & Lai Ngọc Cường **$200.00**

Gđ. Tony Huỳnh Ngọc Anh & Nguyễn Thị Yến **$200.00**

Gđ. Nguyễn Thị Minh Hạnh **$500.00**

Gđ. Nguyễn Quang Dũng & Từ Thị Trần **$500.00**

Gđ. Peter Trần & Trần Kim Thanh **$200.00**

Gđ. Chú Trần Tiêu (Thiện Trí) **$300.00**

Gđ. Đào Thị Diễm Tuyết (Nhị Tường) & Tạ Quang Sơn **$300.00**

[Xin hồi hướng Mẹ Ngô Thị Kim Xuân, và Cầu An cho Chồng Tạ Quang Sơn].

Vân Hồng Diệu Tường **$50.00**

Cát Tường **$50.00**
Thanh Trúc **$50.00**
Mỹ Hạnh **$100.00**
Nguyên Giang **$25.00**
Silavati Nhi & Nun Sona **$25.00**
Châu Nguyễn **$25.00**
Diệu An **$25.00**
Bác Diệu Huy **$50.00**
Gđ. Mai Thanh Hiền (Từ Phong) & Mai Thanh Hoàng **$111.00**
Gđ. Anh Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền **$4,050.00**
[Xin hồi hướng Bà Ngô Thị Kim Xuân, Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại Hai Bên, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh].
Gđ. Cô Cannie Thạch & Thạch Hoàn Vũ **$560.00**
[Xin hồi hướng cho Thạch Sáu, Thạch Thị Sáu, Thạch Thị Còn, Thạch Thị Sang, Triệu Vân Minh, Thạch Thị Huông].
Bác Hoàng Thịnh (Lam Phương) **$100.00**
Gđ. Cô Trần Thị Phương (Tịnh Từ) & Michael Harding **$4,000.00**
(Xin hồi hướng Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh, Mẹ Trần Thị Sum (Diệu Đức).
Gđ. Lawrence Thomas, Sương Thomas & Nguyễn Hồng Đức **$500.00**
Hội Gia Long Alumnae Association **$1,400.00**
[Xin hồi hướng cho Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)].
Gđ. Bích Huệ & Kim Dung (Gia Long) **$200.00**
Giáo Sư Nguyễn Kim Oanh **$100.00**
Nguyễn Thị Chiêu **$100.00**
Gđ. Ngọc Dung Mireau & Ronald Mireau **$300.00**
Chiến **$50.00**
Phương Mai **$45.00**
Như Mỹ **$22.50**
Trần Quốc Sứ **$100.00**
Trần Quốc Hưng **$100.00**
Hồ Thị Cẩm Nhung **$100.00**
Trần Phương Trúc **$100.00**
Phạm Thảo Khánh Mai **$50.00**
Gđ. Hùng Phạm, Thảo Trần, Khánh Phạm & Mai Phạm **$100.00**
Cô Tâm Hạnh (Nguyễn Thị Mai) **$50.00**
Phạm Thảo Bảo Khánh **$50.00**
Gđ. Ánh Điền **$200.00**
Gđ. Trần Thị Thuận (Cát Tường) **$1,000.00**
[Xin cầu an cho con Huỳnh Thị Thuận An].

Cô Tiến Ngọc	**$200.00**
Cô Long Châu	**$100.00**
Cô Đông Phương	**$100.00**
Dì Bảy Tồn	**$100.00**
Nguyễn Bảo Lộc	**$100.00**
Gđ. Bạn Hữu Cô Trần Thị Phương	**$1,960.00**
(Xin hồi hướng Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)	
Gđ. Lý Kim Hà	**$100.00**
Bùi T. Dung	**$100.00**
Anh Đỗ	**$100.00**
Gđ. Phương Hà & Luân Đỗ	**$200.00**
Gđ. Mai Queen	**$200.00**
Anh Nhân Trần	**$100.00**
Đoàn Bạch Phượng	**$67.50**
Đoàn Bích Hằng	**$45.00**
Diệu Tịnh	**$100.00**
Lê Linh	**$45.00**
Thu Dung	**$45.00**
Phương Mai	**$45.00**
Như Mỹ	**$22.50**
Trước Ngô	**$30.00**
Tuyết Nguyễn	**$50.00**
Tâm Nguyễn	**$50.00**
Tiana Ngô	**$127.50**
Đinh Thị Như Nguyện (Minh Tâm)	**$700.00**
Gđ. Nhiêu và Vũ	**$600.00**
Gđ. Lê Ngô Thủy Mai (Chân Hạnh)	**$300.00**
[Xin hồi hướng cho Bà Diệp Xảo Hiền, Mẹ Diệp Lệ Quân (Hoa Quý), Cậu Ngô Đoan Hùng (Minh Trung) và Cầu An cho Ba Lê Ngô Đoan Tâm, và các Em Lê Ngô Kim Thanh, Lê Ngô Thành Đông (Khánh Lễ), Ông Trần Hen và Dì Diệp Huệ Kim].	
Gđ. Phạm Hữu Phát (Tấn) (Tâm An)	**$400.00**
Cô Phạm Thị Kim Huệ (Tâm Huệ)	**$50.00**
Phúc Minh, Chơn Hạnh, Thanh Chơn	**$350.00**
[Xin hồi hướng cho Phạm Hoàng Ngọc, Trần Thị Liên và Cầu An cho Trần Lạc].	

Icchitaṃ patthitaṃ tesaṃ **Khippameva samijjhaṇtu**
Sabbe pūrentu saṅkappā **Chando paṇṇaraso yathā**

May whatever you wish or quickly come to be, may all your aspirations be fulfilled as the moon on the fifteenth (full moon) day.

Cầu xin các Quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người; cũng như trăng trong ngày Rằm vậy.

Sādhu ! Sādhu ! Sādhu !
Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

****

Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
- ❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
- ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
- ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
- ❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
- ❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
- ❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)

5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KAṬHINA (100 QUYỂN)
22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN "NĂM PHÚT" (100 QUYỂN)
25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỔ PHẨM (100 QUYỂN).
27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)
29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
- ❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN) & TÁI BẢN (100 QUYỂN- LẦN II)
- ❖ PHÁT THÚ- Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)

32) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUṆDALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ – CHÁNH TẠNG(Quyển Thứ 85/91)(100QUYỂN)
34) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
35) ĐẠO HÀNH THỰC TIỄN LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)
36) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ - CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 86-87/91)(100 QUYỂN)

37) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP II – QUYỂN V (100 QUYỂN)
38) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP III – CHƯƠNG VI, VII, VIII (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMĀDHIKAMMAṬṬHANA & VIPASSANĀKAMMAṬṬHANA (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)(THÁI NGỮ - ANH NGỮ)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- ❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**

1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)

- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
- ❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
- ❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)

****